

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP
VĂN HỌC
VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

32



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM
TẬP 32

**HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM**

Trọn bộ 42 tập

Chủ tịch

ĐINH GIA KHÁNH

Phó chủ tịch

NGUYỄN ĐỨC ĐIỀU - VŨ TÚ NAM

Ủy viên

N TÀI CẢN - NGUYỄN VĂN HOÀN

Thư ký

NGUYỄN CỪ

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM



*Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung*

I333.11

5/320V

TẬP 32

Chủ biên: NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

Sưu tầm, biên soạn:

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

HOÀNG DUNG - TRẦN HỮU TÁ

越南文学总集 第32册
主编: 阮登益
编委: 阮登益, 黄蓉, 陈文廷
时间: 社会科学出版社 2000

广西民族大学图书馆



98415669

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

và gắn liền với nó, việc thâm nhập các kho tư liệu liên quan đến xu hướng văn học ấy, cũng có cả một quá trình từ nông đến sâu, từ hẹp đến rộng.

Nhớ lại khoảng trước, sau năm 1960, một số nhà nghiên cứu văn học, trong đó có những người viết sách giáo khoa, khi đề cập đến văn học hiện thực Việt Nam thời kỳ 1930-1945 đã cho rằng, từ 1939-1940 trở đi, xu hướng này bước vào tình trạng “suy tàn” hay “tàn lụi” như một quy luật tất yếu. Nói cho đúng, lúc bấy giờ không phải ai cũng nhận định một cách đơn giản và dứt khoát như vậy. Có người còn tìm thấy một vài yếu tố tích cực và tiến bộ của xu hướng văn học này trên chặng đường cuối cùng của nó. Nhưng dù thế, nhìn nhận một cách tổng hợp, nhiều người vẫn cho rằng, thời kỳ từ 1939, 1940 đến 1945 là thời kỳ tiêu điều, suy thoái, thời kỳ bế tắc của văn học hiện thực phê phán Việt Nam.

Chúng tôi cho rằng nhận định như thế không phù hợp với sự thật lịch sử trên đường hướng cơ bản của nó. Tình hình thực tế của xu hướng văn học hiện thực nước ta từ 1940 đến 1945 không đến nỗi quá “bi quan” như vậy.

Nhưng, vì sao có những nhận định như trên? Chắc hẳn có nhiều nguyên nhân. Chẳng hạn, có thể do ảnh hưởng của những kết luận nào đấy về quy luật diễn biến của các trào lưu văn học hiện thực phương Tây, đặc biệt là ở Pháp, vào nửa sau thế kỷ XIX. Từ đó nảy sinh một quan niệm, tuy không ai phát biểu thật rành mạch, nhưng cứ ám ảnh một số người viết văn học sử cận đại, hiện đại nước ta: văn học hiện thực phê phán tất phải có một thời kỳ bế tắc, tàn lụi, nhất là khi trong xã hội, những lực lượng phản động thắng thế – “cái bóng khổng lồ của gã tư sản đã che phủ cả thế giới” như Flôbe, nhà văn mở đầu cho thời kỳ “suy tàn” của xu hướng văn học hiện thực phê phán Pháp, đã nói.¹

Cũng có thể do nhận thức có phần hẹp hòi chẳng về khái niệm chủ nghĩa hiện thực? Phân tích và đánh giá tác phẩm văn học theo tiêu chuẩn hiện thực chủ nghĩa, một số người chỉ chú ý đến đề tài và nội dung xã hội trực tiếp của nó mà thôi. Từ quan niệm ấy, người ta xem *Sống mòn* của Nam Cao như là bằng chứng tiêu biểu cho sự “suy tàn” của chủ nghĩa hiện thực phê phán ở nước ta. Thật ra, một tác phẩm hiện thực chủ nghĩa có giá trị đến mức nào còn tùy thuộc vào tư tưởng của nó và những vấn đề có ý nghĩa xã hội mà nó đặt ra. Đúng là nội dung xã hội trực tiếp của *Sống mòn* không phải là những

1. Hồi này, ý kiến của Mòkulxki và Pômôgaêva trong cuốn *Văn học Pháp* (văn tuyển), rất có ảnh hưởng: Từ thời kỳ Đế nhị đế chế trở đi “trong những điều kiện lịch sử mới, chủ nghĩa hiện thực cũng có chuyển biến từ hình thái đến tính chất. Sự suy đồi bắt đầu. Người đại biểu điển hình cho thời kỳ này là G.Flôbe. Ông vẫn là một nhà văn hiện thực chủ nghĩa lớn, nhưng tác phẩm của ông đã tố cáo những nét của sự suy thoái. Quá trình này sẽ trầm trọng hơn và dẫn tới, vào cuối thế kỷ XIX, sự suy đồi hoàn toàn của chủ nghĩa hiện thực phê phán” (Editions Pédagogiques scolaires d’Etat, Matxcova, 1956, tr.233).

quan hệ xã hội cơ bản, những mâu thuẫn nông dân – địa chủ, những tội ác của cường hào, quan lại như trong *Giông tố*, *Vỡ đê* của Vũ Trọng Phụng. *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan hay *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố. Nhưng những vấn đề xã hội mà nó đặt ra thì không những sâu sắc, rộng lớn hơn, mà còn mới mẻ, táo bạo nữa, như muốn vượt ra ngoài tầm suy nghĩ của mấy cây bút đàn anh: “Chừng nào còn phải giết của người từng miếng ăn thì mới có ăn, chừng nào một số người còn phải giẫm lên đầu những người kia để nô lên, thì loài người còn phải xấu xa, bi ối, tàn nhẫn và ích kỷ. Chất độc ở ngay trong sự sống”; “Nhân loại đang sống một lối sống tối ư vô lý”; “Phải có những phương sách để xoay ngược lại”...

Một số cây bút văn học sử khác lại buộc chặt khái niệm hiện thực chủ nghĩa vào một bút pháp gọi là “tả chân” hay “tả thực”. Họ không dễ dàng chấp nhận là hiện thực những truyện ngắn có màu sắc trữ tình của Thạch Lam, Thanh Tịnh... dù rằng đó là những tác phẩm chứa đựng những rung cảm sâu sắc đối với quê hương, đất nước và phản ánh được một cách chân thật những quan hệ xã hội nhất định và số phận của những người nghèo khổ. Trong khi đó, họ lại tỏ ra khá rộng rãi ngay cả đối với những tập phóng sự tự nhiên chủ nghĩa đến thô鄙 của Trọng Lang chẳng hạn. Ở đây, vấn đề đặt ra là phải phân biệt chủ nghĩa trữ tình hiện thực chủ nghĩa với chủ nghĩa trữ tình lãng mạn chủ nghĩa, cũng như phải phân biệt bút pháp tả chân hiện thực chủ nghĩa với bút pháp tả chân tự nhiên chủ nghĩa.

Chúng ta có thể nghĩ đến một nguyên nhân khác: một số người viết văn học sử chưa đặt xu hướng văn học hiện thực phê phán trong mối quan hệ mật thiết của nó với những truyền thống tinh thần, truyền thống văn hóa, văn học tốt đẹp của dân tộc ta mà sức sống đã được thử thách qua bốn nghìn năm lịch sử. Đúng là những nhà văn hiện thực phê phán nước ta, xuất thân từ tầng lớp trí thức tiểu tư sản, được đào tạo từ trường học của chế độ thực dân và trong môi trường văn hóa của một nước thuộc địa, nên số không ít là những con người phức tạp, có nhiều mặt tiêu cực về tư tưởng và tâm lý. Lập trường bấp bênh, dao động, tâm lý cá nhân ích kỷ và tự do vô chính phủ, quan niệm nhân đạo chung chung mơ hồ, tư tưởng duy tâm siêu hình, v.v., là những căn bệnh nặng nề khiến họ dễ mắc vào những cạm bẫy xảo quyệt của chính sách văn hóa, tư tưởng của giai cấp thống trị, nhất là trong thời kỳ Pháp – Nhật đen tối, hỗn loạn từ 1940-1945. Nhưng, nói chung, họ là những trí thức yêu nước và có lương tri. Trong tâm hồn họ, dù ít dù nhiều, vẫn ấp ủ những truyền thống văn hóa đẹp đẽ của dân tộc. Chính những truyền thống ấy đã đánh thức và bồi dưỡng năng khiếu của họ từ nhỏ và đã cấp cho họ những vốn liếng tinh thần quý báu để bước vào con đường văn học lành mạnh. Hậu quả của những cuộc khủng hoảng kinh tế tư bản chủ nghĩa từ 1929 trở đi và của chiến tranh đế quốc với nạn thất nghiệp trầm trọng, sự bạc đãi của chế độ thực dân đối với trí thức, sự xúc phạm thô鄙 của xã hội đồng tiền đối với nghề viết văn, làm báo, và tình cảnh ngày càng cùng quẫn

về kinh tế, rút ngắn dần khoảng cách giữa thân phận văn nghệ sĩ tiểu tư sản và đời sống nghèo đói của nhân dân lao động, đó là những lý do khiến họ dễ được cuốn hút vào cái nguồn mạch vĩ đại – có thể là những chi lưu, phụ lưu – của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo, của tinh thần dân chủ và xã hội chủ nghĩa của dân tộc ta, càng được phát huy cao độ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong mối quan hệ ấy, xu hướng văn học hiện thực không dễ gì “tàn lụi” được, cho dù có bị “bóp nghẹt” đến thế nào từ 1940 đến 1945. Tìm hiểu văn học thời kỳ 1930-1945 trong mối quan hệ với những truyền thống ấy của dân tộc, có thể giải thích được một cách sáng tỏ nhiều vấn đề về quy luật phát triển của nó. Chẳng hạn, có thể thấy sự bế tắc và tàn lụi nhanh chóng của những xu hướng thoát ly tiêu cực, những trường phái duy mỹ, nghệ thuật vị nghệ thuật, hay tượng trưng, siêu thực, v.v... là tất yếu. Bởi vì, đối với truyền thống nhân đạo, dân chủ, truyền thống chiến đấu lâu đời – “*Dâm máu thẳng gian bút chẳng tà*” (Nguyễn Đình Chiểu) – của nền văn hóa, văn học dân tộc mình, thì đó rõ ràng là những hiện tượng đi lạc ra ngoài hệ thống, không có gốc rễ sâu xa, bền vững, ngoài cái hơi sức ốm yếu của giai cấp tư sản Việt Nam sinh sau đẻ muộn. Chúng ta không phủ nhận vai trò của các xu hướng văn học ấy, nhất là trong việc giải quyết yêu cầu cách tân theo hướng hiện đại hóa của nền văn học nước ta vào những năm 30. Nhưng, nếu chúng có được những đóng góp nào có ý nghĩa tích cực thật sự, thì, xét đến cùng, cũng là do chúng, trong những thời điểm nào đấy, chưa hoàn toàn tách mình ra khỏi những cái mà Xuân Diệu gọi là “văn mạch dân tộc”. Chủ nghĩa hiện thực phê phán cũng nằm trong phạm trù ý thức hệ tư sản, nhưng đã nhập được vào hệ thống chung của truyền thống văn hóa lâu đời của dân tộc. Đến một lúc nào đấy, dĩ nhiên nó cũng sẽ chấm dứt vai trò của mình, khi chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa đã chiếm được địa vị chính thống và trở thành phổ biến trong nền văn học Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám. Nhưng đó lại thuộc phạm trù khác, quy luật khác.

Một nguyên nhân nữa, tuy đơn giản nhưng thật là hiển nhiên: chúng ta chưa khai thác một cách đầy đủ vào những kho tư liệu hiện nay còn khá bề bộn về dòng văn xuôi hiện thực ở nước ta bắt đầu hình thành và phát triển mạnh mẽ từ khoảng sau cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất.

Gắn liền với truyền thống nhân đạo, dân chủ, với tinh thần thiết thực của một dân tộc luôn luôn phải vật lộn với thiên tai ác liệt, với nhiều bọn xâm lược hung bạo trong bốn mươi thế kỷ, văn học Việt Nam cũng có một truyền thống hiện thực chủ nghĩa khá lâu đời. Sự kéo dài của chế độ phong kiến với những điều kiện sinh hoạt văn hóa lạc hậu và trì trệ của nó, tình trạng thiếu chữ viết thuận tiện và do đó thiếu một nền văn xuôi thuần thực cho mãi đến đầu thế kỷ XX, đã khiến cho truyền thống kia không thể phát triển được một cách bình thường.

Chủ nghĩa hiện thực, với những đặc trưng của nó, chỉ có thể phát huy được trọn vẹn trong văn xuôi với thể tài tự sự, đặc biệt là tiểu thuyết. Điều

kiện ấy bắt đầu hình thành vào khoảng những năm 20 của thế kỷ này. Từ đó, xu hướng văn học hiện thực có khả năng phát triển liên tục hơn với một nhịp độ khẩn trương hơn. Đà phát triển ấy không phải lúc nào cũng mạnh mẽ như nhau, nhưng nhìn chung là theo hướng đi lên để càng ngày càng đạt được nhiều thành tựu phong phú, sâu sắc và hoàn thiện hơn.

Nhưng những thành tựu đó, cho đến nay, vẫn chưa được tập hợp thật đầy đủ và nghiên cứu thật nghiêm túc.

Chính vì lẽ đó mà khi nói đến xu hướng văn học hiện thực trước 1930, nhiều nhà nghiên cứu chỉ ghi nhận một ít mầm mống ban đầu với một vài truyện ngắn của Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, một vài vở kịch của Vũ Đình Long, Vi Huyền Đắc, một số tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, chứ chưa chú ý đến cả một phong trào tiểu thuyết hướng về hiện thực, đặc biệt là ở Nam Bộ, để đáp ứng nhu cầu của một lớp công chúng mới, tức là những tầng lớp tư sản, tiểu tư sản, thợ thuyền, dân nghèo thành thị hình thành và phát triển khá sớm ở miền Lục tỉnh cùng với sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản Pháp.

Chính vì lẽ đó mà khi nói đến văn học hiện thực thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936-1939), nhiều người chỉ kể đến một số tên tuổi nổi bật như Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Hồng, Ngô Tất Tố, chứ chưa chú ý đến hàng chục cây bút khác, do sự lôi cuốn của phong trào, đã đi qua dòng hiện thực, để lại một vài truyện ngắn hay tiểu thuyết xã hội, một ít tiểu phẩm, đoạn văn, hay phóng sự ngắn, v.v., đăng rải rác trên các báo chí xuất bản rầm rộ lúc bấy giờ khắp trong Nam, ngoài Bắc.

Chính vì lẽ đó mà khi nói đến tình hình văn học hiện thực phê phán từ khoảng 1939, 1940, đến 1945, không mấy người lưu ý đầy đủ đến sự xuất hiện của cả một lớp nhà văn mới, đông đảo, tài năng, tiến bộ, đã thay thế và tiếp sức một cách xứng đáng cho lớp đàn anh, để đảm bảo cho dòng văn học hiện thực vẫn tồn tại và phát triển.

Kể ra, không chú ý đúng mức, hay nói đúng hơn, không nghiên cứu nghiêm túc lớp nhà văn mới này thì cái nhìn bi quan về trào lưu văn học hiện thực phê phán từ 1939-1940 trở đi khó lòng tránh khỏi được. Bởi vì hầu hết những cây bút nổi trội nhất của thời kỳ 1930-1939 đến lúc này đều vì những lý do này khác, không tiếp tục sáng tác được như trước nữa. Vũ Trọng Phụng mất đúng vào năm 1939. Nhưng những ngày cuối đời cũng không còn cái hăm hở, xông xáo như hồi viết *Giông tố*, *Số đỏ*, *Vỡ đê* (1936) nữa. Niềm phần uất đối với xã hội thực dân tư sản không phải đã hoàn toàn nguội lạnh, nhưng một tinh thần hư vô chủ nghĩa mệt mỏi, chán chường (nihilisme fatigué) đã trở thành chủ đề chính của những tác phẩm của nhà văn: *"Tội gì mà chẳng nghiệm khi ta ở giữa một xã hội khó thở, mà bao nhiêu kẻ có học thức, có tâm huyết, ngoài cái sự hy sinh làm mồi cho máy chém thì thôi, cũng đến khoanh tay chịu vậy, chẳng làm được trò gì"* (Đời là một cuộc chiến đấu – Tao đàn tạp chí, số 4, 1939); *"Đời (...) chỉ có toàn những sự vô nghĩa lý, những điều ngang*

tai chướng mắt, nhưng mà rồi ta cứ phải mù ni che tai mà ngơ đi, mới được tiếng là người hiểu biết, chứ nếu day tay mắt miệng hoặc có dám ăn xôi té ra là đồ tiểu nhân ngu si, không biết gì” (Tết cụ Cố, Di cảo – Tiểu thuyết thứ bảy, số 247, 1939). Ngô Tất Tố thì sau *Việc làng* (1940) không thấy viết tiểu thuyết, phóng sự hay tiểu phẩm, bút chiến nữa, mà chuyển sang khảo cứu, dịch thuật. Những *Lão Tử, Mặc Tử* (1942) v.v. của ông tuy vẫn chứa đựng những yếu tố tư tưởng tiến bộ, nhưng dù sao cũng bao hàm một thái độ không muốn tham gia trực tiếp vào thời cuộc. Những vần thơ trữ tình dưới đây thật xa lạ biết bao đối với một nhà văn, nhà báo mới ngày nào còn sôi nổi một tinh thần chiến đấu dũng cảm, hưởng ứng những khẩu hiệu của Mặt trận Dân chủ Đông Dương:

*Đêm lạnh thấp hương chờ bạn cũ,
Ngày rồi khép cửa đọc văn xưa.
Mãi ham trong cửa vun hoa cảnh,
Quên hẳn ngoài đường vẫn gió mưa...*

Còn Nguyễn Công Hoan thì sau một thời gian bị “treo giò” – (nói theo cách nói của nhà văn) vì bị “tình nghi là cộng sản”, lại tiếp tục sáng tác, nhưng không còn đi theo con đường của tác giả *Bước đường cùng* mấy năm về trước nữa. Đến khi *Thanh đạm* (1942) bị dư luận phê bình, ông đâm ra chán ngán, tự cảm thấy ở trong tâm trạng của “một người viết tiểu thuyết xã hội sắp đến ngày cáo chung”.¹

Nhưng số phận của chủ nghĩa hiện thực đâu chỉ bị quyết định bởi những tên tuổi ấy. Đúng vào khoảng 1939-1940, trong đời sống văn học nước ta, thấy xuất hiện một lớp nhà văn hiện thực khá đông đảo. Những cây bút này hầu hết đều rất trẻ, dường như ra đời cùng một lứa. Có người sáng tác sớm hơn và thành công sớm hơn như Nguyên Hồng. Nhưng phần đông được dư luận bắt đầu chú ý từ 1939-1940 trở đi. Lúc bấy giờ họ mới vừa đến độ tuổi trên dưới 20.

Vì sao họ đến với chủ nghĩa hiện thực?

Đi tìm một vài lý do tổng quát nào đấy nhằm giải thích được mọi trường hợp, chắc là dễ mắc phải lối gò ép, khiến căng đối với sự thật phong phú, sinh động.

Tuy nhiên, có thể nêu lên mấy nguyên nhân chính giúp ta hiểu được sự ra đời của những cây bút tiêu biểu.

Người ta thường nói đến hoàn cảnh xã hội – lịch sử từ 1939 đến 1945 không thuận lợi cho sự phát triển của chủ nghĩa hiện thực: bầu không khí tương đối dễ thở của thời kỳ Mặt trận Dân chủ không còn nữa. Thực dân Pháp và phát xít Nhật ra sức đàn áp cách mạng và các xu hướng văn học tiến bộ. Chế độ kiểm duyệt sách báo được lập lại và tỏ ra khắc nghiệt hơn bao giờ

1. *Đời viết văn của tôi*. Hồi ký của Nguyễn Công Hoan. NXB Văn học, Hà Nội, 1971, tr.226.

hết. Đó là sự thật. Nhưng cần thấy một sự thật khác: đây không phải là thời kỳ thoái trào cách mạng như sau phong trào 1930-1931. Trái lại thế, cuộc chiến đấu của những người cộng sản tuy có khó khăn hơn, nhưng phong trào giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Hồ Chủ tịch, càng phát triển mạnh mẽ và tiến dần tới cao trào Tổng khởi nghĩa dưới lá cờ rực rỡ của Mặt trận Việt Minh. Chế độ thuộc địa khủng hoảng dữ dội, đấu tranh giai cấp hết sức quyết liệt đã phân hóa mạnh mẽ đội ngũ văn nghệ sĩ tư sản, tiểu tư sản. Một số khiếm nhược, cảm thấy hoàn toàn bế tắc, nhắm mắt lao vào các xu hướng văn học thần bí, siêu hình, hoặc đồi trụy, vô luân. Một số khác, vứt bỏ lương tâm, chạy theo bọn đầu cơ chính trị, tham gia vào những tổ chức phản động như mấy cây bút "*Ngày nay*", "*Hàn Thuyên*", v.v. Nhưng một số không ít, thức tỉnh từ thời kỳ Mặt trận Dân chủ, vẫn tiếp tục được nuôi dưỡng bởi những tư tưởng tiến bộ của nó. Họ tìm cách liên hệ với Cách mạng, và cuối cùng những phần tử tiên tiến nhất được tập hợp vào các nhóm Văn hóa cứu quốc xung quanh bản *Đề cương văn hóa* của Đảng năm 1943. Họ là hạt nhân có ý thức nhất của xu hướng văn học hiện thực thời kỳ này.

Có những nhà văn đi tới chủ nghĩa hiện thực do một lối khác: cuộc sống không cho phép họ mơ mộng thoát ly và môi trường sinh hoạt thân thuộc hàng ngày không cung cấp cho họ một vốn sống nào khác ngoài tình cảnh của những người nghèo khổ. Chúng ta biết rằng tầng lớp tiểu tư sản trí thức, dù là nghèo đi nữa, vẫn dễ lãng mạn, bay bổng. Dưới một mái nhà tranh ở thôn quê hay trong một gian gác xép tồi tàn ở thành thị, họ vẫn có thể thấy mình là một trang phong lưu công tử hay một hiệp sĩ anh hùng làm chết mệ những tiểu thư đài các. Nhưng, cuộc sống áo cơm của họ từ khoảng 1939, 1940 trở đi quả là càng ngày càng quần bách hơn. Chiến tranh đế quốc tàn khốc, bom Mỹ gieo đổ nát và chết chóc xuống Hải Phòng, Hà Nội, Nam Định. Nạn thất nghiệp nặng nề. Hàng loạt báo chí bị đình bản. Nhiều nhà xuất bản phải đóng cửa vì giấy khan hiếm, sách ế ẩm. Thóc gạo mỗi ngày một giá. Nạn đói lan tràn, dần dần vây lấy họ, ló đầu vào nhà họ. Bão táp của cuộc đời đã rung chuyển cả đến những "tháp ngà" yên tĩnh nhất, dĩ nhiên cũng thúc bách, lay tỉnh họ một cách dữ dội và buộc họ phải nhìn sát vào thực tế. Rất có thể, vì đồng tiền họ vẫn nhắm mắt để bôi bác nên những loại tiểu thuyết lãng mạn rẻ tiền hay dâm ô nhắm nhí. Nhưng, nếu họ còn giữ được lương tâm trong sạch và muốn tạo nên những tác phẩm nghệ thuật có giá trị thật sự dựa vào những cảm nghĩ chân thật và những hiểu biết chắc chắn của mình về cuộc sống, thì họ chỉ có thể đi vào con đường hiện thực chủ nghĩa mà thôi. Truyện ngắn *Trăng sáng* của Nam Cao chính là phản ánh sự thật đó chứ sao!

Không thể không nói đến một nguyên nhân quan trọng khác: tác động của những quy luật của bản thân văn học. Trước hết cần nói đến quy luật kế thừa và phát triển trong nội bộ trào lưu văn học hiện thực chủ nghĩa Việt Nam – đặc biệt là dòng văn xuôi hiện thực hình thành và phát triển từ những năm 20 của thế kỷ này. Trải qua thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936-

1939), trào lưu này đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu nhờ những thành công xuất sắc của Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Tam Lang, Nguyên Hồng v.v... Như thế là, trước mắt những Nam Cao, Tô Hoài, Bùi Hiển, Thanh Tịnh, Tam Kính, Mạnh Phú Tư, Nguyễn Đình Lạp, Kim Lân, v.v..., con đường nghệ thuật đã vạch sẵn những mẫu mực sinh động để noi theo. Cần đánh giá cao ảnh hưởng của những nhà văn hiện thực chủ nghĩa lớn trên thế giới được giới thiệu sang ta ngày càng nhiều qua tiếng Pháp hoặc bản dịch tiếng Việt như Bandắc, Flôbe, Dôla, Mốpátxăng, Đôđê, Đíchkenx, Tônxtôi, Đôxtôiépki, Sêkhốp, Goócki, Lỗ Tấn, v.v... Nhưng, đối với những cây bút Việt Nam mới bước vào nghề thì kinh nghiệm của những nhà văn “bản xứ” vẫn có sức thuyết phục và cổ vũ riêng. Bởi vì, với những kinh nghiệm ấy, họ tin tưởng chắc chắn rằng, với đề tài Việt Nam, phong cảnh Việt Nam, con người Việt Nam, ngôn ngữ Việt Nam, những tài năng Việt Nam hoàn toàn có đủ sức sáng tạo ra được những tác phẩm hiện thực chủ nghĩa có giá trị thật sự. Trên cơ sở của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, khi công khai, khi bí mật, nhưng vẫn tiếp tục phát triển đi lên, những tác phẩm kia đã tạo ra được cả một xu hướng thẩm mỹ chắc chắn và ngày càng có sức lôi cuốn mạnh mẽ đối với những cây bút trẻ.

Tuy nhiên, không nên chỉ nhìn vấn đề thu hẹp ở bản thân xu hướng văn học hiện thực chủ nghĩa. Về sự hình thành và phát triển của nhiều trào lưu văn học hiện thực lớn trên thế giới, các nhà nghiên cứu vẫn thừa nhận ảnh hưởng to lớn của những thành tựu của chủ nghĩa lãng mạn. Trong đời sống văn học nước ta từ 1930 đến 1945, điều đó lại càng không thể phủ nhận được. Cho nên, khi nói đến sự ra đời của một Nguyên Hồng, Nam Cao, một Tô Hoài, Bùi Hiển, một Thanh Tịnh hay Mạnh Phú Tư, v.v..., không nên chỉ nghĩ đến ảnh hưởng của những tác phẩm của Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, v.v..., mà còn phải nghĩ đến tác động của những truyện ngắn, truyện dài của Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Trần Tiêu, Xuân Diệu, Nguyễn Tuân, v.v... với những trang tả cảnh, tả tình, phân tích tâm lý, cảm giác một cách tinh tế. Trên lập trường của chủ nghĩa hiện thực và tính nhân dân, các nhà văn trẻ của chúng ta đã tận dụng kinh nghiệm nói trên của các cây bút lãng mạn để bồi bổ cho mình khả năng tái hiện cuộc sống một cách phong phú và tinh vi hơn.

*
* *

Khi nói rằng xu hướng văn học hiện thực chủ nghĩa ở nước ta vẫn tồn tại và phát triển, thì vấn đề cần được hiểu với tất cả tính chất phức tạp của nó trong hoàn cảnh lịch sử mới. Khái niệm phát triển dĩ nhiên bao hàm ý nghĩa

của sự vận động tiến lên. Nhưng sự tiến lên ở đây không phải là tuyệt đối, không phải có tính chất toàn diện và đi theo con đường thẳng băng, thanh thoát. Bởi vì, đây là một xu hướng văn học tuy tiến bộ, nhưng cũng mang nhiều tính chất bấp bênh tiểu tư sản, lại phải tồn tại hợp pháp dưới quyền kiểm soát của chế độ thực dân phát xít hóa, đồng thời lại hằng ngày hít thở trong một bầu không khí đầy tà khí.

Chúng ta sẽ khẳng định những đặc sắc và những mặt tiến bộ của xu hướng văn học hiện thực từ 1940 đến 1950, nhưng không phủ nhận những nhược điểm nặng nề của nó.

Trước hết, phạm vi của đề tài bị thu hẹp lại rõ rệt. Không có những bức tranh xã hội rộng lớn với những xung đột giai cấp quyết liệt như *Giông tố*, *Vỡ đê*, *Bước đường cùng*, v.v. của thời Mặt trận Dân chủ. Hồi ấy, bọn cường hào, địa chủ, quan lại, có khi cả bọn thực dân nữa, bị đưa ra vạch mặt chỉ trán một cách công khai bằng hàng loạt điển hình sắc sảo. Thời kỳ này không phải không có những nhân vật phản diện như thế, nhưng hiếm hơn, và ngoài lão Bá Kiến của Nam Cao và một tên chủ điền nào đó trong *Đồng quê* của Phi Vân, thì chúng thường chỉ là mấy cái bóng thấp thoáng đi qua tác phẩm.

Thời kỳ này cũng có nhiều cây bút viết về nông thôn. Là những nhà văn học hiện thực, dĩ nhiên họ không thi vị hóa cuộc sống dân quê sau lũy tre xanh. Dưới ngòi bút của họ, nông thôn Việt Nam thật tiêu điều, ảm đạm, và người nông dân sống một cuộc sống vô cùng vất vả, lam lũ, đói khát. Tuy nhiên, họ nhìn nhận sự thật ấy nhiều khi nghiêng về phía phong tục, tập quán, hơn là trên bình diện xã hội (*Quê người*, *Ông cúm bà Co*, *Vợ chồng trẻ con* của Tô Hoài; *Năm vợ*, *Ma đầu* của Bùi Hiển; *Sấm mã*, *Thuốc tiên* của Tam Kính; *Đuối tà*, *Cô Vịa* của Kim Lân; v.v...).

Nhìn chung, nhà văn thời kỳ này thường đi vào những quan hệ hẹp trong gia đình hơn là những quan hệ xã hội rộng lớn. Nhiều tác phẩm xoáy sâu vào những mâu thuẫn có tính chất bi kịch nặng nề, nhưng thường xoay quanh những xung đột giữa vợ và chồng, anh và em, giữa mẹ chồng nàng dâu, vợ cả và vợ lẽ, v.v..., rộng hơn một chút là những xung đột trong họ hàng, làng xóm (*Làm lẽ*, *Nhật tình*, *Sống nhờ* của Mạnh Phú Tư; *Đứa con* của Đỗ Đức Thu; *Đứa con người vợ lẽ*, *Đứa con người cô dâu* của Kim Lân; *Một chuỗi cười* của Bùi Huy Phần; *Quán Nải* của Nguyễn Hồng; *Nhãn nhục*, *Cái thư* của Tam Kính; và nhiều truyện ngắn của Nam Cao, Tô Hoài, Bùi Hiển, v.v...). Nhược điểm nói trên không thể không hạn chế tầm khái quát xã hội và khả năng điển hình hóa của nhiều cây bút hiện thực thời kỳ này.

Dưới gọng kìm xiết chặt của chủ nghĩa thực dân phát xít hóa và chế độ kiểm duyệt soi mói, riết róng, văn học hiện thực thời kỳ này dĩ nhiên phải lẩn tránh những đề tài có tính thời sự chính trị nóng hổi, phải bỏ qua những sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại. Nhiều tác phẩm chỉ đi vào những mâu thuẫn vụn vặt của đời sống hằng ngày, quán quanh, tầm lạng. Có lẽ vì thế

mà thân phận anh tiểu tư sản với tâm trạng buồn chán, u uất vì bị trói chặt vào cuộc sống cơm áo tầm thường vô vị cũng là đề tài khá tiêu biểu của văn học hiện thực thời kỳ này chẳng? (*Sống mòn* và nhiều truyện ngắn của Nam Cao; *Trăng thê* của Tô Hoài; *Hai anh học trò có vợ*, *Ốm*, *Cái đồng hồ* của Bùi Hiển; *Dọn nhà* của Văn Cao; *Chờ lương tết* của Nguyễn Văn Nhân v.v...).

Một nhược điểm không thể không nói đến của văn học hiện thực phê phán thời kỳ 1940-1945 là tinh thần bi quan, bế tắc thể hiện ở không khí của tác phẩm, và nhất là ở tính cách và tâm sự của nhân vật. Đọc một số tác phẩm của Nam Cao, Tô Hoài (kể cả truyện viết về loài vật), Bùi Hiển, Mạnh Phú Tư, Nguyễn Đình Lạp, Thiết Can, Thanh Tịnh, Tam Kính, Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Văn Xuân, v.v... cứ thấy như là sống trong một thế giới không bao giờ có bình minh và mùa xuân. Một bầu trời nặng nề, u ám chụp lên một khung cảnh xơ xác, vắng vẻ, heo hút, trong đó những con người nhỏ nhoi, yếu đuối, cứ âm thầm chịu đựng một cuộc sống không phải là quá cực nhục thì cũng bằng phẳng, nhạt nhẽo, cứ chảy trôi đều đều một nhịp uể oải đến chán ngắt. Thảng hoặc cũng có một vài người biết phấn uất, đứng lên phá phách một cách liều lĩnh như Chí Phèo của Nam Cao, Thăng Xin của Bùi Hiển, Sáu đờn kìm và Tám Ến trong *Đông quê* của Phi Vân, hay một vài nhân vật trong *Ngoại ô*, *Ngõ hẻm* của Nguyễn Đình Lạp chẳng hạn. Nhưng những sự vùng vẫy tuyệt vọng và đơn độc ấy không đủ sức khuấy động lên được cái không khí nặng nề, tù hãm bao trùm lên tác phẩm. Còn số đông hơn là những con người mà dường như đã bị cuộc sống tàn bạo làm cho khiếm nhược. Thiết Can có một cuốn truyện đặt tên là *Cát bụi* (1940). Tác phẩm viết về hai nạn nhân đau khổ của xã hội thành thị ngày trước (một cô gái điếm và một anh tiểu tư sản nghèo) muốn nương tựa vào nhau để nhen nhúm chút hạnh phúc nho nhỏ bằng tình thương và sức lao động của mình mà không thể được. Trong xã hội độc ác, hung bạo xây dựng trên quyền lực của đồng tiền, thân phận của họ chỉ là con sâu, cái kiến. Cuốn truyện mở đầu và kết thúc bằng lời văn ghê sợ của Kinh thánh: "*Cát bụi, mi lại trở về cát bụi*".

Một số tác phẩm khác viết về những con người tầm thường nhỏ bé, mà cuộc sống quần quanh, bế tắc với những thói quen vô lý, ngu xuẩn của nó làm cho u mê dần dần, đến nỗi ngay cả ước mơ vượt ra khỏi tình thế của mình cũng không có. Có những nhân vật thảm hại như một người vợ lẽ trong tiểu thuyết của Mạnh Phú Tư; "... *Thường nàng mơ ước được như con chó xồm của cậu Phán. Vì bữa cơm nào nó cũng được cậu săn sóc trộn cơm với trứng hoặc thịt bò xào cho nó ăn và nó lại còn được cậu tự nhiên vuốt ve yêu dấu, ngay trước mặt mẹ Phán*" (*Làm lẽ*). Có thể tìm thấy một số nhân vật khác, tuy không thảm hại như thế, nhưng cũng rất hèn yếu trong nhiều tác phẩm của Nam Cao, Tô Hoài, Bùi Hiển, Kim Lân, Tam Kính, v.v...

Đó là những bức tranh trung thành với sự thật phải chăng? Đúng là những cây bút hiện thực thời kỳ này đã ghi lại được phần nào những phương diện đen tối, bi thảm của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, khi hai tên đế quốc

Pháp, Nhật giày xéo lên đất nước ta, khi nạn đói khủng khiếp tàn phá làng xóm, quê hương ta, muốn tiêu mòn hết sinh lực của dân tộc ta. Chỗ yếu của văn học hiện thực thời kỳ này là không trực diện phê phán những lực lượng thống trị xã hội, không trực tiếp lên án những thủ đoạn áp bức bóc lột của chúng. Nhưng chỗ mạnh của nó là, qua những cái hàng ngày của đời sống người tiểu tư sản nghèo với những lo toan căng thẳng vì miếng cơm, manh áo, qua số phận thê thảm của những gia đình nông dân hay dân nghèo thành thị mòn mỏi, tan tác vì thất nghiệp, vì đói khát, mà làm ta cảm thấy được cái không khí ngột ngạt, bức bối của cả một xã hội đang quần quai trong những ngày cuối cùng của chế độ thuộc địa tàn bạo.

Nhưng những bức tranh u ám kia đồng thời cũng là hình ảnh tâm hồn của chính những người cầm bút tiểu tư sản không tránh khỏi hoang mang trước thời cuộc lúc bấy giờ. Trước mắt họ, đây là thời kỳ cái ác và kẻ vô đạo làm chúa tể. Mọi giá trị chân chính bị giày đạp trắng trợn. Thời kỳ mở đầu bằng đạo dụ chống tuyên truyền Cộng sản và lệnh tịch thu, phát mại tài sản của Đảng Cộng sản Đông Dương. Thời kỳ mật thám lùng sục, vây ráp suốt ngày đêm, tiếng xiềng sắt loảng xoảng, tiếng đánh người, tra tấn người trắng trợn ngay trên xe ô tô và suốt dọc đường đi. Hàng nghìn người bị bắt. Hàng trăm án tử hình. Người có đôi chút tâm huyết cứ vãn dần vì bị đưa đi trại tập trung, phát vãng, lưu xứ. Trong khi đó, tên Pháp gian bán nước Pêtanh cứ nhai nhải răn dạy đạo đức cho dân thuộc địa. Ảnh và lời Thống chế in trên các mặt báo, phóng lên các màn ảnh, và dán khắp hang cùng ngõ hẻm cùng với khẩu hiệu "Cần lao, Gia đình, Tổ quốc". "Công đức" của Thống chế được viết thành truyện, chiếu thành phim, soạn thành nhạc để phổ biến rộng khắp, nhất là ở các trường học. Toàn quyền Đờcu thì quỳ gối mở cửa Đông Dương cho Nhật vào; lính Thiên hoàng gươm dài quét đất, nghênh ngang đi lại, tha hồ đóng quân, tha hồ chiếm đất, tha hồ vợ vét thóc gạo và in giấy bạc, vừa đánh người, giết người vô tội vạ, vừa huênh hoang tuyên truyền thuyết Đại Đông Á. Đây cũng là thời kỳ phát to của bọn côn đồ, lưu manh, bọn ma cô cỡ lớn, thân Pháp, thân Nhật, bọn trùm chợ đen, bọn chạy hàng xách, bọn đầu cơ vải sợi, thóc gạo, giấy in nhật trình, bọn buôn bán đồ đồng, đồ sắt cho nhà binh Nhật. Có những mụ trùm chợ đen đi tua các phố để định giá cả cho đàn em, xe hòm kính bóng loáng, cấm hai bên hai cờ Nhật, mặt mũi vênh váo, hống hách. Trong khi đó thì tính mạng người dân lương thiện bị khinh rẻ như rơm như rác. Khắp nơi, người rét, người đói, quán bao tải, chiếu rách, run rẩy trên những đôi chân khăng khiu, cặp mắt vàng nhợt, sâu tối, ngơ ngác... Xác chết ùn lại hàng đống, mẹ con co quắp, ruồi nhặng bay vo vo ngay từ sáng sớm. Thêm vào đó là không khí chiến tranh với những đoàn tàu bò, ngựa chiến Nhật Bản, những hồi còi báo động gầm rú, những bóng đèn phòng thủ âm u, những trận bom Mỹ và những đoàn người chạy loạn hốt hoảng, nhốn nháo, v.v...

Trong giới trí thức tư sản, tiểu tư sản, đây là thời kỳ phát triển đủ loại

học thuyết định mệnh chủ nghĩa. Các thứ đạo của Đông, Tây, Kim, Cổ hoặc có từ trước hoặc mới du nhập được thời phát triển rầm rộ, nào Phật, nào Nho, nào Lão Trang, cho đến các thuật bói toán, tướng số, tử đạo của Gia Tô đến “đạo trực giáo linh thiêng” của Bécxông, “đạo siêu nhân” của Nítxơ, “đạo sống” của Gitđơ, v.v... Người ta gọi thơ là thần linh, thi sĩ là con đồng, người ta diễn giảng nghệ thuật bằng những vòng tròn bát quái..., và người ta làm thơ bằng thứ ngôn ngữ khác hẳn với ngôn ngữ của đồng loại. Trên báo chí, sách vở thì nhan nhản những chuyện ma quỷ rùng rợn, còn trong dân gian thì lưu truyền đủ thứ sấm ngôn ghê sợ báo trước ngày tận số của nhân loại...

Tình hình đó không thể không thấm vào tâm hồn những nhà văn hiện thực, đè nặng lên ngòi bút của họ và những số phận nhân vật của họ.

Tuy nhiên, bên cạnh những nhược điểm nói trên, văn học hiện thực thời kỳ này cũng có nhiều đặc sắc mới mẻ không thể phủ nhận được.

Trước hết, nhiều tác phẩm hiện thực thời kỳ này mang màu sắc trữ tình đậm nét. Phải chăng không phản ánh được nhiều về đời sống bên ngoài, đời sống xã hội khách quan, các nhà văn hướng vào bên trong, lấy ngay cái “hiện thực nội tâm” của mình làm chất liệu? Đâu phải chỉ là hoàn toàn ngẫu nhiên sự xuất hiện của hàng loạt tiểu thuyết – tự truyện, tiểu thuyết – hồi ký như *Cuộc sống* của Nguyên Hồng, *Cỏ dại* của Tô Hoài, *Sống mòn* của Nam Cao, *Mực mài nước mắt* của Lan Khai, *Sống nhờ*, *Một thời thiếu niên* của Mạnh Phú Tư, v.v...

Đây là chất trữ tình hiện thực chủ nghĩa, vì qua câu chuyện riêng tư của nhà văn, qua “cửa sổ tâm hồn” của tác giả, người ta có thể nhận thấy số phận chung của những người nghèo khổ trong xã hội và những vấn đề của hiện thực khách quan. Ở đây, điều kiện quyết định không phải chỉ nhờ nắm được một phương thức phản ánh nhất định, mà chủ yếu là do tấm lòng của nhà văn đã vượt qua được giới hạn của cái “tôi” riêng tư nhỏ bé của mình để đến với thế giới bên ngoài, quan tâm tới số phận của nhân dân. Cho nên, đọc *Cuộc sống* của Nguyên Hồng viết về những cảm nghĩ của mình khi bị giam ở căng Bắc Mê, ta lại thấy như được sống với cái náo nhiệt của thành phố Hải Phòng, với nắng vàng phấp phới trong gió biển lồng lộng, với những phố xá đông đúc, và nhất là những xóm lao động đói khát, rách rưới, lam lũ... Đọc *Sống mòn* của Nam Cao cũng thế, đâu phải là một sự rút lui vào lĩnh vực nhỏ bé và khép kín của tâm sự một anh giáo khổ trường tư! Biết bao con người, biết bao thân phận, tuy chỉ nói tạt ngang mà cứ hiện lên mồn một qua dòng suy tưởng của nhân vật Thứ, triền miên đi về giữa một vùng ngoại ô Hà Nội và làng Vũ Đại. *Cỏ dại* của Tô Hoài, *Quê mẹ* của Thanh Tịnh, *Sống nhờ* của Mạnh Phú Tư cũng vậy. Qua những dòng hồi ức đầy xúc động của nhà văn, ta cảm nhận được thấm thía một cái gì như là linh hồn của đất nước trong những phong cảnh thân thuộc, những bờ tre, mái rạ, những dòng sông, bến nước, những câu hò, điệu hát, những gương mặt, những tâm tình..., và đặc biệt ta hiểu rất sâu những người phụ nữ lao động Việt Nam mà cuộc đời nhọc nhằn, cơ khổ,

không bao giờ biết đến hạnh phúc cá nhân, chỉ càng chiếu rọi vàng vạc tấm lòng nhân ái bao la đối với chồng con, đối với làng xóm quê hương mình.

Nhìn lại hồi đầu những năm 30, khi những tập tiểu thuyết lãng mạn của Tự lực văn đoàn có sức lôi cuốn mãnh liệt đối với thanh niên tư sản, tiểu tư sản đang hoang mang bế tắc trong không khí thoái trào cách mạng. Lúc đó, những cây bút nào đấy, chỉ cần hướng về hiện thực, ghi chép lấy một vài hiện tượng nào đó về tình trạng của những người nghèo khổ, ít nhiều có tác dụng kéo độc giả về thực tế đau đớn của đất nước thì cũng là đáng quý. Nhưng đến thời kỳ Mặt trận Dân chủ, vấn đề lại không thể quan niệm như vậy được nữa. Trong không khí một phong trào đấu tranh chính trị sôi nổi, thị hiếu của công chúng đã đổi khác theo chiều hướng tiến bộ, chủ nghĩa hiện thực có điều kiện phát triển mạnh mẽ và ngày càng chiếm ưu thế trong đời sống văn học. Lúc này, không tránh khỏi có nhiều kẻ hoặc hời hợt nông cạn, hoặc cơ hội chủ nghĩa đã chạy theo phong trào sáng tác này như chạy theo một thứ thời thượng. Tình hình đó đòi hỏi phải phân biệt chủ nghĩa hiện thực bằng những tiêu chuẩn chặt chẽ hơn, cao hơn. Chúng tôi nghĩ rằng, từ 1940 đến 1945, phẩm chất không thể thiếu được của một tác phẩm hiện thực chủ nghĩa là phải thấm nhuần một tinh thần yêu nước và một chủ nghĩa nhân đạo chân thật, sâu sắc. Đó là tiêu chuẩn giúp ta phân biệt chủ nghĩa hiện thực chân chính với những loại tiểu thuyết xã hội dung tục của Trương Tửu hay loại tự truyện – tả thực tầm thường kiểu *Thằng Kinh*, *Thằng Phương*... của Nguyễn Đức Quỳnh v.v... trong thời kỳ này.

Nội dung trữ tình đem đến cho văn học hiện thực thời kỳ này một nét riêng: *giàu chất thơ*. Đặc sắc này, trước kia, dường như chỉ dành cho những cây bút văn xuôi lãng mạn chủ nghĩa mà thôi. Không ai nói đến chất thơ trong những tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan... Dĩ nhiên chất thơ của chủ nghĩa hiện thực không giống chất thơ của chủ nghĩa lãng mạn, nhất là chủ nghĩa lãng mạn tiêu cực bắt nguồn từ cái “tôi” cá nhân chủ nghĩa cô độc và hèn yếu trước thế giới. Đây là chất thơ cất lên từ cuộc sống nghèo đói, vất vả, cực nhục của nhân dân lao động, mà nhà văn, không nén nổi xúc động, đem phổ luôn vào những dòng tự sự của mình. Đọc các tác phẩm hiện thực thời kỳ này, thấy thiếu đi cái sức công phá mạnh mẽ và trực tiếp đối với trật tự xã hội vốn là đặc sắc của nhiều tác phẩm hiện thực thời kỳ trước. Nhưng, bù vào đấy, người viết lại có một sự đồng cảm thấm thiết hơn đối với những nhân vật nghèo khổ của mình. Không phải tất cả những người nghệ sĩ tiểu tư sản hồi ấy đã tự giác hòa nhập làm một với nhân dân lao động trong tâm hồn, trong tư tưởng, nhưng những biến động lịch sử to lớn lúc bấy giờ với những vấn đề nghiêm trọng về chính trị, kinh tế đặt ra đối với vận mệnh chung của cả dân tộc đã gắn bó chặt chẽ hơn với số phận của nhân dân. Nhớ lại lời Sêkhốp khuyên một nhà văn trẻ: “*khi đi tàu hỏa, anh nhất thiết phải lấy vé hạng ba, ngồi cùng với nhân dân bình thường*”. Nhà văn hiện thực của chúng ta, dù không muốn như thế, cuộc sống cũng buộc

phải “lấy vé hạng ba”. Nếu trong những thời kỳ trước, những cây bút như Trọng Khiêm, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, Hồ Biểu Chánh, Nguyễn Công Hoan, Tú Mỡ, v.v..., lấy tư cách là những trí thức có lương tâm hướng về những nạn nhân của xã hội, thì những nhà văn hiện thực thời kỳ này tự cảm thấy chính mình cũng là những nạn nhân viết về những nạn nhân cùng hội cùng thuyền. Nét đặc sắc này thể hiện rõ hơn cả trong tác phẩm của Nguyên Hồng, Nam Cao, Kim Lân, Tam Kính...

Văn học hiện thực phê phán thời kỳ này còn có một nét đặc sắc khác: phản ánh hiện thực với chiều sâu của tư tưởng. Thời kỳ trước, ta có cảm tưởng như những cây bút hiện thực đều hối hả ghi nhanh, chép nhanh lấy những sự kiện chính trị, xã hội sôi nổi, bề bộn trước mắt. Tính chất phóng sự, lối văn tường thuật báo chí xâm nhập rõ rệt trong những tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, hay những truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan, Nguyên Hồng, v.v... Đọc nhiều cây bút hiện thực thời kỳ này, thấy có một cái gì lắng đọng hơn. Nhiều dòng chữ nặng trĩu suy tư và tác phẩm toát lên một ý vị triết lý thâm trầm.

Phải chăng nét đặc sắc này có liên quan đến một đặc điểm chung của văn học thời kỳ 1940-1945? Dường như lịch sử dân tộc bước vào những năm 40 đã buộc mọi thành viên xã hội phải động não. Nhiều câu hỏi lớn và cấp bách buộc mọi người phải suy nghĩ, vì nó liên quan trực tiếp đến vận mệnh của tất cả: cuộc chiến tranh đế quốc đang xâu xé cả thế giới kia sẽ đi đến đâu? Nhật, Pháp găm ghè nhau như hai con thú dữ tranh mỗi, số phận Đông Dương sẽ ra sao? Tiếng súng của du kích quân từ chiến khu Việt Bắc dội về, và những tin tức hoạt động của Việt Minh lan dần xuống các vùng đồng bằng và thành thị đang báo hiệu những đổi thay gì? Nạn đói giết hại hàng triệu người liệu có đưa dân tộc này đến chỗ hủy diệt không? Không dễ gì nhớn như trước những câu hỏi như thế. Không phải ngẫu nhiên mà tiếng cười “vui vẻ trẻ trung” của nhân vật tiểu thuyết Tự Lực văn đoàn bỗng im bật. Dể dãi, hơi hợt đến như Khái Hưng mà cũng phải *Băn khoăn*.¹ Thơ mới nếu không nhắm mắt tự hủy hoại cái “tôi” trong trụy lạc, sa đọa, thì cũng lao vào triết lý siêu hình. Cái khẩu khí của văn chương tư sản, tiểu tư sản hồi này là dùng toàn những khái niệm triết lý to tát viết bằng chữ hoa: VÔ CÙNG, VĨNH VIỄN, TUYỆT ĐÍCH, TUYỆT ĐỐI, v.v... Đối lập với những xu hướng ấy, các nhà văn hiện thực dũng cảm nhìn vào thực tại. Tinh thần trách nhiệm của họ thể hiện ở những bản khoản, tìm tòi hướng về số phận của nhân dân lao động và tương lai của đất nước. Từ những cuộc đời tầm thường, buồn tẻ, từ những mảng sống nhỏ hẹp, nhiều khi họ rút ra được những vấn đề có ý nghĩa khái quát rộng lớn. Một trong những đặc điểm của văn học hiện thực phê phán thời kỳ này là đưa “cái hằng ngày” (le quotidien) vào trong tác phẩm như một nội dung phổ biến. Nhưng, như Huygô nói: “*Cái thông thường là cội chết của*

1. Tên một cuốn tiểu thuyết của Khái Hưng ra đời năm 1943.

nghệ thuật”, bản thân “cái hằng ngày” chỉ có thể tạo nên được những trang tả thực bằng phẳng, vô vị, nếu không được nhìn nhận và diễn tả từ một tầm cao nhất định của tâm hồn người cầm bút. Nghệ thuật chân chính không chấp nhận cái tầm thường, phàm tục, nhưng cái tầm thường, phàm tục vẫn được đưa vào tác phẩm của Flôbe, Sêkhốp một cách thoải mái là vì thế. Đó là điều giúp ta phân biệt tác phẩm của Nam Cao, Nguyên Hồng, Bùi Hiển, Thanh Tịnh, Tam Kính, v.v... với những *Đồng tiền hai mặt*, *Ba cọc ba đồng*, *Đời cạo giấy*... của Nguyễn Khắc Mẫn, Giao Chi...

Khi nói đến đội ngũ nhà văn hiện thực thời kỳ này, chúng tôi đã nói đến những cây bút bắt đầu thức tỉnh từ thời kỳ Mặt trận Dân chủ, được tiếp tục nuôi dưỡng bằng những tư tưởng tiến bộ của thời kỳ ấy và sau này được tập hợp trong Hội Văn hóa cứu quốc, xung quanh bản *Đề cương văn hóa Việt Nam* năm 1943. Đề cập đến những đặc điểm của văn học hiện thực phê phán thời kỳ 1940-1945 không thể không nói riêng về những cây bút trung kiên, nòng cốt này.

Đây là những nhà văn hiện thực có ý thức nhất về quan điểm nghệ thuật và phương pháp sáng tác của mình. Với những cây bút này, có thể nói được chẳng: xu hướng văn học hiện thực phê phán ở nước ta đã *chuyển từ tự phát đến tự giác*?

Ngày trước, những Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Ngọc, Vũ Đình Long, Hồ Biểu Chánh, và cả Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan nữa, khi đi vào chủ nghĩa hiện thực, có lẽ chỉ mới xuất phát từ quan điểm đạo đức hay lập trường xã hội là chính. Vũ Trọng Phụng trong những bài bút chiến với nhóm *Ngày nay* xung quanh cái gọi là “văn chương dâm uế” hồi 1936-1937, cũng chứng tỏ chưa hiểu gì thật sự về bản chất của chủ nghĩa, hầu như chỉ là công việc của những cây bút vô sản mà thôi (Hải Triều, Hải Thanh, Hải Khánh, Bùi Công Trừng, v.v...).

Từ 1940-1941 trở đi, vấn đề xác định quan điểm nghệ thuật trở thành một chủ đề tâm huyết của nhiều tác phẩm của Nguyên Hồng, Trần Mai Ninh, Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng...

Qua lời *Tựa* của tác phẩm *Vũ Như Tô* (1942), người ta có thể nhận thấy tâm trạng phân vân, thậm chí hoang mang của Nguyễn Huy Tưởng về mối quan hệ giữa lợi ích của nghệ thuật và lợi ích của cuộc sống: “*Than ôi! Như Tô phải, hay những kẻ giết Như Tô phải? Ta chẳng biết. Cầm bút chẳng qua cùng một bệnh với Đan Thiềm!*”.¹ Nhưng tư tưởng chủ đạo của tác phẩm toát lên từ toàn bộ kết cấu hình tượng tấn bi kịch lịch sử, vẫn là sự khẳng định minh bạch: nhân dân quyết định vận mệnh của nghệ thuật. Nghệ thuật tách

1. Vũ Như Tô là một nhà kiến trúc thiên tài. Ông nghe theo Đan Thiềm, say mê xây dựng một công trình nghệ thuật “vĩnh cửu” - Cửu Trùng Đài - vô tình đã phục vụ tội ác của bạo chúa Lê Tương Dục. Cửu Trùng Đài và Vũ Như Tô đã bị quần chúng nhân dân phẫn nộ đứng lên tiêu diệt.

rời cuộc sống, tách rời vận mệnh chính trị của đất nước, của nhân dân, dù xuất phát từ động cơ nào cũng có thể trở thành một tội ác. Vỡ kịch diễn ra trong một không khí đấu tranh giai cấp quyết liệt, dữ dội. Với tác phẩm này, có lẽ đề tài lịch sử, lần đầu tiên trong văn học hợp pháp thời kỳ 1930-1945, được giải quyết một cách có ý thức trên tinh thần hiện thực chủ nghĩa và lập trường nhân dân.

Quan điểm văn học hiện thực chủ nghĩa được phát biểu một cách trực diện và đầy đủ hơn trong nhiều tác phẩm của Nam Cao. Trong *Trăng sáng* (1942), Nam Cao phê phán sâu sắc thứ văn chương lãng mạn của những kẻ nhàn rỗi, những cô gái chỉ biết “*ăn ngon, mặc đẹp, chăm sửa thịt da và chẳng làm gì cả*”. Một “*thứ ánh trăng lừa dối*” “*làm đẹp đến cả những cảnh thật ra chỉ tầm thường, xấu xa*”. Nhà văn đấu tranh cho một thứ nghệ thuật chân thực và nhân đạo “*đứng trong lao khổ*” để đón lấy những tiếng đau thương “*thoát ra từ những kiếp lầm than*”.

Nam Cao có một số truyện ngắn – luận đề, nghĩa là câu chuyện được trình bày nhằm làm sáng tỏ một quan niệm nào đó của nhà văn về xã hội, về tâm lý, hoặc về nghệ thuật (*Ở hiền, Nhìn người ta sung sướng, Trăng sáng, Đời thừa, Tư cách mõ, Sao lại thế này?...*).

Trong *Đời thừa*, tác giả phát biểu quan niệm của mình về mối quan hệ giữa cuộc sống và nghệ thuật, giữa hành vi xã hội và văn chương. Xuất phát từ một quan điểm nhân đạo chủ nghĩa sâu sắc và một thái độ đầy trách nhiệm đối với xã hội, tác giả khẳng định: muốn viết cho nhân đạo, trước hết phải sống cho nhân đạo. Tác phẩm kết thúc bằng một cơn sấm hối đau đớn của văn sĩ Hộ, không phải vì chưa biết “*hy sinh tất cả*” cho nghệ thuật để “*chỉ viết một quyển thôi, nhưng quyển ấy sẽ ăn giải Nôben và dịch ra đủ mọi thứ tiếng trên toàn cầu*”, mà vì chưa “*làm gì để cho đời Từ (người vợ nghèo của anh) đỡ khổ hơn*”. Hai truyện ngắn khác của Nam Cao – *Sao lại thế này?* và *Tư cách mõ* – lại chứng minh cho một luận điểm khác: hoàn cảnh xã hội và môi trường sinh hoạt hàng ngày quyết định tính cách và tâm lý con người. Quan điểm duy vật chủ nghĩa ở đây không tránh khỏi có chỗ phiến diện, máy móc, – đó là điểm hạn chế chung của nhiều cây bút hiện thực phê phán – dù sao cũng đã giúp nhà văn hiện thực vận dụng nguyên tắc điển hình hóa hiện thực chủ nghĩa một cách chủ động và chắc chắn hơn.

Quan điểm nghệ thuật của Trần Mai Ninh, Nguyên Hồng chịu ảnh hưởng tư tưởng vô sản sâu sắc hơn, nên có những yếu tố như muốn vượt cao hơn chủ nghĩa hiện thực phê phán.

Trần Mai Ninh trong tập *Thăng Tuất* (1940) nhắc lại quan niệm của mình về một thứ văn “*rắn rỏi, sành sỏi, có thể chở được cái tư tưởng cải tạo xã hội*”.¹ Tư tưởng này được nhà văn thể hiện một cách kín đáo trong hai tác phẩm *Thăng Tuất* và *Truyện lại cho em* cùng in trong tập sách.

1. Ý kiến này đã đăng trên báo CL, Sài Gòn, 12-4-1935.

Thời kỳ này, Nguyễn Hồng càng sáng tác dồi dào hơn và giọng văn càng sôi nổi, hào hứng hơn bao giờ. Người ta thấy xuất hiện trong thế giới nhân vật của ông thời kỳ này một nhân vật mới: người nghệ sĩ (*Cái bào thai* – tập *Cuộc sống* – 1942; *Một trưa nắng* – tập *Miếng bánh* – 1943; *Hai dòng sữa* – 1944; *Ngọn lửa* – 1945). Thông qua cảm nghĩ của nhân vật ấy, Nguyễn Hồng say sưa bày tỏ quan niệm của mình về nghệ thuật. Ông phê phán nghiêm khắc các xu hướng văn chương đôi trụy lúc bấy giờ mà ông gọi là “những ung độc tinh thần” (*Cái bào thai*).

Nguyễn Hồng đặc biệt nhấn mạnh đến mối quan hệ khăng khít giữa nghệ thuật và nhân dân, coi đó là vấn đề sinh tử như “*rễ cây tơ bám riết lấy lòng đất*” (*Hai dòng sữa*). Ông đòi hỏi nghệ sĩ không chỉ miêu tả bề ngoài, mà phải thâm nhập vào “*tâm hồn u uẩn*”, “*những rung động tiềm tàng*”, “*những đau buồn, thương xót, mừng vui, ước mong, khao khát và tin tưởng*” của nhân dân mình (*Một trưa nắng*).

Người ta vẫn thường đánh giá cao tính nhân dân của văn học hiện thực phê phán. Nhưng nếu một nhà văn hiện thực lớn của nước Pháp đã từng nói: “*Tôi thương nhân dân, ghét kẻ áp bức, nhưng sống chung với nhân dân, đối với tôi là một điều đau khổ vĩnh viễn*”, thì Nguyễn Hồng trong thời kỳ này lại tìm thấy ở sự sống chung giữa người nghệ sĩ, người trí thức với nhân dân lao động trong cuộc đời lam lũ, đói khổ nhưng chứa chan tình nghĩa cao đẹp, một đề tài tiểu thuyết mới mẻ cảm động: “*Sinh thắm thía nghi đến bà cụ An là mẹ Sinh, vợ chồng bác Năng là anh chị Sinh, chị em cái Sao và thằng Năng là con cháu Sinh. Với một tình thương yêu mà Sinh không còn ai là ruột thịt gần gũi để mở ra, Sinh sẽ ràng buộc Sinh với họ. Sinh cùng họ cảm thông và thấm nhuần lấy những ý nghĩa cao quý của cuộc đời, của bao nhiêu tinh thần những người lao khổ đã làm Sinh rung động*” (*Hơi thở tàn*).

Xưa nay chủ nghĩa hiện thực phê phán vẫn được xem như một xu hướng văn học thiên về phản ánh mặt tiêu cực, phía đen tối của cuộc sống, để lên án và phủ định (réalisme négatif). Nhưng Nguyễn Hồng trong *Cuộc sống*, *Ngọn lửa* lại muốn nghệ thuật phải có thái độ tích cực hơn, “*trông thẳng vào cuộc sống, thấu suốt nó, nhận lấy nó, rồi biến đổi nó để thuận tiện cho sự nảy nở của sinh lực mình*”.

Quan điểm nghệ thuật tiến bộ ấy dĩ nhiên càng được củng cố và phát huy hơn nữa, khi các cây bút kia được tập hợp vào các nhóm *Văn hóa cứu quốc* và được tìm hiểu trực tiếp bản *Đề cương văn hóa Việt Nam*. Giờ đây, tranh đấu cho chủ nghĩa hiện thực còn có nghĩa là tranh đấu về “*tông phái văn nghệ*” như bản *Đề cương* đã ghi. Điều ấy khiến cho họ rất đổi tự hào. Dòng văn học hiện thực phê phán tách bạch hẳn ra, lôi cuốn quần tụ được nhiều bạn đọc. Nhiều lần đồng chí Nam Cao hứng lên, vừa cười rung rung hai bắp đùi phẳng dẹt trên chiếu, ề ề cái giọng nói, và giơ một ngón tay lên: “– *Bạn đọc cứ thấy ba cái tên những thằng này trên bài báo hay sách vở nhà xuất bản nào đó, là*

*thấy ngay chúng nó có khuynh hướng gì và thấy ngay cái gì khang khác, phân biệt hẳn với những thứ nghệ thuật giả dối và bán mình lúc này”.*¹

Xuất phát từ quan điểm lịch sử cụ thể, chúng ta không suy diễn vô căn cứ để phóng đại ảnh hưởng của Hội Văn hóa cứu quốc đối với những cây bút hội viên. Tuy nhiên, không thể phủ nhận được điều này: hoạt động của các nhóm *Văn hóa cứu quốc*, thành viên của Mặt trận Việt Minh, và những cuộc trao đổi xung quanh bản *Đề cương văn hóa*, ít ra cũng khiến cho những cây bút kia cảm thấy, đối với cách mạng và vận mệnh chính trị của đất nước, họ không phải là những người ngoài cuộc. Viết văn đối với họ, trong chừng mực nào đấy, còn là một hành động chính trị, một “công tác cách mạng” nữa, nghĩa là phải tuyên truyền đường lối của Mặt trận Việt Minh, kêu gọi đoàn kết cứu nước, chống thực dân, phát xít, gây niềm tin tưởng lạc quan ở tiền đồ của cách mạng – dĩ nhiên là tùy trình độ giác ngộ của họ cho phép. Đó chính là một trong những yếu tố mới mẻ của văn học hiện thực phê phán thời kỳ này. Nhưng, một điều oái oăm là họ phải làm công việc bất hợp pháp ấy một cách hợp pháp, nghĩa là phải tuyên truyền tư tưởng cách mạng sao cho lọt lọt trên những trang sách xuất bản công khai. Ta hiểu vì sao, đọc những tác phẩm của Nguyên Hồng, Trần Mai Ninh, Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Thâm Tâm, v.v... trong thời kỳ này, cứ thấy có một cái gì úp úp mở mở, có vẻ mới mẻ táo bạo đấy, nhưng không rõ ràng, sáng sủa. Có khi là một lối nói xa xôi, bóng gió, viết bằng chữ hoa, có khi là một thứ bút pháp ngụ ý, tượng trưng, có khi phải nấp vào lịch sử để tìm cách gợi ý về thời cuộc, có khi lại phải mượn truyện thiếu nhi, truyện về loài vật để nói chuyện loài người. Tất cả đều là những thủ thuật ngụ ý khác nhau để có thể đi lọt qua cặp mắt cú vọ của bọn mật thám và Sở kiểm duyệt.

Ngày nay, có đặt mình vào trong tình thế lịch sử cụ thể ấy, mới có thể hiểu được Nguyễn Huy Tưởng muốn nói gì về chủ nghĩa phát xít và về nhiệm vụ cứu nước của thanh niên trong cuốn tiểu thuyết lịch sử *Đêm hội Long Trì* (1942). Không phải ngẫu nhiên mà nhà văn đã tập trung ca ngợi Nguyễn Mại, người thanh niên anh hùng, xuất thân bình dân, “chỉ có một hoài bão là phụng thờ Tổ quốc, đem lại nền thống nhất cho nhà Nam”. Nguyễn Mại đã sẵn sàng hy sinh tính mạng để trừ diệt tên phò mã hung bạo Đặng Lân, một tai họa khủng khiếp đối với nhân dân thành Thăng Long. Anh được quần chúng nhân dân nhiệt liệt ủng hộ. Họ kéo đến phủ chúa Trịnh đòi tha cho Nguyễn Mại, “tiếng reo vang lừng, mênh mông như sóng”.

Trực tiếp nói đến người anh hùng của thời đại – người chiến sĩ cộng sản – có lẽ chỉ có Nguyên Hồng. Tác giả *Người đàn bà Tàu* (1939), đến thời kỳ này, không có điều kiện mô tả trực diện phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Trong *Đứa con* (tập *Cuộc sống* – 1942) ông đưa ra hình ảnh ẩn hiện thấp thoáng của một người thanh niên tên là Tuyên. Anh ta bỏ nhà ra đi

1. Theo Nguyên Hồng: *Bước đường viết văn*. NXB Văn học, Hà Nội 1970, tr.268.

lang bạt kỳ hồ. Trong ý nghĩ của bà mẹ hiền của anh, cũng như của chúng bạn anh, Tuyên trở thành một kẻ tôn thờ chủ nghĩa xê dịch và chủ nghĩa độc thân. Nhưng dùng một cái, “*không hiểu vì làm gì mà Tuyên bị khóa tay*”, và người mẹ bỗng hiểu được người con trai yêu quý của mình. Vì thế, “*trong cái thời khắc tưởng nhớ Tuyên này, mẹ Tuyên tuy mệnh mông đau khổ nhưng cũng lại man mác sung sướng*”.

Qua cách nói lấp lửng kín đáo như thế, ta hiểu các cây bút Văn hóa cứu quốc hồi này có nhu cầu tha thiết muốn kêu gọi thanh niên đứng lên theo tiếng gọi của Tổ quốc. Trong truyện ngắn *Tháng ba sấm động* (1944), Thâm Tâm phê phán một gã thanh niên bị một kẻ giàu có, quyền thế cướp mất người yêu, nhưng chỉ biết đau khổ với mối tình tuyệt vọng. Tác giả kêu gọi: “*Sợ người ta giết mình thì chẳng bao giờ có gan làm việc chống lại*”. Đây là lúc phải biết mài dao trả thù. Sấm đã động, báo hiệu cơn giông sắp tới. Nhà văn muốn gây “*một cơn sấm sét... để làm tan hẳn một cơn mưa trong tâm não của một thanh niên mờ mịt tà khi*” kia để giúp anh ta dũng cảm đứng dậy giành lấy tương lai.

Tô Hoài là nhà văn có biệt tài viết về loài vật. Đặt trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, ta có thể hiểu được ông muốn nói gì với thanh niên qua câu chuyện vợ chồng một “gã” chuột bạch, suốt ngày chỉ biết ăn, ngủ và đánh vòng, không có một mơ ước gì vùng vẫy ra khỏi cái lồng nhỏ hẹp. “*Đã một lần, có một đứa trẻ nghịch tinh mở cửa lồng xem chuột, rồi quên không đóng lại. Đôi vợ chồng nối đuôi nhau tha thẩn bò ra ngoài. Hai cái bóng đi lôm côm, héch chiếc mồm nhọn hoắt lên ngơ ngác nhìn quanh quẩn. Như là họ chẳng quen bò giữa nơi khoáng đãng. Và họ lại nối đuôi nhau, tha thẩn, từ từ bò vào, cũng như lúc bò ra. Từ đấy, dù mở cửa, cậu mợ chuột cũng không buồn đi ra. Họ yếu đuối. Ở ngoài làm gì có gạo để ăn!*” (Truyện gã chuột bạch).

Tô Hoài muốn giục giã thế hệ trẻ bằng những lời tâm huyết của một chú dế mèn kia trước giờ đi xa: “*Hỡi ôi! Còn chi buồn bằng, tuổi thì trẻ, gân thì cứng, máu thì cuộn cuộn với trái tim và tấm lòng thiết tha mà đành sống theo khuôn khổ bằng phẳng: ngày ngày hí húi bới đất làm tổ, đêm đi ăn uống và tụ tập chúng bạn nháy múa đông dài. Sống như vậy, sống tôi quá. Tôi không muốn cho đến lúc nhắm mắt vẫn phải ân hận rằng chẳng biết dang cuối cánh đồng mệnh mông kia còn những gì lạ và cuộc đời ở đấy ra sao*” (Dế mèn phiêu lưu ký).

Hồi ấy những cây bút Văn hóa cứu quốc dường như có một “khẩu khí” riêng: họ hay nói đến chuyện “lên đường”, chuyện “đổi thay” với tâm trạng hăm hở, náo nức, họ cũng hay nói đến hai chữ TƯƠNG LAI hoặc NGÀY LỚN viết hoa, như đặt vào đấy biết bao tin tưởng và hy vọng: “*Lòng tôi bùng một niềm hy vọng, cái hy vọng thắm tươi mà ngờ nghếch. Tôi tin tưởng, tôi có quyền tin tưởng lắm chứ. Nay đây một đóa hoa trong cánh rừng xuân mới rõ ràng của những NGÀY LỚN chúng ta đương nằm trên lòng bàn tay tôi, ơi người đồng chí thân mến!*” (Cỏ dại – Tô Hoài).

“Đổi thay. Như cái gì trong đời cũng đổi thay lần lần, không thể nào mà đứng được mãi”, “những người thanh niên bốn phương của đất nước” hãy “cất bước trong một buổi mai, nhằm cái phía chân trời mới đo thăm màu hy vọng” (Xóm Giếng ngày xưa – Tô Hoài).

Trong *Sống mòn*, Nam Cao cũng viết: “Sống tức là thay đổi...”, và đây là ý nghĩ của nhân vật Thứ về tương lai của nhân loại, sau cuộc đại chiến thứ hai: “Bao nhiêu người chết! Bao nhiêu thành phố nát tan! Cái thảm sông máu, núi thây thật là rùng rợn. Nhân loại lên cơn sốt rét, đang quần quai, nhả nhó, rên la, tự mình lại cắn mình, tự mình lại xé mình, để đổi thay. Cái gì sẽ trôi ra? Lòng Thứ đột nhiên lại hé ra một tia ánh sáng long lanh. Thứ lại thấy hy vọng một cách vu vơ. Sau cuộc chiến tranh này, có lẽ cuộc sống sẽ dễ dàng hơn, công bằng hơn, đẹp đẽ hơn...”

Niềm lạc quan tin tưởng ở Nguyên Hồng càng rực rỡ, chói lọi hơn. Một chủ nghĩa lạc quan rất khỏe, từ trong tâm hồn sôi nổi của nhà văn tỏa lên những trang sách của ông (*Cuộc sống, Vực thăm, Hơi thở tàn, Ngọc lửa...*) thành bình minh và nắng vàng. “Nắng sáng ngời trên những mái tôn, nắng loang loáng chạy trong những cành lá và đuổi theo những mặt kính, kèn và đồng của xe cộ. Nắng quán quít lấy những da thịt dẫu dãi, nắng pha trộn với mây những màu vàng rực, hồng tươi, tím biếc, trắng chói và xanh trong...” (*Bừng mắt* – tập *Cuộc sống*). Ở Nguyên Hồng, nắng có thể truyền sinh lực đến cho những kẻ hấp hối, thậm chí có thể xua tan tử khí trên những xác chết. Đây là hình ảnh một ông già nghèo khổ vừa tắt thở trong nhà thương làm phúc, một buổi sáng mùa hè: “Khác hẳn lúc sống, mặt ông tươi và trắng hẳn lên. Mắt ông tuy nhắm lim dim, và hai bên môi hơi nhếch như ông đã bằng lòng một sự gì rồi cười, cái nụ cười cuối cùng ấy sau mấy tiếng thì thào. Hai chân ông giạng ra hai cánh tay áp vào bụng, chẳng khác nào ông đã đón một người mà ôm vào lòng”. Và “ánh nắng lại đón chào ông. Ánh nắng vàng ngời như lửa đốt của buổi sáng mùa hạ lúc đó gió còn mát dịu, thổi chồn vờn những lá cây, lá cỏ lấp lánh sương...” (*Hơi thở tàn*).

Đặt trong không khí của văn học tư sản, tiểu tư sản lúc bấy giờ mà âm hưởng chủ đạo là bi quan, tuyệt vọng, những yếu tố tư tưởng lạc quan chủ nghĩa trên kia thật đáng quý biết bao! Đó là những chồi biếc báo tin xuân giữa những ngày đông ảm đạm. “Tuyệt vọng là đặc tính của những kẻ nào không hiểu được nguyên nhân của tai họa, không thấy được lối thoát, không có khả năng đấu tranh”¹. Những yếu tố tư tưởng lạc quan kia không có nguyên nhân nào khác là sự giác ngộ của những cây bút *Văn hóa cứu quốc* về lối thoát của lịch sử dân tộc trong cơn trở dạ quần quai, đau đớn đầy lo âu, nhưng cũng biết bao phần khởi. Đó là những yếu tố lạc quan cách mạng, *đặc điểm có tính lịch sử độc đáo* của xu hướng văn học hiện thực phê phán Việt Nam đem trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

1. V.I. Lê Nin: Bàn về văn hóa và nghệ thuật. NXB sự thật, Hà Nội, tr.140.

Những tia sáng lạc quan ấy, thực ra, chưa có cơ sở chắc chắn trong thế giới quan của các nhà văn hiện thực. Trong tác phẩm của họ, nó thường lóe lên một cách đột ngột và ngẫu nhiên như không ăn nhập gì với lôgic chung của chính thể nghệ thuật, và do đó thường không đủ sức lấn át được cái không khí đen tối, bi thảm toát lên từ toàn bộ kết cấu hình tượng. Có thể xem truyện ngắn *Điều văn* (1943) của Nam Cao như một ví dụ tiêu biểu. Tác giả kể chuyện một anh Phúc nào đó, đã sống một cuộc đời khốn khổ, đến lúc hấp hối chỉ thềm có một bát chè đỗ đen mà cũng không được. Người vợ trẻ vẫn được anh yêu quý nuông chiều, nay đã tìm được một tình nhân khác: *“Thị bỏ anh nằm chết khô, chết nỏ, đi suốt ngày đêm. Hai đứa con anh, ẻo lả như một cái lá úa và buồn như một tiếng thở dài ngòai củ rử nhìn anh bằng đôi mắt dại đi vì đói quá”*. Một không khí thâm, buồn đến nhức xương, được gợi lên từ thân phận một con người sống thì như trâu, như chó, chết thì như con giun, con dế ở một xó vườn hoang. Vậy mà kết thúc tác phẩm, bỗng nhiên lại là một cảnh bình minh tươi sáng: *“... Anh Phúc ơi! Anh hãy nghỉ cho yên! Những chuyện đời này bây giờ chỉ còn là của chúng tôi. Chúng tôi, những kẻ đã đau khổ, đã uất ức, đã ước ao, đã khát thèm, đã thất vọng và vẫn còn hy vọng mãi và phải hy vọng mãi. Sự đời không thể cứ mù mịt mãi thế này đâu. Tương lai phải sáng sủa hơn. Một rạng đông đã báo rồi. Một mặt trời mới sẽ mọc lên bên trên nắm mồ anh và bên trên đầu hai đứa con cô anh để lại. Một bàn tay bè bạn sẽ nắm lấy bàn tay chúng và dắt chúng cùng đi tới một cuộc đời đẹp hơn”*.

Đây chẳng qua là hiện tượng giác ngộ chưa đến nơi của những cây bút tiểu tư sản. Một mặt, do mối liên hệ trực tiếp với sinh hoạt chính trị của đất nước, họ tin tưởng ở tương lai tất thắng của cách mạng. Mặt khác, do thế giới quan chưa thay đổi bao nhiêu, lại chưa có dịp gắn bó với phong trào quần chúng, họ không hiểu được con đường cụ thể “hiện thực” của dân tộc dẫn tới tương lai kia. Không có quan điểm giai cấp, chưa nhận thức được vai trò lịch sử của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng, vẫn nhìn người dân quê như những kẻ *“sống dò dẫm, tối tăm, nhút nhát, suốt đời chỉ những sợ cùng lo (...), luôn luôn nhận mình là con sâu cái kiến, con giun cái dế, ai muốn dẫm lên cũng được”* (*Sống mòn* – Nam Cao), họ nhìn cách mạng và ánh sáng của tương lai dân tộc như một cái gì từ trên trời rơi xuống, từ rừng thiêng dội về, chứ không phải dấy lên từ trong lòng quần chúng, từ trung tâm của hiện thực.

Về mặt hình thức nghệ thuật, văn học hiện thực phê phán thời kỳ 1940-1945 cũng ghi được nhiều thành tích quan trọng. Khác với thời kỳ trước, nó không sản xuất ra được hàng loạt tiểu thuyết với những điển hình xuất sắc như *Giông tố*, *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng, *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan, v.v... Những *Ngoại ô*, *Ngõ hẻm* của Nguyễn Đình Lạp, *Một chuỗi cười*, *Khao* của Bùi Huy Phồn tuy có nhiều trang đặc sắc, nhưng chưa chứng tỏ được ngòi bút tiểu thuyết già dặn. *Quê người* của Tô Hoài mới là một cuộc thử bút chưa thành công lắm. *Đứa con* của Đỗ

Đức Thu, *Làm lẽ*, *Sống nhờ* của Mạnh Phú Tư có phần trội hơn một chút chăng? *Hơi thở tàn*, *Ngọn lửa* của Nguyễn Hồng tuy có những tìm tòi đổi mới, nhưng nhân vật thuyết lý hơi dài dòng làm cho nhiều trang sách trở thành nặng nề đối với người đọc – có lẽ nhà văn quá say mê với công tác tuyên truyền cách mạng trong thời kỳ này chăng? *Sống mòn* của Nam Cao nổi bật lên như một sáng tạo nghệ thuật độc đáo, nhưng chỉ là một hiện tượng đột xuất hiếm hoi mà thôi.

Thành tựu đáng chú ý nhất của văn xuôi hiện thực thời kỳ này là truyện ngắn. Phải chăng đây là thể tài thích hợp với vốn sống và khả năng khái quát hiện thực còn hạn chế của những cây bút trẻ? Hay là những lo lắng ngược xuôi về sinh kế hằng ngày không cho phép những nhà văn tiểu tư sản nghèo dồn sức vào những tác phẩm dài hơi, trong khi tình hình giấy má khan hiếm cũng không khuyến khích những công trình đồ sộ, nhất là đối với những tên tuổi chưa vang dội lắm?

Ở đây chỉ ghi nhận sự thật hiển nhiên này: nhờ những thành công của Nam Cao, Bùi Hiển, Nguyễn Hồng, Thanh Tịnh, Tô Hoài, Kim Lân, v.v... thể tài truyện ngắn, ở thời kỳ này, đã được nâng lên tới mức độ có thể nói là hoàn thiện.

Thời kỳ trước, truyện ngắn trào phúng của Nguyễn Công Hoan quả là một hiện tượng chủ nghĩa độc đáo. Nhưng nội dung tư tưởng thực ra còn thiếu chiều sâu. Cách dựng truyện nói chung đơn giản. Lối tả cảnh, tả tình táo bạo và sắc sảo đấy, nhưng chưa thật tinh tế. Hình tượng nhân vật thường chỉ là những nét kí họa, nhiều khi sơ lược còn đơn điệu. Hồi ấy, truyện ngắn Thạch Lam, Xuân Diệu (*Phấn thông vàng*) cũng là những sáng tạo xuất sắc. Nhưng một thứ tạm gọi là “chủ nghĩa soi gương” (narcissisme) và thiên hướng duy cảm giác đã ảnh hưởng không nhỏ tới tính khách quan, chính xác của những cây bút rất đỗi tài hoa kia trong việc phân tích xã hội, phản ánh hiện thực.

Đọc truyện ngắn hiện thực thời kỳ này, vừa thấy có cái chất sống tươi tắn, khỏe mạnh, cái góc cạnh, gân guốc của Nguyễn Công Hoan, lại vừa có chất trữ tình tinh vi, tế nhị của Thạch Lam, Xuân Diệu. Một sự tổng hợp nhuần nhuyễn giữa chất văn xuôi và chất thơ. Thêm vào đó là chất tư duy sâu sắc, một ý vị riêng của truyện ngắn hiện thực thời kỳ này.

Nhìn một cách tổng quát, có thể nói được rằng, tiểu thuyết hiện thực Việt Nam (bao gồm cả truyện dài, truyện ngắn) đến thời kỳ này mới thật sự đạt tới hình thức hiện đại.

Mới hồi nào, nói đến tiểu thuyết là nói đến cốt truyện ly kỳ, éo le, đến lối thuyết lý đạo đức trực tiếp, lối kể chuyện theo trật tự thời gian tự nhiên, lối tả tâm lý bằng hành động bên ngoài, lối chia nhân vật ra làm hai tuyến thiện-ác rạch ròi, v.v... Không nói đến Nguyễn Trọng Thuật, Trọng Khiêm, Hồ Biểu Chánh, Bửu Đình, Phú Đức, Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn, ngay như Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố cũng không thoát hẳn ra khỏi cách dựng truyện như thế.

Thời kỳ này, *Hơi thở tàn* của Nguyễn Hồng và *Sống mòn* của Nam Cao là những tiểu thuyết không có cốt truyện, hiểu theo nghĩa không có sự kiện, biến cố gì đáng kể làm thay đổi số phận nhân vật. Mức độ thành công của những tác phẩm ấy có thể khác nhau, nhưng phải coi đó là lối dựng truyện mới mẻ. Nhiều tác phẩm của Nguyễn Hồng, Nam Cao, Bùi Hiển, Tô Hoài, Kim Lân, Nguyễn Văn Nhân, Tam Kính, v.v..., chỉ xoay quanh những câu chuyện vụn vặt, gọi là những “cái hằng ngày” tầm thường, phàm tục, vậy mà vẫn tạo được sức hấp dẫn nhất định. Tất cả phụ thuộc vào khả năng phân tích tâm lý nhân vật với những phát hiện tinh tế và hóm hỉnh, sâu sắc và mới mẻ của nhà văn. Về phương diện này, Nam Cao nổi lên như một cây bút bậc thầy. Ông có khả năng “du lịch” triền miên trong thế giới nội tâm của nhân vật và men theo dòng suy tưởng của những Điền, những Thứ, những lão Hạc, Chí Phèo, v.v..., mà dẫn dắt câu chuyện, xáo trộn một cách hết sức phóng túng trật tự tự nhiên của thời gian và không gian, đồng thời vẫn bảo đảm cho tác phẩm một kết cấu chặt chẽ như không có gì phá vỡ nổi. *Chí Phèo*, *Sống mòn* thuộc loại tác phẩm như vậy.

Về ngôn ngữ văn học, các cây bút hiện thực thời kỳ này cũng có nhiều đóng góp quan trọng.

Cú pháp linh hoạt, đa dạng, kho từ vựng phong phú và có giá trị tạo hình cao, đã giúp cho giọng kể chuyện của Nam Cao hết sức biến hóa và ngòi bút phân tích tâm lý của ông có khả năng đi vào mọi ngóc ngách của tâm hồn phức tạp của con người; đã giúp cho Nguyễn Hồng làm hiển hiện trước mắt người đọc không khí ồn ào, náo nhiệt của những phố xá đông đúc hay quang cảnh chen chúc túi bụi của những xóm thợ của Thành phố Hải Phòng; đã giúp Tô Hoài, Bùi Hiển, Kim Lân, Thanh Tịnh v.v... dựng lên được những bức tranh thiên nhiên đầy chất thơ hoặc những cảnh phong tục sinh động, sắc sảo, hóm hỉnh, v.v... Nói chung, các nhà văn hiện thực thời kỳ này, một mặt tránh được khuynh hướng tự nhiên chủ nghĩa, quá dễ dãi với những rác rưởi của ngôn ngữ đường phố, hoặc quá lệ thuộc vào lối nói quá “thật thà” của địa phương mình như trước kia Hồ Biểu Chánh, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng thường mắc phải; mặt khác khắc phục được cái “trong sáng” có tính cách trí thức trưởng giả càng ngày càng trở nên nghèo nàn và thiếu sức sống của câu văn Tự lực văn đoàn. Nhớ lại vài năm về trước, một nhà phê bình đã ca ngợi tác giả *Tắt đèn*: “Nghệ thuật tả cảnh của ông cũng đã đến một trình độ khá cao có thể cho phép ta đặt ông ngang hàng với các nhà văn sĩ trong Tự lực văn đoàn”¹. Giờ đây, đặt bên cạnh những đoạn văn tả cảnh của Nguyễn Hồng trong *Cuộc sống* hay *Hơi thở tàn*, của Bùi Hiển trong *Chiều sương*, của Tô Hoài trong *Cỏ dại* chẳng hạn, những bức tranh thiên nhiên của *Hồn bướm mơ tiên*, *Nửa chừng xuân*, v.v..., từng nổi tiếng một thời, không tránh khỏi trở thành nhạt nhạt và sơ lược. Đây đây chỉ là những ghi nhận riêng về âm thanh trong một

1. Báo *Đông Phương*, số 10, ngày 1-9-1939.

trận mưa rào đầu mùa hạ của Tô Hoài. “Mưa rêu rêu trên sân gạch, gõ đập đập trên phen nứa, đập lũng tũng vào lòng lá chuối, rào rào, liên miên. Tiếng giọt gianh ô ô, nước ào ạt ọc nguồn, xối lên trong những rãnh nước sâu. Nước réo, vang vang kỳ quái như tiếng dờ trời sụp đất ở đâu. Đôi khi, đương kéo dài một loạt à à, bỗng một cơn gió phào đến, vật vờ cây cối, lại nổi lên một hồi dạt dào, xa gần, thăm thẳm...” (Cổ đại).

Chúng ta không phủ nhận công lao của những cây bút *Tự lực văn đoàn* “đã góp phần đẩy phong trào văn nghệ nước ta tiến lên một bước”¹. Ở đây chỉ muốn đối chiếu để khẳng định bước phát triển mới của ngôn ngữ văn học Việt Nam, trong đó có sự đóng góp rất đáng trân trọng của lớp nhà văn hiện thực thời kỳ 1940-1945.

*
* *

Như trên đã nói, đánh giá những đặc sắc và bước tiến của xu hướng văn học hiện thực nước ta thời kỳ 1940-1945 là một vấn đề phức tạp và uyển chuyển. Dĩ nhiên, căn cứ chủ yếu và có ý nghĩa quyết định để đánh giá phải là những thành tựu cụ thể của xu hướng văn học này trong sáng tác.

Nhưng những cây bút hiện thực trong thời kỳ này quá là đã phải làm việc trong một hoàn cảnh vô cùng khó khăn, và có thể nói là đầy thử thách. Phong trào Mặt trận Dân chủ chấm dứt. Đế quốc khủng bố cách mạng ráo riết. Cả một rừng sách báo của Đảng đang phát triển công khai và rầm rộ để hướng dẫn và cổ vũ những xu hướng văn hóa tiến bộ, bỗng nhiên rút cả vào bí mật. Lúc đó, những người cầm bút tiểu tư sản tự thấy như những con thuyền mỏng mảnh, bơ vơ, lênh đênh giữa biển sương mù. Trong không khí hỗn loạn của văn học hợp pháp, xu hướng xu thời, cơ hội chủ nghĩa nổi lên mạnh mẽ, không phải không réo gọi những người trí thức tiểu tư sản nghèo đang bị cuộc sống áo cơm thúc bách hằng ngày. Trong hoàn cảnh đó, giữ cho được ngòi bút hiện thực chủ nghĩa đã là cả một vấn đề bán linh. Không phải ngẫu nhiên Nam Cao hay nói đến những nhân vật văn sĩ nghèo phải vật lộn dữ dội với bản thân để có thể chung thủy đến cùng với chủ nghĩa hiện thực, với thứ văn phải viết ra: “giữa tiếng con khóc, tiếng vợ gặt gồng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài đầu xóm” (Trăng sáng).

Chúng tôi cho rằng, hiểu biết đầy đủ hoàn cảnh sáng tác ấy của các nhà văn hiện thực thời kỳ 1940-1945 là điều cần thiết khi cân nhắc để định giá cho những đóng góp, những cố gắng và những bước tiến lên của họ.

1. Trường Chinh: *Chủ nghĩa Mác và Văn hóa Việt Nam*. Hội Văn nghệ Việt Nam, 1949.

II

Người ta thường nói đến những nhà văn trẻ dễ có khuynh hướng mô phỏng các bậc đàn anh. Trong sáng tác của họ, “những cái của người khác” thường lấn át “những cái của mình”.

Lớp nhà văn hiện thực 1940-1945 hầu hết là những cây bút trẻ, trẻ về tuổi, trẻ về nghề. Nhưng, ngay từ những tác phẩm đầu tay, họ đã chứng tỏ những đặc sắc riêng ở mức độ khác nhau. Có thể là vì trước họ, dòng văn học hiện thực đã để ra nhiều tài năng, nhưng chưa tạo ra được những “thần tượng” có uy lực làm tiêu ma cá tính của những người mới được vào nghề chăng? Có thể là do hiện thực còn nhiều mặt phong phú và hấp dẫn mà mấy cây bút đi trước kia chưa kịp khai thác đến chăng? Hay là trong lớp nhà văn mới này xuất hiện nhiều cây bút có bản lĩnh, sớm có ý thức và khả năng khẳng định bản sắc độc đáo của mình?

Hai cây bút sáng tác dồi dào và có chất lượng hơn cả, xứng đáng được coi là tiêu biểu nhất cho xu hướng văn học hiện thực phê phán ở nước ta thời kỳ 1940-1945, là Nguyễn Hồng và Nam Cao.

Nguyễn Hồng viết từ thời kỳ Mặt trận Dân chủ. Chúng tôi sẽ chọn in lại truyện *Linh hồn* của ông với ý nghĩa đây là tác phẩm đầu tiên của nhà văn ra mắt độc giả (*Tiểu thuyết thứ bảy*, 1936). Truyện viết về một người đàn bà nông dân công giáo nghèo bị tù oan và bị hãm hiếp đến chết ở trong ngục. Như vậy là, ngay từ sáng tác đầu tay, Nguyễn Hồng đã tự vạch cho mình một hướng đi riêng: nhà văn của những người cùng khổ, đặc biệt là của những người phụ nữ lao động bị chế độ thực dân phong kiến, tư sản giày đạp tàn nhẫn và đẩy đến bước đường cùng, khiến họ hoặc bị lưu manh hóa, hoặc phải đi ăn mày, ăn xin, hoặc chết rụi trong nhà tù. Có một nhà phê bình nào đó, hồi trước, viết về *Bỉ vỏ* của Nguyễn Hồng, nói rằng nhà văn này có cái tật là cứ dồn lên đầu nhân vật của mình đủ thứ tai họa ghê gớm. Thực ra, Nguyễn Hồng là nhà văn của một *chủ nghĩa nhân đạo thống thiết, sôi nổi*, ông muốn nói cho đã, cho thỏa thuê những nỗi cực khổ vô cùng của người dân nghèo trong xã hội cũ. Đồng thời, một tinh thần khắc kỷ có màu sắc Cơ đốc giáo khiến ông cứ muốn mô tả nhân vật của mình theo hình ảnh Chúa chịu nạn, hứng lấy mọi nỗi đau đày cho tất cả thế gian. Nhưng, điều đáng quý nhất của nhà văn, mà cũng có thể gọi là bản lĩnh độc đáo nhất của Nguyễn Hồng, là bao giờ ông cũng tin tưởng vững chắc ở bản chất tốt đẹp, cao cả của nhân dân lao động.

Nguyễn Hồng là nhà văn may mắn nhận được nhiều ảnh hưởng trực tiếp của phong trào cách mạng vô sản nước ta từ thời kỳ Mặt trận Dân chủ. Điều ấy thể hiện rõ trong quá trình sáng tác của ông. Phần tuyển tác phẩm sẽ cố gắng phản ánh, trên nét lớn, những chặng đường nghệ thuật ấy của nhà văn. Nhìn chung, thế giới nhân vật của Nguyễn Hồng bao gồm các tầng lớp dân

nghèo thành thị. Nhưng thời kỳ đầu (khoảng 1936, 1937), ông đặc biệt chú ý đến tầng lớp lưu manh (*Bỉ vớ, Bảy Hựu*). Đây là bọn du côn anh chị, sống bằng ăn cắp, ăn cướp, giết người, có hành tung khác thường, tâm lý khác thường, ngôn ngữ khác thường. Thế giới nghệ thuật ấy là sản phẩm của vốn sống tự nhiên của nhà văn trong những ngày lặn lội ở xóm Cấm, Hải Phòng, được nhào nặn, chế biến thêm bởi một tâm hồn thiếu niên giàu tưởng tượng, dễ bị kích động bởi những truyện ly kỳ, đẫm máu.

Thời kỳ này, *Bỉ vớ*, cuốn tiểu thuyết đầu tay của Nguyên Hồng, đã gây được nhiều tiếng vang trong dư luận. Giá trị độc đáo của tác phẩm không phải ở chỗ nó viết về lưu manh. Vì đây là đề tài khá phổ biến trong văn học đương thời. Đóng góp có ý nghĩa của tác phẩm trước hết là đã vạch ra được một cách đúng đắn những nguyên nhân xã hội đã đẩy những người dân nghèo ngày trước vào con đường lưu manh hóa. Tám Bính, một cô gái quê trong sạch, hồn nhiên, sớm dĩ trở thành một gái điếm, một “bỉ vớ”, là do tính chất lang sói đểu giả của bọn cường hào ở thôn quê, bọn nhà giàu ở thành thị, do chế độ cảnh sát bất công vô lý liên kết với nạn buôn thịt bán người được dung túng khắp nơi trong xã hội cũ.

Nhưng chủ đề *Bỉ vớ* không chỉ có thế. Tư tưởng nhân đạo sâu sắc của tác giả còn thể hiện ở chỗ, qua nhân vật Tám Bính, khẳng định những phẩm chất tinh thần cao quý của người phụ nữ lao động cho dù thể xác có bị dày dọ vào giữa bùn lầy, rác rưởi.

Đức tính nổi bật của Tám Bính là lòng tin yêu con người một cách chân thành, tha thiết, là tinh thần ân nghĩa thủy chung không gì lay chuyển được. Nhưng trong xã hội cũ, chính những đức tính ấy đã làm cô đau đớn, cực nhục.

Vì yêu thật thà, nên cô đã bị Tham Chung lừa dối. Vì ngây thơ, nên cô mới hy vọng tìm thấy thằng “Sở Khanh” ấy ở Thành phố Hải Phòng đây chạm bẫy để đến nỗi bị ném vào nhà chứa. Cảnh ngộ cô gái quê cho đến lúc ấy chỉ gặp toàn những hùm beo, rắn rết mang bộ mặt sạch sẽ của con người. Nhưng ở cái nhà chứa của mục Tài xế Cầu, cô đã gặp người diện mạo thì độc ác nhưng tình cảm đối với cô lại chân thành: Năm Sài Gòn. Tình yêu của tên trùm lưu manh đã ném cô vào một thế giới bất lương khác mà cô phải gắn bó, chủ yếu vì trái tim ân tình chung thủy của mình. Cái éo le của số phận Tám Bính là như thế: không thể rời bỏ Năm Sài Gòn – tức cũng là không thể rời bỏ cuộc sống “bỉ vớ” trái với bản chất cô – Vì đó là kẻ duy nhất trên đời đã yêu cô thật sự. Mà Tám Bính thì “ơn ai một chút chẳng quên”. Cho nên, việc Tám Bính, giữa cảnh sống nhàn hạ phong lưu bên thằng chồng mặt thám, đã không do dự, mở cửa ngục giải thoát cho Năm Sài Gòn và cùng hắn lao trở về cuộc sống lưu manh bấp bênh, nguy hiểm, thì chỉ là một điều tất yếu đối với tính cách nhân vật này.

Tuy nhiên, lòng nhân đạo vừa là chỗ mạnh, vừa là chỗ yếu của *Bỉ vớ*. Vì đây là một thứ chủ nghĩa nhân đạo có pha màu sắc Cơ đốc giáo: thương yêu

tất cả mọi người, kể cả kẻ bất nhân độc ác. Có lẽ cũng vì nhược điểm ấy chăng, nên tác phẩm đã có thiên hướng “tô hồng” cho bọn lưu manh, dù đó là loại cướp của, giết người độc ác.

Bỉ vô là tiểu thuyết đầu tay của Nguyên Hồng, nhưng lại là tác phẩm trong ven hơn cả đứng về phương diện nghệ thuật tiểu thuyết của ông trước Cách mạng. Tám Bính, nhân vật chính, được xây dựng tương đối thành công tuy đôi chỗ có bị lý tưởng hóa ít nhiều. Nhược điểm chính của tác phẩm là diễn tả cử chỉ, lời nói của một nhân vật còn thiếu tự nhiên và sắp đặt tình tiết đôi chỗ giả tạo.

Từ 1938, 1939, Nguyên Hồng không phải không còn viết về lưu manh nữa, nhưng thế giới nhân vật chủ yếu của ông là những người lao động nghèo ở thành thị: buôn bán vặt, phu phen, thợ thuyền (*Những ngày thơ ấu, Hàng cơm đêm, Lớp học lần lút, Hai nhà nghề, Cô gái quê, Mợ Du, Những mâm sống, Vào nghề thợ cưa, Người đàn bà Tàu, v.v...*).

Nhìn chung, thời kỳ này, tư tưởng Nguyên Hồng chín hơn, nghệ thuật già dặn hơn, *Những ngày thơ ấu* có thể coi là một tác phẩm xuất sắc. Đây là một tập hồi ký về tuổi thơ, ghi lại những “*rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại*” (Thạch Lam). Tuổi thơ của tác giả không phải không có những kỷ niệm tươi sáng, êm đềm. Nhưng chủ yếu là những kỷ niệm đau buồn, tủi cực của một đứa trẻ sinh ra trong một gia đình bất hòa, phá sản và truy lạc, sớm phải sống bơ vợ, lêu lổng. Xung quanh nhân vật đứa trẻ này, có nhiều trang viết cảm động: một buổi tan học, thoáng thấy bóng mẹ trên một chiếc xe tay sau nhiều ngày xa cách, em hít hải vừa chạy theo vừa gọi cho tới khi được nhào hẳn vào lòng mẹ; một ngày đói thuốc, ông bố phải dùng đến uy quyền cha mẹ để có thể lần cạp quần con, lấy tiền đánh đáo của nó mua thuốc hút, để sau đó ngồi khóc vì sự nhọc nhằn ê chề của cả bố lẫn con; một đêm Nôn, đứa trẻ mồ côi lủi thủi một mình dưới mưa phùn, gió rét, vì nhà thờ chỉ mở cửa cho những người giàu sang, v.v...

Những ngày thơ ấu còn có một nhân vật khác cũng gây được ấn tượng đậm nét trong tâm trí của người đọc: người mẹ trẻ. Đây là một nhân vật quen thuộc của Nguyên Hồng: người đàn bà nghèo quanh năm buôn bán tần tảo nuôi chồng, nuôi con, người đàn bà có nhiều đức tính và giàu sức sống thường có trái tim sôi nổi yêu thương, khát khao hạnh phúc.

Năm 1939, với một số truyện ký viết về giai cấp công nhân (*Những mâm sống, Người đàn bà Tàu, v.v...*), Nguyên Hồng đã thể hiện những chuyển biến tiến bộ rõ rệt của mình do ảnh hưởng của phong trào vô sản. Một hình ảnh mới mẻ xuất hiện dưới ngòi bút ông: hình ảnh những đám đông, những tập thể thợ thuyền cuộn cuộn đổ ra từ những nhà máy khi tan tầm, hoặc tập hợp trong những cuộc đình công, bãi công. Điều đáng quý ở đây chưa phải là ở chất lượng nghệ thuật của những trang viết ấy, mà trước hết là ở chỗ, tư

tưởng vô sản, qua những trang viết ấy, đã bắt đầu thấm vào lý tưởng thẩm mỹ của một cây bút hiện thực.

Thời kỳ Mặt trận Dân chủ chấm dứt, Nguyên Hồng bị bắt. Ở tù ra, ông viết nhiều về tầng lớp tiểu tư sản trí thức nghèo – có lẽ vừa để tránh sự nhòm ngó của mật thám và kiểm duyệt, vừa để tiện phô bày trực tiếp những cảm nghĩ sôi nổi của mình về lý tưởng xã hội, về tương lai, về quan điểm nghệ thuật. Khác với nhân vật của Nam Cao, Tô Hoài, Bùi Hiển, v.v... những trí thức tiểu tư sản của Nguyên Hồng bao giờ cũng gắn bó một cách tự nguyện với đời sống nhân dân lao động với thái độ tin yêu, chan hòa thật sự (*Cuộc sống, Quán Nải, Hai dòng sữa, Hơi thở tàn, v.v...*). Phải chăng ở đây nhà văn muốn thể hiện ý thức quần chúng hóa, lao động hóa của người trí thức cách mạng?

Thời kỳ này, Nguyên Hồng viết nhiều truyện dài, truyện vừa, nhưng rất tiếc là không có tác phẩm nào hoàn hảo. Hay là ông đang tìm cách thể hiện những tính cách mới mẻ mà còn lúng túng chăng? Ông hay đặt nhân vật của mình vào tình trạng quá căng thẳng về tình cảm, cảm xúc, nhiều lúc đẩy chúng tới chỗ như là “lên gân”, thiếu tự nhiên. Thời kỳ này, bút ký, truyện ngắn của Nguyên Hồng viết tốt hơn. *Cuộc sống* chẳng hạn, có thể coi là một tập truyện ký có giá trị độc đáo. Nhìn chung, nét nổi bật của những tác phẩm của Nguyên Hồng thời kỳ này là cảm hứng lạc quan, sôi nổi hướng về tương lai. Ngoài ra, nhiều trang viết thể hiện thái độ mỹ học tiến bộ của nhà văn đối với lao động. Có thể tìm thấy trong *Cuộc sống, Hơi thở tàn* nhiều bức tranh lao động thật đẹp, cái đẹp vạm vỡ, gân guốc, hùng vĩ tỏa ra từ lao động. Chẳng hạn, hình ảnh một ông phó rèn trong *Hơi thở tàn*: “Già nửa mặt ông phó ẩn hiện với những nét rắn và bóng như đồng hun. Vàng trán ông là cái đe thứ hai trong lò rèn này, dưới mái tóc thưa và lấp lánh. Sống mũi ông cao và thẳng, ngang tàng như con đê nhìn xa chắn một cánh đồng lúa xanh mênh mông và một dòng sông đục ngầu chảy băng băng”.

Nhìn chung, lòng yêu thương tha thiết và thái độ tin cậy, trân trọng con người, nhất là người lao động nghèo khổ, là tư tưởng quán xuyên các tác phẩm của Nguyên Hồng trước cũng như sau Cách mạng Tháng Tám. Biểu hiện cảm động nhất của chủ nghĩa nhân đạo ấy là quan điểm hết sức tiến bộ của ông đối với người phụ nữ và vấn đề phụ nữ. Có thể là không tự giác, nhưng qua nhiều tác phẩm, Nguyên Hồng đã gắn được vấn đề phụ nữ với vấn đề giai cấp. Nghĩa là muốn giải phóng những Tám Bính trong *Bỉ vỏ*, Lệ Hà trong *Người con gái*, Mũn trong *Đáy bóng tối*, Muống trong *Quán Nải* chẳng hạn, thì trước hết phải thanh toán nạn cường hào, địa chủ ở nông thôn, phải tiêu diệt bọn buôn thịt bán người và chế độ cảnh sát ác ôn ở thành thị, và nói chung, phải xóa bỏ chế độ bán cùng hóa người lao động của chủ nghĩa thực dân – phong kiến. Về vấn đề hôn nhân, gia đình, Nguyên Hồng không mắc phải tư tưởng bảo thủ như Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan. Ông phê phán quyết liệt lễ giáo phong kiến vô nhân đạo, đấu tranh cho quyền luyến ái và hôn nhân tự do của nam nữ thanh niên. Nhưng, khác với những cây bút Tự

lực văn đoàn, tuy có công cứu những cô Loan ra khỏi ngục tù của đại gia đình phong kiến (*Đoạn tuyệt*), nhưng lại có tội đẩy những cô Tuyết vào vũng bùn của chủ nghĩa cá nhân tư sản hưởng lạc (*Đời mưa gió*), Nguyễn Hồng bảo vệ tình yêu trong sạch (*Cô gái quê*), đề cao nghĩa vợ chồng chung thủy (*Bỉ vỏ, Dây bóng tối*), ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng (*Những ngày thơ ấu, Mợ Du, Đứa con*). Trong quan hệ gia đình, ông chủ trương quyền bình đẳng thật sự giữa nam và nữ, xây dựng trên sự giải phóng người phụ nữ ra khỏi tình trạng mà Lenin gọi là “chế độ nô lệ gia đình”. Trong truyện ngắn *Lúc chiều xuống* (tập *Miếng bánh* – 1943), tác giả kể chuyện vợ chồng Lưu tự do kết hôn, bất chấp sự ngăn trở của gia đình. Nhưng ông phê phán quan niệm tình yêu của Lưu đã biến vợ thành kẻ hầu hạ mình: “*Người con gái phơi phới vui tính kia đã thuộc hẳn về một người: Lưu. Lưu khiến cho y ăn, y mặc, để y chăm nom hầu hạ Lưu. Y đối lấy những sự cần dùng cho mình bằng sự làm việc hết lòng của mình mà vẫn mang tiếng nhờ vả, lười biếng, vô tích sự. Trước mắt bao người, y chỉ là kẻ làm khổ sở, bệ rạc cho chồng. Lưu yêu thương y, y biết lắm. Nhưng nhiều khi sự yêu thương lại là một sự hèn dòn làm cùn cả tinh thần, làm nhục nhả cả con người*”.

Quan niệm nói trên thể hiện trong hình tượng nhân vật phụ nữ của Nguyễn Hồng: có nhiều đức tính tốt đẹp như tình chung thủy, lòng vị tha, đức hy sinh, nhưng đồng thời cũng giảm sức sống, khát khao hạnh phúc cá nhân, chân thật và say đắm trong tình yêu, sẵn sàng gạt phăng mọi ràng buộc vô lý của lễ giáo phong kiến.

Nguyễn Hồng là nhà văn của Thành phố Hải Phòng. Hải Phòng là tất cả phong cách Nguyễn Hồng. Thế giới nhân vật của ông là những con người của thành phố cảng: những phu phen, thợ thuyền của Sáu Kho, Xi Măng, Máy Tơ, Máy Chỉ, những người dân nghèo của Xóm Cấm, Lạc Viên, Hàng Kênh v.v... nói chung cần cù, nhẫn nại trong lao động, nhưng vẫn có một cái gì ngỗ ngược, táo tợn trong sinh hoạt. Phong cảnh trong tiểu thuyết Nguyễn Hồng cũng là phong cảnh của vùng biển ấy với gió lộng, trời xanh và nắng vàng chiếu rực rỡ trên những công trường, những phố xá suốt ngày huyên náo, sôi sục. Đi tìm những nhược điểm của Nguyễn Hồng về hình thức nghệ thuật, thật ra không khó khăn lắm. Nói chung, tính duy lý yếu. Tác phẩm thường kết cấu không chặt. Nhiều đoạn văn luộm thuộm, cấu thả, rườm rà, gây cảm giác nặng nề. (Chúng tôi rất tiếc không chọn in được nhiều trang đáng lẽ rất hay của Nguyễn Hồng là do những nhược điểm này). Nhưng người đọc khi đã hiểu, đã quen thuộc phong cách của ông, sẽ bị lôi cuốn bởi những trang viết đầy ắp chi tiết sinh động, nhiều khi có vẻ xô bồ, rậm rạp đấy, nhưng bao giờ cũng phập phồng nhịp thở rạo rức của sự sống.

Nam Cao lại là một phong cách khác, một bản lĩnh khác. Đọc Nam Cao thấy đúng như ông nói: “*Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có...*” (*Đời thừa*).

Vì thế, đề tài của ông tuy không mới, tác phẩm của ông vẫn có nhiều đặc sắc tân kỳ.

Nam Cao viết về hai đề tài chính: nông dân và người tiểu tư sản trí thức nghèo.

Khác với các không khí đấu tranh giai cấp sục sôi, náo nhiệt trong *Tất đèn* của Ngô Tất Tố, *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan, nông thôn của Nam Cao có một cái gì vắng lặng xơ xác, hoang vu, khiến người ta tưởng chừng nghe thấy rõ tiếng vãn mình mệt mỏi của những thớ gỗ trong cái kèo, cái cột, một buổi trưa hè (*Nửa đêm*). Ở đây, những gia đình nông dân không mấy khi toàn vẹn. Cuộc sống đói nghèo và nạn cường hào đã bắt vợ chồng, mẹ con, anh em phải ly tán, người này di phu Nam Kỳ, người kia đăng lính sang Tây, người nọ ngược rừng kiếm miếng ăn, kẻ khác đã chết từ năm nào vì mất mùa, đói kém... Dưới những mái lều tranh, người nông dân của Nam Cao thường một hình một bóng, tự mình lại nói chuyện với mình, đọc thoại nội tâm triền miên, âm thầm, buồn tủi. Cũng có khi có hai ba người ngồi nói chuyện với nhau, giọng rì rầm đều đều buồn nản: một người đàn ông góa vợ nói chuyện với một đứa con con (*Một đám cưới*), một ông lão già lẩm cẩm ngồi tâm sự với một con chó vàng (*Lão Hạc*), một đôi “tri kỷ” khốn khổ, bị cuộc đời hất hủi và xua đuổi, ngẫu nhiên tìm đến với nhau bên một góc hè vắng (*Lang Rận*), hay một xó vườn hoang (*Chí Phèo*), v.v... Trong cái im lìm hoang vắng ấy, đôi khi cũng dội lên một tiếng động lớn, nhưng nếu không phải là một bà lão già ngồi hờ con, khóc cháu (*Một bữa no*), thì lại là tiếng chửi trời, chửi đất của một kẻ cùng đường mất trí, không ai thèm đáp lại (*Chí Phèo*). Ở cái nông thôn ấy, cũng có *Một đám cưới*. Nhưng đám cưới mà chẳng vui gì hơn một đám ma nghèo: vên vện chỉ có dăm người, cả nhà gái, nhà trai. Ông bố vợ kéo mấy cành rào lấp ngõ, và đám cưới ra đi. Mẹ chồng thì quần đụp, áo vá. Cô dâu cũng chẳng hơn gì. “*Nó sụt sịt khóc, đi bên cạnh mẹ chồng. Chú rể dắt đứa em lớn của Dân. Còn thằng bé thì ông bố công. Cả bọn đi lủi thủi trong sương lạnh và bóng tối như một gia đình xám lẳng lặng dắt díu nhau đi tìm chỗ ngủ*”.

Trong số những truyện ngắn Nam Cao viết về người nông dân, *Chí Phèo* xứng đáng được coi là kiệt tác.

Khi *Chí Phèo* chưa ra đời, nói đến cái khổ của người nông dân, người ta nghĩ rằng khó tìm được cái gì hơn những nỗi khổ của anh Pha (*Bước đường cùng*), chị Dậu (*Tất đèn*).

Nhưng, khi *Chí Phèo* ngật ngưỡng bước ra từ những trang sách của Nam Cao thì người ta thấy rằng đây mới là hình ảnh thê thảm nhất của kiếp sống người dân cày trong xã hội thực dân, phong kiến. Chị Dậu của Ngô Tất Tố bị sưu thuế săn đuổi, đã phải bán đi tất cả: bán sức lao động, bán khoai, bán chó, bán con, rồi bán sữa đi ở vú. Người nông dân còn có gì để bán được nữa? Ấy thế mà Nam Cao lại phát hiện ra được một thứ tài sản cuối cùng của họ: linh hồn. *Chí Phèo* đã bán linh hồn cho Bá Kiến, cái

trinh hoa quý giá nhất đã phân biệt anh ta với loài vật. Mà bán thật rẻ mạt, cứ bán dần, bán dần, mỗi lần chỉ dăm hào để đi uống rượu. Và anh ta trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại.

Nhưng cái quý nhất của ngòi bút Nam Cao là niềm tin sâu sắc ở bản chất tốt đẹp của người dân lao động. Chí Phèo đã gặp Thị Nở. Tình yêu thô lỗ nhưng chân thật của Thị đã đánh thức bản chất lương thiện của anh tá điền bị vùi lấp từ lâu trong đáy sâu của tâm hồn. Và anh dần dần biến chất hung bạo kia bỗng thấy mình trở thành nhà thơ, một buổi sớm mai bên vườn chuối, bờ sông làng Vũ Đại: *"Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng cười nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá..."*. Nhưng, bi kịch của Chí Phèo lại chính là bắt đầu ở đó, ở cái ước mơ lương thiện của anh ta. Nào có cao xa gì cái ước mơ như thế. Ngày xưa Thạch Sanh trở lại cõi đời để lấy công chúa Quỳnh Nga. Chí Phèo chỉ mong trở về cuộc sống người dân thường để kết duyên cùng Thị Nở. Vậy mà cũng không thể được. Xã hội độc ác đã đóng dấu lên mặt anh ta bằng những vết sẹo ngang dọc và đã tạo cho anh ta một cái lý lịch đầy án tích.

Chí Phèo ra đời đầu năm 1941. Nam Cao lúc đó chắc chưa hiểu gì thật sự về thời cuộc. Nhưng qua tác phẩm, dường như nhà văn đã cảm nhận được cái không khí khủng hoảng dữ dội của xã hội thuộc địa, của chế độ cường hào địa chủ của nông thôn. Bọn thống trị giờ đây không thể cứ đè nén một chiều như Nghị Quế (*Tắt đèn*), Nghị Lại (*Bước đường cùng*) trước kia nữa. Nhưng, dù khôn ngoan lẻo lá đến như Bá Kiến mà vẫn "ở không yên ổn, ngồi không vững vàng". Người dân càng sống khổ quá, bị ức hiếp quá, đã muốn nổi loạn. Tiếp theo Binh Chức và Năm Thọ, Chí Phèo phải xách dao đến nhà Bá Kiến. Lời lẽ của anh ta thật là kỳ quái, lảm cẩm - "đúng là thằng Chí Phèo say rượu" - nhưng cũng thật là thông minh sâu sắc biết bao! Từ nhà thơ, Chí Phèo lại bỗng trở thành nhà triết lý: *"Tao muốn làm người lương thiện!... Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những vết mảnh chai trên mặt này?"*.

Chí Phèo đã đâm Bá Kiến và tự sát. Một cuộc nổi loạn liêu lĩnh và bế tắc dĩ nhiên phải kết thúc như vậy. Nhưng lưỡi dao Chí Phèo vung lên như bắt đầu thấy lấp lánh ánh sáng của ý thức giai cấp của người dân cày, và đồng thời, như lóe lên cái ánh chớp báo trước một cơn giông tố dữ dội sẽ quét sạch chế độ thực dân, cường hào, địa chủ trên đất nước ta.

Đề tài người tiểu tư sản trí thức cũng không có gì mới lạ đối với các xu hướng văn học 1930-1945. Nhưng dưới ngòi bút Nam Cao, lần đầu tiên, nhân vật ấy được đem ra mổ xẻ bằng lưỡi dao giải phẫu tinh vi, chính xác và nghiêm khắc của chủ nghĩa hiện thực.

Đề tài này thử thách gay gắt khả năng khách thể hóa chính bản thân người cầm bút tiểu tư sản. Nam Cao đã chứng tỏ bản lĩnh của mình ở chỗ không ngần ngại lách sâu ngòi bút vào đúng những góc ngách kín đáo nhất của tâm hồn mà sự đụng chạm làm cho đau đớn nhất.

Nam Cao ghét cay ghét đắng những thói quen phàm tục tiểu tư sản, đặc biệt là lối sống nhỏ nhen, ích kỷ, tính giả dối và thái độ hèn nhát. Mỗi truyện ngắn, truyện dài của ông viết về tiểu tư sản là một cuộc phân tích và chế giễu cay độc những thói xấu ấy. Đó chính là sự hình tượng hóa cuộc đấu tranh tư tưởng triền miên căng thẳng của bản thân ông, xét đến cùng, là cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa nhân đạo thiết tha với chủ nghĩa cá nhân, là sự vùng vẫy muốn vượt ra khỏi tình trạng “sống mòn” về tinh thần của người tiểu tư sản trí thức trong xã hội cũ. Đây là một cuộc đấu tranh không lối thoát, vì tác giả tuy am hiểu tường tận mọi ngõ ngách của tâm tư anh tiểu tư sản, nhưng làm thế nào để đi ra khỏi cái vòng luẩn quẩn của chính cái tâm tư ấy thì không biết. Tình trạng bế tắc ấy đã đem đến cho Nam Cao một giọng văn riêng, vừa ngậm ngùi, buồn tủi, vừa đắng cay, chua chát, lại pha lối tự trào cười ra nước mắt.

Tác phẩm Nam Cao để lại chủ yếu là truyện ngắn. Trước Cách mạng Tháng Tám, ông cũng viết mấy truyện dài, nhưng phần lớn chưa xuất bản. Hiện nay chúng ta chỉ có trong tay hai truyện dài của nhà văn: *Sống mòn* và *Chuyện người hàng xóm*.

Sống mòn vốn tên là *Chết mòn*. Cũng một ý nghĩa ấy thôi; vấn đề sống chết về tinh thần của con người ta - một chủ đề có màu sắc triết lý rất Nam Cao. Tác giả quan niệm sống là phải có tâm hồn phong phú, có ước mơ cao đẹp, có tình nhân ái bao la, phải biết lao động tự giác vì lợi ích chung, phải có nhân cách, biết tự trọng. Với quan niệm ấy, tác giả phê phán sâu sắc những con người “chết ngay khi đang sống”. Nhân vật *Sống mòn* có nhiều loại, thành thị có, nông thôn có, dân nghèo có, tư sản có. Nhưng chủ yếu là mấy người tiểu tư sản trí thức nghèo, sống bằng nghề dạy học ở ngoại ô Hà Nội: những con người tầm thường, phàm tục, tầm suy nghĩ, ước mơ không vượt xa hơn bữa cơm hằng ngày. Họ sống quẩn quanh với nhau trong một môi trường chật hẹp và khép kín như một vũng ao tù mà họ cứ khuấy cho đục ngầu lên bằng những xung đột nhỏ nhen, ích kỷ và ngu xuẩn. Trong cái thế giới u mê dần dần ấy, chỉ có một con người tỉnh thức: Thứ. Nhưng sự tỉnh thức của anh ta chỉ vừa đủ để thấy mình đang “sống mòn” mà không sao thoát ra được.

Nói *Sống mòn* là sự tổng hợp những truyện ngắn viết về đề tài tiểu tư sản của Nam Cao, chưa phải đã hoàn toàn đúng. Bởi vì cuốn tiểu thuyết còn mở rộng diện khái quát tới nhiều tầng lớp xã hội khác, đồng thời đặt ra nhiều vấn đề chưa thấy ở những truyện ngắn kia: vấn đề tình yêu, vấn đề hạnh phúc, vấn đề nhân phẩm và quyền bình đẳng của người phụ nữ, vấn đề cải tạo xã hội, vấn đề vận mệnh của nhân loại, v.v...

Đứng về mặt thể tài tiểu thuyết, *Sống mòn* là một hiện tượng độc đáo và đột xuất. Một lối tiểu thuyết cứ như phóng bút một cách tùy tiện theo dòng tâm sự của nhân vật với nhiều đoạn tạt ngang dài dòng tương tự lạc đề. Vậy

mà tác phẩm vẫn giữ được tính thống nhất chặt chẽ xoay quanh quan niệm nhất quán của nhà văn về sự sống và cái chết trong tâm hồn của con người. Chủ đề triết lý thấm rất sâu sắc vào mọi chi tiết, liên kết các số phận nhân vật và đem đến cho những câu chuyện vụn vặt, tũn mủn của mấy con người tiểu tư sản ý nghĩa khái quát xã hội rộng lớn.

Chuyện người hàng xóm lại đi vào một đề tài khác: thế giới những người dân nghèo thành thị, bao gồm thợ thuyền, phu phen, người buôn bán vật, gái điếm, v.v... Họ sống nhếch nhác, lam lũ, chen chúc trong một xóm ngoại ô bẩn thỉu có cái tên mỉa mai: xóm Bài Thơ.

Tác phẩm chủ yếu xoay quanh số phận của ba nhân vật: Lộc, Hiền, Tiên. Phần đầu nói về những ngày thơ ấu của họ ở xóm Bài Thơ. Phần sau cho họ gặp lại nhau sau nhiều năm xa cách, mỗi người một số phận, nhưng tất cả đều trải qua những bước đốn đau, tủi nhục trong một xã hội bất công, tàn ác.

Theo dõi sát ngòi bút của Nam Cao, người đọc có thể cảm nhận được *Chuyện người hàng xóm* một vài yếu tố mới mẻ về tư tưởng và bút pháp: một cái nhìn xã hội theo quan điểm đối lập dứt khoát giữa nhân dân lao động nghèo khổ nhưng tốt bụng, với bọn bóc lột tàn ác. Một chủ nghĩa lạc quan tươi sáng làm cơ sở cho một giọng văn ít chua chát hơn và một bút pháp thiên về lý tưởng hóa khi viết về bản chất tốt đẹp, nghị lực sống và mối tình cao cả như sen nở giữa bùn lầy của ba nhân vật trẻ nói trên.

Truyện Nam Cao đạt tới trình độ điêu luyện trong nghệ thuật phân tích tâm lý. Nam Cao có khả năng đi vào những trạng thái tâm lý không rõ ràng, dứt khoát như trạng thái dở cười dở khóc (*Những cánh hoa tàn, Cái mặt không chơi được, Người thợ giặt, Cười, Quên điều độ...*), dở say dở tỉnh (*Chí Phèo*), v.v... Ông cũng hay đi vào những tính cách phức tạp đang trong quá trình diễn biến (*Trăng sáng, Đời thừa, Nước mắt, Tư cách mõ, Chí Phèo, Sống mòn, v.v...*).

Để giải quyết nhu cầu tố cáo xã hội theo cách riêng của mình, Nam Cao thường hay đặt nhân vật (thường là nhân vật nông dân) vào vị trí đặc biệt trên biên giới giữa con người và con vật. Và như thế là ông cũng đặt mình - với tư cách là nhà văn - đứng cheo leo bên bờ vực thẳm: trên này là chủ nghĩa nhân đạo, dưới kia là chủ nghĩa tự nhiên đỗi bại. Trong tình thế éo le do ngòi bút Nam Cao không tránh khỏi có lúc ngả nghiêng, chao đảo. Nhưng người đọc, sau những giây phút hồi hộp, lo âu, càng thêm tin tưởng và cảm phục cái "thiện căn" bền chặt cũng như cái bản lĩnh vững vàng của nhà văn, khi thấy ông cuối cùng vẫn trụ lại được trên bờ (*Một bữa no, Lang Rận, Chí Phèo*)...

Văn kể chuyện của Nam Cao biến hóa linh hoạt, thường chuyển qua chuyển lại giữa quan điểm tác giả và quan điểm nhân vật với những đoạn độc thoại nội tâm hết sức chân thật, hấp dẫn, như vẽ ra cụ thể, sinh động về mặt tinh thần của nhân vật (*Chí Phèo, Một đám cưới, Từ ngày mẹ chết, v.v...*). Thêm vào đó là sự kết hợp bút pháp tự sự lạnh lùng với bút pháp trữ tình tha

thiết, hoặc viết lên như những tứ thơ man mác, hoặc lãng mạn trong những suy nghĩ triết lý thâm trầm (*Đì Hảo, Lão Hạc, Đời Thừa, Mua nhà, Sống mòn, v.v...*).

Nam Cao có lối kết cấu tác phẩm vừa phóng túng, tự nhiên, vừa chặt chẽ, tạo nên một thể thống nhất hoàn chỉnh. Một thứ kết cấu dựa theo lôgic của tâm lý nhân vật hơn là theo sự kiện và cốt truyện. *Chí Phèo, Sống mòn, Trăng sáng, Đời thừa, Lão Hạc, Một đám cưới, Mua nhà, Từ ngày mẹ chết, v.v...* là những mẫu mực về phương diện này.

Nam Cao cũng có nhiều đóng góp sáng tạo về ngôn ngữ văn xuôi. Sự hấp dẫn của văn Nam Cao một phần quan trọng là do sức hấp dẫn của một thứ ngôn ngữ phong phú về từ vựng, về cú pháp, về giọng điệu. Một thứ ngôn ngữ đi sát với đời sống, biến hóa như sự sống, nhiều khi cứ như là buông thả theo lối khẩu ngữ dân gian có vẻ dài dòng, luộm thuộm, kỳ thực đã vận dụng tiếng nói của đời sống một cách chủ động với một trình độ nghệ thuật cao.

Tô Hoài sáng tác từ thời kỳ Mặt trận Dân chủ. Hồi ấy, người ta sớm quen với tên tuổi Tô Hoài hơn là Nam Cao.

Tô Hoài viết cả truyện ngắn lẫn truyện dài. Truyện ngắn viết nhiều hơn và chắc tay hơn. Đáng chú ý là hai tập *Nhà nghèo* và *O chuột*.

Nhà nghèo là một tập truyện ngắn viết về nông thôn. Tô Hoài thường nhìn nông thôn nghiêng về phía phong tục với cặp mắt hóm hỉnh, sắc sảo. Có lẽ đây là chỗ hấp dẫn đặc biệt của ngòi bút Tô Hoài: ông nói về tục tảo hôn (*Vợ chồng trẻ con*), tục *khách nợ*, tục cúng bái mê tín (*Ông Cúm bà Co*), cả đến “tục” vợ chồng cãi nhau, làng xóm nhiếc móc nhau (*Nhà nghèo, Mẹ già...*), v.v...

Nhưng, đằng sau “nhân quang phong tục” ấy vẫn có con mắt của một nhà văn xã hội, một cây bút hiện thực. Đọc truyện Tô Hoài, thấy cuộc đời người nông dân ngày xưa thật khổ cực vô cùng. Đúng như tác giả nói, cái nghèo, cái đói luôn luôn là bạn thân thiết, thủy chung của họ. Cái chết của vợ bác Hối trong *Ông Cúm bà Co* quả có một phần do mê tín dị đoan, nhưng trước hết là do cuộc đời người dân bà nông dân này quá lam lũ, vất vả. Tô Hoài thường đưa ra những chi tiết đến rợn cả người. Chẳng hạn như cái chết đột ngột của cái Gái con anh Duyệt trong *Nhà nghèo*. Trời mưa, nó đi bắt nhái kiếm bữa ăn cho gia đình, chẳng may bị rắn độc cắn chết. “*Duyệt cúi ẵm sát con. Anh chọt nghi răng bấy lâu nó vào cửa vợ chồng anh, cực khổ trăm đường. Người nó bao nhiêu xương sườn, giờ hết cả ra. Thương ơi! Bây giờ nó bỏ nó đi. Hai hàng nước mắt rỏ ròng ròng. Anh ghé vai, xúc con lên. Anh công cái xác con vẫn còn ấm nóng, chạy về*”.

Tô Hoài cũng hay viết về những bà mẹ nghèo suốt đời khó nhọc mà chẳng bao giờ gặp được điều gì may mắn. Hình ảnh bà cụ Vội trong *Mẹ già* có một cái gì quá tội nghiệp, gây cảm giác nặng nề cho người đọc. Hình ảnh người mẹ trong *U Tám* đạt hơn. Thông qua cái nhìn và tình cảm hồn nhiên

của một đứa trẻ trong truyện, U Tám hiện lên thật thà, chất phác, bình dị đến thô kệch, nhưng tâm hồn thật trong trẻo, đẹp đẽ biết bao!

O chuột là một tập truyện độc đáo viết về loài vật. Phải coi đây là sở trường đặc biệt của Tô Hoài. Thành công của tác phẩm chẳng những do tài quan sát tinh tế, sắc sảo của nhà văn, mà còn do người viết thật sự yêu mến, thật sự “sống” với thế giới nhân vật của mình. Vì thế, những con mèo, con chó, con chuột (*O chuột, Truyện gà chuột bạch*), con chim gi đá (*Đôi gi đá*), con gà trống (*Một cuộc bể dâu*), v.v... của ông cũng như có tâm tình, có cá tính, có số phận nữa.

Truyện loài vật của Tô Hoài, xét đến cùng, lại vẫn là hình ảnh phản chiếu thế giới loài người, hay nói cụ thể hơn, thế giới những nông dân nghèo và những người thợ dệt làng Nghĩa Đô đang trên đà sa sút, bần cùng hóa dưới chế độ thực dân. Nhìn một con chim gi đá, tác giả có thể nhận ra “*hình bóng một thứ người cù rù, nhưng nhẫn nại, lam lũ và luôn luôn chân lấm tay bùn - thứ người cần lao của đồng ruộng*”. “*Họ (đôi chim gi đá), ăn ở dè dặt, bình lặng, chịu khó, ít ồn ã. Cuộc đời trôi chảy âm thầm dưới khu lá xanh, y như cuộc đời của những người Nghĩa Đô, cần cù và nghèo khổ trên cái khung cửi, trong bốn lũy tre già*” (*Đôi gi đá*).

O chuột sẽ là một tác phẩm trọn vẹn, nếu không xen vào cái truyện *Cu Lặc* như một vết nhỏ. Nhà văn tàn nhẫn xếp một con người vào hàng súc vật.

Trước Cách mạng Tháng Tám, Tô Hoài có hai cuốn tiểu thuyết *Quê người* và *Cỏ dại*.

Quê người tập hợp những hiểu biết của Tô Hoài về phong tục tập quán của vùng Kẻ Bưởi và về số phận bi thảm của những người nông dân, đặc biệt là những người thợ dệt lĩnh ở mấy thôn xóm ngoại thành này. Tác phẩm chưa chứng tỏ tác giả là một nhà tiểu thuyết có kỹ thuật chắc chắn, tuy có nhiều trang viết hóm hỉnh, sinh động. Đây có lẽ là cái vốn sống tự nhiên phong phú nhất của nhà văn trước Cách mạng Tháng Tám, nhưng chưa nhào nặn, tổ chức lại thành một kết cấu nghệ thuật chặt chẽ, để làm sáng tỏ những tư tưởng sâu sắc.

Cỏ dại là một loại tự truyện khá hấp dẫn, một tập ký ức cảm động của nhà văn về “những ngày ấu thơ nó leo hoang trong đám cỏ bên lề đường đi. Cái giống cỏ dại, cỏ không có tên, rườm rà ken khít nhau bò ngẩn ngơ trong mấy khoảng đất rác rưởi”.

Tác giả thông qua những kỷ niệm đầy chất thơ của nhà văn, đã phản ánh được những biến đổi lần lần, chậm chạp trong nền nếp sinh hoạt của người nông dân Việt Nam vùng ven thành Hà Nội, gắn liền với tình trạng bần cùng hóa của họ.

Nghiên cứu Tô Hoài, không thể không đọc *Cỏ dại* như là một tài liệu cơ bản, vì tác phẩm cho ta biết một cách cụ thể những gì đã tạo nên tâm hồn

áy, cây bút ấy: thế giới thiên nhiên với đủ thứ cây cỏ, chim muông; những khung cảnh đầy bí ẩn đối với trí tưởng tượng của tuổi thơ, ảnh hưởng của ông, bà nội ngoại với những truyện cổ tích, những truyền thuyết lịch sử gợi lên “những ngày xưa cũ kỳ dị mệnh mang”...; xã hội vùng ngoại thành Hà Nội với những phong tục và những con người của nó, v.v...

Tô Hoài tuy sớm giác ngộ cách mạng, nhưng ảnh hưởng của tư tưởng cách mạng chưa thay đổi cái chất u buồn ám đạm luôn luôn đè nặng trên những dòng chữ của ông. Ông thường hay nói đến những cảnh ly tán, tha hương, những kiếp người mòn mỏi như là những ánh chiều úa vàng lịm tắt dần trên những cánh đồng hoang vắng, xác xơ.

Nhưng Tô Hoài là một tâm hồn hết sức gắn bó với quê hương, đất nước mình. Có thể tìm thấy trong tác phẩm của ông những phong cảnh, phong tục, những con người rất đời Việt Nam. Nhà văn có một khiếu quan sát hết sức phong phú và sắc sảo, tài hoa, hiểu theo nghĩa vận dụng toàn bộ các giác quan để ghi nhận cảnh vật bên ngoài với tất cả các hình dáng, sự hoạt động, âm thanh, màu sắc, mùi vị của nó. Ông cũng có một trí tưởng tượng mạnh mẽ giúp ông rất nhiều khi miêu tả loài vật và viết truyện thiếu nhi (*Đế mèn phiêu lưu ký* là một thành công xuất sắc), đồng thời có một vốn ngôn ngữ giàu có mà ông cần cù tích lũy để tạo nên những bức tranh chân thật, góc cạnh và đầy hương sắc.

Tìm hiểu đội ngũ các nhà văn hiện thực thời kỳ 1940-1945, có thể nhận xét khái quát này: nếu ở thời kỳ trước, trên cái nền chung của cả phong trào sáng tác hướng về hiện thực, nổi bậc hẳn lên vài ba cây bút xuất sắc như Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố..., thì ở thời kỳ này, tuy khờng phải không có những tên tuổi nổi trội, nhưng bên cạnh nó, còn có hàng loạt cây bút không đến nổi kém cõi, lu mờ. Họ chưa viết nhiều lắm, nhưng cũng không quá ít, nghĩa là đủ để chứng tỏ là những tài năng thật sự. Đặt bên cạnh nhau, không phải không có thể cân nhắc kẻ hơn người kém về mặt này mặt khác, nhưng nhìn chung, họ cứ sần sần một cỡ, mỗi người một vẻ, cùng đóng góp công sức vào phong trào chung. Chúng ta có thể phân biệt một số chủ yếu viết truyện dài như Mạnh Phú Tư, Đỗ Đức Thu, Nguyễn Đình Lạp, Bùi Huy Phồn, Nguyễn Huy Tưởng... Số khác chủ yếu viết truyện ngắn như Bùi Hiển, Thanh Tịnh, Kim Lân, Tam Kính, Hương Minh¹.

Về Mạnh Phú Tư đáng chú ý là hai tập tiểu thuyết *Làm lê* và *Sống nhờ*. Hai tác phẩm này đều viết về nông thôn, nhưng tác giả chủ yếu đi vào đời sống của tầng lớp trung lưu và thường xoay quanh những vấn đề thuộc quan hệ gia đình. Ý nghĩa xã hội của tác phẩm thu hẹp trong việc lên án lễ giáo phong kiến hủ bại và những thói tham lam ác độc, những tật đố kỵ nhỏ nhen

1. Phi Vân là một cây bút rất đặc sắc, nhưng thể tài thật khó xác định là truyện ngắn, truyện dài hay phóng sự.

giữa vợ cả, vợ lẽ, mẹ chồng nàng dâu, giữa anh em, chị em, và họ hàng làng xóm sau lũy tre xanh.

Làm lẽ dường như nằm trong hệ thống chủ đề của tiểu thuyết Tự lực văn đoàn (*Nửa chừng xuân, Đoạn tuyệt, Lạnh lùng, Thoát ly v.v...*). Khác chăng là ở chỗ tác phẩm này ít nhiều có gắn bó vấn đề phụ nữ với vấn đề quan hệ giàu nghèo bất công trong xã hội cũ. Để tăng sức tố cáo của tác phẩm, tác giả có dụng ý đặt nhân vật vợ lẽ vào một hoàn cảnh phải chịu đựng đủ thứ đau khổ, nhục nhã dưới uy quyền của người vợ cả. Nhưng nhược điểm của tác phẩm là quá nhấn mạnh vào tính nhân nhục của kẻ bị áp bức, khiến người đọc có cảm tưởng như người nông dân lao động ngày xưa quá hèn yếu, thậm chí không có ý thức gì về nhân phẩm của mình.

Sống nhờ là một tự truyện hay, một thứ tiểu thuyết - hồi ký. Ý nghĩa xã hội của tác phẩm rộng hơn và sâu hơn *Làm lẽ, Sống nhờ* đi sâu vào những mối bất hòa triền miên không sao dàn xếp nổi trong những gia đình nông dân do chế độ tư hữu sinh ra. Những quyền lợi ích kỷ, những tính toán thu và thu vén của mỗi gia đình đã làm tiêu ma biết bao tình cảm tốt đẹp giữa mẹ và con, anh và em, giữa những người làm cha, làm chú với con cháu mình. Chế độ tư hữu làm cho người đàn ông, đàn bà vốn tốt bụng mà thành ra độc ác. Họ đã chẳng sung sướng gì, nhưng lại cứ hành hạ nhau thêm, gây ra biết bao bi kịch căng thẳng một cách ngu xuẩn. Nạn nhân đau khổ nhất của những mối bất hòa đó là một đứa trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ, phải "sống nhờ" hết cửa này đến cửa khác, từ bà nội đến bà ngoại, từ cô này đến chú khác...

Đọc *Sống nhờ*, ta lại thấy vấn đề day dứt, ám ảnh nhất đối với Mạnh Phú Tư vẫn là tình trạng người phụ nữ bị đày đọa bởi những tập tục phong kiến. Bên cạnh những trang cảm động viết về tâm sự đứa trẻ mồ côi, tác phẩm còn có nhiều trang đặc sắc viết về tình cảnh một người mẹ trẻ góa bụa bị mẹ chồng rình mò "giám sát" không cho đi bước nữa. Đến khi người quả phụ liều lĩnh, trốn đi theo tiếng gọi của hạnh phúc thì tình mẹ con lại bị cắt đứt một cách vô lý và tàn nhẫn.

Trong các tác phẩm của Mạnh Phú Tư, *Sống nhờ* là cuốn truyện có nội dung hiện thực phong phú nhất, đồng thời cũng giàu chất trữ tình nhân đạo chủ nghĩa chân thật và thấm thiết nhất.

Đỗ Đức Thu là một người viết tiểu thuyết tương đối chắc tay. Không phải là một ngòi bút hiện thực chủ nghĩa có tầm khái quát rộng lớn, ông chỉ là nhà văn của những bi kịch gia đình (chủ yếu là những gia đình tiểu tư sản trung lưu trong xã hội cũ). Tuy nhiên trong phạm vi đề tài này, ông tỏ ra có những hiểu biết sâu sắc.

Đứa con là tác phẩm tiêu biểu nhất của Đỗ Đức Thu. Cuốn tiểu thuyết viết về tâm lý của một người đàn bà khao khát có một đứa con. Một nhu cầu làm mẹ mãnh liệt đã khiến người phụ nữ ấy nghĩ ra biết bao mưu chước sắc sảo, nhưng cuối cùng lại trở thành nạn nhân khốn khổ của những mưu chước

đó. Và cái chết thê thảm đã đánh dấu hết cho những nỗi mong mỏi đau đớn và thất vọng của con người tội nghiệp này.

Đứa con có những chương đạt tới kịch tính cao. Nhiều đoạn phân tích tâm lý tinh vi, chính xác, bên cạnh một số trang khá sắc châm biếm tính chất tầm thường, phàm tục của sinh hoạt giới viên chức tỉnh nhỏ ngày xưa.

Nguyễn Đình Lạp chuyên viết phóng sự và các loại tiểu thuyết - phóng sự. Đáng chú ý hai tập: *Ngoại ô*, *Ngõ hẻm*. Đây là hai cuốn tiểu thuyết - phóng sự nối tiếp nhau viết về sinh hoạt nghề nghiệp và phong tục tập quán của những người dân nghèo vùng ngoại ô Hà Nội, gắn liền với tình trạng cùng quẫn bế tắc của họ dưới chế độ thực dân.

Đọc *Ngoại ô*, *Ngõ hẻm*, người ta nhận thấy Nguyễn Đình Lạp dường như bao giờ cũng xuất phát từ quan điểm cố định về bản chất tốt đẹp của người dân lao động nghèo khổ, cho dù bề ngoài có vẻ táo tợn, ngỗ nghịch, thậm chí đã trở thành gái điếm, lưu manh. Có lẽ vì thế mà ông có thiên hướng lý tưởng hóa, lãng mạn hóa nhân vật của mình chăng? Một số nhân vật du côn anh chị được vẽ thành những anh hùng hảo hán hết như trong *Tam quốc*, *Thủy hử* (Mụ Táo, Trùm Thịnh,...). Có nhân vật lại được miêu tả như một nhà đạo đức ẩn dật, sống theo tinh thần khắc kỷ và có những hành động hy sinh đột ngột hết sức cao cả giống như một bậc thánh nhân (ông già Ất).

Giá trị hiện thực của ngòi bút Nguyễn Đình Lạp là đã phản ánh được tình trạng bần cùng không lối thoát của tầng lớp dân nghèo thành thị trong xã hội cũ (hàng quà bánh, đồ tể, thợ nhà máy, gái điếm, v.v...). Những con người cần cù tốt bụng ấy ít khi có giờ phút được sống thoải mái, yên lành. Cái đói, cái nghèo, nạn sưu thuế, dịch tễ, nạn đội xếp ở thành thị, nạn cường hào ở nông thôn, v.v... luôn luôn đe dọa họ, phá tan tác những tổ ấm gia đình, đẩy họ vào chỗ cùng đường quẫn trí, trở thành những kẻ liêu lĩnh, tuyệt vọng. Ở đây, dĩ nhiên có cái nhìn bi quan bế tắc của nhà văn về lối thoát của xã hội.

Nhìn chung, cách dựng truyện của Nguyễn Đình Lạp có phần dễ dãi. Không có nhân vật nào thật nổi. Nhiều đoạn như pha ít truyện võ hiệp, trinh thám. Nhưng tác giả *Ngoại ô*, *Ngõ hẻm* có một cái nhìn con người thật độ lượng, giọng văn bao giờ cũng đôn hậu. Có thể tìm thấy nhiều trang đặc sắc miêu tả cảnh sinh hoạt khỏe khoắn tươi vui, chứa chan tình bạn hào hiệp, tình yêu trong sáng giữa những người dân nghèo chất phác, thật thà.

Bùi Huy Phồn vừa làm thơ vừa viết truyện. Trước Cách mạng Tháng Tám, ông có hai cuốn tiểu thuyết trào phúng: *Một chuỗi cười* và *Khao*. Qua hai tác phẩm này, ông mượn nghệ thuật cười để phê phán những hủ tục ở nông thôn Việt Nam ngày trước xung quanh việc ma chay, khao vọng. Nhưng chủ đề chính của hai cuốn truyện đặt ở chỗ khác: tác giả muốn phê phán tính chất đều giả, bỉ ổi của bọn cường hào địa chủ, dựa vào hủ tục để đục khoét, chèn chén vô tội vạ (*Khao*), và phơi ra ánh sáng tấn hài kịch thối nát đến cùng cực của một gia đình trưởng giả trong một cuộc "báo hiếu" mẹ linh đình (*Một chuỗi cười*).

Bùi Huy Phồn muốn tiếp tục nối cái dòng trào phúng của Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, đả kích vào tính chất vô đạo của những tầng lớp thống trị, bóc lột trong xã hội thực dân - phong kiến. Bùi Huy Phồn tỏ ra am hiểu rất tường tận cái gọi là mặt trái của những gia đình trưởng giả, trên quan điểm của một kẻ lép vế, bị khinh rẻ, muốn đánh trả lại bằng những đòn hiểm ác. Cho nên, giọng văn tiêu biểu của Bùi Huy Phồn là giọng văn hằn học, chua chát, cay độc.

Nhưng đó vừa là chỗ mạnh vừa là chỗ yếu của ngòi bút trào phúng này. Người ta thấy tiếng cười đả kích của ông thiếu một gốc rễ nhân đạo, nhân tình thật chắc chắn. Sự phê phán của ông vì thế không thật thấm thía.

Nghệ thuật trào phúng của Bùi Huy Phồn hoàn toàn dựa trên sự phóng đại (nhiều khi quá ngoa ngoắt). Qua nhiều chương, ông đã dàn dựng lên được những màn hài kịch hấp dẫn. Nhưng lối gây cười của ông hơi đơn điệu, và ông thường để lộ quá rõ bàn tay sắp xếp, bố trí của mình.

Nguyễn Huy Tưởng, trước Cách mạng Tháng Tám, chuyên viết về đề tài lịch sử. Nhìn chung, ông nổi về kịch (*Vũ Như Tô*, *Cột đồng Mã Viện*) hơn là tiểu thuyết (*Đêm hội Long Trì*, *An Tư*).

Tiểu thuyết lịch sử *Đêm hội Long Trì* viết về tên phò mã hung bạo Đặng Lân, em Đặng Thị Huệ, người ái phi quyền thế của Trịnh Sâm.

Thời kỳ 1930-1945, không thiếu gì những cây bút tiểu thuyết lịch sử. Phần đông theo xu hướng lãng mạn thoát ly, họ tìm đến lịch sử như tìm đến một nơi ẩn náu để khỏi phải nhìn thấy thực tại đen tối. Họ thường không nghiên cứu lịch sử một cách nghiêm túc, mà chỉ dựa vào một sự kiện nào đó, thậm chí một ít truyền thuyết hay dã sử, để thêu dệt nên những câu chuyện ly kỳ, huyền ảo, và bao giờ cũng chan chứa tình tứ lãng mạn và ướm át.

Đọc *Đêm hội Long Trì* của Nguyễn Huy Tưởng, thấy một tinh thần khác hẳn.

Tác giả mượn lịch sử để nhắc nhở trách nhiệm của người dân yêu nước đối với vận mệnh Tổ quốc trong hiện tại. Sự hung bạo của Đặng Lân cũng là sự hung bạo của bọn thực dân, phát xít và tay sai của chúng. Hãy đứng lên như Nguyễn Mai, quyết trừ diệt Đặng Lân, xả thân vì nước, vì dân! Phải chăng tác giả còn muốn phê phán cái xu hướng văn học tiêu cực lúc bấy giờ, khi để cho Nguyễn Mai nói với mấy người bạn của mình đua nhau đến họa thơ tại quán Quỳnh Hoa, đêm hội Long Trì: "*Bọn văn nhân thực là lũ vô ích, ngâm vịnh để làm gì?*".

Tác phẩm thể hiện một quan điểm lịch sử hết sức tiến bộ và nhất quán: đề cao vai trò quyết định của nhân dân đối với lịch sử. Cũng như trong vở kịch *Vũ Như Tô*, những người lao động bị dày dọa bởi chế độ phu phen nặng nhọc, đã đứng dậy như nước vỡ bờ, quét sạch Cửu Trùng Đài, quét luôn cả triều đại của bạo chúa Lê Tương Dực, trong *Đêm hội Long Trì*, nhân dân thành Thăng Long, được Nguyễn Mai giải phóng khỏi nanh vuốt Đặng Lân, đã ào ào kéo đến phủ chúa Tĩnh Đô để làm áp lực cứu ân nhân của mình. Và

Trịnh Sâm đã phải nhượng bộ, quyết định tha bổng cho Nguyễn Mai để nêu gương trung nghĩa.

An Tư là một tiểu thuyết lịch sử chưa hoàn thành, dang dở dang trên báo *Tri tân*. Tác phẩm ngợi ca chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông thời nhà Trần, qua những nhân vật lịch sử rất đẹp như Trần Hưng Đạo, Trần Bình Trọng, Trần Quốc Toản và công chúa An Tư, người con gái đã hy sinh cả một đời tài sắc của mình cho Tổ quốc.

Văn Nguyễn Huy Tưởng không có được cái gân guốc, góc cạnh, dữ dội mà những đề tài lịch sử kia đòi hỏi. Nhưng, để bù lại, ông có những tri thức lịch sử đúng đắn, chắc chắn, có lối diễn đạt trong sáng, giọng văn thì đôn hậu. Đoạn Nguyễn Mai từ biệt vợ con trước khi đi giết Đặng Lân, có một cái gì gợi nhớ đến cảnh Hécto từ biệt Ăngđrômác và Axtianác trước khi quyết đấu với Asin trong sử thi *Iliát* của Hôme.

Như phần trên đã nói, thành tựu đặc sắc nhất của văn học hiện thực phê phán thời kỳ 1940-1945, về mặt thể loại, không phải là truyện dài mà là truyện ngắn. Thời kỳ này xuất hiện nhiều cây bút chỉ viết truyện ngắn mà gây được nhiều tiếng vang trong dư luận.

Trước hết, có thể kể Bùi Hiển. Truyện ngắn của Bùi Hiển trước Cách mạng phần lớn được tập hợp trong cuốn *Năm vạ*. Một số khác đăng rải rác trên *Tiểu thuyết thứ bảy*, *Hà Nội tân văn*, nhất là *Trung Bắc chủ nhật*.

Bùi Hiển có một số truyện viết về người tiểu tư sản. Đề tài và khuynh hướng tư tưởng có một cái gì như là tiếp nối cái dòng truyện ngắn Thạch Lam: *Làm cha*, *Cái đồng hồ*, *Hai anh học trò có vợ*, *Ốm*, v.v... Ông thường kể những câu chuyện vụn vặt về con người tầm thường (phần lớn thuộc loại viên chức, học sinh nghèo, tỉnh nhỏ) sinh ra và lớn lên một cách còm cõi trong môi trường của những cái hằng ngày xám ngắt, vô nghĩa (*grisaille quotidienne*). Âm hưởng chung của những truyện này dĩ nhiên là buồn. Người ta có cảm tưởng như tác giả thả dần từng mảnh tâm hồn của mình vào cái không khí hoang hờn tàn tạ trên những phố xá tỉnh nhỏ bằng phẳng, vắng vẻ, đơn điệu ngày xưa.

Phần đóng góp mới mẻ, độc đáo hơn của Bùi Hiển là những truyện viết về người dân chài vùng biển Nghệ Tĩnh. Phải là một con người yêu mến thật sự và am hiểu tường tận lắm phong cách và con người vùng quê hương của mình mới có thể viết được những tác phẩm như *Chiều sương*, *Năm vạ*, *Ma đậu*, *Thằng Xin*, *Chuyện ông Ba Bị dân chài*, v.v...

Trong *Chiều sương*, tác giả dường như có dụng ý gợi lên những hình ảnh chập chờn ma quái để nói đến cái tính chất huyền bí khủng khiếp của biển cả. Nhưng chính trong không khí ghê sợ ấy, tác phẩm hình như mới phản ánh được cuộc sống lao động cực nhọc, quyết liệt, dũng cảm của những người lao động trên mặt biển, hàng ngày vật lộn với cái chết giữa sóng cuồng, gió

dữ, *Thằng Xin* lại đưa ra hình ảnh một anh chài cực cần, hung dữ, nhưng để nói lên những khó khăn, vất vả của cuộc sinh nhai căng thẳng của họ, nhiều khi phải liều lĩnh lao vào cái chết để chống lại đói nghèo.

Năm vợ, Ma đậu, Chuyện ông Ba Bị dân chài có cái nhìn nghiêng về phía những phong tục lạc hậu, ngộ nghĩnh, những cung cách sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày chất phác, thật thà của người dân vùng biển. Cái khó của những cây bút tiểu tư sản khi viết về đề tài này là dễ mắc phải cái cười giễu cợt ác độc kiểu Khái Hưng đối với anh dân chài Vọi trong *Trống Mái*. Nhưng, dưới ngòi bút Bùi Hiển, cái sắc sảo, hóm hỉnh của trí tuệ, kết hợp được với tấm lòng hiền hòa, đôn hậu của tâm hồn người cầm bút, đã tạo ra được những trang viết chân thật, lành mạnh, sinh động, tươi vui về những người dân chài Nghệ Tĩnh tuy bề ngoài có vẻ quê kệch, vụng về, nhưng tâm hồn thật là trong trẻo và luôn luôn yêu đời. Một tinh thần lạc quan, hồn nhiên, tự phát đã giúp họ có thể chịu đựng và vượt qua mọi thử thách của cuộc đời cực khổ, dưới chế độ thực dân, phong kiến đen tối và trong một hoàn cảnh thiên nhiên khắc nghiệt, phũ phàng.

Nhìn chung, Bùi Hiển là cây bút truyện ngắn chắc chắn, có một năng lực quan sát sắc sảo, một khả năng diễn tả tài hoa và một tấm lòng trung hậu.

Cùng quê với Bùi Hiển, có Tam Kính. Ông cũng là người chuyên viết truyện ngắn về người dân quê Nghệ Tĩnh – không phải là dân chài, mà là dân cày.

Tam Kính có một số truyện ngắn đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* và *Trung Bắc chủ nhật* khoảng 1943, 1944. Ông chưa viết được nhiều và viết cũng chưa đều tay. Dường như ông cũng đang thử bút trên nhiều cách kể chuyện, dựng truyện khác nhau. Những *Thoát nạn*, *Nhấn nhục*, *Sấm mã*, *Về Hai Ngõ*, *Đập đất*, *Cái bu gà vô dụng...* có thể coi là những truyện ngắn tốt.

Thoát nạn là một tác phẩm xinh xắn, tươi vui, châm biếm vào cái tình đồng hương của một bà Lại Hân nào đó. Ngòi bút khá tinh tế và hóm hỉnh của tác giả đã diễn tả được những tình cảm của người đàn bà tiểu tư sản này vừa chân thật, vừa giả dối, nhưng nói chung là quá mỏng manh, không đủ thắng nổi những tính toán thiệt hơn nó làm cho bà ta âm thầm đau khổ. *Cái bu gà vô dụng* cũng có một nụ cười hóm hỉnh nhưng đôn hậu hơn, vì tác giả viết về cuộc sống hồn nhiên chất phác của một đôi vợ chồng nông dân trẻ tuổi – giống nụ cười của Bùi Hiển trong *Năm vợ, Ma đậu*, nhất là *Chuyện ông Ba Bị dân chài*.

Nhấn nhục, *Sấm mã*, *Đập đất* lại gần như khuynh hướng của Nam Cao: viết về những tầng lớp nông dân nghèo khổ nhất, đặc biệt là những người đàn bà bị khinh rẻ và dày dạn đến cùng cực, những con người cần cù, lam lũ, giàu lòng vị tha, nhưng sống hèn yếu, nhấn nhục như con giun, con dế. Trong *Sấm mã*, thêm vào sự khốn khổ do đói nghèo và bị ức hiếp, người nông dân còn chịu những nỗi khổ khác do mê tín dị đoan. Một không khí

thê thảm đến ghê rợn, gợi lên bằng âm hưởng tiếng “khóc mã” của một người vợ góa, bán thân đã cùng quẫn, nhưng còn phải lo sao cho chồng khỏi đói rét ở thế giới bên kia. Về *Hai Ngọ* cũng chứa đựng một nội dung hiện thực nghiêm túc giấu sau một nụ cười có vẻ hóm hỉnh. Truyện viết về mối tình tuyệt vọng của một anh nông dân nghèo không cha không mẹ, nhưng tài hoa và tốt bụng, với một cô gái tài sắc trong làng. Tác phẩm kết thúc bằng một cái chết bi thảm của anh dân cày – nghệ sĩ khi người yêu bị ép gả cho một lão đội khổ xanh nào đó.

Tam Kính có óc quan sát tinh tế và một lối diễn đạt chân thật, hóm hỉnh, nhiều khi sắc sảo, góc cạnh. Tác phẩm của ông bao giờ cũng mang đậm màu sắc địa phương Nghệ Tĩnh. Đây là một tài năng thật sự, nhưng rất tiếc không được tiếp tục phát huy về sau này.

Thanh Tịnh là cây bút vừa làm thơ vừa viết truyện. Mỗi truyện ngắn của ông là một bài thơ trữ tình tha thiết. Đó là một nhà văn hiện thực có phong cách lãng mạn đậm nét.

Về Thanh Tịnh, Thạch Lam từng có những lời giới thiệu chính xác trong bài *Tựa tập Quê mẹ*: “*Thanh Tịnh đã muốn làm người mục đồng ngồi dưới bóng tre thổi sáo để ca hát những đám mây và những làn gió lướt bay trên cánh đồng, ca hát những vẻ đẹp của đời thôn quê*”, “*tiếng sáo nhỏ và thanh của ông khẽ nổi lên lẫn với tiếng hò của bạn gập trên sông để ca ngợi cái tình và cái thi vị của một vùng*”¹.

Mỗi truyện ngắn của Thanh Tịnh là một bài thơ. Tất cả dường như chỉ xoay quanh một tứ: quê hương ta đẹp lắm, vẻ đẹp dịu hiền, kín đáo bình dị mà sâu sắc, thiết tha, như những cánh đồng êm ả, những con đường vắng lượn dưới bóng tre râm mát, những mái đình cổ kính bên gốc đa làng, như dòng sông miền Trung lặng lẽ trôi dưới ánh trăng thanh, như những cô gái quê xinh đẹp mà khiêm tốn, tình tứ mà e lệ, yêu một tình yêu thắm thiết mà kín đáo, âm thầm.

Phải nói rằng, một số tác phẩm của Thanh Tịnh có khuynh hướng lãng mạn chủ nghĩa rõ rệt khi viết về những mối tình éo le, tuyệt vọng giữa một cô gái quê xinh đẹp nào đó với một khách qua đường, gặp nhau tình cờ trên một con đê, một bến sông, một quán nước, hay một cái xe lửa vắng khách, có tiếng còi tàu rúc lên lạnh lạnh giữa đêm khuya như gợi cảnh chia ly.

Nói như vậy có nghĩa là không phải toàn bộ tác phẩm của Thanh Tịnh đều được sáng tác theo những nguyên tắc của chủ nghĩa hiện thực. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng nhiều truyện ngắn của ông có thể xem như thuộc về một thứ chủ nghĩa hiện thực trữ tình. Ở đây, tính chủ quan không bị đẩy tới chủ nghĩa chủ quan. Nghĩa là, thông qua tâm hồn của nhà văn, cuộc sống của nhân dân được phản ánh một cách chân thật, sâu sắc, không phải chỉ ở bề

1. *Tựa của Quê mẹ*, Bút Việt, Sài Gòn in lại năm 1975, tr.17.

ngoài, mà ở cái linh hồn sâu kín bên trong. Có thể coi *Quê mẹ, Tình thu, Tình trong câu hát, Con so về nhà mẹ...* là những tác phẩm như vậy.

Nhìn chung, Thanh Tịnh thích cái gì nhẹ nhàng, dịu ngọt. Cái buồn vẫn là âm hưởng chủ đạo của văn Thanh Tịnh, nhưng không phải cái buồn đau đớn, thống thiết, mà là cái băng khuâng, man mác của quê hương nhà văn: "*Mây núi hiu hiu, chiều lặng lặng – Mưa nguồn gió biển, nắng xa khơi*". (Tố Hữu).

Nhưng truyện ngắn *Am cu ly xe* thì phải coi là một hiện tượng khác. Tác giả *Ngậm ngải tìm trầm*, ở đây, đã đi vào một đề tài bi thảm và có phần dữ dội nữa. Có lẽ có ít nhà văn hiện thực chọn được một hình ảnh tội nghiệp đến thế để nói về cái khổ của người dân nghèo ngày trước: một đứa trẻ rách rưới mới lên mười tuổi, lẻo đẻo dắt một ông lão mù, kéo một chiếc xe tay ọp ẹp, bánh nhồi rơm, đi dưới trời mưa. Nhưng một đêm kia, không có khách, ông già chết gục vì đói, rét và đau buồn, để lại đứa cháu sợ hãi, la hét tuyệt vọng. "Nhưng gió của trời thét mạnh hơn và tiếng của nó đành chịu rã rời bay lạc giữa đêm mưa tầm tã".

Có thể đặt vào khuynh hướng hiện thực trữ tình kiểu Thanh Tịnh một số truyện ký của Hường Minh xuất hiện từ khoảng 1940 trở đi, thường đăng trên *Thanh nghị: Thăng Bơ, Chú thím, Dọc đường, Độc thân, Mưa phùn, Những kỷ niệm...* Trong truyện ký Hường Minh thường thấy thấp thoáng hình ảnh một người đàn bà tiểu tư sản nghèo, tuy có phần yếu đuối tiêu cực, nhưng có một cái gì rất tiêu biểu cho truyền thống tinh thần của người phụ nữ Việt Nam: giàu tình thương và đức hy sinh. Nhưng nổi bật lên trong thế giới nhân vật của Hường Minh lại là hình tượng một em bé dân chài nghèo khổ: Thăng Bơ. Tác giả phát hiện ra dưới cái vẻ ngoài bán thiu, thô kệch vì ngớ ngẩn của đứa trẻ nghèo một nhân cách cao thượng, đầy ý thức tự trọng, và đem đối lập một cách không thương xót với tâm địa nhỏ nhen, hèn hạ của người được coi là sang trọng, lịch sự trong xã hội cũ. *Thăng Bơ* xứng đáng được xem là một truyện ngắn hiện thực xuất sắc.

Nhiều tác phẩm của Hường Minh viết theo khuynh hướng lãng mạn chủ nghĩa, nhưng nội dung lành mạnh.

Hường Minh viết không đều tay, nhưng nói chung vẫn viết kỹ, bút pháp nhẹ nhàng kín đáo, có pha chút mỉa mai chua chát, nhưng nhiều hơn là chất yêu tin, trung hậu.

Vào khoảng năm 1942, xuất hiện một nhà truyện ngắn khác trên *Trung Bắc chủ nhật* và *Tiểu thuyết thứ bảy*: Kim Lân. Trước Cách mạng Tháng Tám, Kim Lân sáng tác còn ít. Ông thường khai thác luôn vào những kinh nghiệm sống riêng của mình. *Đứa con người vợ lẽ, Đứa con người cô dâu, Cô Vợ...* đều là những câu chuyện của chính gia đình ông và của chính bản thân ông.

Ở những tác phẩm đầu tay này, nhà văn trẻ của chúng ta nhiều khi chưa có ý thức phản ánh một vấn đề gì có ý nghĩa hiện thực sâu sắc cả. Nhưng chất liệu thực cứ toát ra một cách tự nhiên từ những hình tượng nhân vật của

ông, vì đó thường là những con người của quê hương ông, ruột thịt với ông, trực tiếp bước vào văn học từ cuộc sống lam lũ bản cùng.

Văn Kim Lân tỏ ra độc đáo và hấp dẫn hơn khi ông viết về những cái gọi là “thú đồng quê” hay “phong lưu đồng ruộng”. Đó là những phong tục ăn chơi, hay đúng hơn, những sinh hoạt văn hóa của dân quê, như trồng cây cảnh, đánh vật, chơi chim bồ câu, nuôi chó săn, gà chọi, v.v... Thực ra, không phải riêng gì Kim Lân, đương thời còn có nhiều cây bút khác viết về những đề tài như thế. Chẳng hạn như Toan Ánh, Nguyễn Tất Thứ hay viết về những tục kéo chữ, bơi thuyền, hát ví, v.v... ở nông thôn ngày xưa. Nhưng, nếu như đặt những nhà văn kia, người ta chỉ thấy có phong tục, chỉ thu nhận được những tri thức văn hóa cổ truyền, thì khi đọc Kim Lân, người ta còn thấy cả cuộc sống và con người, hay nói cách khác, thấy nội dung văn học thật sự. *Duổi tà, Đôi chim thành, Con mã mái...* chẳng hạn, sở dĩ có sự hấp dẫn, không phải vì ở đây, những tập quán ngộ nghĩnh kỳ lạ, những thú chơi phiền phức, cầu kỳ được trình bày cặn kẽ, mà chính là nhờ nhà văn đã hiển hiện lên được những con người ở làng quê Việt Nam độc đáo kia, tuy nghèo khổ, thiếu thốn mà vẫn yêu đời – những con người thật thà, chất phác, có vẻ ngớ ngẩn trong con mắt của mấy cây bút Tự lực văn đoàn, thực ra thì thông minh, hóm hỉnh và tài hoa biết bao! Và những say mê của họ thì cũng mãnh liệt như những tâm hồn nghệ sĩ thật sự. Bởi vì Kim Lân không tả họ bằng sự quan sát của con mắt, sự tìm hiểu của trí khôn, mà bằng tâm hồn của một nhà văn vốn là con đẻ của đồng ruộng, hay nói như Nguyễn Hồng, là nhà văn một lòng đi về với “đất”, với “người”, với “thuần hậu nguyên thủy”¹ của cuộc sống nông thôn ngày trước.

Trong số những cây bút hiện thực thời kỳ 1940-1945, chúng tôi vui sướng được giới thiệu Phi Vân, nhà văn của người nông dân miền cực nam Tổ quốc. Phi Vân viết nhiều truyện ký và phóng sự. Tên một số tác phẩm của ông đủ nói lên nhà văn đã gắn bó tha thiết như thế nào với đồng ruộng và quê hương mình: *Dân quê, Tình quê, Cô gái quê, Đồng quê, v.v...*

Những trang viết của Phi Vân là những bức tranh chân thật, tươi tắn về những con người sinh sống trong những thôn ấp mới mọc lên bên bờ những dòng kênh rạch vùng Bạc Liêu, Cà Mau... Những con người được tôi luyện trong quá trình khai phá một miền đất tuy giàu có, màu mỡ đấy, nhưng cũng thật dữ dội. Ở đây, người ta bắt rắn, hổ như bắt ếch, bắt cá sấu con cho cắn lộn nhau chơi, chán rồi vật đầu đem nướng. Ở đây đi từ thôn này đến xóm khác, có khi phải ngồi ghe máy suốt hai ngày đêm trên những dòng kênh thăm thẳm xuyên qua những vùng hoang vu đầy trộm cướp (*Các trò ời, thầy phen này thọ tử, Muốn ăn trứng nhạn, Trao thân con khi mốc, Tiếng hò trong đêm vắng...*).

1. *Bước đường viết văn*. NXB Văn học, Hà Nội, 1970. tr.214.

Chủ nghĩa hiện thực của Phi Vân thể hiện ở chỗ ông thấy rõ mâu thuẫn giai cấp quyết liệt ở nông thôn. Dưới ngòi bút của ông, người nông dân không những phải vật lộn với cái hoang vu nguyên thủy đầy đe dọa của thiên nhiên, mà còn chống chọi với những con thú mặt người “oai như hổ”, “dữ như trăn”, tức là những tên chủ điền độc ác, xảo trá, dâm ô. Chúng cướp không miếng ăn của những người tá điền vừa giành giật được của thiên nhiên. Chúng phá tan những tổ ấm gia đình và những mối tình êm đẹp giữa những người lao động (*Đồng quê*). Chủ nghĩa hiện thực của Phi Vân còn thể hiện ở chỗ ông ghi lại được một cách chân thật tính cách độc đáo của người nông dân Nam Bộ ngày trước: siêng năng, dũng cảm, trọng đạo nghĩa, bộc trực, ngang tàng, vui tính, nhưng cũng dễ mắc vào đủ thứ mê tín dị đoan.

Về mặt thể tài văn học, Phi Vân hình như chưa phân biệt rõ ranh giới giữa truyện dài, truyện ngắn và phóng sự. Đọc Phi Vân thấy phóng sự và tiểu thuyết không khác nhau là bao. Và tiểu thuyết hay phóng sự hình như cũng chỉ là sự tập hợp một số truyện ngắn cùng viết chung về mấy nhân vật mà thôi. Dù sao Phi Vân cũng là một tài năng thật sự: khiếu quan sát chính xác, hóm hỉnh, lối kể chuyện hoạt bát, tươi tắn, rất có duyên, và đúng là một cây bút Nam Bộ.

Điểm qua một lượt những cây bút hiện thực thời kỳ 1940-1945, thấy màu sắc khá đa dạng. Chưa thể nói tất cả đều đã có phong cách riêng, vì khái niệm phong cách gắn với những tài năng đã phát triển đầy đủ, làm chủ được quy luật nghệ thuật của mình, và đã thực sự đạt được những sáng tạo độc đáo có phẩm chất thẩm mỹ cao. Tuy vậy, mỗi nhà văn thời kỳ này dường như đều có ý thức vận dụng những sở trường riêng của mình về bút pháp, những chỗ mạnh của mình về kinh nghiệm sống. Một điều thú vị là người đọc dường như có thể tìm thấy trong tác phẩm của mỗi nhà văn hiện thực thời kỳ này một miền quê khác nhau, có màu sắc địa phương rõ rệt: Thanh Tịnh là con người của một cái làng Mỹ Lý nào đó bên bờ một dòng sông êm ả đất Thừa Thiên; Bùi Hiển, Tam Kính là nhà văn của những người nông dân vừa bướng bỉnh, gan góc, vừa hóm hỉnh, yêu đời ở một vùng biển Nghệ An; Tô Hoài cùng quê với người thợ dệt lĩnh Nghĩa Đô ven thành Hà Nội; Nam Cao gắn bó với một cái làng Vũ Đại nào đó có dòng sông nhỏ lượn quanh, thổi gió mát lên những vườn chuối, vườn trầu; còn Nguyễn Hồng luôn luôn trở về với Thành phố Hải Phòng ồn ào, náo nhiệt; Kim Lân rất đỗi tự hào với những thú đánh vật, chơi gà, chơi chim bồ câu, v.v... của người nông dân Bắc Ninh. Còn Phi Vân là nhà văn của Bạc Liêu, Cà Mau, những vùng sinh lầy nơi tận cùng Tổ quốc với những ấp Kiến Vàng, thôn Rạch Cóc, v.v... của những dòng kênh uốn lượn quanh co dưới những hàng dừa xanh và của những người nông dân vừa cày ruộng, đánh cá, vừa hát tuồng và ca cải lương, v.v... Nếu lùi xa lại, để từ một cái nhìn bao quát thật rộng rãi, tìm ra một cái gì là chung nhất của văn học hiện thực thời kỳ 1940-1945, thì điều có thể nhận thấy là như thế này chăng: một bức tranh quê hương đất nước đa dạng, phong phú, với những phong cảnh

khác nhau, với những con người sống theo những phong tục, tập quán khác nhau. Nhưng tất cả đều rất thân thuộc, đều là những màu sắc, nét vẽ hài hòa tô điểm cho một giang sơn thống nhất, một dân tộc duy nhất. Trên bức tranh chung ấy, giữa những con người thân thuộc kia, thấy hiện lên hình ảnh phổ biến nhất, đậm đà nhất, đẹp nhất và cũng thân thuộc nhất: hình ảnh người *phụ nữ lao động Việt Nam*. Xung quanh nhân vật này, từ cô Tiên (*Chuyện người hàng xóm*) của Nam Cao, mẹ Tuyên (*Cuộc sống*), cô Lệ Hà (*Người con gái*) của Nguyễn Hồng, *U Tám* của Tô Hoài, mẹ thằng Dần (*Sống nhờ*) của Mạnh Phú Tư, Cô Khuyên (*Ngoại ô*) của Nguyễn Đình Lạp, đến chị Đò Câu (*Ma đậu*) của Bùi Hiển, mẹ Mộc (*Đập đất*) của Tam Kính, cô Thảo (*Quê mẹ*), chị Sương (*Tình thư*) của Thanh Tịnh, Tám Ớn (*Đồng quê*) của Phi Vân, v.v..., có thể tìm thấy tất cả những gì là sâu sắc nhất, độc đáo nhất về tính hiện thực, tính nhân dân, tinh thần nhân đạo và bản sắc dân tộc của văn học hiện thực thời kỳ này. Nói như thế không có nghĩa là văn học hiện thực Việt Nam trước 1940 chưa xây dựng được một hình tượng người phụ nữ nào đáng kể. Chúng ta không thể quên vẻ đẹp ngoan cường của chị Dậu trong *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố thời kỳ Mặt trận Dân chủ. Nhưng, theo dõi quá trình phát triển của xu hướng văn học này từ 1930 đến 1945, quả thực thấy rằng hình tượng nhân vật phụ nữ – ở đây muốn nói hình tượng phụ nữ lao động – càng ngày càng đông đảo hơn, phổ biến hơn và được khai thác sâu hơn về đời sống tâm hồn với thái độ cảm thông và trân trọng. Phải chăng, xuất phát từ chủ nghĩa nhân đạo và chủ nghĩa yêu nước, trên đường thâm nhập hiện thực để phản ánh những nỗi đau khổ của nhân dân, để phát hiện vẻ đẹp của dân tộc và của quê hương đất nước mình, những cây bút hiện thực đã không hẹn mà cùng gặp gỡ nhau ở hình tượng người phụ nữ Việt Nam? Bởi vì, dưới chế độ thực dân phong kiến, người phụ nữ phải chịu nhiều tầng áp bức bóc lột hơn ai hết, là nô lệ của người nô lệ. Bởi vì lịch sử văn hóa dân tộc ta đã chọn người phụ nữ là nơi kết tinh những truyền thống đẹp đẽ nhất của mình, đúng như đồng chí Lê Duẩn nói: “*Phụ nữ là người có tinh dân tộc hơn ai hết, và cái đẹp đẽ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, trước hết là của người phụ nữ Việt Nam*”¹.

Tuy nhiên, những cây bút nói trên chưa phải là tất cả văn xuôi hiện thực thời kỳ 1940-1945. Bên cạnh đội ngũ chủ lực ấy, còn có hàng loạt cây bút khác nhau tham gia vào phong trào ở mức độ thấp hơn.

Trong số này cũng có người viết tiểu thuyết, nhưng tác phẩm khuynh hướng không thật rõ và phẩm chất nghệ thuật không đều, nên chỉ có thể trích được vài chương, chẳng hạn như Thiết Can. Thiết Can thường viết về số phận những người phụ nữ nghèo không gặp may mắn trong xã hội cũ: một bà cô “gái già” gặp phải toàn những đứa cháu bội bạc (*Dã tràng*, 1939), một thiếu nữ chân thật mắc lừa một gã Sở Khanh (*Trinh nữ*, 1941), một cô gái mồ côi mẹ, không

1. *Phải đứng trên quan điểm giai cấp mà nhận xét vấn đề phụ nữ*. NXB Phụ nữ Hà Nội, 1967 (in lần thứ ba).

chịu nổi sự hành hạ của di ghê phải trốn ra tỉnh và rơi vào tay một cụ Tú Bà (*Cát bụi*, 1941). Thiết Can có lối văn vắt vắt, giản dị, nhưng ngôn ngữ nhiều chỗ quá sỗ sàng, nên chỉ có thể trích vài chương trong *Cát bụi*.

Tuyệt đại đa số những cây bút khác chỉ đến với chủ nghĩa hiện thực bằng dăm ba truyện ngắn hay một bài bút ký mà thôi, như Trần Cư, Nguyễn Văn Hai, Ngọc Hoàn, Đình Hiếu, Trần Mai Ninh, Nguyễn Văn Nhân, Phú Sơn, Từ Thạch, Nguyễn Tất Thứ, Nguyễn Văn Xuân, Văn Cao, v.v... Trong số này, một vài cây bút đã bắt đầu thấy phát lộ tài hoa, Trần Mai Ninh, tức Nguyễn Thường Khanh, thuộc lớp thanh niên trí thức bắt đầu giác ngộ cách mạng từ thời kỳ Mặt trận Dân chủ. Ông vừa làm thơ vừa viết văn. Đề tài của ông thường xoay quanh tâm sự của người thanh niên tiểu tư sản đấu tranh bản thân một cách gay gắt để vươn tới lý tưởng cách mạng, hoặc bản khoán trước trách nhiệm cải tạo xã hội. Ông có một số truyện ngắn đăng trên tờ *Bạn đường* của Thanh Hóa, khoảng những năm 40. Chúng tôi rất tiếc chưa tìm được nhiều tác phẩm của ông. Phần tuyển văn chỉ mới in lại của Trần Mai Ninh truyện ngắn *Truyện lại cho em*, (trong tập *Thăng Tuất*, Tân Việt, 1940). Nguyễn Văn Nhân có một số truyện ngắn đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* năm 1944, 1945. Nguyễn Văn Nhân thường viết về lớp viên chức nhỏ sống đời sống quần quanh, nhặt nhèo ở những thị trấn hẻo lánh ngày xưa. Nguyễn Văn Nhân có một ngòi bút chân thật và khá sắc. Văn viết kỹ, nhưng chủ đề chưa sâu (*Tiệc tiễn hành, Ông giáo mới...*). Có lẽ *Chờ lương tết* là tác phẩm tốt nhất của ông.

Tất cả những nhà văn này, chúng tôi tạm gọi là những *cây bút có tính chất phong trào*.

Bạn đọc sẽ thấy trong số những cây bút “phong trào” này có một vài nhà văn khá quen thuộc như Thế Lữ, Thâm Tâm chẳng hạn. Thực ra, tên tuổi của họ có thể được biết nhiều hơn ở những thể loại và xu hướng văn học khác, còn đối với dòng văn xuôi hiện thực, họ chỉ là người mới đến, hoặc đến rồi lại đi, hoặc đến rồi dừng lại ở mức độ đó mà thôi.

Đã gọi là những cây bút có tính chất phong trào, tất nhiên việc tuyển văn, chọn sách không thể theo những tiêu chuẩn cố định một chiều được. Khuynh hướng tiếp cận thực tế, thái độ phản ánh xã hội một cách khách quan, chân thực, trên lập trường nhân đạo chủ nghĩa của người viết, vẫn là những thước đo không thể bỏ qua, nhưng sự vận dụng, trong những trường hợp cụ thể, vẫn phải linh hoạt, mềm mỏng hơn.

Trên đây là những quan điểm của chúng tôi về đặc điểm của dòng văn xuôi hiện thực Việt Nam từ 1940 đến 1945 trên các mặt: quy luật phát triển, những đặc sắc mới mẻ về nội dung và hình thức, tình hình đội ngũ nhà văn. Chúng tôi cũng đã phát biểu về những đóng góp khác nhau của từng cây bút, giới thiệu trên nét lớn những phong cách, những bút pháp khác nhau, qua đó nói lên quan điểm đánh giá, phân loại của mình về các tác giả, tác phẩm.

Đó là những nguyên tắc chỉ đạo chúng tôi trong việc biên soạn tập sách này, cụ thể là việc sưu tập tư liệu, tuyển lựa các nhà văn, các tác phẩm, các đoạn văn trích. Đó cũng là những lời giới thiệu, thuyết minh tổng quát mà chúng tôi nghĩ là cần thiết để chuẩn bị cho bạn đọc bước vào phòng triển lãm những bức tranh hiện thực của văn xuôi nước ta thời kỳ 1940-1945 mà chúng tôi xin chân trọng mở ra sau đây.

Hà Nội, Đông Quý Hợi, 1983

Chủ biên

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

PHẦN THỨ NHẤT

NAM CAO

(1915-1951)

Nam Cao tên thật là Trần Hữu Trí, sinh năm 1915¹ trong một gia đình trung nông nghèo, làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang (nguồn gốc bút danh Nam Cao), nay là xã Nhân Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Học xong bậc trung học phổ thông, Nam Cao vào Sài Gòn kiếm sống bằng nhiều nghề. Chuyến đi xa này đã mở rộng tầm mắt ông. Ông có dịp tiếp xúc với nhiều hạng người và sống những ngày sôi nổi của Thành phố Sài Gòn những năm cao trào Mặt trận Dân chủ. Nhưng, rồi vì ốm yếu, ba năm sau, ông trở về làng. Sống túng thiếu, tù hãm, Nam Cao lại bỏ làng ra Hà Nội làm một anh “giáo khổ trường tư”.

Năm 1940, Nhật vào Đông Dương. Nhà trường phải đóng cửa vì bị chiếm làm chuồng ngựa (!). Nam Cao lại một phen nữa long đong vì cuộc sống cơ cực. Ông vừa viết văn, vừa làm gia sư, và sau cùng đành về quê “ăn bám” vợ. Năm 1943, Nam Cao tham gia Hội Văn hóa cứu quốc của Mặt trận Việt Minh. Hà Nội bị khủng bố dữ. Nam Cao trở về làng hoạt động cho Việt Minh. Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945, ông làm Chủ tịch xã. Được ít lâu, Hội Văn hóa cứu quốc điều ông ra Hà Nội làm Thư ký Tòa soạn Tạp chí *Tiên phong*.

Năm 1946, Nam Cao đi theo đoàn quân Nam tiến, vào miền Nam Trung Bộ. Những ngày đầu kháng chiến toàn quốc, ông làm công tác tuyên truyền ở Hà Nam và phụ trách một tờ tin tức địa phương. Mùa thu năm 1947, ông lên Việt Bắc làm báo *Cứu quốc*, phụ trách các lớp huấn luyện chính trị cho các cán bộ huyện và xã. Ông làm đủ việc: viết tin, viết bài giải thích chính sách, làm ca dao tuyên truyền, soạn cả sách *Địa lý phổ thông*. Cũng chính thời gian này, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1950, ông chuyển sang công tác văn nghệ, đi chiến dịch Biên giới. Năm 1951, trên đường công tác vào vùng địch hậu, giáp Ninh Bình, Nam Cao và một số cán bộ cùng đi đã bị địch phục kích bắt và giết (tại bốt Hoàng Đan). Ông ngã xuống giữa lúc tài năng đang độ phát triển và đầy hứa hẹn.

1. Nhiều tài liệu căn cứ vào thẻ hội viên Hội Nhà văn Việt Nam của Nam Cao ghi năm sinh là 1917. Chúng tôi theo lời cụ thân sinh Nam Cao: Nam Cao tuổi Mão (1915), hơn vợ một tuổi.

Nam Cao xuất hiện trên văn đàn từ những năm 1937, 1938 dưới những bút danh: Thúy Rư, Nhiêu Khê, Xuân Thu, với những truyện ngắn, những bài thơ lãng mạn vẫn vợ tuy đôi khi cũng nói về số phận những người nghèo một cách khá cảm động. Nhưng ông cũng chưa tự phân biệt được với những cây bút trung bình đương thời. Phải chờ đến năm 1941, với tác phẩm *Đôi lúa xúng đôi* (tức *Chí Phèo*), con đường của chủ nghĩa hiện thực của Nam Cao mới được khẳng định dứt khoát.

Nam Cao là cây bút đại diện tiêu biểu nhất của trào lưu hiện thực phê phán trong văn học nước ta những năm 1940-1945. Tuy vậy, hồi bấy giờ, chưa mấy người đã biết đánh giá ông một cách đầy đủ. Có thể nói, từ khoảng 1958, 1959 trở đi, chúng ta mới dần dần trả lại được cho Nam Cao vị trí xứng đáng của ông trong lịch sử văn học.

Nam Cao có một lối viết hết sức chân thật và sâu sắc, mỗi trang cô đúc nhiều nhận xét, suy nghĩ độc đáo, đồng thời lại chứa chan tình cảm nhân đạo tha thiết được diễn tả bằng thứ ngôn ngữ khi thì tinh tế, khi thì đầy góc cạnh. Tác phẩm của ông đã dựng lên được nhiều bức tranh tuy không thật đồ sộ, nhưng đầy khám phá và vô cùng cảm động về cuộc sống của nhân dân ta trong xã hội thực dân, nửa phong kiến ở thời kỳ đen tối ngột ngạt nhất của nó. Trong số những tác phẩm xuất sắc của ông, *Chí Phèo* và *Sống mòn* có thể coi là những kiệt tác.

Từ Tháng Tám năm 1945, Nam Cao luôn luôn dùng ngòi bút của mình để phục vụ cách mạng. Ông chưa kịp có những tác phẩm lớn, những điển hình thật đặc sắc thì đã hy sinh. Tuy vậy, Nam Cao cũng đã để lại cho chúng ta một số sáng tác có giá trị, trong số đó phải kể đến truyện ngắn *Đôi mắt* và *Nhật ký ở rừng*.

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN CỦA NAM CAO

TRƯỚC CÁCH MẠNG:

- *Đôi lúa xúng đôi*. Nhà xuất bản Đời mới, Hà Nội, 1941.
- *Nửa đêm*. Nhà xuất bản Cộng lực, Hà Nội, 1941.
- Và một số truyện thiếu nhi.

SAU CÁCH MẠNG:

- *Cười*. Nhà xuất bản Minh Đức, Hà Nội, 1946.
- *Đôi mắt*. Nhà xuất bản Văn nghệ, Hà Nội, 1954.
- *Sống mòn*. Nhà xuất bản Văn nghệ, Hà Nội, 1956; Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970 (xuất bản lần thứ hai).
- *Chí Phèo*. Nhà xuất bản Văn nghệ, Hà Nội, 1957.

- *Một đám cưới*. Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1963.
- *Truyện ngắn chọn lọc*. Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1964.
- *Truyện ngắn Nam Cao*. Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1966.
- *Nam Cao – tác phẩm*. Tập I, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1976; Tập II, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1977.

*

* *

Để giúp bạn đọc tiện theo dõi những truyện ngắn của Nam Cao đăng trên các báo trước Cách mạng Tháng Tám 1945, chúng tôi bước đầu thống kê dưới đây những truyện ngắn của Nam Cao đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* (TTTB), *Ích hữu*, v.v...

I. Truyện ngắn

- | | |
|---|-------------------------------------|
| 1. <i>Cảnh cuối cùng</i> (Thúy Rư) | TTTB, số 123, 2-10-1936. |
| 2. <i>Hai cái xác</i> (Thúy Rư) | TTTB, số 133, 12-12-1936. |
| 3. <i>Một bà hào hiệp</i> (Thúy Rư) | TTTB, số 138, 16-1-1937. |
| 4. <i>Nghèo!</i> (Thúy Rư) | TTTB, số 158, 5-6-1937. |
| 5. <i>Đui mù</i> (Thúy Rư) | TTTB, số 160, 19-6-1937. |
| 6. <i>Những cánh hoa tàn</i> (Thúy Rư) | <i>Ích hữu</i> , số 73, 13-7-1937. |
| 7. <i>Nụ cười trên bức ảnh</i> (Thúy Rư) | <i>Ích hữu</i> , số 83, 21-9-1937. |
| 8. <i>Khóc báo</i> (Thúy Rư) | <i>Ích hữu</i> , số 87, 19-10-1937. |
| 9. <i>Đường gió bụi</i> (Thúy Rư) | <i>Ích hữu</i> , số 92, 23-11-1937. |
| 10. <i>Trở về</i> (Thúy Rư) | <i>Ích hữu</i> , số 93, 30-11-1937. |
| 11. <i>Cái chết của con mực</i> (Xuân Du) | Hà Nội Tân văn, 14-5-1940. |
| 12. <i>Đôi lứa xứng đôi</i> (tức <i>Chí Phèo</i>)
(Nam Cao) | Nhà xuất bản Đời mới, 1941. |
| 13. <i>Người thợ giặt</i> (Nam Cao) | TTTB, số 419, 27-6-1942. |
| 14. <i>Cái mặt không chơi được</i> (Nam Cao) | TTTB, số 427, 22-8-1942. |
| 15. <i>Nhỏ nhen</i> (Nam Cao) | TTTB, số 430, 12-9-1942. |
| 16. <i>Con mèo</i> (Nam Cao) | TTTB, số 431, 19-9-1942. |
| 17. <i>Những chuyện không muốn viết</i>
(Nam Cao) | TTTB, số 432, 26-9-1942. |
| 18. <i>Nhìn người ta sung sướng</i> (Nam Cao) | TTTB, số 434, 10-10-1942. |
| 19. <i>Trẻ con không biết đói</i> (Nam Cao) | TTTB, số 436, 24-10-1942. |

20. Đòn chông (Nam Cao)	TTTB, số 437, 30-10-1942.
21. Trăng sáng (Nam Cao)	TTTB, số 439, 14-11-1942.
22. Đôi móng giò (Nam Cao)	TTTB, số 442, 5-12-1942.
23. Trẻ con không được ăn thịt chó (Nam Cao)	TTTB, số 444, 19-12-1942. TTTB, số 445, 26-12-1942.
24. Đón khách (Nam Cao)	TTTB, số 447, Xuân Quý Mùi.
25. Mua nhà (Nam Cao)	TTTB, số 448, 13-2-1943.
26. Một buổi gặt quai dẹt (Nam Cao)	TTTB, số 450, 27-2-1943.
27. Từ ngày mẹ chết (Nam Cao)	TTTB, số 452, 13-3-1943.
28. Làm tổ (Nam Cao)	TTTB, số 455, 3-4-1943.
29. Thôi đi về (Nam Cao)	TTTB, số 458, 24-4-1943.
30. Tình già (Nam Cao)	TTTB, số 460, 8-5-1943.
31. Truyện tình (Nam Cao)	TTTB, số 462, 22-5-1943.
32. Mua danh (Nam Cao)	TTTB, số 464, 5-6-1943.
33. Xúvonia (Nam Cao)	TTTB, số 465, Hè 1943.
34. Sao lại thế này? (Nam Cao)	TTTB, số 467, 26-6-1943.
35. Mong mưa (Nam Cao)	TTTB, số 470, 17-7-1943.
36. Tư cách mõ (Nam Cao)	TTTB, số 471, 24-7-1943.
37. Bài học quét nhà (Nam Cao)	TTTB, số 473, 7-8-1943.
38. Truyện buồn giữa đêm vui (Nam Cao)	TTTB, số 475, 21-8-1943.
39. Điều vãn (Nam Cao)	TTTB, số 476, 28-8-1943.
40. Bực mình (Nam Cao)	TTTB, số 477, 4-9-1943.
41. Quên điều độ (Nam Cao)	TTTB, số 478, 11-9-1943.
42. Xem bói (Nam Cao)	TTTB, số 479, 18-9-1943.
43. Một bữa no (Nam Cao)	TTTB, số 480, 25-9-1943.
44. Mất mẹ (Nam Cao)	TTTB, số 482, 9-10-1943.
45. Ở hiền (Nam Cao)	TTTB, số 483, 16-10-1943.
46. Lão Hạc (Nam Cao)	TTTB, số 484, 23-10-1943.
47. Rửa hờn (Nam Cao)	TTTB, số 485, 30-10-1943.
48. Rình trộm (Nam Cao)	TTTB, số 487, 13-11-1943.
49. Nước mắt (Nam Cao)	TTTB, số 488, 20-11-1943.
50. Đòi thừa (Nam Cao)	TTTB, số 490, 4-12-1943.
52. Báo đền (Nam Cao)	TTTB, số 492, 18-12-1943.

53. *Lang Rận* (Nam Cao) TTTB loại mới, số 1, tháng 6-1944.
54. *Một đám cưới* (Nam Cao) TTTB loại mới, số 3, tháng 8-1944.
55. *Di Hảo* (Nam Cao) In trong tập *Nửa đêm*, Nhà xuất bản Cộng lực, Hà Nội, 1944.
56. *Nửa đêm* (Nam Cao) In trong tập *Nửa đêm*, Nhà xuất bản Cộng lực, Hà Nội, 1944.
57. *Hai người ăn tết lạ* (Nam Cao) TTTB loại mới, số 9, tháng 2 và 3-1945.

II. Kịch

1. *Cũng ở chỗ này* (kịch ngắn) (Thúy Rư) TTTB số 133, 12-12-1936.

III. Thơ

1. *Tình bất diệt* (Thúy Rư) *Ích hữu*, số 86, 12-10-1937.
2. *Ước muốn cuối cùng* (Thúy Rư) *Ích hữu*, số 90, 9-11-1937.
3. *Vết ngày qua* (Thúy Rư) TTTB, số 200, 26-2-1938.
4. *Nếu ta bảo* (Thúy Rư) TTTB, số 228, 8-10-1938.
-

NHỮNG CÁNH HOA TÀN

(Truyện ngắn)

Hồi ấy tôi mới lên mười. Mà Uyển thì mười sáu. Nhà tôi biết nghề làm “đăng ten”, lại có tiếng là nhà nền nếp, đứng đắn, nên nhiều người làng đem con gái gửi cho học nghề và nhờ dạy dỗ. Trong số những người học việc ấy, Uyển được mẹ tôi săn sóc đến hơn hết cả. Có lẽ vì Uyển chăm chỉ, nết na, lại thêm vẻ xinh xắn, dịu dàng ít có. Uyển cũng mến mẹ tôi lắm, chẳng khác gì con yêu mẹ. Có lần mẹ tôi ốm, Uyển chăm sóc thuốc thang ân cần quá, đến nỗi mẹ tôi cảm động đến chảy nước mắt và bảo rằng: “Giá trời cho mẹ một người con gái như Uyển thì quý biết bao! Nhà nào cưới được nó làm con dâu thật là nhà có phúc”.

Nhưng duyên duyên Uyển nhất có lẽ là tôi. Tôi trọ học tỉnh lỵ cách làng chừng 15 cây số. Không mấy chủ nhật là mẹ tôi không ra tỉnh thăm tôi, nhân tiện để sắm đồ cần dùng, mà lần nào cũng đi với Uyển. Vì thế, tôi đếm từng ngày cho đến cái ngày vui vẻ ấy, và ngay từ sáng sớm đã đứng cửa chờ mẹ tôi và Uyển. Thấy hai người từ đằng xa đi lại, tay cắp thúng không, tôi đã vội chạy đến, vui vẻ như con chim con thấy mẹ công mỗi về. Uyển tươi cười nắm tay tôi, và tôi thì vừa nói, vừa cười, vừa thở vì chạy mệt tíu ta tíu tít khiến mẹ tôi và Uyển cảm động nhìn nhau mỉm cười. Tới nhà trọ, Uyển đặt thúng xuống, lật vỉ buồm lấy cho tôi mấy thứ quả lành Uyển đã kiếm làm quà cho tôi từ hai ba hôm trước. Tôi đứng tựa vào lòng Uyển, vừa ngồm ngoàm nhai quả, vừa hỏi chuyện từ cây cam ở đầu sân, cây hồng ở bờ ao, khóm tầm xuân leo bờ giậu, cho đến con gà tổ lấy giống từ trên ông Lý Đà Xuyên, con mèo xám mua ba hào rưỡi, con chó vện mua bằng tiền bỏ ống của tôi kỳ nghỉ hè năm ngoái. Uyển vui vẻ trả lời tôi hết, lại còn nói cho tôi nghe thêm nhiều chuyện nữa:

– Vườn mía sau nhà tốt đáo để, bao giờ được nghỉ, Tân về mà xem; cây ổi tàu cao lắm rồi, chắc năm nay có quả; cá ở ao thì nhiều con lớn quá, giở trời nó cứ đặc như rươi vậy...

Mỗi chuyện Uyên gợi ra tôi lại hỏi thật nhiều, hỏi để nghe Uyên nói, để câu chuyện đắm thắm làm quên giờ về. Lần nào cũng vậy, tôi đợi mẹ tôi giục hai, ba lượt mới chịu cho hai người đứng lên. Tôi lại nắm tay Uyên theo hai người đi một quãng thật xa, nhưng bây giờ thì buồn rầu, chậm rãi chứ không vui vẻ như lúc đón, Uyên xoa đầu, an ủi tôi:

– Thôi, Tân trở lại đi kéo mỗi chân. Lần sau chị lại chơi và mang làm quà thật nhiều mía ông voi, ăn cho đỡ khát...

Hai người đi xa rồi, tôi còn tần ngần nhìn mãi, bâng khuâng như mất một vật quý, cố nhếch mép cười mỗi khi Uyên quay lại gật đầu chào, dịu dàng như ném cho tôi một cái hôn âu yếm.

*
* *

Chưa bao giờ tôi thấy một kỳ nghỉ hè vui vẻ như kỳ nghỉ hè năm ấy. Uyên đến nhà trọ đón tôi để mang hộ sách vở và quần áo của tôi về. Rồi, hơn hai tháng, chúng tôi sống bên nhau những ngày êm đềm đầy luyến ái. Tôi luôn luôn theo Uyên, xem Uyên làm “đăng ten”, đọc cho Uyên nghe những câu hát và những truyện trong quyển sách tập đọc của tôi, khoe với Uyên những bài thi tôi được nhất, và bắt Uyên đan rọ cho tôi bỏ trái thị. Còn Uyên thì không bỏ lỡ dịp nào để làm tôi vừa ý – Uyên cặm cùi rọc lá dứa cuộn cho tôi những cái kèn rất đẹp, và tìm cho tôi rất nhiều hoa để ướp sách chơi, nhiều quá đến nỗi ba, bốn quyển sách in của tôi đều căng lên tất cả. Lúc rồi, chúng tôi lại cùng nhau ngồi giở sách, xem lại những cánh hoa cóp nhật hàng tháng, đã héo khô, mất cả màu tươi lúc trước. Tối đến, trong khi mọi người ngồi nói chuyện trong hè, chúng tôi đưa nhau ra bờ ao nghe ếch nhái kêu, bắt đom đóm dóm lá khoai treo lên cành khế làm đèn, hay kể những chuyện ma quái để hai đứa cùng sợ ôm sát nhau mà so người lại. Một lần, nhìn vòm trời dịu như nhung với muôn nghìn ngôi sao như những bông hoa mai nở trắng xóa đầy một cánh rừng bao la, không giới hạn, chúng tôi cùng như bị một sức huyền bí gì bất ngờ lặng bên nhau, không nói. Bỗng Uyên ôm lấy tôi ghì mạnh vào người một cái rồi lại vội buông ra mà cười khanh khách...

*
* *

Một hôm, ở nhà bác tôi có giỗ họ. Mẹ tôi và cả nhà đều đến dự, để nhà cho mình Uyên coi. Lẽ tất nhiên là tôi tìm cơ không đi ăn giỗ để ở nhà với Uyên. Chúng tôi dọn cơm sáng ăn với nhau rồi, Uyên bảo tôi ở sân chơi để Uyên ra vườn hái mấy lá trầu về ăn. Uyên đi lâu quá, tôi vốn nhút nhát thấy nhà vắng, im phăng phắc thì đâm sợ, chạy ra vườn tìm Uyên. Tôi lạ lùng khi thấy Uyên đang ngồi nấp sau một bụi dong ở bờ ao, thân thờ nhìn mấy con kéo vó chân nhỏ tấp tắp và dài nghêu ngao lướt trên mặt nước... Khi thấy động, Uyên giật mình quay lại thì mí mắt lại long lanh vài giọt lệ. Tôi chực hỏi thì Uyên đã bò ra, trợn mắt, lè lưỡi làm ma nát tôi khiến tôi kêu thét lên mà chạy vội về sân. Một lát, Uyên cũng về, tóc xòa ra, mồm nhai trầu đỏ tươi, mặt ửng hồng như say rượu. Tôi ngạc nhiên trước vẻ đẹp lạ của Uyên, một vẻ đẹp khác mọi ngày, nó làm tôi sửng sốt và mơ hồ như sờ sợ. Bỗng Uyên lè lưỡi đỏ chót, hai mắt long lanh chạy lại. Tôi thét lên và dúm người ngồi sệt xuống. Uyên vồ lấy tôi ôm gọn tôi vào lòng và hôn vồ vập vào mặt, vào cổ, vào lưng tôi như muốn nuốt. Hơi thở Uyên hỗn hển, tim Uyên đập mạnh, ngực Uyên phập phồng và nóng nực. Tôi cố vùng ra và chực chạy. Nhưng Uyên cười lớn kêu tôi lại:

– Tân nhát quá, Uyên đây mà, có phải ma đâu... lại đây mà ăn trầu.

Tôi ngờ vực đứng nhìn một lúc, chỉ sợ ma nhập vào người Uyên. Nhưng nụ cười trong trẻo, dịu dàng mọi ngày đã trở lại cặp môi tươi, trên cái mặt đã không còn bưng đở nữa. Tôi rụt rè mon men lại. Uyên lấy khăn tay lau những vết quết trầu mà đôi môi ướm đã in lên má, lên cổ tôi lúc nãy. Tôi nũng nịu bảo:

– Uyên làm em sợ hết hồn. Em tưởng ma nhập vào người Uyên.

Uyển khẽ tát yêu vào má tôi một cái, rồi lặng nhìn tôi bằng con mắt vô cùng êm dịu. Bỗng đôi mắt ấy mờ đục lại như thoáng qua một ý buồn. Uyên rầu rầu bảo tôi:

– Chị sắp phải xa Tân rồi. Tân ạ.

– Sao thế, chị?

– Chị không còn được ở đây nữa.

Tôi ngạc nhiên:

– Sao vậy?

Uyển ngậm ngừng một chút:

– Chị phải đi lấy chồng.

Mí mắt Uyển chớp nhanh mấy cái, và tôi thấy Uyển kéo vạt áo lên hỉ mũi. Tôi lẳng lặng mân mê dải lưng nhiễu của Uyển, rồi bằng một giọng rất cảm động, tôi ngược mặt nhìn mặt Uyển và nói:

– Không đâu, chị Uyển, chị đừng về nhé. Em không muốn chị đi lấy chồng.

Uyển cố chấp một nụ cười nhưng nước mắt đã giàn ra má...

*
* *

Tháng mười năm ấy, Uyển đi lấy chồng. Đám cưới vào một ngày chủ nhật nên tôi cũng được về quê để đưa dâu. Tôi theo mẹ tôi vào thẳng ngay buồng Uyển. Uyển thấy tôi thì mừng rỡ lắm nhưng mắt Uyển đỏ ngầu như vừa mới khóc. Chúng tôi nắm tay nhau mà chẳng nói gì. Có lẽ bởi thẹn thò vì những tiếng cười đùa ở xung quanh vì thấy tôi luyến Uyển hơn em luyến chị. Người ta càng buồn cười khi thấy lúc đưa dâu, tôi vẫn theo rịt không rời Uyển ra. Đến tận lúc tới nhà trai, Uyển phải vào lễ tơ hồng, tôi mới chịu xa Uyển để ra ngồi cỗ. Nhưng ăn uống xong, lúc tôi chực về thì Uyển gọi giật tôi lại. Uyển dắt tôi ra một chỗ vắng, móc túi lấy một cái rọ thị đan bằng tơ đỏ một cách tỉ mỉ, và sụt sịt bảo tôi:

– Mùa thị đã qua rồi, nhưng em giữ cái rọ này để dành đến mùa sau. Nghỉ hè sang năm không còn ai đan rọ cho em nữa...

Rồi chúng tôi nhìn nhau, rơi nước mắt.

*
* *

Từ bấy đến nay đã bao độ hoa tàn. Tôi còn qua bảy tám kỳ nghỉ hè, tôi đã đi đưa dâu thêm bốn năm đám cưới. Mỗi dịp đều nhắc cho tôi ít nhiều kỉ niệm của ngày qua. Sau cùng vì công việc của đời lôi cuốn, tôi đã hầu quên bằng người đã cùng tôi kết một mối tình trong trẻo và cảm động buổi xuân đời. Cho đến hôm nay, ngồi buồn, vô tình giở lại những cánh hoa tàn thuở trước, và cái rọ bằng tơ đỏ năm xưa, tôi lại thấy Uyển từ dĩ vãng xa xăm trở lại. Uyển trở lại với cả một mối tình u uẩn mà nay tôi biết là nồng nàn tha thiết. Rầu rầu tôi tự hỏi: Uyển bây giờ ra sao?

Báo *Ích hữu*, số 73, ngày 13-7-1937.

CHÍ PHEÒ ¹

(Truyện ngắn)

Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại, ai cũng nhủ: “Chắc nó trừ mình ra!” Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Tức thật! Ô! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiến răng vào mà chửi cái đứa đã đẻ ra Chí Phèo. Nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo? Có mà trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...

*

* *

Một anh đi thả ống lươn, một buổi sáng tinh sương, đã thấy hắn trần truồng và xám ngắt trong một váy đụp để bên một cái lò gạch bỏ không, anh ta rước lấy và đem cho một người đàn bà góa mù. Người đàn bà góa mù này bán hắn cho một bác phó cối không con, và khi bác phó cối này chết thì hắn bơ vợ, hết đi ở cho nhà này lại đi ở cho nhà nọ. Năm hai mươi tuổi, hắn làm canh điền cho ông Lý Kiến, bây giờ là cụ Bá Kiến, ăn tiền chỉ làng. Hình như có mấy lần bà ba nhà ông Lý, còn trẻ lắm mà lại cứ hay ốm lửng bắt hắn bóp chân, hay xoa bụng, đấm lưng gì đấy. Người ta bảo ông Lý ra đình thì hách dịch, cả làng phải sợ, mà về nhà thì lại sợ cái bà ba còn trẻ này.

1. Truyện này in lần thứ nhất với cái tên *Đôi lứa xứng đôi*, NXB Đời mới, Hà Nội, 1941.

Người bà ấy phốp pháp, má bà ấy hây hây, mà ông Lý thì hay đau lưng lắm; những người có bệnh đau lưng hay sợ vợ mà chúa đời là khỏe ghen. Có người bảo ông Lý ghen với anh canh điền khỏe mạnh mà sợ bà ba không dám nói. Có người thì lại bảo anh canh điền ấy được bà ba trao quyền thu quyền bổ trong nhà tin cậy nên lấy trộm thóc nhiều. Mỗi người nói một cách, chẳng biết đâu mà lần. Chỉ có một hôm Chí bị người ta giải huyện rồi nghe đâu phải đi tù. Không biết tù mấy năm nhưng hấn đi biệt tăm đến bảy, tám năm, rồi một hôm, hấn lại lù lù ở đâu lần về. Hấn về lớp này trông khác hẳn, mới đầu chẳng ai biết hấn là ai. Trông đặc như thằn sắng cá! Cái đầu thì trọc lốc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất cơng cơng, hai mắt gườm gườm trông gớm chết! Hấn mặc quần áo nái đen với cái áo tây vàng. Cái ngực phanh đầy những nét chạm trổ rồng, phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế. Trông gớm chết!

Hấn về hôm trước, hôm sau đã thấy ngôi ở chợ uống rượu với thị chó suốt từ trưa đến xế chiều. Rồi say khướt, hấn xách một cái vỏ chai đến cổng nhà Bá Kiến, gọi tận tên tục ra mà chửi. Cụ Bá không có nhà. Thấy bộ điệu hung hăng của hấn, bà cả đùn bà hai, bà hai thúc bà ba, bà ba gọi bà tư, nhưng kết cục chẳng bà nào dám ra nói với hấn một vài lời phải chăng. Mặc cái phải cái thằng liều lĩnh quá, nó lại say rượu, tay nó lại nhắm nhắm cầm cái vỏ chai, mà nhà lúc ấy toàn đàn bà cả... Thôi thì cứ đóng cái cổng cho thật chặt rồi mặc thầy cha nó, nó chửi thì tai liền miệng đấy, chửi rồi lại nghe! Thành thử chỉ có ba con chó dữ với một thằng say rượu!... Thật là âm ỉ! Hàng xóm phải một bữa điếc tai, nhưng có lẽ trong bụng thì họ há: xưa nay họ mới chỉ được nghe bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ Bá chửi người ta, bây giờ họ mới được nghe người ta chửi lại cả nhà cụ Bá. Mà chửi mới sướng miệng làm sao! Mới ngoa ngoắt làm sao! Họ bảo nhau: Phen này cha con thằng Bá Kiến đố còn dám vác mặt đi đâu nữa! Mồ má tổ tiên đến lộn lên mặt. Cũng có người hiền lành hơn thì bảo: “Phúc đời nhà nó, chắc ông Lý không có nhà...”. Ông Lý đây là ông Lý Cường, con giai cụ Bá nổi tiếng là hách dịch, coi người như rơm như rác. Phải ông Lý Cường thử có nhà xem nào! Quả nhiên họ nói có sai đâu! Đấy, có tiếng người sang sảng quát: “Mày muốn lòi thòi gì... cái thằng không cha không mẹ này! Mày muốn lòi thòi gì?...” Đã bảo mà! Cái tiếng quát tháo kia là tiếng Lý Cường. Lý Cường đã về! Lý Cường đã về! Phải biết... A ha! Một cái tát rất kêu.

Ôi! Cái gì thế này? Tiếng đấm, tiếng đá nhau bình bịch, thôi, cứ gọi là tan xương! Bông “choang” một cái, thôi phải rồi, hấn đập cái chai vào cột cổng... Ô hấn kêu... Hấn vừa chửi vừa kêu làng như bị người ta cắt họng. Ô hấn kêu!

– Ôi làng nước ôi! Cứu tôi với... Ôi làng nước ôi! Bố con thằng Kiến nó đâm chết tôi! Thằng Lý Cường nó đâm chết tôi rồi, làng nước ôi!... Và họ thấy Chí Phèo lăn lộn dưới đất, vừa kêu vừa lấy mảnh chai cào vào mặt. Máu ra loe loét trông gớm quá! Mấy con chó xông xáo quanh hấn, sủa rất hăng. Lý Cường hơi tái mặt, đứng nhìn mà cười nhạt, cười khinh bỉ. Hừ! Ngõ là gì, chẳng hóa ra nằm vạ! Thì ra hấn định đến đây nằm vạ!

Người ta tuôn đến xem. Mấy cái ngõ tối xung quanh ùn ra biết bao nhiêu là người. Thật ồn ào như chợ. Bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ Bá vững dạ vì có anh Lý cũng xưng xỉa ra chửi góp. Thật ra, các bà muốn xem Chí Phèo làm ăn ra sao? Không khéo nó cố ý gieo vạ cho ông cụ phen này...

Nhưng kìa cụ ông đã về. Cụ cất tiếng rất sang hỏi: “Cái gì mà đông như thế này?” Chỗ này “Lạy cụ”, chỗ kia “Lạy cụ”, người ta kính cẩn đứng giãn ra, và Chí Phèo bỗng nằm dài, không nhúc nhích, rên khế như gần chết.

Thoáng nhìn qua, đã hiểu cơ sự rồi. Làm lý trưởng rồi chánh tổng, bây giờ lại đến lượt con cụ làm lý trưởng, những việc như thế này cụ không lạ gì. Cụ hãy quát mấy bà vợ đang xưng xỉa chực tâng công với chồng:

– Các bà đi vào nhà; đàn bà chỉ lòi thôi, biết gì?

Rồi quay lại bọn người làng, cụ dụ giọng hơn một chút:

– Cả các ông, các bà nữa, về đi thôi chứ! Có gì mà xúm lại như thế này?

Không ai nói gì, người ta lảng dần đi. Vì nể cụ Bá cũng có, nhưng vì nghĩ đến sự yên ổn của mình cũng có: người nhà quê vốn ghét lòi thôi. Ai dại gì mà đứng ì ra đấy, có làm sao họ triệu mình đi làm chúng! Sau còn trơ lại Chí Phèo và cha con cụ Bá. Bây giờ mới lại gần hấn, khế lay mà gọi:

– Anh Chí ơi! Sao anh lại làm ra thế?

Chí Phèo lim dim mắt, rên lên:

– Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đấy thôi. Nhưng tao mà chết thì có thằng sạt nghiệp, mà còn rữ tù chưa biết chừng.

Cụ Bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm; người ta bảo cụ hơn người cũng bởi cái cười:

– Cái anh này mới hay! Ai làm gì anh mà anh phải chết? Đòi người chứ có phải con ngóe đâu? Lại say rồi phải không?

Rồi, đổi giọng cụ thân mật hỏi:

– Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước.

Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn:

– Nào đứng lên đi. Cứ vào đây uống nước đã. Có cái gì, ta nói chuyện tử tế với nhau. Cần gì mà phải làm thanh động lên như thế, người ngoài biết, mang tiếng cả.

Rồi vừa xốc Chí Phèo, cụ vừa phàn nàn:

– Khổ quá, giá có tôi ở nhà thì đâu đến nỗi. Ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ. Chỉ tại thằng Lý Cường nóng tính không nghĩ trước nghĩ sau. Ai, chứ anh với nó còn có họ kia đấy.

Chí Phèo biết họ hàng ra làm sao, nhưng cũng thấy lòng người người. Hấn cố làm ra vẻ nặng nề, ngồi lên. Cụ Bá biết rằng mình đã thắng, đưa mắt nháy con một cái, quát:

– Lý Cường đâu! Tội mày đáng chết. Không bảo người nhà đun nước, mau lên!

Cụ dất Chí Phèo đứng dậy, giục thêm vài tiếng nữa, và Chí Phèo chịu đi; hấn chỉ cố khập khiễng cái chân như bị què. Là vì lúc ấy trong người hấn rượu đã hơi nhạt rồi, không còn kêu gào chửi bới, và không còn nghe kêu gào chửi bới, hấn thấy hình như không hăng hái nữa. Sự ngọt ngào mềm nhũn, vả lại, những người đứng xem về cả rồi, hấn thấy mình như trơ trọi. Cái sợ cố hữu trong lòng thức dậy, cái sợ xa xôi của ngày xưa, hấn thấy quả là táo bạo. Không táo bạo mà dám gây sự với cha con Bá Kiến, bốn đời làm tổng lý. Và nghĩ thế, hấn thấy hấn cũng oai. Hấn làm cái ông gì ở làng này? Không vây cánh, không họ hàng thân thích; anh em không có, đến bố mẹ cũng không... Ờ, thế mà độc lực chọi nhau với lý trưởng, chánh tổng, bá hộ tiên chỉ làng Vũ Đại, chánh hội đồng kỳ hào, huyện hào Bắc Kỳ nhân dân đại biểu, khét tiếng đến cả trong hàng huyện. Thử hỏi

đã có mặt nào trong làng hơn hai nghìn suất đình này làm được thế? Kể làm rồi có chết cũng là cam tâm. Vậy mà không: cái cụ Bá thét ra lửa ấy lại xử nhũn mời hấn vào nhà xơi nước. Thôi cũng hă, đã xử nhũn thì hấn vào. Nhưng bỗng hấn hơi ngần ngại: biết đâu cái lão cáo già này nó chả lại lừa hấn vào nhà rồi lôi thôi? Ô mà thật, có thể như thế lắm! Nay nó hãy lôi mấy cái mâm cái nôi hay đồ vàng đồ bạc ra khoác vào cổ hấn, rồi cho vợ ra kêu làng lên, rồi cột cổ hấn vào, trăn cho một trận om xương, rồi vu cho ăn cướp thì sao; cái thằng Bá Kiến này, già đời đục khoét, cụ đốn cái nước gì mà chịu lép như trấu thế? Thôi đại gì mà vào miệng cọp, hấn cứ đứng đây này, cứ lại lặn ra đây này, lại kêu toáng lên xem nào. Nhưng nghĩ ngợi một tí, hấn lại bảo: kêu lên cũng không nước gì! Lão Bá vừa nói một tiếng, bao nhiêu người đã ai về nhà nấy, hấn có lặn ra kêu nữa, liệu còn có ai ra? Vả lại bây giờ rượu nhạt rồi, nếu lại phải rạch mặt thêm mấy nhát thì cũng đau. Thôi cứ vào!...

Vào rồi, hấn mới biết những cái hấn sợ là hão cả. Bá Kiến quả có ý muốn dàn xếp cùng hấn thật. Không phải cụ đốn, chính thật cụ khôn róc đời, thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ hai sợ kẻ cố cùng liều thân. Chí Phèo không anh hùng, nhưng nó là cái thằng liều lĩnh. Liều lĩnh thì ai còn thềm chấp! Thế nào là mềm nắn rắn buông? Cái nghề làm việc quan, nếu nhất nhất cái gì cũng dè dặt ấn cổ thì lại bán nhà đi cho sớm. Cụ vẫn bảo Lý Cường như thế đấy. Vũ dũng như hấn mà làm được lý trưởng là nhờ có cụ. Cụ mà chết đi rồi, “chúng nó” lại không cho ăn bòn.

Tiếng vậy, làm tổng lý không phải việc dễ. Ở cái làng này, dân quá hai nghìn, xa phủ xa tỉnh, kẻ ăn thì cũng dễ ăn, nhưng không phải hễ mà làm lý trưởng thì cứ việc ngồi mà khoét. Hồi năm nọ, một thầy địa lý có bảo đất làng này vào cái thế “quần ngư tranh thực”, vì thế mà bọn đàn anh chỉ là một đàn cá tranh mồi. Mồi thì ngon đấy, nhưng mà năm bè bảy bối, bè nào cũng muốn ăn. Ngoài mặt thì tử tế với nhau nhưng thật ra trong bụng lúc nào cũng cho nhau lụn bại để cười lên đầu lên cổ. Ngay thằng Chí Phèo đến đây sinh sự biết đâu lại không có thằng nào ấy đấy? Nếu cụ không chịu nhin, làm cho to chuyện có khi tốn tiền. Cái nghề quan bám thằng có tóc ai bám thằng trọc đầu? Bỏ tù nó thì dễ rồi; nhưng bỏ tù nó, cũng có ngày nó được ra, liệu lúc ấy nó có để yên mình không chứ? Cụ phải cái vụ thằng Năm Thọ, mãi đến giờ chưa quên.

Năm Thọ vốn là một thằng đầu bò đầu bươu. Hồi ấy, Bá Kiến mới ra làm lý trưởng, nó hình như kinh nhau với hắn ra mặt; Lý Kiến muốn trị nhưng chưa có dịp. Được ít lâu, nó can dự vào một vụ cướp bị bắt giam; Lý Kiến ngấm ngấm vận động cho vào tù. Vẫn tưởng một người vai vế như Năm Thọ mà thất cơ lỡ vận đến nỗi tội tù làm gì còn dám vác cái mặt mo về làng? Lý Kiến mừng thầm đã nhờ được cái đình trước mắt. Nào ngờ một buổi tối Lý Kiến đang ngồi một mình soạn giấy má thì Năm Thọ vác dao xộc vào. Nó đứng chặn lấy cửa và bảo: nếu kêu một tiếng thì đâm chết liền, thì ra nó vượt ngục và về đây nhờ ông Lý một cái thẻ mang tên một người lương thiện và một trăm đồng bạc để trốn đi. Nó lại bảo: nghe nó thì nó đi biệt, mà không nghe thì nó đâm chết, rồi muốn ra sao thì ra; còn muốn sống với vợ con thì nghe nó.

Lẽ tất nhiên là Lý Kiến nghe. Năm Thọ đi phen ấy là mất tâm, cũng không bao giờ về nữa thật. Nhưng thói đời, tre già măng mọc, có bao giờ hết những thằng du côn? Năm Thọ vừa đi, lại có Binh Chức ở đâu lần về. Mà thằng này lúc nó còn ở nhà, nào có ngạo ngược gì cho cam? Người ta đã phải gọi hắn là cục đất. Ai bảo làm sao thì ư hừ làm vậy, mới quát một tiếng thì đã đá ra cả quần, thuế bỏ một đồng thì đóng quá hai, đến nỗi có con vợ hay hay mất, bị người ta gheo cũng chỉ im im rồi về nhà hành vợ chứ chẳng dám ho he gì. Thế đấy: cái nghề đời hiền quá hóa ngu, ở đâu chứ ở đất này đã ngu, đã nhịn thì chúng nó ấn cho đến không còn góc đầu lên được. Hắn làm thì làm cật lực mà quanh năm nghèo rớt mùng tơi; chỉ vì một miếng cũng không giữ được mà ăn; đứa nào nó vớ cũng xoay, mà đứa nào xoay cũng chịu. Sau cùng bực quá, hắn ra đi lính. Lại càng thêm tội! Không bực còn được vợ, tuy rằng thỉnh thoảng có bị sây sớt ra ngoài, nhưng vẫn là vợ mình. Bực thì hóa ra mất vợ. Bởi vì chị vợ ở nhà còn trẻ, mới hai con, cái mặt sắc như dao lại hồng hồng đôi má, bỗng nhiên lại sinh ra vắng chồng, của ngon trời trời ngay trước mắt, ai mà chịu được?

Nhà chị Binh ở gần đường. Ông phó đi đánh bạc đêm cũng tạt vào; anh trương tuần đi tuần cũng tạt vào; anh hàng xóm cũng mò sang; thậm chí đến cái thằng hương Điền, đầu hai thứ tóc, già đời làm đầy tớ cho các ông lý trưởng, cũng mon men vào gạ gẫm. Vợ Binh Chức đã nghiệm nhiên thành một con nhà thổ không phải trả tiền để cho bọn lý dịch nho nhỏ trong làng chuyên đổi. Chính ngay Lý

Kiến, tuy hồi ấy đã có đến ba vợ, cũng không nỡ bỏ hoài cái của không dung được trời cho; và không bỏ hoài, ông còn được lợi. Mỗi lần chị Bình đi lĩnh lương hay lĩnh măng đa của chồng, phải mượn ông Lý đi nhận thực. Không ông Lý nào vác của nhà đi ăn mà nhận thực cho người ta, điều ấy đã cố nhiên. Nhưng với Lý Kiến, thì không những cơm rượu tiền túi, còn phải cho ngồi xe chung và còn ở lại tỉnh nữa.

Thế là mấy đồng bạc lương đi đời; mấy đứa con của chị ngày may chỉ được mấy cái kẹo đạn mút, hay hậu hĩnh ra thì được mấy cặp bánh dầy giò ăn. Thành thử công lao anh Bình, rút lại chỉ cho chị Bình mỗi tháng một lần hưởng những cuộc vui với ông Lý nhà.

Chẳng hiểu anh ta cũng biết thế mà chán cảnh nhà hay sao mà mãi hạn ba năm cũng không thấy về. Rồi ít lâu sau, có trát về làng bắt tróc nã và áp giải tên Trần Văn Chức. Lý Kiến khai tên ấy thuộc hạng dân lưu tán không về làng. Nhưng khai hôm trước thì hôm sau hấn về. Lý Kiến sai đầy tớ đem trát đến nhà đòi bắt hấn. Hấn đến ngay, nhưng lại đem theo cả vợ và hai con. Không đợi ông Lý nói một câu, hấn rút một con dao chọc tiết lợn ra, nhăm nhăm cầm ở tay mà bảo rằng: “Chẳng nói giấu gì ông, tôi can án giết người. Nếu ông không thương, mà bắt giải thì vợ con tôi chết đói. Thôi thì đảng nào chúng nó cũng chết, tôi đâm chúng nó chết ở đây rồi ông bắt đi ở tù luôn thể”. Mắt hấn đỏ ngầu; lưỡi dao hấn hoa lên loang loáng, chỉ trông cũng lạnh gáy. Hấn có thể giết người được lắm, mà chắc không phải chỉ giết có vợ và con thôi, khi hấn đã có gan đâm chết vợ con thì hấn còn kiêng gì cái cổ của người khác nữa? Lý Kiến nghĩ ngợi một lúc rồi bảo cứ về rồi ông liệu. Ông liệu nghĩa là ông che đậy cái án của hấn cho không ai biết và mỗi lần có trát về nhắc, ông lại khai rằng: vẫn chưa có tên Chức về. Thế là hấn cứ nghiêm nhiên sống ở ngay chính giữa quê hương hấn. Và bây giờ người ta thấy vợ hấn rất chính chuyên mà lại trung thành, thị chăm chỉ làm để nuôi hấn; những ông trưởng, ông phó tự nhiên nghĩ bụng rằng: người ta có chồng rồi mà còn chàng màng thì phải tội; ai cũng sinh tử tế cả chỉ trừ anh Bình, bởi vì Chức bây giờ lại rất mực là ngang ngược. Hấn ăn vườn dấy, nhưng chẳng nộp thuế cho ai. Thúc hấn thì hấn chửi, cấm vườn hấn thì hấn chém, sinh chuyện với hấn thì chính lý trưởng làng có lỗi bởi vì cố ý ẩn lậu hấn là một tên can phạm. Ấy thế mà hấn cũng chưa vừa lòng đâu. Một hôm, không hiểu nghĩ ngợi thế nào, hấn vác dao đến bảo thẳng vào mặt Lý Kiến rằng:

– Hồi tôi còn tại ngũ, tôi gửi về nhà có trăm. Không biết vợ tôi có tiêu pha gì, hay là cho trai mà không còn một đồng nào. Tôi hỏi thì nó bảo: Ở nhà, đàn bà con gái một mình, không dám giữ tiền, được đồng nào mang gửi ông Lý cả. Tôi sợ nó bịa ra nên đã trối sẵn nó ở nhà. Bây giờ tôi đến thưa với ông, tính toán xem được bao nhiêu cho đem về nuôi cháu. Thiếu một đồng thì tôi không để yên chúng nó.

Lý Kiến hiểu rằng: “chúng nó” đây có thể gồm cả ông. Ông cười nhạt bảo rằng:

– Thế này này, anh Bình ạ, chị ấy gửi tôi thì quả là không có...

Hắn trợn mắt quát:

– Thế thì thằng nào ăn đi?

Lý Kiến vội nói lấp ngay:

– Thế nhưng mà anh có thiếu tiền thì cứ bảo tôi một tiếng. Chị ấy trót tiêu đi rồi thì có giết cũng chẳng ra. Lôi thôi làm gì sinh tội.

Ông mở tráp quăng cho hắn năm đồng bạc. Hắn cầm lấy, lay ông tử tế, rồi xách dao ra về. Từ hôm ấy hắn thành tử tế với Lý Kiến, nhận là chỗ dày tớ chân tay, nhưng Lý Kiến thỉnh thoảng vẫn phải cho hắn tiền. Cho mãi đến năm ngoái đây, hắn chết...

*

* *

Thì năm nay lại nở ra Chí Phèo. Lại một thằng hiền lành như đất – tội nghiệp cho hắn, có lần Lý Kiến thấy hắn vừa bóp đùi cho bà ba vừa run run! Bỗng nhiên vùng dậy, giở toàn những giọng uống máu người không tanh. Thì ra già néo đứt dây. Cụ tiên chỉ làng Vũ Đại nhận ra rằng: đè nén con em đến nổi nó không chịu được phải bỏ làng mà đi là dại. Mười thằng đã ra đi thì chín thằng trở về với cái vẻ hung đồ, cái tính ương ngạnh học được từ phương xa. Một người khôn ngoan thì chỉ bóp đến nửa chừng. Hãy ngấm ngấm đầy người ta xuống sông, nhưng rồi lại dất nó lên để nó đền ơn. Hãy đập bàn, đập ghế, đòi cho được năm đồng, nhưng được rồi thì lại vát trả lại năm hào “vì thương anh túng quá”! Và cũng phải tùy mặt nữa: những thằng có máu mặt, vợ đẹp, con đàn, chính là những thằng sợ quan và dễ bóp; trái lại, những thằng tứ cố vô thân, giết chúng nó thì dễ, nhưng giết được, chỉ còn có xương; mà gây sự với chúng nó là mở một

dịp tốt để cho các phe nghịch xoay lại mình. Làng nào cũng có nhiều cánh, mỗi cánh kết bè đảng xung quanh một người: cánh cụ Bá Kiến, cánh ông đội Tảo, cánh ông tư Đạm, cánh ông bát Tùng... Bằng ấy cánh du lại với nhau để bóc lột con em, nhưng ngấm ngấm chia rẽ, nhè từng chỗ hở để mà trị nhau. Cụ lại nhận ra rằng: ở cái đất nhà quê, bọn dân hiền lành chỉ ẽ cố làm nuôi bọn lý hào, nhưng chính bọn lý hào nhiều khi lại phải ngấm miệng cung cấp cho những thằng cùng hơn cả dân cùng nên liều lĩnh, lúc nào cũng có thể cầm dao đâm người hay đâm mình.

Nhưng cụ không phải là một người ưa than thở. Than thở chẳng ích gì cho ai, cái bọn dân đình suốt đời bị đè nén kia sở dĩ bị đè nén suốt đời chỉ vì khi bị đè nén chúng chỉ biết than thở chứ không biết làm gì khác. Cụ Bá Kiến không cần than thở: trị không lợi thì cụ dùng. Cụ nghĩ bụng: cũng phải có những thằng đầu bò chứ? Không có những thằng đầu bò thì lấy ai trị những thằng đầu bò? Thế lực của cụ sở dĩ lấn áp được các vây cánh khác, một phần lớn cũng bởi cụ biết mềm biết cứng, biết thu dụng những thằng bạt mạng không sợ chết và không sợ đi tù. Những thằng ấy chính là những thằng được việc. Khi cần đến, chỉ cho nó dăm hào uống rượu, là có thể sai nó đến tác hại bất cứ anh nào không nghe mình. Gặp người bướng bỉnh, danh thếp thì nó lừa đốt nhà hay cho mấy lát dao; gặp người non mật, thì nó quăng vào chai rượu lậu, hay là gây sự rồi lăn ra kêu làng. Có chúng nó sinh chuyện thì mới có dịp mà ăn, nếu không thì giữa đám dân hiền lành và yên phận này, khéo lắm chỉ bóp nặn được vào vụ thuế. Thuế một năm có một lần nếu chỉ trông vào đấy thì có bán cha đi cũng không đủ để bù vào chỗ ba, bốn nghìn bạc chạy chọt để tranh triện đồng.

Vì thế, đêm hôm ấy, ở nhà Bá Kiến ra về, Chí Phèo vô cùng hả hê! Bá Kiến đã không vụ vạ gì cho hắn, lại còn giết gà mua rượu cho hắn uống, xong lại đái thêm đồng bạc để về uống thuốc. Đồng bạc, làm gì đến thế? Hắn loạng choạng vừa đi vừa cười: hắn chẳng cần đến ba xu. Lúc ngồi tù, hắn có học mót được mấy bài thuốc dẫu: chỉ vài nắm lá, là mặt hắn lại dàu vào đấy ngay. Còn đồng bạc lại để đi uống rượu...

*

* *

Hắn uống được có vừa ba hôm, hôm thứ tư thì hắn trợn mắt lên bảo con mẹ hàng rượu rằng:

– Hôm nay ông không có tiền; nhà mày bán chịu cho ông một chai. Tối ông mang tiền đến trả.

Mụ hàng rượu hơi ngần ngừ. Thế là hắn rút bao diêm, đánh cái xòe, châm lên mái lều của mụ. Mụ hoảng hốt kêu la om sòm, vội dập tắt được ngọn lửa vừa mới cháy. Rồi khóc khóc mếu mếu, mụ đưa ra chai rượu. Hắn hầm hầm, chìa vào mặt mụ bảo rằng:

– Cái giống nhà mày không ưa nhé! Ông mua chứ ông có xin nhà mày đâu! Mày tưởng ông quyết hờ? Mày thử hỏi cả làng xem ông có quyết của đứa nào bao giờ không? Ông không thiếu tiền! Ông còn gửi đàng cụ Bá, chiều nay ông đi lấy về ông trả.

Mụ vừa kéo vạt áo lên quệt nước mũi, vừa bảo:

– Chúng cháu không dám chắc lép nhưng quả là ít vốn.

Hắn quát lên:

– Ít vốn, chỉ tối nay ông trả. Nhà mày đã chết ngay bây giờ hay sao? Rồi hắn xách chai ra về. Hắn về cái miếu con ở bờ sông, vì vốn từ trước đến nay không có nhà. Lúc đi đường, hắn đã vụng được ở vườn nhà nào ba bốn quả chuối xanh, và bóc của một cô hàng xén một dùm con muối trắng. Bây giờ hắn uống rượu với chuối xanh chấm muối trắng và thấy rằng cũng ngon. Hắn uống rượu với cái gì cũng ngon.

Uống xong hắn chùi miệng, rồi ngật ngà ngật ngưỡng đến nhà Bá Kiến. Gặp ai hắn cũng bảo: Đến nhà cụ Bá Kiến đòi nợ đây! Mới trông thấy hắn vào đến sân, Bá Kiến biết hắn lại đến sinh sự rồi. Cái mắt thì ngầu lên, hai chân thì lão đảo, cái môi bầm lại mà run bần bật. Cũng may, hắn không cầm vỏ chai, Bá Kiến cũng đồng dục hỏi:

– Anh Chí đi đâu đấy?

Hắn chào to:

– Lay cụ ạ. Bấm cụ... Con đến cửa cụ để kêu cụ một việc ạ.

Giọng hắn lè nhè và tiếng đã gằn như méo mó. Nhưng bộ điệu thì lại như hiền lành: Hắn vừa gãi đầu gãi tai, vừa lải nhải.

– Bấm cụ, từ ngày cụ bắt đi ở tù, con lại sinh ra thích đi ở tù; bấm có thể, con có dám nói gian thì trời tru đất diệt, bấm quả đi ở tù sướng quá. Đi ở tù còn có cơm để mà ăn, bây giờ về làng về nước một

thước đất cắm dùi không có, chả làm gì nên ăn. Bấm cụ, con lại đến kêu cụ, cụ lại cho con đi ở tù...

Cụ Bá quát, bắt đầu bao giờ cụ cũng quát để thử dây thần kinh con người:

– Anh này lại say khướt rồi!

Hắn xông lại gần, đảo ngược mắt, giơ cái tay lên nửa chừng:

– Bấm không ạ, bấm thật là không say. Con đến xin cụ cho con đi ở tù mà nếu không được thì... thì... thưa cụ...

Hắn móc đủ mọi túi, để tìm một cái gì, hắn giơ ra: đó là một con dao nhỏ, nhưng rất sắc. Hắn nghiêng răng nói tiếp:

– Vâng, bấm cụ không được thì con phải đâm chết dăm ba thằng, rồi cụ bắt con giải huyện.

Rồi hắn cúi xuống, tấn mần gọt cạnh cái bàn lim. Cụ Bá cười khanh khách – cụ vẫn tự phụ hơn đời cái cười Tào Tháo ấy – cụ đứng lên vỗ vai hắn mà bảo rằng:

– Anh bừa lắm. Nhưng này, anh Chí ạ, anh muốn đâm người cũng không khó gì. Đội Tảo nó còn nợ tôi năm mươi đồng đấy, anh chịu khó đến đòi cho tôi, đòi được tự nhiên có vườn.

Đội Tảo là một tay vai vế trong làng. Vây cánh ông ta mạnh, vẫn kình nhau với cánh nhà cụ Bá mà cụ Bá thường vẫn phải chịu bởi hắn là cựu binh, lương hưu trí nhiều, quen thuộc, lại ăn nói giỏi. Hắn vay cụ Bá năm mươi đồng đã từ lâu, bây giờ đột nhiên trở mặt vô tuốt, lấy cớ rằng số tiền ấy tính vào món tiền chè Lý Cường ra làm lý trưởng, chưa tạ hắn. Cụ Bá tức như chọc họng, nhưng chưa biết làm thế nào, bởi vì thằng Binh Chức, đây tứ chân tay của cụ khả dĩ đương đầu với hắn được, chết năm ngoái rồi. Bây giờ cụ mới lại gặp được Chí Phèo, có thể thay cho Binh Chức. Cụ thử nói khích xem sao. Nếu nó trị được đội Tảo thì tốt lắm. Nếu nó bị đội Tảo trị thì cụ cũng chẳng thiệt gì, đảng nào cũng có lợi cho cụ cả.

Chí Phèo nhận ngay! Hắn tức khắc đến nhà đội Tảo, và cất tiếng chửi ngay từ đầu ngõ. Giá còn phải hôm khác, thì có án mạng rồi; đội Tảo cũng có thể đâm chém được, chưa bao giờ chịu hàng trước cuộc giao tranh. Nhưng phúc đời cho hắn, hay là cho Chí Phèo, hôm ấy hắn ốm liệt giường, không sao nhấc mình dậy được, có lẽ hắn cũng không biết Chí Phèo chửi hắn. Vợ hắn, thấy Chí Phèo thở ra mùi rượu, và biết rõ đầu đuôi món nợ, lấy năm mươi đồng giấu chồng đưa

cho người nhà đi theo Chí Phèo. Đàn bà vốn chuộng hòa bình: họ muốn yên chuyện thì thôi, gai nhọn làm gì cho sinh sự. Và lại, bà đội cũng nghĩ rằng: chồng mình đang ốm... chồng mình có nợ người ta hẳn hoi... Và năm chục đồng bạc đối với nhà mình là mấy, lôi thôi lại chả tốn đến ba lần năm chục đồng!

Vì thế Chí Phèo mới được vênh vênh ra về: hẳn thấy hẳn oai thêm bậc nữa. Hắn tự đắc: “Anh hùng làng này cóc thằng nào bằng ta”. Cụ Bá thấy mình thắng bên địch mà không cần đến hội đồng làm biên bản chừng thích thú. Cụ đưa luôn cho anh đầy tứ chân tay mới năm đồng;

– Anh Chí ạ, cả năm chục này phần anh. Nhưng nếu anh lấy cả thì chỉ ba hôm là tan nát hết. Vậy anh cầm lấy chỗ này uống rượu còn để tôi bán cho anh mảnh vườn; không có vườn có đất thì làm ăn gì?

Chí Phèo “vâng dạ” ra về. Mấy hôm sau, cụ Bá bảo Lý Cường cho hắn năm sào vườn ở bãi sông cấm thuế của một người làng hôm nọ. Chí Phèo bỗng thành ra có nhà. Hồi ấy hắn mới đâu hăm bảy hay hăm tám...

*

* *

Bây giờ thì hắn đã thành người không tuổi rồi. Ba mươi tám hay ba mươi chín? Bốn mươi hay là ngoài bốn mươi? Cái mặt hắn không trẻ cũng không già; nó không còn phải là mặt người; nó là mặt của một con vật lạ, nhìn mặt những con vật có bao giờ biết tuổi? Cái mặt hắn vàng vàng mà lại muốn xám màu gio; nó vẫn dọc vẫn ngang, không thứ tự, biết bao nhiêu là se. Vết những mảnh chai của bao nhiêu lần ăn vạ kêu làng, bao nhiêu lần, hắn nhớ làm sao nổi? Bao nhiêu việc ức hiếp phá phách, đâm chém, mưu hại, người ta giao cho hắn làm! Những việc ấy là chính cuộc đời của hắn; cuộc đời mà hắn cũng chả biết đã dài bao nhiêu năm rồi. Bởi vì ngay đến cái thẻ có biên tên tuổi hắn cũng không có, trong sổ làng người ta vẫn khai hắn vào hạng dân lưu tán, lâu năm không về làng. Hắn nhớ mang máng rằng có lần hắn hai mươi, rồi hắn đi ở tù, rồi hình như hắn hăm nhăm không biết có đúng không? Bởi vì từ đấy, hắn bao giờ cũng say. Những cơn say của hắn tràn cơn này sang cơn khác, thành một cơn dài, mênh mênh, hắn ăn trong lúc say, ngủ trong lúc say, thức dậy

hãy còn say, đập đầu, rạch mặt, chửi bới, dọa nạt trong lúc say, uống rượu trong lúc say, để rồi say nữa, say vô tận. Chưa bao giờ hấn tỉnh, và có lẽ hấn chưa bao giờ tỉnh táo, để nhớ rằng có hấn ở đời. Có lẽ hấn cũng không biết rằng hấn là con quỷ dữ của làng Vũ Đại, để tác quái cho bao nhiêu dân làng. Hấn biết đâu hấn đã phá bao nhiêu cơ nghiệp, đập nát bao nhiêu cảnh yên vui, đập đổ bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt của bao nhiêu người lương thiện. Hấn biết đâu vì hấn làm tất cả những việc ấy trong khi người hấn say; hấn say thì hấn làm bất cứ cái gì người ta sai hấn làm. Tất cả dân làng đều sợ hấn, và tránh mặt hấn mỗi lần hấn qua.

Vì thế cho nên hấn chửi hay là chẳng vì cái gì hấn cũng chửi, cứ rượu xong là hấn chửi. Hấn chửi như những người say rượu hát. Giá hấn biết hát thì có lẽ hấn không cần chửi. Khổ cho hấn và khổ cho người, hấn lại không biết hát. Thì hấn chửi, cũng như chiều nay hấn chửi...

Hấn chửi trời và hấn chửi đời. Hấn chửi cả làng Vũ Đại. Hấn chửi tất cả những đứa nào không chửi nhau với hấn. Nhưng cũng mặc, ai mà hoài hơi, tức mình hấn chửi đứa nào để ra chính hấn, lại càng không ai cần! Và hấn lấy thế làm ức lắm: bởi vì người ta không thể chửi nhau một mình; chửi nhau một mình thì còn vặn vẹo gì! Thế là hấn chắc chắn đã có một cơ để mà tức tối, một cơ rất chính đáng để hấn có thể hùng hổ đi báo thù. Phải, hấn phải báo thù, báo thù vào bất cứ ai. Hấn phải vào một nhà nào mới được, bất cứ nhà nào. Hấn sẽ rẽ vào bất cứ ngõ nào hấn gặp để đập phá, đốt nhà, hay lăn ra kêu làng nước. Phải đấy, hấn sẽ rẽ vào bất cứ cái ngõ nào hấn gặp... À, đây kia rồi, mau mau...

Nhưng mà mặt trăng lên, mặt trăng rằm vành vạnh. Và ánh trăng chảy trên đường trắng tinh. Ô, cái gì đây, đen và méo mó trên đường trắng nhẽ nhại? Nó xệch xạc về bên phải, nó xệch xạc về bên trái, thu gọn vào rồi lại dài loang ra, xé rách ra vài chỗ. Nó cứ quần quật dưới chân Chí Phèo. Chí Phèo đứng lại và nhìn nó và hấn bỗng nghiêng ngả cười. Hấn cười ngật nghèo, cười rữ rượi. Giá hấn cứ chửi lại còn dễ nghe! Cái vật xệch xạc trên đường là bóng hấn. Thế là hấn cười, và hấn quên báo thù: hấn đi qua cái ngõ đầu tiên kia rồi. Bây giờ thì đến ngõ nhà Tự Lãng, một anh thầy cúng có một bộ râu lơ phờ. Chí Phèo bỗng nảy ra một ý; tạt vào đây và đập cái đàn châu vắn của lão Tự nửa mùa này ra. Bởi vì lão Tự này vừa làm thầy cúng lại vừa làm nghề hoạn lợn. Cái đàn của lão lừng phừng, nghe còn

chối tai hơn là lợn kêu. Nhưng lúc vào thì lão Tự lại đang uống rượu; lão uống rượu ngay ở sân, vừa uống vừa vuốt râu, vừa rung rung cái đầu. Chí Phèo đứng lại nhìn, thấy lão cũng hay hay. Hắn thấy tất cả người uống rượu đều hay hay. Rồi đột nhiên hắn khát, trời ơi, sao mà khát! Khát đến như cháy họng... Không do dự, hắn lại bên lão Tự, nhắc lấy chai rượu, ngửa cổ dốc vào mồm tu. Lão Tự duỗi cái cổ gà vạt lông ra, trố mắt lên, nhưng không nói gì. Lưỡi lão riu lại rồi, còn nói làm sao được? Lão đã uống hết hai phần chai. Còn một phần thì Chí Phèo tu nốt. Hắn tu có một hơi, rồi khà một cái, chép chép cái miệng như còn thềm. Rồi hắn nắm lấy mấy cái râu lơ phờ của lão Tự, nâng soi lên trăng mà cười. Lão Tự cũng cười. Hai thằng say rượu ngã vào nhau mà cười, như một đôi tri kỷ cuồng. Rồi Tự Lãng vào nhà xách hai chai rượu nữa; lão còn đúng hai chai nữa, lão mời Chí Phèo uống nữa, uống thật say, không cần gì. Cứ việc uống, đừng có lo ngại gì đấy! Vợ lão chết đến bảy tám năm nay rồi, con gái lão chữa hoang bỏ lão đi, lão chỉ có một mình, không còn vợ con nào mè nheo cả, lão muốn uống đến bao giờ thì uống. Cứ uống! Cứ uống, cứ uống đi ông bạn lạc đường ở cung trăng xuống ạ! Uống thật tợn, uống đến đái ra rượu thì mới thích. Nhịn uống để làm gì? Có giàu có sang, có làm nên ông cả bà lớn nữa, chết cũng không ai gọi là “cụ lớn mã”! Lão sống có đến hơn năm mươi năm rồi mà chưa thấy một cụ lớn mã nào sốt! Chỉ có cái mã, cái mã đất. Ai chết cũng thành cái mã, say sưa chết cũng thành cái mã, lo gì? Cứ say!

Chưa bao giờ Chí Phèo được thỏa thuê đến thế! Hắn thấy làm lạ sao mãi đến hôm nay mới ngồi uống rượu với thằng cha Tự này. Chúng uống với nhau rất nhiều. Và rất là nhiều. Người ta tưởng như cả làng Vũ Đại phải nhịn uống để đủ rượu cho chúng uống.

Đến lúc hết cả hai chai thì Tự Lãng đã bò ra sân. Lão bò như con cua và hỏi Chí Phèo rằng: người ta đứng lên bằng cái gì? Chí Phèo vẫn ngửa lão ra, vuốt cái râu lơ phờ của lão mấy cái, rồi để mặc lão thế, hắn lão đảo ra về. Hắn vừa đi vừa phanh ngực ra để gãi. Hắn bứt rứt quá, ngứa ngáy quá, và chợt nghĩ đến cái bờ sông gần nhà. Bởi vì cái vườn của hắn ở gần một con sông con, nước lặng và trong, khắp bãi trồng toàn dâu, gió đưa đầy những thân mềm oặt ẹo, cuộn theo nhau thành làn. Duy có vườn nhà hắn trồng toàn chuối, ở một góc có túp lều con. Những đêm trăng như đêm nay, cái vườn phẳng ngồn ngang những bóng chuối đen đen như những cái áo nhuộm vắt

tung trên bãi. Và những tàu chuối nằm ngửa, uốn cong cong lên hứng lấy trăng xanh rời rợi như là ướt nước, thỉnh thoảng bị gió lay lại giãy lên đành đạch như là hứng tình.

Chí Phèo vừa tò mò nhìn những tàu chuối vừa đi xuống vườn. Nhưng hắn không vào cái lều úp xúp mà ra thẳng bờ sông. Hắn định sẽ nhảy xuống tắm cho khỏi ngứa rồi lăn ngay ra vườn mà ngủ. Tội gì chui đầu vào lều, bức đến không còn mà thở được. Một thằng như hắn, đập đầu không chết, hướng hồ là gió sương... Đến bờ sông hắn dừng lại, vì hình như có người. Có người thật và hắn ngáy ra nhìn.

Hắn nhìn giữa hai lọ nước và tựa lưng vào gốc chuối, một người đàn bà ngồi tênh hênh. Chính là người đàn bà, hắn biết vậy là nhờ mớ tóc xõa xuống đôi vai trần và ngực... Hai tay trần của mụ buông xuôi, cái mồm mụ há hốc lên trăng mà ngủ, như là chết. Đôi chân thì duỗi thẳng ra trước mặt, cái váy đen xộc xệch... Bên kia, có lẽ vì mụ giãy, cái yếm xẹo xọ để trật ra cái sườn nây nây. Tất cả những cái ấy phơi ra trăng, rười rượi những trăng làm trắng những cái có lẽ ban ngày không trắng: trăng làm đẹp lên. Chí Phèo tự nhiên thấy ứ lên đầy miệng bao nhiêu là nước dãi, mà cổ thì nó lại khô, hắn nuốt ừng ực, hắn thấy cái gì rợn rạo ran khắp người. Bỗng nhiên hắn run. Ô sao lại như thế được? Đáng nhẽ chính người đàn bà khốn nạn kia phải run mới phải, cái người đàn bà đại dột đã nằm ềnh ệch mà ngủ ngay gần nhà hắn này.

Nhưng người đàn bà ấy lại là thị Nở, một người ngắn ngơ như những người đàn trong cổ tích và xấu ma chê quỷ hờn. Cái mặt của thị thực là một sự mỉa mai của hóa công: nó ngắn đến nỗi người ta có thể tưởng bề ngang hơn bề dài, thế mà hai má lại hóp vào mới thật tai hại, nếu má phình phình thì mặt thị lại còn được hao hao như mặt lợn, là thứ mặt vốn nhiều hơn người ta tưởng trên cổ người. Cái mũi thì vừa ngắn, vừa to, vừa đỏ, vừa sần sùi như vỏ cam sành, bành bạnh muốn chen lấn nhau với những cái môi cũng cố to cho không thua cái mũi; có lẽ vì cố quá cho nên chúng nứt nở như rạn ra. Đã thế thị lại ăn trầu thuốc, hai môi dày được bồi cho dày thêm một lần, cũng may quét trầu sánh lại, che được cái màu thịt trầu xám ngoách. Đã thế những cái răng rất to lại chia ra; ý hắn chúng nghĩ sự cân đối chữa được một vài phần cho sự xấu. Đã thế thị lại dở hơi; đó là một ân huệ đặc biệt của Thượng đế chí công: nếu sáng suốt thì người đàn bà ấy sẽ khổ sở ngay từ khi mua cái gương thứ nhất. Và thị lại

nghèo, nếu trái lại, ít nhất đã có một đàn ông khổ sở. Và thị lại là dòng giống của một nhà có má hủi: cái này khiến không một chàng trai nào phải phân vân. Người ta tránh thị như tránh một vật nào rất tởm. Ngoài ba mươi tuổi, thị vẫn chưa có chồng. Ở cái làng Vũ Đại này, người ta kết bạn từ khi lên tám, và có khi có con từ lúc mười lăm; không ai đợi đến năm hai mươi để đưa con thứ nhất. Cứ tình hình ấy thì ta nói quách: thị Nở không có chồng. Mà thị cũng không còn ai thân thích, trừ một người cô đã có thể gọi là già, và đã không chồng như thị. Số trời định thế: để không ai phải trợ trợ trên đời này. Người cô làm thuê cho người đàn bà buôn chuối và trầu không xếp tàu đi Hải Phòng, có khi đi tận Hòn Gai, Cẩm Phả. Còn thị sống bằng những nghề lật vật ở làng. Hai cô cháu ở trong một cái nhà tre cách vườn của Chí Phèo bởi con đê; hấn ở ngoài bãi, hai người ở trong xóm. Có lẽ chính vì thế mà thị Nở không sợ cái thằng mà cả làng sợ hấn. Gần gũi lâu cũng sinh quen, mà quen thì ít khi còn sợ. Những người trông coi vườn bách thú thường bảo rằng hổ báo hiền y như mèo. Vả lại có lý gì để thị sợ hấn đâu? Người ta không ai sợ kẻ khác phạm đến cái xấu, cái nghèo, cái ngẩn ngơ của mình, mà thị thì chỉ có ba cái ấy... Một phần nữa cũng bởi Chí Phèo ít khi ở nhà, mà hấn ở nhà lại hiền lành, ai có thể ác trong khi ngủ? Hấn chỉ về nhà để ngủ.

Ngày nào thị Nở cũng phải qua vườn nhà hấn hai ba lần. Là vì qua vườn nhà hấn có một lối đi nhỏ ra sông; trước kia, cả xóm vẫn dùng cái ngõ ấy để ra sông tắm giặt hay kín nước. Nhưng từ khi hấn đến, người ta thôi dần, tìm một lối khác đi xa hơn. Trừ thị Nở; thị đã bảo thị là người dở hơi, thị không thích làm như kẻ khác. Quá tin ở người, quá tin ở mình liều lĩnh, bướng bỉnh hay có lẽ chỉ vì không chịu rời thói quen. Nhưng hãy biết cho thị cứ đi ngõ ấy và chẳng làm sao cả. Thế rồi quen đi. Có lần, trong lúc Chí Phèo ngủ, thị vào cả nhà hấn để rọi nhờ lửa nữa, có lần thị xin hấn một ít rượu để về bóp chân; hấn mãi ngủ cầu nhau bảo thị rằng: ở xóm nhà ấy, muốn rót bao nhiêu thì rót, để yên cho hấn ngủ. Và lăm lăm thị ngạc nhiên: sao người ta ghê hấn thế?

Chiều hôm ấy thị Nở cũng ra sông kín nước như mọi chiều. Nhưng chiều hôm ấy, trăng sáng hơn mọi chiều, trăng tỏa trên sông và sông gợn biết bao gợn vàng. Những vàng ấy rung rung mới trông thì đẹp, nhưng trông lâu mỗi mắt. Gió lại mát như quạt hần. Thị Nở

thấy muốn ngáp mà mí mắt thì nặng dần, toan díp lại. Thị vốn có một tật không sao chữa được: có lúc đột nhiên muốn ngủ, bất cứ ở đâu hay đang đi làm gì. Bà cô thị bảo thị là một người vô tâm. Ngáp một cái, thị nghĩ bụng: hãy khoan kín nước, hãy để lọ xuống ngồi nghỉ đây. Bởi vì thị đã luật quạt đập đất từ trưa tới giờ. Mà mấy khi được nơi mát thế, mát rợn da rợn thịt, sung sướng quá! Mát y như quạt hầu. Thị cởi áo ra ngồi tựa vào góc chuối, dáng ngồi không kín đáo, nhưng không bao giờ thị biết thế nào là lả lơi. Con người vô tâm, không hay nghĩ xa xôi mà. Và lại ở đây chẳng có ai. Chí Phèo đã về đâu, mà hấn có về thì cũng say khướt đã ngủ từ nửa đường, và tới nhà tức khắc chúi đầu vào ngủ nốt. Hấn ra đây làm gì, cho có ra nữa thì đã sao? Thị không thể sợ hấn có thể phạm đến thị bởi cái lẽ rất giản dị là thị chưa thấy ai phạm đến thị bao giờ. Thật ra thì thị cũng chẳng nghĩ ngợi nhiều đến thế. Tuy óc thị đã có một cái bóng đen lan rồi. Thị không ngồi thì không chịu được.

Ngồi một lúc thị thấy rằng: nếu cứ ngồi mãi thì ngủ mát. Nhưng thị đã ngủ đến hai phần rồi. Và thị nghĩ: thì ngủ, ngủ thì đã làm sao! Về nhà thì cũng chỉ ngủ, ngủ ngay đây cũng vậy. Bà cô đi theo hàng ít ra cũng dăm hôm mới về. Thị cứ ngồi đây cho mát. Và thị ngủ. Thị ngủ ngon lành và say sưa.

Chí Phèo vẫn say say nhìn và run run. Bỗng nhiên hấn rón rén lại gần thị Nở: lần đầu tiên hấn rón rén từ khi về làng. Thoạt tiên, hấn hãy xách hai cái lọ để ra xa, rồi hấn lẳng lẳng ngồi xuống bên sườn thị...

Và thị Nở giật mình. Thị Nở mới kịp giật mình thì thằng đàn ông đã bám bấu lấy thị... Thị vùng vẫy để ra, thị mở mắt, thị tỉnh hẳn, thị nhận ra Chí Phèo. Thị vừa thở, vừa vật nhau với hấn vừa hỗn hển: “Ô hay... Buông ra... Tôi kêu... Tôi kêu làng... Buông ra... Tôi kêu làng lên bây giờ!” Thằng đàn ông phì cười. Sao thị lại kêu làng nhỉ? Hấn vẫn tưởng chỉ có hấn mới kêu làng, sao người ta lại kêu tranh của hấn, bỗng nhiên hấn la lên, kêu làng. Hấn kêu như một kẻ bị đâm, vừa kêu vừa dẫn người đàn bà xuống. Thị Nở trố hai mắt ngậy ra nhìn. Thị Nở kinh ngạc: sao hấn lại kêu làng nhỉ? Mà hấn vẫn chưa chịu thôi kêu làng. Cũng may người quanh đây không ai lạ gì tiếng hấn: mà khi hấn kêu làng thì không ai cần động dạng: họ lụ bụ chửi rồi lại ngủ; hấn kêu làng cũng như người khác buồn, hát ngao. Đáp lại hấn, chỉ có lũ chó cắn xao lên trong xóm.

Thị Nở bỗng nhiên bật cười. Thị Nở vừa rửa vừa đập tay lên lưng hấn. Nhưng đó là cái đập yêu, bởi vì đập xong cái tay ấy lại giúi lưng hấn xuống. Và chúng cười với nhau...

Bây giờ thì chúng ngủ bên nhau... Đứa trẻ bú no thì ngủ. Người ta ngủ sau khi làm việc yêu. Chúng ngủ như chưa bao giờ được ngủ... Trăng vẫn thức, vẫn trong trẻo... Trăng rắc bụi trên sông, và sông gợn biết bao nhiêu vàng. Nhưng gần đến sáng, bỗng Chí Phèo chống một tay xuống đất, ngồi lên một nửa. Hấn thấy người nôn nao, chân tay bủn rủn, như đến ba ngày nhịn đói. Thế mà bụng lại phình phính đầy, hình như bụng hơi đau. Còn hình như gì nữa, thôi đúng đau bụng rồi. Đau thật, đau thật, đau mỗi lúc một dữ! Nó cứ cuộn cuộn lên. À mà trời lạnh lạnh. Hễ có gió thì kinh kinh. Một lần gió, hấn rươn rươn người. Hấn muốn đứng lên. Sao đầu nặng quá mà chân thì bầy rầy: Mắt hấn hoa lên. Bụng quặn lại, đau gò người. Hấn ọe. Hấn ọe ba bốn cái. Ọe mãi. Giá mưa ra được thì dễ chịu. Hấn cho một ngón tay vào móc họng. Hấn ọe một cái to hơn, ruột hình như lộn lên. Nhưng cũng chỉ nhổ ra toàn nước dãi. Hấn nghỉ một tí rồi lại cho tay vào mồm. Lần này thì mưa được. Trời ơi! Mưa thốc, mưa tháo, mưa ông ộc, mưa đến cả ruột. Đến nỗi người đàn bà phải dậy. Thị ngồi nhồm dậy và ngơ ngác nhìn. Cái óc nặng nề ấy thì phải lâu mới nhớ ra và lâu mới hiểu.

Bây giờ thì Chí Phèo đã mưa xong. Hấn mệt quá, lại vật người ra đất. Hấn đỡ hai mắt ra khe rên; hấn chỉ còn đủ sức để rên khe khe. Từ đồng mưa bay lại một mùi gì thoang thoảng như mùi rượu; hấn bỗng nhiên rùng mình.

Thị Nở lại đặt bàn tay lên ngực hấn (thị suy nghĩ đến bây giờ mới xong), thị hỏi hấn:

– Vừa thổ à?

Mắt hấn đảo lên nhìn thị, nhìn một loáng rồi lại đỡ ra ngay.

– Đi vào nhà nhé?

Hấn làm như gật đầu. Nhưng cái đầu không động dậy, chỉ có cái mi mắt là nhích thôi.

– Thì đứng lên.

Nhưng hấn đứng lên làm sao được. Thị quàng tay vào nách hấn, đỡ cho hấn gượng ngồi. Rồi thị kéo hấn đứng lên. Hấn đu vào cổ thị, hai người lão đảo đi về lều.

Không có giường, chỉ có một cái chõng tre. Thị để hấn nằm lên, và đi nhặt nhanh tất cả những manh chiếu rách đắp lên cho hấn. Hấn hết rên. Hình như hấn ngủ. Thị cũng lim dim chực ngủ. Nhưng trong nhà nhiều muỗi quá. Muỗi nhắc cho thị cái áo quên ngoài vườn. Thị ra vườn. Đôi lọ nhắc thị việc đi kín nước, thị mãi một mặc áo, kín nước, rồi xách đôi lọ nước đi về nhà.

Trăng chưa lặn, không chừng trời còn khuya. Thị lên giường định ngủ. Nhưng thị lại nhớ lại việc lạ lùng tối qua. Thị cười, thị thấy không buồn ngủ và thị cứ lăn ra lăn vào.

Khi Chí Phèo mở mắt thì trời đã sáng lâu. Mặt trời chắc đã cao, và nắng bên ngoài chắc là rực rỡ. Cứ nghe chim riu rít bên ngoài đủ biết. Nhưng trong cái lều ẩm thấp vẫn mới chỉ hơi lờ mờ. Ở đây người ta thấy chiều lúc xế trưa và gặp đêm khi bên ngoài vẫn sáng. Chưa bao giờ Chí Phèo nhận thấy thế bởi chưa bao giờ hết say.

Nhưng bây giờ thì hấn tỉnh. Hấn băng khuâng như tỉnh dậy sau một cơn say rất dài. Cũng như những người say tỉnh dậy, hấn thấy miệng đắng, lòng mơ hồ buồn. Người thì bủn rủn, chân tay không buồn nhắc, hay là đói rượu, hấn hơi rùng mình, ruột gan lại nôn nao lên một tí. Hấn sợ rượu cũng như những người ốm thường sợ cơm. Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng cười nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá. Những tiếng quen thuộc ấy hôm nào chả có. Nhưng hôm nay hấn mới nghe thấy... Chao ôi là buồn!

- Vải hôm nay bán mấy?
- Kém ba xu dì ạ!
- Thế thì còn ăn thua gì!
- Cố kéo co mới được một tám năm xu.
- Thật thế đấy. Nhưng chẳng lẽ rằng lại chơi.

Chí Phèo đoán chắc rằng một người đàn bà hỏi một người đàn bà khác đi bán vải ở Nam Định về. Hấn lại nao nao buồn, là vì mẩu chuyện ấy nhắc cho hấn một cái gì rất xa xôi. Hình như có một thời hấn đã ao ước có một gia đình nho nhỏ. Chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải, chung lại bỏ một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm.

Tỉnh dậy hấn thấy hấn già mà vẫn còn cô độc. Buồn thay cho đời! Có lý nào như thế được? Hấn đã già rồi hay sao? Ngoài bốn mươi

tuổi đầu... dấu sao, đó không phải tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hắn đã tới cái dốc bên kia của đời. Ở những người như hắn, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, dày dạn cực nhọc, mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu hiệu báo rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều. Nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết trời trở rét, nay mùa đông đã đến. Chí Phèo hình như đã trông trước thấy tuổi già của hắn, đói rét và ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau.

Cũng may thị Nở vào. Nếu thị không vào cứ để hắn vẫn vợ nghi mãi, thì đến khóc được mất. Thị vào cấp một rổ, trong có một nồi gì dậy vung. Đó là một nồi cháo hành còn nóng nguyên. Là lúc còn đêm, thị trần trọc một lát, thị bỗng nhiên nghĩ rằng: cái thằng liều lĩnh kể ra thì đáng thương, còn gì đáng thương bằng đau ốm mà nằm còng queo một mình. Giá thử đêm qua không có thị thì hắn chết. Thị kiêu ngạo vì đã cứu sống cho một người. Thị thấy như yêu hắn: đó là cái lòng yêu của một người làm ơn. Nhưng có cả lòng yêu của một người chịu ơn. Một người như thị Nở càng không quên được. Cho nên thị nghĩ: mình bỏ hắn lúc này thì cũng bạc. Dấu sao cũng đã ăn nằm với nhau! Ăn nằm với nhau như “vợ chồng”. Tiếng “vợ chồng” thấy ngưỡng ngưỡng mà thình thích. Đó vẫn là điều mong muốn âm thầm của con người khốn nạn ấy chăng? Hay là sự khoái lạc của xác thịt đã làm nổi dậy những tính tình mà thị chưa bao giờ biết?

Chỉ biết rằng thị muốn gặp Chí Phèo, gặp hắn mà nhắc lại chuyện đêm qua thì chắc buồn cười lắm. Gớm! Sao lại có thứ người dẫu mà lì quá thế! Người ta ngồi đấy mà dám xán lãn ngay vào, nó chẳng ngang ngược mà người ta kêu bé, nó lại làm to hơn. Mà kể thì cũng ngu ngờ. Cái thằng trời đánh không chết ấy, nó còn sợ ai mà không kêu. Nhưng mà đáng kiếp. Thổ trận ấy thật là phải biết. Cứ gọi là hôm nay nhọc đừ. Phải cho hắn ăn tí gì thì mới được. Đang ốm thế thì chỉ ăn cháo hành, ra được mồ hôi thì nhẹ nhõm người ngay đó mà... Thế là vừa sáng thị đã chạy đi tìm gạo. Hành thì nhà thị may lại còn. Thị nấu bỏ vào cái rổ, mang ra cho Chí Phèo.

Thằng này rất ngạc nhiên. Hết ngạc nhiên thì hắn thấy mất hình như ươn ướt. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hắn được một người đàn bà cho. Xưa này, nào hắn có thấy ai tự nhiên cho cái gì. Hắn vẫn phải dọa nạt hay giật cướp. Hắn phải làm cho người ta sợ. Hắn nhìn bát cháo hành bốc khói mà bâng khuâng. Thị Nở thì chỉ nhìn trộm

hắn rồi lại toe toét cười. Trông thị thế mà có duyên. Tình yêu làm cho có duyên. Hắn thấy vừa vui vừa buồn. Và một cái gì nữa, giống như là ăn năn. Cũng có thể như thế lắm. Người ta hay hối hận về tội ác khi không đủ sức mà ác nữa. Thị Nở giục hắn ăn nóng. Hắn cầm lấy bát cháo đưa lên mồm. Trời ơi cháo mới thơm sao! Chỉ khói xông vào mũi cũng đủ làm người nhẹ nhõm. Hắn húp một húp và nhận ra rằng: những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo hành ăn rất ngon. Nhưng tại sao mãi đến tận bây giờ hắn mới nếm vị mùi cháo.

Hắn tự hỏi rồi lại tự trả lời: có ai nấu cho ăn đâu? Mà còn ai nấu cho mà ăn nữa! Đời hắn chưa bao giờ được săn sóc bởi một bàn tay “đàn bà”. Hắn nhớ đến “bà ba”, cái con quỷ cái hay bắt hắn bóp chân mà lại cứ bóp lên trên, trên nữa, nó chỉ nghĩ đến sao cho thỏa nó chứ có yêu hắn đâu. Hồi ấy hắn hai mươi. Hai mươi tuổi, người ta không là đá, nhưng cũng không toàn là xác thịt. Người ta không thích cái gì người ta khinh. Và lại bị một con đàn bà gọi đến mà bóp chân! Hắn thấy nhục hơn là thích, hướng hồ lại sợ. Quả thật, từ khi biết rằng con vợ chủ sai hắn làm một việc không chính đáng, hắn vừa làm vừa run, chứ hắn, hắn còn lòng nào đâu! Đến nỗi người đàn bà phát cáu. Bà thấy xa xôi không được phải làm đến nơi. Bà bảo hắn rằng: “Mày thực thà quá! Con trai gì hai mươi tuổi mà đã như ông già”. Hắn vẫn giả vờ không hiểu. Bà lẳng lơ bảo: “Chả nhẽ tao gọi mày vào chỉ để bóp chân thế này thôi ư?...” Và thấy hắn giùng giàng, bà mắng xơi xơi vào mặt. Hắn chỉ thấy nhục, chứ yêu đương gì. Không, hắn chưa được một người đàn bà nào yêu cả, vì thế bát cháo hành của thị Nở làm hắn suy nghĩ nhiều. Hắn có thể tìm bạn được, sao lại chỉ gây kẻ thù?

Bát cháo húp xong rồi, thị Nở đỡ lấy bát cháo và múc thêm bát nữa. Hắn thấy đầm mình bao nhiêu mồ hôi. Mồ hôi chảy ra trên đầu, trên mặt, những giọt to như giọt nước. Hắn đưa tay áo quệt ngang một cái, quệt mũi cười rồi lại ăn. Hắn càng ăn, mồ hôi lại càng nhiều. Thị Nở nhìn hắn, lắc đầu, thương hại. Hắn thấy lòng thành trẻ con. Hắn muốn làm nũng với thị như với mẹ. Ôi sao mà hắn hiền, ai dám bảo đó là cái thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rạch mặt mà đâm chém người? Đó là cái bản tính của hắn, ngày thường bị lấp đi. Hay trận ốm thay đổi hắn về sinh lý cũng thay đổi cả tâm lý nữa? Những người yếu đuối vẫn hay hiền lành. Muốn ác, phải là kẻ mạnh. Hắn đâu còn mạnh nữa. Và có lúc hắn ngẫm nghĩ mình mà lo. Xưa nay

hắn chỉ sống bằng giật cướp và dọa nạt. Nếu không còn sức mà giật cướp, dọa nạt nữa thì sao? Đâu đành, hắn chỉ mạnh vì liều. Nhưng hắn mơ hồ thấy rằng sẽ có một lúc mà người ta không thể liều được mãi. Bấy giờ mới nguy! Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao! Thị Nở sẽ mở đường hắn. Thị có thể sống yên ổn với hắn thì sao người khác lại không thể được. Họ sẽ thấy rằng hắn cũng có thể không làm hại được ai. Họ sẽ lại nhận hắn vào cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện... Hắn bản khoăn nhìn thị Nở, như thăm dò. Thị vẫn im lặng, cười tin cẩn, hắn thấy tự nhiên nhẹ người. Hắn bảo thị:

– Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ?

Thị không đáp, nhưng cái mũi đỏ của thị như càng bạnh ra. Hắn thấy thế cũng không có gì là xấu. Bằng một cái giọng nói và một vẻ mặt rất phong tình theo ý hắn, hắn bảo thị:

– Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui.

Thị lờm hẩn. Một người thật xấu khi yêu cũng lờm. Hắn thích chí, khanh khách cười. Lúc tỉnh táo, hắn cười nghe thật hiền. Thị Nở lấy làm bằng lòng lắm. Bấy giờ thì mấy bát cháo ý chừng đã ngấm. Hắn thấy lòng rất vui. Hắn bẹo thị Nở một cái làm thị nảy hẩn người lên. Và hắn cười, hắn lại bảo:

– Đẳng ấy còn nhớ gì hôm qua không?

Thị phát khê hẩn một cái, làm cái vẻ không ưa đùa. Sao mà e lệ thế. Xấu mà e lệ thì cũng yêu. Hắn cười ngất, và muốn làm thị thẹn thùng hơn nữa, hắn véo thị một cái thật đau vào đùi. Lần này thị không những nảy người, thị kêu lên chơe chöhe. Thị nắm cổ hắn mà giúi xuống. Chúng tỏ tình với nhau. Không cần đến những cái hôn. Ai lại hôn, khi có những cái môi nức nẻ như bờ ruộng vào kỳ đại hạn và cái mặt rạch ngang dọc như mặt thớt. Và lại, có những cách âu yếm bình dân hơn, chúng cấu véo hoặc phát nhau... thiết thực biết mấy.

Chúng sẽ làm thành một cặp rất xứng đôi. Chúng cũng nhận thấy thế và nhất định là lấy nhau. Như thế năm ngày chẵn, thị ở nhà hắn cả ngày lẫn đêm, trừ những lúc đi kiếm tiền. Hắn không còn kinh rượu nhưng cố uống cho thật ít. Để cho khỏi tốn tiền, nhưng nhất là để tỉnh táo mà yêu nhau. Đàn bà không có men rượu nhưng cũng làm người say. Và hắn say thị lắm. Nhưng thị lại là người dở hơi. Đến hôm thứ sáu, thì thị bỗng nhớ rằng thị có một người cô ở

đời. Người cô ấy nội ngày nay sẽ về. Thị nghi bụng: hãy đừng yêu để hỏi cô thị đã.

Thấy thị hỏi, bà già kia bật cười. Bà tưởng cháu bà nói đùa. Nhưng chợt nhớ ra rằng cháu bà vốn dở hơi. Bà bỗng trở nên hoảng hốt. Bà nhục cho ông cha nhà bà. Cũng có lẽ bà tui cho thân bà. Bà nghĩ đến cái đời dài đằng đặc của bà, không có chồng. Bà thấy chua xót lắm. Bà uất ức, uất ức với ai không biết. Nhưng rồi đổ cái uất ức ngay lên cháu bà! Người đàn bà đức hạnh thấy cháu bà sao mà đi thế! Thật đốn mặt. Ngoài ba mươi tuổi mà chưa trót đời. Ngoài ba mươi tuổi... ai lại còn đi lấy chồng. Ai đời lại còn đi lấy chồng! Ủ! Mà có lấy thì lấy ai chứ?... Đàn ông đã chết hết cả rồi hay sao, mà lại đâm đầu đi lấy một thằng không cha. Ai lại đi lấy thằng chỉ có một nghề là rạch mặt ra ăn vạ. Trời ơi! Nhục nhã ơi là nhục nhã! Hỡi ông nhà bà! Bà gào lên như con mẹ đại. Bà xia xói vào mặt cái con cháu gái ba mươi tuổi mà chưa trót đời. Bà bảo phất nó:

– Đã nhìn được đến bằng này tuổi thì nhìn hẳn; ai lại đi lấy thằng Chí Phèo!

Thị nghe thấy thế mà lộn ruột. Nhưng thị biết cãi bà làm sao? Con người ấy có quyền nói thế, bởi con người ấy năm mươi tuổi rồi còn ai lấy chồng. Thị biết cãi làm sao. Mà không cãi được thì giận dữ nổi lên đùng đùng. Thị tức lắm! Thị cần đổ cái tức ấy lên một người. Thị ton ton chạy lên nhà nhân ngãi. Thị thấy hấn đang uống rượu, và vừa uống vừa lầm bầm chửi thị về nhà lâu. Hấn không quen đợi; bởi phải đợi, hấn lại lôi rượu, và uống cho đỡ buồn. Uống vào thì phải chửi, quen mồm rồi! Nhưng thị làm gì mà hấn chửi? Mà hấn có quyền gì chửi thị? Ô, thị điên lên mất! Thị giẫm chân xuống đất rồi lại nhảy cẫng lên như thượng đồng. Hấn thú vị quá, lắc lư cái đầu cười. Lại còn cười. Nó nhạo thị. Trời ơi! Thị điên lên mất, trời ơi là trời! Thị chống tay vào háng vênh vênh cái mặt, và dươn cái môi vĩ đại lên, trút vào mặt hấn tất cả lời bà cô. Hấn nghi ngờ một tí rồi hình như hiểu, hấn bỗng nhiên ngẩn người. Thoáng một cái, hấn lại như hít thấy hơi cháo hành. Hấn cứ ngồi ngẩn mặt, không nói gì. Thị trút xong giận rồi. Cái mũi đỏ của thị đi xuống rồi lại bạnh ra. Thị hả hê lắm lắm. Thị ngoay ngoáy cái mông đít đi ra về. Hấn sững sốt, đứng lên gọi lại. Ai mà thềm lại! Còn muốn lôi thôi cái gì? Hấn đuổi theo thị, nắm lấy tay. Thị gạt ra, lại giúi thêm cho một cái. Hấn lăn khoèo xuống sân. Đã lăn ra thì hấn phải kêu: bao giờ chả thế. Hấn

nhặt một hòn gạch vỡ, toan đập đầu. Nhưng hình như hấn chưa thực say. Vì hấn nghĩ: đập đầu ở đây chỉ thiệt. Đập đầu ở đây, để mà nằm va ai? Hấn phải đến cái nhà con đi Nở kia. Đến để đâm chết cả nhà nhà nó, đâm chết cái con khộm già nhà nó. Nếu không đâm được, lúc ấy hãy đập đầu mà kêu làng. Muốn đập đầu, phải uống thật say. Không có rượu, lấy gì làm máu cho nó chảy! Phải uống thêm chai nữa. Và hấn uống. Nhưng tức quá, càng uống lại càng tỉnh ra. Tỉnh ra, chao ôi, buồn! Hơi rượu không sặc sụa, hấn cứ thoang thoang thấy hơi cháo hành. Hấn ôm mặt khóc rưng rức. Rồi lại uống. Rồi lại uống. Hấn uống đến say mềm người rồi hấn đi. Hấn ra đi với một con dao ở thắt lưng. Hấn nói lảm nhảm: “Tao phải đâm chết nó!” Nhưng hấn lại cứ thẳng đường mà đi. Cái gì đã làm hấn quên rẽ vào nhà thị Nở? Những thằng điên và những thằng say rượu không bao giờ làm những cái mà lúc ra đi chúng định làm. Trời nắng lắm, trên đường vắng. Hấn cứ đi, cứ chửi, cứ dọa giết “nó”, và cứ đi. Bây giờ đến ngõ nhà cụ Bá. Hấn xông xông đi vào. Cả nhà đi làm đồng vắng, chỉ có mình cụ Bá đang nằm nghỉ trưa. Nghe tiếng hấn, cụ thấy sao bực mình! Chính thật thì cụ đã đang bực mình. Bởi vì cụ thấy đầu hơi nhức. Cụ đang muốn có một bàn tay man mát xoa cái đầu. Cũng có lẽ, cụ chỉ muốn bà tư dừng đi lâu quá thế. Đi lâu thế, không biết rằng đi đâu? Sao bà ấy còn trẻ quá! Gần bốn mươi tuổi rồi mà trông còn phây phây, còn phây phây quá đi nữa! Cụ năm nay đã ngoài sáu mươi. Già yếu quá, nghĩ mà chua xót. Giá thế thì bà ấy cũng già cho xong. Bà ấy lại cứ trẻ, cứ phây phây, cứ đẹp như mới ngoài hai mươi tuổi, sao mà đa tình. Nhìn thì thích nhưng mà tung tức lạ. Khác gì nhìn miếng thịt bò lứt sứt khi rụng gân hết răng. Mất bà, miệng bà, có duyên, nhưng trông đi lắm! Hơi một tí thì cười toe toét, tí cả mắt lại, mà cái má thì hây hây. Mà thấy ghét những thằng trai trẻ, giá làm con bà không đáng, mà thấy bà đâu cũng đùa. Chúng đùa nhạt như nước ốc, chỉ được cái thô tục, mà gặp ai đâu cũng đùa! Chẳng nghĩ gì đến địa vị cả, người đâu mà vô tâm! Tức lạ! Cụ chỉ muốn cho tất cả những thằng trai trẻ đi ở tù... Những lúc như thế, thì một người dẫu khôn ngoan cũng không bình tĩnh được, nhất là khi trông thấy một thằng chỉ đến vòi tiền uống rượu như Chí Phèo. Tuy vậy, cụ cũng móc sẵn năm hào. Thà móc sẵn để tống nó đi cho chóng. Nhưng móc rồi, cụ cũng phải quát một câu cho nhẹ người:

– Chí Phèo đấy hở? Lè bè vừa vừa chứ, tôi không phải là cái kho.

Rồi ném bẹt năm hào xuống đất, cụ bảo hấn:

– Cầm lấy mà cút đi đi cho rảnh. Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à?

Hấn trợn mắt, chỉ tay vào mặt cụ:

– Tao không đến đây xin năm hào.

Thấy hấn toan làm dữ, cụ đành dịu giọng:

– Thôi, cầm lấy vậy, tôi không còn hơn.

Hấn vênh cái mặt lên, rất là kiêu ngạo:

– Tao đã bảo tao không đòi tiền.

– Giỏi! Hôm nay mới thấy anh không đòi tiền. Thế thì anh cần gì?

Hấn đồng dục:

– Tao muốn làm người lương thiện.

Bá Kiến cười ha hả:

– Ô tưởng gì! Tôi chỉ cần anh lương thiện cho thiên hạ nhờ.

Hấn lắc đầu:

– Không được! Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những vết mảnh chai trên mặt này? Tao không thể là người lương thiện nữa. Biết không! Chỉ có một cách... biết không!... Chỉ còn một cách là... cái này! Biết không!...

Hấn rút dao ra, xông vào. Bá Kiến ngồi nhồm dậy, Chí Phèo đã văng dao tới rồi. Bá Kiến chỉ kịp kêu một tiếng. Chí Phèo vừa chém túi bụi vừa kêu làng thật to. Hấn kêu làng, không bao giờ người ta vội đến. Bởi thế khi người ta đến thì hấn cũng đang giãy đành đạch ở giữa bao nhiêu là máu tươi. Mất hấn trợn ngược. Mồm hấn ngáp ngáp, muốn nói, nhưng không ra tiếng. Ở cổ hấn thỉnh thoảng máu vẫn còn ứ ra.

*

* *

Cả làng Vũ Đại nhao lên. Họ bàn tán rất nhiều về vụ án đáng ngờ ấy. Có nhiều kẻ mừng thầm. Không thiếu kẻ mừng ra mặt. Có người nói xa xôi: “Trời có mắt đấy, anh em ạ!”. Người khác thì nói toạc ra: “Thằng nào chứ hai thằng ấy chết thì không ai tiếc! Rõ thật

bọn chúng giết nhau, nào có phải cần đến tay người khác đâu”. Mừng nhất là bọn kỳ hào ở trong làng. Họ tuôn đến để hỏi thăm, nhưng chính là để nhìn Lý Cường bằng những con mắt thỏa mãn và khiêu khích. Đội Tảo, không cần kín đáo, nói toang toang ngay ngoài chợ, trước bao nhiêu người: “Thằng bố chết, thằng con lớp này không khỏi người ta cho ăn bòn”. Ai chả hiểu “người ta” đó chính là ông. Bọn đàn em thì bàn nhỏ: “Thằng mọt già ấy chết, anh em mình nên ăn mừng”. Những người biết điều thì ngờ vực; họ chép miệng nói: “Tre già măng mọc, thằng ấy chết còn thằng khác, chúng mình cũng chẳng lợi tí gì đâu”.

Bà cô thị Nở chỉ vào tận mặt cháu mà đay nghiến:

– Phúc đời nhà mày, con nhé. Chả ôm lấy ông Chí Phèo.

Thị cười và nói lảng:

– Hôm qua làm biên bản, Lý Cường nghe đâu đã tốn gần một trăm. Thiệt người lại thiệt của.

Nhưng thị nghĩ thầm:

– Sao có lúc nó hiền như đất.

Và nhớ lại những lúc ăn nằm với hắn, thị nhìn trộm bà cô, rồi nhìn nhanh xuống bụng:

– Nói đại, nếu mình chữa, bây giờ hắn chết rồi, thì làm ăn thế nào?

Đột nhiên thị thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa, và vắng người lại qua...

*Nam Cao – tác phẩm, tập I,
Nhà xuất bản Văn học,
Hà Nội, 1976.*

DÌ HẢO

(Truyện ngắn)

Dì Hảo là con nuôi của bà tôi. Bố đẻ dì chết đã lâu. Mẹ đẻ dì là bà xã Vận, một người đàn bà bán bánh đúc xay ngon có tiếng khắp làng Vũ Đại. Tôi biết bà là vì hồi còn bé tôi rất ưa ăn bánh đúc. Có lẽ lúc sinh tôi ra, ông trời đã định cho tôi một cái kiếp chẳng giàu sang, nên phú sẵn cho tôi cái tính thích những món ăn rẻ tiền của những người nghèo túng. Lúc có tôi thì nhà tôi chẳng còn nghèo. Thế mà tôi cứ thấy ăn cơm gạo đỏ, thối khô khô, với rau muống luộc chấm tương, ngon hơn cơm tám với thịt đông; mà cái bánh đúc xay nấu khéo còn đậm vị gấp nghìn cái bún tuy trắng, tuy mềm nhưng nhạt bép. Mỗi sáng, tôi cầm hai xu mẹ phát cho, theo con ở đi ra hàng; – hàng là một cái chợ nhỏ của làng tôi, họp ngay ở mặt đường, mỗi sáng chỉ họp độ một giờ đã tan – từ đằng xa, tôi đã thấy những người đàn bà váy bạc phếch xúm xít quanh mẹt bánh đúc của bà xã Vận. Bà thái không kịp bán. Tuy vậy mới trông thấy tôi bà đã ngừng dao, nhặt bốn tám bánh gói gọn ghê vào lá chuối, tươi cười đưa cho, không phải bà thấy tôi ngộ nghĩnh đáng yêu. Nhưng bà không thể quên rằng bà còn nợ bà tôi mấy chục bạc. Cháu ngoại của một người chủ nợ kể cũng đáng cho người ta quý trọng. Tôi đưa hai xu, ôm bốn tám bánh về. Bà bán đúng một trình một tám, mua nhiều hay ít thì cũng thế. Tám bánh chẳng lấy gì làm to, so với bánh người khác có phần hơi dẹt. Nhưng mà ngon hơn. Cái bột xay rất nhuyễn, vôi bỏ vừa, mịn chắc đấy, nhưng không nồng một tí nào, bẻ ra ăn với cá bống kho ráo nước cho đến cong lên, dầm vào một tí tương cua thì thật tuyệt! Về sau, ngọn gió đời đưa đẩy tôi đã trải qua rất nhiều cảnh huống: vất vả nhiều, nhưng cũng có lúc phong lưu, có lúc tôi có thể thừa cách mà hưởng tất cả các cao lương mỹ vị, nhưng chưa bao giờ tôi gặp một món ăn có thể làm tôi quên được cái vị thanh đạm mà vẫn đậm đà của bánh đúc ăn với cá bống dầm tương; nghĩ đến bây giờ tôi cũng còn nuốt nước bọt. Mà cứ nghĩ đến bánh đúc là phải nghĩ

đến bà xã Vận. Chồng chết đi để lại cho bà một gái một trai, con chị hơn thằng em ba bốn tuổi. Như thế chị có thể dắt em đi chơi để mẹ đi kiếm gạo. Nhưng một hôm bà xã Vận bỗng nhận ra rằng thằng cu đã có thể đi chơi một mình; hơn nữa, nó có thể tha thân ở sân với con chó để coi nhà được. Con chị hóa ra thừa. Cũng phải cho nó đi ăn, đi ở với người ta để kiếm manh quần tằm áo. Chả gì cũng bớt một miếng ăn. Phần cơm của nó, để em nó ăn thêm; như thế em nó được no thêm một ít. Bà đã để ý nghe ngóng xem nhà nào cần nuôi đứa ở bé em chẳng. Chưa có ai buồn hỏi đến, thì một hôm bà lại nghĩ đến người chồng đã chết. Khốn nạn! Khi ông đã nằm xuống đấy thì bà chẳng còn một đồng một chữ nào. Bà chạy ngược, chạy xuôi van lạy hết người nọ đến người kia, mới vay được non chục bạc. Non chục bạc thì chỉ nộp lệ làng, may cho con mỗi đứa cái áo tang và cho bà cái mấn, rồi biện miếng trâu, bát nước cho hàng xóm cũng đã không đủ rồi. Thành thử bà chỉ dám mua cho ông cỗ áo quan có non ba đồng. Rõ nghĩ mà thương! Nó vừa mỏng, vừa một, mỏng chèo chà chèo chợt, giá chỉ bóp mạnh cũng răng rắc được. Cửa ấy được mấy nổi mà nát? Bấm đốt ngón tay đã sáu năm trời rồi. Cũng phải cố biện bát cơm, bát canh để thay cho cái áo mới, chứ để thế thì tội nghiệp. Nhưng làm sao bây giờ?

Bà dẫn Hảo đến cho bà ngoại tôi. Bà tôi, ngoan đạo như những người vừa biết Chúa, thích nuôi trẻ ngoại đạo rửa tội rồi nuôi làm con nuôi. Đó cũng là một cách để con cái đức Chúa lời ngày một thêm đông. Bà xã bằng lòng cho con gái bà đi đạo.

Bà tôi còn nhân đức, giả dấn dặt, để trừ nợ năm sáu đồng. Thành ra bà xã chỉ còn được lấy có bảy đồng bạc thôi. Nhưng hơn chục đồng còn nợ lại, từ đấy bà xã cứ lần khăn mãi, có gặp bà tôi chỉ van lạy khất, chứ không chịu trả. Bà tôi có bực mình cũng chỉ mắng té tát mấy câu chứ không chửi bới tàn tệ hay bắt bớ. Ấy cũng bởi bà tôi là một người đi vay.

Những khi vui chuyện, người thường kể lại với chúng tôi rằng: ngày xưa, khi ông thua bạc bỏ nhà đi, người còn phải trả hơn một trăm đồng bạc nợ. Người làm lưng vất vả, chiều hôm ban mai, một nắng hai sương, quanh năm chẳng có phút nghỉ ngơi, mà không bao giờ đủ tiền nộp lãi. Vì thế, hơi bước khỏi nhà là lủi trốn, giá có cái áo hơi lành hay nắm gạo ăn, cũng sợ người ta bắt mất. Có lần người đong được một hào gạo dùm vào vạt áo và mua cho mẹ tôi – hồi ấy

mới lên ba, một năm xôi, đã cố lần lút, mà thế nào cũng bị một chú nợ tinh mắt trông thấy. Con mẹ ấy đã có tiếng là khe khắt. Bà tôi sụp ngay xuống lạy và khóc lóc xin khất nó. Nó chẳng rằng, chẳng nói giằng xứt lấy dùm gạo và nắm xôi đổ vào nón rồi ngoắt đi. Cũng may, người phu quét chợ trông thấy thế, nghĩ tức lây, bảo nó rằng:

– Bà có bắt thì bắt của người ta nắm gạo đã là cùng lắm, còn xu xôi người ta mua cho con người ta thì phải để cho con người ta chứ! Con người ta chịu đói, khóc có bong bóng mũi ra, từ sáng đến giờ, mà bắt của người ta thì nó chết. Bà cũng có con, bà nữ đang tâm thế à?

Con mẹ kia ngoa ngắt, tớn môi lên:

– Ai khiến nhà bác chõ môm vào đây thế? Rõ khéo con tườu! Bác thương nó thì mua mà cho nó.

Người phu quét chợ bực mình quăng cho bà tôi hai hào.

– Đây này! Tôi cho chị vay bao giờ tìm được thì trả tôi. Chúng nó giàu mà chúng nó coi đồng xu bằng cái mẹt.

Vì thế người ta đồn rằng người phu quét chợ pháỉ lòng bà tôi. Nhưng bà tôi nói quả quyết với chúng tôi rằng: từ hôm cho bà tôi vay tiền có gặp bà tôi, ông ta chỉ lảng đi như không trông thấy, nhưng chỉ mấy hôm bà tôi cũng cố tìm tiền đem trả ông phân minh tử tế; hai người chẳng bao giờ nói với nhau những lời có thể gọi là trai lơ. Về sau, khi bà tôi sạch nợ và có chút ít tiền mà ông tôi vẫn biệt tăm, có nhiều đám muốn hỏi bà tôi làm vợ, toàn những đám danh giá cả nhưng bà tôi từ chối hết. Bà tôi bảo: “Nếu tôi không nhất định cứ chờ chồng, làm lụng nuôi con thì tôi lấy người phu quét chợ ngày xưa rồi”.

Một người đã khổ sở vì tiền tất phải quý đồng tiền. Nhưng không phải vì thế mà bà tôi nữ bắt những con nợ của người phải chịu những nỗi khốn cực mà trước kia người đã chịu. Đối với bà xã Vận, người tỏ ra dễ dàng. Nhưng sự dễ dàng ấy, một phần nữa cũng vì cô Hảo được nhận làm con nuôi.

Mới đầu, dì Hảo khóc lóc đến mười hôm. Dù có được ăn no, mặc lành đi nữa, người ta cũng không thể phút chốc mà quên cái lều hôi hám là nơi mình đã đói rách khổ sở với em với mẹ. Nhưng rồi dì cũng khuây dần. Dì theo mẹ tôi đi nhà thờ học kinh và “các lễ cầu cho được rỗi linh hồn”. Dì thấy đi đạo cũng vui. Dần dần người ta dạy cho dì biết có một đức chúa Lời dựng lên trời đất, muôn vật và loài người ta, đức chúa Lời có ba ngôi và ngôi thứ hai ra đời lấy tên là

Giêsu; đức chúa Giêsu chịu đóng đinh trên cây thánh giá để chuộc tội cho thiên hạ... Ai tin những điều ấy thì được rỗi linh hồn, bằng chẳng ai tin, thì phải xuống địa ngục đầy lửa sinh, lửa diêm, có tiếng khóc lóc và nghiến răng. Tiếng khóc lóc và nghiến răng thì dì không sợ lắm, hồi còn ở nhà, em dì khóc lè nhè được suốt ngày; những hôm nó nóng đầu, thì đêm ngủ nó nghiến răng ken két; quen đi thì cũng không sợ gì; nhưng dì sợ lửa sinh, lửa diêm, nó thiêu đốt người ta đời đời kiếp kiếp, có là thánh cũng không chịu nổi! Nghe nói đến địa ngục là dì lè lưỡi ra. Và dì tin. Dì trở nên rất ngoan đạo nữa. Dì và tôi chỉ đọc kinh và hát vãn với nhau suốt ngày.

Dì bắt đầu muốn xa lánh hẳn cái lều tối tăm đầy những quý cùng ma; thực tình, dì rất ít khi muốn về thăm mẹ ở nhà, và mỗi lần có phải về thăm mẹ, dì thấy hơi rờn rợn khi đến gần cái bàn thờ lúc nào cũng âm u như che đậy bao nhiêu là bí mật. Và đây mới thật là cái buồn nào nuốt: dì thấy ghê ghê ngay mẹ dì. Bà xā Vận bỗng thành người đồng bóng; những ngày rằm, mồng một, bà thường khăn chầu, áo ngự đến điện nhà cô đồng Ốc để hầu. Dì dùng những lời rất khinh bỉ nhạo bà, bà nhạo lại dì, mẹ con dần dần thấy chẳng muốn nhìn mặt nhau làm gì cho thêm bực.

Chao ôi! Nào cứ gì phải là những người có tư tưởng! Ngay ở những người không tư tưởng cũng có sự chia rẽ tư tưởng rồi.

Bây giờ, dì Hảo chỉ biết có mẹ nuôi, dì rất mến mẹ tôi và yêu tôi hơn hết cả những người dì yêu cháu. Dì chỉ có một việc là suốt ngày theo gót chân tôi. Kể ra, tôi đã đủ lớn để không cần ai nữa. Nhưng bà tôi chỉ được có mẹ tôi, mẹ tôi lại mới được mình tôi; trong một nhà có cửa mà lại hiếm người như thế, lẽ tất nhiên tôi cũng có quyền bé bỏng lâu hơn những con nhà khác. Dì Hảo cũng tưởng tôi còn bé lắm. Dì tìm đủ mọi cách để nuông tôi. Có lần dì không ngại trèo sang vườn hàng xóm ăn cắp ổi để cho tôi vừa ý. Những lúc đi đâu khi xa xa, vừa thấy tôi loạng choạng bước chân, dì đã đòi công tôi, “kéo chân cháu dì dẹo mắt”. Thật là buồn cười và thảm hại! Ngồi trên lưng dì, hai chân tôi thò xuống có lẽ còn dài hơn chân dì. Dì ngoẹo đầu đi, mặt đỏ bừng, nước mũi chảy ra, lệch xệch vác tôi đi. Thế mà tôi còn đòi đứng xuống dì cũng nhất định không chịu đấy!

Sự tận tâm của dì cảm động lòng tôi. Mãi đến lúc tôi đã đi học, dì đã ngồi trên khung cửi, chúng tôi còn quỵn luyến nhau. Tôi học bài bên cạnh khung cửi dì. Dì thúc giục tôi. Nghe những bài học lủng

cũng như “ếch kêu, chó cắn” – tôi đã học sang vắn tắt – dì khen tôi giỏi quá, khó như thế mà nhớ được! Rồi tưởng như tiếng âm vô nghĩa ấy là những câu thần chú gọi cái khôn của loài người, dì cố nhắm theo, và lâu dần thuộc lòng tất cả các bài tôi học; có lúc tôi áp úng dì nhắc cho tôi đọc nữa; lại đến lượt tôi phục dì! Khi bài tôi đã thuộc, tấm vải của dì được ra rồi, dì giữ váy mấy cái cho lông vải bay đi hết, rồi lại ôm tôi vào lòng mà vuốt hai cái trái đào của tôi. Những lúc ấy, tôi thấy êm ái chẳng khác gì ngồi trong lòng mẹ.

*
* *

Dì Hảo ơi! Tôi hãy còn nhớ cái ngày dì bỏ tôi đi lấy chồng. Đó là một buổi chiều có sương bay. Người ta đến đón dì vào lúc mờ mờ tối. Cũng chẳng lấy gì làm đông lắm, bên nhà trai lẻ tẻ đâu có mười người. Về đằng nhà gái, bà tôi chỉ cho có dăm người chị em đi đưa dì, chính tôi cũng chẳng được đi. Mẹ tôi bảo: “Không có cỗ đâu; nhà người ta có trở chỉ biện coi trâu bát nước”. Nhưng nào tôi có đòi đi để mà ăn cỗ! Tôi chỉ theo dì Hảo của tôi: từ trước đến nay, có bao giờ dì đi đâu mà để tôi ở nhà? Người ta giữ tôi lại, tôi tức, khóc òa lên, tôi tức bà tôi, tôi tức thầy mẹ tôi, tôi tức cả dì Hảo nữa! Tôi tự hỏi sao dì cứ phải đi lấy chồng? Và ngay bây giờ nữa, dì Hảo ơi! Có lúc tôi vẫn ân hận vì dì đi lấy chồng. Nếu dì cứ ở nhà, nếu dì cứ là một người dì của tôi mãi mãi, thì có lẽ khỏi khổ, ít ra, dì cũng đỡ khổ hơn bây giờ.

Nhưng mà sự ấy đã không thể được. Dì Hảo đã đi lấy chồng, đã mang theo cho người ấy tất cả lòng yêu vẫn để cho tôi. Và người ấy đã nhận lấy tấm lòng yêu ấy, nhận lấy mà chẳng làm gì cho đáng nhận.

Người ấy không yêu dì. Thật mà! Người ấy chẳng yêu dì Hảo đâu. Mà lại còn khinh dì là khác nữa. Hấn khinh dì là một đứa con nuôi, còn hấn, hấn con giòng, cháu giống, và tuy rằng nghèo xác, hấn nhất định không làm gì. Hấn lấy vợ để cho vợ nó nuôi. Dì Hảo cũng nghĩ đúng như thế ấy: dì làm và nuôi hấn. Người vợ đảm đang ấy kiếm mỗi ngày được hai hào. Dì ăn có năm xu. Còn một hào thì hấn dùng vào uống rượu. Và dì Hảo sung sướng lắm. Và gia đình vui vẻ lắm. Nhưng sự tai ác của ông trời bắt dì đẻ một đứa con. Đứa con chết mà dì thì tê liệt. Mỗi ngày ngồi là một ngày không có hai hào. Người chồng muốn đó là cái lỗi của người vợ vô phúc ấy.

Nhưng mới đầu hắn chỉ nghĩ thế thôi. Là vì nhờ ít tiền dành dụm, người ta vẫn còn đủ cả cơm lẫn rượu. Nhưng rồi rượu phải bớt đi. Đến cả cơm cũng thế. Đến lúc ấy thì hắn không nhịn nữa. Hắn chửi bâng quơ. Hắn chửi số kiếp hắn. Và sau cùng thì chửi vợ. Ô! Hắn chửi nhiều lắm lắm. Một bữa rượu đói, rồi tình cờ được một bữa rượu say.

Dì Hảo chẳng nói gì. Dì nghiêng chặt răng để cho khỏi khóc, nhưng mà dì cứ khóc. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt. Nhưng đã vội phí nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì dì còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hắn chán chửi, bỏ dì mà đi, bỏ dì bơ vơ, đau ốm, để đi tìm cơm rượu. Trách làm gì hắn, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy; hắn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hắn. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách làm chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì không trách bà tôi đã làm nợ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu. Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc mới hăm hai. Cái cơ nghiệp của người gây dựng cho thấy tôi buôn thua bán lỗ, chúng tôi học hành tốn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương. Người chỉ còn có thể mang đến cho dì Hảo ốm đau mỗi ngày một xu quà và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.

*

* *

Nhưng rồi bệnh dì cũng qua đi. Nó qua như một thằng quái ác không muốn hành hạ một kẻ kiên nhẫn quá. Dì Hảo lại đi làm, lại có tiền, lại muốn có chồng để mỗi ngày ăn năm xu và hắn dùng một hào còn lại đi uống rượu. Thì quả nhiên hắn về. Hắn về với một cái quần đen, một cái áo tây vàng, túi xóc xách tiền và một người vợ theo trợ tráo. Thoạt đầu thì người vợ chính ngạc nhiên. Rồi thì dì tức tối. Sau cùng thì dì nhẫn nại; phải, nhẫn nại là hơn: nếu hắn không về thì cũng thế.

Nhưng mà hắn đã về, hắn lại làm chủ cái lều và ba sào vườn ông cha để lại và làm chủ cái lều, hắn tưởng có quyền chẳng làm gì mà chỉ uống rượu ăn cơm, và uống, ăn rồi nó cười sặc sụa.

Cái con vợ bé ấy trợ tráo lạ! Nó chẳng biết làm gì cả. Nó hát

những câu tục tằn. Nó uống rượu tựa đàn ông, hút thuốc tựa đàn ông, búi tóc ngược, mặc quần trắng tựa đàn ông. Nó sẽ lúi chông dì vào đáy sâu địa ngục thôi! Cheo leo thay cho cái linh hồn của chồng dì!

Thế mà chồng dì mê say lắm. Chồng dì gọi nó là “mợ mình” và mua cho nó những hộp sữa bò sáu bảy hào khi nó ốm hay làm ra ốm.

Còn dì, dì đã biết phận dì. Dì cố nhắm mắt để khỏi trông thấy chúng. Dì chẳng hé răng nói nửa lời, nhưng dì khóc ngấm ngấm khi chúng cười vui, dì nhin quắt ruột khi chúng ăn phung phí. Dì héo hắt đi, dì còm cõi, đúng như một con mèo đói. Nhưng nếu dì còn được như thế mãi.

Một buổi sáng, chừng như chúng nó đã cạn tiền và cạn cả lòng yêu. Dì đoán thế vì luôn hai, ba hôm, dì không thấy chúng uống rượu và cười sặc sụa. Con vợ bé vừa nhổ nước bọt vừa nói cần nhần. Anh đàn ông hôm má lõ mũi ra. Hấn vừa khoằm khoằm mặt, vừa văng tục. Con kia mặt sưng lên, cứ nói một câu lại choai người lên một cái và vỗ đùi độp độp. Chúng nó nhảy xô vào nhau. Rồi đấm đá, cấu cắn lẫn với những tiếng gào thét âm ỉ quá. Chẳng biết làm sao, để mặc chúng, dì bỏ đi làm. Cũng như dì đã mặc những phút mặn nồng của chúng.

Chiều hôm ấy, nhà có vẻ đám ma. Dì không thấy con vợ bé đâu. Cả chồng dì cũng thế. Nhà cửa, đồ đạc thì bừa bộn. Mấy cái nồi đất và đôi lọ xách nước tan ra từng mảnh. Lấy tiền đâu mà lại sắm sửa bây giờ. Trời ơi! Nhưng kia hấn đã về. Hấn về có một mình. Một chai rượu trong tay và những tia giận bùng bùng trong mắt. Hấn uống, rồi lại uống, uống lẳng lẳng như chưa bao giờ hấn uống. Hấn uống cả một chai. Rồi hấn đập chai ra. Và chửi. Hấn chửi băng quơ. Hấn chửi số kiếp hấn. Hấn chửi đàn bà. Hấn chửi con vợ bé. Dì Hảo cắn răng lại để cho khỏi khóc nhưng cứ khóc. Hôm sau hấn ra đi không biết đi đâu. Dì Hảo ngạc nhiên. Rồi tức tối. Sau cùng thì dì nhần nại. Phải, nhần nại là hơn: nếu hấn cứ ở nhà thì cũng thế.

*Nửa đêm, tập truyện ngắn,
Nhà xuất bản Cộng lực, 1944.*

NHỮNG CHUYỆN KHÔNG MUỐN VIẾT

(Truyện ngắn)

Trong số bạn thân của tôi, thế nào chẳng có người đã trách tôi: – Lớp này hẳn đồ đốn hay sao lại đem chuyện hẳn ra viết thế? Dơ đáng quá!

Vâng, dơ đáng thật. Chính tôi cũng đang trách tôi sự ấy. Nhưng biết làm sao được? Tôi đã hứa với tôi: chẳng bao giờ viết chuyện mình. Tôi sẽ chẳng bao giờ dấn động đến cái tôi – cái tôi là đáng ghét. Vẫn biết nhiều bạn đồng nghiệp khả kính của tôi không nghĩ thế. Suốt đời họ, họ chỉ toàn nói về họ. Họ phân tích tâm hồn họ. Mà họ làm thế nhất định không phải là vô ích. Nhưng họ khác, mà tôi khác. Cái nghề văn, kỳ nhất cái lỗi thấy người ta ăn khoai cũng vác mai đi đào. Khi người ta nói đến mình, là nhận ra rằng mình có một cái gì đáng nói. Còn tôi chẳng có gì. Tâm hồn tôi nó hơi nông. Mà đời tôi thì không có chuyện. Cái tôi của tôi rất xoàng. Bởi tôi rất xoàng.

Trọn đời tôi, tôi chỉ lo chết đói. Như thế bảo còn nghĩ đến những cái to tát làm sao được? Nguyên vọng của tôi? Ấy là làm thế nào cho vợ có tiền đóng gạo, mua nước mắm và mua ba xu thuốc chốc dầu của bà lang lùn về cho con. Không có mộng. Nói vậy sợ hơi quá quắt. Thật ra tôi cũng có chút mộng văn chương. Nhưng cái mộng ấy cũng hơi... khi khi. Tôi cứ muốn vừa có thể phụng sự nghệ thuật, lại có thể kiếm tiền về nuôi cả nhà. Nghĩa là tôi ham viết lắm. Nhưng giả thử viết mà không được một đồng xu nhỏ thì có lẽ tôi ham vừa vừa thôi. Cái tôi của tôi sự thật thì nó bỉ ổi như thế đấy. Tôi còn nói đến tôi làm gì? Tôi tìm những cái khác để mà nói vậy.

Thoạt tiên tôi viết truyện một người đàn ông có vợ rồi. Đó chỉ là một người đàn ông rất vô danh. Hẳn có thể là tôi, là anh, hay bất cứ một anh nào có vợ. Nhưng một ông bạn tôi vợ chẳng ngay lấy. Ông ta bảo tôi định nói ông. Ông hục hặc với tôi. Ông khuyên tôi chớ đem in. Đem in thì vỡ mặt. Tôi trót dại, chưa học võ. Thôi thì đành chiều ông.

Tôi viết truyện một con chó mực. Tôi thề rằng: quả thật đó chỉ là truyện một con chó mực. Nhưng truyện vừa in ra thì tôi gặp một thằng say. Hấn trợn mắt lên. Mắt hấn đỏ ngầu ngầu. Hấn lè nhè hỏi tôi: Sao lại bảo hấn là con chó? Rồi hấn chửi cho tôi một mẻ, vượt mặt không kịp. Tôi ức quá. Nhưng rồi tôi lại cười. Tôi lẳng lẳng về nhà, lấy giấy bút viết truyện một thằng say rượu.

Thằng say rượu này say lắm. Nó uống rượu vào rồi nó chửi. Chửi lung tung cả. Thằng say nào chẳng vậy? Ấy thế mà có một bọn người tỉnh kê bù lu bù loa lên rằng: tôi mượn rượu để chửi cả làng nhà họ. Và họ dọa tôi đủ thứ. Trời đất ơi!...

Vậy thì tôi còn biết viết cái gì? Một anh bạn tôi khuyên tôi đừng dả động đến một người nào. Cứ viết truyện bông cau, cây chuối, cục đất, buổi hoàng hôn hay con lợn. Nhưng biết đâu đấy? Tôi vẫn sợ. Tôi sợ có người lại nhận mình là bông cau, cây chuối, cục đất, buổi hoàng hôn hay là con lợn để mà không bằng lòng. Bởi thế, tuy chẳng muốn, tôi đành lại lấy tôi ra mà viết để cho yên chuyện.

*
* *

Vậy thì tôi viết truyện tôi. Đó chỉ là những truyện mà thật ra tôi không muốn viết. Bởi truyện tôi thì bao giờ nghe cũng buồn...

Các bạn tính: thế này thì tôi không buồn làm sao được? Tôi ở Hà Nội về quê. Tôi nhớ vợ con. Tôi đang ao ước được trông thấy vợ con cho thỏa cái lòng một chút. Tôi vừa đi vừa tưởng tượng: “Mười lăm phút nữa, tôi tới ngõ. Con chó con của tôi quanh quách sủa. Tôi lên tiếng. Con tôi nhận ra tiếng bố, mừng rỡ reo lên. Vợ tôi tươi cười ra ngõ đón...”.

Vợ tôi ra đón thật. Nhưng y không tươi cười. Mặt y nhăn như mặt hổ phù. Cái mũi phình ra, nó chứa đầy khí giận. Đôi mắt thì long sòng sọc, chúng toan chảy vọt ra. Ghê gớm quá! Lại nghiêng răng ken két nữa. Tôi toát mồ hôi trán. Mắt tôi nhìn xuống mũi, mũi tôi nhìn xuống miệng, và miệng tôi thì bịt ra. Cái thằng tôi nó hèn thế đấy. Chẳng bao giờ có dám nhìn nổi nguy vào tận mắt. Nó chỉ nhìn xuống đất. Để xem có cái lỗ nào thì chui tọt vào. Nó cứ tưởng nó là con giun.

Cố nhiên là không có lỗ. Mà có lỗ thì cũng không chui lọt. Tôi

dành đứng ÿ ra đấy. Vợ tôi càng ngứa mắt. Y gằm lên. Y xúc váy lên trên đầu gối. Y giậm chân bô bô. Rồi y lại buông váy xuống. Y vừa nháy cẳng lên như một con gà chọi, vừa vỗ tay đen đét mà xĩa xói vào mặt tôi:

– Đi chết đâu mà đi mãi thế? Sao không chết giẫm chết giúi ở đâu đi cho rồi? Còn về đây làm gì? Còn vác mặt đến đây làm gì ì ì?...

Thôi chết! Chắc là y biết tôi lên Hà Nội có đi hát cô đầu rồi. Không biết đứa nào ghét tôi đã mách với y chóng thế? Cái quân ác thật. Nó giết người không gươm. Khốn nạn cho cái thân tôi quá! Nào phải tôi có đấm say gì cho can. Tôi thề rằng: từ thuở cha mẹ đẻ đến giờ tôi có biết cái xóm cô đầu nó ở chỗ nào thì tôi chỉ chết. Tôi mới đi lần này là một. Mà cũng chẳng phải vì cao hứng. Chẳng qua để chiều ý một ông bạn đọc quá hào phóng thôi. Nguyên hôm ấy tôi có chút việc đến chơi nhà xuất bản, ông V. đưa cho tôi một tấm danh thiếp mang một cái tên với tôi hoàn toàn xa lạ...

– Ông này muốn gặp ông có một việc gì cần lắm.

Tôi quay dây nói nhờ cho gọi cái số biên trên tấm thiếp. Ở đâu kia, tiếng oanh thỏ thẻ:

– Ông chủ tôi hiện lúc này mắc bận... Ông chủ tôi rất mong được tiếp ông vào bảy giờ chiều hôm nay. Việc cần ạ, vâng ông chủ tôi bảo cần...

Bảy giờ chiều, tôi đến. Tôi và anh Sen nữa, để phòng có biến. Thì cái việc cần đại khái như thế này: Ông H. đọc sách của tôi. Ông thấy văn tôi, đoán tôi là một thằng... khá lắm. Ông muốn gặp. Gặp để cho biết. Còn bây giờ, thì cái việc cần, là đưa nhau xuống Khâm Thiên để nói chuyện văn chương cho thỏa lòng. Chao ôi! Một chút tình tri kỷ ấy, dẫu tan xương nát thịt để mà đền đáp chưa chắc gì đã đủ. Huống chi là phụ vợ trong vài, ba giờ đồng hồ thôi? Tôi nhận lời ông H. . Tối hôm ấy, anh Sen rất ngây thơ của tôi và tôi đã được lạc vào động tiên. Nhưng có ông H. làm chứng đấy! Chúng tôi ngồi trong nhà hát không quá mười lăm phút. Trống không biết đánh. Hạt dưa không biết cắn. Cốt nhát không biết uống. Mà bọn cô đầu thì ác quá. Họ cạy họ có quần áo đẹp, tóc uốn quăn, họ cứ nhìn cái đầu thợ nhà quê xén vụng của tôi mà cười. Mặt tôi đỏ như. Huống chi lại còn có bao nhiêu khách của ông H. nữa. Toàn những phú thương cả. Họ nhìn chúng tôi chòng chọc, như cố nhớ xem có phải chúng tôi đã có lần rụt rè đến nhà họ xin một chân đánh máy hoặc bán hàng hay không?

Mặt chúng tôi rôm rộm. Người chúng tôi ngay đờ, cứng nhắc. Bởi thế, khi bắt đầu tiệc rượu, chúng tôi đứng lên xin kiếu và anh em dắt nhau ra về. Tôi thề đã kịp chạm đến một cô em nào thì trời cứ làm cụt tay!... Ấy thế mà đứa nào ác nghiệt đã phải vội đem chuyện về cho vợ tôi nó biết. Tôi cãi làm sao bây giờ? Tôi cứ ngay mặt ra như cán tà. Y lại chỉ vào mặt tôi và bảo:

– Hôm nọ thì còn mãi đi chết đây, chết đó. Hôm nay mới lù lù vác xác về. Còn về làm gì nữa? Cả nhà có một cái vé sợi nó nuốt trôi mất rồi.

Ô... ra thế... Tôi hoàn hồn. Tôi lau mồ hôi trán, mặt như thốt, hỏi:

– Vé sợi nào? Người ta chưa biết đầu đuôi xuôi ngược ra thế nào thì đã làm sôi sùi cả lên.

Vợ tôi cười gằn, bảo:

– Vé sợi khai hồi năm ngoái, chứ còn vé sợi nào? Nhà mình có một vé, không về mà nhận lấy, nó nhận tranh mất rồi.

– Tranh làm sao được? Còn tên mình ở đấy.

– Tên mình ở đấy, nhưng nó lại bảo là tên nó thì làm gì nó tốt? Mình là thằng Cao, nó cũng là thằng Cao.

Tôi ngẩn người. Tôi giận cha tôi quá. Sao người chẳng đặt cho tôi một cái tên gì hiếm hóc để chẳng trùng tên ai? Nhưng sự đã trót, còn biết sao? Tôi tặc lưỡi bảo vợ:

– Thôi! Đứa nào nuốt được thì cứ nuốt. Cả năm ngoái, mình không có vé sợi, khung cửi mốc meo, cũng không chết mà... Chúng nó ăn lẩm thì phình bụng ra.

Vợ tôi không thềm đáp lại. Y xia môi ra và nguýt tôi. Tôi cười. Bởi tôi cũng biết tôi nói thế là nói bướng. Nghe sao lọt? Ai chẳng biết: không có vé sợi cũng không chết đói? Phải, chết thì không chết. Nhưng mà gầy. Sự thật thì cả nhà tôi gầy. Tôi, cái ấy đã dĩ nhiên; tôi vẫn gầy. Con tôi thì cũng vậy; bởi nó là giống tôi. Nhưng vợ tôi, vẫn có tiếng là phì nộn, lớp này xem ra cũng khô hạc lẩm. Ăn đói luôn, còn gì? Tôi nhìn vợ tôi mà thương hại. Tôi an ủi y thế này:

– Thôi, mình ạ. Tôi không có sợi thì đi dệt thuê cũng được. Chẳng được cơm thì được cháo. Còn tôi cố cầm đầu viết suốt ngày. Máy trăm bạc nợ lãi trả hết rồi, chỉ còn xoay gạo ăn thôi thì đỡ lo.

Vợ tôi lại bĩu môi ra, nghiêng nghiêng cái mặt.

– Hừ! Coi thế mà buồn!... Có đến đời sang tiểu sành thì hết nợ!

Tôi dụi dàng:

– Trả mãi cũng phải hết. Đừng lo.

– Ấy là nói thế, chứ tôi không lo làm sao được. Tôi thì mặc. Không có tiền thì con đói. Tôi đói đã quen đi rồi.

– Được, được. Mình mặc tôi.

– Chỉ được cái nói thì ra bộ lắm.

Y không buồn nói nữa. Y vung vãng chạy sang hàng xóm. Vùng vãng thế đấy, nhưng bụng y tốt lắm. Bởi y đi vay gạo. Y biết tôi đã đói. Tôi cảm động. Tôi càng náo nức muốn làm để kiếm tiền trả nợ. Tôi tháo giày, cởi áo ngoài rồi ngồi vào bàn viết. Không nên để phí một tí thì giờ nào cả. Từ giờ đến lúc được ăn cơm, may ra được vài chục đồng...

Tôi gọi cảm hứng về. Ngoại vật mờ mờ. Tư tưởng đến như một đàn ong, mới đầu còn lẻ tẻ, rồi đông hơn, rồi xôn xao. Chúng ngùn ngụt trong đầu tôi như một thứ rượu mới lên men. Bộn rộn và rối rắm biết bao! Tôi sắp sửa khơi nguồn cho những ý nghĩ có đường thoát ra đầu ngọn bút!... Thì tiếng vợ tôi the thé:

– Trời ơi là trời! Có chồng con nhà nào thế không? Chỉ vác cái mặt lên như con trâu nghênh suốt ngày. Chẳng nhìn dõn đến cái gì. Để cho con ăn đất ngoài sân kia kìa!...

*Tiểu thuyết thứ bảy, số 432,
ngày 26-9-1942.*

TRĂNG SÁNG

(Truyện ngắn)

Điền có bốn cái ghế mây. Tất cả đồ đạc trong nhà, chỉ có bốn cái ghế mây này là có giá. Không phải Điền mua. Tính Điền rất ghét mua. Từ ngày ra ở riêng đến giờ, Điền mới mua có một lần. Ấy là cái giường bằng gỗ bươi của một người cô nghèo khó. Người cô cần tiền để lấy thuốc ngã nước cho chồng. Còn Điền thấy cũng cần một cái giường. Tháng ba vừa rồi vợ Điền mới sinh một con trai. Nghĩa là bây giờ Điền có những hai con. Cả nhà đúng bốn người, bốn người chất cả vào một cái giường! Giá mùa rét thì cũng được, chen chúc nhau một tí càng ấm áp. Nhưng mùa nực, còn gì là vệ sinh?

Năm chùng mười họa, Điền cũng còn nghĩ rằng: nên theo phép vệ sinh. Bởi Điền là người có học hẳn hoi. Điền đã có lần làm một ông giáo trường tư trong ngót ba năm, mà Điền có bốn cái ghế mây vừa mới nói. Năm ngoái đây, cái trường vẫn thuê Điền dạy lớp nhất, lấy hai chục bạc lương một tháng, đột nhiên phải dẹp. Dẹp để nhường lại mấy căn nhà cho người ta dùng vào việc khác, cần cho lúc này hơn. Ông hiệu trưởng còn chịu của Điền nửa tháng lương. Tiền học tháng cuối cùng thì chưa thu được. Chỗ anh em biết tính toán thế nào cho tiện? Giá ông xoay được, thì ông trả phất Điền chục bạc, cho dẹp mặt cả đôi bên. Nhưng ông không xoay được. Mà chẳng lẽ Điền phải thiệt? Thôi thì... thôi thì... – biết nói ra sao bây giờ? – Ông cười một cách ngượng nghịu bảo Điền:

– Thôi! Thế này này, ông Điền ạ! Giá ông không ngại, thì ông đem bộ ghế mây về quê mà dùng. Lão hàng phở nó trả có bảy hào một cái. Hôm nọ, chỉ căng mây lại cho hai cái cũng đã mất một đồng. Bán cho lão thì phí đi. Mà ở nhà ông chưa có ghế...

Lúc ấy, Điền phải cố giữ, cái mặt mới không xỉ xuống. Thật ra thì Điền chán lắm. Điền chẳng muốn lấy bốn cái ghế tí nào. Chao ôi! Cũng mang tiếng ghế mây!... Cái thì xộc xệch, cái thì bốn chân rúm lại, và chẳng cái nào là nước sơn không róc cả như là da thằn lằn.

Trông đủ thảm. Điền phải bỏ ra bảy hào chịu lấy một cái vé tàu hỏa để tải mình về quê đã đủ xót ruột lắm rồi, còn phải nợ mà bỏ tiền ra tải bốn cái ghế già nua ấy nữa. Nhưng từ chối thì không tiện. Ra sự rằng mình dối. Có lẽ tủi lòng ông hiệu trưởng. Ấy là một điều mà Điền chẳng muốn, bởi ông với Điền là chỗ bạn nghèo với nhau. Họ bị tủi vì người ngoài đã lắm. Chẳng nên để người nợ còn phải tủi vì người kia... Điền đang nghĩ một cách gì để thoát thác. Thì ông lại bảo:

– Ông nên đi tàu thủy. Có đất mới đến năm hào. Năm hào với năm xu màn là năm hào rưỡi. Vậy cho rằng có phải trả tiền cước bốn cái ghế, thì cũng chỉ bằng tiền tàu hỏa thôi. Mà rộng rãi. Ông để hai cái ghế ra, một cái để ngồi, một cái gác chân, ung dung như ngồi nhà vậy. Tội gì đi tàu hỏa mà chen chúc.

Kể thì cũng là một ý hay. Như thế tránh được cả cái nạn huých khuỷu tay vào ngực nhau để tránh một cái vé đi xe lửa. Tránh được cả cái nạn ngồi lên đùi người khác và để người khác ngồi lên đùi mình. Và ngửi mùi mồ hôi với mùi phân lợn của những toa tàu hạng tư... Nhưng...

Ông hiệu trưởng không đợi Điền phải nói ra. Ông đã đoán mà hiểu trước nên ông bảo:

– Còn cái sự chuyên những cái ghế thì không ngại. Tôi sẽ bảo thằng nhỏ buộc hai cái làm một, dùng cái đòn gánh nước, gánh ra tàu cho ông. Còn từ bến mang về nhà ông, sẽ thuê một thằng bé độ năm xu, hay một hào.

Điền nhắm tính. Như vậy, tất cả có già giặn lắm mới tốn chừng đồng bạc. Nghĩa là tiêu quá đàng kia hai hào. Hai hào bốn cái ghế mây! Cho có xộc xệch nữa vẫn còn rẻ chán... Điền ưng thuận. Thế là có bốn cái ghế mây của ông hiệu trưởng mà lão hàng phở giả có bảy hào một chiếc, được đi tàu thủy về quê của Điền.

*
* *

Và thế là Điền có bốn cái ghế mây. Điền không biết giá. Nhưng Điền đoán chừng mua mới thì cũng đắt. Bây giờ, mỗi chiếc có khi tới ba bốn đồng! Thế nghĩa là cả bộ đáng giá ngót hai chục bạc. Xóm Điền cũng chả có nhà nào có những đồ đạc đắt tiền như thế. Vợ Điền

quý lắm. Thị rất xót xa khi thấy những ông khách cục súc, sau khi đã nắc nỏm khen bộ ghế vừa đẹp vừa thanh, liền đặt cái mông dít to bành bành như cái vại lên mặt ghế, khiến những sợi mây lún xuống, rồi co cả hai chân bấn thủ, ngả cái lưng to như lưng trâu tựa vào vành ghế, khiến cái vành ghế phải oải hẳn về đằng sau. Như thế phỏng còn gì là ghế? Có mà ghế sắt cũng phải hỏng, đừng nói gì ghế mây!... Một hôm thị bàn với chồng rằng:

– Này, cậu ạ! Người nhà quê họ vô ý lắm. Mình có của thì mình phải giữ gìn. Hay là ta đem cất ghế mây đi kéo để ai vào cũng leo lên ngồi chồm chồm, mấy chốc mà vứt đi?

Thoạt nghe, Điền phải bật cười. Điền nghĩ đến tính bủn xỉn của đàn bà. Họ may áo để cất đi. Và mua ghế để chằng cho ai ngồi sốt. Điền đã toan phản đối. Nhưng nghĩ ngợi một giây, Điền lại bằng lòng. Vợ Điền thế nào chả hơn Điền trong cái môn lo liệu việc nhà? Và bây giờ Điền chỉ là một kẻ ăn nhờ. Vợ Điền phải lo cho chồng từ năm xu húi cái đầu. Thị đã phải gánh tất cả cái ách gia đình, thì cũng nên để cho thị có quyền trong gia đình một tí. Kéo thị lại bảo: dẫu có hỏng cái gì, Điền cũng không phải bỏ tiền thay, nên Điền không xót ruột... Từ hôm ấy, bốn cái ghế mây được treo lên bốn cái mỏ móc buộc ngoài đầu chái. Chỉ những khi có khách khứa nào sang trọng, Điền mới ra bê vào.

Nhưng những buổi tối có trăng thì dù chẳng có ai, Điền cũng khuôn đủ bốn cái ghế ra sân. Rồi Điền gọi vợ, con ra. Vợ bế con nhỏ ngồi một chiếc. Con lớn một chiếc. Điền ngồi một chiếc. Còn một chiếc Điền dùng mà gác chân. Họ ngồi ghế, đợi trăng lên. Nếu con nhỏ không khóc, con lớn không bắt gãi thì hạnh phúc thật hoàn toàn. Gió thổi tan những lo lắng, chua cay chất ở trong lòng. Ánh trăng êm xoa nước mát lên da. Da mềm dịu. Những nét cau có chìm đi tất cả. Trán vợ Điền hóa phẳng phiu, mặt thị tươi hẳn. Thị trẻ ra mười tuổi những phút thanh thoi ấy, sao mà thị hiền dịu thế? Đáng yêu đến thế! Điền không nhận ra một chút gì ở thị nó có dính dáng đến người đàn bà cau có vẫn ngoác mồm ra mắng con, mắng con ở, mắng mèo, mắng chó khiến nhà cứ om lên suốt ngày. Thị cúi xuống đưa con nhỏ, đồng thời ngược đôi mắt âu yếm nhìn con lớn. Đưa con lớn cười với thị. Thị cười với nó. Thị cười với chồng. Điền nhìn vợ, nhìn con, lòng sung sướng. Điền mỉm cười với trăng.

Điền rất yêu trăng. Cái ấy cũng là thương bởi óc Điền đắm văn

thơ. Có đọc văn thơ, mới biết trăng là một cái gì đẹp và quý lắm. Trăng là cái liềm vàng giữa đông sao. Trăng là cái đĩa bạc trên tấm thảm nhung da trời. Trăng tỏa mộng xuống trần gian. Trăng tuôn suối mát để những hồn khát khao ngụp lặn. Trăng, ơi trăng! Cái vú mộng tròn đầy mà thi sĩ của muôn đời mơ man! Điền không ân hận chút nào. Hai thân Điền bán cả ruộng, vườn đi để cho Điền đi học chẳng phí đâu. Đã đành các người chỉ có cái mục đích con làm nên ông phán, ông tham để ấm thân; các người hoàn toàn thất vọng khi thấy con leo cau đến tận buồng mà lại hỏng ăn. Điền tọng yếu quá, không được nhận vào công sở; và các người đã vội cho là tiền con đi học thật là tiền vất xuống sông. Nhưng Điền tin rằng: cái học thức của Điền tuy chẳng giúp Điền kiếm nổi miếng ăn, nhưng cũng có ích cho Điền nhiều lắm. Chỉ nói một cái nhờ nó mà Điền đọc nổi văn thơ, và nhờ văn thơ mà hiểu được cái đẹp của gió, của trăng. Và Điền rất phân nản cho những tâm hồn cần cỗi như tâm hồn của vợ Điền. Đối với thị, trăng chỉ là... đỡ tốn hai xu dầu! Dầu lạc lúc này mỗi chai lít hai đồng. Mới biết các nước đánh nhau cũng có thiệt cho con nhà nghèo thật. Mỗi tối, thị đốt đèn một lát. Nhưng một lát cũng đủ tốn hai xu rồi. Những tối có trăng đỡ tốn hai xu. Hai xu chẳng là bao nhưng mười cái hai xu đã được hai hào; mười cái hai hào đã được hai đồng bạc; và mười cái hai đồng bạc... chao ơi! Nếu cứ tính toán mãi thế, thì biết đến bao giờ cùng được? Sao thị lại cứ phải luôn luôn tính toán? Những kẻ chỉ suốt đời tính toán là những kẻ tự làm khổ thân suốt đời... Điền vẫn trách vợ Điền như thế đấy. Điền có ngờ đâu chính Điền cũng một tật. Và ngay lúc này đây, lúc ngồi ngắm trăng để tạm quên những cái lo nhỏ nhen của kiếp người, Điền cũng còn tính vẫn vợ. Điền thấy trời rộng quá và sao nhiều quá. Điền nhớ đến câu thơ của một thi sĩ Tây phương ví khoảng trời sao như một cánh đồng. Nếu trời như một cánh đồng thì cánh đồng ấy thật bao la. Và Điền chỉ cần được một mảnh ở sau nóc nhà Điền kia, cũng đủ cho Điền không còn phải lo sinh kế nữa. Điền sẽ trao cho vợ Điền cai quản. Còn Điền lúc này có thể rảnh rang theo đuổi cái mộng của Điền...

Đó là một cái mộng văn chương. Đã có một thời, Điền chăm chỉ đọc sách, viết văn. Điền nao nức muốn trở nên một văn sĩ. Điền nguyện sẽ cam chịu tất cả những thiếu thốn, đọa đày mà văn nhân nước mình phải chịu. Điền vẫn thường bảo với một người bạn cùng chí hướng: Điền sẵn lòng từ chối một chỗ làm kiếm nổi mỗi tháng hàng trăm bạc, nếu có thể kiếm được năm đồng bạc về nghề văn...

Nhưng viết luôn mấy năm trời, Điền chẳng kiếm được đồng nào. Trong khi ấy Điền vẫn phải ăn. Nhà Điền kiệt xác xơ. Các em Điền không được đi học. Mà cũng không được ăn no nữa. Sự túng thiếu đưa đến bao nhiêu là lục đục. Bố Điền bỏ nhà đi. Mẹ Điền gồng thuê gánh mướn kiếm tiền nuôi hai đứa con thơ. Những đứa con lớn, đứa đi ở bé em, đứa đi ở chăn trâu, đứa đi xin những cái hoa chuối, những nắm rọc khoai đội đi những chợ xa bán để kiếm vài xu ăn cho khỏi chết. Điền thấy mình ích kỷ. Sự nghiệp mà làm gì nữa? Bốn phen Điền phải nghĩ đến gia đình. Điền phải gây dựng lại gia đình! Điền phải tạm quên cái mộng văn chương để kiếm tiền. Điền đi dạy học. Chao ôi! Dạy học là mỗi tháng có hai mươi đồng. Bà mẹ Điền tưởng thế đã là phong lưu lắm. Bà bắt Điền cưới vợ. Vợ Điền là con một nhà khá giả, lấy Điền vì Điền là người có học. Rồi Điền có con. Cái gia đình lớn của Điền đã chẳng được nhờ Điền, bây giờ lại thêm một gia đình con con nữa. Không một phút nào Điền không phải nghĩ đến tiền. Ốc Điền đầy những lo lắng nhỏ nhen. Một đôi khi chợt nhớ lại cái mộng xưa, Điền lại thở dài. Điền tự an ủi: có tiền rồi sẽ viết. Nhưng Điền biết; chẳng bao giờ Điền viết nữa, bởi chắc chắn là suốt đời Điền cũng không có tiền...

*

* *

Tối nay lại có trăng. Nhưng Điền chỉ đem có hai cái ghế ra sân. Vợ Điền hôm nay phải luật quạt suốt cả ngày. Con ở xin đi ăn giỗ một hôm. Thị lại phải dệt lấy tấm vải để mai đi bán về đưa lãi nợ. Dệt xong thị vội vàng đi đòi món tiền. Về đến nhà, con bé khóc hết hơi. Con lớn thì lem luốc, mũi dài nguếch ngoác bôi đầy mặt. Nhà cửa còn bẽ bộn. Con ở vẫn chưa về. Mình thị biết xoay xử làm sao kịp? Thị thấy lòng sôi lên sùng sục, thị giậm chân bành bạch kêu trời. Thị đánh con lớn, chửi con nhỏ, quăng cái chổi, đá cái thúng và cầu nhàu trống không. Rồi thị bế con đi nằm sớm. Đứa con lớn thút thít khóc chán cũng lăn ra ngủ. Mình Điền ngồi ngoài sân. Điền cố thản nhiên. Nhưng da mặt cứ rôm rộm; nó có vẻ dày và tê tê. Điền thấy gần như tử cực. Vợ Điền có lẽ rất yêu Điền. Nhưng thị chỉ biết rằng người ta cần ăn cơm, mặc áo và uống thuốc khi đau ốm. Thị chỉ cố lo cho chồng ba thức ấy. Thị nhìn ăn để chồng ăn. Thị nhìn mặc cho

chồng mặc. Thị bán đến cả yếm, áo để thuốc thang cho chồng. Thị tưởng thế là chồng sung sướng lắm. Nhưng không phải. Điền đã quen với những tình cảm nồng nàn và những lời nói vuốt ve. Nét mặt cau có, ngôn ngữ cục cằn, và nhất là cái lối yêu quá đơn sơ – có thể nói thô sơ – của vợ Điền làm Điền khổ. Điền thấy cái đời tình cảm của Điền thiếu thốn. Điền không được yêu ai. Còn sống trong cái gia đình này mãi, giữa những lo lắng nhỏ nhen này mãi, lòng Điền sẽ cạn. Cạn luôn cả nguồn thơ quý báu, mà Điền vẫn ao ước có ngày lại khơi...

Trên kia, trăng nhớn như một cô gái non vừa mới có nhân tình. Gió nhẹ nhàng đặt trên là những bước chân vũ nữ. Những tàu lá chuối láng trắng đưa đẩy... Điền nghĩ đến những người đàn bà nhàn hạ, vừa tắm bằng một thứ nước thơm tho, mặc áo lụa xanh, ngả tắm thân mềm trên chiếc ghế xích đu và đưa đẩy đôi chân thướt theo...

Tại sao Điền lại vụt nghĩ đến những hình ảnh lơ lả ấy? Chính Điền cũng không thể hiểu. Có lẽ Điền ước ao một mái tóc thơm tho, một làn da mát mịn, một bàn tay ve vuốt. Có những người đàn bà đẹp, yêu rất khéo. Bởi họ được ăn ngon, mặc đẹp, chăm sửa thịt da và chẳng làm gì cả.

Phải rồi, vợ Điền chỉ là một kẻ tục tằn. Thị chẳng đáng cho Điền yêu quý. Cũng chẳng đáng cho Điền thương hại. Điền phải đi để giữ cho lòng mình được tươi lâu. Điền sẽ làm bất cứ cái gì để mà ăn. Rồi Điền bình tĩnh viết. Có như vậy Điền viết mới ra hồn được. Lời phải đẹp. Ý phải thanh cao. Ngọn bút của Điền phải khơi nguồn cho những tình cảm đầy thơ mộng. Nghệ thuật chính là cái ánh trăng xanh huyền ảo nó làm đẹp đến cả những cảnh thật ra chỉ tầm thường, xấu xa...

Điền lại thấy hiện ra cái bóng dáng yêu kiều của những người đàn bà nhàn nhã ngả mình trên những cái ghế xích đu nhún nháy... Những người ấy sẽ đọc văn Điền. Lòng họ đẹp thêm lên. Họ sẽ yêu Điền. Họ sẽ gửi cho Điền những bức thư xinh xinh ướp nước hoa. Tưởng tượng của Điền tỏa rộng ra như một ánh trăng. Điền nghĩ đến những cuộc tình duyên lãng mạn với những người đàn bà đẹp chỉ biết trang điểm và yêu đương.

Những tiếng găt gong ở trong nhà lại đưa ra. Vụt cái, trăng mất đẹp. Điền cúi mặt, bẽn lẽn như bị bắt gặp làm việc xấu. Điền lắng tai nghe. Tiếng vợ Điền gay gắt hỏi:

– Làm sao thế?

Đứa con gái vừa mếu máo vừa đáp lại:

– Con đau bụng.

– Trời ơi là trời!

Ấy là tiếng vợ Điền rên lên. Rồi thị mắng con:

– Ăn bậy lắm! Chết là phải, còn kêu ai?

Đứa con không dám khóc to. Nó chỉ oằn oại và rít nhỏ nhỏ trong cổ họng. Thỉnh thoảng nó không còn sức nén, tiếng khóc bật ra. Điền nghe một vài tiếng nức nở như tiếng người nôn ọe. Điền vẫn ngồi cúi mặt. Một nỗi chua xót gần như là thuộc về thể chất, ứ lên trong lòng Điền. Nó dâng lên đến cổ, xông lên óc. Nước mắt Điền ứa ra.

Vợ Điền gượng nhẹ đặt đứa con nhỏ đang ngủ mệt xuống võng. Thị cầm một con dao ra vườn moi mấy nhánh gừng về rửa sạch, giã ra. Thị vắt thêm vào đấy nửa quả chanh. Thứ thuốc bách bệnh của con nhà nghèo chỉ gồm có thế. Thị gạn lấy nước, đem lại cho con. Con bé mới ngủ thấy hơi gừng đã sợ. Nó mím chặt môi. Dĩ thế nào nó cũng không chịu uống. Thị phải bế nó, đặt nằm ngửa trên đùi, một tay thị đỡ đầu, một tay thị kê chén nước gừng vào tận môi con. Con bé mím môi thật chặt... Bực mình thị quát:

– Há mồm ra!

Con bé khóc. Thế là chén gừng đã dốc tuột vào mồm nó.

Nó giãy lên như đĩa phải vôi. Nó phun phè phè. Nó gào lên. Bao nhiêu nước gừng bắn ra áo mẹ. Thằng cu con giật mình, khóc thét lên. Vợ Điền tức quá, phát đen đét vào lưng con bé ốm và quăng nó xuống giường như quăng một con mèo:

– Kê cha mày! Cho mày chết đi!

Con bé vừa gào vừa van lạy:

– Con lạy bu. Con cay lắm! Con lạy bu! Cay mồm...

– Mày cầm ngay không tao tát cho vỡ mặt.

Nó vẫn không chịu lặng. Thị sừng sộ, chực vỗ lấy nó:

– Mày có cầm không nào?

Nó sợ quá đành phải nín. Nhưng những tiếng rên nhỏ nhỏ vẫn còn thoát ra... Điền thương con lắm. Vút cái, Điền thấy Điền không thể nào đi được. Điền không thể sung sướng khi con Điền còn khổ.

Chao ôi! Trăng đẹp lắm! Trăng dịu dàng, và trong trẻo, và bình tĩnh. Nhưng trong những căn lều nát mà trăng làm cho cái bề ngoài trông cũng đẹp, biết bao người quằn quại, nức nở, nhăn nhó với những đau thương của kiếp mình! Biết bao tiếng nguyền rủa và chửi rủa! Biết bao cực khổ và lầm than?... Không, không, Điền không thể nào mơ mộng được. Cái sự thực tàn nhẫn luôn luôn bày ra đấy. Sự thực giết chết những ước mơ lãng mạn gieo trong đầu óc Điền cái thứ văn chương của bọn nhàn rỗi quá. Điền muốn tránh sự thực, nhưng trốn tránh làm sao được? Vợ Điền khổ, con Điền khổ, cha mẹ Điền khổ. Chính Điền cũng khổ. Bao nhiêu người nữa, cùng một cảnh khổ như Điền! Cái khổ làm héo một phần lớn những tính tình tươi đẹp của người ta. Tiếng đau khổ dội lên mạnh mẽ. Chao ôi! Chao ôi! Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối; không nên là ánh trăng lừa dối; nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than, vang dội lên mạnh mẽ trong lòng Điền. Điền chẳng cần đi đâu cả. Điền chẳng cần trốn tránh, Điền cứ đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời...

... Sáng hôm sau, Điền ngồi viết. Giữa tiếng con khóc, tiếng vợ gất gồng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài đầu xóm. Và cả tiếng chửi bới của một người láng giềng ban đêm mất gà.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 439,
ngày 14-11-1942.

TRẺ CON KHÔNG ĐƯỢC ĂN THỊT CHÓ ¹

(Truyện ngắn)

Hắn hút hết điếu này là điếu thứ ba. Ba điếu thông luôn. Cái thuốc lào, hút vào buổi sáng lạnh mạnh như buổi sáng hôm nay, sao mà ngon thế! Khói đậm đà như vị mật, thấm qua lưỡi để pha vào với máu, lan đi từng thớ thịt, làm da thịt dê mê. Đôi mắt hắn gà gà; hơi thở phì phò như ống bễ lò rèn; những ngón tay lơ rờ trên không khí mơn man một dáng hình tưởng tượng. Như thế trong vài ba phút. Rồi cơn say lại nhạt. Cái thú vị chính là ở đó. Những cơn say, nếu kéo dài ra tất thành nôn nao. Người ta đắm chìm đầu vào bức vách, hoặc xều dãi ra như một con chó trước khi hóa dại! Còn cái gì thô tục bằng? Đàng này những cơn say rất chóng qua. Người hút, vừa hút xong, đã lại muốn hút luôn điếu nữa. Hút bằng nào cũng không biết chán. Hút đi, hút lại mà vẫn còn thấy ngon.

Cái điếu là một vật vô tri mà dường như cũng biết nịnh đời. Vốn dĩ xưa nay nó là một cái điếu rất tồi. Hút không kêu. Nó chỉ xìn xịt như tiếng một vật gì bị ẩm. Nghe chán lắm. Thế mà hôm nay, chẳng biết cao hứng thế nào, nó lại kêu. Những tiếng nổ tanh tách nảy lên trên không khí khô nỏ và trong veo của mùa thu như một chuỗi cười giòn. À, thì ra cái điếu hình như cũng có hồn. Vào một buổi sáng mát mẻ như buổi sáng hôm nay, tự nhiên nó hết ươn ao và thấy cần phải âm ỉ thì mới khoái. Người cũng vậy. Hắn thấy lúc này mà phải bó gối ngồi nhà thì cái đời thật khổ, ấy thế là hắn cầu nhàu chửi tục. Hắn chửi những quán hàng bươi không chịu đến mua cây bươi đào nhà hắn để hắn có dăm đồng bạc tiêu. Năm đồng bạc!... Mắt hắn sáng hẳn lên một chút. Chúng có vẻ vừa trông thấy con chó thui béo căng và vàng óng treo lủng lẳng bên trên cái chõng hàng nhà mụ Tam. Nước dãi tứa ra đầy miệng hắn, một hơi rượu rất mong manh thoáng

1. Có số báo in là: *Trẻ con không biết ăn thịt chó.*

qua mũi hấn rồi vụt biến. Chà! Chà! Hôm nay mát trời lắm nhỉ? Rượu với thịt chó mà lại gặp khi trời mát thì ngon biết chừng nào là ngon! Hấn nuốt dãi hai, ba lượt. Rồi hấn lại nhặt thuốc vào nõ điều, châm đóm hút thêm điều nữa. Cái điều vẫn kêu tanh tách. Nhưng khói thuốc bây giờ sao nhạt thế! Khi đang hút thì nó nhạt như nước lã, mà hút xong thì lại hơi đặng miệng. Hấn nhổ bọt vào chân cột rồi vừa chép chép môi vừa héch mặt nhìn lên nóc nhà. Rượu... thịt chó... rượu... thịt chó... Óc hấn cứ luẩn quẩn nghĩ đến hai thứ ấy. Sắc vàng óng của một cái mông chó thui nhầy nhầy mỡ với sắc xanh nhạt của một chai Văn Điển đầy ăm ắp cứ lần lượt hiện ra. Ồ! Ồ! Mát trời thế này mà được uống rượu thì tuyệt quá! Nhưng đào đâu ra tiền? Ấy thế là hấn lại chửi những quân hàng bưởi. Rồi nhân tiện, hấn chửi luôn vợ hấn: cái “con mèo mù” đờ đẫn mãi, bưởi chín đã gần muốn rụng mà vẫn chưa chịu rước người vào mua. Chửi chán, hấn tặc lưỡi một cái để bảo hấn rằng: không chửi nữa. Hấn quăng mạnh hai chân xuống đất để đứng lên và ra đi. Hấn đi cúi mặt, bước những bước mải mốt và cả quyết. Người ta cứ tưởng hấn như đã định sẵn một nơi nào để đến. Nhưng không phải. Đến đầu ngõ, hấn tần ngần đứng lại. Bởi đến đầu ngõ, hấn gặp một con đường hai ngã. Biết đi ngã dưới hay ngã trên? Đi ngã dưới tức là đến nhà con mẹ Vụ để gạ bán non cho nó mười gốc chuối. Nhưng con mẹ Vụ sẽ nhớ ra rằng: đã có lần bán cho thị mười gốc chuối lấy hai đồng bạc đi xóc đĩa, rồi lại bán lần nữa cho người khác lấy ngót hai đồng bạc. Giá mỗi cây chuối cố sinh ra lấy hai buồng, thì hấn không đến nỗi là con người lật lọng đâu. Nhưng cái giống chuối, từ cổ chí kim, mỗi cây chỉ sinh được một buồng. Vậy thì hấn đích thực là một con người lật lọng.

Chặc! Ừ thì hấn là người lật lọng, như vậy thì đã sao? Không sao cả. Bởi ai đã chửi luôn ba hôm mới biết rằng chửi hấn vô ích thật. Chửi hấn thì mõi miệng. Nhưng nên buộc chỉ cổ tay để nhớ cho thật kỹ: từ giờ đừng bao giờ dại dột tham lợi mà mua chuối non cho hấn một lần thứ hai. Con mẹ Vụ sẽ không mua chuối non cho hấn một lần thứ hai. Không những thế, rất có thể, nó sẽ xía xói mà mắng vào mặt hấn cho đến nhục. Vậy thì cái ngã dưới rành rành là bất lợi. Hấn quay mặt về ngã trên. Thế nghĩa là cứ đến thẳng hàng thịt chó nhà mẹ Tam. Nhưng mẹ Tam vốn không ưa bán chịu. Mà hấn thì lại đã chịu của mẹ luôn ba bữa, chưa đào đâu ra tiền trả. Cái mặt mẹ chặc chặc sẽ không được tươi tỉnh lắm. Mẹ sẽ vác nó lên. Mẹ sẽ nhìn cái tổ chim vô hình trên lưng chừng một cây tre ở trước cửa hàng

nhà mự, chứ không thèm nhìn hấn. Nếu hấn có lòi nhài lăm, thì mự sẽ nhượng đôi môi lên hướng trời xanh mà bảo hấn: Trả nợ cũ đi rồi hãy ăn. Như vậy thì cũng nhục. Hấn dùng dằng không nỡ bước. Trong khi ấy thì nước dãi từ từ lên miệng hấn. Rượu... thịt chó! Rượu... thịt chó! Trước mắt hấn lại lập lòe hai sắc: vàng bóng và xanh nhợt. Hấn nuốt dãi kêu ừng ực. Rồi hấn tặc lưỡi một cái để ra hiệu cho hấn dừng do dự nữa. Việc gì mà do dự nữa? Thịt chó của mự Tam để bán, chứ không phải để cho ôi thối. Còn hấn muốn ăn thì phải mua. Không có tiền thì mua chịu. Trời sinh ra thế. Dầu rằng mự Tam không ưa bán chịu thì hấn cũng đã chịu luôn được ba bữa. Thêm một bữa nữa thì đã sao? Ấy thế là hấn bước. Hấn bước nhanh nhẹn và vui vẻ. Y như một ông phó mới đi đến một đám mời ăn khao.

Nhưng gần đến hàng mự Tam; hấn nghe tiếng mự Tam the the. Dích là mự vừa xoắn được một kẻ ăn hàng chịu mất mặt mũi bây giờ mới thấy. Đen đũi thực. Hấn tần ngần đứng lại. Để nghe ngóng xem sao đã! Chà cái con mự la sát này thật là chua ngoa. Nó bảo người kia: ăn mà không muốn trả thì ăn này, ăn nợ cho con nó. Miếng ăn là miếng nhục. Thế này thì khó lòng nuốt cho trôi được. Hấn thở dài một tiếng, quay trở về... Bây giờ thì những bước đi thần thờ hơn. Hấn thấy người mỗi mệt, chân tay rời rã. Đúng là một anh nghiện đến bữa chưa được hút, thỉnh thoảng hấn lại đưa tay che miệng ngáp thật to, như một con trâu ghé ngo, nước mắt ứa ra òng ọng... Khỏi một rặng tre cao, đến cánh đồng. Nắng bùng lên. Nắng mùa thu diu diu. Trời thì đẹp. Cánh đồng lúa mơn tươi, run gờn gợn như một làn da quen ủ kín, đột nhiên phơi ra gió lạnh. Phong cảnh quyến rũ như một nhan sắc hoàn toàn nảy nở. Chao ôi! Giá hấn không bận nghĩ đến rượu và thịt chó! Giá hấn không khổ sở vì cái dạ dày ưa đòi hỏi thì hấn đã sung sướng lăm. Nhưng hấn lại thèm rượu và thịt chó mà không được uống rượu, ăn thịt chó. Bởi vậy hấn cho là đời thật đáng buồn. Kiếp người nản lăm. Trời thì cay nghiệt như một bà già thiếu ăn ngay từ lúc còn thơ. Mà cái nắng hanh của mùa thu vô cùng khó chịu. Đầu hấn ngoẹo xuống vai. Đôi mắt lim dim. Hấn có vẻ vừa đi vừa ngủ. Hấn đã gần ngủ thật thì một việc bỗng làm hấn đột nhiên tỉnh người.

Ấy là lúc hấn lò dò về đến sân. Hấn đang đi bỗng giật mình. Một con chó đang thiu thiu trong một bụi đong ở đầu sân nhảy choàng ra. Một tí nữa thì nó dớp vào chân hấn. Hấn nhảy căng lên một cái. Và

hắn sực nhớ ra rằng: nhà hắn có một con chó vện, con chó vện ấy hay trông gà hóa cuốc nên lắm khi chực đớp cả chân người nhà. Đó là một cái tật không thể tha thứ được. Bởi không ai nuôi chó để nó cắn què chân bao giờ. Ờ, mà lại còn điều này nữa: nuôi mèo hay nuôi chó thì cũng phải tùy gia cảnh; nhà giàu nuôi là phải, bởi nhà giàu sợ trộm mà nhiều cơm hớt; còn nghèo rớt mùng tơi như nhà hắn, nuôi làm gì? Giá thử nhà còn trẻ nhỏ, thì nuôi chó cũng còn có việc. Nhưng nhà không còn trẻ nhỏ. Thằng cu con đã lên ba. Nó đã có thể ra vườn được. Hạt gạo năm nay khó chấu như hạt ngọc. Đến bữa ăn, phải tính đầu để chia cơm. Cứ tình hình ấy, thì phải dờ hơi lắm mới nuôi một con chó để chẳng có việc gì cho nó làm... Thế là đủ lắm. Hắn sung sướng vì đã nghĩ ra điều ấy. Hắn gặt đầu luôn mấy cái. Rồi hắn đưa mắt nhìn trộm con chó vện. Con chó vện đã lại nằm thiu thiu bên một gốc chuối. Quả thật, nó đã đến ngày tận số. Hắn đi tìm cái thúng. Hắn rón rén đi vòng lại phía đằng sau đuôi con chó... Ấp! Con chó giật mình đánh thót. Nỗi nguy chụp xuống. Nó bị thu gọn trong cái thúng, không còn chỗ mà giãy giụa. Trong khi ấy, thằng người kêu rối rít:

– Chúng mày ơi! Chúng mày ơi! Tao úp được con chó rồi.

Lũ trẻ con đang nghịch đất, quăng cả những cái bẹ mèo chuối đi, xô đẩy nhau ngã kêu chí chóc, và vừa chạy vừa kêu lên:

– Chúng mày ơi! Chúng mày ơi! Thấy úp được con chó rồi! A ha!

Người cha bảo:

– Chúng mày xúm lại cả đây, đè chặt lấy. Đè thật chặt.

Con Gái, và cu Nhớn, cu Nhỏ, cu Con xúm lại: đưa tì tay, đưa tì chân, đưa ngòai cả lên trôn thúng. Người bố đi tìm gậy để ngáng lên cổ chó mà nhận xuống. Lũ trẻ bắt đầu bàn tán:

– Thầy giết chó nhỉ?

– Ừ, thầy giết chó để làm thịt chén.

– Thích nhỉ, cu Con nhỉ?

– Thầy cho cả chúng ta ăn thịt chó nhỉ?

– Tao cũng ăn thịt chó.

– Ừ, thầy cho cả mày, cả tao.

– Cả chị Gái...

– Chúng mày có im cả không, chó ra bây giờ thì mất ăn.

*
* *

Người đàn bà ở chợ về. Thị tủm tủm cười. Thị cười vì nghĩ đến đàn con. Hôm nay, chẳng biết cao hứng thế nào, thị đã mua cho chúng những bốn cây mía lách. Những ba trinh kia đấy, như thế kể đã là nhiều lắm. Cả đội hàng của thị đem đi buổi sáng, bán được vừa sáu xu. Vì đâu lại có sự hoang phí ấy? Có lẽ bởi hôm nay trời mát. Có lẽ bởi thị thương hại thằng cu Con. Mỗi lần nghe mẹ về chợ, cứ nghe các anh reo là cu Con lại thét lên. Hình như nó sợ các anh chạy ra trước nó. Có khi nó khóc. Có khi mải mốt quá, nó ngã lộn tùng phèo từ trên hè xuống sân. Ấy thế mà mười lần thì đến chín, mẹ nó chỉ chìa cho nó bàn tay không. Người đàn bà nghĩ đến cái bộ mặt tiu nghỉu của con lúc nào, rỏ nước mắt ra lúc ấy. Trông thương đứt ruột. Nhưng biết làm sao được? Đã đành quà của nó, chỉ một đồng trinh là đủ. Nhưng không thể đong một hào chín xu rưỡi gạo. Mà cái ngữ tiêu trong nhà thị, mỗi ngày không thể quá hai đồng hào. Vậy có thương con thì để bụng. Còn cái sự mua quà thật khó lòng thay! Nhưng thời tiết có ảnh hưởng đến con người ta rất lạ lùng. Hôm nay, người mẹ đáng thương thấy dễ chịu trong người. Khí nóng nặng nề của mùa hạ đã tan rồi. Cái rét sắc như dao của mùa đông chưa tới. Trời xanh ngắt. Nắng êm êm. Gió phớt phớt trên da, cho người ta cái cảm giác nhẹ nhõm sau khi tắm. Tạo vật hiền hòa lắm. Tạo vật không đè nén và dọa nạt. Người ta tin tưởng vào đời hơn. Người mẹ nghĩ rằng: mát mẻ thế này thì làm việc là một trò chơi. Rồi thị lại nghĩ rằng: nếu mía lách đem đi chợ mà không có người mua thì chẳng ai đem đi chợ. Ấy thế là thị đánh liều bỏ ra xu rưỡi và chọn lấy bốn cây vừa ngon vừa dài. Chọn xong, thị cũng thấy tiếc tiền. Và trên đường về, thị còn lẩn quẩn nghĩ đến xu rưỡi mãi. Nhưng thị lại nghĩ đến thằng cu Con, đến lúc nó sẽ búi chặt lấy mấy cây mía lách mà cười nắc lên. Vậy thì thị chẳng nên tiếc nữa. Có mất đâu mà tiếc? Con thị nó sẽ ăn vào miệng.

Về đến nhà, thị cảm động quá, hơi run. Mũi thị tự nhiên mím cười. Nhưng chẳng có đứa nào reo. Chẳng đứa nào trông thấy mẹ. Chúng đi đâu cả? Thị vừa gọi vừa hoảng hốt chạy ra ngoài bờ ao. À! Hú vía... chúng nó đây cả rồi. Nhưng làm gì mà dao, thớt bừa bộn thế?

Thị hơi sửng sốt vì bố chúng nó đang thả một con chó thui xuống

nước và cầm một búi rơm kỳ cọ. Sao lại có sự long trọng ấy? Thị đã toan hỏi nhưng lại nín, vì lại có cả mấy anh em bạn chồng. À, thôi phải... có lẽ hôm nay là ngày giỗ ông nào, bà nào đây. Thị ngáy mặt ra, cố nhớ... Hăm năm tháng chín, không, mà không phải... Giỗ chạp gì hôm nay? Lửa giận bốc lên ngùn ngụt. Thị thâm tím mặt. Thị biết chẳng phải giỗ chạp gì cả. Và có giỗ cũng chẳng cần giết chó. Xưa nay có bao giờ phải giết chó mới làm giỗ được? Nhà nghèo, chỉ bát cơm, bát canh, thượng số vài, ba hào chỉ là đủ lắm. Gọi là có nhớ đến ông bà tổ tiên cho khỏi tội. Làm gì mà phải linh đình thế? Khốn nạn! Khốn nạn cho thị lắm! Cái số thị không ra gì nên vợ phải một thằng chồng không biết lo, biết nghĩ, chỉ thích ăn, thích uống. Con chó to bằng ấy, lúc này bán đâu không nổi ba đồng bạc? Cả nhà ăn gạo hàng nửa tháng. Ấy thế mà cái môi nó máy lên một cái, nó đã phải đề ra mà giết ngay. Ăn hoang, phá hại. Ăn uống thế, nó khác gì ăn thịt con không, hở trời? Thị ghen ngào cả cổ. Thị muốn gào thật lớn. Nhưng còn vướng mấy người bạn đấy. Thôi cũng đành cắn răng. Nhưng thị không còn sức mà đứng nhìn nó nữa. Thị chạy về nhà bịch bịch. Thị quăng thị xuống cái phán gỗ sung đánh phịch. Chao ôi là chán nản, thị thấy một nỗi chán nản rời rã xâm lấn người.

Một lúc thật lâu, anh chồng về. Anh vừa lau tay vào vạt áo, vừa tươi cười hỏi:

- Nhà còn gạo không?
- Làm gì mà còn gạo?
- Thế thì làm sao được?
- Muốn làm sao thì làm.

Anh bẽ lắm. Giá phải lúc khác thì anh đã cho cái tát. Nhưng lúc này làm thế có khác gì đuổi bạn. Vả lại chị vợ đang tức tối. Đánh thị, chắc thị sẽ gào lên đến bảy làng nghe thấy. Còn ra quái gì! Anh cũng đành cười gượng mà nịnh nọt cho xong chuyện...

- Bu mày chịu khó đi đong chịu vậy?
- Tôi không rồi!

Hắn đã lộn tiết lên rồi, không còn nhịn được. Mắt hắn trợn lên. Hắn gườm gườm nhìn vợ một giây, rồi hục hặc:

- Cái giống nhà mày khó bảo!

Mắt người vợ đã rân rấn nước. Hắn biết là hắn thắng. Chỉ cần

khéo hơn một chút. Hắn lại xoay ra đầu dụ:

– Cái thứ người đầu mà ngang như cua vậy? Phải biết: tao muốn mất tiền làm gì chứ? Nhưng chết cái ăn của người ta mãi chẳng lẽ không mời người ta một bữa thì cái mặt mình còn ra mặt gì? Nhân tiện con chó nó ăn phải bả hay sao chẳng biết, sáng hôm nay cứ rú lên rồi lăn ra giãy chết...

À, ra thế... Thị hơi nguôi lòng một chút. Thật ra thì thị biết không nguôi, không được. Nó cục như chó vậy. Ương với nó, nó thượng căng chân, hạ căng tay là thường. Thiệt thân, mà kết cục cũng vẫn phải đủ gạo cho nó thổi. Thị đứng lên, vừa nguýt hắn, vừa lau bậu;

– Đong mấy hào?

Thế là hắn đổi mặt ra tươi cười:

– Thì bu mày liệu đấy. Có ba người khách với tôi là bốn. Với lại mẹ con nhà mày nữa.

– Mẹ con chúng tôi thì nhịn. Đong chịu chỉ có thể đong đến năm hào là hết đất. Ai bán cho mình hơn?

– Ủ thì đong năm hào. Với bảo mẹ Xuyên bán chịu cho tao chai rượu nữa. Mà cầm cả chai nước mắm đi, mua chịu cho tao một hào.

Bao nhiêu là thứ! Thị rên lên như một người mất cướp. Nhưng nó đã muốn chết thì mặc nó. Thị cứ mua cho nó. Rồi bán gì đi mà trả nợ thì cứ bán. Còn thì ăn, hết thì nhịn. Bó ăn lắm thì con chết đói. Cùng lắm thì bồng bế nhau đi ăn mày... Thị vừa thở dài vừa đi.

Bây giờ thì mọi thứ đã xong rồi. Con chó hơi gầy. Nhưng gầy thì cũng tốt. Hai bát tiết canh đông lăm. Ấy là cái diêm lành báo rằng cuộc vui sẽ hoàn toàn. Những miếng thịt ngon thái hộn ngay vào hai bát chậu thật to cho khỏi lòi thối. Vẽ vờ đơm vào đĩa thì biết bằng nào đĩa cho xuể? Nồi xáo bốc hơi thơm lừng. Chẳng cần múc làm gì cho rếch bát. Sau khi đã hỏi qua ý khách, chủ nhà định bê cả nồi lên để lúc nào ăn cơm hãy múc ra. Múc ngay vào những bát bây giờ dùng đựng tái. Như vậy, tiện. Chỉ có hai bát mà đủ cả. Ăn hết rồi lại múc. Ăn thịt chứ ăn bát đâu mà cần... Hắn lăm nhảm bênh vục cho cái dự định của hắn như thế mãi, tuy chẳng có ai phản đối. Họ cũng thừa biết cả cửa nhà cơ nghiệp nhà hắn chỉ có hai cái bát chậu ấy thôi. Nhưng cần gì. Miễn là được uống rượu sớm hơn một chút. Anh nào anh nấy đói ngấu. Mà cả mùi thịt chó bốc lên thơm vô cùng. Bao nhiêu là nước răng?

Chủ nhân, sau một cái liếm môi rất thẹn, hát hàm hỏi khách:

– Xong rồi chứ?

– Xong!

– Bưng mâm nhé?

– Ừ, làm thì làm!

– Nào, bưng mâm!...

Hắn dang hai chân, khuỳnh hai cánh tay và thè lè cái lưỡi ra như một con chó về mùa nắng. Trông như hắn muốn vắn một cái cối đá nhất chứ không phải để bưng một cái mâm bằng gỗ. Nhưng thật ra đó chỉ là một cử chỉ trình trọng và sung sướng. Bình Hựu giơ bàn tay lên làm trống khẩu, dùng ngón trỏ tay kia làm dùi, ưỡn ngực ra, vừa gõ vừa kêu:

– Tung! Tung! Tung!...

Ấy là hiệu trống để cho phu nhắc kiệu lên vai. Chủ nhân ý tứ nâng cái mâm thịt chó lên ngang mặt...

– Tung! Tung!

Thế nghĩa là: Đi! Đi! Và chúng đi. Lũ trẻ, thấy người lớn cũng làm trò như chúng, thích chí cười sằng sặc. Chúng ào ào tuôn vào nhà trước, như đàn ruồi. Cu Nhỡ trèo lên phản ngồi xếp bằng sẵn. Cu Con trèo không kịp khóc òa lên. Nhưng người trợn mắt thật to và quát:

– Những thằng này hỗn! Chỗ chúng mày ngồi đây à?

Cu Nhỡ cười như mếu, vội vàng tụt xuống. Cu Nhớn thấy thế làm khoái lắm. Nó vừa lêu lêu em vừa nhạo:

– Xấu! Không ngồi đấy đi!... Xấu! Không ngồi đấy đi...

Nhưng nó cũng cụt hứng ngay. Bố nó quay lại nói:

– Còn mày nữa không xách thằng cu con đi à? Đưa nhau xuống bếp, rồi ăn cơm.

Khi cả ba đứa trẻ lụi cụt chạy ra rồi, hắn mới đặt mâm xuống phản, nháy mắt và xéch môi lên để làm cái điệu bộ cười, rồi toang toang bảo như một kẻ cả vắn đi ăn, đi họp:

– Láo toét! Chỗ này là chỗ quan viên uống rượu. Có phải không, các cụ?

Nhiều Cừ bẹp mồm ra:

– Bấm cụ bá dạy thế thật là chí lý.

– Ồ! Có chẳng thì thế chứ!... Vậy mời quan viên nào!

Ba ông khách ngồi. Chủ nhân chắp hai tay trước ngực, rồi lại đưa tay lên đầu gối, lằm rằm như khấn ông vải về ăn cỗ:

– Bẩm các cụ, chả mấy khi các cụ có lòng chiếu cố đến chơi nhà chúng cháu... Gọi là có chén rượu nhạt, xin các cụ cứ thật thà đi cho.

– Ồ!

Nghe tiếng “ồ” rất sang rung lên trong cái cổ họng của bình Hựu bất chước giọng ông chánh Ngạc, cả bốn anh cùng cười. Chủ nhân rót rượu ra hai bát. Hai người uống chung một bát. Chúng bắt đầu ăn, uống, tranh nhau nói và cười rung cả mái nhà.

*

* *

Người mẹ rất còm cõi và bốn đứa con gầy ốm, quây quần với nhau trong xó bếp. Trong gia đình này, năm mẹ con thường giống như bọn dân hèn yếu cùng chung phận con sâu, cái kiến dưới cái ách một ông bạo chúa.

Thấy đứa con đứa nào cũng nhăn nhó, nhó nhó, người mẹ thương đứt ruột. Thị biết rằng chúng đói. Khi người ta đã đói mà lại ngửi thấy mùi thịt chó, thì bụng càng đói thêm. Thế mà bữa rượu của người bố và ba ông khách cứ kéo dài ra mãi. Nghĩ mà bực quá! Cái thế không chết được, chứ giá chết được thì thị thất cổ chết đi cho rồi... Thị dỗ con:

– Cố mà nhịn lúc nữa các con ạ. Đợi trên nhà ăn xong, còn thừa thì ta ăn.

Rồi muốn cho chúng quên đi, thị xoắn tóc ra cho chúng xúm vào bắt chấy. Úi chà! Nhiều chấy quá! Chỉ việc rẽ một đám tóc ra là đủ thấy bốn, năm con bò lổm ngổm. Cái Gái và cu Nhớn, cu Nhỏ thi nhau bắt. Chúng cho cu Con mấy con chấy kên làm trâu. Mới đầu cái trò chơi ấy cũng hay hay. Nhưng chỉ một lúc là chúng chán. Thằng cu Con ra hiệu đình công trước. Nó lăn vào lòng mẹ, oằn oại vừa hụ hị kêu:

– Đói! Bu ơi! Đói...

Tức khắc những đứa cũng nhớ ra rằng chúng đói. Chúng không bắt chấy cho mẹ nữa. Chúng thở dài. Chúng nuốt bọt nhem nhép.

Chúng thử mặt ra. Chúng nằm ẹp xuống đất và lật áo lên để khoe cái bụng. Bụng đứa nào cũng gằn dính lưng.

Mắt thì rơm rớm nước. Cũng may, tiếng người bố trên nhà gọi:

– Cái Gái đâu! Đẹp mâm đi, này!

Bốn đứa trẻ cùng nhồm dậy. Mặt chúng đột nhiên tươi tỉnh lại. Gái “vâng” một tiếng thật to và chạy lên. Cu Nhớn, cu Nhỡ ngồi chồm hồm đợi... Một lát sau, Gái bê mâm xuống. Nó cũng nâng lên ngang mặt như cha lúc nãy. Các em nó đứng cả lên, chực đu lấy cái mâm. Nó càng nâng cao hơn, mồm thét:

– Khoan! Khoan! Kéo vớ...

Cu Nhớn thét:

– Thì bỏ xuống!

Gái vênh mặt lên, trêu nó:

– Không bỏ. Không cho chúng mày ăn.

– Có sợ thành tật không?

– Không cho ăn thật đấy.

Cu Nhỡ sốt ruột, khoạm mặt lại, vằng nhau với chị:

– Làm trò mãi! Có bỏ xuống đây không nào!

Gái hạ nhanh mâm xuống đất, bảo:

– Này, ăn đi.

Nó ngẩng mặt nhìn các em, cười the thé. Người mẹ xịu ngay mặt xuống. Trong mâm, chỉ còn bát không. Thằng cu Con khóc òa lên. Nó lăn ra, chân đập như một người gãy chết, tay cào xé mẹ. Người mẹ đỏ mũi lên và mếu xệch đi, rưng rức khóc. Cái Gái và cu Nhớn, cu Nhỡ cùng khóc theo.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 444,

ngày 19-12-1942, số 445 ngày 26-12-1942.

TỪ NGÀY MẸ CHẾT

(Truyện ngắn)

Hôm nay mưa rét. Mỗi khi trời mưa rét Ninh lại nhớ đến bu. Hồi bu còn sống, những ngày mưa rét, không ra vườn hái trầu, bóc mía hay làm cỏ được, bu hay mang cái bị giẻ và một ôm quần áo rách vào ổ rơm ngồi vá. Bu Ninh khéo vá lắm. Những miếng vá đặt rất phẳng phiu, không răn rúm. Những mũi kim nhỏ, đều đặn và thẳng tắp. Người vô ý trông không biết là áo vá. Mà bu Ninh vá thật không biết sót ruột. Ai đâu mà ngồi đến tê cả móng, mờ cả mắt cũng không thôi. Những lúc đau lưng quá, bu Ninh chỉ ngừng kim một lát, vươn vai hoặc bẻ cái lưng vào cái cạnh giường kêu răng rắc, rồi lại cúi đầu xuống vá, vá hết cái này sang cái khác. Bao nhiêu là quần áo rách! Những cái quần trắng, áo cánh trắng của thầy, dây nhựa chuối. Những cái váy bạc phếch của bu. Những cái váy bằng vải to nhuộm sồng với nhuộm bùn, dày cộm cộp. Trông cái váy người ta tưởng như nó bền đến thiên niên vạn đại. Ấy thế mà cũng rách. Tội nghiệp, thì ra nó đắm nhiều nước tiểu của thằng Đật quá. Về mùa rét, cậu Đật ta đêm nằm cứ tuồn hai chân vào lòng mẹ. Chả thế thì nó ấm mà! Nhưng tính cậu ta lại đái dầm. Càng rét càng khỏe đái. Ấy thế là cứ mỗi đêm ba bốn lần, cậu rót tồ tồ vào váy mẹ. Chẳng sáng nào, mẹ không phải thay váy đem ra ao giặt. Còn gì mà chẳng mục? Không mục có họa là bằng gỗ lim!... Nhưng nhiều nhất là những quần áo của Ninh, của Đật. Cái nhuộm son, cái dải nâu, cái để trắng. Nhưng chẳng cái nào còn giữ được trọn vẹn được cái màu của nó. Bởi vì cái thì mốc xanh, cái thì mốc vàng, cái thì lấm tẩm hoa bèo, cái thì trật những nhựa chuối, những tương, những mắm, mũi dãi cùng đất cát. Vò đến sái tay cũng không còn sạch được. Mà cái thì mất cúc, cái thì xoạc nách, cái thì xoạc túi, cái thì rách lưng, cái thì rách vai, cái thì rách ống tay. Chỉ tại nó nghịch quá. Không thì chưa đến nỗi. Nhiều cái, vải còn dai lắm; xé kêu xoàn xoạt. Chúng nó mặc hại quần áo lắm. Cứ gọi là vừa mặc vừa xé áo. Bu Ninh tay vá, miệng chửi cho

không còn có tai nào mà nghe...

Đạt và Ninh chiếm mỗi đứa một bên cạnh mẹ. Chúng nó nằm phục vị, đầu chúi vào đít mẹ. Ninh kêu bên Ninh ấm. Đạt cãi bên Đạt ấm. Hai đứa cãi nhau chí chóc. Mẹ đùa con, bảo:

– Có im, không tao đánh cho một cái... tha hồ ấm.

Chị em cười khành khách rồi cãi nhau bô bô. Ninh nhiều mồm mép quá, Đạt không nói kịp, Đạt òa lên khóc. Mẹ ngừng kim, cốc vào đầu con gái. Ninh rụt cổ lại, ôm đầu cười hí hí. Mẹ Ninh bật cười, ấy thế là Ninh sằng sặc thật to, khiến Đạt đang khóc cũng khành khách cười... Chao ôi! Những ngày mưa rét hồi ấy vui quá nhỉ?

*

* *

Bu chết đã ngót ba năm. Thấy bảo thế. Thì ra ba năm cũng dài lắm nhỉ. Ninh cứ tưởng bu Ninh chết đã lâu lắm. Nhưng trách gì!... Xưa kia, những ngày bu đi chợ tỉnh, độ gần tối chưa về Ninh đã thấy mong. Ấy là mới vắng bu có một ngày. Mà nào đã hết cả ngày. Bây giờ vắng bu bần bật những ba năm. Bao nhiêu ngày tháng! Ninh thấy lâu là phải. Biết bao giờ mẹ lại về với con? Ninh băng khuâng cả người. Y như là nằm mơ. Ấy là Ninh đã nguôi nguôi đấy. Hồi mẹ Ninh mới chết. Cứ nghĩ đến mẹ là Ninh khóc. Ninh khóc ằng ặc như người nuốt phải ngậm gì đắng quá, nó quánh vào cổ họng. Khóc đến lặng hẳn người đi, không còn ra tiếng nữa. Chẳng ngày nào không thế. Mỗi ngày hai, ba lần.

Bây giờ thì Ninh không khóc nữa. Nhưng Ninh vẫn còn buồn lắm. Buồn rữ rĩ. Ninh ngơ ngẩn như mất vía. Có lúc Ninh làm gì mà cũng không biết nữa. Ninh vừa cắt con dao hay cái chổi, giá thấy Ninh có hỏi, Ninh đã lại chẳng biết đâu mà lấy. Thấy Ninh cũng hiểu Ninh nhớ mẹ nên không nở mắng. Thấy rân rấn nước mắt. Bố nhìn con, con nhìn bố. Hai bố con cùng cúi đầu, lẳng lẳng. Bố thở dài và con thở dài...

Mẹ Ninh chết sau ngày giỗ ông nội Ninh có hai ngày. Ninh nhớ rõ thế, bởi vì ngày giỗ ông năm ấy, hai mẹ con khóc lóc với nhau từ non trưa cho đến tối. Sáng dậy thấy Ninh hâm thuốc cho bu Ninh uống, rồi thấy quét nhà, quét sân, giặt quần áo cho bu, rồi lại phải

còn lấy gạo thổi một niêu cơm để đầy cho Ninh nữa. Xong đâu đấy thầy công Đạt đi ăn giỗ. Ninh phải ở nhà coi mẹ. Thầy Ninh bảo: “Con chịu khó ở nhà với bu kéo bu buồn, thầy cho em đi ăn một lát, lúc về thầy lấy phần cho một nắm xôi, vài miếng thịt, tính con, thịt mỡ chỉ ăn ba miếng là chán ứ. Đi, con cũng chả ăn được mấy, mà ở nhà thì rồi thầy cũng đem về cho con. Đằng nào con cũng được ăn, nhưng bu con ốm thế, để bu ở nhà một mình thì thầy lo lắm”. “Con ở nhà với bu...” Việc gì mà thầy phải nói nhiều đến thế? Ninh có đòi đi đâu? Thịt mỡ thì Ninh không thích thật. Nhưng dù có thích, Ninh cũng không đi cơ mà! Đi cũng khó mà nuốt được, Ninh thương bu lắm. Ninh thích ở nhà với bu. Thầy Ninh còn phải cúng ông, thì thầy phải đi. Thằng Đạt còn bé, dở người, không cho nó đi thì nó khóc. Chẳng lẽ Ninh to đầu rồi mà cũng bắt chước em? Có mà đồ hu? Không, Ninh không đi đâu, thầy ạ. Ninh không muốn đi đâu, thầy ạ! Thầy cứ công thằng Đạt đi đi kéo muộn. Ninh ở nhà thích lắm. Thầy đừng thương Ninh...

Nhưng thấy Ninh cứ nhìn theo thầy công thằng Đạt đi ra ngõ, bu Ninh lại tưởng Ninh muốn đi ăn giỗ lắm, nhưng sợ bố mà không dám đòi đi. Bu Ninh thương hại. Bu gọi Ninh vào mà bảo:

– Con muốn đi thì cứ đi cũng được. Hôm nay bu dễ chịu.

Ồ! Không!... Không!... Ninh không muốn... Ninh lắc đầu hăng hái:

– Không! Con ở nhà.

– Sao thế?

– Chẳng sao cả, nhưng con không thích.

– Nhưng ngộ bà không thấy con, bà lại hỏi...

– Hỏi gì! Bà biết thừa là bu ốm nặng. Ninh phải ở nhà để bu sai vặt chứ!... Ninh nghĩ thầm như vậy, nhưng không nói. Ninh chỉ hơi lắc đầu. Nhưng có lẽ bu cũng hiểu. Bu nhìn Ninh âu yếm. Mắt bu ầng ậng nước. Bu chửi yêu Ninh:

– Bố mày!

Rồi bu lại bảo Ninh:

– Không đi thì ngồi xuống đây... bóp tay cho bu một lúc. Tay bu buồn lắm.

Ninh nắm lấy cái bàn tay bu, chỉ còn rặt những xương, mà lạnh giá. Nó lỏng la, lỏng lẻo. Những ngón trông rõ từng đốt, từng đốt

một. Những đường gân xanh nổi thày lày lên. Ninh bóp tay bu nhẹ nhẹ. Ý hẳn bu thích lắm. Mắt bu lim dim và đôi môi nhợt nhạt của bu hé mở như chực cười. Rồi tay bu nắm lấy tay Ninh. Thành ra chính bu lại bóp tay cho Ninh chứ không phải Ninh bóp tay cho bu nữa. Bu vừa bóp vừa hỏi:

– Sao lúc này con gầy thế?

Ninh không đáp được. Bu Ninh soi tay Ninh lên trước mặt nhìn rồi bảo:

– Chết thôi, con ạ! Tay mày đầy những mụn, không khéo ghẻ. Ninh cúi mặt. Bu căng từng kẽ tay Ninh ra xem, rồi kêu lên:

– Bỏ bố mày! Đích là mày ghẻ rồi. Con ơi! Yên, tao xem nào.

Bu ngồi hẳn lên. Mắt bu tỏ ra vẻ sợ hãi. Bu vén ống tay áo Ninh lên. Cổ tay Ninh sây sứt. Bu lắc đầu:

– Bố con! Con bắn quá! Cái cổ tay gồ lên những ghét... Hèn nào mà chả ghẻ?...

Bu bắt Ninh đi múc nước. Bu rửa cho Ninh lâu lắm. Vừa rửa bu vừa bảo:

– Sẩy mẹ ra một cái là khổ ngay, con ạ. Ấy là mới rời tao ra hơn một tháng... Chúng mày đã gây giờ xương, mình mẩy, chân tay thì ghẻ gún. Ngộ tao chết thì có là chúng mày rã xương ra được. Đây, cái cổ tay... có khác gì cái cẳng gà hay không?

Ngừng một lát, bu lại thở dài mà bảo:

– Mẹ mà chết thì các con đi ăn mày mất. Đàn ông chả mấy người biết thương con cái. Cha chết thì ăn cơm với cá, mẹ chết thì liếm lá dọc đàng, mẹ mà chết đi thì... con ơi!...

Ấy thế là nước mắt bu chảy ra ròng ròng. Ninh cũng khóc. Hai mẹ con cứ ngồi trông nhau mà khóc đến tận lúc thấy Ninh với Đật đi ăn giỗ về. Thầy đem về một nắm xôi đỗ con với một cái đùi gà toàn những thịt. Bà thương Ninh nên bảo chặt để lại cho Ninh đấy. Nhưng Ninh thương bu quá, ăn cũng chả còn biết gì là ngon...

Ô! Ninh cứ bảo: bây giờ nghĩ đến bu, Ninh không khóc nữa... Không khóc mà lại có nước mắt. Nước mắt, nước mũi Ninh đang chảy ra đây này. Đật! Đật ơi! Ô hay! Cái thằng Đật chạy đi đâu rồi?

*

* *

Đàn ông chả mấy người biết thương con cái... Thật thế ư? Không có lẽ. Thầy Ninh thương chị em Ninh lắm chứ!... Hồi bu mới chết, thằng Đật khóc suốt ngày. Nó gào bu. Nó đã hiểu chết là thế nào đâu. Nó cứ gọi bu về với nó. Thầy phải công nó ra chợ hàng mua bánh. Thầy mua cho nó nhiều bánh lắm. Thầy mua cả cho Ninh nữa. Thầy với Ninh bày cỗ chơi với Đật. Thầy làm cho Đật những con quay bằng những quả bưởi con, những cái giường, những cái ghế tràng kỷ bằng cây chót trông thích lắm. Nhờ vậy Đật mới không khóc nữa.

Đêm, Đật và Ninh ngủ với thầy. Ninh nằm trong cùng. Đật nằm giữa. Thầy nằm ngoài. Thầy bảo Đật luồn chân vào lòng thầy cho thầy ủ. Khi nó đã ngủ mệt rồi, thầy vươn tay qua người nó để sờ Ninh. Thầy kéo Ninh nằm sát vào với Đật. Thầy co chân, co chiếu về phía Ninh thật nhiều, sợ Ninh giã trật ra ngoài, bị rét. Mùa bức thì thầy đặt hai đứa nằm cách nhau xa, cho mát. Thầy ngồi quạt cho đến tận lúc nào con ngủ mệt, thầy mới chịu ngả lưng xuống giường. Nhưng nằm thì nằm, thầy có ngủ đâu. Ninh thấy thầy quạt rất khuya. Có đêm, ngủ được một giấc dài, tỉnh dậy, Ninh cũng vẫn còn nghe phành phạch. Thầy thở dài luôn ấy. Có khi sụt sịt. Thì ra đêm đêm thầy vẫn khóc, Thầy nhớ bu... Ấy, cái hồi bu mới chết thì thế đấy. Nhưng ít lâu nay, hình như thầy đối tỉnh. Thầy vẫn thương Ninh và Đật. Thỉnh thoảng thầy vẫn cho mỗi đứa vài xu ăn quà. Nhưng thầy vắng nhà luôn. Thầy phải gửi gạo bên nhà bác Vụ để thổi cơm cho Ninh và Đật. Bởi thầy đi từ sáng cho đến tối. Có khi tối cũng không về. Có khi đi luôn hai ba ngày. Chị em Ninh phải ăn nhờ, ngủ nhờ nhà bác Vụ. Đi đâu vậy? Nào ai biết! Bác Vụ bảo thầy đến nhà cô Miện, thầy phải lòng cô ấy. Nhưng chắc là chả phải. Nếu phải, sao cô Miện lại đi lấy lẽ ông ký Bản? Đám cưới vừa đi qua đây hôm nọ. Ninh công Đật ra tận đường, đứng xem. Từ hôm ấy, thầy lại càng khỏe đi. Đi suốt ngày suốt đêm. Mưa rét thế này, chả biết thầy đi làm gì cho khổ, chả biết có được ăn gì hay không? Hay là nhịn đói luôn ba, bốn ngày?...

*

* *

Lại còn cái ông Đật nữa! Đi đâu mà mãi thế? Ý dánh lại lần sang nhà bác Vụ. Còn sang làm gì? Gạo của thầy gửi đã hết từ đời nào, đời

nào. Bác ấy đã phải cho ăn lận nhà bác ấy năm, sáu bữa. Nhà bác ấy cũng túng. Chồng chết đi, để lại đầy bốn con. Bốn đứa cũng lúc nhúc như Ninh và Đật. Bác ấy nuôi được chúng nó cũng đã đến điều vất vả. Còn lấy gì mà nuôi cả Ninh và Đật nữa? Bác ấy đã phải bảo Ninh: “Cháu về mà đi tìm thầy, nhà bác cũng hết gạo rồi, nếu thầy không đưa thêm cho thì bác lấy gì mà thổi cho chúng mày? Các anh cũng đói...” Thế là Ninh đủ hiểu. Bác ấy muốn bảo: “Chúng mày liệu sao thì liệu, đừng ăn rình nhà tao mãi”. Ninh đưa em về. Tìm thầy, thì biết đâu mà tìm được? Ninh chẳng tìm. Không có ăn thì nhịn! Ninh nhịn từ bữa chiều hôm qua, Đật khóc, Ninh đi moi được một củ dong về nướng. Đật một nửa, Ninh một nửa. Ninh bảo Đật ăn cho đỡ đói thôi, còn cố nhịn, đợi thầy về, ăn nữa. Nhưng Đật không nhịn được. Đật chạy sang nhà bác Vụ. Bác ấy phải lấy trộm nắm cơm tối của thằng cu Chúc nhà bác ấy, đưa cho Đật. Đật mới ăn được một miếng thì Chúc biết. Chúc chạy vào nhà tìm nắm cơm của nó. Thấy mất, nó biết là nắm cơm của nó đang ở trong tay Đật. Nó chạy theo, giằng lại. Đật mất ăn, mếu xệch mồm đi, chạy về. Ninh đứng ở hè bên này, trông rõ cả. Ninh tức lắm. Chẳng biết tức Chúc hay là tức Đật. Chỉ biết Ninh ghen ngào cả cổ. Vừa thấy Đật, Ninh nhảy xổ lại tát đen đét vào má Đật. Đật òa lên khóc. Ninh òa khóc theo.

Một lát sau, Ninh nghĩ thương em quá. Ninh lại đi tìm dong, nhưng hết. Ninh moi luôn cả củ ráy. Ráy nướng ăn ngứa lắm. Nhưng đói còn biết gì là ngứa? Ninh đem về nướng. Ninh gọi Đật về, lau nước mắt cho nó, rồi chị em ăn ráy nướng. Đật ăn tợn lắm, chẳng thấy kêu ca gì cả. Ninh rơi nước mắt, dặn em: “Từ giờ đừng ăn cơm nhà thằng Chúc nữa”. Đật gật đầu. Thế mà hôm nay nó lại lần sang nhà bác Vụ. Có bực mình hay không?

*

* *

Ninh reo lên:

– A bà!

Đấy là bà ngoại Ninh. Bà ở xa xôi lắm. Hôm nay, tiện ra mạn này lấy thuốc, bà tạt vào chơi với cháu.

Bà đưa cho cháu một đùm xôi lạc.

- Bố mày đi đâu?
- Con không biết.
- Đi từ bao giờ mà mày không biết?
- Đi lâu lâu là rồi.

Bà ngồi xuống ngưỡng cửa, mặt hầm hầm như giận dữ. Ninh hơi ngượng. Bà chíp chíp mồm luôn ba, bốn cái, rồi bảo cháu:

- Có phải bố mày bán nhà rồi không?
- Con không biết.
- Bán rồi! Thua xóc đĩa... Thua đâu những ngót ba trăm bạc...

Đạt chạy về. Nó vô lấy bà, nhưng trông thấy đùm xôi ở tay Ninh, lại bỏ bà ra để vô lấy đùm xôi. Ninh hất tay nó ra, mắng:

- Làm gì thế?

Nhưng bà bảo:

- Cởi ra, chị em ăn với nhau. Để làm gì?

Đạt giằng lấy đưa cho bà cởi. Bà chia cho mỗi đứa một nửa.

Hai cháu ăn. Đạt ngồm ngoàm. Ninh thong thả. Bà nhìn cháu mà ái ngại. Bà chép miệng:

- Đến chết đói thôi, các cháu ạ! Bố chúng mày không ra giống người...

Một tiếng thở dài tiếp theo...

*
* *

... Buổi sáng hôm ấy trời ảm áp. Có nắng hanh. Nắng luôn mấy hôm rồi, nên vườn khô ráo... Đạt và Ninh đã chạy tung tăng được...

Bỗng một bọn năm, sáu người kẻ cầm lạt, kẻ cầm dùi đục, tuồn vào đây sân. Mồm họ nhai trầu. Họ nói chuyện toang toang như một bọn đồ tể đi bắt lợn. Mấy người trèo lên nóc nhà Ninh. Họ rẽ tranh quăng xuống sân rào rào. Ninh chạy về...

- Ô hay! Sao các ông phá nhà tôi?

Một người chít khăn mỏ rìu, nhe những cái răng cái mả ra cười mà bảo:

– A! Thầy mày thuê chúng tao phá đi để làm nhà Tây đấy mà.

Một người nữa cười ìn ỉt như con lợn, bảo:

– Chả cái này bé quá...

Và người nữa:

– Thầy mày thích làm nhà Tây kia... Làm nhà bên Tây Trúc ấy mà, mày biết không?

Cả bọn cười âm lên. Trông người nào cũng dữ. Họ nói như quát vậy. Ninh sợ hãi. Ninh chạy bịch bịch sang nhà bác Vụ. Ninh định cầu cứu bác. Vừa bước vào nhà bác, Ninh sững sốt. Thầy Ninh ở đấy. Thầy Ninh nằm thườn thượt trên một cái giường, hai tay chít lại đặt bên dưới gáy. Ninh méu máo:

– Thầy ơi! Thầy...

Rồi Ninh nghẹn ngào, không nói được nữa. Nước mắt ứa ra. Thầy Ninh ngồi dậy, bảo;

– Việc gì mà khóc? Thầy bán cho người ta đấy. Bán lấy tiền mua vài phiến lim về xê. Chuyến sau, ta làm một cái nhà toàn lim!

Thầy nhếch mép ra cười. Cái cười vạch hai nét nhăn trên đôi má hõm. Thầy cười thế, trông già xòm. Có lý nào thầy chóng già đi quá thế? Ninh trở mặt lên nhìn thầy...

Bỗng từ bên nhà đưa sang những tiếng dùi đục kêu chan chát. Nghe ghê rợn lắm. Ninh đã được nghe những tiếng dùi đục ấy một lần rồi, vào cái ngày mẹ chết: người ta đóng cá chiếc săng của mẹ... Vết nhăn trên má thầy Ninh sâu thêm, rộng thêm ra. Trông như thầy Ninh méu. Ninh òa lên khóc.

– Bu ơi là bu ơi!...

Tiểu thuyết thứ bảy, số 452, ngày 13-5-1943.

TƯ CÁCH MỒ

(Truyện ngắn)

Bây giờ thì hắn đã thành mỗ hẳn rồi. Một thằng mỗ đủ tư cách mỗ, chẳng chịu kém một anh mỗ chính tông một tí gì: cũng dê tiện, cũng tham ăn. Hơi thấy nhà nào lách cách mâm bát là hắn đến ngay. Hắn ngồi tít ngoài xa, ngay chỗ cổng vào. Người ta bưng cho mình hắn một mâm. Hắn trơ tráo ngồi ăn. Ăn xong, còn thừa bao nhiêu, trộn tất cả vào, lấy lá đùm thành một đùm to bằng cái vế đùi, để đem về cho vợ, cho con. Có khi hắn còn xán đến những chỗ người ta thái thịt, dõ xôi, lấy cắp hoặc xin thêm một đùm to nữa. Hắn bỏ cả hai đùm vào cái tay nải rất to, lần đi ăn cỗ nào hắn cũng đem theo. Thế rồi một tay xách tay nải, một tay chống ba toong, hắn ra về, mặt đỏ gay vì rượu và trầu, đầy vẻ phè phỡn và hể hả... Mùa đến, hắn vác một cái đòn càn có quán mấy sợi thùng ở một đầu, đi hết ruộng nợ đến ruộng kia:

– Mùa màng, anh em đến xin cù lượm lúa... Mùa màng, anh em đến xin ông lượm lúa... đến xin bà, hay thầy, hay cô lượm lúa...

Mồm hắn nói, tay hắn lượm, hắn cứ chọn những gò nào to nhất, mẩy nhất thì lượm. Cù, hay ông hay bà hay thầy, cô, bằng lòng hay không cũng mặc! Mặc cho ông, bà, thầy, cô tiếc. Hạt thóc quý như hạt ngọc. Nhưng tiếc cũng chẳng làm sao được. Ai nấy đều im như thóc cả. Người ta đã nói: tham như mỗ. Nếu nó không tham, sao nó làm mỗ? Còn mình, không lẽ mình lại keo với cả từ thằng mỗ trở đi?... Hà hà! Cứ vậy là ăn câu đấy. Hắn biết thóp người ta như vậy, nên hắn lại càng làm dữ. Hết mùa rồi đến tết. Trước hết, hắn xách ba toong đi trước, vợ thì đội một cái thùng đi sau, chúng đến từng nhà, xin mỗi nhà bát gạo. Mồng một tết, bố con hắn xách một bao chè, với năm quả cau, đến mừng tuổi các ông quan viên để kiếm cỗ ăn và kiếm tiền phong bao. Bao chè với cau của hắn, hắn đem đến rồi lại đem về. Có ông nào ngu đến nỗi lấy cau, chè của hắn? Người ta thừa biết, hắn chỉ có độc chọi một bao chè ấy, đem đi hết nhà này sang nhà

nọ, xong mấy ngày tết lại đem bán lại... Thế rồi độ mừng năm, mừng sáu, vợ chồng hắn lại đi tua lần nữa để xin bánh chưng thừa...

Cứ thế, hắn y vào cái địa vị hèn hạ của mình để nhiều người ta và lấy sự nhiều được người ta làm khoái lắm. Nhiều người phải bực mình. Họ lại còn bực mình vì cái cách hắn từng nịnh những người rộng rãi và tỏ vẻ xác láo bùng phũ đối với những kẻ không lấy gì mà rộng rãi với hắn được. Thật hắn đã vô liêm sỉ quá. Mỗi lần hắn đi khỏi, những người đàn bà ngụy theo, chúm mỏ ra và lăm bắm:

– Giống mõ có khác! Không trách được người ta gọi là đồ mõ!...
Trông ghét quá...!

Người ta tưởng ông trời đã cố ý sinh hắn ra như thế để mà làm mõ; hắn có cái cốt cách của một thằng mõ ngay từ khi còn ở trong bụng mẹ. Và là mõ ngay từ ngày mới sinh...

Không! Lộ sinh ra là con một ông quan viên tử tế, hẳn hoi. Và mới chỉ cách đây độ ba năm, hắn vẫn còn được gọi là anh cu Lộ. Anh cu Lộ hiền như đất. Cờ bạc không, rượu chè không, anh chỉ chăm làm, chui chúi làm để nuôi vợ, nuôi con. Bố mẹ chết cả rồi. Chị cu thì y như con mài mài. Lúc nào cũng chữa. Vừa mới dạo nào, trông bụng chị to như cái thúng, rồi bẵng đi một dạo, không gặp chị, đến lúc gặp thì cái bụng chị đã lại mây mây rồi. Người đàn bà mấn quá! Vườn đất hẹp. Gia bản không có gì. Anh cu Lộ chỉ độc nai lưng ra cày thuê, cuốc mướn. Nói thế, nghĩa là nhà cũng tưng. Nhưng tưng thì tưng thật, mà bụng dạ anh ta khá. Anh chỉ làm mà ăn với nuôi vợ, nuôi con chứ không hề ăn trộm ăn cắp của ai. Cái sự tưng làm liêu, anh tịnh là không có. Nhà hàng xóm có con gà, con vịt chạy sang, hoặc buồng chuối quả mít liền kê ngay dưới giậu nhà anh, anh cũng mặc thây, không hề có cái tính tắt ma tắt mắt. Nói cho phải, thì anh cu Lộ ăn ở phân minh lắm. Bởi vậy kẻ trên, người dưới, hàng xóm láng giềng ai cũng mến...

Họ đạo Lưu An có tất cả chừng sáu chục suất đình. Sáu mươi suất đình tập hợp lại với nhau, thành một làng nhỏ trong cái làng to. Trừ những việc sưu thuế, tạp dịch là những việc họ cùng chịu chung với dân lương, còn thì giáo dân nhất nhất cái gì cũng theo một ước lệ riêng. Họ ăn khao, họ ăn hạp, khao vọng riêng với nhau, đặt ra những tước vị riêng. Ông trùm bên họ, cũng như người lý trưởng bên dân. Dưới ông trùm, đến ông quan giáo, trông coi việc dạy trẻ học kinh. Sau cùng đến ông sơ, tức là những ông đã đỗ bằng sơ học yếu

lược, và đã nộp lệ làm rượu trình bằng. Đây là hạng quan viên. Bởi làm người đàn anh bên họ đạo, không quá nặng nề, tốn kém như làm ông lý, ông phó bên dân lương, nên đến già nửa người trong họ là quan viên. Chỉ còn hơn vài chục trai em. Bởi vậy bọn trai em cứ phải đi phu choanh choách. Đã có quan viên, có trai em, tất cũng phải có một thằng mỗ nữa cho đủ bộ. Nhưng tìm đâu ra mỗ? Người bên lương tất không ai chịu làm mỗ cho bên đạo. Mà người bên đạo thì ai chịu làm mỗ ngay trong họ mình. Các cụ bèn nghĩ ra một cách. Người mỗ không gọi là mỗ nữa. Các cụ gọi là lệnh. Lệnh chuyên việc quét dọn nhà thờ và đi mời họ mỗi khi có ăn uống hay hội họp, đi mời từng nhà một, chứ không cần phải rao. Mỗi chân một tí nhưng không xấu hổ. Họ sẽ cắt lược các em trai em ra làm lệnh mỗi người ba năm. Người lệnh được ngồi ngang với các em trai em khác, và hết hạn rồi, nếu có tiền hay tài cán, muốn làm quan viên, vẫn được. Như vậy thì cũng chẳng có gì là mất giá trị. Đến lần, đến lược thì làm, ai cũng làm.

Nhưng một năm xưa, một tên vô gia cư, chẳng biết quê quán nơi đâu, đem một vợ con theo đến trú ngụ ở làng này. Vợ chồng đi làm thuê, làm mướn kiếm ăn. Chúng ở nhờ nhà một bà lão mù, bán thuốc cam, sài, ghê, lở bên cạnh chợ. Một hôm, chẳng may người vợ chết. Cả hai vợ chồng cũng chưa vào làng. Vậy cố nhiên là làng không chịu chôn cho. Hàng xóm cũng nhất định không chôn. Họ còn hạch sách nợ kia, toan làm rầy rà cho người chồng và người chứa chịu. Không biết liệu ra sao, anh chồng bèn mua một chục cau đem lên kêu với họ đạo, xin họ chôn làm phúc, rồi anh ta xin nhập đạo. Họ nhận, làm ma cho người vợ. Rồi nhân tiện, muốn giúp đỡ anh chồng, họ bèn cho anh ta làm sãi để thay cho người lệnh và cấp cho anh ta mấy sào đất bên cạnh nhà thờ để làm vườn, lại cho anh ta tiền để làm một cái nhà con con. Từ đấy trai em trong họ không còn phải cắt lược nhau làm lệnh nữa. Được bốn mươi năm như vậy. Rồi người sãi chết. Hắn không có con để kế nghiệp. Chân sãi khuyết. Bọn trai em quên hẳn cái lệ làng ngày xưa rồi, chỉ biết có sãi là một anh na ná như thằng mỗ, bây giờ nhất định bướng, không chịu làm việc ấy. Bàn định mãi, các cụ bồng nghĩ đến anh cu Lộ. Nghĩ đến một cách rụt rè thôi.

– Giá anh ta chịu cáng đáng việc này cho thì hay quá! Anh ta cần thận mà sạch sẽ...

Mà nhà cũng túng. Vườn đất hẹp. Cáng đáng được thì được bốn sào vườn nữa, sưu thuế không phải đóng.

Mà mỗi kỳ thuế, họ lại cho thêm tiền...

Kể ra thì chỉ toàn những cái lợi. Nhưng chỉ sợ anh ấy còn e cái tiếng...

– Tiếng tăm gì! Quét dọn nhà thờ thì cũng là làm việc thờ phượng, ai làm cũng được. Còn đi mời quan viên, thì mình là người dưới, đi mời người trên một tiếng, không đáng à.

Một cụ kêu lên thế. Cụ tiên chỉ mồm mím cười rồi hỏi:

– Hay là ta cho tìm anh ấy đến dỗ anh ấy xem sao?

Lộ đến. Người ta kể tất cả những cái lợi ra để nhử. Rồi người ta lại cố cắt nghĩa cho anh hiểu làm sai chẳng có gì là nhục, cũng là làm việc họ đấy thôi; ai cũng ngại, không chịu đứng ra cáng đáng, thì mình đứng ra cáng đáng dùm cho cả họ; có phải mình tham lợi, tự nhiên đem trâu cau đến xin làm đầu mà sợ tiếng?...

– Không, thế này, anh cu ạ. Giá anh cầu cạnh để làm thì còn có người nói được. Đằng này không cầu cạnh. Chúng tôi gọi anh đến cho làm, thì việc gì anh không làm? Ấy là tất cả các cụ, cùng quan viên trên quan viên dưới đều mển cái bụng anh hiền lành... Anh cứ làm.

Lộ bùi tai, làm vậy. Và quả nhiên, hấn làm được ít lâu thì nhà đỡ xo rụi hơn trước thật. Bởi vì hấn chăm chỉ lắm. Mấy sào vườn họ cho, hấn cuốc xới rất kỹ càng. Hấn làm ngô, làm mía được mấy vụ tốt luôn. Tiền của họ cho hấn bỏ ra lấy khô bã cho lợn ăn. Sư thuế không mất một đồng trinh, làm được đồng nào, được cả. Làm gì không dễ chịu?

Bấy giờ những anh khác trông thấy thế mới sinh ra tiếc. Họ thấy Lộ làm sai ngon ăn quá. Họ ngấm ngấm ghen với hấn. Và chẳng người nào bảo người nào, họ vô tình về hòa với nhau để báo thù.

Những lời tiếng mỉa mai truyền từ người nọ đến người kia. Lộ thấy những bạn bè cứ lảng dần. Những người ít tuổi hơn, nói đến hấn, cũng gọi bằng thằng. Trong những cuộc hội họp, nếu hấn có vui miệng nói chõ vào một câu, nhiều người đã ra vẻ khinh khỉnh, không thèm bắt chuyện... Hấn nhận thấy sự thay đổi ấy và bắt đầu hối hận. Nhưng sự đã trót rồi, còn biết sao được nữa? Hấn tặc lưỡi và nghĩ bụng: “Tháng ba này, thằng nào thằng ấy đến ba ngày không được một bát cơm, dãi nhỏ ra, hết còn làm bộ!...” Một ý phần khích đã bắt đầu nảy mầm trong khối óc hiền lành ấy... Một hôm, trong một đám khao, Lộ vừa chực ngồi cỗ thì ba người ngồi trước đứng cả lên, Lộ ngồi trơ lại một mình. Mặt hấn đỏ bừng lên. Hấn do dự một chút rồi

cũng phải đứng lên nốt, mặt bẽn lễn cúi gằm xuống đất. Chủ nhà hiểu ba anh kia có ý gai gạnh không chịu ngồi chung với mõ. Ông tìm một người khác, xếp vào cho đủ cỗ và yên ủi Lộ:

– Chú ăn sau cũng được.

Lộ âm ừ cho xong chuyện rồi nhân một lúc không ai để ý, lén ra về. Hấn tằm tức rất lâu. Trông thấy vợ, hấn cúi mặt, không dám nhìn thị, làm như thị đã rõ cả việc nhục nhã vừa rồi. Hấn thở ngắn, thở dài. Lắm lúc hấn muốn bỏ phất việc, trả lại vườn cho họ cho đỡ tức. Nhưng nghĩ thì cũng tiếc. Hấn chăm cái vườn tốt lắm rồi. Để thằng khác ăn, nó hoài đi. Hấn lại tặc lưỡi một cái, và nghĩ bụng: “Mặc chúng nó!...” Hấn chỉ định từ giờ chẳng đi ăn cỗ đám nào nữa là ổn chuyện... Nhưng khổ một nỗi, không đi, không được. Đám nào có ăn, tất nhiên là thằng sãi phải đi mời. Mời xong tất nhiên chủ nhân không chịu để hấn về. Làm cỗ cho cả họ ăn còn được, có hẹp gì một cỗ cho thằng sãi? Để nó nhịn đói mà về, nó chửi thảm cho. Mà thiên hạ người ta cũng cười vào mặt, là con người bủn xỉn... Ấy, người ta cứ suy hơn, tính thiệt như vậy, mà nhất định giữ thằng sãi lại. Không ai chịu ngồi với hấn, thì hấn sẽ ngồi một mình một cỗ. Nếu hấn có sợ thẹn, thì người ta sẽ dọn cỗ trong bếp, hay một chỗ kín đáo, cho hấn ngồi...

Mới đầu, Lộ tưởng ngồi như thế, có lẽ là yên ổn đấy. Nhưng người ta tối lắm. Người ta nhất định bêu xấu hấn. Trong nhà đám, một chỗ dù kín đáo thế nào, mà chả có người chạy lại, chạy qua. Mỗi người đi qua lại hỏi hấn một câu:

– Lộ đấy à, mày?

Cũng có người thêm:

– Chà cỗ to đấy nhỉ? Đàng ấy hóa ra lại... bở!

À! Thế là họ nói kháy anh cu Lộ vậy, Lộ cáu lắm. Hấn tặc lưỡi một cái và nghĩ bụng: “Muốn nói, ông cho chúng mày nói chán! Ông cần gì!...” Hấn lập tức bê cỗ về sân, đặt lên phản, ung dung ngồi. Nói thật ra, thì hấn cũng không được ung dung lắm. Tai hấn vẫn đỏ như cái hoa mào gà và mặt hấn thì bẽn lễn. Muốn chữa thẹn, hấn cố làm ra trâng tráo. Hấn uống rượu, hấn rung đùi, hấn nhai nhồm nhồm và vênh vênh nhìn người ta ra vẻ bất cần ai... Sau cái bữa đầu, hấn thấy thế cũng chẳng sao, và bữa thứ hai đã quen quen hấn. Muốn báo thù lại những anh đã cười hấn trước, tự hấn đi bung lấy cỗ, và chọn

lấy một cỗ thật to để các anh trông mà thèm. Bây giờ thì lại đến lượt người chủ không được bằng lòng. Có một mình nó ăn mà cũng đòi một cỗ to hơn cỗ bốn người ăn!...

– Mẹ kiếp! Không trách được người ta bảo: “Tham như mỗ”.

A! Họ bảo hấn là mỗ vậy... Tham như mỗ vậy!... Đã vậy thì hấn tham cho mà biết!... Từ đấy, không những hấn đòi ăn cỗ to, lúc ăn hấn lại đòi xin thêm xôi, thêm thịt, thêm cơm nữa. Không đem lên cho hấn thì tự hấn xông vào chỗ làm cỗ mà xúc lấy. Ăn hết bao nhiêu thì hết còn hấn gói đem về cho vợ con ăn, mà nếu vợ con ăn không hết, thì kho nấu để lại ăn hai, ba ngày... Hà hà!... Phong lưu thật!... Cho chúng nó cười khỏe đi!

*
* *

Cứ vậy, hấn tiến bộ mãi, trong nghề nghiệp mỗ. Người ta càng khinh hấn, càng làm nhục hấn, hấn càng không biết nhục. Hỡi ôi! Thì ra lòng khinh, trọng của chúng có ảnh hưởng đến cái nhân cách của người khác nhiều lắm; nhiều người không biết gì là tự trọng, chỉ vì không được ai trọng cả; làm nhục người ta một cách rất điệu để khiến người sinh dê tiện...

Bây giờ thì hấn mỗ hơn cả những thằng mỗ chính tông. Hấn nghĩ ra đủ cách xoay người ta. Vào nhà nào, nếu không được vừa lòng, là ra đến ngõ, hấn chửi ngay, không ngượng:

– Mẹ kiếp! Xử bản với cả thằng mỗ!...

Tiểu thuyết thứ bảy, số 471, ngày 24-7-1943.

CHUYỆN BUỒN GIỮA ĐÊM VUI

(Truyện ngắn)

Họ nói hết chuyện rồi nhưng vẫn chưa muốn đi ngủ. Ngủ sao đang! Có những đêm chẳng bao giờ trở lại. Người ta phải thức suốt sáng để tận hưởng từng phút một. Chợp mắt đi một phút, tức là bỏ phí một phút sung sướng trong đời mình... Họ lặng lẽ nhìn nhau. Cái nhìn êm dịu, giống như tiếng ngân, kéo dài thêm những lời ân ái họ đã ngừng kể kể. Quyên thấy lòng tràn đầy hạnh phúc. Nỗi hoan lạc long lanh trong đôi mắt lẩn tẩn, bưng bưng trên đôi má ửng hồng, và mơn mớn trên đôi môi hé một nụ cười bất tuyệt. Nhưng bỗng nàng nhận thấy một chút lơ đãng trong đôi mắt Phúc, và chợt nhớ ra một điều mà suýt nữa nàng quên khuấy mất...

– À! Em hỏi... Mình nghĩ gì mà lúc nãy ngồi tiếp rượu các anh ấy, mình thù người ra mấy lượt như người mất vía thế!

Phúc lắc đầu:

– Không...

– Có!... Mình giấu em sao nổi? Em biết thừa! Em bảo nhé! Ngay lúc này đây, mình vẫn còn nghĩ gì luẩn quẩn trong óc đấy. Nghĩ gì? Nói đi!

– Không mà!...

– Có!

– Ừ thì có... Anh nghĩ: anh yêu Quyên lắm.

– Không! Không! Chả chơi với mình nữa đấy! Mình giấu em!...

Phúc mỉm cười, vuốt ve người yêu. Quyên nũng nịu:

– Kìa! Mình bảo em... Nghĩ gì!

Người đàn ông nào có thể từ chối một câu hỏi như thế ấy? Nhưng nói ra, vợ vẫn lắm! Chàng nắm lấy bàn tay Quyên, ngắm nghía những ngón tay muôn muốt, để có cơ mà nhìn xuống cho đỡ ngượng...

– Ừ, thì nói nhé... Anh nghĩ... Anh nghĩ đến một người cô không

đến ăn cơm cưới chúng mình hôm nay. Cô Hoàn...

Chàng ngừng lại. Bởi vì Quyên mở to đôi mắt như ngạc nhiên lắm lắm. Phúc buồn bã vì một người cô không có mặt trong đám cưới? Nàng không thể nghĩ một người như Phúc lại có thể tử tử như thế được. Theo ý nàng, thì việc trăm năm của hai người chỉ quan hệ đến hai người. Có dính dáng gì đến những ông chú, bà bác, bà cô, bà dì? Tại sao mỗi khi một người con trai, một người con gái lấy nhau, người ta lại cứ phải mời đến một lô chú, bác, cô, dì với bạn bè, có khi lại cả những người dung nước lã, để phải gắng gượng nói cười với họ và nghe họ cười cười nói nói, đến mệt óc, chán tai? Trong một đám cưới của người ta, người ta bày ra đủ trăm trò để làm khổ chú rể, cô dâu. Nào lễ hết bàn thờ nọ đến bàn thờ kia, nào lễ sống cha mẹ, nào chào hết bà cô này lại đến bà dì khác; trả lời những câu đùa cợt của họ – cợt đùa để thử khéo, thử khôn – ấy là chưa kể cái khổ nghe quan viên hai họ đối chọi nhau chan chát những lời danh thép vạt. Thật là nhọc mệt. Quyên cho là còn nhọc mệt hơn qua một kỳ thi có nhiều bài. Chính cái đám cưới, đối với Quyên, đã là một cái đoảng vị lắm rồi. Vậy thì nàng có để ý gì đến cái sự một bà cô đến dự hay không đến dự! Mặc bà cô ấy! Miễn là nàng với Phúc yêu nhau là đủ. Cái đáng kể trong đám cưới, ấy là tình yêu giữa đôi trai gái, đâu có phải vì một bà cô hay bà dì?...

Tuy nghĩ vậy, nhưng nàng cũng lơ đãng hỏi:

– Cô Hoàn?... Cô Hoàn nào?

– Cô Hoàn mù. Cô ấy là chị ruột thầy. Để anh kể chuyện cô ấy cho Quyên nghe nhé. Buồn cười lắm!

Buồn cười lắm! Phúc do quen miệng mà nói thế. Thật ra thì chuyện cô Hoàn chẳng có gì *buồn cười lắm*. Có thể nói là trái lại. Phúc kể như thế này:

*

* *

Bà nội anh chết sớm. Lúc chết bà mới được một con trai, một con gái. Chị hơn em bốn tuổi. Chị là cô Hoàn. Em tức là thầy chúng ta. Cô Hoàn rất yêu thầy. Mẹ chết đi rồi, cô phải thay mẹ coi sóc em, tuy cô mới lên mười. Mỗi tối, khi em học xong rồi, cô phải đi lấy cơm

lồng từ ban trưa để lại làm cơm tối cho em, giã ra và chan mắm để em ăn (bởi nhà túng nên chỉ mình em bé được ăn cơm tối). Em ăn xong, cô dẫn em rửa mặt mũi chân tay, rồi về dọn giường chiếu cho em đi ngủ. Mùa bức cô quạt cho em ngủ. Mùa rét, cô luôn luôn để ý kéo chăn lên cho em, mỗi lần em vì giãy khỏe nên trật cả ra bên ngoài. Những khi em ốm, chính cô sắc thuốc, rót thuốc, dỗ em và nấu canh, nấu cháo. Ngay từ hồi ấy cô đã tập sống cho em, chứ không phải cho chính cái thân cô nữa. Bất cứ cô làm một việc gì, cũng vì em mà làm...

Năm cô mười bảy tuổi, bố chết. Tất cả di sản của nhà họ thanh bạch ấy gồm hai tủ sách và mấy món thuốc. Cô Hoàn vì phải giúp cha hoàn tán mãi nên nhớ được. Nhờ mấy món thuốc ấy và nhất là nhờ đức hy sinh của cô, cô nuôi được em cho đi học. Năm sau, một nhà giàu chuộng cái nết của cô, muốn cưới cô về làm dâu. Người ta hứa sẽ nuôi cả người em, cấp lương cho đi học. Em muốn chị lấy chồng để có chỗ nương thân. Nhưng chị bảo:

– Ta chả dại! Bây giờ người ta muốn lấy mình thì nói thế. Nhưng lấy được mình rồi, biết họ còn giữ lời hay không? Cái nghề đời: anh rể nuôi em vợ... Mà nào có một anh rể mà thôi! Lại còn bố mẹ, anh em anh rể nữa... Chị chỉ lo em khổ. Chị bằng cứ thế này, chị em đùm bọc lấy nhau, có no ăn no, có đói ăn đói...

Nhưng mấy năm sau, khi có một nhà giàu không có con trai, muốn nhận người em cô làm rể thì cô lại khẩn khoản xin em nhận lời, gửi rể...

– Chúng ta bây giờ bỏ cô bỏ chú, tìm được một chỗ tử tế mà nương tựa là phúc lắm. Em không nên bỏ lỡ.

– Em đợi chị lấy chồng rồi mới tính đến việc em.

– Ngộ không có ai lấy chị?

– Thì em sẽ chẳng lấy ai, ở vậy mà thờ chị.

– Sao em nói thế? Em không nghĩ đến việc nối dõi tông đường hay sao?

Bị chị thúc bách nhiều quá, người em đành thuận vậy. Ngày vui mừng của em gần tới thì chị bị đau mắt nặng. Rồi chị hỏng cả hai mắt. Cả một đời con gái lỡ! Câu nói dở, buột miệng nói ra hôm nào, không ngờ thành sự thực. Ngộ không có ai lấy chị?... Có ai lấy một thiếu nữ mù làm chi! Người em khóc như mưa như gió, thương chị lắm. Nhưng chị bảo:

– Em đừng nghĩ ngợi làm gì lắm. Đất nhà ta thế. Đời nào cũng phải có một người mù hoặc chột. Người này chết, tự nhiên người khác bị. Chị cảm ơn trời phật lắm! Chị được mù để khỏi lo em mù là may lắm rồi.

Em cảm động lắm, khóc rưng rưng bảo:

– Nhưng trời bắt chị như thế này, em không thể ở rể nhà người ta được. Em không lấy vợ. Em nhất định ở vậy mà nuôi chị.

– Em đừng nghĩ thế. Em cứ lấy vợ đi. Bây giờ chị chỉ còn mong em sớm có con; chị sẽ ở với vợ chồng em suốt đời mà bế các cháu. Mù rồi, chỉ còn một việc bế trẻ con là làm được. Chị được bế con cho em thì còn gì hơn? Chị đã không có con để bế, nếu không được bế cháu thì buồn chết!...

Người em đành lấy vợ và xin phép bố mẹ vợ cho rước chị về nhà vợ. Người chị mù không chịu để em nuôi. Cô vẫn chống gậy, lần ra chợ bán thuốc kiếm ăn. Cho mãi đến khi em được một đứa con đầu lòng, bấy giờ người em mới ép được chị ở nhà để bế cháu, không phải mò ra chợ nữa... Phúc kể đến đây thì ngừng lại. Chàng hơi nhíu cặp lông mày. Chàng suy nghĩ hay khó chịu. Có lẽ chàng do dự. Nên nói tất cả ra chăng? Hay giấu bớt đi một phần sự thật, mà nếu phải nói ra chắc chàng ngượng lắm... Nét mặt chàng, nhất là đôi mắt, buồn bã hơn một chút. Thở dài một tiếng xong, chàng bùi ngùi kể tiếp:

– Thế rồi không biết tại sao, về sau cô không ở nhà em nữa. Cô đi hẳn một nơi khác biệt tích, ở với một bà dì, và trở lại nghề làm thuốc. Dần dần, tại nhà người em, người ta quên hẳn cô. Chỉ còn chính người em vẫn nhớ. Mỗi năm, một vài lần, ông dốt đứa con lớn nhất của mình đến thăm cô. Người cô móc một ít tiền dành dụm ra (đó là tiền mua ván sau này) mượn người mua kẹo bánh về, ẵm cháu vào lòng bảo nó ăn, rồi vừa xoa đầu cháu, nắn cổ tay cổ chân nó để xem lằn ấy nó gầy hay nó béo, hỏi xem em út nó biết làm gì rồi? Thấy nó có hay đánh nó không? Nó học đến đâu rồi?... Hoặc kể cho nó nghe những chuyện Phật hiện lên để thử người đời xưa...

Cuộc đời đổi thay luôn. Gia đình người em rời nhà quê, đến một thành phố nhỏ. Họ buôn bán và làm giàu ở đấy. Đứa con lớn, lớn hơn xưa, bắt đầu thấy cái việc ngồi lòng cô, ăn bánh của cô và trả lời những câu hỏi lẩm cẩm của cô là vô vị. Người cha cũng bận buôn bán. Hai cha con ít đến thăm cô hơn trước. Rồi đứa cháu ấy được lên Hà

Nội học. Nó có nhiều bạn, nhiều thú vui, và có lẽ cũng nhiều bài vở nữa nên quên hẳn người cô mù của nó. Mà cứ gì người cô mù ấy! Ngay đến cha mẹ nó, nó cũng thấy xa hơn một chút. Nhiều kỳ nghỉ, nó không hăm hở về thăm nhà như trước nữa. Nó ở lì Hà Nội. Nó say mê thể thao, âm nhạc, những cuộc hội họp trẻ trung, những buổi chiều đi lượn phố, và bóng dáng thướt tha của những cô thiếu nữ nhớn nhỡ trên bờ hồ...

Một hôm, trong một cuộc đi chơi bằng xe đạp, đến một làng kia, nó sực nhớ ra rằng đây là làng người cô mù ở. Sự tò mò, nhiều hơn là tình thương, xui nó rẽ vào thăm. Người cô đã già và gầy, và xanh hơn trước rất nhiều. Tóc cô đã lốm đốm hoa râm. Cô không đi chợ nữa. Cô ngồi nhà bán thuốc, ai mua thì đến. Số tiền kiếm được, do thế, có sút đi đôi chút. Muốn bù vào đấy, cô nhận bé trẻ con thuê. Những người mẹ cần đi làm hay đi chợ, sáng sáng cứ đem đến chỗ cô, kèm theo một nắm cơm. Cô sẽ ẵm nó cho, khi nó đói, cô mớm nó. Rồi cô ru nó ngủ. Cô còn mây mò tắm rửa cho nó nữa. Tối đến, mẹ lại tới rước con về. Họ trả công cho cô mỗi ngày hai hoặc ba xu. Cũng có người chẳng có xu nào! Họ trả công bằng lời nói suông. Thì cũng được. Miễn là cô được nâng niu đứa trẻ, nghe nó cười, nó khóc, vuốt ve cái mông trơn của nó. Không có chúng, đời cô sẽ buồn biết bao!...

Mới đầu cô không biết cháu là ai. Và khi đứa cháu đã nói rõ cho cô biết thì cô reo lên, cười rồi khóc. Cô chìa bàn tay run run về phía nó. Cô bảo nó ngồi sát lại với cô. Cô nắm lấy cổ tay nó, sờ tay, sờ vai, sờ cổ, sờ đầu, sờ cả lên mắt nó. Chà! Nó đã lớn lắm rồi đấy nhỉ. Cô hỏi nó bao nhiêu là chuyện! Nó học mãi trên Hà Nội. Ô: Xa nhỉ!... Nó đã đỗ tú tài: Ô! Giỏi nhỉ!... Rặt những “ô”, những “à” như vậy. Người cô ấy tiếc không còn đôi mắt để mà nhìn nó. Cô sờ lại. Ô! Nó giống thầy nó ngày xưa như đúc! Chắc nó cũng ngoan như thầy nó ngày xưa đấy. Thầy nó ngày xưa ngoan lắm! Thầy nó ngày xưa học chăm mà sáng lắm! Thầy nó ngày xưa... thầy nó ngày xưa... Cô kể lại biết bao nhiêu là chuyện về *thầy nó ngày xưa*, với một giọng tha thiết lắm. Hình như thầy nó ngày xưa là hình ảnh cuối cùng in trong đáy đôi mắt đã khép kín hẳn lại sau những hình ảnh ấy. Chẳng còn một hình nào nữa chồng lên trên...

Cuối cùng cô bỗng kêu lên...

– À, cháu đã có vợ chưa?

Và khi biết rằng chưa...

– Ô! Cháu hư lắm! Thầy cháu ngày xưa bằng tuổi cháu đã có con rồi. Cháu phải lấy vợ đi! Lấy mau lên! May ra cô còn sống mà ăn cưới cháu. Đám cưới cháu chắc là to đấy nhỉ? Cưới vợ cậu tú mà chả to!

*

* *

Quyên hỏi Phúc:

– Thế cô ấy có được tin không mà không về ăn cưới chúng ta?

– Cô ấy chết rồi.

– Thế thì anh còn nghĩ làm gì?

– Để mà buồn. Bởi vì giá cô Hoàn có còn sống thì cũng chả chắc cô ấy về ăn cưới chúng ta đâu. Ai còn nghĩ đến cô? Chỉ còn một mình anh. Mà lòng lại hỏi lòng, anh nhận ra rằng chẳng bao giờ anh có can đảm mời cô về để khoe với bao nhiêu khách sang trọng nhà em và chính em.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 475, ngày 21-8-1943.

ĐIỀU VẤN

(Truyện ngắn)

Thế là xong. Anh chết rồi đấy nhỉ? Không lẽ tôi lại vui khi được một cái tin như thế. Nhưng thật tôi cũng không biết có nên buồn không đấy. Có người bảo: “Sống khổ đến đâu, cũng còn hơn chết; cái tâm lý chung của người đời như vậy”. Thì đã hẳn! Nhưng nghĩ cho kỹ thì nhiều khi cái chết phải coi như một ân huệ của trời. Không có cái chết còn sự công bình nào nữa?

Tuy vậy, tôi đã buồn. Buồn đến nỗi suốt một đêm không ngủ được. Thật đấy, anh Phúc ạ. Người ta thường trách tôi vô tình cảm. Nhảm. Tôi chỉ sớm ghét giả trá mà thôi. Mà bởi ghét giả trá quá, tôi lại thành ra giả trá. Có điều tôi giả trá theo cách khác; tôi cố ý đóng cũi sắt tình cảm tôi. Thấy người ta thương xót quá dễ dàng, tôi hóa sợ lòng thương ấy; thấy nhiều người khóc quá tài tình, tôi bỗng thấy xấu hổ mỗi khi chực khóc. Tôi có đến đưa ma anh cũng bằng thừa. Đã có khối người tiếc thương anh. Đã có người vợ trẻ của anh quặn người lại như một chiếc vỏ bào, và khóc nỉ non như một bản âm nhạc mới. Có lẽ chỉ có hai đứa con anh là chúng không làm thảm thiết quá thôi. Chúng không gào. Chúng không lăn lộn trên đường như một con đĩa phải vôi. Chúng không chếp miệng, ngoẹo đầu. Chúng ngậy, ngậy, giương đôi mắt ngấn ngơ. Thỉnh thoảng, nước mắt chúng mới ứa ra, thì chúng lại vội quệt ngang tay áo. Ấy thế mà chúng mới chính là những kẻ thương anh nhất. Chúng biết đời anh là đời chúng. Anh chết đi, chúng chỉ còn một cách là đi ăn mày.

Anh Phúc ơi! Anh đã thấy chưa? Tôi không lẫn lộn vào trong bọn người đi đưa đám ma anh, nhưng hồn tôi theo đám ma anh. Tôi giống như một cô gái ngây thơ mới bắt đầu yêu. Cô vờ không để ý khi người yêu đi ngang cửa nhà cô; nhưng lại len lén nhìn theo rất lâu khi chàng đi khỏi. Tôi cũng thế. Tôi cố làm thình khi người ta khóc đưa anh. Nhưng bây giờ đây, khi mọi người đã im rồi, tôi đóng kín cửa phòng, ngồi một mình trước bàn viết của tôi, bùi ngùi đưa đám

ma anh trong tâm tưởng. Cái đám ma cũng đường trường lắm. Tôi theo dõi anh, từ lúc chúng ta mới quen nhau cho đến tận lỗ huyết người ta vừa vùi anh xuống. Như vậy họa chăng mới có thể gọi là trọn nghĩa...

*
* *

Tôi gần gũi anh, hồi còn nhỏ. Chúng ta sống ở cạnh nhau mấy năm trời tại nhà một bà bác tôi. Anh ở thuê. Tôi nhờ vả. Chúng ta hiểu với nhau rằng: hai chúng ta cùng khổ. Không, anh Phúc ạ! Chúng ta phải công bằng mới được. Bà bác tôi không phải là người ác nghiệt đâu. Có điều bà khổ quá nhiều rồi. Khi người ta phải rở từng giọt máu ra để kiếm tiền ngang với máu. Chồng bà mất sớm. Đã nhiều lần, bà toan bước đi bước nữa, nhưng chỉ vì tiếc của, lại thôi. Anh thử nghĩ xem. Đối với một thiếu phụ đương xuân, còn cái gì khổ hơn sự lẻ loi. Ấy thế mà bà cam phận lẻ loi để khư khư giữ lấy tiền ở chính tay bà, không muốn lọt tay ai. Bà mặc lòng bà héo hắt đi. Bà dày dạn thân bà. Có phải bà cay nghiệt ngay từ với chính bà mà trở đi không? Còn trách gì cách bà đối đãi với chúng ta! Bà keo cú và tham việc lắm... Bà có mỗi một mống con thôi. Ai chả tưởng: quý hơn vàng. Có lẽ bà cũng quý con. Nhưng không phải vì thế mà bà nói tay với con đâu. Mỗi bữa ăn bà giao hẹn với con: mỗi miếng đậu kho hay mỗi con tôm phải ăn hết một bát cơm. Không đủ mặc thấy! Nó cứ việc ăn cơm nhạt hoặc chan với thứ mắm tép mặn hơn cá muối, mà cả nhà phải ăn quanh năm, suốt tháng. Con để rút ruột ra còn thế, còn nói gì cháu và đứa ở! Chắc anh cực lắm đấy, anh Phúc nhỉ? Làm gì tôi chả biết... ư.

Hãy nói ngay rằng: bà bác tôi coi anh không bằng con trâu anh thường dắt đi chăn. Con trâu là một món tiền to. Nó làm lợi rất nhiều. Nó chết, người ta phải bỏ ngay ra ngót trăm đồng bạc tậu con khác về thay nó. Bởi vậy người ta cần chăm chút nó. Còn anh, anh chỉ là một thằng hèn. Anh đi còng còng như một bà lão tám mươi. Cái cổ anh thụt vào giữa hai cái vai rúm ró và xo. Đầu anh ngoẹo về một bên để cái cằm nhọn hếch về phía bên kia. Cả một cái thân hình ọp ẹp của anh không đáng một đồng xu. Người ta có cảm tưởng như nuôi anh là một sự làm phúc đó thôi. Anh chết đi, chẳng thiếu gì đứa

nhanh nhẹn, cứng cáp bằng vạm anh. Anh chỉ là đồ ăn hại... Ôi chao! Anh ăn hại những gì? Sáng ngày ra, anh uống nước lã cầm hơi. Bữa trưa, anh được ba lùm lùm bát cơm ngô hoặc cơm khoai. Bữa tối, người ta lại cho anh vài nắm ngô rang hoặc vài củ khoai, củ ráy. Kể ra thì bữa nào cũng thòm thềm cả, chỉ có công việc và những lời chửi rửa thì bao giờ cũng thừa bữa túa tát. Xơi không kịp! Anh thức dậy trước gà và ngủ có lẽ còn sau bọn tuần sương. Biết mình chậm chạp vụng về, lại yếu ớt quá không thể xóc vác như người ta, anh chỉ chăm chăm chú chú làm suốt ngày, không một phút nào dám nghỉ ngơi. Anh làm cả về đêm. Anh mong lấy sự cố gắng của chính anh để bù lại sự kém cỏi tự trời sinh; và cốt lấy sự chăm chỉ, sự kiên nhẫn và nhẫn nại để gọi lòng thương của chủ. Khổ thân anh quá! Tôi thương anh nhất vào những lúc trở trời hay những tháng mùa đông. Bệnh hen của anh lại dấy lên. Anh thở cũng đã là một công việc khó nhọc lắm rồi. Thế mà anh vẫn dậy sớm, thức khuya, làm hết việc nhà đến việc đồng, chỉ khác ngày thường một cái là thỉnh thoảng anh ngừng lại để ho sù sụ, thở rít lên như tiếng bễ, gà gà mất ra như người say thuốc lào. Trông anh những lúc ấy chẳng khác gì một con cò chết rét. Có lần tôi ái ngại quá, bảo anh:

– Ốm quá thế thì nằm nhà đắp chiếu mà nghỉ có hơn không? Mình ốm, ai nữ nói?

Anh lắc đầu, nói như người chực khóc:

– Đã đành, ốm thì chắc người ta cũng phải cho mình nghỉ. Nhưng một lần, hai lần thì còn được, chứ nay ốm, mai ốm thì coi sao tiện? Người ta thuê mình cho mình làm chứ không phải để cho mình đắp chiếu nằm như bố già của người ta. Thiệt đến người ta, thì người ta phải xót... Vả lại, mình ăn cơm, lấy công của người ta, mình phải nghỉ.

Tôi chỉ chép miệng, không còn biết nói sao, ngừng lại một lát để thở, rồi anh lại thông thả tiếp:

– Ấy, tôi đã phải nghỉ thế mà cũng không xong đấy. Tôi có dám lười đâu?

Thế mà lắm lúc bà ấy còn nói như móc họng, đến gần phải mửa cơm ra mà trả lại!

Thoáng thấy bóng bà chủ, anh lại vội vàng làm rất khỏe, ra bộ mình chẳng ốm đau gì cả.

*
* *

Mấy năm sau, tuy chẳng bàn nhau mà chúng ta bỏ nhà bà bác tôi cùng một độ. Tôi ra tỉnh học. Anh tự liệu không đủ sức để theo nghề làm ruộng, đi học nghề thợ may. Tuy chẳng còn mấy khi được gặp anh, nhưng xa xa tôi vẫn nhận được những tin tức về anh. Tôi biết đại khái tình cảnh của anh cũng chẳng hơn gì trước mấy. Thôi thì cũng phải vất mũi đút miệng, được bữa hôm lo bữa mai, nhưng cái kiếp chúng mình thì chỉ có thế thôi, mong hơn làm sao được? Một năm kia, người ta bảo tôi rằng: anh mua lại được một cái máy khâu cũ sáu mươi đồng, nhờ chút ít tiền dành dụm được từ khi cầm nổi cái kim và ba bốn chục nợ lãi hay tiền họ non gì đấy. Cũng đáng mừng cho anh lắm! Từ đấy, hình như việc làm ăn của anh có dễ chịu hơn lúc trước. Một hôm, có chút việc phải về quê, tôi gặp anh, quần áo trắng bông, đầu chải mượt, chân kéo lê đôi guốc Sài Gòn lộc cộc. Nghĩa là anh “diện” lắm. Tôi lấy làm ngạc nhiên. Tôi tỏ sự ngạc nhiên ấy với mấy người hàng xóm. Họ mỉm cười, bảo tôi.

– Ai? Phúc ấy à?... Còn phải nói! Bây giờ cậu ấy tư tuốt ghê lắm nhé! Chết cái không tư tuốt, lại sợ vợ nó chê, nó phải lòng thằng khác thì hỏng cả.

Tôi sửng sốt:

– Anh ta cưới vợ rồi! Lấy ai?

– Cái Thừa, con nhà chú Thuận lùn ấy mà!... Con bé tinh ra phết! Mà phải biết là đồng đánh. Lúc nào cũng cái áo cánh sát si, cái yếm cổ xây thật trắng, cái quần lụa bông chùng xuống tận gót chân, với chùm chìa khóa lúc la lúc lác... Nội bà lí, bà phó trong làng này cũng không ăn bận sang như nó. Cô đầu cũng không ăn đứt.

– Thế mà nó chịu lấy anh ta?

– Thì còn lấy chó nào được nữa mà chả lấy? Nó đi bỏ cha đi ấy! Hai cái mắt thì lúc nào cũng tít đi, hai cái má thì đỏ tía rìa, cái mũi thì toe toét; động ai hơi nói đùa, nói bỡn một tí đã hơ hớ cười. Nó nhân tình với trăm thằng, bọn lí dịch chẳng anh nào không thậm thọt ra vào nhà nó. Nhưng người ta chẳng bỡm thế thôi, chứ ai phải nợ mà lấy nó? Có thằng Phúc đại... Hạng nào chứ hạng ấy, có ăn thì nó ở, không có ăn thì nó tìm đường nó cút. Chả bây giờ cô ả lừa lắm

rồi, chẳng bám được vào đâu. Thế rồi nó lại lấy thằng Phúc khâu máy cũng có tiền.

Anh cu Phúc thì mê nó tợn, cho nó nào quần lụa, nào áo cánh sát si, nào yếm vải phin... lại cả tiền nữa ấy! Có thế nó mới lấy cu cậu vậy, chứ không thì đời nào nó lấy. Trông anh chẳng như con giun chết, không thương được. Cu cậu hỏi năm sáu đám, có đứa nào nó chịu lấy đâu? Mà toàn những đứa xấu xí, vất bờ tre bảy ngày không ai buồn nhặt, ấy thế mà thánh nhân đãi khù khờ, tự nhiên vợ ngay được một con thật đẹp!...

Họ nói câu cuối với một vẻ gì mỉa mai. Tôi buồn rầu hỏi:

– Thế từ ngày lấy nhau đến giờ, chị vợ có chịu... làm ăn đúng đắn hơn không?

– Làm? Làm gì? Nó thì chẳng bao giờ làm cả.

– Không!... Tôi nói... Nghĩa là... chị ta có tu tỉnh lại về cái đường kia khác, hay là vẫn chúng nào tật ấy?

– À! Kể thì cũng đỡ... Bởi vì anh chồng chiều tợn, nó chẳng bắt làm gì cả, chỉ nhong nhóng suốt ngày, cơm bưng nước rót đến tận mồm, lắm khi cái quần áo thay ra cũng anh chồng giặt hộ.

Ôi thôi! Thế thì hỏng mất! Tôi đã gần buột miệng kêu lên thế! Bởi vì tôi vốn biết anh là một người hay gắng gượng. Anh đã gắng gượng lấy sự chăm chỉ, sự nhẫn nhục để bù lại cái sức yếu của anh để gợi lòng thương của bà chủ ngày xưa, thì bây giờ anh lại gắng gượng lấy sự nuông chiều, sự hạ mình, cố bù lại sự kém cỏi về dung mạo của mình, để mong giữ được lòng yêu của cô vợ đẹp. Gợi lòng thương của một người chủ tham lam còn khó lắm thay. Còn nói gì đến sự gợi lòng yêu của một người đàn bà đẹp, lẳng lơ và nhẹ dạ? Hỡi ôi! Trời thật bất công khi dựng ra cái đẹp và cái xấu. Loài người thích đẹp, ghét xấu đã phụ họa vào sự bất công của trời! Trong lúc thương anh quá, tôi nghĩ vợ nghĩ vẫn đến mất cả lí trí và gần thành một thằng dở hơi...

Băng đi một dạo rất lâu, tôi không trở lại quê nhà, để bây giờ lại trở về ở hẳn đây như một người già cả. Tôi đã gần quên hẳn anh rồi. Nào có phải tôi là người chóng nhạt tình đâu. Nhưng bây giờ tôi cũng đã có vợ, có con, có cả một gia đình. Tôi có bao nhiêu cái khổ của tôi. Chúng hút tất cả ý nghĩ của tôi, khiến tôi sống như kiểu một người ích kỉ. Óc tôi chẳng còn một phút nào được rảnh rang để nhớ đến người bạn khổ sở thời thơ ấu...

Bỗng dưng một cái, tôi nghe tin anh chết. Mà chết như thế nào!... Anh ốm bốn tháng nay. Cái bệnh hen kinh niên lại phát ra, như thường lệ mọi năm, nhưng lần này dữ dội hơn. Anh chỉ còn làm được một việc thở mà thôi. Tiền dành dụm mòn dần rồi hết hẳn. Rồi cái máy cũng phải bán đi. Người vợ đẹp của anh, hai con rồi mà vẫn trẻ mau máu, vẫn phải ăn, phải tiêu, phải mặc áo yếm trắng bong và quần lụa chùng sát đất. Anh không thể cung cấp cho thị nữa, thì đã có một anh thợ húi đầu cung cấp. Thị bỏ anh nằm chết nỏ, đi suốt ngày đêm. Hai đứa con anh, ẻo lả như một cái lá úa và buồn như một tiếng thở dài ngời củ rử nhìn anh bằng đôi mắt dại đi vì đói quá. Chúng ngáp luôn. Gian nhà tối ảm, đầy mùi bệnh tật và bữa bộn rác rưởi, muỗi ruồi. Chỉ có những con ruồi là còn có vẻ sống, có vẻ hoạt động và khỏe mạnh giữa cái thế giới ốm yếu ấy, đã chìm một nửa vào cõi chết. Người ta nghe thấy những tiếng thở róc lên, những tiếng rên và những tiếng chép miệng liên hồi. Anh nhặt miệng hay chán nản cho số kiếp? Thỉnh thoảng đôi mắt gà gà của anh lại cố mở to ra, lần lượt đưa về hai đứa trẻ rồi đưa ra phía cửa. Bên ngoài trời rất đẹp. Nắng tung bưng. Một đàn sẻ chí chóc cãi nhau như một lũ trẻ con tập làm người lớn, chúng xỉa xối, chúng chanh chua, chúng cướp lời nhau một cách vui vẻ và âm ỉ. Chim đực, chim cái gọi nhau. Những con chim non cũng đua đòi. Một con ve lanh lảnh này trả lời một con ve lanh lảnh khác. Ôi chao! Đời vui quá! Muôn loài sống mạnh mẽ và sung sướng. Không gian là một đám hội xôn xao và rục rờ. Anh nằm trong đây, như một cái xác chết trong mả lạnh, chua chát nghĩ rằng: mình không ăn nhập gì đến cảnh đùa vui của người... Đôi mắt anh chìm dần, chìm dần để mờ đi. Đôi mí tím nhạt đã căng lên. Chúng che cảnh hiện tại đi để một cảnh khác tỏa ra. Anh mơ hồ nghe thấy tiếng trống chèo ở xa xa, văng vẳng, ấy là anh đang nằm nhớ lại những ngày làng vào đám. Chung quanh đình tấp nập... Người vợ anh cười cợt giữa chỗ đông đảo ấy với những anh trai làng chớt nhả và bẻm mép... Còn anh thui thủi nằm nhà để quạt cho hai con ngủ, để khàn khàn ru mỗi khi thằng bé giã, và để thỉnh thoảng thở dài khi hơi thở nhẹ nhàng của nó đã trở lại đều đều... Anh đã chịu đựng tất cả những nỗi đau đớn âm thầm ấy, không một lần hé răng oán thán. Nhưng lúc này, cái lúc anh gần chết mà vợ anh vẫn không đoái tưởng đến anh một chút, anh thấy ghen ngào, uất ức. Cổ anh tắc lại. Hơi thở bị nghẽn một lúc rồi lại bật được ra, róc lên hơn trước. Ngực anh như có một phiến đá nặng đè lên. Chân tay anh lạnh

toát đi. Người anh bộn rộn bồi hồi. Mồ hôi lạnh râm rấp trán, đờm kéo lên sòng sọc trong cuống họng. Anh chết mất! Anh chết mất! Anh không còn thở được!... Đôi mắt hoảng hốt của anh chực mở ra. Nhưng mi mắt nặng lắm rồi. Anh phải cố mới gạt được chúng lên. Đôi mắt mắt thần cuống quít tìm hai đứa trẻ. Mồm anh ú ớ... Giữa lúc ấy thì cái phen liếp động. Ặ! Vợ anh, người vợ đẹp của anh đã về. Anh lịm người dần, chẳng biết vì sao. Đôi mắt anh nhắm lại. Anh không muốn nhìn mặt nó? Nhưng kia nó đã lại đầu giường anh với một vẻ buồn rầu giả dối. Cái thứ tiếng ngọt như đường của nó gọi anh:

– Thầy em ơi!

Đôi mắt anh mở từ từ. Chúng trợn ngược lên để nhả tất cả nỗi oán trách vào mặt nó. Trong lúc ấy nó nghĩ gì? Rồi không biết nó còn tìm đâu được mấy giọt nước mắt để vãi ra. Nó đặt bàn tay lên ngực anh và mếu máo.

– Thầy em ơi! Thầy em ơi!...

Tiếng gọi thất thanh của nó làm anh thổn thức. Anh nức nở trong ngực. Anh đã lại muốn tha thứ, tha thứ hết. Nước mắt anh ứa ra đầy mắt...

– Thầy em ơi! Thầy em làm sao thế?

Anh lắc đầu... Không phải là cái lắc đầu giận dữ đâu. Đó là cái lắc đầu thất vọng. Anh biết anh không còn sống nữa. Anh tiếc vợ. Anh tiếc đời... nhưng chút tình thương – thành thực hay giả trá – của con vợ đẹp đã làm anh sống lại. Anh lại nói được, và anh nói:

– Tôi chết mất! Thế nào tôi cũng chết... Tôi chỉ còn thèm một bát chè đỗ đen. Nếu có thì bu em cho tôi một bát để tôi ăn cho mát ruột, rồi tôi chết.

– Nhà không có đường. Mà nấu cũng không kịp. Để tôi đi xem đâu có, mua cho thầy em một bát...

Vừa nói nó vừa mải mốt đi lấy bát. Nó tong tả chạy ra khỏi cửa. Anh nghe tiếng vạt áo nó bay soàn soạt và chân nó chạy bịch bịch. Chưa bao giờ nó tử tế với anh như vậy, nhưng anh đã quên tất cả và cứ tưởng suốt đời nó toàn tử tế với anh như vậy. Anh càng thêm tiếc đời...

Chao ôi! Giá anh được ăn bát chè kia! Biết đâu anh đã chẳng mát lòng, mát ruột mà sống được? Nhưng vợ anh đi lâu quá. Nó đã gặp gỡ một cái gì ở trên đường làm nó lãng quên anh. Hay một kẻ nào đã ngăn cản nó làm cái bổn phận cuối cùng đối với người chồng

đã hết lòng với nó? Anh không còn sức đợi. Cái chết bị kìm hãm lại trong một phút, lại bắt đầu chuyển động. Nó tiến lại dần, tiến dần, từ chân lẫm tới đùi, rồi tới bụng, rồi tới ngực... Anh lại hoảng hốt. Đôi mắt anh cố đưa về phía cửa sổ, cố nhìn mãi... Nhưng anh đã chẳng còn nhìn rõ nữa. Ánh sáng lung linh, lung linh. Không gian bập bênh như một cái thuyền. Mắt anh lóa ra. Chúng mờ đi, mọi vật xóa nhòa. Có lẽ nào như thế được? Có lẽ nào như thế được? Anh uất ức. Anh ứ nghẹn. Anh cố kêu lên một tiếng nhưng không được. Anh u ú, ằng ặc. Đờm đã bịt chặt ống khí quản rồi. Anh ngạt thở. Anh cố gắng, anh sợ hãi, anh bứt rứt, anh choáng váng... Ôi thôi! Anh chết rồi!

*
* *

Bây giờ thì sự im lặng bất tuyệt đã bịt chặt đôi tai anh, chán nghe những lời mai mỉa của đời rồi. Bóng tối đời đã phủ kín đôi mắt anh mở thao láo nhiều đêm để nhìn trong bóng tối những cảnh nó làm anh nhục nhã. Anh đã có thể đứng đưng đối với những chuyện của loài người. Vậy thì anh Phúc ơi! Anh hãy nghỉ cho yên! Những chuyện đời này bây giờ chỉ còn là của chúng tôi. Chúng tôi, những kẻ đã đau khổ, đã uất ức, đã ước ao, đã thèm khát, đã thất vọng, mà vẫn còn hy vọng mãi và phải hy vọng mãi. Sự đời không thể cứ mù mịt mãi thế này đâu. Tương lai phải sáng sủa hơn. Một rạng đông đã báo rồi. Một mặt trời mới sẽ mọc lên bên trên nắm mồ anh và bên trên đầu hai đứa con anh để lại. Một bàn tay bè bạn sẽ nắm lấy bàn tay chúng và dắt chúng cùng đi tới một cuộc đời đẹp hơn.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 476, ngày 28-8-1943.

CƯỜI

(Truyện ngắn)

Quả như lời hấn đoán, thằng bé khóc chán rồi lặng thật. Có lẽ bây giờ thì nó nhọc quá, đã ngủ say như chết, không khí trở nên thư thái. Chỉ còn mấy tiếng vông đưa ken két khoan thai và đều đặn như tiếng tích tắc của một cái đồng hồ thật to...

– Thằng này khá lắm đây! Nó mới sinh ra đã có cốt cách của một dân nhà báo: thích kêu gào lắm.

Hấn nghĩ về đứa con như vậy. Bởi vì hấn vốn là một người vui tính. Hấn ưa hài hước. Hài hước một mình thôi. Hấn thích tìm ra những ý ngộ nghĩnh để cười một mình. Nhất là những khi hấn vừa gặp việc gì cáu kỉnh. Khi người ta cáu, mặt người ta co rúm lại. Cổ người ta bị tắc. Máu tiết ra chất độc. Có hại cho sức khỏe ghê lắm đấy! Nhưng nếu ngay lúc ấy người ta cố mỉm cười một cái thì mọi sự tiêu tan hết. Mặt tươi ra. Có thoang thoang chất độc trong người theo hơi thở thoát ra ngoài hết. Người trẻ lại. Nụ cười chính là một vị thuốc tiêu đàm, tẩy độc, lương huyết và bổ tâm, bổ phế, bổ tì, bổ vị, bổ can, bổ thận, chẳng cái gì không bổ. Tiên dược đấy. Nó cải lão hoàn đồng rất mạnh. Mà không tốn kém một đồng xu nhỏ. Chỉ cần nhếch môi một cái. Dễ dàng hết sức. Vậy thì tội gì mà không cười. Cứ cười đi, cười nhiều đi...

Hấn cười. Mặt trắng cười với hấn. Ấy là một khuôn mặt đàn bà phúc hậu, đầy đặn, tươi tỉnh, da tươi mát, phẳng phiu và sáng sủa, ánh trắng xanh phớt thấm vào da hấn như một chất kem. Chính là sự bình yên tỏa ra từ cái linh hồn dịu dịu của trắng. Trắng rất hiền hòa, rất êm đềm, rất vỗ về và an ủi. Nếu trắng là đàn bà thì người đàn bà ấy thật hoàn toàn. Hấn nhìn trắng mà ao ước quá!...

Trong đời hấn có hai cái này hấn ghét hơn mọi cái: tiếng trẻ con khóc và tiếng đàn bà gất gỏng. Cũng bởi ghét hai thứ ấy cho nên có nhiều lúc hấn nghĩ rằng: loài người còn kém xa loài vật. Ờ, như giống

chim chả hạn. Những con chim con có bao giờ chúng khóc đâu. Chúng chiêm chiếp kêu nhỏ nhẹ, một cách rất ngoan, rất đáng yêu. Những con chim cái thì ấp trứng, nuôi con, rủ rỉ với chồng, rửa lông chồng một cách âu yếm quá. Con không quấy, vùi vãnh mẹ. Mẹ không ngấu nghiến con. Hòa bình và hạnh phúc tỏa bóng mát trong ngôi nhà hạnh phúc của chúng. Giá tất cả trẻ con đều hiểu biết rằng: chúng sinh ra là để bi bô, để mở những con mắt hau háu ra cười với người ta, để chim chim, đi chợ, làm cò bay hay những trò ngây ngô tương tự như thế chứ không phải để dụi mắt, để dỗi hờn, để khóc the thé đến làm bố diên người lên được. Giá tất cả đàn bà đều hiểu người ta cười họ về là để họ đem cho người ta những nụ cười, những cái vuốt ve, những lời nói nhẹ nhàng, khả dĩ khiến người ta quên mệt nhọc và chán nản chứ không phải chuốc lấy những lời cắn cẩu và những bộ mặt suốt ngày nhăn nhó như mặt nạ. Con hấn với vợ hấn không hiểu thế. Con thì hơi một tí đã nhè mồm ra khóc. Vợ thì động thấy con khóc đã quát tháo, rửa con và rửa luôn kiếp mình. Mỗi lần thế hấn khổ hơn bị người ta chịt cổ. Hấn muốn đập một cái gì ra cho đỡ tức. Nhưng đập ra lắm thì chỉ thiệt. (Thời buổi này, một cái niêu đất cũng phải hai hào chỉ...). Hấn đành nén giận vùng chạy ra ngoài, chạy thật xa, vừa chạy vừa bịt chặt hai tai như một đứa trẻ con sợ pháo. Nhưng vốn giữ gìn sức khỏe, không bao giờ hấn dám tức lâu. Bực tức hại người. Gặp lúc khó khăn, thức ăn tấm bố đã chẳng có, hơi đâu còn chuốc lấy những nỗi căm giận để phí sức đi. Ốm một cái, phải uống độ chục thang thuốc bây giờ là mất nghiệp. Bởi thế mỗi lần tức giận, hấn vội tìm ngay ra một ý gì ngộ nghĩnh để mà cười cho đỡ khổ. Hấn nhìn trăng mà cười...

Khi thấy mình đã thật bình tĩnh rồi, hấn vào nhà. Con hấn đã ngủ khi khi. Vợ hấn được nằm yên nghĩ tư mơ. Những lúc thư nhàn, người đàn bà họ thường có những giấc mộng đẹp vô cùng. Cứ mộng, cứ mộng và để cho hấn yên thân một chút. Nhưng vợ hấn không mơ mộng. Thị đang nhắm tính những món tiền này tiền nọ. Vậy thì hấn đã yên thân thế nào. Hấn nhẹ nhàng đặt mình nằm ngửa xuống giường, hai tay mềm mại buông xuôi, thở đều đặn và chậm chậm, tốt cho sự tuần hoàn và bộ thần kinh lắm đấy. Tối nào trước khi ngủ, hấn cũng thở hai mươi hơi như vậy, rồi thì hấn nhắm hai mắt lại, tập trung tư tưởng. Hấn bắt đầu tự bảo: "Tôi khỏe lắm, tôi vui lắm. Tôi sung sướng lắm. Vợ tôi thật đáng yêu". À, cứ vậy mà ăn câu đấy. Đó là phép tự kỷ ám thị. Hấn cứ cố kêu thế mãi, tất có ngày hấn sẽ

khỏe lắm, vui lắm, sung sướng lắm, và vợ đáng yêu lắm thật. Nhưng điều cần là phải đặt tin tưởng và quả quyết vào ý nghĩ cho mạnh mẽ và rắn rỏi. “Tôi khỏe lắm, tôi vui lắm, tôi sướng lắm, vợ tôi...”.

– Cái gì?

Hắn đột nhiên tắt ý nghĩ để vọt ra miệng câu hỏi ấy. Bởi vì hắn mang máng nghe như vợ hắn vừa hỏi gì vậy. Bị quấy rối, hắn hơi cau mặt. Câu hỏi cụt ngắn có vẻ hơi gắt gỏng. Vợ hắn tức thì gắt lại:

– Điếc hay sao thế? Người ta hỏi sáng mai gọi người vào bán đi năm thúng thóc nhé?

Bán đi năm thúng thóc? Thế còn có hai mươi thúng nữa. Hai mươi thúng ăn từ nay đến tết, có lẽ ngoài tết, đến tận vụ chiêm sang năm nữa, bởi vụ mùa nhà không có ruộng mà tiền để đong thì đã chắc gì tháng mười này có? Con mụ này nó mới diên đây hắn? Hắn đã thấy máu đưa lên cổ, nhưng cố nín. Hắn lặng im không đáp. Không đáp tức là hắn tức. Nhưng tức cái gì mà tức? Vợ hắn hỏi bằng một giọng ôn tồn giả hiệu:

– Mình có bằng lòng hay không bằng lòng?

– Tôi không biết muốn bán bằng nào thì bán, bán cả đi cũng mặc. Đừng hỏi tôi.

Buồn cười chữa, có vậy mà cũng gắt như mắ m thối. Đã muốn gắt thì cho gắt. Người đàn bà nghĩ thế. Và thị khinh khỉnh bảo:

– Không bán, không lấy gì mà đưa trả lãi nợ cho người ta được. Người ta chẻ vào xác ấy. Lại còn tiền đóng họ, tiền nợ vật, tiền lương tháng, tiền nộp thuế, tiền lấy ba chén thuốc lấy cho thành cu hôm nợ... Bao nhiêu là thứ, người ta làm rối lên như canh hẹ. Mình ngồi nhà cứ tưởng vợ con sung sướng lắm. Có biết đâu vợ hơi bước chân ra đến chợ, người ta đã xúm vào nói như đổ mế vào mặt. Ai chịu được?

– Thì ai bảo mình không bán. Bán ngay cả nhà đi tôi cũng mặc. Cấm bao giờ mình nói với tôi một lời tử tế. Mình tưởng tôi ăn hoang phá hoại, sung sướng lắm. Mình không biết tôi khổ đêm khổ ngày...

– Ai bắt mình khổ mà mình khổ?

– Trời bắt đấy. Nhà tôi kém phúc đức nên tôi khổ.

Ấy thế là hai vợ chồng cãi nhau. Thằng bé thức giấc, the the khóc. Nhà um lên những tiếng dức lác, dằn vặt, hắt hủi và khóc lóc. Kết cục thì người vợ nhịn. Anh chồng không nói nữa nhưng vẫn còn

tám tức. Tận canh ba đêm ấy hắn vẫn chưa ngủ được. Hắn giở mình quay mặt ra phía cửa. Ô kìa, trăng vẫn cười... Hắn tự nhiên bẽn lẽn. Hắn không dám nhìn trăng nữa. Một phút như thế ấy. Rồi hắn lại ngược mắt lên vầng trăng trong treo và mỉm cười với trăng.

Sáng hôm sau vợ hắn vừa mở mắt đã thấy hắn quần áo chỉnh tề. Thị không kịp ngạc nhiên. Hắn bảo ngay:

– Tôi đi ra tỉnh.

Thị sa sầm mặt. Bởi vì thị chẳng còn lạ gì cái khoe này của hắn. Mỗi lần cãi nhau với vợ xong, thế nào hắn cũng bỏ nhà đi luôn bốn năm hôm. Đi rất lẳng bẳng, thường thường, nếu còn tiền hắn vợ vét đem hết đi để ăn uống chơi bời thật thỏa thuê, ra bộ nghênh “đã chẳng ai thương mình thì mình cũng nên thương lấy mình một chút, tội gì mà khổ!”. Nếu nhà chẳng còn đồng xu nào thì hắn cũng đi, nhưng đi đến mấy nhà người quen. Hắn nằm khàn ở nhà người ta vài ngày để tán róc với nhau. Các bạn bè ai cũng chuộng hắn bởi hắn có một cái tính gàn gàn ngộ nghĩnh, lộ ra bằng những câu chuyện nửa dở hơi nửa thông minh rất hơi hợt mà cũng rất sâu sắc nữa. Và lại, tuy người ta đều biết hắn nghèo, nhưng chẳng có ai ngờ hắn đến nhà người ta để đợi ăn. Bởi vậy đến nhà ai hắn cũng được tiếp đãi rất hân hoan. Giả thử hắn cứ vắng nhà đến nửa tháng cũng không lo chết đói. Hắn ỷ vào chỗ ấy để hơi một tí là vùng vằng với vợ. Hơi một tí là lằm lằm lì lì dọa đi ra tỉnh. Vợ hắn cau mặt bảo:

– Muốn đi đâu thì đi.

Hắn không gắt lại, nhưng ngược đôi mắt buồn rầu lên nhìn vợ một cách oán trách. Bởi vì lần này hắn không có ý đi lẳng bẳng như những lần trước. Những lần trước hắn tránh nhà đi mấy hôm là do muốn tẩy nỗi bực tức cho thật sạch, chẳng qua cũng như những người mệt nhọc đi đổi gió. Nhưng lần này hắn không còn bực tức. Đêm qua nằm nghĩ ngợi hắn xét ra rằng: vợ hắn không đáng trách, khi đầu người ta lúc nào cũng rối tung lên vì trăm thứ tiền, trăm nghìn công việc phải lo toan, rồi lại còn phải luật quật suốt ngày, chẳng ngơi chân ngơi tay một chút nào, mãi miết cả trong lúc ăn, thế mà đêm đến cũng chẳng được ngủ yên lành, còn bị con quấy rối, lúc khóc lúc giãy, lúc day vú như con chó day ghế thì người ta bình tĩnh làm sao được. Người ôn hòa đến đâu cũng phải sinh ra gắt gỏng. Trước kia vợ hắn có thể đâu? Bây giờ chỉ cần cho thị đỡ vất vả, đỡ lo lắng, có chút thời giờ nghỉ ngơi thì thị lại diễm đạm vui vẻ ngay được đấy. À, nếu

vậy thì sao hấn không đi tìm việc làm kiếm tiền giúp đỡ gia đình? Nấn ná đến bao giờ? Thầy thuốc bảo hấn cần phải nghỉ ngơi ở nhà quê. Nhưng điên đâu mà nghe máy ông thầy thuốc, cẩn thận quá đến thành lảm cẩm. Người ta chết được thì cũng khó. Và lại chết vì bệnh không đáng sợ. Ta nên sợ cái chết trong lúc sống: cái chết đáng buồn của những người sống sờ sờ ra đấy, nhưng chẳng dùng sự sống của mình vào công việc gì...

Tối mịt hôm ấy hấn mới về đến nhà. Người thấy mệt nhoài nhưng lòng thì vui vẻ lắm. Hấn nhất định nếu có thấy con đang khóc, vợ đang ngầu ngiên thì cũng không tức tối. Tình cờ thế nào cảnh nhà lúc ấy lại yên vui. Mẹ đang râu rĩ con. Hấn đứng lại bên ngoài cửa bếp và nghe:

– Con gọi thầy đi... Thầy ơi! Thầy, thầy! Gọi đi, thầy mà bây giờ đang cười với cô tân thời rồi!

Giọng nói âu yếm quá. Có lẽ lúc bấy giờ người thiếu phụ đang nghĩ đến chồng với những ý nghĩ rất dịu dàng. Thị nói với đứa con chưa hiểu biết gì để có cơ mà nhắc đến chồng yêu. Hấn cảm động đến thấy mi mắt ướt... Đột ngột hấn đẩy cửa bước vào. Vợ hấn giật mình. Chợt nhận ra chồng, đôi mắt thị sáng lên vì mừng rỡ:

– Minh!

Thị buộc miệng reo lên một tiếng rồi cúi đầu bẽn lẽn. Có lẽ thị sợ vợ chồng hãy còn giận nhau ban sáng. Hấn mỉm cười chế nhạo. Vợ hấn cũng bật cười, lườm hấn. Hấn khoe ngay:

– Mình không còn lo nữa nhé. Nay mai tôi đã có chỗ làm rồi.

Thị ngạc nhiên:

– Làm gì?

– Dạy học.

– Hừ, không dạy... mình còn yếu lắm, cứ nghỉ cho bao giờ thật khỏe, vả lại lần này có khỏe rồi tôi cũng chẳng để cho mình đi dạy học. Dạy học hại người lắm...

– Ô, vẽ chuyện...

– Vẽ chuyện à? Đốc tờ họ bảo...

Hấn cười ẽm ỹ:

– Đốc tờ, đốc tờ. Thôi đi, tôi lạy các ông đốc tờ cả nón... Tôi bất cần đến các ông đốc tờ, tôi chỉ cần tiền thôi. Tôi cứ đi dạy học.

- Thế mà cũng nói...
- Chứ không à? Chỉ ba hôm nữa là tôi đi.
- Không đi nữa.
- Cứ đi.
- Cứ đi là cứ thế nào. Tôi có để cho mình đi, tôi chết.
- Cho mình chết.
- Ô hay, mình rửa tội đấy à? Mình mong tôi chết lắm?
- Tôi mong lắm. Sống mà cứ cau có như khi thì cũng nên chết đi cho rảnh.

Ấy thế là người đàn bà đã thấy máu ứ lên đến tận cổ. Thị cũng biết rằng chồng nói đùa. Nhưng câu nói đùa chứa đựng rất nhiều ý trách móc. Và có lẽ cả sự mong mỗi ngấm ngấm nữa. Thị tủi thân quá đến nỗi nghẹn ngào không nói ra tiếng được. Một phút sau thị mới bật ra được một lời uất ức.

- Chết thì chết. Mình tưởng tôi sướng lắm đấy, mà còn cầu sống. Sống lấy năm mươi năm nữa, kéo thế này chưa già đời.

Thị oán chồng vậy. Thị muốn nói cho chồng biết: chính vì chồng mà thị khổ. Sự ấy lại hình như đúng mới chết anh chồng chứ! Anh ngấm ngấm. Anh cực, anh cực quá. Trời bắt anh ốm đau đến thành một phế nhân ăn hại vợ, tự anh lấy làm cực lắm rồi. Còn đợi ai phải nói, ấy thế mà thị nữ lòng nào nói trắng ra. Có phải thị sỉ nhục anh không? Thật thị tàn nhẫn quá. Mắt anh đỏ lên như miếng tiết. Anh run run giọng bảo:

- Đừng nói nữa... Mình không cần phải nói thế đâu... Tôi biết rồi.
- Biết rồi là biết làm sao?

Người đàn bà vắn thế. Cứ vậy, tiếng bác đưa đi, tiếng chì quăng lại, một người chỉ nghĩ đến sự quá quắt của người kia mà không một chút nghĩ đến sự quá quắt của mình, họ là một cặp vợ chồng rất tốt. Chồng thương vợ, vợ thương chồng, đôi bên luôn luôn tìm cách làm cho nhau đỡ khổ. Họ chỉ còn biết nói cho thật chua chát, nói thế nào cho người nghe thật tức, thành thử cả hai cũng tức lắm. Họ đều to tiếng. Và kết cục thì người vợ hằm hằm bế con vùng vằng chạy vào buồng. Anh chồng ngồi cắm mặt ở nhà ngoài, mím chặt môi để khí giận ở trong. Giận thật, ừ, giận thật...

Nhưng bỗng nhiên anh cười khanh khách. Bởi vì anh chợt nghĩ rằng: vợ anh nghiện cãi nhau, nếu không được cãi nhau thì đời thị sẽ buồn lắm lắm. Vì vậy anh yêu thị cũng nên. Ở nhà để thỉnh thoảng cãi nhau với thị. Cãi nhau hai người thì mới đúng phép và mới thích. Cũng như đánh quần vợt, đánh cờ hay đấu kiếm, một người không thành cuộc...

Anh cười rữ rượi, cười ngặt nghẽo.

Ấy là anh lại dùng đến liều thuốc giải uất dùng mọi khi: tiếng cười.

*Tiểu thuyết thứ bảy, số 447,
ngày 4-9-1943, với tên Bực mình,
sau đổi là Cười, in trong tập Cười.*

MỘT BỮA NO

(Truyện ngắn)

Bà lão ấy hờ con suốt một đêm. Bao giờ cũng vậy, cứ hết đường đất làm ăn là bà lại hờ con. Làm như chính tự con bà nên bây giờ bà phải đói. Mà cũng đúng như thế thật. Chồng bà chết từ khi nó mới lọt lòng ra. Bà thất lưng buộc bụng, nuôi nó từ tấm tằm, tí tí trở đi. Cũng mong để khi mình già, tuổi yếu mà nhờ. Thế mà chưa cho mẹ nhờ được một li, nó đã lăn cổ ra nó chết. Công bà thành công toi.

Con vợ nó không phải là giống người. Nó có biết thương mẹ già đâu! Chồng chết vừa mới xong tang, nó đã phải vội vàng đi lấy chồng ngay. Nó đem đứa con gái lên năm trả lại bà. Thành thử bà đã già ngót bảy mươi lại còn phải làm còm cộm, làm mà nuôi đứa con gái ấy cho chúng nó. Hết xương, hết thịt vì con, vì cháu, mà nào được trông mong gì?

Nuôi cháu bảy năm trời, mãi cho đến khi nó đủ mười hai, bà cho nó đi làm con nuôi người ta lấy mười đồng. Thì cái mả cho bố nó đã mất tám đồng rồi. Còn hai đồng bà dùng làm vốn đi buôn, kiếm mỗi ngày dăm, ba xu lãi nuôi thân. Có chạy xạc cả gấu váy, hết chợ gần đến chợ xa thì mới kiếm nổi mỗi ngày mấy đồng xu. Sung sướng gì đâu! Ấy thế mà ông trời ông ấy cũng không để yên. Năm ngoái đây, ông ấy còn bắt bà ốm một trận thập tử nhất sinh. Có đồng nào vét sạch. Rồi chết thì không chết nhưng bà lại bị mòn thêm rất nhiều sức lực. Chân tay bà đã bắt đầu run rẩy. Người bà thỉnh thoảng tự nhiên bủn rủn. Đang ngồi mà đứng lên, hai mắt cũng hoa ra. Đêm nằm, xương cốt đau như giần. Đi đã thấy mỏi chân. Như vậy thì còn buôn bán làm sao được? Nghĩ đến nắng gió bà đã sợ.

Tuy vậy mà bà vẫn phải ăn. Chao ôi! Nếu người ta không phải ăn thì đời sẽ giản dị biết bao? Thức ăn không bao giờ tự nhiên chạy vào mồm. Có làm thì mới có. Nhưng bây giờ yếu đuối rồi, bà không còn kham được những việc nặng nề, cũng không còn chịu đựng được nắng sương. Bà phải kiếm việc nhàn, việc ở trong nhà. Ở làng này,

chỉ có việc bế em, như một con bé mười một mười hai tuổi. Mới đầu còn có nhiều người muốn thuê. Ai cũng nghĩ rằng: những bà già tính cẩn thận và sạch sẽ, không lơ lẻo như trẻ con; vả lại các cụ tuổi tác rồi, ăn chẳng bao nhiêu, bữa lưng bữa vực thế nào cũng đủ no; mà dù không no các cụ cũng chỉ lặng im, không ám ức như những đồ trẻ nhãi, hơi một tí cũng đem chuyện nhà chủ đi kể với đủ mọi người hàng xóm... Nhưng thuê bà được ít lâu, tự nhiên người ta chán. Người ta nhận ra rằng: thuê một đứa trẻ con có phần lại thích hơn. Trẻ con cạo trọc đầu. Những lúc tức lên, có muốn cốc nó dăm ba cái thì cứ cốc. Chẳng ai kêu á! Nhưng bà lão đầu đã bạc. Người ta tức bà đến gần sặc tiết ra đằng mũi cũng không thể giúi đầu bà xuống mà cốc. Cũng không thể chửi. Mắng một câu, đã đủ mang tiếng là con người tệ. Mà bà thì lảm cẩm, chậm chạp, lì rì. Bà rờ như thể xảm rờ. Tay bà, đưa bát cơm lên miệng cũng run run. Cơm vương vãi. Tương mắm rớt ra mâm, rớt xuống yếm bà, rớt cả vào đầu tóc, mặt mũi, quần áo đứa bé nằm trong lòng bà. Rồi hơi trái gió, trở trời, bà lại đau mình. Suốt đêm bà thở dài với rên rẩm kêu trời. Có khi bà lại khóc lóc, hờ con. Nghe rợn cả người. Như vậy thì chịu làm sao được? Ấy thế là người ta lại phải tìm cơ tống bà đi. Bà lại phải gạ gẫm ở cho nhà khác... Không đầy một năm trời, bà thay đổi đến năm, sáu chủ. Mỗi lần đổi chủ là một lần hạ giá. Thoạt tiên cơm nuôi tháng một đồng. Rồi cơm nuôi tháng năm hào. Rồi cơm nuôi, một năm bốn đồng, rồi hai đồng. Rồi chẳng có đồng nào. Đến nước ấy mà cũng chẳng ma nào chịu được. Một hôm, người chủ cuối cùng sai bà xách hai cái lọ đi kiếm nước. Bà bảo: bà chỉ có thể mang một lọ. Y đã lấy sự ấy làm khó chịu, nhưng cố nhịn. Nhưng một lọ cũng không xong, bà xách một lọ nước đầy, ở dưới cầu ao bước lên bờ, chẳng biết bầy rầy thế nào ngã khụy xuống, vỡ tan cái lọ và què một bên tay. Nghe tiếng bà kêu, chủ nhà phải chạy ra đỡ bà về. Không ai có thừa cơm nuôi báo cô bà. Y bèn đái bà năm hào và cho bà về hưu trí. Từ ngày ấy đến nay, tính ra đã hơn ba tháng rồi.

Hơn ba tháng, bà lão chỉ ăn toàn bánh đúc. Mới đầu, còn được ngày ba tấm, ngày hai tấm. Sau cùng thì một tấm cũng không có nữa. Tiền hết cả. Mỗi sáng, bà ra chợ xin người này một miếng, người kia một miếng. Ai lấy đâu mà ngày nào cũng cho như vậy? Lòng thương cũng có hạn. Mấy hôm nay bà nhịn đói. Bởi thế bà lại đem con ra hờ. Bà hờ thê thảm lắm. Bà hờ suốt đêm, bà khóc đến gần mòn hết ra thành nước mắt. Đến gần sáng bà không còn sức mà khóc nữa. Bà nằm ẹp bụng xuống chiếu,

ngĩ ngợi. Có người nói: những lúc đói, trí người ta sáng suốt. Có lẽ đúng như thế thật. Bởi vì bà lão bỗng tìm ra một kế. Bà ra đi...

*
* *

Cứ đi được một quãng ngắn, bà lại phải ngồi xuống nghỉ. Nghỉ một lúc lâu, trống ngực bà mới hết đánh, tai bà bớt lùnh bùng, mắt bà bớt tối tăm, người tạm tạm thôi quay quắt. Bà nghỉ tất cả năm sáu quãng. Thành thử đến tận non trưa, bà mới đến nhà mình định tới; ấy là nhà bà phó Thụ, nuôi cái đi. Bà quen gọi như vậy, ngay từ khi nó còn nhỏ, cái đi tức là đứa con của anh con trai đã cướp công bà để về với đất yên thân và mặc tất cả những gì còn lại. Anh con trai chẳng còn phải khổ sở như bà ngày nay.

Bà nghĩ đến con, để mà ghen với nó thêm lần nữa, trong khi ngồi nghỉ ngoài ngõ nhà bà phó Thụ. Ngoài đầu ngõ bà phó Thụ, có một cây sung lớn. Bà tựa lưng vào gốc. Từ đầu ngõ vào đến nhà, còn những hai lần cổng. Có gọi thật to, ở trong nhà mới nghe tiếng. Mà bà thì còn hơi sức đâu mà gọi? Tiếng bà bả hải. Hơi nói to một chút, nó đã ra đằng lỗ tai. Vả lại, chó nhà giàu dữ lắm. Nhà bà phó Thụ có những ba con chó đầy đà, lực lưỡng, lúc thiếu người ta đã rắc mảnh chai tán nhỏ vào. Vết thiếu lành dùm mảnh chai ở bên trong gây cho con vật một nỗi đau ngứa ngáy, suốt đời, suốt đời không khỏi. Nỗi đau làm tội nó. Nó bứt dứt, khổ sở, cáu kỉnh, nên bạ thấy người lạ nào cũng lấn xả vào chân, hoặc một miếng, day thịt người ta cho hả giận. Trời ơi! Những con chó nhà bà phó Thụ, chúng dữ ghê gớm lắm. Bà lão nghĩ đến chúng còn chết khiếp. Cái lần bà đưa cái đi vào, một người nhà phải cầm một cái gậy to tướng ra đe. Ấy thế mà cả ba con cùng hồng hộc chạy ra. Chúng vây lấy bà già rách rưới, con nào cũng uốn cong cái lưng xuống, hếch cái mõm đen thui lên, nhe ra những chiếc răng trắng hơn hớn và nhọn sắc. Bị cái gậy của người nhà cản lại, chúng càng tức tối, chúng lồng lộn chung quanh. Chúng nhảy chồm lên. Chúng ngoạm những cái cột giậu, kêu sồn sột. Chúng lay thật mạnh, hục hặc như muốn bẻ gãy cái cột để lao vào người ta... Bà lão với đứa cháu cứ rúm cả tay chân lại. Cháu nép vào bà, bà nép vào người nhà bà phó Thụ. Chị người nhà thì luôn tay vục cái gậy bên này, bên nọ, đằng sau, đằng trước, và quát mắng. Ấy thế mà một

con chó còn xông vào được, và chỉ một tí nữa nó xơi chân bà một miếng, nhưng chị người nhà đánh kịp. Nó mới dám được mồm vào cái bắp chân gầy đét của bà lão thôi. Hú hồn!... Bây giờ, dám gọi sao? Chó thính tai mà lại mau chân. Chúng xộc cả ra thì khốn. Ấy thế là bà lão đành ngồi đợi dịp. Cái đi bé em ra ngô chơi chẳng hạn... Hay là có người nào trong nhà đi đâu... Hay là có người đàn ông khỏe mạnh nào đến nhà bà phó Thụ, để cho bà đi ghe... Bà ngồi rồi, tưởng tượng ra đủ mọi cái may mắn tương tự như thế. Chỉ còn mỗi một cái bà chưa nghĩ đến: ấy là lúc chính bà phó Thụ ra, hoặc đi đâu về. Thì chính bà phó Thụ đi chợ về. Mới thoát trông thấy bà lão, bà tưởng là một con mẹ ăn mày. Bà hơi cau mặt:

– Ai kia? Ai ngồi làm gì kia? Chó nó ra, nó lòi mỡ ra đấy. Sao mà bạo thế?

Bà lão quay lại cười móm mém:

– Bẩm bà đi chợ về!...

Bà phó Thụ mở to đôi mắt đỏ ngầu, nhìn kĩ hơn một chút. Bà nhận ra bà cái đi ở. Tức thì mặt bà nguỷu xuống. Bà lão này còn muốn quấy quả gì nữa đây? Để vòi tiền thêm chẳng! Bà lão rên lên một tiếng và chống tay lên đầu gối, bầy rầy đứng lên. Bà Phó hỏi:

– Bà đi đâu thế?

Bà lão lại rên tiếng nữa để mở đầu câu nói (bà rên cũng như một vài người khác bạ lúc nào cũng thở dài. Cái ấy thành thói quen).

– Bẩm bà, con lên chơi với cháu. Lâu lắm, cháu không được về, con nhớ cháu quá.

– Úi dào ôi! Vẽ cái con chuột chết! Nó phải làm chứ có rồi đâu mà bà chơi với nó? Nhà tôi không có cơm cho nó ăn để nó cứ nông nông nó chơi. Bà muốn chơi với nó thì đem ngay nó về nhà, tìm cơm cho nó ăn, bà cháu chơi với nhau vài ba tháng cho thật chán đi, rồi hãy bảo nó lên. Tôi không giữ. Bà tưởng nó đã làm giàu làm có cho tôi rồi đấy, hử?

Bà cần phải nói ráo riết ngay để chặn họng, không cho bà lão mở mồm vòi vĩnh. Bà lão, bị những lời tàn nhẫn ấy hắt vào mặt, quả nhiên không còn nói sao được nữa. Bà Phó chớp chớp mồm luôn mấy cái, rồi vác mặt lên trời mà bảo:

– Chơi với bời! Cái lúc nó mới đến, trông như con giun chết, cạy gỏi mũi còn chưa sạch thì không thấy chơi với bời! Người ta nuôi mãi, bây giờ mới trơn lông đỏ da một tý, đã phải đến mà giờ quẻ. Tưởng

báu ngọc lắm đấy! Tưởng người ta phải giữ khư khư lấy đấy?... Úi chào! Có phải mả tổ người ta đâu mà người ta giữ? Muốn bắt nó về, cho nhà nào nó nuôi làm bà cô tổ nhà nó thì cứ bắt. Ai người ta thiết? Cứ trả lại tiền người ta!...

Bà lão rưng rưng nước mắt. Khốn nạn, bà có ý quát quéo thế đâu? Bà mếu máo:

– Bẩm bà, bà dạy thế thật oan con quá. Trời để con sống bằng này tuổi đầu, con còn dám lừa lọc hay sao? Thật có trời trên kia làm chứng nếu con quả có định đến đây để dỗ dành cháu về để đem cho người khác thì trời cứ vật chết con đi! Con chỉ xin bà cho được trông thấy cháu, bà cháu chơi với nhau một lúc. Cũng chẳng còn mấy lúc nữa mà con chết, con cũng tưởng đi chơi đối già một bận...

– Nó không được rồi mà chơi với bà. Chẳng chơi bởi gì cả! Bà đã trót lên thì vào đây, tôi cho một bữa cơm. Bận sau thì đừng về con khi nữa. Nhà tôi không có thói phép cho chúng nó như thế được. Con tôi đi học tận Hà Nội, để tôi cũng phải nay ra chơi, mai ra chơi với nó đấy! Đã đi ở mà còn không biết phận... Chơi với bởi!...

Môi bà lão chiệp chiệp và xìa ra...

*

* *

Cái đi vừa trông thấy bà, mừng rồi rít. Nó cười rồi nó khóc chẳng biết vì sao cả. Nhưng đôi mắt khoằm khoằm của bà phó Thụ dội nước vào lòng nó. Nó tự nhiên ngượng nghịu. Nó không dám xoắn xuýt bà nó nữa. Nó cúi đầu, khẽ hỏi:

– Bà đi đâu đấy?

– Bà đến xin bà Phó một bữa cơm ăn đây! Bà đói lắm.

Câu nói rất thật thà ấy, bà lão dùng giọng đùa mà nói. Như thế người ta gọi là nửa đùa nửa thật. Một cách lấp liếm cái ý định của mình bằng cách nói toạc nó ra. Cái đi bé em, dắt bà ra đầu chái, để không bị ai nhìn nữa.

– Bà lên làm gì thế?

– Bà bảo lên kiếm cơm ăn mà lại!

Cái đi không tin thế. Nhưng nó cũng không hỏi nữa. Nó nhìn bà một lúc...

– Da bà xấu quá? Sao bà gầy thế?
– Chỉ đói đấy thôi, cháu ạ. Chẳng sao hết.
– Lúc này bà ở cho nhà ai?
– Chẳng ở với nhà ai.
– Thế lại đi buôn à?
– Vốn đâu mà đi buôn? Với lại có vốn cũng không đi được. Người
nhọc lắm.

– Thế thì lấy gì mà ăn?

Bà cháu mới kịp trao đổi với nhau từng ấy câu thì bà Phó đã the
thé hỏi:

– Nó bế em đi đâu rồi?

Ấy là dấu hiệu bà sắp gọi. Cái dĩ vợi đặt em xuống đất, bảo:

– Bà giữ nó hộ con một tý.

Nó cởi dải yếm lấy ra một cái túi rút con con. Trong túi xóc xách
mấy đồng trinh. Nó rút ra, đếm lấy hai xu, gửi cho bà...

– Con biếu bà để bà ăn bánh đúc. Bà về đi!

Tiếng bà Phó giục:

– Cái dĩ đi đâu rồi? Dem em về đây, rồi quét nhà, dọn cơm.

– Vâng!

Nó tắt tuổi bế em chạy về. Bà lão hãi chó, lẻo đẻo đi theo cháu.
Bà Phó trông thấy mà lộn ruột! Bà xa xả:

– Bà đừng theo đít nó thế. Bà cứ ngồi một chỗ rồi mà ăn cơm.
Khiếp thật thôi!

– Vơong!

Bà lão “vâng” thành một tiếng rên. Bà vào nhà, ngồi xón xén vào
một xó; ngay xuống đất. Bà Phó cất lấy con. Cái dĩ lựt cụt chạy xuống
nhà dưới. Một lát sau, tiếng đĩa bát bắt đầu lạch cạch... Bà Phó bảo:

– Bà xuống dưới này mà ăn cơm.

Bà bế con ra, bà lão theo sau. Tiếng khung cửi đã ngừng. Mấy cô
dệt cửi đều là con gái hoặc con nuôi bà phó Thụ, đang tới tấp, cô xới
cơm, cô bỏ rau, cô xẻ mắm, chung quanh cái mâm gỗ đặt ngay trên
mặt đất. Cả nhà quây quần vào, chỉ ngồi có một mâm. Bà lão chẳng
đợi ai phải bảo, ngồi ngay xuống cạnh cháu, tay run run so dũa.

Trông bà so đũa mà ngứa mắt! Bà Phó muốn giạt xoét lấy, làm thật nhanh cho đỡ bực. Nhưng bà nhìn được, bà chỉ chép miệng và lừ lừ đôi mắt, tỏ ý khó chịu. Cái dĩ hiều nên chỉ nhìn xuống đất. Nó giận bà nó lắm. Nó đã bảo bà nó về đi mà bà nó không chịu về...

Bà Phó chẳng nói nửa lời, bê lấy bát cơm ăn. Mặt bà vẫn hầm hầm. Lũ con gái, con nuôi, con ở, biết hiều, vội vàng cũng làm theo. Chậm một tý, bà chửi cho phải biết! Có khi bà hất cả bát cơm vào mặt. Bà lão nhìn vòng quanh một lượt, rồi cũng cất bát cơm lên:

– Mời bà Phó...

Nhưng bà vừa mới há mồm ra thì bà Phó cau mặt quát:

– Thôi, bà ăn đi! Đừng mời!

Bà lão vội vàng ăn ngay. Nhưng họ ăn nhanh quá. Mọi người đều lạng lẽ, cắm cúi, mãi mốt. Đôi đũa này lên lại có đôi khác xuống. Liên tiếp luôn như vậy. Cứ tằm tắp. Tay bà lão lơ rờ, không biết lợi dụng lúc nào để gấp rau vào bát mắm. Lập cập quá, bà đánh rớt cả mắm ra ngoài bát. Bà Phó lại cau mặt gắt:

– Sẻ riêng cho bà ấy một bát mắm, để ra cạnh mâm cho bà ấy.

Một cô vội làm ngay. Từ đấy, bà lão dễ xoay xử hơn một chút. Nhưng bà mới ăn chưa hết hai lượt cơm thì bà Phó đã quăng bát đũa xuống đất. Chỉ một thoáng sau, mọi người khác cũng thôi. Họ thôi gần đều một lượt. In như bà mẹ ra hiệu cho họ vậy. Thật ra thì lẽ mỗi người chỉ được ăn có ba vục cơm thôi. Mà phải ăn nhanh để còn làm. Nhưng bà lão nhà nghèo, đã quen sống vô tổ chức, làm gì hiều trong những nhà thừa thóc, thừa tiền lại có sự hạn chế miếng ăn như vậy? Bà đoán rằng họ khảnh ăn. No dôn, đói góp. Người đói mãi, vớ được một bữa, tất bằng nào cũng chưa thấm tháp. Nhưng người no mãi, người ta có cần ăn nhiều lắm đâu. Vậy thì bà cứ ăn. Ăn đến kì no. Đã ăn rình thì ăn ít cũng là ăn. Đàng nào cũng mang tiếng rồi thì đại gì mà chịu đói? Bà ăn nữa thật. Cái dĩ ngượng quá, duỗi cổ ra, trợn mắt, nuốt vội nốt mấy miếng cơm còn lại như một con gà con nuốt nhái. Rồi nó buông bát đũa. Bà bảo cháu:

– Ăn nữa đi, con ạ. Nồi còn cơm đấy. Đưa bát bà xới cho.

Nó chưa kịp trả lời thì bà Phó đã mắng át đi:

– Mặc nó! Nó không ăn nữa! Bà ăn bằng nào cho đủ thì bà cứ ăn.

– À! Bây giờ thì bà lão hiều. Người ta đứng lên tất cả rồi. Chỉ còn

mình bà lão ngồi ăn với bà phó Thụ ngồi lại để lườm với nguyệt. Nhưng bà lão còn thấy đói. Còn cơm mà thôi ăn thì khí tiếc. Vả đã đi ăn chực thì còn danh giá gì mà còn làm khách. Bà cứ ăn như không biết gì. Đến khi bà đã tam no, thì cơm vừa hết. Chỉ còn một ít bám dưới đáy và chung quanh nồi. Bà vẫn tiếc, bà kéo cái nồi vào lòng, nhìn và bảo con bé cháu:

– Còn có mấy hột để nó khô đi mát. Tao vét cho mày ăn nốt đi kéo hoài, dĩ nhé?

– Khô mặc kệ nó! Bà có ăn được hết thì ăn đi, đừng bảo nó. Nó không ăn vào đâu được nữa. Ăn cho nứt bụng ra thì ăn làm gì?

Bà Phó vội gắt gỏng bảo thế. Ừ thì bà ăn nốt vậy! Bà cạo cái nồi sồn sột. Bà trộn mắm. Bà rấn nốt. Ái chà! Bây giờ thì bà no. Bà bỗng nhận ra rằng bà no quá. Bụng bà tung tức. Bà nói thất lưng ra một chút cho dễ thở. Bà tựa lưng vào vách để thở cho thỏa thích. Mồ hôi bà toát ra đầm đìa. Bà nhọc lắm. Ruột gan bà xộn xạo. Bà muốn lăn kên ra nghỉ, nhưng sợ người ta cười, cố gượng. Ôi chao!... Già yếu thì khổ thật. Đói cũng khổ mà no cũng khổ. Chưa ăn thì người rời rã. Ăn rồi thì có phần nhọc hơn chưa ăn. Ôi chao!...

*

* *

Xế chiều hôm ấy, bà lão mới ra về được. Bà bảo: về muộn cho đỡ nắng. Thật ra bà tức bụng, không đi nổi. Mà bà uống nhiều nước quá. Uống bằng nào cũng không đã khát. Bà chỉ càng thêm tức bụng. Đêm hôm ấy, bà lăn lóc rất lâu không ngủ được. Bà vẫn cái bụng, bà quay vào lại quay ra. Bụng bà kêu ong óc như một cái lọ nước. Nó thẳng căng bà thở ì ạch. Vào khoảng nửa đêm, bà thấy hơi đau bụng. Cơn đau cứ rõ thêm, cứ tăng dần. Chỉ một lúc sau, bà đã thấy đau quặn quéo, đau cuống cuống. Rồi bà thổ. Rồi bà tả. Ôi chao! Ăn thật không bỏ mửa. Bà tối tăm mặt mũi. Đến khi bệnh tả dứt thì bà lại sinh chứng lị. Ruột bà đau quằn quắn. Ăn một tí gì vào cũng đau không chịu được. Luôn nửa tháng trời như vậy. Rồi bà chết. Bà phó Thụ, nghe tin ấy bảo: “Bà chết no”. Và bà dùng ngay cái chết ấy làm một bài học dạy lũ con gái, con nuôi:

– Chúng mày xem đấy. Người ta đói đến đâu cũng không thể chết, nhưng no một bữa là đủ chết. Chúng mày cứ liệu mà ăn tộ vào!...

Tiểu thuyết thứ bảy, số 480 ngày 25-9-1943.

LÃO HẠC

(Truyện ngắn)

Lão Hạc thổi cái môi rơm, châm đóm. Tôi đã thông điếu và bỏ thuốc rồi. Tôi mời lão hút trước. Nhưng lão không nghe...

– Ông Giáo hút trước đi!

Lão đưa đóm cho tôi:

– Tôi xin cụ.

Và tôi cầm lấy đóm, vo viên một điếu. Tôi hít một hơi xong, thông điếu rồi mới đặt vào lòng lão. Lão bỏ thuốc, nhưng chưa hút vôi. Lão cầm lấy đóm, gạt tàn, và bảo:

– Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông Giáo ạ.

Lão đặt xe điếu, tôi vừa thở khói, vừa gà gà đôi mắt của người say, nhìn lão, nhìn để làm ra vẻ chú ý đến câu nói của lão đấy thôi. Thật ra thì trong lòng tôi rất dửng dưng. Tôi nghe câu ấy đã nhảm rồi. Tôi lại biết rằng: Lão nói là nói để đó đấy thôi; chẳng bao giờ lão bán đâu. Vả lại có bán thật nữa thì đã sao? Làm quái gì một con chó mà lão có vẻ băn khoăn quá thế!...

Lão hút xong, đặt xe điếu xuống, quay ra ngoài, thở khói. Sau một điếu thuốc lào, óc người ta tê dại đi trong một nỗi mê mê nhõm. Lão Hạc ngồi lặng lẽ, hưởng chút khoái lạc con con ấy. Tôi cũng ngồi lặng lẽ. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Hồi bị ốm nặng ở Sài Gòn, tôi bán gần hết cả áo quần, những quyển sách thì tôi rất nâng niu! Tôi đã nguyện giữ chúng suốt đời, để lưu lại cái kỷ niệm một thời chăm chỉ, hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng: mỗi lần mở một quyển ra, chưa kịp đọc dòng nào tôi đã thấy bừng lên trong lòng tôi như một rạng đông, cái hình ảnh tuổi hai mươi trong trẻo, biết yêu và biết ghét!... Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần. Mỗi lần cùng đường đất sinh nhai, và bán hết mọi thứ rồi, tôi lại phải bán đi một ít sách của tôi. Sau cùng chỉ có năm quyển, tôi nhất định dù có phải chết cũng không chịu bán. Ấy

thế mà tôi cũng bán! Mới cách đây có hơn một tháng thôi, đứa con nhỏ của tôi bị chứng lệ gấn kiệt sức... Không! Lão Hạc ơi! Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu? Lão quý con chó vàng của lão đã thắm vào đâu với tôi quý năm quyển sách của tôi...

Tôi nghĩ thầm trong bụng thế. Còn lão Hạc, lão nghĩ gì? Đột nhiên lão hỏi tôi:

– Này! Thành cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông Giáo ạ!

À! Thì ra lão đang nghĩ đến thằng con lão. Nó đi cao su năm sáu năm rồi. Hồi tôi mới về, nó đã hết hạn một côngta. Lão Hạc đem thư của nó sang mượn tôi xem. Nhưng nó xin đăng thêm một hạn nữa... Lão vội cắt nghĩa cho tôi hiểu tại sao lão đang nói chuyện con chó, lại nhảy vọt sang chuyện thằng con như vậy:

– Con chó là của cháu nó mua về đấy chứ!... Nó mua về nuôi, định để đến lúc cưới vợ thì giết thịt...

Ấy! Sự đời lại cứ thường như vậy đấy. Người ta định rồi chẳng bao giờ người ta làm được. Hai đứa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách nặng: nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu... cả cưới nữa thì mất đến cứng hai trăm bạc. Lão Hạc không lo được. Ý thằng con lão, thì nó muốn bán vườn, cố lo cho bằng được. Nhưng lão không cho bán. Ai lại bán vườn đi mà lấy vợ? Vả lại bán vườn đi, thì cưới vợ về, ở đâu? Với lại, nói cho cùng nữa, nếu đăng nhà gái họ cứ khăng khăng đòi như vậy, thì dầu có bán vườn đi cũng không đủ cưới. Lão Hạc biết vậy đấy, nhưng cũng không dám xằng. Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu. Lão khuyên nó hãy rầu lòng bỏ đám này, để lùi gặng lại ít lâu, xem có đám nào khá hơn mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu; chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ?... Lạy trời lạy đất! Nó cũng là thằng khá, nó thấy bố nói thế thì nó thôi ngay, nó không đá động đến việc cưới xin gì nữa. Nhưng nó có vẻ buồn. Và lão biết nó vẫn theo đuổi con kia mãi. Lão thương con lắm. Nhưng biết làm sao được?... Tháng mười năm ấy, con kia đi lấy chồng; nó lấy con trai một ông phó lý, nhà có của. Thằng con lão sinh phần chí. Ngay mấy hôm sau, nó ra tỉnh đến sở mộ phu, đưa thẻ, ký giấy xin đi làm đồn điền cao su...

Lão rân rân nước mắt, bảo tôi:

– Trước khi đi, nó còn cho tôi ba đồng bạc, ông Giáo ạ! Chẳng biết nó gửi thẻ xong, vay trước được mấy đồng, mà đưa về cho tôi ba đồng. Nó đưa cho tôi ba đồng và bảo: “Con biếu thầy ba đồng để thỉnh thoảng thầy ăn quà; xưa nay con ở nhà mãi cũng chẳng nuôi thầy được bữa nào, thì con đi cũng chẳng phải lo; thầy bòn vườn đất với làm thuê làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn; con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm con mới về, không có tiền, sống khổ sở ở cái làng này, nhục lắm!...” Tôi chỉ còn biết khóc, chứ còn biết làm sao được nữa? Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta đã chụp rồi. Nó lại lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu có còn là của tôi?...

*
* *

Lão Hạc ơi! Bây giờ thì tôi mới hiểu tại sao lão không muốn bán con chó vàng của lão. Lão chỉ còn một mình nó để làm khuây. Vợ lão chết rồi. Con lão đi bần bật. Già rồi mà ngày cũng như đêm, chỉ thui thủi một mình thì ai mà chả phải buồn? Những lúc buồn, có con chó làm bạn thì cũng đỡ buồn một chút. Lão gọi nó là cậu Vàng như một bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tự, thỉnh thoảng không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho nó hay đem nó ra ao tắm. Lão cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà giàu. Lão ăn gì lão cũng chia cho nó cùng ăn. Những buổi tối, khi lão uống rượu, thì nó ngồi ở dưới chân. Lão cứ nhấm vài miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ. Rồi lão chửi yêu nó, lão nói với nó như nói với một đứa cháu bé về bố nó. Lão bảo nó thế này:

– Cậu có nhớ bố cậu không? Hả cậu Vàng? Bố cậu lâu lắm không có thư về. Bố cậu đi có lẽ được đến ba năm rồi đấy... Hơn ba năm... Có đến ngót bốn năm. Không biết đến cuối năm nay bố cậu có về không? Nó mà về, nó cưới vợ, thì nó giết cậu. Liệu hồn cậu đấy!

Con chó héch mồm lên nhìn, chẳng lộ một vẻ gì; Lão lừ mắt nhìn trừng trừng vào mắt nó, to tiếng dọa:

– Nó giết mày đấy! Mày có biết không? Ông cho thì bỏ bố!

Con chó tưởng chủ mắng, vẫy đuôi mừng, để lấy lại lòng chủ. Lão Hạc nạt to hơn nữa.

– Mừng à? Vấy đuôi à? Vấy đuôi thì cũng giết! Cho cậu chết!

Thấy lão sùng sộ quá, con chó vừa vấy đuôi, vừa chực lảng. Nhưng lão vội nắm lấy nó, ôm đầu nó, đập nhẹ nhẹ vào lưng nó và rầu rĩ:

– À không! À không! Không giết cậu Vàng đâu nhỉ!... Cậu Vàng của ông ngoan lắm! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi...

Lão buông nó ra để nhắc chén, ghé lên môi uống. Lão ngẩn mặt ra một chút, rồi bỗng nhiên thở dài. Rồi lão lẩm bẩm tính. Đây là lão tính tiền bòn vườn của con...

Sau khi thằng con đi, lão tự bảo rằng: “Cái vườn là của con ta. Hồi còn mồ ma mẹ nó, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng dè xẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu. Hồi ấy, mọi thức còn rẻ cả... Của mẹ nó tậu, thì nó hưởng. Lúc trước nó đòi bán, ta không cho bán là ta có ý giữ cho nó, chứ có phải giữ để ta ăn đâu? Nó không có tiền cưới vợ, phần chí bước ra đi, thì đến lúc có tiền để lấy vợ, mới chịu về, nếu nó không đủ tiền cưới vợ thì ta thêm vào với nó, nếu nó có đủ tiền cưới vợ, thì ta cho vợ chồng nó để có chút vốn mà làm ăn...” Lão tự bảo lão thế, và lão làm đúng như thế. Lão làm thuê để kiếm ăn. Hoa lợi của khu vườn được bao nhiêu, lão để riêng ra. Lão chắc chắn thế nào đến lúc con lão về, lão cũng có được một trăm đồng bạc...

Lão lắc đầu chán nản, bảo tôi:

– Ấy thế mà bây giờ hết nhẵn, ông Giáo ạ! Tôi chỉ ồm có một trận đấy thôi, một trận đúng hai tháng mười tám ngày, ông Giáo ạ! Hai tháng mười tám ngày đã không làm ra được một xu, lại còn thuốc, lại còn ăn... Ông thử tính ra xem bao nhiêu tiền vào đấy?...

Sau trận ốm, lão yếu người đi ghê lắm. Những công việc nặng không làm được nữa. Làng mất vè sợi, nghề vái đành phải bỏ. Đàn bà rối rãi nhiều. Còn tí việc nhẹ nào, họ tranh nhau làm mất cả. Lão Hạc không có việc. Rồi lại bão. Hoa mầu bị phá sạch sành sanh. Từ ngày bão đến nay, vườn lão chưa có một tí gì bán. Gạo thì cứ kém mãi đi. Một lão với một con chó, mỗi ngày ba hào gạo, mà gia sự vẫn còn đói deo đói dặt...

– Thì ra cậu Vàng cậu ấy ăn khỏe hơn cả tôi, ông Giáo ạ. Mỗi ngày cậu ấy ăn thế, bỏ rẻ cũng mất hào rưỡi hai hào đấy. Cứ mãi thế này thì tôi lấy tiền đâu mà nuôi được? Mà cho cậu ấy ăn ít thì cậu ấy gầy đi, bán hụt tiền, có phải hoài không? Bây giờ cậu ấy béo tròn trịch, mua đất, người ta cũng thích...

Lão ngắt lại một phút, rồi tặc lưỡi:

– Thôi thì bán phát đi! Đỡ được đồng nào, hay đồng ấy. Bây giờ tiêu một xu cũng là tiêu vào tiền của cháu. Tiêu lắm chỉ chết nó. Tôi bây giờ có làm gì được đâu!

*
* *

Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:

– Cậu Vàng đi đời rồi, ông Giáo ạ!

– Cụ bán rồi?

– Bán rồi! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt ầng ậng nước. Tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc, tôi hỏi cho có chuyện:

– Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

– Khốn nạn... Ông Giáo ơi! Nó có biết gì đâu! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược lên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiên, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bấy giờ cụ cậu mới biết là cụ cậu chết! Này! Ông Giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như là nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: “A lão già tặc lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?”. Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!

Tôi an ủi lão:

– Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó chả hiểu gì đâu! Vả lại ai nuôi chó mà chả bán hay giết thịt! Ta giết nó chính là hóa kiếp cho nó đấy, hóa kiếp để cho nó làm kiếp khác.

Lão chua chát bảo:

– Ông Giáo nói phải! Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hóa kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn!...

Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo:

– Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chẳng?

– Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng?

Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo:

– Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng: bây giờ cụ ngồi xuống phàn này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sướng.

– Vâng! Ông Giáo dạy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.

Lão nói xong lại cười đura đà. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại. Tôi vui vẻ bảo:

– Thế là được, chứ gì? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.

– Nói đùa thế, chứ ông Giáo cho để khi khác...

– Việc gì còn phải chờ khi khác?... Không bao giờ nên hoãn sự sung sướng lại. Cụ cứ ngồi xuống đây! Tôi làm nhanh lắm...

– Đã biết, nhưng tôi còn muốn nhờ ông một việc...

Mặt lão nghiêm trang lại...

– Việc gì thế, cụ?

– Ông Giáo để tôi nói... Nó hơi dài dòng một tí.

– Vâng, cụ nói.

– Nói thế này, ông Giáo ạ!

Và lão kể. Lão kể nhỏ nhẹ và dài dòng thật. Nhưng đại khái có thể rút vào hai việc. Việc thứ nhất: Lão thì già, con đi vắng, vả lại nó cũng còn dại lắm, nếu không có người trông nom cho thì khó mà giữ được vườn đất để làm ăn ở làng này, tôi là người nhiều chữ nghĩa, nhiều lí luận, người ta kiêng nể, vậy lão muốn nhờ tôi cho lão gửi ba sào vườn của thằng con lão, lão viết văn tự nhường cho tôi để không còn ai tư tưởng dòm ngó đến; khi nào con lão về thì nó sẽ nhận vườn làm, nhưng văn tự cứ đề tên tôi cũng được, để tôi trông coi cho nó...

Việc thứ hai: lão già yếu lắm rồi, không biết sống chết lúc nào, con không có nhà, lỡ chết không ai đứng ra lo cho được; để phiền cho hàng xóm thì chết không nhắm mắt; lão còn được hăm năm đồng bạc với năm đồng vừa bán chó là ba mươi đồng bạc, muốn gửi tôi, để lỡ có chết thì tôi đem ra, nói với hàng xóm giúp, gọi là của lão có tí chút, còn bao nhiêu đành nhờ hàng xóm cả...

Tôi bật cười bảo lão:

– Sao cụ lo xa quá thế? Cụ còn khỏe lắm, chưa chết đâu mà sợ! Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hây hay! Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại?

– Không, ông Giáo ạ! Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu?

Đã đành rằng thế, nhưng tôi bòn vườn của nó bao nhiêu, tiêu hết cả. Nó vợ con chưa có. Ngộ nó không lấy gì lo được, lại bán vườn thì sao?... Tôi cần rơm, cần cỏ tôi lạy ông Giáo! Ông Giáo có nghĩ cái tình tôi già nua tuổi tác mà thương thì ông giáo cứ cho tôi gửi.

Thấy lão nằn nì mãi, tôi đành nhận vậy. Lúc lão ra về, tôi còn hỏi:

– Có đồng nào, cụ nhật nhật đưa cho tôi cả thì cụ lấy gì mà ăn?

Lão cười nhạt bảo:

– Được ạ! Tôi đã liệu đâu vào đấy... Thế nào rồi cũng xong.

Luôn mấy hôm, tôi thấy lão Hạc chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy, hay bữa trai, bữa ốc. Tôi nói chuyện với vợ tôi. Thị gạt phắt đi:

– Cho lão chết! Ai bảo có tiền mà chịu khổ! Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Chính con mình cũng đói...

Chao ôi! Đối với những người quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương... Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau ích kỷ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận. Tôi giấu giếm vợ tôi, thỉnh thoảng giúp ngấm ngấm lão. Lão từ chối tất cả những cái gì tôi cho lão. Lão từ chối một cách gằn như là hách dịch. Và lão cứ xa tôi dần dần.

Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa ý họ... Một hôm, tôi phàn nàn việc ấy với Binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi. Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá. Hắn bĩu môi và bảo:

– Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tâm ngảm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu. Lão vừa xin tôi ít bả chó...

Tôi trở to đôi mắt, ngạc nhiên. Hắn thì thầm:

– Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xơi một bữa. Nếu nó trúng, lão với tôi uống rượu.

Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế đấy!... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...

*
* *

Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mãi mốt chạy sang. Máy người hàng xóm đến trước tôi đang xông xáo ở trong nhà. Tôi xông xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thành linh như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu. Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn: “Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...”.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 484, ngày 23-10-1943.

NƯỚC MẮT

(Truyện ngắn)

“...Car l’homme n’est laid ni pervers Qu’au regard sec de l’égoïsme Et l’eau d’une larme est un prisme Qui transfigure l’univers...”

(FRANÇOIS COPPEE)

(Người ta chỉ xấu xa, hư hỏng trước đôi mắt ráo hoảnh của phường ích kỉ; Và nước mắt là một miếng kính biến hình vũ trụ)

Gà gáy lần thứ nhất... Điền mở mắt ra rồi, nhưng vẫn còn tiếc cái giường. Cả đêm hấn chưa ngủ được giấc nào ngon. Tính ra, hấn phải dậy đánh diêm đến năm lần. Thằng bé nóng đầu suốt đêm, vợ Điền phải thức luôn mấy đêm rồi thành ra gắt gỏng với con. Chốc chốc Điền lại phải dậy châm đèn, lấy thuốc hay lấy nước cho con uống. Như vậy làm gì mà chả nhọc?

Điền uể oải ngồi lên, xuống giường. Trời đã sáng lờ mờ. Vợ Điền mới nằm yên. Thằng ở chợp mắt đi cũng chưa lâu. Điền chẳng muốn phiền ai. Tự thổi cơm lấy mà ăn bây giờ thì ngại lắm. Điền bèn nhất định không ăn cơm sáng nữa. Đi sớm cho được mát!...

Hấn đi rửa mặt xong, về mở tủ, thay quần áo, luồn cái ví vào túi, khóa tủ và rón rén bỏ cái chìa khóa vào túi vợ, Nhưng vợ hấn chưa ngủ mê. Thị giật mình, thức giấc. Thấy chồng đã áo mũ sẵn sàng, thị hỏi:

- Mình đi đấy à?
- Đi.
- Gọi nó dậy, nó thổi cơm cho mà ăn đã chứ?
- Thôi không ăn nữa. Ăn rồi mới đi thì nắng mất.
- Mãi đến chiều mới về mà không ăn thì đói, chịu sao được?
- Ra tỉnh, linh tiền rồi tôi sẽ vào hiệu ăn.

Hắn ra đi. Nhưng thị gọi giật lại:

– À này! Lúc về mình nhớ tạt vào cụ lang ngô huyện lấy thuốc cho em nhé.

– Thuốc thằng Chuyén ấy à? Còn nhiều lắm...

– Không! Thuốc cho con Hường kia!... Mặt nó lại lâm tâm đây những mụn.

– Vê chuyện, tìm thứ lá gì mát cho nó uống rồi nó khỏi. Máy cái mụn việc gì phải thuốc? Thuốc bây giờ rẻ cũng phải một đồng một thang. Nay thuốc mai thuốc thì rồi lấy gì mà ăn?

– Không có ăn, cũng phải cho nó uống. Chứng sài của nó ngày xưa đấy. Nó mới phát, uống dần đi vài ba thang thì nó khỏi. Chả hơn để nó phát ra đầy người, rồi mủ ế như ngày xưa cho tốn hàng chục thang ấy à?

– Ngày xưa khác. Ngày xưa nó còn bé; bé mới sài chứ lên năm rồi còn sài ư?

– Lên năm cũng còn sài. Con nhà người ta lên tám rồi còn sài kia. Mình đừng tiếc vài đồng bạc. Tiền thì ai chả tiếc. Tôi tiếc bằng trăm mình ấy. Nhưng cái thế không tiếc được. Mình cứ lấy cho nó uống!

– Ủ thì lấy: con lớn thuốc, con bé thuốc...

Thuốc lắm rồi sau cũng có lúc được đi ăn mày!

Hắn hăm hăm bước ra. Làm chẳng đủ ăn, hắn vốn cân nhắc việc tiêu tiền hơn một người keo: chỉ tiêu những món nào chẳng thể dừng. Mà chính hắn cũng đã được ốm nhiều rồi nên hắn không ghét gì bằng ghét thuốc. Theo ý hắn, thuốc chẳng chữa được bệnh gì, uống lắm chỉ tổ hại dạ dày. Hắn có một chứng bệnh tim uống không còn biết bao nhiêu thứ thuốc rồi mà vẫn tiền mất tật mang; sau cùng hắn bực mình, chẳng thèm uống một giọt thuốc nào nữa, thì cũng thế thôi, có chết đâu? Hắn còn có cảm tưởng như mình khỏe mạnh hơn trước nữa! Ờ, nếu thuốc quả có công hiệu như người ta vẫn khoe khoang thì chỉ nhà giàu là sống mãi thôi, còn bao nhiêu những người nghèo thì sẽ chết hết, không còn một mống; mà cái nhà hàn Hưng vẫn cho hắn vay tiền lãi mười phân; chẳng thiếu gì cao, quế, sâm, nhung kia, đã chẳng đời nào chịu không con. Còn cái nhà thị Đắc sản hậu bao ở cạnh nhà hắn kia, tất cả chết nghèo từ đời tám vánh nào rồi, đâu có còn sống đến bây giờ để thỉnh thoảng lại sang nhà hắn ngoạ đầu, ngoạ cổ kia xin dăm xu bánh đúc?... Thành thực hay mai

mĩa? Điền vẫn thường nói thế để có cơ mà hà tiện và tự yên ủi mình một chút. Nhưng vợ Điền không nghĩ thế. Đối với thị, hai đứa con là cả cuộc đời. Thị có thể nhịn mặc, nhịn ăn, chịu nhục với người ta, nhưng đừng ai cấm thị bán đi một cái nồi đồng hay một cái mâm thau hoặc cầm cố ruộng vườn để chạy chữa cho con, khi chúng ốm. Thị không thể bỏ liều chúng được. Chúng hơi nóng đầu, sổ mũi, thị đã lo sốt gáy. Khi một đứa ho chẳng hạn, thị thấy đau ở chính ngay ngực thị đúng như lời một nữ sĩ Tây phương đã nói...

– Thì ra đàn bà họ đều như thế cả. – Điền tự bảo khi đã ra khỏi nhà một lúc. Mà họ cũng cần phải thế; nếu vợ Điền lại khác, nếu thị không thiết gì con chẳng hạn, thì tất nhiên hẳn đã ghét và khinh thị rồi... Vậy Điền không nên tức. Hẳn không tức nữa. Nhưng bắt đầu tính toán; hẳn sẽ lĩnh được ba mươi đồng bạc. Thuốc cái Hường ba thang độ ba đồng, với một đồng ăn là bốn; tiền thuốc thằng Chuyên bảy đồng còn khát đấy; bốn với bảy mươi một... còn bao nhiêu thì đóng họ, đưa lãi nợ nữa là vừa hết xoắn, lại mãi đến đầu tháng sau mới có tiền. Suốt một tháng trời, lấy gì mà ăn, mà giặt, mà cắt tóc, mà cho anh phu trạm mỗi lần anh đưa thư hoặc báo? Ấy thế là lại vay!... Điền nghĩ đến tất cả những món nợ chồng chất lên đầu hẳn. Hẳn nghĩ đến quyển sách ước ao mua đã mấy tháng nay, hẳn nghĩ đến một cái sơ mi nằm trong tủ kính một hiệu may kia cứ tăng giá rất mau... Hẳn lại phải xót xa một lần nữa, mười đồng bạc nữa bỏ ra cho hai đứa con uống thuốc. Hẳn xót xa lắm. Nhưng hẳn không tức tối như lúc nãy. Hẳn chỉ thở dài ngao ngán cho kiếp mình...

*
* *

Mãi đến mười giờ Điền mới tới trạm Quỳnh Nha, nắng rất gắt đã từ lâu. Mặt hẳn đỏ gay, đẫm mồ hôi và chân hẳn thì bụi. Lần này là lần đầu tiên, hẳn lĩnh thư ở trạm này. Người đội trạm mặt xương xương, khi thấy hẳn xưng tên, há hốc miệng ra và nhìn hẳn một cách rất buồn cười. Có lẽ hẳn là người nhận được nhiều thư từ, báo, sách nhất ở vùng này. Ông đội trạm thuộc tên. Nhưng khi soạn thư, ông trông những phong bì gửi cho Điền phần nhiều là đánh máy và có in dấu, mà đoán là ông Lê Cư Điền ở Phú Ninh là một ông rất oai, rất nhiều tiền. Ông sửng sốt khi thấy ông Lê Cư Điền chỉ là một anh

chàng gầy như một cái tăm, mặc áo the, đi chân không và đội một chiếc mũ trắng cũ kĩ đến mấy năm chưa đánh phấn. Ông nhìn Điền từ đầu đến chân rồi mới hỏi Điền:

– Vu ở Phú Ninh lên đây bằng gì mà sớm thế?

– Tôi đi bộ đấy thôi.

– Nhanh quá nhỉ? Lại không đến hai mươi cây số à? Chắc ở mạn dưới ấy xe hiếm lắm, ít khi gặp được?

– Kể cũng sẵn, nhưng ưa đi bộ. Xe đắt lắm.

Ông không đợi một lời nói toạc móng heo ra như vậy. Ông đoán Điền phải thú nhận việc dè sẻn của mình thì ngượng lắm. Bởi thế ông đùa để chữa thẹn cho Điền:

– Tay này cừ thật, có vậy những anh xe mới không bắt bí. Cứ khinh chân học trò không quen đi bộ thì được ngồi trơ mắt ếch.

Điền hiểu ý tốt của ông, mỉm miệng cười.

– Thật ra thì cũng chẳng anh xe nào bắt bí tôi đâu, bởi vì tôi đã định ngay ở nhà chỉ đi chân. Nhờ trời tôi chưa đến nỗi già, không có lí gì người phu xe phải kéo một cái xe với một tôi mà còn có thể chạy một mạch từ Phú Ninh đến đây, mà tôi chỉ có tay không, mà lại không đi được. Thưa có phải thế không ạ?

– Vâng! Vâng!

Ông Đội trạm gật đầu rất hăng và cười. Điền vừa kí tên vào quyển sổ thư bảo đảm vừa cười với ông. Trao phong thư cho hấn xong, ông vồn vã mời hấn ngồi nghỉ xơi chén nước. Hấn nhận ngay, bởi đang nhọc và khát như cháy họng. Nhưng đang uống thì đứa con ông Đội trạm chạy vào. Điền thườn mặt ra ngay. Hấn khổ sở vì không có dăm, ba hào, để cho thằng bé, cho đúng phép trong những dịp tương tự thế. Bởi vậy mới uống hết một chén nước, hấn đã vội đứng lên từ biệt ông Đội trạm...

– Ấy! Ông ngồi chơi đã!... Đi bây giờ nắng chết!...

– Ông tha phép... Tôi phải ra tỉnh bây giờ cho kịp.

– À! Ông đi lĩnh măng đa? Vâng! Vậy thì ông đi... Con! Chắp tay vào chào ông!

Điền ngượng quá. Những lúc như lúc này mới càng thấy rõ không có tiền là nhục. Hấn lấp bắp mấy tiếng không rõ rệt cúi gằm mặt, bước vội ra khỏi nhà trạm, đi một quãng thật xa rồi vẫn chưa hết

nóng tai. Ông đội trạm chắc đang nghĩ rằng hắn là một thằng rất kiệt, rất tồi, có thể khóc òa lên được. Chao ôi! Chẳng là gì cả... Đó chỉ là những cái rất tầm thường, chẳng đáng cho một người cao thượng phải quan tâm; sự đói nhọc... Một chút lòng khinh của một người chẳng hiểu mình... Nhưng Điền cực lắm. Hắn thấy một lớp buồn tủi nữa chất thêm vào lòng...

*
* *

Ở nhà dây thép tỉnh, Điền phải đợi khá lâu. Người gửi tiền, lĩnh tiền đông. Điền thì lại ghét chen chúc và xô đẩy. Nhưng kết cục rồi cũng phải len vào. Nếu cứ muốn làm người nhà nhận mãi ở đây thì có lẽ chẳng bao giờ hắn lĩnh được ba chục bạc. Hắn lễ phép đưa căn cước và tám bưu phiếu cho người thư ký:

– Thưa ông, ông làm ơn...

– Ôn oán gì? Đợi đấy!

Điền sững sốt sao người ta lại có thể cực cần đến thế? Hắn hối hận vì đã phí một lời lịch sự. Gã kia thì vẫn cứ cúi đầu lia lịa viết, cau có, phụng phịu, làu nhàu, như cái kính với công chúng đến làm phiền gã. Điền lộ vẻ khinh bỉ và yên lặng đợi... Một lúc lâu sau, gã mới ngẩng đầu lên. Tức thì hàng chục cái bàn tay cầm căn cước chìa vào. Gã hùng hổ giật xoét lấy từng cái một, đập cả chồng đánh bẹt xuống bàn. Rồi vẫn hằm hằm, gã lần lượt giở từng chiếc một ra xem để phát tiền. May cho Điền, cái bưu phiếu của hắn ở trên cùng. Viên thư ký biên những điều cần, cộp cái dấu đề ngày, vào sổ, rồi ném cái giấy căn cước trả Điền. Gã ném theo cho Điền ba tập giấy bạc chỉ thoáng trông cũng biết là rách lắm. Điền nhăn mặt: ở nhà quê, giấy bạc rách quá người ta không chịu lấy. Điền kiểm lại. Kể thì cái nào cũng rách, nhưng cố nhiên là hắn không dám khó tính đến đòi đổi cả. Hắn chỉ nằn nì xin đổi một cái vừa rách làm ba, vừa nhòe nhoẹt mực. Viên thư ký lắc đầu quày quay:

– Không biết! Không biết! Không biết!

Điền không còn thể bình tĩnh nữa. Hắn đỏ bừng mặt, ném tờ giấy bạc vào:

– Thế này thì ông bảo tôi tiêu làm sao được?

Lập tức người thư ký đứng phắt lên, sừng sộ với Diên:

– Anh muốn vào tù phải không?

Diên biết gã nhận lầm mình bởi cái mũ tàng và cái áo the sờn, nên cứng cỏi nói bằng tiếng Pháp:

– Ông nên có lẽ độ một chút, ông phải biết: ông ăn lương để làm việc cho công chúng chứ không phải đối đãi với công chúng như những người đi lính chẵn.

– Nhưng... nhưng.

Gã nói không thành câu nữa. Mất gã cũng đỏ lên như một hòn gạch. Gã lại ngồi phịch xuống. Gã nhặt tờ giấy bạc, ném ra trả Diên:

– Không tiêu được thì vứt đi.

Cái quạt điện đang quay, nên tờ giấy bạc bay vèo. Những người chưa lĩnh được tiền sốt ruột, đẩy Diên ra. Diên chạy theo tờ giấy bạc, và xô ngã một con bé độ năm sáu tuổi, theo mẹ đi gửi giấy. Hấn vội vàng đỡ nó dậy, giữ áo quần cho nó. Đến khi hấn quay ra thì tờ giấy bạc đã biến đi đâu mất. Trông thấy cái mặt ngáy ra của hấn, một vài người cười chế nhạo. Diên thấy mình lộ bịch. Hấn bực tức chạy vội ra khỏi nhà dây thép, và cúi cổ bước thật nhanh, đi một quãng dài, không dám quay đầu lại. Đến khi gần ra khỏi tỉnh, hấn mới đi chậm hơn một chút, ấy thế là một đồng bạc mất! Hấn tức lên đến họng. Hấn vừa đi vừa nguyên rửa người thư kí. Rồi hấn lại nguyên rửa hấn. Bởi vì chính hấn cũng có lỗi một phần vào đấy nữa, hấn ân hận vì đã không chịu cứ nhận tờ giấy bạc rách ấy để đem lại nhà băng đổi. Hấn cứ loanh quanh nghĩ đến nó và tiếc mãi. Hấn nhất định nhìn bữa ăn đã định, để bù vào đấy. Hấn buồn bã đi thẳng về...

Về đến nhà thì trời đã sấm sấm tối. Diên nhọc ươn người. Hấn đi tập tễnh như một người què, bước vào sân. Vợ hấn hỏi ngay:

– Thuốc của cái Hường đâu?

Hấn chợt nhớ ra, thừ mặt, rồi chẳng đáp nửa lời hấn lại ồm rót nước, rót ra chén, ừng ực uống. Hấn uống hết chén này đến chén khác, không còn biết bao nhiêu chén. Mồ hôi vã ra như tắm. Uống xong, hấn mới vừa thở vừa bảo vợ:

– Tôi quên rồi!

Người đàn bà buông mặt xuống ngay. Thị dần dỗi với chồng:

– Quên! Chỉ quên suốt đời... Có mà tiếc tiền ấy! Quên!...

Quên thế nào...: Người đâu mà có người tệ thế!...

Điền gần muốn chạy lại vợ mà bóp cổ. Con vợ thật là khốn nạn! Sau một ngày hắn đã phải chịu không còn biết bao nhiêu nỗi khổ, đây là những lời thở ra để mà đón hắn! Hắn quắc mắt lên, và nghiêng răng...

– Im ngay! Câm cái mồm!

– Câm... Câm cái gì...? Mình trông con kia kìa! Mặt nó sưng lên bằng cái lênh. Chẳng còn trông thấy mắt, và mụn thì đầy lên kia.

Thị nói như gào. Điền đưa mắt nhìn con gái. Mặt nó sưng to thật. Hắn nghẹn ngào trong cổ, không nói được. Vợ hắn càng gào mãi lên:

– Tiếc tiền! Tiếc tiền!... Nó chết rồi để tiền mà tiêu.

Điền tức sùi bọt mép. Mắt hắn lóe ra lửa. Hắn giơ một bàn tay run lên, đánh nhịp cho lời bực dọc đến thành tàn nhẫn:

– Cho nó chết! Cho nó chết!...

Sống làm gì nữa? Nay ốm, mai đau thì chết đi cũng phải!... Sống lắm cũng chỉ khổ và làm người ta khổ thôi, được gì? Chết đi! Mà chết đi!...

Nói xong, Điền hét lên:

– Thằng Bình đâu?

Không thấy thằng ở chạy lên, Điền quát hỏi con:

– Thằng Bình nó đi đâu Hường?

Hường sợ hãi, trả lời bằng một câu dứt làm mấy đoạn.

– Nó lại đau bụng xin về rồi.

– Cả thằng ấy nữa!... Nó cũng chết đi cho rảnh! Nay đau bụng, mai đau bụng... Nay xin về, mai xin về!...

Hắn vùng vằng đi vào nhà, quăng mũ quăng áo, quăng nốt cả cái thân xác mỗi một xuống một cái giường, thở hổn hển, như để đẩy bớt ra ngoài cái khí giận đang cuộn cuộn trong ngực. Hắn thấy mình khổ quá, khổ như một con chó. Hắn nhìn đói từ sáng đến giờ. Hắn đi bộ què chân, nắng hơ xém cả da. Hắn sên từ đồng xu uống nước trở đi. Hắn chịu nhục với mọi người... Như thế, bởi vì đâu?! Chẳng phải vì vợ, vì con ư? Nhưng nào vợ con có thèm biết cho đâu! Đã chẳng an ủi một lời, vợ hắn còn vợ lấy một sự hắn quên để mà day nghiêng hắn. Ừ, mà cho rằng hắn không quên nữa, cho rằng hắn không lấy thuốc cho con là cố ý, là muốn khỏi mất mấy đồng bạc nữa, thì vợ hắn có

nên nói tẻ hần như vậy hay không? Hần hà tiện vì ai? Hần khổ sở vì ai, riêng vào cái thân hần chẳng phí phạm một đồng xu nào cả. Mấy mươi lần vợ hần giục hần may một cái áo sơ mi, hần chỉ ư hừ rồi để đấy, chưa bao giờ dám bỏ tiền ra mà may cả. Thế rồi bao nhiêu tiền cũng vào vợ, vào con hết... Hần bủn xỉn, hần tiếc tiền... ừ, nhưng mà hần tiếc tiền cho ai... Điền cứ càng nghĩ càng thấy hần là người khổ, vợ hần là người tẻ bạc. Hần muốn chẳng thiết gì vợ con, nhà cửa nữa. Hần sẽ đi phất một nơi nào, sống cho mình, đứa nào chết mặc thầy, bấy giờ họa chẳng vợ hần mới biết thân!...

Ở ngoài hè, vợ Điền bảo thăm con:

– Con vào hỏi xem thầy có xơi cơm thì u thôi.

Điền nghe thấy mà nuốt bọt. Hần đang thềm cơm lắm. Nhưng không hiểu sao Điền muốn nhịn, muốn đày đọa mình cho khổ hơn thế nữa, hơn nhiều nữa. Hần thấy một cái thú chua chát trong sự tự làm khổ mình như vậy. Bởi thế khi Hường vào, rụt rè nhắc lại câu mẹ dặn, Điền quát lên với nó:

– Không ăn!

Nó bịu xịu đi ra. Mẹ con thì thăm. Rồi Hường lại rón rén vào:

– Thầy có xơi cháo đậu để u con đi nấu.

– Không ăn!

Biết rằng chồng giận, vợ Điền phải thân hành vào vậy. Thị ôn tồn hỏi:

– Mình ăn cơm rồi à?

Điền không đáp. Thị lẳng lẳng một thoáng, rồi lại bảo:

– Mình ăn từ trưa thì bây giờ đói rồi, còn gì? Hay là mình nhọc, không muốn ăn cơm? Tôi quấy cho mình một chút bột sắn mình ăn nhé?

– Không ăn! Đừng hỏi gì lôi thôi!

Vợ Điền sầm mặt, ẵm con đi nằm. Điền thấy hơi hả dạ. Nhưng bỗng con bé Hường chạy vội ra đầu chái, về phía giường Điền. Điền nghe tiếng đôi guốc của nó lép kẹp rất nhanh một thoáng, rồi im lặng. Rồi Hường sịt mũi. Nó sịt sịt rất lâu ngoài ấy. Nó nghẹt mũi hay nó khóc? Điền cố lắng tai nghe. Hần thấy những tiếng Hường nức nở. Hần đột nhiên rúm người. Lòng hần quăng ra. Những ý giận hờn bữa bộn vụt tan, còn lại hình ảnh bé nhỏ của Hường, với cái mặt đầy mụn và sưng lên của nó, đôi mắt giàn giụa nước và miệng méu.

Con bé, còn nhỏ tuổi nhưng đã rất hay khóc vụng; mỗi lần muốn khóc nó lại tránh ra một chỗ, cố nén tiếng, không cho ai biết. Điền thấy thương nó quá. Tội nghiệp cho con bé! Nó ốm đau luôn và thường thường bị mẹ mắng chửi suốt ngày như tát nước. Mẹ nó mắng chửi nó nhiều khi bất công và vô lí. Nhưng lạ thay! Lúc này Điền không vin vào đấy mà trách vợ. Hấn thấy vợ hấn không tệ. Thị vốn thương con lắm. Những lúc thị gắt gỏng với con như thế chỉ là những lúc thị sốt ruột quá, lo lắng quá. Cũng như hấn vậy sao hấn nỡ đem lòng giận thị? Ai chả thế? Người không phải là thánh. Sự khổ sở dễ khiến lòng chua chát. Khi người ta lam lũ quá, lại còn lo trăm thứ, bị làm rầy vì trăm thứ, thì ai mà bình tĩnh được? Ai mà chả hay gắt gỏng? Gắt gỏng thì chính mình khổ trước, không giữ được thì phải bật ra ngoài như vậy. Thật ra có ai muốn cau có làm chi?... Vậy thì vợ hấn gắt lên với hấn lúc này cũng chỉ là việc thường thôi. Cũng như hấn đã gắt lại với thị và với con. Cũng như ông Kí nhà dây thép...

Ngẫm nghĩ một lúc, Điền thấy thương ông ấy quá. Điền tưởng ra cho ông ấy một gia đình đông con và túng thiếu tựa nhà Điền. Số lương chẳng đủ tiêu. Sau mỗi ngày công việc rối rít mù, loạn óc lên vì những con số, vì những cái bưu phiếu nợ chưa xong đã đến cái kia, ông mỗi mệch trở về nhà lại phải nghe mấy đứa con lớn chí chóc đánh nhau, đứa con nhỏ khóc, chủ nợ réo đòi và vợ thì sưng sứa hoặc gào thét như một con mẹ đại. Nhà cứ om lên như chợ. Đêm nằm ông nghe vợ bàn bạc; ông nghĩ đến trăm thứ tiền, trăm thứ việc, ông nằm mơ thấy mình trúng số, để sáng hôm sau tưng hứng, lại mãi một đi đến số, nhắm mắt lại khi thấy những người gửi tiền, người lĩnh tiền đi vòng trong, vòng ngoài và người nào cũng muốn ông làm trước cho...

Điền nhớ đến một ông phán lảng giềng nhà hấn, khi hấn còn là một ông giáo một trường tư ở một vùng ngoại ô kia. Ông có năm con, một mẹ già, một vợ, một em. Ông mặc những cái áo sờn vai và những cái áo sơ mi nếu không rách cổ thì cũng mạng vá lung tung. Nhà ông chẳng lúc nào yên, đàn trẻ khóc như ri. Mẹ chồng nghiền rút con dâu, con dâu cãi lại mẹ chồng. Cô em nói mĩa mai. Chỉ vì người nào cũng khổ cả, vì người nợ cứ tưởng vì người kia mà khổ. Chiều nào cũng tận đến lúc lên đèn, ông Phán mới về được đến nhà. Ông ngồi cắm mặt, ăn vọi vàng máy bát cơm, chẳng nói với ai. Chẳng nhìn ai. Rồi rút một cái tằm, ông mãi một đi nằm để thờ một

cách hấn hỏi. Nhưng nào ông có được thở hấn hỏi? Bà mẹ vợ lấy ông mà trách móc nọ kia để chì chiết với ông. Vợ ông cũng vợ lấy ông mà khóc mếu đay chì lại mẹ ông. Ông chẳng biết bệnh ai, chỉ nằm thẳng người ra như kẻ chết rồi, mắt trừng trừng ngó lên trần, nhiều lúc bực tức quá phải giần giụa nước mắt... Một buổi chiều đang ngồi trong tiệm ăn, Điền thấy ông cúi thủ bước vào, ông đến ngồi ở một cái bàn con tận trong một góc phòng, quay mặt vào tường. Ông bảo bồi lấy cho ông năm cái chả bánh đa. Ông ăn rất ngon lành. Ăn xong, ông lại cúi thủ đi ra, nét mặt vô cùng hể hả. Điền đưa mắt theo dõi ông từng cử chỉ, chợt nhớ ra rằng hôm ấy là cuối tháng. Hấn có cảm tưởng như ông đi ăn vụng vợ con ở nhà...

Điền rất bùi ngùi. Hấn bùi ngùi cả cho ông Kí đã gây sự với hấn sáng hôm nay. Hấn chắc rằng vì việc ấy mà tối hôm nay ông còn buồn bực hơn tối mọi ngày. Hấn cũng vậy, hấn chả thường vẫn buồn bực rất lâu vì những việc xảy ra không đáng kể đó ư? Chao ôi! Chẳng qua hấn và ông cũng cùng khổ như nhau cả đấy thôi!

Yên ủi nhau còn chẳng thấy đâu, còn làm khổ lẫn nhau làm gì nữa? Điền hối hận vì cái cử chỉ đối với ông vô cùng...

Bây giờ trong lòng hấn chỉ còn lại sự xót thương. Hấn thương vợ, thương con, thương tất cả những người phải khổ đau. Lòng hấn thiết tha rướn lên, muốn vươn ra để áp ôm lấy mọi người. Mắt hấn đầm đìa. Hấn gọi con rất dịu dàng:

– Hường ơi!... Vào đây với thầy, con!...

Con bé lau nước mắt xong rồi mới chạy vào. Nó rón rén đứng bên giường:

– Thầy bảo con gì cơ?

– Con lên đây nằm thầy quạt cho.

Vợ hấn biết là chồng đã hết giận bảo chồng:

– Mình lại đây này... Cả cái Hường cũng lại đây nằm ghé bên ẻm. Em nó ngủ rồi. Mình quạt cho cả thằng Chuyên với cái Hường. Tôi đi lấy gạo thổi cơm. Lúc này còn một ít cơm nguội, chúng nó ăn, tôi cũng chưa ăn gì...

Tiểu thuyết thứ bảy, số 488, ngày 20-11-1943.

ĐỜI THỪA

(Truyện ngắn)

Từ ngừng mặt lên nhìn Hộ ba lần. Ba lần, Từ muốn nói, nhưng lại không dám nói. Hắn đang đọc chăm chú quá. Đôi lông mày rậm của hắn châu đầu lại với nhau và hơi xếch lên một chút. Đôi mắt sáng quắc có vẻ lồi ra. Cái trán rộng hơi nhăn. Đôi lông quỳên đứng sừng sững trên bờ hai cái hố sâu của má thì bóng nhẫy. Cả cái mũi cao và thẳng tắp cũng bóng lên như vậy. Cái mặt hốc hác ấy, nghiêng nghiêng bên trên quỳên sách, trông khắc khổ đến thành dữ tợn. Từ thấy sợ...

Từ yêu chồng bằng một thứ tình yêu rất gần với tình của một con chó đối với người nuôi. Từ bản tính rất dịu dàng rất tận tâm. Và lại Hộ, đối với Từ, còn là một ân nhân nữa. Hộ đã cúi xuống nỗi đau khổ của Từ. Hộ đã cúi xuống và đã đưa một bàn tay cầm lấy cái bàn tay mềm yếu của Từ, giữa lúc Từ đau đớn không bờ bến: Từ bị tình nhân bỏ với một đứa con vừa mới đẻ. Gã tình nhân vô liêm sỉ ấy, Từ đã yêu hắn bằng cả tấm lòng yêu lúc ban đầu. Từ đã tin như người ta tin một vị thần. Từ đã hiến mình một cách không dè dặt, tâm hồn và xác thịt. Và khi biết mình sắp có một đứa con, Từ không hề hối hận một mảy may: Từ rất bằng lòng. Ấy thế mà hắn đã phụ Từ, phụ một cách hèn nhát và khốn nạn, ngay chính vào lúc Từ cần đến hắn để bảo tồn sự sống và danh dự, lúc đứa con ra đời. Từ sững sốt vô cùng. Từ không tin ở sự thật rành rành. Rồi khi sự sững sốt qua thì Từ khóc. Từ khóc như mưa, khóc tưởng chẳng bao giờ còn lặn được. Từ khóc, và ôm con ngồi nhịn đói, bởi vì Từ chẳng còn biết trông cậy vào ai, trừ bà mẹ già mù và quanh năm nay ốm mai đau, mà Từ vẫn phải nuôi. Bà mẹ già biết làm sao? Bà chỉ còn một cách là còn được ít nước mắt nào thì rỏ cả ra mà khóc với con, và cả mẹ lẫn con chỉ có một cách là khóc cho đến khi nào bao nhiêu xương thịt đều chảy ra thành nước mắt hết, để rồi cùng chết cả. Giữa lúc ấy thì Hộ mở rộng đôi cánh tay ra, đón lấy Từ. Hộ nuôi Từ, nuôi mẹ già, con đại cho Từ.

Hộ nhận làm bố cho đứa con thơ. Vì muốn yên ủi Từ và cứu lấy danh dự của Từ. Hộ đã chính thức nhận Từ làm vợ. Rồi Hộ đứng ra làm ma cho bà mẹ Từ, khi bà cụ mất. Biết bao nhiêu là ân nghĩa! Từ có yêu Hộ đến đâu, có chịu khó đến đâu, có làm nô lệ cho Hộ suốt đời Từ nữa thì cũng chưa đủ để đền ơn. Bởi thế nên luôn mấy năm trời, Hộ thấy Từ là một người vợ rất ngoan, rất phục tùng, rất tận tâm. Và đáng lẽ thì Hộ phải sung sướng lắm.

Nhưng Hộ chỉ sung sướng được ít lâu thôi. Sau cái hành vi đẹp của hắn, và cái hành vi ấy được trả công bằng một tình yêu rất êm đềm, hắn chỉ còn nghĩ đến gia đình, chỉ cốt làm sao nuôi được gia đình. Hộ vốn nghèo. Hắn là một nhà văn, trước kia, với cách viết thận trọng của hắn, hắn chỉ kiếm được vừa đủ để một mình hắn sống một cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ. Nhưng bấy giờ hắn chỉ có một mình. Đói rét không có nghĩa lí gì đối với gã trẻ tuổi say mê lý tưởng. Lòng hắn đẹp. Đầu hắn mang một hoài bão lớn. Hắn khinh những lo lắng tũn mủn về vật chất. Hắn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hắn ngày một thêm nảy nở. Hắn đọc, ngâm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán. Đối với hắn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả; ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa. Hắn bần khoản nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời... Thế rồi, khi đã ghép đời Từ vào cuộc đời của hắn, hắn có cả một gia đình phải chăm lo. Hắn hiểu thế nào là giá trị của đồng tiền; hắn hiểu những nỗi đau khổ của một kẻ đàn ông khi thấy vợ con mình đói rách. Những bận rộn tẹp nẹp, vô nghĩa lí, nhưng không thể không nghĩ tới, ngốn một phần lớn thì giờ của hắn. Hắn phải cho in nhiều cuốn văn viết vội vàng. Hắn phải viết những bài báo để người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc. Rồi mỗi lần đọc lại một cuốn sách hay một đoạn văn kí tên mình, hắn lại đỏ mặt lên, cau mày, nghiêng răng vò nát sách và mắng mình như một thằng khốn nạn... Khốn nạn! Khốn nạn thay cho hắn! Bởi vì chính hắn là một thằng khốn nạn! Hắn chính là một kẻ bất lương! Sự cầu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cầu thả trong văn chương thì thật là đê tiện. Chao ôi! Hắn đã viết những gì? Toàn những cái vô vị, nhạt phèo, gợi những tình cảm rất nhẹ, rất nông, diễn một vài ý rất thông thường quấy loãng trong một thứ văn bằng phẳng và quá ư dễ dãi. Hắn chẳng đem một chút mới lạ gì đến văn chương. Thế nghĩa là hắn là một kẻ vô ích, một người thừa. Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài

kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có... Hấn nghĩ thế và buồn lắm, buồn lắm! Còn cái gì buồn hơn chính mình lại chán mình? Còn gì đau đớn cho một kẻ vẫn khát khao làm một cái gì mà nâng cao giá trị đời sống của mình, mà kết cục chẳng làm được cái gì, chỉ những lo cơm áo mà đủ mệt? Hấn để mặc vợ con khổ sở ư? Hấn bỏ liều, hấn ruồng rẫy chúng, hấn hy sinh như người ta vẫn nói ư? Đã một vài lần hấn thấy ý nghĩ trên đây thoáng qua đầu. Và hấn nghĩ đến câu nói hùng hồn của một nhà triết học kia: “Phải biết ác, biết tàn nhẫn để sống cho mạnh mẽ”. Nhưng hấn lại nghĩ theo rằng: Từ rất đáng yêu, rất đáng thương, hấn có thể hy sinh tình yêu, thứ tình yêu vị kỉ đi; nhưng hấn không thể bỏ lòng thương; có lẽ hấn nhu nhược, hèn nhát, tầm thường, nhưng hấn vẫn còn được là người: Hấn là người chứ không phải là một thứ quái vật bị sai khiến bởi lòng tự ái. Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai kẻ khác để thỏa mãn lòng ích kỉ. Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác trên đôi vai mình. Và lại hèn biết bao là một thằng con trai không nuôi nổi vợ, con. Nếu hấn không nuôi nổi vợ con thì còn mong làm nên trò gì nữa?... Hấn tự bảo: “Ta đành phí đi một vài năm để kiếm tiền. Khi Từ có được một số vốn con con để làm ăn! Sự sinh hoạt lúc này chẳng dễ dàng đâu! Từ khi đứa con này chưa kịp lớn lên, đứa con khác đã vội ra, mà đứa con nào cũng nhiều đẹn, nhiều sài, quấy rức, khóc mếu suốt ngày đêm và quanh năm uống thuốc. Từ săn sóc chúng đã đủ ốm người rồi, chẳng còn có thể làm thêm một việc khác nữa. Hộ điền người lên vì phải xoay tiền. Hấn trở nên cau có và gắt gỏng. Hấn gắt gỏng với con, với vợ, với bất cứ ai, với chính mình. Và nhiều khi, không còn chịu nổi cái không khí bực tức ở trong nhà, hấn đang ngồi bỗng đứng phắt lên, mắt chan chứa nước, mặt hầm hầm, vung vẩy đi ra phố, vừa đi vừa nuốt nghẹn. Hấn đi lang thang, không chủ đích gì. Rồi khi gió mát ở bên ngoài đã làm cái trán nóng bừng nguội bớt đi và lòng trút nhẹ được ít nhiều uất giận, hấn tạt vào một tiệm giải khát mà uống một cốc bia hay một cốc nước chanh. Hấn tìm một người bạn thân nào để nói chuyện văn chương, ngỏ ý kiến về một vài cái chương trình mà hấn biết ngay khi nói là chẳng bao giờ hấn có thể thực hành, rồi lặng lẽ nghĩ đến cái tác phẩm dự định từ mấy năm nay để mà chán ngán. Hấn thừ mặt ra, như một kẻ phải đi đày, một buổi chiều âm thầm kia, ngồi trông một làn khói nặng u buồn mà nhớ quê hương. Hấn

cũng nhớ nhung một cái gì rất xa xôi... những mộng đẹp ngày xưa... một con người rất đáng yêu đã chẳng là mình nữa. Hấn lắc đầu tự bảo... “Thôi thế là hết! Ta đã hỏng! Ta đã hỏng đứt rồi”. Và hấn nghĩ đến cái tên hấn đang mờ dần đằng sau những tên khác mới trôi ra, rục rờ hơn... Rồi hấn ra về, thờ thẩn. Những sự bực tức đã chìm đi, lòng hấn không còn sôi nổi nữa, nhưng rữ buồn...

*
* *

Ít lâu nay, mỗi lần ra đi, Hộ không chỉ trở về buồn bã mà thôi. Hấn say mê. Thường thường hấn đã ngủ một nửa ngày từ khi còn ở dọc đường; và vừa về đến nhà, chưa kịp thay quần áo, tháo giày, đã đổ như một khúc gỗ xuống bất cứ cái giường nào, ngủ say như chết. Từ phải chờ khi con ngủ mệt, rón rén lừa con, dậy lại tháo giày, cởi quần tây cho hấn, luồn một cái gối xuống gáy hấn, và cố nhấc chân, nhấc tay hấn, đặt cho hấn nằm ngay ngắn lại... Nhưng cũng có đêm hấn chưa ngủ vội. Hấn đi thẳng lại trước mặt Từ. Hấn cúi xuống, quắc mắt nhìn Từ, gõ gõ một ngón tay trở vào trán Từ và dọa như người ta dọa trẻ con:

– Ngày mai... mình có biết không?... Chỉ ngày mai thôi! – Là tôi đuổi tất cả mấy mẹ con mình ra khỏi cái nhà này... Tôi đuổi tất, không chừa một đứa nào, kể cả con bé Thảo là con ngoan nhất... Mấy đứa kia đều đáng vật một nhát cho chết cả! Chúng nó chỉ biết ăn với hét! Cả con mẹ nữa, con mẹ là mình ấy... cũng đáng vật một nhát cho chết nốt, bởi vì chỉ biết ăn rồi ngồi ôm con như nhện ôm khư khư bọc trứng, không chịu làm thêm việc gì cho có tiền. Chỉ khổ thằng này thôi! Chỉ khổ thằng này thôi!

Hấn rít lên như vậy. Rồi hấn lại mím chặt môi, đôi mắt ngẫu nhiên nhìn vào tận mặt Từ. Từ chẳng dám cãi nửa lời, chỉ lẳng lặng cúi mặt nhìn xuống, như một đứa trẻ con biết mình có lỗi khi người ta quở phạt. Bởi vậy hấn trừng trộ một lúc rồi quay ra, loạng choạng cởi quần, cởi áo, hấn vắt bữa bộn xuống giường. Rồi hấn tháo giày, quăng từng chiếc một vào xó nhà. Có khi máy tay, hấn quăng cả những vật gì thấy trên bàn. Rồi lải nhải mắng Từ về tội không biết thu dọn nhà cho gọn ghẽ. Hấn nói chán rồi đi ngủ. Bấy giờ Từ mới dám đứng lên treo quần áo cho hấn lên mắc và thu dọn tất cả những

thức hấn đã vút lống chổng ra đây nhà.

Lần đầu. Từ sững sốt. Từ chẳng hiểu ra sao. Từ đoán chồng nghe ai nói nên ghen bóng, ghen gió chi đây. Từ khóc suốt đêm và dự định sẵn những câu để sáng hôm sau nói. Nhưng sáng hôm sau, hấn không để cho Từ phải nói. Hấn bẽn lễn kêu mình đã quá chén hôm qua, hỏi Từ về những thủ đoạn vũ phu của mình rất buồn cười, rồi xin lỗi Từ, hôn hít các con như một người cha tốt. Hấn tuyên bố từ giờ chừa rượu và giữ được khá lâu, nhưng rồi lại uống và say như lần trước để làm những trò vừa buồn cười vừa đáng sợ như lần trước. Cứ thế mãi, Từ quen đi, không giận nữa. Nhưng Từ lơ mờ hiểu nỗi đau khổ mà có lẽ chính Từ đã gây cho chồng. Từ hiểu và Từ buồn lắm, buồn lắm lắm. Còn gì buồn cho bằng mình biết mình làm khổ cho người mà mình yêu? Nhưng Từ biết làm sao được? Đã nhiều lần Từ muốn ẵm con đi. Đã nhiều lần Từ muốn bỏ liều con để đi làm. Từ muốn hy sinh. Nhưng lòng Từ mềm yếu biết bao! Từ là vợ! Từ là mẹ. Từ sống với những tình cảm thông thương của đàn bà. Từ rất yêu chồng và thường nhận ra rằng chồng Từ cũng yêu Từ, cũng muốn có Từ. Những khi Từ ốm đau chẳng hạn. Hộ lo xanh mắt và thức suốt đêm để trông coi thuốc thang cho vợ. Đối với các con cũng vậy. Chỉ xa chúng mấy ngày, Hộ đã nhớ và lúc về thấy các con chạy ra reo mừng và nắm lấy áo mình, thường thường Hộ cảm động đến ứa nước mắt. Hấn hôn hít chúng vô vập lắm... Biết đâu hấn sẽ sung sướng khi không con, không vợ? Từ nghĩ thế. Và lại nếu không nghĩ thế thì Từ cũng chẳng dám tìm cách mà xa hấn. Mới nghĩ đến sự xa hấn Từ đã phải thổn thức đến bật tiếng khóc ra được rồi... Từ đành chỉ cố ngoan ngoãn hơn, đáng yêu hơn. Từ nhịn mặc, nhịn ăn để bớt những món tiêu. Từ thu xếp cửa nhà ngăn nắp, sạch sẽ, gọn gàng. Nhất là Từ hết sức ngăn những tiếng khóc, tiếng nô đùa của lũ con. Từ sợ cả nói với chồng. Bởi vậy ba lần nhìn chồng để toan nói, Từ thấy chồng đang đọc sách chăm chú quá, không dám nói, lại cúi mặt xuống nhìn con đang nằm trong lòng Từ.

Nhưng Hộ bỗng ngoảnh mặt lên. Hấn vừa gặp được một đoạn hay lắm nên ngừng đọc, ngẫm nghĩ và để cho cái khoái cảm ngán ra trong lòng. Đôi mắt hấn, tuy mới rời trang sách đã nhìn ngay lại phía Từ. Hấn mỉm cười. Từ cũng mỉm cười. Hấn bảo:

– Này, Từ ạ... Nghĩ cho kĩ, đời tôi không đáng khổ mà hóa khổ, chính tôi làm cái thân tôi khổ, tôi mê vẩn quá nên mới khổ. Ấy thế

mà, tuy khổ thì khổ thật, nhưng thử có người giàu bạc vạn nào thuận đổi lấy cái địa vị của tôi, chưa chắc tôi đã đổi. Tôi cũng không thích bằng. Sướng lắm! Sao thiên hạ lại có người tài đến thế? Mình tính: người ta tả cái cảnh một người nhớ quê hương chỉ mất có ba câu, đúng ba câu!... Mình có hiểu không? Ba câu giản dị một cách không ngờ mà hay được đến như thế này...

Hắn đọc lại đoạn văn. Hắn dịch nghĩa để Từ nghe. Hắn giảng giải cho Từ. Tuy Từ chẳng hiểu được bao nhiêu, nhưng cũng tin lời hắn lắm. Từ giữ mãi nụ cười hiền dịu trong khi nghe hắn nói. Khi hắn ngừng nói đã được một lúc khá lâu, Từ mới làm như chợt nhớ ra:

– Có lẽ hôm nay đã là mồng hai, mồng ba tây rồi, mình nhỉ?

– À phải! Hôm nay mồng ba... Giá mình không hỏi tôi thì tôi quên. Tôi phải đi xuống phố.

Từ nhắc khéo:

– Hèn nào mà em thấy người thu tiền nhà sáng nay đã đến...

Hộ sầm mặt lại:

– Tiền nhà... tiền giặt... tiền thuốc... tiền nước mắm. Còn chịu tất! Tháng vừa rồi tiêu tốn quá, mới mồng mười đã hết tiền. May mà còn có đất mua chịu được.

Hắn nghĩ đến món tiền hắn đã tiêu phí mấy hôm đầu tháng. Mỗi lần hắn bực tức hay chán nản, hắn lại đi uống rượu, thành thử hết tiền sớm. Từ không hé môi phàn nàn nửa tiếng, nhưng cả tháng Từ ăn và bắt các con ăn kham khổ, thường thường đói nữa! Quà sáng thì bỏ hẳn, có khi bữa tối cũng nhịn cơm, ăn cháo, Hộ trông thấy thế, thương vợ, thương con quá, và ân hận vì mình đã tiêu quá trớn. Bởi vậy suốt từ mồng mười đến hết tháng, hắn không ra khỏi nhà để chẳng phải tiêu thêm tí gì...

Hắn vừa mặc quần áo, vừa nhắc thầm trong trí:

– Nhất định hôm nay không đi đâu cả... Lấy tiền xong là về ngay,...

Nhưng Từ bảo:

– Mình đi phố thì đi ăn đi nhé. Còn có ít gạo chỉ đủ cho lũ trẻ. Em chả đong thêm nữa, để mai trả tiền rồi lấy luôn thêm một thể... Em không để cơm mình đâu đấy... Nhà chẳng còn gì ăn...

Hộ hơi cau mày. Bởi vì hắn sợ bước vào tiệm ăn lắm, hắn có thể

gặp ở đây một vài người bạn... và khi ấy thì... ôi thôi! Mặc kệ gia đình và những cái gì còn lại!... Hắn sẽ uống rất khỏe, nói toàn những chuyện vá trời lấp biển, rồi đi la cà đến hết đêm mới về. Hắn nghỉ ngơi một chút rồi hắn bảo:

– Được! Tôi sẽ mua cái gì về để cả nhà cùng ăn.

– Đừng! Phiền nữa! Em cứ cho chúng nó ăn cơm trước rồi đi ngủ.

– Đừng ăn trước... Đợi tôi đem thức ăn về, ăn một thể. Tôi về sớm. Cả tháng chúng nó đói khát, khổ sở, hôm nay có tiền cũng nên cho chúng nó một bữa ăn ra hồn.

Từ mỉm cười:

– Vẽ chuyện!

Hắn mỉm cười, đáp lại. Hắn gằn Từ, cúi xuống nắm lấy tay đứa bé và gọi nó. Mặt hắn và mặt Từ ghé sát. Hắn cố ý khê chạm môi mình vào má Từ một cái. Từ vờ giữ mấy cái bụi ở tay áo hắn. Vợ chồng nhìn nhau âu yếm. Hắn vuốt má Từ một cái rồi ra đi.

*

* *

Ở tòa báo ra, Hộ đi thẳng tới một hiệu thịt quay. Hắn định mua mấy hào thịt, vài cái bánh tây, gói đem về. Lòng hắn sáng bừng. Hắn tưởng tượng ra cái cảnh lũ con cháu ăn và những miếng bánh thật to, miếng phụng phịu và môi bóng nhờn những mỡ. Cái cảnh thô tục và cảm động! Hắn sẽ cười thỏa thích. Còn Từ sẽ ngồi bên hắn mà nhìn chúng, đôi mắt sung sướng và thương hại loang loáng ướt... Đến trước cửa hiệu thịt quay, Hộ dừng lại. Hắn cẩn thận nhìn trước nhìn sau, trước khi vào. Một người quen có thể đi qua, và nếu không có gì đáng ngại ngoài đường phố... Nhưng trong hiệu, một thiếu nữ đẹp đang mặc cả... Hắn đành đợi vậy. Trong khi đợi hai tay chắp sau lưng, hắn làm ra vẻ đợi một người bạn vừa vào một nhà nào gần đấy. Bỗng một bàn tay đập mạnh vào vai khiến hắn giật mình quay lại. Trung nhếch môi cười lạnh lẽ và Mão cười âm ỉ, cùng đưa tay cho hắn bắt:

– Mãi ngắm nàng thơ mà ngây người ra thế?

Hộ áp úng:

– À! Các anh!..

- Không theo gót sen nào đấy chứ?
- Cũng may tôi không còn hai mươi tuổi nữa!
- Cái ấy không quan hệ! Thi sĩ là người giữ được mình trẻ mãi và đến muôn năm cũng vẫn còn trinh bạch.
- Cũng may tôi lại cũng không là thi sĩ nốt.
- Nghĩa là chẳng theo nàng nào cả?
- Thế thì đi theo hai thằng này!

Hộ nhìn Trung và Mão một thoáng rồi mới hỏi:

- Làm chi?
- Chẳng làm chi cả!
- Thế thì đệ kiếu. Đệ phải về kéo hết tàu điện.

Trung cau mặt nhìn Hộ một cách kinh ngạc và khinh bỉ:

- Sao lại có người điên đến thế? Về giữa lúc chiều thì đẹp mà phố thì vui thế này!

Hộ trở nên đứng đắn:

- Không đùa nữa... Thật ra thì tôi có việc phải về, thế thôi.
- Ồ! Nói vậy còn dễ nghe... Thôi thế anh về nhé!... Nhưng mà... này! Anh đã biết gì chưa?

Hộ đã toan đi, quay đầu lại nhìn Trung...

- *Đường về* sắp được dịch ra tiếng Anh đấy nhé! Bản quyền tác giả ba nghìn đồng.

Hộ trợn mắt lên. Người hấn bồi hồi. Một lúc lâu hấn mới hỏi được Trung:

- Có đích không?
- Đích xác rồi. Chính Quyền đưa cái thư điều đình cho chúng tôi xem.

Hộ có vẻ hoài nghi.

- Không mà lại!... Tôi biết lắm... Nhưng lại đảng này đã, về làm gì vội? Chúng mình làm cốc bia...

Hộ đã quên hấn vợ con. Hấn chỉ còn háo hức muốn biết thêm về việc quyển *Đường về* của Quyền được dịch ra tiếng Anh. Hấn bám lấy Mão và Trung. Ba người vào một tiệm giải khát ở bờ Hồ. Và chỉ độ nửa giờ sau, Mão và Trung đã thấy Hộ đổ tai, giọng một cái vỏ chai bia xuống mặt bàn:

– Cuốn *Đường về* chỉ có giá trị địa phương thôi, các anh có hiểu không? Người ta dịch nó vì muốn biết phong tục của mọi nơi. Nó chỉ tả được cái bề ngoài của xã hội. Tôi cho là xoàng lắm! Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả các người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tính bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn. Như thế mới thật là một tác phẩm hay, các anh có hiểu không? Tôi chưa thất vọng đâu! Rồi các anh xem... Cả một đời tôi, tôi sẽ chỉ viết một quyển thôi, nhưng quyển ấy sẽ ăn giải Nobel và dịch ra đủ mọi thứ tiếng trên hoàn cầu!

Trung gật gù cười, vẫn cái cười lặng lẽ của y. Mào thì cười hô hô. Hộ không cười, mặt căng lên vì hứng khởi. Hấn nói say sưa lắm. Và đến lúc đèn phốt phát, Trung và Mào muốn về, Hộ bảo luôn:

– Thong thả đã! Đi đâu mà vội? Chúng mình đi uống rượu... Tôi có tiền...

*

* *

Sáng hôm sau, hấn thức dậy trên cái giường nhà hấn. Hấn thấy mình mẩy đau như dằm, đầu nặng, miệng khô và đắng. Cổ thì ráo và khát cháy. Hấn đưa tay với ấm nước ở trên bàn để uống. Ấm nước đầy và hơi còn hơi âm ấm. Đó là một sự ý tứ của Từ. Hộ hiểu thế, và lòng buồn nao nao. Bởi hấn lơ mơ nhớ ra rằng: Hình như đêm qua hấn say rượu, đi la cà chán rồi về, lại gây sự với Từ; Hình như hấn lại đánh cả Từ, đuổi Từ đi đi, rồi mới đóng cửa lại và đi ngủ... Hấn đột nhiên hoảng sợ, nhồm dậy, mắt nhớn nhác tìm Từ. Nhưng không! Từ vẫn còn nhà... Chắc hấn trong lúc quá say, hấn gài cửa, nhưng chưa gài được, thành thử khi thấy hấn mệt rồi, Từ lại bế con vào. Bây giờ Từ đang thiếp đi trên võng, đứa con nhỏ nằm bên. Từ vốn dậy sớm quen. Sáng nay, chắc Từ mệt quá, vừa mới lịm đi, nên mới ngủ trưa như thế. Đầu Từ ngheo về một bên. Một tay Từ trật ra ngoài mép võng, sã xuống, cái bàn tay hơi xè ra lỏng lẻo. Dáng nằm thật là khó nhọc và khổ não. Hấn bùi ngùi. Chao ôi! Trông Từ nằm thật đáng thương! Hèn chi mà Từ khổ cả một đời người! Cái tướng vất vả lộ ra cả đến trong giấc ngủ. Hộ nhớ ra rằng: một đôi lúc, nếu nhìn kỹ thì Từ khó mặt lắm. Đột nhiên Hộ nảy ra ý muốn lại gần

Từ, nhìn kỹ xem mặt Từ lúc bấy giờ ra sao, hấn rón rén, đi chân không lại. Hấn ngồi xổm ngay xuống đất, bên cạnh vông và cố thở cho thật khê. Hấn ngắm nghía mặt Từ lâu lắm. Da mặt Từ xanh nhợt; môi nhợt nhạt; mí mắt hơi tím tím và xung quanh mắt có quầng; đôi má hơi tóp lại khiến mặt hơi có cạnh. Hộ khê thở dài và lắc đầu ái ngại. Hấn dịu dàng nắm lấy tay sã xuống của Từ. Cái bàn tay lủng củng rất những xương! Trên mu bàn tay, những đường-gân xanh bóng ra, làn da mỏng và xanh trong, xanh lợt. Cái cổ tay mỏng manh. Tất cả lộ một cái gì mềm yếu, một cái gì ẻo lả, cần được hấn che chở và bênh vực... một vẻ bạc mệnh, một cái gì đau khổ và chật vật, cần được hấn vỗ về an ủi... Thế mà hấn đã làm gì để cho đời Từ đỡ khổ hơn? Hấn đã làm gì để cho Từ khỏi khổ? Nước mắt hấn bật ra nước một quả chanh mà người ta bóp mạnh. Và hấn khóc. Ôi chao! Hấn khóc! Hấn khóc nức nở, khóc như thể không ra tiếng khóc. Hấn ôm chặt lấy bàn tay bé nhỏ của Từ vào ngực mình mà khóc. Từ thức dậy, Từ hiểu ngay, không cần hỏi một câu nào cũng hiểu. Và Từ cảm động. Mắt Từ giàn giụa nước. Từ khê rút tay ra, vòng lên cổ chồng, nhẹ nhàng níu hấn vào, để hấn gục đầu lên cạnh ngực Từ. Hấn lại càng khóc to hơn và cố nói qua tiếng khóc:

– Anh... Anh... chỉ là... một thằng... khốn nạn!... Một thằng khốn nạn!...

– Không! Anh chỉ là một người khổ sở!... Chính vì em mà anh khổ...

Từ bảo thế. Tay Từ níu mạnh hơn một chút. Ngực Từ thốn thức. Từ chực ngã đầu sát vào vai Hộ. Nhưng đứa con, bị giằng, khóc thét lên, Từ vội buông chồng ra để vỗ con. Tiếng vẫn còn ướm lẹ, Từ dỗ nó:

– A! Mợ đây! Mợ đây mà! Ôi chao! Con tôi nó giật mình... Mợ thương... Hộ đã tránh chỗ để Từ đưa vông... Từ vừa đưa vừa hát:

*Ai làm cho khói lên giời,
Cho mưa xuống đất, cho người biệt ly;
Ai làm Nam, Bắc phân kỳ,
Cho hai hàng lệ đầm đìa tẩm thương...*

Tiểu thuyết thứ bảy Số 490, ngày 4-12-1943.

LANG RẬN

(Truyện ngắn)

Ông cụ Đẩu chả lẩn thẩn mà lại thế! Tự nhiên đi rước cái tên lang Rận ấy về!

Rận không phải là tên thật của lang ta. Đó là tên của bà Cụ đặt cho anh. Nhưng tại sao bà lại đặt cho anh cái tên khổ sở ấy? Rồi chúng ta sẽ biết.

Ngày hôm mới đầu ông Cụ cho lang Rận quấy hai cái bồ đến trọ, bà Cụ đã cản nài. Bà không muốn chứa cái của khỉ ấy ở nhà bà. Nhưng ông Cụ bảo:

– Dở lắm! Nhà mình rộng, không ở hết, cho nó ở nhờ một tí, mất gì? Cơm của nó, nó ăn. Củi của nó, nó đun. Nó thối nấu lấy ăn, bận cái gì đến mình mà sợ?

– Không bận gì đến mình nhưng mình cũng chẳng được cái gì. Nó ở đâu, kệ thầy nó. Chứa nó làm gì cho rách nhà.

– Chuyện! Mình có định uống thuốc của nó thì mới cho nó ở nhờ nhà mình chứ!

Bà Cụ lắc đầu quây quây và nói như sợ mình không nói kịp:

– Thôi! Thôi! Thôi! Ông uống thuốc của nó thì ông uống, tôi thì tôi không uống; thuê tiền tôi tôi cũng không uống!

Ông Cụ đã hơi bực mình, sùng sộ:

– Tại sao không uống? Người ta uống thuốc nó đầy ra đấy.

– Người ta uống mặc người ta!

Rồi thấy chồng chưa kịp nói gì, bà chíp môi:

– Ối chao! Chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mảnh chĩnh bỏ ngoài bờ tre.

Anh chồng cau mặt:

– Dở lắm! Biết thế nào là chuông khánh? Biết thế nào là mảnh chĩnh? Mình đã uống thuốc của nó đâu mà biết?

Bà gân cổ lên cãi lại:

– Sao không biết? Hay thì nó hiện ngay ra mặt ấy. Trông mà không biết! Thế nào gọi là thầy già, con hát trẻ? Thầy với bà gì mà cái mặt trông non choèn choẹt, cạy gì mũi chưa sạch! Quần áo thì thòi thà thòi thụt, trông như quân ăn mày. Thế mà cũng đòi vắc mặt làm lang thuốc. Lang gì? Lang thang?

Ông bật cười:

– Không trách được! Cái trò đàn bà có khác? Chỉ trông mặt mà bắt hình dong. Ngộ trông người nó thế, nhưng thuốc nó hay thì biết đâu? Tôi thấy nó chữa mấy đám đều khỏi cả. Vợ lý Tính trên Đoàn Hộ đấy: mãi mãi có đẻ đâu? Thế mà uống của nó một tễ thuốc bây giờ bụng đã chữa bằng cái thúng. Thế rồi lại con mẹ Vị ở làng ta đấy: lấy chồng mười mấy năm không thấy chữa, uống thuốc của nó hồi đầu giêng đẻ được một đứa con trai rồi. Thế thì bảo sao, nào?

Bà Cự thấy mình đuối lý, toét môi cười:

– Nhưng biết rằng có phải tại thuốc của nó không?

– Sao không phải? Thì chính những người ấy bảo.

Bà Cự ngần ngừ. Ông thấy mình đã có phần thắng thế, bảo thêm:

– Về cái việc thuốc men không cứ gì thầy hay, thầy dở đâu. Phải mặt thì nó khỏi. Có khi uống thuốc những tay đại danh sư năm mươi đồng một tháng không khỏi bệnh, mà chỉ một hào thuốc lá của một con mẹ ngồi ngoài chợ mà khỏi bệnh. Mình phải hiểu thế mới được. Vả lại mình bây giờ có bệnh thì vái tứ phương... Thấy ai bảo thuốc ai hay mà chả lấy?

– Thì hẳn thế rồi. Nhưng khốn nỗi tôi trông lão lang này chẳng có mẽ gì. Người dở người, con giun chết dở con giun chết! In như cái đồ chết đói, chết khát ở đâu lần đến.

Ông Cự trợn mắt lên:

– Ái chà! Đừng khinh nó nhá! Con ông ấm, cháu ông cử đấy. Ông nội nó ngày xưa chân cử nhân, mới đầu đi tri huyện, về sau lên án sát, lúc về hưu thăng làm tổng đốc. Con nhà ra phết đấy, chứ có phải tầm thường đâu? Có điều bây giờ nó thất thế nên mới phải đâm đầu ra đi làm lang thang như vậy, chứ chữ nghĩa xem ra khá lắm. Tôi rước nó về đây là có ý dần dà rồi tôi gạ nó dạy tôi học thuốc.

Ồi chao ôi! Học với hành gì, ông ấy? Ông ấy thì chỉ có tài bàn tổ tôm là ông ấy học. Mà tài bàn tổ tôm thì ông chẳng cần ai dạy nữa. Có mấy ngày, mấy đêm là ông không đi tìm đám họp? Có điều ông đã muốn thì bà cũng phải cắn răng lại bà chịu. Thật tình, thì bà chả ưa cái anh lang cu con này một tý nào. Người ngợm gì mà đến hay!...

*
* *

Anh chàng có cái mặt trông dơ dáy thật. Mặt gì mà nặng chình chĩnh như mặt người phu, da như da con tầm bủng, lại lấm tẩm đầy những tàn nhang. Cái trán ngắn ngắn ngắn ngắn, lại gồ lên. Đôi mắt thì híp lại như mắt con lợn sề. Môi rất nở, cong lên, bịt gần kín hai cái lỗ mũi con con khiến anh ta thở khò khè. Nhưng cũng chưa tệ bằng lúc anh cười. Bởi vì lúc anh cười thì cái trán chau chau, đôi mắt đã híp lại híp thêm, hai mí mắt như dính tịt lại với nhau, môi càng lớn thêm lên, mà tiếng cười, toàn bằng hơi thở phát ra khìn khịt. Trời đất ơi! Cái mặt ấy dầu cho mỗi ngày rửa ba lượt xà phòng, bà Cựu trông thấy vẫn còn buồn mửa. Huống chi anh chàng lại bắn gôm bắn ghê. Có lẽ mỗi buổi sáng, ra cầu ao anh chỉ nhúng mấy ngón tay rửa độc một tí đầu mũi mà thôi. Mặt anh mốc meo lên. Còn quần áo thì gố ghĩnh, thì đầy gỉ, đứng cách ba thước còn ngửi thấy mùi chua, mà rách rưới, mà mất cúc, mà sút chỉ, mà lòi thoi lếch thếch. Không hiểu anh ta chỉ có một bộ quần áo hay sao mà từ ngày đến nhà bà đến giờ vẫn chưa thay. Hèn chi mà rận lấm hơn giời. Chúng bò lỏm ngòm ở trên cổ, ở hai vai, ở dưới lưng. Chúng bò lỏm ngòm cả xuống cái giường của anh nằm. Anh ngồi chỗ nào, lúc đứng lên, thế nào cũng có mấy chú rận kênh nằm ngửa, múa máy những cái chân nhỏ li ti, như một người bụng to ngã chống kênh, không biết làm thế nào để đứng lên. Thỉnh thoảng, gặp những lúc không có việc gì làm, anh ta ra ngồi ở đầu hè, cởi ra nhặt rận đưa lên miệng nhấm kêu lép lép. Còn cái gì tởm cho bằng cái cảnh một ông lang trần trụi trọc ngồi bắt rận trong một nhà sạch sẽ như nhà bà Cựu, có một người đàn bà trẻ, đầu lúc nào cũng mượt trơn, yếm lúc nào cũng trắng bong, quần lụa cạp điều lúc nào cũng buông chùng đến gót chân, và một cô con gái chưa chồng có tiếng là đóm dáng, gọn gàng như cô Đinh em ông Cựu? Bởi vậy mỗi lần bà Cựu và cô Đinh trông thấy thế, cả hai người

cùng sầm mặt, nguýt lang. Rồi họ lắc đầu, bĩu môi, đưa mắt nhìn nhau, như để chia sẻ với nhau nỗi bực mình. Nhưng bực mình thì bực mình, họ cũng phải bật cười. Và họ đặt tên cho lang là lang Rận.

Người ta thường bảo: Khi hai người con gái lớn ở với nhau cùng một nhà, thì họ thành tinh. Bà Cự tuy có chồng rồi nhưng lại chưa có con – có thể nói không con: ai ai cũng bảo rằng bệnh của ông Cự, thế thì có uống thuốc tiên cũng chẳng lành. Mà bệnh của ông đã chẳng lành, thì bà ấy, trừ phi có thể nào, còn cứ lẽ thường ra, thì dầu đúc người vàng bỏ vào bụng, cũng không đẻ được. Một người đàn bà, lấy chồng mười lăm năm không chữa đẻ, nếu không âu sâu đến héo quắt người đi, tất phải là người vui vẻ, trẻ trung. Ông Cự thì nay tổ tôm, mai tài bàn vắng nhà luôn. Thế nghĩa là bà Cự, tuy đã ngoài ba mươi, vẫn con gái như ai, như ai vậy. Còn cô Đinh thì còn là con gái đích đi rồi. Con gái đến thì những năm ngoái, năm kia, nhưng lại chưa chồng. Hai người ấy ở với nhau thật là phải lắm. Họ cũng trẻ cả, trẻ người, trẻ nét, trẻ đến cả câu nói, tiếng cười. Họ lại không phải làm gì. Ông Cự là một tay giàu ở làng này. Là một người kì cựu danh thép, ông nắm được nhiều mối lợi của làng. Chỉ trông vào những mối lợi ấy, cả nhà ông cũng đã thừa ăn. Thế rồi còn tiền dư thì cho vay nợ lãi, lấy cổ, đặt thóc non. Ở nhà quê, có dăm bảy nghìn đồng bạc trong tay, mà lại là tay cứng chỉ có hòng bắt nạt người ta chứ chẳng ai dám bắt nạt mình, thì có cần gì phải làm đâu? Chỉ khéo cất đặt đồng tiền một chút, cũng đã thừa sung sướng. Huống hồ ông Cự lại không con, tiền chẳng để làm gì. Như vậy thì tội gì mà bắt vợ ông, em ông phải đầu gio, mặt muội? Bà Cự và cô Đinh cứ việc ăn, mặc cho đến thỏa.

No lắm, dừng nhiều. Ấy là một câu cửa miệng của người ta. No lắm, mà chỉ nông nông chơi không thì lại càng dừng nhiều lắm lắm. Bà Cự và cô Đinh chỉ tơ tuốt suốt ngày, nói đùa nói bỡn suốt ngày, cười hí hí và phát lưng nhau đồm độp. Chỉ khổ ông lang Rận! Ông bị họ khinh bỉ, lườm nguýt, phỉ nhổ, nhạo cười chế giễu, đủ trăm hình, trăm cấp. Ông hơi mở miệng nói là họ chặn họng ngay. Ông hơi nhếch môi cười là họ khoạm ngay mặt lại, nhổ bọt đánh phì một cái. Mà cơ khổ chứ! Lang Rận lại là một chàng béo lẻo. Thấy họ cười, họ nói, anh chàng cứ như thấy cao hứng thế nào. Anh không tài nào nhịn được. Anh cười, anh gật gù, rồi anh lân la chõ mồm vào. Tội nghiệp! Mẹ anh chết từ ngày anh mới biết lắm dấm chạy đi. Anh lấy

liên tiếp ba đời vợ, nhưng vợ nào cũng chê anh. Cuối cùng thì anh bực chi, quấy đôi bồ thuốc ra đi. Anh đi khắp đó đây, tìm một nơi an ủi, nhưng chưa bao giờ gặp. Bởi thế mà anh chàng thấy đàn bà là cứ y như mèo thấy mỡ. Họ hút anh như đá nam châm. Anh rất thích được ngồi với họ, nghe họ nói, họ cười, để góp với họ vài câu nói của anh chỉ thế thôi chứ anh cũng chẳng dám ao ước gì hơn. Nhưng chỉ có thế thôi thì người ta để mặc anh ư? Đừng nghĩ thế mà lầm! Nói leo cũng tùy từng chỗ nói leo! Ở chỗ nào, chứ ở nhà bà Cựu thì được bề. Hãy hỏi thăm mẹ Lợi nhà bà xem.

Mẹ Lợi là người ở nhà bà. Không còn một người đàn bà nào có thể xấu hơn. Mẹ béo trọc béo tròn, mặt rỗ như tổ ong bầu. Mắt trắng, môi thâm, má đen như thừng quý. Ở quanh đấy, người ta vẫn lấy tên mẹ ra mà dọa trẻ. Hơi trẻ nhà nào khóc, người ta lại bảo: “Nín đi! Nín đi! Mẹ Lợi kia kia!...” Thế mà mẹ Lợi hiền lành lắm. Phải hiền lành và tốt nhặn, bảo sao nghe vậy, thì mới ở nhà bà cựu được. Nhưng hồi mới đến, mẹ cũng phải cái tật nói leo. Bà Cựu mắng như bằm, như bổ vào mặt cho, không còn biết mấy mươi lần. Bây giờ thì mẹ chữa rồi. Ai cười, ai nói, mặc! Suốt ngày, mẹ chỉ im như thóc.

*
* *

Nhưng nói, trao đổi những ý nghĩ, những nỗi lòng, có lẽ là cái tật chung của loài người, không được nói thì khổ lắm. Từ ngày có ông lang Rận, những lúc không có ai, mẹ Lợi thường lân la trò chuyện với ông. Mà ông lang, chẳng biết nói với ai cũng nói chuyện với mẹ để có người mà nói với. Mới đầu, chỉ là những chuyện quanh quẩn trong xó bếp. Đại khái họ hỏi nhau:

- Bếp có rồi không hở chị?
- Rồi, ý dáng ông lang định thổi cơm ăn? Đã đói bụng rồi đấy à?
- Đói hay không thì cũng phải ăn cho xong bữa chứ!
- Đã gần hết gạo ăn chưa? Có lẽ mai tôi phải đi chợ huyện. Có muốn đong mấy đồng thì gửi tiền tôi đong giùm.

Dần dần, thỉnh thoảng mẹ hỏi ông lang về những bệnh của mẹ.

- Này, ông lang này! Tôi chỉ có cái chứng thế này thì ông bảo ra sao? Tôi ăn được, ngủ được, trong người không thấy bệnh hoạn gì,

nhưng thỉnh thoảng vùng mặt nóng bừng, y như cầm bó đóm mà hơ. Thế thì nó là cái bệnh gì?

– Chân hỏa vượng. Cái hỏa nó bốc lên đầu.

– Có sao không?

– Kể mà có tiền uống thuốc cho nó hạ bớt cái chân hỏa thì cũng tốt. Để vậy, nó hay sinh váng vất nhưc đầu.

– Đúng thế rồi. Tôi nhưc đầu luôn...

– Nguyên do là tại chị không sinh đẻ. Chứng bệnh của chị, những đàn bà góa, những đàn bà không có chồng, không mấy người không có. Nhiều người lấy chồng, tự nhiên khỏi bệnh, chả cần uống thuốc.

Mụ Lợi tưởng thầy lang bỡn mụ, nhìn trộm thấy một cái rồi ngoảnh đi. Mụ thẹn. Nhưng đến lúc thầy lang thổi xong cơm, đứng lên ra, thế nào mụ cũng nhìn theo sau lưng, tùm tùm cười. Thầy lang vẫn không hay biết một tí gì. Người ta không thể ngờ người đàn bà xấu thế, mà cũng có tình, như những người đàn bà khác.

Nhưng một hôm, thầy lang đương bắt rận, mụ Lợi đi qua, hỏi:

– Sao ông lang vừa bắt rận hôm qua, hôm nay lại bắt? Rận đâu mà nhiều thế?

– Vô thiên! Không biết sao nhiều người suốt đời không có lấy một con, mà mình thì nhiều thế?

– Thịt người ta đắng. Nhưng người thịt ngọt thì mới lắm rận.

– Thật à?

Thầy lang ngược đôi mắt ngạc nhiên nhìn mụ Lợi, mụ Lợi tùm tùm cười:

– Thật đấy.

– Sao chị biết?

– Sao chả biết? Người ta bảo thế, với lại thịt có ngọt thì mới nhiều rận chứ!

Lý sự của mụ nghe lẩn thẩn. Nhưng thầy lang cũng tít đôi mắt lại, cười khì khịt. Thầy khoái lắm, không phải vì vừa học mót được một điều chưa sách thuốc nào nói đến. Khoái chính vì ít ra thầy cũng được một cái thịt ngon lành hơn kẻ khác. Cũng là hơn đời vậy. Và trước đôi mắt ti hí của thầy, mụ Lợi đổi khác hẳn đi. Mụ không còn là mụ Lợi dãn độn và cục mịch. Mụ đã là tri kỷ.

Từ đấy, đôi tri kỷ thường tâm sự với nhau. Mụ Lợi đã biết rõ ràng về gia cảnh thầy lang. Thầy lang cũng tỉ tê hỏi mụ mà thông tỏ được cái ngọn nguồn lạch sông của mụ. Thì ra mụ cũng đã long đong, lặt vặt vì tình duyên lắm. Ba mươi tuổi, mụ chưa có người nào hỏi. Mụ cho là vì mụ quá nghèo, lại không còn mẹ, còn cha. Mụ đi ở quanh năm. Người ta nuôi mụ thì chỉ biết nuôi, nuôi để mụ hầu hạ người ta, còn cái sự mụ có chồng hay không có chồng thì mặc mụ. À cái nghề con gái mà không có chài, có chủ, có người đứng ra để gả bán cho, thì còn ai biết đường nào mà hỏi? Mụ ế chồng là vì thế hay là theo ý mụ thì vì thế. Mãi đến năm bẩy ba, mụ mới gặp một người hỏi làm hai. Thấy là người cũng hiền lành, và nhà lại khá giàu, mụ bằng lòng. Thì cũng tưởng: nửa quả hồng còn hơn cả một chùm sung chát! Ai ngờ mụ phải lừa! Con vợ cả, thấy mụ đi ở mãi, tưởng mụ dành dụm được nhiều vốn liếng, lại hay làm, nên bàn với chồng, lấy mụ về để bòn tiền và để mụ làm cho. Cũng là một cách dùng dứa ở đó thôi, nhưng lại đỡ tiền công mà lại còn được tiền thêm nữa. Mới đầu cả hai đứa cùng chiều mụ. Nhưng khi chúng đã nặn hết tiền của mụ rồi, chúng trở mặt ngay. Mụ thấy mình chẳng được tí nhân nhị gì, mà lại còn xót đến thân, tức mình không ở nữa. Mụ lại đi ở thuê như trước. (Cứ như vậy cho đến năm nay, mụ đã bẩy sáu rồi). Kể thì cũng đáng buồn! Lắm lúc, nghĩ mình chẳng còn mấy chốc mà già, mụ cũng muốn xem có ai yêu thương thì lấy người ta, xấu tốt cũng được, miễn là khỏi mang tiếng không chồng. Nhưng cũng lắm lúc mụ lại muốn cứ mãi mãi thế này, một mình làm, một mình ăn, chẳng chồng con gì nữa: đời bạc lắm...

– Nhưng có người không bạc, thầy lang ta nghĩ thế. Và thầy nghĩ đến những vợ thầy, tại sao những người đàn ông tốt lại cứ hay gặp phải những người đàn bà bạc, còn những người đàn bà không bạc thì lại gặp phải những người đàn ông bạc? Thầy lang Rận bùi 'ngùi thương thân mình và thương cho người đàn bà hẩm phận. Họ than thở với nhau và phàn nàn cho nhau...

Được ít lâu, bà Cựu và cô Đinh biết. Họ bảo nhau:

– Buồn cười quá, chị ơi! Con mụ Lợi vá áo cho thằng lang Rận.

– Thật ư? Cô trông thấy bao giờ?

– Vừa lúc nãy. Nó đang vá, thấy em, vội giấu vào trong cái cối xay. Em vờ như không biết, sai nó đi lấy cho em cái chậu thau. Nó đi rồi, em lại cái cối xem, mới biết là cái trở rận của thầy lang.

– Thế thì dễ thường anh chị phải lòng nhau. Tôi cũng thấy chúng nó ít lâu nay hay cười cợt với nhau lắm. Mà con kia thì mua quà bánh cho thằng ấy luôn đấy. Sao cũng được chết với nó thôi? Dễ thường chúng nó vẫn ngủ với nhau trong buồng bếp nhà mình.

– Thật đấy. Ta phải rình bắt quả tang một mẻ, rồi liệu cho chúng nó. Những đồ vô phúc! Nhà mình là nhà làm ăn...

Tuy nói vậy, nhưng thật ra thì bà Cựu tò mò hơn tức giận. Cả nhà cô Đình cũng thế. Cuộc dò la, rình chực, đem một chút thú vị đến cuộc đời của họ, nhạt phèo và buồn tẻ, bởi vì nhàn quá họ đùa bỡn, cười hi hí suốt ngày thật đấy, nhưng vẫn buồn...

Một đêm, cô Đình rón rén vào buồng bà Cựu, bắm bà một cái, bà Cựu biết ngay là có sự lạ rồi. Bà thì thầm hỏi em chồng:

– Gì thế?

– Lang Rận vào buồng mẹ Lợi!

– Mới vào à?

– Mới vào, mà vào xong, chúng đóng cửa lại ngay.

– Được rồi! Khe khê chứ, kéo chúng nó nghe thấy. Cái khóa đâu rồi? Đưa tôi.

Lặng lẽ như hai cái bóng, họ rón rén ra khỏi buồng, đi xuống bếp. Cửa buồng bếp quả nhiên đóng thật. Mẹ Lợi xưa nay không có thói cài cửa trong khi ngủ. Nếu không rước ông lang Rận vào trong ấy, sao mẹ phải cài kỹ thế? Bà Cựu thấy một cảm giác giống như là mừng rỡ. Bà nín thở. Một bàn tay run rẩy của bà sờ sờ hai cái đinh khuy. Tay kia đưa cái khóa lên. Cái khóa đồng kêu một tiếng nho nhỏ. Đồng thời tim bà Cựu nhảy nhót lên vì sung sướng. Bà không giữ nổi một tiếng cười đắc chí. Cô Đình, đứng đằng sau chị, véo mạnh chị một cái rồi cũng cười nho nhỏ.

Chắc là anh chị ở trong buồng nghe thấy. Họ thì thảo, như để hỏi nhau. Rồi ánh chùng một người đi thật khẽ, ra chỗ cửa. Ý rút cái then cửa thật gượng nhẹ; từng tí một, từng tí một... Rồi cánh cửa hé ra một chút, nhưng vướng cái khóa, không mở thêm được nữa. Im lặng trong vài phút. Rồi lại có tiếng thì thảo. Ý chùng họ bảo nhau biết rằng họ bị người ta nhốt, và bàn bạc. Những tiếng bàn bạc trước còn rụt rè, lẻ tẻ, dần dần trở nên náo nhiệt. Có lúc, tiếng nói thầm

gay gắt quá, bật lên thành những tiếng ở ngoài nghe rõ. Sau cùng thì họ làm như là cắn rút lẫn nhau. Ồ, mà thật ra thì chính là lang vặc lẫn nhau. Chị mắng anh:

– Im đi! Lại còn nói người ta!... Người ta ~~quang~~ ngu, mặc người ta, ai bảo mò đến buồng người ta?

Anh cãi lại:

– Ai bảo mày gạ gẫm tao?

– Ai gạ gẫm nhà anh? Có anh quyến rũ tôi thì co.

– Cái mặt mày đã đẹp lắm đấy, mà tao phải quyến rũ mày!

– Còn cái mặt ấy thì đẹp hẳn? Đồ bạc miệng!...

Bà Cự với cô Đinh đứng ngoài nghe thấy, cười đau bụng, họ cười và họ chửi:

– BỐ KHỈ! Thế mà chả xưng là con ông nọ, cháu bà kia! Úi chao...

– Ấy con ông ấm đấy!

– Ấm đồng hay ấm đất đấy? Ấm thổ tả! Ấm đi chui vào buồng con ở nhà người ta!

– Để sáng mai, ban ngày ban mặt, nhìn rõ cái mặt ấy xem thế nào!...

– Thật đấy! Cứ để sáng mai, ông Cự về rồi sẽ liệu! Sao cũng được đem ra điểm cùm, cho cả làng trông thấy.

Trong buồng im lặng. Chúng thấy có người đứng ngoài nghe thẹn quá, không cãi nhau nữa? Hay là chúng lo?

*

* *

Sáng hôm sau...

Ông Cự vừa về đến ngõ, bà Cự đã chạy ra, nhân nhờ:

– Ông chỉ đi suốt đêm, ~~chả~~ ở nhà mà xem... Đêm qua, chúng tôi bắt được thằng kẻ trộm.

– Chỉ bậy thôi!

– Thật đấy. Thằng kẻ trộm lén vào buồng mẹ Lợi. Tôi lừa khóa được cửa, nhốt cu cậu trong ấy. Ông về mà xem mặt nào?

Cô Đinh đưa mắt nhìn anh, cười ranh mãnh. Bà Cự nháy em

chồng cười. Ông Cự biết ngay là đã có chuyện gì rắc rối. Ông lật đật đi thẳng vào buồng bếp. Vợ và em vừa theo, vừa khúc khích...

Cô Đinh đưa chìa khóa cho anh mở...

Cô Đinh đưa chìa khóa cho ông Cự, ông mở khóa, ông đẩy tung hai cánh cửa ra. Và ông giật nảy mình. Mặt ông quay lại, tái mét đi. Mặt ông là đôi mắt của một người hoảng hốt. Bà Cự và cô Đinh ngạc nhiên:

– Gì thế?

Họ nhìn vào căn buồng vừa mở cửa. Một đôi chân tím bầm lủng lẳng trên không khí. Đó là ông lang Rận. Ông thất cổ bằng cái ruột tượng gốc của mụ Lợi. Cái mặt ông, đọng máu sưng lên bằng cái thớt. Cái đầu ông ngoẹo xuống như đầu một thằng bé khi nó đổ. Trông thật là thiếu não. Nhưng không ai kịp ái ngại cho ông cả. Đây là án mạng. Lôi thôi lắm! Lôi thôi lắm! Cả nhà ông Cự cống quýt, lo xanh mắt. Riêng mụ Lợi vẫn nằm ngủ, miệng há hốc và ngáy to như xẻ gỗ. Bà Cự phát mụ đôm đốp năm sáu cái, mụ mới giật mình, choàng dậy. Mụ ngơ ngác nhìn quanh. Và khi trông thấy tình nhân, mụ rú lên. Mụ vật vã người, khóc rống lên như một con chó chưa quen xích. Tội nghiệp cho con người, quá ù nì! Sau khi cãi nhau rồi, mụ lăn ra ngủ thật say. Mụ có ngờ đâu trong lúc ấy thì tình nhân ngồi nghĩ ngợi xa gần. Y thẹn. Y buồn. Y giận đời. Y giận trời. Y giận thân. Y tím ruột tím gan. Y nghĩ đến cái nhục sáng hôm sau...

Ấy thế rồi y bật diêm lên, tìm một cái gì có thể làm một cái dây...

Tiểu thuyết thứ bảy, (nguyệt san), số 1, tháng 6-1944.



MỘT Đám CƯỚI

(Truyện ngắn)



Dần thức dậy thì trong nhà còn tối om. Đêm tháng chạp, trời lâu sáng... Thật ra thì gà gáy đã lâu. Tiếng gà gáy xôn xao. Và óc Dần có lưỡng vường một ý nhớ mơ hồ, giống như khi người ta nhớ lại những chốn mình đã qua trong một giấc chiêm bao: Dần chưa tỉnh hẳn ra. Dần đã thấy những tiếng gà gáy rất mong manh, rất xa xôi vẩn lên trong giấc ngủ nửa mê nửa tỉnh. Rồi thì Dần tỉnh hơn. Có lẽ một tiếng gáy cộc lốc của anh gà trội trong chuồng gà nhà bên cạnh. Con gà đang ở thời kì tập gáy, tiếng gáy ngắn nhưng đã vang động lắm. Ấy là một con gà có sức, Dần phác lại trong tưởng tượng cái hình dung lộc ngọc của nó, lác các và vụng dại như một anh con trai mười sáu tuổi, đôi chân cao cái cổ trần ngất nghểu, cái mào đỏ khè mới hơi nhú nhú, cái đuôi cụt ngắn. Anh chàng rất hay sang nhà nó tải gio, tải rác, khiến nó bực mình đã mấy lần toan vụt trước.

Dần nhồm dậy. Nó sờ soạn ra khỏi cái ổ rơm rồi đi thẳng ra ngoài. Bên ngoài mịt mù sương. Khí lạnh sắc như dao. Dần rùng mình và hắt hơi mấy cái luôn. Nó thấy cần phải động dậy ngay, cần phải làm ngay một việc gì cho nóng người: đã rét mà lại còn đứng co ro thì chỉ càng tổ rét. Nó mãi một vợ lấy cái chổi để quét sân, quét ngõ. Việc quét tước ấy, chẳng sáng nào nó quên làm, dù sân nhà có bẩn hay không, ấy là một thói quen cũng như cái thói quen dậy từ lúc hầy còn đêm. Nết chăm chỉ ấy, nó học được mấy năm đi ở.

Dần đi ở từ năm chưa mười hai. Khi ấy, đầu nó còn để hai cái trái đào. Nó mới biết cầm vững cái chổi để quét nhà và thổi một niêu cơm con con không sống, không khê. Mẹ nó vốn nghèo từ trong trứng nghèo ra, nên hay liệu, hay lo. Thị nghĩ rằng: con mình đã lớn rồi, phải uốn nắn ngay đi; nhà mình ruộng ít, vườn không củi vãi cũng không, nghĩa là công việc chẳng có gì; ở nhà cũng chỉ chơi; để mặc nó lêu lổng, chạy ra ngoài đường, đánh chát, đánh ô, rồi nó hư thân; chi bằng cho nó đi ăn đi ở cho người ta, để người ta bắt nó cất nhắc

việc nó, việc kia cho nó quen tay, có việc làm rồi mới biết việc mà làm, rồi nhong, nhong chơi quen, đến lúc phải làm tất gờ guông chân tay, chẳng đánh đổ cái này cũng đánh vỡ cái kia, cái thứ con gái mà cầm đến cái gầu không biết tát làm sao, đưa cho đám mạ không biết cấy thế nào, bảo ngồi lên khung cửi nhắc lấy cái thoi thì lúng ta lúng túng, là thứ con gái đáng cho hùm ăn thịt. Thị nhất định cho Dần đi ở để học chỗ quen công việc cửi vải, ruộng vườn, sau này độ cái thân; ấy là cái lợi xa xôi, nhưng lại còn cái lợi nhãn tiền; nhà đỡ một miệng ăn. Nếu bớt được mỗi ngày vài lẻ gạo, thì ít ra các em Dần cũng được no hơn. Rồi có được đồng công nào cũng là hay. Mà chẳng được thì mỗi năm người ta cũng thí bỏ cho cái quần, cái áo, bố mẹ, nếu chẳng nhờ con thì cũng chẳng còn phải lo lắng gì vào thân nó.

Dần đi ở. Nó ở cho nhà bà chánh Liễu. Nhà bà Chánh dệt chín mươi khung cửi. Bà thuê Dần, với hai con bé nữa, để chúng dọn vật và trông nom ống suốt. Năm đầu, công cả năm có một đồng, với một cái áo cánh vải to, một cái quần sòng, một cái thắt lưng. Nhưng nếu chịu khó và ngoan thì bà sẽ cho hơn. Còn cái sự ăn (bà giao hẹn cả với người ta vì tính bà rất phân minh) thì bà cũng không dám nói chắc rằng đói hay no; bởi vì tiếng rất giàu, nhưng nhà bà cũng cơm chia; sáng, mỗi người một lùm; trưa, ba lượt thật đầy; tối, củ khoai, củ ráy, bụng trẻ con, như vậy thì có lẽ cũng không phải đói. Mẹ Dần cho như thế đã là hậu quá. Bởi vì thật ra ở nhà Dần, Dần có được ăn ba bữa thế đâu? Mỗi ngày, chỉ bữa trưa. Mà hiếm họa lắm mới có bữa được mỗi ngày ba vục chật. Thường thường là hai vục, hơn hai vục. Có khi một. Cũng có khi chẳng có vục nào, phải ăn ráy ăn khoai trừ bữa... Thế mà Dần sung sướng là khác nữa. Con người ta, có cơm vào là có da có thịt ngay. Chẳng lâu đâu. Người mẹ nghĩ và mừng. Thị chắc chỉ vài ba tháng sau. Nếu Dần được một ngày rồi rãi về chơi với các em, cả nhà sẽ ngạc nhiên thấy nó béo như con cun cút. Mà trắng, mà lành lặn, mà đẹp, ra phết có con gái lắm!...

Mơ ước hão! Bởi vì ít lâu nay, Dần có về thật, nhưng nó vẫn gầy như một cái que. Nó khóc hu hu. Nó đòi ở nhà với các em, muốn cho ăn thế nào thì cho, muốn bắt làm gì thì bắt, chỉ đừng bắt nó ở cho nhà bà Chánh nữa. Cơm nhà giàu khó nuốt. Ăn của họ mà không làm lợi cho họ được thì họ làm cho đến phát mưa ra mà trả họ. Dần chân yếu tay mềm lắm. Nó thà nhịn đói mà ở cửa ở nhà còn hơn. Mẹ Dần nhất định không nghe. Thương con thì để bụng. Nuông con thà

giết con đi... Trẻ con, đứa nào chả thích ở nhà với bố, với mẹ để chẳng người nào động đến thân?

Đi ở cho nhà người ta, ăn cơm của người ta, lấy công của người ta, thì cố nhiên phải làm cho đáng cơm, đáng công của người ta. Làm không được, người ta thiệt thì người ta xót. Người ta xót thì người ta phải nói. Nói mình nghe thì chớ, không nghe thì người ta phải chửi, phải đánh. Người ta đánh chửi cho là phúc nhà mình đấy; không đánh, không chửi sao cho nên thân người được?. Thị bảo Dân: “mày muốn sống thì về nhà bà Chánh mà ở, không về thì đi đâu mặc kệ! Tao không chứa, tao không lấy gì nuôi được mày...”

Hỡi ôi! Người mẹ đáng thương của Dân chết đến hôm nay đã quá một năm rồi. Nghĩ đến mẹ lúc nào, Dân cũng ngậm ngùi. Bởi vì bà nói thế, nhưng bà chẳng nghĩ thế đâu. Khi đã cố làm ra mặt hất hủi để cho Dân chịu đi rồi, bà ôm mặt khóc hu hu. Bà bảo chồng rằng: “Nghĩ đến con lúc nào thì thương con đứt ruột. Nhưng biết làm sao? Trời bắt tội mình nghèo. Nó ở nhà mình thì ăn cũng chẳng bao giờ được bữa no. Đã đành ăn không no, nó cũng còn sướng hơn ở nhà bà Chánh, được ăn no. Nhưng mình liệu có nuôi được nó suốt đời không? Rồi chỉ vài ba tuổi nữa, có ai thương đến nó, xin nó cho con nhà người ta, mình đừng gả hay sao? Về nhà chồng mà thổi cơm không chín, quét nhà chẳng nên thì liệu người ta có khỏi đào ông, bới cha không? Vả lại cái đời nó còn dài. Không bắt nó ép mình, ép xác cho quen, rồi khổ ngay vào chính cái thân nó. Mình nghĩ đến nó nhiều chứ có phải bắt nó đi ở để hòng được lợi mỗi năm một vài đồng bạc công đâu?”

Bố Dân chẳng nói sao. Ông chỉ thở dài. Nhưng ông cũng ngờ ngẩn hàng ngày, hàng buổi như nhớ con lắm. Về sau các em Dân lại kể với Dân như thế, nên Dân mới biết. Dân không muốn làm khổ cha mẹ nữa, nên khổ đến chết cũng đành cắn răng mà chịu, không dám khóc lóc đòi về. Lâu dần rồi nó cũng quen đi. Cái sự khổ thì bao giờ cũng thế thôi. Nhưng khi người ta nhất định chịu, thì khổ thế nào mà không chịu được.

Dân ở cho nhà bà chánh Liễu đúng hai năm. Nó mới về nhà từ dạo đầu giêng. Vụ mùa năm ngoái, mẹ Dân đi tả mấy cơn, rồi lại không chịu kiêng khem, cứ đi làm; mưa nắng nhiễm vào người – mà sức một người vừa mới ốm xong còn được bao nhiêu? – thì phải lại một trận kịch liệt rồi thì chết. Thành thử nhà chỉ còn một bố, là đàn

ông, với hai đứa trẻ con, vất vả chưa được sạch: Chúng nó chưa biết làm gì cả. (Hai đứa áp với Dần, giá trời để cho chúng nên người, thì bây giờ đã đứa thổi nồi cơm, đứa quét được cái nhà; nhưng một năm xưa, hai đứa lên đậu cách nhau có vài ngày, rồi chết cũng cách nhau có vài ngày). Bố Dần cố đợi hết năm, đến nói với bà chánh Liễu xin cho con gái mình về. Dần ở nhà coi sóc các em, chăm mấy sào vườn bòn bán, nhật nhật để cho bố đi làm. Bốn bố con lịu nhịu nuôi nhau. Con nhà nghèo thường sớm biết, sớm khôn, Dần mới mười lăm mà đã quán xuyến được mọi việc trong nhà, biết suy tính, biết liệu lo, chẳng kém gì một người nội trợ đã sành sỏi lắm.

Nhưng hình như ông trời không muốn cho bố con Dần góc đầu lên. Cuộc sống mỗi ngày một khó thêm. Gạo kém, thóc cao. Ngô, khoai cũng khó chuốc được mà ăn. Thậm chí hạt muối cũng sinh ra hiếm nốt; mua một vài xu chẳng hàng nào chịu bán. Đồng tiền thành ra rẻ quá. Công làm tuy có cao hơn, nhưng chẳng thấm vào đâu. Trước kia, mỗi người làm mỗi ngày hào rưỡi thì đã gần đủ cả nhà ăn; bây giờ mỗi ngày được ba hào, tiền gấp hai, như nếu đem đong gạo thì chưa bằng một góc ngày xưa, thành thử một người ăn cũng hết. Ngày làm đã vậy, còn ngày nghỉ; có phải ngày nào cũng có người thuê đâu? Đã thế lại còn bão, lại còn lụt, rồi lụt chán, đến vụ chiêm lại giở trò đại hạn. Rồi những nhà giàu, chúng không thể chôn bạc giấy, nhất định để thóc mọc mầm trong nhà chứ không chịu bán. Gạo cứ mỗi ngày một giá. Không biết rồi làm gì ra tiền mà đong?

Một đêm, sau khi đã than thở với con hết quá một trống canh rồi, bố Dần thở dài bảo rằng:

– Cơ cực này, nếu còn ở nhà, rồi đến chết đói cả lũ mà thôi. Bây giờ mà còn thế, đến tháng hai, tháng ba này còn khổ đến đâu? Bố con mình có thân thì phải liệu dần đi. Cũng chẳng còn mấy ngày nữa mà đã tét, thôi thì ta cũng cố mà chịu vậy, qua giêng rồi sẽ tính.

– Thầy bảo: con tính thế nào? Nhà mình thì chỉ có cách làm thuê. Thời vụ lại hết rồi. Qua giêng, con chắc mười ngày nghỉ chưa chắc có một ngày có việc.

– Ấy thế mình lại mới càng cần phải tính. Nếu có việc thì còn phải lo gì nữa? Chẳng được cơm thì cũng được cháo, miễn là không chết lả... Nhưng không có việc!... Cho nên tao định lên rừng một chuyến.

– Eo ôi!

– Việc gì mà “eo ôi”? Bây giờ người ta đi như đi chợ. Nghe nói trên ấy làm ăn còn dễ. Làng ta, về cánh nhà ông Trương Huấn đấy, họ đi tất cả bằng mấy anh em, mà anh nào về cũng có tiền.

– Tiền rừng, bạc bể chả dễ nuốt được đâu. Vô phúc mà ngã nước một chuyến thì lại được!...

– Thì chỉ đến chết là cùng, chứ gì? Còn hơn ngồi nhà mà chết đói. Thế mà bảo: không liều thân đi như thế, thì còn xoay xáp gì để kiếm ra tiền được nữa nào?

Ồ, mà đúng như vậy thật. Dân chẳng còn biết đáp sao được nữa. Nó đành lẳng lặng. Câu chuyện ngắt ra vài phút. Trong khi ấy, cả hai đều nghĩ ngợi. Dân bỗng hỏi:

– Cả chúng con cũng đi à?

– Không, tao hãy đi một mình trước xem sao.

Dân vội kêu lên:

– Chịu thôi! Chúng con chả dám ở nhà đâu. Đêm hôm có ba đứa trẻ ranh!...

Nó sợ có nắm gạo hay củ ráy, củ khoai cũng không giữ được mà ăn. Nhưng thấy nó bảo:

– Tao liệu chỗ ấy rồi: Vườn đất với các em, tao sẽ nhờ chú Lữ trông nom. Bòn bán thế nào chả đủ cho hai đứa chúng nó ăn. Mà không đủ thì tao đến...

Còn nó? Chắc thầy nó lại định cho nó đi ở cho nhà bà Chánh Liễu hay nhà nào khác đấy. “Thì cũng được!...” Dân nghĩ vậy. Cái thân nó, nào có cần gì? Những nghĩ đến cảnh tan tác mà buồn. Rồi đây bố một nơi, con một nẻo, chị em mỗi đứa nhờ vả một người... Nó đã sắp nói một lời gì để can cha, thì cha đã bảo:

– Còn mà thì tao cho người ta cưới.

Chuyện cưới xin khiến Dân thèn thẹn. Thành thử nó lại không tìm được câu gì để nói. Vẫn người bố nói:

– Thôi thì trước sau cũng một lần. Có rùi găng cũng chẳng rùi găng được bao nhiêu. Mắc cái người ta xin cưới mấy lần rồi. Tao khát mãi để cho hết tang bu mà đã; nhưng người ta nhất định xin lo trước. Chết con gái người ta cũng sắp cưới rồi; nhà người ta cũng neo người, không cưới mà về thì ngay đứa sai vặt cũng không có nữa. Và

lại chỗ người ta với mình, không lẽ thế nào? Người ta ăn ở phải thì mình cũng phải ăn ở phải. Thấy người ta nói mãi, tao cũng nề.

Dần tức tối:

– Nề! Nề cái gì! Thầy cứ bảo rằng: mẹ con chết đi rồi, hai em thì còn đại, chỉ có con hơi lớn một tí phải ở nhà thổi cơm, nấu nước.

– Thì tao vẫn bảo người ta thế. Nhưng người ta không chịu.

– Không chịu là không chịu thế nào. Quyền còn ở mình...

– Thì vẫn là quyền còn ở mình! Cho nên người ta có dám bắt mình đâu? Người ta chỉ cố nài. Người ta nói khó với mình. Tao thề với mày: hai ba lần bà ấy không khóc với tao, tao chết! Rồi bà ấy lạy. Bà ấy bảo: “Thế này này, ông ạ: ông cũng khổ, nhưng tôi còn khổ hơn ông, thầy cháu chết đi, tôi chỉ được có mình cháu là con trai, ông cố thương tôi...” Như thế thì tao còn biết từ chối người ta thế nào cho tiện? Rồi thầy Dần nói nhỏ:

– Mắc cái lúc mẹ mày nằm xuống, nhà không còn một đồng xu nào, không còn vợ vúi vào đâu được, tao đã nhận của người ta hai mươi đồng bạc cưới. Ý người ta định đưa tiền trước thế, rồi xin cưới ngay cuối năm, năm ngoái. Tao phải khát. Nhưng không lẽ khát lần người ta mãi? Người ta lại tưởng mình có ý lừa lọc gì người ta chẳng. Hôm nọ người ta lại đến xin lần nữa. Họ xin đến tháng giêng... Nhưng từ giờ đến tháng giêng có là bao! Đàng nào mày cũng phải đi, mà mày đi thì tao không làm thế nào vừa trông coi các em mày, vừa đi làm được. Cho nên tao nhất định mang gửi chúng nó, rồi lên rừng một chuyến. Kiếm ăn được tao sẽ đem chúng nó đi. Định thế nên tao bảo người ta: “Nếu bà nhất định lo, thì tôi cho lo ngay dạo trong năm”, người ta có hỏi tao: “Ông đã thương... trước nữa là thương cháu, sau nữa là thương tôi, mà rộng cho như thế, thật cũng là phúc cho nhà chúng tôi lắm lắm. Tình cảnh nhà tôi, chắc ông cũng còn lạ gì. Chúng ta cùng là cái chỗ nghèo hèn, thì con cái chúng ta lại làm bạn với nhau. Vậy ông định may vá cho cháu thế nào, ăn tiêu thế nào, thì ông cho chúng tôi biết để chúng tôi lo”. Tao nghĩ nát ruột cũng không biết trả lời thế nào cho tiện. Vải giấy như vải giấy năm nay! Xin ít thì không biết may gì. Chỉ một bộ quần áo cánh vải to cũng phải non ba chục. Mà xin nhiều thì mang tiếng; với lại người ta lấy gì mà đưa cho mình được? Vay công vay nợ lắm vào thì về sau lại chỉ khổ chúng mày. Tao phải bảo người ta: muốn may cho mày thế nào thì may lấy, tao không dám nhận. Bà ta bảo: “Ta với ta, chẳng nói thì ông cũng

rõ; cái lúc khó khăn thế này mười nhà họa mới có một nhà có tiền may mặc, còn thì chỉ quần manh áo vá, đeo dây, quán rợ; chắc ở nhà ông thì cũng thế, mà nhà tôi thì cũng vậy. May quần chùng áo dài cho cháu, bất quá chỉ mặc một ngày cưới mà thôi, rồi cũng bằng để đấy, cảnh nhà chúng ta thì còn hội hè đình đám gì, mà phải sắm quần chùng áo dài kia chứ?... Vậy ông đã dạy thế, thì tôi xin may cho cháu một bộ quần áo vải, quần áo cánh thôi, để cho nó mặc đi làm ấy; còn hôm cưới, nếu cháu nó chưa có áo chùng, thì tôi xin đưa cái áo chùng của tôi cho nó mặc, cho nó qua cái ngày ấy, kéo cháu nó là trẻ con nó lại tũ thân chẳng. Rồi từ hôm sau mà đi lại cứ quần áo đụp, đem ra mà mặc. Cái áo dài lại cất đi. Ấy, nhà có một mẹ, một con, chỉ một cái áo dài là đủ chán! Mẹ đi đâu mẹ mặc; con đi đâu con mặc. Việc may mặc cho cháu cũng là tạm tạm được. Còn ý ông định ăn uống thế nào, xin cho biết”. Người ta nói thế là có ý hỏi mình có cần cau rượu, tiền nong gì nữa hay không? Tao nghĩ cũng chẳng còn nên xin thêm nữa. Mình cất lấy hai chục đồng bạc của người ta, hơn một năm, có đến một một năm rưỡi trời rồi. Vả lại còn đang có trở bu mày, cũng nên làm vụng làm trộm, miễn là xong việc thì thôi. Vậy họ đương, anh em, tao nhất định chẳng bảo ai. Đàng nhà trai cũng vậy. Bà ấy đã thú thật rằng: phải biện năm, ba cỗ thế nào, về đàng nhà họ gái, thì xin biện; chứ đàng họ nhà bà ấy, tịnh không mời người nào cả. Công nợ lắm thì về sau chỉ chết chúng mày, chứ chết ai? Vì thế, nên tao bảo: “Bà ạ, dẫu rằng: vui thì vui cả triều đình, chẳng vui, vui thế một mình, vui chi? Đàng nhà trai, bà con không muốn bảo ai, thì đàng nhà gái bây giờ đang còn tang mẹ cháu, tôi cũng chẳng bảo ai sốt cả. Vậy bà định ngày nào cứ một mình bà với chồng nó đến, tôi cũng chỉ cho hai em nó đưa nó về. Thế cũng xong. Ai cười đến hạng nhà chúng ta? Còn như sự tiền nong... đáng lẽ tôi chẳng nên xin thêm đồng nào nữa mới phải. Hồi mẹ cháu mất, tôi cất lấy hai chục đồng bạc của bà, là tôi phải nghĩ, nhưng phương ngôn dạy rằng: giàu bán chó, khó bán con; tôi cũng còn đồng công, đồng nợ, tất cả độ mười đồng kể cái sự bắt bà trả cả thì cũng không dám bắt, nhưng tôi vay mượn để lo cho bu cháu, hồi bu cháu mất. Như thế cũng như là tiền của cháu, cháu bỏ ra để trả nghĩa cho bu cháu. Tôi không dám tơ hào gì vào đấy”. Ấy là tao cũng nói dối bà ấy thế, chứ công nợ tao cũng chưa trả vội; tao nắm lấy dăm đồng ấy, để ra giêng đi lên rừng...

Câu chuyện đêm hôm ấy, Dần đang thầm nhắc lại, trong khi đưa

đẩy cái chổi cùn trên mặt cái sân con. Bởi vì hôm nay chính là ngày bà mẹ chồng đến rước Dần đi. Đêm hôm qua, đợi hai đứa bé ngủ rồi, hai cha con lại thở dài, thở ngắn với nhau. Dần khóc đến quá nửa đêm, rồi thiếp đi lúc nào, chẳng biết. Sáng dậy, Dần có cảm tưởng như nó mới chợp mắt đi một tí. Nó thấy người mỏi mệt. Dù vậy, nó cũng chạy ra ngoài quét tước...

Dần quét xong thì ở đằng đông, mặt trời đã nhô lên. Những tia sáng đầu tiên, chọc thủng tấm màn sương, rồi xé toạc mãi ra. Ánh sáng tràn đi. Trong khoảng khắc trở nên quang hấn... Dần ra ao rửa mặt. Lúc trở về nhà, nó thấy bố và hai em đã dậy rồi. Hai đứa con, mỗi đứa ôm một đùi cha. Người cha ngồi lừ thừ, lừ thừ. Đôi mi mắt trông có vẻ hơi sưng. Dần cúi mặt, bởi nó đoán rằng, đêm hôm qua, cha cũng khóc. Nó vờ tìm cái chổi, tuy nó biết nhà không còn cái chổi nào nữa, ngoài cái nó vừa quét và để ngoài đầu chái...

Thấy nó bảo:

– Hôm nay mày phải xuống chợ một tí, con ạ.

– Mua bán gì mà đi chợ?

– Mua mấy xu chè tươi, với mấy quả cau. Người ta đến cũng phải có bát nước, miếng trầu tươm tất chứ?

– Chào!... Vẽ chuyện!

– Sao lại vẽ chuyện? Không có, không coi được.

Dần cười tủm tỉm. Thằng em lớn, tì một tay lên đùi cha, múa may tay kia và nhún nhảy người, giễu chị:

– Lêu lêu! Lêu lêu! Có người sắp được đi lấy chồng. Lêu lêu!

Dần khoạm mặt, lờm em. Người cha sợ con gái xấu hổ, cũng vào đầu con trai một cái và mắng nó:

– Im thằng này! Để cho người ta dặn nó. Mua độ hai xu chè...

– Rầy hai xu, hàng chè nó chả bán thì sao...

Dần kêu lên thế và cố cười to để cho khỏi thẹn. Người cha cũng cười và hỏi:

– Hai xu không bán, thì mấy xu mới bán?

– Ít nhất là năm xu. Mua ít nó không có tiền trả lại.

– Thì mua cả năm xu vậy. Năm xu thì nấu được mấy ấm?

– Một ngàn ấm...

Ông lão cả đời không đi chợ, cứ tưởng chè rẻ lắm. Quen với ngày xưa, độ một xu một ấm. Bây giờ năm xu, nấu đặc chỉ được một ấm là hết xoắn. Thầy Dần lè lưỡi ra:

– Eo! Mẹ ơi!...

– Thật... Không có thế, cứ cố con mà chặt. Muốn mua thì mua, chẳng mua thì đừng, chứ cái sự đắt thì ngang với nhân sâm.

– Đắt thì cũng phải mua. Năm xu chè, với hai quả cau ngon ngon một tí.

– Cau ngon phải tám, chín xu một quả.

– Vị chi đi ba xu một miếng trâu?

– Đúng thế; không kém ba xu một miếng.

– Trời đất ạ!... Có đời nào như vậy? Cái thổ tả gì cũng đắt!... Cho nên tao vẫn bảo: cái lúc này chẳng nên dở dang ra làm gì. Mọi đồng mọi tốn. Giá làm độ mười lăm cỗ, chắc mất đến năm chục bạc. Miếng bùi chui qua cổ; mình ăn một bữa có no được bằng đời đâu, mà người ta phải chạy cỗ cho họ đương nhà mình thì khổ. Thà bất nhược là ta chước hết...

– Ấy thầy thì chỉ thế!... Cái gì cũng chước! Thành thử ra con mình chỉ theo không?

– Theo không cũng được. Mẹ mà ngày xưa cũng chỉ theo không tao đấy. Thế mà cũng ăn ở với nhau được mãi, sinh con đẻ cái, mà lại còn thương yêu nhau bằng tám những cặp vợ chồng cưới linh đình. Mẹ kiếp! Lắm đám cưới linh đình, mà rồi lại chả bỏ nhau ùn ùn ra đấy à?

Dần lại cười tùm tùm. Bởi nhắc đến vợ, thầy nó bỗng nhớ ra một điều:

– Tí nữa quên! Con nhớ mua mấy nén hương... Hôm nay là ngày cưới con, cỗ bàn đã chả có thì thôi, mấy nén hương cũng không có nốt thì phải tội...

Cái ý ấy – sự nhớ tưởng đến người đã khuất – khiến cả hai bố con cùng buồn bã. Mắt rơm rớm nước, thầy nó thở dài rồi bùi ngùi bảo:

– Biết vậy, tao cũng bảo bà ấy biện một mâm để cúng bu mày. Người sống chẳng có thì thôi, nhưng người chết...

Dần thốn thức. Nó sợ còn đứng đấy, thì nó sẽ khóc òa lên mất. Nó cố bảo:

– “Thôi! Con đi chợ...” rồi chạy ra. Ra đến sân nó mới nghe thấy thầy nó bảo:

– Ủ con đi.

Xế chiều hôm ấy, bà mẹ chồng và chồng Dần mới đến. Cả hai cùng mặc quần áo cánh. Bà mẹ khoác một cái áo màu nâu dài đã bạc ở trên vai. Chú rể xách một ché cau, chùng một chục quả. Vào đến nhà y lúng túng không biết đặt đâu. Bà mẹ trông thấy bảo Dần:

– Cho bu mượn cái đĩa đi, con!

Mặt Dần đã đỏ bừng. Hai đứa em nó, trông thấy, cười rúc rích. Nó lợi dụng câu nói của mẹ chồng, để chạy tót ra chái đứng. Một lúc lâu nó cũng không vào. Thấy nó phải đỡ lấy ché cau ở tay bà mẹ chồng đặt lên giường thờ mẹ nó. Rồi thấy nó nói thật to:

– Đi nấu nước đi con!

Không thấy con gái thưa, ông phải bảo thằng con trai lớn:

– Chạy ra bảo chị đun ấm nước.

Rồi ông thân hành đi lấy chìa vôi ra để tằm trâu. Bà mẹ chồng có lời ngay:

– Thưa ông, ông đã có lòng thương đến cháu mà xét ra, như thế này thật ông thương quá, thương mọi nhẽ, cái gì ông cũng chăm chước đi cho cả, khiến chúng tôi cảm tạ cái bụng ông mà lại lấy làm xấu hổ về cái cách của chúng tôi xử lăm. Chúng tôi xử thế này thật quả là không phải. Nhưng lạy trời lạy đất!... Chúng tôi cũng muốn nghĩ thế nào kia nhưng ông trời ấy chỉ cho nghĩ đến thế thôi, thì cũng phải rầu lòng mà chín bỏ làm mười, chứ như ông thì thật một bỏ làm mười mà không được một cũng bỏ làm mười. Có vậy thì công việc của cháu mới xong xuôi được. Giá phải bố vợ như bố vợ nhà khác, nhất nhất cái gì cũng bắt đủ lễ lối, thì nhà như nhà chúng tôi lấy gì mà lo được? Ít là cháu suốt đời không có vợ. Nhưng phúc làm sao, lại gặp được ông bố vợ thương con rể như ông, thì có phải ông trời ông ấy cũng còn thương nhà chúng tôi lăm lăm không?

Thôi thì bây giờ mọi sự ông đã thương cho cháu cả rồi, hôm nay tiện được ngày, tôi cũng biện cơm trâu đến kê với ông để ông cho cháu được lễ các cụ, trước là lễ gia tiên, sau là lễ bác nhà ta, sau nữa ông lại cho cháu lễ sống ông (chẳng có tiền bạc gạo lợn, hay mâm cao cỗ đầy thì cũng phải lấy đầu làm lễ gọi là chút lòng thành của con, cháu các cụ) – rồi xin phép ông để cho chúng tôi đưa cháu về nhà làm ăn.

Đáp lại bao nhiêu lời bóng bẩy, xa xôi ấy, ông bố vợ chỉ trả lời gọn chon lỏn một câu.

– Vâng! Mời bà cứ ngồi chơi thư thả xơi nước, xơi trầu đã.

Rồi ông lại cất cao giọng bảo con:

– Hễ được nước thì bắc lên đây con nhé!

Rồi ông ngồi lủ thủ. Bởi vì ông buồn lắm. Chỉ lát nữa là người ta rước Dần đi. Đêm hôm nay, chỉ còn mình ông với hai đứa trẻ con. Nhà sẽ vắng ngắt vắng ngơ, chẳng khác gì ngày vợ ông mới chết đi. Rồi chỉ mươi bữa, nửa tháng là ông đã phải bỏ nốt hai đứa con trai để ngược... Chao ôi! Buồn biết mấy? Ông chờ dẫn cả người, ông nghĩ bụng rằng: Giá Dần không phải về nhà người ta, thì có lẽ chẳng đời nào ông phải lên rừng; ông cứ ở nhà với ba con, bố con đùm bọc lấy nhau, bây giờ bỏ lại hai đứa bé mà đi, ông thương chúng nó quá... À thì ra ông phải đi nơi khác làm ăn, chẳng phải vì có gì khác mà chỉ vì Dần phải đi lấy chồng. Dần đi lấy chồng, không ai trông coi vườn đất, nhà cửa, con cái cho ông nữa... Ông buồn quá, ông đáp lại những câu rất dài dòng của bà thông gia bằng những câu ngắn ngủn. Bà thông gia, trái lại nhiều lời lắm. Bà vui vẻ. Bà nói luôn. Bởi tài ăn nói của người ta, một đời mới có dịp dùng đến độ vài lần thôi. Bà thì chỉ có một lần thôi, bởi vì bà có mỗi một mống con trai. Lấy một con vợ cho con, có dễ đâu? Nhất là mình lại không có tiền. Công việc phải qua mấy mươi nấc, mấy mươi cầu. Chưa cưới được vợ cho con, thì còn là đi lại mỗi chân, van ông lay bà sái hàm răng... Công việc của bà mười phần xong đến chín phần rồi. Còn một tí chút nữa mà thôi. Tội gì không ngọt ngào với người ta cho yên ổn cả? Người ta gả con gái, đã chẳng được gì, thì phải được lời nói mát lòng mát ruột cho hả dạ...

Đến tối, đám cưới mới ra đi. Vên vẹn có sáu người, cả nhà gái nhà trai. Ông bố vợ đã tưởng không đi. Nhưng bà mẹ chồng cố mời. Vả lại, nếu ông không đi, thì hai đứa bé cũng không thể đi mà Dần thì đang khóc lóc. Nếu chỉ có mình nó ra đi thì có lẽ nó cũng không chịu nốt. Ông đành kéo mấy cành rào lấp ngõ rồi đi vậy.

Dần không chịu mặc cái áo dài của bà mẹ chồng đưa, thành thử lại chính bà khoác cái áo ấy trên vai. Dần mặc những áo vải ngày thường, nghĩa là một cái quần công cộc xằng vá đụp những miếng vá thật to, một cái áo cánh nâu bạc phếch và cũng vá nhiều chỗ lắm, một bên tay rách quá, đã xé cụt gần đến nách. Nó sụt sịt khóc, đi bên cạnh mẹ chồng. Chú rể dắt đứa em lớn của Dần. Còn thằng bé

thì ông bố công. Cả bọn đi lủi thủi trong sương lạnh và bóng tối như một gia đình xẩm lẳng lẳng dắt díu nhau đi tìm chỗ ngủ...

Đến nhà trai, bà mẹ chồng mời bố Dần uống nước ăn trầu. Rồi bà giết một con gà, dọn cho ba bố con ông một mâm cơm (Dần vừa thẹn vừa buồn không chịu ngồi ăn). Ba bố con lẳng lẽ ăn. Người cha ăn có vài lượt cơm rồi buông bát đũa, ngồi xĩa răng, đợi cho hai đứa con ăn. Ông thúc chúng ăn nhanh lên, rồi còn về kéo khuya. Thằng lớn và cơm phùng mồm ra, bị ghen mấy lần. Khi cả hai con đã thối cơm, ông cho chúng nó uống nước rồi đứng lên, chào bà mẹ chồng Dần để ra về. Ông dắt thằng lớn và công thằng bé trên lưng. Dần đứng đợi cha ở ngoài sân. Nó vẫn còn dụi mắt. Người cha ái ngại, đứng lại nhìn con một thoáng rồi âu yếm bảo:

– Thôi! Thầy cho em về nhé.

Dần khóc nức lên. Hai đứa em không còn chế nhạo nữa. Thằng lớn chực khóc. Thằng bé ngậy mặt ra vì không hiểu sao cả. Người cha mắng yêu con:

– Mẹ chúng mày.

Bà mẹ chồng thấy Dần khóc quá, chạy ra. Bố Dần vội bước đi.

Dần chạy theo cha, nức nở:

– Thầy!... Thầy...

– Mẹ mày! Nín đi cho thầy về.

– Thầy đừng... đi... lên rừng.

Người cha thấy lòng thốn thức và đáp liền:

– Ủ, thì thôi... Mẹ mày!

*Tiểu thuyết thứ bảy, (nguyệt san)
số 3, tháng 8-1944.*

SỐNG MÒN

(Tiểu thuyết)

I

Sáng độ một giờ rồi. Phương Đông trắng mát màu hoa huệ, đã ngả qua màu hồng của tuổi dậy thì, để bây giờ nhỉnh nhoáng màu vàng cháy. Mặt trời mới nhú lên được một chút, khỏi cái nóc nhà cao nhất, ở đầu phố đằng kia. Những tia nắng đầu tiên, óng ả như tơ, lướt qua một rặng mái nhà thấp lè tè, cái bần, mấp mô, để đến xiên vào hai cái cửa sổ gác nhà trường, cái nhà cao thứ hai ở đầu phố đằng này. Nắng chảy thành vũng trên sàn. Hai vũng sáng, trước cửa nhỏ và mấp mờ, cứ dần dần lan rộng thêm, rõ hình thêm. Sau cùng thì đã rõ ràng là hai cái hình chữ nhật lệch có rọc đen. Một chút phản quang hắt lên trần, lên những bức tường quét vôi vàng và kẻ chỉ nâu. Nó hắt cả lên cái *đi văng*, Thứ đang ngồi, khiến y nheo nheo mắt, nhìn lên. Mặt trời đã nhô lên hẳn.

Thứ ngồi tránh sang một bên, rồi lại cúi xuống, lần lượt giở mấy quyển sách giáo khoa để trên đùi. Y tìm những bài để dạy hôm nay. Y dạy học đã hai năm. Cái chương trình học của lớp nhất, lớp nhì, y đã thuộc gần nhập tâm chỉ thuộc thêm một chút nữa là y đã có thể làm như một giáo sư toán học cũ của y, nhớ đến cả giải lời những bài tính đổ mà ông có thể đọc thuộc lòng được đầu bài, nên quanh năm dạy học không cần dùng đến một quyển sách nào. Trong việc soạn bài, y không cần thận trọng quá như hồi mới đến trường, có lẽ cũng do đấy một phần. Nhưng một phần lớn lại vì cố khác.

Có thể nói rằng y đã chán nghề. Không phải vì nghề dạy học tư không thích hợp với y. Nhưng cái nghề bạc bẽo làm sao! Để bớt số giáo viên, một mình y dạy lớp nhất xong lại phải dạy lớp nhì kế theo ngay, nên mỗi ngày phải dạy đúng tám giờ. Tám giờ nói luôn luôn, cứ

động luôn luôn, chẳng lúc nào ngơi. Thì giờ học trò ở lớp rút đi, nên thầy phải dùng đến từng phút con con để có thể dạy hết bài. Tất cả các bài làm đều phải chấm ở nhà. Thành thử mỗi ngày y bận rộn đến mười giờ. Công việc mỗi mệt quá đi cày. Thế mà lương mỗi tháng, chỉ vền vền có hai chục đồng.

Người hiệu trưởng cũ là một người anh họ Thứ. Đích, trước kia, giữ một chân bán hàng cho một hãng buôn. Cái đời đi làm cho một sở tư, cố nhiên là chẳng thú vị gì. Đích bèn chung vốn với Oanh, một bạn gái đồng sự của y, mở ra cái trường học ngoại ô này. Nhưng trường dạy được hai khóa thì y đỗ một kỳ thi vào công sở, được bổ đi làm ở một tỉnh xa. Y muốn Thứ thay y làm hiệu trưởng và dạy mấy lớp trên. Y bảo Thứ: “Trường bây giờ còn ít học trò. Tôi sẽ bảo Oanh đưa cho Thứ mỗi tháng vài chục bạc. Khi nào nhiều học trò hơn, chúng mình sẽ nói chuyện lại với nhau. Bọn mình liệu với nhau dễ lắm”. Tuy chẳng hiểu dễ thế nào, Thứ cũng gật đầu ngay. Y không muốn nói nhiều chuyện tiền nong. Ngay đến không phải chỗ thân tình, mà phải cò kè với nhau về một vấn đề tiền, y đã thấy gương ngừng rồi, huống hồ Đích với y là chỗ người nhà, lại là bạn học với nhau từ thuở còn thơ. Và lại lúc bấy giờ y không để ý nhiều đến số lương. Thất nghiệp gần hai năm rồi, y đang cần chỗ làm. Y đang muốn có thể dùng sức mình vào một việc gì. Bởi vậy, suốt một năm đầu, y là một ông thầy rất tận tâm. Y soạn bài, giảng bài, chấm bài rất kỹ càng, bao nhiêu tâm lực bao nhiêu thì giờ đều dùng cả cho nhà trường, cho lũ học trò. Hết niên học, số học trò đỗ bằng tốt nghiệp, so với những năm trước, tăng vọt hẳn lên. Bắt đầu khóa học sau, danh số những học trò xin vào học gấp đôi. Oanh hài lòng lắm. Thứ cũng hài lòng lắm.

Nhưng sự hài lòng của Thứ không bền. Chẳng bao lâu, y nhận ra rằng số học trò tăng lên nhiều quá, chỉ khổ y. Y vất vả thêm. Mà số lương thì vẫn thế. Trong khi ấy, vợ y ở nhà quê lại đã sinh một đứa con. Bận rộn con thơ, cố nhiên là người đàn bà làm phải kém đi. Tiêu lại tốn hơn, Thứ đã phải nghĩ đến việc tháng tháng bỏ ra một số tiền chu cấp gia đình. Y đã phải nghĩ nhiều đến tương lai. Sự lao lực và những nỗi lo khiến người y hóp hẳn đi. Nét mặt y, đôi mắt y, đã nhiễm một vẻ gì mỗi mệt rồi. Y mỗi mệt cả đến tâm hồn, cả tính tình. Y không còn bông bột hăng hái như trước nữa. Những lúc thấy mình và vợ con mình khổ quá, y đã bắt đầu tự hỏi y? “Mình làm việc đến gần kiệt sức mà tình cảnh cũng không thể hơn thế này ư?” Một

buổi sáng, trong lúc đánh răng, y bỗng tính ra rằng mỗi tháng, nguyên về hai lớp của y, người ta thu được tám mươi đồng. Y chỉ được một phần tư. Còn sáu mươi đồng nữa đâu? Tiền nhà, mười bảy đồng, tiền thàng ở, độ sáu đồng, thì nó còn làm đến trăm việc khác cho Oanh, chứ có riêng gì về việc trường đâu; tiền phấn viết bảng, độ vài đồng... Tất cả mọi thứ chi phí cho cả nhà trường, chỉ có thế thôi. Nguyên một số sáu mươi đồng kia, đã thừa được quá nửa rồi. Lại còn tiền thu ở bốn lớp kia. Thế thì Oanh không phải khó nhọc gì, không phải một trách nhiệm gì, cái trách nhiệm hiệu trưởng hoàn toàn Thứ phải đảm đương, mà được lợi về cái trường mỗi tháng trăm bạc. Sao lại vô lý thế?...

Một hồi còi khàn khàn vang lên. Tiếp theo là những tiếng bước chân bình bịch, những tiếng guốc khua rộn rã: phu nhà máy rượu bia chạy vào làm. Sáu rưỡi...

Thứ đã xong, y đánh dấu những trang cần dùng bằng những mảnh giấy con, rồi gấp giấy vào. Y ngẩng mặt lên. Oanh ngồi ở cái bàn đọc nhất, kê áp vào tường mé bên kia, đang tô điểm.

Oanh không đẹp, y gầy đét, vẻ mặt cũng như dáng người, cứng nhắc và khô. Y đi trông thẳng đuồn đuồn như một cây cau. Tóc thì quăn xoắn xít món nọ với món kia, mà lại ngắn, nên phải thêm một cái độn cho thành một cái búi tóc to, dễ coi hơn. Mắt cũng tầm thường. Chỉ được hai hàm răng tươi, trắng nõn và đều. Y vẫn lấy làm kiêu ngạo lắm.

Oanh dạy hai lớp trẻ con. Những đứa trẻ lau nhau, nguệch ngoạc, hôi tanh, đến lớp chỉ để bôi mực vào tay, lên quần áo, lên mặt, lên tai, lên bàn ghế và tường của nhà trường. Thứ không hiểu như vậy thì Oanh đánh phấn, tô môi, vẽ lông mày kỹ càng thế làm gì? Mỗi sáng, y mất vào đấy đến nửa giờ. Sáng hôm nay, y còn nhiều thì giờ để ngắm nghía mình hơn. Y nhìn vào gương, vừa xoa nắn mặt, vừa càu nhàu: “Chà! Sao trông cái mặt mình ngáo quá! Mình già quá!” Thứ thấy buồn cười. Y nghĩ bụng: “Ai bảo tiếc của gì? Còn hám lợi lắm thì rồi thế nào cũng chết già ở cái trường này...”

Cứ mười ngày, Oanh lại bảo Thứ một lần:

– Tôi cũng sắp trả chú cái trường của chú đây. Chẳng lẽ cứ vua Lê chúa Trịnh mãi thế này. Đích hẹn với tôi rằng Đích đi làm một vài năm, dành dụm một số tiền rồi sẽ cưới tôi. Tôi sẽ đi với Đích. Cái trường này, để lại cả cho chú, mặc chú trông coi đấy.

Mới đầu, câu nói ấy đã gợi cho Thứ bao nhiêu mộng. Y sẽ tổ chức

lại cái trường. Y sẽ sửa sang lại cho nhà trường sạch sẽ hơn, có vẻ hơn. Nhà trường sẽ có một phòng giấy để tiếp khách hẳn hoi. Học sinh sẽ có tủ sách, hội thể thao, những cuộc chơi giải trí... Phần nhiều các bạn đồng nghiệp của y, coi trường tư chỉ là một chỗ kiếm ăn tạm bợ để đợi thời. Y, trái lại, đã định rằng sẽ sống chết ở trong nghề. Y thành thực yêu nghề và yêu các trẻ em. Y rất tận tâm. Y dạy có phương pháp và chăm. Y đã làm cho cái trường này được tín nhiệm, nhiều học trò thêm. Chỉ tiếc rằng y không được toàn quyền theo như ý của y. Oanh ngại những món tiền, nghe y bàn gì cũng gạt đi. Nhưng đến khi nhà trường đã thuộc hẳn tay y... À! Y tin chắc rằng nó sẽ không chỉ thế này thôi. Nó sẽ tiến hơn nhiều. Số học trò sẽ hơn nhiều. Số thu sẽ gấp đôi lên. Các giáo viên sẽ được thù lao một cách xứng đáng hơn. Họ sẽ không còn phải bán khoản nghỉ đến tiền, đến cơm áo. Họ có thể để hết thì giờ và tâm trí vào nghề. Thứ cũng lấy mỗi tháng một số lương nhất định, đủ tiêu dùng. Y sẽ đem theo vợ con. Còn bao nhiêu lời lãi, sẽ đập cả vào cái quỹ chung của nhà trường. Trong cái quỹ ấy, bao nhiêu phần sẽ dùng vào việc mở mang, bao nhiêu phần vào những cuộc phát thưởng và những ngày hội hàng năm của học sinh, bao nhiêu phần sẽ chia cho các giáo viên vào mỗi cuối năm, bao nhiêu phần sẽ giữ lại cho họ để làm cho họ một số tiền hưu...; Thứ đã tính rành mạch cả. Y dám chắc rằng nếu cái trường thuộc quyền y thì y sẽ thực hành cái chương trình kia chẳng khó khăn gì, và y sẽ bắt đầu thực hành ngay. Nhưng bây giờ thì y đã chán rồi. Y đã hiểu rằng người ta chỉ dử y, người ta chẳng chịu nhả ra đâu. Cái trường còn có lời thì người ta còn phải khư khư ôm lấy nó...

Oanh cất tiếng gọi Mô, thằng ở của nhà trường. Tiếng y the thé, hách dịch, gắt gỏng. Thứ ghét những người đàn bà như vậy. Y thấy một nổi tức đột ngột, xông lên óc. Y đứng phắt lên, mở cửa trước ra hiên gác. Ở mé bên kia đường, đã lẻ tẻ mấy bọn học trò. Chúng nhìn lên cất mũ chào. Thứ lại phải tươi ngay mặt lại. Y khép cánh cửa, để chúng không nhìn vào bên trong được.

San, người bạn dạy hai lớp dưới những lớp y, quần áo chỉnh tề, ngồi trên chiếc ghế mây, tay tì lên cái chần song, cầm một quyển sách mở, đang đọc thành tiếng lầm bầm. Y đọc rất nhanh, xùi cả bọt mép ra. Thỉnh thoảng y lại hít mạnh vào một cái và đưa tay lên quệt mép.

San theo học một lớp học tối để thi bằng tiểu học Pháp chương trình ba năm. Y muốn học trong có một năm. Thì giờ hết mất rồi, chỉ

còn vài tháng nữa đã thi, mà phần chưa học kịp thì còn nhiều quá. Bởi vậy, y học đúng như bò ngốn cỏ. Buổi sáng, vừa mới dậy, y đã mãi miết rửa mặt, chải đầu. Rồi y tròng cái ca vát thắt sẵn vào cổ, rút lên, nắn qua loa, mặc quần áo, xỏ giày. Tất cả những việc ấy, làm trước đi để lát nữa đến giờ, chỉ việc sang trường. Thế rồi xách một chiếc ghế và một quyển sách ra hiên, y cúi mũi vào sách, học...

Thứ lại đứng cạnh y, nhìn vào trang sách y đang học. Đó là một quyển địa dư. Thứ rất dốt và rất ghét địa dư. Y nhìn xuống đường. Máy đưa học trò nhà, toàn những em, những cháu Đích và Oanh, đùa nghịch với nhau, xô đẩy chạy ra đường; trông thấy y chúng lại chạy thụt vào. Tại sao như vậy? Hồi còn nhỏ, đi học, y rất sợ thầy. Bây giờ, y vẫn cố làm cho học trò y không sợ sệt y. Trong giờ học thì cố nhiên y cũng phải nghiêm trang. Nhưng ra khỏi lớp, y đối với chúng thân mật, dễ dãi, còn hơn một người anh đối với các em. Tại sao trước mặt y, chúng vẫn không thể đùa nghịch tự nhiên như vậy?...

San ngẩng lên, toe toét, khẽ bảo y bằng tiếng Pháp:

– Con bé Lân vừa đi qua đấy!

Mặt San đung đưa và tiếng y đơn dốt. Động nói đến gái là y ồng ẹo và chột nhả. Thứ khó chịu, lạnh lùng:

– Thì mặc nó! Cái ấy không can gì đến tôi.

– Thấy ghét! Giá húp được thì có đứa đã húp ngay được đấy!

– Mất dạy! Học trò ở dưới kia chúng nó nghe thấy thì đẹp mặt.

San cười phì một cái ra đằng mũi, rồi lại cúi đầu vào sách học. Nhưng ở trong nhà, tiếng Oanh chan chát mắng và tiếng thằng Mô oang oang cãi lại. Gần như chủ và đầy tớ cãi nhau. Thứ bĩu môi. San cau mặt, dần khẽ quyển sách xuống, rít trong cổ họng:

– Không chịu được!

Thứ mỉm cười:

– Ai bảo đại? Đang yên lành, tự nhiên dở chứng, trả lại nhà, đến rúc vào đây. Đã được suốt ngày nhức đầu chưa?

San bỗng lại phì cười. Y bảo:

– Chúng mình khổ thật! Giá được ở với vợ thì phải cố chịu cái tai nạn đàn bà lắm điều, cũng là lẽ đương nhiên. Đằng này phải bỏ vợ mà đi thế mà vẫn không tránh được cái khổ mồm loa, mép giải. Không được ăn xôi, cũng phải nai lưng ra mà chịu đấm. Ưc chết đi được.

II

San là một con nhà giàu ở nhà quê. Giàu đối với làng y. Nghĩa là có vài mẫu vừa vườn, vừa ao, dăm ba mẫu ruộng, một con trâu, thóc thừa ăn từ mùa nọ đến mùa kia... và những khi gặp công việc, cần đến dăm ba trăm, nguyên tiền nhà bỏ ra cũng đủ, không cần vay mượn. Ông thân San là một nhà nho hiền lành, vừa dạy học, vừa làm thuốc, bổng lộc khá nhiều. Ông có ba người con trai, thì cả ba đều đã có vợ con, có phần, có phận cả rồi. San là con út. Y cũng có được ra tỉnh học. Nhưng y chỉ học hết bậc sơ học, đỗ được cái bằng rồi, ông bố bắt về. Vào thành chung, học tốn tiền. Số tiền ấy, thà để làm ăn cho nó sinh sôi nảy nở ra, rồi đến khi San đến tuổi, thì dùng mà lo công danh cho y ở nhà quê. Thời buổi này, học cho đến lúc đỗ đạt, được bổ đi làm ông Phán, ông Thông chẳng dễ gì. Đích và Thứ học tốn tiền nghìn, xong cả bốn năm thành chung rồi, mà chẳng vẫn còn vát vưỡng đó ư? Đã bảo rằng làng này không có đất học hành. Từ khi quan Cử ngài mất đi đến giờ, có một người nào, dù học chữ Nho hay chữ Tây mặc lòng, mà đỗ đạt đâu? Quan Cử ngài ghét dân làng ở bạc, sai đào cái ngòi chạy qua làng, làm đứt mạch đi rồi... Ông thân San thường nói vậy, như để phân trần với người ta rằng: ông có thể cho con đi học được mà lại bắt con thôi học dở dang, là ông đã suy tính chán, ông muốn gây dựng cho con bằng cách khác.

San lấy vợ. Ông thân y cưới cho y con gái một nhà giàu và thân thế ở trong làng. Lấy vợ xong, San học chữ Nho. Con đường của y đã định rồi: y sẽ làm tổng lý. Muốn dặt dứu cho con rể, ông bố vợ cho San năm sào vườn ở cạnh nhà ông. Ông bố để làm cho một cái nhà. Vợ chồng San đến đó ở riêng. Tiện cả cho vợ y thậm thọt về nhà mẹ đẻ, để mà bòn của. Hồi ấy, Thứ rất khinh San. Là một con nhà có máu mặt lép vế trong làng, Thứ hiểu một cách sâu xa những cái ức hiếp của bọn cường hào. Y thù ghét bố vợ San. Nhà ông ta làm tổng lý bốn đời rồi. Vây cánh ông ta mạnh nhất làng. Tất cả các việc trong làng đều ở tay ông. Ngay từ hồi còn bé con con, Thứ đã được thấy bà ngoại y, mỗi lần đi nộp thuế về, nghẹn ngào:

– Cha mẹ nó! Nó bóp hấu, bóp cổ người ta. Thuế nhà mình mà nó tính hai chục bạc! Nó lấy một mà hai... Ở cái làng này mà thấp cổ, bé miệng thì ực thật, chúng nó không còn để cho người ta sống...

Khi đã ra tỉnh học, mỗi kỳ nghỉ hè, Thứ về quê, lại trúng vào dịp thuế. Y lại phải nghe những lời độc địa của bà ngoại y nguyên rửa bọn kỳ hào. Một lần, y được thấy ông Bá Kiến sai trói một lúc mười bảy người và đánh một người lòi mắt. Y tắc cổ, như trông thấy bố mình bị đánh. Ngay từ đấy, nảy ra trong đầu y, cái ý náo nức muốn học, muốn thành tài, để đem cái tài ra mà dẹp tan những nỗi bất bình kia. Y ngờ nghech tin rằng phàm những kẻ nào đã cấp sách tới trường, đều phải nghĩ như y; ít ra, họ cũng khinh những hành vi đục khoét, bóp nặn của bọn một dân, ý thế làm càn. Y lấy làm lạ là một người như San, có học Tây, có xem sách báo mà lại đã nhiều phen công kích trước mặt y, những cái tội tệ của cường hào... y lấy làm lạ rằng một người như thế, mà bỗng chốc có thể chui đầu vào luồn lụy một nhà như nhà Bá Kiến, chuyên sống về nghề đục khoét...

Thứ khinh San lắm. Thứ cũng lấy vợ nhà giàu. Ông bố vợ y cũng có một địa vị cao cả ở làng. Nhưng y cho đó là một sự nhu nhược của y. Y đã không cương quyết nổi đến cùng, để chống lại sự quyết định của gia đình. Y đã phải trách y nhiều về chỗ ấy.

Y lấy làm mừng vì ông bố vợ y là một ông kỳ mục hiền lành. Y rất lấy làm mừng vì Liên rất mau chịu ảnh hưởng của y. Bởi rất yêu và rất phục chồng, Liên dễ mau đến cái lúc nhìn đời bằng con mắt của chồng. Mặc dầu vậy, đối với gia đình vợ, Thứ vẫn cố ý không thân mật lắm. Y cự vợ rất hăng, mỗi lần vợ định mua rẻ của mẹ một vài mẫu ruộng hay xin mẹ mười lăm thùng thóc. Y cũng không thích bo bủ gì với chính bố mẹ y. Con chim bay bằng đôi cánh của nó. Y muốn chỉ trông vào bàn tay y. Bỏ học tháng năm và bỏ luôn cả kỳ thi vì bệnh tê phù và bệnh đau tim, y khỏi bệnh tháng mười và tháng mười một, nhất định ra đi. Y không chịu được sự ở dưng. Y vào Sài Gòn với một người làng, mặc dầu rằng khí hậu nóng ẩm miền Nam chẳng tốt tí nào cho cung bệnh của y. “Ở Sài Gòn, y kiếm ăn bằng nhiều nghề, kể cả những nghề mà những người tự xưng là trí thức, không làm. Y trà trộn với phu phen, với thợ thuyền. Y mặc đồ bà ba, đi chích thuốc thí ở nhà thương. Còn chút thì giờ thừa nào, y học rất chăm. Y đợi một dịp may mắn có thể xin xuống làm bồi tàu để đi sang Pháp. Y sẽ sang đấy, để nhìn rộng, biết xa hơn để tìm cách học

thêm. Phải có một cái trình độ học thức khá cao. Phải luyện tài. Có học, có tài, y mới có đủ năng lực để phụng sự cái lý tưởng của y. Tạng người y không cho y cầm súng, cầm gươm. Y sẽ cầm bút mà chiến đấu...”

Y lặn dạn ở Sài Gòn ngót ba năm. Ngót ba năm sống chật vật, sống nghèo nàn, nhưng rất say mê. Cái mộng viễn du vẫn chưa thành, thì một trận ốm thập tử nhất sinh đã đem y về, trả cho đất chôn nhau cắt rốn.

Y đã thấy những gì ở quê nhà? Gia đình y khánh kiệt rồi. Bà ngoại y già nua, ốm yếu, bần gất, buồn rầu.

Bà chửi con cháu suốt ngày và khóc suốt ngày. Ông thân y uống rượu rất nhiều chỉ vì thất bại rất nhiều. Lũ em y lúc nhúc rất đông, không được đi học, không được mặc, thường thường không đến cả ăn, gầy guộc, rách rưới, bần thủ, đen thủi, tục tũn và xác lác, cãi đánh nhau suốt ngày chí chèo. Bà mẹ y, già và xấu đi nhiều quá đến nỗi nói y tưởng như mình xa nhà đến mấy chục năm, làm và nhìn top người đi như một con ve, một mình cố nâng đỡ cả một cái thế giới đang sụp đổ kia, như một con ngựa già cố kéo một cái xe nặng lên khỏi dốc, tuy biết mình kiệt sức rồi, không thể nào còn kéo nổi nhưng vẫn kéo. Vợ y cũng khác nhiều. Liên già đi đến mười năm. Khuôn mặt trái xoan xưa, đã co cạnh ra. Dáng người và chân tay nặng nề thêm. Đôi mắt trong trẻo, long lanh, đã hơi mịt mội. Ngay tối hôm đầu Liên đã hỏi y:

– Mình có đem về được vài trăm bạc không?

Và khi y đáp: “Không” thì Liên hơi thất vọng...

– Cũng không sao... – Liên bảo vậy, có lẽ để cho chồng khỏi ngưng.– Em hỏi thế là vì nhà bây giờ túng lắm, thầy u nợ người ta mất ít nhiều. Giá có tiền thì mình đưa cho thầy u trả nợ đi. Nhưng không có cũng chẳng sao. Thật ra thì mình cũng chưa đến nỗi không còn cách gì nẩy ra tiền để trả người ta. Nhưng khổ một nỗi u cứ hay nghĩ vớ vẩn. Em bảo mai u cho em bán đôi khuyên của em đi, để trang trải cho xong, nhưng u không chịu...

Làng y vẫn như xưa, khổ hơn xưa. Vải Tây rẻ như bèo, nghề dệt cổ xưa của làng chết hẳn rồi. Dân làng không việc rất nhiều. Ông Bá Kiến vẫn còn sống, vẫn còn giàu. Ông đã từ tiên chỉ để con trai ông ra làm lý trưởng, nhưng thật ra ông vẫn nắm quyền tiên chỉ. Mọi

việc trong làng vẫn một tay ông cắt đặt. Đàn em vẫn bị bóc lột đến không còn cái khố, San thì bây giờ đã nhà quê đặc. Y đã hai con. Ông bố vừa mới mất, cái áo tang xố gấu và chiếc khăn bằng vải màn trắng, thất ngang, khiến y càng có vẻ lù đù. Đến chơi với Thứ, y nói nhỏ nhỏ, buồn buồn, đôi mắt nhìn xuống như sợ người ta nhìn thẳng vào tận tâm hồn. Kỳ thuế năm ấy, Thứ được tin San phát thẻ giùm anh vợ. Đòi dân làng mỗi cái ba xu. Một hôm đến chơi nhà San, y thấy San đang tắm cho con. Một hôm khác, thằng ở bảo y rằng:

– San đang chia bài cho ông bố vợ đánh tổ tôm. Một hôm khác nữa, y bắt gặp chính San đang giở cuộc tổ tôm. Từ đấy Thứ không đến nhà San nữa. Y được nghe đủ thứ chuyện về cái anh chàng đốn mạt, làm nô lệ cho nhà vợ ấy. Y nhục thay cho bạn...

Đột nhiên một hôm Thứ nghe nói San đi Hà Nội, dạy học ở trường của Đích. Máy tháng sau, y gặp San về quê mặc âu phục hẳn hoi. Và đến khi nhận được thư của Đích, y đến trường, thì San đã Hà Nội hóa khá nhiều: y cười nói bô bô, khôi hài, làm ra người vui vẻ trẻ trung. Một người của phong trào! Thứ không ưa lắm những con người âm ỉ, lố lăng như vậy. Nhưng y cũng nghĩ thầm về người bạn nhỏ: “Thà như vậy!...”

III

Sau khi Dích đi rồi, Thứ sang ở với San. San thuê một căn nhà ở gần trường, mỗi tháng năm đồng. Y mua lại bộ bàn ghế và hai cái giường gỗ tạp, bà chủ bắt của người thuê trước, còn thiếu đâu ba, bốn tháng tiền nhà. Y đem từ nhà quê lên một ít bát đĩa, xanh nổi. Y nghiêm nhiên thành một người chủ trọ, thổi cơm tháng cho bốn đứa trẻ người làng lên học ở trường và một cậu học trò trường Bưởi. Nhà sáu mạng rồi. Thêm một Thứ nữa là bảy.

Họ ở với nhau như thế được hơn một năm. Nhờ mọi thứ còn rẻ cả, lại đông người gánh góp, cuộc đời khá yên ổn nếu những đứa trẻ không nhộn quá và San với Quý, – cậu học trò trường Bưởi – không hay tranh luận quá. Những đứa trẻ ghét San. Có lẽ vì trông y trẻ quá, người ngắn ngủn, cử chỉ không đúng đắn; y không đủ oai quyền để cai quản chúng. Chúng rất hay chế giễu ngậm y, bướng bỉnh với y. Những lúc Quý đi học vắng, Thứ và San bận rộn với lớp sau lớp trước ở bên trường, là những lúc mình chúng làm chủ cái nhà. Tha hồ mà làm loạn! Chúng phá phách, tinh nghịch đủ trò. Một cái trò khó chịu nhất cho San là thằng lớn nhất hay trêu chọc thằng bé con cháu vợ San, cố làm cho nó phát khùng, phải chửi lên, rồi vin vào đấy mà đánh cho cẩn thận, trong khi những đứa khác, trong số đó có cả thằng ở, đứng xem, cười và nói khích cho đứa chửi càng già mồm chửi và đứa đánh cứ già tay đánh. Thằng bé bị đánh rất đau, San về, cũng không dám nói gì. Kinh nghiệm đã cho nó biết rằng: mách San chỉ bực mình thêm. Bởi vì mỗi lần nó khóc mếu, thưa chú, thì dầu nó phải mười mươi, chú cũng chẳng có cách gì hơn là hậm hực chán rồi mắng cả hai. San, tuy rất ghét, rất giận thằng kia, không muốn tỏ ra mình bênh cháu. Tuy vậy, y có thể vì thế mà mất ăn, mất ngủ. Y thường nói bằng cái giọng hằn học nhất của y, bảo Thứ:

– Thằng Lu thật là khốn nạn! Không hiểu sao nó cứ phải bắt nạt thằng bé cháu tôi. Không ngày nào là nó không đánh thằng bé một lần. Tôi đã bảo nó bao nhiêu lần mà nó không nghe. Đối với chúng

mình, thì chúng nó là trẻ con cả với nhau, mình có để ý gì. Khổ một nỗi ở đằng nhà vợ tôi có chịu nghĩ thế cho đâu. Tính trẻ con, ai có lạ gì? Mỗi lần về quê, thằng bé lại khóc khóc, méu méu kể lể với mẹ, với bà. Mà tính đàn bà thì cũng lại rứa trẻ con! Thôi thì họ hết day chùi lại trách móc tôi, nhất định cho tôi là hất hủi, bỏ liều con cháu họ, coi nó không bằng con người khác...

Một lần chúng ném nhau. Một hòn đá trúng vào giữa cái đồng hồ bỏ túi của San treo trên tường, làm vỡ kính và hỏng máy. San đem chữa. Nhưng cái đồng hồ đã thành tật mất rồi: cứ thỉnh thoảng, nó lại giở chứng, không chạy nữa. Lại một vài đồng bạc, đem chữa nữa. San khổ như một đứa trẻ con oặt oèo. Mỗi lần thấy kim đồng hồ đứng lại, y lại giật mình. Dù ngay giữa bữa cơm, y cũng vội vàng buông bát đĩa, cầm lấy xem, lên dây, lắc lắc ghé tai nghe. Mặt y tối lại dần. Y mở ra để được biết chắc chắn cái tai nạn của mình hơn. Và khi đã biết chắc chắn rồi, y thốt ra mấy tiếng run run:

– Lại hỏng rồi!

Đôi mắt nảy lửa của y nhìn lũ trẻ con đang cúi đầu ăn, như muốn đem chúng ra mà giết hết đi. Những thớ thịt trên mặt y co rúm cả vào. Nước mắt ứa ra. Y ấm ức nghẹn ngào, như chực khóc.

Quý thấy thế, thường cười một cách khoan khoái lắm. Y cười rú lên, như cố ý làm cho San phải tức thêm. Hai anh chàng ấy không bao giờ chịu được nhau. Chỉ vì họ giống tính nhau quá quắt. Cả hai cùng âm ỉ, cùng tự đắc, cùng kiêu ngạo. Họ thi nhau vạch ra những cái dốt của nhau. Thứ nhìn tất cả những trò ấy, thần nhiên và rộng lượng. Y hơn hẳn họ về tuổi, về sức học cũng như về từng trải. Y đặt sự hiếu thắng của mình vào những chỗ xa hơn. Y thấy họ trẻ con. Cậu học trò trường Bưởi kia thì đã đành rồi. Nhưng San đã có hai con, y chỉ sinh sau Thứ có hai năm. Thứ hơi buồn cười về một chỗ San có thể đỏ mặt tía tai hay cười rất khoái trá vì một cái tính đố hay một cái lỗi ngoắt ngoéo trong một bài ám tả. Thứ hơi thương hại, nghĩ: nó học ít, mà cũng chưa được sống...

Và Thứ vui vẻ, hơi ngậm ngậm tự kiêu về mình...

Một hôm, Quý khuôn hòm ra xe, đi chỗ khác. Mấy hôm sau, thằng Lu cũng về quê. San nhẹ hẫng người. Y không ngại nói điều ấy ra ngoài miệng. Từ đấy, nhà đỡ nhộn San có vẻ đứng đắn hẳn lên. Những bữa ăn, y và Thứ nói chuyện với nhau hòa nhã, ôn tồn. Y hỏi Thứ những chỗ học hoặc xem trong sách mà không hiểu. Thứ giảng

giải cho y, bàn rộng đến văn chương, các nhà văn, thử cái mộng văn chương xưa cũ của mình, nhắc đến những kỷ niệm Sài Gòn, nói đến dĩ vãng như một người già lão. Y thở dài và bảo:

– Thế nào rồi tôi cũng phải đi Sài Gòn chuyến nữa. Tôi còn phải đi nhiều. Tôi không thể để tôi mục ra ở cái trường này. Và trong một phút, những mộng xưa lại sôi nổi ở lòng y. Nhưng chừng chỉ sôi nổi trong một phút rồi lại chìm ngay. Tiếp theo là một sự bình lặng, buồn như một cảnh quạnh hiu. Thứ tê người. Hỡi ôi! Còn gì lại của *thời xưa*, của cái thời xưa mới cách đây độ bốn, năm năm. Y đã sợ đi. Y đã sợ sự khó khăn. Y sẽ chẳng bao giờ tự ý rời nổi cái trường này. Cuộc đời ở đây cố nhiên là chẳng đẹp gì, nhưng chắc chắn là y có ăn, có mỗi tháng ít nhiều để giúp gia đình. Đi, là đến những cái *chưa thấy đâu*, sự bấp bênh, một cuộc đời chưa biết thế nào mà chắc chắn. Y chép miệng:

– Giá chúng mình chưa có vợ con gì cả!...

San cười:

– Tôi bảo anh này! Chúng mình chịu khó ở đây một vài năm. Tôi để học thêm, cố lấy cho được mảnh bằng, hòng có đi cũng dễ xoay hơn. Anh, cố để dành dụm, gầy lấy cho vợ anh một cái vốn con con, khả dĩ có thể tự xoay xở, nuôi con. Thế rồi chúng mình đi.

Y bàn như vậy. Thứ thừa hiểu rằng đó chỉ là chuyện bàn suông, bàn để rồi để đấy thôi. Nhưng y cũng dối mình để cố dẹp những bứt rứt của lòng. Y lại vui vẻ nói đến cách sống dễ dãi, và tự do ở Sài Gòn, đến nhưng *thằng bạn bạt mạng* của y, đến cái mẹo phải dùng để khi đã cạy cục xin xuống làm bồi ở một cái tàu bể rồi, có thể xin thôi việc mà lên ở ngay đất Pháp:

– Lệ làm tàu, anh xuống ở bến nào, thì đến lúc xin thôi việc, người ta sẽ đem anh về trả chỗ bến ấy. Vì thế, nếu không biết mảnh khoe, sang đến Pháp rồi, khó lòng mà xin lên để ở luôn đấy được. Đến Mácxây, tưởng đạt vọng rồi, hăm hở xin lên, thế là bao công trình của anh toi cả: anh sẽ thấy người ta bắt anh trở lại Sài Gòn rồi mới vất sổ trả anh, mời anh lên đất!

– Thế thì đến Mácxây, trốn lên chẳng?

– Cũng được, nhưng mất sổ. Nghĩa là lúc muốn về không về được. Và lại cũng có thể bị bắt, bị lôi thôi... Phải thế này: đến Mácxây, xin đổi tàu. Xin lên ngay ở đây thì không được nhưng xin đổi tàu thì vẫn

được, nếu biết tìm một anh nào ở tàu kia muốn chuyển sang tàu mình; thường thường thì phải cho họ một số tiền; để họ bằng lòng đổi: những anh nhà nghề, họ đi tàu nào chả thế? Mình xin đổi sang một cái tàu chạy Mácxây sang Mỹ chẳng hạn. Thế là đổi với cái tàu ấy, mình lên ở Mácxây. Đến lúc xin lên người ta sẽ đưa mình về Mácxây.

Thứ nói như y đã thành thạo về nghề làm tàu bể lắm. San rất phục. Cuộc đời của y nghèo nàn tù túng mãi rồi. Khốn nạn! Đã bao giờ y đi đến Huế, đến Tourane, đến Sài Gòn! Ngay đến Hải Phòng y cũng chưa đến bao giờ. Không có gì để nói, y nói đến ông thầy dạy tối y, đến các bạn cùng học với y. Y nói đến vợ, con. Y nói đến người làng... Và ngày tháng cứ bình lặng trôi đi như vậy, bình lặng và vô sự.

Vô sự lắm. Lũ trẻ, mất đứa cầm đầu bướng bỉnh và ưa khơi chuyện là Lu, trở nên hiền lành. Chúng kính nể San hơn. Chúng ít đùa, ít đánh nhau. Tỉnh thoảng mới có cuộc cãi nhau vặt giữa thằng ở và cháu vợ San, San định yên lòng để nghĩ đến những công việc riêng của mình. Nhưng mà không lâu...

IV

Một hôm San lăm bắm học, bỗng ngẩng mặt lên và rất đột ngột, bảo Thứ, ngủ trưa vừa mới dậy, còn đang ngáp:

– Tôi nghĩ kỹ rồi. Chúng mình cứ nhất định trả nhà, dọn sang trường.

Ngừng lại một thoáng để xem Thứ có nói gì không, nhưng không thấy Thứ nói gì, y bảo tiếp:

– Tôi nói cho anh nghe!... Lũ trẻ sắp về nghỉ cả rồi; chúng nó nghỉ hai, ba tháng mới lại lên. Thằng ở cũng xin về. Nó xin về thì nuôi thằng khác, cũng chẳng khó gì, nhưng có năm, sáu người chịu chung thì mới có thể nuôi một thằng ở, thuê cả một căn nhà. Bây giờ chỉ còn có hai chúng mình, chịu làm sao nổi? Tiền nhà bà béo đòi tăng ba đồng nữa. Như vậy thì anh bảo, chúng mình chịu làm sao nổi?

Thứ ngần ngừ, nhìn hai bàn chân, khẽ đáp:

– Đã đành. Nhưng tôi nghĩ sang ở đấy cũng không được tiện. Con Oanh ở đấy...

– Mặc kệ Oanh! *En* không muốn ở chung với chúng mình thì *En* về nhà riêng mà ở. Anh là hiệu trưởng, anh ở luôn ở nhà trường là đúng lý. *En* lấy địa vị gì mà ở đấy? *En* không biết điều!

San nói, không để cho người ta cãi lại. Giọng y gay gắt. Ít lâu nay, y bỗng sinh ra thế. Không mấy lúc bình tĩnh. Y cau có, gắt gỏng suốt ngày. Y đánh học trò luôn. Y gây sự với bất cứ ai. Y thích nguyên rửa và mặt sát. Cái gì cũng khiến y ngứa tai, ngứa mắt. Nhiều lúc, y làm Thứ và Oanh khó chịu. Oanh phàn nàn với Thứ, Thứ cười mà bảo:

– Thằng bé cháu con Dung!...

Dung là cô con gái rượu bà béo, chủ nhà. Chẳng đẹp gì, nhưng cũng mũm mĩm và trắng trẻo. Mà lại là con một. Mà lại diện! Cô diện nhất vùng này, tân thời nhất vùng này: cũng đánh phấn, tô môi, kẻ lông mày; cũng áo kiểu nọ, kiểu kia; giày cao gót, ví dầm... Nghĩa là Hà Nội đặc!

Cô ả bán hàng. Anh chàng San thì mỗi ngày bốn lượt nện giày Tây cồm cộp, qua, lại trước cửa hàng. Những khi chỉ có một mình Dung, San tạt vào mua một cái ngòi bút, cái bút chì, tờ giấy viết thư hay gói ô mai. Chỉ có thế, mà rồi một buổi sáng chủ nhật, lũ trẻ rúc rích cười chạy về, khoe với Thứ rằng: ông San đang tán cô Dung và nắm tay cô. Thứ sa sầm mặt. Y không dám thú với y rằng hơi ghen với bạn. Nhưng lúc San về y bảo:

– Anh liệu đấy! Con mẹ béo chẳng vừa đâu. Nó có thể đứng ở cửa nhà nó, xắn quần lên, trở sang trường mà chửi. Lúc ấy thì đẹp mặt!

Y làm như chỉ vì danh dự nhà trường mà y phải nói. Nhưng San cười xòa, bảo:

– Ai để cho bà béo biết mà anh sợ!

– Cái gì rồi người ta chẳng biết.

Bà mẹ biết. Nhưng không làm dữ. Có lẽ vì bà biết trai gái phải lòng nhau như vậy cũng thường. Ngày xưa bà đã lấy khách, lấy Tây đen, chán rồi mới lấy ông ấy, là một người bồi khách sạn. Tiền của và cuộc đời trưởng giả hiện nay đã đem lại cho cả ông lẫn bà ít nhiều sự kính nể của những người ở chung quanh. Nhưng bà cũng không có lý gì để cẩn thận với tai tiếng quá. Vả lại hạng Dung thì lấy đến hạng San cũng đã là được lắm rồi. Dân Hà Nội thì chẳng ai biết đến con bà. Còn dân ở vùng ngoại ô này, chỉ toàn những phu phen, thợ thuyền, bồi bếp. Thịnh thoảng mới có một gia đình công chức nhỏ – một ông Phán hưu trí hay một ông giáo không đủ tiền nhà ở phố – thì họ lại khinh nhà bà là hà tiện. Bởi vậy, đáng lẽ to tiếng với San, thì bà lại chỉ ngấm ngấm dò la xem San đã có vợ chưa. Lũ trẻ hùa với nhau để đánh lừa bà. Cả cái mặt non nớt của San cũng lừa bà. Bà đi kháo âm lên với mấy người hàng xóm rằng bà sắp gả Dung cho ông giáo bé và định đòi căn nhà ở cạnh trường về để đôi vợ chồng mới ở. San khoái lắm. Thứ khổ về sự tự đắc âm ỉ của y:

– Tôi chim gái cũng cừ đấy chứ!... Trông mình thế này, ai dám bảo là có vợ rồi! Con Dung mê là phải.

Thứ bĩu môi, cười nhạt hỏi:

– Anh có chân trong *Độc lập văn đoàn* đấy ư?

San ít đọc báo chí, không hiểu rằng mấy ông văn sĩ trong cái văn đoàn đang hợp thời ấy, thích tự mình lại khen mình, y trâng tráo bảo:

– Tôi cố làm cho nó chữa. Bà béo tất phải van tôi mà gả nó cho tôi.

Bấy giờ, dù có biết tôi một vợ, hai con rồi cũng chẳng làm gì. Vẫn phải gả như thường. Làm hai mà chẳng phải chịu à?... Bà ấy không có con trai. Bao nhiêu của nả sẽ về tôi. Vợ tôi thấy tôi lấy vợ hai, đã không mất gì, lại được mấy cái nhà, có ghen cũng chẳng nói nào. Thế là tôi hai vợ. Một vợ trông coi vườn ruộng ở nhà quê, một vợ buôn bán ở tỉnh thành. Tôi chỉ việc nằm ăn. Thế có thú không?

Y ran rả, cười sằng sặc. Thứ khinh sự truy lục của tâm hồn y, hay ghen, chính y cũng không biết nữa. Chỉ biết rằng y thấy ghét San. Và đến khi San bị bà béo trở mặt. Thứ ngấm ngấm hả dạ.

Một hôm, lũ trẻ đem về cái tin: Con một ông Phán già hỏi cô Dung: nhà trai đi trạm ngô rồi. Thứ không giữ nổi sự sung sướng của y. Y chế giễu San:

– Đã điếng người chưa?

– Điếng người thế quái nào? Tôi đùa chơi đấy chứ anh tưởng tôi mê con Dung lắm à? Nó bằng thế nào được vợ tôi? Anh phải biết, tôi chung tình với nhà tôi lắm.

Tuy nói vậy, nhưng thật ra thì San hơi tái mặt. Một buổi tối, y phàn nàn với Thứ:

– Con mụ béo tồi quá. Anh biết đấy! Trước kia, nó tử tế với tôi như thế nào? Thế mà con nó vừa mới được một thàng có vẻ hơn tôi hỏi, có vẻ hơn tôi hỏi, chứ chưa chắc đã hơn... Nó đã phải vội vàng đều với tôi ngay. Tôi làm gì con nó? Thế mà lúc này nó đi đâu về chẳng hiểu, vừa thấy tôi ở hàng con nó đi ra, nó đã phải hăm hăm đánh chửi con nó ngay sau lưng tôi, như muốn tỏ cho tôi biết: nó cấm cửa tôi rồi đấy!

Thứ cười ranh mãnh:

– Ai bảo anh cứ định làm cho con nó chữa?

– Tôi nói thế chứ đời nào! Tôi cũng có lương tâm. Nhưng nó thế thì tồi lắm, hèn mặt lắm. Nhất là lại gây chuyện, đòi tăng tiền nhà nữa.

– Tội con buôn mà lại!...

– Ừ, con buôn, thật đúng con buôn!...

Từ đấy, San ít tự đắc, ít cười cười nói nói luôn luôn. Nhưng bảo chỉ vì thế mà San sinh cái gắt, thì không phải, Oanh cũng không tin như vậy. Y bảo:

– Có lẽ tại lớp này chú ý làm việc nhiều quá, thức đêm nhiều quá.

Thứ tán thành:

– Có lẽ...

Nhưng trong bụng, y lại ngờ rằng San còn có điều gì bực bội về gia đình nữa.

Cách đây ít lâu, một hôm, đột nhiên San bảo:

– Thứ bảy này, tôi phải về nhà quê. Tôi cho những lớp của tôi nghỉ buổi chiều thứ bảy và buổi sáng thứ hai, có tiện không?

Thứ ngạc nhiên:

– Thế nghĩa là anh chỉ ở nhà có một hôm? Sao không đợi đến lễ Phục Sinh để có thể ở nhà luôn mấy ngày?

San lắc đầu:

– Không đợi được. Tôi có việc cần.

– Việc gì?

– Không thể nói, nhưng cần lắm. Tôi vừa được một tin quan trọng. Không biết có đúng không. Nếu đúng thì ức lắm. Có lẽ tôi chẳng học hành gì nữa. Có lẽ tôi cũng không ở cái trường này nữa. Tôi sẽ đi biệt một nơi.

– Tin gì mà ghê thế?

– Không thể nói. Vả lại cũng chưa biết có đúng không, nếu đúng thì ức lắm.

Mặt y phờ phạc. Y quả đang có điều gì khiến y phải băn khoăn, đau đớn hẳn. Thứ lẳng lặng nhìn y, dò xét, rồi an ủi:

– Chẳng có gì là ức. Tôi đoán ra rồi! Bà nhạc anh không chịu cho anh tiền học nữa. Có thể thôi! Việc quái gì. Họ không cho nữa thì anh nhịn ăn đi một bữa, bỏ tiền ra mà học. Cần gì họ.

– Đã đành. Vả lại nếu bà ấy không muốn cho tôi, các anh tôi cũng có thể cho tôi được. Nhưng việc này lại khác kia. Quan trọng hơn nhiều. Để tôi về xem đã, rồi tôi sẽ nói với anh...

Y về thật. Chiều thứ hai, y vẫn chưa lên. Học trò các lớp của y, đến trường, lại phải về. Oanh gất lắm. Nhưng hết giờ học, Thứ về nhà, đã thấy San nằm thườn ở giường rồi.

– Ủa! Lên bao giờ?

– Lúc hai giờ.

– Lúc ấy học trò vẫn đợi anh. Sao không sang đấy?

– Mệt quá không muốn dạy.

Thứ mỉm cười:

– Ý hẳn suốt đêm qua, cu cậu không được ngủ.

San đáp bằng một tiếng cười phì ra đằng mũi, cái lồi cười riêng của y, khi y cười gượng. Thứ làm như sự nhớ:

– À thế nào? Việc gì mà cần kíp thế?

Sau một thoáng ngập ngừng, San bảo:

– Chẳng có việc gì. Ở nhà không muốn gửi mặng đa, viết thư bảo tôi về để lấy. Với lại có lẽ họ cũng muốn tra mình về việc con Dung nữa. Đầu đuôi tại lũ trẻ nhà mình nói...

Trong khi nói San tránh cái nhìn của Thứ. Thứ ngờ ngay câu chuyện San vừa nói là câu chuyện bịa, nhưng không muốn tỏ vẻ nghi ngờ, hỏi:

– Thế nghĩa là anh vẫn có tiền?

– Lại nhiều là khác nữa... Tôi định may một bộ hàng nục, diện.

Y đi may một bộ hàng tơ, ba mươi đồng, thật. Nhưng Thứ nhận thấy tính nết y đột nhiên đổi hẳn. Y chua chát. Y mỉa mai. Mặt y đầy sự ghét. Nhất là trước mặt Oanh hay những khi nói đến Oanh, y tỏ ra thù ghét lạ...

– *En* vô lý quá! Chúng mình hò hét đến bắn tung mảnh phổi ra để cho trường thịnh vượng, để cho *En* sắm đồ vàng để dành và may áo diện, còn chúng mình thì khổ như chó cả. Căn gác nhà trường thuê bằng tiền của nhà trường. *En* ở được thì chúng mình cũng ở được. Huống chi *En* còn có nhà riêng. Sao *En* không thể về nhà riêng mà ở. Lương chúng mình ít thế, lấy tiền đâu mà thuê nhà? *En* ích kỷ vừa vừa chứ!...

Y nhất định dọn đồ đạc sang bên trường. Oanh phản đối. Y không cần bàn cãi. Y chỉ bảo:

– Thằng ở nhà tôi đòi về. Tôi không thể vừa dạy học vừa làm bếp. Chúng tôi sang bên này, việc cơm nước nhờ thằng Mô!...

V

Thứ thấy lòng nhẹ bồng... Mỗi chiều thứ bảy, Thứ thấy lòng nhẹ bồng. Không những chỉ vì ngày hôm sau được nghỉ? Còn vì tối hôm ấy và cả ngày hôm sau nữa không phải trông thấy Oanh cau có và nghe Oanh găt gỏng. Oanh về nhà riêng.

San cũng đi học tối rồi. Còn mình Thứ ở nhà. Y chẳng phải làm gì. Y muốn chiều thứ bảy phải là chiều nghỉ hoàn toàn. Y bảo Mô không cần phải thắp đèn. Y đem hai cái ghế mây ra sân gác, ngồi một cái, gác chân một cái, nhìn sao. Mô biết rằng những lúc như lúc ấy, Thứ sẵn lòng nghe chuyện của nó. Bởi vậy nó cũng ra sân gác đứng.

Mô là loong toong nhà trường. Gọi thế cho oai. Thật ra thì nó cũng chỉ là một thằng nhỏ, công mỗi tháng một đồng. Nó làm đủ các việc của những thằng nhỏ, con sen: gánh nước, đi chợ, thổi nấu ăn, giặt quần áo... thêm những việc quét trường, đổ mực, và tắm gội cho bốn, năm trẻ, cháu của Oanh hoặc em của Đích. Những đứa trẻ gọi nó bằng anh. Nó gọi chúng bằng em. Và những khi chúng không ngoan, Mô không ngần ngại quát mắng chúng om xòm, có khi đánh nữa, Oanh có biết cũng chỉ lờ đi, hay lại khuyến khích thế. Một là vì Oanh muốn dùng nó để trị lũ trẻ con. Hai là vì Oanh sợ nó. Đúng như vậy thật, Oanh sợ nó, tuy sa sả với nó suốt ngày. Chỉ vì nó khỏe, được việc, thật thà, công lại rẻ. Oanh biết rằng công việc nhà này, không có nó, không xong. Còn nó, nó chẳng cần gì Oanh lắm. Nó thừa biết rằng: ở với Oanh, nó bị thiệt nhiều; sức nó làm đâu cũng kiếm nổi công mỗi tháng hai hay ba đồng bạc. Các bạn máy nước của nó, thằng nào cũng coi nó như kẻ đàn anh. Thế mà thằng nào cũng kiếm được công cao hơn nó. Như vậy thì có gì nó cứ phải bám lấy Oanh? Có lẽ bởi thói quen. Nó ở với Oanh mãi, quen rồi. Thật ra thì dù không bằng lòng với hiện cảnh của mình, cũng không mấy người dám mạnh bạo tìm những cuộc đổi thay. Cái chưa biết bao giờ cũng làm cho người ta sợ. Mô không hiểu thế. Nó không nhìn rõ tận lòng của nó. Nó lân la bảo Thứ:

– Con nể bà Chánh với cậu Đích nhiều nên con mới ở đây chứ những như cô giáo thì mấy mấy con cũng không chịu ở. Lúc bắt đầu cho con lên đây, bà Chánh bảo: “Cậu không tìm được người ở, anh chịu khó lên cơm nước cho cậu, trông coi các em giúp bà”. Con nể lời bà Chánh nên mới lên đây, chứ cũng thừa biết rằng đi làm thằng nhỏ thì có ra gì? Tuy bây giờ được mỗi tháng một đồng, nhưng sau này cuộc không hay cày không biết, về nhà quê, làm gì ăn được? Mà chẳng lẽ suốt đời đi ở. Lắm lúc con muốn thôi phứt, về nhà quê học làm ruộng cho quen. Nhưng lại nghĩ rằng: lúc cậu Đích ra đi, cậu có dặn con: “Mô cứ chịu khó ở đây với cô, trông các em cho cậu, rồi cậu tìm việc cho mà làm hay cậu cấp vốn cho mà buôn bán”. Con cũng chẳng mong gì cậu Đích tìm việc hay cấp vốn cho con. Nhưng bây giờ cậu Đích không ở nhà mà con thôi không chịu ở nữa, thì lúc cậu Đích về, không biết đấy là đâu, có thể bảo tại con chứ không phải vì cô giáo...

Thứ về hứa với nó:

– Tao cũng vậy. Nếu không vớ được cậu Đích thì tao đã thôi dạy học cho cô mà từ bao giờ rồi.

Nói xong, Thứ hơi ngượng ngượng. Y lơ mơ nhận ra sự hèn nhát của y: y tự coi mình với Mô là đồng thuyền để được cảm tình của nó. Y lảng sang chuyện khác:

– Mà đã vay được tiền cưới vợ chưa?

Mô toét miệng cười:

– Thưa cậu, rồi. Con nói mãi, cô giáo mới cho vay được bốn đồng. Cô giáo chỉ sợ con vay rồi quyt, đi làm cho nhà khác. Thưa cậu, con nghèo thì nghèo thật, nhưng bốn đồng bạc có ăn được suốt đời đâu, mà làm thế cho tiếng để đời. Xưa nay con có phải là người lừa lật đâu?

– Không phải thế. Cô giáo không sợ mà lừa lật, nhưng không muốn cho mà lấy vợ, sợ mà lấy vợ rồi bận bịu vợ con, không tưởng gì đến công việc nữa.

– Thưa cậu, cô giáo bảo với cậu thế à?

Thứ gật đầu. Bởi vì đó là sự thật. Một hôm, Oanh đã đem việc Mô lấy vợ bàn với Thứ. Thứ không ngờ ý gì. Nhưng Oanh thì Oanh bảo: “Nó làm được mỗi tháng có một đồng, nuôi vợ nuôi con làm sao được? Không có vợ, nó còn ở với mình. Có vợ rồi, bận vào thân, thế nào nó cũng toe hoe sinh chuyện này chuyện khác. Vả lại nó chưa có vợ, mình muốn mắng nó thế nào thì mắng, nó có vợ rồi, thành người

lớn, mắng nó thì nó thẹn, mà chính mình cũng ngượng...”. Thứ đã phải ngấm ngầm ghê sợ cho sự tính toán thấu đáo và lòng ích kỷ của người đàn bà nham hiểm ấy. Y càng ghét nhưng cho rằng Oanh đã bàn bạc với y tức là tin cần ở y, y không nỡ đem cả chuyện nói cho Mô rõ. Tuy vậy, Mô cũng đã lấy làm bất bình lắm rồi. Nó bĩu môi và bảo:

– Không cho con vay cũng chả xong. Mà, con chẳng dám nói dối gì cậu! Chỗ tiền ấy con cũng chẳng vay việc gì. Trừ vào công của con, nhất định con không chịu. Có cả cậu biết đấy: hồi cậu Đích còn ở nhà, cậu Đích bảo: cho con thu số tiền mực của học trò, mua mực pha cho chúng nó viết, còn thừa đồng nào thì cho con cả. Thế mà cô giáo có cho con thu tháng nào đâu? Cô giáo thu mấy năm rồi. Chỗ lãi ấy, bốn đồng còn là ít. Bây giờ có cho con bốn đồng, cô giáo cũng không mất gì.

Thứ hỏi:

– Có bốn đồng mà mày cũng cưới được vợ à?

Mô lại toét mồm ra cười:

– Cậu tính cưới xin gì! Hai đằng cùng nghèo cả, lấy gì mà bày vẽ ra được nữa? Con đưa cho bà cụ chục bạc để bà cụ sửa một mâm cỗ cúng ông cụ và mua ít cau chia cho những chỗ quen thuộc để nhà con khỏi mang tiếng theo không.

– Đưa những chục bạc kia à? Thế sao mày vừa bảo mày vay có bốn đồng?

– Vâng, của con có bốn đồng; còn thì là của nhà con nó gửi cho con.

– Ngỡ là gì. Thế thì ra ngỡ ông lại tết ông.

– Vâng, kể thì giá con chẳng có đồng nào cũng được. Nhà con nó cứ xui con chỉ đưa cho bà cụ sáu đồng thôi. Nhưng chẳng lẽ con lại không chịu bỏ ra đồng nào. Như vậy thì tôi quá.

– Thôi thế chắc cô ả ăn phải bả cu cậu rồi!

Mô để bật ra mấy tiếng cười sung sướng và tự đắc. Nó không thể nhịn kể về vợ nó:

– Thưa cậu, con nghĩ cũng phải duyên, phải số làm sao, chứ không thì sao nhà con nó say con thế? Cậu tính thế này: hôm nọ con đi xem bói, người ta bảo con rằng số con sát vợ, phải lấy đến ba đời vợ mới xong, con nghĩ thương nhà con nó hiền lành mà lại chỉ có một mẹ một con, sợ nó chết thì bà cụ chẳng còn vợ vịn vào đâu được, nên

định không lấy nó nữa, kéo nhờ nó chết thật thì tội nghiệp, con vừa mới nói thế mà nó đã khóc như cha chết; một giờ đêm, nó còn bắt bà cụ đi với nó lên tận trường tìm con, nó lại ngờ con thay lòng đổi dạ thế nào; con bảo nó thì nó cứ nhất định bảo: “Sống chết là mệnh giới, thương yêu nhau thì cứ lấy nhau, chẳng cần gì cả”.

Thứ gật đầu một cái, như khi đọc sách gặp được một tư tưởng đúng. Y trở nên nghĩ ngợi. Hồi y còn học ở thành chung, một người bạn đã nói với y thế này về đứa con gái lão loong toong của nhà trường: “Con ấy xấu thế mà cũng có amour kia à?” Câu nói ngẩn ngơ đã khiến y bẻ lại ngay. Nhưng y bẻ, có lẽ cũng chỉ vì thích cái lý thôi. Nếu y thật thà thì y phải nhận rằng: khi nói đến tình yêu, chính y cũng chỉ nghĩ đến những học sinh, những sinh viên, những thanh niên trí thức, những thiếu nữ nhí nhảnh hoặc u buồn, dịu dàng hay sắc sảo, nhưng thế nào cũng phải đẹp và thanh lịch. Một đôi khi người ta có thể nghĩ đến gái nhảy, cô đầu bởi vì gái nhảy, cô đầu cũng còn biết tân thời, đánh phấn, tô môi, súc nước hoa. Nếu là một cô con gái quê thì tất phải là: một cô gái quê mắt bồ câu, má lúm đồng tiền, đẹp một cách mộc mạc, ngây thơ. Nhưng làm thế nào mà tưởng tượng được rằng những thằng nhỏ, những con sen, những anh phu đổ rác, những chị phu hồ, những con người lam lũ và dốt nát, rách rưới và đen thui, phần nhiều bản thủ, hôi hám, thô kệch, xấu xí... làm thế nào mà tưởng tượng được rằng những con người mà ta đã quen coi như dưới hân chúng ta, gần hàng súc vật, mà cũng biết yêu, cũng thấy cần phải yêu đương, nhất là lại cũng có thể yêu một cách cao và đẹp. Ấy thế mà cao và đẹp biết bao là cái tình của vợ chồng Mô đối với nhau. Chúng hy sinh, tuy chưa bao giờ nghe nói đến chữ hy sinh. Kẻ thì biết hy sinh cái hạnh phúc được lấy người yêu, chỉ vì nghĩ đến yêu. Kẻ thì biết khinh hãn sự sống của mình để mà yêu có lẽ vì cũng lỡ mờ nhận thấy rằng tình yêu còn đáng quý gấp mười sự sống. Còn một cái tình yêu nào mạnh và đẹp hơn thế nữa?

Mô vẫn kể. Nó kể bằng một cái giọng ngắc ngứ, lúng túng, ấp úng, có khi ngọng nghịu, vì e thẹn và sung sướng. Nhưng Thứ hiểu chuyện của nó một cách rất rõ ràng. Chỉ vì những lời nói của Mô được tô điểm thêm bằng những kỷ niệm của y. Chính y cũng đã được nghe câu chuyện vợ chồng Mô đối đáp với nhau đêm hôm ấy.

Một đêm trời lạnh đã khá khuya, bởi vì San đã thôi học, đi nằm. Y lách người vào chăn đem theo một chút lạnh vào. Thứ đã sắp ngủ,

lại bị hơi lạnh làm tỉnh dậy. Và y chợt để ý đến những tiếng gọi rụt rè dưới cửa:

– Anh Mô ơi!... Anh Mô!...

Tiếng con gái. San hích khuỷu tay vào cạnh sườn y một cái và khẽ hỏi:

– Anh có nghe thấy gì không?

Y lại hích San để tỏ rằng mình có biết. San bảo:

– Nhân tình thằng Mô đấy. Lặng im, xem chúng nó làm gì. Làm gì, giữa lúc đêm khuya khoắt thế này?

Thứ thấy lòng rộn rạo. Bên tai y, hơi thở phì phào của San cũng mất hẳn đều đặn, trở nên mạnh hơn và dồn dập! Nhưng ở nhà dưới, Mô vẫn ngủ mê, hay cố làm ra thế. Nó không thưa. Tiếng người con gái gọi to hơn khẩn khoản hơn:

– Anh Mô ơi! Anh Mô ơi! Sao anh tệ thế?

San véo vào vai Thứ một cái thật đau. Anh chàng ấy nhiều thú tính, thường không nén nổi sự bùng bột đột nhiên của lòng mình. Thứ điềm tĩnh hơn, kín đáo hơn. Y muốn cù bạn nhưng lại sợ Mô biết trên gác có người còn thức, nên cố nhịn. Y ra hiệu cho San đừng động đây. Nhưng Mô vẫn tảng lờ như không nghe tiếng nhân tình gọi. Người nhân tình phát khóc...

– Anh Mô ơi! Sao anh tệ thế, anh Mô?

Mô đành vùng dậy. Ý chừng nó không còn gan được nữa. Chỉ nghe tiếng ú ớ giả vờ của nó, Thứ cũng thừa hiểu không phải mãi đến lúc ấy nó mới biết có người gọi nó. Nó không thưa trước, có lẽ chỉ vì lúc này còn bối rối, chưa tìm ra cách đối phó. Nó làm như vừa mới giật mình thức dậy:

– Ai?... Ai thế?

– Tôi đây. Sao anh tệ thế, anh Mô?

– A! Cô Hà đấy à? Gì thế? Tôi ngủ mê, chẳng nghe thấy gì.

Câu chửi mình chỉ tố cáo thêm. Người con gái mĩa:

– Tôi biết rồi! Ngủ! Chẳng nghe thấy gì!

Mô cười một cách rất hiền lành:

– Thật đấy! Ai nói dối?

– Anh ra, tôi hỏi cái này một tí.

– Hỏi gì?

Cái then gỗ kêu lọc cọc. Tiếng vụn cái quả nắm sắt. Rồi cái cánh cửa bị kéo vào, xát xuống thêm gạch kêu lạch xạch. Mô nhắc lại, khẽ hơn và dịu dàng hơn:

– Hỏi gì?

Người nhân tình sụt sịt:

– Sao anh tẻ thế, anh Mô?

– Tẻ làm sao?

Người con gái nói những gì nhỏ nhỏ, Thứ không nghe rõ. Chỉ biết là thị khóc. Mô nói to hơn:

– Tôi có ý gì là tôi chết bằng này tuổi. Nội tôi có dám chề cô cái nét gì hay là đứng núi này trông núi nọ thì có giới vật chết! Nhưng tôi xem bói, mấy ông thầy cùng bảo tôi sát vợ. Cô lấy tôi, nhờ cô chết thì...?

– Cho chết! Xin cho ngay rằng chết tôi cũng bằng lòng.

– Cô đã vậy nhưng còn bà cụ. Giá bà cụ được đôi, ba người con thì mình còn dám nghĩ liều. Nhưng bà cụ chỉ được có một mình cô. Nếu có phải ông giới ông ấy bắt cái số tôi như vậy thật, cô cứ nhất định lấy tôi mà nhờ có thể nào thì bà cụ trông cậy vào ai. Thật tôi cũng không chắc gì tôi có thể thay cô mà phụng dưỡng mẹ già. Đã đành rằng cứ như cái lòng của tôi thì tôi cũng có thể nghĩ được thế nọ, thế kia, nhưng biết rằng ông giới ông ấy có cho mình nghĩ hay không? Tình cảnh tôi nó bó buộc lắm.

– Anh không phải nghĩ xa xôi thế. Sống chết đã có giới, anh ạ! Mình không biết đâu mà liệu được. Tôi chỉ sợ anh nghe người ta mà...

– Không! Tôi có nghe ai thì tôi chết! Mà cũng chẳng ai nói gì cả! Tôi chỉ nghĩ rằng...

Nó luẩn quẩn nhắc lại những điều đã nói về số mệnh, về cái cảnh nhà cô ả chỉ có một con, một mẹ, về cảnh nghèo của nó. Cô ả cũng nhắc lại những câu trả lời đã nói của cô. Rồi cô rưng rức khóc. Chắc là Mô bối rối, nó lặng im một lúc, rồi nó xoa nhân tình rồi rít:

– Thôi được! Cứ về đi!... Khuya rồi, về đi! Về đi rồi mai tôi xuống đây.

Phần thì cô ả còn dùng dằng chưa nỡ dứt. Nhưng giữa lúc ấy, tiếng một bà già léo xéo:

– Hà! Thôi về đi!... Về!... Về ngay, không mày chết với tao bây giờ!

Tiếng nói run run và như thiếu sức. Giọng tuy gắt gỏng mà tiếng vẫn không vang lên được: nó cứ âm âm trong lồng ngực; dường như cái ngực yếu ớt quá, óp ép quá, chỉ đẩy ra được một luồng hơi yếu ớt... Cái thứ tiếng già nua ấy, trong đêm khuya vắng lặng, có một vẻ gì buồn lắm. Thứ đã lặng người đi như thấy cả một nỗi cô đơn đang rót vào lòng. Tiếng guốc của bà già vang lên và nhỏ đi dần. Thứ hình dung ra bóng một người con gái bước chân nặng trĩu, vừa đi vừa lau nước mắt, lùi thủi theo sau. Sao mà buồn thế!...

Lúc này đây, y cũng buồn, tuy Mô đang sung sướng nói về vợ nó với y. Nó nhắc cho y nhớ đến những phút sung sướng đã qua, đến vợ con, đến gia đình. Y ngược mắt nhìn một ngôi sao, ngậm ngùi tưởng tượng ra vợ y đang ôm con, ngồi ở ngưỡng cửa, lặng lẽ và buồn rầu như đá Vọng phu. Mô thấy y lơ đãng, ngừng lại không nói nữa. Y không nhận thấy, bởi vì đã khá lâu, y không còn để ý đến chuyện nó nói. Nó ngập ngừng, nhìn y trong bóng mờ mờ tối và ngạc nhiên nghe tiếng y thở dài...

Tần ngần một thoáng rồi Mô bỗng hỏi:

– Thưa cậu, cậu đi lâu thế này, có nhớ vợ với em ở nhà quê không ạ?

Giá có ánh sáng thì Mô đã nhận thấy Thứ hơi đỏ mặt. Nhưng y làm bộ tàn nhẫn, bảo:

– Nhớ cái cóc khô gì? Tao không như mày.

Mô lại hí hí cười cái cười hiền lành của nó:

– Thưa cậu, con tưởng ai chả thế? Ai chả thương vợ, thương con?

– Tao chẳng thương xót gì!

– Cậu nói thế đấy chứ...

– Thật đấy...

– Thế thì tại ở đây cậu đã có cô Tư rồi.

Mô cười to hơn, Thứ cũng cười, nhưng cái cười lặng lẽ và chua chát. Tư là một cô con gái mới lớn lên tóc bỏ lơi, răng trắng muốt, đôi mắt to và đen lay láy thường mở rộng, nhìn người ta một cách vừa ngây thơ vừa táo bạo; cô hay đứng đợi xe ở trước cửa trường. Một đôi khi, Thứ bắt gặp đôi mắt cô nhìn vào lớp của y. Những lúc ấy, thường thường y mất tự nhiên. Tiếng y đang gắt gỏng với học trò

bông nhỏ đi. Mặt y đang cau có bông dạn ra, ngượng nghịu. Y đứng khuất đi, để ở ngoài không trông thấy. Nhưng cũng có hôm Tư đến vào lúc học trò đang cặm cụi làm bài. Lớp học rất im. Thứ được ngồi không. Những lúc ấy, khi Tư không chú ý nhìn vào, y được dịp ngắm nghía cô bằng đôi mắt buồn rầu của một kẻ thương tiếc một cái gì đã lỡ. Cái gì? Có lẽ y đang tiếc cái lúc y còn là một cậu con trai, cái lúc y còn có thể được một nữ học sinh vào hạng Tư yêu, nhưng y đã chẳng làm gì để được yêu, mà bây giờ thì cái thời ấy đã qua rồi. Mặt y đã nghiêm trang. Trán y đã lo âu. Môi y đã ít cười và nụ cười đã chẳng còn tươi như trước. Chao ôi! Như vậy đó. Trước sau chỉ cách nhau sáu, bảy năm. Nhưng mà biết bao nhiêu sự thay đổi! Y đã già đi, đã xấu đi nhiều. Y đã có vợ, có con. Y là một ông giáo khổ trường tư. Y mặc những quần áo rẻ tiền, xộc xệch và đã bạc màu. Y không đẹp trai, không trẻ, không diện sang, không danh giá, không giàu. Đến sức khỏe cũng không! Tương lai đã đóng cửa trước mắt y. Và y biết chẳng bao giờ nữa, y còn được một thiếu nữ trẻ, đẹp, tươi tắn như Tư để ý. Chẳng bao giờ nữa! Cái thời tuổi trẻ ngắn ngủi của y đã qua rồi, qua chẳng có ích gì cho y cả. Chỉ có thể thôi, nhưng cái ý nghĩ thật buồn. Và nhiều khi nước mắt y rỉ ra lúc nào, y cũng không hay nữa. Một hôm, do một sự tình cờ, y biết được tên Tư. Y sung sướng như nhặt được một bức thư của một người mà mình vẫn thầm yêu. Biết được một cái tên mà nhắc nhở, dù chỉ nhắc nhở suông thôi, cũng chả đem lại cho lòng y được một chút gì êm ái đó ư. Thứ nhắc đến cái tên Tư quá nhiều chẳng? Chẳng bao lâu từ San đến Oanh, đến Mô, đến học trò nhà và cả đến học trò trường đều yên trí rằng Tư là nhân tình của Thứ. Oanh cho rằng Tư hay đến đợi xe ở nhà trường là chỉ vì Thứ mà thôi. Y lại tưởng tượng được cả rõ ràng Tư thường nhìn y bằng đôi mắt khó chịu như ghen tức với y; bởi thế một hôm gặp Tư trên xe điện, y đã cố tìm cách nói cho Tư hiểu y với Thứ là chỗ người nhà, để cho Tư thôi khỏi ngờ vực. Một thằng học trò, chẳng biết vì trông lầm hay tinh nghịch, quả quyết với anh em rằng nó đã trông thấy Thứ đi với cái cô áo tím vẫn đứng đợi xe ở trước cửa trường. Thế là việc Thứ tàng tị với Tư đã là việc hiển nhiên! Có ai hỏi Thứ thì Thứ chỉ vừa chối vừa cười, cốt ý để cho người ta tin rằng có. Nhưng sự thật thì chưa chát biết bao! Thứ chưa hề dám nói một câu nào với Tư. Nói thế nào? Chưa bao giờ y dám đến gần Tư. Y chỉ nhìn Tư xa xa và lặng lẽ mà thôi. Nhìn để mà buồn, để chưa chát nghĩ rằng những người đàn bà đẹp cũng như những miếng ăn ngon, những bộ cánh sang, những

căn nhà rộng rãi thoáng đã chẳng bao giờ đến tay y. Y xấu, y nghèo, y ngờ nghệch, vụng về. Y chỉ là một anh giáo khổ trường tư, lương kém lương những anh bồi khách sạn to. Ông bà y là những người nhà quê ngu hèn, bất cứ ai cũng có thể cưỡi lên đầu, phải khúm núm cả với từ thằng lính lệ trở đi. Cha y là một người buôn bán nhỏ ở một chợ tỉnh lỵ tồi tàn vào tòa sứ nộp môn bài cũng thấy run. Nhờ sự học thức, y đã nhích lên được một chút bên trên giai cấp của y. Nhưng hơn ngàn kiếp nô lệ vẫn còn đè trên trái tim y. Y không thể cất đầu lên được. Y đã cố bảo y rằng: y cũng có học, cũng thông minh không kém gì những ông Ký, ông Phán, những thanh niên nhà giàu vào chạc tuổi y; hơn thế nữa, y lại biết trọng nhân cách và có những ước vọng cao, nghĩa là y chẳng có một cái gì đáng cho người ta có thể khinh; y đã cố bảo rằng y có quyền nhìn thẳng vào mặt người ta mà chẳng thẹn thùng, y vẫn thấy nhút nhát và sợ sệt. Y ngấm ngấm đau khổ vì mình quá hạ mình như vậy. Y nhát gái lạ lùng. Y theo họ cách hàng chục thước tây. Theo để nhìn trộm cái lưng, cái gáy, cái đầu của người ta. Chỉ thế thôi. Nếu người ta quay lại nhìn y thì y vội nhìn chỗ khác, làm vẻ mặt nghiêm trang. Luôn qua nhà một cô nào đến ba lần y đã thấy gương rồi. Chưa bao giờ dám bước chân vào một cửa hàng để vờ mua một thứ gì. Chưa bao giờ y dám đưa một lá thư. Chưa bao giờ y dám tán ai. Y lấy làm lạ sao cái bọn như Mô lại bắt tình với nhau một cách nhạy và chóng vánh như thế ấy. Thật dễ dàng hết sức.

Một buổi chiều, Mô quấy đôi thùng đi ra máy nước. Thứ vừa ăn cơm xong, mồm ngậm một cái tằm, ra đứng tếu ở vệ đường. Mô đã trông thấy Hà ở ngoài máy nước một vài lần. Nó nhăn nhó, hát hàm:

– A! Người chị em!... Không đi à?

Hà ngấm nguẩy, lườm Mô. Nhưng rồi tự nhiên Hà lại toét môi cười. Mô đắc chí, cười khanh khách. Hà cũng bật cười to và đỏ mặt:

– Rõ thối nhà anh lắm!

– Sao mà thối? Chỗ bạn máy nước với nhau, tôi hỏi thế đã sao chưa?

– Ai khiến hỏi?

– Thì thôi! Hi... hi... hi!...

Mô đi. Hà lướt nhìn theo. Mô nghĩ bụng: “Nước đây!”. Nó vừa đi vừa cười tùm tùm. Lấy mãi mới được một gánh nước, rồi nó chạy về. Cô ả không còn đứng ở vệ đường. Nhưng nhìn vào trong ngõ. Mô thấy cô ả lăm lét nhìn ra, nó lại toét môi cười: “Nước đây!”.

Chiều hôm sau, lúc đi gánh nước, Mô lại gặp cô ả ẵm một đứa bé ra đứng ở bờ đường. Nó lại chào. Cô ả lại cười. Luôn mấy chiều như vậy. Tự nhiên thành lệ. Cứ giờ ấy là Mô phải ra đi. Hôm nào không đi được tất nóng lòng sốt ruột, không đánh vỡ cái nọ thì đánh vỡ cái kia. Mà không đi gặp Hà thì chán ngơ chán ngắt. Trời đột nhiên như u ám lại.

Một hôm, Mô vừa lấy xong hai thùng nước của nó, tự nhiên có tiếng gọi léo nhéo ở ngoài.

– Anh Mô ơi! Hộ tôi một thùng với, anh Mô!

Những tiếng phản đối nhao nhao:

– Hộ cái gì? Chúng tôi còn đang đứng chờ đây!...

– Mô trở mắt nhìn. Thì ra Hà, Hà đang cố gơ chiếc thùng của nó vào. Bọn đứng ngoài đẩy ra và gắt gỏng:

– Có muốn tôi bẹp mẹ nó cái thùng của chị ra không?

– Làm gì thế?

– Làm cái chơi!

Mô vội quát to:

– Nhờ anh em một tý! Nhà tôi đây!

Nó gạt phăng tay chúng ra, cầm lấy cái thùng của Hà đưa vào. Chúng vốn nể Mô. Chúng chịu nhường cho Hà:

– A ra thế! Chị Mô đấy hở? Chào chị ạ!

Chúng châu vào tận mặt Hà mà cười cười, nói nói, Hà phụng phịu, bật cười:

– Ô hay! Các anh làm gì thế?

Mô tủm tỉm cười:

– Các anh đừng làm nhà tôi nó thẹn.

Nó rút cái quả nắm bằng đồng. Nước rít lên ở bên trong máy rồi chảy ồ ồ, xối bọt. Mô kêu lên:

– Đây rồi! Xách ra!...

Hà đặt nốt chiếc thùng nữa. Tiện tay!

Một anh con trai đứng gần Hà, sỗ sàng:

– Tiện tay!... anh Mô ạ, tiện tay anh hộ cô ấy luôn cái nữa.

Bọn con trai cười rú lên. Hà đỏ mặt nhưng vẫn tủm tỉm cười. Bọn con gái, nhất là mấy chị vú đã hơi đứng tuổi, thì lườm, nguýt, hầm hầm, càu nhàu. Hà nhấc đòn gánh lên vai, ve vẩy đi trước. Mô cũng vội nhấc đòn gánh lên vai, ve vẩy theo sau. Chúng trao đổi một vài câu chuyện. Chừng mấy hôm sau, những cuộc hẹn hò đã bắt đầu. Chúng gặp nhau trên đường Quần Ngựa, ngồi thủ thỉ với nhau bên vệ đường, trong bóng tối một cây to. Chỉ mấy lần như thế, chúng đã biết rõ cả tình cảnh của nhau. Chúng tính ngay đến chuyện vợ chồng. Mô thú thật không có tiền để cưới. Thì Hà cũng chẳng cần gì sự ấy. Nó cũng nghèo. Mẹ con vốn phiêu bạt đến chỗ này kiếm ăn. Con đi làm ở sở Ương Cây, mỗi tháng sáu đồng. Mẹ đi xe cát, được mỗi ngày vài ba hào chỉ. Ở đây, không còn phải như ở nhà quê. Chẳng còn ai biết ra nguồn gốc chúng ra sao. Chúng không còn sợ mang tiếng với ai. Ai đếm xỉa gì đến chúng? Vậy thì Hà lấy chồng theo cũng được. Các bạn nó đều thế cả. Hạng chúng nó mà cứ đòi lấy chồng cưới xin tử tế thì đến nước phải chết già mà thôi... Hà dắt Mô về nhà. Bà mẹ cũng nghĩ như con. Vả lại bà thấy Mô cũng dễ thương. Nhưng bà cũng cẩn thận đòi Mô phải cho bà về quê nó, xem nhà cửa. Không thế thì ít ra Mô cũng phải mời bà mẹ nó lên chơi để hai bà nói chuyện với nhau. Hai điều ấy cũng khó cho Mô cả. Đi lại tốn tiền. Vả lại nó không ưa gì mẹ và rất ghét hai anh. Nó không cần họ dự vào việc riêng của chúng nó. Nghĩa là nó không thể chiều ý bà mẹ Hà. Nhưng nó chẳng trả lời gì rõ ràng. Nó chỉ thôi đi lại. Cố nhiên là Hà khóc. Hà khóc sưng húp mắt. Hà không chịu đi làm, Hà không chịu ăn cơm. Bà mẹ chửi. Nhưng chửi chán, chẳng ăn thua, bà cũng sinh sốt ruột. Bà bảo Hà:

– Thôi được! Mày muốn theo không nó thì tao cho theo không nó. Sau có khổ, đừng há miệng ra mà trách. Tối hôm nay, mày lên bảo nó xuống đây, tao bảo.

Hà vùng vằng, dỗi:

– Tôi không bảo được! Mặc kệ người ta!

– Thì mày cũng phải để tao hỏi han nó xem sao chứ? Hôm nọ tao bảo nó đưa tao về nhà quê là có ý xem nhà cửa nó ra sao, nó đã có vợ con gì chưa, mẹ nó có bằng lòng cho nó lấy mày không? Thế là tao cẩn thận cho mày chứ ngăn cấm gì mày? Nó chẳng giả lời tao ra mắng ra rươi thế nào, mà từ hôm ấy đến hôm nay mắt mặt, thì tao biết làm sao được! Cho rằng nó chưa thể đưa tao về nhà nó hay mời mẹ nó lên, thì nó cũng phải nói ra đầu, ra đũa chứ! Không có lẽ tao

phải đi van nó cho nó lấy may. Nó bỏ may là tại nó, chứ tao làm gì nó? Tao rẽ duyên, rẽ kiếp gì, mà may khóc với tao?

Hà nghe ra. Nó chẳng nói gì, nhưng tối hôm ấy lên đi tìm Mô, năn nỉ khuyên nó xuống, Mô chịu xuống. Bà mẹ phân trần các lẽ. Mô cúi đầu nghe, tay mân mê mẫu tằm xĩa rồi, nhặt được ở trên giường. Bà cụ thật chẳng có ý gì làm khó dễ cho Mô. Bà cũng thương Mô. Về phần Mô, Mô cũng làm thế nào kia! Nhưng ông gười bó buộc Mô, Mô nghèo quá, Mô không biết nghĩ làm sao được... Giọng nói của Mô cũng như nét mặt Mô, rất thật thà. Bà cụ bảo:

– Anh nghèo thì mẹ con tôi cũng hết nói là giàu. Cảnh anh với chúng tôi thì cũng rứa như nhau. Tôi cũng biết, bắt anh cưới thì anh chẳng lấy tiền đâu mà cưới anh. Nhưng người ta, dầu ai thì cũng vậy, con cũng phải có bố, uống nước nhớ nguồn, thầy con Hà chẳng may chết đi rồi, anh lấy em, người sống đã chẳng được gì, mà người chết cũng lại thành sông nổi thì cũng cực. Anh cũng phải liệu cho tôi một vài đồng, để tôi kiếm bát cơm, bát canh, cúng thầy con Hà, gọi là có nhớ đến cái công thầy nó sinh ra nó. Thế rồi anh cứ đi lại đây cho vui cũng được. Nhà tôi đơn người cũng muốn anh chạy đi, chạy lại cho vui. Nhưng vợ chồng phải bảo ban nhau, cố dè sẻn, cố dành dụm lấy một số tiền, chẳng cưới được, thì cũng phải đưa nhau về nhà quê một chuyến cho bố mẹ, anh em trông thấy, chứ không thể cứ ngấm ngầm mãi được...

Thế nghĩa là bà cụ cũng hết dạ thương Mô rồi vậy. Mô không nên phụ lòng tử tế của người ta. Vả lại Hà khóc lóc quá nhiều, Mô cũng ái ngại, thương thương Hà giúi cho nó mấy đồng. Nó vay chủ mấy đồng. Bà cụ sửa soạn một mâm cỗ cúng ông cụ, rồi ba mẹ con ăn uống với nhau và từ đấy, tối tối Mô về nhà vợ ngủ. Chúng đã lấy nhau chính thức.

VI

Oanh càng ngày càng quá quắt. Y nói suốt ngày. Y không bằng lòng về lũ học trò, về lão chủ nhà, về thằng Mô, về bọn trẻ con, về những người láng giềng và cả về người tình nhân ở xa xôi. Y kêu ca một mình, trước mặt Thứ và San. Y kêu ca thảng với Thứ và San. Làm như Thứ và San có họ xa, họ gần với những kẻ đã làm cho y khó chịu. Thứ thấy cái cử chỉ ấy vô lý quá. Y không còn giữ nổi vẻ thản nhiên. Chỉ trông thấy Oanh, nghe thấy Oanh, đã đủ cho mặt y gờm gờm những cái run ghét giận rồi. Thường thường, y phải quay đi hoặc lảng ra chỗ khác. Sự bực tức của San lại còn bộc lộ hơn. Y thường bĩu môi hay cười mỉa mai để chọc tức Oanh. Nhiều khi cãi lại Oanh. Y bênh vực người nọ người kia, chẳng phải vì thấy những người ấy đáng bênh, nhưng chỉ vì y muốn mặt sát Oanh cho bõ ghét. Những bữa ăn đã trở nên náo nhiệt. Không mấy bữa Oanh và San không to tiếng với nhau. Họ cãi nhau toang toang như họp việc làng. Họ làm như nói đùa, bới móc nhau từng cái con con. San tính rành mạch cho Oanh nghe từng xu rau, từng hào đậu, từng tí nước mắm trong một bữa cơm để báo thù lại Oanh cứ luôn luôn kêu rằng mình thổi cơm thảng cho San và Thứ như vậy lỗ. Thứ không chịu thực tế và tỉ mỉ quá như vậy được. Kèn cựa với nhau vì đồng tiền cũng đã đủ ngượng lắm rồi, huống chi còn kèn cựa nhau vì cái chuyện ăn! Y thấy mặt nóng bừng mỗi khi Oanh và San to tiếng quá, hàng xóm có thể nghe thấy được. Tuy vậy y cũng hơi hả dạ. Vốn tính cả nể y không bạo nói như San; y không thể sống sượng bảo thảng cho Oanh biết tất cả mỗi tham lam, biển lận của Oanh, y không thể vạch rõ cho Oanh thấy việc giao thiệp giữa đôi bên thì chính Oanh là người được lời, là kẻ gian xảo, là người phải chịu ơn chứ không phải là kẻ bị thiệt như Oanh vẫn nói, tưởng bịt mắt được y là một anh chàng ngờ nghệch, không quen tính toán; cố nhiên là y phải lấy làm khoái, vì bây giờ đã có San tính toán thay y và nói hộ y. Trương những con số quá rạch ròi, Oanh đành cứng miệng ra, chẳng còn biết nói sao. Thứ tránh được cái nạn nghe Oanh một đôi khi lại giở cái giọng danh

nghĩa với y. Nhưng cũng vì thế mà Oanh chẳng còn cần phải giữ gìn gì; y dần dần phô hết tất cả bộ mặt thật của y ra: y lại càng đáng ghét. San quả quyết rằng Oanh đếm từng bát cơm mỗi người ăn, Oanh chỉ ăn vợi vàng mỗi bữa ba lượt xới vợi rồi ngồi nhìn những người khác ăn, để những người khác ngượng mà không ăn được. Chưa bao giờ Thứ ngờ rằng Oanh có thể ác và nhỏ nhen đến thế. Nhưng Thứ cũng chợt nhớ ra rằng đã có lần Oanh hỏi Thứ ăn mỗi bữa mấy lượt cơm. Một lần khác Oanh tỏ ý lấy làm lạ vì Thứ ăn khỏe thế mà vẫn gầy gò và nhân tiện khoe rằng mình chỉ ăn mỗi bữa ba lượt xới vợi, có đôi một chút cũng không ăn nữa. Nghe San nói, Thứ đột nhiên thấy những câu nói ấy của Oanh có một ý nghĩa riêng. Thứ rất căm Oanh. Y sẵn lòng tin với San rằng Oanh đong thứ gạo xấu nhất, mua quá ít đồ ăn, hà tiện cả từ tí nước mắm trở đi, là cố ý cho mọi người chỉ ăn được ít cơm. Cái ấy do tính bủn xỉn của Oanh. Nhưng biết đâu Oanh lại chả muốn đẩy dọa Thứ và San nữa đấy? Đẩy dọa thế để báo thù họ đã ngang bướng, đòi chia với Oanh cái quyền được ở gác nhà trường. Và nhân tiện để xua đuổi họ. Thứ ngờ như vậy. Đã nhiều lần Oanh phàn nàn với y ở đông người như thế này thì rồi đến ốm cả mất thôi. Oanh lại kêu nhà bán thiu, bữa bộn luôn luôn. Làm như San và Thứ đi đến đâu thì đem sự bán thiu, sự bữa bộn theo đến đấy! Thứ bất bình lắm lắm. Nhưng Thứ không muốn nói. Y chỉ nghĩ rằng: mình ở chung với những người nhỏ nhen lắm, tất có ngày cũng đến thành nhỏ nhen như họ mất thôi. Chứng cứ là y đã không còn có thể chỉ đem sự khinh bỉ ngấm ngấm ra mà đối với Oanh. Y không còn thể tự bảo y: “Chấp làm gì?...” Một đôi khi, y đã thấy cần trả miếng lại Oanh. Một lần, ăn mới xong một bát cơm đã thấy hết cả thức ăn, San cầm lấy cái đĩa đựng đậu kho chỉ còn có đĩa không với một tí nước và vài cái lá hành, đổ cơm vào trộn đi, trộn lại sạch như lau. Trộn xong, y trút vào bát của y, thông thả và cẩn thận gạt từng hạt cơm dính trong lòng đĩa xuống. Rồi y đặt cái đĩa không ra hẳn ngoài mâm, thủng thỉnh nói một mình:

– Để riêng nó ra đấy. Sạch lắm rồi. Lát nữa không cần phải rửa. Thành Mô tha hồ thích nhé!

Biết là San có ý xỏ Oanh, Thứ cố nín cười. Y mãi một vò lấy cái đĩa, cự San:

– Anh phí của vừa vừa chứ! Tôi còn đang ăn cơm nhạt đây. Làm xái nhất rồi cũng phải để cho người khác nhờ cái xái nhì chứ lại!...

Y sẽ một ít cơm vào cái đĩa đã chẳng còn hơi một chút mắm muối nào, vờ trộn lại. San khoái trá vì cái trò hề cay độc ấy, đập đôi đũa xuống đũa, cười bắn cả cơm ra. Lũ trẻ cũng cười, chỉ có Oanh là buông xuôi mặt chẳng nói năng gì. Y và vôi vàng hết bát cơm rồi quăng bát đũa, đứng lên. San và Thứ ăn nốt chỗ cơm dở cũng đứng lên. Nhưng họ sai Mô đi mua một chục bánh chưng về. Mời mọc mãi Oanh và lũ trẻ con, chẳng ai ăn, hai người bèn ăn luôn hết cả chục chiếc bánh chưng. Rồi họ lên giường nằm để nghỉ trưa. Thỉnh thoảng San vẫn còn rúc rích cười. Nhưng Thứ thì đã bắt đầu thấy như ân hận. Cái cử chỉ của y vừa rồi tàn nhẫn đã đành. Nhưng nó chả thô tục hay sao? Thô tục mà lại đê tiện nữa. Nó tỏ ra là một người quá để ý đến miếng ăn. Xưa nay y có phải là hạng người như thế đâu? Y có thể kèn cựa, tèm nhèm, nhỏ nhặt đến thế ư? Y lấy làm nhục cho y lắm. Cả buổi chiều hôm ấy, y lẩn quẩn với những ý buồn bã về nhân cách của y. Đứng trước bọn học trò, y thấy ngượng ngùng. Y có cảm giác như cái cử chỉ hạ tiện của y lúc ban trưa còn để một chút vết tích gì trên nét mặt y. Những cặp mắt long lanh của học trò chăm chú nhìn y, y thấy như có vẻ soi mói hay ngạc nhiên, chế nhạo thế nào. Y mất hẳn cái giọng nói chắc nịch mọi ngày. Y có còn đáng mặt giảng giải và khuyến khích những điều hay, nét tốt nữa đâu? Bọn học trò xưa nay vẫn mến y, vẫn phục y, vẫn coi y như cái kiểu mẫu để mà theo. Những lời nói của y đều được coi là những châm ngôn mà chính y đã thực hành mãi mãi rồi. Chao ôi! Nếu chúng biết rằng đó chỉ là những câu giáo dục suông, những lời nói dối! “Làm những điều ta bảo, chớ đừng làm những điều ta làm”. Như thế nghĩa là gì? Cái kẻ khuyên người ta làm những việc chẳng thể làm hay chẳng muốn làm chỉ là một kẻ lừa dối, một con người bịp bợm. Bản tính thẳng thắn và nhiều tự trọng, Thứ thường rất nghiêm khắc với chính y, với cái nghề dạy học của y. Kể ra thì y cũng đã cẩn thận trong cái việc cư xử lắm rồi. Thế mà luôn luôn, có thể nói hàng ngày, y nhận ra những dịp phải trách mình. Nhìn rõ những cái hèn, những cái yếu của lòng mình, hy sinh dễ dãi trong việc xét người và hơi bi quan về người. Ờ, nghĩ cho cùng thì Oanh có quả thật là một người đáng chê trách đến thế không. Oanh nhỏ nhen, ích kỷ, tham lam, vì những cái đó, âu cũng là bản tính của loài người. Ít ra đó là những tật chung của loài người như ta đang hiện thấy quanh ta. Từ lời dạy lòng người, hướng dẫn những hành động của con người ai cũng phải nghĩ đến mình để sống. Chừng nào người còn phải giật của người từng miếng ăn thì

mới có ăn, chừng nào một số người còn phải giẫm lên đầu những người kia để nhô lên, thì loài người còn phải xấu xa, bỉ ổi, tàn nhẫn và ích kỷ. Chất độc ở ngay trong sự sống. Người nọ, người kia không đáng cho ta ghét. Đáng ghét, đáng nguyên rủa, ấy là cái sống lầm than nó đã bắt buộc người ích kỷ, nó đã tạo ra những con người tàn nhẫn và tham lam... Thứ vượt cao quá cái địa điểm của y. Y nhìn rộng lớn hơn. Tự nhiên y thấy không dễ kể cái trường học của y, những hần học của y với Oanh ăn chèn của y mỗi tháng mấy chục đồng. Nhưng cái ấy bị chìm, bị lấn vào một cái khác lớn lao hơn, rộng rãi hơn. Chúng chẳng qua là một ngọn sóng cồn con, lấn vào muôn nghìn đợt sóng khác của trùng dương. Có thấm tháp vào đâu? Phí sức mình vào những nổi bực tức nhỏ nhen ấy làm gì? Không bao giờ chúng ta có thừa nổi bất bình! Hãy dành sự uất hận cho những cơ hội lớn, những công việc lớn... Y nghĩ như vậy. Và những ý nghĩ ấy, có lẽ đẹp thì có đẹp nhưng khó khỏi quá viển vông, quá huênh hoang, cũng có ích cho y được một đôi phần ngay lúc bấy giờ: chúng khiến lòng y bình tĩnh lại. Y không còn phải hậm hực với người, hậm hực với mình? Trong một lúc, y có cái ảo tưởng đẹp đẽ mình cũng là một vĩ nhân, một anh hùng vượt lên bên trên sự tầm thường để chỉ nghĩ đến một cái gì vĩ đại mà thôi. Y nghĩ đến những phương kế để xoay ngược lại, đồng thời xếp đặt cho sự giao tiếp giữa người với người ổn thỏa hơn. Y gần như quên hẳn được chính y. Trước mắt y, chỉ còn lại một cái nhân loại mênh mêng, rất bao la, rộng rãi, cái nhân loại hỗn độn đang bị khổ cực, đau đớn, điên cuồng vì những lỗi lầm của mọi người, một cái nhân loại đang sống một lối sống tối ư vô lý. Y náo nức muốn dự một phần vào việc xây dựng lại cái nhân loại ấy. Dù như thế nào, y chưa biết, mặc dầu vậy, y cũng đã hưởng được một chút say sưa trong lòng rồi.

Nhưng chẳng bao lâu, y lại phải trở về thực tế, với cuộc đời chật hẹp của y. Sau buổi học chiều, y lại phải gặp Oanh. Hai người tránh nhìn nhau. Oanh cau có hơn, gắt gỏng nhiều hơn, có lẽ chỉ vì cần giữ vẻ tự nhiên. Nhưng Thứ cho rằng Oanh gắt gỏng thế vì y. Một vài câu của Oanh lại có vẻ như nói cạnh, nói khéo y. Tự nhiên y lại thấy ghét Oanh. Lúc ăn cơm y chẳng nói năng gì, ăn hơi nhanh, đôi mắt chực xuống, mặt hầm hầm. Oanh cũng giấu đôi mắt của mình đi. Nhưng cái mặt Oanh khinh khỉnh, vênh vênh, trông khiêu khích lạ lùng. Thứ tưởng như Oanh muốn chọc tức y. Y lại càng hậm hực, nghẹn ngào. San thấy Thứ hôm nay đột nhiên giữ cái địa vị của y

mọi ngày để gây sự với Oanh, có vẻ hài lòng. Được một hôm để làm người tử tế, y cũng làm người tử tế chơi! Y hết nhìn trộm Thứ lại nhìn trộm Oanh, nói nói, cười cười. Giọng nói của y hôm nay rất vui vẻ, rất ôn hòa. Người ta tưởng như y muốn hòa giải Thứ và Oanh. Nhưng cả Thứ và Oanh cùng để mặc y nói một mình? Y quay ra nói với lũ trẻ con. Y có tất cả nỗi sung sướng của một tâm hồn thư thái, không giận ghét.

Ăn cơm xong, San xếp sách vở đi học ngay, tuy còn sớm, có lẽ vì thấy trời hôm nay nhẹ nhõm hơn. Trước khi đến chỗ học, y còn muốn đi loanh quanh mấy phố chơi. Thứ cũng thấy cần phải ra ngoài. Y bảo San đợi, để cùng đi, Oanh như biết trước họ đi với nhau là chỉ để nói xấu mình, sa sầm mặt. Thứ đoán ra cái ý nghĩ ấy của Oanh. Y chắc Oanh đang nghĩ bụng khinh y. Mà nếu quả thật y có định tâm hèn nhát ấy, – cái định tâm đi với San để cùng San nói xấu Oanh, – thì y cũng đáng cho Oanh khinh thật. Bởi thế y nhất định sẽ không nói gì về Oanh cả. Hai người đi bên nhau một quãng dài. Nhưng đợi mãi không thấy Thứ nói gì, San đành khơi chuyện trước. Y vừa cười vừa bảo:

– Anh nghĩ trưa hôm nay; chúng mình làm thế, Oanh có tức không?

Thứ ngần ngừ. Y không muốn đáp. San cũng chẳng cần y phải đáp. Y cười phì một cái ra đằng mũi, và đáp lấy:

– Cố nhiên là có tức. Anh tính chúng mình chơi thế có khác gì chửi vào mặt *en*. Còn tệ hơn chửi nữa.

Thứ cười nhạt khế. Y ngượng nghịu. San đoán ra những hối hận của y và phản đối ngay:

– Kể ra chúng mình làm thế cũng hơi quá thật. Nhưng không thế cũng không xong. *En* có nể chúng mình đâu mà chúng mình phải nể *en*? Chúng mình có muốn đểu giả làm gì? Nhưng bởi *en* đểu giả nên chúng mình cũng hóa ra đểu giả?

Thứ không thể tin được nữa. Cái ý nghĩ ngấm ngấm của y, gặp được một ý bạn, xộc ra:

– Ấy thế cho nên tôi vẫn bảo rằng: ở với những người tồi rồi chính mình cũng sinh tồi.

– Đúng vậy! Họ tồi mà mình vẫn xử tử tế, vẫn cao thượng, thì mình thiệt. Không những thế họ không chịu biết cho rằng mình không thèm chấp, mình không muốn tồi như họ, họ lại cho là mình quích. Mình không muốn quích, cố nhiên là cũng phải tồi như họ. Hay nói thí dụ ngay chúng mình...

San bắt đầu kể những cái tử tế của Thứ và y, và những cái không tử tế của Oanh. Thứ lắng lắng nghe. Nói cho đúng thì y lắng lắng, chỉ muốn để cho San nói. Bởi vì những điều San nói, y đã nói mãi rồi. Thứ nghe mãi đã nhàm. Y chỉ còn đòi San ngừng lại.

San ngừng lại. Thứ vội vàng kết luận:

– Thế cho nên tôi nghĩ chúng mình nên tìm một chỗ nào khác ở riêng ra, cho nó khỏi nặng mình.

Thứ nhìn mặt San để dò ý tứ. San cười hở cả lợi ra:

– Thế hở? Anh cũng nghĩ thế kia à?

– Tôi đã nghĩ từ lâu, nhưng chỉ vì chưa tìm được chỗ nào, nên chưa tiện nói ra.

– Tôi tưởng chỉ có mình tôi!

– Anh tưởng thế đấy chứ tôi nhức óc đã từ lâu rồi.

– Tôi thì không những nhức óc. Tôi còn sợ ở với *en* mãi thì chúng mình đến biết bay. Thật tình thì tôi thấy ít lâu nay, chúng mình ăn uống kham khổ quá. Gạo thì gạo đã lên hơi, mới ngủ thấy đã nhức đầu; thức ăn thì rau muống luộc không đủ mà ăn nửa bữa cơm. Còn lấy gì làm chất bổ. Chúng mình thằng nào cũng làm việc mỗi ngày mười mấy giờ như Nã Phá Luân, ăn uống thế thì đến ho lao mất.

– Anh thử nghĩ xem quanh đây nhà nào chúng mình có thể ở trọ không?

– Anh thử hỏi bọn học trò xem. Chắc cũng có nhiều đứa, nhà rộng rãi.

Thứ nghĩ ngợi một lát rồi tặc lưỡi:

– Kể ra cũng hơi phiền. Tôi ngại nhất là cái việc khuân đồ đạc đi.

– Đồ đạc thì anh bảo chúng mình có quái gì?

– Chính vì thế mà tôi ngại.

San hiểu ý y. Y ngẫm nghĩ một chút rồi cũng bảo:

– Nhất là chúng mình lại chẳng thằng nào có lấy một bộ quần áo mặc nhà trông cho nó ra hồn. Chăn màn cũng chẳng ra hồn.

– Chính như vậy đó. Mấy cái chăn như chăn của ăn may khoác, ấy mà khuân đến nhà người ta thì cũng ngượng.

Họ thấy ngại ngại đi. Và Thứ lại trách San:

– Thế mới biết chỉ chúng mình ở với nhau như trước là dễ chịu. Ai bảo anh cứ khăng khăng trả lại nhà?

Nhưng San bảo:

– Thì ai không biết vậy? Nhưng anh tính không trả lại nhà thì chúng mình lấy tiền đâu?... Chúng mình chỉ còn có hai tháng, không chịu nổi. Nếu chịu nổi thì bây giờ chúng mình lại đi thuê nhà, thuê thẳng ở, có khó khăn nổi gì? Nếu anh tính đủ thì anh cứ làm chủ đi. Tôi còn mười đồng mỗi tháng thì tôi xin đưa cả cho anh.

Thứ cười...

Ngày hôm sau, Thứ hỏi bọn học trò xem có anh nào gán trường mà nhà rộng rãi không. Chẳng anh nào đáp lại y. Y không hiểu rằng đó là chúng khiêm tốn mà thôi. Y khó chịu, buồn buồn, y rất yêu học trò và cần được biết rằng chúng đã yêu y. Có lần y đã dọa chúng rằng y sắp xuống dạy lớp trẻ con để cho cô giáo hay là một người nào khác thay y dạy lớp nhất, lớp nhì, cố ý thử lòng chúng xem sao. Y sung sướng khi thấy hầu hết chúng đều lộ vẻ tiếc y và hoặc khẩn khoản, hoặc nũng nịu, nài y dạy chúng. Nhưng một hôm một đứa học trò bỗng hỏi y xem bao giờ cô giáo ấy lên. Cả hai đứa bạn ngồi bên cũng ngược con mắt đen lay láy và long lanh những tia vui lên để nhìn y. Máy đứa ấy xưa nay cũng rất ngoan, rất lễ phép với y. Chẳng cái gì tỏ ra rằng chúng ghét y. Nhưng chúng có vẻ thích cô giáo dạy. Và Thứ đã buồn nản suốt cả buổi chiều hôm ấy. Lần này cũng vậy, thấy cả lớp ngồi im, y tự hỏi sao chúng lại hững hờ với y đến thế?

Thứ bàn với thằng Mô. Mô bảo:

– Cậu hỏi cha mẹ chúng nó, chứ hỏi chúng nó thì chúng nó biết gì?

– Đã đành, nhưng cũng phải bảo chúng nó hỏi qua ý kiến bố mẹ chúng nó xem họ có bằng lòng không đã chứ! Họ không bằng lòng mà mình cứ đến hỏi thì họ sinh khó nghĩ.

– Thế thì cậu thử hỏi thằng Tuệ xem. Ông bố nó làm chánh hội. Nhà nó cũng nhà gạch hẳn hoi. Hai cậu có ở trọ thì cũng phải ở trọ những nhà như thế.

Thứ hỏi Tuệ. Y thất vọng ngay. Nhà thì rộng rãi nhưng mà có hai người chị. Hai cô đều trên dưới hai chục tuổi mà lại chưa chồng cả. Thứ không ưa những nhà lắm đàn bà. Mình phải giữ gìn hơn, mất cả tự do. Huống chi đây lại là hai cô con gái chưa chồng. Mà lại đúng hai cô. Thứ và San cũng hai người. Y đã đoán trước ra những lời bàn

tán của những anh con trai quanh đây. Cũng chẳng sao, miễn là mình giữ được lòng mình. Nhưng Thứ không tin hẳn ở San. Y cũng không muốn cho ai có thể ngờ, dù chỉ ngờ vực băng quơ. Y rất tinh vi. Hồi mới lấy vợ, y đã phải đau đớn khá nhiều vì những ngô nghê rất không đâu. Y ghen với bất cứ người đàn ông nào đã có dịp ở gần Liên. Y ghen với anh hàng xóm, với những người làm, với cả thằng ở nhà Liên. Ghét cái tật chung của những anh con trai quá yêu, mới bắt đầu yêu. Biết đâu hai cô con gái mà y và San định đến trọ nhà lại đã chẳng có nhân tình hay ít ra, có những anh chàng yêu vụng nhớ thâm. Y và San rất có thể đứng thành kẻ thù của những người mà họ rất không ngờ.

Một điều chắc chắn rằng hai người con gái ấy có một ngày phải lấy chồng. Biết đâu hai người chồng ấy sau này lại không chỉ vì nghi rằng ngày trước, có lần, đã có hai thằng đàn ông trẻ tuổi, cùng bằng trạc ấy, trọ ở nhà vợ của họ khi vợ họ chưa lấy họ, mà mất ăn mất ngủ? Biết đâu Thứ đã chẳng vô tình làm hư hỏng cái hạnh phúc yêu đương của những người rất yêu đương? Thứ chẳng hạn y sẽ sung sướng biết bao nhiêu, nếu những khi gần gũi Liên, sự ngờ vực không nhoi nhói trôi ra như một mũi kim trong một cái bọc nhung. Nó làm cái tình yêu của y bao giờ cũng pha lẫn chua cay. Nó khiến y yêu một cách đau khổ vô cùng. Nhiều lần, đang ôm ấp Liên, một ý ngờ chợt lóe ra, ấy thế là đột nhiên mặt y co rúm lại; y nghiến chặt răng, mắt nảy lửa, hai cánh tay phũ phàng riết chặt lấy người yêu. Những lúc ấy thật tình y muốn lay, muốn lác, muốn vò tan, xé nát, nghiến ngấu người yêu, nuốt tọt người yêu đi cho hả. Hỡi ôi! Thứ đã đau đớn quá nhiều vì sự nghi ngờ. Y muốn tránh cho những người khác nỗi đau đớn vô ích ấy...

Thứ hỏi Mô xem còn nhà nào khác nữa không. Mô kể ra bốn năm nhà. Nhưng nó kể ra để lần lượt gạt đi cả. Theo ý nó thì mấy nhà ấy, chẳng nhà nào tiện cho Thứ và San. Nhà thì quá chật chội, bẩn thỉu, tồi tàn. Nhà thì rất những đàn bà. Phần nhiều đều ăn uống xềnh xoàng, sợ các ông giáo ăn sang, cánh nánh không muốn để cho hai ông trọ. Thứ cười chua chát:

– Mà tính cơm nước thế nào mà chúng tao ăn chả được! Cơm nhà này mà còn nuốt được nữa là!...

Mô cũng bật cười:

– Đã đành rằng vậy, nhưng họ biết đâu. Người ngoài ai biết mình kham khổ thế nào, mà cũng không nên để cho họ biết.

Mặt nó tần ngần rồi mân mê cái đòn gánh, nói:

– Thưa cậu, con không phải như con sen, thằng nhỏ nhà người ta, đem chuyện của chủ nhà đi nói với mọi người. Con xin thề với cậu, nội quanh đây có ai biết con ở với cô giáo, mỗi tháng công có một đồng, là con phải tội. Ai cũng tưởng công con ít ra mỗi tháng ba, bốn đồng. Tội gì mình để người ta nhòm vào ruột? Thật chính con, con phải giữ tiếng cho cô giáo nhiều. Lúc làm bếp, bao giờ con cũng đóng cửa, không để ai vào. Đi chợ, bao giờ con cũng mang cái bị đi. Cậu tính chỉ có mấy mớ rau với vài bìa đậu thôi chứ có quái gì! Cầm một tay cũng hết thừa. Nhưng con phải cho vào bị, xách về, để không ai biết mình mua ít, mua nhiều ra sao. Người ta biết, người ta cười cho chết! Nhiều khi bà thợ giặt hay bà Ngọt thấy con chẳng mua gì, chỉ mua mấy mớ rau rồi về, các bà ấy hỏi thì con lại bảo: “Nhà hãy còn nhiều thức ăn mua tối qua”. Có khi các bà ấy hỏi sao không mua thịt, con bảo: “Nhà tôi không ai ưa ăn thịt, nhiều bữa có đĩa thịt lợn đem lên, lại đem xuống, còn nguyên”.

Thứ hơi đỏ mặt. Y cố cười thật to, làm như chỉ thấy trong những lời của Mô một câu chuyện ngộ nghĩnh, buồn cười. Thật ra thì y xấu hổ vô cùng. Y tưởng tượng ra nét mặt của bà Ngọt, bà thợ giặt, những bà láng giềng khác, bàn tán nhỏ nhỏ với nhau về những ông giáo với cô giáo bên trường. Cái môi nứt nẻ, bết quết trâu của bà Ngọt bĩu ra. Bà thợ giặt cười một cái cười nặng nề, làm những cục thịt ở mặt nổi hết cả lên. Bà béo thì làm bộ không tin để những bà kia tức mình, phải nói quả quyết hơn, đem những chứng cứ rõ rệt ra. Rồi một bà cháu môi, rên lên, hạ một câu bình phẩm thế mà bấy lâu không ai biết, cũng mang tiếng ông giáo với bà giáo, quần áo là, sơ mi trắng, thắt ca-vát, giầy tân thời, thứ năm chủ nhật diện ngất, tưởng màu mỡ lắm, thế mà kỳ thực bụng chứa đầy rau muống luộc!... Tiếng cười vỡ lở ra, ằng ặc, hi hi, hô hô... Thứ nóng bừng cả mặt. Y chợt nhớ đến Tư, đến một buổi tối nhờ có San khuyến khích và ủng hộ, y đã đánh bạo theo Tư trong một cuộc chợ phiên, đến đôi mắt nhí nhảnh và tiếng cười nghịch ngợm của Tư hôm ấy. Y nhớ đến một vài thiếu nữ quen mặt khác, sáng sáng cô cắp rổ hay xách làn mây đi qua trước cửa trường, y vẫn làm ra vẻ bạo dạn, ra đứng hiên gác nhìn họ để được thấy họ rất tự nhiên. Nhưng lúc ấy chắc mặt y phải vênh

váo lấm đấy chứ chẳng chơi đâu! Rõ thật dơ! Giáo khổ trường tư mà cũng đòi nhìn mặt gái tân thời! Liệu lương có đủ tiền cho người ta mua phấn đánh không. Bụng toàn rau muống luộc đấy, ai mà còn chẳng biết! Thứ tướng tượng ra những lời nói chanh chua ấy. Y thấy mình lỗ vô cùng. Và y biết chẳng bao giờ y còn dám nhìn ai, chẳng bao giờ y còn dám nhìn Tư lần nữa. Hơn thế ấy, y sẽ phải cúi mặt trước đôi mắt ranh mãnh của Tư; y sẽ phải lảng ở nhà, giấu mặt đi, khi thoáng thấy Tư đằng xa, bóng dáng một thiếu nữ người ở vùng này, đi tới. Một cục gì nghẹn nghẹn ở cổ y. Y không khát, y nhắc chén nước lên, nhấp từng ngụm nhỏ như một người uống trà tàu, đôi mắt đờ đẫn nhìn bức tường đen mốc nhà bên cạnh. Y làm như đang nhấm nháp, đang phân tích, ngẫm nghĩ cái hương vị của chén trà. Nhưng thứ nước, y đang uống không phải trà tàu. Nó chẳng có một chút hương vị gì... Nó chỉ là nước lã đun sôi đổ vào chai mà cả bọn vẫn thường tự dối mà khen là thanh đậm, vệ sinh, uống nước lã đun sôi là một cách giữ sức khỏe tốt nhất. Nhấp chén nước, vừa nghĩ đến cái vị nhạt phèo của đời y. Làm đến chết người đó, chỉ để được ngày vài bữa cơm rau đổ vào mâm rồi đêm ngủ một mình, tưởng nhớ đến vợ con, trong khi ở nhà quê cũng vậy, làm, làm đến chết người, cũng chỉ vì mỗi ngày mấy bữa cơm, ngoài ra, chẳng hề có một cái lạc thú gì khác nữa, chẳng có một cái hy vọng gì hơn nữa. Cuộc đời như thế kéo dài đã mấy năm rồi. Nó còn kéo dài ra năm năm, mười năm, hai mươi năm... biết đến bao giờ? Nó có thể kéo dài mãi mãi, suốt đời. Chứ không ư? Thứ hoảng hốt nhận ra rằng đời y rất có thể cứ thế này mãi mãi, suốt đời. Hoảng hốt như là y mới nhận ra cái điều thất vọng ấy lần đầu. Thì ra xưa nay y vẫn ngấm ngấm hy vọng vào một cái gì mãi đó ư? Y vẫn cho rằng cuộc đời hiện tại của y chỉ là một cách sống tạm bợ mà thôi. Y vẫn đợi chờ một cái gì, một cuộc đổi thay. Căn cứ vào đâu? Thứ mở to đôi mắt, sợ hãi, nhận ra rằng bao nhiêu năm nay y đã sống như mơ ngủ vậy. Ôi chao! Còn cách gì có thể thay đổi được đời y? Y không đánh bạc, không mua vé số, không có vốn để đi buôn, không có đủ sức khỏe để vào làm các sở công. Vả lại, cái đời công chức, có lẽ cũng chẳng hơn cái đời y được bao nhiêu, mà có phần lại bó buộc hơn, chán nản hơn. Y chán ngay từ lúc chưa vào. Vậy thì y còn có thể ¹... Mẹ của y, người đàn bà mẫn con cái ấy. Y có sáu đứa em thì ba đứa sẽ phải cưới vợ, ba đứa phải gả chồng, rồi

1. Mất 3 dòng, vì bản thảo của tác giả để lại bị mối cắn (nhà xuất bản).

lại phải giúp cho chúng có nghề nghiệp, có cơ sở làm ăn. Y là con cả. Y đã được học nhiều. Các bốn phen của của y cố nhiên là phải to tát lắm. Y có rất nhiều gánh nặng. Càng nhìn xa, y càng thấy đời y cứ càng ngày càng thắt chặt vào, càng chặt chội thêm. Y chỉ có thể khổ hơn lên, không có thể sướng ra. Hết việc nọ đến việc kia, toàn những việc phải tiêu. Y đúng như một con ngựa còm, cứ vừa mới ỳ ạch qua cái dốc này thì lại đến ngay dốc khác. Tương lai sẫm tối. Thứ vụt đã lại biến thành con người thực tế hơn. Y không còn dám nghĩ gì đến những thú vui, những hy vọng cao xa. Y chỉ còn dám nghĩ đến cơm áo hàng ngày của vợ con. Giả sử như y không đi dạy học được thì sao? Cố nhiên là y sẽ phải ăn nhờ vào cơm vợ, cơm con. Nhưng vợ y sẽ làm gì cho cả nhà đủ gạo ăn? Khổ lắm. Nghĩ là cả nhà y sẽ đói, sẽ chết đói nữa, là thương lắm. Vậy thì y đi dạy học được cũng còn là phúc đấy. Y quên hết cả những cái thiếu, cái khổ, cái buồn, cái nhục. Trước mắt y toàn những cái lo. Y thành nhút nhát hơn. Y quý đồng tiền. Y lại thấy ngại đi tìm nhà trọ khác. Ở chỗ khác, y sẽ phải trả nhiều tiền hơn bây giờ, có thể gấp hai. Số tiền gửi về nhà quê, số tiền để dành sẽ hụt đi. Vợ con y sẽ khổ thêm. Mà biết đến bao giờ y mới sạch công nợ, có được một số vốn con con; để đỡ lo một chút? Và lại ở nhà quê, vợ và các con y, bố mẹ y chả ăn uống khổ sở hàng đời người rồi hay sao, còn có bao giờ họ được no xôi chén chè lấy hai bữa, lấy vài tháng, còn có bao giờ họ biết mùi thịt cá luôn, hay cũng chỉ cơm hẩm cà thiu thôi? Vậy thì y được như hiện nay cũng đã là đủ lắm rồi. Tại sao y lại muốn sung sướng một mình trong khi cả nhà còn đói khổ? Y nhớ đến một lần y ở Hà Nội về quê. Hồi ấy vợ chồng y mới ăn riêng. Cảnh riêng tây còn là một sự chưa quen đối với y. Chưa bao giờ y nghĩ rằng có một ngày, gia đình y và gia đình bố mẹ y, lại là hai gia đình khác hẳn nhau. Bởi vậy lúc ăn cơm, khi thấy bà, bố mẹ và các em ngồi một mâm, y thấy ngưỡng ngưỡng mà lại buồn buồn, khó chịu như là ở mâm y lại có một đĩa cá kho, còn mâm kia chỉ toàn là rau. Y cau mặt, khẽ trách Liên. Liên chưa kịp trả lời thì bà mẹ y nhận thấy, đã cười và đáp hộ Liên:

– Đào ôi! Nhà chẳng có đâu. Chúng tôi ở nhà thì đến cơm không cũng chẳng có mà ăn, còn có tiền đâu mà sắm thức ăn? Mọi khi nó cũng chỉ có rau không. Đây là hôm nay, cụ Bá thấy nói con rể cụ về, sợ con rể cụ xưa nay chỉ ở tỉnh thành, chịu kham khổ không quen nên bảo vợ mày đem về cho mày một đĩa cá kho đấy chứ! Nó chẳng mua đâu mà mắng nó.

– Y chép miệng:

– Hừ! Khéo vè!... Ăn thế nào mà chẳng được.

Rồi y bảo lấy một đĩa nữa, xẻ đĩa cá ra, bỏ sang mâm kia một nửa cho bà và các em ăn với. Nhưng mọi người nhao nhao phản đối. Bà mẹ gắt lên:

– Thôi! Để đấy mà ăn. Chúng nó thì đến ăn cơm với tương cũng còn nhẩn cả nôi đấy, lọ là phải thức ăn ngon! Có thức ăn ngon cho bọn chúng nó ăn thì đến nôi mười cơm cũng chẳng xuể!

– Thì mẹ cứ để chúng nó ăn, mẹ cũng xơi nhân thế.

Nhưng bà cụ đã vội và nót bát cơm, buông đũa đứng lên:

– Thôi! Tôi ăn xong rồi. Mỗi người có vài vục cơm, nhiều nhận gì mà phải cá?

Thứ hơi phật ý. Y tưởng như bà và mẹ mĩa mai. Nhưng nghĩ cho kỹ, thì có lẽ các cụ chỉ nhường nhịn đó thôi. Các cụ sợ nếu các cụ nhận ăn một lần thì lần sau, có món ăn gì, Thứ cũng lại chia cho. Nhà quá đông người. Nếu muốn mua thức ăn cho chồng mà vợ Thứ cứ phải mua cho đủ mọi người ăn thì y lấy đâu ra tiền mà mua như vậy? Huống chi đĩa cá kho lại là của ông bố vợ Thứ cho y. Ông cho y thì để y ăn, người khác ăn vào, mang tiếng. Thứ đoán như vậy, cái lý luận ngấm ngấm của những kẻ quê mùa ấy. Y thấy họ thận trọng quá nhiều, đối với một đĩa cá kho. Một đĩa cá kho, giá trị chỉ độ nửa đồng hào, mà to tát đến thế ư? Y nhớ độ những bữa ăn hàng, y tiêu tốn hàng đồng, và thấy lòng ân hận. Suốt một bữa cơm, y nghĩ vẩn vơ. Y chẳng còn biết gì ngon. Và nếu không trông thấy Liên mặt buồn buồn, hai mắt nhìn xuống như có ý tủi thân, thì có lẽ y đã chẳng chạm đũa vào đĩa cá... Buổi chiều hôm ấy, y còn được dịp nghĩ ngợi nhiều hơn. Vừa mới chập tối, bà y đã đi nằm. Bà mẹ, đang ngồi nói chuyện với y ở đầu hè, đột nhiên cũng đứng lên:

– Kìa! Nó đã dọn cơm kia kìa. Đi mà ăn đi!

Bà chực lảng vào buồng. Thứ hỏi:

– Nhà chưa ăn kia à?

– Chưa, lát nữa mới ăn.

Bà mẹ y vừa nói vừa tủm tủm cười. Mấy đứa em y ngồi gần đấy cũng tủm tủm cười. Y chợt đoán ra:

– Ở nhà không ăn.

Bà mẹ đáp, sau một thoáng ngập ngừng:

– Không. Chúng nó ăn khỏe, ăn dồn cả vào một bữa cho đỡ lách ca lách cách. Đàng nào cũng chỉ có bằng ấy gạo: chia ra hai bữa thì cũng thế.

Thứ thấy lòng sầm tối lại. Vợ y đặt trước mặt y một cái mâm con, trên lòng chông có một bát cơm lồng, một đôi đũa, một cái bát con và đĩa cá kho trưa còn thừa lại. Cơm là cơm nguội. Mọi ngày Liên cũng chỉ ăn một bữa thôi. Nhưng biết chồng từ bé đến nay, chưa phải ăn ngày một bữa bao giờ, bữa trưa y đã lấy thừa ra một xuất cơm. Lúc xới cơm, y đã xới ba lượt đũa, lồng lại, cất đi. Đó là bữa tối cho mình Thứ... Thứ thấy vô lý quá. Trong hai vợ chồng y, nếu có người nào cần phải ăn hơn, thì người đó phải là Liên: Liên đã phải luật quật suốt ngày, lại phải có đủ sữa để nuôi con. Vả lại, ngoài Liên ra, lại còn bà Thứ, già ngoài bảy mươi tuổi rồi mà cũng đang nằm nhịn đói kia. Lại còn mẹ y, cũng luật quật suốt ngày và cũng có con thơ. Lại còn cha y, bữa trưa ăn ba lượt cơm như mọi người thì mới đầy được một góc dạ dày. Lại còn các em y, chưa đáng phải chịu những cay cực của đời và tạng phủ đang cần phải tắm bổ nhiều để đủ sức lớn lên, chúng gầy guộc, ngơ ngác, nhút nhát, buồn rầu, có lẽ chỉ vì phải nhịn đói, phải vất vả, phải mắng chửi suốt ngày, ngay từ cái lúc mà đáng lẽ chúng phải được ăn no rồi chạy nhảy nhớn nhỡ, mát trong trẻo và lòng vô tư lự. Thứ đang độ trẻ trung. Y không phải lao lực như bất cứ ai ở trong nhà. Y lại đã được no mãi rồi, bây giờ có đói một vài bữa, cũng không sao, mà có lẽ cũng là sự công bình. Ấy thế mà tại sao y lại cứ cần phải ăn, phải ăn no một mình như vậy. Thứ suy rộng ra và chua chát nhận ra rằng cái sự buồn cười ấy lại là một sự rất thường, chẳng riêng gì trong một nhà y, mà có lẽ lại chung cho khắp mọi nơi. Bao giờ và ở đâu đâu thì cũng thế thôi. Thằng nào đã chịu khổ quen rồi thì cứ cố mà chịu mãi đi! Mà thường thường những kẻ ăn nhiều nhất, hưởng nhiều nhất thì lại chính là những kẻ không cần ăn một tý nào hoặc không đáng hưởng một ly nào cả. Anh chẳng cần nhích chân, nhích tay làm một việc gì ư? Phần anh tất cả những cái gì ngon lành, béo bổ, ở trên đời! Còn cái thằng phu xe nó đang thở hồng hộc vì vừa mới kéo anh qua một quãng đường dài hăm lăm cây số ngằn kia, nó chỉ đáng hưởng một bữa ba lượt cơm gạo vàng và một cái đầu cá diếc của một mụ hàng cơm toét mắt và cạu nhậu. Vô lý quá!... Thứ nhìn qua bát cơm lồng để cho y. Chẳng còn được bao

nhiều mà bõ chia cho mọi người ăn. Y nghĩ xem những người nào đáng ăn hơn. Y chạy vào, mời bà dậy xới cơm. Bà cụ không ăn và khi Thứ cố nài thì bà cụ kêu đầy. Ông bố, bà mẹ thì cố nhiên không đời nào chịu ăn rồi. Những đứa em lớn, dù có đói cho chết, cũng chẳng dám ăn. Vả lại cũng không thông. Y đành gọi hai đứa em bé nhất. Bà mẹ đã vội vàng gạt ngay đi:

– Thôi! Còn có ít để anh ăn. Trưa chúng nó ăn nhiều rồi. Một tý cơm ấy mà cả chúng nó cũng ăn nữa thì không bõ dính răng!

– Còn nhiều đấy, con chẳng ăn hết đâu; mẹ cứ để cho các em ăn.

– Khốn nhưng rồi chúng quen đi thì chết đấy! Cứ bắt chúng nó nhìn cho quen chứ!

– Úi chào!...

Y cố bắt các em ăn. Nhưng cũng chẳng đứa nào chịu ngồi ăn. Chững chối đây đây và chạy cả. Nhưng y biết chúng vừa chạy mà vừa nuốt bọt. Có lúc nào chúng nghĩ đến được ăn một bữa thật là no? Y cực quá. Y ngồi thần mặt, buông đũa, quên cả đương ăn. Y chợt nhận ra bà y, mẹ y, vợ y, và các em y thật đã khổ không kém gì mình phải khổ. Quả thật lúc ấy, y muốn được nhìn đi cho bà, hay mẹ, hay vợ, hay các em, hay là ngay cả con ở nữa, ăn thay. Nhưng mà y không thể nhường cho ai. Y cũng không thể ngồi ăn. Không hiểu sao, y thấy thèn thẹn, không muốn cho ai đoán được rằng y thương bà, thương bố mẹ, thương vợ, thương các em quá, đến nỗi không ăn được. Y đành một mình lủi thủi ngồi ăn. Nhưng y vừa ăn, vừa nghĩ ngợi gần xa thế nào mà nước mắt ứa ra. Miếng cơm nghẹn lại, y phải duỗi cổ ra để nuốt đi. Và thiếu một chút nữa là y đã òa lên khóc...

Những kỷ niệm ấy, biết bao nhiêu lần, đã trở về trí óc y. Chúng trở về mỗi khi y định thực hành hay là sẽ thực hành xong một cái mộng ăn chơi. (Hỡi ôi! Đó chỉ là một bữa chả bánh đa hay một buổi chộp bóng ban ngày, thu nửa tiền!...). Chúng trở về để can ngăn y hay là nghiền nát y. Biết bao nhiêu lần, đang đi đến một tiệm ăn, y sức nhớ đến bà, mẹ, vợ, em mà lại thấy chân rời rã, bước ngập ngừng hơn một chút, rồi đột nhiên quay gót lại. Biết bao nhiêu lần, giữa một bữa ăn vui do một người bạn có tiền mời, hình ảnh một cụ già nuốt bọt thăm hay một đứa em lấm lét nhìn trộm nồi cơm để ước lượng xem nó còn có hy vọng gì được thêm một lượt xới nữa chẳng, đột nhiên hiện ra, khiến y đang ăn uống ngon lành, bỗng ngẩn mặt, thần thờ, mân mê cốc rượu để trên bàn và thở dài khe khẽ. Lúc này

đây, những hình ảnh ấy lại hiện ra, Thứ ảo não buồn. Y trách y về từng việc từ hôm lĩnh lương tới giờ mà y đã dám tiêu phí gần đây: mấy hào lấy vé hạng ba xem chớp bóng, lại tiền thợ húi đầu, một bánh xà phòng, một bộ quần áo giặt là, một đồng bạc bánh chưng hôm nọ... Tất cả những món tiền ấy, góp lại chẳng đủ cho vợ y ăn nửa tháng đó ư? Y tiếc xót xa. Y tự bảo y rằng: không những y chẳng nên đi đâu cho tốn kém hơn, mà y lại còn phải tiêu xén đi nhiều. Y sẽ bỏ cái lệ ba xu xôi mỗi sáng đi. Y sẽ gọi một anh thợ húi đầu rong, chỉ phải trả bốn năm xu. Y sẽ ít đi phố để tránh những lúc hứng đi ăn hàng hay uống nước chanh. Y sẽ đưa quần áo thưa hơn. Có lẽ y sẽ bỏ cả tờ báo hàng tuần vẫn đọc chiều thứ bảy hay buổi sáng ngày chủ nhật. Tiền! Cần phải có tiền trước đã!... Y quay lại nhìn Mô, Mô thấy y mãi trầm ngâm, đã cầm lấy cái bút của Oanh và đang ngoẹo đầu, ngoẹo cổ, vạch những chữ a, chữ b, xiêu vẹo lên những chỗ trống của một tờ báo cũ. Nó toét môi, cười:

– Cậu trông con viết có đẹp không?

– Mà học đến đâu rồi?

– Con học hết cả phần vẫn rồi, đã biết đánh vần, nhưng viết thì chưa biết.

Nó xoay ra nửa thật nửa đùa:

– Con phải cố học cho đọc được, viết được để viết thư cho cậu Đích, nói với cậu Đích bảo cô giáo cho con đồng bạc.

– Mà học được thì ích vào thân mà, chứ cậu Đích được gì mà mà bắt cậu ấy phải cho mà đồng bạc?

– Thưa cậu, con bảo: “Con xin...”, chứ con có dám bắt đâu? Chả cái hôm cậu Đích còn ở nhà, cậu Đích bảo con: “Bao giờ mà đọc được báo, viết được thư, thì tao thưởng cho đồng bạc”.

Thứ chẳng nói gì, Mô ngừng một lát, rồi lại bĩu môi:

– Con nói thật có cậu chứ đợi đến lúc cậu Đích cho con đồng bạc ăn quà thì con cũng đến chết già rồi, còn ăn gì được nữa. Với lại dẫu cậu Đích có gửi thư về bảo cho, thì cô giáo cũng chẳng cho nào!... Thôi thì con học cho biết viết để mà biên tiền chợ.

Nó cười hùng hục. Thứ cũng cười để khỏi lộ vẻ lạnh lùng. Thật ra thì y đã hơi khó chịu vì cái giọng mai mỉa ấy. Mô chê Đích và Oanh, đã đành rằng làm tăng giá trị cho y. Xưa nay y vẫn xử rộng rãi với Mô? Mỗi tháng y vẫn cho nó dăm hào. Khi sai nó trả tiền giặt hay

mua thức gì còn năm ba xu, một vài hào, y thường cho nốt nó luôn. Nhưng cho rồi y vẫn thường tiếc ngấm ngấm. Bởi vì những số tiền cho lật vật ấy, góp lại, trong một tháng, có thể thành đến hàng đồng. Thế mà y có thể chắc chắn rằng những đứa em đói rách của y chẳng hạn, chúng sẽ run lên và tưởng như mình ngủ mơ, nếu được người ta đặt cả một đồng bạc vào tay. Mà có riêng gì chúng nó đâu! Một lần bà mẹ y ở chợ về, kiểm lại tiền, đã phải hốt hoảng, tái nhợt người, bủn rủn chân tay, chỉ vì tưởng đã đánh rơi mất một đồng, hay trả nhầm lẫn cho ai. Và đến lúc bà lục lại tất cả các túi, lại tìm ra, thì bà rú hấn lên, mắt sáng ngời, mặt đỏ bừng, cười sằng sặc một tiếng cười khoái trá không sao hãm được. Đồng bạc có tầm thường như y vẫn làm ra bộ rẻ rúm nó quá thế đâu? Y thấy cũng to, cũng đáng cho y phải xít xoa... Và đã hơn một lần, y nghĩ rằng mình không nên hào phóng quá với Mô. Nếu y không thể bỏ hẳn hay rút bớt những số tiền vẫn cho Mô, có lẽ chỉ vì tự ái đó thôi. Y không muốn Mô coi mình giảm giá đi. Nhưng để bù vào chỗ quảng ra để giữ thể diện kia, thường thường y vẫn phải làm khổ y một cách đáng thương. Y nhịn món nọ, rút món kia, đi bộ hàng ba bốn cây số, để tránh một cái vé xe điện năm xu, rồi trở về mệt nhoài ra nằm thẳng cẳng cho đã. Có lẽ vì lâu nay đã cố giữ thể diện với Mô, cố giữ được cho Mô khỏi nghĩ xấu về mình, bỗng bây giờ y lại nghĩ quanh và thấy như tức tối với Mô. Thấy Mô mĩa mai Đích và Oanh, y cười nhạt ngoài mặt nhưng trong lòng thì nghĩ ngay rằng: “Thôi đi cậu! Người ta chẳng đại như tôi! Được tiếng tốt với cậu thì cũng đau ruột lắm!...”

Mô chum mỏ, lắc đầu, nói tiếp:

– Chịu! Nội đời con, con chưa thấy ai kiệt như cô giáo. Trong tay lúc nào cũng có bạc trăm mà cầm chi li đi đâu mất một xu. Ăn uống khổ hơn nhà thuyền thợ.

Thứ vẫn chỉ cười nhạt, chẳng nói gì, Mô tưởng Thứ không tin. Nó sùng sộ bảo:

– Thật! Con nói dối cậu, con chết bằng này tuổi! Nhà bà thợ giặt, nhà bác Hải làm nhà Ô Mên, còn ăn uống sang gấp mấy nhà ta. Thịt, cá luôn. Nhất là nhà thằng Bình, mở cái hiệu thợ cúp khổ ở chỗ kia kia. Thưa cậu, nhà cửa nhà nó chỉ có thế đấy thôi, thế mà chó tây nhà nó ngày nào cũng được ăn thịt bò tử tế!

Cái ý nghĩ một anh thợ cạo vẫn nhận của y dăm xu diêm thuốc cho

thêm, mà cũng chơi chó nòi và nuôi chó bằng thịt bò như một ông chủ đồn điền, khiến Thứ phải bật cười. Mô cũng cười theo. Thứ hỏi:

– Chó tây nhà nó ăn thịt bò thì mỗi ngày hết mấy hào?

– A, thưa cậu, có sáu xu.

– Thịt bò mà chỉ có sáu xu?

– Vâng, thịt bò dính da ấy mà! Ở những cái da mới đưa vào, còn dính những miếng thịt bò, người ta nạo ra. Thành Bình khoán cho một người làm trong ấy, mỗi ngày sáu xu, để người ta đem chỗ thịt vụn ấy về cho chó tây nhà nó.

– Kể như thế thì cũng rẻ. Sao mà không bàn ngay với cô giáo nhà mà, lấy thàng cái thịt bò ấy về mà ăn?

– Gớm! Gớm! Thế thì ra cậu khinh cô giáo con quá.

Mô ngửa mặt lên cười rồi lại nghiêm nét mặt và hạ giọng nói cho thấp xuống:

– Thưa cậu, không phải là con nói đùa, nhưng cứ kể ăn uống như nhà ta thì không được bằng những nhà thuyền thợ thật. Đại như dưới nhà bà cụ nhà con: thật là nghèo nhất hạng rồi, thế mà ăn cũng còn được cái hột gạo ngon hơn, mà thức ăn chẳng có gì thì cũng phải có bát canh, bát riêu, đĩa tôm, đĩa tép; lúc đói trông thấy còn muốn nuốt, chứ không đến nỗi như cơm nhà này. Hai cậu không liệu thế nào mà cứ ở đây mãi thì chịu làm sao được?

– Mà bảo còn liệu làm sao?

– Hay là hai cậu lại thuê nhà?

– Tiền đâu?

Thứ tặc lưỡi một cái rồi nói tiếp:

– Với lại cô mà chịu được thì chúng ta cũng chịu được.

Mô có vẻ cụt hứng:

– Vâng đã đành rằng thế, nhưng tội gì hai cậu khổ?

– Tội gì! Tội không có tiền! Chỉ tại không có tiền đó thôi. Có nhiều tiền thì chẳng thiếu gì nơi sung sướng.

Mặt y chua chát và giọng y gay gắt. Mô cười nhạt. Nó tìm cách lảng:

– Thôi, con đi sang nhà thợ giặt là nhờ cái áo. Thưa cậu, cậu có quần áo đưa không ạ?

– Quần áo hở?... Có lẽ không.

Và Thứ giơ tay lên, bĩu môi, “ồ” một tiếng, lúc lắc đầu về mặt tỏm lợm và chán nản. Chẳng có cơ gì chính đáng. Y ngồi xuống ghế. Y khẽ đập tay xuống bàn một cái, ngồi thừ ra một lúc, như chú ý một ý nghĩ gì vụt đến. Đó cũng lại vẫn chỉ là bộ điệu. Y thường có những phút thích đóng kịch một mình như vậy, chẳng để làm gì cả. Rồi y nhắc cái bút giơ tay với lấy tập vở học trò ở cạnh bàn bên trái, bắt đầu làm việc, y đặt một quyển vở trước mặt, nhìn cái bìa sách. Hoàng Thị Thu... Hoàng Thị Thu... Y vừa giở một quyển ở ngay trên cùng...

VII

San vừa về đến nhà, mới kịp ném quyển vở và cái bút xuống bàn, đã quay ra, hỏi Thứ đang nằm đọc sách ở trên giường:

– Anh đã lên nhà thằng Phong chưa?

Y cởi áo tây, khoác tạm lên vách ghế, rồi ngồi xuống ghế, lúi húi tháo giày. Thứ đặt quyển sách xuống giường. Nhưng y ngần ngừ, chưa vội trả lời. Y có vẻ như bị sách hút hết cả tâm trí rồi nên sau khi ngừng đọc, còn phải chậm chạp lờ đờ một lúc lâu. Sự thật thì y đang lưỡng lự, không biết có nên nói dối hay không, hay cứ thật thà. Thật thà thì y đã không dám bấm chuông nhà Hải Nam.

Cụ Hải Nam là một tay thầu khoán, kiêm lái gỗ kiêm chủ đồn điền, giàu có tiếng ở vùng này. Ngôi nhà đồ sộ của cụ ở đầu làng, khiến Thứ và San, mỗi lần đi qua, lại nghĩ đến dinh cơ của những vị tể tướng về hưu trong các truyện Tàu. Như thế là do lối kiến trúc một phần, nhất là do cái cổng sơn son thếp vàng, với những chữ đại tự rất to và những câu đối dài thườn thượt. Một phần nữa, do hòn núi giả, những chậu cây, những đôn sứ ở ngay chỗ cổng vào. Nhưng có lẽ cũng là còn do cái vẻ kín cổng cao tường nữa. Trong nhà Hải Nam còn đến bốn, năm cô con gái đến thì cả rồi nhưng vẫn chưa chồng. Họ chẳng làm gì mà cũng ít khi ra đến bên ngoài. Họ có vẻ cấm cung. Chính vì thế mà họ gợi ít nhiều ý nghĩ tò mò và những mơ ước rất không đâu trong đám những người nghèo mà còn trẻ tuổi. Đứa con trai út của Hải Nam, con vợ bé, lên bốn lên năm gì đó, học San. San thường hay xoa đầu bẹo má nó luôn và tản mạn hỏi nó chuyện nọ, chuyện kia. Một hôm Thứ bảo đùa San thử hỏi nó xem có thể trọ ở nhà nó hay không. Cố nhiên là San cũng chỉ coi đó là một câu nói đùa thôi. Nhưng y cứ hỏi Phong. Thằng bé ngay lòng về hỏi lại cha. Và buổi học chiều hôm ấy khi San chẳng còn nghĩ gì đến câu hỏi lúc sáng ngày, thì nó lên bàn giấy bảo San:

– Thưa thầy, thầy con bảo: mời thầy, tối hôm nay lên nhà con chơi, để thầy con nói chuyện.

San hơi sững sốt:

– Tối ấy à?... Phong có hiểu việc gì không? Thầy định hỏi gì?

Thằng bé ngẩn mặt ra một lúc, rồi hỏi lại:

– Thưa thầy, có phải sáng hôm nay thầy bảo con hỏi xem nhà có thể để cho thầy trọ...

– A, phải rồi!... Thế Phong hỏi rồi, phải không? Thầy bảo sao?

– Thưa thầy, thầy con bảo: được, tối hôm nay mời thầy lên chơi, để thầy con nói chuyện...

Tan buổi học San cố lấy vẻ mặt và giọng nói thản nhiên bảo Thứ, như bảo y một việc rất bình thường:

– Tôi hỏi được chỗ trọ cho chúng mình rồi đấy. Lát nữa, anh thủng thỉnh đi chơi lên mạn Hải Nam, tạt vào đấy, cho cụ Hải Nam nói chuyện, xem thế nào.

Thứ mở thật to đôi mắt nhìn San:

– Trọ ở nhà Hải Nam ấy à?

– Phải ạ! Cụ Hải Nam có một thằng con học chúng mình đấy ạ!

– Ai chả biết nhưng mình trọ nhà ấy làm sao được?

– Sao không được. Người ta bằng lòng rồi đấy.

– Ừ, thì người ta bằng lòng. Nhưng lương anh mỗi tháng được bao nhiêu. Anh thử hỏi thằng Mô xem! Anh nên nhớ bếp nhà người ta sáng nào cũng phải đạp xe đạp đi Hà Nội sắm thức ăn đấy nhé! Họ ăn uống như trời ấy!

– Thì mình càng sướng chứ sao?

– Sướng! Nhưng nếu họ lấy mỗi tháng ba chục đồng?

San nhăn răng ra cười:

– Thì chúng mình lại thôi, chứ gì!

Thứ bĩu mồm, chế nhạo:

– Thôi!... Nói dễ nghe chưa! Đến nhà người ta hỏi trọ rồi đến lúc người ta nói số tiền, lại thôi! Sao mà anh thôi tài thế? Tôi thì tôi xin chịu. Xin để nhường anh đi.

San biết mình đuối lý, chỉ cười nhạt, không cãi lại. Nhưng chợt y lại nghĩ ra một điều. Y ôn tồn bảo Thứ:

– Không, anh ạ... Tôi chắc người ta cũng không lấy mình nhiều

quá thế đâu! Làm gì người ta chả biết? Giáo khổ trường tư, thì giết ai ra tiền mà trả mỗi tháng ba chục bạc? Vả lại người ta thiếu gì tiền? Người ta có cho anh trọ để cầu lợi đâu? Cụ Hải Nam có vẻ rất săn sóc đến việc học của thằng Phong. Có lẽ cụ ấy cho chúng mình trọ, là nghĩ đến việc học của nó nhiều hơn nghĩ đến tiền.

– Đã đành, nhưng người ta cũng phải lấy đến đủ của người ta.

– Nhưng ngộ người ta lại muốn mời mình ở để kèm thêm cho thằng Phong ở nhà, thì sao? Rất có thể người ta không lấy đồng nào cả...

– Nhưng lại cũng rất có thể người ta đòi mỗi tháng ba chục đồng. Hà hà! Anh thật là người lạc quan!

– Thì anh cứ gặp người ta xem nào!

– Thôi để nhờ anh.

– Tôi thì còn nói quái gì! Tôi không có thì giờ. Ăn cơm chưa xong là tôi đã sửa soạn đi học rồi. Anh thì cứ thông thả độ bảy, tám giờ đến nhà người ta cũng được. Vả lại anh hơn tuổi, trông đứng đắn mà nói năng cũng đứng đắn hơn tôi, lại thạo xã giao, anh nên đảm nhận lấy việc này là phải. Tôi nói thật, chứ chẳng nịnh anh làm gì đâu!

– Tôi cũng lạy cả nón cái sự thật thà của anh!

Cả hai cười xòa. Nhưng trước khi đi học. San lại nhân lúc Thứ đứng một mình ngoài hiên gác, lại bên y, đứng đắn và khẩn khoản bảo y:

– Thôi, anh ạ... Tôi lạy anh, lát nữa anh chịu khó lên nhà Hải Nam một tí. Ở đấy thì sướng lắm. Thế nào hai chúng mình cũng được cả một buồng. Lại có điện hẵn hoi làm việc đêm tiện lắm. Mà tôi chắc người ta không lấy tiền của anh đâu. Anh có thì giờ. Anh chịu khó dạy thằng Phong nó học thêm. Người ta thấy con người ta học tấn tới thì người ta phải quý anh. Rồi anh xem! Mỗi lần nghỉ, anh muốn về quê, cụ Hải Nam sẽ sai đánh ô tô của cụ ấy cho anh về đấy. Anh nghe tôi một tí nào, chúng mình đang cần chỗ trọ. Có chỗ cho mình trọ, mà mình không trọ thì còn trọ đâu? Mà cho ngay người ta đòi nhiều tiền nữa, anh cũng không sợ kia mà! Anh cứ nhận lời, nói: Xin để cho năm ba bữa nữa rồi mình sẽ dọn lên. Ý thế rồi dăm ba bữa nữa, mình cứ lờ đi, bảo thằng Phong về nói chuyện: “Bây giờ dưới trường lại rộng rồi, hai thầy giáo ở luôn đây cho tiện...” Như vậy thì đã sao?...

Thứ nể San, vả lại y cũng không muốn tỏ cho San biết y nhút

nhát, kém ngoại giao. Xưa nay y vẫn để cho San tin rằng y linh lợi và tháo vát lại đã trải đời đã từng giao tiếp với đủ loại người và cố nhiên là phải biết nói năng hoạt bát và đĩnh đạc. Có khó khăn gì là cái việc gặp một người như cụ Hải Nam, để nói chuyện về một việc rất tầm thường như cái việc San trao cho Thứ điều đình? Vả lại còn gì thường hơn cái việc ông đốc một trường tư đến thăm bố mẹ học trò? Chỉ có vậy mà Thứ không dám đến ư? San sẽ dòm vào tận ruột y và biết thừa ra thì y cũng chẳng bạo dạn, chẳng thành thạo gì cho lắm. Y nhớ đến hai tiếng “*hãi người*” ngày xưa bà y, bố mẹ y vẫn dùng để mắng y, bởi vì y chỉ ru rú ở nhà, chẳng dám đi đâu, chẳng dám đến nhà ai, mà giá có đến chơi nhà ai cũng tìm cách lảng đi, bởi chẳng nói năng với người ta thế nào. Y đã ngấm ngấm khổ sở rất nhiều vì cái tật *hãi người*. Y cố sửa nó từ lâu. Mấy năm ở Sài Gòn, y đã cố tạo cho y một cá tính khác hẳn cá tính cũ của y. Y ra ngoài thật nhiều, tìm những cuộc hội họp, những chỗ đông người, cố ý bẻm mép, âm ỉ, trâng tráo, nghênh ngang, và luôn luôn tự bảo mình không bao giờ nên sợ lố? Y cũng chữa mình được ít nhiều. Nhưng y nghiệm ra rằng y chỉ có thể bạo dạn ở những nơi chẳng có người nào biết y thôi, hay là những khi y thuộc vào một bọn đông. Lẻ loi và ở những chỗ người ta nhìn mặt mình, y vẫn thấy nhút nhát, vụng về, ngượng nghịu, y vẫn *hãi người* như xưa. Khổ cho y là y lại biết rõ hơn ai hết đó là một cái nỗi kém cỏi, một sự đốn hèn. Và y luôn cúi kính với mình, mặt sát mình. “Ăn không nên đợi, nói không nên lời” thì còn làm được trò trống gì ở đời này? Tại sao y lại ít tự tin đến nỗi rụt rè lúng túng, tự hạ ngay cả với những kẻ mà y biết về học vấn cũng như về đức hạnh kém y trông thấy?... Ở mà còn phải nói ai, hay nói ngay cụ Hải Nam. Mặc dầu cụ là một người kiếm ra tiền được bạc muôn, mặc dầu cụ là một chủ thầu lái gỗ và cả chủ đồn điền nữa, cụ đã hẳn là một người xuất chúng chưa? Cả vùng này đều biết rằng hồi ngoài hai mươi tuổi, cụ chỉ là một cậu bồi. Cậu bồi hình như đã được lòng bà vợ An Nam của ông chủ người Âu. Thế rồi đột nhiên ông chủ chết một cách bất ngờ, bà chủ được hưởng thụ cả một cái gia tài hơn một vạn đồng. Bà lấy cậu bồi. Sản tiền, lại sản cái tài giao thiệp của bà, đôi vợ chồng mới làm ăn nên như điều gặp gió. Tiền đẻ ra tiền. Khi người ta qua được cái bước đầu, gặp đôi ba việc phát tài rồi, thì nhìn như cái chuyện làm giàu không phải là chuyện khó. Người ta nói ra tiền, ngồi chơi cũng ra tiền. Tiền đến một cách rất tự nhiên, chẳng cần tốn một tý mồ hôi, nhiều khi cũng chẳng cần đến cái tài

suy. tính, xếp đặt của con người nữa. Nó đều như máy vậy. Có giới giang tài cán gì cho lắm? Nói về học thì Cụ Hải Nam chỉ đọc nổi chữ quốc ngữ thôi. Nói đến tài thì có lẽ tất cả cái tài của cụ Hải Nam là đã quyển rũ được một mụ đàn bà giáo quyết, lẳng lơ. Nói về đức hạnh thì cụ lại càng đáng khinh bỉ lắm: quay phắt, lừa lọc, tàn nhẫn, phụ bạc, dâm dăng... Cụ có thừa. Bây giờ thì tuổi già đã đến rồi. Những ham muốn, cùng với sức lực, mòn đi đã nhiều rồi. Cụ đã thành một ông già điềm tĩnh, đạo mạo, gần như thể hiện lành, công việc mặc các con, ngày ngày hưởng cái thú an nhàn với mấy cây cảnh, mấy chị hầu non và lũ con, lũ cháu. Người ta sẵn lòng quên cho cụ những cái bất lương của cái thời sôi nổi ngày xưa. Tiền của, mấy người con làm nên, cũng như mái tóc bạc như tơ, đã khiến người đời nhìn cụ bằng những con mắt kính cẩn hơn. Cụ giao du toàn với những người mặt lớn, tai to. Nhưng có phải vì thế mà cụ đột nhiên thành một vĩ nhân mà mỗi khi tới gần Thứ phải hồi hộp, phải tái người, phải run rẩy và khép nép, cố làm cho mình nhỏ đi đâu? Thứ phải biết trọng mình. Y phải tự bảo y rằng: với cái học, cái nhân cách, cái nghề nghiệp cao quý của y, y rất có thể ngược mặt nhìn mặt cụ Hải Nam hay bất cứ ai một cách đàng hoàng, không có lý gì phải sợ người ta cả. Y sẽ đến nhà Hải Nam... y mới định thế thì cả một cái mộng phong lưu đã từ từ diễn ra qua khối óc y. Y tưởng tượng ra, theo những mơ ước ngấm ngấm của lòng y, căn phòng xinh xinh y sẽ ở với San... Những bữa điểm tâm, bồi đem vào tận phòng riêng. Những bữa ăn trưa, ăn chiều với cả gia đình cụ Hải Nam, hay là dễ chịu hơn, với những người trẻ tuổi thôi... Nhưng buổi chiều ngồi uống trà ở ngoài hiên, nhìn xuống mặt hồ... Những câu chuyện thân mật và dí dỏm, ngâm thơ của những cô con gái cấm cung... Những cái mùi soa do họ thêu giùm... Những bó hoa do họ đem vào... Những buổi tối có trăng cùng họ dạo chơi hay đùa nghịch ở trong vườn... Những ngày nghỉ cùng họ diện xe hơi đi thăm các đồn điền của cụ Hải Nam... Và cố nhiên, cả một cuộc luyến ái với một hay hai, ba cô trong một lúc... Nhưng nghĩ đến đây thì Thứ lại phải sực nghĩ đến Liên. Lòng y nguội lạnh ngay. Cả một đoàn người gầy guộc, xanh xao, rách rưới, lồi thối: bà, mẹ, các em... lại hiện ra. Thứ thấy mình đã ích kỷ, đã đê tiện, đã hèn. Y lại thấy cả rằng y đã quá viễn vông trong những mộng của y. Cụ Hải Nam và những con cháu cụ có bao giờ sẽ trọng y đến thế không? Họ chỉ là những kẻ giàu, rất hợm của, rất khinh người. Họ sẽ đánh giá y bằng những quần áo, đồ đạc của y và sẽ

khinh y. Và lại y sẽ vui lòng đóng cái vai con nhà giàu, ăn chơi và phù phiếm thế ư? Không! Y phải biết trọng y. Những hạng người như y phải nhận chân lấy cái giá trị của mình. Họ có quyền được tự kiêu. Bởi vì cái giai cấp của y, cái giai cấp cần lao, chỉ hơn người ở cái chỗ được tự hào rằng mình hoàn toàn sống bằng sức làm việc của mình và được quyền khinh tất cả những cái gì không phải là mồ hôi, nước mắt... Thứ thấy mình bình tĩnh hơn, vững dạ hơn. Thấy y có quyền khinh cái giàu sang của cụ Hải Nam. Y khinh cả bọn con gái cấm cung và chỉ vừa lúc này đây y đã ước mơ. Liên còn đáng yêu hơn, đáng quý hơn nhiều. Cái lối sống trong nhà cụ Hải Nam không hợp với y. Vậy thì y còn đến nhà cụ làm gì nữa?

Tuy nghĩ vậy, mà vào khoảng tám giờ, y vẫn mặc quần áo ra đi. Có lẽ chỉ để có thể trả lời San rằng y đã có đến nhà cụ Hải Nam. Y định rõ ngay từ nhà cái thái độ của y. Y sẽ mềm mỏng nhưng mà không tự hạ, nhũn nhặn nhưng không để người ta có thể hiểu lầm y là một anh chàng xu nịnh khúm núm trước cửa quyền, lễ phép nhưng không dùng cái giọng của một người bề dưới. Nghĩa là y sẽ đối đáp với cụ Hải Nam như một kẻ ngang hàng nói với một kẻ ngang hàng. Y sẽ kính cẩn, bởi vì, cụ là một người già. Nhưng nếu cụ lại cứ tưởng cụ là to, khinh y là một anh giáo quyền trường tư, chẳng qua như những thầy ký cụ thuê, mà dùng cái giọng kẻ cả với y, thì y sẽ khinh khỉnh lại ngay mà liệu cách tỏ cho cụ biết tuy y nghèo rớt mồng tơi nhưng chẳng thèm quy lụy thằng nào và có thể quay mông đít vào mặt những thằng giàu hợm hĩnh và lên mặt. Y nghĩ như vậy. Nhưng mới bước chân ra đến đường, tim y đã bắt đầu đập mạnh rồi. Lạ quá! Y thừa biết rằng cụ Hải Nam không thể đánh y, cũng không thể bỏ tù y. Thế mà y vẫn như sợ sợ. Y biết trước rằng lúc cúi chào cụ Hải Nam, thế nào mặt y cũng tái đi và tiếng nói y cũng run run. Mà như vậy thì cụ Hải Nam sẽ cười thâm y mất... Y thở hít mấy hơi dài để trút cái cảm giác nặng nề đang đè ở ngực y. Phở vẳng câm. Trời tối. Dân thợ thuyền cần dậy sớm đã tắt đèn đóng cửa nhà họ cả rồi? Con đường nhựa, dưới vòm cây tối đen thăm thẳm, như một dòng sông chảy trong hang. Thứ lủi thủi đi, chẳng trông gì, và cúi đầu nghĩ ngợi. Y nghĩ sẵn những câu để đối đáp với cụ Hải Nam. Đến khi ngẩng đầu lên, y ngơ ngác nhìn quanh và nhận ra mình đã đi qua nhà Hải Nam một quãng rồi. Y khẽ cười nhạt và quay trở lại. Tim y bắt đầu đập mạnh. Những bước chân y tự nhiên ngập ngừng, chậm chạp hơn. Đến trước nhà Hải Nam, y vẫn không ngừng lại, chỉ nhìn

vào. Cổng đóng rồi. Một chút ánh sáng lọt qua các khe, các lỗ hở, không đủ chia ra đường. Cái cổng lù lù, trông hiu quạnh và vắng lặng như một cái cổng thành cổ vào một giờ khuya khoắt lắm. Thứ sinh ngờ cái đồng hồ ở nhà mình. “Có lẽ muộn rồi, không phải mới tám giờ”. Y nghĩ vậy và thấy người nhẹ hẫng đi. Y toan đi thẳng về nhà. Nhưng mới được mấy bước, y đã lại tặc lưỡi, ngoặt lại, bước hẫng lại cổng nhà Hải Nam. Y trông thấy cái bấm chuông rồi, nhưng chưa vội bấm chuông. Y ghé mắt vào khe cổng, nhòm vào và bỗng giật mình: Có ai đứng sừng sững nhìn ra cổng. Nhưng không phải, đó chỉ là một pho tượng lớn, một pho tượng đàn bà khỏa thân. Thứ hơi nóng mặt lên. Y quay ra, nhìn ngược, nhìn xuôi như sợ có một người nào đi tới, bắt gặp y. Rồi y lại nhòm ra. Y nín thở, như làm một việc gì vụng trộm. Người mỹ nữ uốn éo cái thân hình lỏa lồ dưới ánh đèn xanh dịu giữa những chậu cây; đôn sứ ngang hàng với hòn núi giả. Thứ lấy làm lạ rằng tận đến bây giờ y mới biết có vật ấy ở đây mà ngay giữa cổng vào! Thì ra chưa bao giờ y dám nhìn lâu, nhìn thẳng vào ngõ nhà Hải Nam. Y chỉ liếc qua. Muốn giữ vẻ nghiêm trang nhà giáo của y, thường thường y vẫn đi ngoài phố mặt ngay đơ, đôi mắt nhìn thẳng về đằng trước. Qua nhà Hải Nam càng thấy phải làm ra thế... Thứ nhìn rất tò mò, hồi hộp. Mới đầu lòng y bị xôn xao lên. Nhưng những cảm giác xôn xao chìm xuống dần dần. Sau cùng, Thứ buồn buồn thì đúng hơn. Ánh đèn xanh tỏa xuống, hiu hắt lạnh lùng. Những cây cảnh, trong giấc ngủ, rầu rầu. Cả đến hòn núi giả cũng rầu rầu. Đằng sau tất cả những cái ấy, cái lối đi vắng ngắt chạy dài mãi vào trong. Đằng trước dãy cửa to, cửa nhỏ đóng cả rồi, như ở một cái nhà thường. Vắng lặng, một con tắc kè kêu. Thứ tưởng như một tiếng chuông réo, sẽ âm ỹ lắm, giữa sự quá im này. Y sẽ làm người ta phải ngạc nhiên, phải xôn xao, như tiếng kêu báo động, giữa đêm khuya, trong một đồn binh. Y sẽ làm rộn người ta lắm. Y nhìn lên cái bấm chuông, do dự. Y không bấm. Y quay ra, đi về...

Bây giờ y sẽ nói với San thế nào đây. Y giụi mắt, ậm ừ. San chợt đoán ra, cười nhạt hỏi y.

– Anh lại chưa lên, có phải không?

– A!... Lên rồi chứ!...

Giọng Thứ khàn khàn, ngần ngại, không có vẻ tin mình lắm. San ngờ vực. Y hỏi, để cho Thứ có thể gỡ mình:

– Cụ ấy đi vắng, có phải không?

Thứ vẫn ngân ngữ:

– Tôi không biết.

San cười xì ra lỗ mũi có vẻ không bằng lòng:

– Thế là cái quái gì? Chẳng thà anh cứ nói phất ngay ra anh chưa lên nhà cụ ấy.

– Tôi lên rồi.

– Hừ!

– Nhưng không vào.

– Thế thì nói làm gì? Thà anh cứ nằm kênh ra ở nhà mà đọc sách, đi làm gì cho mất thì giờ! Lên mà không vào thì lên làm gì?

San gay gắt, Thứ cười xin lỗi:

– Tôi thấy người ta đóng cửa rồi.

– Anh ngốc! Nhà người ta lúc nào không đóng cổng. Mình bấm chuông chứ lại...

– Ấy, thì tôi đã tạt vào, toan bấm. Nhưng nhìn vào trong thấy im lặng quá. Im như họ ngủ rồi...

Y ngấp ngừng một chút, rồi thêm:

– Với lại... Nói thật ra, thì tôi cũng không thích trọ nhà Hải Nam.

Y viện những lý lẽ của y ra. San chẳng buồn nghe, y chỉ bảo:

– Vậy thì thôi! Chẳng đi đâu nữa là xong chuyện!

Y quay vào bàn, giở sách kê soạn soạn. Y cúi lẩm. Thứ cúi mặt ngượng ngịu và hối hận. Y cũng hơi cúi nữa. Y muốn văng lại San. Nhưng nín được. Muốn lấy lại vẻ tự nhiên, y lại nằm xuống, cầm sách, làm như đọc. Y không đọc. Y ngẫm nghĩ. Càng ngẫm nghĩ càng thấy tức với mình, tức với San. Y hậm hực mãi, và sau cùng thấy cần phải mạt sát một người nào. Y mạt sát cụ Hải Nam.

– Cái lão già thối đến thế là cùng! Thối nát đến thế là cùng! – Đặt một tượng khỏa thân trơ trẽn bên cạnh một hòn non bộ! Chửi mỹ thuật! Khiêu dâm! Đểu cáng! Tự nhiên tôi có những ý nghĩ không tốt về lũ con gái cấm cung nhà nó. Chắc chúng nó phải có cái tâm hồn hư hỏng, đĩ thõa, dâm dăng ngấm ngấm, ghê gớm lắm. Đã ăn không, ngồi rồi, tắm bố nhiều mà lại ở trong một cái hoàn cảnh thối tha đến thế!...

San mỉm cười:

– Chó sói và giàn nho.

Lòng tự ái của Thứ găm lên:

– Nho! Nho gì? Nho thối ấy à?

San vẫn mĩa mai:

– Thì cố nhiên! Thối bởi vì cao quá.

– Anh nói đúng. Quá khứ như thế thật: Thối chính vì cao quá.

San vỗ tay xuống đùi cười hô hô:

– Phải rồi! Tôi biết mà!

Y khoái chí vì tưởng Thứ ngỡ ngẩn không hiểu y mĩa mai. Nhưng Thứ vừa xoa tay, vừa cố nói lấp tiếng cười của San đi:

– Im đã nào! Anh dốt lắm. Anh để tôi cắt nghĩa cho anh hiểu.

– Tôi hiểu rồi! Những quả nho chín quá, chín rành rành ra đây rồi, không còn chề xanh vào đâu được. Bởi thế cho nên anh chàng chó sói đành phải chề là thối. Và San lại cười to hơn. Không cãi lại cái mồm bô bô của thằng cha ấy được! Thứ đã kinh nghiệm nhiều lần, biết thế. Y đành để cho San cười chán rồi mới bảo:

– Nói với anh, tức lạ! Anh đã không hiểu gì, lại hay đánh trống lấp, không để cho người ta nói. Tôi bảo chúng nó thối nát chính vì cao quá, là có suy nghĩ, chứ chẳng phải nói liêu. Tôi hỏi anh: tại sao con gái nhà quê ít hư mà phần nhiều chỉ con gái nhà giàu ở tỉnh thành mới hay hư?

Đột nhiên, mặt San đổi khác. Nụ cười trở nên gượng gạo rồi nhạt hẳn. Đôi mắt nhìn xuống, có vẻ như suy nghĩ. Một thoáng sau, chúng lại ngược lên, nhìn thẳng vào mặt Thứ, với một vẻ rụt rè, nửa như chế nhạo. Y không bô bô nữa. Bằng một cái giọng nhỏ nhẹ nhưng gãy gọn, y hỏi Thứ:

– Anh có chắc con gái nhà quê ít hư không?

Nét mặt Thứ cũng đột nhiên biến đổi. Đôi mắt Thứ lúng túng tránh cái nhìn của San. San lại tiếp:

– Như chính vợ mình chẳng hạn?

Thấy Thứ nong nóng ở tai. Mặt y đã đỏ rồi chẳng? Y không ngờ San có thể bắt nhả với y như vậy. Y tức run người. Cả chuyện xưa lại trở về trí nhớ y, rõ rệt như mới xảy ra hôm trước.

Y thấy y vừa mới qua một trận ốm dài, đang dưỡng bệnh ở nhà quê... Một buổi chiều, San đến thăm y... San ngập ngừng khuyên y nên cưới vợ ngay đi...

– Tại sao? – Thứ tái mặt và hỏi vậy. Đôi mắt nảy lửa.

– Bởi vì... bởi vì... – San cúi mặt và bỏ tiếng ta, dùng tiếng Pháp – Người ta lừa dối anh...

Thứ choáng váng người. Y có cảm giác như chỉ còn cái đầu y là nặng, còn tất cả người y đều nhẹ bổng; y bấp bênh ở trên không; mọi vật quay lộn, chập chờn; y hoa mắt, chẳng còn nhìn gì rõ. Nhưng lòng y vẫn sáng suốt như thường. Y vẫn đủ sáng suốt để hỏi San, ép San phải nói, và nghe hết đầu đuôi câu chuyện. Cũng chẳng có gì nhiều. Liên có tình với một thằng công tử bột ở trong làng, một thằng mà sự kém người chồng chưa cưới của Liên về đủ mọi phương diện đã rành rành, một gã con trai lêu lổng và bịp bợm. Chúng thường đánh bạc với nhau, đùa bỡn với nhau tại nhà một người anh rể, Liên cho tiền nó luôn luôn. Và trong một đám hội rất đông người, Liên đã dám công nhiên ném một cái quạt mới mua cho nó... Thứ tưởng như mình có thể chết ngay hoặc điên người. Y đã xao xác suốt một đêm, khóc suốt đêm. Y đã nghĩ rằng, nguyên rủa rất nhiều ngày. Rồi rất nhiều ngày, y đã tự vò xé lòng mình một nỗi băn khoăn khổ hơn tất cả những nỗi khổ của lòng người ta gọi là bán tín bán nghi. Y đã cầu cho Liên đủ mọi nỗi khổ, nỗi nhục ở trên đời. Y đã ao ước chính y có thể cầm dao mà giết chết Liên. Ấy thế rồi lại vẫn cưới Liên, ngay sau đấy ít lâu. Chỉ vì y vẫn còn thấy yêu Liên mà bà và bố mẹ y thì quyết bắt y cưới Liên cho bằng được. Sau ngày cưới, được gần gũi Liên, biết tính nết Liên, dần dần nhận ra rằng Liên không thể là một người như y vẫn ngờ, tất cả câu chuyện của San không đúng một phần nào. Y đem những bằng chứng ấy, hỏi lại San, San cũng nhận rằng câu chuyện của mình sai, nhưng lại dùng những câu nói lấp lửng, nhưng về mặt nước đôi để tỏ mình nhất định không tin Liên vô tội. Đôi bạn giận ngầm nhau vì đấy. Riêng về phần Thứ, mỗi lần phải nói chuyện vợ mình ở trước mặt San, y vẫn khổ tâm: đối với San thì vợ y chả là một cái nhục của y đó ư? Có lẽ San cũng hiểu thế, nên từ ngày ở chung với Thứ, chưa một lần nào y hỏi thẳng Thứ về chuyện vợ con. Một đôi khi có vô tình chạm đến vết thương lòng của Thứ, y lại phải vội vàng lảng sang chuyện khác ngay. Sao lần này y lại chột giở chứng, sỗ sàng đến thế?...

Thứ không nhìn San, đáp:

– Vợ chúng mình có hư, cũng còn bằng bốn cô con gái nhà giàu chỉ biết ăn rồi đánh phấn, tô môi, ướm hết quần áo nọ đến quần áo kia, ra đường thì khoác tay với những kếp ôm đàn tây, chải đầu sùng, ở nhà thì chỉ ve vẩy đi ra lại đi vào, không nằm ghé xích đu đọc tiểu thuyết tình thì lại soi gương uốn éo, uốn cái ngực, ngoáy cái mông, hay nhún nhảy vừa hát tây vừa khiêu vũ. Vợ chúng mình có hư cũng còn biết nuôi con và nếu không bận bịu vì con thì cũng còn kiếm nổi miếng mà ăn, chẳng chịu phải bám mình vào kẻ khác.

Y đã phải cố làm ra vẻ bình tĩnh, ôn tồn. Sự tức giận vẫn còn rung lên trong tiếng nói. San nghe chăm chú lắm. Y vặn Thứ:

– Thế sao trong mười gái trụy lạc thì có đến chín người là gái quê, gái nhà nghèo?

– Anh bảo thế nào là trụy lạc?

– Cô đầu, gái nhảy, gái giang hồ chẳng hạn, những kẻ sống về nghề son phấn.

– ... Chứ không nhờ sức làm việc của đôi tay hay của khối óc mình mà sống. Nếu như vậy thì chẳng cứ gì cô đầu gái nhảy, gái giang hồ mới trụy lạc, phần nhiều lại toàn là con hay vợ nhà giàu cả. Vợ, con nhà nghèo phải làm việc mới có ăn, mà khi người ta còn làm việc, khi người ta chỉ kiếm ăn bằng sức làm việc mà thôi, thì gọi người ta là trụy lạc làm sao được?

San ngáy mặt ra, lẳng lặng nhìn Thứ một lúc lâu. Nói rằng nhìn, nhưng thật ra thì đôi mắt y vắng cái nhìn. San đang mải nghĩ gì. Một lúc sau y mới lại hơi mỉm cười bảo Thứ:

– Thế thì chắc anh thích nghèo?

Thứ chua chát, hỏi:

– Anh chưa nghèo bao giờ hay sao?...

Và y tiếp:

– Nếu anh đã nghèo qua một vài lần thì ít ra anh cũng phải biết rằng cái nghèo chẳng có ích cho ai. Nó làm tiêu mòn sức lực, héo hắt tâm hồn. Nó khiến người ta thành bủn xỉn, nhỏ nhen, ích kỷ, sát bờ đất. Nó tạo nên thành những con người nô lệ.

San lại cười hở cả lợi, kêu lên:

– Thế thì có trời hiểu anh muốn gì! Giàu thì anh chê là trụy lạc. Nghèo thì anh chê là ích kỷ, nhỏ nhen, nô lệ. Vậy thì ý anh thế nào?

– Rất rõ ràng. Tôi chỉ yêu sự làm việc và những người làm việc mà thôi. Theo ý tôi thì phải diệt cho hết những kẻ ngồi không, hưởng những thức của kẻ khác làm ra mà chẳng làm ra được cái gì. Ai cũng phải làm, ai làm cũng phải được no đủ, tự do, mà chỉ những ai làm mới được no đủ, tự do.

– Lại cái thuyết mọi khi của anh! Nhưng này! Tôi hỏi thật anh... Chúng mình hãy gác cái nghĩa hai chữ hư hỏng theo cái nghĩa chính đáng chúng mình thường hiểu. Chỉ nói theo cái nghĩa thông thường của mọi người thôi. Nghĩa là... nói trắng ngay thế nào cho tiện: có bao giờ anh nghĩ rằng trong khi chúng mình đi vắng thế này, vợ chúng mình ở nhà có thể có ngoại tình không?

Thứ ngạc nhiên nhưng cố làm ra vẻ lạnh lùng:

– Chưa bao giờ tôi nghĩ thế bởi vì tôi không hay nghĩ lôi thôi đến những câu chuyện ấy làm gì. Nhưng tôi tưởng sự ấy cũng là thường.

– Nghĩa là có thể xảy ra được lắm, phải không? Ồ, thế bây giờ tôi lại hỏi anh thế này; không có gì, nhưng tôi chỉ nói thí dụ thôi đấy nhé, thí dụ bây giờ đột nhiên anh nghe tin vợ anh ngoại tình thì anh nghĩ thế nào?

Thứ thấy nhói trong tim một cái và đột nhiên khó thở. Nhưng y vẫn cố thản nhiên:

– Chẳng nghĩ thế nào.

– Không, tôi không nói rằng anh nghĩ đến sự bỏ vợ, hay đâm chết vợ, hay tự tử, hay bỏ nhà đi. Chúng mình có con rồi. Chúng mình nghĩ đến con... Tôi chỉ hỏi anh xem anh có cái không? Cái sông thôi...

– Tôi tưởng chả có gì đáng cái. Theo ý tôi, thì cái việc kia cũng chỉ là một nhu cầu sinh lý như ăn uống như tất cả những nhu cầu sinh lý khác. Nghĩa là tự nhiên và rất bình thường. Có cái gì đáng cho mình để ý quá đâu? Khi người ta đói quá.

San không cãi. Nhưng nét mặt y, nhất là đôi mắt lững lờ, chẳng có vẻ gì tán thành ý Thứ. Tuy vậy, sau một thoáng ngập ngừng y cũng bảo:

– Tôi thì tôi cũng nghĩ như anh vậy. Nhưng tôi tưởng khi mình gặp cái thằng nó chim được vợ mình, thế nào mình cũng hơi khó chịu.

Có như vậy thật. Hơn thế nữa. Tất cả những ý nghĩ táo bạo Thứ

vừa đem ra, có phải là những ý nghĩ thật của y đâu. Nói cho đúng thì có lẽ đó là những ý mà y vẫn muốn theo, nhưng chưa bao giờ đã có thể bắt lòng theo. Lấy lý trí mà suy thì cái việc vợ ngoại tình thật không đáng cho chồng đau đớn, ghen tuông, nhưng Thứ vẫn thấy mình đau đớn, ghen tuông, ngay từ lúc mới nghĩ đến sự ngoại tình. Y làm bộ không quan tâm, chỉ vì tự ái mà thôi... Nhưng tại sao hôm nay San lại thắc mắc về cái vấn đề ngoại tình như vậy? Một ý ngờ vụt đến trong óc Thứ. Y nhìn soi mói San, San cúi mặt. Và Thứ vụt nhớ lại cái buổi chiều San hấp tấp về quê, câu nói nửa kín nửa hở của y, sự thay đổi tính nết... những đêm không ngủ hay ngủ rồi mà buột miệng rên lên... sự tiêu tiền phung phí hơn khi trước... A! Hẳn là San đã có điều gì bất mãn về vợ y đấy. Thứ lại nhớ đến một câu San báo Thứ mới cách đây có mấy hôm: “Anh có cách gì cho tôi đi thật xa không? Hay là gần cũng được, nhưng cần một chỗ nào, nếu tôi định giấu thì nhà không thể nào biết được...”. Và Thứ chợt nhận ra rằng San có vẻ bị nỗi đau đớn ngấm ngấm nung nấu đã nhiều: đôi mắt thâm quầng, da xám như gio, cái nhìn mệt mỏi và đờ đẫn... Chuyện gì mà San đến nỗi phải ốm người đi như vậy...

Sự im lặng đã gần như trở nên khó chịu. Chợt tiếng những bước chân nặng nề lên thang gác, cho đôi bạn một cái cơ để quay ra. Mô lên để mắc màn. Tuy đi trên gác và căn gác chẳng rộng gì, nó cũng bước những bước bình bịch, hùng dũng như những bước của nhà binh. Sàn gác bị rung. Cái tủ bị rung theo và những cái cốc, chén để trên mặt tủ, chạm vào nhau, kêu lách cách. Thứ thấy ở Mô một cái gì trẻ, mạnh và đẹp lắm. Người nó ngay ngắn, đôi vai rộng, cái ngực vạm vỡ nhô ra. Cái vui rạng rỡ trên nét mặt hơi ngơ nghếch, nụ cười hồn nhiên nở trên môi, nó có vẻ kiêu ngạo vì cái tuổi hai mươi và cái thân hình lực sĩ của mình...

San hỏi nó:

– Mà chưa về nhà mà kia à? Gan thật! Tao chịu mà!

Nó tủm tỉm cười:

– Thưa cậu sao kia ạ?

– Có vợ mà đến bây giờ vẫn chưa cần về.

Nó toét mồm cười hi hí, như xấu hổ:

– Thưa cậu, có cần gì cái nhẽ đó? Con thiết tưởng làm giai, về cái đường vợ con, chẳng nên ham mê lắm.

– Thế mà lấy vợ làm gì?

– Ô thưa, thưa cậu, thế chẳng nhẽ làm cái thằng con giai mà lại không có vợ? Người ta lấy vợ cả thì con cũng phải lấy, chứ con có cần gì đâu!

– Úi chà!...

Mô cười hừng hực. Thứ và San mỉm cười. Thứ dậy, tránh ra ghế, để cho Mô mắc màn.

San bỗng nảy ra một ý. Y hỏi Thứ:

– A! Thôi thế này, anh ạ... Chúng mình bảo ngay thằng Mô nó bảo bà cụ nhà nó cho chúng mình trọ... Có được không Mô?

– Thưa cậu, nhà lá hai cậu ở sao được?

– Được, nhà gì cũng được. Ở nhà quê chúng mình, tao cũng vẫn ở nhà lá đấy chứ nhà gạch đâu?

– Nhưng thưa cậu, nhà chật lắm. Với lại bà con với nhà con đi làm cả, ai cơm nước hầu các cậu?

– Đi làm thì bà cụ nhà mà với vợ mà cũng phải ăn cơm chứ! Bà cụ ăn thế nào thì chúng tao ăn thế. Cả nhà ăn cùng một mâm...

– Thưa cậu, thế thì coi không tiện.

– Sao không tiện?

– Vâng, nhưng nhà chật lắm! Chỉ vừa kê được hai cái giường: một cái của bà con, một cái của vợ chồng nhà con.

– Mặc kệ mà! Mà làm sao được thì làm!

– Thưa cậu cái ấy xin để tùy hai cậu chứ con biết làm sao được?

– Thế mà bảo chúng tao ở đâu bây giờ?

– Hay là hai cậu lại thuê nhà?

– Ừ, thuê nhà cũng được, nhưng còn ăn thì sao?

San vẫn thế, rồi tự trả lời:

– Tao bảo này!... Mà xem có cái nhà nào rộng rộng, đủ cho bốn năm người ở, thuê một cái, rồi bảo bà cụ nhà mà dọn đến cho chúng tao trọ với. Chúng tao chịu cả tiền nhà cho. Thế là được chứ gì?

– Vâng, cậu cứ để con bàn với bà con xem.

San cố ép:

– Chẳng phải bàn gì nữa. Chúng tôi mặc cậu! Cậu làm sao cho chúng tôi có chỗ ở, chỗ ăn thì làm!

– Không đâu ạ! Thưa cậu, con đã biết đâu mà dám nhận?

– Mặc cậu! Mặc cậu! Chúng tôi không biết...

– Thưa cậu!...

San vừa lắc đầu, vừa xua tay, vừa nhắm nghiền hai mắt, nhất định không nghe gì khác nữa. Mô động mở mồm chực cãi, San đã vội vàng nói lấp đi, không cho cãi. Mô đành cười...

VIII

Thứ và San cho việc ép Mô xếp chỗ ăn, chỗ ở cho họ chỉ là chuyện đùa. Không ngờ Mô lại để ý nhiều. Cố nhiên không phải chỉ vì muốn tận tâm với hai cậu mà thôi. Còn vì lợi ích riêng của nó. Nó hỏi họ rất kỹ càng về việc tiền nong...

– Thưa hai cậu, hai cậu định tìm người thổi cơm tháng cho hai cậu thế thì mỗi tháng hai cậu định cho như thế nào?

Thứ nhường việc tính toán ấy cho San. San chả đã làm nội trợ mãi rồi đấy ư? Y tất phải hiểu rõ hơn Thứ, mỗi tháng hai người sẽ tiêu thụ hết mấy đồng bạc gạo, mấy đồng bạc thức ăn, mấy đồng bạc mắm muối, nước non, củi lửa... Y cười bảo:

– Tính thì biết thế nào mà tính? Chúng mình có đi chợ đâu mà biết? Cái ấy thì cứ để thằng Mô nó hỏi bà cụ nhà nó cho.

– Không, hai cậu định cho như thế nào thì cứ bảo, để con còn phải tính...

Mô bảo thế. Và nó nói trắng ra như thế này:

– Chẳng giấu gì hai cậu... Bà con cũng già rồi. Đi xe cát thì kể cũng kiếm ăn được, nhưng vất vả. Giá nhận thổi cơm cho hai cậu được thì con bảo bà con ở nhà cho nhân thân một chút. Rồi bà con cũng buôn vài thức quà bánh, hoa quả ra cột đèn ngói, để kiếm thêm mỗi tháng vài đồng. Miễn sao đủ một mình bà con ăn, không phải ăn vào tiền nhà con đi làm...

Thế nghĩa là bà cụ nhà nó sẽ làm một việc buôn bán vặt. Có lợi thì làm. Không có lợi thì cụ đi xe cát. San biết thế thì sẽ xót ruột cho mình lắm, mà rút lại thì không tiện, nên hỏi Thứ:

– Anh nghĩ thế nào?

Thứ nhún vai:

– Tùy anh... Tôi biết gì.

Y có vẻ bực mình. Hình như y muốn bảo: “Anh khỏe bởi chuyện ra thì bây giờ anh liệu lấy!...”. Liệu, tức là từ chối hay trả rẻ, để cho

thằng Mô khinh và cười thầm mình trong bụng. Hay là trả thật đắt, cho vừa lòng nó, rồi có buốt ruột thì cố cắn răng lại mà chịu, chẳng còn trách ai được nữa. San làm thì y chịu, Thứ không dự gì vào đấy! Không những thế, Thứ còn có quyền oán San...

San cười nhạt bảo Mô:

– Tao tưởng bà cụ nhà mày có thể vẫn đi làm cũng chẳng phiền gì.

– Thưa cậu, thế thì ai thổi cơm cho?

– Lúc trưa về... Khi nào nghỉ làm, hãy thổi cơm.

– Nhưng thường thường trưa bà cụ nhà con lại không về, thổi cơm ăn ngay ở bờ sông. Xa thế mà những đi cùng về thì hết ngày chứ còn gì?

– Thế vợ mày?

– Nhà con thì nó về đấy, nhưng về muộn lắm. Vả lại đi chợ vào lúc nào được? Mà không đi chợ thì lấy đâu ra thức ăn? Mà ngay có gửi được thức ăn cũng không kịp thì giờ mà nấu nướng.

– Thức ăn thì cần gì? Miễn là có cơm thì được. Chúng ta không đòi thức ăn đâu mà sợ.

– Thưa cậu, cậu thì cậu nghĩ thế, chứ chúng con thì lại phải nghĩ khác. Đã nhận cơm nước cho hai cậu thì phải dọn cho ra hồn một mâm cơm.

– Không ra hồn cũng được. Chúng ta bằng lòng chỉ ăn cơm không thôi kia mà!

– Thưa cậu, thế thì hai cậu cần gì phải đi đâu cho tốn tiền? Hai cậu cứ ở đây. Ở đây cũng có cơm rau chứ gì!

Mô cười, nhưng cái cười chẳng được tươi cho lắm. Khi nói câu vừa rồi, cái cổ nó gân lên. Nó có vẻ nghiễm thâm San: “Muốn ăn ngon nhưng lại không muốn mất tiền”. San đỏ mặt, hất tay một cái, nói như người giận dữ:

– Thôi! Thế này này... Chẳng nói lời thôi gì nữa... Lương tao mỗi tháng chỉ có mười hai đồng bạc đấy thôi. Tao đến tiêu hết cả mười hai đồng là cùng thôi, chứ gì?

Mô chẳng nói sao. San ngừng một lúc, rồi lại bảo:

– Mỗi tháng, mỗi người chúng tao đưa chục bạc. Hai người hai chục bạc.

Mô ngậy mặt ra, như nhấm tít:

– Hai mươi đồng thì tiền nhà đã mất độ bốn đồng rồi...

San tiếp thật nhanh:

– Với vài đồng tiền lật vật, nghĩa là còn độ mười bốn đồng tiền ăn cho hai người.

Mô ngẫm nghĩ một lúc rồi chợt hỏi:

– Hai cậu định cho mười bốn đồng nguyên tiền ăn, có phải không?

– Phải rồi.

– Vâng biết vậy. Thế thì thế này này: Con nhận thối cơm thôi. Còn mọi thứ, nhà cửa, giặt dĩa, dầu đèn... mặc hai cậu cả.

– Được rồi! Mà cứ lấy mỗi tháng mười bốn đồng, còn mặc chúng tao. Nhưng phải tìm cho chúng tao cái nhà.

– Vâng, nhưng ấy là con mới nhận tạm thế thôi, chứ chưa dám nói chắc với hai cậu. Để con còn hỏi lại bà con đã...

Thứ, và có lẽ cả San, thậm mong cho bà mẹ vợ nó không bằng lòng nhận. Nhưng hình như mẹ con nhà nó đã bàn đi bàn lại, trù liệu đầu vào đấy cả rồi. Nó chỉ còn đòi cho biết số tiền. Số tiền xét ra có thể nhận được rồi, lập tức nó đi hỏi nhà cho San và Thứ. Ngày hôm sau, nó bảo:

– Con thuê được nhà rồi đấy. Có ba đồng một tháng. Tối hôm nay, mời hai cậu xuống xem.

Cái nhà ở thụt vào mãi trong làng. Từ ngoài đường nhựa có một cái ngõ gạch đi vào. Ngõ vào đến nhà ấy vừa cùng. Nhưng vòng về phía sau nhà, một cái ngõ khác trũng hơn, kê một đầu lên cái ngõ kia và chạy sang tận mặt kia làng, vắt hai sợi râu đỏ của nó lên cái sườn xanh rì của một con dê lớn. Cái lối đi bẩn thỉu và rác rưởi! Lẫn rác mục, lá khô phủ trên mặt, dày đến nỗi người ta đi thấy lún chân. Thứ và San đã đi qua đấy một vài lần, nhưng chưa bao giờ trông thấy cái nhà, có lẽ chỉ vì đến đây họ còn mãi chăm chú nhìn mặt đất để tránh những thứ dơ bẩn nhan nhản ở lối đi. Vả lại cái nhà liền sát một cái chuồng ngựa đua to, ở đầu trong. Cái chuồng ngựa với những con ngựa cao lớn, nở nang, chải chuốt và kiêu hãnh như bộ binh phục mới, những con ngựa thở phì phì và đập chân kêu bôm bốp, choán hết cả sự chú ý của người ta. Người ta chỉ trông thấy cái chuồng ngựa mà thôi. Nó nuốt hết cái nhà. Đứng bên ngoài mà trông, ai cũng tưởng cái nhà là một phần chuồng ngựa.

Dừng lại trước cái cổng thấp lè tè đục ngay vào một bức tường sau. Thứ hỏi San:

- Thế ra chỗ này cũng còn một cái nhà ư?
- Tôi cũng không ngờ đấy.

Mô đã vào trước để bảo người ta xích chó. Nó chậm ra. Hai nhà giáo nhìn quanh. Họ có vẻ hơi thất vọng. Nghe lời Mô tán tụng sạch sẽ cái nhà sắp thuê, họ không đòi thấy những cái mà họ đang phải thấy. Đó là những đám cỏ rậm um ở sát chân tường, những vũng nước đen, những chỗ đất phủ rêu nhầy nhầy, những đống rác lù lù, bừa bãi. Một mùi khai khai, khấn khấn bốc lên. Cả hai người cùng chun mũi nhưng chẳng người nào nở nói ra. Thứ trầm ngâm bằng cái vẻ quen thuộc của y. San khe khẽ cười vô cố. Họ rất sợ tỏ ra mình là những người khó tính. Có mỗi tháng ba đồng bạc mà đòi sang trọng làm sao được.

Mãi San mới dám rụt rè nói nhỏ một ý nghĩ của mình:

- Chắc nhiều muỗi lắm?

Y dùng tiếng Pháp. Thứ cũng dùng tiếng Pháp, khe nhún vai đáp lại:

- Có lẽ...

Vừa lúc ấy thì Mô ra:

- Mời hai cậu vào.

Một cái đầu trọc lốc cũng từ sau lưng nó nhô ra:

- Chào hai ông ạ! Mời hai ông vào trong này.

Mô khe giới thiệu với Thứ và San:

- Ông chủ.

Vừa kịp, Thứ và San đang lúng túng, không biết nên chào lại người ấy bằng gì cho phải. Y mặc độc trội một cái quần đùi đen với một cái áo cánh vải ròng rọc, mới cài có hai khuy. Có lẽ thấy khách đến, y mới mặc vội vàng cái áo vào. Y vừa xun xoe mời khách, vừa cài nốt mấy cái khuy trên. Quần áo thì thế mà người thì lại đen đui, nặng nề, cục mịch. Da, có lẽ vì suốt đời cởi trần nên rất roãng, rất thô. Hai mắt kèm nhèm. Trán chau chau. Chân đi bình bịch. Thứ và San phải hơi cúi xuống để chui qua cổng. Mới bước vào một cái nhà ngang, mặt trước trông hốc hác như quán chợ. Đó là nhà bếp. Bếp ở liền ngay cạnh cổng. Phía trong còn rộng, nhưng chẳng thấy kê đồ đạc gì chỉ toàn thùng mủng.

Tạt chéo qua một cái sân nhỏ, lát gạch, có tường hoa, bể nước ở bên ngoài, họ tới cửa giữa ngôi nhà chính. Kiểu nhà xây ở nhà quê nghĩa là thế nào cho xong chuyện thì thôi. Không có hàng hiên. Ba khoang cửa ở tít mãi ngoài; thành thử một cái hè con cũng không có nữa. Đó là cái lối chủ nhà tham muốn giữ cho lòng nhà được rộng. Thứ để ý đến bốn con số “1935” ở trong lòng cái khung vữa hình chữ nhật, ở bên trên cửa giữa. Thì ra cái nhà này, làm cũng chưa lâu lắm. Được cái nền cao, cao hơn sân đến hơn một thước tây. Không như cái nền bấp ở đằng đầu, chỉ cao hơn sân bằng hai hòn gạch đặt lên nhau. Đằng này phải có đến ba cái bậc để cho người ta lên...

Ông chủ cắm đầu, lút cút đi như chạy, huỳnh huých vào nhà trước. Thứ và San, vừa đi vừa cố ý nhìn, khoan thai, đứng đĩnh theo sau. Mô bao giờ cũng rất lễ phép khi có hai người ngoài, rón rén và kính cẩn đi đằng sau hai cậu. Thành thử chủ đã vào nhà tám đời rồi, khách mới tới những bậc lên. Họ cũng chưa lên vội. Ông chủ lại lút cút chạy ra, nói như quát vào tai:

– Mời hai ông vào!... Mời hai ông cứ vào!... Chớ xích rồi!...

– Vâng ạ!...

Thứ và San vào nhà. Gian giữa, trừ mấy cái giường thờ, án thư kê ở bên trong, phía ngoài chẳng có gì. Chủ mời khách lại bộ bàn ghế lim kê ở mạn ngoài một gian bên, một người đàn bà, chắc bà chủ, đang ngồi với ba đứa trẻ trên bộ ghế ngựa ở mạn trong, mãi một ảm đứa nhỏ nhất, đứng lên. San và Thứ cúi chào:

– Bà ạ.

– Cháu không dám ạ! Lạy hai ông!

Bà vội vàng đáp lại. Cái giọng mềm mỏng, câu chào quá ư lễ phép đối với những người còn trẻ quá, khiến Thứ nhìn bà ta hơi kỹ, tuy vẫn nhanh chóng và kín đáo. Bà khác hẳn chồng. Chẳng đẹp đẽ gì hơn, – kể chồng ấy, vợ ấy cũng xứng đôi! – nhưng lại cao ngông và mảnh khảnh, chứ không tròn trục, vai u, thịt bắp như ông chồng. Nếu ông chồng là một con gấu thì bà chính là một con cò ruồi. Bà giục hai đứa con lớn – đứa năm, sáu tuổi, đứa lên mười, mười một vẫn ngồi yên, héch mắt lên nhìn hai ông khách mới vào:

– Đứng lên, con!

Và vẫn bằng cái giọng khoan thai ấy, bà bảo chồng:

– Thắp cái đèn lên! Cái đèn búp măng đâu rồi?

Ông chồng gần chúí hấn người vào găm bộ ngựa tìm và hỏi toang toang:

– Ơ hay! Cái đèn búp măng đâu rồi? U em!...

Bà tớn tác:

– U em đâu rồi?... Con! Chạy ra bảo u em thắp đèn!... Mau, con!...

Thấy họ rối rít cả lên, hò hong om sòm mà vẫn không có được một cái đèn, Mô có vẻ ngỡ ngàng lây. Nó làm như nó cũng về phe với chủ nhà, phe phải tiếp Thứ và San. Nó nháo nhác, nhìn chỗ nọ, chỗ kia. Thói quen nghề nghiệp, nó nóng nảy muốn trông thấy cái đèn ở một chỗ nào, để cầm vội lấy, đem lại bàn, bật diêm thắp hộ. Ông chủ thì vẫn lục sục dưới những găm bàn, găm ghế và thỉnh thoảng gọi u em như quát. Bà chủ đã phải hơi gắt tiếng. Thứ vội bảo:

– Thưa ông, thôi ạ... còn sáng chán!

Y nhã nhận thì đúng hơn. Thật ra thì trong nhà đã nhá nhem rồi. Bên ngoài cái cửa sổ sau, màu xanh của bức giậu găng tây dâng lên đến sau lưng chừng cửa sổ, đã thẫm lại thành đen. Khôn gian xám tro. Và tít ngoài xa, đằng sau những đám me loáng thoáng như những mạng nhện đen, trên một nền trời bằng lặng, mấy vết màu đỏ chết, cứ chết dần, đổi sang màu tím thẫm. Trong nhà tối hấn. Bà chủ bực mình, phải ẵm con đi mãi ra phía cửa, chực đi tìm u em, thì u em đã vào. Một vật lù lù, lạng lẽ, như một đụn rạ biết đi. Bà chủ hỏi:

– U em đấy à? Đi đâu mà gọi mãi không lên thế? Đèn đâu?

– Đây ạ! Tôi đi mua dầu.

– Hèn nào!... Thắp lên!

Nhưng u em chậm quá. Mô nhanh nhẹn cất lấy và ông chủ lại cất lấy ở tay Mô...

– Cậu đưa tôi!

Ông bật diêm châm đèn. Thứ và San vẫn đứng. Mô nhận ra điều ấy trước nhất. Nó kéo hai chiếc ghế...

– Mời hai cậu ngồi chơi.

Bà chủ mời theo. Ông chủ cũng hấp tấp mời theo vợ, như quát vào tai khách. Thật tình thì Thứ và San muốn đứng. Bàn, ghế trông cục mịch và không được bóng. Chắc là ít khi dùng đến, ít khi lau chùi, và bụi bám khá nhiều. Đó là những điều người ta không thể nói

toạc ra. Họ đành cám ơn và ngồi vậy. Họ vẫn không quên lễ độ, họ xin phép trước. Còn Mô vẫn đứng. Ông chủ thì chỉ chiếc ghế còn bỏ không mời nó:

– Cậu Mô ngồi đây chơi.

Cố nhiên là Mô không dám...

– Ông chủ để mặc con...

Bà chủ hiểu tôn ti trật tự hơn. Bà mời Mô ngồi ghé bên chiếc ngựa. Thứ bảo Mô mới ngồi. Ông chủ nhà nhắc cái tích lên, do dự một thoáng, rồi lại đặt cái tích xuống bàn. Có lẽ ông lưỡng lự, không biết nên cứ mời khách uống nước ấy hay gọi đun nước khác. Bà chủ nhắc:

– Anh thằng Học rót nước ra, mời hai ông xơi nước.

Ông chồng rót nhưng vừa rót vừa phàn nàn:

– Nước nguội cả rồi...

Chiếc vôi không chịu chảy. Ông đặt tích xuống bàn, mở vung tích ra xem. Ông nhìn quanh như muốn tìm một cái gì. Chẳng thấy gì, ông lại nhắc tích lên ghé miệng vào vôi ấm, thổi. Rồi ông lại rót. Phen này thì vôi nước chảy. Nhưng cũng lịn rịn chậm chậm. Ông lại thổi rồi lại rót, rồi lại thổi. Hai ba lần như thế, bốn chén nước mới đầy. Ông nhắc một chén đặt trước mặt Thứ và một chén đặt trước mặt San:

– Mời hai ông xơi tạm chén nước nguội.

Ông đưa cho Mô một chén:

– Cậu Mô xơi nước.

Không ai uống. Thứ và San kêu không khát. Mô nhìn hai cậu, tủm tỉm cười. Nó có ý tỏ cho hai cậu biết nó cũng nhận thấy lối rót nước ghé tởm của chủ nhà và những chiếc chén hạng rẻ tiền, trông như cáu bẩn. San và Thứ tảng lờ như không trông thấy nụ cười của nó. Họ nhìn đi, sợ chủ nhà để ý và sinh ngượng. Nhưng ông đã đang thông cái điều thuốc lào rồi. Ông khẽ nhắc cái bóng đèn lên rồi dóm...

Thứ nói thẳng vào việc ngay:

– Thưa ông, thấy...

Y muốn giữ thể diện cho Mô (Ông chủ gọi nó bằng cậu kia mà!...) và gọi nó bằng anh nhưng thấy ngượng mồm. Y bèn gọi tên không.

– Thưa ông, thấy Mô nói chuyện ông còn thừa một căn nhà không ở đến, muốn cho thuê...

– Vâng, cậu Mô cũng đã nói chuyện với tôi...

Chủ, và khách qua lại với nhau độ mười câu như vậy. Cuộc điều đình kết liễu. Chủ nhà định để lại cho người thuê nhà một gian cạnh của nhà ngoài...

– Nguyên chỗ nhà ngoài này những ba gian. Hai ông ở gian đằng kia. Nhà tôi ở gian đằng này với cái buồng ở đằng này. Còn gian nữa, tôi để giường thờ, nhất định phải để không rồi. Như vậy là đã có gian giữa ngăn đôi, biệt tích hẳn ra. Tha hồ rộng rãi mà cũng tiện.

Đã đành! Nhưng San và Thứ vẫn thích ở buồng hơn. Họ viện lẽ rằng đêm phải học khuya, thắp đèn khuya, không muốn vì sáng đèn mà nhà chủ không ngủ được...

– Vâng, thế thì hai ông ở buồng cũng được. Để tôi khuân những đồ đạc của tôi ra.

Nhưng bà chủ chợt nói gì nhỏ nhỏ với chồng. Ông ngần ngừ một chút, rồi hỏi lại San và Thứ.

– Hay là hai ông ở nhà ngoài?...

Họ đưa mắt nhìn nhau như để hỏi ý kiến nhau, thì ông chủ đã vội cắt nghĩa thế này:

– Chẳng nói giấu gì hai ông... Nhà có nuôi con lợn, con gà, chuồng lợn ở đằng này, tôi phải ở buồng này để trông coi cho tiện.

– Thưa ông, thế buồng đằng kia.

– Vâng, hay hai ông ở buồng đằng kia?

– Vâng, nếu tiện thì hay lắm.

– Tiện thì tiện lắm. Buồng ấy tôi vẫn bỏ không.

– Thế thì còn gì bằng nữa.

Hai vợ chồng ông chủ nhìn nhau. Trong cái nhìn của họ, Thứ nhận thấy một vẻ gì như lưỡng lự không đành.

Thứ sinh ngờ. Ông chủ cười cười, bảo:

– Nhưng giá hai ông ở nhà ngoài vẫn hơn. Chả gì bằng nói thật. Ở trong buồng thì đến mùa bức, chắc là không được mát.

– Thưa ông, không có cửa sao ạ?

– Có... cũng có hai cửa sổ, nhưng...

Bà chủ như hơi gắt với chồng:

– Thì cứ mời ngay hai ông vào buồng xem. Nếu được thì hai ông ở... Thưa hai ông, cái gì nhà cháu cũng hay nói thật. Ở trong buồng thì không được thoáng như ở nhà ngoài. Nhưng nếu hai ông muốn ở buồng cho tỉnh mịch để xem sách thì xin tùy ý. Còn nhà cháu thì thế nào cũng được. Gian nhà ngoài cũng rồi, buồng cũng rồi. Hai ông ở đâu thì cũng thế thôi. Hai ông ở gian nhà ngoài thì căn buồng ấy bỏ không, mà hai ông ở trong buồng thì gian nhà ngoài cũng bỏ không, chứ đâu có ai thuê, nhà cháu cũng không cho thuê nữa. Vậy mời hai ông vào xem cho cẩn thận. Rồi hai ông định thế nào cũng được. Còn như nhà cháu ép hai ông ở nhà ngoài cũng không dám ép mà bảo hai ông ở trong buồng cũng không dám bảo. Cái ấy thì xin cứ tùy hai ông cả.

Thứ hơi khó chịu. Cái giọng ngọt xớt này thế mà ghê gớm lắm đấy! Y nghĩ vậy. Người đàn bà không được thật thà như người chồng. Y cũng không được tốt bụng như chồng. Y không muốn khuyên gì. Đó là một cách giữ kẽ về sau. San và Thứ muốn ở đâu thì ở, nhưng sau này đừng có kêu ca gì hết. Thứ lại càng sinh nghi ngờ vực. San quay sang y, bảo:

– Hay là ta xin phép ông bà vào buồng xem qua xem thế nào? Ông chủ đã nhanh nhẩu đứng lên:

– Vâng, mời hai ông vào xem...

Ông cầm đèn đi trước. Ông đi còn nhanh hơn lúc nãy. Nhưng lần này là cố ý. Ông muốn vào buồng trước một chút để còn sửa soạn. Khi Thứ, San và thằng Mô vào đến buồng, thì ông đã mở tung hai cánh cửa ra rồi. Quả nhiên, cũng hai cái cánh cửa sổ hẵn hoi, một cái ở đằng trước, một cái ở đằng sau. Nhưng chỉ một cái mở được thôi. Cái đằng trước mở thì cũng mở được đấy, nhưng mở ra cũng chẳng ích gì. Nó nhòm thẳng vào bức vách đầu hồi cái nhà lá quay mặt về mặt bếp. Bức vách ấy gần sát cửa sổ trước căn buồng. Trông chường phè phè. Thành thử mặt sau căn buồng lại có vẻ là mặt trước... San chỉ cho Thứ mấy cái lỗ đục mãi tí trên đầu hồi, khê bảo:

– Kể thì cũng đủ lối cho không khí ra vào.

Thứ mỉm cười:

– Thừa đủ. Chúng mình có hai người, và xưa nay sên không khí mãi, quen rồi.

Mô gõ tay vào bức tường hồi, bàn:

– Giá chỗ này đục một cái cửa sổ nữa thì phải.

– Vâng, kể ra giá đục thêm cái cửa ở chỗ ấy thì đẹp lắm, nhưng tức một cái chỗ này lại liền chuồng ngựa quá.

Ông chủ trả lời như vậy. Rồi ông vội thêm ngay:

– Với lại thế này cũng đủ lắm rồi. Hai cửa sổ lại cái cửa ra vào mở ra nhà ngoài. Đục cái cửa ra nhà ngoài cũng gần ngay với cái cửa nhà ngoài ra sân...

Tối hôm ấy, lúc Mô lên để mắc màn, nó với Thứ và San lại bàn tán về chuyện thuê nhà, San hỏi:

– Ông ta làm gì thế, hở Mô? Trông cái tướng thế mà giàu!

– Thưa cậu, vợ chồng ông ta chỉ chuyên môn làm đậu.

– Làm đậu phụ bán cho người ta ăn ấy à. Leo ôi! Thế mà người ta cũng dám mua ư?

– Thưa cậu, sao mà không mua ạ?

– Trông cái mặt ông ấy, tao đã đủ ghê chết cha rồi!

Thứ bật cười:

– Ô, mà không hiểu sao mặt bà ta cũng vậy. Hai vợ chồng cùng toét.

San sùng sộ:

– Hai vợ chồng gì! Cả mấy đứa con cũng toét.

– Thế thì anh trông còn sót đấy. Tôi còn thấy cả u em cũng toét nốt, mới chết người ta chứ! Sao mà họ khéo tìm người thế!

– Khéo rồi chúng mình ở đấy ít lâu cũng sinh toét nốt. Tôi sợ lắm.

Mô có vẻ không bằng lòng họ chế giễu như vậy. Nó cười ngượng nghịu. Và nó bảo:

– Thưa cậu, thế mà nhà cửa nhà ông ta sạch lắm, không mấy nhà được sạch bằng. Con đã xem kỹ lắm rồi. Đừng nói gì sân, nhà, ngay đến cái chuồng lợn nhà ông ta cũng sạch như lau. Mỗi ngày ông ấy đổ nước mấy lần. Cả đến cái chuồng tiêu. Hai cậu chưa biết cái chuồng tiêu nhà ông ấy đấy. Buồn cười lắm. Mỗi lần xong việc, có một cái vung bằng gỗ để đập lại, cho khỏi có mùi xông lên...

IX

Mọi người buông bát đũa cả rồi. Một mình San vẫn còn ăn. Y vừa ăn vừa nói nói, cười cười. Đó là ảnh hưởng của cốc rượu vang. Y uống rượu không quen. Bữa ăn hôm nay bởi Oanh sửa soạn hơi lâu, muộn quá giờ thường đến một giờ. Cốc rượu nốc vào một lúc y đã đói mềm người. Chất men ngấm rất mau. Mặt y đỏ gay lên. Cổ y cũng đỏ rần rần từng vết lớn, như người gãi. Mắt y gà gà, díp lại. Y mở to chúng ra, lừ lừ nhìn vòng quanh tất cả mọi người một lượt kêu lên:

– Ô này! Thôi cả thế à? Ăn đi chứ? Tôi còn ăn kia mà!

– Được, mời ngài cứ thật tình đi cho!

Oanh bảo đùa như vậy và cười. Mặc dầu y đã tít cả hai mắt lại để cười, trông vẫn chẳng có vẻ thực tình một tí nào. Y ăn xong trước tiên, đã xía răng, uống nước lâu rồi. Nhưng y cũng còn nhăn nha hơn mọi ngày, là chưa vội đứng lên. Y ngồi bó gối, nhìn mọi người ăn. Nghe San nói ba hoa y chỉ mỉm cười. Nhưng nụ cười gượng gạo vẻ mõi mết, tỏ rằng y đã sốt ruột lắm rồi, nhưng cố chịu đựng. Thứ ngượng hộ San. Y nói nửa đùa, nửa thật:

– Anh định ăn hết cả phần thàng Mô đấy à?

– Thàng Mô có rồi, anh ạ! Tôi trông thấy để phần nó lúc nãy rồi. Tôi say nhưng chưa mê đâu! Anh đừng sinh sự với tôi! Ái chà!...

San lè nhè giục thật to, như một bác xã, bác nhiều đi uống rượu việc làng. Tuy nhiên San đùa, Thứ cũng ớ mặt ra như bẽ với mọi người. Y cười nhạt, bảo San:

– Thì đấy! Mời anh cứ xơi cho đến đủ đi! Chỉ sợ nút bụng thôi!

– Nút bụng tôi, chứ nút bụng anh à?

– Vâng, không nút bụng tôi thì anh cứ việc ăn mà!...

– Tôi ăn chứ tôi sợ à? Tôi còn ăn nữa! Tôi ăn cho anh biết tay tôi đây này!

Y gấp một con bún cho vào bát, gấp thêm hai miếng thịt quay,

một ít rau, rưới một chút nước mắm lên trên rồi và cả vào mồm. Y cố làm ra vẻ thô tục, ngồm ngoàm: phùng má trợn mắt, nhai, rồi duỗi cổ ra để nuốt đi, nuốt xong, rụt cổ lại, phình bụng ra như bụng cóc. Lũ trẻ cười. Cười xong, một đứa hô:

– Anh xơi nữa ạ!

– Ăn nữa!

San gân cổ đáp, rồi chống đũa xuống lòng cái bát không, ngồi dòm đĩa thịt. Y cố vẻ muốn ăn nữa thật. Thứ ngồi bó củi, hai má tì trên đầu gối, mặt cúi gằm như xấu hổ. San cười khi một cái ra đằng mũi, buông đũa xuống.

– Nhưng mà thôi, không ăn nữa. No rồi!

Thứ ngẩng mặt lên:

– Ấy! Mời ngài xơi miếng nữa... Làm khách thế!

Y lại cười títt mắt. San chừng hiểu câu nói mỉa, cười nhạt bảo:

– Thôi! No rồi...

Y quay ra, bảo thằng Mô đang đứng đợi:

– Cát mâm đi, Mô này!

– Cậu xơi nữa ạ!

– Thôi! Xơi mãi thì lại... anh Thứ bảo... đến nút bụng ra thật mát.

Mô lúi húi dẹp mâm. Oanh nhìn đĩa thịt quay, còn đến vài chục miếng:

– Cát đi để đến chiều ăn, Mô nhé! Còn bún thì mày ăn cố cho hết đi kéo hoài.

Mô chẳng nói gì. Nó đến nửa thang gác rồi. Oanh lại gọi với:

– À, chuối đâu, Mô nhỉ? Đem chuối lên đây nhé!

San tán tụng:

– Lại chuối nữa kia à? Sang nhỉ? Giá hôm nào cũng như hôm nay thì thích nhỉ?

Câu nói, chẳng biết vô tình hay cố ý, nhưng đối với mọi người thì tự nhiên có một cái nghĩa hơi xoi mói. Oanh hơi sầm mặt. Nhưng chỉ một thoáng thôi. Rồi y cố tảng lờ như không nhận thấy. Y ôn tồn bảo:

– Cũng chẳng thích đâu. Ăn mãi cũng chán. Cứ ăn rau quanh năm, thỉnh thoảng làm một bữa thịt như thế này mới ngon.

Y vội chữa lại ngay:

– Mà nói thật, cũng chẳng ngon gì kia! Hai chú thế nào không biết, chứ tôi thì chỉ vài miếng là chán ứa. Nói thật, bố mẹ chúng mình sinh chúng mình ra, không phải để mà ăn thịt.

San chống nạnh tay, ngửa mặt lên trần nhà, cười mũi, bảo:

– Phải nói rằng: bố mẹ chúng mình sinh chúng mình ra không cho chúng mình ăn thịt, nên chúng mình không biết ăn thịt, thì đúng hơn!

Thứ bật cười, San thích chí, cười hô hô. Oanh cũng cười, nhưng vẻ ngượng nghịu đã hiện ra ngoài mặt. Y vẫn làm như chẳng hiểu gì đến cái châm chọc của San. Vẫn đem sự kinh nghiệm của mình và lý thuyết của các nhà bác sĩ ra để bênh vực thuyết ăn chay...

– Người ta nghiệm ra rằng những giống vật, những giống người ăn thịt thường hung ác, còn những giống ăn cỏ, ăn lá thì hiền lành hơn. Cứ lấy một anh cọp với một anh trâu mà xét là đủ biết.

– Bởi vậy cho nên anh cọp mới cấu cổ được anh trâu, còn anh trâu thì chỉ suốt đời ề cổ kéo cày cho thẳng người. Ai đặt ra cái chữ quốc ngữ cũng đã tài tình lắm; chữ hiền chỉ hơn chữ hèn có một chữ i với một cái dấu mũ đó thôi...

San mà hôm nay cũng thâm thúy thế ư? Thứ mỉm cười. Y kết luận hộ San:

– À, thế thì ra tại anh chỉ ăn rau nên suốt đời ề cổ làm cho kẻ khác phải không?

– Phải rồi, cả anh thì cũng thế.

– Vậy chúng mình *hiền* hay *hèn*?

– Tùy anh.

Mô đem đĩa chuối lên. Oanh nói lấp:

– Thôi nào! Các ông! Các ông có ăn chuối hay không? Chỉ suốt đời cãi nhau, làm như hai gái lấy một chồng.

Y lần lượt nhìn Thứ rồi San, tiếp:

– Đây là bà cả, đây là bà hai.

Y đỏ mặt lên ngật nghẹo cười. Cả Thứ và San cũng hơi ngượng nghịu. Thứ tự nhiên nghĩ tới Đích, đến một đêm Đích tâm sự với mình, trước khi đi. “Có lẽ tôi sẽ cưới Oanh, có lẽ không... Ý người ta

rất có thể đổi thay... Tôi thấy y không đẹp, hơi xấu nữa, hơi già, nhưng tốt bụng...” Đích đã ngỡ với y như vậy...

San ăn những hai quả. Ăn xong, y lăn kềnh ngay ra chiếu, hai tay xoa bụng, kêu no quá. Rồi bỗng y lại cười sằng sặc, gọi Oanh...

– Cô ạ,

– Sao kia?

– Chúng tôi đánh lừa cô đấy! Chúng tôi chưa đi đâu!

Y đập tay xuống chiếu, giãy lên đành dạch để cười. Oanh có vẻ không hiểu tất cả cái ý nghĩa khôi hài trong câu nói ấy. San cất nghĩa thêm:

– Mất một bữa cỗ để tống tiễn quan ôn, mà quan ôn lại giở mặt, không chịu đi cho, thì có chết người không!

Y cười rú lên, gục mặt vào đùi Thứ:

– Nhỉ? Anh Thứ nhỉ?...

Thứ cau mặt, đẩy y ra:

– Anh điên đấy à?

Thứ không đùa. Y cố giữ vẻ mặt lạnh lùng, cố chống lại với cái rất vui không đâu, hoàn toàn về thể chất, do cốc rượu gây nên. Y không muốn để Oanh có thể khinh bỉ, nghĩ thầm: “Được ăn có khác! Hôm nay sao mà vui vẻ thế, sao mà tử tế thế! Chẳng bù với mọi hôm một tí!...”. Có thể nói y thèn thẹn mà ăn qua bữa lệ thường của Oanh dãi y và San trước khi hai người đi ở nhà riêng. Hình như thế là Oanh tử tế với y. Ít ra Oanh có thể bằng vào đấy mà tưởng rằng mình tử tế với y. Mà y, y không muốn chịu của Oanh một tí gì có thể gọi là tử tế. Một hôm, Oanh phàn nàn về cái cách học trò và cha mẹ học trò cư xử với thầy, trách chúng bạc bẽo, vô ơn và kết luận rằng: từ nay, có lẽ mình cũng chẳng tội gì mà tử tế với ai, Thứ đã mỉm cười chế nhạo Oanh:

– Cô tưởng chúng mình vẫn tử tế với chúng nó đó ư? Nhảm! Ở đời này, chẳng thằng nào tử tế với thằng nào? Sao cô lại kể ơn? Thật ra chúng mình dạy học, có phải để làm ơn cho chúng nó đâu? Trước hết chính là để kiếm ăn. Mình dạy chúng nó, chẳng phải là để mở mắt ra cho những kẻ mù đâu. Chính là để thủ của chúng mỗi tháng một vài đồng bạc. Chúng có lẽ nếu chúng không trả tiền thì mình

không cho chúng học. Thế thì còn muốn bắt chúng nó ơn nổi gì? Đáng lẽ chúng mình phải ơn chúng nó: chúng nó nuôi chúng mình!...

Thứ phân tách đến những hành động, nhưng tình cảm siêu nhất của loài người và nhận ra cùng với La Rochefoucauld rằng đó chỉ là ích kỷ và vì lợi mà thôi; ích kỷ trá hình, vì lợi che đậy và tô son điểm phấn...

Loanh quanh thế một lúc, rồi y đã trắng trợn nói bộp vào mặt Oanh:

– Xét cho kỹ thì ai chẳng vì mình. Nói chuyện nhân nghĩa, tử tế chỉ là nói chuyện thừa. Thí dụ tôi dạy học cho cô, có phải vì tử tế gì đâu? Vì hai mươi đồng mỗi tháng đó thôi. Mà cô thuê tôi dạy học có lẽ cũng chẳng phải vì tử tế với tôi, muốn giúp tôi có việc làm, có lương ăn. Nói cho đúng thì có lẽ vì cô không có bằng thành chung, không thể đứng làm hiệu trưởng trường, không thể dạy lớp nhì, lớp nhất.

Oanh đã vênh cái mặt đỏ bừng lên:

– Chưa hẳn đúng. Ừ, chú bảo chú chỉ vì tiền mà chú dạy cho tôi, tôi chỉ vì mảnh bằng của chú mà tôi thuê chú, nhưng cả một xứ Đông Dương này chỉ có một cái trường của tôi cho chú dạy thôi ư? Mà cả xứ Đông Dương này chỉ có một chú có bằng thành chung ư? Tại sao chúng tôi không nhờ ai mà lại nhờ chú? Tại sao chú không dạy ở trường khác mà lại dạy ở trường chúng tôi?

Thứ đã cười gằn:

– Tại sao? Tại thế này: chưa có trường nào khác thuê tôi.

– Đó là về phần chú. Nhưng chúng tôi, chúng tôi rất có thể tìm được một người khác một cách rất dễ dàng...

– Đã đành! Nhưng ai thì cũng tiền. Với một số lương như lương của tôi ở trường này, thì cũng chẳng có nhiều người ham làm đâu. Vả lại...

Cũng may mà Thứ chưa kịp nói cả ra. Y định nói rằng sở dĩ Đích đã nhờ y, chẳng phải vì tình nghĩa gì đâu, nhưng chính vì tính toán: Đích không muốn để một người không thân thuộc ở cạnh vị hôn thê của mình... Cũng may mà y đã giữ lại được, không nỡ nói cái ý ngầm ngầm ấy của Đích ra. Nhưng chưa nói điều ấy ra, thì cũng đã đủ lắm rồi. Y đã phá tan sự mập mờ giữa hai đảng. Y đã bạo phát cho Oanh biết tình nghĩa là tình nghĩa, công việc là công việc, đừng bao giờ nên kéo giằng cái nọ với cái kia. Y đã nói trắng ra rằng y chẳng phải chịu ơn gì Oanh và Đích, Oanh và Đích chẳng tử tế gì với y...

Nói trắng ra như vậy để làm gì? Để đôi bên chẳng còn có gì phải nể nang nhau, e tiếng với nhau. Nhất là để Thứ không phải nghĩ ngợi đến tình nghĩa anh em, mà có thể đòi tất cả những cái gì là quyền lợi của y, tất cả những cái gì y có thể đòi. Khi người ta đã chỉ còn là chủ với người làm, kẻ buôn sức người với kẻ bán sức làm việc của mình, khi người ta đã là hai hạng người quyền lợi ngược nhau, thì còn có gì phải nể nang nhau nữa. Cứ việc mà tranh đấu! Y cứ việc đòi, còn Oanh cứ việc mà trục lợi! Oanh cứ việc mà trục lợi cho nhiều, cho nặng túi đi! Nhưng hãy coi chừng. Có một ngày kia, Thứ sẽ ung dung bảo Oanh rằng: “Ông bà lợi về cái trường này đã nhiều rồi; anh San và tôi khó nhọc về cái trường này cũng nhiều rồi; khó nhọc mà chẳng ăn gì; bây giờ một là cái trường phải thành của chung của ba người, công việc chia đều và lợi lộc chia đều; hai là ông bà tìm người khác thay tôi với anh San, hai chúng tôi phải mở một trường khác dạy...” Ấy là nói thế. Thật ra thì lúc bấy giờ Oanh chỉ có quyền nhận điều thứ nhất thôi. Thay? Thì hiệu trưởng là y, y rất có thể từ chối, không ký giấy sang tên. Vả lại hai phần học trò, mà lại toàn là những học trò các lớp trên, trả nhiều tiền, ở trong tay y, với tay San. Nghĩa là trong cuộc giành giật lại cái trường, cái khí giới làm việc của mình, y biết chắc rằng thế nào cũng thắng. Y lại biết chắc rằng y thắng như vậy, cũng là hợp lẽ công bằng, và y làm thế cũng chẳng có gì đáng ân hận, bởi thật ra thì bao giờ Oanh cũng chỉ nghĩ đến lợi riêng mà chẳng tử tế gì với y và San cả. Thế mà, y vẫn do dự mãi. Y vẫn nể...

Lúc này đây, y lại nghĩ đến cái dự định đã nghiên ngẫm mãi với sự e ngại, sự nể nang rất vô lý của y.

“Như vậy có phải là tử tế đâu? Chẳng phải là mình muốn nhịn đi để người ăn. Đó chỉ là nhu nhược...”. Y tự bảo thầm như vậy...

Mô lên hỏi:

– Thưa hai cậu, bây giờ thuê xe bò hay sao ạ?

Và khi San trả lời chẳng có gì đủ chất lên một cái xe bò, chỉ cần gọi một người phu khuân vác nào họ khuân đi cho một cái giường với một cái hòm, nó nhất định bảo rằng cái giường cũng như cái hòm, phải có hai người khiêng chứ không thể một người...

– Thì mày thuê hai người! Nhất ngay là bốn người cũng được kia mà!... Cậu Thứ với tao có nói sao đâu. Miễn là được việc thì thôi...

San bảo vậy. Mô cười, bảo:

– Vâng đã đành như vậy, nhưng hai người thì có lẽ một đồng họ cũng chưa nghe.

– Thì trả hơn lên!

– Trả hơn thì lại đắt!

– Đắt thì cũng phải chịu, chứ còn biết làm sao? Mà định để chúng tao xoay trần ra, khiêng lấy à?

Lũ trẻ nhao nhao bàn để chúng khiêng cho, nhưng San và Thứ gạt đi. Ai biết, họ cười. Vả lại Thứ có ý... trọng học trò. Y cho rằng y không có quyền sai chúng làm một việc gì cho y cả. Y bảo Mô cứ thuê người cho gọn việc...

– Thế hai cậu định cho bao nhiêu để con bảo người ta? – Mô hỏi...

– Mà liệu đấy. Mặc cả với người ta xem.

– Vâng, nhưng hai cậu định cho bao nhiêu trở lại? Độ đồng rưỡi, có thuê không ạ?

– Bao nhiêu cũng được.

– Thế hai cậu cho đồng rưỡi nhé? Con làm thế nào dọn được đồ đạc đi cho hai cậu, đến nhà mới kê kiếc đâu vào đấy cho hai cậu thì thôi.

Nó cười hì hì, gật gật đầu. Ra vẻ ta đây ranh mãnh lắm. Nó bình bịch chạy xuống cầu thang như lăn từ trên gác xuống. Một thoáng sau, đã thấy tiếng. Nó cũng đã đi mua mấy xu rượu ta về uống. Nó li lô nói tiếng Tây lô lô, – toàn tiếng Tây ba lạp – bắt chước ông Tây Nhà Bò mắng bồi bếp. Rồi nó toang toang gọi tên đứa này, đứa kia, rủ lũ trẻ đi với nó lên Quần Ngựa xem. Nghe tiếng nó oang oang như ngỗng đực, tưởng tượng ra cái bộ điệu lóc ngốc của nó đi giữa lũ trẻ như một anh gà trụi cao lớn đi giữa lũ gà líp nhíp, Thứ cười mồm mím. Y bảo với San. San cũng hô hố cười...

Tối mịt mới dọn nhà. Đây là do ý Thứ và San. Họ muốn làm việc ấy lén lút, như một cô gái chứa hoang đi đẽ. Trong khi Mô sửa soạn dưới nhà, họ chỉ ngồi ru rú trên gác, cố nói chuyện thật náo nhiệt với Oanh, để khỏi phải trông thấy dọn. Nhưng tiếng Mô đập chạn chát để tháo cái giường ra từng mảnh, vang động quá, khiến họ hơi đỏ mặt. Họ sợ những người chung quanh biết... Mô chẳng thuê ai. Nó đi gọi vợ nó lên. Những cái gì nhẹ, nó nhờ lũ trẻ con. Cái gì nặng thì nó với vợ nó khiêng. Chúng vừa khiêng vừa giỡn với nhau. Chồng giả vờ

lên mặt kẻ cả, quát tháo, bắt bẻ, hạch sách, sai khiến om sòm. Vợ cười hi hi. Ra đến đường. Mô cũng còn lúc thì đùn đi, lúc thì kéo lại, giằng co, trêu vợ chán rồi lại còn nổi chiêng trống bằng mồm, hét loa, làm kiệu bay... đùa với nhau rinh rích. Càng khổ San và Thứ! Họ muốn bịt chặt hai tai lại để không nghe thấy. Đồ đạc đã khuân đi cả lâu rồi, họ cũng chưa buồn đi. Họ sợ ngượng với chủ nhà. Cứ để Mô xếp đặt đâu vào đấy cả rồi, họ sẽ đến, chui tọt vào buồng, đóng cửa lại, là xong chuyện...

Lũ trẻ về. Một đứa bảo cho San và Thứ biết mọi sự đã xong rồi. Bây giờ họ mới tay không, lững thững đi. Làm như họ đi chơi phố vậy. Họ không chạy tọt vào buồng ngay được. Một bà lão thấp bé, đứng đón họ ngay từ cửa, vòng hai tay lại, kính cẩn chào. Mẹ vợ thằng Mô. Thứ nhận ra cái thứ tiếng yếu ớt, bái hoải, run run, đã nghe thấy đêm nào. Bà cụ vào khoảng bảy tám mươi. Tóc hai phần trắng còn mỗi một phần đen. Mắt lơ lơ. Miệng móm mém. Mặt và hai bàn tay nhăn nhúm. Người thế mà còn đi xe cát được ư? Thứ nghĩ rằng: để một người già nua tuổi tác như thế thổi cơm, nấu nước bung mâm, rửa bát cho mình, cũng ái ngại và như không đành lòng. Nhưng dù sao thì những việc ấy cũng còn là những việc nhẹ nhàng. Nếu bà có thể trông vào đấy để kiếm ăn, thì âu cũng là một cách dưỡng già. Còn hơn suốt ngày phải nhồi người ra, đẩy những cái xe bò nặng cát. Muốn tỏ ý trọng bà, coi bà như một người chủ trọ chứ không phải là một ụ già, Thứ lễ phép bảo bà:

– Thưa cụ, chắc Mô đã thưa chuyện với cụ rồi, chúng cháu muốn nhờ cụ giúp cho việc cơm nước.

– Vâng.

Bà vòng tay buông thõng, nhìn xuống đất, như một cô gái thẹn thò đứng nói chuyện với đàn ông. Nhưng chợt lại nhút nhát nhìn lên...

– Thưa... cậu dạy gì kia ạ? Thổi một ít cơm nếp để uống nước sáng ấy kia? Thưa cậu, anh Mô không dặn thành thử tôi không đong gạo nếp. Hay để mua xôi, có được không ạ.

Thứ đỏ mặt. San cười ngượng nghịu. Họ ấp úng, chực cái chính cái lầm của bà cụ, nhưng chưa kịp. Ông chủ nhà đã quát vào tai bà họ:

– Bà nghe không ra. Có phải ông giáo bảo phải thổi cơm nếp đâu. Ông giáo muốn nhờ cụ việc cơm nước cho hai ông giáo. Thế đấy chứ! Thưa hai ông, có phải thế không cà?

Thứ cười nhả nhận, khẽ cúi đầu, như đáp chuyện một phu nhân:

– Dạ!... Thưa... Vâng! Giá tiện ở đây, ông bà giúp cho được thì tiện quá. Khỏi phải phiền bà cụ. Nhưng ông bà bận...

Ông chủ nhà vẫn toang toang, như nói cho mọi người ở mãi đâu nghe:

– Vâng, nhà tôi thì bận đi bán hàng, tôi thì bận làm hàng các cháu thì còn nhỏ, ăn uống thì thất thường, bạ lúc nào ăn lúc ấy, chẳng có giờ giấc gì, nên không dám nhận. Vả lại để bà cụ thổi nấu cho hai ông thì cũng tiện. Nhà bà cụ cũng gần đây. Muốn đi về cũng được. Mà nếu bà cụ muốn ở ngay đây cũng được. Nhà tôi còn rộng.

Trong khi nói, bà cụ giơ cánh tay, che cái mồm móm mém, ngửa cổ ra cười: bà cười đôi tai nghễnh ngãng của bà. Rồi bà sửa soạn một câu, ngoẹo đầu ngoẹo cổ, thưa với hai ông giáo:

– Vâng thôi thì... Thưa... trước là thưa hai cậu, sau nữa lại có ông hai đây cũng như là chỗ người nhà... Vì cây dây leo, vì có anh Mô cháu hầu hạ bà giáo với hai cậu ở trên trường, thế rồi anh Mô lại làm bạn với con bé Hà nhà tôi...

Bà nói lời thôi, dài dòng, như họ nhà trai, nhà gái thi tài ăn nói với nhau, hôm dẫn cưới. Thứ làm bộ lắng tai nghe, thỉnh thoảng vâng chiếu lệ. Thật ra thì y chẳng nghe gì. Y đang nghĩ xem nên làm thế nào để vào phát được trong buồng. Vừa thấy bà ngừng lại, y vội vàng xin lỗi:

– Thôi, xin phép cụ, xin phép ông cho chúng tôi vào trong này xem đã xong chưa...

San cũng bắt chước y.

– Xin phép cụ, xin phép ông...

Nhưng bà cụ Hà lại tưởng rằng sự lễ phép bắt bà phải theo họ vào buồng. Bà vẫn vòng tay, rón rén đi theo. Ông chủ thấy vậy cũng theo vào. Ông cho là còn nhiều khoảng trống quá, và bàn nên kê thêm thức nọ, thức kia. San và Thứ chỉ cười và vâng, dạ để đưa đà. Họ thích thưa thoáng và rộng rãi. Vả lại cho thuê chỗ này, thật ra chỉ cần có chỗ ngủ thôi. Suốt ngày, họ dạy học ở trên trường. Khách khứa cũng tiếp ở trường. Dầu chỉ một bộ bàn ghế nữa cũng là thừa... Nghe họ nói, ông chủ cũng gật đầu, vâng, và đổi giọng, tán thành ý kiến của họ ngay. Có lẽ trong bụng, ông chủ nghĩ khác. Nhưng mặc họ. Ông mất gì!

Tận lúc ấy Mô xách kìm búa ra về, ông và bà cụ Hà mới chịu ra cho. Thứ vội vàng đóng cửa ngay. Y và San cởi quần áo ngoài, tháo giày, ngã lưng xuống giường, dang chân tay, ngáp dài và thở ra khoan khoái. Bỗng San xoay nghiêng người, vòng tay ôm ngực Thứ. Thứ chực hắt ra, nhưng San cưỡng lại:

– Im! Tôi bảo... Nằm trong cái buồng kín đáo này, anh có cảm tưởng gì không?

Thứ tặc lưỡi:

– Cũng hơi dễ chịu.

– Đã đành. Nhưng tôi thì hơi tức: tức một cái là hai thằng đực cả. Giá một thằng là trai, một thằng là gái thì có phải là tuyệt không. Cái phòng này vừa cho một cặp.

San áp má sát tai Thứ, xô người lại, khe khẽ rên những tiếng rên “hu... hu... u... u...”. Thứ không thích thế, nhưng cũng không cự lại. Y còn đang nghĩ lan man. Câu nói của San khiến y nhớ tới Liên. Giá y có thể cho vợ con đi... Có lẽ ở vào giữa làng, trong một cái nhà như nhà này, Liên sẽ thích hơn. Liên quê mùa, ăn mặc nâu sồng. Những người trong nhà này gần gũi với Liên, Liên sẽ không ngỡ, không phải xấu hổ, không phải tủi thân... Hai vợ chồng... Một đứa con... Một đứa ở... Rất có thể mắc một cái võng bắc chéo từ góc phòng trong đến góc ngoài... Y sẽ thuê thêm cái nhà lá ở trước cửa phòng đây... Tính Liên ưa rộng rãi... Chỗ này sẽ là chỗ nhà riêng đi về để vui thú với vợ con. Y sẽ có một chỗ ở nữa, – bàn giấy... phòng tiếp khách... chỗ làm việc... và một cái đi vắng để tâm sự có thể đổi thành phòng ngủ tạm – Ở ngay trên gác nhà trường, cái gác hiên, Oanh dùng. Y sẽ để San ở đấy. Tùy theo khi việc nhiều hay ít, khi muốn đọc sách hay là chơi với con, với vợ... Y sẽ ngủ lại đấy với San hay về nhà riêng...

Thấy Thứ nằm ngậy ra, mặc kệ cho mình vuốt ve nũng nịu, San bạo dạn hơn. Thứ sực tỉnh, đẩy mạnh y ra...

– Anh làm trò gì thế?

San nũng nịu:

– Lắng im, nào!... Im, em bảo...

– Thôi đi!

Thứ hất mạnh tay San lại đang lúc ôm lấy người y. San cười:

– Anh có biết tôi “hu... hu...” thế, là bắt chước ai không?

– Anh vẫn làm với vợ thế à?

– Không phải. Đây là tôi bắt chước Địch. Hồi chưa có anh ở trường kia. Tôi cũng mới lên. Thì ra tướng Địch thấy mình mới ở nhà quê lên, tướng ấy bắt nạt mình tợn. Lương tháng có tám đồng. Ngoài giờ dạy học ở trường, tôi lại còn phải vẽ địa đồ cho tướng ấy học thi. Anh tính trời bức như trời bức tháng năm, tôi ăn cơm trưa xong, nghỉ không được nghỉ, phải xoay trần ra, nằm bò trên sàn gác, vẽ địa đồ cho Địch học thi (nếu vẽ cho nhà trường thì còn đỡ ức mình...) mình đau cả lưng, mỏi cả mắt, toát cả mồ hôi, họ đã chẳng thương thì chớ, còn cứ trêu mình: Địch nằm trên đi vắng với Oanh, cứ làm như trời rét, so ro người nằm sát lại với Oanh, mồm thì rên “hu... hu... u... u...”. Mình, vợ con hẳn hoi, bỏ ở nhà để lên đây. Xa vợ luôn mấy tháng rồi. Họ làm thế thì có chết mình không. Những lúc ấy, nghĩ đến vợ, đến con đứt đi từng khúc ruột...

Giọng y nửa đứng đắn, nửa đùa. Nói xong, y cười ằng ặc. Tiếng cười thái quá ấy. Nghe còn đau đớn hơn tiếng khóc. Tiếng cười im, mặt y giãn ra ngay, trở nên buồn rười rượi. Y giấu nó vào cánh tay Thứ, một tay y lại ôm lấy vai bên kia của Thứ. Lần này, Thứ để mặc y. Đôi bạn im lặng, mỗi người theo đuổi những ý nghĩ riêng. Thứ tưởng như nước mắt San thấm sang tay áo mình.

X

Bà cụ Hà làm cơm sang quá. Những ba món ăn toàn cá thịt hẳn hoi. Ấy là chưa kể đĩa rau, món ăn chính của San và Thứ xưa nay. Cơm dẻo trắng như bông. Cái mâm thau đánh sáng choang, bát đĩa lau chùi sạch sẽ. Chưa bao giờ Thứ được hưởng những bữa cơm thường tươm tất như thế. Y hơi áy náy, hỏi San:

– Chúng mình đưa mỗi tháng có bảy đồng mà bà cụ làm hoang thế này mà không lỗ vốn ư?

– Lỗ thì không lỗ, nhưng cũng chẳng còn được lợi gì.

Thứ tính ra rằng họ đưa như vậy, thì mỗi ngày cả hai người mới được bốn hào, chưa đến năm hào, độ bốn hào với sáu xu, già sáu xu gì đó. Nghĩa là có hai hào ba một bữa cơm, vừa gạo, vừa các thức ăn, lại còn phải kể cả củi, nước và mắm muối. Như vậy thì tính nguyên cơm với thức ăn, mỗi bữa chỉ vào khoảng hai hào hay chưa đến hai hào. Bữa nào cũng cá thịt thế này thì làm thế nào cho đủ được. San lẩm nhẩm tính từng đĩa đồ ăn và bảo: đủ...

– Có lẽ may ra thì cũng đủ. Nhưng chỉ đủ thôi thì không được. Bà cụ thổi nấu không công cho chúng mình ư?

– Tôi nói đủ nghĩa là đủ cả cho bà cụ. Gạo thì mỗi người ăn chẳng là bao. Ngay cả vợ thằng Mô ăn vào đấy nữa, cũng chẳng phải thêm mấy. Còn thức ăn thì cố nhiên là chúng mình không ăn hết đấy thôi. Thế nào chúng mình chẳng phải để thừa chút ít. Chỗ thừa ấy bà cụ ăn...

San lại tính cho Thứ biết rằng ở nhà quê bảy đồng bạc có thể đủ cho cả gia đình: Hai vợ chồng, một con, một đứa ở ăn. Ở nhà quê, mỗi người chỉ ăn hết ba xu. Có hồi thóc hào tám một thùng, mỗi người chỉ ăn chừng một xu, hoặc xu rưỡi, hai xu... Thứ ngạc nhiên. Sự sinh hoạt rẻ đến thế mà sao dân quê mình vẫn đói? Ở làng Thứ, bao giờ cũng như bao giờ, hiếm hoi lắm mới có một nhà được mỗi ngày hai hay ba bữa cơm no. Còn thì chỉ bữa no, bữa đói hay một bữa thôi.

Trong mười nhà thì có đến chín nhà phải chia cơm. Mà nào có được hoàn toàn là cơm! Họ phải ăn độn ngô, khoai. Những năm lụt, bão hay đại hạn, mất mùa thì cả cháo rau má, cháo cám, rau luộc trừ cơm. Thứ đã từng thấy có người ăn lá sắn tầu luộc làm rau, lá bà mụ nấu canh, sung luộc... Có người ăn cháo, nấu chỉ có một tí gạo còn thì toàn nồn khoai ngứa, có khi cả những cái lá non, bỏ vào cho đặc và nhiều. Có người ăn củ chuối... Một ông già hàng xóm đã kể cho Thứ nghe một câu chuyện ngụ ngôn. Một năm lụt, một buổi tối ông gọt sạch sẽ một cái củ chuối; ngâm bên dưới cầu ao cho nó hết nhựa đi, để sáng mai ăn. Ông cứ tưởng mình như thế đã cùng cực lắm rồi, và khi ngủ rất yên tâm, chẳng thắc mắc một tý nào về kẻ trộm. Ấy thế mà lại còn có một anh hàng xóm khổ hơn, lúc chập tối trông thấy ông ngâm cái củ chuối ở cầu ao, đêm đói quá, sinh thèm, không ngủ được, phải vùng dậy, im hơi lặng tiếng lội qua ao, lấy trộm cái củ chuối, rồi lại lóp ngóp lội về nhà mình, ăn... Thứ nghĩ đến tất cả những điều ấy và lại càng thấy rằng bữa ăn của mình quá phong lưu. Có thể gọi là xa xỉ rồi đấy. Y nghĩ đến bà, đến mẹ, đến vợ, đến em... Y nghĩ đến một lão ăn mày có những chiếc răng thưa đến nỗi chẳng chiếc nào dính chiếc nào, cũng dài, cũng dớt, cũng bần thủ như cái thân hình com rom và dài thườn thượt của lão ta. Hình như lão có họ hàng xa xôi gì với nhà y, nên mỗi lần đến, bà y bảo đem cho những một xu (những người kia chỉ được một trinh hay một kềm thôi). Lần nào Thứ cũng tranh lấy cái việc đem cho. Chẳng lần nào y chịu cho ngay. Y nắm chắc đồng xu trong tay, bắt lão đọc cho nghe bài *Về con chuột*, chẳng biết lão đặt ra hay học ở đâu, mà cả vùng y chỉ có mình lão biết. Hồi ấy y mới chỉ là một thằng còn con, độ lên bốn, lên năm. Y nghe nhiều, đến thuộc cả đi. Nhưng bây giờ thì cố nhớ lại, y cũng chỉ còn nhớ được bốn năm câu vào quãng giữa thôi...

... *Tý hợi khai thiên,
Đặt tên là chuột,
Cái đuôi vuôn vuốt,
Cái mõm thì dài.
Trời làm đại hạn.*

Lão chỉ đọc, chứ chẳng hát hoặc ngâm nga, nên khi y đã thuộc hết rồi, thì nghe đi, nghe lại cũng chẳng thú vị gì. Nhưng y cũng cứ cố bắt lão đọc cho bằng được mới nghe. Hình như y muốn làm tội làm tình lão ta chơi. Lão để giục ba, bốn lần rồi mới chịu đọc vè, biết

không đọc cũng không xong. Nhưng lão đọc bằng một cái giọng miễn cưỡng, bực mình, hấp tấp vội vàng, tiếng nọ vấp vào tiếng kia, và thường thường ăn bớt câu, như sót ruột, muốn chóng xong, hoặc chưa hết bài đã dừng lại, ì ra, không đọc nữa. Thế rồi mặt khó dăm dăm, nhăn nhó, lão nuốt nước dãi; rít đến “sịt” một cái qua những kẽ răng thưa, hơi há mồm ra, khoe những chiếc răng lênh khênh, như suốt đời chưa bao giờ ăn cả... Y nghĩ đến một câu của Gandhi mà y chỉ còn nhớ mang máng nghĩa đại khái của câu: “Mỗi miếng ăn, ăn vào lúc chẳng cần ăn, là một miếng giết lấy của những người khổ đói”...

Mâm có những hai bát cá riêu. San và Thứ bàn nhau hai người ăn chung một bát thôi, còn để cả bát kia nguyên vẹn, để bà cụ Hà không phải ăn thừa. Đó là một cách kính già. Tự nhiên Thứ lại nghĩ đến bà y. Bà cụ Hà chắc phải coi y, một ông giáo, như là một người cách biệt hẳn bà, trên hẳn bà, thuộc vào cái hạng như bà chỉ đáng làm u già, đầy tớ. Hẳn bà không ngờ rằng ông giáo lại có những người bà cũng rách rưới như bà, lam lũ như bà, mà lại còn khổ hơn bà một nước, là phải đói. Thứ không ao ước gì hơn là có thể nuôi bà y mỗi ngày hai bữa cơm như hai bữa cơm của bà Hà bây giờ. Một ý nghĩ nảy ra trong khối óc y: Mời bà theo mình để bà thổi nấu cho mình với San ăn. Như vậy thì có phải bà đỡ vất vả mà lại được no không? Mà y vẫn chỉ phải tiêu bằng ấy. Việc ấy giá thực hành được thì cũng hay hay, nhưng y sợ mang tiếng với San. Đã muốn phụng dưỡng bà thì phụng dưỡng ra hồn, chứ nuôi bà để bà làm đầy tớ cho mình thì thiên hạ cười vào mặt. Vả lại bà cụ cũng chẳng chịu đi nào. Vợ con Thứ còn phải ở nhà thì đời nào bà cụ chịu đi để y nuôi. Thỉnh thoảng, Thứ biểu cụ, dăm ba đồng để ăn quà, cụ vẫn giữ tiếng không chịu nhận.

Hai vợ chồng cháu đi ăn riêng, đã chẳng cho cháu được tý gì!

... Bà cụ cứ nghĩ thế và tự làm khổ cái thân mình một cách vô lý quá. Bà Thứ đã khổ suốt cả một đời. Thuở bé, bố mẹ chết đi lấy chồng, bà đã phải đi làm con nuôi nhà người, cùng với người em. Người ta nuôi, có phải vì hiếm hoi gì đâu, chỉ là cầu lấy việc đó thôi. Nghĩa là đi ở không công. Cái khổ còn biết nói thế nào cho xiết. Lớn lên lấy chồng nghèo. Chồng lại cờ bạc, rượu chè. Cứ vợ làm ra được tý nào, chồng lại phá đi. Vợ chồng đánh, chửi nhau. Rồi nhân một chuyến thua ông chồng cầm cố sạch nhà cửa, ruộng, vườn, bỏ làng đi biệt tích, chẳng bao giờ còn về nữa. Năm ấy bà mới có hăm ba tuổi

và mới được một người con. Bà ở vậy nuôi con, gầy dựng cho con, rồi nuôi cháu, gầy dựng cho các cháu. Suốt một đời, bà chỉ những làm, những lo hết việc nọ đến việc kia, chưa một phút nào được rảnh rang. Bây giờ tuổi già đã đến rồi. Đáng lẽ bà đã đến lúc được nhàn thì nhà lại túng và các cháu, đứa bé còn bé quá, chưa làm gì được, những đứa làm được thì lại có vợ, có con; chúng nuôi vợ con chúng chưa xong, còn nói gì đến chuyện nuôi bà nữa! Ấy thế là bà lại vẫn phải lo. Hết lo ăn, lo mặc, lo tiền thuốc thang lúc ốm đau, lại còn lo làm sao dành dụm được một món tiền vài ba trăm, để lúc chết làm ma, khỏi phải khổ đến con, đến cháu. Sao lại có một người từ lúc bé cho đến lúc già lại chỉ những lo là lo như vậy? Thứ thương bà lắm. Thật lòng y muốn sống rút đi mười năm để có thể làm cho bà sung sướng lấy vài ba năm trước khi rời cõi đời khổ ải này. Y rất sợ bà chết đi mà chưa được hưởng một chút gì, chưa trông thấy một tí gì của chính y. Y rất có thể không nuôi vợ con, để nuôi bà. Nhưng bà cứ lại không bao giờ để cho y làm thế. Bà giữ tiếng... Có lẽ chỉ khi nào Thứ đem được vợ con đi, thì bà mới chịu đi. Nhưng nghĩ đến lúc ấy, Thứ vẫn thấy ngại ngùng. Già trẻ là hai thái cực không nên để gần nhau. Thứ kinh nghiệm đã biết rồi. Bà già chưa bao giờ được ăn ngon, không thể quan niệm rằng người ta có thể ăn ngon; chưa bao giờ được nghỉ ngơi; không thể tin rằng người ta có quyền được nghỉ ngơi; chưa bao giờ được vui vẻ, yêu đương, không bằng lòng cho kẻ khác yêu đương và vui vẻ. Trước mắt bà, Thứ vẫn phải luôn luôn đóng bộ mặt ghét Liên. Y vẫn phải giả vờ chép miệng, lắc đầu nghe bà phàn nàn với y về những tật hoang phí vô lối, lười biếng của Liên, tuy y biết Liên vẫn lo hóp người đi, ăn chẳng đủ no và chỉ săn sóc đứa con nay sai mai đen của y cũng dứt hết thở rồi, huống chi lại còn phải làm để kiếm tiền thêm nữa. Ấy là bây giờ Liên còn phải làm mà ăn còn thế (y chỉ giúp đỡ Liên ít và ngấm ngấm thôi) huống chi là lúc Liên hoàn toàn trông cậy vào chồng. Y đã đoán trước ra những sự ghen tức, những lời kêu ca, day dứt, những nổi bủn xỉn, cay nghiệt của bà. Rồi bà chỉ những hậm hực suốt ngày, chỉ những tiếc tiền, những nặng mặt sa mày, giận dỗi mát hờn mà cháu cũng bực bội, buồn rầu, ngao ngán. Gia đình mất hẳn vui. Bà khổ, Liên khổ, mà ngay chính cả y cũng khổ. Con người ta, vào cái hạng phải nai lưng ra làm mới có được miếng ăn, thì chỉ lo sao kiếm nổi mỗi ngày vài bữa cơm no đã chật vật lắm rồi. Nhưng thật ra thì ăn no đã đủ đâu. Nếu sống mà không thấy sống là vui, thì thật không đáng sống. Chao ôi! Cuộc sống như

cuộc sống của chúng ta đang sống bây giờ đã thật có gì đáng cho ta thấy vui chưa? Người ta ghét nhau hoặc yêu nhau, nhưng bao giờ cũng làm khổ nhau cả. Tại sao như vậy?...

Vợ Mô đi làm về, tạt qua sân, đi thẳng vào bếp của ngôi nhà lá. Ngôi nhà lá hiện không có người thuê. Bà cụ Hà được dùng tạm, không phải tiền nong gì cả. Bà Hà vẫn ăn cơm trong đó. San đưa mắt ra hiệu, bảo Thứ nhìn. Y lăm lét nhí nhảnh. Trông ghét lắm. Thứ lừ mắt, tỏ ý không bằng lòng, và ra hiệu cho San biết ông chủ nhà đang ngồi xay bột đậu ở ngoài sân có thể trông thấy được. Y cũng nhìn ra, nhưng vẫn giữ nét trang nghiêm và làm như không chú ý.

Hà không đẹp. Dáng người cứng, đuôn. Mặt dẹt quá. Cái mũi hơi đỏ. Da sần sần, nhờn, trông như bần. Cổ chân, cổ tay thì thô lắm. Nó bước mãi, cái đầu hơi ngẹo đi, như thẹn. Còn cách hè độ mười bước, nó ù té chạy tọt vào. Thứ nghe tiếng nó cười ri rí, như vừa cười vừa bịt mồm, và tiếng bà cụ làu nhàu chửi. San lại đứng đưa đôi mắt, cười. San thềm những cử chỉ uốn éo, nũng nịu. Y vẫn thường kêu với Thứ:

– Lấy vợ nhà quê tức tức là! Chẳng biết làm nũng là gì. Giá tôi là con gái, tôi làm nũng thì phải biết!...

Cửa buồng đóng chặt rồi, đôi bạn nằm khểnh trên giường, vừa xĩa răng, vừa bàn tán nhỏ với nhau về vợ thằng Mô:

– Xấu quá! Không bằng nửa con Lân. Sao thằng Mô không lấy con Lân nhỉ?

San bảo thế... Lân là nhân tình cũ của Mô. Đã có hồi cứ sang sáng, hai nhà giáo ra đứng ở sân gác, đợi nhìn một con bé đi chợ sớm. Con bé khá xinh. Đôi mắt đen lay láy, có lẽ còn đen hơn vành khăn nhưng nó đội rất khéo trên đầu. Ngực chắc nịch. Thân thể nở nang và khêu gợi, tròn, béo lẳn, lồ lộ trong chiếc áo dài bằng phin trắng may thật khít với chiếc quần lĩnh đen, óng ả, bông chùng kín gót chân và đi guốc quai da láng. Nó đi yếu điệu, khoan thai, hơi lấy dáng, hai tay vung vẩy một cách dịu dàng, mềm mại. Ai dám bảo nó là một con sen? Hai nhà giáo vẫn nhìn nó bằng đôi mắt rất thềm thường. Nhất là San: y vẫn vuốt ve từng nếp thân thể nó bằng con mắt. Nhưng bỗng một hôm, San nghe lỏm được một câu hai thằng em Đích bảo nhau:

– Nhân tình thằng Mô đấy.

Y sững sốt. Y khoe với Thứ. Thứ hỏi Mô thì Mô tùm tùm cười. Nó

chối, nhưng lại cho Thứ biết con bé là con nuôi nhà bà đỡ. Nó lại thêm:

– Gọi là con nuôi, nhưng chính là con sen nhà bà ta. Bà ta giả nó mỗi tháng có năm hào.

– Thế nó lấy tiền đâu mà diện thế?

– À, thưa cậu, cái giống nó đồng đánh thì nó ăn vận thế, chứ thật ra ở nhà nó cũng khổ hơn con chó. Không những hầu hạ vợ chồng nhà bà đỡ, lại còn hầu hạ cả những người đến đẽ. Dơ dáy, bẩn thỉu. Có khi phải giặt dĩa cả cho người ta. Đến lúc về, người ta cho nó dăm hào. Nhờ có những số tiền ấy, nó mới may mặc được quần, được áo...

Một buổi sáng chủ nhật, Lân vừa đi đến ngang chỗ cửa trường Mô đứng trong nhà dặng to một tiếng. Lân quay vào, toét môi cười. Thứ nhận ra rằng nó cười không đẹp: những chiếc răng to quá, ánh lên môi, làm thâm cả đôi môi dày quá. Trông thật là khả ố. Từ hôm ấy, y cứ dần dần tìm ra những vẻ thô của người Lân, những vết tích không thể xóa của đời con sen, con ở. Bàn tay Lân chắc phải như nhóp lấm. Y tòm tởm. Y không còn nhìn Lân bằng những con mắt ham muốn nữa. San không thể. Đã đành, y cũng không dám nhìn Lân một cách quá đường hoàng như trước nữa nhưng y vẫn bảo Mô:

– Mà y cứ lấy nó đi, Mô ạ! Vợ đẹp thế không lấy, còn lấy ai? Mà nó lại sang. Mà y lấy nó, lúc về làng ta, vợ mà y cứ hơn những bà Lý, bà Phó đấy. Cứ hơn cả vợ chúng tao. Mà y xem: vợ mà y có quần lĩnh nó cũng có quần lĩnh; vợ mà y có khăn nhung nó cũng có khăn nhung; nó lại còn hơn vợ mà y cái áo trắng dài với đôi guốc quai lóng nữa, vợ mà y dám diện cũng chỉ dám diện đến áo the thâm, chứ làm gì dám mặc áo trắng dài, mà guốc thì chỉ tối rửa chân thôi, chứ đã ra đến đường là đi đất!

Mô cười khinh bỉ bảo:

– Cậu cứ dạy làm vậy, chớ hạng người như con làm gì đã dám lấy vợ mặc quần lĩnh, áo trắng dài?

– Mà y không lấy nó thì chim nó làm gì?

– Thưa cậu, con có chim nó đâu! Nó chim con đấy chứ...

Thấy San và Thứ bật cười, nó đỏ mặt lên. Mà thực tế, chính con Lân chim nó trước. Chim nó thì nó cũng bắt chim chơi! Có mất gì? Nó là con gái nó chẳng sợ thì Mô việc gì mà sợ...? Nhưng Mô cũng thú thật rằng đã có lúc nó toan lấy Lân làm vợ thật. Chúng đã bàn định với nhau. Chúng sẽ về quê Mô. Làm ruộng làm vườn. Lân biết

nghề đỡ đẽ. Không có bằng cấp thật, nhưng ở nhà quê thì ai cần gì sự đó... Mô thấy cũng có lý. Chúng đã suýt thu xếp lấy nhau. Ấy thế rồi suy đi tính lại thật kỹ càng Mô lại không lấy nữa. Chỉ vì cái đẹp không mài ra mà ăn được. Đỡ đẽ cho mỗi người, người ta cũng biểu dăm hào, đồng bạc thật nhưng cả năm được mấy người. Nhất là ở nhà quê, chẳng mấy người chuộng những bà đỡ theo Tây. Trẻ như Lân thì lại càng chẳng có ma nào mời đến. Thế mà ngoài cái nghề đỡ đẽ học mót được, thì Lân còn biết làm gì? Vườn không quen, ruộng không quen, hàng xay hàng xáo không quen. Ngay đến dệt vải, cũng không biết dệt. Ăn không nhi di! Mà lại thích ăn trắng mặc trơn. Mà lại còn biết cả tĩa lông mày, đánh phấn bôi môi, vuốt tóc bằng những chất làm cho mượt bóng. Đã chắc gì khi lấy Mô rồi, nó chịu chừa những cái dờm ấy đi và biết chịu thương chịu khó, chịu đầu gio mặt muội, chân lấm tay bùn, để sống với nhau? Đã chắc gì! Chưa lấy Mô, nó có là bà vương bà tướng gì đâu? Cũng cơm thấy cơm cô, cũng chỉ là một con sen. Thế mà động ra khỏi cửa là quần chùng áo dài ruôn ruốt. Nước ban ngày không dám gánh, sợ người ta trông thấy chỉ chờ đến đêm khuya mới ra máy gánh một mình. Có khi ngại gánh, bỏ tiền túi ra thuê. Thế rồi lại còn động cõn đánh đôi đánh lứa với con sen nhà bà Phán, hai đứa rủ nhau đi chụp ảnh, cả hai đứa cùng mặc tân thời, giầy gót cao, cổ lại đeo kiềng vàng tử tế. Chắc là đồ lễ của hiệu ảnh cho thuê chớ sắm thì những mã ấy, lấy tiền đâu. Mà mượn thì ai rồi hơi mà cho những quân ấy mượn?...

Đó là theo đúng cái giọng của Mô. Nghe nó nói thì ra sự nó ghét con Lân lắm. Nó mĩa mai và hằn học. Nhưng San bảo Thứ:

– Thật ra thì cu cậu cũng thêm rở dãi. Anh tính: miếng ngon thì thằng nào chẳng thích ăn. Có thằng nào thích của không ngon? Mà lấy vợ thì anh con trai nào chẳng vậy. Ngu đến đâu mà không biết thích con gái đẹp. Tôi thì tôi đoán chắc thằng Mô cũng muốn lấy con Lân lắm. Nhưng nó không dám lấy. Ở nhà quê nó có vườn đất nhà cửa gì đâu. Mẹ nó chỉ có đâu một sào vườn với một cái túp con con. Nó sợ xấu hổ với con kia. Với lại con kia, về trông thấy cơ cảnh ấy, chắc cũng sinh chán mà chẳng sớm thì muộn cũng tìm đường, tìm nẻo tếch... Chắc là cậu cả Mô suy tính thế, chứ con Lân đẹp thế thì sao mà không muốn lấy?

San mỉm cười, bảo thêm:

– Đừng nói gì đến thằng Mô ngay đến hạng chúng mình mà

không muốn lấy ư? Tôi hỏi thật anh: anh chẳng hạn, nếu nó lấy anh thì anh có lấy không?

Thứ nghĩ đến những bàn tay nhơ nhớp của Lân và tỏ ý ghê tởm với San.

– Vẽ chuyện!... – San nhạo Thứ. – Thế những cô đỡ, những cô nữ khán hộ quần áo trắng bôm bốp thì sao? Anh chẳng cảm ngấm ngấm cô Trinh mãi đó ư?

Thứ cười nhượng bộ:

– Thế có lý. Chúng ta vẫn tự phụ không định kiến nhưng thật ra vẫn còn nhiều định kiến. Chúng ta còn để ý quá nhiều đến những cái tên...

Và y hỏi lại San:

– Thế còn anh? Nếu nó lấy anh thì anh có lấy không?

San ngập ngừng một chút rồi cười:

– Ngay ở đây thì có lẽ không. Nhưng đến một chỗ khác, chẳng ai biết tôi, biết nó là ai thì tôi lấy.

– Nghĩa là anh sợ mang tiếng chứ gì? Đó, anh đã thấy chưa? Nghĩ người ta cũng buồn cười! Vợ ngoại tình mà người ngoài chưa biết thì tất nhiên là cũng đau đớn đấy, nhưng chưa đến nỗi đâm chết nhau hay li dị nhau đâu; thế mà việc đổ bể ra rồi thì nhiều khi phải khóc mà bỏ nhau, cũng bỏ...

San hơi đỏ mặt, cười xòa, nói lấp:

– Tóm lại thì anh hay tôi cũng không muốn lấy con Lân. Vả lại muốn cũng chẳng được nào: nó cảm thằng Mô chứ có cảm chúng mình đâu. Với lại chúng mình có vợ rồi. Hãy xếp chuyện con Lân lại. Tôi phải học một lát, kéo hết trưa, còn gì...

XI

Bà chủ nhà tuy người chẳng đẹp đẽ gì, nhưng được cái ăn mặc trông sạch sẽ, gọn gàng, mà nói năng thì mềm mỏng lắm. Có lẽ vì công việc của bà là phải đi ở ngoài đường, phải bán mua. Ông chồng, trái lại, suốt ngày chỉ ở nhà. Ông chỉ ra khỏi cổng để đổ rác bán ra cái lối đi hay để tiểu tiện vào những cái vũng ngẫu ngẫu ở chân tường. Cả tháng ông cũng chẳng đi đâu. Cũng chẳng mấy khi có khách khứa đến nhà ông. Thành thử giá không có mùa rét thì quần áo, đối với ông là những vật thừa. Tuy trời chưa nực, có hôm còn lành lạnh, mà ông chỉ cởi trần tròng trọc. Bà cụ Hà gọi ông là ông Học, Học là tên thằng con trai lớn nhất của ông. Nó đã toét mắt như cá nhà, lại còn thêm bệnh thối tai. Trông nó hơi có vẻ ngẩn ngơ. Thằng thứ hai, kém nó vài tuổi, nhanh nhẹ hơn nhưng cũng cục hơn anh. Những lúc tức lên, nó thường nắm lấy áo thằng anh mà đâm bình bịch vào giữa ngực. Cả hai đứa cùng bản thủ. Thật là một sự trái ngược buồn cười. Ông Học chẳng ngày nào không cọ rửa sân nhà, chuồng lợn, chuồng tiêu và giội nước cho đàn lợn của ông, nhưng chẳng bao giờ nghĩ đến sự cọ rửa và giội nước cho hai đứa con lớn của ông. Chính cái thân ông, ông cũng chẳng săn sóc gì nhiều. Thành thử chỉ có nhà, cửa, sân, bếp là sạch sẽ. Nhưng sự sạch sẽ cũng chỉ ở bên trong những tường, giậu mà thôi. Có lẽ ông nghĩ rằng bên ngoài không còn phải là đất của ông. Không những ông không quét dọn đến bao giờ, bao nhiêu cái bản thủ ở bên trong, ông đều tống ra đấy cả...

Vào khoảng quá nửa đêm, khi ở trong buồng, San xếp sách vở tắt đèn, đi ngủ, thì ở nhà ngoài, ông Học sực nhớ ra một việc gì cần. Dậy một cái, tỉnh táo ngay, in như một cái máy, gài theo ý định trước khi đặt xuống giường. Ông sờ cái bao diêm để ở cạnh bàn. Ông cầm diêm, châm vào cây đèn búp măng để ở giữa bàn. Ông cầm đèn xuống bếp. Người ta nghe tiếng bước chân ông bình bịch chạy đi chạy lại vài ba lượt; tiếng nổi, xanh loảng xoảng, tiếng nước giội xuống sân gạch kêu toang toảng... Ông hí hục ngồi làm đậu, lược đậu một

mình cho đến bốn giờ, bà vợ gọi u em dậy ấm đũa con bé nhất cho bà. Bà xuống bếp giúp chồng làm nốt, rồi sửa soạn gánh hàng để ra đi. Bà đi từ sáng tinh sương. Vợ đi rồi, ông Học cho lợn ăn, xếp dọn nồi xanh, rồi bắt đầu quét, gội nước và kỳ cọ sân, chuồng tiêu, chuồng lợn... Thường thường lúc San và Thứ đi dạy học, thì ông ngồi xay bột: người trần như một con ếch, chỉ có một cái quần đùi ròng rọc, che một tý thân, hai đầu gối khuynh ra, hai chân ôm lấy cái cối xay bằng đá, tay quay cối. Cả buổi sáng ông ngồi như vậy. Mười giờ, ông thổi nấu ăn, lấy mâm bát sẵn sàng. Bà vợ về, họ ăn cơm. Ăn xong, ông ngủ trưa một giấc khá dài, để bù lại cái thì giờ thức đêm. Bà vợ ngủ ít thôi. Vào khoảng một giờ, bà đã lại ra đi, hoặc để bán hàng thừa, hoặc để đi đong đậu. Hơn hai giờ, ông Học dậy. Ông gội mấy gáo nước cho tỉnh táo người hơn là vì muốn sạch người. Rồi ông lại hí hục xay đậu, chẻ củi, cho lợn ăn, làm mọi việc, trước khi làm bữa cơm chiều. Bữa chiều, ăn sớm lắm. Nếu bà vợ chưa kịp về thì họ để phần, nhưng phần nhiều bà về kịp, để cùng ăn. Cơm xong u em rửa bát đũa rồi đi gánh nước. Vợ chồng con cái nhà ông Học làm mỗi người vài giống mía của bà vợ mua về. Không mấy chiều họ không ăn, dường như đã nghiện rồi. Họ ngồi xúm xít cả vào một cái giường. Ông bố, vẫn tròng trọc nằm duỗi dài ở giường. Hai đứa con lớn, đứa đề đầu, đứa ấn chân ông. Ông hết quát con hay cười đến gần bật mái nhà, lại vỗ ngực bình bịch, đánh nhịp để kéo gân cổ thổi kèn tàu bằng mồm âm ỹ. Hai đứa con thích, hét lên cười, đập tay phành phạch xuống giường. Bà vợ ngồi ở một góc giường, giữ đứa con nhỏ, xem nó cười, nhún nhảy, vẫy tay – có vẻ không bằng lòng, những khi cái trò lố bịch của chồng diễn ra trước mắt hai ông giáo – bà hơi đỏ mặt, cúi ngay mặt xuống. Bà cười ngượng, khê trách chồng. Ông chồng thổi kèn tàu hăng quá, không nghe thấy. Hai mắt ông trợn ngược lên. Hai má phình to. Cái cổ to như cổ trâu, nổi cục lên. Cái đầu lúc lắc. Trông ngộ lắm. Hai đứa con càng cười, càng hét, càng đập giường, càng reo hò khỏe. Bà vợ bực. Bà nhìn trộm San và Thứ. Thứ làm như không để ý, coi cái trò của ông chủ là một việc rất thường, ai cũng có thể làm. San cố nghiêm trang. Nhưng mặt họ vẫn gờn gợn và nụ cười thấp thoáng trên môi họ, cứ vừa bị xua đi đã lại lộn về. Họ buồn cười lắm. Bởi cố nín, mặt họ đỏ bừng lên. Nếu không vì bận chấm bài hoặc làm gì, thế nào họ cũng lảng vào buồng. Có lúc bà cũng ngượng quá mắng hai con. Nhưng tiếng choe chõe, hò hét của chúng, át cả tiếng bà đi. Bà tức mình phang mỗi đứa mấy giống quạt

vào đầu. Tiếng hò hét, chí chóc bỗng im bật. Cả tiếng kèn tàu cũng tắt. Hai đứa xoa đầu, chực mếu. Bà mẹ gắt gỏng:

– Khiếp! Làm cái gì mà om nhà lên thế? Con nhà hư quá!

Ông chồng biết mình là chính phạm, ngượng nghịu, nhìn hai con, nhìn trộm vợ. Mặt bà vợ đỏ như. Bà nhìn xuống để giấu mặt đi. Bà nuốt nghẹn, như cái tức đã đưa lên đến cổ... Ông chồng quát hai con:

– Im ngay! Có thể mà cũng chực khóc!... tao dận cổ! Nằm xuống đây!

Bà vợ không còn nhìn được. Bà cau mặt:

– Nói be bé chứ! Làm gì mà phải quát lên như vậy?... Khiếp thật thôi...

Tiếng bà đã run run. Bà có vẻ như chực khóc. Có lẽ nước mắt đã ứa ra một chút, và chảy vòng quanh mắt. Bà ảm ức. Cả nhà im lặng. Rồi ông chồng trở mình, quay mặt vào.

Thứ thấy một chút gì nặng nặng ở trong lòng. Y ái ngại cho cả đôi vợ chồng kia. Cho người chồng, bởi vì ông có vẻ như phải nhịn vợ, phải chịu bẽ mặt trước hai người lạ. Và cho người vợ, vì bà có vẻ lấy làm xấu hổ vì chồng thô lỗ quá. Người ta chẳng phiền gì đến ai, thật cũng khó lắm thay! Thứ và San dù chẳng muốn chút nào, nhưng chỉ vì có mặt ở đây, cũng đã đem đến cho hạnh phúc của gia đình ông Học, những cơn sâu nho nhỏ. Nói là nho nhỏ, bởi vì xưa nay người ta vốn khinh thường những nỗi khó chịu giãy lất kia. Thật ra thì chúng chẳng nhỏ tí nào. Chúng như một cái hạt táo, hay một cái đầu đinh trôi lên, bên dưới cái chiếu ta nằm. Nó chẳng giết chết ai, chẳng làm đau, chỉ cộm cộm cái lưng thôi, nhưng chính vì nó mà người ta mất hết cả cái thú vị của sự nghỉ ngơi êm ái... Ông Học thối kèn tàu như vậy, có lẽ đã hàng chục năm rồi. Có lẽ ông bắt đầu thối mãi từ hồi còn trẻ trung, hai vợ chồng mới lấy nhau. Thứ tưởng tượng ra những buổi chiều xưa của đôi vợ chồng son. Họ đã ở riêng. Nhà chỉ có hai người. Ngày tàn rất quạnh hiu. Đôi lòng càng thấy muốn gần nhau. Công việc một ngày đã xong rồi. Bây giờ là lúc nghỉ ngơi. Chồng nằm ngửa ở giữa giường. Vợ ngồi bên. Lòng phơi phơi vui và chẳng còn câu chuyện gì để nói với nhau. Ông Học tự nhiên vỗ ngực, thối kèn tàu, để vợ bật cười, nguýt yêu, phát khê cho một cái và mắng là phải gió...! Đến khi có con, ông thối kèn tàu để dỗ con. Rồi bây giờ, có lẽ ông thối, để nhớ lại những buổi chiều đẹp, êm xưa. Cái ấy đã thành một thói quen, như cái thói quen ăn mía của ông. Một cách giải trí hơi lơ lửng, hơi âm ỹ, nhưng mà ông thích. Chỉ xét một điều ông bị

vợ trách mấy lần rồi mà thỉnh thoảng vẫn buột miệng rống lên, là đủ biết. Từ trước đến nay, ông vẫn được tự do: không ai cấm ông, mà vợ ông cũng không lấy sự ấy làm khó chịu bao giờ. Họ vẫn sung sướng hưởng cái vui gia đình của những buổi chiều. Chợt hai con người lịch sự lọt vào nhà: hai ông giáo cứ động ra khỏi cửa là quần áo hắt hoi, cử chỉ giữ gìn, nói năng nhẹ nhàng, mềm mại. Vẻ nho nhã của họ làm nổi bật cái lỗ măng của ông chủ nhà lỗ măng lên. Người đàn bà xấu hổ. Và những buổi chiều, đôi vợ chồng ấy không còn tự do, vui vẻ như trước nữa. Một cái đầu đàn đã trôi lên, làm vướng víu cái hạnh phúc giản dị của gia đình họ...

Thứ hơi bịn rịn về chỗ ấy. Y muốn y cũng có thể lỗ măng, cũng có thể nói xô bồ, làm những trò lơ lửng như ông Học thổi kèn tàu, mà không đỏ mặt, để bà Học không nhìn thấy sự kém cỏi của chồng. Nhưng mà không thể được. Người ta không mỗi chốc bỏ được những ngôn ngữ, cử chỉ mà cái hoàn cảnh của mình đã tạo cho mình. Học làm sang, đã đành là một sự khó khăn rồi. Học làm hèn cũng khó khăn không kém.

Một hôm Thứ ngỏ ý phàn nàn cho những người như ông Học, thất học từ thuở nhỏ, dốt nát, trí óc hẹp hòi, sống một cuộc đời gàn như súc vật: thô kệch, mù tối, nghèo nàn. San lộ vẻ hoài nghi:

– Anh tưởng ông Học khổ hơn chúng mình ư? Tôi ngờ lắm. Để tôi tính cho ông nghe. Ông Học làm việc mười giờ thì anh cũng làm việc mười giờ. Công việc của ông ta dễ dàng hơn công việc của anh, dễ dàng và đỡ mệt người hơn. Dạy học xong, anh đã thật yên lòng về bọn học trò chưa? Ông, trái lại: miễn làm sao cho đậu thành ra bột, bột đậu thành ra đậu phụ, thế là ông có thể ngủ rất ngon giấc rồi... Bây giờ nói đến tiền: làm đậu như thế, mỗi ngày ông có thể lãi được từ một đến hai đồng. Đủ cho cả nhà ăn. Có thể thừa, nhưng tôi chỉ nói đủ thôi. Bã đậu dùng để nuôi lợn đẻ ra. Mỗi năm vài lứa lợn, lại không được trăm bạc, hơn trăm bạc à?... Còn anh, anh làm có nuôi nổi vợ con không? Liệu suốt đời anh, có bao giờ anh tậu được một mảnh đất, xây nổi một cái nhà, tạo nổi một cái cơ nghiệp xoàng xoàng như cái cơ nghiệp của ông Học thôi không? Ấy là chưa nói đến nỗi bấp bênh của chúng mình: tay không, bao nhiêu tiền của đổ ra để học mất cả rồi, nhỡ thất nghiệp một cái thì chết đói.

– Đã đành rồi. Nhưng nói như San, thì người ta mất bạc nghìn để học, chả là dại lắm sao?

San cười:

– Người ta không dại, nhưng lắm. Người ta cho con đi học, ai cũng muốn cho con sau này thi đỗ làm quan, hay ít cũng là ông Phán, ông Tham, chứ có định cho con làm ký khố nhà buôn, giáo khổ trường tư hay thất nghiệp đâu. Nhưng sự đời nó xoay ra thế. Bố mẹ chúng mình bây giờ nghĩ tiếc số tiền bỏ ra cho chúng mình học ngày xưa lắm đấy nhé!

Đích cũng đã có lần nói với Thứ na ná như San vậy. Y nghĩ ý tiếc số tiền và cái công lao đã phải bỏ ra để học hành. Nhất là số sức khỏe bị mất đi. Gia đình y cho y đi học, cũng như làm một việc buôn. Y phải cố học hành cho đáng với số phí tổn về việc học của y, cho khỏi phụ lòng mong mỏi của mẹ, cha. Y đã học ngày học đêm, mỗi đêm chỉ ngủ có ba giờ, học đêm ồm người. Cái thời kỳ đang lớn lên, đã phải lao tâm, lao lực quá độ như vậy, lại chẳng được bồi dưỡng gì. Chỉ có thể trả ít tiền, y phải trọ học ở những chỗ rẻ tiền; ăn thế nào thì thôi, cỗ khi chưa đủ no; ở thì bẩn thỉu, chật chội, tối tăm, ít không khí nhưng lại nhiều người, nhiều chuột, gián và muỗi, rệp. Y không ra đến ngoài, không đi chơi, không tập thể thao, vì sợ tốn thì giờ. Do thế mà sức khỏe bị bại đi. Vào một trong những phút chán nản nhất của đời y, y đã rơm rớm nước mắt, bảo Thứ bằng một cái giọng nửa như oán thán, nửa buồn rầu:

– Giá bố mẹ chúng mình cứ để cho chúng mình đi chăn trâu, cắt cỏ, rồi đi cuốc đi cày lại hơn. Chỗ tiền cho chúng mình đi học, để chúng mình làm cái vốn làm ăn. Cứ vậy thì có lẽ bây giờ chúng mình đã yên thân rồi. Biết đâu chẳng đã giàu? Cho chúng mình đi học thì sạt nghiệp mà chúng mình thành ra khổ. Chúng mình hóa dở dang. Chạy chọt để vào làm sở nợ, sở kia thì chúng mình lấy tiền đâu? Làm thợ thì không có nghề. Đi buôn, thì không có vốn. Về nhà quê làm ruộng thì chúng nó cười cho thối đầu lâu. Vả lại cuốc không hay, cày không biết, với cũng không có sức. Ngay lưng quen rồi.

Đúng vậy. Cảnh Thứ thì cũng rứa. Và đó cũng là cái cảnh chung của một số đông thanh niên, con của những nhà mới chỉ có thể gọi là hơi có máu mặt ở nhà quê, mà đã có cái hứng khởi muốn cho con vượt khỏi cuộc đời bức bối, trói buộc của ông cha. Nhưng Thứ không hoàn toàn đồng ý với Đích và San. Đã đành, nếu họ không dùng gần hết cái cơ nghiệp của nhà vào việc học, thì có lẽ bây giờ họ không đến nỗi phải chật vật trong việc mưu sinh quá thế này đâu. Nhưng

họ có sung sướng hơn được tý nào chăng? Thứ không tin lắm. Y thấy cuộc đời ở nhà quê chẳng vui gì. Người nhà quê làm quần quật suốt đời như một kẻ chung thân bị khổ sai mà chẳng có quyền nghĩ đến gì hơn, ngoài mỗi ngày mấy bữa cơm gạo đỏ như nâu, độn ngô khoai, mà họ ăn chẳng đủ no, ăn mãi mót, vôi vàng, như chỉ cốt ngón thật nhiều, cho đầy bụng thì thôi, chẳng kịp biết ngon. Họ sống dò dẫm, tối tăm, nhút nhát, suốt đời chỉ những sợ cùng lo: Mưa nhiều, lo; nắng nhiều, lo; nước lớn, lo; gió to, lo;... Họ lo những tai họa của trời đất, của sông, họ lo sự nhùng nhằng của thần thánh, quý, ma. Họ lo trộm, cướp ban đêm và những trộm cướp ban ngày. Bất cứ cái gì cũng khiến họ lo, họ sợ. Họ là những người nhẫn nại đến cực độ, luôn luôn nhận mình là con sâu cái kiến, con giun cái dế, ai muốn giẫm lên cũng được; những kẻ bị bóc lột, đè nén, ức hiếp, đánh chửi đã quá quen rồi, nên hầu như không còn biết phần uất là gì; những kẻ hiểu danh giá một cách khá buồn cười; họ có thể cho kẻ khác tát một cái để được lợi một vài hào, nhưng lại rất có thể vút ra đôi, ba trăm để được người ta gọi là ông Phó; những người luôn luôn tính toán nhưng lại tính rất nhầm: họ tiếc, không dám giết một con gà cho bố mẹ ăn, nhưng nếu bố mẹ chết đi, lại rất có thể giết đến mấy con bò để làm ma thật lớn, những người rất ngờ nghệch nhưng lại rất đa nghi; chẳng khó gì mà có thể khiến cho họ tin rằng một con cá chép vừa hóa thành một ông lão tóc bạc phơ để nói thành lời báo tin đối kém, mất mùa, nhưng đố ai phân trần được cho họ chịu rằng trồng đậu ngăn được bệnh đậu mùa thì bệnh đậu mùa sinh ra chỉ là do một giống vi trùng chứ chẳng có các bà, các cô nào đi rải hoa rải quả; những người đối với bề trên thì run rẩy, khúm núm, sợ sệt, nhưng đối với hàng xóm thì lại thô tục, gắt gỏng, ghen ghét, độc bụng ích kỷ, cay nghiệt, nghi nan; những kẻ thích đánh bạc như ma xui, uống rượu đến quên cả tổ tiên, đánh vợ bằng đòn gánh và dạy con bằng roi vọt... Đàn anh thì bóp nặn, hà hiếp, gian xảo, vô liêm sỉ, chuyên sống bằng mồ hôi, nước mắt của con em. Nói tóm lại, trong cách sống, trong việc mưu sinh, trong sự giao tiếp của người dưới đối với người trên, của người nọ đối với người kia, chẳng có một chút gì có thể gọi là lạc thú. Bị người ta cười lên đầu, lên cổ hay cười lên đầu, lên cổ người ta, thì chẳng qua cũng chỉ là những kẻ dốt nát, ngu muội, bị giam hãm lâu đời trong cái khổ, trong sự tù túng và thối nát. Ngay đến cái đời của hạng người như ông Học, đủ ăn, sống yên ổn ở một chỗ bán thành thị, bán thôn quê, Thứ cũng chẳng mơ ước

một chút nào. Yên thân, nhưng yên thân như vậy để làm gì? Làm để có ăn, ăn để sống, sống để đợi chết... cả cuộc đời chỉ thu gọn vào bằng ấy việc thôi ư? Và có sung sướng gì, cái kẻ suốt đời chỉ biết cời trần trùng trục, chúi mũi vào cái cối xay bột, chẳng bao giờ dám nhìn xa hơn một chút, thu hẹp cuộc sống và sự hiểu biết của mình vào trong cái phạm vi nhỏ hẹp của mảnh đất cón con của mình...

San triết lý:

– Học nhiều là đại. Học là để biết. Nhưng biết làm cái quái gì. Ngu si hưởng thái bình. Biết lắm càng khổ lắm. Chúng mình thì đã học được bao nhiêu? Ấy thế mà tôi dám chắc một thằng dốt đặc không bao giờ có nhiều cái khổ như chúng mình.

Vậy mà y vẫn học như thường, học đến không còn một chút thì giờ nào để nghỉ ngơi! Y có thể cãi rằng đó là vì y đã trót học rồi, không thể trở về, cần theo đuổi cho được một mảnh bằng giúp cho y có thể tìm một chỗ làm. Nhưng y lại đã lo lắng đến cả chuyện làm thế nào để bốn năm năm nữa có tiền để cho đứa con đầu lòng của y đến nhà trường... Thứ mỉm cười:

– Anh tin vào luật thừa trừ, nghĩa là ông trời ông ấy cứ nhe những người nào được hưởng sự học thức nhiều để phân phát cho nhiều đau khổ hay sao?

– Không phải thế. Cái khổ thì vẫn vậy. Có điều người hiểu biết nhìn rõ cái khổ của mình. Kẻ dốt nát khổ nhưng không biết rằng mình khổ. Không biết rằng mình khổ thì không khổ.

Thứ vẫn mỉm cười, nhưng nụ cười của y trở nên chế nhạo hơn. Y hỏi vặn San:

– Anh có bằng lòng làm một cục đá để sung sướng hay không?

Y tự trả lời:

– Cố nhiên không. Anh vẫn muốn làm người, làm vật sống, vẫn muốn sống như thường. Nhưng anh sống mà anh khinh sự sống. Bởi vì sống, – tôi nói cái sự sống nó tự biết nó, chứ không phải cái lối sống vô tri giác của cỏ cây, sống tức là cảm giác và tư tưởng. Sống cũng là hành động nữa, nhưng hành động chỉ là phần phụ: có cảm giác, có tư tưởng mới sinh ra hành động. Bản tính cốt yếu của sự sống chính là cảm giác và tư tưởng. Cảm giác càng mạnh, càng linh diệu, tư tưởng càng dồi dào, càng sâu sắc, càng sáng suốt thì sự sống càng cao. Kẻ vô học cũng như những giống người mọi rợ, sống nông

cạn, thấp kém, thô kệch hơn những kẻ có học và những giống người văn minh.

– Nhưng hạnh phúc?... Anh tưởng văn minh tạo cho loài người hạnh phúc ư?

– Hãy khoan nói văn minh! Ta phải tự hỏi xem nền văn minh hiện thời đã là một văn minh trọn vẹn chưa?... Hãy nói nguyên về sự học thôi. Tôi không nói chắc rằng học thức có thể tạo ra hạnh phúc cho loài người. Nhưng nếu quả thật nó không tạo nỗi hạnh phúc cho loài người, theo như anh tưởng, thì nó cũng chẳng tạo ra đau khổ: chính anh vừa bảo thế. Nó chỉ làm người ta nhìn rõ cái khổ mà thôi. Như thế nghĩa là cái khổ vẫn có, dù người ta nhìn thấy hay không nhìn thấy. Không biết rằng chỉ là ngu muội, có phải là diệt được nỗi khổ trên đời này đâu?...

Thứ cho rằng người ta cần biết khổ, cần nhìn nhận rõ ràng cái khổ, để tìm cách diệt khổ. Nhắm mắt không phải là can đảm, cũng không phải là một phương sách tốt. Sự tìm tòi, sự suy nghĩ sẽ khiến cho nhân loại dần dần hiểu biết, và sự hiểu biết sẽ vạch ra những con đường, sẽ chỉ rõ cho người ta phải làm như thế nào... Y bực tức bảo San:

– Tôi cáu vô cùng, cáu mà lại thương, lại chán nản, lại buồn khi thấy những người khổ mà không biết rằng mình khổ. Họ cam chịu quá. Họ hầu như tin rằng đời họ không thể còn đổi thay được nữa.

Y thú thật:

– Tôi quý cái học thức ít ỏi của tôi. Tôi lấy làm kiêu vì nó. Tôi nghèo, tôi khổ, tôi ốm yếu thật, nhưng nếu bảo tôi đổi cái học thức của tôi lấy cái giàu, cái sướng, cái khỏe mạnh của người dốt nát, nhất định tôi không đổi. Anh thử nghĩ kỹ mà xem. Chỉ có cái thú đọc sách cũng đã kéo lại cho chúng mình nhiều lắm...

Thứ đọc sách rất ham mê. Chỗ ở mới rất tiện cho việc đọc sách của y. Thường thường sau bữa cơm chiều. San đi học tối ngay. Thứ vào buồng, đóng chặt cửa ra vào. Y buông màn sẵn, bỏ đèn vào trong màn, đọc. Y rất kín tiếng. Ở nhà ngoài, người ta khó biết y thức hay ngủ, có nhà hay đã đi chơi. Người ta có thể tự do hơn một chút.

San học về vào khoảng mười giờ. Vào giờ ấy, chỗ này đã có vẻ khuya vắng lắm. Ở nhà ngoài, tiếng nói cười im đã từ lâu. Cả nhà ông Học ngủ say rồi. Bởi cần dậy sớm nên bao giờ cũng chỉ chập tối

một lát là họ ngủ. Máy nhà chung quanh cũng vậy. Mỏi mắt, mỏi tay, úp quyển sách xuống ngực và đè bàn tay phải lên trên, Thứ nghe thấy tiếng những con ngựa ở chuồng bên nhai cỏ kêu rạo rạo. Thỉnh thoảng một con quất cái đuôi vào cạnh sườn, đuổi muỗi, đập chân và thở hắt ra một tiếng giống như tiếng xì mũi mạnh. Có con hững lại kêu: “Hi... hi... hi...” như một người đàn bà béo, cười nức nở... San về bằng cái lối đi ở sau nhà. Y cầm quyển vở cuộn tròn lại, đập vào lưới thép căng trên cửa sổ. Thứ thưa khẽ một tiếng, cho San biết rằng y còn thức. Y trỗi dậy, lê ra cạnh giường, buông thông chân xuống đất, tìm đôi guốc. Y rón rén đi thật nhẹ chân. Mở cái cửa buồng ra, y thấy nhà ngoài vẫn còn đèn. Người u em đang ngồi vá áo dưới đất, ngay chỗ cửa ra, ngẩng mặt lên một thoáng rồi lại cúi xuống, im lặng vá. Thứ có cảm tưởng như thị vá, chỉ vì đêm dài quá, không sao ngủ hết, cũng như bà ngoại y thường bắt rận vào những đêm mùa rét, vì không ngủ được. Y đưa mắt rất nhanh một cái về phía giường vợ chồng ông Học. Nhưng màn buồng kín mít... Những tiếng ngáy lớn và nhỏ, đều đều đưa ra...

San như ngưng về cái chỗ đêm nào Thứ cũng phải đợi, mở cổng cho y. Y hỏi:

– Anh chưa ngủ hay sao mà tôi vừa đập cửa, anh đã biết ngay?

– Tôi còn đang xem sách.

– May quá nhỉ! Giá anh lại thiu thiu sắp ngủ rồi, mà phải dậy thì phiền anh quá!

Y bảo Thứ cứ về buồng trước, để y đóng cổng. Về đến buồng, y vừa cởi quần áo, vừa nhăn nhó:

– Hôm nay, tôi gặp chuyện này hay lắm...

– Chuyện gì?

– Để tôi đóng cửa buồng đã nhé!

Y ra đóng cửa buồng. Rồi y vào giường, nằm bên cạnh Thứ, nhõng nhẽo, kể khe khẽ với Thứ việc một gái ăn sương đã ngăn y lại, giữa một con đường tối trong vườn Bách Thảo và gạ gẫm y như thế nào...

XII

Cái nhà lá, một hôm có người đến hỏi thuê. Anh chàng còn trẻ, độ ba mươi hay chưa đến ba mươi, tóc gọng kính quần đen, áo cánh trắng may chùng, phủ áo tây vàng đã cũ. Thứ và San ở trường về thì đã thấy y đang mặc cả với ông Học, về đôi chiếu với cái giường tre ông bắt của lão cai thuê cái nhà lá trước, để trừ vào mấy tháng tiền nhà còn thiếu. Ông Học cao giọng bảo:

– Thôi được... Cái giường thì tôi cho mượn, nhưng đôi chiếu thì phải trả tiền tôi. Tôi để lại cho. Một đồng bạc, một đôi chiếu mới nguyên, rẻ chán!

Và anh kia năn nỉ:

– Thôi! Ông cho cháu... Đôi chiếu người ta đã nằm rồi, chắc ông chả dùng, có để đấy cũng bằng để không thôi.

Ông Học toang toang:

– Sao lại để không? Đôi chiếu còn mới nguyên, lão ta mua để đắp chứ có trải giường đâu! Với lại có trải cũng chẳng sao. Lão ta có một mình, chứ có đàn bà đàn biếc gì đâu mà bảo phải kiêng? Với lại dẫu có đàn bà cũng chẳng phải kiêng. Giặt là sạch hết.

– Vâng, đã đành rằng vậy, nhưng cũng mang tiếng là đôi chiếu cũ.

– Thì tùy anh đấy. Tôi có ép đâu? Anh không lấy, cứ để đấy cho tôi. Có một đồng bạc, tôi chỉ giặt đi, rồi để trải sân cho trẻ con chơi chiếu mát, hay ngồi ăn cơm, cũng đáng.

Xin không được, anh ta đành trả năm hào. Ông Học để anh nói mỗi mồm rồi mới chịu nghe. Ông lại còn làm ra tiếc rẻ, ngần ngừ một chút rồi tặc lưỡi:

– Ừ! Thì đấy! Để rẻ cho anh. Thế là anh thuê nhà tháng đầu không mất tiền. Bao giờ anh dọn nhà đến?...

Hôm ấy là hăm bảy. Ông cho người thuê lợi được ba hôm. Tính tiền từ mùng một tháng sau. Nhưng ông chủ cẩn thận bắt giam ngay một tháng tiền nhà để ông biết chừng, nay mai có ai đến hỏi thuê,

khỏi nhận lời. Ông lại giao hẹn tiền nhà tháng nào cũng vậy, phải trả trước từ mùng năm. Mà khi không muốn ở nữa, muốn dọn đi, phải báo trước nửa tháng cho ông biết...

– Luật nhà nước người ta đã ra như vậy!...

Ông bảo thế, làm như ông thông thạo luật nhà nước lắm. Sao mà ông cặn kẽ, khát khe đến thế! Bù với hôm Thứ và San đến thuê nhà: ông đã tỏ ra quá ư dễ dãi và nhả nhận... Người thuê nhà nhận hết. Nhưng y chỉ giam trước có ba hào, vì hiện tiền ở trong túi chỉ có ba hào. Còn hai hào nữa, y hẹn khi nào dọn đến, sẽ xin đưa nốt ngay lập tức...

Y dọn đến hôm nào, Thứ không để ý. Trong cái nhà lá, vẫn trước thế nào, sau thế ấy: ban ngày vẫn bỏ không; đồ đạc chẳng thêm gì, vẫn chỉ trơ trọi một cái giường tre xộc xệch. Nhưng một buổi chiều, đang ngồi ăn trên bộ ngựa của ông chủ ở nhà ngoài. Thứ bỗng hơi ngạc nhiên thấy một chị vào chạc tuổi vợ Mô, đi từ cổng vào sân một cách rất ngang nhiên, như một người nhà. Nhìn kỹ, chị ta có thể nhiều tuổi hơn vợ thằng Mô. Độ hăm mốt hăm hai. Người thấp và đầy đặn, da cũng đen nhưng còn nhẵn nhụi hơn. Quần áo thì cũng chỉ thế thôi: khăn vuông đen, yếm trắng, áo cánh nâu, quần treó go đen, nhưng có vẻ đĩnh đạc hơn. Cái yếm trắng hồ lơ, trắng trẻo hơn. Cái quần bông chùng hơn. Cái khăn vuông thì chắc đã phải soi gương mà thắt, mà sửa đi sửa lại, chứ chẳng phải bạ thế nào nên thế ấy. Ở chỗ này hiếm người đẹp đến nỗi trông chị cũng dễ coi: Thứ đưa mắt nhìn theo. San ranh mãnh mỉm cười:

– Vợ người thuê nhà lá đấy. Chị ta làm ở nhà rượu bia.

Y giới thiệu như vậy bằng tiếng Pháp...

– Sao anh biết?

– Thằng Mô bảo.

San còn cho Thứ biết rằng cô ả là vợ hai của anh chàng, vợ hai theo, anh chàng đã có vợ cả ở nhà quê, y là một thằng xe, kéo xe nhà, công mỗi tháng hai đồng, quần áo chủ may...

Thứ ngạc nhiên:

– Công có mỗi tháng hai đồng?

– Chứ còn gì nữa! Cơm nuôi, quần áo chủ may kia mà!...

– Nhưng làm được mỗi tháng có hai đồng mà dám lấy những hai vợ?

– Chứ sao! Hai đồng thì thuê nhà mất năm hào, diêm thuốc độ năm hào, cũng còn được một đồng tiêu vật.

– Thế còn hai vợ?

– Vợ cả làm vợ cả ăn, vợ hai làm vợ hai ăn; chẳng cấp đỡ cho vợ nào, như vậy là công bình lắm!

San cười để thưởng thức câu nói mỉa của mình. Một lát rồi y lại gật đầu, lẩm nhẩm:

– Thế mới biết chúng mình xoàng thật. Tôi thì trừ số tiền cơm đi rồi cũng còn được công mỗi tháng hai đồng, nghĩa là bằng công của hần; anh thì lương cao hơn hần những năm lần; chúng mình cũng xa vợ quanh năm; thế mà chẳng thằng nào dám lấy thêm một vợ nữa ở đây, cho tiện. Chúng mình không sướng bằng một thằng xe!

Thứ hơi lấy làm lạ về cái chỗ một thằng xe mà cũng có thể thuê một cái nhà riêng, để tối tối về ngủ với vợ hai. Thường thường, một thằng xe, ngoài việc kéo xe, còn phải lau đồ đạc, quét nhà, giặt quần áo... có khi cả gánh nước, chẻ củi, làm bếp, nếu có thì giờ rảnh. “Hết giờ rồi!” là những tiếng mà bọn gia nhân không được phép nói bao giờ. Chẳng bao giờ có thể gọi là hết giờ rồi! Họ làm việc không có định thì giờ. Chủ có thể sai họ bất cứ lúc nào, ngày cũng như đêm. Bất cứ lúc nào, họ cũng phải có mặt ở nhà, nếu chủ không sai họ đi đâu. Không một phút nào, họ có thể thở ra một tiếng sung sướng mà tự bảo cái câu mà khi được nói lên, bất cứ ai cũng thấy nhẹ bồng người: “Bây giờ ta đã được chỉ còn là của một mình ta thôi...” Thứ nhớ đến một điều y nhận thấy ở Sài Gòn:

– Ở Sài Gòn, thường thường tụi bồi, bếp làm cũng có thì giờ. Nhiều khi, chúng có nhà riêng. Sáu giờ sáng, chúng đến nhà chủ mình; vào khoảng sáu, bảy giờ chiều khi bữa ăn tối đã xong, chúng rửa xong bát, đĩa, nồi, sanh, xếp dọn đâu vào đấy rồi, là lại về nhà chúng. Không có nhà riêng, chúng có ở luôn nhà mình thì xong công việc rồi, chúng cũng đi chơi hay là muốn dùng thì giờ nghỉ của chúng làm gì thì cứ việc dùng. Thì giờ nghỉ, hoàn toàn là thì giờ nghỉ.

San bảo:

– Ở ngoài này thì không được thế. Một giờ đêm rét như cắt ruột thằng nhỏ hay con sen đi nằm ấm chỗ rồi, đang ngáy khò khò, nếu chủ nhà chợt thấy hứng muốn uống một ấm trà thật nóng cho ấm dạ, thì cứ việc chạy vào lấy chân hất tung chiếu đắp của nó ra, rồi đá vào

dít cho mấy cái cho tỉnh lại, bắt dậy đun ấm nước; nếu rờ đến bao thuốc lá mà thuốc lại hết rồi, thì cứ việc đưa cho đồng hào chạy ra phố thật nhanh, đi tìm bất cứ hàng tạp hóa hay hiệu cao lâu nào còn ánh sáng, mà gọi cửa, mua một bao thuốc lá.

Y ngừng lại một chút như để ngẫm nghĩ. Rồi y tiếp:

– Anh xe này thì chắc làm cũng chẳng có giờ giấc gì đâu. Nhưng phỏng thì buổi tối, chủ cũng ít khi phải đi đâu khuya. Với lại chắc rằng nhà chủ cũng còn thằng nhỏ, con sen gì nữa. Đêm có sai gì, thì sai thằng nhỏ, con sen cũng được. Anh xe vào khoảng tám chín giờ tối, thấy chẳng còn phải đi đâu, công việc vặt cũng chẳng còn gì, lau cái xe thật sạch cất đi, rồi xin phép chủ cho về. Giữ anh ta ở lại cũng chẳng được lợi gì thêm. Nhưng giá phải người chủ cay nghiệt, họ không cho về thì làm gì họ tốt? Tôi đoán hẳn cho như thế. Không thế, sao anh ta hay về muộn lắm? Đêm hôm qua, cũng mãi đến mười một giờ hơn, tôi mới thấy chị vợ ra mở cổng. Sáng nay, lúc chúng mình dậy, thì có phải cả hai vợ chồng anh ta cùng đi rồi không?

Y tủm tỉm cười:

– Nghĩ thì cũng khổ. Mười giờ, mười một giờ đêm, cuộc bộ năm cây số từ Hà Nội về đây, ngủ với vợ bốn năm giờ đồng hồ; sáng hôm sau, gà mới gáy độ vài lần đã mãi một choàng dậy mắt nhắm mắt mở, cuộc bộ một mạch năm cây số về Hà Nội... Khi thằng đàn ông đã mê gái thì nó làm tội cái thân nó một cách thật là thảm hại!

Thứ cũng mỉm cười, nói kháy San:

– Cũng chưa thảm hại bằng cái thằng vượt một trăm cây số về thức với vợ một đêm, rồi hôm sau lại vượt một trăm cây số lên Hà Nội để nằm mà thờ.

– Thì tôi đã bảo thằng đàn ông... nghĩa là nói chung tất cả những thằng đàn ông...

Thứ ngẫm nghĩ chính thân y. Y nhớ đến một câu Liên nói với y, qua một nụ cười chua chát và buồn. Ngồi bên, y quần áo sẵn sàng rồi, thỉnh thoảng lại nhìn ra sân xem bóng cái nhà đã ra đến chỗ cây đơn chưa để ôm gói ra đi. Liên đã bảo y vào buổi chiều cuối cùng của kỳ nghỉ tết nắng ráo vừa rồi: “Thật, trăm tội chẳng tội gì bằng cái tội nghèo. Chỉ vì nghèo mà vợ chồng mình cứ ké một nơi, người một nẻo suốt đời. Có hơn gì vợ chồng giàu. Chúng mình lấy nhau sáu năm rồi, mà tính gộp tất cả từ năm ngày, ba ngày, tất cả những ngày

chúng mình được gần nhau, tôi chắc rằng chưa đầy ba tháng. Thế thì có khổ không? Người ta thì chỉ phải sên ăn, sên mặc, chứ tôi thì đến chồng cũng phải sên!...” Liên lại rơm rớm nước mắt, thêm rằng: Nếu vợ chồng chỉ làm thế nào kiếm nổi ngày một bữa thôi, mà không phải xa nhau, thì Liên cũng thích hơn cứ phải thế này mà được ăn một ngày ba bữa... Lần nào cũng vậy, lúc chia tay ngán ngẩm buồn. Hai vợ chồng cố hưởng cho hết phút cuối cùng còn có thể gần nhau. Sau bữa cơm trưa ăn sớm hơn mọi ngày, Thứ khép bớt cửa, đi nằm để ngủ trưa. Liên tuy không ngủ trưa bao giờ, cũng đến ngồi ở cạnh giường. Y nhờ cho chồng những sợi tóc sâu, hay là mượn cơ thể, để được ngồi nói chuyện với chồng. Họ nói những chuyện rất vắn vơ, chẳng nghĩa lý gì, hay những chuyện họ đã nói với nhau mãi rồi. Câu chuyện không quan hệ. Miễn là Thứ được gục đầu vào lòng Liên và Liên được âu yếm vuốt ve mái tóc của chồng. Họ nhìn nhau, như chưa bao giờ được chán nhìn nhau. Những con mắt rất ảo não, rất ngậm ngùi như thương lẫn cho nhau, nói cho nhau tất cả nỗi buồn mê mông của đời mình. Ở bên ngoài, nắng nhạt dần dần. Nắng úa vàng. Sức nắng giảm rất mau. Thứ tưởng như trông thấy thời gian trôi và ngày chết dần đi. Máy cái tàu chuối hơi cúp xuống, gió chỉ khẽ lung lay và ngáy ra trong một dáng điệu ngẩn ngơ. Thứ thấy nổi lên trong lòng một nỗi uất ức tối tăm, nó nâng một cục gì lên, lấp cổ họng y. Y nghiêng răng, khẽ đập tay xuống giường, rít lên một tiếng làu nhàu, như một người điên. Một chút nước mắt ứa ra trên đôi mắt căng thẳng của y. Y dần dỗi nói từng lời, những ý liễu lĩnh nẩy ra trong óc: “Mẹ kiếp! Chẳng đi nữa! Mặc kệ trường! Mặc kệ học trò! Cứ nằm đây này, nhất định không đi đâu! Muốn ra sao cũng được... Muốn ra sao cũng được.” Y bình tĩnh một chút để suy nghĩ tất cả những cái gì có thể xảy ra. Gạo... thuốc của con... bà chết... và chính y ngồi nhìn, mắt đỏ ngầu, chẳng biết làm thế nào để ra tiền, ra gạo, ra thuốc, thay cho Liên đang phải nằm rên rảm... À! Không được! Y không thể nghĩ liệu. Cơm, áo, vợ, con, gia đình... bó buộc y. Y cứ phải gò cúi mãi! Gò cúi mãi! Làm! Chỉ có làm! Chịu khổ! Mà chẳng bao giờ được hưởng, mà chẳng bao giờ cất đầu lên nổi! À! À! Sao tất cả những cái gì ở trên đời này không chết hết cả đi! Sao trái đất của loài người không vỡ toang ra! Cuộc sống... cuộc sống thật đã là một cái gì trói buộc và nặng nề quá sức!

Anh xe có vẻ bằng lòng đời mình lắm. Một buổi tối, Thứ và San vừa mới ăn cơm xong, đã thấy về. Theo sau anh là một bà cụ đặc nhà

quê, tay cắp thúng, tay khoác nón giang. Anh nắm lấy Mô vừa đem quần áo lấy ở thợ giặt về cho Thứ và San. Anh nhất định kéo Mô vào nhà chơi. Mô hỏi anh sao hôm nay anh được về sớm thế?

– À, tôi xin nghỉ. Có bà tôi ở nhà quê ra...

Anh bảo vậy, Mô chào bà cụ. Họ vào cả trong nhà. Cái nhà lá thấp lụp sụp. Trong nhà đã bắt đầu tối om om. Mô nhanh nhẩu chạy lên buồng hai cậu, mượn giúp cái đèn con không dùng đến, lại xin giùm cả một ít dầu. Anh xe mời bà Hà hãy ngồi chơi với mẹ anh, khoan ăn cơm, để lát nữa ăn một thể, cho vui... Thấy nói đến cơm. Mô đứng dậy, ra về. Anh xe nắm lấy tay, kéo lại:

– Về làm gì vội? Ở đây, uống với tôi chén rượu.

– Tôi vô phép... Tôi ăn cơm rồi.

– Cơm rồi, mặc! Chỗ anh em với nhau, thế nào cũng phải ở lại, uống mấy chén rượu với tôi. Mẹ cha thằng tôi có chịu để anh về!

– Ủ thì uống!... Nhưng cũng phải để tôi về đã. Tôi còn dở một tí. Xong, tôi xuống.

Mô phải viện bố ra, thề thật độc rằng sẽ xuống, anh mới chịu cho về. Anh vào bếp, làm cơm. Lấy gì làm? Anh chỉ có độc miếng thịt bò, mua ở phố, đem về. Bà Hà phải cho mượn dao, thớt, sanh, nồi. Anh cố nài bà để lại cho hai hào gạo, nhưng bà nhất định không nghe. Bà chỉ cho vay. Bà bảo:

– Tôi biết giá chợ thế nào mà để lại? Muốn vay mấy bát thì vay. Mai đong mà giả tôi.

Giọng bà lạnh nhạt, gằn như tức tối. Bà không thích lời thôi. Anh xe cười nhạt:

– Cụ cần thận quá!... Vâng, thì cụ cho cháu vay ba bát vậy... Mợ đem vo đi mà thổi.

Chị vợ ngằn ngữ:

– Nước đâu, củi đâu mà thổi!

Chồng nhìn bà Hà, cười ngượng nghịu:

– Thế mới rầy! Mới dọn đến, thành thử chưa kịp sắm sanh được tí gì... Thôi thì đành lại nhờ cụ cả. Mai mợ nhớ mua mà giả cụ.

Người vợ ngoạo đầu đi, cười hi hí. Bà Hà chẳng nói, chẳng cười lặng lẽ đi lấy củi ra cho họ. Lúc đưa củi cho thị, bà chẳng buồn nhìn cô ả, bà nhìn xuống đất, bà không ưa ra mặt. Lúc được ăn, bà không

chịu cùng ngồi. Mẹ con anh xe phải nài ép, lôi kéo mãi bà mới chịu ngồi. Nhưng bà nhất định chỉ ăn những thức ăn của bà: cơm và đồ ăn lúc này San và Thứ ăn thừa. Anh xe giăng lấy cái bát của bà, để xới cơm sốt cho bà. Bà giăng lại. Hai người giăng co. Bà kêu lên the thé như bị kẻ cắp giật đồ. Bà mẹ anh xe cũng hét lên, giăng tay bà lại, để giúp con. Họ làm như bóp cổ nhau. Mô quát thật to, át cả tiếng mọi người đi:

– Mặc kệ bà tôi! Tính bà tôi như vậy! Cứ để cho bà tôi ăn cơm nguội!... Các bà lão cổ sơ có khác! Chúng mình thì... tự nhiên! Nào! Anh có uống đi hay không nào?

– Uống chứ!... Nào!... Mời anh...

– Chẳng mời cũng uống. Tôi ấy à? Chỗ anh em với nhau. Không ăn thì bảo ngay không ăn, mà đã ăn thì cứ việc tự nhiên! Anh cứ việc uống thả cửa, nhắm bữa đi. Còn tôi thì mặc tôi! Ai uống chậm, hết phần mặc kệ! Nào! Mời anh!...

Nó uống. Nó uống tự nhiên lắm. Anh kia cũng bắt chước được nó ngay. Mới đầu, thỉnh thoảng chúng còn sức nhớ ra, mời hai bà cụ một câu. Nhưng khi mỗi thằng nhăm nháp chừng ba bốn chén, mặt đỏ gay rồi chúng mặc thây hai bà mời mọc lẫn nhau. Chúng bắt cần tất cả...

– Có bà tôi biết kia kìa... – anh xe gườm gườm đôi mắt và lè nhè bảo – Có bà tôi biết kia kìa! Hôm nay nhà chủ tôi có giỗ, đang bận rồi tí mù. Đáng lẽ tôi không được về kia đấy. Nhưng tôi cứ về, làm cóc gì nhau!

Mô cũng hùng hổ họa theo:

– Ồ! Làm cóc gì nhau! Cánh mình *mo phú* tất. Chẳng làm chỗ ấy thì làm chỗ khác. Anh bảo cần cái quái gì!

– Thì tôi có cần đâu? Nhất là ngày mai đuổi tôi ngay!

– Ấy thế! Máu tôi cũng vậy. Cơm thấy cơm cô thật, nhưng ăn hiệp tôi thì không được. Nội cái máy nước này, tôi cóc sợ thằng nào. Con sen nhà Trịnh Đức, nó quen thói chó cậy gần nhà bạng nặng với anh em. Tôi cáu sườn, bẹp bố đôi thùng của nó ra, hò anh em trần cho một mẻ nên thân, rồi còn bị tóm lên đồn, nằm một đêm cho rệp đốt.

– Rệp đốt cũng cóc cần! Lên đồn cũng cóc cần!

– Tôi cũng vậy. Thế anh em mình mới chơi được với nhau. Đứa nào hơi bí xí với anh, anh cứ bảo tôi. Mẹ cóc! Tôi cứ trần cho không còn một cái xương nào lành.

– Thật nhé! Anh em mình nối khố với nhau. Đứa nào động đến anh, tôi cũng đánh cho sặc tiết.

– Thế mới gọi là *anh em bất nghĩa chi tồn*... A ha!...

Chúng cười phá lên. Hai thằng gật gù, nghiêng ngả, bá vai, bế nhau, thân thiết lắm. Bà cụ Hà, mấy lần chực bảo con rể đừng uống nữa mà say quá, nhưng đều bị Mô với anh xe, không để ý, nói át đi. Sau cùng bà chép miệng lắc đầu, đành chịu vậy. Cô vợ của anh xe cười hi hí. Hai cậu như được khuyến khích, càng tự đắc, càng tranh nhau nói lên. Trên nhà gạch, vợ chồng ông Học không ngủ được, phàn nàn:

– Khiếp! Có hai người mà làm ngậu cả xóm lên!

– Rượu vào mà lại!...

Ở trong buồng, Thứ cười tủm tỉm, bảo San:

– Nếu không có đàn bà thì có lẽ thiên hạ vẫn còn những thằng nói khoác, nhưng chúng sẽ nói khoác ít đi được nhiều.

San mỉm cười, ngẫm nghĩ một chút, rồi nhai lại câu của bạn:

– Mà nếu không có đàn ông, thì có lẽ thiên hạ vẫn còn những cô gái cười hi hí, nhưng họ sẽ cười hi hí ít đi được nhiều.

Vừa nói dứt, thì vợ anh xe lại cười rú lên, như bị người cù nách. San và Thứ phải lấy tay bịt chặt lấy miệng, để khỏi cười to lên...

XIII

Cặp vợ chồng mới, ảnh hưởng đến cái xã hội con con trong nhà ông Học, mỗi người một khác. Từ ngày có họ, vợ chồng ông Học có vẻ chiều chuộng nhau hơn. Mỗi lần bà vợ về chẳng hạn, ông không vẫn cứ đứng đưng xay bột như trước nữa. Ông ngẩng mặt lên, tươi tỉnh:

– Mợ đã về!

Rồi ông gọi toáng lên:

– Thằng Học, thằng Hành đi đâu cả rồi? Học ơi! Ứ! Ứ! Mợ đã về kìa! Mau lên! Ra xin quà!

Ông mừng rỡ om sòm, quá trẻ con. Bà vợ tủm tỉm cười. Ông Học vẫn xấu như thường, nhưng trẻ ra nhiều. Đến nỗi Thứ nghĩ rằng mình đã đoán lầm: có lẽ họ ít tuổi hơn y tưởng... Có lúc chồng nghỉ tay, đứng lên theo vợ vào nhà:

– Mồ hôi mồ kê thế kia à! Quạt đây này! Quạt đi!... Ngoài đường nắng lắm phải không?... Xem thúng nào!...

Ông lục thúng, hỏi vợ về giá từng thức vợ mua về, khen rẻ, khen ngon, bàn làm món này, nấu món kia. Bà vợ vui vẻ, ngọt ngào trả lời chồng. Bà có vẻ kính nể chồng hơn. Một vài lần, Thứ đã bắt gặp bà xua cho chồng con ruồi, rồi tiện tay quạt cho chồng mấy cái, trong khi chồng ngủ. Sự trẻ trung cũng lây chăng? Hay là đôi vợ chồng mới âu yếm lẫn nhau, cười cợt với nhau, đã nhắc đôi vợ chồng đứng tuổi nhớ đến những ngày âu yếm cũ...

Tuy vậy, ông Học vẫn không ưa cái lối sống ăn xối ở thì của họ. Họ chẳng có một tý gì. Đồ đạc không. Hòm xiểng không. Đồ ăn thức dụng không. Một cái bát nhỏ để ăn cơm cũng không nốt. Mà từ hôm có bà mẹ chồng ở quê ra, thì cũng chẳng ăn bữa cơm nhà nào nữa. Họ ăn ở đâu?

– Anh chồng ăn cơm chủ đã đành. Nhưng còn chị vợ làm nhà ở *Mên*, thì chủ nào nuôi? Hay là chị ta đi ăn cơm hàng?

Ông bảo vậy. Ngừng một chút như để ngẫm xem điều mình đoán có lý không, ông lại tiếp:

– Như người ta, thuê cái nhà cửa hần hoi, thì cũng phải sắm cái nồi, chẳng mua được nồi đồng thì nồi đất có bao nhiêu, mua vài cái bát, vài đôi đũa, dong gạo thổi cơm lấy mà ăn. Thế này thì ra chỉ thuê để ngủ với nhau thôi à?

Thì đúng vậy rồi. Thứ nhìn vào tận ruột anh xe. Công mỗi tháng có hai đồng thì đa mang một vợ cả cũng đủ nhược người rồi, làm gì còn dám đèo bè thêm một vợ hai. Vợ con gì! Lạ gì thói đàn ông! Chẳng qua nhờ môi miệng, chim được một cô ả tầm phơ thì cũng gỡ gạc chơi. Tội gì không! Phải xa vợ quanh năm thì anh nào chẳng giống anh nào? Vả lại có thiệt gì? Mỗi tháng mất năm hào để thuê nhà, đi giải phiền một lần cũng mất đến thế rồi. Mà lại lắm thứ lo. Đàng này vừa rẻ, vừa chắc chắn. Còn chị vợ?... Thì cô ả đại dứt đi rồi, nhưng bụng dạ đàn bà ai cũng thế thôi. Ai cũng nhẹ dạ, cả tin. Ai cũng dễ xiêu lòng vì những lời đường mật. Vả lại cô ả cũng thèm yêu, thèm nhục dục như ai. Đó là người. Cô ả đã hăm mốt, hăm hai, mà lại tự do, chẳng bố mẹ nào coi giữ, chẳng anh em nào ngăn đón, thì phải lòng trai cũng không phải là sự lạ. Thứ chẳng trách gì. Nhưng đôi lúc, y vẫn vợ tự hỏi mình:

“Nếu họ có con?... Y tưởng tượng ra một cảnh đáng thương tâm: người vợ xanh xao, không còn mang nổi cái bụng to, phải nghỉ làm... tiền để dành ít ỏi, hết rất mau... những ngày sắp đẻ không cơm... anh chồng không đủ sức chu toàn, đành thở dài, rề dây cương... Và chị vợ, chị vợ bụng mang dạ chửa, bị bỏ bơ vơ vào giữa lúc cần có người đỡ đần, săn sóc nhất... Thứ biết trước rằng chỉ qua cầu ấy một lần người đàn bà đủ già đi, đủ khôn lên. Khôn theo cái nghĩa thâm hại của người đời; thị sẽ chua chát, sẽ hoài nghi, sẽ ngờ vực mọi người; thị sẽ tính toán, sẽ dặt dè, sẽ bán và mua, mất hẳn cái thú cho; thị sẽ thù ghét và nguyên rủa, thích gây đau khổ. Nhưng đã chắc gì thị đã qua khỏi cầu ấy, để thành người khôn?... Thứ thậm mong cho anh xe sẽ chung tình, sẽ vay tiền công non, sẽ giật tạm anh em, sẽ bán quần áo đi, để lo liệu cho vợ mình sinh nở được vẹn toàn. Nhưng cho rằng như thế nữa thì cuộc tình duyên cũng chỉ đến đây là cùng. Sự tận tâm cũng như sự cố gắng của con người chỉ có hạn thôi. Khi người ta nuôi thân mình đã lấy làm khó nhọc lắm rồi, mà lại còn phải xét xem đời nó có muốn cho người tử tế không?... Lúc bấy giờ

chị vợ sẽ ra sao? Cảnh ấy cũng thường. Thì cũng lại đến cho con đi, rồi sẵn đôi vú đầy sữa đấy, đi ở vú, để người nuôi mình và mình nuôi con cho người.

Vợ chồng anh xe thường đi vắng suốt ngày, nhưng cũng chẳng đóng cửa bao giờ. Ông Học tự cho ông cái quyền vào nhà họ mất tiền thuê, để soi mói đến cả những việc riêng của họ. Ông tìm thấy một cục nến còn dính ở cạnh giường:

– Quái! Họ đốt nến à? Nến tốn hơn dầu nhiều chứ! Mà thôi... Chắc là nến đèn xe, anh ta lấy cắp của chủ đây. Nhưng vợ chồng ngủ với nhau mà đốt nến thì độc đấy chứ chẳng không đâu... Nến để thờ hay thắp đám ma. Vợ chồng mới lấy nhau mà thắp nến thì sai đấy... Với lại vợ chồng ngủ với nhau thì thắp nến làm gì? Vợ chứ có phải nhà xăm, gái đi đâu? Người đàn bà thế cũng là hư. Cho ngay người đàn ông người ta có muốn để đèn, mình là vợ, mình cứ thối tắt mẹ nó đi rồi lấy tay che mặt, như thế mới là người đàn bà đứng đắn...

Ông ra sân, toang toang nói một mình như vậy. Ôm lấy cái cối xay đậu rồi, ông vẫn chưa thôi. Về tự dắc trên mặt ông, hiện ra đến tận mang tai. Có lẽ ông đang so sánh người vợ đoan trang của ông với chị vợ lẳng lơ của anh xe, và lấy làm bằng lòng lắm. Thứ mỉm cười. Bà Hà chẳng hiểu Thứ cười gì, nhưng cũng đưa cái bàn tay răn rúm lên, che cái miệng móm mém, ngoẹo cái đầu xuống một bên vai, cười hé hé...

Bà Hà ghét vợ chồng anh xe ra mặt. Nhất là chị vợ. Đối với con mắt bà, thì cô ả thườn thẹo như con đi. Về đến nhà, chỉ nằm ngả nằm nghiêng, hay phụng phạnh đi ra lại đi vào. Chẳng chịu làm gì. Có một tí sân ở trước cửa cái nhà lá, cũng chẳng quét bao giờ. Ngày nào, bà cũng phải quét hầu. Nước không chịu gánh bao giờ. Ấy thế mà chum nước của bà, cô ả cứ tự do múc, rửa mặt, rửa chân. Làm như đó là của tự nhiên ở trên trời rơi xuống, chứ chẳng phải của ai. Thế thì ai mà không phải tức?... Mới đầu tuy cũng tức nhưng bà chỉ lờm nguýt thôi. Nhưng lờm nguýt mãi cũng chẳng ăn thua, bà đành phải bảo thẳng vào mặt chị ta:

– Chị mua lấy cái chum, thuê gánh một ít nước, để mà rửa ráy. Tôi già lão, gánh đau xương lắm. Chị đừng rửa bằng nước của tôi mãi thế.

Bấy giờ cô ả mới đỡ bưng cái mặt lên. Từ hôm ấy, mới chừa. Mà cũng từ hôm ấy, hơi trông thấy bà đâu, cô ả buông ngay mặt xuống... Bà nói chuyện với u em như vậy. Và bà bảo:

– Tôi đã tức thì tôi không nề. Nể ai, chứ hạng ấy thì việc gì phải nề. Muốn sạch sẽ, nhưng lại không muốn đau vai, cũng không muốn mất tiền, thì hẵng khoan sạch sẽ, có phải không u em?

U em cũng ghét cô ả lắm. Động thấy cô ả đi qua sân là u em trừng trừng đôi mắt lên nhìn. Cũng vì cái tội là hay đem guốc ra bể nước rửa chân. Nhưng còn vì cái tội hay cười nữa. Bạ lúc nào cũng cười. Nhất là những khi có chồng về, cô ả cười thật không biết chán mồm. Cô cười được suốt đêm. Lúc nào chợt thức giấc, u em cũng nghe tiếng vợ chồng họ nói chuyện rì rầm và cô ả cười khúc khích. Nghe ghét lắm. U em ghét đến nỗi chỉ rình những đêm anh chồng về muộn, đợi San về xong là khóa cổng giấu biệt chìa khóa đi một chỗ. Chị vợ biết ý, nên tối nào thấy San đi học về rồi mà chồng chị chưa về, lại phải ra đứng cổng, để u em không khóa được.

San không hiểu cái mục đích của chị ta là thế. Một buổi tối, y bảo Thứ, với một vẻ kiêu ngạo che đậy chưa được kín:

– Lạ quá! Tối nào mình ở cổng vào cũng gặp cô ả đi ra. Thế nghĩa là làm sao?

Thứ mỉm cười:

– Cô ấy cảm anh.

– Nói bậy!

San làm ra vẻ thẹn, nhưng sự sung sướng hiện ra trên mặt. Và có lẽ vì muốn kéo dài câu chuyện về cô ả, một thoáng sau không thấy Thứ nói gì thêm, y lại bảo:

– Cảm tôi thì không phải, nhưng cảm thằng Mô thì đích. Anh có nhận thấy không? Mỗi lần gặp thằng Mô, cô ả có vẻ mừng rỡ lắm, xoắn xít lấy nó, nói nói, cười cười, mắt tím đi.

Y nói ngon lành, như hưởng được một chút khoái lạc gì trong khi nói. Ngừng lại một chút, mặt gờn gợn đỏ, mắt nhìn một hình ảnh gì ở trên không, y làm như thể rít lên:

– Nói của đáng tội thì con bé cũng mồm mĩm, hay hay mà lẳng lẳng. Nghe nó cười thì phải biết!...

Và y nhắc lại một câu mà từ hôm có vợ chồng anh xe, y bảo Thứ đến chục lần rồi:

– Đây, anh ạ! Chúng mình cũng chịu khó tìm mỗi thằng một con vợ hai đi!

Thứ thấy ghét San:

– Anh thêm cái địa vị thằng xe đến thế ư?

Y làm như mình rất dửng dưng, chẳng để ý gì đến cặp vợ chồng kia. Thật ra thì tâm hồn y cũng bị xáo động không phải ít. Nhất là những buổi tối anh chồng về sớm. San đi học. Nhà ngoài ngủ cả rồi. Còn một mình u em, lặng lẽ như một con ma, ngồi vá bên một ngọn đèn con – Thị lấy đâu ra nhiều quần áo rách để vá quanh năm thế? – Cái bóng rất to của thị, sừng sững ở trên tường, như một kẻ ranh mãnh, đứng nín hơi, nhìn thị. Im ắng cả, Thứ nằm đọc sách ở trong buồng. Căn buồng của y với cái nhà lá, giáp nhau. Nhờ có cái cửa sổ, những tiếng động hai nơi còn dễ truyền sang nhau hơn trong buồng với nhà ngoài. Dù muốn, dù không, y vẫn nghe thấy những tiếng nói, tiếng cười, và cả những tiếng cựa mình, động đậy, của cặp vợ chồng thuê căn nhà lá. Lòng y rối loạn. Mắt y hoa lên, những dòng chữ như lung linh, chập chờn, xóa nhòa đi rồi lại hiện ra, rồi lại xóa nhòa đi. Đầu y nóng rực lên. Y vùng dậy, mặc quần áo, xỏ giày, mở cửa ra đi. Y đi thần thờ, không mục đích, hết đường nọ đến đường kia. Người y mỏi mệt, một thứ mỏi mệt ê chề. Đầu y nặng trĩu những ý buồn, óc y mù mịt, tư tưởng chập chạp, u ám, mịt mù. Y nghĩ đến Liên. Y nghĩ đến Tư. Y nghĩ đến lũ con gái nhà Hải Nam. Y nghĩ đến đôi mắt đẹp và hiền của người thiếu phụ ngồi khâu, đã vô tình ngược lên và bắt gặp đôi mắt buồn của y ngấm trộm người. Y nghĩ đến tất cả những người đàn bà mà y đã gặp ở nơi này hoặc nơi kia, mà hình ảnh đã nhiều lần vấn lên trong trí óc y, những buổi tối ảm sẫm hay là gió thổi nhiều. Y rē vào những con đường tối và ít ánh đèn. Để làm gì? Hình như y thậm mong một cuộc gặp gỡ tình cờ: một thiếu nữ đi làm về khuya có một mình... Một cô gái quê tìm không thấy người nhà, đứng ngẩn ngơ ở một đầu đường. Một cô gái nào cũng như y bây giờ, cô độc, lẻ loi, khao khát tình yêu... Nhưng mà chẳng có gì! Con đường vắng, chạy dài, phẳng lì dưới ánh sáng úa vàng của những bóng đèn buồn ngủ, cũng quạnh hiu như cõi lòng y. Hàng cây cối ở bên đường, ủ rũ, bơ phờ như những người ốm tương tư. Lâu lâu một tiếng guốc lộc cộc hay một tiếng giày tây cồm cộp mới vang lên tự dưng xa, gần lại dần dần và một bóng người lủi thủi hay lực lưỡng rõ dần ra: một dân bồi bếp, xong việc, đi tìm đám bạc trong một xóm ngoại ô nào hay một người lính mãi mốt đi về trại... Nhiều khi

Thứ đi sâu cả vào những con đường tối và kín đáo trong vườn Bách thảo, như những người có hẹn hò. Y mong gặp bất cứ người nào: một kẻ tuyệt vọng vì yêu, một người nhận lầm y, một gái ăn sương suông sã. Y ước ao được một gái giang hồ ngăn lại, khoác tay lên vai, như San tối hôm nào. Nhưng vẫn chẳng có gì! Cây rậm um tùm. Nước đen ngòm. Bóng tối u uất, âm thầm. Một cái cành khô, gãy, kêu răng rắc, sượt qua đám lá, thành một tiếng soạt ngắn. Một con tắc kè kêu... Thoảng hoặc cũng có một đôi khi, một bóng đàn bà thướt tha tạt qua trước mặt y. Nhưng chỉ tạt qua thôi. Hình như tự người y, tiết ra một vẻ gì nghiêm nghị, khô khan nó khiến người ta phải dè dặt với y. Người đàn bà không dám suông sã nắm tay, bá cổ y. Thị chỉ lấy dáng khêu gợi để nhử y. Y bủn rủn người, thở khó khăn, nặng nề hơn. Mặt y nóng bừng bừng. Tự nhiên y nhìn thẳng, vẻ mặt rất nghiêm trang, và rảo bước. Đi một quãng thật xa rồi, y mới lại thấy như tiếc dịp, bước ngập ngừng và quay đầu nhìn lại. Nhưng người đàn bà đã đi khỏi chỗ ấy rồi. Y thở dài, và lại cúi đầu, đi lủi thủi, vừa đi vừa ngẫm nghĩ đến tất cả những cái khổ của đời y. Cứ như vậy, y về nhà...

Một lần mãi ngẫm nghĩ quá, y đi quá lối rẽ về nhà một quãng mới nhận ra. Ngẩng đầu lên, y trông thấy đằng trước mặt, cái cửa sổ gác nhà trường, sáng ánh đèn. Y nảy ra cái ý lên trường chơi, nói chuyện với Oanh... Từ ngày San và Thứ ở riêng ra, đối với Oanh, họ vẫn ác cảm ngầm. Thỉnh thoảng, họ vẫn giở những cái tội, cái xấu của Oanh ra nói với nhau. Nhưng ngoài mặt thì đôi bên đã tử tế với nhau hơn. Sự động chạm luôn luôn kích thích lòng yêu cũng như lòng ghét của người ta. Không còn phải luôn trông thấy Oanh trước mặt mình, bận mắt, bận tai vì những cử chỉ, ngôn ngữ rất chướng của Oanh, họ dễ bình tĩnh với Oanh hơn. Đôi bên không còn động mở miệng là khiêu khích nhau, chọc hòng nhau. Họ đã biết nói với nhau ôn tồn và nhã nhặn...

Oanh có một mình. Y đang mãi viết gì. Thấy Thứ lên, y thăm và xếp cả vào ngăn kéo.

– Thế là tôi lại quấy rầy cô! Cô viết gì, cứ viết đi.

Thứ chực ra sân gác. Nhưng Oanh bảo:

– Xong cả rồi. Mời chú cứ ngồi chơi.

Thứ mỉm cười:

– Cô lại viết thư cho ông Dích chứ gì!

– Không lớp này cũng ít thư rồi. Không còn khiếp quá như hồi mới đi đâu!

Hồi ấy, mỗi ngày một lá thư. Có ngày đến hai lá thư. San và Thứ đã phải bảo nhau: làm giàu cho nhà dây thép!... Oanh títt mắt đi, cười:

– Còn chú, từ ngày lên đây đến giờ, tôi cũng không thấy chú viết thư. Có lẽ chú chẳng viết thư cho thím ấy bao giờ đấy nhỉ?

– Cô tính: tôi viết thư cho vợ thì còn lý thú gì. Nhà tôi đánh vắn xong một lá thư thì phải một giờ. Mà lại phải tránh, không được viết ngoáy, không được viết chữ hoa. Phải nắn nót như khi viết bài tập viết.

– Thím ấy học ít thế à?

– Lấy tôi rồi mới bắt đầu học. Mới đọc được qua loa viết thì nửa ngày mới xong một bức thư độ mười dòng: “Tôi có mấy lời lên hỏi thăm... vân vân... thì tôi mừng lắm lắm!” Chữ hoa thì lại chưa tập được!

– Thế thôi à?... Thế còn thím San?...

Thì cũng chẳng hơn gì! Con gái nhà quê, dù là nhà đàn anh, khá giả mặc lòng, có mấy người được học? Sáu bảy tuổi đầu, họ đã phải giữ em. Chín, mười tuổi đã học làm, mười hai, mười ba tuổi đã lấy chồng. Vợ San hay vợ Thứ thì cũng vô học như nhau cả... Thứ toan trả lời như vậy. Nhưng Oanh như đã sực nhớ ra một điều gì:

– À! Tôi hỏi nhỏ chú cái này nhé!...

Oanh ngờ ngác nhìn quanh, như sợ còn có người nào. Thứ ngạc nhiên. Y chòng chọc nhìn Oanh, lắng đợi. Oanh hạ thấp giọng:

– Chú San đi học chưa về, phải không?

Thứ khẽ lắc đầu...

– Chú có biết hôm nọ chú San về nhà quê làm gì mà mãi một thế không?

Thứ dán to đôi mắt nhìn Oanh, rất tò mò. Y gần như hồi hộp. Đầu y lại hơi lắc...

– Chú không biết à?

Lại lắc. Oanh ngáp ngừng một chút, rồi khẽ bảo:

– Tôi thấy thằng Đại bảo tôi thì tôi cũng nói vụng với chú thôi, chứ thật ra thì tôi cũng không tin. Không có lẽ thím San mà lại thế...

Tim Thứ đập. Đôi mắt y dán vào cặp môi nhợt của Oanh. Oanh vừa đảo mắt nhìn lên trần nhà vừa thì thầm nói tiếp:

– Này! Chú ạ!... Thằng Đại nó bảo: thím San phải lòng thằng nào ở nhà quê đó, người nhà viết thư lên nói chú ấy, nên chú ấy mới lật đật về ngay đó.

Thứ gằn như thể thét lên:

– Không có lý!

Máu y dồn tất cả lên trên mặt. Nỗi xúc cảm quá mạnh mẽ và đột ngột. Y như bị một luồng điện giạt. Y mừng? Y khoái chá? Y đau đớn? Y tức tối? Y khinh bỉ?... Tất cả bao nhiêu thứ ấy! Cảm giác của y lúc ấy thật là rối rắm, thật là pha trộn, thật là mau biến đổi. Thoạt tiên y thấy cái sướng được báo thù: San chẳng nói những điều không thật về Liên để Thứ ngấm ngấm đau khổ mãi đó ư? Bây giờ đến lần San... Nhưng liền ngay đó, y bị một ý nghĩ phũ phàng bóp chặt trái tim: nếu vợ San có thể có ngoại tình thì vợ y cũng có thể ngoại tình lắm chứ!... Cùng một tuổi, cùng hoàn cảnh, cùng bị chồng đi vắng... Thứ cãi như nghe thấy Oanh buộc tội chính vợ mình:

– Không có lý!... Không có lẽ nào lại như thế được!...

– Tôi cũng nghĩ như chú vậy. Không đời nào một người đàn bà nhà quê, con một nhà danh giá, làm như thế. Họ sợ tai tiếng nhiều lắm chứ! Bởi vì ở nhà quê, một người đàn bà có ngoại tình không những mang tiếng một mình, mà còn mang tiếng lây đến cả bố mẹ, anh em... bên nhà mình, bên nhà chồng. Ấy là một lẽ. Lẽ thứ hai là, ở nhà quê, người ta phải làm quần quật suốt ngày, đêm đến lại còn con bú, con khóc. Còn rồi lúc nào mà nghĩ đến chuyện bậy bạ. Với lại, nói cho đến cùng, thì các thím ấy lấy được người chồng như chú với chú San là nhất làng rồi. Còn ai hơn nữa mà phải đứng núi này trông núi nọ.

– Vâng, đúng thế!

Thứ đồng ý ngoài miệng với Oanh ngay. Thật ra trong bụng y đang nghĩ đến cái thói nát bên trong của bọn đàn anh ở làng y, nhất là gia đình ông bố vợ San. Nhà ấy còn thiếu một thứ tiếng xấu gì mà bảo vợ San phải giữ gìn. Ông Bá Kiến đã bao nhiêu lần bị người ta bắt quả tang ngủ với vợ người ta, phải bỏ tiền ra để điều đình. Ông ngủ cả với vợ mõ, ngủ cả với con dâu. Bà ta ngủ cả với anh điền. Con gái lớn, hai đứa con rồi, còn phải lòng một cung vãn. Cả bà con dâu, vợ lý Cường, rõ ràng là bà Lý hấn hoi mà có lẽ chỉ còn có con chó là bà chưa ngủ với. Cái gia đình ấy thật là mục nát, thật là đốn mặt!

Không! Người ta chẳng còn tin vào cái danh giá được đâu. Thứ thấy đã nhiều, càng những nhà danh giá lại càng tồi tệ... Y nghĩ đến Liên. Liên cũng chẳng là con nhà giàu, nhà danh giá đó ư?... Y có cảm giác như bao nhiêu khí nóng trong người y đã rút lên đầu y hết. Đầu y nóng rực...

Oanh kể tỉ mỉ lại những lời Đại nói:

– ... Thím San đánh bạc, thằng kia là một tay cờ bạc. Thằng Đại bảo: “Nó có ý làm tiên, thím San mất với nó nhiều tiền lắm; cứ nó thua hết thím San lại luôn tiền cho nó đánh...” Thằng Đại vẫn chơi với nó. Thằng Đại bắt được cả một cái thư của nó...

Thứ muốn thét lên. Y tưởng như Oanh đang kể chuyện vợ y. San đã chẳng kể với y về Liên giông giống thế ư? Cũng đánh bạc với trai! Cũng cho trai tiền đánh bạc! Cũng một hạng lêu lổng, chơi bời, dằng điếm... Thì ra ở làng y, đàn bà, con gái hư về cờ bạc rất nhiều. Hỡi ôi! Nếu câu chuyện về vợ San quả thật đã xảy ra, thì câu chuyện về Liên chưa chắc đã hoàn toàn sai cả. Hồi chưa về nhà chồng, Liên chẳng vẫn đánh bạc là gì? Bây giờ thì Thứ ngỡ ý muốn Liên chừa, Liên đã chừa rồi. Năm, sáu năm nay, không ai bắt được Liên ngồi vào đám bạc lần nào. Nhưng những lúc vắng chồng, những khi chị em và các bạn rủ rê... Liên có thể buồn, Liên có thể nể nang, có thể vì tự ái, vì ưa thích nữa, mà lại ngồi vào đám bạc. “Ồ! Chơi một vài lần cũng chẳng sao! Thứ biết đâu?...” Liên nghĩ vậy. Và thế là Liên đã bắt đầu đi ra ngoài bốn phận...

Oanh hỏi Thứ:

– Thím ấy nhà chú có đánh bạc không?

Thứ hơi chột dạ. Biết đâu Đại đã chẳng bép xép, kể đủ thứ chuyện về Liên?... Đại là em ruột Đích, về nhà quê nghỉ mấy tháng, vừa lên. Thứ nóng nảy muốn gặp y. “Để hỏi thăm tin nhà quê”. Thứ bảo Oanh như vậy. Thật ra thì y chỉ muốn biết rõ ràng hơn nữa về việc vợ San. Biết đâu, khéo léo một chút y lại chẳng khiến cho Đại buột miệng ra nói rằng trong lúc vắng y, Liên cũng có đi đánh bạc?...

Vừa trông thấy Thứ, Đại bảo ngay:

– Suýt nữa quên! Bà Thứ ốm từ tháng giêng đến giờ rồi. Ông đi được mấy ngày, bà ấy ốm ngay. Ho ra máu. Trước khi đi, tôi vội quá, không lên. Không biết bây giờ đã khỏi chưa.

Thứ nhẹ hẫng người. Chỉ một lúc sau, cái lo về bệnh của vợ mới

đến với y. Nhưng y cũng không để lộ ra ngoài. Đối với Liên trước mặt mọi người, y đã quen đóng bộ lạnh nhạt rồi. Y tỏ ý ái ngại cho San:

– Tội nghiệp cho thằng bé! Đã chắc gì câu chuyện kia là thật. Thế mà chưa chi thằng bé đã lác người đi.

Đại cười. Y nghiêng về đằng có nhiều hơn. Y bảo:

– Không biết có thật không. Nhưng người ta đồn rục cả làng. Còn cái sự hai người đánh bạc với nhau, thì chính tôi cũng trông thấy luôn luôn. Với lại thằng ấy lấy đầu tiên mà lớp này nó diện ghê, lúc nào cũng đầu chải mượt, quần áo trắng xát xi ruôn ruốt. Mà có rủng rỉnh nhiều xu lắm. Anh em nhà chú San đã chực đánh nó kia mà! Với lại cũng chính anh em nhà chú San viết thư cho chú ấy.

Trái tim Thứ lại như bị sợi dây vô tình thắt lại. Y chua chát bảo:

– Thì cho ngay rằng có thật cũng không sao. Nếu chỉ có thế mà đã coi là khổ, thì chỉ khổ suốt đời. Tốt hơn là đừng lấy vợ, hay đã trót lấy vợ rồi, thì cứ ở nhà mà ôm lấy vợ suốt ngày đêm; đã dám bỏ vợ ở nhà mà đi hàng năm sáu tháng mới về được một lần, thì phải tự mình bảo mình trước ngay rằng: những chuyện ấy xảy ra là thường lắm! Phải coi đó là sự tự nhiên. Đừng trách người ta; hãy trách mình, lấy người ta mà để người ta phải quạnh hiu. Hay là trách ông giới: sao ông ấy sinh ra loài người, lại bắt loài người có đủ mọi thứ cần. Tôi chẳng hạn, nếu sờ tay lên đầu, tôi có thấy mọc ra được mấy cái sừng, tôi chẳng ngạc nhiên chút nào. Tôi sẽ ngạc nhiên, nếu đầu tôi nguyên vẹn!

– Chú bi quan quá! Các ông đi thế này, chính các bà ấy mới lo, mới có quyền ngờ còn các ông không nên ngờ. Các bà ấy không nghi ngờ gì các ông là tử tế lắm rồi.

– Nhà tôi thì quả nhiên chẳng bao giờ để bụng ngờ tôi. Có anh Đại biết kia. Anh Đại mách với nhà tôi rằng tôi phải lòng cô áo tím, áo xanh nào đó, nhà tôi chỉ bảo: “Tính nhà tôi đứng đắn lắm, chẳng bao giờ thế. Nếu có thì cũng chỉ là đùa bỡn đó thôi. Bao giờ nhà tôi cũng coi mẹ con tôi hơn tất cả những cô áo xanh, áo tím...”.

– Thím ấy nói thế là phải lắm. Không nên ngờ vực. Ngờ vực thì khổ lắm... Tôi cũng thế. Ông Đích với tôi, chưa cưới xin gì cả, mới chỉ yêu nhau. Ấy là mới chỉ nghe ông ấy nói là yêu, chứ tôi đã biết lòng dạ ông ấy thế nào. Thế mà bây giờ ông ấy đi xa thế. Người khác thì

khỏi sao nghi ngờ, lo lắng. Tôi không nhé! Tha hồ cho ông ấy chơi, ông ấy diện! Tôi còn gửi thêm tiền với quần áo thật *kéng* cho ông ấy diện cho nhiều cô thích... Này chú à! Ông ấy đi làm, lương tháng năm, sáu chục thế mà không đủ tiêu đâu nhé! Tôi vẫn phải gửi tiền thêm. Bao nhiêu tiền thừa của nhà trường, phải gửi cho ông ấy cả. Tháng nào tôi cũng phải tính toán phân minh. Tôi chẳng có quyền gì về cái trường này. Ông ấy cũng trả lương tôi như trả lương các chú. Lỗ lãi về phần ông ấy cả.

– “Nếu vậy thì được lắm!...” Thứ nghĩ thầm như vậy. Y cười khinh bỉ. Y chẳng nói thêm nửa tiếng. Y lẳng lặng một lúc, rồi chào Oanh, ra về.

XIV

Những câu nói của Oanh về nhà trường, khiến Thứ rất căm. Oanh nói thế, nghĩa là Oanh không chịu một trách nhiệm gì, bởi không có quyền định đoạt gì. Oanh chỉ là một người trông coi nhà trường thuê cho Đích mà thôi. Mọi sự do Đích cả. Đích bảo trả Thứ hai mươi đồng, thì Oanh trả Thứ hai mươi đồng. Đích bảo trả San hai mươi đồng thì Oanh trả San đủ hai mươi đồng. Oanh chẳng cần hiểu trả như thế có xứng đáng hay không. Oanh chẳng bực ai, chẳng lợi lộc gì. Nếu quả thật có người tham lam, vợ vét thật nhiều về cái trường này, chẳng nghĩ gì đến công lao khó nhọc của Thứ và San, thì người ấy chính là Đích, anh họ Thứ. Thứ có oán thì oán Đích! Như thế là Oanh không muốn mang tiếng là người tệ. Oanh còn có một cái dụng ý thứ hai: Oanh định bắt Thứ phải câm miệng mãi. Oanh thừa biết Thứ với Đích có tình nghĩa anh em, tất phải nể nhau. Quyền định đoạt ở Oanh thì Thứ còn có thể kêu ca. Nhưng quyền ở Đích, chắc Thứ có muốn kêu ca cũng ngại... Hẳn Oanh nghĩ thế. Đã vậy thì được lắm!...

Thứ đem những lời Oanh nói lại với San. San rất bất bình. Y đỏ mặt, tía tai, gân cổ lên, xỉ mắng Oanh:

– Nói không ngửi được! Đích đi làm, đã có lương thì cứ trông vào lương mà sống, còn trông vào cái trường này làm gì nữa? Đích tham lam quá! Đích lĩnh sáu mươi đồng một tháng, còn kêu không đủ, thì chúng mình chỉ có một phần ba với một phần năm số sáu mươi đồng, sao vẫn phải tiêu đủ mãi?... Nhưng tôi chắc rằng Oanh làm màu mè ra như thế đó thôi. Chẳng lợi lộc gì vào cái trường này... Bịt mắt ai, chứ bịt mắt chúng mình sao nổi? Chẳng lợi lộc gì thì tiền đâu mà may áo nhung, sắm đồ vàng, nuôi bà, nuôi mấy đứa cháu, đứa em, lại còn cưới vợ cho thằng em lớn nữa? Cả nhà Oanh sống vì cái trường này, chứ còn vì đâu.

– Được rồi!...

Thứ định viết cho Đích một bức thư. Y sẽ thẳng băng chẳng cần nể nang gì. Nói thẳng với nhau thì có lẽ Thứ không đủ can đảm nói

đâu. Đừng nói gì đối với Đích là chỗ anh em; ngay đối với Oanh, Thứ cũng không nỡ nói. Nhưng mà viết!... Nhất là Đích đi làm thế, cứ phải đi xa Hà Nội mãi mãi, thì có khi đến bốn năm năm nữa, y và Thứ cũng chưa có dịp gặp nhau. Lâu rồi người ta quên đi. Về sau có gặp nhau, chắc hai bên cũng ngỡ ngàng lắm... Thứ cân nhắc đến mấy lần như vậy. Y sắp viết, thì y chợt nhận được một lá thư của Đích. Thư bằng chữ Pháp. Đại khái như thế này:

Thứ rất thân yêu,

Lâu nay, không có thư cho Thứ. Lỗi tại chiến tranh. Sở tăng giờ làm. Công việc nhiều lên. Bận lắm. Thứ thế nào? Có mạnh khỏe chẳng? Hà Nội vui chẳng? Ở quê nhà mình có gì lạ không? Cả nhà sức khỏe thế nào? Bé con vẫn ngoan đấy chứ? Đích mong thư Thứ lắm.

À, Đích còn muốn nhờ Thứ việc này. Đích có tin cậy vào sự tận tâm và tính kín đáo của Thứ được chẳng? Hẳn Thứ cũng biết Cảnh đấy chứ gì? Anh chàng xinh trai ở chung với Đích ở trường, hồi trường mới mở, ấy mà. Đích nhớ như hồi ấy Thứ mới ở Sài Gòn về, có lên chơi với Đích mấy ngày, và đã có dịp làm quen với Cảnh. Chắc Thứ chưa quên Cảnh. Phải không? Anh chàng ấy là một dân hay lượn phố.

Nhưng có điều này mà chắc Thứ cũng có biết, nhưng biết không được rõ: Cảnh còn là ân nhân của nhà trường. Nói thiệt thực hơn: một người chung vốn để mở trường. Y đã giúp trường về tiền cũng như về công sức, khá nhiều. Cố nhiên là y chẳng nghĩ gì đến đấy nữa đâu. Anh chàng ấy tốt bụng và rộng rãi. Đối với bạn, y không ưa tính toán. “Nhưng Đích lại nghe nói rằng hình như lớp này anh chàng túng và đã một vài lần đến hỏi vay Oanh, hoặc ở trường, hoặc ở nhà riêng. Oanh giấu Đích điều ấy, bởi vì Oanh không muốn Đích phải bận tâm. Nhưng Oanh làm gì có tiền dư? Số thu của nhà trường chỉ vừa đủ số chi. Có tháng Đích còn phải gửi tiền thêm. Đích cũng không muốn cho Oanh, hiện nay đủ thứ lo rồi, lại còn phải thêm một cái lo chạy tiền cho Cảnh. Bởi vì dù thế nào thì chúng ta cũng nên trả lại Cảnh phần vốn của y đã góp xưa. Y đã có lòng tốt, cố quên đi. Nhưng chúng ta cũng cố quên thì bất tiện.

Vậy Thứ giùm Đích nhé! Thứ đừng hỏi Oanh nhưng cứ ngầm dò xem có thật Cảnh vẫn đến trường hoặc đến nhà riêng của Oanh không? Nếu đúng, thì đích là Cảnh cần tiền. Đích sẽ bỏ tiền túi của Đích ra gửi trả y, để khỏi hao hụt quá cho quỹ nhà trường và khỏi bận lòng Oanh. Đích không muốn Oanh phải lo lắng quá, túng

thiếu quá, đến thành ồm được. Vậy Dích trông vào Thứ đấy. Thứ để ý dò xem. Nhưng, - Dích nhắc lại - phải cẩn thận đừng cho Oanh biết đấy. Nếu Oanh biết Oanh sẽ không để cho Dích trả tiền Cảnh đâu. Oanh cứ muốn việc nào riêng việc ấy, nợ của nhà trường thì chỉ có nhà trường có quyền trả thôi.

Xin tạm biệt! Thứ vui vẻ nhé!

ĐÍCH

Đọc xong Thứ mỉm cười. Y đưa lá thư của Dích cho San. San đọc và mặt y sầm tối lại. Thứ cười ranh mãnh, hỏi:

- Anh nghĩ thế nào?

- Kịch cả? Kịch Corneile... Đòi lấy đâu ra nhiều người tốt thế?

- Nghĩa là?...

- Nghĩa là Dích lòe anh! Điều thứ nhất: theo ý tôi, thì Cảnh vẫn như thường, chẳng túng gì. Điều thứ hai: Cảnh có túng Dích cũng chẳng biết đấy là đâu. Điều thứ ba: Dích có biết. Dích cũng lờ đi. Điều thứ tư: dù Dích quả có ý tốt, không muốn lờ đi thì nhà trường cũng thừa tiền trả Cảnh, chẳng để đến nỗi Oanh phải vì lo mà ồm!...

- Theo ý anh, thì Dích viết thư này để làm gì?

- Tôi đã bảo: để lòe anh. Ra sự rằng Dích tốt, Dích ở tử tế, phân minh; Dích cũng như Oanh chẳng lợi gì về cái nhà trường này, mà còn thiệt hại thêm và họ cố giữ lấy, muốn làm ơn cho hai ta đấy! Với lại cũng để tỏ rằng đã phải bỏ vốn ra để mở trường, mà cái vốn ấy, thu về chưa đủ. Dích muốn bảo chúng mình: "Tao cho chúng mày thế cũng là phúc lắm rồi! Đáng lẽ chúng mày chẳng nên lấy đồng nào, cứ ăn cơm nhà đi mà dạy, lại rồi còn phải bỏ tiền túi ra mà trả nợ cho nhà trường nữa!..." Cả ba người, họ cùng tốt thế, chẳng lẽ chúng mình dám không tốt, dám tính toán cả trong chỗ bạn bè, dám đòi tăng lương *tăng liếc!*...

San nói một hơi, không còn kịp thở, mặt hầm hầm. Y cười chế nhạo, và bảo tiếp:

- Họ mưu mẹo kể cũng đã tài tình, nhưng vẫn còn để hở cái đuôi. Oanh bảo có thág Oanh phải gửi tiền cho Dích; Dích bảo có thág Dích phải gửi cho Oanh tiền!... Họ còn chưa quên bàn nhau chỗ ấy!...

San tự đắc vì đã *đi guốc trong bụng họ*, khoái chá, cười hơ hớ. Nhưng Thứ lắc đầu:

- Anh ngốc!

Ngừng lại một chút để hưởng vẻ sững sốt hiện trên nét mặt cut húng của San, rồi Thứ bảo:

– Tôi thì tôi cho rằng Đích ghen, chứ chẳng có ý gì đâu.

San ngạc nhiên, rồi ngẫm nghĩ. Rồi y hỏi:

– Đó! Cu cậu muốn biết Cảnh có hay đến với Oanh không, nhưng lại ngượng với tôi (không hiểu sao thằng đàn ông nào cũng ngờ vực người yêu mà lại sợ người khác biết rằng mình ngờ vực người yêu). Cu cậu bèn nghĩ ra cái mẹo này. Nhưng bịt mắt ai, chứ bịt mắt thằng này sao nổi!...

San nhìn xuống. Thứ thấy cử chỉ cón con ấy đầy ý nghĩa. Ít lâu nay, động nói đến chuyện vợ con, chuyện yêu đương, chuyện ghen, chuyện ngoại tình... là San mất tự nhiên. Thứ cũng đã phải bao nhiêu năm như vậy. Chắc San đã cười thâm y mãi. Bây giờ thì lại chính San là người có cái cảm giác khó chịu bị người ta cười thâm...

San nghĩ ngợi một lúc rồi bảo Thứ:

– Anh cũng giỏi tâm lý đấy. Hồi cả ba người còn làm cùng một sở, họ ngồi cùng một chỗ với nhau. Do đó thành một bộ ba. Hai cậu thì cố nhiên là tương *quấy* rồi. Những lúc rỗi rãi, thế nào hai cậu chẳng tán Oanh chơi. Thế rồi bỗng một hôm, – chắc rằng hai cậu bàn nhau mãi – hai cậu chột nghĩ ra kế rủ Oanh chung tiền mở cái trường, để chỉ có ba người với nhau, tự do hơn. Oanh cũng chẳng ngờ nghếch gì mà không biết rằng các cậu định gỡ gạc Oanh. Nhưng chết cái *cu cậu* khá tuổi rồi. *Cu cậu* cũng đang muốn *chài* một tấm chồng. Trong hai cậu, Đích hay Cảnh, được cậu nào cũng tốt. Mới đầu, chắc cả hai cậu cùng chẳng cậu nào định lấy Oanh. Họ chỉ *phiêu* thôi. Oanh như thể của chung. Mạnh anh nào, anh ấy tán. Mạnh anh nào, anh ấy nói đùa nói bỡn. Oanh ở giữa chịu đựng tất, chẳng nghiêng về bên nào cả. Con lừa ở giữa hai bó cỏ... Nhưng sau cùng, có lẽ Oanh đã đủ thì giờ nhận ra rằng bó cỏ Đích hoặc to hơn, hoặc non hơn, hoặc dễ với hơn. Oanh quay mặt hẳn về một phía ấy thôi. Đích bị *chài*. Anh chàng hí hửng tưởng rằng mình thắng được anh kia. Tình yêu, do giả vờ yêu và do sự đụng chạm lâu ngày đến lúc nào, chính anh chàng Đích cũng chẳng hay. Nhưng Đích cứ càng ngày càng thấy khó chịu vì Cảnh cũng có thể cười cợt với Oanh. Sau cùng thì chẳng cứ gì phải cười cợt, Cảnh chỉ có mặt ở đấy, cũng đủ là một cái gai trước mắt Đích rồi. Cảnh chột nhận ra điều ấy. Y tìm lối thoát. Y bịa ra một cơ, dọn đi. Từ khi đi, hiếm họa lắm y mới đến trường. Có đến, y cũng chỉ nói chuyện với

Đích qua loa, chẳng bao giờ nói với Oanh. Chỉ xem thế cũng đủ biết cậu cả Đích nhà ta ghen lắm. Bây giờ đi vắng thế, cậu nghĩ vẫn vợ, có lúc nghĩ rằng Cảnh lại có thể lợi dụng lúc Đích ở xa mà đi lại với Oanh. Bởi vậy Đích mới mật thư này cho thám tử riêng, là anh Thứ!

Thứ mỉm cười:

– Anh có biết thám tử trả lời thế nào không?

– “Không biết rõ” chứ gì!

– Anh muốn giết Đích hay sao?... *Không biết rõ* thì Đích đã mất ngủ nhiều đêm; y có thể sẽ phát điên. Tôi sẽ trả lời rất chắc chắn và gọn thon lỏn thế này: “Việc Đích nhờ tôi, tôi đã để ý dò. Cảnh của chúng ta có túng hay không, tôi không được biết. Chỉ biết rằng trông y vẫn như thường. Y cũng chẳng hề lên trường hay lên nhà Oanh một lần nào, vân vân...”.

– Có lẽ dù có thì anh cũng phải nói rằng không. Mà ai thì cũng phải trả lời như vậy. Nhưng theo ý anh thì trong khi Đích đi vắng, Cảnh có thể lại tìm cách nối lại mối liên lạc xưa với Oanh không?

Thứ hóm hỉnh cười:

– Theo ý tôi thì Đích chẳng đáng phải lo gì, chẳng riêng gì về Cảnh, mà về bất cứ người nào cũng vậy. Một người sáng suốt tất chỉ trông qua Oanh cũng đủ nhận ra rằng Oanh rất dễ chung tình. Nhưng khi người ta yêu, người ta có sáng suốt bao giờ!

Y nghĩ đến hồi y mới cưới Liên: y cứ tưởng như Liên chỉ ra khỏi nhà nửa bước, là đã có người trêu ghẹo Liên ngay!... Y hơi đỏ mặt. Sợ San nhận thấy, y vội bảo:

– Giá chúng mình không sợ ác thì chỉ việc trả lời rằng Cảnh đến với Oanh luôn. Chắc chắn là chúng mình sẽ được cái trường. Bởi vì được cái tin sét đánh kia, Đích chỉ còn có hai con đường: một là bảo Oanh theo, hai là họ bỏ nhau. Oanh đi, thì tự ý phải trao lại cái trường; họ bỏ nhau thì chúng mình sẽ bắt Oanh trao lại, bấy giờ còn nể nang gì nữa!

– Thôi thì ác cũng được! Anh cứ trả lời thế đi!

San bàn như vậy bằng một giọng đùa. Thứ lắc đầu, cười. Cả hai người cùng cho rằng chẳng khi nào họ hèn đến nỗi dám dùng cái lối vừa bàn. Nhưng một cái gì giống như là một ý tiếc vừa qua đôi mắt họ. Họ còn dịp nào tốt hơn?...

XV

Gửi bức thư cho Đích rồi, Thứ thường hay có những lúc nghĩ vẩn vơ. Những ý nghĩ của y luôn luôn trái ngược nhau. Lúc thì y tự bảo rằng:

– Đích nhận được thư của mình hẳn phải thấy tươi đẹp hẳn lên. Anh chàng chắc mắt người yêu của anh chẳng có ai sắn. Anh chàng cũng chắc mắt đã lợi dụng được một thằng ngờ nghệch là mình. Có biết đâu chính anh mới thật là ngờ nghệch!

Nhưng cái ý nghĩ ấy cũng chẳng khiến y sung sướng chút nào. Trái lại, y buồn. Bởi vì y chưa chát nghĩ theo ngay rằng: muốn biết chắc chắn một người đàn bà có chung tình với mình không, thật là khó lắm. Hỏi chính người đàn bà thì cố nhiên là họ bảo chung tình với mình rồi. Còn hỏi người khác thì phần nhiều người ta không nỡ nói thật cho mình biết, nếu sự thật có thể khiến mình khổ sở. Tại sao anh em San lại có thể đem việc vợ San có ngoại tình nói với San? Riêng về phần y, y tin chắc chắn rằng trong lúc y đi vắng, dù cả nhà y có bắt được quả tang Liên có ngoại tình, việc ấy cũng không thể nào đến tai y được. Cả nhà sẽ về hùa với nhau mà giấu giếm. Như vậy đó!... Tim y nhói lên một cái, như đột nhiên bị một mũi dao thích mạnh. Người y còn cào...

Nhưng có thật y đã nói dối Đích không? Bức thư của y mặc dầu có một cái dụng ý ranh mãnh ở trong vẫn đúng sự thật như thường. Sự thật là chính mắt y cũng chưa hề thấy Cảnh đến với Oanh một lần nào, từ độ Đích đi. Nghĩ thế thì y lại cho sự ghen bóng, ghen gió của Đích là một sự lố lăng. Và y lại thấy nóng tai; bởi vì về cái tính hay ghen bóng ghen gió thì có lẽ y còn hơn cả Đích; nghĩa là chắc đã nhiều phen y làm những người khác phải cười thầm, mà chính y không biết...

Từ đấy, Thứ hình như có ý dò Oanh. Cố nhiên là không phải dò cho Đích, nhưng dò để xét đàn bà. Y không thấy một dấu hiệu nào tỏ ra rằng Oanh có thể có một người tình nào khác nữa, ngoài người phải đi xa. Nhưng một hôm, đến trường vào một lúc bất ngờ y gặp

Mô đang loay hoay cắt cho Oanh mấy cái móng tay. Tay Mô nắm lấy những ngón tay Oanh. Cũng may đó lại là bàn tay phải: Oanh không thuận cầm kéo tay trái, tất phải nhờ Mô cắt. Chẳng có gì đáng quan tâm. Nhưng một hôm khác, nhân buổi có trăng, Thứ ra đường dạo chơi rồi tiện chân tạt vào trường; mới tới cầu thang, y đã nghe tiếng Mô hát bài “Cờ người”...

“Oanh hẳn về nhà riêng...” Y nghĩ vậy. Nhưng liền ngay đấy, y nghe tiếng Oanh cười. Y có ý nện giày thật mạnh lên những bậc thang. Tiếng hát ngừng. Cả tiếng cười. Mô đang nằm ngoài hiên gác vội vàng nhồm dậy. Oanh nửa nằm nửa ngồi trong đi văng, ngoái cổ nhìn về phía thang lên và nhận ra y...

– Chú!... Chú lên đây mà nghe hát. Tôi phải thuê thằng Mô nằm xu để nó hát cho tôi nghe đấy.

Thứ cười gượng, không nói gì. Đêm hôm ấy, y thao thức rất khuya. Y có lần quần nghĩ đến thằng ở chẵn trâu nhà Liên ngày xưa, giọng tốt hát rất hay. Chính Liên cũng đã phải khen rằng nó hát hay và lại bảo rằng chỉ vì mê giọng hát của nó, mà một người làng đã gả không con gái cho nó. Tự nhiên Thứ nao nức muốn có phép gì có thể về được nhà quê ngay lúc ấy, để day dứt, day nghiêng, mai mĩa Liên cho hả. Y toan viết một lá thư về. Nhưng sợ cái cử chỉ ấy có thể khiến người khác hoặc chính Liên phải buồn cười, y lại cho rằng sự im lặng là hơn. Y sẽ để thật lâu không viết một bức thư. Y sẽ làm như quên hẳn Liên rồi, hay chưa bao giờ cần Liên cả. Cho Liên khổ...

Một việc nữa khiến y càng băn khoăn nghĩ đến Liên: việc vợ chồng anh xe. Một buổi sáng chủ nhật, bà Hà đi chợ vừa về đến cổng, sắp bước vào thì bỗng có tiếng người gọi. Bà quay lại. Một anh con trai mặc quần áo cánh trắng hồ lơ, đội khăn xếp hảnh hoi, lại có một cái áo the khoác cánh tay, hảnh chạy vội lên mấy bước nữa, chào rồi hỏi:

– Thưa cụ, thế này không phải... cháu hỏi thăm cụ cô Mơ có ở trong này không ạ?

– Bác hỏi cô Mơ nhà tôi hay cô Mơ có chồng làm xe?

– Thưa cụ, cháu hỏi cô Mơ chồng làm xe ấy ạ!

– Thế thì để tôi còn phải vào xem đã.

Năm phút trước đấy, vợ anh xe đã như một con mẹ hàng quà trốn thuế, lút cút chạy về chui tọt vào nhà. Bây giờ thì đang thập thò ở bên cạnh cửa, nhìn ra. Nghe tiếng bà Hà vừa đi vào vừa gọi, chị lại thụt cái đầu vào đằng sau bức vách. Bà Hà thò đầu vào cửa nhìn vào...

– Ngôi đấy mà...

Bà nói được ba tiếng thì ngừng lại, rồi bà quay ra, bảo anh kia:

– Cô ấy không có nhà.

Nhưng ông Học vừa ở trong nhà trong ra, đã hỏi:

– Ai?

– Vợ cái nhà anh xe thuê cái nhà lá ấy mà.

– Chị ta vừa về đấy thôi!

– Về nhưng đi đâu rồi, ai biết được.

Bà chực nháy mắt cho ông Học biết. Nhưng ông Học không để ý. Ông toang toang cãi:

– Không! Chứa đi đâu đâu, rõ ràng tôi vừa trông thấy ở trong nhà lá.

Bà Hà bật cười. Anh chàng kia hiểu ý, van lạy bà cụ Hà:

– Con lạy cụ! Cụ làm ơn bảo cô ấy ra cho con hỏi một tí, con cũng vừa trông thấy cô ấy đi vào lối ngõ này, con mới vào.

– Hỏi gì thì vào mà hỏi.

– Con sợ vào chó cắn. Cụ giúp con làm phúc.

– Tôi không giúp được! Cô ấy bảo cô ấy còn bận, không ra được.

Bà quay vào bếp, mặc kệ anh ta đứng đấy. Anh ta đành gọi lấy. Nhưng chị nọ không thưa, cũng không ra. Ông Học như đoán thấy một chuyện gì rắc rối, ra ngõ, hỏi:

– Anh muốn hỏi gì chị ta?

– Thưa cụ, con muốn hỏi cô ta một chuyện riêng.

– Chuyện gì, anh cứ bảo ngay tôi này, rồi tôi nói hộ cho hay là cứ hỏi to lên, tất cô ta phải nghe thấy, tội gì mà cứ lè nè mãi!...

Thấy anh đỏ mặt lên, áp úng không chịu nói, ông làm như mắng:

– Anh gàn bỏ mẹ! Thế thì về quách đi, đứng đấy làm gì? Này nhé: chị ấy nhất định không chịu ra, còn anh thì lại sợ không vào... Với lại không sợ thì tôi cũng chẳng để anh vào. Người ta thuê nhà của tôi, chồng người ta đi vắng, chỉ có vợ ở nhà; vợ người ta không muốn tiếp anh; tôi tự tiện để anh vào, nhờ nhà người ta mất cái gì, người ta trách được tôi. Tôi biết anh là anh đếch nào?

– Bởi thế con có dám vào đâu. Con đứng mãi bên ngoài cổng.

– Anh đứng mãi bên ngoài cổng thì được, mặc anh! Nhưng anh đứng xa hơn ra tí nữa... Thế! Được rồi!... Anh muốn đứng đến bao giờ thì đứng!

Ông quay vào xay bột. Anh kia, có lẽ vì thấy ai cũng như ác cảm với mình, ngượng và cực quá, không gọi nữa. Anh đứng tần ngần một lúc rồi đi. Nhưng mới đi độ một chục bước, chẳng biết nghĩ thế nào, anh lại quay trở lại. Anh lẳng lặng đứng ở bên ngoài cổng nhìn vào. Thấy thế, ông Học chẳng biết vì tò mò hay thương hại, lại ra cổng, hỏi:

– Tôi hỏi thật anh, anh đối với chị ta thế nào, có họ hàng gì không. Cứ nói thật với tôi rồi tôi liệu.

– Bầm cụ, con là chồng cũ.

Anh đáp vậy, sau một giây im lặng. Và anh kể lể:

– Bầm cụ, chẳng giấu gì cụ, cô ta đã nhận lời lấy con rồi; vợ chồng đã thuê nhà ở với nhau, cô ấy lại đã nhận của con ba chục bạc để may vá nợ kia. Thế mà con mất việc, phải về nhà quê mới có hơn nửa tháng, đến nay ra đã nghe tiếng cô ấy đi lấy chồng rồi. Con tưởng cô ấy lấy được ai giỏi giang hơn con, chứ cũng thành xe, thành bếp, mà lại phải lấy làm hai. Lấy con làm một thì cô ấy không thêm lấy!...

Ông Học ngắt lời anh:

– Không lấy thì thôi, thiếu gì con gái mà anh còn phải tiếc. Tôi ấy à! Nói khí vô phép chứ vợ tôi mà thế thì mấy tôi cũng không lấy nữa. Làm tài trai, thiếu gì!

– Vâng thì con có thiết đâu? Con chỉ có ý đến hỏi cô ta xem có thật cô ta đã lấy chồng khác rồi không. Bởi vì con chỉ mới nghe tiếng thế thôi chứ đã giáp mặt cô ta đâu. Mà nếu quả thật cô ta đã có chồng khác rồi thì cô ta nghĩ cho con thế nào cái chỗ ba mươi đồng bạc.

Cô ả bấy giờ mới xộc ra. Nhưng cô chỉ ra đến đầu hè:

– Anh còn trách gì tôi? Tôi cũng chẳng chê anh. Nhưng anh đưa tôi về nhà anh, người nhà anh chẳng ai buồn nói động đến tôi. Tôi chào người nào, người ấy ngoảnh mặt đi. Tôi ngồi đâu, mặc! Đứng đâu, mặc! Như thế thì tôi ở làm sao được.

– Thì chỉ một mình cô với tôi là đủ chứ còn cần gì ai nữa? Bố mẹ tôi không bằng lòng, rồi tôi nói mãi cũng phải nghe. Chẳng qua là cô cũng có ý lường tôi, không thật lòng thật dạ với tôi. Cô không có bụng giở giáo thì hà cớ làm sao tôi mới về nhà chưa đầy một tháng

cô đã phải lấy ngay người khác? Bây giờ cô đã chót lấy người khác rồi, tôi cũng chẳng dám nói gì, nhưng chỉ xin cô nghĩ cho cái chỗ tiền cô nhận của tôi.

Cô ả chưa biết trả lời sao thì ông Học đã lại toang toang:

– Còn nghĩ ngợi gì! *Tiền giai đưa gái* có đòi được cái đéch người ta. Với lại anh đưa cho chị ta cũng chẳng có tờ chữ gì, có hiểu không. Thà rằng anh chịu mất cho xong có hiểu không. Nhưng mà người đàn bà thế thì cũng bạc. Đã lấy tiền của người ta, đã ngủ với người ta, như thế là vợ chồng rồi. Người ta chết còn phải đợi đúng ba năm, hưởng chi người ta mới về nhà quê mười mấy ngày giờ. Thế mà đã mặt mũi nào mà đi lấy chồng khác được!

Chị kia toan cãi. Nhưng ông nói lấp đi:

– Ấy là tôi cũng lấy lẽ phải trái nói vậy thôi. Còn mặc kệ đôi bên, chứ tôi được quái gì, mất quái gì, có hiểu không. Có điều câu chuyện đã rắc rối thế này, thì anh muốn nói gì, nói hết đi. Tôi cho anh năm phút nữa thôi, có hiểu không. Anh còn lảng vảng mãi ở đây, nhờ người chồng mới người ta về, đôi bên lại lòi thòi. Lòi thòi thì tôi cũng chẳng cần gì. Tôi chỉ đá cho mỗi anh một cái, bắn ra đường, rồi mặc kệ các anh! Nhưng nó sinh lăm chuyện ra! Vả lại người ta thuê nhà của tôi, người ta có thể trách tôi sao để cho anh vào mà gheo vợ người ta. Vậy anh nói gì thì nói rồi đi đi! Muốn đánh nhau, chém nhau, cứ đợi bao giờ gặp nhau ở ngoài đường tha hồ đánh, tha hồ chém! Gây sự với nhau ở cổng nhà tôi là không xong! Hiểu không?

Anh kia không cần đến năm phút của ông. Anh chẳng còn gì mà nói. Vả lại nói mà cứ bị ông chẹn họng hay bàn tán lòi thòi thì còn nói năng gì! Anh chào ông Học rồi chuồn. Ông Học vẫn chưa thôi bình phẩm người vợ bạc tình của anh ta:

– Đời bây giờ, người ta cứ *văng tê!* Thử ngày xưa xem! Cứ gọi là voi giày, ngựa xé...

Ông nói nhiều và tẻ lăm. Chị vợ anh xe chỉ ngồi cúi gằm mặt xuống. Mặt chị đỏ như gấc chín. Rồi chị lủi thủi vào nhà. Một lúc lâu sau, nhân một lúc ông Học mãi làm gì ở đằng chuồng lợn, chị vội vàng len lén chạy qua sân ra cổng. Nách chị cắp một bọc nhỏ quần áo, bọc trong cái khăn vuông. Chẳng bao giờ, chị còn về đấy nữa...

Mấy hôm sau, anh chồng đến vào một buổi trưa. Anh nói chuyện rằng anh đã bỏ chị kia rồi...

– Con không biết nó đã có chồng. Nó báo con rằng chưa lấy ai. Nếu con biết, như thế này thì chẳng đời nào con lấy nó. Thưa cụ, một cái đất Hà Nội này thiếu gì con gái mà con phải cướp vợ người ta.

Dần dần, anh mới ngỏ mục đích của mình ra:

– Thưa cụ, con thuê cái nhà, đưa cụ cả tháng rồi mà mới ở được mấy ngày, với đôi chiếu...

Ông Học không đợi cho nói hết. Ông đổi ngay nét mặt:

– Tôi nói cho anh biết: nhà anh thuê tháng chứ không phải thuê ngày; ở một ngày cũng mất tiền. Vả lại như vậy cũng rẻ chán rồi! Anh thuê *xăm* một đêm cũng mất dăm, bảy hào đồng bạc...

– Vâng, về cái nhà thì chẳng cho lại con đồng nào, con cũng không dám nói gì. Nhưng còn đôi chiếu, cụ để lại cho con năm hào bây giờ con không dùng đến nữa...

– Anh không dùng đến nữa thì đem mà đốt đi! Mặc kệ nhà anh! Anh nói dở vừa vừa chứ! Nhất ngay cho là vợ chồng nhà anh mới năm có một đêm, anh có cho không tôi, tôi cũng chẳng thèm. Anh không đem đi, tôi cũng sai đem quẳng cho nó ra ngoài sông kia! Anh đừng vói!...

Ông dức thật to. Mặt ông phình ra, đỏ tím lên. Tay ông như chực chém vào mặt anh kia, ông làm như bị anh kia sỉ nhục đến ông bà, tổ tiên. Anh kia đành chịu lép:

– Ấy là con cũng đến chơi nói chuyện qua với cụ, cụ nghĩ cho được thế nào thì nghĩ chứ có dám đòi cụ đâu!

– Anh đòi thế nào được tôi? Anh đòi thì tôi đập vào mặt anh ấy chứ!... Anh đừng rắc rối!

– Ô hay!... Thì tôi rắc rối gì?

– Anh thuê nhà, thuê cửa như thế à? Anh đem đi đến, anh làm uestạp nhà tôi ra!...

Ông đập bàn đập ghế ầm ầm. Anh kia nói té tát mấy câu rồi vội tháo lui. Đôi chiếu của anh ta, anh ta cũng không kịp lấy đi. Anh đi khỏi một lúc, ông Học vẫn còn bô bô chửi...

Sáng hôm sau, lên trường, Thứ khoe với thằng Mô:

– Thằng xe chuẩn rồi, mày ạ!

– Vâng thưa cậu, nó chuẩn ba bốn hôm rồi.

– Trưa hôm qua, nó lại vừa đến đây xong.

Mô nhìn Thứ bằng đôi mắt mở to:

– Thưa cậu thật đấy kia?

– Thật.

– Hoài quá thế mà con không biết.

– Nó còn nợ tiền mày?

– Không. Nhưng cánh thằng chồng cũ con kia đang định đón đường để đánh cho nó một trận thật như tử.

Thứ chợt nhớ đến bữa rượu hôm nào.

– Thế mày có bệnh nó không?

– Thưa cậu, đánh bỏ mẹ nó đi chứ bệnh gì! Cho nó chữa cái thói chim vợ người ta! Chúng con đón nó mấy hôm nay rồi, nhưng nó biết, không dám bén mảng đến cái vùng này nữa. Cũng là phúc nhà nó còn to đấy. Giá trưa hôm qua mà có thằng nào trông thấy thì nó đã được uống nước cua hôm nay rồi!

– Thế còn con kia?

– Không hiểu nó đi đâu. Ý nó xem chừng cũng muốn trở về với thằng chồng cũ, mà thằng chồng cũ thì ra sự cũng còn muốn lấy nó. Thằng ấy nó hiền lắm ạ! Nhưng chúng con không cho lấy. Thưa cậu, cái giống nó đã đi như thế thì còn lấy nó làm gì? Nó rồi thì cũng chỉ đến cái cầu nay thằng này, mai thằng khác, rồi đến khi chẳng chớ nào nó lấy nữa thì nhà thổ! Rồi thì là tìm la!...

Mô cười sòng sọc, nẩy cả một cục đờm ra. Nó vội chạy ra ngoài để nhổ. Oanh nhìn Thứ, nheo mắt cười, Thứ bảo Oanh:

– Cô là đàn bà, cô hiểu tâm lý đàn bà hơn bọn đàn ông chúng tôi. Tôi hỏi cô điều này: theo ý cô thì sự trinh bạch hoàn toàn có thể có không? Trinh bạch hoàn toàn, nghĩa là trinh bạch cả về hai phương diện: xác thịt, tâm hồn, nhất là tâm hồn. Trinh bạch cả đến trong ý nghĩ... Có người đàn bà nào, suốt một đời chỉ nghĩ đến một người đàn ông không?

Oanh chế nhạo và hơi có vẻ bất bình:

– Các ông tham quá! Các ông lấy hai, ba vợ, có khi cả chục, lại còn cô đầu, cén hát, gái kiếm tiền... đủ thứ, vẫn chẳng sao. Thế mà các ông lại muốn bắt vợ các ông phải trinh tiết với các ông đến cả trong ý nghĩ!

– Tôi có bắt thế đâu? Vợ tôi vẫn tự do, vẫn đủ quyền... Nhưng tôi hỏi thế thôi.

– Các ông hãy nói ngay chính các ông! Các ông có thể trung thành với vợ ngay cả trong ý nghĩ hay không?

Thứ hơi ngượng nghịu. Y ngấm nghĩ rồi y cười mà bảo, như bảo với chính mình:

– Ờ, nghĩ thì cũng lạ! Ai cũng biết rồi, sao mà ai cũng băn khoăn, đau khổ vì cái sự không thể có ấy? Tại sao người ta lại đến mất ăn, mất ngủ khi biết rằng vợ mình đã có lần yêu một người đàn ông khác, hay là hiện thời cũng có những lúc ngấm nghĩ đến người đàn ông này hay người đàn ông nọ? Trong khi ấy, nếu trông thấy một cô nào thích mắt, mình vẫn nhìn, vẫn thích và cho sự ấy là thường lắm!

– Thế mới là ích kỷ!

Oanh gằn như the thé. Mặt y vênh lên một chút, tự đắc và bướng bỉnh. San, từ nãy vẫn vờ chúi mũi vào sách, bấy giờ mới ngẩng mặt lên. Y bảo:

– Ích kỷ thì cố nhiên ích kỷ rồi. Nhưng chẳng riêng gì bọn đàn ông, cả đàn bà cũng thế, đàn bà cũng muốn giữ một mình một chồng lắm chứ! Giới sinh ra thế. Khoa học có thể tiến, loài người có thể văn minh, luân lý luật pháp có thể ít bó buộc hơn, nhưng về tình yêu thì đến ngàn, vạn năm sau vẫn vậy: người ta vẫn ích kỷ, vẫn ghen tuông, vẫn muốn giữ độc quyền, vẫn không chịu được một cái tình yêu chia sẻ. Con cháu chúng ta sẽ vẫn băn khoăn, đau khổ vì yêu như chúng ta bây giờ và như tổ tiên ta ngày trước.

Thứ lắc đầu:

– Tôi thì tôi không tin như vậy. Tình yêu đã thay đổi nhiều lần, chứ không phải từ ngày xưa ngày xưa, vẫn thế này đâu. Dưới chế độ mẫu quyền, đàn bà có thể có rất nhiều chồng, mà sao những người chồng ấy không ghen, không đâm chém nhau? Ngày xưa người ta còn có lối lấy nhau rất buồn cười: tất cả anh em một nhà lấy chung tất cả chị em một nhà kia, chẳng cần gán riêng chị nào vào anh nào cả. Như vậy mà người ta vẫn ăn ở với nhau yên ổn được. Có lẽ ngày nay về bất cứ cái gì, người ta cũng thích co quắp lấy làm của riêng mình mãi mãi rồi, đã quen đi, nên về tình yêu, người ta cũng muốn có quyền sở hữu như về mọi cái. Chế độ tạo ra lòng người.

San vẫn hoài nghi:

– Anh thích một vật gì, anh có muốn giữ vật ấy làm của riêng không? Đã yêu, tất muốn có quyền sở hữu.

Thứ mỉm cười, chỉ tay ra ngoài cửa sổ:

– Tôi rất thích trời xanh dịu thế kia. Tôi rất thích ánh nắng ban mai. Tôi rất thích mặt trăng... Nhưng anh cứ việc ngắm trời xanh dịu, nhìn ánh nắng ban mai, ngồi suốt đêm đối diện với mặt trăng. Tôi chẳng giữ một mình đâu!

– Nhưng thử có một thằng nào ngắm vợ anh xem... Anh lại không đánh vỡ mặt nó ấy à?

Mọi người cười. Thứ cũng cười. Y hơi đỏ mặt. Y tin vào những lý lẽ của y lắm; nhưng y vẫn ghen, vẫn thắc mắc như thường. Tại sao như vậy? Y suy nghĩ một cách buồn rầu, rồi bảo:

– Đó là tại thói quen. Không phải cái thói quen của riêng mình, nhưng là cái thói quen lưu truyền đã mấy đời, đến nỗi nó đã nhập vào máu chúng ta. Tư tưởng, tính tình, cảm giác, hành động của chúng ta đều khuôn theo những thói tục. Những lề lối sẵn trong thời đại của chúng ta. Thời thế đổi, lòng người đổi. Thế kỷ sau sẽ lọc cho máu chúng ta trong trẻo lại.

Y thở dài nghĩ bụng “Nhưng tại sao ta lại không thể nghĩ đến chuyện lọc máu ta ngay từ giờ?...”

XVI

Lần thứ hai, Thứ định viết thư cho Đích nói dứt khoát về việc nhà trường. Lần này, y quả quyết hơn. Y đã viết được mấy dòng rồi. Bức thư bắt đầu thế này:

Ông Đích.

Thư này tôi viết cho ông Đích, người xuất vốn cho trường, chứ không viết cho anh Đích, người anh họ. Chúng ta cần biết phân biệt thế, để dễ đối xử với nhau. Anh là anh họ của tôi, cô Oanh cũng như một người chị, còn anh Cảnh thì là bạn. Dù thế mặc lòng, chúng ta vẫn có chỗ cần phải gạt tất cả tình nghĩa ra ngoài: ấy là việc nhà trường. Tôi sẽ không úp mở gì. Thực tế thì hai anh với cô Oanh chính là những kẻ thuê người làm, mà tôi thì là người làm thuê. Cứ nói toạc móng heo thế là hơn. Tình nghĩa là tình nghĩa, công việc là công việc, hai đằng riêng hẳn.

Bây giờ anh hãy đứng địa vị kẻ thay mặt cho những người xuất vốn mở trường của chúng ta, mà trả lời tôi...

Thế rồi y mới đem những điều yêu sách của y ra. Một là phải tăng lương cho y theo với số học trò. Hai là trao hẳn cái trường cho y, họ chỉ việc ngồi không, hưởng mỗi tháng một số tiền là bao nhiêu đấy. Muốn đằng nào thì muốn... Nhưng y sẽ để cho Đích ngồi không, ăn mỗi tháng bao nhiêu? Đó là điều y vẫn cần tính toán lại kỹ càng. Bởi vậy lá thư bỏ dở. Đang như vậy, thì bỗng nhiên trưa hôm ấy, Oanh hỏi ý kiến y về việc hôn nhân của Oanh và Đích.

– Này chú ạ! Nếu Đích không về được, thì tôi có thể đến chỗ Đích làm, rồi chỉ hai chúng tôi thôi, chúng tôi sẽ làm hôn ước ngay tại đây, được không?

– Nhưng tại sao anh ấy không về?

– Đang thời kỳ chiến tranh, xin nghỉ khó. Đích bảo: đã xin hai lần rồi, cũng không được.

Cuối cùng, Oanh bảo:

– Có lẽ thì tháng sau tôi thu xếp đi với Đích. Tôi muốn làm cho xong chuyện. Để lúng nhúng mãi, đến bao giờ? Tôi còn bà ngoại tôi, coi bộ đã leo heo lắm rồi. Nhỡ ra một tí, vướng luôn hai, ba cái tang thì già quách, còn gì? Vả lại tôi cũng muốn xong việc cưới cheo đi, để vợ chồng cùng đi với nhau. Đích đi làm, tôi buôn bán, may ra có gầy được chút vốn liếng làm ăn để sau này có con cái đỡ lo. Cứ thế này mãi thì rồi biết liệu thế nào? Còn chú, chúng tôi định sẽ để cho chú cái trường này, để chú kiếm thêm một chút.

Ấy thế là Thứ lại xé lá thư viết dở đi. Y lại đợi. Trong khi đợi, y chỉ còn mỗi một cái thú, là đọc sách rất nhiều. Hình như ít lâu nay, y có vẻ chán người. Chán hay không thì cũng thế thôi: họ chẳng được gì, chẳng mất gì. Nhưng y mất cái thú sống chăm chỉ, luôn luôn bận đầu óc đến người này, người khác. Bây giờ, y làm như ngoảnh mặt đi, không thèm nhìn họ nữa. Y chán họ.

Oanh để cho y nhìn rõ đến đáy lòng. Y biết đã từ lâu rằng Oanh chẳng tốt gì. Nhưng y vẫn tưởng ít cùng ra, Oanh còn có thể tốt với tình nhân. Chỉ khi yêu là người ta dễ dảm hy sinh, nhưng Oanh, y vẫn tính toán như thường! Y phân nản rằng đằng nhà Đích không biết điều tí nào, họ không chịu hỏi y, xêu tét hằn hoi. Oanh phải nuôi các em cho Đích, nhưng họ cũng chẳng kể đấy vào đâu; họ đã không trả tiền, mà lại không cả lời nói với y, họ không muốn bỏ ra dăm, ba trăm bạc để cho Đích cưới... “Cái gì cũng bắt tôi chịu cả, thì tôi chịu làm sao nổi?” Oanh bảo thế. Nghĩa là Oanh sợ thiệt vào mình vậy...

Cộng đã bỏ cô Dung. Nghe đâu vì cũng mong manh biết chuyện Dung đã dan díu với San. San biết tin ấy, có ý hả hê. Thứ tưởng rằng bà béo sẽ oán San suốt đời. Nhưng không. Bà thật là một kẻ biết tùy thời. Mất đám kia rồi, bà lại trở mặt, tử tế với San. Một hôm San vào mua hàng, bà mời ngồi chơi, uống nước hằn hoi. Bà than thở rằng bước sang năm nay chỉ những ốm cùng đau, để cho San hỏi thăm bà. Bà than thở về chiến tranh, sinh ra khó làm ăn. Bà hỏi San ít lâu nay ít đến chơi. Và bà dặn San thỉnh thoảng đi qua, cứ tạt vào chơi, xơi nước... Ấy thế là cuộc giao thiệp giữa San và Dung lại nổi. Thứ có ý hơi khó chịu.

Thứ nghĩ đến Tư. Tư hơi béo ra một chút, hơi xấu hơn, xộ xệ hơn. Như vậy, nghĩa là Tư gần Thứ hơn một chút. Đã một đôi lúc Thứ nảy ra cái ý đánh liều ngỏ ý với Tư. Y nghiệm ra rằng ít lâu nay Tư rất hay đi qua cái lối đi ở sau nhà. Không nói điều ấy với San, y hay ngồi

trên giường, trông ra bên ngoài cái cửa sổ căng lưới thép, như một con thỏ trong cái chuồng của nó. Cái cửa sổ ngang tầm với cái cằm y. So với người đi bên ngoài nó cao quá đầu người. Người đi qua muốn nhìn nó, phải đứng hẳn lại, nghển người lên, vì cái lối đi hẹp quá, không có chỗ lùi để dễ nhìn. Do lẽ đó, những người qua lại ít người nhìn thấy nó, ít người để ý chỗ này có một cái cửa sổ mở ra đường, và đằng sau cái cửa sổ có thể có những con mắt tò mò nhìn ra. Cũng vì thế mà buổi trưa nắng chang chang một cặp tình nhân đi đến chỗ ấy, đã đứng lại, hôn nhau. Họ giật mình. Cái hôn, đang chực sa xuống, ngừng sững lại, bị đeo lơ lửng ở trên không. Thứ đã để thoát ra một cử chỉ không giữ lại kịp. Bởi vì người suýt được hôn là Tư. Cả đôi trơ cái mặt ra, rồi vội vã bước đi. Người đàn ông cao lớn ngang với Thứ, mặt trông cũng già bằng. Giá Thứ đã bạo dạn hơn một chút thì biết đâu?... Y tiếc ngẩn ngơ. Nhưng cố nhiên là từ đấy y thấy Tư không đáng cho y ao ước quá như trước nữa. Mười lăm, mười sáu tuổi, một người con gái đã thể có nhân tình rồi ư? Mà lại nhân tình hẳn với những thằng lớn cộ, tuổi gấp hai.

Cụ Hải Nam vừa được thưởng bội tinh, tiệc tùng mấy ngày đêm. Chung quanh nức tiếng đồn. Người ta nói ăn uống đến mấy vạn đồng, khách đến toàn bằng xe hơi, xác pháo ngập kín sân, cô đầu tất cả bốn mươi cô, và chủ nhân đã cho xây hẳn một cái nhà nho nhỏ, kiểu mẫu riêng, để mấy vị khách to nhất nằm hút thuốc phiện và nghe hát, để thêm trịnh trọng và tỏ lòng quý khách. Người ta lại còn bàn đến đám cưới cô con gái út, tiệc tùng chắc cũng linh đình chẳng kém gì; cô con gái út ấy vẫn kén chồng và con một quan tuần phủ hỏi, cô vẫn chưa chịu lấy, mấy cô cháu cũng toàn tri huyện, đốc tờ hỏi cả. Rồi người ta nói đến chuyện được mô được mả, chuyện phúc đức lưu cứu những từ đời ông tứ đại, ngũ đại nào truyền lại.

Con bé Lân thì chẳng biết có được mô, được mả gì không, nhưng cũng vênh váo ra tuông! Nó lấy được một anh thợ may, diện sang hơn cả Thứ và San, và thỉnh thoảng lại khoác tay nhau đi qua trường, nói nói, cười cười, làm ra vẻ ta đây nhí nhảnh, như để hếu mắt Mô!

Mô hóp người đi. Vợ nó đã đẻ một đứa con, phải nghỉ làm. Ông bố trẻ toái người! Tự nhiên, nó sinh ra đối tính ngay. Nó trở nên ít nói, ít cười, mặt suốt ngày tối sầm sầm, nói thì hoặc nói nhỏ quá, hoặc to quá, như tức người nào vậy. Nó cãi lại Oanh luôn, mà cãi một cách hỗn xược quá, đến nỗi Thứ phải ngượng, Thứ thấy ngại ngại khi

cần sai đến nó. Nó không làm chó y mau mắn như xưa. Có khi Thứ bảo nó điều gì, nó chỉ im ỉm, không thèm đáp lại, hay có đáp cũng chỉ hơi nhúc nhích môi, như không còn muốn nói. Hình như vợ chồng nhà nó cãi nhau luôn. Điều chắc chắn là hai mẹ con bà Hà cãi nhau luôn. Có lần chính Mô vặc nhau với bà mẹ vợ.

Bà cụ Hà cứ vài ngày một lần, hỏi Thứ rằng đã sắp đến nghỉ hè chưa. Bà làm như bà sốt ruột lắm rồi. Gạo, củi, thức ăn... mỗi ngày một đắt hơn. Thối cơm cho Thứ và San, mới đầu bà còn lãi ít nhiều, rồi chẳng lãi tí nào, rồi lỗ. Nếu mọi thứ còn đắt mãi lên, thì bà còn lỗ mãi, lỗ tăng mãi lên. Bà chỉ có thể chịu đựng cho đến ngày San và Thứ nghỉ. Trong khi đợi, Thứ và San phải nói với bà để giảm các thức ăn đi, vì họ không thể trả hơn được nữa... Chiến tranh đã ảnh hưởng đến cuộc sống của Thứ và San rồi vậy! Thứ chua chát nhớ lại cái cảm giác mừng rỡ của y khi cuộc chiến tranh thế giới mới bùng ra. Y khổ sở mãi rồi và coi chiến tranh như dấu hiệu một sự đổi thay. Chiến tranh lại dai dẳng, kéo dài ra, kéo dài ra như đến mười năm; hai mươi năm nữa cũng không cùng, và y vẫn khổ, lại còn khổ hơn lúc trước. Bao giờ cho nó hết?...

Ông Học cũng kêu ca vì mọi thức đắt lên mà hàng thì lại ế. Nhưng ông được mảnh đất và cái nhà kéo lại: “Ngày xưa, chỗ này chưa đến năm hào một thước vuông. Bây giờ lại không năm đồng à? Cả đất, cả nhà, bỏ rẻ cũng năm nghìn đồng...” Ông bảo vậy. Ông lại luôn luôn nhắc cho Thứ và San biết rằng họ thuê được ở chỗ này là may: người tầu họ chạy loạn sang đây, thuê hết cả nhà khiến giá nhà tự nhiên cao vọt lên, nhiều người không tìm nổi một căn nhà ngoại ô mà ở, chứ đừng nói gì nhà ở phố. Thứ lấy làm khó chịu. Nhất là mùa bức đến, y đã bắt đầu nhận thấy căn phòng chẳng tốt đẹp gì. Không những bức, mùi phân và mồ hôi ngựa đưa sang, rất là khó ngủ. Và Thứ chợt hiểu về ngân ngại của ông Học, những lời đón trước rào sau của bà ta, khi Thứ và San ngỡ ý muốn ở lại căn phòng ấy. Sao họ không nói phật ngay rằng ở căn phòng ấy, người ta sẽ khổ mũi vì những thức ở bên chuồng ngựa?

Một hôm, ông hỏi về số tiền học ở lớp vỡ lòng ở trên trường, Thứ trả lời:

– Có năm hào. Nhưng nếu ông muốn cho thằng cháu lên học thì cứ việc cho lên. Tôi nhận cho. Chẳng phải tiền nong gì cả.

Thứ nói vậy, rất thật lòng. Oanh có đến cả đồng người nhà học

không phải trả tiền. Y có xin tiền học cho một đứa, Oanh cũng chẳng nói vào đâu được. Ông Học bằng lòng ra mặt. Ông cười híp mắt lại mà bảo Thứ:

– Vâng, thế để nay mai tôi kiếm giấy bút cho cháu, rồi nhờ hai ông. Dẫu có mất tiền cũng được. Miễn là hai ông trông coi cháu giúp. Thế nào cũng còn hơn nơi khác.

Chẳng hiểu hai vợ chồng ông ta bàn đi, bàn lại thế nào mà rồi thằng Học vẫn ở nhà. Thứ giục thì ông để bảo sau nghỉ hè mới cho nó đi, không muốn dở dang. Thứ tin ngay. Nhưng bà Hà bảo nhỏ với y:

– Ông ấy sợ mất những năm hào. Ở dưới kia, có người lấy có ba hào.

Thứ ngạc nhiên:

– Nhưng nếu học trường chúng cháu thì chẳng mất đồng nào. Cháu đã bảo thế kia mà!

– Vâng, nhưng bà ấy lại bảo rằng: chẳng lẽ ông bà ấy lấy tiền nhà của hai cậu thì được, mà đến lúc cho con lên học, thì lại không đưa tiền học, coi không tiện; mà đưa thì phải đưa những năm hào, đắt quá...

Quả nhiên, mấy hôm sau thằng Học ngày ngày cắp sách đi. Nhưng nó đi xuống mạn dưới, chứ không lên trường...

Anh xe trả cái nhà lá được mấy hôm thì lại có người khác đến kể chân ngay. Lần này là một bà đã sồ sề, tuổi độ băm tư, băm lăm, có hai đứa con gái, một đứa độ lên chín lên mười, một đứa lên năm lên sáu. Hai đứa bé trông xinh, tuy quần áo bằng vải nâu, rách vá tứ tung. Chúng để tóc chấm đến vai. Con bé em có một cái vòng cổ bạc. Chúng nheo nhéo hát suốt ngày. Tiếng chúng trong trẻo, giọng khá cao, và nhiều khi Thứ ngừng đọc sách để mỉm cười nghe chúng hát. Thứ thấy có cảm tình với chúng nhưng cũng chẳng tìm cách làm quen. Một đôi khi, đang hát chợt trông thấy Thứ, chúng xấu hổ ngừng bật lại giữa câu, và búi lấy nhau, giấu mặt đi, cười hi hí. Rồi chúng nhìn trộm Thứ. Thứ vuốt ve chúng bằng mắt và hơi mỉm cười...

Bà mẹ cũng làm ở hăng rượu bia. Bà nói với con rất nhẹ nhõm, dịu dàng. Bao giờ cũng thế, chứ không phải chỉ có từng lúc thôi đâu. Đó là một điều ít thấy ở những người đàn bà lao động, lam lũ và cực khổ. Ấy thế mà cứ nhìn người, cũng như nhìn cách sống của bà, cũng đủ biết bà không phải là một người phong lưu, sung sướng. Bà ta khổ người thô. Cách đi đứng hay mái mốt, vôi vàng. Chỉ hôm nào nghỉ ở

nhà, bà mới đi guốc thoi. Đôi guốc rất to. Bà đi trông chưa được gọn. Bàn chân ấy, chắc vốn đi đất từ thuở bé, chỉ mới làm quen với guốc. Từ hôm bà đến, chưa một lần nào người ta thấy bà mặc áo chùng. Ngày nào cũng như ngày nào, bà chỉ mặc cái quần treó go đã bạc, ống thì cộc, đũng thì chùng, với một cái áo cánh nâu ngắn cùn cốn, mồ hôi muối ra cái lưng áo trắng ra từng ngấn. Bà đi làm vắng suốt ngày. Con bé lớn quán xuyến tất cả việc của nhà. Cũng chẳng có gì. Buổi sáng bà đi làm rồi, nó quét tước cửa nhà. Rồi nó quanh quẩn với em. Gần trưa, nó cầm rá gạo mẹ đã lấy sẵn, để ở nhà cho, ra lấy nước, xóc, thổi cơm. Nếu mẹ có gửi tiền, bà Hà có mua rau cho, thì nó luộc rau. Rồi lấy mâm bát sẵn sàng. Trưa đứng bóng, bà mẹ mới về, mặt đỏ gay, mồ hôi rỏ ở cằm, mồ hôi ướt đầm lưng. Đưa con bé reo lên, chạy ra nắm lấy tay bà, chạy trước bà, vào. Bà ngồi nghỉ một lúc, quạt cho bà, quạt cho con. Rồi ba mẹ con ăn. Tối tầm bà lại đi làm. Hai đứa trẻ lại lẩn thẩn chơi với nhau, hát với nhau. Có khi con chị quạt cho con em ngủ. Bữa chiều, nó lại luộc thổi cơm sẵn, đợi mẹ về. Ăn cơm chiều xong, bà mẹ đi gánh vài gánh nước. Rồi ba mẹ con sửa soạn đi nằm, hai con bé rí rầu nói chuyện với mẹ hay đọc những bài hát và hỏi mẹ những đoạn chúng chưa thuộc.

Ông chồng thỉnh thoảng mới về. Trông ông quá cách biệt vợ con. Ông không có vẻ thợ thuyền. Ông có vẻ là một dân làm bàn giấy một sở tư nào đó. Quần áo tây, tuy chẳng sang gì, nhưng toàn màu trắng, chứ không màu vàng, hoặc màu xanh. Bao giờ cũng đủ quần với áo. Có khi lại cả ca vát nữa. Ông về bằng xe đạp mà hay về tối lắm. Sáng cũng hay đi sớm. Hình như ông có ý thẹn vì vợ, vì con. Thứ chưa bao giờ thấy ông có một cử chỉ hoặc một lời nói nào thân mật với vợ, với con. Ông làm như không buồn nhìn đến vợ, con. Ông khinh khỉnh, lạnh lùng, thường có vẻ mặt và bộ điệu của một ông phán nói với dân quê. Những tối có ông ở nhà, hai đứa trẻ con không hát.

Trông thấy vợ chồng ông, Thứ không thể không nghĩ đến vợ chồng mình. Giá y đứng với Liên, thì người ngoài trông cũng na ná thế thoi. Cũng chồng diện tây, vợ đặc nhà quê. Người lạ có thể bảo là chủ với con sen, chị vú... Tuy vậy, Thứ ghét ông. Ghét nhất là cái thói khệnh khạng, không phải lối của ông. Ông coi vợ chẳng khác gì con hầu, đầy tớ. Hôm nào về đến cổng mà thấy cổng đóng rồi, ông bóp chuông xe để gọi vợ ra. Bà vợ *dạ* rồi mới mãi một chạy ra. Bà mở cổng xong đỡ lấy cái xe đạp cho chồng. Ông chồng ung dung hai

tay không, đi trước vào nhà. Bà vợ tựa cái xe đạp vào tường, cài cổng, rồi mới nâng niu dắt cái xe đạp vào sau. Bà vác cái xe đạp lên, cất cẩn thận vào nhà. Bà mượn cái chậu thau nhà ông Học, lấy nước cho chồng rửa mặt mũi, tay chân. Sáng sớm hôm sau, bà lại vác cái xe đạp ra sân, lấy giẻ, chậu thau nước, để trước cửa, đợi chồng. Ông chồng rửa mặt, mặc quần áo xong, chỉ việc cất lấy cái xe đạp ở tay vợ, ra đi. Có hôm cổng chưa kịp mở, bà còn phải dắt cái xe đạp ra tận cổng để mở cổng cho chồng nữa. Trông thấy người chồng chẳng què, chẳng cụt gì, mà cứ để cho vợ làm như thế, Thứ cho là chướng lắm. Chướng nhất là một hôm Thứ lại nghe thấy ông gọi vợ là “mày” và sai:

– Đem đánh đôi giày đi cho tao!

Bà vợ đem đôi giày khổ ra hè, lau lau, chùi chùi mãi, rồi bôi kem, rồi cọ, rồi ngắm nghía, quý hóa, trân trọng lắm. Đời lại có những cái tức như thế được. Thứ muốn giật xoét lấy đôi giày, quăng ra đường hay sang chuồng ngựa. Y muốn chửi vào mặt người đàn ông hay gây sự, đánh cho anh ta một trận. Y muốn gào cả vào tai người vợ:

– Nhịn nhục quá là đê tiện. Người đàn bà sinh ra không phải để làm nô lệ!...

... Thứ trọng người, trọng phẩm giá của con người. Y không thích sai ai dù là một đứa trẻ con. Theo y, đày tớ là những người giúp việc, không phải là những kẻ để sai; những việc gì chính mình có thể làm được, có thì giờ để làm, thì không nên bắt chúng làm. Dù bức đến đâu, y cũng không thể nào ngồi ăn mà bắt một thằng nhỏ đứng quạt hầu. Vợ, đối với y, phải là một kẻ ngang hàng, không phải là một người dưới quyền chồng. Ở nhà quê, người ta đánh vợ, chửi vợ như chửi chó, chửi mèo. Y cho là những quân cục súc, vũ phu, quen bắt nạt xó nhà. Còn y, y đã bảo thẳng với Liên: “Tôi không có quyền được đánh mình, nếu tôi tát mình một cái, ấy là tôi coi mình không phải là người ngang hàng tôi nữa: mình đã là người tôi khinh, tôi ghét, nghĩa là chúng mình sẽ bỏ nhau tức khắc!” Y vẫn tưởng tất cả những người có học một chút, đều nghĩ như y vậy. Y không hiểu người chồng có vẻ con người có học mà lại bắt vợ vác xe đạp và gọi vợ bằng “mày” kia...

Y lại còn không hiểu tại sao ông ta không ăn cơm nhà với vợ, con? Ông ăn cơm ở sở chăng? Có sở nào thổi cơm luôn cho các nhân viên! Hay là sở xa quá, không tiện để ông về? Thì ít ra ông cũng phải

ăn bữa cơm chiều chứ! Thứ đoán rằng ông thích ăn cơm trọ một mình để được ăn ngon, sợ ăn với vợ con thì phải ăn kham khổ quá. Y lấy làm lạ rằng có người lại có thể sung sướng một mình như thế được. Nhưng y lại ngẫm nghĩ đến y. Thì chính y cũng chẳng sung sướng một mình đó ư?

Một hôm, nhờ bà cụ Hà rủ rón hỏi bà kia, mọi người mới vỡ lẽ ra rằng ông ta có vợ hai. Người vợ hai có vốn liếng, có cửa hàng, đã bỏ tiền ra chạy cho ông một việc làm. Bởi thế mà ông ấy nể vợ hai hơn, ăn với vợ hai, để người vợ hai có quyền hơn. Còn người vợ cả, bởi không có tiền, mang tiếng là vụng dại, nên đành chịu lép... Bà Học làm như người ghen hờ:

– Chịu lép là chịu lép thế nào? Tôi mà thế thì nhất định là không ức được tôi. Có lắm tiền, có giỏi giang mấy đi nữa, thì cũng là lấy chồng tôi. Lấy chồng tôi thì phải chịu quyền tôi. Chực lẩn át tôi là không thể được! Sao như vậy mà bà chịu được?

Bà hỏi bà kia như vậy. Bà kia chép miệng:

– Không chịu thì biết làm sao được? Mắc cái tại chồng mình. Chồng mình có mê nó thì nó mới bắt nạt được mình.

– Bắt nạt là bắt nạt thế nào? Tôi thì tôi xé xác nó ra!

– Xé xác nó ra cũng chẳng được gì? Chỉ tổ người đàn ông ghét. Thà chịu ngay nước lép đi thì người ta còn thỉnh thoảng đi lại với mình. Làm mất mặt nhát nhát thì người ta mặc kệ, bắt lai đoái hoài, đã làm gì được người ta? Thôi! Tôi thì ai chê là ngu, là dại tôi đành chịu, nhưng tôi chỉ chịu nước lép ngay đi cho rồi!

Bà nói xong thở dài. Mặt bà buồn rười rượi. Bà Học chỉ tức lây, mà cũng tức thật lâu. Bà lảm nhảm, nghiêng ngấu mãi không thôi. Bà Hà nhìn ông Học, cười: Hé! Hé!... U em có vẻ mừng. Nhân một lúc bà kia có một mình, u em ẵm em lại gần bà...

– Thế ra ông ấy nhà bà cũng có vợ hai đó ư, bà?

– Có vợ hai!...

Bà kia vừa chép miệng đáp, vừa nhìn đi, như chẳng muốn người ta bàn tán lời thôi nữa làm gì. U em hấp tấp bảo ngay:

– Thế thì cảnh bà cũng rứa cảnh tôi!

Thị nói như thể reo lên. Mặt thị có một vẻ gì như vừa mừng rỡ, vừa tự đắc. Thị kể lấu ta lấu tấu:

– Chồng tôi cũng vậy. Chồng tôi cũng mê con đi. Con đi thì cũng chẳng dám làm gì tôi, nhưng tôi chỉ tức cái nó có tiền, nó mở cửa hàng buôn bán với nhau. Nó chẳng phải làm gì, chỉ ăn trắng mặc trơn, ngồi phên phễn suốt ngày trông hàng. Tôi phải mở cửa, đóng cửa, thổi cơm, nấu nước, như con ở, tôi không chịu được. Tôi tức mình đi ở thế này. Mình làm lấy, mình ăn. Hầu hạ thì chẳng thà hầu hạ người ngoài, tội gì mà hầu hạ con đi, nó bám hơi chồng mình mà lại đòi sai bảo mình!

– U em chưa có con thì mới làm thế được. Tôi mà cũng nghĩ liệu thế thì con tôi khổ?

– Tôi cũng có con đấy chứ! Tôi được một đứa con trai lên năm với một đứa nữa mới được hai năm.

– Thế chúng nó đâu rồi?

– Ấy, thằng lớn thì bố nó nuôi. Còn thằng bé, bố nó cũng đòi nuôi mãi, nhưng tôi tức con đi, tôi không cho nuôi. Tôi bảo: “Mỗi người nuôi một đứa”. Tôi gửi bà cháu ở nhà quê, rồi tháng tháng gửi tiền về nuôi.

– Con tôi nó không chịu thế. Chẳng đứa nào chịu đi với bố. Đứa nào cũng chỉ bám lấy mẹ thôi.

– Thế bà lấy gì mà nuôi chúng nó được? Bà làm thì khéo lắm chỉ đủ bà ăn. Mỗi tháng ông ấy có cho bà đồng nào không?

Bà ngập ngừng một chút rồi bảo:

– Cũng có. Không thì tôi nuôi chúng nó làm sao được? Mỗi tháng, bố chúng nó cho ba đồng...

Thế mà bà ta chiều chuộng chồng như vậy!... Nói với chồng bà *vâng, dạ* hần hoi. Thứ ngấm nghĩ cho rằng đàn bà tốt hơn đàn ông, nhẫn nại hơn, nhiều đức hy sinh hơn. Số đàn bà bị tình phụ cũng nhiều hơn số đàn ông. Y nghĩ đến bà ngoại y, bà bị chồng bỏ đi từ năm mới hăm hai. Y nghĩ đến bà ngoại Oanh, chồng chết từ năm mới hai mươi tuổi, mà cũng đành ở vậy nuôi con. Y nghĩ đến bao nhiêu những người đàn bà bị chồng vì mê vợ lẽ mà ruồng bỏ, sống âm thầm và cam chịu, không liều lĩnh, không phần uất. Có bao nhiêu người đàn ông đã im lặng mà chịu đựng được như thế ấy?... Y nghĩ đến Liên và thấy thương Liên một cách thấm thía vô cùng. Y sức nhớ ra rằng Liên hiện đang bị ốm nặng, theo lời Đại nói hôm nào. Ho ra máu... đó không phải là một bệnh thường đâu. Người ta chết vì bệnh

ấy là thường. Nếu Liên chết bây giờ chẳng hóa ra cả một đời lấy chồng của Liên khổ lắm ư? Liên khổ vì y nhiều rồi. Liên khổ vì gia đình đã nhiều rồi. Liên chưa có lúc được đền bù. Gia đình Liên cũng sẽ rất thương Liên, ái ngại cho Liên, vì vẫn tưởng Liên bị chồng giận và ghẻ lạnh. Có lẽ chính Liên cũng có lúc ngờ như thế... Thứ nghĩ xa, nghĩ gần như vậy. Y tưởng tượng ra lúc hấp hối của Liên, bàn tay giá lạnh của Liên trong bàn tay nắm chặt của y, đôi mắt Liên đầm đìa nước mắt, nhìn y như oán trách. Và đôi mắt đau đớn của mẹ Liên. Và những câu hờ nãu ruột của bà, vừa thương cho con, vừa chì chiết rể. Và y, thất vọng và khổ sở trước sự chẳng còn sửa chữa làm sao được nữa! Có biết bao nhiêu người đã phải chịu qua sự ân hận ấy rồi? Tận đến lúc người yêu chết, họ mới chợt nhận ra rằng mình đã quá ơ hờ, mình đã làm khổ người yêu hay rất có thể làm cho người yêu sung sướng mà chẳng khó khăn gì, nhưng đã chẳng làm. Trước cái chết của một người yêu, có biết bao nhiêu người đã phải tiếc rằng mình đã không tử tế!...

Ngay tối hôm ấy, khi San đi học rồi, Thứ đóng cửa buồng, nằm viết cho Liên một bức thư, lời lẽ rất yêu đương. Y bỏ hẳn cái giọng lạnh lùng, mọi khi vẫn dùng để viết cho Liên, sợ thư có thể lọt vào tay bà hay bố mẹ y. Lần này, y nghĩ rằng y chẳng cần gì phải quá giữ gìn. Yêu thương vợ con có phải là một cái tội đâu? Vậy y cứ thật thà hỏi thăm Liên về bệnh trạng của Liên. Y nói tất cả nỗi lo lắng của y ra. Y bảo Liên nên cẩn thận giữ mình, đừng lo buồn, phiền não quá, đến nỗi sinh bệnh hoạn; Liên nên uống thuốc đi, và nếu bệnh không giảm thì phải cho y biết ngay, để y về mà chạy thầy, chạy thuốc. Y tỏ ra y sẵn sóc đến sức khỏe của Liên nhiều lắm...

Muốn cẩn thận, y gửi bức thư ấy cho người em ruột Liên, nhờ đưa tận tay Liên, để bức thư khỏi có thể lọt vào tay người nhà y.

XVII

Oanh nói về những giấc mộng của y:

– Tôi có một cái khiếu lạ, là có thể trông thấy trước những việc sắp xảy ra. Đời tôi, vào những dịp quan trọng, tôi thường có những giấc chiêm bao, về sau nghiệm ra đúng lắm. Hồi tôi học hết ban tiểu học, tôi muốn học lên ban sư phạm lắm, nhưng ba tôi, nhất định không cho học. Ba tôi không thích cho con gái học nhiều. Tôi thì lại quyết học cho bằng được. Tôi khóc lóc với má tôi. Má tôi cho vụng tôi tiền để tôi lấy các giấy tờ, gửi đơn thi. Rồi đến hôm thi, tôi phải đi thi vụng. Ngay hôm mới thi xong, còn phải chờ kết quả, tôi nằm mơ thấy tôi đã được vào học trường sư phạm; tôi thấy rõ rệt cả cái trường như thế nào, lớp học thế nào, bà giáo là người như thế nào... Về sau, đúng hết. Những cảnh trong mộng, cả đến hình dạng, nét mặt bà giáo, in như sự thật... Trước khi má tôi chết, tôi cũng chiêm bao thấy một cảnh nhà thương, má tôi nằm trên một cái giường sắt, tôi ngồi một bên, khóc lóc. Đến khi tôi ra Hà Nội, kiếm việc làm. Tôi chiêm bao thấy trước sở tôi làm. Đêm hôm nọ, tôi nằm mơ thấy tôi về nhà Đích. Sáng hôm sau, tôi kể lại tất cả cho thằng Đại nghe: nhà Đích có mấy cái nhà, cái nào lợp ngói, cái nào lợp rạ, cái gạch như thế nào... tất tất!... Thằng Đại nhận là đúng cả. Thế có lạ không?

Thứ mỉm cười. Y chẳng tin một chút nào. Oanh muốn chiêm bao thì cứ việc chiêm bao! Nhưng chớ vội mừng! Thứ biết trước rằng đến khi về nhà Đích, y sẽ gặp được nhiều điều khác xa những cái y vẫn thường tưởng tượng. Trước hết là nhà Đích chỉ có cái mễ bề ngoài, chứ thật ra cũng không giàu. Thế mà hai ông bà đặc nhà quê, quanh năm phải đầu đội vai mang, chân lấm tay bùn. Họ sẽ phải chường mắt vì cô nàng dâu đặc tân thời, tóc búi, áo chùng lượt thướt, quần trắng bông kín gót chân, lúc nào cũng lẹp kẹp đôi giày, đôi dép. Không hiểu lúc bấy giờ, Đích sẽ nghĩ như thế nào? Nhưng giá phải Thứ thì Thứ sẽ ngỡ ngàng lắm, khi thấy vợ thì ruôn ruốt như một bà Tham, ngồi tréo kheo trong nhà đọc nhật trình, trong khi bố hay

mẹ, quần xắn đến háng, trầy trầy ở ngoài vườn, bỏ phân cho mía hay tưới nước cho rau cải. Ở nhà quê, chỉ những cái không hợp cảnh, không xứng đáng như vậy, cũng đủ cho người ta lấy câu chuyện đem ra mà mai mỉa. Hồi mới về nhà chồng, Liên chỉ có hai cái áo trắng trức bầu thoi, chứ có sang trọng gì đâu! Thế mà bà mẹ Thứ đã cho là ngoa ngoét rồi. Bà nói ra, nói vào, tìm những lời bóng gió xa xôi, cố cho Liên hiểu rằng nhà bà là nhà làm ăn, về nhà bà thì chỉ mộc mạc nâu sồng, chứ ăn trắng mặc trơn thì không được, Liên phải đem nhuộm nâu hai cái áo đi, bà mới thoi, không nói nữa. Như vậy đó! Oanh và Đích muốn lấy nhau thì cứ việc lấy nhau. Nhưng lấy nhau rồi, thì nên dặt nhau đi biệt một nơi, xa hẳn bố mẹ anh em, mà sống với nhau. Đừng nghĩ đến nhà ngói, nhà gianh, sân gạch, tường hoa... nhà Đích làm gì, cho thêm rắc rối...

Cố nhiên là Thứ giữ kín những ý nghĩ ấy cho một mình y. Oanh cười và tiếp:

– Đêm hôm qua tôi lại chiêm bao... Tôi chắc rằng Đích sắp về. Chú sắp sửa lại phải mừng đám cưới!

– Thế sao cô bảo tôi đi, chứ không đợi Đích về?

– Tôi định thế nhưng bây giờ tôi lại đợi. Không có họ hàng đôi bên, chẳng biết có làm hôn ước được không? Vả lại tôi cũng còn phải đợi Đích trả lời. Biết rằng tôi đi, có cách gì kiếm ăn thêm, để vợ chồng đủ sống không? Thư tôi gửi đi lâu lắm rồi mà vẫn chưa thấy thư về. Có cái gì như báo trước cho tôi biết rằng Đích sẽ về, để làm lễ cưới hẳn hoi. Có khi Đích im im như thế, rồi đột nhiên về, để cho chúng mình sửng sốt.

Thứ sa sầm mặt. Thế nghĩa là thêm một lần nữa, Oanh đã đánh lừa y. Nếu y cứ nhất định đợi Đích và Oanh tự ý tăng lương hay nhả cái trường ra cho y, thì y còn phải đợi một nghìn năm, một vạn năm!... Vả lại cứ lần khần như vậy mãi, để làm gì? Người biết tự trọng đòi những cái gì là quyền hạn của mình, không bao giờ đợi sự thi ân. Xin là nhục. Trông mong sự tử tế của người ta là nhục. Phải biết giành giật lấy. Cái thái độ của y từ trước tới nay là cái thái độ của một kẻ nhu nhược, không phải là cái thái độ của một kẻ có tinh thần tranh đấu. Chắc Oanh đã cười thâm y mãi!... Ý nghĩ vậy. Trong người y, máu giận sôi lên sùng sục. Y từ biệt Oanh, đi thẳng về nhà. Trong lúc đi đường những lời lẽ rần rỏi của một bức thư, gần như cứ tự nhiên tuôn ra khỏi óc y. Chứ.g vang lên, mạnh mẽ, hùng hồn.

Chúng có hình, như những viên đạn, những mũi tên, mà một sức mạnh ngấm ngấm ở bên trong, đang chực đẩy vọt ra. Mặt y gân guốc. Mắt y nảy lửa. Tay y nắm chặt, thỉnh thoảng lại khẽ vung một cái, nhịp theo ý nghĩ. Về đến nhà, y lấy giấy bút viết ngay. Y viết rất nhanh, ngoáy lia lịa, nét bút đưa mạnh và cứng cáp. Y viết một mạch hết bức thư. Viết xong, y bỏ phong bì, gửi đi ngay, sợ nửa giờ sau, nghĩ lại, lại nể nang, và không dám gửi đi cho Đích nữa.

Khi bức thư đã bỏ vào hộp thư rồi, quả nhiên y hối hận. Nghĩ đến lúc Đích đọc thư, y thấy nóng mặt lên. Đích sẽ nghĩ thế nào? Đã đành xưa nay, Đích chẳng tử tế gì. Nhưng có ai chịu nhận rằng mình không tử tế bao giờ? Chỉ biết rằng bề ngoài Đích vẫn tử tế với y. Đích lại thường tỏ ra thích săn sóc đến y. Anh em vẫn lấy tình nghĩa ăn ở với nhau. Thế mà đột nhiên y trở mặt, cư xử một cách ráo riết quá, chẳng còn kể gì tình nghĩa. Chắc Đích sẽ cho là y đểu lắm...

Nhưng dẫu sao thì sự cũng đã rồi. Cái thái độ của y bây giờ đã rõ ràng. Y tắc lưỡi và tự bảo:

– Ta chẳng cần ai bảo ta là người tử tế. Ta chỉ cần đừng ai nghĩ rằng ta là một thằng quá hiền lành, người ta muốn bắt nạt thế nào cũng được.

Y lại cho rằng y cũng cần phải tỏ rõ thái độ cho Oanh biết. Sáng hôm sau, gặp Oanh, y bảo:

– Nghỉ hè năm nay, tôi sẽ cho học trò lớp nhất nghỉ ngay từ đầu tháng sáu tây. Cho chúng nghỉ trước mười ngày để rồi chúng đi thi. Học trò lớp nhì thì hoặc cũng nghỉ luôn, hoặc sẽ để cho cô hay anh San dạy. Tôi sẽ về nhà quê nghỉ ngay từ đầu tháng.

Oanh liền giãy nảy lên, nhất định không nghe. Y muốn rằng học trò lớp nhất phải học cho tận đến lúc đi thi để chúng khỏi quên. Thứ vẫn lạnh lùng:

– Quên hay không, mặc kệ chúng! Tôi chỉ biết tôi đã làm đủ bốn phận của tôi rồi. Tôi mệt lắm. Tôi cần phải nghỉ. Đó là một lẽ. Lẽ thứ hai về tháng sáu tây, học nửa tháng, thu tiền nửa tháng, lương chúng tôi cũng chỉ có nửa tháng thôi. Mười đồng bạc, ra gì! Tiêu vào nửa tháng ở lại đây, không chắc đủ. Thà về nằm khểnh ở nhà cho sướng cái thân một chút.

Oanh hơi gắt lên một chút:

– Đã đành như vậy. Tôi, tôi cũng chẳng ham gì nửa tháng lương.

Tôi cũng đang muốn nghỉ đây! Nhưng ít cùng ra, mỗi người cũng phải làm xong bốn phận của mình đã chứ!

– Thế nào là bốn phận? Tôi chỉ có bốn phận dạy học, khi nào tôi lấy tiền của nhà trường, cũng như nhà trường chỉ phải trả tiền tôi, những tháng tôi dạy học. Nghỉ ngày nào, tôi mất lương ngày ấy. Vậy thì tôi muốn nghỉ bao nhiêu thì nghỉ, miễn là tôi không lấy lương của nhà trường. Cô cũng vậy. Anh San cũng thế. Nếu chúng mình cùng nghỉ cả, thì chỉ việc đóng cửa trường cả tháng sáu tây.

– Nhưng còn tiền nhà tháng ấy, lấy vào đâu?

– À, cái đó là việc của ông Đích phải lo. Ông ấy ăn lãi quanh năm thì đến tháng lỗ, ông ấy chịu. Chúng mình không cần lo hộ.

Oanh cứng họng, không còn nói sao được nữa. Y hơi đỏ mặt. Chắc y cũng hiểu Thứ nói kháy y về cái chỗ y đổ tất cả cái trách nhiệm về cái trường này cho Đích. Thứ ương ngạnh, tiếp:

– Chưa chắc tôi có dạy những tháng hè. Tôi sẽ tìm một chỗ dạy ở tỉnh nhà, để thỉnh thoảng về nhà chơi cho tiện. Trong kỳ nghỉ hè, ít học trò. Nhà trường cũng chẳng lợi gì mà cần cho tôi dạy!

Oanh cười nhạt. Y biết rằng Thứ cố ý moi móc y, làm khó dễ cho y. Nhưng y lại biết rằng lúc này không nhịn Thứ, không xong. Nếu Thứ chú ý làm cho nhà trường lụn bại đi, thì cố nhiên là y có đủ cách mà làm được. Oanh đành nhịn. Càng thấy Oanh nhịn, Thứ càng nhận ra rằng Oanh còn thiết nhiều đến cái trường. Thật đã rõ ràng là xưa nay Oanh chỉ đánh lừa, Oanh chỉ dử Thứ bằng hy vọng. Thứ hy vọng một ngày kia được cái trường, nên cố chịu thiệt mà dạy cho Oanh mãi. Cho rằng mình đã mắc mưu một kẻ đàn bà, đã ngoan ngoãn để cho người ta xoa đầu như một đứa trẻ con. Thứ rất bực mình. Y càng thấy giận Oanh. Lúc ăn cơm y bảo với San:

– Đầu tháng sáu tây, tôi nghỉ thật. Lớp nhất thì hoặc là nghỉ, hoặc là Oanh dạy. Còn lớp nhì thì anh sát nhập vào lớp nhì năm thứ nhất của anh mà dạy. Anh sẽ được thêm cái chỗ lương ấy của tôi để mà trả tiền nhà với tiêu pha. Ăn thì bởi còn có một mình anh, cố nhiên là bà Hà không thể nhận rồi. Anh sẽ lên trường. Miễn cho xong nửa tháng ấy đi. Rồi chúng mình sẽ liệụ. Chưa biết chừng, tôi sẽ tìm một trường khác cho anh và tôi dạy. Oanh muốn tìm đâu ra những người thay chúng ta thì tìm!

San tán thành ngay. Y lại bảo:

– Tôi cũng đã nghĩ mãi rồi. Một là chúng mình phải có một cái trường của chúng mình. Hai là chúng mình về quách nhà quê giữ con cho vợ chúng mình làm. Đi dạy học thế này, chẳng ra gì. Chúng mình khổ, vợ chúng mình cũng khổ. Tỉnh không tỉnh hẳn, nhà quê không nhà quê hẳn. Suốt đời cứ dở dang mãi thế, chẳng có một cái gì vững chãi. Rồi có ngày chết đói!

Tiếng San nhỏ nhỏ, buồn buồn. Mặt y tối sầm những lo âu. Y quả đã có vẻ chua chát ngẫm nghĩ nhiều về cái kiếp lỡ dở của y. Chắc cũng đã nhiều lúc y ân hận rằng mình đã ra đi. Làm đã chẳng có tiền, vợ ở nhà lại sinh điều nọ tiếng kia. Có hay không, thì hạnh phúc gia đình của y cũng đã bị một chỗ mẻ lớn rồi. Đến việc thi cử, bây giờ xét kỹ, y cũng hơi thấy chán. Đỗ đạt, nào có dễ gì đâu! Mà mãi đến lúc y đỗ đạt, chưa chắc mảnh bằng có còn giá trị. Đến chợ hết quà là thường lắm! Y ngao ngán bảo:

– Ai biết sau cuộc chiến tranh này, số phận bọn đồ tây chúng mình sẽ ra sao? Tôi lo rội lại đến như bọn đồ nho lớp trước...

Kể ra thì tin tức chiến tranh cũng chẳng có gì đáng lạc quan. Ông Paul Reynaud tuyên bố: “Chúng tôi chiến đấu đằng trước Paris, chúng tôi chiến đấu đằng sau Paris...”. Lòng tin tưởng của những người vẫn một mực tin tưởng mãi từ trước đến nay, cũng đã bị lung lay. Không khí nặng nề. Giông tố sắp bùng ra. Trán tối sầm, mắt lo âu, mọi người lo lắng đợi...

San suy tính:

– Càng những lúc này, chúng mình càng thấy rõ rằng chỉ học nghề là chắc chắn thôi. Một người có nghề ở trong tay, gặp thời nào, ở chỗ nào, cũng không sợ chết.

Thứ không đáp. Y ngẫm nghĩ. Mặt y hầm hầm và đôi môi y chụm lại. Rồi y hẳn học bảo:

– Kiếp chúng mình tức lạ. Sao mà cái đời nó tù túng, nó chật hẹp, nó bần tiện thế! Không bao giờ dám nhìn cao một tí. Chỉ những lo ăn, lo mặc. Hình như tất cả nguyện vọng, tất cả mong ước, tất cả mục đích của đời chúng mình, chỉ là mỗi ngày hai bữa, bao nhiêu tài trí, sức lực, lo tính đều chỉ dùng vào việc ấy. Khổ sở cũng vì thế, nhục nhã cũng vì thế, mỗi mòn tài năng, trí óc, giết chết những mong muốn đẹp, những hy vọng cao xa cũng vì thế nốt. Lúc nào cũng lo chết đói, lúc nào cũng la làm thế nào cho không chết đói! Như vậy thì sống làm gì cho cực?

Thứ vẫn không thể nào chịu được rằng sống chỉ là làm thế nào cho mình và vợ con có cơm ăn, áo mặc thôi. Sống là để làm một cái gì đẹp hơn nhiều, cao quý hơn nhiều. Mỗi người sống, phải làm thế nào cho phát triển đến tận độ những khả năng của loài người chứa đựng ở trong mình. Phải gom góp sức lực của mình vào công cuộc tiến bộ chung. Mỗi người chết đi, phải để lại một chút gì cho nhân loại. Có thú vị gì là cái lối sống co quắp vào mình, cái lối sống quá ư loài vật, chẳng biết việc gì ngoài cái việc kiếm thức ăn đổ vào cái dạ dày. Có ai muốn gục mặt xuống làm gì? Đau đớn thay cho những kiếp sống khao khát muốn lên cao nhưng lại bị áo cơm ghì sát đất. Hỡi ôi! Người ta đã phí bao nhiêu tâm huyết, bao nhiêu công lao để giải thoát loài người. Giê su đã phải đổ máu ra. Thích Ca đã phải từ bỏ tất cả những phú quý vinh hoa của đời mình. Vô ích cả, chừng nào nhân loại chưa thoát khỏi những xiềng xích của cái đói và cái rét. Thứ thường có những lúc sực nhớ đến những cao vọng của mình xưa, ngán ngẩm buồn, tiếc cho mình. Y cứ đinh ninh rằng giá y không bị nghèo thì có lẽ y không đến nỗi đớn hèn quá thế này đâu. Có lẽ y đã làm được một cái gì. Biết bao nhiêu tài năng không nảy nở được, chỉ vì không gặp được một cái hoàn cảnh tốt!...

Y mỉm cười chua chát hỏi San:

– Nếu gia đình anh có cách sinh nhai chắc chắn rồi anh có thể chỉ nghĩ đến anh thôi, thì anh sẽ làm gì?

– Tôi học vẽ. Tôi thích vẽ ngay từ hồi mười ba, mười bốn tuổi. Ông giáo nào cũng phải để ý đến cái khiếu về vẽ của tôi, và bắt tôi vẽ những bức tranh treo trong lớp. Giá tôi được học, chắc tôi cũng có thể thành họa sĩ.

– Tôi thích làm một việc gì có ảnh hưởng đến xã hội ngay. Dân mình còn đói khổ, ngu dốt quá. Chúng ta phải chống lại nạn đói và nạn dốt.

– Nếu vậy thì anh còn phàn nàn gì nữa? Anh hiện đang thực hành ý nguyện của anh: anh dạy học để chống lại cái đói cho anh và vợ con anh, và chống lại cái dốt cho học trò anh.

Thứ không để ý đến cái câu nói đùa của bạn. Y vẫn buồn rầu bảo:

– Lắm lúc tôi muốn tàn nhẫn quá. Tôi muốn làm một thằng bạt tử, chẳng nghĩ gì đến bố, mẹ, vợ, con để khỏi cái gì bận vướng thân.

Phải là những người như thế, họa chăng mới theo được cái chí của mình. Lắm lúc tôi cầu cho vợ tôi ghét tôi và làm cho tôi ghét...

San nhìn xuống, bảo:

– Khi ấy, anh vẫn còn con anh. Chẳng bao giờ chúng mình có thể liêu được đâu!...

Oanh thật cũng là người biết dịu ngọt ăn tiền. Hôm sau, y đã làm như quên hẳn chuyện xô xát ngày hôm trước. Y bảo Thứ:

– Này chú ạ! Có lẽ chúng mình phải gào ông Đích tăng lương cho chúng mình, chứ không thì không sao đủ. Giá sinh hoạt tăng lên nhiều quá.

Y cũng làm như y cũng cùng về một bè với Thứ. Cái lối mua chuộc lòng người ấy, khiến Thứ chỉ càng thêm ghét. Thứ nói bộp vào mặt cho y biết:

– Tôi không đợi cô phải bảo. Tôi viết thư cho ông Đích rồi.

– Chú viết thế nào?

– Đủ chuyện. Tôi tính rõ cho ông ấy biết số học trò từng lớp một, tiền thu được bao nhiêu, tiền chi phí hết bằng nào...

Y vừa nói, vừa nhìn nét mặt Oanh. Y có ý ngờ Oanh vẫn tính gian với Đích, thu được nhiều mà nói rằng có ít. Nói như vậy, y muốn thử xem có thật thế chẳng. Y cũng muốn tỏ như Oanh biết y hiểu rõ sự lố lãi của nhà trường lắm...

Oanh cười ngất. Y nhìn Thứ mà cười đến chảy cả nước mắt ra. Thứ chẳng hiểu ý nghĩa của tiếng cười ấy thế nào, nhưng thấy hình như Oanh chế nhạo mình. Y khó chịu:

– Cô cười gì?

– Trông chú buồn cười lắm. Tương chú, chắc suốt đời vất vả. Chú không gặp may đâu. Nếu chú có thành tựu việc gì, là do cố gắng, chật vật mãi, chứ không phải do may mắn.

Câu nói đột ngột, chẳng ăn nhập gì đến câu chuyện hai người đang nói. Tại sao Oanh nói vậy? Dù sao đó cũng không phải là những lời khiến người ta mát lòng, mát ruột. Thứ tức lắm, và thấy cần phải tìm một câu gì, nói cho Oanh tức. Y cười nhạt, bảo:

– Có lẽ cô xem tương cũng không tài lắm. Tôi chẳng biết tôi có hay gặp may không. Chỉ biết tôi thi lần nào cũng đỗ đạt dễ như chơi.

Y có ý nhắc cho Oanh biết Oanh thi bằng tiểu học Pháp luôn

mấy khóa không đỗ, và sau cùng đành phải bỏ. Có lẽ Oanh cũng hiểu. Nụ cười trên mặt y nhạt hẳn. Nhưng y vẫn bảo:

– Chú chỉ có thể gặp những cái may nho nhỏ thế thôi. Chú không thể phát to. Đấy, chú xem! Chú đỗ, nhưng chú có làm gì được đâu?

Cũng đúng. Thứ không cãi được nên lại càng tức. Y thay chiến lược:

– Tôi không cần gặp may. Phải nhờ may mới thành công thì có vẻ vang gì? Thành công hoàn toàn nhờ ở tay mình, ở sự cố gắng của mình, mới thích.

– Nhưng chú cũng không thành công to!

Thứ giận run người. Oanh thấy mình chẳng khó nhọc gì kiếm mỗi tháng bạc trăm về cái trường trong khi Thứ khó nhọc mà chẳng ăn gì, nên nói thế chẳng? Có thật Oanh vừa được ăn vừa nhạo Thứ không? Thứ đột nhiên nảy ra cái ý muốn đập đổ cái trường để cho Oanh biết thân và hết còn lên mặt. Y nghĩ bụng “Được rồi! Để xem Đích trả lời ra sao... Nếu Đích tỏ ý không cần gì ta!...”.

Một buổi sáng, người phu trạm ghé vào trường và đưa cho Thứ ba phong thư một lúc. Nhìn chữ bề ngoài, Thứ thấy cả ba đều của Đích gửi cho Oanh. Y hơi tái mặt đi. Sao Đích lại gửi luôn một lúc những ba phong thư? Vì bức thư của Thứ chẳng? Lòng Thứ rất xôn xao. Y như trông thấy vẻ mặt Đích biến đổi trong khi đọc thư y. Chắc là Đích đã phải sửng sốt, ngạc nhiên. Y không tin ở mắt y. “Thứ viết cho mình thật đấy ư?” Y hỏi y như vậy. Rồi y đọc lại. Mặt y lần lượt tái mét, rồi đỏ bừng lên, rồi tím bầm bầm, rồi đen sạm như tro. Cổ y tắc nghẹn. Y vò nát bức thư rồi lại vuốt bức thư ra. Y khẽ đập xuống bàn. Y chép miệng, lắc đầu. Y ngán ngấm cho đời, ngán ngấm cho người. Rồi đau đớn, nghẹn ngào, y cầm lấy bút, viết trả lời. Tay y cầm bút, run run. Ngòi bút lúc thì chạy điên cuồng, lúc lại đột nhiên ngừng lại, uest oải, mệt mỏi, rời rã. Nét chữ trên phong bì, trông qua cũng có vẻ run run và xệch xạc; có nét đứt quãng như người viết vừa viết vừa ngủ gật. Não cân Đích chắc đã bị rung chuyển mạnh. Thứ không ngờ bức thư của y đã có một sự vang động ghê gớm thế. Y thật đã quá ư trắng trợn... Y hối hận. Không còn đủ can đảm tự mình cầm ba phong thư lên gác cho Oanh, y gọi một đứa học trò lên.

– Cầm những cái thư này lên cho cô giáo!

Y bảo vậy. Rồi y cố trấn tĩnh giảng bài. Nhưng y nhận thấy tiếng y đổi khác đi. Trí y vẫn lẩn quẩn nghĩ đến ba bức thư của Đích...

Một lúc sau, những tiếng giày của Oanh xuống thang gác, khiến lòng y lại rối loạn lên. Y giả vờ mãi giảng bài, không biết rằng Oanh xuống lớp y. Oanh đứng lại bên ngoài cửa và gõ cửa. Thứ càng thấy rõ có chuyện gì quan trọng lắm. Mọi khi Oanh cứ vào thẳng lớp...

Thứ quay lại hỏi:

– Ai?

– Tôi đây... Chú làm ơn ra ngoài này, tôi hỏi...

Tiếng Oanh méo máo. Thứ ngạc nhiên. Ra khỏi cửa sau, y thấy Oanh tay cầm mấy lá thư, mắt đỏ hoe và giàn giụa nước mắt chảy trên má Oanh sườn sượt...

– Địch sắp chết rồi, chú ạ!...

Oanh nức nở, Thứ sững sốt mở to đôi mắt:

– Vì sao vậy?

Oanh nói không ra tiếng. Thứ hỏi dồn:

– Bệnh gì mà mau thế?

– Ho lao.

– Có đâu mà chóng chết thế! Mới phải à?

– Thư nói là mới phải nhưng chắc không phải thế. Chắc Địch giấu, trước không chịu nói. Bây giờ bệnh đã nguy kịch lắm.

Oanh đưa những bức thư cho Thứ. Thứ thấy ghê ghê tay trong khi cầm lấy. Y đọc từng bức một...

Thứ thứ nhất:

Em Oanh,

Bức thư này có lẽ là bức thư cuối cùng anh viết cho em. Em hẳn không ngờ... Chính anh cũng không ngờ... Ấy thế mà anh thật đã đến sát cạnh cái chết rồi đấy, em Oanh ạ! Sao lại có thể vô lý như thế được! Cách đây ba hôm anh vẫn khỏe như thường. Tuy ít lâu nay phải làm đêm nhiều, anh có hơi mệt người hơn, nhưng tưởng mệt qua loa thế, có hề gì. Anh chưa phải bỏ cơm một ngày nào. Buổi chiều hôm thứ hai vừa rồi, anh chỉ hơi vác vác người. Anh gượng ngồi, không chịu đi nằm. Bỗng nhiên, anh thấy ngứa ngứa cổ, buồn ho. Anh vừa chực ho, thì tự nhiên máu đã ồng ộc trào ra. Anh tối tăm mặt mũi, ngất đi. Đến lúc tỉnh dậy, anh đã thấy mình nằm trong bệnh viện. Thì ra phổi anh đã bị vi trùng đục ruỗng ra tự bao giờ rồi vậy. Sao lại có thể vô lý như thế được?

Từ hôm vào bệnh viện, anh sốt liên miên. Mỗi ngày thổ huyết hai ba lần, mỗi lần hàng bát máu. Ghê gớm quá. Hôm nay hơi tỉnh, anh gượng viết cho em bức thư này. Người anh vẫn còn choáng váng. Tay anh run rẩy. Anh mệt lắm. Anh nghĩ thật khó lòng mà sống được. Em Oanh, em Oanh rất yêu quý của đời anh! Anh sắp bỏ em đây! Em tha lỗi cho anh nhé. Anh ngừng viết vì mệt quá, nhưng vẫn nghĩ đến em. Anh sẽ nghĩ đến em cho đến lúc óc anh thôi nghĩ hẳn. Có kiếp sau không, em nhỉ?

Thôi, anh không còn sức viết. Anh đã dặn một người bạn: khi nào anh chết, sẽ gửi tất cả quần áo, đồ đạc của anh về cho em. Khi nào em nhận được những thứ ấy, tức là anh đã chết. Em Oanh, em Oanh mà anh yêu bằng tất cả tấm lòng anh! Chẳng bao giờ chúng ta còn được thấy nhau. Em ở lại

ĐÍCH

Thứ đọc luôn bức thứ hai:

Em Oanh,

Thư trước, anh viết xong, đã nhờ người bỏ nhà dây thép ngay. Nhưng ở đây, hai ngày mới có một chuyến thư đi. Từ đây về đến chỗ em, còn phải mất bốn ngày. Biết rằng lúc thư anh tới tay em thì anh còn sống hay đã chết rồi? Có lẽ anh cũng chẳng còn mong gì được trông thấy nét chữ của em, tìm hơi hướng của em trên tờ giấy một lần chót nhỉ?

Thầy thuốc vừa tiêm cho anh một mũi thuốc trợ lực xong. Anh tỉnh táo hơn. Anh lại gượng viết cho em. Anh định hơi lúc nào viết được là anh lại viết. Đó là cách độc nhất để anh được sống với em thêm phút nào hay phút ấy. Ôi chao! Em đối với anh lúc này sao mà quý thế!...

Chúng ta đã dại khờ em nhỉ? Sao chúng ta lại đi tìm hạnh phúc ở đâu đâu? Lúc này anh mới hiểu hạnh phúc của anh chỉ ở trong em, hạnh phúc của em chỉ ở trong anh. Anh tiếc rằng anh đã ra đi. Biết thế này thì anh cứ ở lại trường, chúng ta rau cháo với nhau, miễn là được gần gũi nhau luôn là đủ. Anh cũng tưởng là ra đi để sửa soạn tương lai của chúng ta, dành dụm ít tiền, về cưới em tử tế, cho đẹp mặt cả đôi bên rồi chúng mình sẽ cùng đi với nhau, sống với nhau. Đời sẽ đẹp biết bao! Nhưng có ngờ đâu!... Số tiền cưới em, anh gom góp đủ rồi. Vải may áo cưới cho em, anh đã mua rồi. Anh chỉ còn đợi

ngày về... Mới biết số kiếp anh chẳng ra gì. Anh chết giữa lúc chờ đón nỗi vui lớn nhất của đời anh. Chưa chát quá! Nhưng dù sao thì em cũng đã cho anh biết những ngày sung sướng nhất đời anh. Có lẽ đời anh chỉ thu hẹp lại trong mấy năm được gần em, được em yêu. Không có em, anh đã mất không cả một đời. Vậy trước khi rời cõi đời này, anh phải cảm ơn em. Anh sẽ cảm ơn em trong lòng anh cho đến tận lúc nào anh chết...

ĐÍCH

Và đây là bức thứ ba:

Em Oanh,

Anh cảm được thổ huyết rồi. Thầy thuốc bảo có lẽ anh qua khỏi được. Có thật thế không? Anh còn hy vọng sống được ư? Anh còn hy vọng lại được trông thấy em ư? Nếu vậy thì anh cảm ơn Trời biết mấy!... Anh sẽ xin thôi việc. Anh sẽ về nhà thương Hà Nội chữa (ở đây không đủ thuốc). Miễn là sống được, rồi sẽ liệu. Lúc này anh thấy mọi cái đều nhỏ cả, chỉ có sự sống là đáng quý. Phải không em? Ôi! Nếu anh sống được!... Nhưng mà anh chẳng sống được đâu! Thầy thuốc nói dối anh. Anh biết lắm. Người anh còn mệt lắm. Soi gương, anh thấy người anh sút hẳn đi, hai mắt lõ hoắm vào, đôi má lõm, da đen sạm, môi xám ngoạch, chỉ còn những răng là răng. Mà thỉnh thoảng anh vẫn còn lên cơn sốt nặng. Ôi chao! Anh sống làm sao được?... Nhưng thôi, em cho anh ngừng viết để anh nằm nghỉ nhé! Thầy thuốc bảo anh cần nghỉ hẳn...

ĐÍCH

Cùng với ba bức thư gửi cho Oanh, còn một mảnh giấy con con, gửi cho Thứ và San. Chẳng hiểu gửi kèm với thư nào. Viết bằng chữ Pháp, có mấy dòng. Đại khái như thế này:

"Thứ và San rất mến yêu,

"Vĩnh biệt!... Thứ và San ở lại. Tôi sắp đi đây! Hãy can đảm nhé! Tương lai còn dành cho các chú nhiều nỗi chua chát nữa! Cầu trời phù hộ cho các chú. Vĩnh biệt!..."

Thứ chẳng rõ được một giọt nước mắt nào, tuy lòng y cũng bồi hồi. Nhưng y bồi hồi, chưa hẳn đã vì thương. Y với Đích thân nhau, nhưng có lẽ chưa bao giờ thật yêu nhau. Hồi còn nhỏ, hai người cùng trọ học một nhà, Đích hay bắt nạt y. Đích đã làm y phải khóc rất nhiều lần. Lớn lên, cố nhiên là họ chẳng còn nghĩ gì nhiều đến

những trò trẻ con xưa một đôi khi nhắc đến, cả hai cùng thẳng thắn cười. Nhưng không hiểu sao, lúc gần Địch, Thứ vẫn thấy một cái cảm giác khó chịu không cất nghĩa nổi, mặc dầu cách Địch đối xử với y không có gì đáng trách. Hình như hai người không ghét nhau, nhưng vẫn có cái gì phải giữ kẽ với nhau. Trong sự giao tình, họ không buông thả họ hoàn toàn.

Thứ gần như muốn chỗ nào có y thì đừng có Địch... Không, y không thấy thương Địch hẳn. Y bồi hồi, có lẽ chỉ vì cái tin đột ngột quá thôi. Đọc đi đọc lại những bức thư, y càng bình tĩnh lại hơn. Y có cảm tưởng như bệnh Địch không nguy kịch quá như Địch nói trong thư, và Địch không đến nỗi nào phải chết. Đột nhiên, những ý nghĩ bấn khoản lại nảy ra trong cái khối óc y; Địch có nhận được bức thư của y không? Địch có vì tức quá mà sinh ra thổ huyết không? Cố nhiên không phải vì bức thư ấy mà Địch mắc bệnh lao. Bệnh lao chắc phải ngấm ngấm phá hoại cơ thể Địch từ lâu. Nhưng biết đâu không phải vì bức thư của y mà Địch bị xô gục xuống? Y lấy làm mừng vì Địch không dả động gì đến việc ấy trong thư. Lúc sắp chết, người ta thường dễ dãi với mọi người, dễ tha thứ điều không phải của kẻ khác đối với mình. Nhưng nếu Địch về? Y còn mặt mũi nào trông thấy Địch? Cái hố vẫn chia rẽ hai người lại to ra, lại sâu thêm. Thêm vào đấy còn một lẽ này mà y ngại thú với y: nếu Địch về, Địch rất có thể lại giữ chân hiệu trưởng nhà trường, và Thứ sẽ chẳng còn là một người cần; y rất có thể sẽ bị Địch và Oanh coi rẻ. Một ý vụt hiện đến óc y và y vội vàng xóa đi ngay: giá Địch chết ngay đi! Và đột nhiên y thấy buồn rầu. Lòng y đã cần cỗi đến mức ấy rồi ư? Y đã ích kỷ, đã đòi bại, đã tàn nhẫn, đã khốn nạn đến thế ư? Trên mắt y, một chút nước mắt bỗng ứa ra. Trơ trơ trước cái chết của một người thân, y đã khóc cái chết của chính tâm hồn mình...

XVIII

Tình yêu có thể làm một tâm hồn đẹp hẳn lên. Oanh đã bảo:

– Không thể để Đích một mình ở đấy. Thế nào tôi cũng phải đi đón Đích.

Thứ và San hỏi:

– Bằng cách gì? Đích còn yếu thế, đi đường có thể nguy. Thà cứ để anh nằm nhà thương ở đấy còn hơn.

Oanh nằng nặc không nghe:

– Không! Không... Thế nào tôi cũng phải đón Đích về. Chỉ tốn tiền tí thôi. Nhưng lúc này, tốn tiền cũng không nên tiếc. Tôi sẽ thuê xe nhỏ. Tôi sẽ thuê đóc tờ đi kèm ở dọc đường. Có lẽ tôi thuê tàu bay, nếu có thể thuê... Bằng cách gì thì bằng, thế nào tôi cũng phải thuê đưa được Đích về đây để thuốc thang. Tôi không thể để Đích chết khổ sở, xa mọi người, có một thân một mình như vậy...

Và Oanh khóc...

Nhưng Oanh khóc không lâu. Thứ thấy y có vẻ bận rộn hơn lên: viết thư, viết nhật ký, tính sổ sách, thúc học trò trả nốt tiền... Chỉ mấy hôm thôi. Rồi mọi sự lại như thường, Thứ hay San có hỏi đến việc Đích về thì y trả lời gằn như thể lạnh lùng:

– Đích đỡ rồi. Tôi đã viết thư cho ông thân Đích, để ông cụ sang đón Đích.

Y cắt nghĩa:

– Tôi không thể bỏ công việc nhà trường mà đi được. Vả lại tôi đón Đích về đây, cũng có nhiều cái rầy rà. Tôi với Đích vẫn còn lửng lơ, chưa ra sao. Nếu tôi không báo cho đảng nhà Đích biết, không để cho gia đình nhà Đích thuốc thang, chạy chữa cho con, gia đình nhà Đích có thể trách tôi, nếu chẳng may Đích có mệnh hệ nào. Không những thế, đối với đảng nhà tôi, tôi cũng khó nghĩ kia! Giá thử tôi và Đích có cưới hỏi rồi, thì lại đi một lẽ. Tôi dễ xử hơn. Khổ một nỗi, đảng nhà Đích chưa chịu nói gì với ba tôi. Tôi chưa thể lấy địa vị một

người vợ, hay chỉ một người vị hôn thê thôi, mà thuốc thang cho Đích một cách đường hoàng. Tôi chỉ có thể lén lút.

Như vậy đó. Nghĩa là Oanh đã nghĩ chín lại rồi. Y đã lại suy tính theo cái lối suy tính thông thường của mọi người. Thứ thấy mai mỉa quá. Y tự nhiên thương hại Đích, Đích đã đặt tình yêu làm chướng chướng? Ngoài ra, y cũng chẳng còn bận tâm vì Đích lắm. Bởi vì y tin chắc rằng rồi Đích cũng chẳng thôi việc, chẳng về đâu. Bệnh Đích cũng sẽ qua đi. Lắm lúc Thứ lại ngờ rằng Đích đã bày ra chuyện đó, để thử lòng Oanh chơi.

San vẫn hần học như thường. Y bảo:

– Đích mà còn ho lao, thì chúng mình cũng rất có thể ho lao. Tôi sợ lắm. Đích ho lao còn có tiền thuốc thang, còn có Oanh bỏ tiền thuốc thang cho. Chúng mình thì tiền đâu? Có lẽ chỉ đành nằm chết mà thôi!

Cả Thứ và San cùng thấy cần phải giữ gìn sức khỏe hơn. Trong khi giảng bài, họ đã nói sến hơn, nói nhỏ hơn. Họ cố không gắt gỏng, quát mắng học trò. Họ đi ngủ sớm hơn. Họ thấy căn phòng nhà ông Học ẩm thấp, hơi hám, không đủ khí trời. Họ bàn nhau khi bắt đầu những lớp hè, sẽ thuê một căn nhà khác...

Thứ đã nhận được thư trả lời của vợ. Liên nói mình có ốm hồi tháng giêng, nhưng đã khỏi lâu rồi; y đã khỏe như thường, đứa con cũng chịu chơi, cả nhà vẫn bình yên. Thứ cứ yên lòng ở Hà Nội mà dạy học, đừng sốt ruột, khi nào nghỉ sẽ về một thể... Liên nói thật chẳng? Hay y sợ Thứ bận lòng nghĩ đến y mà giấu giếm? Thứ thấy nhớ vợ, nhớ con. Y nhất định nghỉ trước Oanh và San nửa tháng. Oanh biết không ngăn nổi, hôm Thứ về, đành chỉ bảo:

– Chú mệt thì nghỉ trước đi cũng được. Nhưng tháng sau thế nào cũng phải lên. Các lớp hè, tôi nhờ chú trông coi. Nếu Đích không về thì có lẽ tôi đi.

– Đó là chuyện tháng sau. Bây giờ cô hãy để cho tôi nhẹ người một chút.

Thứ mỉm cười, bảo thế. Y muốn trút tất cả những cái gì bận óc, bận tâm, để lại sau lưng. Y muốn hưởng ba mươi ngày nghỉ ngơi, hoàn toàn vui vẻ. Tuy vậy, y vẫn nơm nớp sợ. Biết đâu bao nhiêu cái bực mình lại không đang đợi y ở nhà quê? Có lần nào về đến nhà mà y được yên đâu? Hết phải nghe bà kêu ca khóc lóc bố cờ bạc, rượu

chè, ăn ở bạc, y lại phải nghe mẹ sụt sịt kể lễ những cái lăm điều, những cái ác, cái tệ của bà. Có lần bà cụ giận con, nhịn ăn đến mấy hôm, rồi nhất định chỉ nằm khóc cho đến chết đói mới thôi. Thứ phải năn nỉ van bà đến nửa ngày mới làm được cho bà lại chịu ăn. Có lần vừa trông thấy y, mẹ y đã hờ khóc om sòm, các em y cũng khóc theo, in như nhà có đám ma: thì ra bà y với ông thân sinh ra y lại vừa mới cãi nhau một trận tung bưng, ông thân y tức mình, bỏ nhà đi, bà cụ rửa ông chết đường, chết chợ, còn bà mẹ y thì vật vờ chờ chồng, để có cách mà chì chiết mẹ. Thật là lục đục. Thứ nhận ra rằng những sự lục đục ấy mới bắt đầu từ khi nhà y bắt đầu nghèo. Y lại biết rằng nếu bây giờ, nhà y chỉ đỡ túng hơn, mọi người đỡ lo, đỡ khổ hơn; là mọi sự lại êm ngay. Biết vậy, mà chẳng biết làm sao. Y không kiếm ra tiền giúp đỡ gia đình. Y càng nghĩ lại càng khổ lắm. Liên hiểu nỗi khổ tâm của chồng như vậy. Y biết mỗi lần về mà thấy gia đình không có sự thuận hòa, chồng buồn bực vô cùng. Y rất thương chồng. Y thường cố chiều chồng, cố làm thế nào cho chồng được vừa lòng. Thứ cũng hiểu bụng cho Liên. Hiểu như vậy đấy, mà không hiểu sao một đôi lúc, y vẫn thấy cần phải trách móc, phải mĩa mai, phải lộ những ý nghi ngờ để cho Liên khổ vì biết rằng chồng khổ. Y vẫn ghen bóng gió... Lần này Thứ hứa trước với mình sẽ bỏ hẳn cái tật ấy đi. Y sẽ không có một lời nào khiến cho Liên phải buồn rầu. Y sẽ cố giữ cho nổi sum họp được hoàn toàn trong trẻo. Và nếu bà y với mẹ y có giận nhau, thì y sẽ coi thế là thường, là một sự không đáng quan tâm, và y nhất định không vì thế mà bực bội...

Tuy đã định tâm như vậy, mà lúc về đến ngõ, y vẫn thấy ngực y như bị một khối nặng đè. Y thấp thỏm lo. Sân nhà im ắng thế kia! Biết đâu bà y lại không đang nằm rên ở trong màn và mẹ y đang ngồi sụt sịt trong xó bếp? Nhưng bước vào đến sân, y nhẹ hẳn người. Bà y đang vui vẻ đùa với con y. Trông thấy y, bà cụ reo lên thúc chắt chạy ra xin bánh. Đã lâu lắm, y không được thấy bà vui vẻ thế bao giờ. Lòng y sáng quang ra. Nghe tiếng reo cười, bà mẹ y ở sau nhà cũng chạy về. Trông thấy bà và mẹ ngồi bên nhau, nói với nhau, y mừng rỡ đến nỗi mắt hơi ươn ướt. Nhưng ngồi một lúc, không thấy vợ đâu, y lại hơi lo. Liên vẫn ốm và nằm bên nhà mẹ để chăm? Y không hỏi, chỉ thầm mong bà hoặc mẹ tự nhiên nói cho y biết. Mãi mãi bà y mới hỏi:

- Dễ thường mẹ nó chưa về?

– Chưa, đến tối mịt kia.

Bà mẹ y đáp vậy. Thoáng nhận thấy y hơi có vẻ ngạc nhiên, bà bảo:

– Lớp này, cô ấy không dệt vải, cô ấy đi buôn.

Bà kéo dài tiếng nói ra. Giọng nói và môi miệng bà như có ý mỉa mai. Thứ cười nhạt, hỏi:

– Buôn gì?

Y vừa hỏi vừa xóc nách đưa con cho nó đứng lên. Giọng nói và nét mặt y bình thản như y chẳng để ý gì nhiều lắm. Y làm như thấy mẹ nói vậy thì cũng hỏi vậy chơi, hỏi để đưa đẩy câu chuyện nhiều hơn là vì muốn biết rõ ràng, và giá mẹ y không trả lời thì cũng được. Thật ra thì y đã hơi khó thở. Vẫn bằng cái giọng kéo dài ra, bà mẹ bảo:

– Buôn vải, chung với mợ giáo San.

Thứ tái mặt đi. Y bị xúc động mạnh quá, không còn che đậy nổi. Bà ngoại y cũng bảo:

– Cô ấy đi buôn ngay từ độ cuối giêng. Tết, anh đi được mấy hôm thì cô ấy ốm qua loa mất mấy ngày. Nhức đầu sổ mũi với ho qua quýt thôi, chứ có sao đâu. Thế mà nghe đâu cũng mất dăm đồng bạc thuốc. Cô ấy không dám sắc ở nhà, cô ấy lấy về bên ấy sắc...

Thứ nghĩ bụng:

– Bao giờ mà chẳng vậy!...

Chính sách của bà ngoại y là không bao giờ uống thuốc. Bà vẫn bảo: “Nếu không có thuốc mà chết thì nhà nghèo chết sạch! Chỉ nhà giàu sống...”. Lần nào ốm muốn uống thuốc, Liên cũng phải uống giấm giấm bên nhà mẹ đẻ... Y vẫn nghe bà ngoại nói:

– ... Từ đầu năm đến giờ, chẳng mấy khi cô ấy ở nhà. Nhiều khi thổi nấu cũng không thổi nấu ở nhà đâu. Cô ấy thổi nấu bên ấy, ăn bên ấy, muốn đi đâu chán thì đi, rồi lại về bên ấy. Nhất là từ độ đi buôn với mợ giáo San. Ấy! Hôm nào cũng tối như thế này với tối hơn thế này cũng chưa buồn về...

Thứ chẳng nói gì. Y thấy như người chóng mặt. Tay y bủn rủn đến nỗi không đỡ nổi đứa con nữa, phải để nó ngồi xuống. Bà cụ vẫn kể lể đủ thứ về Liên, những rằng Liên cứng cổ, Liên cãi lại mẹ chồng, Liên ra sự chẳng cần ai, việc gì cũng tự quyền mình, Liên làm như bố mẹ chồng chẳng cho được Liên gì mà chồng cũng chẳng nuôi

Liên thì Liên muốn làm gì mặc ý, không ai ngăn cấm được... Những điều ấy, Thứ chẳng cần nghe kỹ lắm. Có nàng dâu nào ở vừa được ý nhà chồng. Cứ như mắt y thấy nhiều lần, thì vợ y là một người tốt nhin lắm rồi... Nhưng điều quan hệ là Liên buôn chung với vợ San. Liên đi vắng suốt ngày? Thứ như có ở trong người cả một cái lò lửa đang bốc lên ngùn ngụt. Y muốn Liên về ngay lúc ấy, để y nhảy xổ ra, đánh, đập Liên túi bụi, cho hả giận...

Nhưng còn gì vô lý hơn thế nữa? – Một lúc sau, y nghĩ lại: – Đi buôn có phải là một cái tội đâu? Y muốn cấm Liên ra đến ngoài ư? Sao y không lập ra những cung cấm để nhốt Liên vào? Sao y không bắt Liên, mỗi khi ra đến ngoài đường, phải đeo cái mạng che mặt, như những người đàn bà Thổ Nhĩ Kỳ ngày trước? Khi đọc sách báo, khi nói đến cái tục kỳ dị ấy, chính y đã cho ngay là một cái tục dã man; chính y đã phải bất bình và buồn cười về cái lòng ích kỷ lố lăng của bọn đàn ông. Y có ngờ đâu chính y cũng ích kỷ và lố lăng như vậy. Nhìn ra những người xung quanh, y phục họ vô cùng. Tình yêu của những người nhà quê quần nâu áo vải kia, sao mà bình tĩnh thế! Hình như chẳng bao giờ họ ghen tuông. Vợ họ có thể đi suốt ngày, đi một phần đêm, làm ở ngoài đồng chung đụn với những người đàn ông khác, cười cợt, nói đùa, nói bỡn với đàn ông... họ chẳng thắc mắc một mảy may. Họ chửi vợ, đánh vợ luôn, nhưng rất ít khi vì chuyện ghen tuông. Hình như họ cho rằng sự chung tình là một sự dĩ nhiên; người đàn bà lấy họ thì chỉ nghĩ đến họ thôi, không thể nghĩ đến một người nào khác. Không bao giờ họ phải băn khoăn vì yêu cả. Thứ phục những tâm hồn bình lặng và lạnh mạnh ấy. Họ chỉ ghen khi nào có chứng cứ để ghen. Có lẽ công việc đồng áng, không khí ở bên ngoài, cái cảm giác khoáng dãng và rộng rãi, có ảnh hưởng tốt đến sức khỏe thể chất và tinh thần của họ. Máu họ trong, não cân họ vững vàng. Họ không có cái lối nghĩ vẩn vơ, cái trí tưởng tượng của kẻ ngồi bàn giấy. Nghĩ như vậy, lắm lúc Thứ ngờ mình loạn óc chẳng. Có lẽ đó là ảnh hưởng của những tiểu thuyết tình, những tiểu thuyết phân cách tâm lý mà y đã đọc. Y đã đem pha trộn tiểu thuyết với đời và cho như đời chỉ toàn những tâm trạng lồi thòi, rắc rối. Một thứ *Đông Ky Xuất* vậy. Mà lại là một thứ *Đông Ky Xuất* yếu ớt và bạc nhược. Một tình lang tiểu thuyết, vừa loạn thần kinh vừa đau ngực! Lãng mạn ôi là lãng mạn!... Y tự nhạo y như vậy và đỏ mặt. Y định bụng sẽ trò chuyện với Liên vui vẻ như cho cái việc Liên đi buôn với vợ San là thường lắm.

Thứ không làm chủ được mãi. Y không dả động gì đến việc kia. Y đợi Liên khoe. Nhưng Liên lại chẳng nói gì. Thứ không tự hỏi: tại sao Liên giấu giếm?... Tay y đang âu yếm nắm chặt cánh tay vợ, đột nhiên rùn mềm ra. Y lặng im một chút rồi khẽ hỏi:

– Mình buôn vải chung với chị San à?

– Vâng, tôi buôn những dạo trước kia, thôi đã lâu rồi.

– Sao vậy?

– Tính ra, cũng không ăn thua gì. Mình không có vốn phải vay nợ lãi, thành ra được lãi đồng nào thì lãi nợ ăn gần hết. Mình chẳng còn được mấy.

Liên trả lời như vậy, rất tự nhiên. Y thôi buôn đã lâu rồi, thì không khoe được cái việc buôn với chồng làm gì nữa, cũng là thường. Tuy vậy, Thứ vẫn thấy muốn dò xét mãi.

– Thế sao mình về muộn thế?

– Tôi đi hái dâu cho nhà bên ấy. Bà bảo ở lại mà ăn cháo. Tôi không biết có mình về nên chẳng cần về sớm.

– Bà nuôi tầm à?

– Nuôi được hai ba lứa rồi. Tôi cũng có một ít, chung với bà.

Chỉ có thế thôi ư? Thứ đột nhiên lại xoay câu chuyện:

– Thấy nói chị San chuyến này thua bạc tợn, phải không?

– Lớp trước kia!... Lớp này, bận mùa màng, ai còn đánh bạc? Với lại nghe đâu hôm anh ấy về, anh ấy gắt, nên chị ấy không dám đánh nữa.

– Biết đâu được đấy...

Liên biết ngay là Thứ lại sắp thở cái giọng mọi khi ra. Y nói chặn ngay:

– Chắc mình lại ngờ tôi đi buôn với chị ấy thì cũng đánh bạc với chị ấy, phải không?

– Cái ấy thì chỉ có mình biết thôi, chứ tôi biết quái gì!

– Thế là mình ngờ tôi. Nhưng tôi chẳng đánh đâu. Đừng nghi ngờ mà khổ. Mình hay làm tội mình lắm. Nếu tôi không thật lòng thật dạ với mình, nói lời mà chẳng giữ được lời, còn coi quân bài lá bạc hơn cả chồng con, thì tôi còn mặt mũi nào trông thấy mặt mình? Mình muốn bắt tôi thể thế nào tôi cũng xin thể. Cái thân tôi, mình còn có thể ngờ, tôi chẳng thiết gì. Nhưng con của chúng ta, thì mình

không còn có thể ngờ tôi coi chẳng ra gì. Thế mà tôi dám thề rằng nội tôi có đánh bạc trộm vụng mình một lần nào, trời cứ dừng cho nó làm con tôi nữa!...

Giọng Liên thành thật và cảm động. Thứ xấu hổ cho mình. Y bịt lấy miệng Liên:

– Ai bắt mình thề? Tôi có trách gì mình mà mình phải thề bồi?

– Nhưng để mình nghi ngờ thì mình khổ. Mình khổ mọi cái rồi, lại phải khổ thêm một thứ ấy nữa ư?

– Nhưng tôi không nghi ngờ!

Y nói thật. Thấy vợ lấy con ra mà thề như vậy, y sẵn lòng tin ngay. Y đã biết Liên quý con như thế nào...

Nhưng sáng hôm sau, Liên vừa đi chợ được một lúc thì bà mẹ chồng vào. Bà ghé ngồi cạnh xuống giường con. Thứ biết lại sắp có chuyện gì, hơi khó chịu. Quả nhiên, sau một vài câu khơi mào, bà hỏi:

– Chuyến này về, có đem được dăm chục bạc không?

Thứ ghét những câu hỏi về loại ấy. Y không muốn tính toán với ai cái ngân sách riêng của y. Y trưởng thành rồi, y phải làm lấy mà ăn, y không muốn ai kiểm soát mình. Khi chỉ một mình y phải chịu trách nhiệm về những công việc của y thì tại sao người khác lại cứ muốn có quyền hỏi han đến đây? Y vẫn biết bà và mẹ hỏi, không phải để trách y không giúp các người đâu. Y có đưa các người cũng chẳng nhận nào. Nhưng các người cứ muốn y cay nghiệt với Liên, đừng tin cẩn quá vào Liên trong việc tiền nong: “Chị ấy ăn cả tiêu rộng lắm, không chịu chất nhặt đâu; có nhiều chỉ tổ chị ấy lại tiêu nhiều; anh phải giấu giếm chị ấy, để riêng ra, để phòng thân mới được...”. Các người thường bảo thế. Thành thử để trả lời những câu các người hỏi về tiền nong, y thường phải nói dối luôn. Nói dối cũng là một cái gì mệt lắm. Giá bà hay mẹ đừng hỏi gì thì vẫn hơn.

Thứ âm ừ đáp cho xong chuyện và tỏ ý không mặn mà gì lắm. Khác hẳn mọi lần, y miễn cưỡng về hòa với bà hoặc mẹ, kể những nét xấu của Liên. Bà mẹ có vẻ hơi phật ý. Bà cười nhạt, bảo:

– Tưởng có nhiều thì cho nó dăm chục, nó trả nợ đi. Nghe đâu nó vương mất đến dăm chục bạc lãi năm phân. Không trả đi lãi nó chồng chất lên thì chết mất!...

Thứ không chuyển động. Bà mẹ ngừng một chút, như để dò la ý tứ con. Thấy y vẫn đứng đưng, bà chép mồm, bảo tiếp:

– Chẳng biết nó buôn thua bán lỗ, hay là thua bạc.

Bà hạ giọng cho thật thấp:

– Này, mày ạ! Hình như lớp này cô ấy cũng đánh bạc ra việc đấy! Mà phỏng chừng thua, nên gắt như mắ m thối, mà rạc người đi, trông như con khỉ ấy!

Thứ ôn tồn bênh vực vợ. Nhưng bà mẹ nhăn mặt, bảo:

– Khốn nạn! Ai nói thì tôi cũng chẳng tin, nhưng chính con ở nhà nó nói thì còn sai làm sao được? Nó chẳng dám nói với tôi, nhưng khoe với lũ trẻ nhà này. Nó bảo: “Hôm đi ăn giỗ ở trên nhà bác Cả, tôi chỉ có hai xu, đặt ghe, mà lên được những ba hào; thế rồi vợ tôi bắt bế em tôi đi, cho vợ tôi đánh, giá không phải bế em thì tôi còn được nữa...”. Những lần khác thì chẳng biết đâu, nhưng lần ấy thì hẳn không còn chối vào đâu được nữa!

Chúng cứ rành rành rồi vậy. Trong người Thứ, đột nhiên như có một cái gì sụp đổ. Y tối tăm mặt mũi. Cổ y nghẹn lại. Y không còn nói được. Bà mẹ trông thấy con tím mặt, đoán một cơn giông bão sắp bùng ra, hơi hối hận. Bà vội can y:

– Nhưng mà thỉnh thoảng nó mới đánh chơi một lần thế, cũng chẳng sao. Chỉ sợ nó quen đi. Tôi bảo để anh bảo ban nó qua loa, chắc nó cũng thôi, chẳng dám đánh nữa đâu. Đừng làm âm i lên mà người ta cười cho đấy.

– Ai cười thì cười! Con nhất định không tha nó!

Y vùng dậy, chạy ra ngoài để khỏi phải nghe mẹ khuyên can. Y như tức cả với mẹ. Bà mẹ đã biết mình đã lỡ lời rồi, không sao kéo lại được nữa, len lén đi ra vườn làm cỏ, như lủi trốn. Thỉnh thoảng bà lại ngược đôi mắt lo lắng, nhìn trộm về nhà. Chắc bà ân hận lắm. Thứ cũng trông thấy thế. Y hơi hả dạ. Y cho như vậy là đáng kiếp!...

Liên về chợ. Y mua được một mẻ cá rô và hai chục bánh đa, định để nấu canh. Y hí hửng, nghĩ rằng chắc chồng sẽ vừa lòng. Muốn khoe chồng, – và có lẽ đó cũng là một cách làm duyên – y tươi cười gọi chồng ra, nâng đội cho y. Thứ nhảy xổ ra. Y hất tay một cái, cái thúng đổ ụp về phía sau Liên. Liên mới kịp ngạc nhiên. Một cái tát đã giáng mạnh vào một má y, khiến y lạng người đi một cái. Y gượng lại, nghẹn ngào, nhìn chồng một thoáng, rồi vùng chạy sang nhà mẹ đẻ. Thứ chạy vào buồng. Y đóng chặt cửa trước, cửa sau. Bà mẹ hoảng hốt chạy về, đập cửa thình thình:

– Con ơi! Mẹ van con! Mẹ lạy con!

Thứ tưởng như mình sắp tự tử ngay. Y nức nở. Liên lại xông xộc chạy về. Thứ nghe thấy y vừa thở vừa sa sả nói ở bên ngoài cửa:

– Người hay thật! Tôi có tội gì thì cũng phải nói cho tôi biết chứ!... Rồi muốn đánh thì đánh, muốn chửi thì chửi, muốn đâm, muốn chém, muốn bằm vằm ra tôi cũng chịu. Tại sao tôi vừa mới ló mặt về, chẳng biết đầu đuôi xuôi ngược ra sao, đã lôi tôi ra mà đánh? Tôi phải cái tội gì thì cứ nói cho tôi biết!...

Chưa bao giờ Thứ nghe thấy Liên nói cái thứ tiếng đáng ghét y đang nói. Xưa nay Liên chỉ để cho Thứ trông thấy sự hiền từ, sự dịu ngọt, sự phục tùng. Không ngờ Liên cũng biết chần chát, the thé, bướng bỉnh và quyết liệt! Thứ ngồi trong buồng, chẳng nói gì, chỉ bĩu môi, khinh bỉ. Liên té tát mấy câu, rồi lại về bên nhà mẹ đẻ. Thứ nằm dí ở trong buồng cho đến tận chiều. Vào khoảng bốn giờ chiều, khi y đã tuôn khá nhiều nước mắt rồi, y mở cửa ra. Y đem đôi giày ra tận ngoài hè, ngồi đánh xi cẩn thận, như sắp ra đi. Bà ngoại y, trông thấy thế, thở dài to, thành một tiếng rên. Rồi bà lại gần y, mếu máo, bảo y:

– Con ơi! Con nghĩ đến bà!... Thầy con đã thế rồi. Bà bây giờ xác gần kề miệng lỗ rồi, chỉ còn trông mong một mình con. Con thương lấy bà một chút!...

Bà nói rồi bà khóc. Thứ cũng khóc, như mình định sắp ra đi, để chẳng bao giờ về nữa thật. Bà bắt đầu khuyên giải:

– Thôi con ạ! Con cũng chẳng nên phẫn chí... Vợ con thế, cũng là hư thật, nhưng thời buổi bây giờ thì cũng chỉ có thế thôi. Thế, với lại còn tệ hơn thế nữa. Con xem đấy... Kia như...

Bà kể cho Thứ nghe toàn những chuyện vợ nhà này hư, vợ nhà nọ hư. Và bà kết luận:

– Như thế mà cũng phải cắn răng vào mà chịu. Mắc cái số mình như vậy. Không lẽ mỗi chốc bỏ nhau. Mà bỏ nhau, đã chắc đã lấy được người hơn thế chưa?...

XIX

Thứ chẳng đi đâu. Y vẫn nghỉ ở nhà đủ ba mươi ngày nghỉ của y. Chẳng phải vì những lời khuyên can của mẹ, của bà. Chỉ vì ngay sau lúc tát vợ xong, nổi tức giận trút ra rồi, y đã nghĩ ngay rằng Liên có thể bị oan uổng lắm. Và ngay lúc ấy, giữa lúc nghiêng răng và khóc lóc, y đã như biết rằng y không thể bỏ Liên. Y đã nghĩ đến tự tử. Y đã nghĩ đến đi xa. Y đã nghĩ đến sách. Y đã nghĩ đến đi chơi. Y vẫn thấy rằng không có Liên chắc đời y khổ lắm. Lại chính lúc ấy, chính lúc y nguyên rửa và đau đớn, y nhận ra rằng y yêu Liên đến bậc nào! Y ngối nhớ lại những cách Liên ăn ở với y từ trước đến nay. Trừ những điều mà y ngờ vực cho Liên, – toàn rất vu vơ – còn thì Liên thật là một người vợ yêu chồng và ngoan ngoãn. Liên chịu khổ vì y rất nhiều nhưng bao giờ cũng vui lòng. Chẳng bao giờ Liên nghĩ rằng chỉ vì đi lấy chồng mà mình đang từ cảnh ấm no, bước sang cảnh đói nghèo. Chẳng bao giờ Liên so sánh mình với người nọ, người kia, lấy được chồng danh giá hơn hay có cửa hơn, được ăn no mặc lành hơn hay được chiều chuộng hơn, tự do hơn. Ngay những khi bị Thứ dằn vặt, day dứt vì những nổi ghen bóng gió không đâu, Liên cũng chẳng giận Thứ bao giờ. Liên chỉ tỏ ý thương chồng. Liên chỉ phàn nàn cho số kiếp mình, không dưng mang những cái tiếng không hay, để chồng không thật tin mình, vừa ý về mình. Và Liên đã nín nhịn Thứ, đã chiều ý Thứ biết bao nhiêu mà kể! Nếu không phải vì yêu thì còn có thể vì gì? Thứ tự biết chẳng có gì để cho Liên phải chiều chuộng, để mà trục lợi. Liên được như thế là tốt lắm rồi. Cho rằng y có đánh bạc một vài lần, thì những đức tính của y cũng đủ chuộc lỗi cho y. Đừng nói gì Liên đánh bạc một vài lần. Nếu Liên có ngoại tình đi nữa, có lẽ Thứ cũng không có can đảm bỏ. Một cái gì ở trong y như bảo y như vậy. Y nghĩ đến San. Lúc này thì y hiểu cho San lắm. Y tự bảo: “Mình phải làm ráo riết thế, phải tỏ hết nỗi đau đớn của mình, để cho Liên phải cẩn trọng về sau. Với lại cũng để cho bà và mẹ, từ nay chừa xúi giục...”. Tuy nhiên, y cũng đau đớn thật.

Đêm hôm ấy, Liên và Thứ nằm riêng. Liên nằm vồng với con. Thứ nằm giường. Tuy vậy, cả hai cùng ở trong một căn buồng. Không ai nghĩ đến chuyện đi nằm ở một chỗ riêng biệt hẳn. Cả hai cùng buồn bực và cố tỏ nỗi buồn bực ra ngoài. Liên không chịu ru con. Thứ nằm sóng sượt, không giãy giụa, như người đã chết. Không ai ngủ, tuy cả hai cùng lặng tiếng. Vào khoảng quá nửa đêm, vì nhiều muỗi quá, con bé bị thức giấc luôn luôn. Liên phải đem nó đặt vào màn. Tưởng đó là một cơ Liên dùng để làm lạnh, Thứ thấy lòng quang nhẹ hẳn đi. Y hồi hộp chờ đợi. Nhưng đặt con nằm, vỗ về nó một lúc cho nó ngủ mệt rồi, Liên lại ra vồng một mình. Lòng Thứ lại sầm tối lại. Y nghiên rằng, dọa thảm Liên trong trí: “Đã vậy thì được lắm, chẳng bao giờ nữa ta tha thứ...”.

Y nghĩ đến một cách sống mà y vẫn ao ước xưa nay: sống tự do một mình, ở mỗi tỉnh ít lâu, làm bất cứ cái gì chỉ cốt kiếm đủ cho một mình ăn, còn thừa tiền, còn thừa thì giờ đọc sách, chơi bời, du lịch, hoạt động cho một công cuộc xã hội nào mình thích, chẳng bận tâm gì đến gia đình nữa. Y mỉm cười ngạo nghễ trong bóng tối, như đã báo thù được Liên rồi vậy. Và y cố tưởng tượng ra những cái khổ của Liên sau lúc y đi, cho hả... Bỗng đứa con giãy và hự hự. Y quay ra, nhẹ nhàng ôm lấy nó, áp môi vào má nó. Tấm lòng cha dịu hẳn đi, nước mắt Thứ chảy ra ướt đầm mi mắt. Đứa con khóc thét lên. Không biết làm thế nào cho con lặng, lại thấy Liên vẫn nằm im, Thứ lại càng nhiều nước mắt chảy ra hơn. Y gằn bật lên tiếng khóc, như những người mẹ nhịn quá lâu, thấy vú mình hết sữa mà con thì khóc đói. À! Y sẽ liệu thế nào về đứa con đây? Y không thể để nó cho Liên. Y sẽ đem nó đi theo. Y sẽ thuê một người nuôi nó cho y. Y tưởng tượng ra một căn nhà nhỏ ngoại ô, hai cha con, một người vú nuôi sạch sẽ và yêu con nít. Y nhớ đến một cuốn tiểu thuyết của một văn sĩ Pháp, tả một người cha gấn vào cái cảnh ngộ y lúc ấy. Anh chàng là một dân lao động ở Pa ri. Chị vợ mới được một con thì anh khám phá ra rằng chị có ngoại tình. Biết chắc đứa con là máu mủ của anh, anh đuổi vợ đi và giữ lại con. Từ đấy đứa con là lẽ sống độc nhất của anh ta. Anh chăm chỉ làm nuôi nó. Thành bé đã lên ba, lên tư gì đó, thì một hôm, một tai nạn nhà máy khiến người cha cụt một ngón tay, phải nghỉ làm rồi mất việc làm. Sự rủi ro ấy xảy ra vào dạo cuối năm. Thành thử ngày mồng một tết, hai cha con mở mắt ra thấy bụng thì đói mà nhà thì không còn một mẩu bánh, một đồng xu, giữa lúc mọi nhà vui vẻ mừng năm mới... Thứ nhớ nhất cái cảnh người cha

dắt đứa con đi qua những hàng bán đồ chơi. Đứa con kêu lên những tiếng vui thích, thèm thuồng, đòi thức nọ, chỉ thức kia, phụng phịu nhăn nhó gọi: “Ba! ba!...”. Và người cha đau đớn, túi cực, nghẹn ngào, phải nghiêng chặt răng, lấy tay bịt lấy mắt con, kéo vội con đi qua chỗ ấy... Thứ muốn biết trước cảnh nếu y muốn nuôi con thì rồi cảnh y cũng na ná cảnh người cha khốn nạn kia. Số tiền y kiếm ra cũng chẳng to gì. Rồi bố con cũng đến khổ sở mà thôi! Nhưng y thấy trong cảnh khổ ấy có một cái gì đẹp lắm. Y tự bảo: y sẽ vui lòng chịu. Và y đã tính toán sẵn những món tiền hàng tháng phải tiêu... Nhưng trong khi ấy, một cái gì ở trong y vẫn bảo y rằng chẳng bao giờ y sẽ bỏ Liên. Y dự tính việc nọ, việc kia như thế, chỉ để cho óc có cái mà nghĩ ngợi thôi. Thật ra thì y biết rằng thế nào rồi vợ chồng y cũng sẽ lại lạnh nhau, không thể không thể được...

Đứa con không chịu lặng. Liên vào màn, nằm xuống bên cạnh nó. Tay Liên, trong khi ôm lấy đứa con, khẽ chạm vào tay Thứ, truyền cho y một cái cảm giác êm êm. Liên vội nhích tay đi. Thứ mỉm cười. Y nhớ đến đêm tân hôn, vợ chồng rất rụt rè, chỉ dám chạm khẽ đến nhau một tí rồi lại vội nhích ra, như dò xét nhau dần dần vậy. Bao nhiêu là khép nép, bao nhiêu là nâng niu trong cái đêm sung sướng ấy! Liên như một đóa hoa mảnh dẻ, một vật quý mỏng manh, mà Thứ chỉ dám chạm đến một cách e dè. Liên xo người, nằm nép vào tận sát tường. Thứ rón rén dịch vào từng tí, từng tí mà thôi. Và khi y đã sát người Liên, y thấy Liên như giật nảy mình, rồi Liên thở nhanh hơn, trống ngực Liên đập mạnh, Liên sợ sệt, mềm lả, gấn như ngất người đi, rũ rượi trong tay Thứ... Từ bấy đến giờ, hơn sáu năm trời rồi! Biết bao nhiêu là sự đổi thay! Biết bao nhiêu mộng đẹp tàn! Liên đã già đi, đã xấu đi, đã mặc những cái áo rách bạc màu, đã thành một thiếu phụ nhà nghèo. Thứ thấy buồn buồn, thấy thương thương, ngậm ngùi. Liên, khi bước chân về nhà chồng, có ngờ đâu đời mình sẽ thế này. Y vẫn đinh ninh rằng chỉ một vài năm, chồng sẽ thi đỗ, sẽ đi làm, và y sẽ theo chồng ra ở tỉnh thành. Vợ chồng sẽ ăn trắng mặc trơn. Y không còn phải chân lấm tay bùn, chỉ ngày ngày trông nom cơm nước cho chồng và quanh quẩn với con. Chồng y sẽ chẳng bao giờ thô tục với y, đánh đập y. Y sẽ ngoan ngoãn, sẽ tươi cười, sẽ lễ phép, sẽ dịu dàng, sẽ thổi cơm thật dẻo, nấu canh thật khéo, thu xếp nhà cửa sạch sẽ, gợn gàng và chồng y sẽ vừa lòng. Vợ chồng sẽ quý nhau, sẽ nể nhau. Nhà sẽ không bao giờ có tiếng nói to. Y sẽ

trẻ lâu, và những khi y với Thứ về quê, hai vợ chồng sẽ đi hai cái xe cao su về tận cổng nhà, chồng bước xuống trước, chững chạc, bánh bao, điều thuốc lá ở trên môi; vợ bước xuống sau, trẻ như măng, tươi hơn hớn, bế đứa con nhắn nhụi, trắng trẻo, mập mạp như con tây; anh xe đi sau cùng, ôm xách những quà bánh đất tiền đem về để biếu họ hàng; họ bước vào sân, và những đứa em đã chạy ra, reo: “A! Anh Phán, chị Phán đã về!...”, và hàng xóm sẽ bảo nhau: “Sung sướng thật! Vợ chồng người ta trông như tiên như rồng ấy!...” Cô gái quê mười bảy tuổi là Liên, những buổi tối mùa thu cả nhà ngủ cả rồi, đóng chặt cửa buồng, ngồi giở những cái quần lĩnh, áo the, thắt lưng nhiều, khăn nhung, khuyên vàng... sấm sanh để về nhà chồng ra ngắm nghía, vuốt ve, mắt sáng ngời và đôi má ửng hồng, chắc đã sung sướng mỉm cười, nghĩ đến tương lai của chính mình đẹp như hoa. Còn lại được những gì trong lòng người thiếu phụ hăm bốn tuổi, đang ôm con, nằm cùng một giường với Thứ kia? Hỡi ôi! Khi người ta đang mười bảy tuổi ai cũng mộng, nhưng lại chẳng một giấc mộng nào thành sự thực bao giờ? Cuộc sống phũ phàng. Đời thì buồn mà kiếp người thì khổ lắm. Đời Thứ và đời Liên, không dung cũng đủ buồn, đủ khổ lắm rồi. Sao họ còn muốn gây buồn, gây khổ cho nhau nữa? Nghĩ thế, Thứ thấy mọi cái đều nhỏ cả, đều không đáng kể. Không một cái tội nào to tát không thể tha thứ. Không một người nào không đáng cho ta thương xót và an ủi... Không một chút ngần ngại, tay Thứ tìm và nắm lấy tay Liên. Y hơi ngạc nhiên, khi thấy Liên không làm gì để chống cự lại y. Bao dạn hơn, y nằm xích lại và quàng tay ôm lấy vợ. Đứa con nằm lọt giữa hai người, giãy giụa. Thứ vội lùi ra. Liên trở mình cho nó, đặt nó ra bên ngoài. Liên cũng muốn làm lành. Thứ ôm lấy Liên, gục mặt vào gáy Liên mà khóc. Liên lại quay lại. Đôi mặt sát nhau. Thứ thấy mặt Liên áp vào má y, cũng đầm đìa nước mắt, y kéo mạnh Liên vào ngực và vỗ nhẹ nhẹ vào lưng Liên. Họ không nói với nhau một lời nào. Cuộc làm lành đã xong.

Sáng hôm sau, họ đã lại ngồi cùng mâm, ăn cơm sáng với nhau. Và đêm ấy, Liên đã hỏi chồng:

– Ai nói với mình sao mà mình làm thế?

Thứ xấu hổ, không muốn nhắc đến chuyện ấy làm gì nữa. Nhưng Liên cố nằn nì. Thứ đành phải nói ra. Liên hăm hở, bảo:

– Bác cả còn sống đấy. Tất cả những người đi ăn giỗ hôm ấy

cũng còn sống trờ trờ cả đấy. Tôi có thể kể tên từng người một. Mình đi hỏi người ta. Nếu chỉ có lấy một người bảo rằng hôm ấy có trông thấy tôi đánh bạc, tôi xin giơ cổ cho mình chém.

– Nhưng con ở?...

– Một là nó nói vu. Hai là nó không nói thế, nhưng bà nghe nhầm ra thế. Hôm ấy, tôi giữ em, ngồi chơi, nói chuyện với bà Hương mãi. Rồi em khóc, đòi bế đứng lên. Tôi gọi con ở bế nó đi chơi. Tôi nhổ tóc sâu cho bà Hương, chứ có đánh chác gì đâu!

Thứ chẳng biết nói sao. Lẳng lẳng một lúc lâu, rồi Liên bỗng thở dài, rầu rầu bảo:

– Tôi vẫn định chẳng nói ra làm gì để mình nghĩ ngợi thêm phiền. Nhưng ở nhà này, khổ lắm. Chúng mình ăn riêng, chưa sắm sanh được tí gì, bà bảo những nồi, niêu, bát đĩa, nhà sẵn có cứ lấy mà dùng, nhưng đến lúc dùng thì bà, với nhất là *chúng nó* lại nói nọ, nói kia. Có cái rá vo gạo chúng nó cũng giấu đi. Cắt mấy tàu lá chuối khô ở vườn về đun, chúng nó cũng không cho. Tôi bực mình, nhiều khi phải thổi cơm *bên ấy*. Thấy thế, bà lại giận. Nhất là từ hôm mình gửi thư về hỏi thăm tôi, bà lại càng giận lắm.

Thứ ngạc nhiên:

– Tôi gửi cho cậu Vĩnh, bà làm thế nào mà biết được?

– Thế mới lòi thôi!... Tại thằng phu trạm. Nó ngại vào nhà. Nó gặp bà ở đường, đưa cái thư cho bà và bảo: “Của ông giáo nhà bà gửi cho cậu Vĩnh đấy, bà ở liền nhà cậu Vĩnh, đưa cho cậu ấy giùm cháu với”. Nó gửi từ trưa, mà mãi đến tối bà mới đưa cho tôi đem sang cậu Vĩnh.

– Nhưng thư đã bóc ra chưa?

– Lúc bà đưa cho tôi thì dán kín. Nhưng chắc bà bóc ra rồi dán lại. Bởi vì lúc tôi mới về, vào buồng ngay, cả nhà không biết, tôi nghe cụ bảo bà: “Cứ viết thư cho chồng nó, bảo: nó chẳng ốm đau gì, chỉ đi đánh bạc thôi!” Thì ra bà với cụ thấy tôi đi vắng suốt ngày, cứ tưởng tôi đi đánh bạc.

Thứ nhớ lại những lời bà và mẹ kể về Liên. Đúng là bà và mẹ đã sai bóc thư xem. Không thế, sao bà cố ý nói cho y biết Liên chỉ ốm qua loa, nhức đầu, sổ mũi ít ngày. Ý nghĩ đến việc vợ San. Bây giờ y chẳng còn tin gì nhiều, rằng vợ San đã phụ chồng. Tin làm sao được với những tiếng xấu, tiếng tốt ở đời này? Ai cũng chuộng sự thật nhưng có mấy người trọng nó?... Ý thấy buồn. Ngay bố con, anh em

mà cũng còn những sự ghen ghét, thì sự tử tế trên đời này, biết tìm ở đâu? Y không ngờ trong gia đình y lại có thể có những cái tệ nhẹ, những cái nhỏ nhen đến làm người ta phải đỏ mặt lên như vậy...

Chỉ mấy hôm sau, vợ chồng Thứ đã lành nhau hẳn. Nhưng Thứ cũng như Liên, cảm thấy trong tình vợ chồng một cái gì đã mất đi, chẳng còn trở lại bao giờ. Họ chẳng còn nhìn nhau bằng con mắt ngày xưa. Thứ bình tĩnh hơn, ít ghen hơn, tin Liên hơn. Nhưng y đã thấy Liên thiếu hẳn một cái gì mà y không thể nói ra, nhưng mà y cảm rõ. Một đôi lúc, cái tiếng nói the thé, xa xả của Liên lại trở về trong trí óc y. Y đã cố bảo rằng người ta không phải là thần và trong lúc tức quá, uất ức quá, không ai giữ vẻ mặt và tiếng nói dịu hiền được. Nhưng vô ích. Y vẫn có cái cảm giác khó chịu như một người bưng tỉnh. Hình như hôm qua y còn nhìn Liên dưới ánh đèn, mà hôm nay, y nhìn Liên dưới ánh sáng ban ngày vậy. Có lẽ cái cảm giác của Liên về Thứ cũng gần gần như thế. Liên vẫn ngoan ngoãn, vẫn chiều chuộng, chẳng giận dỗi gì, nhưng trở nên ít nói, ít cười hơn, lạnh lùng hơn. Những tia sáng của một tâm hồn tin tưởng, yêu đương đã tắt trên đôi mắt của y. Đôi mắt bây giờ mệt nhọc hơn, lơ đãng hơn, thẫn thờ hơn, Liên có vẻ già đi đến mười năm. Trước mặt Liên, cuộc đời đã trở nên nhàn nhạt, đạm đạm, không nhiều màu sắc, nhiều mùi vị như trước nữa.

Ngày phân ly, khác hẳn mọi lần. Liên cũng quanh quẩn ở bên chồng cho đến tận lúc chồng đi, gấp quần áo cho chồng, nhắc chồng nhớ thức nọ thức kia, soát lại cho chồng từng cái sơ mi, cái áo, cái quần, nhặt nhanh từ đôi bút tất, cái lược chải đầu, quyển sổ tay, cái bút chì... cho đến những cái mùi xoa, chiếc khăn rửa mặt, rồi lại tự tay mình mở tủ lấy cái ví cho chồng, kiểm lại tiền và hỏi chồng có cần lấy thêm không. Liên chẳng quên một tí gì. Nhưng Thứ có cảm tưởng như Liên sẵn sóc đến mình chỉ vì bốn phận, vì thói quen. Họ cũng buồn, nhưng cái buồn vẫn có một vẻ gì khang khác, không giống như mọi lần...

Gần đến bến xe hơi, Thứ gặp San đi xe kéo trở về. San xua tay, ra hiệu cho Thứ từ đằng xa. Thứ ngạc nhiên, chẳng hiểu ra sao. Đến gần, San mới bảo:

- Quay trở về đi thôi!
- Sao vậy?
- Hải Phòng bị ném bom. Hà Nội có báo động một ngày đến ba lần, quan Đốc Lý ra lệnh cho dân thành phố tản cư.

Thứ há hốc mồm, một tháng nay, y không xem báo, nên chẳng biết một tin gì. Cái tin bom rơi đến tận đất nước mình, khiến y hồi hộp lạ lùng. Chỉ một phút sau, y mới thấy lo. Y ngẩn mặt hỏi San:

– Chúng mình không đi nữa thật à?

– Anh bảo còn đi làm gì? Lấy đâu ra học trò?

San có vẻ cũng ngỡ ngác, hoang mang. Đôi mắt y là đôi mắt của một người vừa trông thấy cả cái cơ nghiệp của mình cháy ra tro. Y cười cái cười của một người điên, bảo bằng một cái giọng hả hê giả dối:

– Tôi bằng lòng lắm! Phen này sẽ biết nhau... Sống thì sống hẳn, mà chết thì chết hẳn. Cứ ngắc ngoải mãi thì chán lắm. Cho cái trường sụp ngay đi, chúng mình cũng không cần. Người ta ăn là nhiều, chứ chúng mình ăn là mấy!

Thứ sực nhớ ra:

– À! Đích thế nào? Có tin tức gì thêm không?

– Về nhà thương Robin ngay từ hôm tôi còn ở trên ấy kia mà! Anh không biết à?

Thứ lại càng phân vân dẫy. Đi hay không đi nữa? Quay trở về, y thấy ngỡ ngàng với Liên. Đã đành Liên sẽ chẳng nói gì. Nhưng biết đâu Liên lại chẳng nghĩ thầm: “Thế ra cũng có lúc người ta cần đến vợ!...” Y sẽ nhục khi cầm lấy bát cơm do vợ kiếm. Vả lại biết đâu ngày mai không có học trò? Ở đây, ngoại ô có ai cần đi lánh nạn?... Thì ra trái với điều y vẫn tưởng và nhất là y vẫn bảo, y vẫn cần bám lấy cái trường. Muốn cho mình khỏi thẹn với mình, y tự bảo:

– Lúc khác, mình có cần gì! Tìm đâu cũng được một việc mỗi tháng hai chục bạc, mà không đi làm thì ở nhà quê, cũng sống. Nhưng lúc này thì lại cần có cái trường để sống tạm.

Y tưởng như mọi công việc sẽ ngừng trệ hẳn, người ta chỉ nghĩ đến chuyện chôn của và tích thóc. Y sẽ chẳng có gì để tích. Y tự an ủi bằng cách bảo:

– Tích đã chắc giữ được mà ăn ư?

San giục:

– Thôi, đi về! Anh trả tiền xe của anh rồi lên xe này.

Thứ ngần ngừ:

– Khoan đã!... Yên, chúng mình thử nghĩ xem...

– Còn nghĩ ngợi gì! Cứ đi về!

Thứ vẫn không quyết hẳn. Y cười do dự, bàn:

– Hay là chúng mình cứ lên xem... Lên để thăm Đích với lại trả nhà, lấy đồ đạc của chúng mình về. Đẳng nào chúng mình chẳng phải lấy đồ đạc của chúng mình về?

– Đồ đạc thì có cóc gì? Nay mai, xem tình hình thay đổi thế nào... Nếu yên yên thì chúng mình sẽ lên. Nếu quá thì mặc kệ! Nếu Oanh chạy thế nào em chẳng phải chạy cả đồ đạc cho chúng mình. Còn nhà thì tôi đã hẹn rồi; nếu cuối tháng chúng mình không lên, ông Học cứ việc cho người khác thuê.

Thứ vẫn dùng dằng, San sốt ruột, bèn đổi ý. Y tặc lưỡi:

– Ờ, mà cũng phải! Anh lên đi cũng được. Từ hôm Đích về, anh vẫn chưa gặp Đích... Với lại cũng nên đem đồ đạc về. Anh đem cả giùm tôi. Tôi thì thế nào cũng phải về. Nhà đang thiếu người làm. Đi mà không được việc gì, thà ở nhà làm đỡ đi.

Thứ lưỡng lự thêm một lúc nữa. Rồi y đành đi một mình...

Đến Hà Nội, mới sáu giờ. Thành phố vẫn tấp nập như thường. Thứ yên lòng. Y đi la cà một lúc lâu, ngừng lại trước tủ kính các hiệu may, nhìn giá những sơ mi. Rồi y vào một hiệu phở tái, ăn. Nước dùng ngon. Y gọi luôn một bát thứ hai. Y còn có thể ăn được một bát nữa và đã toan gọi thêm, nhưng nghĩ ngợi một chút, lại thôi. Ra trả tiền, người ta tính y những hai hào. Trước kia mỗi bát có năm xu. Cách đây hơn một tháng, đi ăn với San một lần y đã phải trả bảy xu. Bây giờ lại tăng lên một hào! Y chỉ còn vừa đúng hai hào lẻ, vẫn tưởng còn lại sáu xu để đi xe điện về trường. Không muốn đổi bạc, y đành đi bộ vậy...

– Càng khuya càng tốt...

Thứ nghĩ thế. Thật ra thì y cũng không muốn đến trường vào lúc chưa tối hẳn. Hàng xóm người ta trông thấy. Người ta sẽ nghĩ bụng thế nào về một anh giáo khổ, ngày thơ đến nỗi tưởng rằng lúc này mà vẫn còn những trẻ con cắp sách đến trường? Họ sẽ cho y là một anh chàng *cố đấm ăn xôi* mất!

Bởi nghĩ thế, nên gần đến trường, y chọn mé đường tối, cúi mặt xuống mà đi. Đến cửa trường, y gần như nín thở, kiễng gót chân lên để rẽ vào. Không gõ cửa, y cầm cái quả nắm, xoay đi một cái. Cùng

một lúc, hình như có người xoay cái quả nãm ở bên trong. Quả nhiên, cái cánh cửa mở ra, không đợi y phải đẩy, kéo theo cả tay y...

– Ai? À chú!... Sao chú lên muộn vậy?

Tiếng Oanh. Oanh nói khẽ, như cũng sợ như có người nghe thấy. Y mặc áo dài. Tay cầm chìa khóa...

– Sao trong nhà tối om thế? Cô sắp đi đâu vậy?

Thứ chục vào, Oanh bảo:

– Chú đứng yên ngoài ấy... Tôi khóa cửa.

Y ra và bảo tiếp:

– Nhà ở trên kia kia!... Ở đây không có chỗ nằm. Đồ đạc khuân lên trên ấy cả rồi. Đây chỉ còn ít bàn ghế học trò chưa kịp dọn.

– Không có ai ngủ ở đây à?

– Không... Nhưng khẽ chứ, kẻo có đứa nào nó biết. Tôi đóng hết các cửa sổ rồi khóa cửa ngoài. Thôi, đi!...

Hai người vừa đi vừa nói chuyện nhỏ...

– Thăng Mô đâu?

– Nó về nhà nó từ trưa kia. Tai nạn quá! Bà mẹ vợ nó bị xe hơi cán, không biết còn sống hay đã chết.

– Sao vậy?

– Nào có biết!... Bà cụ nhà nó đi xe cát, chắc chậm chạp, lơ ngơ làm sao đó. Già rồi cũng yếu. Với lại xe hơi chạy còi báo động, còn phải nói!...

Oanh đổi chuyện, nói luôn về việc thuê nhà mới:

– Này, chú ạ! Căn nhà tôi mới thuê rộng lắm. Ở ngay xế cửa nhà Hải Nam, chú biết đấy chứ gì? Chủ cái nhà cũ nay đòi đuổi, mai đòi đuổi, tức mình!... Với lại tôi cũng muốn thuê lên trên ấy, rộng rãi, để cho Đích ở. Ốm mà nằm cái nhà cũ thì chật chội quá, không chịu được... Đích về rồi đấy, chú biết chưa?

– Đã... Tôi cũng thấy anh San nói chuyện...

– Sao chú San biết? Hôm ấy chú ấy còn ở đây thì Đích còn nằm nhà thương Robin kia mà!...

– Tôi tưởng anh Đích vẫn nằm nhà thương?

– Không, về rồi... Tôi nói là về nhà ấy! Nhà thương đuổi về không cho nằm nữa. Đích mới về từ hôm qua.

Tim Thứ bắt đầu đập mạnh hơn. Y không tưởng y phải gặp Dích ngay lát nữa. Từ lúc ấy, y mặc Oanh nói, chỉ âm ừ đáp lại. Y thấy lại những cái cảm giác của y ngày xưa hồi chưa cưới Liên, khi sắp bước chân vào nhà bố vợ. Y chắc y sẽ ngượng nghịu ghê gớm lắm...

Nhưng, trái lại... Oanh lên trước, đi thẳng lại chỗ Dích nằm, một cái mền kéo lên kín cả vai...

– Chú Thứ đã lên.

Đích quay ra. Thứ cười dịu dàng, bước lại. Cái mền động đậy. Dích hơi ngóc đầu lên, giơ ra một cái bàn tay rặt những xương. Thứ đưa tay, nắm lấy:

– Gãy lắm nhĩ?

Thứ giữ tay Dích trong tay mình, bảo thế. Dích cười buồn:

– Sắp chết, còn gì!

Y chớp mắt luôn mấy cái và bảo tiếp:

– *Moa* mong *toa* mãi. Hôm về, thấy San, không thấy *toa*, *moa* cực quá! Hình như *toa* bỏ *moa* rồi vậy.

Mặt y co rúm lại, nước mắt tràn qua bờ đôi mắt sâu hoắm hoắm, chảy xuống đôi má lõm. Tay y run lên trong tay Thứ, và cánh tay kia của y vội co lên, che mắt. Y nức nở. Thứ thấy mờ đôi mắt. Y xị mũi và an ủi Dích:

– Anh đừng nghĩ thế... Chúng mình bỏ nhau sao được?

– *Moa* vẫn biết. Nhưng khi người ta sắp chết, người ta thấy người ta cô độc lạ! Người ta oán những anh em, bè bạn lạ!

Rồi Dích chùi nước mắt, nhìn Thứ, hỏi:

– Lớp này tìm *toa* thế nào? Bớt không?

XX

Bấy giờ đã lâu rồi. Oanh chưa cho đánh trống, chỉ vì số học trò tụ tập ở cửa trường còn ít quá. Chúng đứng quây cả vào một chỗ, độ mười lăm đứa. Mấy đứa lớn đang nói chuyện báo động với nhau, náo nhiệt chẳng kém gì một bọn cùng xem *Tây du* cả rồi, ngồi nhắc lại những đoạn hay.

Chúng tranh nhau mà nói, đứa nọ cướp lời của đứa kia, cãi lại đứa kia, xua tay bịt mũi, xun xoe, làm như sắp đánh nhau rồi lại hi hí, ha há cười với nhau. Những đứa bé đứng ở ngoài, hếch mũi nhìn, cười nhút nhát hơn. Tất cả thỉnh thoảng lại một, hai đứa nhìn trộm lên hiên gác, là chỗ thỉnh thoảng Oanh hoặc Thứ lại ra, vờ nhìn trời, nhìn đất, những đâu đâu, nhưng chính là để nhìn chúng... Sau lần đến cuối cùng, Thứ bảo Oanh:

– Lớp trẻ con chẳng có đứa nào, lớp dự bị một thằng, sơ đẳng ba thằng, cả hai lớp thì mới được năm thằng, lớp nhất của tôi đông nhất: những năm nhân mạng.

– Chưa đủ tiền nhà. Chết cha!

Oanh lắc đầu, chán nản, kêu lên vậy, rồi hỏi Đích đang nằm ủ rũ:

– Có dạy không?

– Có chứ?

Giọng nói và vẻ mặt Đích khi nói đến hai tiếng ấy, tỏ ra rằng y thấy câu Oanh hỏi vô lý lắm. Y bảo tiếp:

– Cứ dạy. Một thằng cũng dạy. Rồi dần dần những thằng khác mới đi. Không dạy, chúng đi trường khác, thì trường mình vỡ mất.

Y bàn:

– Dồn tất cả vào làm hai lớp, mỗi người dạy một lớp. Khi nào có thêm học trò, sẽ lại chia ra như trước.

Thứ bảo:

– Thế thì đánh trống đi. Muộn lắm rồi, chẳng còn đứa nào nữa đâu.

Oanh ngần ngại. Y muốn đóng cửa trường, đưa Đích về nhà quê dưỡng bệnh, vừa yên ổn, vừa đỡ tốn. Số tiền dành dụm cần giữ lại mà uống thuốc. Về nhà quê, ăn không mất, tiền nhà không mất: đã có song thân Đích. Đỡ được nhiều. Tội gì mà dạy học lỗ vốn để số tiền của mình mòn đi?... Đích nhất định không nghĩ thế. Gây được một cái trường đông học trò, khó lắm. Để cho tan, uống quá! Cố mà giữ vững nếu tình hình yên ổn, mình còn ăn về lâu, về dài. Vả lại, y không muốn về quê. Ở đây tiện thuốc thang, tiện đốc tờ. Về nhà quê thì chết mất... Y bảo vậy. Oanh biết không thể nào cưỡng lại, đành ngáp dài một tiếng, đứng lên. Thứ gọi thằng Mô:

– Mở cửa đánh trống đi, Mô nhé!

Mô chẳng nói gì, đi ra cửa. Mặt nó sưng lên, như giận đối ai. Nó giận trời, giận đời, giận mẹ vợ, giận ô tô, giận chiến tranh, giận tất cả mọi người. Tìm cái dùi trống không thấy, nó nhặt ngay một thanh củi tạ, đập loạng choạng mấy tiếng, rồi quăng ngay ra giữa lối đi. Oanh trông thấy, đen mặt lại, nhưng chỉ lắc đầu, chẳng nói gì. Thằng Mô bây giờ quá lắm rồi. Hơi mắng nó là nó cãi. Nó không muốn ở cho Oanh nữa. Cách đây ít lâu, Mô đã lên đi xin việc làm trong hãng rượu bia. Người ta hỏi nó trước làm đâu. Khi biết nó ở trường, ông ký giữ việc nhận người làm, vốn cũng có con học ở trường, tạt vào hỏi qua ý kiến Oanh. Oanh không thuận để Mô thôi. Mô không xin được việc làm. Nó căm Oanh từ đấy và trở nên trây lười và bướng bỉnh... Học trò vào. Thấy lớp còn rộng mênh mông, chúng thích chí, hét ầm lên. Có đứa lăn cả ra bàn. Những đứa khác mỗi đứa một bàn và đua nhau giạng chân, khuynh tay ra cho nó thích. Một thằng, vốn hay làm trò khỉ, thì lại so người lại, khép chặt hai tay vào cạnh sườn, nhăn mặt, kêu: “Úi trời ôi! Chật quá! Không còn giã được!”.

Thứ chỉ mỉm cười. Một tháng rồi mới lại được trông thấy chúng, y thấy yêu yêu chúng và dễ dãi, mặc cho chúng nó đùa; vả lại gặt gồng với chúng làm gì? Trước tình thế này, trong lớp học chỉ có một thầy với mười trò, chúng chán học cũng như y chán dạy. Chẳng thế mà có đến ba đứa không mang bút, vở, bởi đi thì đi, nhưng cũng chắc nhà trường còn đóng cửa. Thứ không dạy vội. Y hỏi chuyện chúng, vui vẻ và thân mật, như một người anh đi xa về hỏi chuyện các em. Chúng nhua nhúa trả lời y. Chúng pha đùa. Chúng khoe những tin lạ với y. Chúng hỏi y và bàn tán về Tàu, về Nhật, về Nga, về Đức... Đang vui chuyện thì bỗng một thằng đứng phắt lên, trợn mắt, giơ

một ngón tay lên ngang mũi:

– Lặng im! Lặng im!...

Mọi người ngơ ngác, chưa hiểu sao, thì nó đã kêu lên:

– Báo động! Báo động!...

Lặng tai nghe, quả nhiên có tiếng còi rền rĩ văng vẳng tới. Chưa nghe thấy tiếng còi báo động lần nào. Thứ thấy lòng dạ bồn chồn. Tiếng còi gầm lên, kéo dài ra, nhỏ dần dần thành một tiếng rền, rồi lại gầm lên, rùng rợn, đau đớn, náo nùng như tiếng kêu thất vọng của một con quái vật, báo một cái thảm họa gì sắp tới. Thứ hơi tái mặt đi. Học trò lục sục xô bàn ghế, tìm sách vở, như một đàn gà khi người ta mở cửa chuồng. Chúng la lên:

– Thưa thầy, cho về ạ!... Cho về ạ!... Mai có đi không ạ?

Thứ đứng lên, giơ tay ra hiệu cho chúng dừng lộn xộn và ra lệnh:

– Cứ ngồi yên!... Đợi tôi một phút.

Y chạy lên gác. Oanh cũng vừa lên, đang nhìn Đích mỉm cười. Đích như người uất ức. Y quả là ốm nặng. Mới có thể mà nước mắt y đã ứa ra, y muốn nghẹn. Thứ và Oanh phải dịu dàng, phải ôn tồn hết sức. Ba người bàn một lúc, rồi quyết định. Trường sẽ đóng cửa mười lăm hôm nữa, nếu sáng mai vẫn còn báo động như thường. Oanh và Thứ xuống, bảo cho học trò biết, rồi cho chúng về. Cửa đóng lại rồi, họ lên gác, ba người lại ngồi, ngao ngán nhìn nhau. Oanh và Thứ hết cười gượng lại thở dài. Đích khóc. Ở dưới, những nhà hàng xóm ra cửa đứng, nhìn người, xe lũ lượt từ Hà Nội tuôn lên, đi qua đây. Bà đỡ đi từ cửa nhà nọ đến cửa nhà kia.

– Đã vui chưa?... Đã vui chưa?... Các ông! Các bà!

Bà cười bằng những tiếng cười đặc sệt, và bà lắc đầu, chán ngán. Lũ con gái nhà Hải Nam, hình như được thả lỏng hơn, cũng ra cổng đứng, nhìn những người chạy ra ngoài thành phố, đùa bỡn, câu chí, xô đẩy nhau, cười hi hí. Cụ Hải Nam ở trong nhà, chẳng biết gặt gồng gì, quát om sòm. Tiếng cụ nghe sang sảng. Ra hiên gác đứng, Thứ thấy những anh xe, chị vú nhà cụ nháo nhác chạy đi, chạy lại, mặt nhăn nhó và khổ sở. Có tiếng đập bàn, đập ghế hay quăng đồ đạc rầm rầm. Lũ con gái đứng ngoài cổng sợ hãi, lè lưỡi nhìn nhau, rồi lúi lúi rút vào trong nhà hết. Họ không dám đi cùng một lượt. Mỗi người đi một lúc. Khi qua cửa, người nào cũng cúi mặt rón rén chân. Thứ thấy làm mừng vì hồi nào, y đã không vào nhà cụ Hải

Nam, hỏi trợ...

Ngày hôm sau, vẫn còn có báo động, cả ngày hôm sau nữa. Thế là cái việc trường phải đóng cửa thêm mười lăm hôm, đã là sự dĩ nhiên rồi. Cả ba người chán nản hơn. Bao giờ người ta cũng cố bám vào một chút hy vọng để hy vọng đến cùng. Nhưng hầu như cả ba người cùng tin chắc rằng mười lăm hôm nữa, cũng chưa khai giảng được, hoặc còn báo động, hoặc số học trò ít quá, hay là không có hẳn. Tuy vậy họ cũng cho dán ở cửa trường, tờ yết thị thế này: “Các lớp nghỉ hè bắt đầu học từ 15 Juillet sắp tới. Lớp nhất và lớp nhì có học thêm tiếng Anh”. Đó là mưu của Đích. Y có một quyển *Tự học tiếng Anh*, đưa cho Thứ bảo Thứ cố học lấy mấy chục bài, để rồi sẽ truyền lại mỗi tuần vài bài cho học trò...

Bệnh Đích tăng. Hôm nào y cũng sốt về chiều. Y mất ngủ luôn. Đáng lo ngại nhất, là tinh thần y đã trở nên yếu quá. Mỗi lần cặp ống hàn thử biểu xong, y lại buồn rầu. Y hay tủi thân, hay khóc như những bà già. Y hẳn học với Oanh, day dứt, mỉa mai, giận giỗi Oanh chán rồi lại xin lỗi Oanh, khóc với Oanh. Y uất giận vì những cơ chẳng đáng kể vào đâu, mà mỗi lần hơi có điều gì chẳng vừa lòng, lại trợn mắt nghiêng răng, đập phá hung hăng, nhiều khi lại còn rít lên, chửi Oanh, túm lấy Oanh toan đánh, đập, bóp cổ, đâm chém nữa. Mỗi lần, Thứ lại xông vào, ôm chặt lấy y, cố dìu y nằm xuống. Như vậy chẳng khó gì, bởi vì sức y chỉ còn bằng sức một con gà; ôm lấy y. Thứ chỉ dám dùng một nửa sức mình, sự làm y bẹp ngực. Cái khó là làm thế nào để cứu chữa y, sau mỗi cơn điên. Bởi vì sau lúc ấy, thường y trợn ngược mắt lên cứng hàm ra, thở hồng hộc thành những tiếng rên như tiếng một con bò đực bị chọc tiết kêu, lạnh toát chân tay, rồi cứ thiu dần đi, chực chết. Thứ và Oanh lại cố gắng quýt xoa, bóp cho y, cố gọi cho y tỉnh lại, có khi Thứ phải đi tìm thầy thuốc.

Không có việc gì làm, Thứ toan đọc sách, nhưng không đọc được. Óc y lúc này không còn chỗ cho những điều suy nghĩ trầm mặc. Những sách dễ đọc, những tiểu thuyết, thì lại nhạt phèo. Sự thật ở bên ngoài to lớn quá, mạnh mẽ quá, ăn hiếp hẳn cuộc đời tưởng tượng, hiện hình bằng giấy trắng mực đen. Mối tình của anh này với chị kia, cái giọng lướt lướt của một kẻ thất tình cũng như những thương tiếc vắn vơ của một anh chàng đầu óc không bận vướng một việc gì, bèn nhớ hão, mong chờ cho đoạn tháng qua ngày... Những cái ấy có nghĩa lý gì bên cạnh cuộc sống sôi nổi, rất ồn ào, rất chặt vật,

vật, rất đau thương ở quanh ta? Những cái ấy có nghĩa lý gì, bên cạnh ngay chính những lo lắng, những băn khoăn, những tủi hờn ở trong ta? Lúc này mà bình tĩnh nằm đọc sách, Thứ thấy mỉa mai quá! Y chạy loăng quăng. Để đi trốn những buồn lo hay để trông nom vào sự tình cờ? Hình như y ngẫm mong sẽ gặp ở chỗ này, chỗ khác một việc làm, một món tiền rơi, một ý kiến gì giúp y có kế sinh nhai, khỏi phải ăn báo vợ trong những ngày sắp tới. Y đọc những lời rao vặt trên các báo hàng ngày. Y xem những tờ yết thị ở cửa các sở công, tư, trên xe điện, ở tủ kính các cửa hàng, ở trên những bức tường. Toàn những người muốn bán, muốn nhường, muốn để lại, muốn mua. Toàn những bản cáo thị dạy người ta phải làm thế nào khi có báo động, có tàu bay, có bom rơi. Toàn những lệnh tản cư. Một đôi khi là một người có bằng thành chung hay tú tài tìm một chỗ dạy học ở tư gia... Thứ đi chán lại về, mệt mỏi thêm, cái vẻ phờ phạc, thần thờ vẫn không rời khỏi mặt. Dích vẫn rên. Oanh vẫn thở ngắn, thở dài, nước mắt rung rung. Thứ lại càng sốt ruột...

Một hôm, đang cúi mặt đi, y ngược đôi mắt thần thờ lên và bỗng gặp một đôi mắt đen lay láy nhìn y. Tim y nhảy thót lên. Y nhận ra Tư. Tư cúi mặt nhìn xuống, e lệ và hơi bối rối. Lòng Thứ xao lên. Nhưng chỉ một phút thôi. Rồi y lại lạnh lùng ngay. Lúc này, hình như tất cả những cái gì không phải là cơm ăn, việc làm đối với Thứ, đều bị coi là phù phiếm, là vô ích cả. Y nghĩ đến Liên, đến việc hôm nào... Thật là trẻ con! Thật là điên rồ! Làm như Liên là một tiểu thư chẳng có việc gì ngoài cái việc nhí nhánh và vui vẻ, trẻ trung! Làm như chính y chẳng còn có việc gì phải lo, ngoài cái việc gìn giữ vợ yêu! Những chuyện ấy không có sự quan trọng lớn lao quá thế đâu! Điều quan hệ là vợ chồng phải chung lưng đấu sức với nhau, làm thế nào *cho được sống. Cơm! Áo! Sự an toàn! Tương lai của mình! Tương lai của các con! Sống! Sống!...* Tất cả sự quan hệ là ở đó. Phải làm thế nào cho được sống, được ngược mắt lên, được thở hút tự do, cùng với tất cả mọi người. Cuộc sống đè nặng trên ngực người ta quá!

Y rẽ vào nhà ông Học. Con chó kéo cái xích sắt kêu loảng xoảng, sủa mấy tiếng ông ổng, rồi nhận ra người quen, vẫy đuôi mừng. Ông Học đang nằm có nửa người ở trên giường, hai tay chít lại ở dưới đầu, hai chân buông xuống thêm nhà, vội ngồi lên...

– Kia, ông giáo! Chào ông!

– Ông ạ! Hôm nay ông lại rồi?

– Vâng, thưa ông, mấy hôm nay người ta chạy cả, hàng bán không mạnh lắm, nhà tôi làm ít đi, nên gần rồi cả ngày.

– Ông bà có định chạy đâu không?

– Thưa ông, không ạ! Chạy thì lấy gì mà ăn được? Ở nhà quê chúng tôi, một thước đất cắm dùi không có. Thôi thì đành nhẽ...

Ông phàn nàn về nỗi từ hôm có báo động đến nay ông thua thiệt. Hàng ế. Đậu nành lên giá. Giá gạo cũng cao vọt hẳn lên... Ông hỏi Thứ về tình hình trên nhà trường... Bà ở dưới căn nhà lá, chạy lên:

– Chào ông giáo!

– Vâng, chào bà! Bà có chạy không?

– Thưa ông, có ạ! Mẹ con tôi sắp đi đây ạ! Tôi vừa bảo: lên chào ông chủ và gửi lại ông cái nhà... Thưa ông, cũng chẳng phải là sợ bom đạn gì đâu! Nhưng thóc cao, gạo kém quá. Công làm thì vẫn thế. Sáu đồng bạc với ba đồng của thầy các cháu cho, ba mẹ con ăn không đủ...

– Ở nhà quê, bà có nhiều ruộng đất không?

– Thưa ông, không ạ! Chẳng nói giấu gì hai ông, trước nhà cũng có vài sào vườn, hơn một mẫu ruộng, nhưng thầy cháu bán cả rồi, bán để lấy tiền buôn bán, bắt cả mẹ con tôi ra Hà Nội, bảo: “Ra Hà Nội, đi bán cháo còn hơn ở nhà quê bảm lấy mấy sào vườn, hơn mẫu ruộng...”. Nói của đáng tội, mẹ con tôi cũng chẳng muốn đi, nhưng ruộng đất bán hết rồi, nên cũng phải đi. Đi, nên bây giờ mới khổ?

– Thế bây giờ bà đưa cháu về đâu được?

– Chẳng nói giấu gì hai ông, bây giờ thì đành nhẽ, tôi lại cho các cháu về ở nhờ nhà chị, nhà em, rồi lại làm thuê cấy mướn, mò cua bắt ốc, buôn thúng bán mẹt, gặp cái gì làm cái ấy, lần hồi nuôi các cháu. Ở nhà quê, mọi thức thế nào cũng còn rẻ hơn...

Thứ toan hỏi về ông chồng, nhưng lại ái ngại, không muốn hỏi. Bà chào Thứ và ông Học. Rồi bà xuống nhà lá, lấy cái thúng đựng tất cả gia tài sự nghiệp, dẫn hai con, ra về. Vẫn áo cánh như mọi bữa. Cả ba mẹ con buồn xiu xiu. Hai con bé hình như không còn muốn bước. Bà phải thúc chúng đi nhanh mấy lần. Ra đến cổng, bà gặp u em. U em bám lấy bà:

– Mẹ con về nhà quê thật đấy ư?

– Về thật!

Họ nhìn nhau một lúc. Rồi bà mếu, u em mếu. Hai đứa trẻ, bị lây, cũng khóc. Bà vội vàng đẩy hai con đi trước rồi vỗ vai u em từ biệt:

– Thôi! Mẹ con tôi đi đây, u em ạ! Chào u em ở lại.

Bà vừa đi, vừa lau nước mắt. U em cũng kéo dài yếm lau nước mắt; rồi cúi mặt, đi chéo qua bếp, vào buồng...

Thứ đứng lên, chào ông Học:

– Xin vô phép ông... Ông ngồi chơi. Tôi xuống qua dưới này một chút.

Y xuống nhà bà Hà. Chính y cũng không hiểu rõ tại sao y đến khắp lượt nhà mấy người quen như vậy. Y làm như y sắp đi xa và đi từ biệt những người quen thuộc. Có lẽ y biết y sắp rời nơi này hẳn. Có lẽ y tò mò... Có mình Hà ở nhà. Nó ôm con. Căn nhà lả ảm ướt, tối om om. Hà sững sốt nhìn y một lúc mới nhận ra y, vội đứng lên chào. Nghe tiếng chào, y biết rằng nó khóc. Thì ra nó đang ngồi khóc một mình, nước mắt làm mờ mắt, nên không trông rõ y ngay được. Y hỏi thăm về bà cụ. Nó lại hu hu khóc:

– Thưa cậu, bà con thì chết mất. Người ta xe vào nhà thương. Thưa cậu, thấy nhà con bảo: “Bà con mê man, không biết gì”. Thưa cậu, không biết hôm nay còn sống hay chết rồi? Chúng con, cũng chẳng đứa nào đến được. Con thì ôm cháu ngồi đây. Với lại con sản hậu ốm mãi, ra sự cũng chưa chịu khỏi. Nhà con thì bận. Thấy nói: cậu Đích cũng ốm nặng lắm, nhà con cũng dốt, không dám xin phép cô giáo cho nghỉ để đi xuống nhà thương thăm bà con...

– Thăm nom gì! Chết lúc này là phúc...

Tiếng Mô. Thứ và vợ Mô cùng quay ra cửa. Mô bước vào...

– Thưa cậu, cậu đi đâu mãi thế ạ? Cậu Đích hôm nay mệt lắm.

Mô bảo y như vậy. Y bảo nó:

– Lúc này, mày chịu khó xuống nhà thương xem bà cụ đã khỏi chưa. Bỏ liều bà cụ thế, phải tội.

Nó cười buồn:

– Thưa cậu, con thì con nhất định chẳng thăm nom gì nữa. Bà con sống nhờ trời, chết nhờ nhà thương. Đem về nhà, biết lấy gì mà chôn! Với lại, nói cậu bỏ lỗi, lúc này bà con chết là bà con may đấy. Như chúng con mới khổ! Vợ ôm con, ngồi đấy. Chồng làm chỉ đủ chồng ăn. Giá còn bà con thì khi nào nhà con khỏe, bà con bế con cho, để nó đi làm. Bây giờ như thế...

Thứ móc ví, lấy năm hào, cho con nó. Y ra về...

Một cái xe hơi đã đậu trước cửa nhà Hải Nam. Đầy tớ chạy đi, chạy lại, khuôn đồ đạc. Thỉnh thoảng, một cô, áo dài tha thướt, ra khỏi một cái cửa, thấp thoáng ở ngoài hiên một tí rồi lại vào một cái cửa khác. Họ tấp nập sửa soạn đi về áp...

Oanh mở cửa:

– À! Chú! Chú đi đâu mãi thế? Tôi mong chú mãi.

Mắt y còn ngấn nước mắt. Thứ hỏi ngay:

– Thế nào?

– Chú đóng cửa lại giùm tôi đã...

Và khi Thứ khóa cửa xong...

– Chú vào trong này, tôi nói chuyện...

Y nói khẽ:

– Chú về nhà quê giùm tôi nhé!

– Làm chi?

– Tìm người nhà Địch. Địch mệt lắm rồi, chú ạ! Thế nào cũng chết. Mà chết mau chứ không lâu. Có khi chỉ ngày mai, ngày kia, vài ba hôm nữa. Tôi biết lắm. Đêm qua, tôi chiêm bao thấy...

Y nức nở, đưa mũi soa lên bịt chặt lấy hai con mắt. Đôi vai gầy và cái ngực y nhấp nhô, theo tiếng khóc cố nén đi. Thứ bảo:

– Biết đâu mà tin vào mộng寐?

– Không! Tôi biết lắm... Địch không sống được. Tôi biết đã lâu. Tôi đã bảo Địch nên về quê đã mấy lần. Nhưng Địch không nghe. Địch cố bám lấy tôi. Nhỡ Địch chết ở đây, thì lòi thối cho tôi lắm. Tôi đứng địa vị gì mà làm ma cho Địch? Cũng tại ông bà Chánh rùi găng mãi, không chịu cưới tôi cho Địch. Bây giờ thành ra dang dở. Tôi đã vậy. Tôi không tiếc gì với Địch. Nhưng còn bà tôi, ba tôi, các em tôi... Với người ngoài... Tôi đã bảo mãi Địch về đi, rồi tôi sẽ nói dối nhà tôi, tôi sẽ về với Địch sau. Tôi không bỏ Địch đâu. Nhưng Địch cứ khóc, cứ dằn dỗi, cứ bảo tôi muốn đánh lừa Địch về rồi bỏ Địch! Chú nghĩ, Địch đang ốm đau như vậy, tôi nỡ lòng nào mà bỏ Địch! Nhưng nói thế nào, Địch cũng không tin. Bây giờ Địch quá rồi. Tôi không chắc Địch có qua được đêm nay. Chú về tìm ông Chánh lên ngay hộ tôi, phòng Địch chết, còn dễ xử... Nhưng chú đừng cho Địch biết. Địch có hỏi, tôi sẽ nói dối rằng chú đi Hà Đông chơi...

Thứ mặc cho Oanh nói. Y chỉ cúi đầu nghe, chẳng nói gì. Y thấm thía buồn. Người ta yêu nhau đến có thể chết vì nhau, nhưng vẫn

không dám tận nghĩa cùng nhau chỉ vì chưa cưới hỏi! Nhưng trách gì Oanh! Thứ nhiều khi cũng có những cái sợ vô lý, những cái e ngại lố lỉnh, nó khiến y không dám cứ xử theo lòng mình...

Thứ rón rén lên gác, lại gần chỗ Đích nằm, Đích thở nặng nhọc lắm rồi. Thứ nhẹ nhàng ngồi xuống cạnh y...

– Anh Đích ơi! Mệt lắm ư?

Đích mở mắt ra. Đôi mắt uể oải, nặng u buồn, nhìn một lúc, nhận ra kẻ gọi mình, lại đờ ra. Nước mắt rưng rưng, Đích mếu:

– Tôi chết...

Tiếng Đích phều phào, rưng rức... Thứ lặng lẽ nhìn một lúc rồi dịu dàng bảo:

– Tôi đưa anh về nhà quê nhé?

Đột nhiên mắt Đích long lên. Y thở mạnh hơn, dần dỗi:

– Về nhà quê làm gì hở Thứ? Về chỉ càng thêm cực. Thà cứ nằm ở đây. Nếu quá, tôi sẽ cố lê ra cái bãi cỏ trên kia... Tôi sẽ lăn ra mà chết như một đứa ăn mày... Chẳng phải phiền đến ai.

Y ngừng một chút để thở hồng hộc như bò, rồi rít lên, hai hàm răng khô nghiêng chặt:

– Đời!... Ôi chao đời!...

Oanh sụt sịt, úp mặt vào mùi soa...

*

* *

Thứ đứng tựa mạn tàu... Người ta không thể ước ao một buổi sáng đẹp hơn. Trời xanh lơ, tươi màu như vừa mới quét sơn. Một vài túm mây trắng, lửng lơ. Không gian như rộng quang ra. Ánh nắng chan hòa và rục rỡ. Nhưng Thứ buồn...

Y nhìn lại đằng sau. Hà Nội lùi dần, lùi dần như muốn bỏ y. Đời y cũng lùi dần. Biết bao nhiêu là ước vọng cao xa khi còn ngồi trên ghế nhà trường! Cái đầu tóc mới nuôi có bao giờ thêm mong sau này làm một ông Phán tâm thường, mắt cận thị và lưng gù, thảng thảng linh lương về nuôi vợ, nuôi con? Y sẽ đỗ thành chung, y sẽ đỗ tú tài, y sẽ vào đại học đường, y sang Tây... Y sẽ thành một vĩ nhân đem những sự đổi thay lớn lao đến cho xứ sở mình. Ra khỏi trường, y thấy

mình gần là một phế nhân. Vào Sài Gòn, y đã làm một kẻ lông bông. Tuy vậy, mấy năm ở Sài Gòn, cũng còn là một quãng đời đẹp của y. Ít ra, y đã hăm hở, y đã náo nức, y đã mong chờ. Y đã ghét và yêu. Y đã say mê. Y đã ngồi ở thư viện không biết mỏi lưng và đón một dịp đi Pháp không biết nản... Về Hà Nội, y sống rụt rè hơn, sèn so hơn, sống còm ròm. Y chỉ còn dám nghĩ đến chuyện để dành, chuyện mua vườn, chuyện làm nhà, chuyện nuôi sống y với vợ con y. Nhưng cũng chưa đến nỗi hồng cả mười phần. Ít ra, y cũng còn làm được một việc gì, còn kiếm nổi bát cơm của mình ăn. Nhưng nay mai, mới thật buồn. Y sẽ chẳng có việc gì làm, y sẽ ăn bám vợ! Đời y sẽ mốc lên, sẽ gỉ đi, sẽ mòn, sẽ mục ra, ở một xó nhà quê. Người ta sẽ khinh y, vợ y sẽ khinh y, chính y sẽ khinh y. Rồi y sẽ chết mà chưa làm gì cả, chết mà chưa sống!...

Nghĩ thế thì y thấy ghen ngào, thấy uất ức vô cùng! Không! Y sẽ không chịu về quê. Y sẽ đi bất cứ đâu, mặc rủi may, sống bất cứ thế nào, và chết thế nào cũng được. Chết là thường. Chết ngay trong lúc sống mới thật là nhục nhã. Y sẽ đi và bất cần tất cả!... Nhưng mà Hà Nội vẫn lùi dần, lùi dần... và đời y cũng lùi dần. Y đang lùi về một xó nhà quê. Con tàu chở y về. Y cương lại làm sao, bởi vì y đang ở trên con tàu đó. Chiều hôm nay, về đến nhà, y sẽ bảo Liên rằng trường đã vỡ rồi, y hết kế sinh nhai, y sẽ ra đi, sẽ đi liêu... Liên sẽ vuốt tóc y, xoa đầu y, vỗ về y và bảo y rằng y sẽ chẳng đi đâu. Và y sẽ chẳng đi đâu. Ấy cái đời y là vậy! Y biết thế! Y nhu nhược quá, hèn yếu quá! Y không bao giờ cương lại, không bao giờ nhảy xuống sông, xuống bể, không bao giờ chia súng lục vào mặt người bẻ lái và ra lệnh cho hấn hăm máy, quay mũi lại. Y chỉ để mặc con tàu mang đi...

Hà Nội vẫn lùi dần, lùi dần... và bây giờ thì xa rồi, khuất hẳn rồi. Hai bên bờ sông, lần lượt đi qua những đồng ruộng và những khóm tre, những làng mạc xo ro, những người nhà quê bao nhiêu đời nay đương đánh vật nhau với đất. Trên những bãi sông kia, trong những làng mạc, những khóm xanh xanh kia, có biết bao nhiêu người sống như y, nhưng không bao giờ dám cương lại đời mình. Đời họ là một đời tù đày. Nhưng cũng như một con trâu, họ vẫn cắm cúi kéo cày, ăn cỏ, chịu roi. Ở bên kia những cánh đồng bùn lầy, là rừng xanh, cuộc sống tự do, cỏ ngập sừng. Con trâu có lẽ cũng biết vậy, nhưng chẳng bao giờ nó dám đi, chẳng bao giờ nó dám dứt đứt sợi dây thừng. Cái gì giữ con trâu lại đồng bằng và ngăn người ta đến

một cuộc đời rộng rãi hơn, đẹp đẽ hơn? Ấy là thói quen, lòng sợ hãi sự đổi thay, sợ hãi những cái gì chưa tới. Ấy thế mà trên đời này lại chẳng có cái gì tới hai lần. Sống tức là thay đổi...

Bên cạnh Thứ, một anh chàng nhà quê trẻ tuổi, mượn được tờ báo của một kẻ đồng hành, mở ra, ề à đọc cho mấy người nhà quê khác nghe chung. Thứ nhớ đến cuộc chiến tranh ghê gớm hiện thời. Bao nhiêu người chết! Bao nhiêu thành phố nát tan! Cái thảm sông máu, núi thây thật là rùng rợn. Nhân loại lên cơn sốt rét, đang quần quai, nhăn nhó, rên la, tự mình lại cắn mình, tự mình lại xé mình, để đổi thay. Cái gì sẽ trôi ra? Lòng Thứ đột nhiên lại hé ra một tia ánh sáng mong manh. Thứ lại thấy hy vọng một cách vu vơ. Sau cuộc chiến tranh này, có lẽ cuộc sống sẽ dễ dàng hơn, công bằng hơn... đẹp đẽ hơn... Nhưng y lại đỏ mặt ngay. Người ta chỉ hưởng được cái gì mình đáng hưởng thôi. Y đã làm gì chưa?...

Viết xong tại Đại Hoàng, ngày 1-10-1944.

TRUYỆN NGƯỜI HÀNG XÓM

(Tiểu thuyết – Trích)

Truyện người hàng xóm, hay đúng hơn là truyện của những người hàng xóm. Đây là xóm Bài Thơ, xóm của những người dân nghèo thành thị. Họ từ nhiều nơi tới trú ngụ tại xóm này: Vợ chồng ông Ngã, bà Hai Mợn, bác Văn, anh Cầm, cô Thầy... mỗi người có một nỗi khổ riêng.

Tác giả đi sâu vào cảnh ngộ ba gia đình và theo dõi những đổi thay trong cuộc đời ba đứa trẻ: Hiền, Tiên và Lộc.

Hai mẹ con Hiền phiêu bạt từ nơi xa về xóm này, Hiền lớn lên thiếu hẳn tình thương của cả cha lẫn mẹ, luôn bị chế giễu. Mẹ Hiền bỏ đi lấy chồng khác một cách lén lút, nhưng rồi cũng bị hắt hủi. Bà ủy thác việc nuôi dạy Hiền cho một ông giáo. Khi Hiền lớn lên, ông giáo “ném Hiền ra sóng gió cuộc đời”. “Bơi đi, lặn đi, bay đi. Cố mà sống, không thì chết”. Hiền đã “trưởng thành” như thế trong bế tắc, quần quanh nghèo khổ.

Cuộc đời của Tiên cũng thật đáng thương. Hoàn cảnh nghèo túng đã sớm đẩy Tiên tới cảnh bán thân nuôi miệng. Cô luôn luôn muốn hướng về cuộc đời lương thiện nhưng còn bố già nghiện rượu nặng ai nuôi? Tiên đành cắn răng chịu nhục.

Lộc là cháu bà cụ hàng xóm đầu dãy phố. Nó là một đứa trẻ tốt bụng nhưng nghịch ngợm, phá phách. Bà nó đã có lần phải xích nó vào cột. Nó hay bắt nạt lũ trẻ trong xóm. Nhưng lũ trẻ lại cũng rất mê nó vì nó khéo bịa ra những trò chơi thích thú. Hấp dẫn nhất là chuyện chuột mời nó lên tổ chơi, uống rượu mật ong rồi đi xem làng chuột.

Mối quan hệ của Hiền, Lộc và Tiên trong tuổi thơ khá đẹp. Khi lớn lên, gặp lại nhau thì mỗi người đã một cảnh ngộ. Hiền làm ở nhà máy. Lộc làm báo, viết sách, và Tiên phải bán thân nuôi miệng. Hiền yêu Tiên một cách chân thực, mặc dù Hiền biết khá rõ những tủi nhục của cuộc đời Tiên. Cũng tưởng rằng mối tình đó sẽ an ủi được phần nào nỗi đau. Nhưng Lộc đã xin được gắn bó với đời Tiên “Những kẻ đau khổ ở trên đời, nếu họ không biết thương nhau còn đợi ai thương nữa” – Lộc đã nói với Tiên như vậy.

Tác phẩm chia ra làm 17 đoạn ngắn. Dưới đây trích bốn đoạn đầu giới thiệu các nhân vật xóm Bài Thơ và tình bạn tuổi thơ khá đẹp của Hiền, Tiên và Lộc.

*
* *

Mẹ con thằng Hiền tới tỉnh vào lúc tang tảng sáng. Chân trời trắng trắng sau những mái ngói cũ nhấp nhô. Đường vắng và âm. Nhà hàng phố còn đóng cửa. Nhà hàng phố khi đóng cửa, trơ trên như những người ngủ ngoài hè đến tận sáng ngày. Cái hào nhoáng của các cửa hàng đã bị những cánh cửa lùa che kín. Về hoạt động chìm trong giấc ngủ... Một bà lão bán bánh tây đi sớm quá, buông ra một tiếng rao lẻ loi và khàn khàn như một tiếng nói mê. Máy cái xe không ghéch ở bờ đường, trước cửa một căn nhà con con, có ánh đèn. Bốn năm người phu xe xúm xít quanh cái chõng hàng của một bà già bịt khăn vuông đang dỡ một chõ xôi còn bốc khói. Bấy giờ là tháng chín. Buổi sáng hơi lành lạnh. Hiền đang ngủ gục trên vai mẹ, bỗng nghe tiếng “phịch... phịch... phành” và giật mình mở mắt ra. Đó là tiếng bật bông trong cái căn nhà có ánh đèn và một góc dùng làm hàng nước kia. Nhưng Hiền chưa nghe thấy thứ tiếng ấy bao giờ. Nó không hiểu từ đâu, nó ngơ ngác nhìn quanh, và để ý đến những bóng đèn điện mòng mọng đỏ. Chúng giống hệt như những con mắt đã thức đêm nhiều quá, thành mỗi một. Chúng gà gà. Rồi đột nhiên, chúng nhắm mắt lại đều một lượt. Hiền càng ngơ ngác đấy...

Mẹ Hiền đưa con đến một xóm nhỏ có cái tên xinh xinh: xóm Bài Thơ. Cái tên gọi đánh lừa. Bởi vì xóm Bài Thơ ở ngang hông một cái ngõ ngang bản như một cái vũng phân, nhưng lại thụt lùi mãi vào trong như một vết sâu ăn loen vào khoảng giữa hai dãy nhà, mỗi dãy quay mặt ra một phố to, vết loen cũng không sâu: bởi vì sau năm, sáu nhà đầu dãy nông lòng, những cái nhà ở hai dãy nói trên áp lưng liền lại với nhau: xóm Bài Thơ không còn chỗ hở để có thể ăn sâu vào nữa. Cả xóm độ hai mươi nhà vừa ngói vừa lá thuộc cả về một chủ. Cái nhà của người chủ quay lưng ra ngõ ngang. Nó chiếm hết cả cái đầu ngoài xóm, chỉ còn để trừ một lối vào. Nguyên cái nền của nó đã cao đến lưng chừng những cái nhà kia. Nhà kiểu cổ, nghênh ngang và bệ vệ. Những cánh cửa con bao giờ cũng đóng. Nó có vẻ ngời phệ bụng, lịm dim ngủ trên cái bệ cao của nó. Đợi những mái nhà lau nhau đứng dưới làm mà nuôi. Mà đúng như vậy thật. Chủ nhân vô nghề nghiệp. Ông nghiện nặng. Giá ông phải nằm đường nằm chợ tất đã bị người ta liệt vào hạng người du đãng. Có thể bị đưa ra tòa và kết án. Nhưng bố mẹ ông đã lại cho ông nhà và đất.

Vậy thì ông là nghiệp chủ. Ông có thể ăn và hút rất lương thiện bằng tiền cho thuê đất, cho thuê nhà. Những cái nhà cho thuê thấp lè tè. Dãy nhà gạch ở ngay chỗ cổng vào. Nó chạy dài từ đầu ngoài đến đầu trong. Tất cả độ mười gian rất giống nhau. Trước cửa là một khoảng đất rộng bỏ không. Chẳng có một cây gì. Trước kia, đây là một xưởng cưa. Đó đây, còn những đồng mạt cưa đã thành mùn. Còn thì là những đám cỏ mới lên, những rác rưởi, những đám rêu, vài chú lợn chân ngắn ngắn kéo lê cái bụng phệ qua những vũng nước ngàu ngàu đen, rêu mồm trên những đồng bã cua bốc mùi hăng. Máy anh gà sống lóc ngốc đi ngất nghểu cạnh những chị gà mái bầu bĩnh, hiền lành và những chú ngỗng, chú ngan bước lạch bà lạch bạch. Hai bên còn lại của khu đất được khép kín bằng những bức tường hậu của những nhà liền bên. Lẫn vữa trát ngoài không quét vôi, đã mốc đen, ở chỗ góc hình thước thợ là một cái chuồng tiêu rất sơ sài; mái lợp gôi, vách, cửa bằng phen nửa lẫn với những mảnh sắt tây sét gỉ lầy ở những thùng dầu bẹp. Hai căn nhà lá ở gần kề ngay đấy.

Mẹ Hiền đến xóm Bài Thơ để tìm một người cô họ bán thuốc sài. Bà cô đã có hồi nuôi cháu ba năm, lần này, cháu có ý đến nhờ cô cái chỗ ăn chỗ ở ít lâu, rồi sẽ liệu cách buôn bán sinh nhai. Nhưng người cô đã đi biệt tích rồi. Một năm khó làm ăn, trẻ con nhà nghèo biết phận, không còn dám cam sài. Chẳng ai buồn hỏi đến thuốc của bà. Thuốc của bà mốc cả lên. Luôn ba tháng, bà không có tiền trả tiền nhà. Người ta bắt cái giường, cái chõng của bà rồi đuổi bà đi. Từ bấy giờ, chẳng ai còn gặp bà ở đâu. Có người bảo: bà về kiếm ăn ở mấy chợ nhà quê. Có người thì lại bảo: bà ra mãi miệt Hồng Gai, Cẩm Phả, bởi cái môn thuốc sâu quảng của bà hay lắm... Hầu hết, những người ngày xưa ở xóm này cũng đi chỗ khác rồi. Còn sót lại có vợ chồng ông Ngã và vợ chồng ông Hai Mợn. Các bà ấy còn nhớ mặt mẹ Hiền. Họ kể cho thị biết sự thể bà lang. Rồi họ khuyên thị nên thuê một căn nhà lá mà ở tạm rồi ngày một ngày hai sẽ đào công bởi việc mà làm ăn. Tiền nhà chẳng mấy. Mỗi tháng có năm hào. Chủ nhà lại cho mượn cái giường. Tội nghiệp! Đó chính là cái giường bắt của bà lang. Một vé một quá gần gũi hẳn làm đôi. Người ta tấp bằng một đoạn tre. Trông thảm hại lắm rồi. Nhưng sự ấy không hề gì. Còn mượn được, đã là tốt phúc.

Dọn đến căn nhà lá, mẹ con Hiền đã làm khó chịu một người. Ấy là một thằng câm. Hấn vào trạc ngoài ba mươi. Người dong dỏng và

khô. Hai vai xuôi hẳn xuống để tăng bề cao cho cái cổ dựng lên thẳng như một khúc thân cau. Bởi thế mà trông người hẳn đưỡn. Cái mặt lúc nào cũng nhăn nhăn. Hai mắt đăm chiêu. Tóc vuốt ngược lên và quăn thành một cái búi tó con con ở giữa đỉnh đầu. Cái trán do thế được phô tất cả ra. Hẳn có một vẻ gì ngây ngô và dữ tợn. Hiên sợ lắm, nhất là bộ điệu của hẳn hay cuống quýt, vắn vọ, hậm hực thế nào. Người ta tưởng như hẳn bực tức vì không nói được.

Không ai biết tông tích hẳn ra sao. Chỉ biết rằng hẳn có thể làm rất nhiều nghề. Một buổi sớm người ta thấy hẳn đến quét vôi lại cái nhà của ông Ấm chủ nhân xóm Bài Thơ. Cũng chẳng biết ông Ấm rước được hẳn ở đâu về. Bởi vì hẳn không biết nói, mà ông Ấm thì không thích nói. Chưa mấy người giáp mặt ông. Những người thuê nhà có điều gì cần nói với ông, cứ việc nói với người đầy tớ của ông, một lão chột lực lưỡng, cục mịch, xấu xí, vai và lưng u lên, cổ to và đen ghê như cổ trâu, chân đi bình bịch, cổ tay to và vuông, những ngón tay nổi cục, mặt cặc lên thành nhiều cái bướu nho nhỏ, cái mắt chột lúc nào cũng giương ra, cái con ngươi trắng đục ra, còn mắt kia thì luôn luôn nhấp nháy đều một nhịp với một bên mép cứ xếch lên phía mang tai từng cái rất nhanh; có người bảo đấy là bệnh giựt gân, và cũng do bệnh ấy, mỗi lần muốn nói một điều gì, lão cứ lấp một hồi dài cái tiếng đầu câu rồi mới tiếp được cả câu, mà khi nói, mồm, mắt lão xếch xạc đi một cách vừa buồn, vừa cười, sợ lắm. Có lẽ vì thế mà lão ít nói chẳng? Hay lão bị lây cái bệnh ít lời của chủ? Người trong xóm vẫn gọi vụng thầy, tớ lão là hai thằng câm: thằng câm chuột bò với thằng câm nháy trời. Không ngờ lại thêm một thằng câm nữa, mà thằng này thì câm thật. Họ gọi hẳn là thằng câm tịt để phân biệt với hai thằng câm kia, còn có khi nói được. Mới đầu họ tưởng thằng câm tịt làm nghề quét vôi tường. Nhưng khi mấy bức tường quét cả rồi, họ lại thấy hẳn đến gắn lại mấy cái ống máng. Sự ấy cũng thường thôi. Một người có thể biết hai nghề, nhất là khi hai nghề ấy chẳng lấy gì làm khó lắm.

Vậy thì trừ cái nghề quét vôi tường, Câm còn có thể làm thợ thiếc. Người nọ bắt chước người kia, họ lục lọi trong nhà xem còn cái thùng cái hộp, cái đèn nào rò thì đem nhờ hàn chữa. Ấy thế là hẳn làm quen với họ, và từ đấy, cứ độ dăm bảy ngày hay mười ngày, họ lại thấy hẳn đến đây, ý chừng để xem có ai thuê làm gì chẳng. Thỉnh thoảng lại có đêm hẳn đến ngủ nhờ ở ngoài hiên, ngay trước cửa nhà

ông Ngã hay nhà ông Hai Mợn. Không ai nỡ đuổi, bởi hắn là một người tàn tật. Và hắn không làm phiền ai: hắn nằm chỗ nào sáng dậy quét sạch như lau; hắn còn quét giùm cả những chỗ hắn không nằm đến; người ta yêu nết hắn, và thường khi thấy hắn đến, lại cho mượn manh chiếu nằm, nhưng lần nào hắn cũng lác đầu, xua tay từ chối. Ít lâu sau, chỗ hiên nhà ông Hai Mợn thành cái nhà của hắn. Hắn xách đồ đạc xếp nhờ vào một xó, và chẳng đêm nào không về đấy ngủ. Hắn thành người của xóm. Ở lâu với hắn, người ta mới biết hắn biết rất nhiều nghề tấp nham. Thật là một người khéo tay. Một hôm, thấy đôi giày tây cũ của ông Hai Mợn để trong gầm giường, bởi sụt dây nên há mồm ra, hắn cầm lấy xem, phủ bụi đi, rồi lục hòm đồ lấy ra một cái kim và một đoạn dây gai ngồi khâu lại cho ông. Một hôm khác, hắn chữa một cái ô cho cô Viên, con gái riêng của bà Hai. Lâu dần, động có cái gì hỏng là người ta nhờ đến hắn: từ cái khóa hóc, cái đèn hỏng máy, cái ấm sứt vòi, cái phạng vỡ, cái guốc điệu không kêu đến đôi dép đứt quai, cái rá sụt cặp, cái thùng dầu bẹp... Hình như chẳng cái gì hắn không làm được. Mà đối với người trong xóm, hắn lấy tiền công rất ít, hoặc không lấy tiền. Hồi đầu năm, một người thuê nhà dọn đi. Không có người thay. Một căn nhà lá bỏ không mấy tháng luôn. Người ta cho thằng Cầm ở nhờ.

Lúc bà Hai đưa mẹ con Hiền vào thì Cầm đang dùng những mảnh sắt tây vụn làm những cái còi để bán cho trẻ con chơi. Hắn ngừng tay nhìn mẹ Hiền cái mặt ngây ngây lộ vẻ ngạc nhiên. Bà Hai chỉ vào mẹ Hiền rồi chỉ xuống cái nền nhà, rồi lại chỉ vào cái hòm đồ của hắn rồi chỉ ra ngoài. Hắn hiểu. Hắn xì mặt ra, hắn nhìn xuống những cái kéo, búa kìm cũng những mảnh sắt tây bừa bộn trên mặt đất, mắt hắn lừ đừ, do dự. Bà Hai khẽ đập mấy cái vào vai hắn như người ta vỗ về một con ngựa dữ trước khi cưỡi thử, rồi sà sà bàn tay trên những đồ của hắn mấy cái, rồi chỉ vào cái hòm, rồi chỉ ra chỗ hiên nhà bà. Ấy thế là hắn ngẩng phắt mặt lên. Mặt hắn co rúm lại. Đôi mắt long sòng sọc. Cái mồm hắn run run, để thoát ra những tiếng cổ họng giống như chó tru. Đồng thời hai tay hắn khua rối rít cả lên. Rồi đột nhiên hắn chạy vụt ra ngoài. Một thoáng sau, hắn lại vào. Hắn thu xếp đồ đạc rất vội vàng. Rồi hắn bê cái hòm bằng cả hai tay, chạy huỳnh huých ra khỏi nhà in như người tức giận. Mẹ Hiền nhìn theo hắn một chút rồi khẽ hỏi bà Hai:

– Ông ấy tức hay sao thế?

Bà Hai cười bằng cái thứ tiếng cười nằng nặc mồm:

– Không! Tính nó như vậy đấy. Hơi một tí thì múa may chân tay. Người không biết thì tưởng nó sắp đánh chết người ta. Vậy mà hiền đáo để. Hiền mà tử tế. Ở đây lâu rồi chị biết.

Bà nói đúng. Câm quả nhiên hiền thật. Hiền và tử tế... Chỉ mấy hôm sau, Hiền đã phải ở nhà một mình. Mẹ Hiền đã nói với bà Ngã để bà ấy cho đi theo đi bán hàng dăm ba bữa cho quen. Quen rồi thì sẽ làm như bà ấy: ngày thì nấu cháo, nấu xôi; ngày thì nấu bún thang; ngày thì nấu ốc nhồi luộc; ngày thì nấu chè củ... Chỉ có thế trong bao nhiêu năm nay mà bà ấy cũng tị nạnh nuôi con được mãi. Những như ông ấy thì chết đói. Ông Ngã làm thợ mộc. Cơm đã ăn của chủ rồi. Lương cũng được tháng dăm đồng. Nhưng chẳng tháng nào còn lại cả. Có khi lại còn nặn thêm của bà ấy nữa. Chỉ vì ông hay rượu, hay đánh bạc. Rượu chiều nào cũng phải uống. Sên cho chết cũng phải vài ba cút với vài xu đồ lạc. Những khi vay được tiền thì chẳng có chừng nào. Ông vào hàng thịt chó, vào hiệu phở, vào hàng bán cháo lòng, uống hàng nửa chai với một chai. Say ngọng cả mồm. Đi ra đường thì lão đà lão đảo, chân nam đá chân xiêu. Mà lúc ấy trời bé lắm. Chỉ có ông to nhất; chỉ có ông tài giỏi nhất; chỉ có ông nhiều tiền nhất. Tiền! ờ hờ hờ... tiền, ông coi ra đêch gì! Vô hên! Có biết không? Ông có dích! Đứa nào xin, cho bớt... Cố nhiên là có đứa xin. Chúng nịnh ông, những thằng thợ cùng làm với ông một phố. Ông đãi chúng nó ăn canh bún, ăn đồ lạc, ăn mía, ăn bánh rán. Chúng vừa ăn vừa phỉnh ông rộng rãi. Rồi chúng rủ ông đánh chắn. Đánh chắn! Ờ! Thú lắm... Chính ông đang muốn đánh. Không đánh để tiền làm gì chứ!... Ông đánh ngay, đánh thật to, cho mà biết tay... Ấy thế là sáng hôm sau, có đồng nào tét cả. Ông lại cặm cụi làm cho đến bao giờ chủ cho vay tiền nữa. Và chiều chiều bà ấy lại phải bỏ tiền túi ra mua cho ông mấy cút rượu, mấy xu đồ lạc để ông ấy uống tạm cho đỡ thèm. Hôm này ông ấy uống xong, lăn ra ngủ, còn khá phúc. Lắm hôm ông ấy cứ lè nhè đòi uống nữa hay đòi tiền đi đánh bạc, rồi không được thì đâm khùng gây sự đánh con, đánh vợ. Vợ con khổ lắm. Bởi thế mà bà ấy quắt queo suốt đời... Bà Ngã đã than thở cái tình cảnh của bà với mẹ Hiền. Rồi bà đã bảo mẹ Hiền:

– Tôi thế còn chả chết, hướng hồ là chị. Chị thì bất quá chỉ một con, một mẹ. Con đã chạy đi chơi được, không còn quẩn rứt. Ăn là mấy? Lo gì chết đói? Nếu chết đói được thì tôi đã chết!...

– Bà cứ nói thế chứ bà còn biết buồn biết bán, nhà cháu thì chết cái lại vụng về.

– Rồi nó quen đi chứ! Một vài phiên lại không thạo quá. Chị cứ đi với tôi ít lâu cho thuộc đường thuộc lối...

Mẹ Hiền theo bà Ngã đi suốt ngày. Hiền ở nhà có một mình. Thấy Hiền có vẻ buồn, Cám vẫn chạy sang. Hấn xoa đầu, xoa tai thằng bé. Hấn cho nó cái kẹo hay miếng bánh, có khi một vài Trinh. Rồi khi hấn phải đi làm hay ra phố, hấn ra hiệu cho nó chạy đi chơi với lũ trẻ con trong xóm.

Chúng khá đông. Suốt ngày chúng ở ngoài với lũ gà, vịt, ngỗng, ngan. Cả bọn có thằng Đạc trông buồn cười nhất. Nó đầu to dít bé như một con nòng nọc cóc, bụng ỏng. Tóc lơ phơ có mấy cái đở chèo chèo. Hai chân khằng khiu có vẻ không mang nổi đầu và bụng. Nó lách nhách khóc suốt ngày. Nước mắt, nước mũi pha với đất cát nguệch ngoạc đầy mặt và bôi hai ống tay áo dày lên. Bàn tay phải nó, hết gãi đầu gãi cổ lại dụi đôi mắt ơng ơng nước và nhoèn những cục dử đùn ra vàng vàng như mỡ đặc. Thật là thằng bé để cho ruồi bâu, kiến đổ. Không ai dám bảo nó là con bà Hai Mợn. Bà Hai thật béo tốt nở nang. Cái xuân đã tàn rồi, mà đôi má bà vẫn đỏ, đôi mắt bà vẫn sắc. Cô con gái lớn của bà cũng thế. Cô Viên mới độ hai mươi tuổi. Người phốp pháp, da thịt phây phây. Cô diện sang nhất xóm, mà chẳng làm gì. Ngày nào cô cũng đi chơi. Trước khi đi, đánh phấn, tô môi, vẽ lông mày, vuốt nước hoa thơm lựng. Người trong xóm, ai trông thấy cũng lườm, cũng nguyệt. Nhất là các bà xấu xí. Người ta bảo cô Viên là con riêng của bà Hai Mợn. Trước khi lấy ông Hai, bà đã lấy ba, bốn đời chồng. Người đầu tiên là một ông Tham. Cô Viên, nghe đâu là con của ông ta. Nhưng chẳng biết bà phải cái lỗi gì, nên ông Tham đuổi cả mẹ con đi. (Lúc lấy nhau cũng không cưới, không cheo gì thì phải). Sau đời chồng ấy, bà lấy tây, lấy khách. Thôi thì đủ hạng. Sang cũng có, mà hèn cũng có. Nhưng bà chẳng ở được với ai lâu. Người ta không chán bà thì bà cũng chán người ta. Tận đến lúc kém xuân và đã lữa quá rồi, chẳng còn mấy người say, bà mới chịu phép lấy ông Hai Mợn vậy. Nếu chỉ xét cái sắc đẹp không, thì thật là tiên lấy cú. Ông Hai Mợn trông chán lăm. Người cộc lại, cái mặt ngắn ngắn ngắn ngắn, mắt toét, da gố ghinh! Đã thế ông lại bán. Cái cổ áo bao giờ cũng dầy những ghét. Trông ông ấy với bà Hai, chẳng khác gì đây tớ với chủ nhà. Mà sự thật thì bà ấy vẫn coi ông ấy như

đầy tớ thật. Bà chửi ông xoen xoét. Bà lại thường cười cả lên đầu ông mà đánh ông. Người trong xóm phải buồn cười. Bởi vì nhà ông Ngã ở liền nhà ông Hai Mợn. Mà cả hai nhà ấy, vợ chồng cùng có chuyện. Một bên thì chồng bắt nạt vợ, một bên thì vợ bắt nạt chồng. Cứ tối hôm trước, ông Ngã đánh bà Ngã, là chẳng sai tối hôm sau bà Hai lại đánh ông Hai, và in như là để báo thù lại bọn đàn ông giùm bà Ngã vậy. Có khi nhà bên này đánh nhau, nhà bên kia cũng đánh nhau. Lục đả lục đục. Nhưng xét cho cùng thì bà Ngã tuy hay bị chồng đánh nhưng còn có lúc được chồng thương. Những lúc không say, ông Ngã thương vợ lắm. Còn bà Hai thì dường như không còn biết ông ấy. Bà ức ông đủ cách. Ông ấy làm loong toong sờ máy đèn. Ngày nào cũng đi làm từ sáu giờ. Mẹ con chỉ chơi không. Thế mà sáng ngày chỉ có ấm nước, bà cũng không chịu dậy hay gọi cô Viên dậy đun đâu. Ông Hai phải dậy từ lúc còn đêm. Ông đun nước quét nhà rồi mới đi làm. Trời rét, ông phải đun cả nước rửa mặt cho vợ và con riêng của vợ. Không hiểu sao ông lại sợ bà đến thế. Có lẽ vì ông xấu quá, đã nửa đời người không có vợ mà bà thì đẹp. Có lẽ vì bà biết những mảnh khóe bí mật để khiến người đàn ông mê. Chỉ biết ông sợ bà một cách vô lý lắm. Bà hơi dọa đi là ông sợ. Người ta bảo: thằng Đạc chưa chắc đã phải là con ông, chứng cứ là ông đối với nó ơ hờ lắm. Cái ấy thì chưa biết thế nào mà nói. Bởi vì thằng Đạc có thể không là con ông ấy, nhưng nó không thể không là con bà ấy. Sự đó đã hiển nhiên. Vậy mà bà ấy đối với nó cũng ơ hờ lắm. Cả cô Viên cũng thế. Chẳng ai trông nhìn gì đến nó. Họ thả cho nó chạy rong với những trẻ khác. Nhưng bởi nó bé nhất, mà lại yếu, nên không thể dự vào các trò chơi của chúng. Nó lếch thếch chạy sau cùng, vừa chạy vừa khóc mếu. Rồi vớ được bất cứ đứa nào, nó cũng ngoẹo đầu đi, đòi bế. Làm in như đứa kia là anh, chị hay vú em nhà nó. Cố nhiên là bọn trẻ mắng cho chan chát. Chúng nó có phải là đầy tớ nhà nó đâu! Có đứa thấy Đạc giơ tay chực bám lấy, tức mình phát vào tay đen đét. Đạc gào thật to. Bà Hai nghe tiếng chạy ra cửa, hỏi vang vang: “Đứa nào trêu nó thế?”. Bọn trẻ xô nhau chạy, như một đàn gà trông thấy mèo nhảy ra chực vồ.

Có một con bé hay bế Đạc, ấy là Tiên. Nó là con ông Ngã. Nó cũng hiền lành in như mẹ. Thấy những trẻ khác mắng hay là tát hoặc dun ngã Đạc, nó thường kêu: “Ấy! Sao chúng mày ác thế? Không bế nó thì thôi, việc gì mà đánh nó?” Rồi nó lau nước mắt, nước mũi

cho Đạc, dắt nó đi hay bế nó. Tiên cũng chẳng lấy gì làm khỏe. Bế nách Đạc, nó thường phải vẹo cả sườn đi. Nhiều đứa ác, thấy thế chẳng thương thì chớ, còn lừa lúc Tiên vô ý đến sau lưng đẩy cho một cái, làm cả Tiên lẫn Đạc ngã dâm sấp mặt.

Hay chơi nhất là thằng Lộc. Nó là cháu bà cụ hàng xóm ở đầu dãy, giáp ngõ ngang, không có mẹ. Chỉ có ba, mỗi tháng về độ vài lần. Ba nó mặt xương xương, tóc cắt ngắn để một cái bờm đằng trước như khách trú, ria mép cứng, cũng xén ngắn nên đứng lồm chồm như một cái bàn chải hình móng ngựa. Ông đi dép Nhật Bản và hay mặc một bộ bi-gia-ma màu hung hung. Lần nào về, ông cũng đi xe đạp, một cái xe cuốc tay lái cù quăm, nan hoa sáng choang, khung sơn màu cánh gián. Cả xóm không ai biết tên ông. Người ta gọi ông là ba thằng Lộc. Nghề nghiệp của ông, người ta cũng không tường! Hỏi bà cụ thì bà cụ bảo: “Ấy, chính tôi cũng không rõ nhé! Tôi có biết nó làm gì, tôi chết; làm gì mặc nó! Bà cháu tôi suốt đời chẳng được nó thí cho đồng nào, chỉ quanh quẩn trông vào cái hàng được xu lãi nào thì ăn...” Hình như bà cụ giận ông ta thì phải. Mỗi lần ông về, ông chỉ ở nhà một lúc. Mẹ con chẳng buồn hỏi đến nhau. Ngay Lộc cũng không xoắn xuýt ba nó mấy. Ai cũng phải nhận rằng ông có vẻ khỏe, rắn rỏi, gan góc, bướng bỉnh. Người ông cũng chỉ vừa phải thôi, nhưng tất cả trông cứng như sắt nguội. Thằng Lộc tuy còn bé cũng đã có cái cách như ba nó. Người nó loắt choắt nhưng khỏe lắm. Mà chúa đời là hay bắt nạt. Bởi vậy chẳng đứa nào chơi với nó. Thấy mặt nó đâu là chúng nó lảng. Bởi vì động có nó là nó phá. Thường thường, nó đến vào lúc chúng đang chơi. Giữa lúc chúng bất ngờ, nó quay lô lô như một con cù lăn xả vào giữa đám, miệng cười, tay đám, chân đạp, đầu húc túi bụi, gây một cuộc loạn đả huyền ảo. Nó chỉ thích có một trò chơi ấy. Một lúc sau, mặt đỏ bừng, mồ hôi nhễ nhại, quần áo xộc xệch, nó ngồi phệt ngay xuống đất, hai chân duỗi dài ra, lưng tựa vào tường, há hốc mồm ra, vừa cười vừa thở, đôi mắt lẩn tẩn nhìn lũ trẻ lâu nhâu mắng nó. Hình như nó còn thích một trò chơi ấy nữa: ngồi nhe răng ra cười, nghe những đứa khác vênh mặt, tợn môi lên, chan chát mắng. Đợi lũ trẻ mắng chán rồi nó mới đứng lên. Nó cho là món nợ trả xong rồi. Nó len lén trở về cửa đứng, đợi một lúc bà cụ mãi làm gì hay mãi trông đi, để chạy vụt vào nhà rửa ráy và thay quần áo. Năm chừng mười họa mới có một lần nó thoát. Bởi vì lần nào nó cũng bật cười và bị bà cụ trông thấy. Lập tức bà cụ chửi

cho một trận. Có khi bà túm lấy tóc cháu, cùm vào đầu công cốc. Lộc rụt cổ lại cười khanh khách.

Một hôm, Lộc ra sân chẳng thấy bọn trẻ con đâu. Chỉ thấy hai chú lợn. Nó bực mình nắm ngay đuôi một chú, mím chặt môi lại, ra sức kéo. Chú lợn hoảng sợ kêu eng éc. Bác Văn gái còn hoảng sợ hơn con lợn. Bởi vì đôi lợn của bác là nửa cái giang sơn nhà bác. Bác Văn trai làm nghề bán mì rong. Ban ngày, bác ngồi ở bến tàu. Tối đến bác gánh gánh hàng lần lượt đi qua mấy phố quen. Phố nào, bác cũng đã có những chỗ dừng nhất định. Cứ đến đấy là hạ gánh. Muốn báo cho khách quen ăn biết, bác gõ mõ kêu cục cắc. Do đấy, người ta gọi bác là anh mì sức tặc. Mì của bác ngon, nên khách quen nhiều. Bác kiếm cũng được khá đồng tiền, ấy thế mà quanh năm bác công nợ rề rề. Chỉ vì bác đông con mà vợ thì đàn: bác gái rất vụng buôn, đi buôn mấy mươi phen đều mất vốn. Sau cùng bác Văn trai đành phải bảo vợ ở nhà. Nhưng không lẽ ở nhà chơi không? Bác mua cho vợ đôi lợn, giao cho mà chăm chút. Ngày ngày bác Văn gái xách một cái thùng sắt tây, dạo một vòng qua mấy nhà quen, xin nước vo gạo của người ta. Ở phố phường, nước phải mua. Bởi vậy từ bát đũa đến sanh nồi trước khi tráng nước sạch đều phải rửa bằng nước gạo. Cái nước gạo do thế trớt được cái béo ngậy còn sót lại với những hạt cơm thừa, những lưng canh cặn. Lợn ăn đủ béo. Nếu chúng nó không béo, ấy là lỗi ở bác Văn gái vụng chăm. Bác trai sẽ chửi cho ngập mặt. Bởi vậy bác gái chiều lợn lắm... Lúc ấy, bác đang xi đưa con út đá. Nghe tiếng lợn kêu, bác vội quăng nó xuống giường, rồi tất tưởi chạy ra. Vừa thấy bóng bác, Lộc cắm đầu chạy biệt. Bác chỉ còn có thể xốc quần qua đầu gối giậm chân bèn bệt, nghiêng rãng lại mà rít lên: “Con nhà quan ôn vật nào thế kia?...”. Lộc đã khuất vào chỗ đầu chái trong nhà ông Ấm. Những lúc bị bà cầm roi đuổi đánh, Lộc vẫn chạy vào chỗ ấy. Bởi chỗ ấy là cái bếp nhà ông Ấm. Lúc nào cũng có sẵn một cái thang ghệch lên tường. Không hiểu thằng Câm nháy trời vẫn leo lên mái bếp làm gì vậy? Những lúc hấn đi vắng, Lộc thường leo trộm lên, có ý để xem hấn giấu gì trên ấy. Lộc chẳng thấy gì. Nhưng những lúc không còn biết trêu ai nó vẫn trèo lên nóc bếp ngồi chơi. Lâu dần cái việc trèo leo ấy quen đi. Nó làm nhẹ như một con mèo. Thành thử mỗi lần bị bà đuổi, nó lại chạy tọt ra chỗ cái thang. Nó trèo lên. Rồi ngồi cưỡi trên nóc mái, nó nhìn xuống cười khanh khách. Bà cụ già yếu quá, chân tay run rẩy, đâu còn hơi sức mà trèo

hơn một chục bậc thang tre. Dù còn trèo được, bà cũng chẳng dám trèo. Bà trông thấy cháu ngồi cheo leo trên nóc bếp cũng đủ rùn cả ruột rồi. Nếu bà còn trèo lên, ngộ nó sợ bị đánh mà chạy trốn, vô phúc trượt chân một cái, lăn xuống đất thì còn gì là mạng. Không vỡ đầu ắt gãy chân. Lộc vốn ranh ma. Nó biết thóp bà cụ tuy hùng hổ nhưng vốn nhất. Có đời nào dám để cho cháu què!... Lần này, trêu lợn nhà bác Văn xong rồi, Lộc cũng trốn ra chỗ cái thang. Nó ngạc nhiên. Bởi thấy thằng Đạc đang khóc thảm ở đấy. À, thì ra thằng Đạc hôm nay cũng ra sân chặm. Các bạn kéo nhau đi đâu mất cả rồi, mất chị Tiên! Đạc chạy đi tìm. Tìm không thấy nên nó khóc... Lộc mới trông đã ghét. Cái gì mà thằng Đạc ti tử suốt ngày! Môm lúc nào cũng mếu xệch đi. Mất lúc nào cũng ằng ặng nước. Lộc không thích cái hạng trẻ con như vậy. Nó cũng nheo mắt vào, bèm bẹp cái môm, bắt chước Đạc mếu để nhạo Đạc:

– I hi hi... hi hi! Ôi em tôi khóc đấy à! Hi hi hi... hi hi!... Làm sao em tôi thế?... Đạc vừa giặc môm ra, vừa ngoẹo cái đầu về một bên; hai tay nó chực níu lấy tay Lộc. Lộc hăm hở xốc nó lên. Nó trèo thang. Nó đặt thằng Đạc cưỡi lên nóc bếp bảo:

– Ôm lấy cái ống khói! Ôm thật chặt, không ôm ngã vỡ đầu thì bỏ mẹ.

Đạc toan đu lấy cổ nó. Nó vừa gỡ tay Đạc ra, vừa trợn mắt lên, vừa dọa:

– Mà mà bám lấy tao, tao quẳng xuống kia ngay. Muốn gãy cổ thì bảo ông... Ôm lấy cái này, mau lên! Ôm lấy! Rồi tao ngồi sau lưng mày, giữ lấy mày, không ngã đâu mà sợ... Nào! Chúng ta đi tàu... Tu tu tu! Tu tu!...

Đạc đành phải nhận cái trò chơi nguy hiểm ấy. Nhưng Lộc đã vội vàng xuống đất và lôi cái thang ra chỗ khác khành khách cười. Vừa lúc bọn trẻ ở ngoài ngõ ngang về, Lộc chạy ra gọi chúng. Lộc chỉ cho chúng thằng Đạc ngồi trên nóc bếp.

– Chúng mày xem: thằng Đạc đi tàu bay kia kìa!

Chúng cười âm ỉ. Duy có Tiên hoảng sợ kêu lên:

– Trời đất ơi! Khở quá! Khở quá! Mày làm vỡ đầu nó ra bây giờ...
Hiên ơi!

Tiền kêu cứu Hiền. Nhưng Hiền cũng chẳng biết làm sao nốt. Có cái thang thì Lộc giữ, dọa đứa nào động đến lập tức đánh cho vỡ mặt. Vả lại thang làm gì? Hiền chưa chắc dám trèo lên. Càng không dám bế Đạc mà trở xuống. Đạc vẫn ôm chặt lấy cái ống khói mà gào khóc. Lũ trẻ con nhón nháo. Tiền chấp tay lạy Lộc. Lộc khanh khách cười. Mặt Hiền đỏ bừng lên vì tức Lộc. Nó chạy một mạch về cửa nhà ông Hai Mợn. Nó không mách bà Hai, nó ghét bà Hai lắm. Nhưng nó ra hiệu cho Câm theo nó. Câm ngơ ngác. Nó nắm lấy tay Câm mà kéo đi. Câm gật gật đầu và chạy theo. Vừa thấy Câm, Lộc ù té chạy. Lũ trẻ không cười nữa, vì cái mặt Câm hầm hầm, trông sợ lắm. Hiền chỉ lên thang Đạc. Câm trợn mắt há hốc mồm, rung rung cái đầu, ấy là Câm hình dung nỗi sợ. Hiền chỉ vào cái thang. Câm hiểu. Hấn bắc thang trèo lên nóc bếp. Hấn bế thang Đạc xuống, rồi cứ cấp nguyên nó ở nách, chạy một mạch về nhà bà Hai. Lũ trẻ à à chạy theo...

Cả buổi chiều, Câm có vẻ ngóng mẹ Hiền. Người ta đoán thế, bởi thấy hấn thỉnh thoảng lại nhìn vào nhà thị. Hấn làm như người sốt ruột đã đến thành nổi bứt rứt. Và khi vừa trông thấy bóng mẹ Hiền đội một cái thúng về, hấn chạy theo ngay. Hấn đỡ đội xuống giúp thị. Rồi không còn để cho thị kịp ngạc nhiên, hấn hấp tấp nhắc lại tất cả những nét mặt, những cử chỉ hấn đã dùng để kể câu chuyện thang Đạc ngồi trên nóc bếp. Người đàn bà ngơ mặt ra không hiểu. Câm tức lắm. Mặt hấn nhăn nhó một cách đau khổ ảm ức. Ngón tay hấn hơi run run một chút. Nhưng hấn cố bình tĩnh, diễn lại ý của mình lần nữa. Người đàn bà vẫn không hiểu nốt. Mặt Câm đỏ bừng lên. Hấn thành sừng sộ, bình bịch chạy ra lại chạy vào, in như một con hổ lồng lộn trong cái cũi. Mẹ Hiền hoảng sợ thị tưởng hấn muốn tìm một cái gì để phang vào đầu thị. Và thị ngờ rằng chính thị hay con thị đã vô ý làm thiệt hại gì đến hấn. Nhưng Hiền về. Câm mừng lắm. Hấn vỗ lấy nó. Bộ mặt co rúm của hấn giãn ra. Hấn tươi cười chỉ vào Hiền mà ra hiệu. Mẹ Hiền vẫn không hiểu. Nhưng Hiền hiểu, Hiền tủm tỉm cười. Hiền nói cho mẹ nghe tất cả những điều Câm muốn nói. Trong khi Hiền nói, Câm nhìn mặt mẹ Hiền, nét mặt thị cứ linh động dần dần do sự hiểu biết dần dần câu chuyện. Đến khi thị hiểu cả, thị cười rữ rượi. Câm cũng cười. Nhưng hấn chỉ cười một chút rồi mặt lại đỏ bừng lên. Hấn đột nhiên chạy trốn. Một lát sau, mẹ Hiền thấy hấn ngồi trước cửa nhà bà Hai Mợn, lấm lét nhìn trộm mẹ con thị. Mặt hấn bẽn lẽn. Hấn có vẻ hiểu rằng: mẹ con thị đang

nói đến hấn và cười hấn. Thị sinh ái ngại. Thị lục thúng bánh lấy quà cho con. Đó là một khúc sấn tàu. Thị lấy dao cắt làm đôi, đưa một nửa cho Hiền:

– Phần con đây.

Hiền nhìn nửa kia như muốn hỏi: Thế, còn đây?... Thị đưa hết cho con, khẽ bảo:

– Con chạy ra đưa miếng này cho ông Cầm...

Và thị cắt nghĩa:

– Ông ấy có gì ăn cũng cho con; con có gì chỉ ăn một mình, phải tội.

Hiền vâng lời mẹ. Nó cầm miếng sấn tàu, chạy sang nhà bà Hai Mợn, đưa cho Cầm. Cầm xua tay, lắc đầu, không chịu lấy. Hiền bỏ vào lòng hấn, chạy về. Nhưng Cầm lại chạy sang tận nhà, trả lại Hiền.

Mẹ Hiền ra hiệu bảo Cầm ăn. Cầm lắc đầu. Hiền phụng phịu, lườm Cầm, để tỏ ý: Cầm không ăn, Hiền giận đấy. Rồi nó lại nhét miếng sấn vào tay hấn. Hấn do dự một chút rồi cầm vậy. Nhưng hấn chỉ bẻ một mẩu con ăn rồi trả Hiền. Hấn phưỡn bụng ra lấy một ngón tay gõ vào. Hiền cắt nghĩa cho mẹ hiểu:

– Ông ấy bảo: ông ấy còn no lắm.

Mẹ Hiền nhìn Cầm cười tủm tỉm. Cầm cũng cười. Hiền muốn đùa Cầm, gí miếng sấn vào mồm hấn, bắt ăn. Cầm giàng tay nó xuống. Mẹ Hiền sợ Cầm giận, khẽ phát vào lưng con, mắng:

– Đừng láo thế! Mày chỉ hõn.

Cầm vừa cười vừa xua tay để bảo thị đừng đánh nữa. Rồi Cầm bế thốc Hiền lên, đặt ngồi vào lòng, vuốt ve, hôn hít. Mẹ Hiền cảm động. Một chút nước mắt ứa ra, rơm rớm. Cầm nhìn thị. Đôi mắt hấn, mới đầu căng ra vì ngạc nhiên, dịu dần dần. Rồi chúng cũng rơm rớm ướt. Nhưng đồng thời mặt hấn đỏ lên một chút. Hấn nhắc vội Hiền cho đứng xuống, rồi chạy ra ngoài đột ngột, khiến người đàn bà giật mình, nhìn theo.

Ít lâu sau mẹ Hiền không đi buôn với bà Ngã nữa. Thị đi làm nhà máy. Đầu mối tự bà Hai Mợn. Bà Hai thấy thị và bà Ngã thân nhau thì có vẻ không bằng lòng. Thoạt tiên bà không bằng lòng thị. Bởi vì thị đến đây, bà giúp đỡ cho nhiều. Đã đành bà chẳng giúp

tiền, giúp gạo gì. Nhưng bà chỉ bảo giùm. Bà thuê hộ nhà. Bà có lòng săn sóc lắm, ấy thế mà thị nữ xử cái lối qua sông phụ sóng. Yên thân một tí là thị quên tất cả. Thị chỉ biết đi lại ton hót con mụ Ngã. Thị coi bà chẳng khác gì người dưng. Vậy là bà ghen. Nhiều người có cái thói ghen vu vơ như vậy. Bà giận luôn bà Ngã. Bởi vì bà nghi rằng: khi con dĩ trắng mắt kia chưa đến thì bà Ngã với bà vốn hai người tử tế. Một đôi khi có thiếu tiền đong gạo, bà Ngã vẫn thậm thọt sang nhà bà vay tạm. Nếu bà có, chẳng bao giờ bà tiếc. Khi một vài đồng, khi dăm ba đồng. Lần thì bà Ngã trả ngay; cũng có lần để hàng nửa tháng. Nếu bà không cần đến, chẳng bao giờ bà nữ cất mồm đòi. Lờ lãi không có một đồng xu nhỏ. Nói thế nghĩa là bà Ngã được nhờ bà nhiều lắm. Nhưng từ ngày bám được thị, bà Ngã đã có chỗ khác để nhờ rồi. Bà không cần đến hàng xóm cũ nữa. Tính bà Hai Mợn vốn đa nghi, nên bà cứ nghi quẩn quanh như thế. Rồi bà đoán rằng: mẹ Hiền có nhiều tiền. Có nhiều tiền nên con mẹ Ngã mới bám chằng chằng như vậy. Bám để mà rút ruột. Đứa nào dại thì được chết. Con mẹ Ngã nó chẳng vừa đâu nhé. Đánh đôi với nó thì có ngày giẻ rách cũng chẳng còn mà đeo...

Bà Hai Mợn thấy bà cần phải làm một việc phúc đức. Một buổi tối bà đến chơi nhà Hiền. Bà làm như vô tình đi qua, thấy mẹ Hiền ngồi rồi thì tạt vào nói chuyện chơi. Bắt đầu bà hỏi thị xem hôm nay có phát tài không? Rồi bà hỏi loanh quanh xem lỗ lãi thế nào? Sau cùng bà mới ngồi lại gần thị và thì thầm nói khẽ:

– Chỗ chị em tôi hỏi thật: chị đi với bà Ngã thế thì buôn chung hay là buôn riêng?

– Thưa bà, cháu mới theo bà ấy đi cho quen thôi đấy ạ.

– Đã đành, nhưng vốn của cả hai người, hay của mình bà ấy?

– Vốn của bà ấy tất.

Bà Hai thất vọng, nhưng bà còn hỏi gặng:

– Thế thì chị đi với bà ấy chẳng xơ múi gì à?

– Có đấy ạ; hôm nào kiếm ăn được, bà ấy cũng cho cháu hào chỉ hay hơn hào chỉ.

Bà Hai bĩu môi ra...

– Thế mà chị không phải góp đồng vốn nào thì tôi chả chịu.

Chẳng hóa ra bà ta đại lắm...

Mẹ Hiền nhe răng ra cười:

- Cháu nói thế, chứ cháu cũng góp với bà ấy vài đồng bạc.
- Tưởng nhiều kia chứ vài đồng bạc thì chả lo.

Mẹ Hiền đột nhiên sầm mặt lại. Thật ra thị đưa gửi bà Ngã những hơn chục bạc. Một chút nghi hoặc thoáng qua đôi mắt thị. Bà Hai ghé mồm sát tai thị bảo:

- Tôi cứ áy náy mãi. Sợ chị nhẹ dạ, có đồng nào đưa hết cho con mẹ ấy. Này, nó lìm nghiêm thế nhưng chẳng vừa đâu. Con người lèo lá lắm! Nói thì như chục sẻ cửa sẻ nhà cho người ta, nhưng rút lại thì nó chỉ chục lưỡng đảo của người ta về nuôi chồng con đấy.

Mẹ Hiền cười nhạt. Bà tiếp:

- Tôi nói ra thì chắc chị cũng cười tôi là con người bộp chộp. Nhưng cười thì tôi cũng nói. Tính tôi như vậy. Tôi không thâm hiểm như ai được. Chị mới đến đây, lạ nước, lạ cái, đã biết kẻ hay người dở thế nào. Tôi biết mà không nói thì về sau chị trách. Tôi với bà Lang nhà chị có phải là người lạ đâu? Có phải không hở chị?

- Vâng ạ, bà có lòng yêu con nên bà mới nói.

- Ấy thế,... người khác thì tôi chỉ mặc đôi bên, tội gì mua việc cho mang thù mang oán? Này, con mẹ nào chứ con mẹ ấy nó mà biết tôi nói chẳng sai nó chứ.

- Có!...

- Đấy, rồi chị xem. Nó ra phết đấy.

- Ra phết hay không ra phết thì bà bảo làm gì? Cứ phải thì thôi. Mình có thì người ta mới nói. Với lại bà bảo con thì con biết, chứ bà ấy làm gì mà biết được.

- Thì đã hẳn... Nhưng tôi cũng nói thế cho chị biết kéo chị lại xưng xưng bảo nó rằng tôi bảo, để nó chửi vào mặt tôi...

- Có!... ai lại thế?

Bà Hai híp cả hai mắt lại cười thật to. Câu chuyện kín đáo đến đây là hết. Hai người lại trao đổi với nhau những câu nói rất nhàm về thời tiết, về sự khó làm ăn, về cái nông nổi ruồi nhiều mặt ít...

Rồi bà Hai ra về. Câu chuyện ấy chẳng biết lỗ ngách nào lọt đến tai bà Ngã. Bà giận thâm tím mặt. À thì ra ở với nhau mười năm trời cũng không rõ được lòng nhau. Bà vẫn tưởng cái con đi già ấy nó chỉ đi mà thôi. Không ngờ nó lại nham hiểm nữa. Ồ, gặp mình thì nó nói cười cười xơn xớt. Ấy thế mà vắng mình một cái là nó trở mặt nói xấu mình được ngay. Sao thiên hạ lại có những đứa ngựa mồm như vậy? Người ta chẳng ăn lương, ăn quýt của ai nó cũng đặt điều nói vu cho người ta được... Bà giận lắm, giận cả mẹ Hiền vì thị đã không mắng tát vào mặt cái đứa hay xui xiểm. Thị lại nghe chuyện đó. Thị lại thì thầm thì thảo với nó. Thị lại tưởng nó là người thân thiết với bà Lang... Cha mẹ kiếp. Ngày xưa nó với bà Lang lại không vẫn đọc tên đọc tuổi nhau ra mà chửi! Bà Ngã còn nhớ lắm. Bà nhớ có lần chẳng biết đôi bên lúng túng với nhau về tiền thuốc, tiền thang thế nào mà họ nhẩy căng lên, võ đui đen đét, xĩa xói vào mặt nhau mà chửi. Họ nhiếc nhau chẳng còn thiếu gì. Thật đã đến điều... Những người biết chuyện đã ai quên? Ấy thế mà bây giờ nó đã dám leo lẻo cái mồm bảo: nó nghĩ đến tình bà Lang trước. Nó dám bảo người ta lèo lá. Nó lại không lèo lá bằng nghìn người ta. Giá có phải là con người biết nghĩ thì mẹ Hiền thấy nó nói một tiếng là phải bảo thẳng vào mặt nó: “Tôi với bà Ngã xưa này vẫn tử tế với nhau; bà đừng nói thế mà mang tiếng; bao giờ bà ấy có ăn quýt của tôi thật, sẽ hay...” Thế thì đời nào nó còn dám nói. Nhưng khốn nỗi cũng tin lời nó (không tin mà lại chuyện nhỏ, chuyện to mãi vậy). Mới biết mẹ Hiền cũng tệ. Nhưng bà Ngã quả là một người thâm. Bà chưa vội nói ra. Bà cứ tảng lờ như chẳng biết gì. Để xem mẹ Hiền sẽ xử trí như thế nào? Ý bà muốn rằng: thị sẽ nói lại với bà tất cả; thị sẽ cười bà Hai Mợn; thị sẽ bảo “xui xiểm ai chứ xui xiểm tôi với bà thì được mỗi mồm mà chẳng ăn thua gì: chúng ta có phải là trẻ đâu?” Nhưng mẹ Hiền đã không làm thế, đã không nói thế, thị ngấm ngấm dò xét. Ít ra đó là ý bà Ngã. Khi người ta đã để tâm ngờ ai thì tự nhiên người đó thành ra đáng ngờ, mẹ Hiền và bà Ngã đối với nhau đã có sự gìn giữ hơn trước. Ác cảm lảng vảng trong không khí. Mẹ Hiền cho là bà Ngã toan trở mặt để võ món tiền của chị. Thị sinh lo lắng. Một hôm thị ngỏ ý muốn đòi về. Bà Ngã nghĩ bụng ngay: “Đã biết mà!...” Bà sầm mặt trả lời:

– À thế ra chị sợ tôi quýt lắm nhỉ? Hừ...

Mẹ Hiền vội chối:

– Sao bà nói thế? Nhà cháu phải tiêu nên mới dám hỏi bà đấy chứ. Nếu nhà cháu sợ đã chẳng...

Bà Ngã nói lấp ngay đi:

– Thôi được! Chị không cần phải nói nhiều!

– Nhưng sao bà lại nói những lời như thế?

– Tôi nói sao? Tôi chỉ bảo chị sợ tôi quít, không dám tin tôi thì tôi lo tôi trả chứ sao!

– Khổ quá! Cháu có...

– Thì chị đòi nợ của chị, tôi xin nhận rồi tôi trả. Có việc gì mà khổ!

Mẹ Hiền chép miệng:

– Thôi cũng được! Bà muốn bảo sao tùy bà. Mới có thế mà bà đã bẻ mè ra ngáo được!

Bà Ngã trở nên gắt gỏng, bà hỏi vặn:

– Thế nào là bẻ mè ra ngáo! Tôi hỏi chị có đòi nợ tôi không nào?

Mẹ Hiền cũng thêm khùng:

– Tôi có đòi!

– Ở thế còn gì nữa?... Hừ, chị không phải lo chị ạ. Chị hãy bình tâm thư cho tôi ngày một ngày hai tôi xin chạy đủ để hoàn chị. Tôi túng thì túng thật nhưng cũng chưa đến nỗi nào...

Thế là cuộc bất hòa đã công nhiên. Sáng hôm sau bà Ngã đi bán hàng một mình. Bà không gọi mẹ Hiền. Luôn mấy hôm như vậy, mẹ Hiền cũng có thể làm hàng đi riêng được, nhưng chưa muốn: thị còn bực mình lắm. Bực đến quên cả sự làm ăn. Có lúc thị thấy như hối hận. Thị oán thầm bà Hai Mọn. Nhưng oán bà Hai thì phải oán cả mình. Ai bảo mình nhẹ dạ nghe bà ấy? Ít người thành thực đến nỗi dám nhận mình có lỗi. Bởi vậy thôi không oán thị. Thị không oán thị thì thị không có quyền oán bà Hai. Tất cả lỗi thành thử lại về phần bà Ngã. Chỉ có bà Ngã là không phải. Nào thị đã nói nặng gì bà ấy? Thị chỉ mới hỏi tiền của thị. Thị cho vay thì thị có quyền hỏi lắm. Có sao bà Ngã cố vin vào việc nhỏ mọn ấy mà không bằng lòng? Dù sao thị cũng buồn. Khi người ta có việc bất hòa cùng kẻ khác khó khỏi buồn bã được. Người ta sinh ra để mà yêu nhau chứ không phải để

mà ghét nhau. Đáng lẽ bà Hai Mợn cũng phải nhận ra lẽ ấy. Khi hai người kia còn quăn quít nhau, bà muốn họ ghét nhau. Họ ghét nhau rồi bà có thấy hả lòng một chút thật. Nhưng chỉ một chút thôi. Rồi khó chịu ở đâu lại đến. Bởi vì bây giờ nhìn thấy họ bà tự nhiên ngượng ngịu. Bà cố tránh cái nhìn của họ. Cái nhìn cứ sa xuống đất, cứ chở nặng những ghét thù ấy chính bà Hai cũng buồn. Bà cố đổi nỗi buồn ấy ra nỗi giận. Bà giận bà Ngã lắm. Cái con mẹ thấy ai có tiền là bám riết để tìm cách mà bòn rút. Giá cứ im thì nó sưng mặt lên bằng cái thớt. Nó sưng mặt lên thế chứ sưng nữa cũng chẳng làm gì bà tốt. Bà nhất định không để cho nó lừa người ta. Như vậy tức bà là ân nhân của mẹ Hiền. Có lý nào mẹ Hiền nỡ giận bà. Hay có giận cũng chỉ do thị sợ rời bà Ngã ra thì không làm gì ăn được. À nếu vậy thì dễ lắm. Bà đã làm ơn thì bà làm ơn cho trót. Bà sẽ kiếm việc làm cho thị. Những chỗ quen thuộc của bà nhiều lắm. Bà lại thậm thọt đến nhà mẹ Hiền để bàn với thị. Cố nhiên là thị hoan nghênh lắm. Bởi thị đi bán hàng mà kiếm ăn thì cũng được, nhưng lại mang tiếng là nhờ bà Ngã dạy buôn dạy bán nên mới tìm nổi miếng ăn. Không thích lắm, chi bằng đi làm một việc gì khác hẳn. Có mất dăm mười đồng chạy chọt thì cũng vui lòng mất. Đàng nào chả thế? Nó cũng như cái vốn mình bỏ ra... Nếu như vậy thì được lắm. Bà Hai đã chạy cho thị một chân máy tơ. Lẽ tất nhiên bà Ngã càng căm. Kẻ mỗi chài mới lái đã hiển nhiên là bà Hai Mợn. Bà Ngã gọi mẹ Hiền sang nhà, tính toán tiền nợ, còn bao nhiêu trả tất. Trả xong rồi, bao nhiêu lời mát mẻ mới tuôn ra. Mẹ Hiền chỉ cố nhin cho yên chuyện. Nhưng bà Ngã không dễ dàng quá thế. Bà tấm tức đã lâu, sở dĩ bà cứ phải ngậm tằm là vì bà chưa xoay được tiền trả nợ. Phải trả, cho tỏ rõ mình không phải là con người lừa lật đã. Rồi sẽ nói. Thế nào cũng nói. Nếu im đi tất chúng cho mình là đứa ngu. Vậy mẹ Hiền đã biết cái trái của thị, không dám hé răng đáp lại nửa lời, thì bà cũng tha cho. Nhưng còn cái con mẹ thị kia! Con mẹ thị là bà Hai Mợn. Chẳng phải mẹ mà lại thế!... Bà Ngã nhất định nói vào mặt cho dĩ già ấy biết. Bà nói thật. Bà xưng xưng bảo bà Hai thế này:

– Bà Hai ạ, tôi ở cái xóm này có đến quá mười năm, chưa đảo diên với ai một đồng xu, ấy thế mà chết mẹ nó, có đứa nó dám bảo với chị Hiền rằng tôi là con người quay quắt.

Bà Hai trợn mắt lên:

– Ô hay! Bà này lắm chuyện chưa! Bà chửi tôi đó phỏng?

– Tôi không chửi bà; tôi chửi cái đứa nào nó bảo tôi quay quắt.

– Mặc thầy bà với nó, việc gì đến tôi? Tôi không rỗi hơi nghe những chuyện lời thêu nhà bà. Bà đều vừa vừa chứ.

Ấy thế là bà Ngã gào thật to:

– Tôi không đều! Tôi chửi cái đứa nó hay bịa đặt; tôi chửi cái đứa nó nói cho trai bỏ vợ gái bỏ chồng... không đứa nào cấm được tôi!

Muốn tỏ ra rằng không đứa nào cấm được bà, bà lớp lóng chửi luôn câu nữa. Bà Hai chửi lại. Cuộc đấu khẩu thành kịch liệt. Họ nhảy vào nhau. Người nọ bấu lấy tóc người kia. Hai mái tóc sổ ra. Hai người vừa gào lên, vừa giăng co. Bà Hai Mợn vừa khỏe lại vừa thạo việc đánh nhau hơn: bà vẫn thường ngày theo dượt với ông chồng. Bà xoắn được tóc bà Ngã trước, dúm đầu bà Ngã xuống. Bí thế, bà Ngã kêu ằng ặc, vừa thúc nắm tay vào bụng đối phương. Trẻ con chạy đến xem. Thằng Lộc nghe chừng khoái lắm. Nó cò căng nhảy chung quanh, như một giám cuộc đấu võ, miệng reo hò để trợ oai. Cái hứng đánh nhau của nó mỗi lúc một bùng thêm. Nó đá dít bất cứ một thằng bạn nào đứng hờ hơ, rồi vừa cười vừa giơ nắm tay ra. Nhưng chẳng đứa nào đánh lại nó làm gì. Đứa nào cũng chỉ khoạm mắt lại, văng tục rồi lảng tránh. Lộc đành lại nhảy loi choi chung quanh bà Ngã và bà Hai Mợn. Cả hai bà cùng đã nhọc. Những cấu, cào đã bớt hăng. Họ vừa vờn nhau vừa thở hỗn ha hỗn hển. Bông Lộc trông thấy con Tiên đang sục sục. Lộc vội nắm lấy hai vai nó đẩy vào, rồi rít kêu:

– Đánh hôi đi! Đánh hôi đi! Đánh hôi đi!...

Nó chỉ cho con Tiên cái bụng mỡ của bà Hai:

– Tổng vào đấy! Tổng vào đấy!

Con Tiên chực chạy ra. Lộc đẩy mạnh nó một cái dúm vào cạnh sườn bà Hai Mợn. Lũ trẻ vỗ tay cười âm ỉ. Tiên lúng túng ngã ngời xuống đất. Tí nữa thì nó lại bị bà Hai giẫm bẹp. Lộc thấy nó lờ đờ thế, lấy làm tức lắm. Nó gào lên:

– Bá lấy căng mà lôi! Bá lấy căng mà lôi!...

Và bởi Tiên chậm chạp nghe theo, nó không còn chịu nổi, xông

vào ôm chặt lấy một chân bà Hai, mím môi lại, kéo. Bà Hai xoạc căng. Cả một cái súc thịt nặng nề đổ xuống, đè lên bà Ngã. Bà Ngã bấu lấy quần bên địch.

*
* *

Nghỉ làm. Ông Ngã xếp chày đục xong, vội vàng lên gác tìm ông chủ. Ông chủ đang mãi tính toán gì. Một tay ông chỉ vào quyển sổ làm bằng một quyển vở học trò, tay kia ông cầm một cốc trình, xĩa làm hai ba hàng trên bàn, thay cho cái bàn tính mà người ta nghe lách cách trong các hàng thuốc bắc. Mồm ông lẩm bẩm. Ông Ngã định lên vay đồng bạc để lúc về uống rượu. Ông định đã ba, bốn hôm nay. Bởi ở lối về nhà ông, có một hàng thịt chó vừa mới mở. Có bàn ghế hẳn hoi. Trông dường hoàng lắm. Mà nghe chừng người ăn cũng khá đông. Lão chủ khoe: mỗi ngày giết những hai cây, có ngày ba, mà chẳng ngày nào ế; chỉ được cái hẳn làm thịt cây rất thạo, sạch sẽ và kỹ lưỡng: lòng, tiết canh, tái, luộc, xào, chả, món nào cũng khéo. Ông Ngã muốn ăn thử xem hẳn nói thật hay nói khóac. Bực một nỗi lớp này hàng ế quá. Ông chủ méo cả mặt. Đây tớ xin tiền chợ lần nào cũng gắt om sòm. Thợ khó lòng mà vay tiền được. Ông Ngã càng khó lắm, ông đã vay lợi nhiều. Bởi vậy, ông cố nuốt nước dãi, không dám hỏi. Nhưng hôm nay vừa bán được cỗ ngai. Gần chục bạc, tội gì chẳng hỏi vay một đồng bạc tiêu?...

Ông Ngã há mồm ra chực nói. Ông chủ không cho nói. Ông cau mặt chặc chặc lưỡi ra ý bảo: “Để yên cho người ta tính kéo lần”... Ông Ngã đành ngậm mồm lại vậy. Ông đứng đợi. Nhưng lâu quá, thấy sốt ruột. Ông chủ thì tính hết trang này sang trang khác. Những trang chữ dài dằng dặc. Chắc còn phải đến hai mươi phút nữa. Đúng làm chết gì đây? Ông Ngã lẳng lẳng xuống cầu thang, ra nhà ngoài, ra cửa. Đèn phố đã bật. Ông nhìn một ngọn ngay ở trước cửa nhà. Nó giống một con mắt mở trừng trừng, mà đàn muỗi nhấp nhính ở chung quanh dọa chọc vào cũng không làm chớp được. Ấy là ông nhớ lại cái trò chơi ông vẫn chơi ngày còn bé. Nhưng gió thổi. Ông Ngã rùng mình một cái, vội chạy tọt vào một cái nhà hàng xóm. Ở đấy còn có lửa. Một bọn năm sáu người ngồi bó gối chung quanh một cái điếu, đang cười hí hí. Ông Ngã nhận ra cái giọng lừng

khùng của Bút đang kể chuyện Tiết Đình Sơn bị Phàn Lê Hoa đuổi. Bút cười ngoác mép ra, để hở những chiếc răng cái mả, rồi gật gù kể tiếp: "... Ấy thế phúc làm sao cu cậu lại gặp ngay được một anh vác cuốc. Anh vác cuốc hỏi: ông này chạy đi đâu mà thở như bò thế? Tiết Đình Sơn mới chấp ngay tay vào, lạy van anh vác cuốc, xin anh nghĩ cách gì cứu, kéo con Phàn Lê Hoa nó đuổi kịp thì bỏ xừ với nó. Thì ra cái anh vác cuốc ấy cũng anh hùng lắm. Anh ta bổ một nhát cuốc vào cái cây to tương ở ngay chỗ hai người đang đứng, nẩy ra một mảng thật to. Anh ta bảo Tiết Đình Sơn: rúc mau vào! Tiết Đình Sơn rúc vào rồi, anh ta lại đập cái mảnh cây vào như cũ, để con Phàn Lê Hoa không biết. Nhưng thế nào con Phàn Lê Hoa lại biết. Nó rờ mỗi ngón tay ấn vào miếng vỏ cây (Nó xỏ mà!). Một mảnh cây thụt hẳn vào, ối trời ơi! Bấy giờ anh cu Tiết Đình Sơn ta đứng trong bị kẹp đau quá mới kêu thóc cha lên. Không kêu nó ấn thêm lúc nữa thì bỏ mẹ!..." Bọn nghe cười lăn lộn. Ông Ngã cũng bật cười, cười theo. Nghe tiếng ông cười, Bút nhìn lên:

– A, ông Ngã! Vào đây ông.

– Đằng ấy cứ kể đi. Rồi sao nữa? Kể đi cho tớ nghe nhờ với.

– Thì ông ngồi xuống đây.

– Ấy không chứ lị! Nó nẩy miếng vỏ cây ra. Anh cu Tiết Đình Sơn gần chết bẹp. Ấy là sức nó, mới còn sống sót, chứ bọn mình thì chết đứ đừ rồi. Cu cậu không còn trốn đâu được nữa đành đứng trơ khác. Con Phàn Lê Hoa chỉ cho một nhát kiếm là đủ chết. Nhưng nó không chủ giết. Nó mê đặc Tiết Đình Sơn mà lại... Nó mới liếc tình cu cậu, rồi lấy tay sờ cảm cu cậu, họ không nha không nhẹo "chết chưa"?

Những tiếng cười rú lên. Họ ao ước cảnh Tiết Đình Sơn lúc ấy. Một anh bảo:

– Thật sướng tỉnh tình tình con người.

Một anh khác vượt cái cầm lún phún râu của ông Ngã, ngoẹo đầu đi, lúng liếng con mắt, cố lấy giọng ỏn ẻn bắt chước tiếng con gái hỏi:

– Chết chưa?

Chúng lại cười ran. Ông Ngã chỉ mủm mĩm. Lúc không say ông bình tĩnh lắm. Tiếng cười rất ôn hòa, bật ra do một bên kẽ mép hơi

tách ra một chút, thành những “hừ hừ” rung rung như tiếng trống tây. Ông hăm được cái vui trước nhất. Ông giục Bút:

– Rồi sao nữa?

Bút dặng háng. Tiếng dờm sòng sọc trong cổ hần. Hần quay lại dằng sau để nhỏ. Nhỏ xong hần liếm môi luôn mấy cái. Mọi người lại ngồi im. Hần bắt đầu kể tiếp. Người ta nghe không biết chán. Bởi vì Bút kể chuyện rất tài. Hần bịa rất trơn tru, và biết dùng nét mặt và bộ điệu để giúp sức cho lời nói. Ông Ngã mãi nghe quá, ngồi đến tận bảy giờ. Chuông đồng hồ đánh, làm ông sực tỉnh. Ông đứng phất lên, hốt hoảng chạy về. Ông suýt va phải thằng Hoán đứng thập thò ở cửa. Ông hỏi nó:

– Xong chưa mà?

– Cái gì xong?

– Ông chủ...

– Ông chủ đi xuống cô đầu rồi.

Ông Ngã trợn mắt lên nhìn nó chăm chăm:

– Có thật không?

– Thật ạ. Ông ấy mới bập bẹ trống, đang ham bằng chết. Mấy hôm nay không có tiền đi hát nên gắt như mắm thối. Hôm nay bán cổ ngại thế nào chả đi?

Ông ngẩn người. Nhưng ông cố bám lấy cái hy vọng cuối cùng: Hoán lòe ông. Ông đẩy nó ra, bước phứa vào, xăm xăm lên thang gác. Nhưng ông chủ đi rồi thật. Chỉ còn thằng cháu đang đứng phì phèo hút điếu thuốc lá, ý chừng của ông bác còn bỏ sót...

– Ông ấy đi đâu rồi mà?

Nó héch mồm lên, thở khói rồi vừa cười vừa nhúng nhằng:

– Ông ấy ấy à? Bây giờ thì đang thế này này... Nó bắt chước cái điệu gẩy đàn và đập trống mồm kêu:

– Thằng nào! Thằng nào! Tao! Tao!

Rồi nó duỗi cái cổ ra, bắt chước cô đầu hát:

– Hồng hồng tuyết tuyết...

Ông Ngã hoàn toàn thất vọng. Ông vắng tục. Ông vùng vằng xuống thang gác bình bịch. Những tấm ván gác rung đi. Bát chén để trong cái tủ chè kê trên gác, chạm vào nhau kêu lách cách. Ra đến đường, ông Ngã vẫn còn lấm bầm, ấy là ông rửa thềm ông chủ. Cái thằng cha chỉ nghĩ đến cái vui của nó! Nó chỉ biết có tiền là đi hát, còn người ta chỉ hỏi vay một đồng bạc thì chỉ lờ tít đi. Cái lúc ế hàng, nó khinh thợ như cái rác. Làm như thợ nhà nó chỉ ăn hại nó, ấy thế mà đến lúc nhiều đồ đặt, cấm khỏi nó hò người ta làm đêm đến nhòen mắt ra. Mẹ kiếp! Ông chỉ sợ hàng không còn lúc đắt, chứ nếu còn lúc đắt thì ông cóc sợ. Này, ông sẽ bảo vào mặt cho mà biết. Ông sẽ bảo: ông đau lưng lắm, không làm được; ông muốn nghỉ; có kịp hàng cho khách lấy thì kịp, mà không kịp thì kệ cha hàng với khách! Có can gì đến ông? Ông cứ bảo hấn thế, cho nó biết. Nó làm gì tốt? Lúc ế hàng, nó đã khỏe làm bộ lắm, thì lúc đắt hàng ông cũng làm bộ chơi.

Ông vừa lạy bậu vừa đi; những lúc tức, người ta đi nhanh lắm. Chẳng mấy chốc đã tới cửa hàng thịt chó. Khách ăn ngồi chật ních. Hơi chả bốc lên thơm diếc mũi. Ông Ngã thấy một cái gì ứa lên đầy miệng: ấy là cái tức. Ông tức thật. Mặt ông tím lại. Đôi môi ông mím chặt. Đầu ông lao về phía trước. Ông bước vội cho qua cái chỗ mà giá chỉ có một đồng bạc là ông có thể dừng lại và ung dung ngoắt vào. Ông về nhà. Chưa đến nhà, ông đã được biết cái chuyện vợ ông đánh nhau với bà Hai. Lửa cháy đổ dầu thêm. Ông tưởng ông có thể đập đầu bà Ngã xuống, dận gót chân lên cái cổ bà, đánh cho bà nát người ra. Khổ thân ông, vợ với con!... Vợ với con thế ấy thì ông chết mất!... Ông nghiêng răng kêu ken két. Ai cũng tưởng ông nắm chân bà Ngã mà dận đầu xuống gạch ngay lập tức.

Nhưng không phải. Ông chưa đánh vội. Ông hò rượu. Khởi đầu của tất cả các trận đánh nhau là cút rượu. Bà Ngã, tối hôm nay muốn lấy lòng chồng, đã mua sẵn nửa chai. Lại mua cả một hào lòng. Rượu với lòng chẳng được ngon như thịt chó, nhưng nhắm tạm thì cũng được. Ông Ngã lẳng lạng ngồi xuống uống. Ông uống rất nhanh. Nhắm cũng nhanh, thì đã bảo: những lúc tức người ta làm gì cũng nhanh chóng cả. Chỉ một thoáng là đĩa lòng đã hết nhẵn. Ông liếc mắt nhìn bà Ngã. Ôi giá bà Ngã biết! Giá bà nhanh nhẹn chạy đi mua ngay một hào thịt chó về cho ông ấy nhắm! Nhưng bà không biết. Bà tưởng bà dãi ông thế đã hậu lắm. Bà vững dạ. Thành thử

ông Ngã cũng chẳng còn gì nhắm. Ôi! Cũng được!... Ông nhắm bằng cái tức. Ông uống hết nửa chai rồi. Ông dốc ngược cái chai trên cái chén và đưa mắt nhìn bà Ngã. Nhưng bà Ngã vẫn không trông thấy. Tội nghiệp cho người đàn bà quá! Bà cứ đinh ninh rằng một hào lòng với nửa chai rượu đã chu tất lắm, chẳng còn phải lo gì nữa. Bởi vậy ông Ngã tung cái chai lên. Cái chai rơi xuống thêm gạch kêu choang. Bây giờ bà Ngã mới giật mình. Bà sững sốt nhìn chồng. Ông vẫn lăm lì. Bà đoán ngay là ông say quá, nên lơ tay để tuột cái chai. Bà đã chực gào lên. Nhưng chợt nhớ ra rằng bà đang muốn tránh cơn giận của chồng, bà chỉ chép miệng vừa cười vừa bảo:

– Ông đền tôi đi! Tôi mua rượu cho ông uống, ông còn đập chai của tôi ra à?...

Ông Ngã chỉ gườm gườm đôi mắt. Bà vội đến nhặt những mảnh chai để vứt đi. Một tay bà vịn vào đầu gối của ông chồng. Ấy là một cách làm duyên. Nhưng ông Ngã lại chộp ngay lấy cổ tay bà vợ và đột nhiên ông hỏi:

– Ai bảo mày đánh nhau?

Bà Ngã chưa kịp trả lời sao. Bà bực quá. Bà nghĩ tiếc công bà tử tế. Một hào lòng với nửa chai rượu chui vào miệng ông Ngã chẳng được một tí nhân duyên nào hết... Bà khoạm mặt, giựt mạnh tay một cái, ấy thế là ông Ngã đứng phất lên, vít cổ bà, giúi xuống. Bà Ngã kêu ằng ặc. Những cái đấm rơi thành thạch trên lưng bà. Ông Ngã vừa đánh vừa rít lên như đọc nhịp:

– Nổ môm! Nổ môm! Nổ môm!... Tài nổ môm nữa đi!

Khi đã chán tay, ông mới bỏ vợ ra, rồi vừa thở hồng hộc vừa có nói thật to:

– Chỗ hàng xóm láng giềng với nhau, mày làm thế, có khác gì đeo mo vào mặt tao? Xưa nay, tao với nhà người ta không mất lòng nhau cái gì...

Bà Ngã nhin. Nếu không nhin, rất có thể ông đánh bà đến chết. Bởi ông đang say rượu. Để ông tỉnh rượu rồi sẽ hay. Ông Ngã được thể càng nhiếc khỏe, ông nhiếc đến mỗi môm mới thôi...

Trống dấy rồi. Người ta đợi tiếng chiêng. Có trống phải có chiêng, cái lẽ thường như vậy... Ở xóm Bài Thơ, người ta gọi bà Ngã

là cái trống. Còn ông Hai Mợn là cái chiêng. Hễ trống đánh là chiêng phải đánh, sự ấy đã quen.

Nhưng lần này bà Hai không đánh ông Hai. Chỉ vì mấy câu nói của ông Ngã làm bà hả quá. Sáng ngày hôm sau, người ta thấy bà chạy cùng hàng xóm. Bà khoe âm lên rằng: bà Ngã phải một trận đòn ươn. Bà lại ca tụng ông Ngã là một người ở phải. “Xưa nay, ai cũng bảo ông Ngã là người chè rượu. Ấy thế mà ông ấy thật biết điều. Lạy trời lạy đất, nội hàng xóm láng, ông ấy chẳng ở mất lòng ai. Chỉ có cái con đĩ mặt dang dang nhà ông là đứa tệt. Chả trách ông không chịu được...”. Bà bảo thế. Rồi bà cười rung cả thịt. Nhưng sự hả hê của bà chẳng được lâu. Bởi vì đúng ngay vào lúc bà đi hết nhà nọ sang nhà kia để ca tụng láng giềng thì người láng giềng tỉnh rượu. Ông Ngã thấy bà Ngã không dậy được. Bà đau mình mấy quá. Môi bà sưng vều. Cả một bên mắt cũng sưng lên. Mặt mũi, cổ, chân, tay sây sát nhiều chỗ lấm. Bà rên khóc. Ông Ngã ngồi ngẫm nghĩ. Ông không dám nhìn mặt vợ. Ông nhìn trộm. Ông trách ông xử tệt. Mà nào vợ ông có lỗi gì cho cam!

Phải, vợ ông đã đánh nhau với bà Hai. Nhưng ai bảo bà Hai hay xui xiểm! Chao ôi! Cái con mẹ béo sung ấy có vừa đâu? Nó tử tế gì! Bụt ngồi tòa thì gà nào dám lên mổ mắt? Chẳng qua cũng bởi nó xử đều với người ta trước. Đứa nào dại mà chịu thua? Giá ông có là bà Ngã thì ông cũng phải sửa cho con mẹ Hai một trận. Ấy thế mà ông còn bênh nó. Ông lôi vợ ra đánh. Mà đánh vũ phu như vậy! Bây giờ bà ấy nằm liệt giường liệt chiếu, không đi bán hàng được. Nếu bà ấy què, thì ông tính sao? Con ông đấy, ai nuôi? Liệu chỉ trông vào cái cửa, cái đục, ông có kiếm được đủ gạo ăn cho cả nhà hay không?

À, bây giờ thì ông Ngã biết ông dại lắm rồi. Ông rất giận ông, không lẽ ông lại đê ông ra mà đánh! Ông chỉ thở dài thở ngắn. Rồi ông lủi thủi ra đi làm. Ông gặp bà Hai. Bà đã đi hết vòng rồi toan trở về nhà, vừa thấy ông, bà cười rề rề, nhân nhờ bảo:

– Cái gì tối hôm qua mà làm khiếp thế?

Bà ngoẹo cái đầu xuống một bên vai, đợi nghe ông kể lễ. Nhưng ông không kể lễ. Ông chửi võ ngay vào mặt con béo phì. Bà Hai sững sốt. Sau phút sững sốt, bà chửi lại. Ông Ngã chỉ cần có thế. Ông đang muốn báo thù cho vợ. Ông tát vào cái mặt nung núc thịt của bà Hai một cái kêu đánh bẹt. Bà Hai tru tréo. Ông tống cho bà thêm cái nữa.

Rồi ông rảo cẳng chạy ra ngô ngang. Bà Hai đỏ bừng mặt xốc quần lên đến háng, giậm chân bèn bệt, gào lên mà chửi. Bà dùng những câu chửi rủa, cải chính lại những lời bà nói với người ta lúc nãy về ông Ngã. Người láng giềng ấy biết điều rồi lại không biết điều...

Từ hôm ấy, mỗi chiều đi làm về, ông Ngã đem theo một cái chày. Hình như nó hơi quăm, cái lưỡi bạt chéo một bên thành một cái mũi nhọn sắc như dao cạo và cứng như lưỡi kiếm. Trông nó nguy hiểm hơn dao và kiếm. Nó bập vào gỗ như bập vào miếng khoai lang. Người thợ chỉ khễ đập cái dùi đục trên đầu cái tông làm nảy ra những tiếng kêu rợn công công, đã khiến cái mũi chày phăng phăng theo những nét vẽ chì ngoằn ngoèo và rắc rối. Cái chày ấy dùng để chạm. Người ta gọi nó là chày tách.

Dân thợ mộc, lúc đánh nhau, đã động dụng đến cái chày tách là ghê gớm lắm. Thế nào cũng có anh đứt họng hay lòi mật. Chỉ khễ chạm phải, cũng có thể tách da đứt thịt. Muốn cẩn thận, trong lúc đi đường, ông Ngã gói mũi nó vào một cái bao. Nhưng về đến nhà ông rút cái bao ra. Ông cầm cái chày nhắm nhắm như chọc đâm ai. Đôi môi ông mím chặt lại như khí tức đã tràn lên đến tận mồm. Ông không bằng lòng cho nó thoát ra. Ông giữ nó thật nhiều, thật mạnh. Có vậy, lúc bập ra mới khỏe, ông có ý cho người ta hiểu thế. Bởi vì nói cho thật thì những lúc tỉnh táo, ông cũng nhát, ông sợ bà Hai gây chuyện nữa. Ông phải làm ra vẻ hùng hổ cho bà sợ. Chẳng biết bà có sợ hay không. Bởi vì những lúc vắng mặt ông Ngã, bà xưng xưng bảo mọi người rằng, bố thằng Ngã cũng không dám đâm bà, nó chỉ dọa đấy thôi; mạng người tiếng vậy cũng to; nó mà đâm chết bà thì được vào tù sớm. Nói thế thì nói đấy, nhưng đến lúc ông Ngã về cầm ai thấy mặt bà ló ra ngoài. Có lẽ thế là bà khinh ông.

Một hôm thấy thằng Đạc chạy theo sau níu lấy áo con Tiên, bà chạy xỏ ra. Bà lôi tuột nó về. Bà đánh nó một trận âm ỉ, vừa đánh vừa quay sang phía nhà ông Ngã mà chửi toang toang:

– Ai cho mày chơi với những con nhà đểu ấy?... Tao cấm chỉ chơi với những quân ấy, rồi chẳng khỏi thành du côn...

Bà Ngã nằm nhà nghe thấy. Bà chóc chóc gọi Tiên về. Bà cũng vợ lấy con, tát đánh, quát tháo om sòm. Bà mắng con:

– Mày lại muốn học làm đĩ hờ? Nhà tao không có cái giống ấy.

Tao còn bắt được mày đánh đôi với những quân khốn nạn ấy, tao tát cho vỡ mặt. Mày hiểu chưa?

Con Tiên khóc hu hu. Nó chẳng hiểu gì. Nhưng ở bên kia tường, bà Hai Mợn hiểu. Bà càng chửi thằng Đạc dữ. Hai người đàn bà lấy con ra mà chửi nhau. Mẹ Hiền thấy thế, cũng nạt khē Hiền, cấm từ rày không được đi chơi với Tiên và Đạc nữa.

Cả ba đứa trẻ, ép lòng vâng lời mẹ chúng được mấy hôm. Chúng tránh nhau. Chúng ngồi ro ró ở trong nhà. Nhưng ngồi nhà lâu, tù chân không chịu được. Một hôm con Tiên len lén chạy ra ngoài. Bà Ngã đã dậy được, gánh một gánh hàng ra đi một lúc lâu rồi. Nó nhìn ra phía cổng: không còn bóng mẹ. Chắc dạ, nó lân la gần cửa nhà Hiền, Hiền đã đi chơi với những trẻ khác tự bao giờ, Tiên không biết, nhìn trộm vào nhà mãi, Đạc đang thẩn thơ ở cửa, trông thấy nó. Thằng bé quay vào, nhìn xem mẹ có đấy không. Không có. Có lẽ bà Hai đang làm gì trong bếp. Chỉ có Viên đang chăm chú nhìn vào một chiếc gương con, dùng một cái díp tĩa lông mày. Đạc vội vàng chạy ra níu tay Tiên. Tiên hất tay nó ra. Đạc xỉ mặt, nước mắt rưng rưng chực khóc. Tiên vênh mặt lên bảo nó:

– Tao không chơi với mày!

Rồi Tiên ngấm nguẩy chạy đi. Đạc đứng bị xỉ một chút rồi lạch bạch chạy theo. Tiên quay lại mắng:

– Ê, ê! Cái đuôi!... Ai chơi với mày mà mày theo tao?

Đạc dừng lại, đưa cùi tay lên dụi mắt. Dử mắt bẹp gí kéo dài ra, nằm vắt ngang trên gò má nó. Nó nhìn Tiên trân trân như van vỉ. Cứ thế hai ba lượt, Đạc nhất định không chịu bỏ.

Tiên ra đến cổng thì Hiền ngoài ngõ ngang về trông thấy reo lên. Hai đứa cùng cười. Hiền hỏi Tiên:

– Mợ mày đâu?

– Mợ tao đi bán hàng rồi.

– Mợ mày cho mày đi chơi à?

– Không, tao trốn. Mày đi đâu về thế?

Nhưng Hiền đã trông thấy Đạc:

– Ô kìa, thằng Đạc...

Tiên quay lại. Đạc vẫn đưa một tay lên một mắt, còn mắt kia ngược lên nhìn Tiên. Tiên bảo:

– Kệ nó, không chơi với nó.
Hiền thương hại Đạc, bảo Tiên:
– Thôi cứ chơi với nó.
Hiền toan dắt Đạc đi. Nhưng Tiên hất vôi tay Hiền:
– Dừng động đến nó, mợ nó đánh.
Đạc du lấy Hiền, khóc òa lên. Tiên gắt với Hiền:
– Tao đã bảo mày mà!... Thôi kệ xác nó, chạy đi! Chạy mau đi! Kéo mợ nó lại tưởng chúng ta đánh nó, mợ nó đánh cho đấy!
Đạc vôi nín, lắc đầu mếu máo bảo:
– Không, mợ không đánh, chơi với em... Bé ế ế.
Tiên chum môi ra, xì sự khinh bỉ vào mặt Đạc. Hiền cười, Hiền khoác một tay vào tay Tiên còn tay kia dắt Đạc.
– Thôi đi! Chúng ta đi ra ngoài ngõ ngang. Mợ thằng Đạc không trông thấy đâu Tiên ạ.
Tiên gân cổ cãi:
– Nhưng tao không chơi với nó.
– Cứ chơi với nó rồi tao bảo nó làm em mày, em tao.
Tiền do dự một chút rồi hỏi Đạc:
– Ủ nhé! Mày có làm em chúng tao không đã?
– Có.
– Được rồi, tao lại chơi với mày. Mày phải làm em tao với em thằng Hiền. Vâng đi!
Đạc bẽn lẽn “Vâng” khe khẽ. Hiền bảo:
– Đấy nó vâng rồi. Thôi! Đi...
Đi được mấy bước, Tiên lại hỏi:
– Thế còn tao với mày đứa nào làm em!
Hiền bảo:
– Chẳng đứa nào làm em. Tao là anh, mày là chị. Anh, chị dắt em Đạc đi chơi.
Tiền nghi ngại một chút rồi bảo:
– Không, thế thì mày là chồng, tao là...

Tiền ngừng bật, nó lơ mơ thấy một chút gì giống như là e thẹn. Nó nhìn trước nhìn sau. Chẳng có ai. Tuy vậy nó cũng không nói nốt câu bỏ dở. Nhưng Hiền thấy cái ý Tiền rất tự nhiên. Nó reo to:

– Phải đấy, tao là chồng, mày là vợ!

Một người đàn ông ở một nhà gần đấy vụt hiện ra nhìn chúng nó, cười tủm tỉm. Tiền xấu hổ, phát vào vai Hiền một cái.

– Nói khê chứ!... Ông nỡ chơi với mày nữa đấy.

Hiền cũng chợt nhận thấy cái cười của người đàn ông nọ. Tuy chẳng hiểu sao họ cười mình, nó cũng hơi ngượng ngập. Chờ đi qua chỗ ấy nó mới ghé tai Tiền nhắc khê:

– Tao là chồng, mày là vợ, hai vợ chồng dắt em đi chơi, nhỉ?

Tiền lại nhìn sau nhìn trước. Không thấy ai nó mới thì thào:

– Vợ chồng thì phải dắt con chứ lị!...

Hiền lại reo lên:

– Ừ dắt con! Thành Đạt là...

Một cái hích tay làm câu nói đứt. Tiền phụng phịu:

– Ông nỡ vào nữa! Mày lại nói to.

Hiền chợt nhớ ra, cười hi hi, rồi cố nói thật nhỏ:

– Thành Đạt là con chúng ta.

Nó cúi xuống hỏi Đạt:

– Nhé?

Đạt ngập ngừng, Hiền dọa:

– Mày không chịu làm con chúng tao thì chúng tao không chơi với mày nữa. Mày có bằng lòng làm con chúng tao không?

– Có ó ó.

Đạt vừa kéo dài tiếng “có” làm nũng vừa ngoẹo đầu một bên. Rồi nó giơ tay lên kêu:

– Bé ế ế ế!

Hiền dạy nó:

– Bảo thầy bé con chứ lị.

Tiền cãi:

– “Cậu bé con” chứ lị!

– Không “thầy” chứ lị!

– Nõ phải! “Cậu”, chồng là cậu.

Hiền ngẫm nghĩ. Nó thấy Tiên có lý. Tiên với Đạc vẫn gọi thầy, u là cậu với mợ khác hẳn với những trẻ ở nhà quê nó. Nó bảo:

– Ủ, cũng được... Bảo: “cậu bé con”.

Đạc ngoan ngoãn nhắc lại. Hiền toan xúc Đạc lên bế nách nhưng nặng quá. Nó lão đảo gần ngã vật thằng bé xuống. Tiên đỡ nó. Hiền mặt đỏ bừng vì cố gắng, luồn tay xuống dưới háng Đạc xúc lên. Nhưng Tiên bảo:

– Khéo ngã con!... Để tao bế nó cho.

Nhưng chợt nhận ra mình đã lỡ mồm, nó cười và nói chữa:

– À quên để tôi bế con cho... Cậu đưa con đây tôi nào!... Mợ bế con nào, rồi mợ thương...

Tiên bế Đạc lên: Chúng nó vừa đi vừa nói chuyện thì thâm và thỉnh thoảng lại cười khúc khích...

*

* *

Cái trò chơi mới hay hay. Tiên, Đạc, Hiền quẩn quít nhau thêm. Ngày nào chúng cũng tìm nhau. Có điều chúng không dám chơi ở gần nhà. Muốn tránh con mắt gườm gườm của những bà mẹ ghét thù nhau, chúng dắt díu nhau ra chơi ở mãi đầu ngoài. Bởi có một trò chơi riêng nên chúng cũng lảng xa cả các bạn xưa. Bọn chúng bây giờ cũng lẻ tẻ hơn. Chúng không còn tụ tập thành một đám to. Các cuộc chơi cũng kém phần huyền ảo. Sự tẻ lạng ấy do vắng Lộc. Sau trận đánh hôi, Lộc đã bị một trận đòn đau hơn các trận kia. Rồi nó bị nhốt ở nhà trong. Muốn cẩn thận, người ta dùng một cái xích, xích chân nó vào chân cột. Nó không được ra ngoài phá phách. Cái thế giới trẻ con của xóm Bài Thơ thiếu nó có vẻ thiếu hẳn đi một nửa. Các trò chơi mất hẳn thú vị đi. Trước kia giữa lúc chúng đang ham, Lộc xông bừa vào đi bài “quay tán” phá đám làm cuộc chơi phải tan ngay. Thế rồi chúng đánh nhau. Đánh nhau cũng là một trò chơi nào nhiệt. Như vậy không thấy chán. Bây giờ chúng được chơi yên ổn

không bị Lộc quấy rầy. Những cuộc chơi kéo dài ra. Chúng chán dần. Cái kết cục thật là tẻ ngắt. Chẳng có gì ồ ạt. Và lại có cần chống lại Lộc, chúng mới quây quần làm một bọn với nhau. Bởi vì Lộc chia đám đá của nó đều cho cả mọi thằng. Lộc là kẻ thù chung. Mất thằng bạn quý dẫu ấy chúng tự phân ra làm nhiều bọn nhỏ. Bọn nào có cách chơi riêng của bọn ấy. Có lẽ chúng cũng hơi thấy buồn.

Lộc đáng lẽ còn phải buồn hơn chúng. Nhưng Lộc vốn là một đứa trẻ không cái gì làm buồn được. Bị xích căng ngồi một xó nó vẫn không quên tính nghịch. Nhờ những con dao, cái giũa đánh cặp được của thằng Câm, nó tấn mẩn ngồi khoét một chỗ tường. Nó khoét thông luôn sáu bảy ngày. Bởi có một việc để làm nên cái cảnh tù không đến nỗi làm sốt ruột. Đến ngày công việc được hoàn thành nó bỗng được thả ra. Hôm ấy bà nó cần vắng nhà suốt một ngày: bà về quê ăn cưới một người thân. Bà đóng cửa hàng rồi giao nhà cho Lộc. Được một ngày xống xích, Lộc định giới thiệu với các bạn cái công trình của nó. Nó ra đứng thập thò ngoài cửa. Vừa thấy Hiền, Tiên, Đạc, Lộc giơ tay vẫy. Hiền chực reo lên. Lộc trợn mắt, còn một bàn tay che ngang miệng ra hiệu bảo im. Nó đợi cả ba đứa tới gần mới thì thào bảo chúng:

– Chúng mày có muốn xem ống nhòm không?

Hiền với Tiên chưa hiểu ra sao cười ngờ nghệch. Lộc không đợi chúng trả lời giao hẹn:

– Đứa nào muốn xem thì phải im cái mồm, hễ nói to là tao ục đấy.

Tiên nghĩ tới những quả tống chắc nịch của Lộc hơi ngần ngại. Nhưng Lộc đã chạy vào trước ra hiệu cho chúng vào. Thấy Tiên vẫn còn do dự, Hiền bảo nó:

– Cứ vào xem... sợ gì?

Chúng theo Lộc vào. Vào đến nhà trong Hiền hỏi luôn:

– Đâu? Ống nhòm đâu?

Lộc khoằm mặt, nghiêng răng, lấp bắp môi dọa nó. Tiên sợ toan chạy ra. Lộc nắm lại ghé tai bảo nó:

– Cứ đứng đấy rồi mà xem. Nhưng đừng nói.

– Xem ống nhòm hay lắm.

Nó nắm cánh tay Tiên và Hiền kéo lại. Đạc ngoẹo đầu đi chực mếu. Lộc ướm nắm tay vào trán nó quắc mắt lên nạt khê:

– Mày mà khóc ông cho mày một cái này bỏ mẹ!

Đạc bẹp mồm khóc không ra tiếng. Lộc để mặc nó chạy đến chỗ ống nhòm quỳ xuống. Nó vừa ghé mắt nhìn vừa khê bảo:

– Để yên!... Tao vặn máy

Một lát sau nó tùm tùm cười:

– Được rồi! Máy chạy rồi... Thằng Hiền ghé mắt vào đây. Cắm cười to đấy nhé.

Hiền quỳ xuống. Nó bắt chước Lộc, nhắm một mắt, còn một mắt nhòm vào cái lỗ. Lộc quỳ bên khê hỏi:

– Thấy gì chưa?

– Chưa thấy... A cái tú!...

– Không! Ở bên trong một tí cơ. Đã thấy chưa.

Hiền không đáp. Lộc tưởng nó không trông thấy chực đẩy đầu nó ra để ghé mắt vào nhìn lại. Nhưng Hiền giơ tay ngăn tay nó...

– Yên!... Yên mày!

– Thấy rồi, có phải không? Thôi xem vừa vừa chứ cho con Tiên xem một tí.

Tiên ghé mặt sát vào mặt Hiền để đợi xem. Nhưng Hiền chưa chịu nhường. Hai cái mặt đẩy nhau. Giữa lúc ấy ở phía bên kia tường có tiếng cười. Tiếng cười mạnh quá bật tung ra. Một cái đạp chân của Lộc làm nó lăn quèo bên chân tường. Cùng lúc tiếng cười ở phía bên kia tường ngừng bật. Một thứ tiếng đàn ông ồm ồm quát tháo. Tiên sợ hãi vội vàng chạy ra phía cửa. Đạc lết bệt chạy theo vừa chạy vừa khóc nho nhỏ trong cổ họng. Hiền bị Lộc tống thêm cho mấy cái nữa rồi giăng ra chạy thoát. Chúng ra khỏi cả rồi. Lộc vội vàng cài cửa...

... Tuy bị một cái đạp và ba quả thụi, mà chạy ra đến ngõ ngang Hiền vẫn còn cười rữ rĩ. Tiên hỏi nó:

– Gì thế hở?

– Buồn cười lắm!...

– Cái gì thế hở?

– Cô Viên nhà thằng Đạc.

Tiếng cười luôn luôn cắt rứt những câu của nó. Tiền càng giục gấp:

– Ừ, làm sao?

– Bác cai Minh ấy mà! Bác ấy... bác ấy... bé cô Viên lên lòng...

*

* *

Mẹ Hiền cứ làm ngày nửa tháng lại làm đêm nửa tháng. Đến kỳ làm đêm, hôm nào thị cũng thổi cơm sớm để mẹ con ăn rồi mới đi làm. Hiền khép cửa, lên giường đắp chăn nằm. Nhưng nó không ngủ được. Đêm tối làm nó sợ. Người ta bảo chỗ đất này nghịch lắm. Ngày xưa ở đây là một bãi tha ma. Xương cốt còn sót lại rất nhiều. Khi đào móng để làm nhà, có người cuốc phải một cái đầu lâu. Có người đào trơ ra một cái tiểu sành. Cái tiểu sành ấy, trước vẫn để lăn lóc ngay ở chỗ chuồng tiêu nhà lá. Cái nhà lá mẹ con Hiền đang ở!... Người ta lại còn bảo: chính ngay trong căn nhà lá ấy, ngày xưa đã có người thất cổ. Hấn làm thợ xẻ. Chẳng hiểu mắc bệnh gì mà tự nhiên mụn mọc đầy người, phá ra cả mặt mũi tay chân. Máu mủ nhớt nhơ. Hấn chữa mãi, nhưng chẳng thuốc gì chữa khỏi. Về sau, hấn đi không còn vững. Người ta ngờ là bệnh hủi. Không còn tiền thuốc thang, không đến cả cơm ăn, anh em xa lánh dần dần, lại hai ba lần bị người ta thúc bách đi nơi khác kéo chết ở đấy thì rầy ra cho những người cùng xóm, một đêm kia, hấn treo cổ lên xà nhà tự tử. Tận đến trưa hôm sau mới có người biết chuyện. Lúc ông Cẩm đến thì người hấn đã tím lại như nhuộm phẩm. Nước vàng ở các vết thương chảy xuống đất thành một vũng. Ruồi nhặng bâu đầy. Mùi tanh hôi bốc ra làm lộn mửa... ngay sau khi ấy, hàng xóm đã phải góp tiền rước thầy về làm lễ giải oan. Nhưng không hiểu sao hấn vẫn chưa đi. Những đêm trở trời, hấn vẫn hiện ra. Nhiều người khoe: chính mắt đã được trông thấy hấn. Họ bảo: cái mặt hấn sừng lên to bằng cái lệnh; đầu tóc rũ rượi; chân tay lơ rờ y như vẫn còn đau; quần áo tanh hôi; hấn đứng sừng sững rên khừ khừ, nghe khiếp lắm.

Hiền cứ vẫn vợ nghĩ đến những chuyện ấy mà không sao ngủ được. Căn nhà trở nên đầy những quỷ cùng ma. Ma lũng lảng trên không. Ma ở dưới gầm giường. Ma ở trong xó. Chúng đứng lù lù kia, trong bóng tối. Chúng mở to mắt, nhìn trừng trừng vào nó. Nó lạnh toát như người nằm gí xuống chiếu, ngứa cũng không dám gãi. Những con ma từ từ tiến lại. Chúng bước êm như những con mèo. Chúng vây lấy nó. Nó sốt rét lên. Nó gằn ngạt thở mà không dám thở mạnh. Trời ơi! Cái gì đây? Hình như có một bàn tay lạnh giá luôn trong lưng nó. Nó nẩy người lên một cái. Bóng tối xôn xao. Mắt nó bật ra những tia lăm tăm. Nó thấy thoáng hiện ra những con mắt sâu hoắm như những cái hố, những cái mồm méo xệch hoặc nghiêng răng, một cái bàn tay rộng đen thui giơ bên trên nó toan chộp xuống. Nó hoảng hốt, tung chăn nhòm dậy. Nó nhảy xuống khỏi giường, bước một bước ra đến cửa. Nó mở cửa ra. Bên ngoài tờ mờ sáng. Trời lấm chấm những vì sao. Từ trong những căn nhà ở mé bên kia, từng vệt ánh sáng loen ra ngoài sân tối màu tro. Hiền đỡ sợ. Nhưng nó không dám vào nhà nữa. Nó đứng xo ro nhìn vào mấy căn nhà ở đầu trong. Những bóng đen qua lại. Một đôi khi, những tiếng cười tiếng nói vang vang, lẫn tiếng riu rít của trẻ con. Hiền cố đoán xem họ làm gì, cố lắng tai nghe xem họ nói gì. Cái bóng kia là ông Ngã gật gù, tiếng ông nói lè nhè. Chắc hẳn ông ấy vừa uống rượu. Một cái bóng mảnh dẻ đi qua, đi lại. Đây là bà Ngã. Bà có vẻ dọn dẹp mâm bát, hoặc lấy thức này thức khác để đưa cho ông ấy. Tiếng cười trong trẻo, giòn giã của Tiên rướn lên như một tia nước bạc, cố rướn lên rồi rũ xuống. Gia đình ông có vẻ yên vui lắm. Sau trận đánh nhau lớp trước, ông Ngã hình như hồi hận, đối đãi với vợ đã hơn xưa. Ông ít say hơn. Những lúc ngà ngà say ông chỉ nói đùa, nói bỡn, chứ không gây sự nữa. Bà Ngã thấy vậy, rất chiều chồng. Những lúc ông uống rượu ngồi nói khoác, bà không nặng mặt, vùng vằng. Bà tủm tỉm cười hay bĩu môi ra để nhạo chồng. Và lúc chồng ăn cơm, uống rượu xong, tự tay bà đi lấy trầu, rót nước. Họ bằng lòng nhau. Cái ấy chỉ thiệt cho Hiền. Bởi vì những lúc như lúc này, Hiền thầm mong cho vợ chồng ông Ngã đánh nhau để cho nó âm ỉ lên một chút. Trẻ con ở chung quanh tuôn đến. Lặng vắng tan và Hiền sẽ không sợ nữa...

Nhưng họ lại không chịu đánh nhau cho!... À, thì ra trời rét đến, thiên hạ trở nên hiền từ cả. Cả đến vợ chồng bà Hai Mợn lớp này cũng im tiếng lắm. Đã lâu nay, ông ấy chưa bị trận nào kịch liệt. Tuy

vậy cửa nhà bà Hai đóng kín, nên Hiền không biết bà ấy có chiều chuộng chồng hay không. Chỉ thỉnh thoảng, Hiền nghe tiếng bà ấy nói hoặc cười sên sệt trong cổ họng. Tiếng cười, hình như dính chặt vào trong cổ họng, phải giãy giụa để mà nhol ra...

Hiền quay mặt nhìn ra đầu ngoài, về phía nhà Lộc. Nhà Lộc khuất sau cái nhà ông Ấm. Và không khuất thì cũng không trông thấy bởi vì trời tối. Hiền cố đoán xem lúc này Lộc đang làm gì? Hiền nhớ lại chuyện cái ống nhòm, và lại buồn cười. Có lẽ Lộc đang rụt cổ cười trong chăn để trêu bà già hay lấu cẩu... Hiền rét quá. Nó rung rung người và chân tay và sịt soạt. Hai hàm răng nó đập vào nhau cầm cập. Giá bây giờ Lộc đến đây với nó, chắc là Lộc không biết sợ ma... Nghĩ đến ma, Hiền lại thấy bóng thấp thoáng những hình quái gở, hiện ra rồi vụt tắt... Phải, giá bây giờ Lộc đến đây với nó! Chúng nó sẽ đắp chăn, nằm nói chuyện, rồi lúc buồn ngủ ôm chặt lấy nhau mà ngủ... Loanh quanh một lúc, Hiền lại nghĩ đến Tiên. Ở giá có Tiên thì cũng được. Tiên cũng nhát. Nhưng có hai đứa, chúng sẽ bạo hơn. Và lại Tiên ngoan. Nghe Tiên nói dễ thương. Tiên không cục, không hay trở mặt đấm đá như thằng Lộc. Hai đứa nằm bên nhau thích lắm. Hiền làm chồng. Tiên làm vợ. Đạc làm con sẽ nằm ở giữa... Ồ! Giá có cả thằng Đạc nữa thì thú lắm. Cậu nằm ngoài, mợ nằm trong, con nằm giữa... Hiền nằm ngoài? Không, Hiền sẽ không nằm ngoài. Nằm ngoài sợ chết!... Nhưng Tiên, có lẽ Tiên cũng chả dám nằm ngoài đâu. Vậy thì Hiền nằm ngoài cũng được! Có những ba đứa thì chả sợ. Và lại chồng thì phải bạo. Nhút nhát, vợ nó cười vào mặt cho. Hiền sẽ nằm ngoài và để cho Tiên nằm trong...

Nhưng mà kìa! Cánh cửa nhà Tiên cũng đã đóng lại rồi. Cánh cửa hầu hết của các nhà khác cũng đều đóng cả. Đèn tắt hết. Các tiếng nói cũng im. Bóng tối đặc lại, chỉ còn trời loãng hơn một chút. Hiền ngửa mặt lên nhìn trời và có cái cảm giác như mình đang đứng ở lòng một cái giếng rất lớn, rất sâu và chỗ lờ mờ sáng bên kia là gần miệng giếng... Hiền rét quá. Nó run lấy bầy. Cái âm thanh mơ hồ của lạng lẽ vang lên. Nó lại nghĩ đến ma, đến cái xương đầu lâu, đến cái thằng thất cổ mặt to bằng cái lệnh, đi lừng lững và rên khừ khừ. Nó sợ cuống cuống. Bỗng nó giật mình đến thót: vừa có tiếng lục sục trong nhà nó. Nó thấy đầu choáng váng, người bủn rủn. Bóng tối quay lộn, chạy từng luồng qua mắt nó, rồi ngoắt về mang tai. Tai nó ù ù, vang vang. Thành thử nó ngờ rằng tiếng lục sục vừa rồi chưa chắc có. Nó

đánh bạo, ngoảnh mặt vào nhà, nhìn xem. Một tiếng lục súc khác, to hơn, làm nó hoảng hồn. In như người xô đồ đạc. Nó toan chạy trốn. Nhưng chưa kịp chạy thì một bóng đen đã lừ lừ hiện ra trước mắt...

Hiền dụi mắt. Không! Không phải mất hoa. Cái bóng đen chẳng biến đi. Nó rõ thêm ra. Nó tiến gần mãi đến. Một cái gậy khua vào cửa, kêu lóc cóc. Hiền mừng rỡ...

– À! Ra cô thầy!... Hôm nay cô về?

– Ai thế?

– Con đây, cô ạ.

– Hiền đây hả? Bu đâu?

– Bu con đi làm ạ!

– Thế em chưa đi ngủ à? Em đứng làm gì đấy?

Câu hỏi sau của cô, thoát ra sau câu hỏi trước một giây, có vẻ hơi gắt gỏng. Cô đứng im một chút như nghi ngờ gì Hiền vậy. Rồi cô lại hỏi:

– Chưa khuya à?

– Cũng hơi khuya rồi ạ.

– Khuya rồi sao em chưa đi ngủ? Trời rét thế!... Mà lại sang bên nhà tao nghịch hản.

– Không ạ.

– Có thật không?

– Thật, có một mình con, con sợ không dám ngủ.

Cô thầy lại đứng lặng một chút như nghĩ ngợi. Rồi cô lại bảo, giọng nói trở nên bình tĩnh hơn:

– Ừ thế thì được. Đừng dại vào nhà tao mà nghịch. Tao thờ ông hoàng. Mà nghịch ngợm, ông bóp cổ... Thôi vào mà ngủ đi. Không sợ. Đã có tao bên này. Mà không lếu láo gì với ông hoàng thì ông hoàng phù hộ cho.

Lạch cạch một lát, cái cánh cửa nhà cô mở ra, kêu lách cách. Hiền cũng đi vào nhà. Nó khép cửa rồi lên giường đắp chăn kín mít từ đầu đến chân, dè cẩn thận lên mép chăn, như một con sâu cuộn mình trong cái tổ. Ở bên kia, cô thầy lịch kịch thu dọn gì lâu lắm. Nhờ

tiếng lịch kịch ấy, Hiền đỡ sợ. Nhưng bởi thức quá giấc rồi, nó chưa thể ngủ ngay. Nó vẫn vợ nghĩ đến cô thầy.

... Cô làm nghề gọi rí. Người ta bảo rí của cô thiêng lắm. Nhà nào có bà con anh em chết đi, muốn gọi hồn về để hỏi việc gì, cô gọi được ngay. Chỉ cần cho cô biết tuổi của mình, tên tuổi của người đã khuất, người ấy chết ngày nào và chôn ở đâu. Cô sẽ đọc một bài chú, sai ông hoàng tra các quan bản thổ rồi đi đón hồn về. Hồn nhập vào cô, ứng vào miệng cô để trả lời những câu người nhà hỏi. Muốn hỏi gì cũng được: việc nhà cửa, việc dưới âm, hồn sướng khổ thế nào? Có oan khuất gì chẳng? Muốn gì chẳng? hoặc lúc còn sống có tiền bạc chôn giấu ở đâu hay cho ai vay mượn mà khi chết chưa kịp trời cho con cháu biết, cũng có thể hỏi rành mạch để tìm kiếm, đòi hỏi mà lấy lại... Cô nói vanh vách y như người ở trong nhà. Hình như đã có nhiều đám nhờ cô mà đào được của chôn hay đòi được nợ. Bởi thế tiếng cô đồn đại rất xa. Quanh năm, chẳng mấy khi không có người mời đón. Một người đón, lại có mấy chục người thấy hay, cũng muốn xem. Do đấy, mỗi lần cô đến một nơi xa phải ở lại hàng tháng hay nửa tháng. Căn nhà lá cô thuê ở cạnh nhà Hiền luôn luôn bỏ vắng. Hiền thường tự hỏi: như vậy thì cô thuê làm gì cho mất tiền? Mà không hiểu sao cô chỉ ở một mình. Bác Văn gái đoán rằng cô kiếm được nhiều tiền, gạ mãi cô nuôi giùm cho một đứa con bác làm con nuôi để dắt cô và để cô sai vặt, nhưng cô không chịu. Cô lấy cớ rằng: cô đi đâu đã có xe về tận cửa mời, rồi lúc về lại có xe đưa đến tận cửa: đến đâu đã có cơm nhà chủ thết; ở nhà thì đã có cơm hàng; không mấy khi ở nhà mà bày vẽ ra con nuôi, đứa ở rồi lại phải sấm sửa bát đĩa, nồi niêu để thổi nấu mỗi tháng độ vài lần, phiền phức lắm; vả lại cô mù lòa thế, nuôi con nuôi nó phải nhận cô là mẹ, chắc là nó then: chi bằng cứ ở một mình là hơn... Cô vừa cười vừa bảo thế. Rồi cô lại dở cái giọng nửa pha đùa bảo thế này: “Tính tôi ghét trẻ con. Bởi không muốn có con, nên mới không dám lấy chồng. Nếu nuôi con nuôi, thà lấy chồng để vài đứa mà nuôi. Tội gì ngủ một mình, rét ốm người đi ấy! Có chồng, trời bức thì chồng quạt, trời rét thì chồng quặp vào lòng, có sướng bao nhiêu không nào?”. Nói dứt câu, cô khanh khách cười, đôi má hơi ửng đỏ.

Sự thật thì giá cô muốn lấy chồng, thường cũng có người chịu lấy. Cô còn trẻ: mới độ ba mươi hay chưa đến ba mươi. Mà cũng sạch sẽ người.

Mặt trái xoan, da trắng, mũi mồm vừa phải không to không nhỏ;

nhất là hai hàm răng: những lúc cô nói, cô cười, những chiếc răng đen nhánh phô ra, nhỏ và đều chẵn chẵn. Thêm vào đấy một đôi mắt long lanh nữa, thì ai nhìn cũng phải ưa. Tội nghiệp cho cô! Trời bắt tội đôi mắt cô bị hỏng. Tuy vậy, cô đã dùng một cặp kính râm gọng vàng che kín; giá vô ý, người ta có thể tưởng đôi mắt cô lạnh lặn hay chỉ đau qua quít. Đã thế cô lại thích điểm trang. Chỉ lấy tay sờ mó mà cô cũng chải được cái đường ngôi thật thẳng băng. Quần áo rất nèn, cô mặc toàn những lĩnh, lụa, lượt là. Đến bên cô, mùi nước hoa thơm lựng. Cô cất nghĩa: “Đã mù tịt, còn làm dáng với ai mà trang điểm? Các ông, các bà ai biết cho thì được, ai không biết chắc cũng cười tôi là con người đỏng đảnh không phải lối. Nhưng cái số tôi phải vậy. Ông hoàng đã thương, cho làm tôi đòi của ông hoàng, không sạch sẽ không xong...” Đúng là cái giọng của một cô đầu môm mếp bông lơn với khách! Hiền đã có lần nghe thấy mấy người đàn ông trong xóm bàn tán về cô thầy như vậy. Hiền chẳng biết cô đầu là hạng thế nào. Nhưng ý nọ dấy ý kia, bao nhiêu những câu chuyện nó đã vô tình nghe thấy về người láng giềng tôi tớ của ông hoàng, lần lượt trở về óc nó...

Nhưng mí mắt nó dần dần nặng trĩu, dần dần dính chặt lại với nhau. Những hình ảnh diễn qua mắt nó trở nên rời rạc, lơ mờ. Chúng chìm đi, rồi lại vẩn lên như những đám mây xám trên một nền trời đục. Chúng pha trộn với chiêm bao. Hiền mơ màng trong giấc ngủ...

Báo Trung Bắc chủ nhật, năm 1944.

(Toàn truyện đăng từ số 197 đến 219)

BÙI HIỂN

(1919 - ?)

Sinh ngày 22-11-1919. Sinh quán và nguyên quán: làng Phú Nghĩa hạ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (nay là xã Quỳnh Tiên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An). Thuở nhỏ, Bùi Hiển sống ở Vinh, học đến lớp nhất thì vào học ở trường huyện (gia đình về quê lập nghiệp), sau đó trở lại Vinh học trung học. Từ năm 1939 đến 1945, ông vừa dạy học tư, làm viên chức, vừa viết văn, viết báo. Tác phẩm đầu tay: truyện ngắn *Năm vạ* (báo *Ngày nay*, tháng 9-1940).

Ông cộng tác với nhiều báo: *Ngày nay*, *Trung Bắc chủ nhật*, *Tiểu thuyết thứ bảy*, *Thanh nghị*, *Hà Nội tân văn*, *Bạn đường*, *Chủ nhật*... Một số truyện ngắn của ông được tập hợp lại, in trong tập *Năm vạ* (Nhà xuất bản Đời nay, 1941).

Bùi Hiển hiểu biết khá kỹ lưỡng về cuộc sống vụn vặt, tầm thường, còm cõi của người tiểu tư sản tỉnh lẻ (*Làm cha*, *Cái đồng hồ*, *Hai anh học trò có vợ*...). Ngòi bút ông đặc biệt sinh động khi viết về người dân chài vùng biển – những người ông hiểu biết và yêu mến ngay từ khi còn đi học, có vẻ ngoài cộc cằn, thô vụng, nhưng tâm hồn trong sáng, đôn hậu, phác thực, yêu đời và có tinh thần lao động dũng cảm (*Năm vạ*, *Thằng Xin*, *Ma đậu*, *Chiều sương*...).

Cách mạng Tháng Tám thành công, ông làm Trưởng ty Thông tin tỉnh Nghệ An, Chủ tịch Hội Văn hóa cứu quốc Nghệ An. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ông công tác ở Sở Thông tin Tuyên truyền Liên khu IV, và từ năm 1951, là Ủy viên Thường vụ Hội Văn nghệ khu. Chuyển đi thực tế vùng địch hậu Thừa Thiên (1949 – 1950) tạo cơ sở để ông có những tác phẩm tốt: *Gặp gỡ*, *Đánh trận giặc lúa*, *Ánh mắt*...

Năm 1954, Bùi Hiển ra Việt Bắc, làm phóng viên báo *Nhân dân*. Từ 1956 đến 1963, ông làm Ủy viên trong Ban phụ trách báo *Văn nghệ*, *Văn học*, Nhà xuất bản Văn học. Thời gian chiến tranh chống Mỹ, ông gắn bó với vùng đất lửa Nghệ Tĩnh, Quảng Bình, Vĩnh Linh và sáng tác khá sung sức. Năm 1970, ông được bầu làm Ủy viên Thường vụ Hội Nhà văn. Từ 1972 đến 1974, là Phó Tổng biên tập Nhà xuất bản Văn học. Từ 1975 đến nay, ở Tổ sáng tác Hội Nhà văn.

Tác phẩm chính sau Cách mạng: *Gặp gỡ* (tập truyện ngắn, 1954), *Ánh mắt* (tập truyện ngắn, 1961), *Đường vui xứ bạn* (ký sự, 1962), *Trong gió cát*

(truyện và ký, 1965), *Đường lớn* (truyện và ký, 1966), *Những tiếng hát hậu phương* (tập truyện ngắn, 1970), *Hoa và thép* (tập truyện ngắn, 1972), *Ý nghĩ ban mai* (truyện và ký, 1980).

Bùi Hiến chuyên viết ký và truyện ngắn. Trong lĩnh vực truyện ngắn, ông là một cây bút vững vàng, có năng lực quan sát sắc sảo, có tấm lòng trung hậu, và có nghệ thuật diễn đạt trong sáng, chững chạc.

Những tác phẩm tuyển dưới đây đã được nhà văn xem lại và chỉnh lý đôi chút (chủ yếu về văn).

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN CỦA BÙI HIẾN

1. Truyện và ký

TRƯỚC CÁCH MẠNG:

– *Nằm vạ*, tập truyện ngắn. Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1941.

SAU CÁCH MẠNG:

– *Gặp gỡ*, tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Văn nghệ, Hà Nội, 1957.

– *Ánh mắt*, tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1961.

– *Đường vui xứ bạn*, ký sự, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1962.

– *Trong gió cát*, truyện và ký, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1965.

– *Đường lớn*, truyện và ký, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1966.

– *Người mẹ trẻ*, truyện và ký, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội, 1967.

– *Cao Bá Tuyết và đồng đội*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1967.

– *Những mẫu chuyện về một bệnh viện anh hùng*, ký, Nhà xuất bản Y học và Thể dục thể thao, Hà Nội, 1968.

– *Những tiếng hát hậu phương*, tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1970.

– *Hoa và thép*, tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1972.

– *Giản dị*, tập truyện ngắn, Hội Văn nghệ Nghệ An xuất bản, 1975.

– *Một cuộc đời*, truyện ký, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội, 1976.

– *Mai đây những buôn làng đẹp*, truyện ký, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội, 1978.

– *Ý nghĩ ban mai*, truyện và ký, Nhà xuất bản Tác phẩm mới, Hà Nội, 1980.

2. Truyện viết cho thiếu nhi

TRƯỚC CÁCH MẠNG:

– *Con chuột mù*.

– *Phép lạ*.

NĂM VẠ

(Truyện ngắn)

Chị Đỏ chột rùng mình nhẹ, vì thấy buồn buồn ở bụng chân. Và, trong cử động nửa ý thức của giấc ngủ bị quấy phá, chị rụt chân lại. Cái buồn buồn chị cảm thấy rõ rệt nó chạy trên ống chân rồi tới gót thì biến đi.

Chị cựa mình. Thân thể đau dần khắp cả. Cùi tay mỗi mệт rơi đánh thịch. Mắt vẫn nhắm, chị cố nghĩ, cố nhớ xem mình đang ở đâu. Và chị chột hiểu ra là mình vẫn nằm trên nền đất, trong gian buồng hẹp mà mùi ẩm mốc tanh nhạt đọng thành lớp đặc xông lên mũi.

Từ ngoài đưa vào, tiếng xôn xao đã hơi rời rạc đượm buồn của làng mạc về chiều. Sự hoạt động của cuộc sống ngoài kia khiến chị tức bực, và chị muốn chửi lên một câu để nguyên rủa bất kỳ ai. Đã hai ngày hai đêm, chị nằm dài trên đất ẩm của căn buồng hẹp tối. Chị đã tự đày đọa như vậy, vì một câu chuyện không đâu.

Sáng hôm kia anh Đỏ mắng chị về tội đi ngủ không đóng cửa chuồng gà. Chị lằm bằm cãi lại:

– Quên một bữa cũng chẳng sao! Chào! Chăm sóc đến gà gớm. Để hấn để trứng mô là nuốt lỏng đi trứng nở mà.

Anh Đỏ giận tím mặt dưới làn da đen, lẳng lặng đi ra. Nhưng chị Đỏ, với cái *nu* dai dẳng của đàn bà, vừa quét sân vừa kiếm câu đăm chọc. Chị bảo con em chồng:

– Xin ơi! Rầy tau giao cho mi việc đóng cửa chuồng gà đó! Được trứng mô thì đem anh mi ăn rồi anh mi cho cái vỏ.

Anh Đỏ chẳng nói chẳng rằng, vút mảnh lưới anh đang vá, xông tới túm lấy vợ trong hai bàn tay sắt, lôi xềnh xệch vào buồng; đoạn anh ném vợ xuống đất, như ném một đồng giẻ. Chị Đỏ bổ nhào ra, nằm thẳng cẳng như người chết rồi. Anh đập vào mông vợ mấy cái, đoạn bỏ ra. Con Xin phải nấu cơm sáng thay chị. Dọn mâm rồi, nó vào buồng gọi, nhưng chị Đỏ nằm lì. Anh Đỏ vào lôi chị ra, chị bứ

chặt lấy chân giường, miệng ngoặc vào chân chồng. Anh đau quá kêu lên “Ái! Đồ chó cắn tề! Được, đã muốn nằm vậy, tau cho nằm”.

Bà mẹ chồng đang ở chợ bán mẻ cá mà con trai đánh được hồi đêm, nghe con Xin ra mách, vội chạy về. Với tất cả cái hùng hổ của những mẹ chồng, mụ xăm xăm vào buồng, chống nạnh bàn tay ngoặt ra sau, và hếch mặt nạt:

– Nay con tề, muốn tốt thì dậy lo ăn làm. Nỏ ai hơi đâu nuôi đứa nằm ăn vậy.

Chị Đỏ nằm im. Mụ cúi định lôi dậy, lại bị ngoặc vào tay; mụ vừa chạy ra, vừa kêu như sắp bị chết chém: “Ừa làng nước ơi! Ừa làng nước ơi! Hấn cắn đứt tay tui rồi!”.

Thế là câu chuyện thành to không thể vãn hồi. Chiều đó, vài bà con trong họ đến hỏi thăm; có đôi đứa bé tò mò ghé mắt nhìn vào buồng. Anh Đỏ gắt đuối ra, đem buộc ở cửa một mảng buồm rách làm rèm che.

Trong bóng tối, chị Đỏ thấy dễ chịu hơn, và thậm cảm ơn chồng, chị đã có ý muốn thôi nằm vậy.

Nhưng đến đêm, anh Đỏ vào buồng ngủ, anh chỉ nói một câu cụt lủn:

– Muốn tốt muốn lành thì đi!

Tự mình ngồi dậy thì sợng mặt, chị Đỏ nằm chờ. Nhưng anh gắt:

– Muốn đập thêm cho ít cái nữa lắm.

Rồi trèo lên giường ngủ. Chị Đỏ nằm một đêm dưới đất lạnh buốt xương không sao nhắm mắt được. Sáng hôm sau, chồng ra rồi, chị lồm cồm tới giường, lấy hai manh chiếu, một rải ra đất, một đắp lên mình, đánh một giấc dài khoái. Đó là lần đầu chị được ngủ ngày một cách say sưa, không bị quấy rối; lần đầu chị ném cái thú nhàn hạ của các bà tỉnh thành.

Nhưng đến đêm, anh Đỏ tàn nhẫn đẩy chị lăn ra, giật lấy chiếu và chị lại nằm một đêm trên đất cứng lạnh.

*
* *

Tiếng xôn xao ngoài kia nhỏ dần, nhỏ dần... Thực ra, ngày chưa tắt; nhưng thính quan của chị đã yếu đi trong sự mệt nhọc toàn thân,

một sự mệt nhọc rã rời, khiến cho xương mềm, thịt nhào và ngón tay co quắp, sự mệt nhọc gây bởi cơn đói. Chị nhịn ăn đã hai ngày! Đó không phải cái đói giày vò, quằn quại, náo động của những miệng ăn hùm hổ. Vốn tính ăn ít, làm nhiều, chị chỉ thấy một cái đói nhằn nại nó thỉnh thoảng cào xót trong dạ dày. Hình như mồ hôi toát trên trán lạnh, nhưng chị không còn đủ sức đưa tay lên sờ. Chị tựa mình quay nghiêng vì nãy giờ nằm ngửa, da bụng căng ép lên dạ dày trống rỗng, như một hòn đá nặng.

Chị nằm co như con chuột chết, bụng thót lại. Mắt mở trân trân dán vào một vuông sáng mà có lẽ chị cũng không nhận ra là lỗ thông để đùn rác rưởi quét ở buồng ra.

Chợt mảnh buồm che cửa lay động. Chị không nghe động, nhưng thấy một vệt ánh sáng lấp loáng vì mảnh vải bị nâng để lộ da trời. Rồi một cái đầu ló trong ánh sáng tam giác ấy, cái đầu tóc bơ phờ khăn quấn cầu thả của mẹ chồng chị. Chị Đỏ liếc nhìn lên, nhưng không thấy rõ mặt mẹ, sắp bóng tối. Tuy vậy, chị tưởng tượng mẹ ta đương dạo đôi mắt lác lác lo ngại trong vòm sâu hoắm; và chị nghĩ thầm: “Mình mà chết thì cũng rầy với mình! Quan khám, lệ hạch, rồi họ cũng đến lo mà chết luôn thôi! Ừ, mình cứ nằm đây, không vô bông dầy mà chớ!”. Cái đầu biến đi và khung sáng sụp tối.

Cái cảm giác buồn buồn lại tới ám chị, lần này ở đầu ngón chân cái; chị cũng không buồn rút chân. Nó chạy lần lên, dừng ở mắt cá, tiến tới đầu gối, chui một chút xiu dưới váy chị, rồi chạy trở ra. Đến bụng chân, nó biến đi. Bỗng một bóng đen nhỏ vụt qua lỗ hồng: chị nhận ra một con chuột nhắt.

Một lát sau, con chuột lại hiện ra trong khung trắng. Nó quay đầu bên này, bên kia, chạy từng chập ngắn trên chân nhỏ thoăn thoắt, dừng lại, chạy ít bước vội vàng, dừng lướt nữa rồi chạy trở lại như để dử ai. Nó đứng yên, quay nhìn vào buồng, mắt tròn ngời ánh đỏ hoe như hạt ngọc. Con vật xinh nhỏ có một dáng điệu nửa nghi ngờ, nửa tinh nghịch. Sau cùng, nó chạy vào buồng, xáp tới bàn tay chị Đỏ lê trên đất. Nó vểnh tai nhìn rất lâu những ngón tay rung rung, đoạn khôn ngoan chạy về phía vách, lẩn trong bóng tối.

Tiếng bát đĩa lách cách dưới bếp làm nao lên trong lòng chị một niềm giận dữ! Hừ! Họ vẫn ăn đủ bữa và no bụng. Đã không muốn lo, để rồi chị cho mẹ lo. Khi quan về khám án mạng thì những kẻ kia hãy liệu mà bán thuyền, bán lưới đi thôi!

Con chuột nhất núp trong tối lâu lắm, rồi lại chạy ra. Lòng vẫn sôi tức bực, chị Đỏ choài tay định bắt. Nó kêu lên một tiếng nhọn hoắt, vụt ra lỗ sáng rồi thoát biến, để lại trên đất một vệt trắng nhỏ bằng hạt đỗ. Chị Đỏ cầm lấy, nhận ra một mẩu khoai xắt khô bèn bỏ tọt vào miệng. Nước miếng nhoèn nhoẹt đầy trên lưỡi, tẩm vị ngọt của khoai.

Một ý nghĩ lóe ra trong trí yếu chị Đỏ. Thu góp sức tàn, chị lê xoay mình về phía vách, giơ tay quờ trong bóng tối. Một cái chóc bị vạt ra đất, với một tiếng nặng nề khô khan. Tay chị đưa lên miệng chóc nắm lấy cái nút lớn làm bằng một nùi rơm bọc lá chuối, cố sức rút. Nút bật tung, và những lát khoai rào rạt tuôn ra trắng đất. Chị Đỏ vội vàng bốc lấy một nắm trong tay run run, vụng về đưa vào miệng. Khoai rơi lả tả xuống. Chị Đỏ nằm ngửa ra, nhai. Chị nhai ngồm ngoàm, hộc tốc, trợn mắt nuốt. Chị cảm thấy rõ sự cọ xát trên da thực quản của những mẩu khoai chưa nghiền kỹ. Khi bụng đã thôi bị sức căng ép, chị quay nằm ngửa, nhai chậm hơn. Mắt nhìn một lỗ hồng trắng trên mái tranh, tay đưa dần từng miếng khoai lên miệng, chị nhai một cách từ tốn quý phái, để nước miếng tiết ra nhiều ngào miêng ăn thành một làn bột mềm, ngọt và thơm mát.

Nhưng một lát sau, một sự khó chịu bỗng chiếm lấy chị. Chị Đỏ thấy tức ách trong bụng quá đầy, tưởng có một hòn đá nặng trong đó, khiến chị không trấn trở mình được. Trên đầu máu tụ và chị Đỏ nằm thiếp đi trong cơn bội thực, bàn tay mở vẫn đặt trên những lát khoai còn lại ở mặt đất.

*
* *

Chị Đỏ ren rén ngồi dậy, lê đến cạnh vách, ghé mắt vào một lỗ hồng nhỏ nhìn ra sân. Chị thở phào một tiếng. Ông Lý sắp đến thực. Mẹ chồng chị đương tằm trâu, anh Đỏ xăng xít nhấc chiếc phản ra sân để “làng” ngồi. Con Xin ngồi xồm trong một góc, lo đánh bộ chén cộc cạch then thùng nằm trên cái đĩa tàu cổ rất đẹp mà anh Đỏ đã lấy được trên một chiếc tàu ô trôi lênh đênh vô chủ ngoài biển cả sau một trận cuồng phong nào.

Chị trở lại chỗ cũ, nằm duỗi cẳng, khoan khoái đợi. Cái trò đùa thực đã kéo dài quá thể. Chị nằm vạ bảy ngày trời rồi! Hôm nhờ con

chuột nhất, chị khám phá ra cái kho lương thực bất ngờ ấy, ý nghĩ thứ nhất đến cho chị là một ý nghĩ phục thù: chị sẽ nằm dài ra đó, ít ra đến lúc còn trơ lại cái chóc không. Cho' đáng kiếp!

Nhưng chị chẳng phải dùng nhiều bữa khoai sống mới nhận thấy rằng thức ăn kia cào xót ruột và làm ứ hơi trong bụng đầy trich. Một đôi khi nước ợ lên đến cổ, vị chua gắt, suýt trào ra ngoài miệng lúc chị nằm nghiêng; chị nhắm mắt nuốt đánh ực, và vị chua khiến chị rùng mình.

Cơ sự đã thành nghiêm trọng, chỉ còn chờ "làng" đến mới phân xử được. Mỗi khi thấy cái đầu mẹ chồng ghé nhìn vào, chị thở rốc lên những hồi ghé rợn như người sắp chết, để mẹ lo lắng thêm. Vậy mà những ngày dài chờ đợi vẫn trôi đi, ông Lý vẫn biệt tăm dạng. Đã có lúc chị nghĩ "Hay là họ cứ để mình nằm ở đây cho đến chết đói?" Và giận dữ sôi lên trong lòng, chị lại nghĩ đến chuyện cắn lưỡi.

Thực ra, mẹ chồng chị không vô lo như chị tưởng. Trong bốn tối luôn mẹ ra châu chực nhà ông Lý. Nhưng ông Lý và ông Phó mắc việc quan trên phủ. Tối hôm thứ năm, mẹ cuống cuống lên, đến tận bến đò đợi. Mẹ vừa chạy theo ông Lý về, vừa kể lễ sự tình. Ông Lý hẹn:

– Mai đến.

Mẹ mừng cuống, đem đĩa trầu khô vẫn bung cò kè vào trút lên cơi bà Lý, rồi chạy về báo tin cho con.

*

* *

Ông Lý bước vào, xúng xính trong áo lương rộng và lép kẹp trên đôi giày da. Khuôn mặt phì nộn tươi nở như một cái hoa, mà nhụy là cái mũi đỏ chóc, to lạ lùng và đậm lỗ chỗ như da trái bưởi.

Ông đặt dít ngồi; theo thói quen, ông đập hai bàn chân vào nhau phủi đất, rồi đưa lên xếp bằng trên phản. Đoạn hách dịch gọi:

– Con mẹ Đỏ mô rồi?

Một người em họ anh Đỏ đã đứng chực sẵn, vào buồng nhắc chị ra, chân chị lê xềnh xệch trên đất. Chị giả cách cố ngồi gượng mới ngồi lên được ngưỡng cửa. Tóc chị rối bù, khăn xô xuống che một mắt; chị đã tự soạn một bộ mặt chết đói bấy ngày.

Hàng xóm đến xem, đứng vây thành vòng bán nguyệt. Những đứa con nít nghiêng đầu, hấp háy nhìn bằng đôi mắt nhèm, hai tay chắp lại trên cu tồng ngồng. Vài cô gái kháo nhau:

– Á Đỏ tài nhin gớm, bay ạ. Bảy tám ngày mà nở gày đi thí mô.

Chị Đỏ sẽ dẹo mép cười lạng lẽ.

Ông Lý nhấp trà rồi cất tiếng:

– Răng đó, đã ưng dị chưa? Chào, vợ chồng người ta ở ví nhau năm năm, mười năm, cãi lộn nhau cho hấn đáng, đàng ni đôi vợ chồng son, anh vẫn là mâm ngọc, em còn như đôi đũa vàng, ha ha ha... chưa chi đã giận hờn, rồi lăn ình ra nằm vạ.

Sự khoái hoạt âm ĩ của ông Lý khiến mọi người cười theo; và, dăm nhơn, một cô gái trong bọn đứng xem liều đùa một câu:

– Ông Lý hát phường giỏi lắm đó.

Ông Lý liếc nhìn cô một thoáng mau, rồi lập nghiêm ông hỏi:

– Răng? Giữ muốn hòa thuận với nhau lại không? Hay là muốn ly dị, thì ta cho đồng tiền chiếc đũa mà về cùng bố mẹ?

Mẹ anh Đỏ đứng chắp tay thưa;

– Thưa ông, chứ con nớ tộ lắm. Mắng hấn một tiếng, hấn cãi lại hai tiếng, rồi hấn lạng loạn, hấn gieo mình nằm vạ, hấn cắn đứt tay tui. Xin làng cứ phép xử thì đội ơn lắm.

– Thế mẹ muốn hai bên ly dị à?

– Bầm không! Bầm không! Là tôi trình rúa để làng biết cho rúa thôi.

Mụ vợi nói thế. Mụ đại gì mà cho dậu về, đứa dậu mà mụ vẫn tự hào mát tay mới chọn được. Chị Đỏ tuy xấu tính thực, nhưng hay làm, đảm đang tất cả mọi việc trong nhà. Vả cưới chị có phải tốn ít dậu: tiền anh Đỏ dành dụm trong hai năm đi chài, từ khi còn là một chú trai nấu cơm xách nước cho đến khi thành anh bạn lành nghề, đều dốc vào đó hết.

Ông Lý gắt:

– Muốn đường mô thì nói rõ ra một đường!

Anh Đỏ vẫn đứng chắp tay trong góc nhà, nói ra:

– Thưa ông, ông xử cho tui phận mô tui được nhờ phận nớ.

– Ăn nói hàm hồ rúa thì ai biết đường nào mà xử! Mẹ Đỏ! Muốn ở hay muốn về?

– Dạ trăm sự nhờ ông cả, ông cho sao thì được nấy... Trăm sự cũng là nhờ ông.

Chị Đỏ đáp vậy, giọng kéo dài như mỗi mệ. Ông Lý đét vào đùi, bộ thất vọng:

– Rửa thì cha ai mà xử được. Anh nói “nhờ ông”, ả nói “nhờ ông”, rằng mà hai anh ả khéo bảo nhau quá. Đã đồng ý với nhau rửa thì, thôi! Cho đoàn tụ!

Mọi người vẫn im lặng. Thấy lời tuyên án không hiệu quả và câu khôi hài kín đáo không ai thưởng thức, ông Lý ngồi lặng thỉnh uống nước.

Anh Đỏ bước ra rót nước. Bấy giờ chị Đỏ mới chợt nhận thấy chồng mình mặc áo dài. Cái áo lương tưởng như sắp bật tung trên thân hình vạm vỡ của anh dân chài. Ống áo chịt vào hai cổ tay đen, và tà ngắn đập cùn cựa trên đầu gối. Chị Đỏ vờ cúi mặt, liếc nhìn qua mớ tóc rối trên trán, và mỉm cười ngắm những cử chỉ ngây ngô của chồng. Chị nhớ lại hôm cưới, anh Đỏ ngượng nghịu trong cái áo lương độ ấy còn mới nguyên, và cái quần cứng đét hồ, thì thụp lạy trước bàn thờ. Chị bất giác cười lên tiếng. Anh Đỏ quay nhìn, càng ngượng nghịu thêm, thủ hai bàn tay dưới áo, rồi chấp lại, rồi gãi đầu, rồi mân mê khuy áo. Sau cùng anh mỉm cười cho đỡ thẹn. Ông Lý kêu lên:

– Ô, anh ả cười ví nhau rồi đó tề! Cần gì ai phân xử nữa!

*

* *

Con Hoét mách:

– Mệ ơi, ả Đỏ vào buồng lục.

Mụ Bình chạy vào, chị Đỏ đứng chải đầu. Mụ hỏi:

– Mi lấy gì đó?

– Lấy gì mô!

Khi mụ Bình ra rồi, con Hoét, còn nhỏ mà đã ranh vặt, đứng rình. Từ ngày chị nó về nhà chồng, nó vẫn quen coi chị như người xa lạ, theo gương mẹ nó. Con gái là con nhà người... Mỗi khi thấy chị về chơi nhà lấy vật gì, nó kêu lên như bị mất cướp.

Chị Đỏ chải đầu xong, thản nhiên đi ra. Con Hoét yên tâm,

không ngờ chị nó đã mang một bọc khoai khô trong tà áo nâu dài buộc túm, bọc khoai đã ăn trộm được trong chum mẹ chị.

Về đến nhà chồng, chị len lén nhìn, rồi thẳng tuột vào buồng. Chị mở nút tà áo ra, tuôn khoai vào chóe, vừa vụn dầy như trước.

Một hôm, trời hửng nắng hanh vàng, mẹ chồng chị mang khoai ra sân phơi. Chị Đỏ ngồi đan lưới trong nhà, hồi hộp nhìn ra. Mụ đưa bàn tay gân guốc rải xòá đống khoai. Chợt mụ lặng yên như đang suy tính gì lung lăm. Mụ cầm một lát khoai, nhìn mãi trong một ngạc nhiên căm lặng. Mụ di di móng dài ngón tay cái lên trên, cố cạo lớp vỏ xám. Sau cùng, mụ ngoảnh vào, nói với con dâu điều phát kiến mới mẻ của mụ:

– Mẹ Đỏ này, cái chóe khoai mình nút không chặt để gió vô, thành thử cả lớp khoai trên hấn xám đen mặt lại.

Năm xưa, tập truyện ngắn,
Nhà xuất bản Đời nay, 1941.

THẺ XIN

(Truyện ngắn)

Bác chài, đứng chạng trên xạp thuyền, mình hơi lùn, ngực căng vòng rúm đỏ, gác thúng cá lên một đầu gối rồi trút cá xuống chiếc lào¹. Chủ thuyền, ông nhà nghề, gọi người mua cá:

– Mụ Phiên đâu rồi, đến nhận thẻ, cà².

Những con cá trích, vẩy bạc loang loáng biếc, trượt từ thúng xuống lào lạch đạch. Tay bác chài giật giật nhanh và rất nhẹ, cá lướt từ từ không ép chặt lên nhau trong lào, khiến lợi người bán. Một bác khác quỳ trên sạp, hai tay nổi gân đê xuống cạp lào. Mụ Phiên kêu:

– Đè nhẹ rứa, bẹp lào của tui mất. Làm rứa thì dong một lào thật ra chỉ được một nửa.

Ông nhà nghề, vốn người làng bên, đáp bằng giọng oang oang của những bộ ngực nở đã quen hò hét giữa sóng gió:

– Nói vậy thôi! Rứa thì kẻ đi chài nỗ mấy lúc mà giàu to, ru!

Bác dong cá vút thúng, đưa tay khóa cá trong lào cho bằng mặt, đoạn hô, giọng kéo dài:

Thẻ... e... e... e...

Ông nhà nghề rút trong bó dũa nắm ở tay một chiếc, giơ cho người mua. Nhưng mụ Phiên kêu giãy nảy:

– Không, không nhận, dong hao rứa không được.

Bác chài quỳ rạp mình thò tay bốc dưới khoang ba bốn con cá bỏ vào lào rồi vừa xoa bàn tay trên mặt lào cá vừa nói:

– Dong ngang cạp lào rồi, còn muốn đầy có ngọn nữa cà ru?

1. Thúng dong cá.

2. Kìa.

Mụ Phiên vẫn hét mồm quét trâu há đở lòm:

– Không cà ru cà rót gì hết, bỏ vô vại mười con nữa, không thì tui không lấy. .

Mụ bỗng quay lại đét vào lưng một thằng mình trần đến thất lưng ngồi chồm hồm như con chó tiền rưởi phía sau mụ:

– Xin, bỏ ra không *chéch*¹!

Thằng Xin vút nhanh vào lòng mấy con cá hấn vừa thò tay lấy cấp, đoạn giơ bàn tay còn nhầy nhựa vẩy cá, gắt lớn để chối:

– Ai lấy gì mô?

Ông nhà nghề nói:

– Chào, cái quân hôi cá! Ăn cấp như nhem!

Đoạn thừa cơ mụ Phiên đang bận trí về mấy con cá bị hôi, ông gi chiếc đũa vào tay mụ, miệng bảo:

– Trút cá đi.

Bác chài nhanh nhẹn nhắc lào cá trút xuống chiếc xuống của người mua ghé cạnh thuyền lưới. Mụ Phiên vô tình nắm lấy thẻ, khi sức nhớ, quay lại kêu ầm:

– Lào sau, phải đong cho dôi để bù vô.

Hai bác chài đứng trong khoang thuyền, dùng cào xúc cá vào rổ, chuyển dần lên; chân họ dính những vảy đến tận đầu gối. Nước cá bắn lên má, họ nghiêng đầu giơ cánh tay xát bả vai vào má cho đỡ ngứa xót.

Thằng Xin vẫn ngồi rình, lại thò tay bốc một nắm cá trong rổ. Ông nhà nghề trông thấy, tóm cổ hấn, khiến hấn rụt đầu lại. Ông ta diu hấn tới mạn thuyền, hấn cưỡng lại rất hăng. Ông bèn ẩy mạnh, hấn lặn tòm xuống sông. Một giây sau, hấn nhô đầu lên, hỉ từ mũi ra hai luồng nước bạc súa, giơ tay búa lấy tai thuyền. Ông nhà nghề rút một cái cọc chèo, giọt lên tay hấn. Hấn chửi một tiếng thô tục, vung tay vút mấy con cá đã hôi được vào mặt ông ta, rồi vội hụp xuống lặn một hơi vào bờ.

Về đến nhà, thằng Xin cứ để nguyên quần áo ướt mèm, ngồi cúi

1. Chết.

đầu chống tay. Mẹ hấn, mẹ Xin đang ngồi làm vàng mã, liếc nhìn nhưng không dám hỏi. Chợt thằng Xin kêu:

– Mẹ!

Mẹ hỏi:

– Gì rứa?

Mẹ kiếm trâu cau sang nói với ông Thiệu cho tui một chân trai dưới thuyền lưới. Rầy tui không đi hôi cá nữa.

Mẹ Xin nhìn con, lo ngại. Thằng Xin ngồi thần lân, luồng mắt đen tối dán xuống đất. Hấn gọi lại trong trí mẹ hình ảnh của cha hấn. Cũng đôi mắt nghiêm khắc ấy, cũng vẻ mặt cau rầu, cũng đôi môi dày hằn học mím'chặt của người đàn ông quá khổ cực vì làm ăn vất vả và đông con, đã quay lại làm khổ mẹ suốt hai mươi năm trường. Mẹ Xin đã sống nhân nhục trong sự hành hạ của chồng, cho đến một hôm, một bạn chài tới báo bác Xin bị cá mập nuốt. Tấn thảm kịch thực giản dị và ghê gớm: bác Xin lặn xuống gỡ lưới, hồi lâu, bỗng một bong bóng rất lớn nổi lên vỡ bùm trên mặt nước; thế rồi hết. Mẹ khóc lóc thảm thiết, và vẫn giữ trong lòng kỷ niệm bi đát của người quá cố, một kẻ tàn nhẫn phũ phàng, nhưng cũng là nơi nương tựa của mẹ.

Thằng Xin nhắc:

– Mẹ nhá!

Từ mấy hôm nay, thằng Xin nảy cái ý định đi chài. Mẹ hấn, từ sau cái chết thê thảm của chồng, giữ trong lòng nỗi khủng khiếp huyền bí về biển cả, vẫn khuyên dỗ để giữ đứa con trai một lại. Mẹ nói:

– Thôi đừng đi lưới. Cứ ở nhà cũng chán vạn nghề, vác muối thuê...

– Ở nhà mà *chéch* đỏi à? Mẹ bố hấn đéch!

Thằng Xin gất lên rồi nhìn mẹ hấn bằng luồng mắt lăm lăm. Hấn vẫn không bao giờ tha thứ cho mẹ cái tội nghèo. Mỗi khi ăn không đủ no, hấn đá phất niêu cơm rỗng, vừa chửi đổng vừa nhìn mẹ hấn và mấy đứa em gái đông lít nhít bằng cái nhìn thăm thía; về mùa đông, những đêm quá rét, không ngủ được, hấn xé toạc cả những chăn bì gạo vút tung tóe, lấy chổi hoặc giạt tranh mái nhà đốt ngồi sưởi.

Mùa rét sắp đến, những thằng Đĩ Côn, Năm Xòe, đồng tuổi thằng Xin, hoặc kém hơn – trong làng có tục tảo hôn – lần lượt lấy vợ. Lòng thằng Xin càng nung nấu trong sôi nổi giày vò của khí huyết.

*
* *

Thằng Xin nuôi tha thiết cái ý định góp nhóp để làm giàu. Có tiền thì không ai ức hiếp được mình. Có tiền lại cưới được vợ. Bỏ nghề hoi cá khôn nạn, hấn đi trai dưới thuyền lưới ông Thiệu. Hấn vui lòng hầu hạ bạn chài, thổi cơm, tát nước, đêm khuya lò dò trong xóm ran tiếng chó để gọi người đi biển. Hấn cũng sắm, như những bạn chài khác, một cái hòm mộc vuông để mang theo vật dụng và lương thực khi ra khơi; hấn góp nhóp tiền phần của mỗi chiều lưới – phần trai ít ỏi lắm chỉ bằng nửa phần tiền bạn thôi – thêm vào đó khoản bán mực hay cá hấn đã câu được. Mỗi lần về nhà hấn lại mở hòm ra đếm tiền tỉ mỉ xâu thành từng chuỗi, dưới mắt ham muốn nhưng nhẫn nhục của mẹ hấn. Hấn tính chỉ trong dăm tháng, hấn có thể có tới vài chục quan tiền, đủ cưới vợ, và hấn rửa lên một tiếng bằng lòng. Hấn định sẽ bàn với mẹ để đi dạm con Chát bên xóm Đoài, mà hấn đã để ý đôi má béo hồng...

Một hôm, thằng Xin trích ra một số tiền nhỏ đi chợ huyện. Đã biết làm đóm, hấn sắm một cái gương nhỏ hình bồ dục, một cái lược sừng tiền rưỡi để khỏi phải dùng thứ lược cài bằng dây thép. Hấn lại liều mua thêm cái khăn mặt đỏ để cột lên đầu, giữ tóc. Như thế chắc hấn sẽ có vẻ bánh trai lắm. Chiều, thằng Xin trở về. Khi muốn cất những vật mới mua vào hòm, hấn bỗng giật thót: chìa khóa không có trong túi nữa. Hấn gọi thất thanh:

– Mẹ ơi! Mẹ!

Mụ Xin đang nấu cơm dưới bếp, chạy lên. Hấn nói không ra hơi;

– Mất mất rồi, mẹ ạ... Mất rồi!

– Mất gì tê chứ?

– Cái chìa khóa.

Mụ Xin sợ con nổi cơn điên, xằng xái tìm, nói luôn miệng:

– Tìm lại trong túi coi. Hay là hấn rơi xuống đất? Không chừng để quên trong áo mi thay khi ra đi.

Thằng Xin nhảy xổ đến thọc tay vào túi chiếc áo còn giắt trên vách. Mắt hấn lộ vẻ thất vọng. Mụ Xin cúi nhìn khắp trên nền đất, luôn miệng nhắc:

– Cứ tìm, rằng cũng thấy. Không mất đi mô được. Cứ tìm cho khắp.

Bụng thoáng một ý lo sợ, thằng Xin chạy tới nhấc hòm lên. Hấn thấy nhẹ hơn mọi hôm, bèn lắc hòm rất mạnh và rất lâu rồi kêu lên, giọng tuyệt vọng:

– *Chéch* rồi, ai ăn cắp hết tiền của tui rồi.

Mụ Xin cũng nhấc hòm xem nặng nhẹ. Giữa lúc đó, Hấn đã chạy đi lấy con dao rựa lên, xô mẹ ra tàn nhẫn, đoạn phăm phăm cạy nắp hòm. Mảnh gỗ bật tung, mở hoác. Nhìn vào góc hòm trống rỗng, thằng Xin có một giây im lặng ngỡ ngác, rồi bỗng cơn điên của hấn nổ bùng. Sau một tiếng nguyên rủa độc địa, hấn hét lên, lưỡi lú lại:

– Đứa mô ăn cắp tiền đây, bỏ ra không thì bố hấn cũng *chéch*! Mẹ hấn cũng *chéch*! Tau giết *chéch* cả nhà!

Bần thần, luồng mắt hấn chụp lấy mụ mẹ. Mụ rúm người lại, mặt tái mét. Mụ biết hấn có ý nghi cho mình. Mụ bỗng nhớ ra:

– À khi hồi có thằng Năm vô đây.

Thằng Xin vẫn nhìn mụ lăm lăm:

– Ai, thằng Năm Chột à?

– Hấn đó, khi nớ tau ở dưới bếp đi lên thì thấy hấn đi ra ngõ. Hấn vô khi mô tau không biết.

Một tia chớp lóe trong trí thằng Xin. Hấn nhớ khi đi ngang cổng nhà thằng Năm, hồi sáng, có nghe một tiếng “keng” của vật gì rơi. Hấn vừa nhìn xuống đất, vừa soát túi, thấy chuỗi tiền vẫn y nguyên, hấn yên lòng bỏ đi, không nghĩ đến chìa khóa. Khi ngẩng đầu hấn thấy thằng Năm đứng tựa cổng, chăm chú nhìn chỗ hấn dừng lại bằng con mắt chột. Thằng Năm gặp luồng mắt hấn thì vội quay mặt đi, giả tảng đùa với con chó mực.

Thằng Xin đứng lặng suy nghĩ, ngực thở từng hơi mạnh. Chợt hấn phăm phăm đi ra. Mụ Xin vội nhảy tới nắm lấy tay cầm dao của

hắn. Hắn đập mụ ngã lăn. Không ngoái lại, hắn vác dao lao ra cổng, rẽ quặt về phía nhà thằng Năm Chột. Mụ Xin đau quá nằm bất động trên mặt đất. Gần như ngờ ngạc đi. Mụ vẫn cố dõi theo bước chân thằng con chạy thình thịch.

Có tiếng cổng nửa bị đẩy cào đất lạch rạch, tiếng con Mực sủa, tiếp theo liền tiếng rít đau đớn ghê tai của nó. Rồi một cuộc trao lời huyền não, thằng Xin hét, chửi, dọa thằng Năm hét, chửi, chửi lại. Bỗng một tiếng kêu “Ua chao ôi” của thằng Năm rít lên. Rồi im lặng.

Mụ Xin nhắm mắt, tưởng ngất đi. Khi mở mắt, mụ thấy thằng Xin chạy về, ôm trên bụng những chuỗi tiền đồng. Tay kia vẫn cầm con dao rựa; con dao loang máu đỏ thắm. Hắn nói lảm bảm: “Cho chừa cái thói ăn cắp”.

– Mi... Mi...

Mụ Xin run lên lập cập, không nói được nên lời. Thằng Xin vớt dao xuống nền nhà, máu văng ra, điểm mấy giọt tròn đỏ thắm trên đất. Hắn bỏ những chuỗi tiền qua khe hở của hòm, vừa bỏ vừa đếm. Đoạn hắn ngồi trên mặt hòm, tay chống đầu gối, yên lặng nhìn con dao. Mụ Xin vẫn ngồi quy, vẻ mặt ngu độn.

Bên hàng xóm, tiếng xôn xao nổi lên, theo tiếng lô la của mụ Lập, mẹ thằng Năm. Hồi sau, một toán người rùng rùng chạy tới, đi trước hết là mụ Lập, miệng vừa khóc vừa thét; “Hắn giết chết con tui, ua làng nước ôi!”, hai tay đỡ ngang mình thằng Năm mê man, mắt nhắm, tay phải buông thõng, bàn tay cụt hẳn! Máu phun ra như vòi từ cổ tay, nhưng mụ Lập, theo thói nhà quê hay “phân bua” cứ đứng trước mặt mụ Xin kể lể:

– Hàng xóm còi đây này, thằng Xin hắn giết *chéch* con tui rồi! Ua Xin ôi là Xin ôi! Ai lật hộ con dao cho một tí để tui trình làng.

Các bác đàn ông hét nhau mời ông Lý và kiếm giẻ, kiếm thuốc lào để cầm máu. Căn nhà nhỏ huyền não lên.

Duy thằng Xin vẫn ngồi lặng yên. Hắn ngồi dè lên hòm tiền, như sợ bị mất cắp lượt nữa.

Năm va, tập truyện ngắn.

Nhà xuất bản Đời nay, 1941.

MA ĐẬU

(Truyện ngắn)

Khi chị Đỏ Câu về tới cổng, con Vàng nghe tiếng bước, dò ra sủa. Một lát sau, có tiếng người hỏi từ phía trong:

– Ai đó?

Nhận ra tiếng chồng, chị vờ ho “e hèm”, và mắng con chó.

Chồng chị kêu lên: “À, mẹ Đỏ”, rồi kéo then mở cổng. Chị cúi mặt phăm phăm đi vào, nhưng dừng ngay lại. Hai cái roi vút không khí túi bụi xung quanh mình chị, vun vút, khiến chị ghê lạnh cả người, nhắm mắt co tay lên ngực, đứng lạng.

Một phút sau, tiếng roi im, chị ngừng nhìn. Chồng chị và lão Năm Xười vút nắm roi dâu, đứng thở hổn hển; sân đất trước nhà, ô kìa, trắng xóa những hình vẽ bằng vôi: ngổn ngang những cung tên, những thằng quỷ sứ đầu tròn lông lốc, những mặt hổ phù. Chị định đi vào, nhưng anh Đỏ vội kêu:

– Khoan đã, khoan đã!

Trong khi lão Năm Xười gài kỹ lại then cổng, anh Đỏ đẩy vợ đến gần một đồng lá khô đang cháy bốc khói ở góc rào và bảo:

– Xông khói lá mỳ ky rồi hăng vô nhà.

Chị Đỏ bị chồng ẩy lưng, bặm bặm mặt. Tuy vậy chị cũng đến đứng chạng chân trên đồng lá. Anh Đỏ lừa đòn gánh xởi những cành lá cho khói có lối bốc lên. Giả cách lỡ tay, anh thúc đòn gánh vào chân vợ và nói vu vợ:

– Chung trắng hê!

Chị Đỏ “xì” một tiếng, nguây nguẩy bước vào nhà. Anh Đỏ bá vai lão Năm Xười, đi theo, cười khà khà. Chưa thấy ai cười vô duyên được đến thế. Tiếng cười đã xấu, giọng nói lại khó nghe hơn. Đã hăm mấy tuổi đầu, anh Đỏ nói hầy còn ngọng lú, chân thì nói “chung”. Mặt

anh xôn xi những mụn, mụn chưa nặn thì đó, mụn nặn rồi thì bầm tím. Lông mày sâu róm, rậm và ngắn một cách trơ trẽn; mũi sư tử; răng tróc thuốc nhuộm, vàng luôm luôm; hình thù như thế bảo ai thương được. Cha mẹ chị Đỏ thực đã độc ác. Chị đã nhất quyết không lấy anh Câu; có lần chị vừa thề độc vừa bẻ rắc chiếc đĩa ngay trước mặt cha mẹ, vậy mà bố mẹ ham của, cố dùng quyền độc đoán ép uống chị vào mối tơ duyên chênh lệch ấy.

Chị Đỏ Câu thắp ngọn đèn dầu lạc, treo trên khung cửi rồi bắt đầu dệt vải. Dừng tay để nối sợi chỉ bị thoi đứt đứt, chị nghe tiếng chân thình thịch, bèn hé cánh cửa sổ cạnh chỗ ngồi, ghé mắt nhìn. Một bác đàn ông vác chiếc quan tài nhỏ trên vai, chạy nhanh như một bóng ma trong ngõ hẻm dầm bóng tím hoàng hôn ảm đạm. Đằng sau, cách dăm thước, hai người khiêng một cái đòn, dưới treo lủng lẳng một bó chiếu tròn quá ngắn, để lòi hai bàn chân đen xì của xác chết. Họ bước thất thểu, chân nam quàng chân xiêu. Mùi men rượu bay nồng nặc. Độ này, dăm anh trai tráng trong làng sống phong lưu nhờ nghề đi chôn, mỗi đám họ chỉ xin dăm tiền hay một quan, tùy lòng tang chủ, nhưng thế nào cũng phải có một bữa rượu. Uống rượu cho tiêu sọ mà làm việc, họ bảo thế. Đã một lần, một cậu say túy lúy vác xác chết chạy khắp mọi ngõ hẻm, không lần ra được đến ngoài đồng; sáng hôm sau người ta thấy hấn nằm trên đường, đầu gối lên xác chết.

Chị Đỏ vội khép cửa, chị rùng mình và lờm lợm trong miệng, nhưng không dám nhổ nước bọt; người ta bảo càng nhổ càng lợm. Đưa mắt nhìn quanh, thấy mình trơ trọi trong gian nhà trống trải, chị Đỏ rờn rợn.

Nhưng lắng tai, chị nghe tiếng lão Năm Xười từ nhà trên đưa xuống. Lão nói to lạ thường, giọng ồm ồm, thỉnh thoảng lại cười ha hả rất dài. Tiếng cười nói ấy khiến chị vững dạ. Từ độ bệnh đậu hoành hành trong làng, nhà chồng chị thuê lão ta canh gác ngày đêm ở đây. Và chị Đỏ nhân đó được đôi ba lúc chuyện gẫu trong gia đình nhà chồng mà chị vẫn giữ thói coi như xa lạ.

Chị Đỏ đương đưa thoi, chợt giật mình nghe tiếng kẹt cửa. Hú vía! Chỉ là lão Năm Xười. Gài then cẩn thận rồi, lão tới ngồi ở chõng cạnh khung cửi. Lão hỏi:

– Khiếp hông! Đến bên nhà rồi đó!

Thấy chị Đỏ ngược mắt hỏi, lão tiếp, giọng thì thầm:

– Ma đậu, chớ ai. Thằng Xòe bị rồi, bởi rứa nhà ta bữa ni mới phòng giữ cẩn thận thế đó chớ.

– Giữ cũng nỏ khỏi. Số bắt chết là phải chết.

– Cứ nói rứa thôi. Có giữ cũng có hơn. Rày đi mô về phải cẩn thận, đóng cửa cài then cho hấn khỏi lọt vô. Ma đậu khôn lắm tê. Có khi hấn chun cả dươn mứn¹ đàn bà mà vô nhà tê đó. Bởi rứa phải xông khói lá mỳ ky cho hấn chết ngạt. Hấn sợ khói lá mỳ ky lắm. Khi thì hấn bám trên áo, trên đầu, phải lấy roi dậu vọt tứ tung cho hấn sợ, hấn chạy. Có nhà dùng mẹo thế này, cũng thông: họ rải nửa khắp sân, hấn còn lòn vô được thì cũng phải bước trên nửa, nửa kêu rạc rạc, thế là người nhà biết, lấy roi ra vọt mãi, cu cậu phải phót qua rào mới thoát thân.

Chị Đỏ đã ngừng hấn tay dệt, trở mắt nghe. Chị hỏi:

– Thấy được hấn phót kia à?

– Thấy rằng được ma quỷ. Nhưng mà nghe lạc xạc đầu ngọn rào là biết liền. Thấy thì chưa thấy, chứ tui đã nghe ma đậu nói chuyện rồi đó. Độ nớ, tui nằm nghe rõ ràng hai con ma bàn nhau vào bắt tui. Tui cầm roi liền, xoay người như chong chóng, vọt tứ tung. Thế mà cũng nỏ thoát, hấn tài lắm. Bữa sau tui lên đậu, cho nên giữ mặt mới có hoa ri đấy chứ.

Lão cười kha kha, sờ đôi má rồ chằng chịt.

Chị Đỏ co chân, bảo:

– Cười nho nhỏ rứa.

– Cần gì. Sợ hấn nghe tiếng hấn vô à? Tui nỏ cần. Những người lên đậu mà khỏi được là âm phủ bắt nhầm; những người nớ là không có số chết về bệnh đậu. Nhầm một lần thì thôi, bởi rứa có ai lên đậu lần thứ hai mô.

Chợt có tiếng động ở cửa. Lão Năm Xười đứng vọt dậy, hỏi:

– Ai?

– Tui.

1. Mứn: váy.

– À, anh Đổ, rứa mà làm người ta hết hồn.

Lão mở cửa cho anh Đổ vào. Anh Đổ tới chổng nạnh cạnh vợ, ra ý muốn gợi chuyện. Chị cúi mặt lia lia đưa thoi. Lão Năm nói:

– Anh Đổ bữa nay phải coi chừng cán thận đó. Tui phải về qua nhà một tí; con cháu tui đã ớn sốt. Sáng mai tui lại đến.

Anh Đổ tiễn lão ra, gài cổng, rồi trở vào. Biết rằng đứng câm miệng hén cạnh vợ càng thêm trơ trên, anh bèn đi vào buồng. Chị Đổ vẫn lia lia đưa thoi, cũng không thèm nhìn lên. Chợt chị mỉm cười lắng nghe tiếng con gái hát ngoài đường:

*Lạnh lòng tối tối nằm không,
Em muốn lấy chồng, σ mù mới σi!*

Chị biết tiếng hát trong eo éo ấy chỉ là tiếng lão Năm Xười. Lão có tài đổi giọng đặc biệt. Có lần vào nhà lão, chị đã bị một bữa hết hồn khi nghe tiếng chó sủa gâu gâu; chị cuống lên, nhưng không biết con chó ở đâu mà tránh, mãi sau nó mới lộ mặt ra, một cái mặt người rõ chằng. Người ta lại kể chuyện rằng một đêm hè, lão tới chơi nhà hàng xóm, tắt đèn nằm vắt chân chữ ngũ trên giường, lấy giọng con gái hát mấy câu đưa tình. Dăm anh trai tráng mắc lừa lần đến, đứng ngoài cổng hát vào. Hai bên ca tụng nhau là nam thanh nữ tú, là mây là rồng, và hỏi nhau sao không cùng kết dải đồng tâm, cho đến khi lão cười phá lên như lệnh vỡ.

Nhưng cái im lặng đột ngột tiếp theo tiếng hát của lão Năm gieo sợ hãi vào hồn chị Đổ. Hình ảnh ám đạm những người khiêng xác chạy lạng lẹ lúc ban chiều lại tới ám, và chị lớn vớn nghĩ đến ma đầu. Chị nhớ lại một bức tranh trên chùa, chung quanh đức Phật Bà, loăng quăng những hình thù quái dị, đầu chẻ sừng, người ngòm đỏ lựng hoặc xanh lét, chân tay khẳng khiu tựa vôi mực. Đó là bọn quỷ sứ dưới âm cung, nhưng chị nghĩ hẳn con ma đầu cũng na ná thế.

Chị dệt vải thực khuya. Vì nếu đi ngủ tắt phải tắt đèn, ma đầu sẽ nhân bóng tối đến hại chị dễ dàng.

Bởi từ ngày có chồng, chị vẫn nằm một mình trên chõng tre đặt cạnh khung cửi và để mặc anh Đổ lạnh lẽo, phòng không. Có lần nhà chồng cất chõng đi, nhưng chị cứng cổ, trái một chiếc chiếu ra đất mà ngủ. Sau cùng họ lại phải đặt chõng vào chỗ cũ.

Chị sống đã được năm tháng trong cảnh khó tin như thế, vẫn

làm đủ bốn phận nàng dâu, nhưng không bao giờ bước chân vào buồng chồng. Chị cho đó là một cách trả thù sự chuyên chế của gia đình; chị là con một; cha mẹ chị nóng lòng mong có cháu bông bế, dù chỉ là cháu ngoại.

Chị Đỏ Câu dệt mãi đến khuya, mi mắt đã trĩu nặng, thoi rơi luôn xuống đất. Mỗi khi dừng tay để cuộn vải hay chải go, chị nghe tiếng rên rĩ của thằng Xòe văng vẳng. Ma đầu đã đến cạnh nhà, liệu chị có thoát khỏi những bàn tay ghê gớm ấy không?

Nhưng rồi chị mệt mỏi quá, tay không đưa được thoi nữa, đầu gục dần xuống. Chị bèn thổi phụt đèn, trườn ra khỏi khung cửi rồi ngã lưng trên chõng, hy vọng rằng sẽ ngủ thiếp đi ngay. Nhưng vì luống cuống, chị làm cử động ấy mạnh quá, đầu gối chạm ngay phải thành chõng. Cái va đập đau đớn khiến chị tỉnh hẳn đi.

Đêm đã thực khuya vắng, tiếng rên rĩ đưa rõ mồn một. Chị co rúm lại như con tôm trong nôi kho, người chỉ chiếm một góc nhỏ của chõng. Chị định với lấy cái áo dài vắt trên khung cửi để đắp cho bớt sợ, nhưng không dám giơ tay.

Bỗng chị lạnh toát người, nằm im thin thít, tưởng chừng ngọt mát hơi. Cạnh tường gần đó, những tiếng bịch bịch vang lên, những tiếng chân giậm đất mạnh mẽ. Rồi bịch bịch... bịch bịch, tiếng chân mau và hỗn độn như có dăm người cùng bước.

Chị Đỏ ghì mạnh móng tay vào thành chõng, trống ngực đánh vang mãi lên thái dương, chị tưởng đầu mình bật phần phật trên cánh tay co làm gối. Chị định thắp đèn lên cho đỡ sợ. Nhưng trong lúc luống cuống, chị quên là mình nằm đè lên bao diêm cất ở túi tay mặt, lại cứ lúng túng tìm ở túi kia mãi.

Bây giờ, tiếng chân im hẳn. Nhưng những tiếng khác nổi lên. Tai lùng bùng, chị mơ hồ nghe thấy tiếng cào tường, như có ai muốn bám trèo vào, rồi tiếp theo là những câu vấn đáp sau đây, nói bằng giọng khìn khịt như thốt ra từ mũi:

- Nhà ai đây?
- Đỏ Câu.
- Vô hông?
- Có, trong giấy Đức Ngài phán bắt con mẹ.

– Rửa ta làm liền đi.

Rồi tiếp đến tiếng cười hà hà, rộn một vẻ đắc chí độc dữ.

Rồi im lặng, cái im lặng chứa bao ý nghĩa ghê gớm đè trĩu xuống hồn chị. Chị tưởng như bọn ma đầu đương rón rén nhẹ bước tìm cách trèo vào nhà. Thế là xong một đời! Diêm vương đã định, còn ai cưỡng được số mệnh. Chị sẽ lên đậu và rồi nhắm mắt, buông tay... Miệng lẩm bẩm khẩn vái Trời Phật che chở, chị đã thấy người người nỗi sợ. Nhưng rồi lòng chị lại rộn lên, cuồn cuộn, khi óc gợi lại những khổ hình ghê gớm dưới địa ngục như chị đã thấy trong bức tranh: chỗ này mấy đứa trẻ bị cưa đôi, máu đỏ lênh láng; chỗ kia một mù đàn bà trần truồng, mặt méo như khỉ, giãy giụa trong vạc dầu sôi.

Chị Đỗ nghĩ đến kêu cứu. Nhưng mở miệng chị mới biết không thể thốt ra tiếng qua cổ họng khô tắc. Vả lại, kêu chưa chắc đã ích gì. Nãy giờ, tiếng ma đầu huyền não thế kia mà có đánh thức ai trong nhà dậy đâu. Cha mẹ và các em chồng ngủ ở nhà trên không biết đã đành. Nhưng anh Đỗ nằm trong buồng ngay cạnh đó, sao cũng không thấy nhúc nhích?

Thốt nhiên, nghĩ đến chồng, chị vùng dậy, chạy lạch bạch vào buồng, đóng cửa đánh rầm, nhảy xổ tới giường anh Đỗ. Vì không quen cũ, chị vấp phải thành giường, bổ nhào. Chị vội trèo lên giường, và khi đầu gối chạm vào bàn chân anh Đỗ, chị bình tĩnh hẳn đi.

– Mẹ mi đó rặng?

Chị Đỗ giật mình; thì ra anh Đỗ chưa ngủ. Ban đầu chị nghĩ rằng chồng chị đã thức giấc vì tiếng đóng cửa hoặc vì động giường. Nhưng không phải, giọng anh không có vẻ gì là ngái ngủ. Nãy giờ anh vẫn thức ư?

– Mẹ mi đó rặng?

Anh Đỗ lập lại câu hỏi, và chị nhận thấy trong giọng nói có vẻ mỉa mai chế giễu. Chị nằm im thin thít; chị chợt nhận thấy cử chỉ của mình trở tráo quá. Khéo mà chồng lại nghĩ nhầm. Nghĩ thế chị đã thấy bưng bực. Nhưng cái sợ át mất tất cả. Chị định bụng đành nằm đấy một lúc, bọn ma đi rồi chị sẽ ra ngay nhà ngoài.

... Nhưng rồi mãi đến sáng bạch chị mới giật mình thức dậy. Chị vừa ngủ một giấc ngắn nhưng rất say.

*
* *

Và hơn một năm sau, người ta thấy chị bỗng một đứa bé hồng hào mồm mĩm. Anh chồng đang vót mấy cái ống suốt chỗ vợ, dơ dao dứ dứ dọa yêu thằng bé, chửi đùa:

– Con mẹ mi!

Lão Năm Xười đi qua trước cổng, thấy cảnh tượng ấy, đứng lại, chống nạnh nhìn bằng đôi mắt nheo vui sượng và tự đắc.

Lão nói vào:

– Đó là công của tui đó, cha!

Anh Đỏ – à không, bây giờ lên anh Cu rồi – anh Cu ngược mắt trông ra nhìn vợ mà tủm tủm cười. Chị Cu đỏ mặt trách:

– Biết rồi! Nhắc mãi!

Lão Năm cười khà khà:

– Phải nhắc để anh Cu thêm tiền thưởng cho tui chứ. Tui đóng trò có hết không?

Đoạn, chạng chân, rụt người xuống, lão vừa giậm bịch bịch vừa bóp mũi nói giọng khìn khịt:

– Nhà ai đây?

Đổi sang giọng mũi khác:

– Đỏ Câu. Ta vào bắt con mẹ.

Rồi kết luận:

– Thế là “con mẹ” chạy vào ôm lấy chồng. Kha kha kha!...

Năm va, tập truyện ngắn,
Nhà xuất bản Đời nay, 1941.

NHÀ XÁC

(Truyện ngắn)

Cuối khu nhà thương tỉnh, ở góc rào phía Tây, có một ngôi nhà nhỏ. Cổng để mở ngày đêm, cửa há hoác cho nhìn thẳng vào trong. Trong nhà trơn trụi, không có gì, trừ một cái bệ hình chữ nhật nằm dọc chính giữa nền. Tường quét vôi vàng, ban đêm ánh đèn điện gây một bầu không khí hồng dịu như trong một tổ yêu đương của cặp vợ chồng mới.

Nhưng màu hồng dịu, ấm cúng đó chỉ là một lời rửa độc, bởi giữa những bức tường, chứa chất một niềm lạnh lẽo bi ai và lẩn quất hơi ẩm rùng rợn. Bởi nhà đó là nhà xác. Đó là nơi quán của bao nhiêu thi thể tàn tật đã bị bệnh não cấu xé, ray rứt từng miếng thịt hay cào đục cả bộ phổi lá gan, trạm nghỉ của những linh hồn vừa được giải thoát sau một cuộc dằn vặt đau đớn và nhiều dây dưa.

Xa trong kia là nhà điều trị bệnh hoa liễu. Nhà xác chiếm một góc biệt lập, nhưng cứ chiều chiều, bọn gái đi đang chữa bệnh lần ra đứng chố ngó nơi cổng hậu ngay cạnh đấy. Áo cụt tay để lộ da thịt béo tròn, môi dày vẫn tô đỏ chót, họ đùa chọc khách qua đường và mua những thứ quà rẻ, khoai, chuối, nước chè xanh. Người ta kể rằng đêm đêm họ thường trèo tường lên ra, bán dâm cho một số đàn ông nhiều thèm muốn hơn là nhiều xu.

Năm 193?... lòng mang niềm tuyệt vọng cay đắng, tôi thường lảng vảng chốn này. Bởi một hấp lực ma quái âm u, tôi ưa lui tới nhà xác, để được đắm trong không khí thân thuộc của sự chết, và nghe phảng phất hơi lạnh rợn tia từ những thân thể cồng đờ.

Xác chết phần nhiều vô thừa nhận. Tụ hội nơi đây, một lần cuối, những kẻ ăn mày ghẻ lở, mù già lang thang cảnh sát bắt được nằm co quắp dưới sương khuya, đứa du đãng nhảy tàu trốn vé bị đập đầu vỡ óc, thằng bé con chết đuối vớt ngoài sông đào đục ngầu chảy ven tỉnh. Cái chết với họ đã là một sự giải thoát. Trên mặt hom hem, nét

mếu của đau đớn còn ghi lại. Đôi người giữ trên môi một cái cười gằn dữ tợn. Có kẻ trưng một bộ mặt dọa dẫm, miệng nhô cách khiêu khích. Phần nhiều trông thiếu náo, với những chân tay que củi, những manh quần áo rách tươm để lộ ngực toàn những xương sườn.

Đôi khi, sau một chuyến tàu tới, người ta khiêng vào một kẻ bị nạn, chân bị nghiền nát bét chỉ còn là một cục nhầy nhựa đỏ và trắng, sọ vỡ để thoát chất óc lèo nhèo.

Duy có một lần, tôi trông thấy trên bệ một khuôn mặt trẻ con bình tĩnh. Thằng bé nằm như ngủ, da mặt trắng trẻo, thon và khôi ngô. Nó mặc một cái áo dài đen, một cái quần khá trắng. Lông mi rất dài và đen tỏa bóng xuống mắt. Tôi lấy làm lạ vì không có kẻ thân nào túc trực cạnh nó. Cạnh bệ, thấy còn để một cái mũ, và một tay nải nhỏ màu nâu, đợi giờ thiêu hủy. Thằng bé là con nhà ai, và vì cơ sự nào đã rơi rụng chốn này? Mang tay nải lang thang, có phải nó đi tìm mẹ? Hay vì ở với ông chủ khắc nghiệt, nó đã bỏ ra đi?

Tôi đến gần, và bỗng tôi giật mình. Một mắt của nó, mắt bên trái, hé mở lơ lơ nhìn tôi. Lúc này, đứng xa và ngang tầm đầu thằng bé, tôi không nhận thấy điều đó. Đột nhiên nhìn thấy con mắt mở, tôi tưởng như, cảm biết tôi tới gần, nó đã giương một con mắt chết để nhìn tôi. Con mắt nhìn tôi, lặng lẽ, rất buồn rầu bởi bóng hàng mi dài và rậm. Người ta chỉ thấy một lát mỏng của con ngươi đen. Thằng bé nhìn tôi, môi cong ngậy thơ bùi bùi. Trong chốc lát, tôi tưởng nó sẽ mở miệng nói với tôi những lời chắc hẳn buồn vô hạn. Con mắt độc nhất lơ lơ nhìn tôi.

Tôi xấp gần hơn nữa, nhẹ đưa tay vuốt làn mi thằng bé. Con mắt như ưng thuận, nhắm mắt lại, nhưng rồi chỉ vài ba giây sau, hàng mi lại nhướng dần, nhướng dần rất nhẹ, và con mắt lại lơ lơ nhìn tôi, rất buồn rầu...

Thường mỗi buổi sáng, nhận giấy báo, một người lính đem hai người phạm dẫn một cái xe bò tới cổng nhà xác. Họ đi lấy quan tài do nhà thương phát, bỏ cái xác vô thừa nhận vào, rồi chở trên xe tiến về phía nghĩa địa hội Tập Phúc. Họ làm công việc ấy một cách vô tình nên tàn nhẫn. Người chết bị xang đưa nhồi lắc, chắc hẳn có khi quy gối hay cụp đầu mà tụt hẳn về một phía bởi quan tài nghiêng dữ quá; rồi tiếp tới cuộc hình phạt dài khi cái xe bánh gỗ vừa lăn vừa nhảy lộc cộc trên con đường đá gồ ghề...

Ngày đầu, người lính ngạc nhiên nhìn tôi. Rồi chúng tôi bắt quen

nhau, như hai người khách bất quen vì năng gặp nhau cùng trong một tửu điểm. Và một hôm, trong khi trông coi phạm làm việc, tay cầm chiếc roi nhỏ, bác kể cho tôi một chuyện ghê gớm, mà tôi thuật lại dưới đây.

*
* *

“Bữa ấy, tôi nhận phần việc đi chôn một mộ ăn mày chết hồi đêm tại nhà thương. Theo thói thường, tôi đứng xa xa, để mặc cho hai tên phạm đi lấy xác nhập quan. Mới khoảng chín giờ sáng mà trời bức bối lạ. Mây kéo đen một góc trời. Tôi biết trước cơn giông sắp tới.

Tôi bèn giục hai tên phạm đẩy xe chạy; tôi rảo bước theo sau. Đi chưa được nửa đường, mưa đổ xuống; một trận mưa rất dữ dội, chỉ một lát sau con đường đã thành dòng suối đỏ ngầu. Chúng tôi vẫn cố chạy; nhưng sau, mưa to quá, vượt mặt không kịp, tôi bảo dừng lại trú cạnh một cây bàng lớn. Tuy bị nước rỏ từ cành lá xuống nón, xuống vai lộp bộp, chúng tôi cho còn dễ chịu hơn là tắm mưa ngoài kia. Nhưng mộ chủ cái quán dựng sau cây bàng đã đứng chỗ mộ hết mà đuổi chúng tôi quây quây. Tôi không chịu đi. Mộ không biết làm sao, bèn chấp hai tay vái lia lịa, xin chúng tôi đi đi cho, đừng để xác chết ám trước hàng mộ. Nghĩ thương tình, tôi lại bảo hai tên phạm đẩy xe chạy một mạch cho đến nhà hội Tập Phúc, rồi chúng tôi trú dưới mái hiên. Quan tài làm bằng gỗ xấu lại đóng cầu thả; gặp nước mưa, ván cong lên, khe hở hoác ra. Nước chảy từ ván ròng ròng, một thứ nước vàng đục. Trong hai tên phạm, có một đứa trông thật dữ tợn, chúng tôi quen gọi là thằng Hùm, hoặc Hùm Xám. Hắn nói đùa:

– Coi, mỡ con mẹ chảy ra đó. Húng lấy thấp đèn được.

Mưa ngớt dần. Tên phạm thứ hai nói:

– Có ai rên ở đâu đây.

Thằng Hùm bô bô:

– Con mẹ chứ ai nữa!

Hắn nói chơi để dọa, không ngờ lại là chuyện thực. Chúng tôi nhận thấy quả tiếng rên rĩ đưa từ trong áo quan ra yếu ớt và đứt đoạn. Chắc hẳn người chết gặp nước lạnh dội đã sống lại. Tôi còn chưa biết làm thế nào thì thằng Hùm nói oang oang:

– Bắt chúng ông xe trở lại nhà thương thì chúng ông chả chơi.

Suy nghĩ một chốc, tôi cũng cho không nên chờ mụ ăn mày trở về; mụ sống lại cũng chỉ được vài giờ là cùng. Nhưng tiếng rên rĩ vẫn làm rối óc tôi.

Tiếng rên dứt. Tôi thâm mong trong bụng: “Lạy trời nó chết!”. Nhưng chỉ một giây sau, lại nghe tiếng mụ cào ván.

Thằng Hùm nhặt một cái cọc tre, dùng hàm răng sắc của hấn tước cho hơi nhọn một đầu rồi lèn đầu nhọn đó thọc vào một khe hở của quan tài. Đoạn hấn đè ngang cái cọc nậy tấm ván lên. Hấn mở thành một khe hở khá rộng, ghé mắt nhìn. Bỗng hấn hát giữa đầu ra sau. Chúng tôi kinh ngạc thấy ba đầu ngón tay nhăn nheo run run rờ rẫm chuôi ra ngoài quan tài. Thằng Hùm vội rút cái cọc. Khe hở khép lại, mép gỗ cắn láy ngón tay người nằm trong. Ba ngón tay run rẩy rất khê, rồi dần dần đổ xuống, yên lặng, trong khi tiếng rên rĩ lại nổi lên.

Tôi không giữ được bình tĩnh nữa. Tôi vội hét thằng Hùm:

– Đun tay người ta xuống!

Hấn cầm cái cọc tre thọc vào ba ngón tay.

Tôi lại hét, gần như hoảng hốt:

– Thôi đem chôn! Đem chôn ngay!

Hai tên phạm nhắc quan tài ra nghĩa địa, tuy trời vẫn còn mưa. Chúng nhồi lác quan tài, làm cho nước lọc bọc trong ấy.

Chúng đào hố rất khổ công. Xẻng vừa xúc được một cục đất thì nước lại tràn ngay vào chỗ trũng mới. Đào xong, chỉ thấy trước mặt một vũng nước vàng đục lợn cợn váng. Hai tên phạm vớt bừa quan tài xuống đó, đoạn cúi xuống cố sức dìm. Nước tuôn vào trong quan tài do những kẽ hở kê lóc bóc lóc bóc. Khi nước vào đã nhiều, quan tài chìm xuống, những bầu không khí trào lên vỡ bùng bùng. Tôi giúp hai tên phạm đổ đất lên trên.

Khi về, thằng Hùm nói:

– Lắng tai mà nghe khi ta dìm áo quan, có tiếng con mẹ uống nước ừng ực.

Có lẽ hấn nói thật; nhưng tôi cố không tin, bởi điều đó ghê rợn quá.”

Nằm vạ, tập truyện ngắn,
Nhà xuất bản Đời nay, 1941.

CÁI ĐỒNG HỒ

(Truyện ngắn)

Anh ta là một viên thợ họa sở Đạc điền. Ngày ngày, cúi đầu trên vuông giấy dày mà một ngọn đèn chiếu sáng từ phía dưới xuyên qua một tấm kính, anh đổ những nét cong khúc khuỷu, những dải sông xanh, những con đường đỏ và tím, những tràng chữ thập phân địa giới. Anh họa, anh họa, cử động một cách gằn như máy móc, im lặng, lưng gù, trí nghĩ vờ vẩn. Cuối tháng lĩnh được đâu vài chục bạc lương, anh bỏ tiền vào một cái phong bì đem về nộp vợ nguyên vẹn. Xong bữa cơm trưa, chị vợ mút mút bút chì loay hoay dự tính trên một trang sổ nhỏ sự chi tiêu trong ba mươi ngày sắp đến. Chị tính cặn kẽ từ tiền gạo củi đến tiền xà phòng, bớt một hào ở khoản này đập vào khoản kia. Rồi chị nói lên, bằng một giọng hơi chớm ý phàn nàn:

– Đấy còn thừa không đấy năm hào tiêu vặt.

Chồng đáp một câu không thay đổi:

– Thì lương mình chỉ có thế.

Nhưng mà một lần, một nhà điền chủ, bạn ông xếp, cần mấy bản họa đồn điền của mình. Anh nhận làm công việc phụ kia, càng cảm cúi hơn trên bàn họa, và được hưởng món tiền thưởng bốn đồng. Trong bữa cơm chiều hôm ấy, cả nhà nhao nhao lên, phân vân về cách dùng số tiền không mong mà có. Chị vợ thèm ước từ lâu một cái áo dài nâu non. Nhưng thực là lạ kỳ: khi không có tiền, chị ao ước cái áo một cách thiết tha; vậy mà nay cái áo đã vừa tầm túi mình, thì cái thiết tha của chị rơi đi, và tất cả lòng chị bối rối, không còn biết mua gì nhỉ? Sắm gì nhỉ? Hai đứa con làm nũng, chúng nghe bàn bạc những mua cùng sắm, thì cũng vòì mua cái ô tô chạy được và con búp bê nó kêu chút chút ấy. Nhưng mà anh đã có ý định sẵn; cuối cùng anh mới nói:

– Để ta sắm cái đồng hồ chơi.

Rồi anh giảng rằng vừa tìm thấy một dịp tốt để mua đồng hồ bằng giá cực rẻ. Hôm nọ, ông xếp nhận được một tờ quảng cáo của một hiệu đồng hồ ngoài Hà Nội; hiệu kia, sau mấy lời mào đầu báo cáo rằng muốn bán tổng cửa hàng để nghỉ buôn, trình bày tất cả những mẫu đồng hồ còn lại, với một giá “khó tin”. Anh ta đọc trộm tờ quảng cáo và để ý nhất đến một chiếc đồng hồ bàn giấy, mặt vuông, xinh nhỏ như một đồ chơi, cạnh hình vẽ, con số đủ mỗi 3đ, viết bằng chữ lớn thay cho số 6đ phía dưới bị xóa bằng hai nét gạch chữ thập.

Anh đã nhiều lần điêu đứng vì thiếu đồng hồ. Khi phỏng chừng sắp đến giờ làm việc, hai vợ chồng đều vểnh tai nghe ngóng cái đồng hồ quả lắc của nhà ông Tham bên cạnh. Nhiều hôm anh đến sờ chậm và phải lén leo qua cửa sổ để khỏi bị cự. Thằng con đầu được việc lắm: mỗi khi cha nó lồm cồm dậy sau giấc ngủ quá trưa, thì nó rụt đầu vào cổ, lạch bạch diu xe đạp ra đợi ở cổng; anh ta vội vàng khoác cái áo lương rồi chạy ra nhảy lên chiếc xe tàng mà phóng, mặc cho cốt bánh gi rít lên cốt két đến ghê tai.

Thế rồi ngay hôm sau, anh gửi thư kèm mặng đa ra Hà Nội. Cả nhà sống trong mong đợi bồn chồn, nhắc luôn miệng đến cái đồng hồ. Anh chồng dự định đặt nó trên chiếc bàn nhỏ cạnh giường, và vợ đã lo trước nhờ hai thằng con lớn nghịch phá hỏng mất thì tiền đâu mà chữa. Hai đứa bé thì luôn mồm hỏi, không biết lần thứ mấy mươi:

– Ba ơi, bao giờ thì đồng hồ về? Hà Nội chắc xa lắm nhỉ?

Một sáng, có người nhà bưu điện bước vào sờ anh, một cái hộp dưới tay, và hỏi:

– Tôi muốn hỏi đây có ai tên là Hoàng Đình Quân?

Anh hồi hộp đáp: “Chính tôi”, và ký nhận hàng. Đó là một cái hộp giấy uốn lượn sóng, màu vàng tẻ, tấm nắp to bằng khuôn khổ cuốn vở học trò. Anh vừa cắt dây vừa nghĩ: “Nó gói cẩn thận thực. Cái đồng hồ nhỏ xíu mà chịu phí một cái hộp kéch xù”. Bàn đồng nghiệp tới xúm quanh; anh đã khoe từ mấy hôm trước rằng anh sắp nhận được một món quà “đặc biệt Hà Nội”. Anh làm chậm rãi, tay run run, cảm thấy một thú kích thích khi cố kéo dài cái phút nóng biết vật mới mua.

Cái nắp giấy bật lên mỗi người giúp một tay thái lớp rơm phủ.

Cái đồng hồ hiện ra và anh ta kêu một tiếng ngạc nhiên: nó chiếm cả bề rộng của hộp, không nhỏ nhắn như anh vẫn tưởng. Một người nâng lên, và thấy theo ra cả một cục đồng tròn xù xì sơn đen mốc ở đầu một sợi dây xúc xích đồng nói không hết cái dài! Có mặt các bạn đồng sự, anh ta cố giấu thất vọng. Mọi người ngắm nghía đồng hồ. Cái mặt làm bằng mảnh sắt tây vuông, bốn bề trang trí bằng những ô vuông nhỏ xanh và trắng xen kẽ, các cạnh đều bị đập móp trong cuộc viễn hành vừa rồi. Đằng sau là một cái hộp bằng gỗ, nhưng mà gỗ gì, thứ gỗ mềm ả của những thùng rượu, cạnh xước lờm nhom. Cái hộp hồng mặt dưới, giấu trong lòng một bộ máy không có gì phiền phức, chỉ gồm ba bốn cái bánh xe răng cưa. Có ai lục lọi trong đồng rơm lót đáy hộp và lôi ra một quả lắc suýt bị bỏ quên. Quả lắc là một miếng sắt tròn sơn xanh mỏng mảnh và thô sơ như “nắp phèng” của con nít dùng đánh đáo, vành đục hai lỗ để cho xuyên qua một sợi dây thép thẳng dài chừng một gang.

Viên xếp phòng họa đặc giảng rằng đó là thứ đồng hồ treo nhà bếp. Cả bọn cười nhao, nhắc lại lời khoe món hàng “đặc biệt Hà Nội”.

Một người hý hoáy treo chiếc đồng hồ lên tường. Rồi cả bọn xúm xít, người lắp quả lắc, người móc cục đồng vào sợi dây xúc xích. Quả lắc bắt đầu xang, và tiếng tích tắc đều đều vang dội trong tim anh sung sướng. Anh dùng ngón tay đẩy chiếc kim sơn trắng để lấy giờ, và nói:

– Để xem nó chạy có đúng với đồng hồ sở không?

Nhưng chạy được chừng một phút, quả lắc như hết hơi không kêu tích tắc nữa rồi xang nhẹ dần. Một người nói:

– Chỗ này thoáng quá, gió thổi bay quả lắc, đồng hồ không chạy được.

Một người khác pha trò:

– Thôi hãy để cho nó nghỉ vài hôm đã, vừa đi tàu về mệt mà!

Anh ta đã bắt đầu nghi ngờ sự mẫn cán của cái đồng hồ có cái dáng khổ khổ lôi thôi lố thốc. Anh nói: “Ông chủ mà về bây giờ thì chết cả bọn. Thôi!”. Đoạn hạ máy xuống, cất lại vào hộp, phủ rơm cẩn thận.

Trưa, lúc về đến nhà, để ngừa trước sự thất vọng của vợ, anh ta vừa đặt hộp xuống bàn vừa khen rối rít:

– Cái đồng hồ về rồi đấy, xinh lắm mình ạ. Nó to chứ không nhỏ đâu, nhưng người ta bảo đồng hồ càng to càng chạy khỏe. Cũng không phải đồng hồ bàn giấy, đây là thứ đồng hồ có quả nặng, chạy đều hơn đồng hồ lò xo nhiều.

Anh lại bịa:

– Có người bạn trên sở bảo năm ngoái có mua một cái y hệt như thế mà giá những tám đồng.

Chị vợ ngắm nghía cái đồng hồ, xem chừng không được hài lòng, nhưng không nói gì. Hai thằng con nằm trườn trên bàn, đưa đưa ngón tay trên mặt đồng hồ và kêu:

– Nhấn nhĩ! Mà có nhiều chấm xanh đẹp quá! Ba treo lên đi.

Cố hoãn cái lúc thử máy đáng lo ngại, anh bảo:

– Thôi ăn cơm đã. Đói bụng rồi.

Xong bữa cơm, anh khép tất cả các cửa để ngăn gió, đoạn đóng đinh vào một góc tường kín gió nhất, anh mắc đồng hồ lên, xê đi dịch lại mãi cho thật ngay ngắn, đẩy kim lấy theo giờ vừa đánh bên nhà ông Tham; rồi tay run run, anh đưa quả lắc. Cả nhà đứng nghiêm trang thành vòng, nhìn. Mắt chăm chăm theo dõi cái xang đưa uể oải của quả lắc mảnh khảnh, anh lo lắng tự bảo thầm: “Này này... nó sắp đứng... nó sắp đứng...”. Nhưng may, lần này cái đồng hồ chịu làm việc hơn. Nửa giờ sau, anh hớn hờ xoa tay đi ngủ. Hai thằng con ngược cổ ngắm vật mới; thằng đầu hện:

– Hai giờ kém mười con sẽ đánh thức ba dậy, nhé!

Rồi nó đứng rình giờ.

Chiều hôm ấy thằng bé đón anh ở cửa và báo: “Ba ạ, nó dừng từ lúc bốn rưỡi rồi”. Anh lại loay hoay chữa, xê dịch đồng hồ, áp đầu vào tường nheo mắt ngắm lên xem đã thực thẳng quả dọi chưa, tụt mặt quả lắc xuống một chút. Vợ đứng im lặng nhìn; anh nói, như để tự bào chữa:

– Nó cũng như người, cho chạy vài ngày mới quen. Đi tâu bị lắc mạnh, máy móc hẳn cũng có sai suyển.

Chiếc đồng hồ, dường như cảm động vì từng ấy chăm chút của chủ, lại bắt đầu chạy.

Đêm nằm, anh lắng tai nghe. Có lúc hình như cái máy im lặng hẳn. Nhưng cố sức chăm chú, anh lại nghe thấy tiếng tích tắc đều đều. Rồi hễ anh nhãng ý một chút, tiếng máy lại chìm đi. Anh bèn lạng lẹ ngồi dậy, rón rén đi ra, dưới ánh đèn con anh thấy quả lắc đứng lặng như tờ. Chiếc kim ngắn chỉ một giờ. Đồng hồ ông Tham vừa đánh bốn tiếng; thì ra tiếng tích tắc nãy giờ chỉ là do trí tưởng tượng của anh tạo nên. Anh ta lại hí hoáy sửa chữa, nâng mặt quả lắc lên, nắm cục đồng sẽ kéo. Rồi anh ngồi phịch xuống ghế, da toát mồ hôi lạnh, tim bóp chặt trong niêm bi thống.

Sáng hôm sau, khi đi làm, anh không quên giắt trong mình một cái lọ con; xin được tí dầu máy anh đem về tra vào những cốt bánh xe, thò giẻ quấn đầu cây tăm lau chùi. Thấy vợ đứng nhìn, anh thẹn thẹn làm sao ấy và cố tỏ vẻ tin chắc ở kết quả việc mình làm; anh nói:

– Máy cũng như mình; nó cần dầu như mình cần cơm, có thì mới làm việc được.

Quả thực lần này cái đồng hồ chạy thông. Có điều nó chạy hơi chậm, mỗi buổi tụt lại mất năm phút. Anh ngoắc vào cục đồng, cho nặng thêm, một cái đinh ốc chẳng biết nhặt được ở đâu. Máy vẫn chưa chạy đúng, anh lần lượt thử buộc vào dây xúc xích một con dao nhíp, mấy hòn bi đạn; cho đến khi anh thử treo một cục quặng xin của thợ rèn, thì chiếc đồng hồ không chịu nổi, chệch đi và quả lắc đứng dần.

Anh không biết làm thế nào nữa. Chị vợ đã chớm lời trách móc:

– Đã bảo của rẻ là của ôi mà.

Anh đáp:

– Cứ để nó chạy cho quen máy. Để xem vài hôm nữa nó chạy có đúng hơn đồng hồ ga không!

Và từ đó, anh bắt đầu gian lận. Sau giờ bãi trưa, anh ở nán lại sờ năm phút, rồi thông thả đạp xe về, để kêu lên: “Đấy, tính xem, tôi đi mất mười phút, thế là bây giờ vừa mười hai giờ mười”. Rồi trưa đó, thừa lúc không ai để ý, anh đẩy kim tới thêm năm phút. Buổi chiều anh cũng dùng mưu như thế. Anh cứ lặp đi lặp lại, bộ hả hê: “Gọi là cứ đúng ngăn ngắt! Đúng ngăn ngắt!”.

Chị vợ nghi ngờ, hỏi:

– Thế sao vẫn cứ chậm hơn đồng hồ nhà ông Tham?

– Bì sao được! Người ta là ông này ông nọ, đến sở chậm nửa giờ cũng chẳng sao, nên cứ mặc đồng hồ chạy phăng tê. Đồng hồ bên ấy chả đúng!

Mỗi đêm, trước khi đi ngủ, anh lại lên lút đẩy kim tới thêm mười phút; được trừ hao vậy rồi, giờ sáng mai sẽ đúng.

Lâu dần, anh quen với công việc gian lận ấy, mà anh làm trọn không một lần sao nhãng, như một nghi lễ tôn giáo.

Rồi anh thuộc lâu cả tính nết của cái đồng hồ. Nó có một tật xấu: dễ cảm. Mỗi khi trời muốn trở mưa, hơi ẩm luôn từ mặt dưới tổng hồng của hộp gỗ, làm rít bánh xe, và anh nghĩ: “Hừ hừ, mà lại định làm biếng đây. Thế thì tối nay tao phải vặn thêm đến mười lăm phút”. Trái lại, khi trời hanh ráo, quả lắc xang đưa lệ làng, anh biết chỉ cần ăn gian mỗi buổi từ hai đến ba phút là đủ lắm.

Và chiếc đồng hồ sung sướng trong gia đình nhỏ ấy, được ông chủ ân cần săn sóc như cha, đúng hơn, như mẹ, như một người mẹ càng thương yêu con vì đã cứu nó qua nhiều bệnh hoạn, đã cướp nó khỏi tay thần chết, đã cho nó sự sống hơn một lần. Cái máy không ngừng chạy nữa, chỉ ồng ẹo một đôi khi trở trời, như đứa con cứng mới hơi váng đầu sổ mũi đã làm nũng mẹ.

Năm xưa, tập truyện ngắn.

Nhà xuất bản Đời nay, 1941.

HAI ANH HỌC TRÒ CÓ VỢ

(Truyện ngắn)

Hai anh cùng trọ một nhà hàng ngoại ô, cùng học năm thứ nhất ban Thành chung trong một tư thực. Cuộc bắt bặt thật đã nhanh chóng, ngộ nghĩnh nữa. Cách thế này:

Vịnh vào trường chậm mất một tháng, bởi mắc chăm sóc đứa con lên sỏi. Hôm anh xin vào học, thầy giáo đã để ý ngay tới cái dáng lênh khênh và vẻ già dặn tuy hiền lành ngây ngô của anh ta. Thầy hỏi đùa:

– Anh có vợ rồi chứ?

Và Vịnh đã trả lời, giọng hoa mỹ kiểu xưa:

– Bẩm thầy, con yên bề gia thất từ lâu.

Học trò cười âm lên, khiến Vịnh ngỡ ngác. Thầy lại đùa:

– Thế được mấy con rồi?

Mắt anh học trò mới bỗng sáng lên, trong cái kiêu ngạo người cha. Anh ta nói một hơi lưu loát cái câu khoe con mà hẳn anh đã có nhiều dịp nhắc đi nhắc lại:

– Cám ơn thầy, con mới được một cháu. Nó còn bé lắm ạ: để tháng chạp năm ngoái, thế là đi mười tháng, tính đến Tết này là cháu chịu ba tuổi.

Cả lớp lại phá lên cười. Sở ông hiệu trưởng nghe tiếng ồn, thầy giáo bảo:

– Anh lại ngồi cuối lớp kia, cạnh anh Cần.

Thầy dẫn anh ta tới ghế cuối cùng, chỉ có một anh học trò lớn chiếm cứ. Vịnh len vào, ngồi xuống, vòng tay. Ý muốn gây trò cười làm cho độc ác, thầy giáo bảo:

– Hai anh đứng lên.

Hai anh cùng đứng dậy, cùng đứng ngất ngưỡng. Cẩn lại còn cao hơn Vịnh nữa cái đầu, nhẹ xoay mình bên nọ bên kia, như để bớt đáng cao. Anh ta cúi mặt mân mê cuốn tờ giấy thám cho đỡ ngưỡng, nhưng tai vẫn đổ lửng lên, vì anh em bạn đều quay lại nhìn mà khúc khích cười, cho đến khi thấy cho hai anh ngồi và lại bắt đầu giảng bài.

Giờ ra chơi, Vịnh đứng thui thủi góc sân, hai tay thủ dưới tà áo. Vài cậu học trò nhỏ đã đột nhiên có mối ác cảm mơ hồ với người bạn mới mà chúng sẽ không thuộc vào xã hội chơi đùa của mình, liếc nhìn anh từng thoáng mau, luồng mắt lạnh lùng giấu sự tò mò. Một cậu tinh nghịch gọi:

– Ê, pa pa Cẩn! ¹.

Cẩn đang đứng cạnh cây bàng ôn lại, quay lại rồi vội ngoảnh đi khi thấy cậu kia vừa cười cợt nhìn anh vừa trở Vịnh. Tiếng cười và vỗ tay ran; và, trong một cơn cục của kẻ hiền lành bị trêu chọc quá độ, nó xui làm những thách đố, Cẩn, đáng quả quyết, bỗng đi thẳng tới người học trò mới, vỗ vai như một người bạn cũ thân thiết và hỏi:

– Anh trọ ở đâu?

Vịnh lễ phép đáp:

– Thưa anh, hiện giờ tôi vẫn ở tạm một hàng cơm. Tôi chưa kiếm được chỗ trọ.

– Thế anh về trọ cùng tôi cho vui nhé. Tôi ở ngoại ô.

Vịnh cảm động, không biết nói thế nào để cảm ơn, nắm mạnh tay bạn, bỏ ra, rồi lại nắm mạnh lần nữa. Cẩn quay nhìn các bạn đọc, vẻ đắc thắng và khiêu khích.

Tối hôm ấy, Vịnh xe hòm đến nhà Cẩn. Cẩn dắt bạn vào nói qua với bà chủ trọ. Vịnh chấp tay đứng nghe, thỉnh thoảng gật gật đầu một cách vô nghĩa lý. Đoạn hai anh dọn chỗ kê hòm. Nhà tranh thấp quá, Cẩn trong lúc lúi húi dọn dẹp, húc đầu phải xà tre. Sau đến lượt Vịnh đụng đầu vào khung cửa.

Dọn xong, Vịnh ngồi chép bảng dùng thì giờ. Đọc đến những chữ mới lạ chưa từng thấy; Algèbre, Chimie, Zoologie ², anh thấy lòng sờ sợ, và có ý kính phục tất cả các bạn mới mà anh cho giỏi hơn mình

1. Bố Cẩn!

2. Mấy môn học: Đại số, Hóa học, Động vật học.

nhiều. Khi ngừng đầu, anh chợt thấy Cần đang ngồi vòng tay chăm chú nhìn mình, miệng hơi mỉm cười. Anh cúi mặt, ngượng nghịu. Nhưng Cần hỏi anh, giọng nhỏ nhẹ, thân mật như trong câu chuyện tâm tình:

– Anh cưới vợ năm nào?

– Thưa anh, tôi cưới vợ ba năm rồi.

– Anh cứ thưa với gửi gì! Chỗ anh em đừng nên khách sáo. Cháu vẫn ngoan chứ?

– Cám ơn anh, nó ngoan đáo để. Nhưng vừa đây nó lên sởi, có hơi nhác chơi.

Rồi, trong một bầu thân mật, hai anh kể chuyện mình cho nhau nghe. Đó là chuyện những chàng trai nhà quê, mà sự học đã nhiều lần đứt đi nối lại bởi những cơ giã dị và hết sức bất ngờ: một mùa lúa được hay mất, một đám tang, cuộc hồi hương đột ngột của người anh cả Vịnh vừa làm giàu ở một tỉnh xa miền mở, sự cạnh tranh giữa cha Cần và bác hàng xóm hợm hĩnh vì có con “học trường đít lôm”¹, sắp thi ra tham biện”.

Cần tiếp:

– Thấy tôi bảo mãi, lúc đầu tôi nhất quyết không đi. Lớn sù sụ rồi, anh em bạn học họ cười cho. Vả tôi cũng như anh, có vợ rồi đấy.

– Thế à! Thế là phải. Lớn lên phải lo gây dựng gia đình, nối dõi tông đường chứ. Ở tỉnh có người già quá mà chưa thành gia thất; độ Tết trước, tôi gặp mấy cô người làng ở tỉnh xa về quê chơi, cô nào cũng cao ngông nghênh thế này mà chưa chồng con gì cả, trông dơ đáng quá.

– Ấy, tỉnh thành họ khác thế đấy, hóa nên họ cười mình, cho mình là hủ. Chuyện có vợ, tôi giấu mãi: nhưng sau vì thằng bạn người làng nó nói toang, bọn kia chế tôi ê cả mặt. Lúc sáng, chắc anh không biết chúng cười gì nhỉ: đấy là bởi anh khai có vợ con rồi, chúng cho là sự lạ.

Vịnh chống cằm trên tay, im lặng. Không phải anh thẹn, anh chỉ thấy nao nao khổ sở, bởi cảm tưởng cô đơn thấm thía. Thực các bạn mới đã độc ác quá. Và vô lý nữa: anh cưới vợ và có con sớm, bà con trong làng đều mừng anh có phước.

Cần an ủi:

1. Ý nói trường trung học.

– Nhưng học trường tư thì phải chịu những lời chế nhạo như thế là thường. Học trò trường tư quý sứ lắm, có phải như chúng ta đâu. Độ học trường phủ, trong khi đợi giờ vào, chúng tôi đứng nghiêm trang nói chuyện, lúc thấy quan Đốc tới thì chấp tay cúi đầu chào: “Bẩm quan”. Bọn này thì lảng thầy giáo được chừng nào hay chừng ấy... Nhưng thôi, cùng một cảnh, chúng ta thương yêu nhau, đùm bọc lấy nhau là đủ. Cũng bởi thế mà tôi mời anh về trọ cùng tôi.

Hai anh ăn ở với nhau thực là khăng khít, giống như những đôi bạn hiền trong những truyện thời xưa. Càng bị chế nhạo, hai anh càng xích lại gần nhau. Trước những lời độc ác của các bạn, hai anh nắm chặt tay nhau, và tìm thấy trên nụ cười cùng nở trên hai miệng một niềm an ủi không cùng.

Một hôm, Cần được tin mừng. Một người làng, nhân đi chợ tỉnh, báo cho anh biết rằng vợ anh đã có mang. Anh thăm thì nói chuyện ấy với Vịnh. Vịnh nắm chặt tay bạn; hai anh càng thân nhau hơn bởi cảnh nhà giống nhau hơn. Vịnh già kinh nghiệm, dạy Cần rằng nên bảo “chị ấy” ăn nhiều canh rau sam cho mát thai; nếu được canh rau sam nấu với cá rô càng bổ, rằng thỉnh thoảng “chị ấy” nên xông lá dành hoa để tránh tật nôn mửa mà đàn bà chữa hay bị.

Nhân một ngày chủ nhật về quê, Vịnh đem lên cho bạn mấy bơ gạo lùa, một thứ gạo riêng vùng anh trồng, đàn bà chữa ăn gọn bụng, anh bảo thế.

– Mẹ thằng Bính cũng nhờ ăn gạo ấy mà đẻ nó ra thực chóng, dễ như trở bàn tay, anh ạ.

Anh nói ba tiếng “mẹ thằng Bính” rất nhanh, một cách ngộ nghĩnh lạ.

Có khi đang học bài, Vịnh nhìn vợ vấn vào một góc nhà, miệng nhẩm mãi một câu, rồi chợt anh ngừng học, hỏi Cần:

– Anh định đặt tên cháu là gì đấy?

Cần cười không đáp. Vịnh tiếp ra bộ sẵn sóc tới việc nhà bạn:

– Cứ theo năm đẻ mà đặt tên, anh ạ; như thế tiện, chả quên tuổi được... Có người lấy chữ ngũ phúc mà đặt tên con lần lượt, cũng là ý hay. Ở nhà quê cứ quen gọi: Cu, Hoe, Lòn, nghe chướng tai quá nhỉ.

Tối hôm hăm bảy Tết, hai anh đang soạn cặp để về quê, Cần thấy vợ bước vào. Cần hỏi hơi gắt:

– Lên làm gì thế?

Vợ anh bụm môi nhìn loanh quanh, nhỏ toẹt được bãi nước trầu vào góc vách rồi mới đáp:

– Thầy bu bảo tôi lên tỉnh sắm ít hàng tết, rồi về với nhà luôn thể.

Cần vẫn lúi húi soạn cặp, để mặc vợ đứng trơ, cái mủng sơn cò kè bên hông. Nhưng Vịnh nhã nhận mời:

– Chị ngồi nghỉ trên ghế. Có bụng mà đi đường xa chắc mệt lắm nhỉ?

Hai anh ăn cơm xong, vợ Cần bảo chồng, giọng nhỏ nhẹ, sợ hãi:

– Nhà đi phố sắm hàng tết với tôi, được không?

Nhưng Cần gắt:

– Ôi dào! Giờ lại muốn cặp tay nhau đi dạo phố như tây với đầm ấy à?

Vịnh thực thà bảo:

– Thời mới, cũng đừng nên nề cổ quá, anh ạ. Mình đừng sống sã lắm thì thôi, vợ chồng đi với nhau, nhưng đi xa nhau, cũng chẳng có gì là quá tự do. Vả lại để tôi cùng đi với anh chị.

Khi ba người ra đi, Cần lại gắt lượt nữa, bởi anh thấy vợ có mang cò kè cái mủng bên hông. Anh quát:

– Mua có vài xu miến với mộc nhĩ, cũng mừng với mót! Vút đi! Vợ vội chạy vào cất mủng. Cần thì thâm với Vịnh:

– Tôi dặn anh điều này: anh em bạn nhờ gặp mà hỏi, thì anh bảo đó là người làng, chứ đừng nói vợ tôi, nhé.

Vịnh gật đầu, tuy bụng nghĩ: “Làm thế thì còn đâu là tình nghĩa vợ chồng”.

Hai anh đi trước, vợ Cần theo sau, hai tay thủ dưới tà áo, bụng đã hơi ưỡn ra đằng trước. Thỉnh thoảng Vịnh phải đứng chờ; chị ta toe miệng cười đến híp cả mắt, chạy tới, tay vẫn thủ dưới áo, khiến người ngoắt nguẩy đến hay. Qua trước cửa hàng nào, chị ta cũng trở mắt nhìn, thế là chân lại bước chậm lại. Chị ta hỏi:

– Cái gì xanh xanh hình bồ dục như quả dưa thế nhỉ?

Cần im lặng cúi mặt bước. Nhưng Vịnh, ra cách một bạn chồng nhã nhận, giảng cho nghe:

– Đây là quả bóng, để con nít chơi. Nó bằng cao su, thối thì phồng tương, tung lên giờ nó bay là là, hay lắm... À, chị có thấy thằng người trắng trắng ngồi trong tủ kính đó không? Con búp bê đấy; chị sắm cho cháu chơi; bóp thì nó kêu chút chút như con chuột nhất ấy, cũng hay.

Vợ Cần cười, mắt long lanh thèm muốn:

– Để tiền mua miến với khoai hành, không bu tôi chửi chết.

Cần ngừng đầu giục:

– Thì mua đi rồi mà về, còn đợi tất cả phố người ta xem rõ mặt nữa à?

Chợt thấy một người bạn học bên kia đường, anh vờ chúi mũi vào cửa kính một hàng sách.

Sáng hôm sau, khi cùng vợ từ già Vịnh để lên xe về quê, Cần tặng bạn một bức ảnh. Vịnh vui mừng ngắm nghía. Ảnh chụp một cặp tình nhân người Pháp ngồi trên một mảnh trăng lưỡi liềm, mình in lên nền trời mờ tối nạm sao lấm tấm. Bên dưới là một cảnh đồng quê mùa đông thê lương, lốm đốm tuyết. Lật sau ảnh, Vịnh đọc thấy mấy hàng chữ, nét nắn nót:

“Tặng bạn thâm giao Hồ Văn Vịnh,

Nhân dịp năm mới, vợ chồng tôi thành thực chúc anh sống cùng chị trong cảnh hạnh phúc thân tiên như cặp uyên ương trong ảnh”.

Vịnh cảm ơn bạn, rồi cất ảnh vào cặp. Là một người chồng tốt, anh định sẽ cho vợ xem ảnh và giảng cho nghe ý nghĩa cảnh vẽ trong đó. Vợ xem rồi, anh sẽ đem cất vào hòm, “chứ không nó làm bemb nước trâu vào ảnh mất”, anh nghĩ vậy.

Nhân dịp lễ phục sinh, Vịnh đưa Cần về làng chơi, để bạn biết quê hương mình, một nơi đã có tiếng non sông gấm vóc. Nhưng anh còn có một ý định thâm kín hơn: khoe vợ. Vợ Cần mà anh đã có dịp thấy mặt hôm hăm bảy Tết, thực là xấu: má gồ, cổ đen, môi vầu điếm cho miệng một vẻ chua ngoa.

Có lẽ vì thế mà Cần không bằng lòng khi thấy vợ lên tỉnh. Vịnh tự phụ khi so vợ bạn với vợ mình; vợ anh trẻ, đẹp, có đôi mắt đen láy và hàm răng đen nhưng nhúc. Anh vâng lời cha mẹ lấy người đó, không đắn đo, không suy nghĩ; nhưng khi cưới về rồi, anh

chợt nhận thấy ở vợ một nụ cười có duyên và một luồng mắt dễ thương lạ. Đàn bà răng đen, anh cho thực đẹp, chứ những cô thiếu nữ thành thị, mỗi khi cười để lộ hàm răng “trắng hếu” ra, vô duyên quá. Vợ anh lúm đồng tiền ở một khóe môi, chỉ một khóe môi, có một vẻ nũng nịu dễ yêu. Anh nhận thấy vậy, nhưng không dám khoe với ai, sợ người ta cười.

Vợ anh lại ăn nói nhanh nhẩu, khi có bạn đến chơi, anh nhờ vợ đỡ lời cho nhiều, bởi anh hơi chậm chạp.

Quả vậy, đôi bạn vừa tới cổng, Vịnh chưa kịp lên tiếng mắng con Vàng đương sữa âm ỉ, vợ anh đã chạy ra đuổi chó, đon đả chào chồng và chào khách, đoạn mời:

– Hai anh vào trong nhà.

Chị nói tiếng “anh” một cách trơn tru, dễ nghe quá. Trong những giờ rủ rỉ của ban đêm, chị lại còn âu yếm xưng “em” với chồng. Vịnh thì hay ngượng, chưa khi nào nói được một tiếng “em” với vợ.

Bước vào nhà, Cần thấy một người trẻ tuổi, ngồi dựa ngửa trên ghế, hai chân chạng, lưng quàng ba đờ suy tuy trời đã chớm sang hè. Vợ Vịnh giới thiệu:

– Đây là bác cháu... Thưa bác, đây là bạn học thầy cháu trên tỉnh về chơi.

Người đàn ông vẫn ngồi chạng, có cái vẻ bề thế hợm mình của kẻ mới giàu. Ông ta bắt tay Cần, giật mạnh và rất lâu, rồi giơ tay, xòe rộng ngón, mời:

– Ngồi chơi.

Quay lại vợ Vịnh:

– Thím bảo chúng nó pha nước.

Vừa hút từng hơi thuốc lá dài khiến thuốc đỏ lửng cháy vèo vèo, ông ta hỏi, giọng quan trọng của bậc che chở:

– Thế nào, lâu nay chú học ngoài tỉnh ra làm sao?

Vịnh chấp tay trả lời, thưa bẩm rất lễ phép. Ông anh gật gật liên hồi, nói mấy câu khuyên dạy chán ngắt rồi đi ra, sau khi đã xòe bàn tay cho Cần lướt nữa:

– Cậu cứ tự nhiên, nghe không, bạn chú nó, thì cũng như người nhà.

Vịnh để vợ ngồi tiếp bạn, xuống nhà dưới bế con. Đứa bé còn ngủ trong lòng bà nó nhưng anh bế xốc lên cho nó tỉnh dậy, rồi đưa lên nhà. Nó giở giấc, khóc ré lên. Vịnh nói nựng:

– Ô, ô tội nghiệp quá, nào thầy bế nào, con tôi nó như con chó ấy.

Anh duỗi tay nâng nó lên cao, đoạn rúc đầu vào bụng nó, tu miệng liên thanh “blu blu”. Thấy buồn buồn, hay hay, nó quên khóc, cười sằng sặc, trên mi còn đọng nước mắt. Tuy đùa với con, thỉnh thoảng anh liếc nhìn bên cạnh. Vợ anh tiếp bạn một cách niềm nở, miệng luôn luôn cười cho lúm đồng tiền một khoe môi và lộ hàm răng đen nhưng nhức. Chị rót nước chè tàu, bóc thuốc lá mời. Chị bóc mát cả mặt trên phong thuốc; Vịnh định sẽ dạy cho vợ biết rằng chỉ bóc một góc thôi mới nhã, mới hợp lối tỉnh thành. Ra tỉnh mấy tháng, ít ra anh cũng học được một điều khôn chứ! Chị nâng chén nước trong hai tay, mời khách rồi lại mời chồng. Cần khen đứa bé:

– Kháu quá nhỉ!

Chị đáp:

– Ấy là một độ vì lên sởi, cháu nhác chơi, chứ trước kia nó hay đáo để. Nó bập bẹ tập nói, ai giạt lấy vật gì trong tay, nó đã biết chửi “Cha! Cha!” rồi nó quơ tay quào vào mặt người ta.

Vịnh trao đứa bé cho Cần, nói:

– Con để bác bế tý.

Đứa bé xòe những ngón tay bột nặn ấy mặt Cần ra. Vịnh cười nói rất to như để cho nó hiểu:

– Bác đấy mà! Bác đấy mà! Bác học trên tỉnh cùng lớp với thầy đấy mà!

Nhưng thằng bé không chịu cho người lạ mặt bế, oằn người giãy nẩy. Vợ Vịnh vội đỡ lấy con. Chị nói:

– Khi nào nó đến tuổi cấp sách đi học, thì thầy nó và bác đã ra khỏi trường chưa nhỉ?

Vịnh lăm bắm tính trên đốt ngón tay, và đáp:

– Nếu nó thông minh sớm thì không khéo cha con cùng học một trường đấy.

Vịnh lại bảo vợ:

– Chúng ta sắp có cháu rồi. Chị Cần có mang đã được ba tháng.

– Thế à? Thế thì vui nhỉ! Phúc đức quá! Nếu chị ấy đẻ con gái, thế nào anh chị cũng phải gả cho thằng Bính chúng tôi nhé.

Ba người cùng cười vui vẻ.

Năm vợ, tập truyện ngắn,
Nhà xuất bản Đời nay, 1941.

CHIỀU SƯƠNG

(Truyện ngắn)

Vào một chiều trung tuần tháng giêng, chàng trai ấy lang thang trong những ngõ hẻm làng. Chàng đi không mục đích, hồn lạng thám cái êm ả lắng tự vòm trời trắng hơi biêng biếc như giát bạc, cái êm ả của những cuối ngày thôn dã. Chàng đi và nghĩ đến trăm điều vu vơ, những ý nghĩ thoáng qua trong trí rồi vỗ cánh bay đi, như những con bướm đa tình vội hôn đóa hoa này để đến với hoa kia.

Chàng đi lơ đãng, đến nỗi sương tủa xuống mù trời từ bao giờ mà chàng không biết. Sương bạc đã tủa rất nhanh, một cách bất ngờ. Thấy ẩm lạnh trên đầu và có hơi nước đọng trên mi, chàng mới ngo ngác nhìn lên.

Cảnh vật, như dưới một đũa tiên mầu nhiệm, đã tan biến trong giây phút. Chỉ còn trơ lại quanh mình những nét thâm thâm của vài nhánh cây khẳng khiu và những vuông xám mờ của các túp tranh. Những bụi xương rồng và dâm bụi chạy hai bên đường dẫm sương, óng ánh, xanh tươi lại. Vài mạng nhện mắc giữa hai cành yếu, trắng toát như dệt bằng những sợi tơ bạc li ti.

Trời không lạnh lắm, nhưng hơi sương ngấm vào mình; chàng trai lẳng lẳng trong tâm hồn buồn, cái buồn tê tái và mang mang, cái buồn ôm trùm, nhưng kết bằng những sầu thảm nào mơ hồ và đã xa xôi lắm, tưởng tượng hay là thực, chàng cũng không biết nữa. Hơi ẩm đọng trên mi, chàng tưởng nước mắt rưng rưng.

Chàng đi lang thang, mặc hồn lang thang... Sương bay từng luồng, hạt sương bám khê vào da mặt như một làn phấn bụi.

Những tiếng người trao đổi trong sương, như gần như xa, lằng đằng. Ngoài sông mờ, bóng một chiếc thuyền chài sữa soạn ra khơi: Sương mù đã tới báo mùa cá thu. Chàng rẽ vào nhà một ông bạn già. Chàng thấy lão đang ngồi xỏm đan lưới, hai chân co trước ngực, mình

quàng trong một manh chiếu vuông buộc túm một đầu để khoanh lấy cổ, thứ áo tơ và áo rét của dân chài.

Chàng chào, và lão Nhiệm Bình với dáng điệu giản dị của những người chất phác, vỗ vai người bạn nhỏ, bảo ngồi trên phản. Chàng hỏi:

- Cố không đi biển à?
- Không, chú ạ. Già rồi, không năng đi được nữa.
- Cố kể chuyện đi chài nghe đi.

Chàng nói thế bằng cái giọng nũng nịu của đứa cháu vôi bà. Chàng thường đến đánh bạn với lão chài, và ông lão, đối với chàng trai mới lớn, có một tình yêu thương che chở, tốt quá đáng đến cung chiều, như tình yêu thương mà tất cả những người già đùm bọc trẻ con. Lão cười đáp:

- Còn chuyện gì mà kể nữa! Chú nghe hết cả chuyện của tôi rồi.
- Không... Cố phải kể đi... À, cố kể chuyện ma đi. Cố đi chài có bao giờ gặp ma không?

Lão Nhiệm Bình có một nụ cười hồn hậu nhuộm vẻ độ lượng của kẻ không biết từ chối bao giờ.

– Chuyện ma à? Tôi cũng ít khi thấy ma lắm... Có vài lần thuyền neo ngoài khơi, tôi ngồi câu đêm, thấy giăng mạnh ở câu, vôi kéo lên. Ai chà, sao nặng khiếp. Mà lạ, chỉ thấy nặng thôi, như có tảng đá trì giữ lại, chứ không thấy giật giật vùng vẫy như con cá to. Tôi nghĩ thầm: khéo lại cái *nổ* ta rồi, *hấn* muốn trêu mình đây... Quả nhiên! Tôi vừa kéo câu lên khỏi mặt nước, thấy *hấn* xòa một cái, xanh lè cả nước biển, mình hết hồn. Nhìn vô lưới câu, con mực mỗi vẫn còn nguyên.

Đó, tôi chỉ gặp vài lần như vậy thôi. Đêm khuya lạnh lẽo vắng vẻ, chắc *cu câu* buồn tình, bày chuyện phá mình tí cho vui!

Có người họ kể, đêm ở ngoài khơi, trời êm biển lặng, mọi người đang neo ngủ, thấy *các chú* bơi lù lù rồi trèo lên ngồi dằng dằng hai bên mạn thuyền; họ nói: “Thôi mà, anh em mình cả, trêu nhau làm gì?”, thế là cả bọn nhảy ùm xuống, bơi đi.

Mồ ma ông cụ Bình khi xưa, dạn khiếp. Nửa đêm ông ta đi lưới về, qua dưới cây đa trước miếu, một bầy *hấn* bấu lấy tay. Không thấy người đâu, nhưng nghe tiếng *hấn* léo nhéo xin cá. Ông ta đáp: “Chào, xin với xỏ, được mấy con cá về cho vợ con đây!”. Thấy nhẹ trong rổ, sờ vô thì cá đã biến mất. Ông ta nạt: “Đồ quý, cứ nghịch thôi!”. Thế là tiếng cười bật lên riu rít hồi sau lại thấy nặng rổ.

Lão chài kể như vậy, giọng bình thường như nói chuyện người dương gian, tay vẫn thoăn thoắt đưa que đan qua mắt lưới. Chàng trai khẽ rùng mình thích thú. Chàng vốn không tin ma quỷ; chắc chắn đó chỉ là điều huyền tưởng, nảy sinh từ một khung cảnh, một tâm trạng nào đó; nhưng có thể nào không tin ở cái giọng kể từ tốn hiền hòa của ông lão! Trong ý nghĩ lão chài, chàng đoán, âm dương không phân ranh giới rõ ràng, cõi sống và cõi chết nương nhau vấn vít. Mấy chú ma, hồn của những người dân chài đã bỏ mình trong bão tố, trở về ngồi lạng lẽ trên mạn thuyền, chắc hẳn chỉ để tìm lại chút hơi ấm cuộc đời, vì cảm thấy lòng biển quá mệnh mông lạnh lẽo. Và tuy đã tìm thấy cái chết trong tai ương bi thảm và dữ dội, không phải bao giờ hồn họ cũng ngậm giữ oán hờn; họ còn biết nghịch ngợm đùa trêu người sống, và chàng trai tưởng nghe, vắng từ sương mù dày đặc, tiếng cười giòn riu rít của những cái bóng vô hình cạnh cây đa già miêu cổ...

– Có bao giờ người ta thấy một cái thuyền ma, hay cả một đoàn thuyền ma không, cố?

Chàng trai lại cất tiếng hỏi.

– Thuyền ma à?... À... có một lần, đã lâu lắm, chính mắt tôi thấy. Hồi ấy tôi còn trẻ lắm, tôi còn đi trai dưới thuyền mồ ma ông Phó Nhụy... Ở, cũng trời sương mù mịt như thế này, thuyền thì vừa tháo tổ xong, thoát nạn chết này lại đâm liền vô nạn chết khác.

Bữa đó thuyền ra lạch...

*

* *

Sáng hôm ấy, một buổi sáng thanh quang. Bình minh giát ánh vàng trên những dải mây bông thoáng nhẹ. Các bác chài tay đưa chèo theo nhịp đều đặn, ngược nhìn trời, lòng không ý nghĩ, không lo lắng. Nhưng khi thuyền chạy ngang nhà Thương chính, một chiếc xuồng do hai đứa con nít chèo bỗng lướt ngang trước mũi. Mọi người chửi rủa chúng âm ỹ; dân chài rất kiêng bị “chặn đường” như thế, và ông lái hơi nhăn trán lại.

Ra khỏi lạch, thuyền kéo buồm bắt cơn gió tây nam chạy thẳng ra khơi. Chiếc thuyền, dáng hơi nặng nề, lừ đừ tiến, hai mắt tròn

trân trân nhìn về trước. Khi một ngọn sóng kéo đến, nó chồm dậy rồi đâm chúi xuống, làm tung tóe một làn nước bạc xóa. Càng xa bờ, sóng càng bớt mạnh, chỉ còn là những cái lượn, lưng cong và rộng, kéo lừ đừ nhưng hùng cường. Những mảng nước lớn thốc vào dưới mũi thuyền khiến bọt trắng tóe như vôi, rồi tự rã đôi chảy róc rách hai bên mạn. Các bác chài đã gác chèo ngồi bện dây neo, quai chèo, hay tán chuyện, có vẻ không biết đến sự nhồi lắc của sóng.

Gió lên lồng lộng, thuyền chạy phăng phăng, để lại sau một vạch phẳng lì, vì nước đã bị khối nặng của thuyền dàn ra. Nhưng chẳng bao lâu, những làn sóng lô nhô hai bên mép tiến vào và xóa mất vạch phẳng.

Càng xa bờ, gió càng mạnh, như dậy từ bốn phương của khoảng rộng. Nắng vàng và gay gắt thêm. Khi mặt trời đứng bóng, biển biếc ngả sang màu lục.

Ông Phó Nhụy, nhà nghề và chạy lái, ra lệnh bỏ neo. Đoàn người ta tháo dây neo cho thuyền trôi tới gần chỗ đã thả bóng hôm trước. Bóng là một cái lồng tròn lớn và đan thưa, thả lưng chừng nước, trong có lót lá tre làm chỗ êm mát rủ cá lội vào. Cạnh bóng, người ta cột vài ba cây gậy, một loại tre vầu. Cá tìm thấy ở đó một nơi nghỉ, tới *nhóng* xung quanh, có khi hàng đàn lớn.

Hai bác chài, lặng lẽ và nhanh nhẹn, ngồi đầu mũi thả lưới, trong khi thuyền, dưới mái chèo, nhẹ tiến tới. Sau một lát chờ đợi, thuyền lùi lại, và hai bác, có thêm người trợ lực, kéo dần lưới lên. Những con cá dẫu mắc vào mắt lưới, giãy đành đạch làm lóe những ánh bạc biêng biếc. Vài con cá nhỏ nhảy lanh tanh trong đám rong rêu lẫn những hạt tròn nhớt và trong, mà người ta gọi là trứng nước. Bình, hồi ấy còn là một chú trai quèn, túm từng mảng lưới hất mạnh cho cá bật vào rổ rồi đổ dần cá xuống khoang. Từ khoang bốc lên một mùi tanh mặn và man mác, mùi của biển cả. Những con cá trích, cá đốm, lẫn cá thu, cá hồng, mắt tròn mở trân trân, há miệng mếu xệu một cách tuyệt vọng cố hợp không khí, trong tiếng lách tách của vây cứng.

Thuyền nặng dần, đè ép sức nhồi của sóng. Chú trai đã đi thổi cơm. Xế trưa, thuyền nghỉ để dùng bữa. Trên mâm gỗ, thỏm lỏn hai bát cá đầy và một bát muối; cạnh mâm, một rá cơm và một sanh canh cá. Cơm xới trong bát đầy có ngọn, các bác chài và rất nhanh như chèo đua cho chóng xong bữa. Chợt một bác kêu:

– Nhìn kia!

Và chỉ ra phía bên trái, chỗ mặt nước lặn tăn báo có đàn cá đi qua. Mọi người vội vàng bỏ đũa, kẻ chạy đến chèo, kẻ chạy đến lưới.

Họ mê mải trong công việc trong khi trời ngả về chiều. Mặt trời, lúc còn ba con sào, bỗng khuất sau đám mây. Bác Hoe Trần nhìn lên và kêu:

– Coi kia! Trời đỏ ráng ngoài.

Mọi người nhìn theo, lo ngại. Ông nhà nghề, bôi rớt dầu trong cổ béo, quay ngó xung quanh, cũng kêu theo:

– Sắp có bão tố đến nơi!

Họ vừa nhận thấy điềm báo không thể lằm lằm. Trời đã đột ngột đỏ ráng ba phương đỏ rực: ráng ngoài, nơi chân trời, và phía trong bờ, hai ráng lò (Cửa Lò), ráng cường (Cương Gián). Mặt các bác chài đỏ cháy lên trong ánh phản chiếu. Ông nhà nghề ra lệnh:

– Kéo lưới lên! Giương buồm!

Chân người chạy trên sạp rậm rạp. Các bác chài co chân đu mình trên dây để kéo buồm “dô hè” lấy nhịp. Một người hỏi:

– Gió gì?

Người khác đáp:

– Gió trong. Khó tháo kịp.

Gió từ bờ thổi ra, thuyền cố vát. Sóng vùng lên, cuốn, réo, đuổi dồn nhau, va vào nhau tóe bọt, ngụp xuống, trào lên, đã lấy một sức mạnh hỗn độn và bất ngờ trong gió vừa cuồng lộng thổi. Buồm vát không ăn gió, xương buồm đánh cạch cạch lên cột, có khi cọ vào gỗ rít ghê tai. Hình như thuyền trôi lùi ra khơi. Nhìn vào bờ để lấy cữ, ông Phó Nhụy kêu:

– Mưa đến rồi!

Phía bờ đã mờ mịt sau màn mưa trắng bệch, mặt sóng trong kia thâm sẫm lại. Mưa tiến ra khơi rất nhanh phát thành tiếng ào ào, một giây sau, các bác chài, ngồi co mình trong toi chiếu, đã vượt mặt không kịp.

Một bác bảo:

– Bỏ neo thôi, không lại bạt mãi ra ngoài khơi đông xích để cho mà coi.

Neo buông xuống nước. Trong khi dây neo tụt xuống vùn vụt, thuyền trôi lùi về sau, đoạn giạt nẩy mình, chúí hấn mũi: dây đã tháo hết. Người ta hạ buồm. Nhưng từ đó, thuyền cứ hục hặc với dây neo như một con trâu dữ bị buộc. Sóng đánh té tát, khi mũi thuyền chúí xuống thì vôi thừa dịp nhảy chồm, nước tóe trang lang đến tận sau lái. Nhưng rồi chiếc thuyền, rất khỏe, lại hếch cái mũi ướt sướt mướt, chờ mắng nước khác. Ông nhà nghề nhảy tới ngồi phục ở mũi thuyền, tay lăm lăm cầm con dao rựa. Những giọt nước lớn ném vào mặt ông như vốc đá cuội, khiến rát bỏng da.

Một lần, thuyền tì lại nặng quá. Nước thốc từng mảng lớn, thuyền dốc đứng tưởng như cứ thế mà đâm thẳng xuống đáy sâu như một cái dùi. Các bác chài, miệng há ngòm ngợ vì bị nước đánh tối tăm mặt mũi, rời chỗ vịn lăn trên sạp lông lốc. Ông nhà nghề bị ngụp trong mảng nước. Không trì hoãn được nữa! Một tay bám cọc chèo lấy thế, ông vôi giơ cao con dao rựa, phăm phăm bổ xuống. Dây neo đứt phụt. Con thuyền hết ràng buộc quay mình trôi phăng phăng. Các bác chài vôi nhảy đến đầu mũi giúp sức ông nhà nghề hất xuống nước cái neo sắt còn lại, mà ông này vừa chặt cánh gỗ đi. Không còn cánh, mỏ neo không cắm, nằm bệt trượt trên nền đáy biển như một hòn sắt nặng. Như thế, thuyền không bị giăng lại, mà cũng chỉ trôi từ từ, kéo cái neo sắt rê trên đáy cát.

Nhưng gió vun vút lên mãi, mưa bay ngang chích vào mặt dày đặc thêm, sóng giạt dữ gầm réo, nổi lên như núi. Mặt người nào người nấy tái mét; tuy có tời che, quần áo họ ướt mèm dính vào da, và vải đã bở sần, khi thấm nước rách toạc nhiều chỗ. Chú trai, lúc nãy bị sóng đánh lăn xuống khoang, ở luôn dưới ấy tát nước, tay lia lịa đưa cái mu sam. Hai bác chài tới giúp sức, chuyên cho nhau những thùng nước đầy để trút ra ngoài. Thuyền giảm, ít bị nhồi lắc, nhưng sóng dễ tràn lên; nước trong khoang nhiều đến nổi cá nổi lênh bênh. Theo lệnh ông lái, người ta xúc cá đổ bớt ra ngoài; nhưng sóng biển, trong một hấn thù mai mỉa, đánh vào thuyền, trả lại. Những con cá đập lên áo các bác chài và nằm trắng ràn rạt trên sạp, chờ một ngọn sóng tràn qua liếm đi và thay bằng lớp khác. Thuyền nhẹ bớt, nổi hơn, nhưng vì thế lại làm mồi thêm cho gió, trôi phăng phăng. Người ta bèn xổ buồm, buộc dây vào bốn góc, rồi thả xuống biển. Gập nước, buồm mở tung như một chiếc điều mà đầu lèo đã cột vào mũi thuyền. Nước cản tám buồm rộng căng, làm cho thuyền bớt trôi.

Đoạn, mọi người lại ngồi im lặng, co ro, cho mưa dội, sóng nhồi, gió táp. Màn mưa xám càng lúc càng sẫm thêm, rồi bóng tối ăn loang khắp không gian. Ông nhà nghề bảo:

– Anh em ai có đói, bốc nhúm gạo mà nhai.

Nhưng không ai trả lời. Họ ngồi thu mình, run run trong cái lạnh của nước ngấm vào da thịt.

Chừng quá nửa đêm – họ chỉ đoán vậy, vì không còn một ý niệm nào về thời gian – sóng bắt gầm réo và bắt nhồi lác, gió hạ dần, nhưng mưa vẫn rơi liên miên. Con thuyền mệt nhọc xang đưa lừ đừ. Và khi một ánh trắng xám ló nơi chân trời, thì biển đã lặng hẳn. Các bác chài, tai còn đầy cái huyền não hồi đêm, nghe trong đó ù ù như điếc. Họ không còn đủ sức để tỏ niềm vui mừng; một cảm giác mỏi mệt và co rút hầu như làm tê liệt các bắp thịt.

Màu trắng sữa liếm dần bóng tối của vòm trời, và mưa đã ngớt hẳn. Nhưng trên mặt biển, ùn ùn từ đâu đến – dân chài bảo từ Thủy phủ đùn lên – một đám sương mù dày đặc, mang vị mặn và hơi lạnh thấm thía. Người ta kéo cái neo sắt lên, đẽo cánh mới lắp vào, rồi neo thuyền cho đứng yên. Mỗi người góp một câu để đoán vị trí của thuyền. Họ chắc ở ngang Thanh Hóa, vì trong cơn bão, gió chướng thổi từ phía tây nam. Nhưng còn cách bờ bao xa thì không ai đoán được. Một bác chài đo được hơn năm mươi sải nước và họ biết là đã bị giạt ra ngoài khơi xa lắm.

Đột nhiên, không ai bảo ai, tất cả im lặng: họ vừa ngửi thấy một mùi kỳ dị, một mùi nhạt và ẩm ướt, tanh lợm như mùi rong rêu. Rồi một bóng đen dài hiện trong sương, phía trước mặt. Một người đoán:

– Chết, mình trôi đến cồn đá. Ra nãy giờ neo rê.

Một người khác đáp:

– Neo rê thì biết liền chứ. Đó là cái thuyền, nhìn kỹ mà coi.

Quả nhiên trong sương bóng đen rõ dần thành một chiếc thuyền, trên đó lố nhố những bóng người chèo. Họ chèo lặng lẽ dị thường, tưởng như thuyền lướt trên biển dầu. Một bác chài bắc loa miệng hỏi:

– Ai đó?

Thuyền bên kia có tiếng đáp:

– Thuyền Xin Kính đây. Có phải thuyền ông Phó Nhụy bên ấy không?

Ông Phó Nhụy hỏi bạn chài:

– Tiếng ai nhỉ? Nghe giọng lạ gớm. Mà sao họ biết thuyền mình?

Đoạn cất cao tiếng:

– Tôi Phó Nhụy đây. Thuyền bên ấy cũng vừa tháo tổ đó phải không? Có biết đây là đâu không?

Bên kia đáp:

– Ngang Cương Gián. Giờ phải đi xế lên mà vô lạch.

Trên thuyền ông Phó Nhụy, người bàn cãi lao xao. Gió thổi từ phía nam, sao thuyền lại giạt xuống ngang Hà Tĩnh được? Ông Phó Nhụy lại hỏi to:

– Sao mà biết?

Bên kia có một câu trả lời kỳ quặc và bí mật:

– Sao lại không biết... À kia, nồm vừa thổi đó, ta bắt ngọn gió này mau mà lên lạch.

Trong nháy mắt, đã thấy thuyền bên kia giương buồm. Chẳng hiểu sao họ làm nhẹn và lạng lẽ được đến thế. Ông Phó Nhụy, tuy bụng phân vân, sai kéo buồm chạy theo. Trong lúc tâm trạng đang bơ vơ và còn in dấu vết sự hãi hùng vừa qua, người ta không muốn rời bỏ bạn đồng hành đã gặp tình cờ.

Gió quá nhẹ, buồm không ăn gió đập phần phật. Sương tạt từng luồng như một cơn mưa trắng. Thuyền đi trước vẫn chỉ nom thấy dáng mờ mờ ảo ảo như trong giấc mơ, với quãng cách không thay đổi.

Chợt chú trai kêu:

– Có ai như người trôi kia?

Một bác dùng sào khều cái vật lênh bênh đen thui và nói:

– Người thật.

Họ cúi vớt người kia lên. Tay anh ta co quắp còn cặp chặt trong nách một cái chèo ngắn; mặt anh ta tái nhợt, mắt nhắm nghiền, hai hàm răng cắn khít.

Một người bảo:

– Hà hơi, hà hơi đi, hình như còn thở thoi thóp.

Từ bên thuyền Xin Kính, tiếng người hỏi:

– Vớt được ai đó?

Mọi người cúi nhìn tận mặt kẻ bị nạn, nhưng không nhận ra ai. Mặt anh ta co rút nhăn nhúm đến nỗi đã méo lệch hẳn đi. Chú trai góp ý kiến:

– Giống như anh Hoe Chức.

Ông Phó Nhụy nói to sang thuyền kia:

– Hoe Chúc!

Nhưng ông lại chợt nhớ ra. Sao thế được nhỉ? Hoe Chúc đi bạn trên thuyền ông Xin Kính kia mà? Ông hỏi to:

– Có Hoe Chúc bên ấy không?

Thuyền bên kia có một im lặng kỳ quặc. Chú trai, thính tai nhất trong đám, nghe như bên kia đang bàn cãi gì láo nháo. Chú bỗng kêu lên:

– Ở kia, đâu mất rồi?

Thuyền ông Xin Kính vừa biến đi, như vụt chìm xuống đáy biển. Cái bóng cả thuyền lẫn buồm, đen nhờ nhờ, chỉ còn để lại một khoảng trống không trắng toát, khoảng trống ấy nhòa dần vào màu sương phơn phớt xám. Bên thuyền ông Phó Nhụy, mọi người câm lặng, tim bóp chặt trong một lo âu ghê rợn, mở to mắt nhìn trân trân.

Chú trai lại kêu:

– Có tiếng gì om om lạ gớm?

Cùng một lúc, tất cả ai nấy đều nhận ra quả có tiếng sóng đánh phòm phốp âm âm như vỗ vào hang hốc. Ngay trước mặt, một khối to đen đồ sộ vụt xuất hiện, chỉ cách thuyền vài chục thước. Tức thời, ông lái nhảy bổ tới, túm lấy lèo, giằng riết. Chiếc thuyền quật mũi về bên trái, có một phút do dự rồi tiến theo ngã mới. Các bác chài vội vàng chạy đi tra chèo, ráng sức chèo tới. Cái khối đen mờ dần trong sương, rồi biến đi. Ông Phó Nhụy thở phào: thuyền ông vừa suýt đâm phải núi đá.

*
* *

Khi thuyền ông Phó Nhụy, sau một buổi chạy vờ vật ngoài khơi, lần về tới lạch, thì anh Hoe Chúc hơi tỉnh. Anh kể rằng trong cơn bão, thuyền ông Xin Kính bị sóng đánh giạt vào núi đá vỡ tan tành, và có lẽ chỉ mình anh sống sót, vì đã vớ được một cây chèo nhảy trước xuống biển. Những người kia, sau đó, nếu có nhảy khỏi thuyền cũng đã muộn và bị sóng quật vào lên đá đến rã xương.

Vợ họ nay vẫn sống trong góa bụa – có người đã chết. Và cái hy vọng mong manh một ngày trở về của người thân cũng đã tắt trong họ từ lâu.

Báo Hà Nội Tân văn,
số 55, ngày 1-3-1941.

CHUYỆN ÔNG BA BỊ DÂN CHÀI

(Truyện ngắn)

Mỗi bận thằng Còi bị đem tắm khóc hét lên, chị Ngò dọa: “Tê tê, ông Ba Bị cắn chéch giừ”, tay chỉ sang nhà bên cạnh, cách nhà chị một hàng rào mắt cáo. Và đôi khi tắm phen nhỏ giọt ngọt chống lên trên tấm vách nhà nọ, để “ông Ba Bị” hiện ra sau khung cửa vuông, dưới bộ mặt béo đen của một bác dân chài to lớn lạ thường “ông Ba Bị” mắ m môi trợn mắt quát:

– Có im không? Người ta tắm cho sạch sẽ lại còn!

Thằng bé nín bật; cơn nức nở bị nén, làm cho bụng giun nó phập phồng rất nhật. Miệng há, mắt còn mọng những nước, nó lén nhìn “ông Ba Bị” từng thoáng nhanh rồi vội ngoảnh mặt đi.

Tắm phen cửa sập xuống, và thường thường, sau đó một lát, bác chài lần sang. Thằng Còi sợ hãi, búi lấy cổ áo mẹ. Chị Ngò vừa xúc thuốc ghê cho con vừa hỏi cho có chuyện:

– Anh Can bữa ni không đi lưới răng?

Bác chài, theo thói quen, cúi lưng ghé nhìn ra ngoài cửa, rồi đáp:

– Trời muốn động thế ni, thuyền mô dám ra khơi.

Đoạn bác ngồi im lặng trên thành giường, chân chõng, hai bàn tay khoanh vào ép dưới đùi béo.

Bác Can đã nhiều tuổi, vậy mà tên vẫn chưa đèo thêm một tiếng Đỏ, hay Cu, hay Hoe gì cho nó vui. Trong khi thằng Đỏ Nam, Nhiêu Đước, mặt còn non choẹt, mỗi Tết hoặc giỗ chạp, đánh cái khăn xếp xoay lỏng lẻo quanh đầu và chiếc áo dài xúng xính đi lễ ông vải bên nhà vợ, thì bác vẫn một mình chiếc bóng buồn thiu. Mà như thế, chỉ vì một bài vè khốc hại. Thằng Binh Xòe trong khi ngồi đan lúp¹ đầy thùng nước mắm, đã ứng khẩu một bài vè bắt đầu như thế này:

*Làng ta có hai ông khổng lồ
Anh Can là một, anh Đỏ Bàu là hai.*

1. Lúp: nắp đan hình nón để đầy chum hoặc thùng muối cá.

Hai anh to lớn lạ lùng. Hồi hai anh cùng đi lưới trên thuyền ông Cu Ái, người trong làng nhiều dịp pha trò. Họ nói, hễ anh này trèo lên thuyền, thì anh kia vội chạy sang mạn bên kia, kéo thuyền nghiêng, nước tràn vào, ụp mất. Mỗi lần đong cá bán xong, hai anh nhảy ùm xuống sông tắm, thân mình vùng vẫy hùng cường trong nước như cặp thủy quái.

Anh Đỏ Bàu có vợ rồi, như tên anh đã nói cho ta biết. Anh lấy vợ hồi còn đi *trai* trên thuyền lưới. Về sau bỗng nhiên phát phì, anh bị vợ kinh hãi và ruồng bỏ. Thường trong đêm, người ta nghe tiếng chị kêu thất thanh: “Ươ làng! Kẻ trộm! Kẻ trộm!”. Hàng xóm dò đến, chị hồn hển: “Hắn chạy mất rồi!” Anh Đỏ thì ngồi sững trên giường, ngơ ngác và ngượng nghịu, đoạn bỏ ra ngoài nhà. Lâu rồi, không ai bị lừa về trò hề ấy nữa. Cái ông hộ pháp ấy không ngờ đã không chống nổi một cơn cảm xoàng. Một lần, khi về lạch, thuyền bị mắc mưa. Mình ngấm nước vì mảnh chiếu buộc làm tơi không đủ che, anh Đỏ phát ốm, nằm liệt giường để không bao giờ dậy nữa.

Anh Can thì to lớn từ hồi con trai. Mẹ mẹ, người loắt choắt, như phần đông các bà nhà quê mà sự gánh vác nặng nhọc phải chịu ngay từ tuổi năm, sáu đã ngăn trở đà phát triển bình thường của cơ thể, kêu lên mỗi ngày với một chút kinh ngạc lẫn sợ hãi: “Thằng ni mau to khiếp!”. Mẹ phải nới quần áo cho con luôn. Tà áo của anh cũng như ống quần, chắp thêm hai ba nếp bằng vải khác màu hoặc khác độ đậm nhạt, trông ngộ nghĩnh. Anh lớn một cái lớn vạm vỡ chắc chắn, chứ không phải béo phì nộn lối trưởng giả. Nhưng mấy “o” người làng, vẫn ngại ngại anh, kêu lên mỗi khi nói đến anh: “Người đâu mà to như trâu chương, nhìn gớm chết!”.

Khi anh mười tám tuổi mẹ anh đi dạm con Xin bên hàng xóm cho anh. Con Xin hình dung lại bóng dáng anh dân chài bước lữ lữ trong ngõ hẻm như con voi; khi đi cạnh, nó phải ngược hẳn đầu lên mới nhìn được mặt. Nó nghĩ: lấy anh Can, chị em cười chết; họ cứ kể bài về lên cũng đủ thẹn chín mặt đi rồi. Nó giãy nảy lên từ chối; mẹ nó không ép, bởi trong thâm tâm, mẹ vẫn có chút e ngại thế nào đối với anh Can.

Chuyện dạm hỏi lan truyền, dân làng lại có dịp bịa chuyện thêm để cười cợt. Từ đó bác chài không dám nghĩ đến chuyện cưới xin nữa. Khi đi sót qua bác trong ngõ hẻm, các “o” con gái, hai tay chụm trước người giữ lấy vạt áo dài, lưng hơi cúi, rảo bước gần như sợ hãi.

Bác chài, lúc đầu khổ sở, sau biết đành chịu.

Chị Ngò xúc thuốc cho thằng Còi một cách khó khăn. Thằng bé bị lở lói; những nốt lở mưng mủ làm một vòng vàng vàng xanh xanh quanh cái vẩy tròn nâu thẫm; khi tắm, nốt lở bị cọ loét để lộ những chấm thịt hồng. Chị Ngò mài một viên thuốc màu xám lên tròn bát bôi lên. Thằng bé bị xót, vùng vẩy không chịu. Chị lại phải dọa:

– Có muốn ông Ba Bị ăn thịt không?

Anh Can quay nhìn, “hèm” một tiếng trong cổ họng. Thằng bé sợ rúm người lại, nét mếu máo động cứng trên mặt nó.

Hồi đầu, anh Can hơi méch lòng khi bị gọi là “Ba Bị”. Nhưng vốn hiền lành, anh chỉ lặng yên, lằm lì vẻ mặt, chị Ngò vô tình không nhận thấy. Và thực ra, không phải chị ta cố ý gán cho anh cái tên hiệu ấy. Một lần, để dỗ nín thằng Còi, chị dọa “ông Ba Bị”, tay chỉ bâng quơ sang nhà anh Can, không ngờ bác chài ngay lúc ấy lại lộ mặt nơi khung cửa vách; chính chị cũng có hoảng hốt một chút về sự hiện hình đột ngột nhưng rất hợp thời ấy. Thằng bé im khóc liền. Về sau, nghe quen đi, anh Can không chướng tai vì tiếng “Ba Bị” nữa. Có khi, muốn làm mặt “Ba Bị” thực, anh lồng ngón tay vào miệng kéo soạc hai mép ra và trợn tròn hai mắt. Để đền cho thằng bé sau khi xúc thuốc, chị Ngò cho nó bú. Anh Can vẫn ngồi im lặng, bàn tay ép dưới đùi béo.

Anh Can bỗng hỏi:

– Hấn mấy tuổi rồi, hè?

Chị Ngò đáp:

– Tết ni là ba tuổi. Bố hấn chéch được mô dăm ba tháng thì tui đẻ hấn.

Thế là câu chuyện xoay quanh người quá cố. Chị Ngò góa chồng từ hơn hai năm nay. Anh ấy đã bỏ mình trong một cơn bão tố. Chị Ngò nói về chồng, giọng lưu loát, bởi chỉ nhắc lại những điều đã kể đi kể lại nhiều lần. Chị khen chồng hiền, thương vợ và siêng năng. Anh Can ngồi nghe, hơi khó chịu, không biết tại sao. Mặt anh hơi nhăn lại.

Sau anh đứng dậy nói:

– Thôi tui về, chiều rồi.

Nhưng ra đến cửa, anh dừng lại:

– À, để tui đan cái lúp cho xong.

Anh ngồi trong sân, mông kê lên một hòn gạch, lúi húi vót tre. Mồ hôi bắt đầu râm rấp làm ngứa xốt; thỉnh thoảng anh khoanh tay ra sau, lồng dao trong áo cạo soạc soạc từng lát rộng trên lưng cho đỡ ngứa, rồi bệt chùi lưỡi dao lên gan bàn chân.

Đan xong xương lúp, anh lợp lá kê lên. Vừa làm, anh vừa hỏi:

– Á làm được nhiều cá không?

Chị Ngò ngồi trong nhà đáp ra:

– Vừa hai lào.

– Rứa thì cũng rút được dăm chĩnh nước mắm. Tui định đến tháng chạp thì nghỉ lưới, trẩy thuyền ra Hà Nội một chuyến chơi. Tui cũng có mười chĩnh nước mắm đem bán. Ta chung nhau, nhá!

Chị cười. Anh Can nhắc lại câu mà anh cho là đầy ý kín:

– Ta chung ví nhau, có ưng không?

*

Càng ngày anh Can càng dạn hơn. Một hôm thấy chị Ngò đi đâu vừa về, anh ló mặt nơi cửa vách nói chỗ sang:

– Khi nãy có người đến hỏi ả.

Chị Ngò vô tình hỏi lại:

– Người ra răng?

– Người đàn ông, còn trẻ, khỏe.

Chị Ngò ngạc nhiên lắm, bần khoản nói một mình:

– Người mô mà lạ rứa, hê.

Chị Ngò hỏi to:

– Rứa có nói chi không?

Anh Can nheo mắt:

– Có. Người ấy hỏi ri chớ: “Cớ làm sao ả Ngò cứ ở vậy không chịu lấy chồng?”.

Chị Ngò chột hiểu, mắng:

– Đồ qua mỗ ở mô! Làm người ta lo gớm đi.

Anh Can phá lên cười ha hả, tay đập đét vào đùi.

Một hôm, trét lại vách nhà chị Ngò xong, anh bảo:

– Tui về đóng cho xong chiếc thuyền cho thằng Còi.

Buổi chiều, anh mang cái đồ chơi sang; đó là một chiếc thuyền mảnh kiêu nhỏ, có buồm có lái hẵn hoi. Anh nói:

– Thuyền ni hay lắm. Vát gió ngược, hẵn cũng chạy.

Làm bộ khó nhọc, anh kéo cái dây gai chằng cột buồm, miệng kêu: “Dô hê, ta dựng cột lên, dô hê, ta kéo buồm, anh em ơi, dô hê!”.

Thằng Còi ngồi trong lòng mẹ, chăm chú nhìn cái đồ chơi một cách thèm thuồng; nó sợ không dám đòi, nhưng một đôi khi nó chột quái cổ ngửng nhìn chị Ngò và kêu bằng một giọng van lơn: “Mệ! Mệ!”.

Anh Can đẩy thuyền đến trước mặt nó, nói: “Nì, cho mà chơi”. Thằng bé nhìn mẹ, vừa ham muốn, vừa sợ hãi. Bộ nó bị cám dỗ lắm. Anh Can bèn đặt thuyền lên đùi thằng Còi; nó do dự, nhưng một lát sau, quên hết, nó chơi với đồ chơi một cách vui thích.

Chị Ngò được rảnh tay, đi lấy đồ dùng ra làm vàng thoi. Chị bảo:

– Tui có mấy cây nứa mới mua về làm vàng, anh chặt ra rồi chẻ nan cho tôi một tí.

– Được, được.

Anh Can đáp vậy rồi đi làm ngay. Chị Ngò, tay thoăn thoắt dán những cái vàng rất vuông vắn, thỉnh thoảng quay nhìn anh Can. Bác chài cầm cúi làm việc; mỗi khi cử động, bắp tay nổi cộm lên những múi tròn. Chị Ngò hơi có chút kiêu hãnh. Con người to lớn ấy tỏ với chị một thái độ phục tùng lạ. Anh ta vâng lời chị, nhất nhất làm theo mỗi việc chị nhờ, cố làm vui lòng và giúp đỡ chị. Chị Ngò thấy một chút ấm áp trong lòng, chị có thể tin ở sự che chở của bác chài khỏe mạnh, trong đời sống bơ vơ nhọc nhằn mà chị đang sống. Chị bắt chột mình đang mỉm cười với ý nghĩ: ừ, coi thế chứ, anh ta cũng không đáng khiếp sợ như chị vẫn tưởng.

Chỉ một nhoáng, anh Can đã chẻ xong cả mười cây nứa. Anh trở vào ngồi cạnh thằng Còi. Thằng bé chơi mê mải, miệng hé để thè

lưỡi. Nó đẩy thuyền tới, miệng ngọng kêu “phạch phạch”. Anh Can đẩy thuyền lại cho nó, nhịp sức bằng những tiếng “ô hò! ô hò”.

Bông thằng Còi ngừng mặt; bây giờ mới nhận ra bác chài, nó hơi hốt hoảng và kêu: “Mẹ! Mẹ!”.

Anh Can cười, một cái cười rộng, dõ: “Không mô, chú mi cứ chơi. Ô ô hò! Ta chèo thuyền; ô ô hò ô ô hò!”.

Thằng Còi ham chơi, hết sợ.

Chị Ngò khen:

– Cũng giỏi dõ con nít đó chớ!

Anh Can cười, vẻ sung sướng. Bộ anh muốn nói câu gì, nhưng lại thôi.

Khi ra về, anh quay lại bảo:

– Tê, có người mô hỏi ả ngoài ngõ.

Nhưng chị Ngò không mắc lừa nữa. Câu đùa đó bác chài đã nói đến lần thứ mấy đâm nhàm.

Anh Can bỗng có một thái độ kỳ dị. Anh trở vào ngò trên giường, đứng dậy liền, đi ra cửa nhìn trời, nói một câu vơ vẩn: “Trời ni lại muốn động rồi đây”, chấp hai bàn tay béo, bẻ ngón răng rắc, rồi lại quay trở vào đặt cái thân hình đồ sộ trên chiếc giường đã ọ ẹp xiêu vẹo.

Anh nói hơi ấp úng:

– Ni, cho tui hỏi một chuyện.

Chị Ngò dừng tay ngược nhìn. Tự quyết định, anh Can nói rất nhanh:

– Để tui đóng cho ả một cái giường mộc thật to, thật chắc, ả có ưng không?

Chị Ngò ngớ ra một chút, rồi bỗng đỏ mặt. Nhưng qua cơn thẹn và ngạc nhiên ban đầu, chị đáp, với cái vẻ đĩnh đạc của đàn bà:

– Thôi nỏ, tui ở vậy nuôi con thôi. Ở với anh thì được gì tê chứ? Anh Can vội vàng nói, bằng một giọng vô cùng tin tưởng:

– Tui chữa nhà, tui đan lưới cho, *chín!* Tui lại biết dõ thằng Còi nữa, rồi tui làm cho hấn nhiều đồ chơi, nhiều nhiều tê!

Báo *Trung Bắc chủ nhật*,
số 76, ngày 31-8-1941.

TÔ HOÀI

(1920)

Tên thật: Nguyễn Sen. Các bút danh khác: Mai Trang, Mặt Biển, Thái Yên (thời kỳ 1945 – 1946), Vũ Đột Kích, Duy Phương (thời kỳ 1947 – 1953), Hồng Hoa (từ 1954 đến nay)... Ông sinh ngày 10-8-1920 ở quê ngoại – làng Nghĩa Đô, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội). Nguyên quán: làng Cát Động, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay là xã Kim An, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây). Là con một gia đình nghèo làm nghề dệt lụa thủ công, Tô Hoài chỉ được học hết bậc tiểu học, sau đó phải làm nhiều nghề để kiếm sống: dạy trẻ, làm kế toán, bán giấy, tính sổ hiệu buôn...

Năm 1938, chịu ảnh hưởng tích cực của phong trào Mặt trận Bình dân, Tô Hoài, tham gia hoạt động trong các tổ ái hữu thợ dệt và Thanh niên Dân chủ ở Hà Đông và Hà Nội. Sau một số bài thơ không thành công, ông chuyển sang viết văn xuôi và nhanh chóng được người đọc chú ý. *Đế mèn phiêu lưu ký* (truyện 1941), *O chuột* (tập truyện ngắn, 1942) là những tác phẩm độc đáo viết toàn về loài vật. Qua các truyện này, Tô Hoài bộc lộ khả năng quan sát tinh tường, trí tưởng tượng mạnh mẽ, tài miêu tả sinh động, hóm hỉnh, đồng thời cũng thể hiện thái độ phê phán cuộc sống thực tại và ước mơ về một xã hội tốt đẹp mang tính không tưởng.

Trong các tác phẩm *Quê người* (tiểu thuyết 1941), *Trăng thê* (truyện, 1941), *Nhà nghèo* (tập truyện ngắn, 1944), *Xóm giếng ngày xưa* (truyện, 1944)... tác giả viết về vùng quê Nghĩa Đô của mình. Ông thường nhìn nông thôn nghiêng về phía phong tục với cặp mắt sắc sảo, nhưng qua các tác phẩm, ta vẫn thấy rõ cuộc sống đầy những cảnh gieo neo cơ cực ly tán, tha hương... của nông thôn Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám. Văn Tô Hoài có chất thơ trong sáng, nhất là khi miêu tả thiên nhiên. Ông có cái nhìn hiện thực sắc sảo, nhưng bi quan. Ông viết truyện ngắn chắc tay hơn truyện dài. Truyện dài của Tô Hoài thường lan man, thiếu kết cấu chặt chẽ. Tô Hoài có một ngôn ngữ khá phong phú để diễn đạt và thể hiện tài quan sát của mình.

Năm 1943, Tô Hoài ra nhập Hội Văn hóa cứu quốc, hoạt động tuyên truyền Việt Minh, viết báo bí mật. Sau Cách mạng Tháng Tám và trong những năm kháng chiến chống Pháp, ông làm báo *Cứu quốc* sau đó về Hội

văn nghệ Việt Nam, ở Việt Bắc, Tô Hoài được dự nhiều chiến dịch, có điều kiện hiểu biết nhiều về cuộc sống và con người miền núi. Trên cơ sở thuận lợi ấy, ông đã có những thành công nổi bật về đề tài miền núi.

Từ năm 1958 đến nay, ông là Phó Tổng Thư ký Hội Nhà văn Việt Nam, Chủ tịch Hội Văn nghệ Hà Nội.

Những tác phẩm chính sau cách mạng: *Núi Cứu quốc* (tập truyện ngắn, 1948), *Xuống làng* (tập truyện ngắn, 1950), *Truyện Tây Bắc* (tập truyện ngắn và vừa, 1953, Giải nhất giải thưởng Văn nghệ Việt Nam 1954 – 1955), *Mười năm* (tiểu thuyết, 1957), *Miền Tây* (tiểu thuyết, 1967, Giải thưởng Hoa Sen 1969 của Hội Nhà văn Á – Phi).

Ông còn là tác giả của nhiều truyện thiếu nhi (*Kim Đông, Vừ A Dính, Đảo hoang*) và nhiều tập tiểu luận về kinh nghiệm sáng tác (*Một số kinh nghiệm viết văn của tôi, Người bạn đọc ấy, Sổ tay viết văn...*).

Những tác phẩm tuyển dưới đây đã được nhà văn xem lại và chỉnh lý đôi chút (chủ yếu về văn).

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN CỦA TÔ HOÀI

1. Truyện ký

TRƯỚC CÁCH MẠNG

- *Dế mèn phiêu lưu ký*, truyện, Nhà xuất bản Á Châu, Hà Nội, 1941.
- *Trăng thê*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1941.
- *O chuột*, tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942.
- *Quê người*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Mới, Hà Nội, 1942.
- *Nhà nghèo*, tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942.
- *Xóm Giếng ngày xưa*, truyện, Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1944.
- *Cỏ dại*, hồi ký, Nhà xuất bản Hà Nội, 1944.

SAU CÁCH MẠNG:

- *Núi Cứu quốc*, tập truyện ngắn, Cứu quốc trung ương xuất bản, 1948.
- *Ngược sông Thao*, phóng sự, Cứu quốc trung ương xuất bản, 1949.
- *Xuống làng*, tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Văn nghệ, 1950.
- *Chính phủ tạm vay*, tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Văn nghệ, 1951.
- *Truyện Tây Bắc*, tập truyện, Nhà xuất bản Văn nghệ Hà Nội, 1953.
- *Cứu đất cứu mừng*, tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Văn nghệ, 1954.
- *Tào Lương*, tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Văn nghệ, Hà Nội, 1955.
- *Khác trước*, tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1957.
- *Mười năm tiểu thuyết*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội, 1957.
- *Vợ chồng A Phủ*, kịch bản phim, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1960.

- *Thành phố Lenin*, bút ký, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội 1961.
- *Trăng thề*, tập truyện (tái bản), Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1961.
- *Vỡ tình*, tập truyện và ký, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1962.
- *Tôi thăm Campuchia*, bút ký, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1964.
- *Miền Tây*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1967.
- *Nhật ký vùng cao*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1969.
- *Lên Sùng Đô*, phóng sự, Nhà xuất bản Phổ thông Hà Nội, 1969.
- *Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1971.
- *Người ven thành*, tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội 1972.
- *Tự truyện*, hồi ký, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1978.

2. Truyện viết cho thiếu nhi

TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM:

Trê và Cóc; Ông trạng Chuối; Mực tàu giấy bản; Nói về cái đầu tôi; Ngọn cờ lau; Thằng Nhó; Lá thư rơi; Võ sĩ Bọ ngựa; Ba anh em; Ba bà cháu; Đám cưới chuột; Chuột thành phố; Câu chuyện ngày chủ nhật...

SAU CÁCH MẠNG:

Người chiến sĩ tăng gia trong bộ đội Thu Sơn; Chiến sĩ Hà Nội; Chiếc xe bí mật; Hoa Sơn; Đại đội Thắng Bình; Tinh ác; Hợp tác xã chúng em; Chim hải âu; Chim chích lạc rừng; Tuổi nhỏ trí cao; Vừ A Dính; Hai ông cháu và đàn trâu; Đàn chim gáy; Những chuyện xa lạ; Bàn Quý và con ngựa con; Kim Đồng; Lãng Bác Hồ; Đảo hoang; Con mèo lưỡi (kịch); Tích tịch tình tang (kịch); Ông Gióng (kịch bản phim); Trâu húc (kịch bản phim); Sự tích Thằng Long (kịch bản phim)...

3. Lý luận, kinh nghiệm sáng tác

- *Một số kinh nghiệm viết văn của tôi*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1959.
- *Người bạn đọc ấy*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1963.
- *Sổ tay viết văn*, Hội Văn nghệ Hà Nội xuất bản, Hà Nội, 1967.

CON ĐẾ MÈN ¹

(Truyện ngắn)

Tôi phải sống độc lập từ thuở bé. Ấy là cái lệ chung trong họ nhà đế chúng tôi. Và lại mẹ chúng tôi thường bảo chúng tôi rằng: “Để các con kiếm ăn một mình cho quen đi. Con cái mà cứ hòng ăn bám vào bố mẹ thì sinh ra tính ỷ lại, xấu lắm, ra đời không làm được nên trò trống gì cả...”. Bởi thế lúa nào cũng vậy, để xong, là bà cụ đã nghĩ ngay đến sự cho con cái ra ở riêng.

Lúa sinh ấy, chúng tôi có ba anh em cả thảy. Ba anh em chỉ được ở với bố mẹ có hai hôm. Tối thứ ba, mẹ chúng tôi dẫn chúng tôi đi, và người đem bỏ mỗi con vào một cái hang đất ở một góc ruộng mà không biết người đã chịu khó đào bới xây đắp tự bao giờ. Tôi là em út, bé nhất, nên được mẹ tôi sau khi đẩy tôi vào hang, bỏ một ít ngọn cỏ non ở trước cửa để tôi có thể làm thức ăn trong vài ngày. Rồi mẹ tôi đi thẳng. Tôi cũng không buồn. Trái lại còn lấy làm vui vì được ở một mình trong một nơi thoáng đãng, mát mẻ. Tôi sạo sục đi thăm kỹ càng tất cả cái hang tôi ở. Khi đã xem xét cẩn thận rồi, tôi ra đứng ngoài cửa, ngẩng mặt nhìn lên trời. Qua những ngọn cỏ ấu nhọn và sắc, tôi thấy màu trời trong xanh. Tôi dọn giọng, vũ đôi cánh nhỏ và gáy lên mấy tiếng rõ to.

Từ đây, tôi bắt đầu vào cuộc đời của tôi. Tôi sung sướng hay tôi khổ sở, cái đó sẽ tùy ở như những cái tính tôi khôn ngoan hoặc dần độn. Song tôi chưa cần biết đến thế. Mà hãy lấy sự ung dung ở một mình là một điều thích thú lắm rồi.

Ngày nào cũng vậy, suốt buổi tôi chui vào tận trong cùng hang, hì hục đào đất để khoét một cái tổ lớn, làm thành một cái giường ngủ sang trọng. Rồi tôi đi sâu sang hai ngả để làm những con đường

1. Lần in thứ ba (NXB Thanh niên, 1955), ở Hà Nội, *Con đế mèn* sửa chữa và in lại thành phần đầu của truyện *Đế mèn phiêu lưu ký*. Con đế mèn này theo bản in năm 1941. NXB Tân Dân, Hà Nội.

tất, những cửa sau, phòng khi có việc gì nguy hiểm, có thể thoát thân ra lối khác được. Tối chập tối, tôi tạm nghỉ tay và đứng ngoài cửa, họp cùng với các anh em, chị em ở mọi tổ quanh đấy, vừa hòa nhạc, vừa hát một bài hát hoàng hôn để chào mặt trời. Khi đêm đã xuống hẳn, tất cả xóm chúng tôi, ai cũng đi ra hang, đến tụ hội ở tận giữa bãi, cùng uống sương đọng, cùng ăn có ươi và cùng ca hát, cùng khiêu vũ linh đình mãi đến tận sáng bạch, lúc mặt trời đã nghiêm trang ló lên ở đằng đông, mới tan cuộc ai về nhà nấy. Ngày nào, đêm nào và sớm và chiều nào cũng có ngần ấy thứ việc. Kể đời người ta mà được như thế, cũng đã là khá an nhàn.

Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng có mực, nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu tôi đã trở nên một anh đế thanh niên rất cường tráng. Đôi cẳng của tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở kheo đã nhọn hoắt. thỉnh thoảng muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp xuống, y như là có lia qua một nhát dao. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn cùn cợn, bây giờ dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe thấy tiếng phành phạch giòn giã. Đầu tôi to ra và nổi lên từng tảng, rất bướng. Hai cái răng nâu bóng lúc nào cũng nhai ngoãm ngoạp như hai lưỡi liềm máy. Hai cái râu của tôi thì dài và uốn cong một vẻ rất đỗi nên thơ. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con về cặp râu ấy lắm. Cho nên cứ chốc chốc, tôi lại đưa cả hai chân lên để vuốt. Toàn thân tôi là một màu nâu bóng mỡ rất ưa nhìn.

Tôi đi đứng hùng dũng. Mỗi bước đi, tôi lại rún rẩy cái cẳng chân, rung rung hai cái râu cho ra vẻ con nhà võ. Tôi tợn lắm. Dám gây sự và cà khịa với tất cả mọi người trong xóm. Trong khi tôi to tiếng thì ai cũng nhin, không ai đáp lại tôi. Bởi vì quanh đi quẩn lại, cũng chẳng có mấy người. Mà người nào cũng quen thuộc mình cả. Người ta không nói, có lẽ là nể, hơn là sợ. Ấy thế mà ngày ấy tôi cho thế là tôi giỏi lắm. Những người trẻ tuổi thường cho những cử chỉ ngông cuồng là tài ba. Cho nên khi đã bắt nạt được mấy chị châu chấu ở ngoài đầu bãi và thỉnh thoảng lại đá anh gọng vó ngơ ngác ở dưới đầm lên, tôi càng tưởng là tôi đã ghê gớm quá, có thể đứng đầu tất cả thiên hạ rồi.

Chao ôi! Tôi có biết đâu rằng: đôi khi người ta hay hung hăng, hống hách láo rồi chỉ tổ đem thân mà trả nợ những cử chỉ ngu dại của mình mà thôi. Thật mình lại làm khổ mình mà không tự biết.

Tôi cũng đã gặp phải một cảnh như thế. Khi thoát nạn rồi tôi mới mừng rằng đã khỏi chết. Nhưng mà tôi ân hận quá. Thế mới biết, nếu ta đã trót không suy, bây giờ có hối lại thì cũng không thể nào lại được nữa. Câu chuyện nguyên do thế này:

Bên cái hang hàng xóm của tôi là hang của một anh dế Trũi. Anh dế Trũi ấy hơn tôi nhiều tuổi. Nhưng bởi anh thuộc về loài dế kém cỏi, nên tôi vẫn coi khinh, và anh ta cũng sợ tôi lắm. Cái bọn dế Trũi làm gì mà đáng quý! Thân thì dài lêu nghêu, có mỗi một đôi cánh thì ngắn cùn cùn đến giữa lưng như người ta mặc áo gi lê trần. Đôi càng to bè bè trông đến là xấu. Râu ria thì cụt có một mẩu và mặt mũi cứ mắt la mày lét như quân ăn cắp dở. Đã vậy, tính nết của hắn lại là tâm tính của những phường ăn xổi ở thì. Không làm ăn chắc chắn được việc gì bao giờ. Có mỗi một cái hang để ở, hắn cũng chỉ đào nông choèn choèn ở sát mặt đất chứ không sâu xuống và nhiều ngách như hang của tôi. Một hôm tôi sang chơi nhà hắn, thấy nơi ăn chốn ở của hắn luộm thuộm và bề bộn quá, tôi có bảo: “Sao chú mày lại ăn ở cầu thả quá như thế! (Tuy tôi bé hơn nhưng hắn vẫn tôn tôi là bậc đàn anh nên tôi quen dùng chữ chú mày với hắn). Nhà cửa đâu mà lại nhà cửa cái lối ăn xó mó niêu thế này. Ngộ có con gì nó đến phá tổ chú thì thật là chú chết mất ngáp. Này chú thử xem: mỗi khi chú chui vào tổ, cái lưng chú lại đụng sát lên tận mặt đất làm cho ai đứng trên vệ cỏ cũng có thể biết được chú đi đến chỗ nào trong tổ, chú phỏng thử có một con chim cắt nó dòm thấy chú như thế, nó mổ trúng ngay vào lưng chú, thì chú nghĩ sao?”

“Ôi thôi! Dại lắm! Dại lắm! Chú mày ơi! Chú mày có lớn mà chả có khôn”. Dế Trũi trả lời tôi bằng một giọng rất buồn rầu: “Dạ thưa bác, nhà em cũng muốn khôn lắm, nhưng mà không được. Cả đêm em phải làm quần quật để kiếm miếng ăn, thành thử đến ban ngày thì mệt mỏi quá, không còn hơi sức đâu mà đào bới được nữa. Em có được nhàn thân để ca hát như bác đâu! Lắm khi em cũng nghĩ rằng sống vậy là nguy hiểm lắm, nhưng mà nghèo sức, nghèo tiền quá thì em biết làm thế nào! Những kẻ nghèo bao giờ cũng khổ lắm bác ạ! Hay là em nghĩ thế này... Song bác có cho phép em nói em mới dám nói...”. Rồi dế Trũi ra lối bán khoán như có một điều gì khó thốt ra lắm. Tôi phải bảo hắn: “Được chú mình cứ nói thẳng, ta đây sẵn tai nghe”. Hắn mới nhìn tôi và nói rằng: “Thưa bác, em cảm ơn bác lắm. Giá bác đã nghĩ thương em như thế, hay là bác cho nhà em đào một

cái ngạch nhỏ sang bên bác, đề phòng khi nào có việc biến, em chỉ chạy tót sang bên đó là yên chuyện”. Tôi héch răng lên, xì một tiếng rõ dài. Rồi với một điệu bộ khinh khỉnh, tôi nói vào tận mặt hắn: “Hức! Thông ngạch sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ? Chú mày hôi như cú mèo ấy, ta nào chịu được. Thôi im cái giọng ấy đi. Nghèo với ngật gì. Chú mày đào tổ nông thì cho chú mày chết!”. Và tôi dang hoàng nhảy về, không bận tâm gì đến anh đế Trũi. Lại ca hát rong chơi như thường.

Một buổi chiều nhân hạ, tôi đứng chơi ở cửa hang. Mấy hôm nọ, trời mưa lớn nên những hồ ao quanh bãi, nước đầy lên mênh mông. Bao nhiêu là giống cò, giống sếu, giống vạc, giống cốc, giống le, giống sâm cầm ở các bãi sông lớn, bay cả về đây để kiếm mồi. Chúng cãi nhau, chửi nhau âm cả một góc đầm, bởi cứ tranh nhau từng mồi tép một. Có những anh cò khôn khéo, gầy vêu vao, vì không kiếm được đủ ăn. Chúng khổ quá; phải vật lộn tranh cướp cật lực như thế mà cũng không sống nổi. Tôi đứng ở cửa hang mà ngẫm nghĩ sự đời như thế. Bỗng tôi thấy một chị Cốc ở dưới nước bay lên đến đậu ngay gần cửa sổ tôi, cách có mấy bước. Cốc đứng rĩa lông rĩa cánh.

Cái bả tính của tôi là hay nghịch ranh. Tôi bèn nghĩ một mưu để trêu chị Cốc. Tôi gọi đế Trũi; khi nghe tiếng hắn thưa thì tôi hỏi hắn rằng:

- Chú mày có muốn tiêu khiển với ta chẳng?
- Tiêu khiển cái gì ạ?
- Nghịch chơi một tí thôi mà. Hôm nay tớ buồn lắm.
- Nghịch gì ạ?
- Con mụ Cốc kia kìa.

Đế Trũi bò ra cửa, lé mắt nhìn Cốc. Hắn hỏi tôi:

- Mụ Cốc đứng trước cửa nhà ta ấy hả?
- Ừ.

- Thôi mời bác, mời bác. Em xin bái cả sáu tay. Em sợ con mụ lắm! Bác cũng nên sợ đi mới phải.

Tôi quắc mắt:

- Sợ gì? Mi bảo ta sợ gì? Ta là đế Mèn, ta còn biết sợ ai nữa?
- Thưa bác, thế thì thôi, em xin hàng. Mời bác tiêu khiển một mình cho.

Tôi mắng đẽ Trũi:

– Đồ mày hèn quá. Giương mắt ra mà xem tao đây này.

Tôi đứng rình cho tới lúc chị Cốc quay đầu lại phía cửa tổ tôi. Ấy thế là tôi bắt đầu lấy giọng hát ru mà ru lên rằng:

Ơi! Ơi! Ơi!

Hời! Hời! Hời!

Bông! Bông! Bông

Cái cò, cái vạc, cái nông,

Ba cái cùng béo vật lông cái nào?

Vật lông cái Cốc cho tao,

Ta nấu, ta nướng, ta xào, ta ăn.

Bông! Bông! Bông! Bông

Hời! Hời! Hời!

Mụ Cốc nghe tiếng tôi hát như thế thì giật nảy mình. Mụ trợn tròn hai mắt và giương đôi cánh lên. Vừa đi về phía tôi, mụ vừa hỏi: “Đứa nào nói gì tao thế? Đứa nào nói gì tao thế?”. Thấy vậy tôi chui tọt ngay vào tận đáy hang. Tôi nghĩ bụng:

– “Mày có đập vỡ đầu mày ra cũng không chui nổi vào được tổ tao đâu!” Không trông thấy tôi, nhưng Cốc thấy đẽ Trũi đang loay hoay chui trở vào tổ. Con mụ bèn quát lớn:

– Trũi! Mày nói gì tao?

– Lạy chị! Em có nói gì chị đâu!

– Mày lại còn chối hả? Chối này! Chối này!

Mỗi một câu “chối này”, Cốc giáng cho đẽ Trũi một mỏ. Chỉ có hai mỏ mà đẽ Trũi đã gãy đôi xương sống, nằm lăn ra kêu cha, kêu mẹ. Trả được thù, mụ Cốc khoan khoái bay xuống đầm mò cá. Biết là Cốc đi rồi, tôi mới mon men bò lên. Trông thấy tôi thì Trũi khóc âm lên rằng: “Ồi trời ôi! Ổi đất ôi! Bác làm hại tôi! Bác giết tôi rồi”.

Tôi chạy vội đến hỏi:

– Sao? Sao?

Trũi không dậy được nữa, chỉ nằm quay đơ ra mà kêu khóc. Bởi vì hấn gãy gục mất cái xương sống lưng. Thấy thế, tôi cũng rút nước mắt, quỳ xuống bên Trũi mà than rằng:

– Nào ai biết được cơ sự lại xảy ra thế này? Anh ơi! Tôi hối lắm! Anh mà chết là tại ở như tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ, anh ơi là anh ơi!

Bấy giờ Trũi chỉ còn thoi thóp thở. Tôi không ngờ Trũi lại nói được với tôi một câu như thế này:

– Thôi, tôi chết, thì đành là tôi chết. Năm nay tôi cũng đã luống tuổi rồi, chẳng còn ân hận điều gì cả. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi chỉ muốn khuyên anh rằng ở đời, ta chẳng nên hung hăng bậy bạ, không chịu suy trước nghĩ sau.

Tôi cảm động cúi đầu:

– Em xin nhận ở anh một bài học.

Thế là để Trũi hết thở. Tôi thương lắm lắm.

Vừa thương vừa ăn năn tội của mình. Giá tôi không nghịch dại, trêu con Cốc thì đâu đến nỗi hấn đã chết! Tôi mà không nhanh chân chạy được vào hang, tôi cũng đã chết nốt rồi không? Tôi đã cạy khôn, cạy khéo mà làm một việc dại vô cùng. Càng nghĩ càng ân hận. Tôi đem xác để Trũi đến chôn ở một vùng cỏ bùm tum. Tôi đắp lên thành một nấm to và gọn. Để cho kiến không đục vào được. Tôi đứng lặng giờ lâu ở trước nấm mả mới, hai hàng nước mắt rưng rưng. Lòng tôi buồn và thương để Trũi quá.

*
* *

Tôi bắt đầu tu tỉnh cuộc đời. Lòng lại đoan với lòng rằng từ đây xin chừa những hành vi lối lĩnh. Bắt đầu, tôi được sống những ngày bình tĩnh và sung sướng. Nhưng mà những ngày phẳng lặng đó cũng chỉ liên nhau được có vài năm. Mấy năm? Cũng không còn nhớ rõ. Rồi tôi phải bắt đầu một cuộc phiêu lưu nguy hiểm.

Ấy là vào đầu mùa hè một năm kia. Một buổi sáng, tôi đang đứng gặm mấy nhánh cỏ non ở ngoài đầu hang. Bỗng tự dưng cuối bãi, tiến lại hai cậu bé con, đầu đội mũ trắng, tay xách cái vợt và một thùng nước. Thấy bóng người, tôi vội lặn xuống cỏ và chui vào hang. Bỗng chốc, tôi nghe tiếng chân đi thình thịch ở trên đầu, và có những tiếng nói:

- Á à. Này Lâm.
- Cái gì?
- Chỗ này thì đích thị.

– Ở ở đúng rồi. Gồm chứa, bao nhiêu là đất đùn. Lại có vết chân đi nhấn thìn thín. Hiệp ơi! Đưa dao đây để tớ khoét lỗ, đằng ấy đi xách nước đi. Nhanh lên!

Tôi nghe thấy tiếng dao thọc xuống đất và thấy đất cứ rơi từng tảng xuống đầu. Biết ngay có biển lớn, tôi vội chạy lên trên ngạch thượng. Đứng ở đây một chốc thì có nước ộc vào. Nhưng nước chỉ vừa đúng đến chân tôi rồi lại rút xuống. Bởi vì khi bình thời, tôi đã có ý đào nhiều ngạch ở xung quanh, nên bây giờ tuy có nước, nhưng nước cũng không đọng được ở trong hang, mà phải thoát ra ngoài tất cả.

Nhưng hình như hai đứa trẻ ranh lắm. Chúng biết đích ở trong tổ này thế nào cũng phải có dế. Nhất là anh bé tên là Lâm. Mấy lần Hiệp đổ nước, không thấy có dế bò ra, đã toan bỏ đi mà Lâm vẫn cứ khư khư một mực:

– Tớ cam đoan rằng ở đây thế nào cũng phải có dế. Mà lại dế hạng lớn nhất cơ! Cái thứ dế lớn nó bạo nước lắm, có khi đổ đến hàng giờ đồng hồ nó mới chịu nhoi ra. Bây giờ anh em mình phải đi lấp hết tất cả các lỗ ngạch lại để cho nước đọng ở trong hang, cu cậu sẽ tắc thở là phải nhồi ra ngay.

Nói thế nào, chúng làm y như vậy. Bỗng nhiên tôi thấy xung quanh tối sầm cả lại. Thì ra, những ngạch ngang, ngạch dọc của tôi đều bị lấp cả rồi. Chỉ còn có mỗi một con đường chính để chui ra. Con đường ấy lại nhằm là con đường chúng đổ nước để bắt tôi. Và bây giờ, nước lùa vào hang cứ dâng lên dần dần... Trước còn đến lưng, sau ngập lút cả đầu. Tôi chỉ còn thò lên được hai cái râu. Rồi sau râu cũng ngập nốt. Nhưng tôi cũng cố nhịn thở, không chịu ló đầu ra. Bởi vì, đầu có ngập nước, nước cũng chỉ ngập được có một chốc rồi lại thấm vào đất mà khô đi ngay.

Nhưng dù nhờ được thế, đó cũng không phải là một cách an toàn mãi mãi. Rồi sau đất không thấm nước nữa. Ấy vậy là nước phải ứ lên.

Tôi nghĩ mà lo quá, phen này đến phải bò ra mất. Ôi thôi, nếu mà bò ra bây giờ, đời tôi sẽ còn gì là đời tôi! Hai đứa trẻ tai ác kia sẽ bắt tôi đem về nhà làm mồi cho gà chọi hoặc con sáo mỏ ngà của chúng xơi. Những con ấy vớ được cái món ăn béo ngậy như thằng tôi thế này thì chén bằng thích! Mà đứng ở đây, rồi cũng chết ngất. Tuy không định ra hẳn, nhưng tôi cũng nhích người ra một mảy. Như vậy, tôi thấy đầu tôi được thò lên mặt nước. Và như thế nghĩa là tôi lại thở, hít được thành hơi. Từ đấy, hễ có nước ở ngoài đổ vào là tôi lại nhoi ra một tí.

Nhưng không may cho tôi biết bao! Tôi cứ nhoi dần ra như thế, bởi được thở rất dễ chịu, nên quên cả nỗi nguy hiểm là mỗi một lần chân tôi nhấc lên tức là tôi đã gần men ra tới cửa tổ. Cho nên Lâm trông thấy đầu tôi. Nó reo lên:

– Đây rồi! Đây rồi! Hiệp ơi!

Tôi vội thụt ngay xuống nước. Song kể như thế cũng đã muộn. Bởi vì chúng đã trông thấy tôi rồi. Đã trông thấy tôi, tất chúng phải bắt cho kỳ được. Quả nhiên, chúng càng dội nước nhiều, càng hò hét tợn. Tôi thì tôi run lên, tôi bí thở, tôi nhuội ra vì bức nước. Tuy trong bụng không định mà chân tôi cứ bò dần lên. Bỗng tôi thấy một tiếng soạt ở sau lưng. Quay lại thì đã có một lưỡi dao chắn ngang mất đường vào.

Ra hai đứa trẻ ranh biết tôi đã kê cửa tổ, nên chúng xiên lưỡi dao chắn sau lưng tôi. Thằng thì làm việc, thằng thì ngồi gõ vào cái ống bơ, mồm kêu thòm thòm, giả cách làm trống ngũ liên. Chúng làm như chúng đi cướp. Bí quá, tôi đành liều, nhảy choàng ngay ra.

– Anh em ơi! Dế cụt, Dế cụt!

– Ha! Ha! Đại tướng dế! Bắt được dế đại tướng quân.

– Nó to đến bằng bốn con ve sấu.

– Dế cụt mà lì.

Lâm tóm được tôi. Tôi cắn cho nó một miếng vào ngón tay. Nó kêu thét lên, buông rơi ngay tôi ra. Được dịp, tôi vội vàng tẩu thoát. Nhưng cả hai đứa trẻ, đứa cầm vợt, đứa cầm mũ, cùng vội vàng đuổi theo. Chỉ một loáng mắt, tôi đã bị nằm chổng vó ở giữa cái vợt. Tôi cố cắn sợi dây mắt vợt, nhưng không tài nào dứt được. Chúng khôn, không tóm tôi nữa, mà đem buộc túm cái vợt lại, khiến tôi hết chạy, Chúng thu xếp thùng, dao và đi rửa chân rửa tay rồi ra về. Đứa xách tôi, đứa cầm mọi thứ đồ đạc. Chúng vui vẻ ra về. Chân chúng bước theo nhịp ắc-ê, y như lính tập. Miệng chúng hát bô bô. Ra chiều khoái chí lắm.

Ở trong vợt, tôi đưa mắt nhìn lần cuối cùng phong cảnh cái giang sơn tôi ở. Cỏ non xanh rờn, nước bạc mênh mông. Nắng vàng trải trên lá cây, vàng một màu tươi tắn. Lòng tôi đau như cắt. Hai hàng nước mắt tuôn như mưa. Dần dần mỗi bước một xa... Rồi khuất hẳn.

Phen này thì tôi tất chết!

*
* * *

Hai đứa trẻ đem tôi ra khỏi bãi, qua một quãng đường dài, ngoắt ngoéo bên những thành tre rậm rạp, rồi tới một lối đi nhỏ, men đến một cổng trại. Chúng qua cổng ấy mà vào một cái sân rộng, có nhiều bóng cây lớn, ở trước một nếp nhà ngói, như lối một cái nhà đứng ở giữa khu vườn lớn. Thằng Lâm đem cất thùng và dao đi. Còn thằng Hiệp thì hạ cái vọt ở trên vai xuống.

Biết được số phận mình sắp được định đoạt, ngã ngũ ra sao, tôi thấy bủn rủn cả tay chân. Chết hay sống, cũng ở như lúc này đây!

Lâm đã ở trong nhà ra. Hiệp nói:

– Ta đem thả anh dế này cho con vẹt bầu của chúng mình nó xực một bữa, Lâm ạ.

Bụng tôi giật đánh thót một cái. Ồi trời đất ơi!

Nhưng Lâm xua tay, bảo:

– Không được! Không được! “Đúc” được con dế to như con này hiếm lắm! Dế này là dế cụ đấy. Thằng Thịnh ở bên hàng xóm chúng ta cũng mới bắt được con dế, nó khỏe là con dế của nó khỏe lắm, đánh con gì cũng phải thua. Chúng ta nên bỏ con dế này vào cái lồng đựng châu chấu, rồi đem sang nhà Thịnh cho nó đánh nhau với anh dế bên ấy.

Hiệp vỗ tay:

– Phải, phải lắm.

Ấy thế là tôi thoát chết. Một điều may mắn mà tôi cũng không lường trước được. Chúng bèn đem tôi vào một cái lồng đựng châu chấu, có cửa gài then chắc chắn. Tôi lại đành nằm yên mà chờ một số phận mới.

Đến buổi trưa, Lâm và Hiệp đem tôi sang cho “giáp chiến” với con dế của nhà bên cạnh. Tôi cũng mong mới được nhìn mặt xem anh dế nào mà lại hung hăng và hiếu chiến nhường ấy. Hiệp đứng ngoài cửa nhà Thịnh, gọi:

– Thịnh ơi, Thịnh!

Một cậu bé ở trong nhà chạy ra:

– Gì thế?

– Dem đế ra đây chơi.

Thình quay vào, xách lồng đế ra. Cả bọn đi đến giữa một khu vườn đầy rợp những bóng cây. Chúng nằm dài cả xuống cỏ rồi để giáp hai cái cửa lồng đế làm một – rất chắc chắn – rồi rút hai then ra, cho hai chúng tôi được tự do sang lồng của nhau.

Anh đế kia bé hơn tôi một chút. Hấn bé như thế mà đã luyện đầu được một bộ mặt hờm hờm, ra vẻ coi thiên hạ như rơm rác. Hấn khinh người từ cái dáng chân đi khụng khiêng của hấn, trông thấy mà tôi đã lộn tiết. Không những thế, vừa ngó tôi, hấn đã rung rung hai cái râu mà nói rằng:

– Chú mày ngơ ngác thế kia thì chịu nổi được của ta mấy cái đá?

Nói rõ dễ nghe chưa! Tôi phải lấy làm lạ rằng sao cùng đế tộc với nhau mà hấn lại đối đãi với tôi những giọng lưỡi như thế? Về sau tôi càng nghĩ càng buồn cười về cái ý nghĩ ngây thơ ấy của tôi. Tôi ra đời mới được chẳng bao lâu; đã biết thế nào nổi những sự này khác éo le ở trong lòng người ta.

Tôi thấy hấn nói thế thì tôi đã cáu lăm rồi. Nhưng tôi vẫn dịu dàng bảo:

– Này anh nhỏ kia ơi! Anh làm chi mà âm âm lên thế? Anh có biết ta với anh là chân tay thế nào với nhau mà anh dám nói quàng xiên như vậy?

Hấn nhe răng ra, hống hách:

– Đây mặc kệ! Có giỏi thì lại mà chơi nhau với đây, chứ đừng nói xỏ dấy à?

Máu nóng ở trong người tôi sôi lên sùng sục. Và biết rằng quân này không phải là quân ăn lời, tôi bèn nháy phắt ngay sang lồng bên kia. Bắt đầu một cuộc đấm đá, cào cấu túi bụi. Chúng tôi đánh nhau giữa những tiếng cười, reo, vỗ tay của ba đứa trẻ. Nhưng chỉ quần thảo một tí, tôi đã biết anh đế láo lếu kia, đối với tôi không được mấy hột sức. Tôi thọc mạnh mấy cái đập càn, hấn đã ngã ngửa ra. Tôi bồi thêm vài cái đá nữa, hấn ộc cả máu mồm máu mũi, gãy mất một cẳng và nằm quay ra mà kêu trời kêu đất âm ỉ, tôi chẳng thèm đánh hấn nữa, chỉ đến ghé tận tai mà bảo rằng:

– Cho mày một bài học thuộc lòng về sự hay khoe khoang nhé! Từ giờ thì khá chừa đi, con ạ!

Hắn chỉ còn biết có việc chấp chân mà rồi rít lạy tôi.

Nhưng cũng từ đó, tôi ăn phải đũa của anh chàng đế khốn nạn ấy. Thế mới nhục nhã cho tôi. Tôi đi làm một việc mà tôi đã phải đánh kẻ khác, chỉ vì nó đã làm việc đó. Làm sao mà tôi lại đâm ra đốn kiếp như vậy?

Có gì đâu! Số là, dù sao, cái sự hung hăng, gàn bướng tận trong cùng đầu óc tôi vẫn chưa gọi được sạch hẳn. Khi tôi thắng được con đế kia thì tôi nghĩ rằng: “Ồ, thế mà mình giỏi đấy. Chỉ đá có vài cái mà thằng cha đã quay ra. Tất bấy giờ hai đứa trẻ nó phải yêu mình lắm. Và thế nào những đứa trẻ con ở xóm này cũng đi tìm đế để đánh nhau với mình. Ta hãy thử sức của ta xem. Mà ta cũng cần phải chiến đấu như thế để cho được lòng hai tiểu chủ của ta. Do đấy, ta sẽ được yên thân”.

Quả nhiên thế thật. Tất cả lũ trẻ trong xóm thi nhau đi “đúc” đế, đào đế, săn đế để đem về cho đánh chọi với tôi... Với con nào, tôi cũng chỉ cho vài cái đập hậu, đã chạy bắn xác. Hồi ấy tôi đang giữa tuổi thanh niên, sức lực tới độ cường tráng và nảy nở, lại phụ thêm vào cái tính kiêu căng tự phụ, chẳng coi ai ra gì, nên tôi càng làm bộ tợn. Những lời ăn, tiếng nói, những cử chỉ đi đứng của cái anh chàng đế thứ nhất bị tôi hạ, mà tôi đã chửi vào tận mặt hắn, bây giờ cái tâm tính hắn lại là tâm tính tôi. Rõ cái vòng luẩn quẩn.

Bởi tôi thắng trận luôn luôn, nên hai cậu chủ bé nhỏ của tôi – Lâm và Hiệp – yêu quý tôi lắm. Mỗi bận đá ngã hay cắn chết một kẻ địch, tôi lại được ăn bao nhiêu là cỗ ấu rất non. Đêm đến, tôi tự do uống sương ở ngoài chậu lan. Muốn làm đẹp lòng hai cậu bé, tôi cứ quanh quẩn cả ngày ở xung quanh cái hộp diêm chỗ tôi ngủ, không nghĩ đến sự đi đâu nữa. Và, thỉnh thoảng cao hứng, tôi đập hai cẳng, cất tiếng gáy riii rii ri... Tôi đã quên cả cái nông nổi bị tù cẳng và bị đem làm trò chơi. Sao mà hồi đó tôi ngu tối đến thế!

Nhưng có một ngày kia. Tôi cần phải cảm ơn cái sự tình cờ ở đâu đưa đến đã mở mắt cho tôi. Một ngày kia, tôi phải ra trận, như lệ thường. Nhưng kẻ địch của tôi lần này là một anh đế nhép chỉ to được bằng cái bụng tôi thôi. Vừa bị đối diện tôi, nó đã kêu tru kêu tréo:

– Em lạy bác. Em lạy bác sáu lạy. Bác tha cho em. Mẹ em vừa mới sinh ra em được mấy hôm nay.

Tôi thán nhiên. Ít lâu nay, cái mặt bất nhân của tôi đã quen trơ

ra rồi. Và tôi xông vào chiến thẳng bé. Nó khóc réo lên, khiến cho mấy đứa trẻ xúm quanh để xem để đều cười ha há. Lâm và Hiệp cười to tiếng nhất. Bỗng đâu, tự trên một cành cây, có một anh Xiển tóc bay sà xuống đậu trên nan lồng tôi. Anh Xiển tóc vãnh hai cái sừng dài như hai cái lông công, có khắc từng đốt, mà mắng tôi rằng:

– Tên kia! Không được láo lếu. Đầu mày to như thế, mà mày nỡ đánh thẳng bé oắt ấy à?

Tôi ngoảnh lên nhìn. Anh Xiển tóc, bọc mình trong một bộ giáp rất cứng, coi hung tợn và hiên ngang lắm. Nhưng tôi không sợ. Bởi vì tôi biết rằng anh ta đứng ngoài nan lồng, chẳng làm gì nổi tôi. Tôi nói:

– Việc của tôi, tôi làm, bận gì đến anh.

Và tôi lại tiến lên đánh thẳng bé như thường. Rõ thảm hại! Chỉ mới ném thêm được có mấy cái đá, nó đã nằm quay đơ ra và hết thở. Tôi chẳng biết gì là thương xót. Tôi chỉ nghe tiếng reo hò của bọn trẻ và lấy thế làm thích chí lắm.

Thấy không những đã không ngăn nổi tôi, mà tôi lại còn đánh chết thẳng bé. Xiển tóc nghiêng răng kèn kẹt, trở mặt tôi mà quát:

– À được! Mày hãy giờ hôn. Mày tưởng mày ở trong lồng thì tao không làm gì được mày phỏng? Tao bảo lời phải mày không nghe, thì rồi mày sẽ biết tay tao!

Nói thế rồi, Xiển tóc cất cánh bay vù đi. Tôi cũng chẳng thèm để ý. Bởi tôi cho là anh chàng ta, khỏe thì có khỏe thật, cũng chẳng làm gì nổi tôi.

Đêm hôm ấy, theo lệ thường, Lâm và Hiệp bỏ tôi ra ngoài chậu lan giữa trời để tôi uống sương. Trên không trung, mặt trăng sáng vàng vạc. Những lá lan dài và nhọn, đâm sương, óng ánh dưới trăng. Gió hiên lành, la đà đưa đẩy mấy ngọn lan. Tôi đứng duỗi thẳng cả chân, cả cánh, hát một bài hát và nhìn lên trời với một vẻ mặt tự túc, tự mãn vô cùng. Nào có ngờ, đương khi ung dung như thế, tôi lắng tai nghe có tiếng gì kêu xè xè ở đâu bên cạnh mình. Rồi thì, cái anh Xiển tóc gớm ghê ban chiều đã hạ cánh xuống ngay bên nách tôi. Tôi rú lên mấy tiếng kinh hoàng. Phen này thì chết thật chứ không chơi. Cái răng nó khỏe mà rắn thế kia. Cái chân nó cứng mà sắc thế kia. Chỉ có một mình tôi ở một nơi vắng vẻ, quanh hiu thế này. Tất là chết!

Tôi đứng run rẩy trước Xiển tóc. Tuy tôi cố mím môi lại mà cánh, mà chân, mà cẳng vẫn nảy lên bần bật. Xiển tóc mỉm cười:

– Rõ ra đồ hèn nhất chưa! Sao lúc chiều thì hống hách quá thế. Hấn lên giọng:

– Này ta hỏi: cái tội của mày đã đáng chết chưa?

– Lạy anh, từ giờ em xin chừa.

Chắc là lúc bấy giờ tôi có những điệu bộ cuống quýt đáng nực cười lắm, nên Xiển tóc mới nhìn vào tận mũi tôi mà bảo tôi rằng:

.....
.....¹
.....

– Ta tha cho lần này. Nhưng ta hãy tạm lấy của người hai cái râu, để cho sau này, mỗi khi người định làm một việc gì quá đáng, sờ lên râu thì sẽ nhớ rằng không nên tưởng cứ hiếp tróc người ta mà được an toàn cái thân mình đâu.

Nói rồi, Xiển tóc cắt cụt luôn cả hai nhánh râu tôi. Đau điếng người, mà tôi đành ngậm tằm, không dám hé răng kêu nửa tiếng. Bây giờ đầu tôi mà trọc tếu là bởi vì mất đi hai cái râu từ ngày ấy.

Nhưng cũng nhờ thế, tôi vụt tỉnh ngộ. Lương tâm tôi thức tỉnh. Trời ơi! Thì ra từ ngày bị hai đứa trẻ bắt, tôi chỉ thuần làm những điều ác. Tôi chỉ đi đánh chết người. Mà những kẻ ấy là ai? Là em tôi, anh tôi, con cô, con chú, họ hàng xa gần là để chúng tôi. Nghĩ thế thì hai hàng nước mắt tôi tuôn ròng ròng. Tôi khóc rằng:

– Xưa kia ta đã mắc một điều lầm mà biết hối lại. Bây giờ lại mắc một lỗi nữa... Ôi! Ta hèn quá, ta không đủ sáng suốt để cai trị được tâm tính của ta. Cũng may mà bác Xiển tóc kia không giết ngoém ngay ta đi. Bây giờ ta ăn năn quá. Thế mới biết ở đời này hồ dễ ai đã bắt nạt nổi ai. Ta đánh những kẻ yếu hơn ta thì lại có kẻ mạnh hơn ta đánh vào đầu ta. Thôi thôi, ta tỉnh giấc mê rồi. Từ giờ, quyết ăn ở cho ra người chín chắn.

Nghĩ được như thế, lòng tôi mới tạm yên yên. Nhưng nếu bây giờ, tôi muốn cải tà quy chính, nếu tôi muốn bỏ cái tính hung hăng, tàn ác thì tôi phải rời hai đứa bé này mới được. Bởi vì cái mục đích của hai đứa trẻ là nuôi tôi chỉ để tôi đi choảng nhau cho khỏe mà thôi. Văng vẳng bên tai tôi hai tiếng thoát ly. Ừ thoát ly, thoát ly thì

1. Kiểm duyệt Pháp bỏ một đoạn, lần in năm 1941.

mới tìm được tự do xưa; thoát ly thì đời sống này mới là đời sống của tôi. Tôi nán đợi một dịp tốt. Bởi chúng cứ nhốt tôi cả ngày trong lồng. Ban đêm tôi mới được thả ra sân, thì sân kín những gạch, không có kẽ ngạch nào mà chui.

Trong những ngày chờ đợi ấy, tôi buồn lắm. Buồn tưởng chết đi được. Phần thì ăn năn tội lỗi. Phần thì ngao ngán cho đời mình. Gần quá nửa thời xuân rồi mà chưa làm được một điều gì gọi là điều có ích? Chỉ những nay lằm lằm mai lỗi mà thôi. Mặt mày tôi ủ rũ, ăn chẳng buồn ăn, đi chẳng buồn đi, mà đến đứng cũng không buồn đứng. Suốt ngày, cứ nằm phục vị, hết thở ngắn rồi thở dài. Lâm và Hiệp không hiểu ra làm sao cả. Thấy tôi lừ đừ như thế, chúng càng sẵn sóc. Nhưng càng sẵn sóc thì lòng tôi càng chán ngắt, chán ngơ. Cho tôi ăn, tôi cũng chỉ ăn đĩnh đoảng, nhấm nháp. Được vài ba hôm, thấy thế, chúng cũng dần dần chán tôi.

Trò trẻ chơi cái gì cũng chóng chán. Bởi chúng không nghe được tiếng nói của tôi nên chúng cho tôi là ốm yếu. Sự sẵn sóc tôi cũng nhạt dần. Họ còn bận đi tìm cuộc chơi khác, vui hơn.

Ấy thế là có một hôm, Hiệp thấy tôi cứ nằm lừ đừ suốt ngày trong cái hộp diêm, hấn bảo Lâm rằng:

– Con đế này già rồi. Đánh nhau mãi, bây giờ nó ốm ho đấy. Chúng mình chẳng nên nuôi một con đế ốm ho. Thả nó đi, Lâm ạ.

– Đem cho gà chọi hả?

Tôi thấy lạnh vào đến tận chân răng.

– Không, thế phí đi. Ta đem nó làm cái “cúp” cho các thằng bạn chúng mình trong xóm này đá bóng. Thế mà oai.

Hai đứa trẻ kéo nhau đi cổ động cho tất cả trẻ trong xóm họp lại để đá bóng thi, ăn “cúp”. Cái “cúp” ấy là đế tôi vậy.

Không đầy nửa giờ sau, đã có một lũ đến mười, mười lăm đứa kéo đến. Chúng rủ nhau ra ngoài bãi và đem theo cả tôi ra. Chúng chia làm hai phái. Một đứa ngắt trộm ở vườn nào một quả bưởi, để làm bóng. chúng đặt tôi đứng trên một cái vỏ diêm mới, để trên một hòn gạch vỡ. Hiệp giao hẹn với hai bọn trẻ rằng:

– Anh em đá bóng, hễ bên nào ăn đến ba bàn thì được “cúp” con đế. A lê,... đá... Toe... toe... toe...

Đôi bên tranh nhau đá quả bóng bưởi kịch liệt. Có đứa ngã bổ

chứng. Có đũa rách xoạc cả áo. Ấy vậy mà chúng vẫn vui, vẫn hò hét vang động cả một góc bãi.

Trong khi hai bọn trẻ đang mê mải kịch liệt đá bóng thì tôi len lén bò xuống hòn gạch vỡ, lẩn ra vệ cỏ, chui tọt ngay tới một đám cỏ rậm, rồi chuồn thẳng ngay vào tít tận trong bụi cây xa.

Chẳng biết lúc đá bóng xong, thấy mất tôi, mất cái “cúp” quý hóa, chúng có cấu kính mà đánh nhau không?

*
* *

Khi đã được thanh thoi đứng ở trong bụi cây, không còn phải lo ngại gì nữa, tôi mới hoàn hồn, rồi thở một hơi dài. Và tôi vội vàng gặm một tí cỏ cho đỡ đói. Vì đã mấy bữa nay, tôi đã cố tình nhịn không ăn uống gì cả. No nê rồi, tôi nằm khểnh, đánh một giấc ngủ dài.

Lúc tỉnh dậy, ngồi nghĩ xa nghĩ gần, trong bụng tôi phân vân. Nửa như muốn đi du lịch một phen mà lại nửa muốn trở về thăm nhà. Sau cùng, tôi quyết định trở lại nhà.

Bởi vì tôi nghĩ rằng mình xa nhà đã lâu, từ ngày bị lũ trẻ bắt đi. Tôi chắc khi ấy, mẹ già tôi lại thăm hang của tôi, thấy nhà cửa tan tành, bóng tôi mất hút, thì hẳn người đã khóc không biết bao nhiêu nước mắt! Người còn biết tôi làm sao? Tôi ở phương đông hay phương tây? Sống chết nhường nào? Người đâu có hay. Nghĩ như thế thì tôi nhớ mẹ tôi lắm. Tôi bèn quyết định trở lại quê hương. Và tôi quyết định thêm rằng: sau khi để mẹ tôi nhìn thấy mặt tôi, biết rằng tôi còn sống, vẫn được mạnh khỏe, cho người an tâm, bấy giờ tôi sẽ đi tìm một vài người bạn chí thiết để khởi một cuộc du lịch to tát qua nhiều xứ xa lạ. Làm đời con trai mà không được bay nhảy, đi cho biết đó biết đây thì buồn quá lắm.

Tôi rẽ cỏ, vạch cây, tìm lối về...

Con đường về xa lắc xa lơ, tôi tính chóng lắm, vừa đi vừa hỏi thăm, cũng phải lặn lội đi mất vài ba ngày.

Một hôm, đến một khu cỏ rậm, chợt nghe có tiếng khóc tỉ tê. Tôi lắng tai thì đoán được rằng tiếng khóc đó cũng ở quanh quất đâu đây. Đi vào bước nữa, tôi gặp một chị Nhà trò đứng bên cạnh một tảng đá cuội, chị Nhà trò này bé nhỏ quá. Khấp mình đen tuyền, đôi chỗ có

chấm một vài điểm vàng tươi. Hai cánh của cô nàng ngấn chùn chùn; hình như cánh ấy chưa quen mở, chưa quen bay nhiều, chị Nhà trò đứng khóc rưng rức.

Nghe như có điều oan trái chi đây, tôi bèn hỏi:

– Làm sao mà phải đứng khóc ngoài đường, em!

Chị chàng ngẩng đầu lên, trông thấy tôi, lại càng bù lu, bù loa:

– Thưa... anh... chúng... nó định... giết em!... Hu... Hu... Hu... Anh cứu em... Hu... Hu...

– Ai? Đứa nào? Những đứa nào định giết em?

– Thưa anh, họ nhà Nhện... Hu... Hu... Hu...

Tôi sốt ruột:

– Nhện nào? Sao lại cứ khóc thế! Kể rõ chuyện cho ta nghe thì ta mới biết đầu đuôi xuôi ngược ra làm sao mà cứu mới được chứ!

Nhà trò kể lể:

– Ngày xưa, năm trời làm đói kém, mẹ em có vay một ít tiền của Nhện. Sau đấy, chẳng bao lâu, không may mẹ em mất đi. Còn lại có một mình em thui thủi. Mà em làm ăn cũng chả ra thế nào, nghèo khổ kiệt vẫn hoàn nghèo kiệt, nên món nợ cũ vẫn chưa trả được. Thấy thế Nhện nhất định làm tội em. Đã mấy bận Nhện đánh em. Hôm nay em ra suối tắm thì Nhện rủ cả họ ra giăng tơ. Giăng mạng ngang đường chắn không cho em về và đe rằng sẽ bắt em mà vặt chân, vặt cánh để ăn thịt em nữa.

Tôi xòe cả hai cánh ra, bảo Nhà trò:

– Em đừng sợ. Hãy đi về cùng với anh đây, chúng nó không thể ăn hiếp người ta như thế được.

Tôi dắt Nhà trò đi. Được một quãng đường, quả nhiên tới chỗ mai phục của bọn Nhện. Chúng đã giăng từ bên đường nọ sang bên đường kia, chẳng chịt không biết bao nhiêu là tơ nhện, trùng trùng điệp điệp giá một con muỗi mất nhỏ nhất trong loài muỗi mất cũng không thể nào chui lọt được. Lại thêm, sừng sững ở giữa lối đi, một anh Nhện đứng canh gác. Để hễ thấy bóng chị Nhà trò về là nó làm hiệu phi báo cho một lũ Nhện nấp ở hai bên mép đường kéo ô ra. Cho nên, khi tôi đi gần tới mạng lưới đã thấy ở gần đó đầy những Nhện. Nhện mẹ, Nhện con, Nhện già, Nhện trẻ. Thôi thì đủ cả. Chị Nhà trò vẫn đi nấp phía sau đuôi tôi, không con Nhện nào trông thấy.

Tôi gọi lớn:

– Ai đứng đầu bọn này? Ra đây cho ta nói chuyện.

Từ trong đám đông, một con Nhện to nhất bò ra, hai bên có hai con Nhện nhỏ đi kèm. Dáng hẳn đây là anh chúa trùm. Đầu tiên, tôi hẩy ra cái oai của tôi. Tôi lấy chân đập mạnh vào đầu anh chàng một cái, khiến cho anh chàng hoảng hốt, co rúm cả thân thể lại, rồi cứ đập đầu xuống đất mà lạy tôi, nhanh như cái chày giã gạo. Tôi thét:

– Đã biết ta chưa! Cớ làm sao người dám kéo bè kéo đảng ra mà bắt nạt con Nhà trò yếu ớt như kia? Nợ thì nó sẽ trả các người bằng nợ chứ. Vả lại, các người dư ăn, dư tiêu, đĩa nào cũng béo mẫm ra, thì làm gì đến nỗi, mà phải cố tình đòi nợ nó vài đồng tiền! Ta bắt các người từ giờ không được đòi nợ con Nhà trò này nữa. Nó đã yếu ớt bé bỏng, làm cũng chưa đủ nuôi thân nó, các người phải thương nó, xúi xoa công nợ cho nó đi. Ở đời, thương nhau là hơn cả, thù hằn, độc ác mà làm gì. Các người thử xem: đấy, nếu các người vô tình bắt nạt nó thì, đành là nó chịu nhục, nhưng trên các người, còn có ta, ta thử cho mỗi đĩa một cái đá hậu, phỏng đã đĩa nào chịu đau được chưa? Ấy đó, ác giả ác báo là thế vậy. Ta đã đi đây đi đó, kinh nghiệm nhiều, biết như thế bảo các người như thế, thì phải vâng lời ta, nghe không!

Và tôi truyền lệnh:

– Phá tất cả các vòng vây kia đi. Xúi xoa hết nợ nần cho Nhà trò. Bỏ cả thù hằn nhỏ nhen đi. Phải thương nhau và tốt bụng tốt dạ, ăn ở với nhau!

Lũ Nhện nghe ngay lời tôi. Chúng vui vẻ phá bỏ hết cả các dây tơ giăng buộc ngang đường. Và trong khi ấy, chúng ôm lấy chị Nhà trò mà nhảy múa, ca hát âm ĩ rất vui vẻ. Chúng lại còn định mở tiệc thết đãi tôi. Nhưng tôi hết sức từ chối, nói rằng phải vội về nhà, và tôi hẹn có một dịp khác, sẽ qua chơi.

Tôi từ giã bọn Nhện và chị Nhà trò để lại lên đường. Chị chàng cầm lấy chân tôi, cảm động quá, không nỡ chia biệt.

*
* *

Mấy hôm sau, tôi về tới quê hương. Cái hang của tôi, cỏ và rêu đã mọc kín lối đi, nhưng ở đằng cuối bãi, mẹ già tôi vẫn được khỏe mạnh như thường. Hai mẹ con tôi gặp nhau thì ôm lấy nhau mà cười ra nước mắt.

Mẹ tôi hỏi tôi về những ngày phiêu lưu cũ. Tôi tường tận kể lại từ đầu chí cuối những sự khó khăn, may rủi mà tôi đã gặp. Bắt đầu từ chuyện bác Đế Trũi khôn khéo ở bên hàng xóm mà đi...

Nghe xong, mẹ già tôi rưng rưng hai hàng nước mắt, ôm tôi vào lòng, y như Người vẫn ấm tôi khi tôi còn thơ ấu mà bảo tôi rằng:

– Con ơi! Mẹ cũng mừng cho con đã thoát được nhiều sự hiểm nguy mà trở về đây. Nhưng mẹ chỉ mừng nhất là, nhờ có những cơ sự dọc đường đó, con biết lối nào là lối đi vào con đường ngay thẳng. Con đã rèn luyện được tấm lòng của một kẻ chín chắn, đáng mặt làm trai. Con ở lại đây mấy ngày với mẹ, rồi con có nổi bước du lịch, mẹ cũng không phải áy náy gì về con. Thế là con đã nên đế rồi, con yêu dấu của mẹ ơi! Con tôi đã nên đế rồi. Mẹ còn lo gì nữa!

Mẹ tôi nói thế, mà lại hai hàng nước mắt để ròn ròn. Tôi cũng không ngăn được giọt lệ.

Tôi thưa lại với mẹ già tôi rằng:

– Mẹ kính mến của con ơi! Không bao giờ con quên được lời mẹ. Mai đây, nếu con có lên đường, con xin hết sức ăn ở tu tỉnh và xét nhận để đáng mặt là con của mẹ.

Con đế mèn, Nhà xuất bản
Tân Dân, Hà Nội, 1941.

O CHUỘT

(Truyện ngắn)

Trong nhà, trừ người, chó và mèo làm chúa tể. Chó giữ về mặt bộ, mặt thủy. Hấn có phận sự chạy nhông khắp chốn, để đánh hơi, để hỏi han và để mắng những người lạ đi tơ mơ vào trong ngõ. Có khi cao hứng, hấn lội xuống ao, tắm; hoặc nếu có ai cầm hòn gạch ném vào nước và huýt mấy tiếng còi, hấn cũng động cựa mà nhảy tùm xuống. Một đôi bận, sự đùa cợt của hấn cũng được việc. Ấy là khi hấn bơi ở trong ao để dẫn vịt về chuồng. Chó hay lèm bèm, ửng oảng, sinh sự nhỏ nhen. Nhưng tính tình hấn lại phôi bò, dễ dãi và thường chóng quên.

Con mèo, rất khác. Mèo lừ đừ và nghiêm nghị tựa một thầy giáo nhà dòng, trên mình có khoác bộ áo thâm. Hấn có cái cốt cách quý phái và trưởng giả. Lúc nào hấn cũng ra vẻ nghi ngại như sắp mưu toan một việc gì ghê gớm lắm. Có phải thế chẳng, hỏi cái gã lừ đừ và nghiêm nghị kia? Gã lại càng làm ra vẻ khó hiểu tợn. Nhưng cái vỏ ngoài chưa thể đủ nói rõ được bề trong của con người ta. Biết đâu, mèo ta không khó chịu như mình tưởng. Mà vốn hấn lại lành hiền cũng nên.

Hôm nay tôi kể một gã mèo, một gã trẻ tuổi. Y sống lạng lẽ trong một nếp nhà ngói cổ kính, giữa một vườn cây rộng, ở làng Nghĩa Đô, cùng một sân với bọn chó, bọn gà ri, bọn ngỗng, vân vân...

Y là một chàng mèo mướp. Giống đó, nhà quê người ta nuôi nhiều. Cái bộ lông mèo mướp thật là dị kỳ. Nó vừa trắng màu lụa, vừa xám màu tro, lại vừa đen xỉn. Khắp mình, ba màu ấy trộn lẫn với nhau, mà trộn rất nhỏ, hòa hợp lại thành một màu đặc biệt như màu cái chăn dạ của các chú lính tập. Chỉ ở dưới bụng mới có một mảng lông trắng mềm mềm. Màu mướp ấy trông bần, vì đen ngòm ngòm, nhưng chính ra, sạch lắm. Nó sạm như đất, mà không phải là của đất bám. Nó lại mờ mịn như có tro ở bếp phủ lên – bếp tro là chỗ ngủ tốt nhất của loài mèo – mà thực ra cái bờm lông xấu xí đó chẳng vẫn

một chút tro bụi. Ngắm thì không đẹp mắt, nhưng nếu sờ tay vào, nó muốt như sờ tay trên tấm nhung tơ.

Hai mắt mèo tròn và quắc như đôi hòn bi ve để dưới ánh mặt trời. Hấn không có môi; song hấn có cái mũi đỏ đỏ, đẹp như cặp môi son hồng của con gái mười tám đương thì. Đàn bà không ưa cái mũi đỏ ấy. Người ta bảo mèo mũi đỏ là mèo hay ăn vụng. Hai bên mép hấn có hai hàng ria cứng nhắc như ria làm bằng thép nước. Lũ trẻ con, có lúc nghịch, dè ngựa hấn xuống, lấy kéo cắt trụi cả đôi hàng ria xuyên đuột. Nhưng chỉ qua ít ngày, nó lại trở ra như thường.

Gã mèo mướp ăn ở thì giờ như một người đứng mực. Ban ngày, hấn ngủ hoài; cái dáng mèo nằm dáng êm, dáng thanh, dáng làng, đẹp biết bao! Lúc bấy giờ cái thân hấn nhẹ muốt, chỉ như một chút gợn gió phẩy bay một nắm bông gạo non.

Mà giá ban ngày hấn có thức cũng không làm gì; hấn chỉ nằm gù gù. Để đến đêm, trong cái bóng tối mung lung, hấn mới ra tay hoạt động. Hấn đi rà rà thâu canh như người trương tuần.

Gã mèo có cái vẻ đạo mạo như một ông đứng tuổi, đương bắt đầu để râu. Hấn hiền hiền mà lại ang ác. Nghĩa là trông hấn thì không tài nào đoán được trong óc hấn nghĩ ngợi gì. Mà chừng hấn chẳng tư tưởng chi ráo! Hấn chỉ là một người rong chơi lông bông. Chẳng đã có những bác, trông mặt thì ra dáng đăm chiêu tư lự mà thực ra trong đầu không chứa đựng một ý nhỏ nào.

*

* *

Gã ngồi đấy, ở trên mặt giai bể. Hai chân trước đứng thẳng, đôi chân sau gấp lại, y lối ngồi xôm. Đôi mắt nhìn ra xa xôi... Thỉnh thoảng, theo thói quen, hấn đưa cẳng chân phải lên để gãi mép cũng như người ta sờ tay lên vuốt ria cho nó oai vậy.

Trời đã xế chiều rồi. Một chiều thu êm ả. Vài gợn nắng vàng nhạt đọng lại trên những tàu cau rách rưới màu xanh om. Bên nhà ngang, tiếng guồng tơ quay đều đều. Trên đường cái, lũ trẻ con đi học về, vừa chạy thi nhau, vừa la, nghe vang động xa vời vợi.

Ngoài giếng khơi, người kéo nước rào rào. Cái gáo mo lạt sạt đung vào thành giếng đá.

Trong bếp lặng tờ. Bây giờ là sau bữa cơm chiều, người ta không dùng đến bếp nữa. Gã mèo mướp nằm ngấm trời, ngấm đất mãi thì cũng chán. Gã bèn đứng lên, uốn cong cái lưng và nhuôi bốn chân ra để vươn vai, rồi đi về căn nhà hiu quạnh! Hấn bước từ tôn và uyển chuyển như một con hổ nhỏ. Khi qua gốc cau, chẳng biết định ý sao, hấn leo tót ngay lên, quào quào mấy móng sắc vào cái vỏ cây cau rấp trắng, rồi lại tụt xuống, lại đi lều đều, đạo mạo như trước. Hấn thường có những cử chỉ rất đột nhiên. Hấn làm bất ngờ như trong lòng đang khoái một điều gì mà hấn vừa nghĩ đến. Luôn luôn gã mèo mang một nét mặt tư lự.

Y vào ngồi thì lì bên bếp tro. Y nghiêng màng tai để dũi vào một ông đồ rau, to bằng hòn gạch vồ lớn. Lúc nào y cũng ngứa và cũng cần gãi.

Bỗng y đứng im. Y nghech đầu lên. Hai cái tai mỏng vênh ra để nghe ngóng. Hình như có tiếng lịch kịch ở sau đồng củi. Nhưng khi bước lại thì không thấy động gì nữa. Gã quay đầu ra, ngược mắt nhìn lên đám mạng nhện có mắc bồ hóng đen sạm, bị gió đưa lúc lắc trên trần bếp.

Có tiếng động thực. Lần này gã mèo dúm bốn chân lại, bước từng bước rất nhẹ vào phía đồng củi. Đồng củi đó, người ta để phiên quá, vừa chượp bếp, vừa làm cái rừng bùm tum, chỉ tiện cho quân gian núp náu.

Giống mèo là một giống, đứng ở chỗ nào, không thể chịu có được một tiếng động nhỏ. Đã có khi gã mèo mướp nằm ngủ suốt đêm ở trên đồng củi. Đấy là chỗ ra vào của lũ chuột ngày, cái lũ chuột con rất vô danh, hễ tha được một hột cơm nhỏ cũng chạy thọt ngay vào đó để nhấm nháp.

Mèo và chuột là đôi loài có thù không đội trời chung với nhau. Mèo ghét chuột quá, ghét kịch liệt. Ý giá mèo ta tin rằng giống mình là giống giỏi nhất thiên hạ; những tên chuột, tất cả lò nhà chuột, chỉ đáng đem thân làm nô lệ cho loài mèo thần thánh. Thế mà cái giống thấp hèn ấy không biết điều lại cứ hay tấ mắt, táy máy, bặng nặng làm nghịch mắt và rác tai người bề trên.

Hai cái tai anh mèo mướp hơi động đập. Ấy là khi anh đương hết sức lắng tai nghe. Tai mèo mỏng tanh, gần soi bóng qua được, dỏng lên như chiếc tai lừa tý hon. Cái vành tai rộng mở và loe ra. Chả trách gã nghe rõ lắm.

Gã khum hai chân trước xuống, nhìn vào gậm đồng củi. Rõ ràng gã trông thấy một cái đuôi nhỏ mà dài thò lò dưới một mẩu gỗ. Đứng cái đuôi chuột. Gã nép về một bên, thon người lại.

Lúc này trông gã mèo quái ác dị thường, khác hẳn cái dáng lừ đừ, hiền hậu hằng ngày. Y quờ quờ cái chân. Sau y biết làm thế hấp tấp quá. Phải chờ cho cái đuôi chuột lòi ra nữa mới được.

Lại có tiếng rúc rích ở trong. À, có hai thằng chuột rừng mỡ đang đùa nhau. Chúng nó hẳn đến ngày tận số. Ai đời chuột lại dám đánh đu ở miệng mèo!

Tuy cáu, nhưng mèo cũng đủ kiên nhẫn để chờ cơ hội tốt đến. Trong kia, hai con chuột vô tình, vẫn đùa cợt vui vẻ. Nhiều lúc, có nhách lại chạy ra tận ngoài, thò cái mõm nhọn người chung quanh. Lộn tiết, gã mèo đã toan chộp. Nhưng chuột lại chạy ngay vào mắt. Con mèo lại im lặng, chịu khó ngồi rình.

Bóng tối chụp xuống mau lẹ. Vừa mới nhọ mặt người. Bây giờ đã đêm hẳn. Đêm nay là đêm rằm. Mặt trăng đã nhô tròn ở đằng đầu tường. Một mảnh sáng nhờn nhợt in trước sân bếp.

Trên nhà, người ta đã quẹt diêm để châm đèn sáng cho trẻ học. Tiếng những đứa trẻ ra ao rửa chân, vừa đi vừa khua guốc, lóc cóc. Hai chú chuột ở trong gậm củi, dáng hẳn thấy trời tối rồi thì muốn ra ngoài kia lắm.

Cái thằng mèo mướp ốm bệnh hen cò cữ quanh năm mà không chết ấy, bữa nay tất đi chơi đâu vắng; nếu nó có nhà tất đã nghe thấy nó rên gù gù ở trên đầu ông đồ rau. Chúng mình ra ngoài kia đùa một tí hoặc kiếm chác được cái gì thì hay quá.

Hai cái đầu ló ra. Rồi hai gã chuột bước ra khỏi hẳn đồng củi, đi lẩn về phía bếp. Chúng vui vẻ cãi nhau chöhe chöhe.

Hai cái bóng bé nhỏ quá, chụm lại với nhau chưa bằng được một ngón chân cái của người lớn ta. Đây là hai con chuột nhất. Chuột nhất bé hơn chuột chù. Nhưng nó nhanh và hoạt hơn nhiều. Anh chuột chù có cái mõm dài nghêu – cứ vác mõm đã đủ mệt đi đến đâu cũng rụt rụt rề rề. Hễ hơi có cái gì đáng sợ là vội hốt hoảng chạy cuống lên, vãi cả đá, và kêu rối rít. Đã thế lại còn chậm và cũng không biết leo tường, leo cột, chỉ ở luẩn quẩn sát mặt đất. Thật là một thứ chuột cùng dân, thấp kém nhất trong xã hội chuột. Vậy mà thiên hạ lại ưa thứ chuột đó. Không phải ưa cái thân hôi hám của nó

– chẳng đã có câu mỉa “hôi như chuột chù”, – nhưng người ta chỉ ưa có cái tiếng kêu: “*chuuúc... chuuuúc...*” Các cụ ta nói: “Ấy chuột chù bảo: “*túc túc*”, nghĩa là “đủ đủ”. Nhà ai, chuột chù mà cứ “túc túc” luôn, ắt nhà ấy hẳn sắp có việc đại phát tài.

Và đây chỉ là hai con chuột nhất. Thân chúng nhỏ nhắn, mõm chúng xinh xinh, vừa phải. Về sự nhanh nhẹn, phải biết rằng nhờ ở cái thân hình bé bỏng, chúng leo vun vút, chúng chạy nhoăn nhoắt, như có phép biến hóa.

Thoạt thấy bóng đôi chuột lúi húi ra khỏi đồng củi, gã mèo mừng mừng khấp khểi. Nhưng rồi chàng chán dờ ngay ra. Nó tưởng chuột chiếc to tát thế nào, chứ nếu biết chỉ là hai chuột nhất nhép ranh ấy thì nó đã bước từ nãy, không phải tốn công, tốn hơi sức mà rình nấp vô ích. Mèo ta cũng khá đại lượng. Song thực cũng tại cái tính lười nhác cố hữu, chẳng muốn cất đại công trình mà chỉ được có một tí ti kết quả đấy thôi.

Nhưng đã thế này thì cứ bắt chơi. Hầy! Đùa một mảy vậy. Nghĩ vậy, mèo ta co lưng lại để lấy thế, rồi vươn hai chân ra chộp cả hai cái bóng đen cọ quậy ở trước mặt. Có tiếng kêu “*chí... í...*”. Một con chạy thoát được. Còn một bị nắm lại. Mèo gặm giữ để thị uy và dọa dẫm. Chú chuột khốn nạn bị túm lại, nằm ngất trong hai bàn tay sắt đầy vuốt cong và nhọn hoắt của ông mèo, y như cái cảnh rúm ró của chị cưa nhà quê mà bị cụ ếch đại vương lấy một bàn tay mà vỗ vào mai.

*

* *

Chú chuột nhất bị mèo tha ra cửa bếp và được thả xuống đấy. Mèo không hề nghĩ đến sự nhăm chú chuột nọ. Dễ thường chàng ta ví mình như một người anh hùng cái thế có thềm sát hại lũ trẻ oắt bao giờ đâu! Sinh phúc cho chúng sống còn hơn là túm lấy chúng mà nhai. Chưa bõ dính răng.

Nhưng vốn mèo vẫn ác tính. Gã không ăn. Mà gã cũng không thả chuột ra. Cái mùi hôi ở lông chuột khiến cho gã mèo nhớ rằng thịt chuột ngon và loài chuột là cái loài đáng ghét lắm.

Mèo nhả chú chuột xuống đất, rồi ngồi ngáy ra mà nhìn. Con vật khố sở nằm co ro. Mèo ta đắc chí, lấy một chân vờn vờn vào mặt

chuột. Bất tỉnh nhân sự từ nãy, giờ mới lại hôn, chuột khe khe thoi thóp thở. Mèo yên lặng, dáng ngẫm nghĩ. Gà không để ý đến chú chuột đương giương đôi mắt lồi như hai hột chàng rành ra nhìn gà. Chỉ tí hí mắt lơ, mà ranh thượng hạng.

Bỗng, thoảng một cái, chú chuột chạy vọt vào phía trong. Nhưng chàng mèo vẫn nhanh hơn. Chàng vươn tay ra. Lại chộp liền ngay lấy gáy chú nhỏ. Ôi chao! Chàng ta mới đập cho chú nhỏ một cái nhá! Chú nhỏ kêu “*chii... chiii...*” râm cả lên.

Có lẽ nhân cuộc chạy trốn ấy, gã mèo bày ra một trò chơi tiêu khiển cho qua thì giờ. Gã đem chuột ra chỗ ánh trăng. Giả vờ để yên chú ta đấy. Rồi mèo yên lặng. Chú chuột sợ hãi, không nhúc nhích. Nhưng chính ra chuột vẫn rình mèo và mèo cũng lại rình chuột. Để hề khác ý là chuột chuồn biến. Còn mèo, mèo cũng chỉ chờ chuột chạy là vồ ngay lấy. Gã mèo giương oai thả lỏng và chắc chắn chẳng khi nào chú chuột chạy thoát nổi đôi bàn chân nanh móng của gã.

Mà cũng thế thật. Chú chuột tưởng bác mèo hắc lờ, cứ xềnh một chút lại chạy. Có đến mười lần. Nhưng vẫn không làn nào khỏi bị tóm lại. Mỗi bận chuột động chân, mèo ta chỉ nhoi đi một tí đã tóm lại được rất dễ dàng. Mãi rồi, con chuột hóa mọt lử. Nó chạy chậm dần và cuộc chơi cũng mất thú vị.

Khi đó, ở trong đồng củi, bỗng lại có tiếng rúc rích. Lại có tiếng lao xao của lũ chuột nào khác. Chẳng biết là chúng đùa nhau hay chúng định chơi cái lối chó cậy gân nhà, đứng trong ấy mà chửi đồng ra. Toan nhảy vào vồ cho chúng chết một mẻ, nhưng mèo lại vướng có con chuột tù binh ở dưới chân. Đã thế, phải mắng cho chúng một trận mới được. Mèo liền găm gừ, găm gừ, làm như sắp lặn ngay vào chiến tranh với những quân thù cỏ rác kia. Lũ chuột nhép cậm ngay, song chúng cũng không cậm hẳn. Hề mèo mà ngắt tiếng, là chúng nó lại “*chii... chí í í*” râm râm. Làm điệu như sĩ vả bác mèo.

Bực mình mèo ta nhảy một bước. Chú chuột nhất đang nằm yên như chết, vọt vùng chạy. Mèo hoảng hốt, thò dài chân ra, nắm lấy nó. Nhưng chỉ nắm hụt được bóng cái lưng của chú chuột in thoảng trên nền đất giải đầy ánh trăng. Hai mắt mèo long lanh, sáng quắc! Cũng không thể sáng để chọc thủng được bóng tối dày ra mà tìm lấy chú chuột nhất tí hơn.

Gã mèo sục vào đồng củi. Giá gã đâm đến vỡ đầu ra, cũng chẳng

tóm được một nỡm chuột. Mà những tiếng “chíiii... chíiii...” quái ác, rất khó chịu vẫn văng vẳng đâu hai bên lỗ tai.

*
* *
*

Chàng mèo mướp – mà chàng mèo nào cũng thế – không có ý ăn thịt chuột nhất bao giờ. Mèo chỉ bắt những con chuột tiểu yêu đó để đùa nghịch và để hả cơn cáu kỉnh; vì loài chuột nhép cứ bặng nặng, rúc rích trong xó bếp, là chỗ nghỉ ngơi của mèo. Chính những con chuột lớn lại đứng đắn, không âm ỉ đến thế. Chỉ vì bực mình mà mèo bắt chuột nhất. Nhưng chú chuột nhỏ khôn ngoan vẫn hay chạy trốn được. Đời đời, cái giống chuột nhất tai quái cứ làm rức tai loài mèo.

Suốt đêm hôm đó, gã mèo mướp kia chỉ đi quanh đi quẩn để tìm, để lùng chuột nhất. Và cả những đêm sau, hấn cũng đi tìm chuột, nhưng – vẫn khờ dại như thường – hấn chỉ tìm để đùa chơi một chút. Rồi nó có rông mắt, hấn lại khó chịu, bực dọc, hậm hực mà đi lùng bắt những con khác. Cái loài chuột nhãi cứ làm người ta rối đầu và ngứa mắt quá.

Coi chừng gã mèo mướp phải dành tất cả cái hoa niên của mình để mà chỉ luẩn quẩn đi O CHUỘT.

O chuột, tập truyện ngắn,
Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942.

TRUYỆN GÃ CHUỘT BẠCH

(Truyện ngắn)

Lắng nghe có tiếng rộn nho nhỏ.

Lóc cóc... lóc cóc...

Như tiếng một cái guồng tơ quay khe khẽ. Nhưng không đã đúng hẳn. Âm thanh đó bé quá, chỉ vời vời như tiếng tích tắc của một quả lắc đồng hồ trong đêm khuya.

Chẳng phải là guồng tơ dụng dặt. Vậy thì tiếng chi dầm dầm và ồn ã ở một góc nhà, phía bên cửa sổ, dưới một giàn thiên lý? Ánh sáng, qua những kẽ lá thiên lý xanh rờn, ùa vào, đóng thành vũng, như một thứ ánh sáng hư huyền, lơ mơ, chỉ hửng gợn lên mà không có thực. Tiếng gì vui vui trong ấy?

À, ra một gã chuột bạch đương quay tơ. Không phải là người. Chuột quay tơ? Phải! Gã quay cái kiểu riêng của gã.

Gã chỉ bé bằng một quả nhót và cũng mồm mīm như thế. Gã ở trong một cái lồng nhỏ, hình vuông, đan bằng tre. Giữa lồng, người ta treo hai cái vòng tròn bằng thép nhỏ, sát từng cánh, như hai chiếc đu tiên tí hon. Chuột ta chui vào đấy. Bốn chân đạo thoãn thoắt trên những sợi thép. Thế là chiếc vòng quay tít theo từng bước dặt. Con chuột loay hoay chạy tròn mãi mãi trong cái vòng tròn mà không bao giờ hết được đường. Cái đu tiên xoay xung quanh một chiếc chốt. Chính ở chiếc chốt đó nảy ra những tiếng lóc cóc đều đều như tiếng guồng tơ quay.

Gã chuột bạch đánh vòng luôn luôn. Chán chân thì gã lại chui ra, vơ vẩn, tìm những hạt gạo tẻ mà người ta rắc vào một cái đĩa để ở đáy lồng, cho chuột ăn. Gã rung hai hàm râu tơ, gật gù cái đầu, nhắm gạo. Đôi mắt gã đỏ thẫm, như hai hạt gạo đỏ dính lên trên một nền bông nõn trắng. Bốn cẳng chân loắt choắt, ngắn củn, và trơ da đỏ hỏn. Bởi nổi đánh vòng nhiều quá, bắp chân đã kệt cứng thành chai.

Ăn xong, gã nhìn bên phải, ngửi bên trái. Rồi gã lại làm cái công việc đánh vòng liên liên.

Nếu không thế, gã đi ngủ. Gã đứng vào một góc lồng, dựng hai chân trước lên, đầu chụm vào chân. Hai mắt nhắm lại. Ấy vậy là gã đã ngủ. Ngủ đứng như cái hộp diêm. Cứ cái kiểu đó, suốt đời.

*

* *

Gã chuột bạch ăn, gã chuột bạch đánh vòng và gã chuột bạch ngủ đứng. Đó là tóm tắt tất cả những công việc của một cuộc sống của chuột ở trong lồng.

Nhưng không phải là gã ở một mình. Bên cạnh cái vòng sắt đu tiên của gã, còn có một cái vòng sắt đu tiên khác, như hệt cái này. Và ở bên góc lồng kia, cũng có một con chuột bạch khác đương ngủ dựng đứng lên. Vợ gã đấy. Cậu và vợ chuột. Cũng rất có thể gọi được thế, chứ sao.

Dường như cậu vợ ấy cũng khá yêu nhau. Họ yêu nhau thân tình và tài ghê. Hai người cùng bé bỏng, cứ luẩn quẩn chạy ngang, chạy dọc xung quanh. Cậu gầy hơn vợ. Bộ lông xù lên và phờ phạc. Mà cậu lại có tính mơ mộng. thỉnh thoảng, gã thường đứng ngẩn ngơ nhìn lên trên nóc lồng. Qua những chiếc lá thiên lý mỏng mảnh, ngoài kia là trời xanh bao la. Tưởng như chiếc hình hài nhỏ bé chỉ điểm một chút sống còn con này đương giương cặp mắt đỏ, ngui trông ra cái khoảng không bờ bến để mơ một giấc mơ sông núi chi đó. Chao ôi! Ai mà biết được lòng gã!

Cả hai vợ chồng cùng ưa đêm tối. Bởi ban ngày họ thường ngủ. Bốn cái chân trước sát vào nhau; bốn cái mắt cùng khép. Chiều đến đã đem bóng về dần dà trong cửa sổ. Ở chênh chếch ngoài khung cửa, vì sao hôm từ từ lên cao, lấp lánh như một giọt ánh sáng lớn. Bấy giờ vợ chồng chuột mới bừng mắt. Họ ngơ ngác nhìn hoàng hôn. Gã chuột đục mò mẫm tìm cái đĩa đựng gạo. Chị vợ cũng nhẹ nhàng đi theo. Họ gậm nhấm mấy hạt. Những tiếng răng nghiền trên hạt gạo, nghe ken két, sần sật như tiếng một con một như cựa mình trong thớ gỗ.

Rồi gã chuột mon men ra leo cây đu, chui đầu vào, đánh một

vòng chơi. Chị ả cũng bắt chước, chạy về cây đu của mình. Hai cái vòng quay tí. Rộn lên những tiếng dầm dầm.

Những tiếng dầm dầm trong đêm khuya! Những âm thanh be bé, mơ hồ gần như hư không. Lúc chập nghe rì rách như tiếng nước giọt ranh. Lúc mau thì bỗng chồm như tiếng vẩy tơ¹ quay lọc cọc như tiếng bánh xe sắt chạy trên con đường đá trắng dài hun hút, vào một buổi chiều vàng ngậy ngát.

Riêng những đứa trẻ ở nhà, đêm nằm trong màn mà chột thức giấc nghe tiếng guồng đu của chuột chạy thì sợ lắm. Chúng giương mắt thao láo mà cũng không thể nhìn thấy gì. Chỉ nghe lóc cóc... lóc cóc... như tiếng của ông Ba Bị hoặc của một con ma nào chưa biết tên, rất thường hay ghét giống trẻ con. Chúng hãi hùng, rúm ró, ôm chặt lấy nhau. Đôi mắt khép kín lại. Thế là giấc ngủ cũ của mỗi trẻ lại tới để tiếp theo cho đến lúc mặt trời lên, chiếu ánh sáng qua khe liếp, vào tận trong đình màn.

Còn vợ chồng chuột chán đánh vòng thì lần ra ăn gạo. Ăn xong, lẩn thần thế nào, lại giở trò đánh vòng. Cứ như thế luẩn quẩn cả đêm. Cũng có đến khi trời tang tảng sáng, có tiếng chim chích chòe véo von dưới ao, hai vợ chồng lại chúi về một phía góc buồng, dựng đứng lên mà ngủ.

Cuộc đời chung ấy không có ai làm nhộn. Ý như họ mền những ngày tháng đó lắm. Đã một lần, có một đứa trẻ nghịch tinh mở cửa lồng xem chuột rồi quên không đóng lại. Đôi vợ chồng nối đuôi nhau, tha thần bò ra ngoài. Hai cái bóng đi lồm cồm hếch chiếc mõm nhọn hoắt lên, ngơ ngác nhìn quanh quẩn. Như là họ chẳng quen bò giữa nơi khoáng đãng. Và họ lại nối đuôi nhau, tha thần, từ từ bò vào, cũng như lúc bò ra. Từ đấy, dù mở cửa, cậu mợ chuột cũng không buồn bò ra. Họ yếu đuối. Ở ngoài làm chi có gạo để ăn.

*

* *

Trời đã trở về mùa lạnh. Những cụm lá bánh khúc thấp lè tè, nở hoa vàng khắp cánh đồng làng Nghĩa Đô. Đã không có nắng lớn. Những đứa trẻ nghèo cũng hồng hào đôi má còm cõi. Môi chúng khô

1. Vẩy tơ: một dụng cụ để quay tơ, trong nghề dệt lanh ở Bưởi.

cong lên, ăn cơm có nước mắm thấy xon xót. Chúng gãi vào da, da nổi lên những lẩn bụi trắng. Buổi chiều, cậu nào rửa chân cũng ngại ngại, không yêu nước. Và đêm đã phải ngủ chung với chăn bông cùng ổ rạ rồi.

Đôi vợ chồng chuột cũng lạnh. Phong cảnh trong cái cửa sổ lại buồn nữa. Giàn thiên lý đã rụng hết lá xanh. Chỉ còn trơ lại những dây già đen củi, còng queo trên gác cửa. Từng nắm lá khô, rúm vào nhau, nằm co ro trong giàn, để mỗi buổi chiều đổ hoe, hễ chớm hơi một gợn mây nhỏ, cũng tới tấp rơi lạt xạt xuống mặt đất. Đêm đêm, vẫn có tiếng đánh vòng của chuột. Những tiếng khô và giòn, cũng như trời khô và hanh. Nhưng ít bữa nay, gã chuột bạch không được vui. Ta cứ thí dụ như việc đánh vòng đu là một sự vui làm mực thước, thì thấy gã thua trò vào vòng đu. Chỉ hay thấy chị vợ đập vòng. Anh chồng đứng bần thần, mồm vêu ra. Người gã chừng như gầy và bé hơn dạo mùa hạ. Gã đi đứng ra lối lữ khử. Và chỉ ngủ là ngủ nhiều. Đêm ngủ quên cả đánh đu. Mùa rét vào rồi. Tại sao gã chuột lại buồn? Ý như buồn vì tiết trời sang đông? Ý như buồn vì heo may hiu hắt? Không, gã chẳng có thể là một nhà thơ ưa những điều sâu muộn.

Mà chính chỉ vì những ngày lạnh lẽo tới, gã phải thương yêu vợ gã nhiều quá nên lờ phờ cả người ra. Biết rằng nên buồn hay nên vui!

Thì gã buồn như một kẻ ốm. Nhiều lần, cũng hứng tí đánh đu, nhưng gã lại lười linh chui vào vòng đu của vợ để cho vợ đẩy vòng, mà gã cũng được hí hửng đẩy theo. Hai con chuột lồng chung vào một vòng. Tiếng lạch cạch đi chậm, nặng và rên ra.

Vợ hẳn vẫn như thường và như thường. Đôi mắt đỏ mà sáng. Bộ lông của nàng trắng nuột, óng ả. Dạo này trở rét, lũ trẻ bỏ vào lồng cho vợ chồng chuột một nhúm tơ rối để làm chăn. Lúc nào đánh vòng đã chán chân, chị ả ra rúc vào những sợi tơ vàng nõn, dựng đứng hai chân lên, ngủ với chồng.

*

* *

Chiều ấy, chuột vợ thức dậy, bò ra ăn gạo. Gã chồng vẫn say sưa ngủ một giấc mệt mỏi. Nàng đứng bên vành đĩa, hướng nhìn ra ngoài lồng. Nhưng nàng chưa nhìn ra ngoài như thế bao giờ. Nàng vốn không hay có tính vẫn vợ như chồng.

Mặt trời đã gác núi, nhưng ráng vàng còn lên đở xuống cả lùm tre. Thực chẳng phải vì bóng hoàng hôn u uất mùa đông mà nàng nhìn ra. Mà vì một cơ mọn khác. Chỉ tại nàng nghe thấy tiếng sột soạt ở bên khung lồng. Thì ra, có một bộ ngựa nhỏ ở đâu lạc lồng tới đậu vào thành lồng. Hình như gió đánh con bộ ngựa nhỏ này rơi từ trên cây xoan xuống và bám được vào đây. Bộ ngựa mới ra ràng được ít lâu. Cánh chưa mọc dài đủ và màu người chưa xanh thắm. Đôi gươm hây còn mềm, chưa có vuốt đen cứng và nhọn. Cái đầu bẹp của nó lồi ngang hai mắt sang hai bên, đu đưa nhanh nhẹn trên hai khác cổ dài nghêu. Nó đứng dùm dỏ bốn chân, ghéch nhìn, như để ngắm xem nơi này là nơi nào?

Nàng chuột bông được trông thấy một con vật nhỏ và xinh. Cái màu xanh mơn mớn ở mình bộ ngựa nom đến là ngon. Không ngần ngại, chị rón rén tiến đến mép lồng, thò mõm ra, ngoặp luôn chú bộ ngựa. Chú bộ ngựa xấu số chưa kịp giờ hai càng lên thủ thế thì cái cổ đã bị gãy gục. Và trong khoảnh khắc cả người nó đã trôi vào mõm chuột.

Một mạng lớn giết đi một mạng nhỏ, êm như hơi chiều lặng lờ sang.

*
* *

Đêm ấy, không có tiếng rợn lóc cóc của cây đu. Cả hai cây đu cùng im ắng. Thiếu những tiếng động quen thuộc, canh khuya mới tẻ làm sao!

Sớm hôm sau, người ta ngó thấy nàng chuột cái béo tốt, nằm chết còng queo ở bên tùm rác tơ. Bốn chân nàng rụt rúm lại. Cái lưng nhỏ cong khum lên. Và mõm nhọn của nàng thì há hoác. Dòm vào trong: còn cái đuôi bộ ngựa xanh xanh thò lò ra. Ôi! Cổ của nàng chuột bé quá, không đủ lối nuốt thoát được anh bộ ngựa. Nó tắc tị lại. Thế là nàng chết. Nàng chết nhẹ như một người chán cõi đời này, bước lên một chiếc ghế, cho đầu vào một cái thùng lọng bằng cái thùng đay rồi rún chân đạp đổ ghế, cứ vậy mà đu đưa lửng lơ cho đến lúc tắt thở, thè dài lưỡi ra. Để sang tìm ở *bên kia (?)* một quãng đời vui vẻ nào đó.

Nàng chết từ bao giờ, không ai hay. Gã chồng nàng cũng không biết chi cả. Bởi vì gã còn đương mải ngủ, dạo này gã yếu thì gã càng

ngủ say tợn. Chim chích chòe hót sáng dưới bờ ao, gã cũng không nghe tiếng. Cho mãi tới khi ông mặt trời đỏ gay nhô lên, xua ánh sáng vào nhà, đánh thức lũ trẻ dậy thì gã cũng mới bừng thấy vợ gã nằm chết ngay dưới chân. Gã nhìn, bằng đôi mắt đỏ thường ngày, lạnh lùng và rất tự nhiên.

Rồi gã chui ra khỏi mớ rác. Gã bần thần bò đến bên đĩa gạo. Gã nhấm một hạt. Gã chạy quanh lồng vài vòng. Cuối cùng gã lại men đến, chúi đầu vào mớ rác tơi, dựng đứng hai chân lên, lim dim hai mắt, làm một giấc ngủ khác.

Như là chẳng có sự gì là thay đổi ở quanh mình. Tối đến người ta cũng lại nghe tiếng gã đánh vòng đu lóc cóc.

*
* *

Từ đó, gã ở trên đời một mình. Ở trên đời để ăn gạo, đánh vòng và để đi ngủ dựng đứng hai chân lên. Gã đã khỏi ốm. Không có đàn bà thì chừng như gã khỏe khoắn lắm. Lông gã mượt bóng và trắng nõn. Một mình đánh cả hai cái vòng – lúc chạy bên này, lúc chạy bên kia, nghe rộn ràng, cũng vui. Mỗi buổi chiều, trước khi xuống ăn gạo, gã vẫn có thói quen nhìn và nghe ngóng ra ngoài lồng. Như là xem và đợi hoàng hôn bâng khuâng lắng đến.

Chính gã cũng không biết mình đã góa vợ. Tôi thì tôi chỉ rõ được rằng bây giờ gã đã khỏe, đã mạnh và hoạt động hơn khi gã có đàn bà ở chung. Gã thậm thọt chạy đi chạy lại, nhanh thoăn thoắt.

Thằng này là thằng bạc tình chẳng?

Cũng chẳng có lẽ!

O chuột, tập truyện ngắn,
Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942.

ĐÔI GI ĐÁ

(Truyện ngắn)

Ít lâu nay có một loài lạ lạc vào vườn. Anh chim sẻ xưa nay vẫn to hó đứng trong đầu nhà, kêu tặc tặc không được điềm tĩm và đều đặn như mọi khi nữa. Ra vẻ sáng sốt. Như thế anh lo rằng có những kẻ lạ nào đương dò dẫm, tìm kiếm nơi ẩn trốn ở trong vườn nhà mình.

Quả đúng như nỗi lo của sẻ.

Có hai con chim gi đá, mấy bữa rày, thường lai vãng đến vườn. Chúng nhấm nhốt chuyền cây bưởi sang cây khế, đến cành hồng bì. Sẻ ta đứng bần khoăn nơi nóc hồi, nhón nhác nhìn ra điệu ghét lăm.

Bấy giờ là đầu mùa đông. Ngoài ruộng, lúa chín vàng hây. Những bông thóc nếp mập và tươi ong óng, trĩu gù lưng xuống. Màu vàng san sát trải cánh đồng làng Nghĩa Đô mênh mông đến tận bờ tre làng Phú Gia.

Theo với mùa lúa, từng đàn chim gi bay về mọi cánh đồng. Và hai gã gi đá kia thần thơ vào trong vườn này.

Đó là một đôi vợ chồng. Chàng và nàng. Có lẽ là đôi vợ chồng mới cưới nhau về thu vừa rồi.

Nếu nói so sánh, ta có thể nói so sánh rằng đôi chim gi ấy tựa một cặp vợ chồng quê mới rủ nhau lên tỉnh. Họ lờ khờ, ngẩn ngơ, xấu xí – nghĩa là đặc nhà quê! Họ thuộc loài nhà gi đá chính tông. Và hiệu là gi sừng. Người loắt choắt, bé chừa bằng gi cam, mà lại bé hơn cả chim sẻ. Trông một gi đá chỉ bằng nửa chim sẻ. Vừa như chiếc hạt mít mẫm mập, có dính chút đuôi. Đôi mắt nâu lơ lơ. Cặp mỏ ngắn, cục mịch thây lẩy trước đôi mắt như một viên cuội xam xám. Lông màu nâu, mượt trơn và mịn. Đôi chân cũng xám như mỏ. Ở con chim gi, có hình bóng một thứ người cù rù, nhưng nhẩn nại, lam lũ, và luôn luôn chân lấm tay bùn – thứ người cần lao của đồng ruộng.

*
* *

Một buổi sáng, vợ chồng gi ở đầu sà đến cây bưởi. Chúng kêu kéc kéc nho nhỏ. Thế là, trên nóc nhà, anh chim sẻ lắng tai nghe tiếng cũng tặc tặc âm ỉ. Đáng hản chàng ta chửi đứa nào dám vào nhà mình. Nhưng chỉ nỗ mồm công kích suông thế thôi, không dám xuống tận nơi.

Vợ chồng gi đá điềm nhiên, chẳng để ý đến sự lèm bèm đó. Nghe như một chiếc lá rơi, và cũng lẩn ngay vào lá, không động tĩnh gì hết. Nàng bay theo chàng, nhưng bay hơi nặng nề, đôi cánh vỗ xè xè, bởi người nàng có đầy đà chút đỉnh. Không hiểu nàng gi đá đã có con lần nào chưa, chứ thực trông nàng chẳng được gọn mấy. Đầu bơ phờ. Lông bụng bạc phếch. Cườm ngực, cườm cổ không đen nhánh và bóng mượt như của chàng. Có cái lối của những người đàn bà xười xinh, khi còn thì con gái, ăn mặc xốc xếch, chẳng thiết đến điểm trang gì nữa.

Chàng xáo xác trong cây hồng bì. Cây hồng bì thấp nhưng dày lá. Vả lại, với một anh gi bé bỏng, thế đã là khá cao rồi. Nàng cũng sạo sục trong cây, như kiếm chác một cái gì. Chẳng có lẽ. Họ tìm chi trong tùm lá hồng bì đó? Loài gi đá không thể biết ăn sâu. Đâu có bóng lúa vàng, ở đấy. Kia, đôi vợ chồng lại bay ra đậu ở một cành cây cụt. Họ nghiêng má, nhìn trời. Trời cao và xanh, không cùng. Vụt một cái, bốn cánh bay đi loang loáng.

Người ta thấy ở ngoài đầu xóm, hai vợ chồng gi đá đến đậu trên một mái rạ cũ. Rạ đã bạc trắng và nát mủn. Chị chim gi hé mở mỏ vào cuống rạ. Anh cong đuôi lên để lôi cuống rạ nứt ra. Khi đã lôi được, anh quắp lấy và bay vụt đi. Cô ả cũng bay liền ngay theo. Họ bay về cây hồng bì. Cây hồng bì ở ngay trước sân, bên cạnh một bể nước. Những lá mùa đông, rụng xuống, vàng úa trên gai nứa. Chàng đặt cuống rạ vào một cành hồng bì kín và cao nhất. Rồi họ lại bay đi, vợ theo đuôi chồng, đến lấy rạ ở lớp mái nhà nát đó. Chị mỏ và anh kéo. Dù được mẩu dài hay mẩu ngắn, anh không phiền hà, quắp ngay lấy, mang về cây. Công việc cứ thế, đều đặn suốt ngày, như người ta mắc cửi.

Được chừng ba hôm, bác chim sẻ bay qua cây hồng bì, đã thấy trong đó có lù lù một nắm rạ lòng thông, bắn thủ như một mớ rơm rửa bát. À, ra hai vợ chồng con gi đá đến ngụ cư ở nơi này. Họ đương xây nhà.

Bao nhiêu công việc xây dựng, người chồng phải đương lấy tất cả. Chàng tha rác liên liền về cây. Chàng xếp đặt cho thực khéo, thực gọn. Trong khi ấy, nàng chỉ biết có việc mổ đứt cuống rạ và việc bay nhớn nhỡ theo chồng. Thỉnh thoảng nàng lại khẽ ca kéc kéc, như để khuyến khích hoặc nói bông cho chàng được vui vẻ. Chẳng hiểu chàng có thấy vui vẻ không, nhưng chàng vẫn hậm hụi, cặm cụi làm như thường.

Chàng đặt móng cho nếp nhà mới bằng một lớp rạ. Rồi chàng đi tìm ở những bẹ cau và bẹ dừa lấy những sợi dây rất nhỏ. Việc tha những sợi dây này vẫn là việc của những người chồng chịu khó. Chàng đem về, đánh đai rất xinh, vòng trong những cuống rạ, dựng thành một khung tròn hình lòng tổ.

Cái lòng tổ êm ái đã hoàn thành, sau ba ngày chịu khó.

Bây giờ chàng đi tìm lá khô. Chẳng biết chàng mò mẫm thế nào mà tha về được từng nạm lá ruối, đem chất lù lù cả lên xung quanh thành tổ. Mỗi chuyến chàng mang về chừng đôi ba tờ lá nhỏ.

Một chuyến kia, vợ chồng gi đá song song bay từ ngoài bờ giậu vào vườn. Vừa sà xuống cây hồng bì, anh gi đá đã hoảng hốt buông rời mấy chiếc lá, cuống cuống nhào lên, bay tít tắp ra tận ngoài đồng. Chị vợ cũng nhớn nhác ruối theo.

Có gì đâu! Dưới gốc cây hồng bì lộn xộn bao nhiêu là người. Khấp sần, đầy đống những lượm lúa vàng rươi. Người ta kê một chiếc cối đá hồng đá ra đấy. Từng lượm lúa chắc nịch cặp vào hai thanh tre, rồi người ta đập lên cối đá từng hồi, cho thóc rơi vung vãi ra bốn phía. Họ vừa làm, vừa cười cười nói nói ồm ồm, cả đàn ông lẫn đàn bà. Thấy thế, vợ chồng nhà gi đá sợ hết vía. Không dám bén mảng về nữa. Nói của đáng tội, chiều hôm đó, cậu mợ cũng về. Nhưng ở sân vẫn còn tíu tít ồn ã những người, nên lại phải vội vàng bay đi. Sáng hôm sau, chàng lại về. Mỏ có ngậm rác cẩn thận. Song người ta vẫn thi nhau đập lúa thành thịch. Chàng lại bỏ đi, để rơi mấy chiếc lá khô xuống đất.

Người đập lúa trong sân, bác sẻ mon men xuống kiếm chác, nhặt những hạt thóc rơi rụng. Không thấy bóng vợ chồng anh gi đá đâu. Ý chừng bác ta hả hê lắm.

*

* *

Gió may dạt dào, đang lúc lác những cành hồng bì mảnh khảnh. Cái tổ hoang kia, không chim nào chăm nom đến, những cuộng rạ ở xung quanh, đã ải sẵn, cứ trệ xuống dần. Rồi nó chỉ còn là một nắm rác rưởi, một nắm bụi nhùi của một đứa trẻ nào gài vu vơ lên đấy. Hai con chim sợ loài người đã bỏ phí mất một cái tổ đương dựng. Nó sắp rơi xuống cỏ mát.

Công việc gác hái đã xong. Sân vườn lại trở về hiu quạnh như thường ngày. Chỉ còn tiếng anh sẻ rên rĩ. Cây hồng bì, không phải mùa quả, hoang vắng và lạnh lùng như một cây rừng. Đôi chim gì chẳng trở về nữa?

Không, họ lại trở về. Một hôm, từ lúc trời vừa rựng sáng, đã nghe có tiếng lạt sạt trong cây. Bấy giờ bác sẻ chưa trở dậy. Đêm khi trở dậy, ra đứng ngoài đầu ống, thì bác đã thấy vợ chồng gi đá đang nối đuôi nhau tha rác về cây hồng bì. Bác lại trông xuống mà hé cái mỏ, bắt đầu kêu khan kêu vã. Họ tha về những cuộng rạ nát. Lại những cuộng rạ nát nhũn! Bởi vì họ lại bắt đầu. Nghĩa là vợ chồng chim gi lại kỳ cục xây lên trên cái ổ dở dang kia, một cái ổ khác mới nguyên. Lại những cuộng rạ mục, lại những dây dợ ở những bẹ dứa, bẹ cau. Lại những chiếc lá duối khô, đã quăn quăn. Và lại vẫn anh chồng còm còm tha rác suốt ngày để cho chị vợ thần thơ bay theo. Có khi chàng bắt được ở đâu cả một mảng mạng nhện nhăng nhít, cũng lôi thôi tha về.

Chẳng bao lâu, cái tổ đã có lòng trũng xuống, và những chiếc lá khô thì làm thành một vòng cao lên. Ở trên trông vào, tựa hình một cái rổ bé tí tẹo của trẻ con chơi. Giá ở nhiều loài chim khác, như chào mào, sáo sậu, ắt cái tổ kia đã được khánh thành. Nhưng với gi đá, chàng chưa thể gọi thế là xong được. Họ còn tạo tác thêm. Nói là họ cho ra vẻ có vợ có chồng mà thôi, kỳ thực công việc xây dựng đều do mỏ và chân của anh chồng. Chàng nựng vợ đủ điều.

Chàng ta đi kiếm ở các xó vườn lạ về những cẳng lá xoan, cẳng lá khế đã khô đét. Chàng xếp thành từng lượt ngang lượt dọc trên nóc tổ. A! Anh chàng lượ một cái mái. Cái mái nhà để che mưa và che nắng. Chàng lại đi khuân lá duối, khuân cẳng rạ về và xếp một lượt dày lên trên những lượt cẳng. Xong xuôi đâu đấy cả rồi, chàng loay hoay khoét một cái lỗ. Khi đục xong lỗ, vậy là lúc công cuộc làm tổ đã hoàn thành. Chàng chui vào trong tổ kêu lên mấy tiếng *ke ke*.

Ở ngoài vợ chàng cũng đáp lại như thế. Chàng liền bay ra, đứng cạnh nàng, tổ vé âu yếm. Chàng xích lại một chút. Chị vợ cũng dún đôi chân và rung rung đôi cánh. Hai cái chúi vào nhau. Đôi chim hoan hỉ nhìn nhau, và cùng xù lông ra giữ thành phạch. Chúng khoan khoái bay tung tăng đi vu vơ đâu một lúc, rồi lại trở về, cùng chui tọt vào tổ. Cái tổ kín và riêng tây như một nếp nhà của người ta.

Thế là tổ đã làm xong. Trông nó xấu xí tựa một mớ rác lộn. Song đó chỉ là cái bề ngoài không quan hệ thôi. Nay, chúng ta hãy đến gần, ló đầu vào một tí, xem. Đường cửa tổ tròn, xung quanh nhẵn thín, chui ra chui vào rất gọn, không vướng víu mảy may. Cái tổ thì êm và mịn, vừa chỗ cho nàng gi cái nằm. Gi đực chỉ rón rén nằm ghéch bên cạnh. Hai cái mỏ cùng chìa ra phía cửa.

Từ hôm ấy, sớm mờ mờ đã nghe tiếng di động lạt sạt trong cây hồng bì. Họ đùa nhau. Họ hôn mỏ nhau. Và có tình yêu luôn luôn. Chị vợ chỉ nằm xù xù trong tổ cả ngày. Nàng ấp dạn cho những ngày sắp sinh trứng. Đến khi hoàng hôn xuống, thì cả hai vợ chồng cùng chui vào tổ, nằm châu mỏ ra ngoài cửa.

Họ chờ ngày đẻ trứng.

*
* *

Những gã chim hót đen chậm chụi mỏ vàng bệch, đã từ phương xa bay về. Đó, những dấu báo hiệu của mùa lạnh sắp đến.

Gió may trở về đã từ lâu, hiu hiu và hiền lành. Nhưng chiều ấy, gió may bỗng trở mạnh và đột nhiên hóa cái kinh, nổi cơn đùng đùng. Trời đất âm u sẫm lại. Từng làn mây nước lớn xám xịt, chuyển vận theo gió, bay xuôi hõn độn, tới tấp như ở trong một cuộc thay đổi kỳ lạ của vũ trụ. Sáng hôm sau, trời đổ mưa xuống đều đều nhưng không to lắm. Vòm không mù trắng những nước. Và trời cứ mưa đều đều, lại dài, nhỏ nhẹ như thế, hết ngày ấy sang ngày khác. Ông mặt trời đã đi đâu mất, để cho trời đất cứ thi nhau khóc ra mưa ra gió. Người ta đều phải ở trong nhà. Đường cái trong làng lầy lội, bùn xám ngập cao tới lưng ống chân.

Đôi chim gì cũng phải ở trong nhà. Chúng nằm ro ró mà nhìn ra xem mưa. Chao ôi! Cái thứ trời gì mà cứ xối mãi nước xuống, xối mãi

nước xuống. Mưa ba hôm, đôi chim đã bắt đầu thấy buồn buồn. Mưa được bốn ngày thì lạnh lạnh. Những hạt nước đọng ở trên mái tổ rích vào, thấm xuống, ướt hết cả xung quanh. Nhưng sự lạnh và sự thấm nước đó chưa đáng để ý bởi đôi chim mặc một bộ lông dày và họ có hơi nóng của nhau. Song chúng không dám bay ra ngoài. Nằm nhìn đôi cũng đã thường quen, không hề chi. Trời vẫn mưa. Bây giờ lại có những giọt nước mới nữa đến, lá và cành khô không chịu thấm được hơn. Chúng lăn trên mái tổ rồi rỏ tạch tạch xuống đầu vợ chồng gà chim gi. Lại có thêm gió. Gió đu đưa cành cây hồng bì. Từng loạt nước rơi xuống rào rào, liên tiếp. Vợ chồng gi đá xù lông ra lắc bụi nước. Nhưng rồi bụi nước – tuy đã lắc mãi – cũng bám được vào lông chim. Hai cái đầu thấm nước, bết lông vào với nhau, bé tọp hẳn lại. Trông thảm như hai người ốm liệt giường mà bị cạo trọc đầu. Lúc này, lúc mà vợ chồng chim gi không thể nén được nữa. Nếu họ không đi tránh mưa, nước cứ rỏ tạch tạch luôn vào đầu thì đến chết rét mất. Bởi trời lạnh. Buổi sáng, người ta mó tay vào trong nước thấy buốt thon thót. Mưa thì liên miên. Giọt ranh chảy rinh rích xuống bốn bên xung quanh nhà.

Cho nên một hôm, hai vợ chồng chim gi đành lòng rời cái tổ ẩm ướt, đi tìm một mái nhà nào kín đáo để tạm ẩn. Chúng bay đi trong bụi mưa, bốn cánh vỗ nặng nề. Bây giờ mới là xế trưa, nhưng trời đầy mây xám và trắng những nước, nên tưởng như trời đã sắp tối. Vợ chồng gi rời tổ, bác sẻ già kia không biết. Mấy bữa nay mưa gió, bác ta rúc tránh vào tận đáy ống tre.

*
* *

Nhưng vẫn còn cuộc trở về của đôi chim. Ấy là một ngày mùa đông có nắng, sau trận mưa ghê gớm liên miên đến nửa tháng. Mọi vật vẫn chưa khỏi ẩm ướt. Nước ẩm nhiều quá. Bức tường ngoài ngõ, rêu thảm lên xanh om. Tuy nắng, nhưng nắng chưa đủ gây ẩm. Không khí vẫn phảng phất hơi giá.

Đôi chim gi lìa tổ, ngơ ngác ở đâu về đậu bên cây bưởi. Bác sẻ ở dưới sàn, đứng trong ánh nắng để hong lông, hong cánh, trông đôi chim đáng ghét liền bay vù lên nóc nhà và kêu choe choe như bị ai bóp cổ. Chàng gi đục liệng vào trong chòm lá hồng bì. Chàng vào

trong tổ. Trận mưa cũng có làm hư hại mất đôi chút. Mấy chú nhện lạc lộng nơi nào tới đã chằng mạng kín cả cửa ngõ. Gi ta mới tức làm sao! Hấn mổ luôn cho mấy mỗ tan hoang cả khung cửi nhện. Vào trong tổ, hấn dùng mỏ và cẳng, bới xếp, dọn lại một lát thì giường nệm lại phẳng phiu gần được như cũ. Hấn chui ra, nhường chỗ cho vợ vào. Chị ả lại nằm xem xếp, thò chiếc mỏ ngấn ra cửa.

Và hai vợ chồng lại luôn luôn thay nhau ấp tổ. Mười hôm, gi cái đã đẻ ra một chiếc trứng nhỏ xíu. Trước sau chị đẻ ra được bốn chiếc trứng chỉ hơi nhỉnh hơn bốn củ lạc lớn, màu trắng đục, có lốm đốm nâu, nằm đều đặn, gọn thon lỏn trong lòng tổ. Chị gi phải xòe lộng bụng ra mới đủ che kín được cho cả bốn trứng.

Trong cái tiểu gia đình này, người ta nửa mừng và nửa lo. Sáng ngày ra, hai vợ chồng hát nho nhỏ. Họ hát ra sao? Chỉ có mỗi một điệu hát *ke ke*. Và riêng khi nào vui lắm, âu yếm nhau lắm, họ mới rung hai cánh mà làm điệu mỏ *ri ri ri...* Họ ăn ở dè lén, bình lặng chịu khó, ít ồn ã. Cuộc đời trôi chảy âm thầm dưới khu lá xanh, y như cuộc đời của những người Nghĩa Đô, cần cù và nghèo khó trên cái khung cửi, trong bốn lũy tre già. Họ ít nói năng. Trái hẳn với loài sẻ lấu tấu, luôn mồm kêu lải nhải.

Bốn trứng đã tới kỳ nở. Những cái mỏ non nớt tự mổ rạn bốn vỏ trứng để thoát ra. Thế là bốn con gi nhỏ vào ánh sáng. Mẹ chúng nhảy ra cửa, đứng doạ ngó bố của chúng đứng gần đấy. Bốn con mắt nâu đục nhìn nhau lơ lảo.

Bây giờ cái tổ là chiếc giường của người đàn bà con mọn. Bữa bãi đầy những vỏ trứng vỡ, bần thiu như mấy cái tã. Líp nhíp bốn nhách chim đỏ hỏn. Mụ gi cái lại càng phờ phạc, dờ dãn tợn. Anh chồng cũng ra vẻ lo lắng thay! Song giờ đương là đầu tháng chạp. Không còn mưa của tháng bảy như trận mưa tầm tã hôm xưa nữa. Thời tiết lạnh, nhưng hanh và khô cứng.

Bốn con gi cũng đã nhón nhao. Bố mẹ chúng rạc cả người, về nỗi kiếm mồi nuôi con. Chúng lớn dần dần cùng với tết nguyên đán cũng lần lần nghiêng đến với mọi người ta.

*

* *

Năm nay, ở Nghĩa Đô, người ta ăn một cái tết Nguyên đán không vui. Bởi vì làng có mỗi nghề làm linh. Linh, lụa lại ế. Hàng dệt ra không thể bán đi được. Chẳng có ai mua. Nhiều khung cửi phải xếp lại. Những guồng to bỏ trống. Văng tiếng lóc cóc han gỉ của cái vẩy tơ. Ngày phiên, không có những bác thợ cửi say rượu, mặt đỏ gay đi chệnh choạng trên đường cái làng. Công việc chẳng có, bao nhiêu dấn vốn đều hết cả, người ta phải đi quấy đất thuê, đi làm thợ nề và đi lên tỉnh Hà Nội kéo xe. Có những kẻ liều linh đã ký giấy “mộ phu” sang nước “Tân Thế Giới”.

Cái tết hững hờ đến với sự lạnh nhạt. Giá gạo cho tới ba đồng rưỡi một chục đấu nhỏ. Xưa nay chưa cao như thế bao giờ! Túng quẫn quá, người ta không cần và không thể nghĩ đến lo tết lắm nữa. Hàng lá dong vào làng rao ơi ơi, rồi lại ê hề quẩy ra. Làng mạc buồn teo.

Chiều hôm ba mươi, cả làng vắng lạnh. Ấy là một buổi chiều bồn chồn và khó chịu. Người ta ở cái hoang hôn u uất đó để đợi một năm mới vẫn hằng mong ước sắp đến. Một năm mới đầy những bí mật của hy vọng còn khuấy ở bên kia một lần lặn mặt trời và một đêm đen thẳm, nặng trĩu nữa. “Nhờ phép tổ”, mà nghề nghiệp có được khá khấm chăng!

Gia đình tôi cũng không còn phong lưu như xưa nữa. Ngay mừng một không có pháo để đốt. Tôi mặc tấm áo vải chéo go cũ, đi đôi guốc sơn bóng nhoáng, đầu vuốt nước lã lên để rẽ cho được mượt. Tôi thơ thẩn trong cổng, hai tay thủ túi, buồn ngẩn ngơ. Cả làng, chỉ có vài nhà đốt pháo. Nghe lẹt đẹt như gõ mẹt vậ.

Nhưng sáng ngày mừng hai, nhà tôi được tiếp một người đến lễ tết. Khách có đem theo một bánh pháo: bác Quyền Vực, người bên làng Phú Gia, một học trò “tam tự kinh” ngày xưa của ông ngoại tôi. Bác Vực đi lính, tết được nghỉ phép về chơi quê.

Bác ăn vận rất ngộ. Đầu bác đội chiếc mũ tây lợp vải vàng và mặc quần áo cũng màu vàng, xù ra. Bắp chân quấn xà cạp chặt chẽ lên tận đầu gối. Bác dặn đôi giày có cổ rất lớn, da mồi théch như da cóc. Đi nện gót trên sân gạch, nghe kêu kệt kệt, đến ghê.

Lặc cầm bánh pháo của bác Vực, đem ra sân. Bánh pháo dài chưa đủ một gang tay. Hấn treo lên trên cây hồng bì. Rồi hấn cầm một cái sào dài, đầu có mỗi lửa, một tay bịt tai, một tay run run,

châm. Pháo bén lửa nổ xì toạch, xì toạch toang toang. Mười cái xác pháo toàn hồng rắc ra sân như những cánh hoa đào bích.

Con Đực đương quần dưới bếp, đột nhiên nghe tiếng pháo hốt hoảng chúi cổ, cúp đuôi chạy biến ra ngoài đồng. Nó sợ. Lạc phai đi tìm và lòi nó, nó mới dám về.

Nhưng cái gia đình chim gi ở trên cây hồng bì thì không bao giờ còn về nữa! Sớm ấy, bỗng nghe tiếng pháo kinh khủng nổ vang động trong cây, cả nhà cuống bay đi. Những con chim nhỏ ngã xuống, cũng cố vỗ cánh mà bay ngoi ngóp. Tan tác mỗi người về một phía. Ai cũng lạc lõng! Tội nghiệp, bốn con gi nhỏ mới ra ràng, ngày nào chúng cũng đứng chen chân nhau ở cửa tổ để ngơ ngác nhìn ra xung quanh và nhìn lên trời. Bố mẹ chúng thì lượn xập xè như muốn bay cho các con bắt chước.

Sớm ngày mừng hai tết nguyên đán ấy, sợ những tiếng pháo nổ một cách rất vô tình ở dưới gốc hồng bì, đôi vợ chồng gi đá chịu khổ và nhẫn nại kia, cùng một đàn con thơ dại, tan tác bay đi, không bao giờ còn trở về cây nữa. Chẳng ai biết được cái bầu đoàn khốn khổ ấy long đong bặt đi đâu và về sau ra làm sao.

Đến độ tháng ba năm đó, đương mùa hoa bưởi nở, cũng có một đôi gi lảng vảng đến vườn – biết có phải những gã chim cũ? – song chúng chỉ đậu trong cây bưởi một lát. Bác sẻ già đứng trong đầu hồi, ngó cổ xuống, trông thấy liền kêu tặc tặc rộn rã như muốn khơi chuyện cãi nhau.

O chuột, tập truyện ngắn,
Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942.

VỢ CHỒNG TRẺ CON

(Truyện ngắn)

Hai vợ chồng lấy nhau từ tháng mười năm ngoái. Tháng ba đi hỏi, tháng mười đón dâu. Nhà trai, nhà gái cùng giết bò, mổ lợn và nhà trai lại còn đón cả nhà trò bên Bắc về hát. Ăn uống linh đình.

Hôm cưới, một người kếp xách đàn đi với cô dâu sang tận bên làng nhà gái, ngồi trước hương án, đàn hát – vừa hát thờ, vừa để “các cụ bên ấy cùng nghe vui chung”. Hai họ vui vậy, tưng bừng.

Nhưng chỉ hai họ là vui những nỗi vui ăn uống, đàn hát ấy, mà cô dâu và chú rể thì mỗi người lại vui, buồn ra một thể khác.

Chú rể thú lắm, hả hê, sung sướng như mở cờ trong bụng. Bởi vì khắp nhà mấy hôm nay ồn lên, ken ních những người. Lại đốt pháo, mổ bò. Các bạn của chú rể kéo đến chơi đầy sân, đầy vườn. Cả những đứa mọi khi vẫn thù, vẫn giã nhau với chú, bây giờ cũng theo người nhà len lén đến ăn cỗ. Song chú rể rộng lượng, chẳng để ý gì. Với ai, chú cũng cười. Trong túi chú xủng xoeng tiếng tiền. Chú đi nhặt pháo xì, đánh lú, ngồi xem thui bò. Và chú nhảy tâng tâng.

Có gì đâu, ấy là một thằng nhãi, vừa chẵn mười tuổi. Người quen vẫn gọi là thằng cu Phúc. Bố mẹ nó, ông bà xã Ngưỡng lấy vợ cho nó. Vợ nó là cái Ngói, con ông bà Hương Cải. Cái Ngói mười hai tuổi. Không bao giờ, ai lại có lúc nghĩ rằng chúng còn non nớt quá. Người ta chỉ biết so đôi tuổi chúng hợp thì những người khăn đóng áo dài bưng đến nhà cái Ngói một mâm chè mạn. Bắt đầu người ta chế nó là vợ thằng cu Phúc. Nó chửi những đứa nói như thế. Rồi một hôm, nhà bỗng ồn ào những bà con xa gần. Người ta đi tậu bò, người ta đi mua lợn. Cái Ngói cũng theo mẹ, rửa và thái từng rổ lớn dưa cải xanh xanh. Ngày cưới đã đến đấy. Họ nhà trai sang rước dâu được giờ lành, từ lúc gà mới gáy sang canh và trời chưa tan sương. Cái Ngói mặc áo the mới, ngồi ôm mặt khóc thút thít.

Mấy đứa bạn cái Ngói, cái Bí, cái Đào vào buồng dỡ Ngói và dặt Ngói ra. Nó khóc um lên. Nó gọi bà Hương Cải âm i. Rồi nó chun lại, khiến cho mấy cô kia phải lôi hai tay. Làm như người ta dọa trẻ sắp đem giết thịt nó. Chị em kèm riết nó hai bên nách kéo đi. Bởi các cô và các cụ sợ Ngói chạy tụt mất. Ngói khóc e é giữa những nếp áo mới, giữa đám cưới đi dài, lặng lẽ trong khói hương và bóng đêm còn âm u.

Chú rể Phúc thì len lỏi trong đám bạn, cười rúc rích. Nó cù nách anh đi bên phải. Nó thụi thàng đi bên trái. Lúc này nó dương ngủ ngon lành ở giữa đồng rơm thui bò thì có thàng lại tìm, kéo tai nó dậy, lôi nó đi đón dâu. Mắt nó vẫn còn cay sè và đóng cứng những nhử, cạy chưa hết. Nghe thấy nói sang bên ấy cũng ăn cỗ, cu cậu cười nhấm mắt lại, háp tấp đi liền. Quên cả mang giày. Lúc đã đến gần nhà gái mới sực nhớ ra, nó toan chạy lại lấy. Nhưng các ông, các cụ bảo không được, phải kiên trở về như thế. Một anh phù rể đành đi chân đất, tụt giày ra nhường cho chú rể vậy.

Sáng ra, suốt ngày và cả đêm ấy nữa, cô Ngây, cô Bí, cô Đào mấy cô bạn đều ở lại bên nhà trai với cô dâu. Vì nếu các cô kia mà về thì cô dâu cũng nhất định vừa khóc vừa chạy theo, ai can cũng chẳng nổi. Các bạn phù dâu ngủ chung giường với cô dâu trong đêm đầu tiên về nhà chồng. Họ đánh tam cúc với nhau. Ông xã Ngưỡng bỏ tiền ra cho các cô chơi vui. Ôi chao! Chú rể có để ý đâu đến cái điều vật ấy! Cứ tu rượu tì tì. Mắt cu Phúc hoa sao lên rồi, lại rúc đầu vào đồng rơm, nó cù nhau với mấy ranh con khác.

Nhưng rồi sau, những cô bạn phù dâu của Ngói ra về. Mình Ngói ở lại, cũng quen dần. Không phải người ta bắt cóc nó, mà chẳng phải người ta hùa nhau đem nó đi chọc tiết, giết thịt. Nó ở nhà này, hoặc về nhà mình rất tự do.

Thành thử nó trở nên có hai nhà để ở, hai bố, hai u để gọi. Và nó có một bạn mới, thàng chồng. Hai đứa trẻ đánh bạn với nhau. Phải, đánh bạn với nhau. Ngói và Phúc chưa hiểu hơn – và có thể chưa biết tới – hai chữ rành rõ ấy.

Ngày lại qua ngày, mùa đông nghiêng đi, cho mùa xuân về.

*

* *

Mùa xuân đã trở về, sang đầu tháng hai. Mọi làng đều có vào đám.

Ngoài vườn, trên các lối xóm, những cây xoan gầy, thân mốc trắng, giơ lên những cẳng tay đen đui trơ trụi, đã trở từng túm lá tơ. Trong những túm lá nhỏ, xanh rờn vân vân ấy, nhối ra từng chùm nụ be bé. Gặp mưa bụi li ti, những chùm nụ nở hoa. Hoa xoan nhỏ cánh châu, tím tím, trắng trắng, vừa nở lại vừa rung phới phới lẫn trong mưa xuân.

Làng Nghĩa Đô cũng vào đám lệ. Cờ bay phấp phới trước đình. Trẻ con xoạc cẳng nện trống thòm thòm cả ngày. Sáng mười hai, anh cả Phúc – giờ, vợ con đứng đẵn rồi, làng xóm phải gọi thế cho được tề chỉnh – cả Phúc cùng với vợ về bên nhà ông nhạc ăn cỗ. Hai đứa ăn mặc trang nhã như ngày Tết. Phúc thấp hơn vợ, bé loắt choắt. Và đôi vợ chồng là đôi chuột nhất tý hơn. Phúc đội vành khăn lượt chít, xum xụp, lẩy xuống đến nửa trán. Trên khoáy, chùm tóc hoa roi dài lòng thòng như cái đuôi đỏ của con ngựa bạch. Bởi đầu nó vừa cao hôm qua, trắng phau như mộng ngựa bạch thật. Nó mặc áo the ba chỉ, ống trùm kín nửa bàn tay. Cái thắt lưng nhiều điều đỏ chót còn dài hơn hai vạt áo lòe xòe xuống gần đất. Nó bước tung tăng, chốc chốc lại thò một tay vào túi đếm mấy đồng hào mới. Nó cười tủm, khịt mũi, nhe mấy cái răng sún, hồng, đen xỉn. Phúc ta thích chí vì được diện bộ bộp và được tiền mẹ cho. Thực chẳng phải thích vì được đi cạnh vợ.

Cái Ngói cũng làm đóm tề. Bộ tịch của cô bé ra lối đứng đẵn hơn chồng. Nó cũng mặc áo the ba chỉ mà hai vạt áo trước thắt quả găng lại gọn gàng. Dải thắt lưng hoa hiên bay phất phơ trước gió. Cái váy lĩnh xùm xòe, gió phần phật, trong mỗi bước đi nhẹ. Ngói vấn khăn nhiều bóng. Nhưng cô ả lại trùm mỏ quạ trùm hụp một tấm khăn vuông láng thâm. Chỉ nom thấy cặp môi ăn trầu đỏ loét và thủng thỉnh, hàm răng nhuộm cánh kiến màu cánh gián, nó làm điệu ve vẩy hai tay mềm mại. Cái nón to vành Kẻ Chuông đội trên đầu, chốc chốc, gió lại đánh ngật ra đằng sau.

Anh chồng đi trước nóng nảy, thỉnh thoảng lại rút giày ra chạy một mạch, rồi thở hổn hển, đứng lại đợi vợ. Nắng mới hoe lên, dịu dàng óng ả. Đường cái sạch sẽ, sáng gọn. Bên lề hoa tầm xuân nở màu đào trên nền cỏ xanh mướt. Những đóm bướm trắng giờn lung linh thành những chấm hoa lung lay trong ánh nắng.

Đi đến đầu làng, Phúc nhìn xuống đình thấy đồ khé những cờ. Bao nhiêu trẻ con đương chạy lạng xãng và người lớn xúm đen xung quanh đám thò lò. Trông thấy đám bạc, Phúc ta mê tí, Phúc quay lại, bảo Ngói:

– Có canh ty không?

– Hầy?

– Thò lò.

Cái Ngói bĩu môi, nguyệt:

– Thèm vào. Có đồng nào cúng đồng ấy đi. Rồi lại ăn cắp của người ta.

Phúc nhe hàm răng sún ra cười. Đúng là đã có lần nó ăn trộm tiền của Ngói. Ấy là hôm Tết vừa rồi, Phúc chơi tam cúc, nướng nhãn tiền. Đêm ngủ, nó lén thắt lưng vợ, ăn cắp được hai hào. Giá Phúc chỉ lấy có thế thì cái Ngói không biết. Khốn Phúc lại tham, lần thêm. Vợ hấn chột thức, túm ngay được tay cu cậu đang rờ rờ. Hai đứa liền đấm đá nhau một trận khá kịch liệt ngay trên giường. Nhưng Phúc cũng đã xơi trôi được hai hào, không chịu buông.

Bây giờ, Phúc biết gạ gẫm tiền của vợ chẳng ăn thua nào. Nó bèn rẽ xuống cửa đình và nói với lên:

– Cứ về trước! Bảo mấy u rằng “đằng này” còn đi đằng này cái đã.

Nói xong, Phúc chúi đầu vào đám thò lò. Nó đặt một hào bạc xuống khe chiếu “tam tứ”. Đánh cầu tài một cái chơi. Người quay cái ngòi đằng đầu chiếu nhắc bồ hạp (cái thúng nhồi đầy chiếc đĩa có con thò lò). Trong giữa chiếc đĩa trắng, con thò lò sáu mặt đỏ nằm phơi mình lên mặt “nhất” có một chấm đỏ tươi. Phúc thua. Tai chú mình đã hơi đỏ. Lần sau, Phúc đánh đuổi khe “nhất nhị”. Nhưng thò lò mở mặt “lục”. Phúc lại thua. Nó đứng ngẩn ngơ nhìn người ta vơ mất đồng hào trắng của nó, bỏ gọn vào cái đấu, để trước mặt. Tai Phúc đỏ, má Phúc cũng đỏ.

Và chỉ một lát sau thì Phúc mất sạch cả sáu hào. Tai, má, cả mũi, cả tay Phúc đều đỏ gay. Vành khăn chụp xuống kín mặt, để hở hảnh cái đầu quả dưa trắng toát và nùm hoa roi râu ngô. Người bên cạnh thấy Phúc đứng ơ ra, liền nói:

– Thằng này đứng chầu rìa thì lui ra, lấy chỗ cho người ta đánh chứ!

Mọi người chen lấn chỗ đứng, vô tình đùn dần dần Phúc ra ngoài

vòng. Bấy giờ Phúc mới kịp nhớ rằng mình còn phải đến nhà bố mẹ vợ. Vội vàng, nó rút giày, lếch thếch chạy vào trong xóm.

Cái Ngói ở trong cổng ngăn, đi ra. Trông thấy Phúc nó bảo:

– Hết nhẩn rồi chứ?

Phúc tiu ngửu, buồn rầu, đi lên nhà trên, thấy ông bà Hương Cải, Phúc liền làm bộ nghiêm chỉnh, chắp hai tay cúi xuống, như bộ hát chèo:

– Lạy thầy ạ, lạy u ạ!

Ông Hương Cải cười:

– Anh cả lên uống rượu với thầy. Kìa khăn anh cả lại chít xuống cổ thế kia?

Bấy giờ “anh cả” mới sờ lên cổ thì quả nhiên thấy cái khăn đóng thòng lọng xuống cổ thực. Lúc nãy vội vã, quên, Phúc đã để nguyên thế mà chạy về.

Một bà cô ông Hương Cải, hỏi Phúc:

– Năm nay cháu bao nhiêu tuổi nhỉ?

Phúc chưa tính xong câu trả lời, cái Ngói đã láu táu trước:

– Cháu hơn nó hai tuổi. Năm nay cháu mười hai ạ.

Mọi người đều cười, cười râm ran. Ăn cơm, uống rượu xong, Phúc chui choáng mặt, mắt đỏ tía lên, trừ cái đầu vẫn trắng hếu. Nó đứng xĩa răng trước hiên, trông thấy cái Ngói dưới bếp, chợt nó nghĩ ra một điều.

Phúc nháy vợ xuống sau vườn, tán:

– Có tiền cho mượn mấy hào, ngày kia phiên chợ đảng này bán trứng gà, thì giả ngay.

Ngói chao mặt đi:

– Thừa của đồ xuống sông cũng chẳng cho những ngữ ấy vay. Chẳng biết dơ!

Phúc tức lắm, mắ mồi, nhìn vợ chằm chằm. Nó giơ quả thui lên trước mặt vợ, nói rít trong cổ:

– Ở đây ông nể một tí, chốc nữa về nhà, mày biết tay ông.

Rồi cu Phúc ngoay ngoáy hăm hăm lên nhà trên ngồi uống nước.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 407, ngày 4-4-1942.

MẸ GIÀ

(Truyện ngắn)

Tiếng chày gieo xuống nhát một, rời rạc. Những cánh bèo xanh nát mủn ra, bết quánh, ôm khít lấy đầu cục gỗ, vít tay bà lão Vối xuống. Bà lão phải khum lưng, gò hai vai, nheo rúm mặt lại, mới bê được chiếc chày lên mà già.

Ở đàng góc vườn, như đã quen lệ, mỗi buổi chiều, khi nghe tiếng chày già bèo thịch thịch, là chú lợn cũng rít gióng lên. Lợn có khác, nó háu đói quá. Nó hếch cái mũi tròn, bẹt, có hai lỗ sâu hoắm hoắm, ướm nhầy nhựa lên cái gióng tre bắc ngang cửa chuồng. Rất tha thiết, nó kêu in in. Nó nhai cùn cùn vào chiếc gióng. Nhưng vẫn chưa có gì, bà lão còn đương già bèo. Quá nữa, nó trèo cả hai chân trước lên cửa chuồng. Cái đuôi ngắn cùn cứ ve vẩy. Hai chân sau giậm lép nhép vào những đồng phân ôi. Nó kêu lên những tiếng mới, to hơn và có tính cách đòi hỏi hơn.

Bà lão Vối quay lại chửi lảm bảm. Tất nhiên là lợn ta chẳng để ý đến câu chửi của bà lão làm gì! Nó vẫn nhe răng ra, nửa cười nửa mếu, mà hé rít từng hồi dài. Bà Vối già đều đều, mặc cho con quái tha hồ gào ăn trong cửa chuồng. Nó kêu, cũng đã nhàm.

Nhưng nó cứ kêu mãi. Nó đòi mang ngay lon bèo đến cho nó. Nó đòi ăn. Nó thét, nó rên, nó gặm then chuồng, nó đập lục đục hai chân. Bỗng, rất tình cờ, một cái then trên cùng văng ra. Loãng một chỗ trống trên đầu con vật. Ôi! Hạnh phúc! Song thực con lợn ngu dốt, chẳng nhận chân được cái hạnh phúc ấy. Nó chỉ, cũng tự nhiên, theo cái đà căng mà tuồi người ra. Bây giờ nó đương bông bông ở giữa cái gióng tre. Hai chân trong và hai chân ngoài. Rồi cái bụng phình, rất to và rất nhẵn, lại tuột theo cái đà đầu làm cho con lợn ngã chúi ra.

Con lợn ngờ ngác, thấy mình đã ở ngoài. Nó ngẩng mũi về phía bà lão Vối hít xuống mấy cái. Và nó ve vẩy đuôi, cúi mõm, lắc lư cái bụng thùng thỉnh đi ra ngoài vườn.

Bấy giờ gà đã nhao nhác sắp lên chuồng. Trông thấy chị lợn đi lững lững, có vẻ không kiêng né gì ai, mấy anh gà ri nháy lùì lại, chúc cổ xuống, mắt dăm dăm giữ miếng từng bước.

Bà Vối không hay biết chi. Bởi vì bà đứng quay lưng lại phía chuồng lợn mà già bèo. Mãi một lúc sau, bà chợt mang máng nghe như vắng đi một cái gì. Phải, đúng như là mới thiếu đi một thứ tiếng. Bà chợt quay lại chuồng lợn. Không thấy lợn. Bà buông chày xuống, đến nhòm tận nơi cái then cửa long xuống. Con lợn đi đàng mô?

Hốt hoảng, bà lão Vối xách cái chày đi không ra vườn. Chiều đã xuống mờ mờ. Mắt bà lão kém, trông lóa lóa, không phân biệt được chỗ nào là bụi cây, chỗ nào là con lợn. Bà gọi vu vơ:

– In in in in,...

Thằng Hạ, ở dưới nhà ngang, nghe tiếng bà gọi lợn, nhòm ra cửa sổ, rồi chạy lon ton xuống bếp mách bố:

– Bố! Bà đánh mất lợn rồi.

Anh trưởng Xuân đang vằn nồi cơm, bỏ chạy ngay ra vườn.

– Cái gì thế?

Bà lão Vối run run:

– Lợn nó leo ra vườn.

– Thế có bỏ mẹ người ta không!

Rồi anh giằng lấy cái chày ở tay bà lão, chạy phăng phăng ra góc vườn. Anh khua loạn xạ vào trong bụi. Con lợn đang đứng ngẩn ngơ bên gốc cây duối, nghe tiếng lạch xạc và thấy lá khô rơi tới tấp trên lưng, vội vàng chạy cuống sang bên kia, sang sân nhà anh đi Ca. Bất đồ, nó gặp con chó mực. Mực ta xả ngay vào cắn. Lợn hoảng lên, chạy dậm bổ vào mấy cái cọc giàn bầu lọ. Giàn bầu lọ nặng trĩu những dây và những quả, vẹo đi rồi đổ sập xuống đầu con lợn. Lợn kêu eng éc, lúng túng như cá quẫy trong lưới. Nó chui ra và nhảy choàng ngay vào trong nhà vợ chồng anh đi Ca. Mọi người trong nhà thét inh ỏi.

Vừa lúc đó, trưởng Xuân chạy sang. Lập tức một cuộc vây bắt con lợn trong nhà được mở ra. Nó chui thông luôn mấy gậm phản. Nhưng không thể ra thoát, vì cửa và lỗ ngạch đã đóng kín. Trưởng Xuân khua gậy. Lợn chạy lung tung. Nếu vợ chồng đi Ca không ôm cột án thư thì đã đổ cả giường thờ! Một chốc, trưởng Xuân tóm được lợn. Nó

ngoặt anh hai nanh vào cổ tay. Máu phun ra, chảy ròng ròng. Anh vẫn không chịu buông và nắm chắc hai chân sau con lợn, mồm môi xách, chạy về nhà.

Trẻ con nghe tiếng lợn kêu âm i, tưởng nhà ai giết lợn, kéo nhau đi cướp bong bóng. Khắp xóm, trong bụi và trên đường cái, rậm rịch những chó và trẻ con ngơ ngác.

Chị trưởng Xuân cũng vừa ở chợ về. Chị đương tru lẫn tréo lợn lên về nồi cơm khê thì trông thấy chồng máu me đầy người, xách con lợn, chạy xông xộc vào. Chị nhảy lên, vỗ hai tay đèn đẹt, xía xói vào mặt mẹ. Bà Vối ngồi rũ rượi ở đầu sân.

– Bà đừng làm hại tôi! Ủi trời ôi! Chồng tôi! Máu kìa!

Bỗng ngoài ngõ có tiếng văng vẳng. Chị trưởng Xuân im mồm, lắng tai nghe.

– Nhà bà đổ mất giàn bầu lọ, lợn nó lại chạy hoảng cả nhà bà. Sao nó lại không biết nhốt lợn nó lại.

Chị trưởng Xuân hiểu ngay rằng người ta đương nói cái gì rồi. Chị te tái chạy ra. Ở giữa đường, chị đi Ca đương đứng chống nạnh hai tay mà nói léo xéo. Không kém, chị trưởng Xuân đối đáp ngay.

Thế là hai người đàn bà nhảy lên cãi nhau om-sòm.

Hai người cùng đương tức lắm. Họ tức lắm thực. Bởi vì họ mới cãi nhau có mấy câu, mới vỗ có vài cái vỗ tay, mà đã xô ngay vào túm tóc nhau. Họ vật nhau huỳnh huych. Cả hai người cùng cời trần mà lẳng nhau. Những bàn tay lều nghều tìm sang nhau. Bạ chỗ nào cũng cấu, cũng véo, cũng xé, cũng lôi. Một cuộc vừa vật vừa đánh rất lợn xộn, không có phương pháp.

Đến khi anh đi Ca vác gậy chạy ra, hai người vẫn đương mãi cuộc đấu. Hai mảnh yếm đều đứt tung, thê lè ra bốn cái vú như bốn quả bầu lọ. Anh đi Ca phết luôn vào lưng chị đi Ca mấy gậy. Chị này hoảng hốt, buông tóc chị kia ra. Thế là cuộc chiến tan.

Anh đi Ca lôi vợ về nhà, vừa kéo vừa đánh. Chị vợ chùn người lại, khóc, chửi và kêu lu loa. Một cuộc đấu khác lại diễn ra riêng cho vợ chồng nhà này. Chị trưởng Xuân hục hặc đi về.

Đêm hôm ấy, bên nhà đi Ca, có tiếng eo éo mãi đến gà gáy. Còn bên nhà vợ chồng anh trưởng Xuân cũng òm lên. Nhưng chỉ có tiếng nói của chị trưởng Xuân. Anh ấy đau tay đi nằm sớm. Bà Vối thì cứ ngồi gục đầu ngoài cửa, mặc cho con gái nói đông nói tây.

Con gái bà nói tậ bà, đã nhiều lắm. Ngày trước, khi bà còn tinh mắt, đi khâu vá thuê cho mọi nhà trong xóm, chẳng phải nhờ vả đến con gái và con rể thì bà còn đỡ cực.

Sự lên nước đã trở thành thói quen. Và chị trưởng Xuân, thực lòng, cũng muốn mắng mỏ mẹ. Bởi chị nghĩ rằng: có nghiệt ngã như thế, chồng chị mới không có thể chửi chị được. Cái phận phải ăn nhờ rể là khổ lắm. Người ta là khách, lấy con gái mình mất tiền mua, gạo đổi. Bà Vối cũng nghĩ gần giống như con gái. Cho nên bà lại càng không nói trả lại con gái bà bao giờ. Hôm xưa cũng như hôm nay.

Bà lão ngồi đầu hè. Hai tay ôm gối, lưng tựa vào vách. Con gái bà ngồi trong kia, nói lải nhải. Bà không để ý nghe. Bà còn nghĩ ngợi liên miên mãi đâu đâu. Có lẽ bà đang mơ màng nghe chị đi Ca khóc lóc nỉ non ở bên kia bờ rào. Thằng chồng con mụ đó cực lắm! Bao giờ vợ đi cãi nhau với người ta, là nó cũng vác gậy ra đánh vợ nó trước. Chắc lúc nãy, khi về nhà, con mụ lại bị một trận. Có thể mới khóc dài đến tận bây giờ! Và bà Vối thấy hởi lòng hởi dạ quá. Bà vốn ghét con mụ nhiều điều ấy lắm. Nếu con gái bà không đương riếc móc bà, tất bà đã kể chuyện tỉ mỉ về vợ chồng nó cho cả nhà biết. Bà cũng thích nghe nhà bên hàng xóm cãi nhau. Bởi vì nhà người ta om sòm thì không bận gì đến nhà mình, mà lại được rõ lắm điều hay.

Bà lão Vối cứ phải nghĩ ra những sự lằng nhằng như thế để quên át những câu mắng của chị trưởng Xuân ở trong nhà vắng ra. Nhưng sao bữa nay nó nói dai quá. Sao hôm đã gần lấp ngọn tre. Cái giọt ánh sáng lóng lánh như sắp rơi xuống. Nó vẫn chưa đi ngủ. Mà bà thì buồn ngủ ghê lắm rồi. Đôi mi mắt nặng như ai đem buộc khít chúng lại.

Tức mình, bà cứ đi vào giường, bà ngủ. Mặc cho nó nói. Nó nói lắm, mỗi mồm nó. Nó nói lắm nó lại phải uống nước nhiều. Nó vừa ngồi vá áo, vừa nói. À, có thể nó mới nói được dai. Nó vừa làm, vừa nói. Không thiệt hại gì cả.

Bà rón rén ngồi vào mép giường. Cái giát tre kêu cọt két. Chị trưởng Xuân ngẩng đầu trông thấy mẹ, sa sả:

– Bà làm hại nó! Bà giết nó đi! Lợn cắn vào tay nó thế, mai nó làm ăn gì được!

Bà Vối chán quá. Làm sao mà nó cứ đổ cho bà làm hại chồng nó. Bà liền nói một câu. Cái câu bà đã nghĩ lại từ chiều tới giờ.

– Tự dung con lợn nó sổ, chứ tao có làm gì!

Nhưng con mụ quát lên:

– Lợn nó sổ? Lợn nó sổ? Thế tôi nuôi bà để làm gì mà bà lại không trông được con lợn?

Và mụ nói nhiều nữa. Bà lão nghe điếc cả tai. Bà nhắm mắt lại, thiu thiu.

– Ối trời ơi! Ăn no ngủ kỹ nhá. Chiều ngày vớt đi một nồi cơm khê đấy. Nhà làm ăn mà cơm khê thì còn ra gì? Gớm chữa, đã ngáy rồi à? Này... này...

Bà lão giật mình:

– Gì hả?

Bà lão chép miệng, nhắm mắt, lim dim đợi cơn ngủ.

– Này... này... Bà ngủ lại hử?

Miễn cưỡng, bà lão đáp:

– Không.

– Bà xuống bếp mà ngủ chứ! Bà vừa định giết nó mà bà lại ngủ giữa nhà nó thì sao cho đàng!

Bà lão Vối lồm cồm bò dậy đi ra, men xuống bếp ngay. Bà nằm vào đồng rơm. Tuy hơi nóng một chút, nhưng xa được tiếng nhe nhẻ của mụ trưởng Xuân. Bà nghe lơ mơ như ai cãi nhau đâu bên hàng xóm.

Sáng hôm sau, hai vợ chồng anh trưởng Xuân và thằng Hạ ngồi ăn cơm, không dả động gì đến bà Vối. Bà lão vẫn ngồi yên trong ổ rạ, nhìn chăm chăm lên nhà trên. Để nghe xem vợ chồng nó có gọi mình? Gọi thì bà lên ngay. Có bao giờ bà biết khọng khạnh đâu?

Nhưng đã thấy lách tách tiếng dũa, tiếng bát, mà không có nghe qua một tiếng gọi. Bà bản thân nhìn mấy ông đồ rau đen sì, bà thở dài.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 413, ngày 16-5-1942.

QUÊ NGƯỜI

(Tiểu thuyết – Trích)

Hời – con bà Vạng, và Ngây – con ông Nhiêu Thục, yêu nhau. Họ vốn là những thợ dệt cần mẫn, khéo tay của làng Nha. Tình yêu của họ được hai gia đình đồng tình và bạn bè ủng hộ. Trước khi cho Ngây về nhà chồng, ông Nhiêu Thục đã cưới vợ cho Toàn, em trai Ngây. Vợ Toàn là Lua, bạn của Ngây, người làng bên. Thoại – bạn thân của Hời, cũng là một thợ dệt giỏi. Thoại yêu Bướm. Tình yêu của hai người không được thuận chiều. Gia đình Bướm không bằng lòng gả con cho kẻ ngụ cư, nhưng, đôi trai gái ấy vẫn cứ lấy nhau.

Cuộc sống bình lặng của làng Nha bỗng nhiên bị đảo lộn. Nghề dệt bị khủng hoảng. Hàng ế, nhiều nhà phải dỡ khung cửi, người đi làm thuê ứ lên. Lại thêm thóc cao gạo kém. Hời – Ngây sống ngày càng vất vả. Hời phải bán khung dệt của nhà sắm hồi cưới vợ để đi làm mướn. Lua – vợ Toàn, ngoại tình, bỏ nhà theo trai. Toàn ốm nặng một thời gian rồi sinh dờ người. Cảnh nhà Thoại – Bướm còn cơ cực hơn. Thoại thất nghiệp. Đứa con mới sinh bị ốm đau quặt quẹo luôn. Gia đình sinh ra lục đục. Tết đến, Thoại đánh liều ra đồng đánh trộm chó để có thức ăn, bị trai làng Thượng đánh như tử. Không còn mặt mũi nào sống ở làng, sáng mừng một Tết, cả gia đình lặng lẽ bỏ quê lên mạn ngược kiếm ăn.

Dưới đây, chúng tôi trích bốn chương. Chương I kể về mối tình trong sáng thơ mộng của Hời – Ngây. Chương XIV, XV và XVIII tả cảnh khốn quẫn của gia đình nông dân làng Nha, đặc biệt cảnh nhà của Hời – Ngây và Thoại – Bướm.

I

Bốn năm người ngồi trên một mảnh chiếu giữa sân nhà Hời, bên gốc cau, chỗ thoáng đặng nhất. Để trăng sáng chiếu xuống đầy đủ cho tất cả.

Cũng bởi có trăng sáng, những anh con trai trong xóm, sau khi dệt đoạn hai cuốn cửi, tuy trời đã khuya, mà vẫn chưa ai buồn ngủ. Họ kéo kéo đến sân nhà Hời, ngồi chơi, chuyện gẫu. Ở đây rộng rãi, nhà lại vắng, chỉ có mình Hời ở với bà mẹ già, kém mắt. Bà cụ bao giờ cũng đi ngủ từ chập tối. Tha hồ hát xướng trò chuyện.

Ngoài đầu ngõ, trăng mười sáu đã lên tới lưng cây đề. Mặt trăng to lừng lững bằng cái mẹt, rục một màu vàng ối. Gió phe phây, những chiếc lá đề tròn mà dài cuống, nhuộm ánh trăng lấp lánh, trên nền trời trong. Bầu trời quang, không vương một gợn mây càng trở nên bao la.

Thoại nằm ngửa trên chiếu, hai bàn tay lót xuống gáy. Anh cất giọng hát mấy câu lý giao duyên:

– *Lý... y... lý giao duyên, không tiên... không lý. Anh quẳng... anh quẳng xu vào... vào em lý... lý anh nghe.*

Giọng Thoại ông ổng, khàn khàn. Có tiếng phản đối:

– Thôi im đi, ông cả! Để thằng Hời nó gảy đàn cho mà nghe.

Một anh bình phẩm:

– Cái giọng gà tổ của thằng Thoại thì cứ đến tháng tám cho nó sang làng Thượng hát đối với cô Ế.

Một nhịp cười nổi lên. Thoại cũng cười, vui. Rồi lại định hát nữa. Nhưng khi nghe tiếng dạo đàn của Hời, Thoại bỗng nằm im nhìn lên mặt trăng.

Bên gốc cau, cạnh tảng đá, rộng chỗ kê bàn. Một tay Hời rút cái que tre cột dưới lòng đàn, tay kia bắt vào chiếc cần uốn cong xuyên qua nửa quả bầu lọ, hình nậm rượu. Hời dạo thử mấy tiếng lên sợi thép. Tang... tang..., tang... tàng... tang tình... Tay Hời đưa nhẹ thanh thần.

Hời vốn là tay đàn bầu giỏi nhất làng.

– Gì nào? Hành vân chứ?

– Ủ... Hành vân.

Theo bàn tay lướt trên dây và theo từng ngón tay buông bắt chiếc vôi đàn, tiếng thanh, tiếng trầm dồn dập bay ra.

– *Dậm băng ngàn, dậm băng ngàn, nhớ bạn phòng loan... xàng xê cống, xế lưu cống xê, cống xê xang hồ sự...*

Tiếng đàn tiếng hát quyện nhau tỏa trong tinh mạc làng xóm đã ngủ yên rồi. Những cung hồ, cung liú trong vắt bay lững lơ vào ánh trăng. Những tiếng ú ngắn và rít, những tiếng xang rền rĩ, phiêu diêu, tản mát trên các mảnh lá mướp; lá đề vàng rượi những trăng. Không ai trông thấy Hời nữa, mà chỉ còn thấy có một bàn tay nắn, uốn chiếc cần tre, một bàn tay chúm lại, thoăn thoắt, qua làn dây. Những âm thanh kỳ ảo chơi với nảy ra.

Tiếng đàn Hời càng vang dài vào đêm sâu. Các bạn nằm dưới chiếu càng lặng im. Có anh mở thao láo mắt nhìn lên vòm trời sáng trắng. Có anh thiu thiu ngủ gà. Có anh đã ngáy o o. Chỉ còn nguyên những tiếng đàn bầu vờn lên.

Hời ngừng tay. Sự tịch mịch đã sẵn có càng thêm sâu xuống.

Thoại ngọc đầu hỏi:

– Thôi hả?

– Các cậu về thôi. Cho tớ cài cửa đi ngủ.

Thoạt nhìn Hời, hóm hỉnh:

– Sang xóm Giếng mà ngủ chứ?

Họ đi ra và phá cười. Tiếng guốc lóc cóc ra đến gốc đề còn nghe tiếng khúc khích dội lại. Hời đứng yên, miệng tùm tùm bâng quơ.

Cát chiếu, cát ghe, treo đàn vào trong vách rồi Hời vào mặc áo, lấy cái thắt lưng có đựng thẻ thuốc thân thắt vào người cẩn thận.

Trong nhà, lẫn tiếng muỗi vo ve, có tiếng ngáy của mẹ Hời. Hời yên trí, xách gậy ra ngõ. Vừa đi, Hời vừa ngược mắt nhìn trắng. Vầng trăng tròn vành vạnh như cũng mủm mím với Hời. Dáng hẳn ông trăng cười anh chàng mê gái, khuya khoắt thế, mà còn lằm lũi đi đến nơi hò hẹn. Ô, cái ông trăng phải gió mới hóm hỉnh làm sao!

Hời bước xuống con đường nhỏ, dọc bờ sông ra tới gốc gạo. Cái gậy vác lên vai, Hời đi như chạy. Dòng sông nhỏ sáng ngời ánh trăng, và ánh trăng chảy róc rách thâm thì như nói chuyện với ai.

Hời lên bậc cổng làng, dừng lại trước cửa miếu. Bóng người lặn vào bóng gốc ngọc lan. Cây ngọc lan già, không biết ai trồng từ đời nào, có ba tầng lá rộng xòe ra như những tán lá bàng. Mùi hoa lan thơm ngọt và dịu tản mạn trong không khí.

Hời cúi xuống gốc cây, nhặt một gói lá chuối đem soi ra ngoài ánh trăng. Gói lá đựng hai chiếc hoa ngọc lan mà Hời đã với ngắt trên cây xuống, đã để đấy từ lúc chiều. Hời đã nghe ai nói hoa ngọc lan chín hái xuống, đến nửa đêm càng thơm đậm hơn. Hời bỏ hai chiếc hoa vào túi, đi thẳng vào giữa xóm.

Mọi nhà đã ngủ yên. Trong các rặng cây vườn, không còn một đốm sáng đèn. Khuya rồi, những khung cửa đã im thoi. Nhưng khung cửa nhà ai thì tắt tiếng thoi, chắc khung cửa nhà Ngây vẫn dẹt. Cô Ngây thật chăm chỉ. Dẹt đoạn được một cuốn đầu hôm, Ngây lại vào

khêu đèn, dẹt thêm cuốn nữa. Đêm nào cũng thế. Con nhà làm ăn, ngồi chơi không một mảy, chỉ thấy xót xa thì giờ.

Trăng vàng vạc. Thấp thoáng bóng cây xao động. Đã nhìn thấy đầu hồi nhà Ngây. Trên hai lỗ cửa sổ vuông vừa bằng một viên gạch bát¹, ánh cái đèn ba dây hắt ra, Ngây còn thức dẹt củi. Hời nao nao trong lòng.

Hời và Ngây yêu nhau. Đồi bên thường hẹn hò đêm hôm. Hời cũng như Ngây, ai cũng sợ tai mắt người làng. Trai gái đứng nói chuyện tay đôi ban ngày, ai trông thấy thì xấu hổ, và lại mang tiếng. Nhưng vốn rừng có mạch vách có tai. Câu chuyện hai người yêu nhau đã lưu thông lấm trong cửa miệng trai gái cùng trạc tuổi hai người.

Hời rón rén bước kiễng gót chân, men đến cửa sổ. Đi khéo đến nỗi lữ chó các nhà quanh đây không con nào biết. Hời nhìn lên những gióng cửa sổ. Ánh đèn vẫn chập chờn qua hai cái lỗ vuông, cao hơn Hời một đầu một với.

Hời lắng nghe. Tiếng “chân đòn”² lạch cạch dưới lỗ đập. Cái “vô khố”³ đưa lên đưa xuống, sát vào những thanh gỗ và tơ hồ kêu sột soạt. Đêm vắng, nghe được cả tiếng thoi đều đều trao qua mặt củi. Tất cả những tiếng ấy hòa thành một thanh âm hỗn độn nhưng phát ra ào ào đều đặn. Lạch cạch, lạch cạch... tách. Lạch cạch... lạch cạch... tách. Chỉ có tiếng động khung củi, còn thì trong nhà êm ả hoàn toàn. Hẳn ông Nhiêu Thục, bà Ba và thằng Toàn, mọi người đều đã ngủ yên.

Hời lấy hai bông lan trong túi ra. Hai cái hoa lan trắng muốt, thon và nhỏ như ngón tay búp măng con gái. Hời nghiêng mình, gơ tay ném nhẹ cả hai bông hoa vào trong cửa sổ.

Rồi Hời đứng đợi.

Trong đêm gặp nhau, hai người vẫn hẹn bằng cách ấy.

Chàng ném hoa ngọc lan vào cửa sổ nhà người yêu. Bao giờ Hời cũng ném hai chiếc, ý để cho khỏi sai. Những cái hoa ngọc lan ném vào, dù hoa rơi xuống lỗ đập, rơi trên mặt củi, hay rơi vào xó cửa, dù Ngây trông hay không trông, chỉ một chốc, trong khung củi đã gây lên một mùi thơm thoảng.

1. Gạch bát: một thứ gạch vuông thường để lát sân.

2. Chân đòn: một dụng cụ trong khung củi.

3. Vô khố: một dụng cụ trong khung củi.

Thế là Ngây biết Hời đứng đợi mình ngoài kia. Ngây ngừng đưa thoi, lấy tay cầm một mũi “văng”¹ và khe khẽ lấy một câu Kiều.

Thế là, cách ngoài bức vách, Hời cũng biết người yêu đã nhận được tin của mình gọi rồi.

Hời nghe im tiếng thoi, nghe cánh văng nảy dộp trên mặt hàng. Hời mỉm cười một mình, tưởng như đứng tận đây mình cũng ngửi thấy mùi hoa. Trong êm ả, gợn lên một giọng kể chuyện rất nhỏ, rất thanh:

*Nàng rằng khoáng vắng đêm trường,
Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa.*

Ngây hát xong, lại cứ tự nhiên tiếp tục tay đưa thoi, chân đạp chân đòn, đều đều dẹt cửi như không có gì khác lạ trong đêm khuya. Nhưng Hời đã yên trí và lẳng lặng đi lần xuống nơi hẹn ở đầu bờ ao.

Hời đứng sát vào hàng rào dưới. Lát nữa, Ngây sẽ ra đây, đứng nhìn qua bờ rào. Hai người cứ đứng nói chuyện cách bức như vậy, muỗi đốt sưng mọng chân mà không biết. Lần nào cũng thế.

Ngây đã thấp thoáng ra. Ngây mặc áo tất trắng, vịn tay trên bờ rào, nhòm ra.

Bao giờ Hời cũng hồi hộp lúng túng. Hời hỏi một câu cộc lốc. Hỏi xong lại thấy vừa hỏi câu vụng về:

- Sao lâu thế?
- Còn phải xích con vện chứ.
- Sao hôm nay sang khuya thế?
- Bọn thằng Thoại nó giữ lại chơi đàn, thành thử...
- Những anh ấy gặp em, cứ cười cười. Ngượng chết được.
- Thế hả?

Im lặng.

Như mới chỉ vài câu thế mà đã cạn chuyện. Có mỗi một câu định nói thì Hời còn cứ ngần ngừ chưa dám nói. Mãi Hời mới:

- Này...
- Đi xem nhé?
- Xem gì hả?

1. Văng: một thanh tre dùng để cầm ngang mặt vải.

– Xem cúng cầu mát bên Thượng.

Ngây chùng chãng:

– Để liệu. Tối còn phải dệt đầu hôm.

– Cầu mát những ba ngày đêm cơ. Đi xem vào tối hăm mốt. Tối hôm ấy ngày phiên, đi được mà.

– Đi thì đi. Nhưng...

– Sao?

– Đi một mình à?

– Hai đứa cùng đi chứ.

– Ai biết, ngưng lăm.

– Ngưng chớ gì. Lúc về, ta cứ cùng về tận ngõ.

– Ừ ừ...

– Chẳng ai biết đâu.

– Còn phải xin phép thầy.

– Tối ngày phiên thông thả, thế nào thầy chẳng cho đi. Cứ “ừ” một tiếng chắc chắn cho đằng này còn liệu trước. Ừ đi nào.

– Ừ thì ừ.

– Tối hăm mốt.

– Ừ tối hăm mốt.

– Khuya rồi, về đi. Bẩm ở nhà thức giấc mà không thấy thì chửi cho vỡ xóm.

Hời vác gậy lên vai bước ra còn ngoái cổ lại, thì thào:

– Tối hăm mốt. Nhớ đấy nhé.

– Không nhớ.

Hời lại dừng. Ngây cười:

– Ừ thì nhớ.

Dưới ánh trăng khuya. Hời rảo bước về, mặt hí hửng, vẫn thấy phẳng phất mùi hoa lan.

XIV

Bướm vào chơi nhà vợ chồng Hồi. Đã lâu, họ cũng ít tới nhà nhau. Việc làm ăn bây giờ khó, trầy trật đêm hôm chưa đủ miếng ăn, thì giờ đâu mà đi chơi. Và lại, vợ chồng Thoại không ở nhờ nhà anh cả Phao nữa. Hình như đầu tiên vì hai người đàn bà cãi nhau, rồi đến hai người chồng đều nghe vợ, cuối cùng cả Phao triệt Thoại bằng cách bán đứt cho người ta cái nhà ngang ấy. Thoại mất chỗ ở. Nhưng Thoại cũng chẳng lười thôi nữa làm gì. Vì nghĩ rằng anh em ruột thịt mà xử với nhau cạn tài ráo máng đến thế, có chung đụng nữa chỉ tổ bực mình. Thoại ra nhờ một miếng đất hoang của làng ở bên ngoài bờ tre, dựng lên một túp lều.

Thằng bé đầu lòng sinh ở lều ấy, Thoại bèn đặt tên nó là thằng Đông. Ý để nhớ nơi sinh ra ở ngoài đồng.

Thằng bé ấy ra đời giữa lúc cuộc sinh nhai đương thất lại. Hàng ế, khối nhà dỡ khung cửi, người đi làm thuê ứ lên. Lại thêm gạo kém nữa. Chưa bao giờ làng nước tang thương như bây giờ. Xưa kia, lúc nào trong các cửa sổ cũng vang vang tiếng thoi chạy và tiếng hát. Đêm đến, tiếng đàn bầu, tiếng sáo đưa trong mùa hoa thiên lý. Bây giờ vào làng vắng tanh.

Người làng bỏ đi làm đủ nghề. Ra kẻ chợ gánh nước thuê, kéo xe. Có những người đi phu mộ vào đồn điền cao su Nam Kỳ, có người đi đâu lên mạn ngược làm gì không ai biết. Anh trưởng Khiếu, con ông Nhiêu Thục cũng đã bỏ đi phu mộ từ dạo thằng Toàn nổi đồng cô. Vợ anh bị chó cắn, được ít lâu lên cơn điên, chết. Trưởng Khiếu phải bán con lấy tiền mua ván cho vợ. Chôn vợ xong về, châm lửa đốt cái nhà dột nát ấy, rồi đi biệt. Người ta đồn trưởng Khiếu ra Vàng Danh, Ưông Bí làm mỏ. Có người lại bảo hẳn ra kẻ chợ sống với bọn chuyên đi ăn cắp, bị bắt tù rồi.

Hồi ấy, Bướm ở cũ xong, nằm ẵm con, ăn hết hai đồng bạc gạo với hai chai nước mắm mà vẫn chưa đi làm được. Chân bước không vững, tay nhắc đến cái lồng tơ cũng còn run. Có một mình Thoại đi làm, Bướm ngồi xó ôm con đỏ trong lòng, lo và buồn. Mỗi lúc vẫn vợ nhớ đến trong quê Giá, không biết Bướm nghĩ trách cha mẹ hay thương thân, Bướm lại cố gạt đi, nghĩ cái khác.

Mấy bữa nay thằng bé giờ trời. Hai mắt cam díp hẳn lại không mở ra được. Thoại đã dán hai lá nhựa dưới vào thái dương cho nó, song cũng chẳng đỡ. Giá có tiền. Bướm mua cho con mấy xu thuốc cao. Nhưng đào đâu ra tiền! Trong nhà không còn cái gì đáng giá được một hào. Quần áo của hai người từ ngày đẻ con đã đem cầm, bán dần mòn cả. Kỷ niệm những ngày vui, chỉ còn độc một chiếc ảnh tay đôi chụp năm mới lấy nhau, lồng khung có kính treo trên bức vách.

Sáng nay, nghĩ mãi, Bướm nhớ đến vợ chồng Ngây. Họ cũng chẳng có hơn Bướm. Nhưng chắc mượn một vài hào cũng còn có. Vả lại, từ khi Ngây đẻ, đã lâu, Bướm chưa vào chơi trong ấy.

Bướm buộc một mảnh giẻ lên che mắt cho con, rồi ẩm đi.

Chị em gặp nhau nói cười, chợt tưởng lại như khi còn con gái. Họ trao lẫn con cho nhau ẩm.

Một lúc, Bướm bảo Ngây:

– À này sắp cưới cái Mơ đấy...

– Thế hả?

– Cô ả ấy tha hồ sướng nhỉ. Từ nay hóa ra người tỉnh thành, ăn trắng mặc trơn rồi.

Ngây kể:

– Cái số người ta sướng thì hiện ra cả chân tay. Làng ta mới có Mơ lấy chồng Kẻ Chợ là một.

Nói đoạn câu ấy, nét mặt hai người ra chiều ngẩn ngơ. Bướm cúi nhìn đứa con trong lòng thở dài. Câu chuyện đâm ra lặng lặng, buồn buồn không vui như lúc nãy nữa.

– Nhà mình chỉ đầu tháng chạp là hết củi.

– Hàng họ thế này, ai mà leo đèo đến tận ba mươi tết!

– Nhà mình cũng hết việc. Mà cũng chưa thấy ai dám đặt cọc dẹt năm mới đâu.

Im một lát, Bướm lại nói:

– Trong này, bà cũng còn đỡ dần được. Cảnh em mới thực rầy rà...

Chớm đến cảnh mình. Bướm hạ giọng nói nho nhỏ. Bướm không muốn bà Vạng ngồi quay tơ sưởi nắng ngoài hiên nghe tiếng.

– Này chị Ngây, chúng em định thu xếp lên ngược, chị ạ.

– Đi di dân hả?

- Có người nhà rủ lên buôn bán.
- Ở đâu thế?
- Trên Thái Nguyên.
- Trên đường ngược nước độc lắm, lại làm ăn đồng đất nước người...
- Mình không đi đâu nên cứ tưởng thế, chứ bây giờ tàu xe như ta đi chợ, làm gì có ma thiêng nước độc nữa!
- Bao giờ thì đi?
- Nhà em bảo đi ngay. Nhưng em nghỉ năm hết tết đến rồi, kéo nhau đi bây giờ coi nó thảm thiết lắm. Để cho qua cái tháng giêng năm mới đi đã. Nay, đất đồng rừng thế mà làm ăn còn dễ không khó như ở đây đâu. Cái người nhà rủ chúng em lên Thái Nguyên ấy, mới có vài năm mà khá lắm.

Ngây lắc đầu:

- Lắm lúc chúng em cũng muốn bay nhảy đi một phen. Nhưng nghĩ nổi mình thì khó đi đâu. Mẹ già chưa biết nhắm mắt lúc nào. Nổi bên em cũng khốn lắm. Cái anh trưởng Khiếu dù sao cũng là một đầu người, đầu con, thì bỏ đi rồi. Thấy em giờ đâm nát rượu quá. Vợ chồng em đi cho rảnh thân, chẳng đành lòng.

Không ai nói thêm một lời nào nữa. Hai người cứ rưng rưng nhìn nhau. Giá ai nói thêm một câu khổ não, chắc sẽ cùng sa nước mắt.

Một lúc sau, Bướm về. Vẫn ngại ngừng chưa dám hỏi vay. Ngày ẵm con, tiền ra tận ngõ ngoài. Bướm nhìn bạn, gương ngịu:

- Thằng cu nhà em cam mắt quá.
- Phải mua thuốc cao mà dán, chứ nhựa đuối thì không ăn thua.
- Em túng quá. Chị có tiền cho giặt nóng vài hào.

Ngây lần tay vào túi trong:

- Em chỉ còn có bốn xu. Bốn xu cũng được hai lá cao ở hiệu thuốc khách đầu chợ. Chị cầm tạm vậy.

Bướm ngửa tay đón bốn xu. Bốn đồng xu để lâu tận trong túi hấp hơi, như nóng hổi.

Về đến ngoài đầu bờ tre, Bướm đã nghe tiếng Thoại nghêu ngoao hát tuồng. Trông thoáng bóng vợ, anh cất giọng:

- *Ài! Ài! Nay bố a mẹ cu! Mẹ cu đi Giang Đô khảo võ đã về đó chăng, a mẹ cu!*

Đương buồn, đương chán, Bướm cũng phải bật cười, gất:

– Năm chồng lên đây à? Giở dạy tôi bao cái này.

Thoại trở dậy, tay cầm quyển sách. Thoại tươi cười mở sách, nói với vợ:

– Vừa xin được quẻ Kiều hay quá.

– Sao?

– Mình khấn mỗi một cô Kiều thôi, xin quẻ cầu tài tất nhiên, rồi trai tay trái gái tay mặt, mở ra được ngay bốn câu linh ứng.

Thế này nhé:

*Tiếc thay lưu lạc giang hồ,
Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài,
Thuyền trà cạn chén hồng mai,
Thong dong nối gót thư trai cùng về.*

Bướm chăm chú, hỏi:

– Nghĩa ra làm sao nhỉ?

– Mình đương cầu tài, cầu ra đi. Đây là gặp vào lúc cô Kiều sắp trốn ra khỏi nhà ở Hoạn. Thế là hợp cảnh đi nhé, đi lúc nào nên lúc ấy thôi. Hai câu *Tiếc thay lưu lạc giang hồ, Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài* là đoán trước cảnh của mình phát đạt tấn tới, tài vận hanh thông, lại nói rõ phát tài cả vàng cả bạc nữa. Còn hai câu sau thì ứng vào cái khi lưu lạc giang hồ kiếm được nghìn vàng rồi ta trở về quê, bấy giờ ta mới câu thơ chén trà thong dong nối gót thư trai tay đôi cùng về mà. Về là về tận quê Giá nhà mình ấy. Lúc ấy thì khác bây giờ rồi. Hi hi...

– Mình cầm một xu đi mua thuốc cao dán mắt cho con. Rảo căng đi chẳng có tối rồi.

Bướm nằm xuống với thằng bé. Bướm ru khe khẽ hai câu Kiều mà chồng nàng vừa đọc. Quẻ Kiều nghiệm đấy. Ngậy vừa cho vay bốn xu, thế là đã ứng ngay điềm may rồi. Bướm ru con lòng hây hây hy vọng.

Nhưng hy vọng vẫn chỉ hây hây như gió. Những lúc được êm đẹp như thế, tưởng như đã lâu cũng hiếm. Vì Bướm lại đã lo đến mãi tận sang giêng người ta rủ đi, mà bây giờ, tết sắp đến một đồng một chữ không dính túi. Chuyến đi như cứu người ấy Bướm cũng chỉ thổ lộ với Ngậy lúc này, không dám nói với ai. Người ta biết, ai còn đặt cọc dặt

năm, ại còn tính chuyện làm ăn với, mà mình thì đang hóng những chuyện ấy cho cái tết.

Rồi ba mươi tết đến.

Quá nửa đêm nay đã là sang giao thừa, sang một năm, năm mới hẳn. Ai còn nợ thì trang trải cho nốt ngày hôm nay. Thoại nợ người ta, thế mà Thoại cũng có món nợ, cũng là chủ nợ. Ông cả Thóc nợ Thoại năm hào tám. Công Thoại dẹt cử từ tháng tám, ông cả Thóc mượn dẹt, nhưng ông vỡ nợ rồi, không trả được.

Hẹn có đến tám mươi năm hẹn, đi rết cả chân mà chưa lần nào đòi được! Hôm nay, Thoại lại phải đi đòi.

Không biết đi cả buổi tất niên loảng quảng những đâu mà Thoại về đến nhà trời đã tối mịt. Cũng cốt về tối, sợ có ai đến réo nợ. Bướm ằm thằng cu Đồng, ngồi trong ổ rạ, bụng nôn nao lắm, nhưng cũng cố gượng vui, hỏi ra:

– Bố thằng cu phỏng?

– Ầu!

– Mua bán xong rồi chứ?

– Xong cái tiên nhân cha nó. Tớ đánh nó vỡ mồm ra đấy.

– Người vợ không một chút chú ý chuyện lời thôi gì đó, chị chỉ chăm chú hỏi lại:

– Thế đã lấy được tiền nợ rồi chứ?

– Đã bảo đánh vỡ mồm nó rồi còn đòi thế nào nữa!

Chị kêu lên:

– Chết thôi... Trời ơi, anh giết mẹ con tôi đi.

Bướm kêu khóc. Thoại dăm ra hối hận. Đánh nó, thế là chẳng bao giờ nó trả nợ mình nữa. Anh hối hận thực. Ngày mai mừng một tết, trong nhà chẳng có một hạt gạo nếp, chẳng có thịt, không một lá trầu, chẳng có một thứ gì, chẳng có bát cơm mà ăn thường ngày nữa. Bướm vẫn lải nhải, ray rứt:

– Ngày mai mừng một, nén hương không có. Ối trời! Người ta làm hại mẹ con tôi.

Anh đàn ông nghe nói dai, dăm ra tức.

– Mà muốn kêu trời phỏng? Mà mẹ mà!

– Mà mẹ tôi ở trên giường thờ kia kìa!...

Bốp! Bốp! Huych!

– Ôi ông cả bà nhớn ơi! Nó giết tôi! Thằng Thoại nó giết tôi.

Hu... hu... hu...

– Này ông cả bà nhớn! Này giết! Huych! Mà cứ kêu, ông cứ đánh, xem đàng nào được.

Thằng bé ngủ trong ổ, khóc vánh. Nhưng giá vợ chồng anh có giết nhau thực, cũng chẳng ai biết đấy là đâu. Sau lưng là bờ tre, ba bề tứ mặt, đồng ruộng mênh mông. Cuối cùng, Bướm chỉ còn khóc tí, rồi Bướm im.

Thoại nằm ngửa mặt, im lặng, vắt tay lên sau gáy, mắt mở vào bóng tối, ngẫm nghĩ về cái nghèo, cái đói, cái cay đắng của đời thợ cửi.

Đêm ba mươi tết mà vợ chồng đánh nhau rồi nằm suông, nghĩ đến nhau, càng thương nhau hơn, nghĩ càng cay đắng bao nhiêu.

Năm mới, năm cũ đương dần dần sắp gặp nhau.

Khi có tiếng pháo giao thừa, Thoại mới sực nhớ.

Tiếng pháo trời dậy, nổi lên, râm ran trong đêm khuya lẳng tai nghe từ phía Kẻ Chợ đưa lại, rào rào, liên tiếp, tiếp nối nhau. Tiếng vang qua những cánh đồng xung quanh dội lên cao rồi tỏa vọng ra bóng tối mênh mông.

Trong các xóm quanh đấy, người ta đốt pháo ọt ọt. Những tiếng tách, tiếng đùng này gần hơn, từ các lũy tre bốc ra. Tiếng chuông tiếng trống ở các đình chùa, miếu, quán đầu đấy giống giả và đêm khuya thăm thẳm, cứ khua động như dấn lên nghìn vạn người dơ ta, reo hò, muốn dựng đêm tối trở dậy.

Đêm tối trở dậy ngỡ ngác.

Thoại cũng ngỡ ngác, lồm cồm bò dậy. Bướm vẫn thức như Thoại, nhưng Thoại không biết, Bướm không nói gì, mắt vẫn rơm rớm. Tết thiên hạ bốn phía đường tràn đầy, mà tết của người túng kiệt chơ vơ trong cánh đồng thì không có. Sau bữa đờn tất niên, bây giờ người chồng ngồi lên, không biết đương nghĩ gì, vẻ ngượng nghịu, lúng túng.

Thoại bỗng gằm mặt, nghĩ. Thoại nghĩ về tiếng pháo và đàn chó trong làng.

Trong các làng có biết bao nhiêu chó. Giống chó vốn hoảng pháo tết lắm. Tết, pháo đốt đi ọt. Năm nào chó sợ pháo cũng nhan nhản những chó sợ pháo chạy rông rồi mệt lả, con thì núp trên gò, con rúc

vào bụi tre. Có những con chó lêu đêu đi, dài dài như cái lưng dài ra, đuôi cúp xuống quét đất, thất thểu mấy ngày không dám về nhà.

Nhiều người làng xung quanh đấy, cũng có lệ cứ đêm giao thừa là ra đồng, rình đánh chó sợ pháo. Ấy là những người nghèo túng, một trình không dính túi, năm hết tết đến thì trong nhà cũng hết gạo. Họ ra đồng rình cộp vài chú cây về làm thịt, chén cho qua ngày tết. Ngày tết, người ta kiêng không ăn thịt chó, sợ xúi quẩy quanh năm, nhưng mà người đang kiệt lộ đít thì chẳng sợ gì giông cả. Đánh chó chạy ngoài ruộng rất dễ. Cánh đồng rộng, sức chó chạy không được mấy nả, chỉ một quãng là cuống chân, người đuổi kịp ngay.

Thoại đứng dậy, lò dò ra hé cái cửa liếp.

Ngoài đồng trước mặt, sương bay mịn mờ. Rét đầu rét khiếp thế. Gió rìn rít qua nền trời xám đục.

Thoại không quay lại nhìn Bướm, quả quyết đi băng ra cánh đồng, men bờ tre ven đầu làng. Bướm cũng nhồm dậy toan gọi Thoại lại. Bướm đoán biết Thoại đi đánh chó. Bướm lo năm mới xảy chuyện gì thì khờ, nhưng Bướm lại im. Gió rét đẩy Thoại cong người lại, vừa đi, vừa nhảy như con ngựa vờn vì gió thúc, chứ không phải người chạy. Thoại xách chiếc dơi cửa gộc tre to. Thoại nghĩ, tự nhiên như những người đi đánh chó sợ pháo kiếm lấy một hai con chó về ăn mấy ngày tết.

Thoại ngồi núp sau một gò cao. Phía chân trời, thành phố kéo dài một vệt sáng mờ đã nhạt tiếng pháo.

Một lúc, không thấy con chó nào lảng vảng qua. Sốt ruột Thoại chuyển sang phía bên bờ tre.

Bỗng một con chó đen lướt thoáng trên thửa ruộng trước mặt. Nó chạy lê mồm, rập người. Thoại đuổi theo. Bàn chân băng qua những cuống rạ, cứng, buốt thon thót. Con chó thấy người đuổi càng cúp đuôi xuống, phóng như bay. Nhưng dần dần, chó đuối sức. Người đuổi càng hăng. Sương xuống ù vào tai, buốt tê. Thoại mím môi, rướn cây gậy, giơ lên nhằm. Đầu gậy đã tới ngang đuôi con chó. Giá vụt bây giờ thì trúng vào sống lưng. Song Thoại định ăn chắc một gậy đúng sọ con chó, chỉ một gậy là được rồi.

Tiếng lạt xạt gốc rạ trước mặt. Chó nữa! Vội ngẩng lên. Không phải. Có hai người. Trong tay hai người ấy cũng cầm gậy. Hai người đi đánh chó sợ pháo?

Nhưng Thoại trông dáng họ thế nào mà Thoại chột dạ, Thoại chạy quay ngay lại. Hai người kia đuổi theo Thoại liền. Hai người đó đi rình cộp chó, nhưng thấy người làng khác đi đánh chó thì đuổi đánh ngay. Bọn trai làng Thượng. Thoại đuổi con chó đen gặp rút lúc này, bây giờ không còn mấy nả sức nữa. Vượt bờ ruộng, gò đồng, những gốc rạ, bờ cỏ may qua liền liền trước mặt. Cô Thoại rào khan. Thoại nhô ngực lên thở. Đằng trước vẫn sương mờ bao la. Thoại chạy lạc cả lối về rồi.

Một gậy vụt trúng vào lưng. Thoại khuyu giữa ruộng. Liền mấy gậy nữa tới tấp giáng xuống.

– Chạy nữa đi, ông xem!

– Úi! Úi! Thành Thoại!

– À, thành Thoại!

– Đánh chết thành Thoại đi, anh em ơi!

Thế là chúng nó đánh Thoại vô hồi. Ngọn gậy hự hự vào ngực, Thoại nhắm mắt kêu khê, người rúm như con tôm kho. Chúng nó định lôi Thoại về trong xóm, cho mọi người cùng được đánh. Tuy Thoại đã đau quá, nhưng Thoại cũng cố gắng nói:

– Tôi... tôi chưa đánh con chó nào...

Rồi mặt Thoại gục xuống, mắt mờ đi không trông được rõ ai vào ai. Thoại bỏ xuôi hai tay, mồm há ra. Hai người làng Thượng thấy thế, bỏ chạy vào trong làn sương mù.

*

* *

Chiều hôm mừng bốn Tết, Hời đi ăn cỗ hóa vàng ở nhà bố vợ về, ngõ ngác bảo Ngây:

– Cả nhà biết chuyện gì không?

Ngây về trước đương ngồi ấm con sưởi ấm trong bếp, chạy ra.

– Vợ chồng nhà Thoại đi rồi!

Bà Vàng hỏi:

– Ai bảo thế?

– Chuyện đương nhao nhao ngoài đường ấy. Người ta bảo lúc giao

thừa, nhà Thoại đi đánh chó sợ pháo ngoài đồng bị người làng Thượng đánh học máu mồm ra, phải bò đến trưa mới về được đến nhà. Hôm qua vợ chồng ẵm con cuốn gói đi rồi. Dỡ cả cái lều quấy đi bán củi. Nghe người ta nói bán tín bán nghi, mình chạy ra thì chỉ còn cái vệt nền lều thôi. Khốn khổ, tết nhất này kéo nhau đi đâu.

Ngây cấn vành môi, nước mắt vòng quanh. Nhớ câu chuyện hôm trước Bướm nói định lên Thái Nguyên.

– Chắc lên mạn ngược rồi.

Bà Vạng ngược mắt nhìn im vào bóng tối.

XV

...

Chiều nào bà Vạng cũng cho cháu ăn cơm và mang cháu ra cửa ngồi chơi đón mẹ.

Một hôm như thế, bà Vạng bước vấp vào một tảng gạch, ngã lạng, rồi chúi xuống. Một lúc sau, bà mới ngồi dậy được. Trong xương sống, nảy kêu một tiếng khục. Bà nhăn mặt, ngồi chống tay. Rồi bà lại đứng lên. Nhưng bà lại phải ngồi xuống như cũ. Dường như cái xương sống khòng của bà đã gãy ngang không thể dựng thẳng lên được nữa. Bà phải lựa, phải lựa nghiêng người. Và cứ còng còng như vậy, bà run rẩy dắt cháu vào nhà rồi nằm vật xuống, thở.

Bấy giờ đương vào những ngày giao mùa. Mùa xuân nắng ấm vừa tàn, gió nồm quạt mạnh về, đem tin mùa hạ đến. Gió lộng lên, đẩy trời cao hơn thường ngày. Nhưng đêm về, sắp sáng còn phải đắp chăn. Lại có khi cả ngày oi bức nẫu ra. Chống đỡ với thời tiết này, người già hay ốm đau. Trong mình cũng phải thay đổi, nặng nề, uể oải, sổ mũi, đau lưng. Bà Vạng ốm.

Hồi ra bờ tre lấy nắm lá hồi về cho mẹ uống.

Rồi ông Nhượng cất một chén thuốc ba hào rưỡi về. Đến hôm đem đổ bã thuốc lên mái nhà bếp, đã khô đét, mà bệnh bà lão vẫn chẳng chuyển.

Ông Nhượng nói nhỏ: “Năm nay năm hạn của bà đấy. Phải nhờ người đánh ngay cái thư vào Sài Gòn cho vợ chồng anh cả Tư, bảo về

ngay, bà ở nhà chưa biết sống chết lúc nào. Có nói thế, anh ấy mới thu xếp được”.

Bà con láng giềng biết tin bà Vạng ốm, kéo đến thăm. Cạnh cửa, Hời treo một cái chiếu rủ xuống để che gió. Trong nhà, tối bùng mắt. Như thành lệ, khi trong làng nhà nào có cụ già ốm, ai cũng lần lượt đến hỏi thăm, cả những người chẳng thân thuộc mấy. Người ta vào tận chỗ cụ Vạng nằm, lật lá màn, chõ xuống hỏi to:

– Cụ thức hay ngủ đấy?

Và bởi bà Vạng kém mắt, nên ai cũng lại xưng danh!

– Ba Cán đây mà!

– Cháu ạ. Thằng Lục đây ạ!

– Cụ cơm cháo gì chưa?

– Cụ cố nhấp một thí nước cháo cho có hơi cơm, cụ ạ.

Có người lại nói bô bô:

– Mấy bữa nay, quạ về kêu nhiều quá trên cây đa. Khéo không có cụ nhà ăn xôi mất.

Tuổi đã đến côi, người ta bàn bạc nói năng về cái chết của người nằm trên giường bệnh như chuyện mưa nắng.

Ông Nhiêu Thục mua hai cái bánh giò ở trên chợ, đi làm quà cho bà Vạng ốm. Ngậy vén chiếu lên, để bố bước vào tận đầu giường tối om. Mùi mốc tanh dâng lên, lẫn mùi thối khản. Mùi đất, mùi người ốm, mùi nước đái, mùi phân ở cái giành đựng gio để ở gầm giường.

Bà Vạng nằm không khoèo, trong bóng tối mờ mờ, da bọc xương đen sì. Nhưng chỉ mới nghe tiếng đụng là màn, bà đã thều thào:

– Ai... đấy?

– Tôi đây, Nhiêu Thục ạ!

– Lạy... ông... ông...

Rồi tiếng u ú trong mồm bà Vạng. Bà khóc. Một chốc, bà nói nhỏ. Tiếng thều thào, chấp nối:

– Ông ôi!... chết... mất...

– Bà đừng nói dại. Bà cố ăn, cố đi, dăm bữa nửa tháng lại mạnh khỏe. Chỗ chị em mình nghèo của nghèo người, bà đi làm gì vội. Vài năm nữa.

Nghe câu nói thân mật thăm thiết, bà Vạng lại ức khóc. Ông

Nhiều cũng rơm rớm hai mi. Hời ghen ngào không ra tiếng. Ngậy đưa vạt áo lên thấm mắt rồi ẵm con ra hiên bóc chiếc bánh.

Ông Nhiều nói:

– Bà cố nhấm nháp một tí bánh giò.

Ông Nhiều đưa vào miệng bà. Bà Vạng há miệng. Nhưng bà không nuốt được nữa! Lưỡi bà lại đẩy miếng bánh ra. Bà đòi mang thằng cháu đến. Bà nghiêng mình, nhích lê cái tay ra, sờ lên cái tai vênh, cái mũi dọc dừa của thằng cháu. Bà mếu máo. Có lúc, bà gọi:

– Con ơi!

Hời chạy vào. Nhưng mẹ im lặng. Đó chỉ là tiếng gọi của bà mẹ về đứa con phương xa.

XVII

Đêm hôm qua, bà Vạng qua đời. Bà Vạng chết yên như người nằm ngủ.

Hời vuốt mắt đầy lòng trắng, màng trắng của mẹ cho khép kín lại, và ấn hàm mẹ cho khỏi trề ngật xuống. Xong đầu đầy, Hời quay lại, bảo vợ:

– Thôi, bầm đi rồi.

Thế là Ngậy cất tiếng khóc. Lúc bấy giờ vào khoảng ba giờ sáng. Canh khuya, tiếng khóc văng vẳng đưa. Nhà ông Nhượng ở đầu xóm nghe tiếng chạy lại.

Ông bảo vợ chồng Hời:

– Để bà nằm nguyên đấy, đừng ai khóc lóc vội, đến sáng hãy hay. Anh đến ông thầy xin bùa liệm về đã.

Ngay chiều hôm ấy, đám ma được đưa ra. Vì tang gia không có gì, chẳng muốn để đưa đến hôm sau. Ông Nhượng lại bảo vợ chồng cháu:

– Nhà ta đương cơn bản bách, gói ghém, giấu giếm thế nào cho xong thì thôi. Để đến khi thay áo cho bà, nhờ giời ta hãy xin thưa chuyện với làng nước sau.

Hàng xóm, mỗi người một chân một tay ai cũng chạy đến giúp cái việc nghĩa cuối cùng ấy.

Trong ánh chiều nặng nề, đám ma đi lúi lũi, đi qua gốc gạo,

không có kèn, không có trống. Cái áo quan trắng bệch, trên thấp mấy nén hương, vài trăm vàng, một bát cơm và một quả trứng luộc. Xung quanh, buộc gióng ngang ra hai bên, lấy chỗ cho vai người ghé vào khiêng. Ở đầu đòn, treo lưng lửng một cái mũ gai và một cái gậy vuông. Đây là mũ và gậy của người con còn ở quê người.

Hời chông gậy, cúi đầu, theo sau chiếc quan tài. Các bà con đi đưa đám, ai cũng sụt sùi khóc lóc.

Trong đám đi đưa bà Vạng, chỉ thiếu ông Nhiều Thục.

Ông Nhiều còn đi tìm thằng Toàn chưa về. Có lẽ ông tưởng đám mai mới đưa cũng nên. Mắt tích có đồng Toàn. Ông đã đi tìm nó mãi đến chập tối mới gặp nó ngồi dưới gốc cây đa ở miếu Đồi. Quần áo nó rách xơ ra như lá chuối. Nó đương ngồi nói ba hoa một mình.

Ông Nhiều tới, nó đứng lên, cười khè khè. Ông gọi thì nó chửi ông. Rồi nó lại hát. Ông Nhiều trừng trừng hai mắt nhìn con.

Rồi ông ôm mặt khóc rưng rức. Chao ôi! Bao nhiêu năm nay, ông chưa hề khóc một lần. Ngày bố mẹ khuất núi, ông không khóc. Đến vợ ông chết, ông cũng không khóc. Chén rượu giúp ông quên những nỗi buồn, làm cạn hết nước mắt. Nhưng bây giờ ông phải khóc. Bởi vì đời ông còn có gì nữa. Đời ông chẳng còn gì mà nhà ông thì chỉ còn trơ có hai chiếc cột cháy. Thằng trưởng Khiếu đi năm ngoái, có tin đồn về rằng nó chết sứt đất ở Vàng Danh. Tuy ông chẳng hy vọng đâu ở cái thằng láo lếu bất hiếu mục ấy, nhưng dù sao nó vẫn là giọt máu của ông. Còn có mỗi mình con, con ơi! Bây giờ con hóa rồ rồi!

Đến khi ông Nhiều vơi cơn khóc, ngẩng đầu lên, trông ra, thì thằng Toàn đã lù đi từ lúc nào.

*
* *

Tuy đám ma hết sức tiêu sơ, gọi là gói ghém, giấu giếm mà cũng phải cỗ bàn đãi đằng cẩn thận.

Nhà còn có mỗi một con chó, Hời đem giết thịt, soạn được ba mâm, mời những bà con có lòng tốt đi đưa đám mẹ.

Đương ăn uống ồn ào thì ông Nhiều tắt tả về. Ông Nhiều đi vào, về mặt lử đử. Ngậy chạy ra, Ngậy định cất tiếng hỏi bố một câu, nhưng vì khóc liên miên cả ngày, tiếng Ngậy đã khản đặc, nói không ra hơi.

Hời cũng chạy ra:

– Mời thầy về xơi rượu. Thế nào ạ?

– Nó không về!

– ...

– Nó phát rồ thực rồi. Tao không lòi nổi. Tuần xóm làng dưới người ta nhốt nó lại ở trong diêm. Sáng mai anh sang công nó về cho thầy.

– Để nhờ anh Lục đi hộ bây giờ.

– Nhưng bọn tuần dưới ấy nó đòi chuộc một đồng bạc. Còn phải đi vay chứ, tiền đâu mà chuộc bây giờ.

Bố con ngao ngán nhìn nhau.

Mười ngày sau, vợ chồng Hời dọn sang ở bên ông Nhiêu. Nhà cháy ông Nhiêu không đào đâu ra tiền mà làm nhà mới được.

Mấy bố con bàn với nhau là dỡ cái nhà của Hời sang đấy. Từ đầu năm, miếng đất Hời ở không có tiền trả nợ, đã hoàn toàn mất về tay lý Chi rồi. Người ta muốn cho ở ngày nào hay ngày đó. Cho nên mấy bố con bây giờ ở quây quần với nhau cho đỡ hiu quạnh.

Bà Ba cũng sinh ra lảm cẩm. Cả ngày cứ ngồi nói rì rầm. Chỉ còn cái khung nhà thì phải rinh ra ngoài, mới tháo những cái xà, cái cột xuống được. Tháo cho khéo, kéo gãy mất thứ gì, chẳng lấy đâu ra tiền mà mua.

Ông Nhiêu Thục bảo mọi người:

– Anh em, mỗi người ghé một vai, cố khiêng ra là được đấy.

Ông Ba Cấn, ông Nhiêu Thục, ông Nhượng, anh Hời, anh Lục cùng bám vào mấy cái bậc cửa và mấy vấu cột.

– Nào, cùng nâng lên nào.

Lục cong cái lưng bóng nhẫy mồ hôi lại, cố nâng chiếc bậc cửa lên. Lục cũng là một người quý bạn. Cứ kể cái lớp tuổi chơi với nhau, chỉ còn Lục và Hời. Còn Thoại và Thìn, thì đồng đất quê người ở đâu đâu cả. Lục vẫn quanh quẩn ở làng Hạ. Cũng bữa hôm bữa mai, nhưng không hiểu vì sao không đi. Ngót ba mươi tuổi đầu, mà chẳng có vợ con gì. Người thì tốt mà chỉ phải nổi nghèo.

Lục trông thấy cái đàn bầu của Hời gác trên hóc cột. Cái đàn, có lẽ đến mấy năm nay, Hời cũng chẳng mó đến, đã xạm bồ hóng như cái mo cau héo. Lục quay lại bảo Hời:

- Cho tớ cái đàn nhá!
- Vỡ mất cái bầu rồi mà.
- Cũng được!
- Ừ, cứ lấy về.
- Cái giống đàn bầu gảy về đêm thì hay lắm.

Lục đương nhớ lại những đêm sáng trăng bọn trai trong xóm hay ngồi ngoài sân trên tảng mảnh cái cối đá thủng nghe Hời gảy đàn. Cung hồ, cung lía, trong véo... Cao hứng, Lục vừa ráng nâng cái bịch cửa, vừa hò:

*Chiếc thuyền không đỗ bến Giang Đình
Anh nay chỉ quyết lấy mình mà thôi.
Ta dô ta!*

Bỗng cái khung nhà xiêu đi, gãy răng rắc, rồi lăn chiêng về một phía. Mọi người sững sốt nhìn lên. Thì ra lão Ba Cấn và lão Nhuận đã buông tay khiêng ra từ lúc nào.

Ông Nhiêu Thục kêu vác lên:

- Trời ơi! Sao các ông lại đốc chúng ra thế? Gãy mất cái xà ngang của tôi rồi!

Hời thờ thần nhìn, giấc mộng làm khung cử, làm nhà mới của đôi vợ chồng trẻ, Hời nhớ lại, nhưng không thấy cái vui nữa mà thấy nó cũng tàn lụi, chán ngán, như cái xà ngang vừa rơi xuống.

*Quê người, tiểu thuyết,
Nhà xuất bản Mới, Hà Nội, 1942.*

ÔNG CÚM BÀ CO

(Truyện ngắn)

Thực ra, mù đã ốm mất mấy ngày. Mà giờ mù mới rõ. Nhiều việc làm quá, mù không kịp rảnh rồi để biết được cơn đau yếu trong người mù.

Trước hết, đầu mù Hối vang váng. Nắng đốt cháy héo cả lá mướp, đến con chó còn phải thè dài lưỡi ra thở hừng hực, đầu ai mà không nặng! Rồi mù quên vùi đi, trong một giấc ngủ rất khó và rời rã. Nhưng sớm hôm sau, đầu mù vẫn nặng trĩch như mắc đeo một hòn đá tảng. Ở trong trán mù, dường như có dựng mười hòn sỏi con con. Bởi vì, khi mù nghiêng đầu thì thấy lúc lắc lóc một cái gì ở dưới phía thái dương. Mù nhăn mũi, mù vo nắm tay, dấm bình bịch mấy cái lên trán, rồi lại hối hả đi làm.

Song, chiều hôm ấy mù thấy rõ ràng là ở trong mình mù một bệnh mới nữa vừa mới hấp tấp đến. Khấp người, nóng ran ran. Nóng rùng rục. Lại nóng hâm hấp như dương đi trong nắng gay buổi chiều. Vậy là mù nhức đầu. Rồi mù lại sốt. Hai cái bệnh nhép ấy thì xoàng lắm, chả chi! Những bệnh muỗi mất, có mùi mē gì! Ở những ngày giao mùa, người ta bị chúng nó đến ngầy ngà, quấy rầy là thường.

Bệnh tấy đến đó, mù Hối bắt đầu lo. Mù biết lo đáo để. Nhưng mù không để tâm lo cho mình bao giờ. Mù lo rằng nếu mù ốm, chao ôi!... gia đình mù, thiếu một cánh tay làm, là lập tức trông thấy vơi ngay gạo trong chĩnh. Chồng mù, thằng Bang, cái Hiệu, ai làm cũng chỉ đủ nuôi miệng người ấy. Thừa thì phải dành cho con. Mù ốm, ai nuôi mù! Mù cứ nghĩ lẩn thẩn, mà mù lo. Chiều hôm ấy, về nhà sớm, mù đi xin trong xóm được mấy chiếc lá thầu dầu tía. Cái giống lá này chữa bệnh nhức đầu khá lắm. Đắp những mảnh lá lên kín trán. Mồ hôi nóng sẽ toát ra, ướt nhùn lá xuống. Bệnh nhức bốc theo mồ hôi. Cái đầu được nhẹ, thanh thoi. Và quay sang hai bên, sẽ không nghe thấy tiếng sỏi lăn碌 cục nữa.

Đầu mù buộc kín những lá thầu dầu. Chiếc khăn vuông đánh đai xung quanh. Nom lù dù như một cái nôi đất. Xong đầu đấy, mù Hối

lại đi đánh gió. Để trị bệnh sốt. Gừng giã trộn với tóc, đổ vào một giọt rượu, rồi buộc túm tất cả vào trong một mảnh vải.

Mụ ngồi cời trần. Cái Hiệu cầm bọc ấy, xat vào khắp người cho mẹ. Hơi nóng âm ỉ thấm vào người. Mụ Hối lẳng tai, như nghe được tiếng mọi bệnh đương rút lui.

*
* *

Bệnh không rút lui như mụ Hối tưởng. Ngược lại thế. Ngày hôm sau, thì mụ không đi được ra khỏi giường. Mụ nằm nghiêng, quay ra phía ngoài. Hai gò má mụ đỏ hồng. Trong cái khuôn mặt lênh lạch, mầu đỏ nhuộm lên hòa với sắc da xạm xạm, cái màu đỏ bệnh tật không tươi tỉnh một chút nào. Đôi mắt mụ long lanh sáng một vẻ khác thường, môi mụ vều ra và cong nứt từng mảng. Mụ thở ra hơi nóng. Mắt mụ cũng bốc hơi lên. Chân tay thì đỏ rừ. Đó là lúc cơn sốt đương găng. Mụ run bần bật. Hai đứa con không dám ngồi cạnh bên mẹ. Chúng sợ mẹ chúng run. Và chúng kinh cái hơi nóng hâm hấp ở người mẹ chúng tỏa ra.

Cái Hiệu sờ một bàn tay lên trán mẹ. Trán nóng như da chum phơi nắng, nó len lét ra phán giữa. Thằng Bang cũng đi theo chị. Mỗi đứa cầm vào một cái quạt nan. Và chúng chia nhau ra đứng hai đầu giường, cùng quạt phạch phạch vào mẹ. Cho mẹ chúng được mát. Mẹ đương nóng ghê. Thằng Bang nhắm mắt lại mà quạt. Ôi cha! Lắm gió lắm đấy. Hẳn mẹ nó sưng phồng mũi. Nhưng mẹ Hối rên lên. Mụ xua cả hai tay... Cái gì chứ!... Mụ làm hiệu đừng có quạt nữa. Hơi gió vào mắt mụ, lạnh táp đi. Mụ thấy gầy gầy như sắp muốn nghệt thở, sắp muốn nhắm mắt, sắp muốn chết đến nơi.

Hai đứa trẻ bị mất hứng. Chúng buông quạt xuống. Và chúng lại ngồi chầu hấu, hai tay búi lấy thành giường, trân trân nhìn mẹ.

Trưa hôm ấy, anh Hối về nhà. Anh mới biết rằng hình như và có lẽ vợ anh ốm thực. Ra từ hôm nọ thấy vợ anh lệt bệt, nhưng vẫn đi làm được, anh cho là tại giờ trời. Giờ trời giờ đất khiến người ta vãng đầu sổ mũi loàng xoàng. Vẫn làm ăn được thì chẳng phải là ốm. Những người chăm việc, những người hay lo và những người túng đói nghĩ như thế, cái gì mà lại là ốm? Nghe to chuyện quá. Chử ốm nghe ghê cả người. Bây giờ thì bác Hối phải công nhận là bác gái ốm hẳn

hoi. Nó không đi được ra khỏi giường. Bởi vì hai cái đầu gối run dữ quá. Nó nằm ngoẹo, chân và tay co quắp như những cẳng con nhện. Mũi nó thở ra hơi lửa. Nó ốm thế thì khéo nguy đấy. Bác nhìn vợ, rồi úp cả hai bàn tay lên mặt vợ. Nóng rục tay bác lên, bác hỏi:

– Cơm chưa, bu nó?

Vợ bác lắc đầu. Cái Hiệu nói:

– Bây giờ tôi mới lấy gạo.

– Để tao nấu cho bu mà y nôi cháo.

Rồi bác đi vào bếp. Bác lẩm bẩm nói một mình. Bác nói cho yên lòng bác:

– Phải, phải, cháo cứ nấu cho thực lỏng. Sốt mà ăn cháo lỏng thì biến ngay cả sốt. Mình nấu cháo lỏng cỡ lắm. Đặc sên sệt. Ngon lắm. Tay này mà nấu cháo lỏng thì phải biết phải biết.

Bác nấu cháo cỡ thực. Nhưng vợ bác cũng chỉ húp nhấm nháp. Bác tán:

– Ăn phứa đi chứ!

Nhưng miệng mụ Hối đắng tê. Mụ chỉ nhấm nháp lép nhép được một thìa. Mụ buông bát cháo vữa xuống, thở dốc.

– Đêm ấy một cơn sốt ghê gớm đến hành hạ mụ. Mồm mụ rên bần bật. Những trận thổ liên hồi kéo tới. Mụ rống lên như bò. Có lẽ mụ đau quá. Đau về cái sự gì! Nhức đầu? Sốt? Bác Hối không thể biết. Bác chỉ biết được rằng vợ bác nằm đấy mà hơi nóng bốc sang đến tận người bác. Tất là nó nóng lắm. Nó lại rên luôn. Tất là trong bụng nó đau đớn lắm. Đến sáng ngày ra, thì bác thấy vợ bác nằm co quắt lại. Những ngón tay đen xỉn uốn khum khum. Bác kêu lên thật to:

– Thôi bỏ mẹ rồi!

Rồi bác cúi xuống ghé vào tận tai vợ, nói như hét:

– Nhà nó phải bệnh cúm đấy.

Bác đi ra ngoài sân, gọi cái Hiệu mà bảo nó, rất đồng dạc:

– Bu mà y bị bệnh cúm. Tao biết. Phải, đích là cúm. Mũi se, mặt đỏ, mà chân tay lại càng queo. Ồi chào! Ông chữa bệnh cúm thì phải biết, phải biết.

Và bác quyết chữa bệnh cúm cho vợ bác. Bác chữa thì tài lắm. Phải biết. Phải biết. Bác bảo thế.

Bác lên chợ, khuôn về một lô đủ các thứ quà lặt vặt. Mười chiếc kẹo bột. Một cái bánh đa. Ba bốn nắm bóng gạo trắng bông. Hai củ khoai luộc rất mềm. Lại có cả một gói là lạ. Thằng Bang và cái Hiệu xúm lại xem các thứ quà của bố. Chúng mân tay vào cái gói lạ và hỏi tẩn mẩn thì bố chúng quát:

– Im!

Bác ta bày tất cả các thứ quà bên cạnh giường. Và bác gở cái gói bí mật kia ra. Chà! Gói mắm tôm. Hai đứa cùng cười khúc khích. Bày cả lên trên giường – bát mắm tôm để vào giữa các thứ quà – bác Hối bảo vợ:

– Nhà nằm nhắm mắt lại, để tôi cúng cho.

Mấy que hương cháy đỏ. Khói đuổi nhau lên từng vòng, từng vòng. Bác Hối mặc cái áo dài nâu. Ấy thế là tự nhiên, cái không khí ngạt ngào mùi hương trở nên thiêng liêng. Hai đứa trẻ sợ ghê. Bố chúng chấp tay vái đống quà mấy vái, rồi nói lẩm râm một lúc thực lâu. Đọc ngày tháng khấn ông vải và các ông thổ công thần đất xong, bác Hối rón rén ngồi khép xuống bên giường. Bác quắc mắt, nhìn vào vợ. Bác nói bằng một giọng rất đặc biệt, cái giọng rè rè, hết giọng thấy cúng:

– Hời hời bệnh nhân! Hời hời bệnh nhân. Đi xa về gần. Đi gần về xa! Nằm yên mà nghe ta nói...

Cái đứa gõ cạch cạch vào cái bát chiết yêu. Để lấy nhịp cho câu hát. Bác háng dặng, hát lên rằng:

– Ông Cúm, bà Co,
Ông ở xứ Nghệ, ông bò ra đây.
Tín chủ tôi xin biếu món quà này:
Kẹo bột, bóng nắm, bánh giầy, bánh đa!
Ăn rồi, xin ông bước ra,
Mắm tôm tôi quét cũng mời bà đi cho.
Ông Cúm, bà Co!
Ông ở xứ Nghệ, ông dò ra đây.
Vậy nên lễ vật nhường này,
Xin cho tín chủ khỏi ngay tức thì.

Câu hát này được lấy lên lấy xuống rất nhiều bận. Hai đứa trẻ xem bố cúng ông Cúm, thích lắm. Cái bụng ỏng của cu Bang thưỡn ra. Cũng như hai cái mặt thưỡn ra của chúng. Bốn cái tai để nghe các

câu hát du dương. Mà bốn con mắt thì để nhìn say mê các món quà yêu quý. Này kẹo bột, này khoai, này bánh đa. Tóp tép! Tóp tép! Những cái môi ngoáp ra như môi cá.

*
* * *

Cúng ông Cúm rồi. Cúng bà Co rồi. Bát mấm tôm được đem gậy linh tinh ra ngoài ngõ. Nhưng ông Cúm, bà Co vẫn không chịu đi. Vẫn lẩn quất ở trong người mẹ Hối.

Và mẹ lại ốm hăng hơn nữa. Con sốt già quá. Hai mắt mẹ đỏ ngầu ngầu. Tai mẹ điếc, phải nói to mới nghe rõ. Hơi thở ra khè khè. Thỉnh thoảng, mẹ lại nói lảm nhảm, chẳng ra đâu vào đâu.

Các bà con hàng xóm đã biết chuyện mẹ Hối ốm. Người ta kéo đến hỏi thăm. Và mỗi người đoán bệnh, chữa bệnh cho mẹ Hối một cách.

– Cách này là trúng nắng.

– Không phải trúng nắng.

– Tôi tưởng là cúm, tôi cúng rồi.

– Xi! Cái anh này, bệnh thương hàn sốt nóng lại đi làm bậy. Bệnh thương hàn đấy. Khiêng chị ấy lên tỉnh để người ta chữa cho.

– Thương hàn à? Nói nhăng. Cái này là cái cảm nhập tâm. Nó vào bụng rồi cho nên nó mới phát sáng lên như thế chứ!

– Nói thưa có các cụ, chứ tự đứng đương nằm nhà lại mang đi nhà thương là cái lý gì. Đại đột có làm sao lại hóa ra ma không có nhà.

Người ta cãi nhau ồn lên. Sau cùng, có một ông vẩy bác Hối ra một góc nhà. Ông trợn mắt:

– Bác có biết bác gái bệnh gì không?

– Thưa cụ, cháu...

– Sà! Anh này lơ đờ quá. Tôi biết rồi.

– Bệnh gì ạ?

– Bệnh thế mà dám để liên miên mấy hôm nay.

– Thưa cụ, bảo cho nhà cháu.

– À...

– Vâng...

Rất khê:

– Ma làm đấy.

– Bệnh ma làm?

– Còn gì nữa! Trông cái mắt của chị ấy tôi biết. Mắt dại đi rồi đấy. Biết điều thì đi xem bói ngay đi.

– Dạ

*
* *

Bác Hối không đi xem bói. Không phải là bác không tin ma. Nhưng mà bác biết rằng thế nào bói cũng ra ma. Chứ bói không ra tiên. Mà tiên bác đương không có lấy một xu nhỏ.

Ôi chao! Mụ Hối thì ốm và điên rồ ràng rồi. Mụ sốt quá mà hóa điên. Nhưng mụ chỉ nói lảm nhảm, lảng nhãng. Có lẽ ma làm mụ thực. Hai con mắt mụ gườm gườm coi ghê người lắm. Mụ ngồi, hai vai so đều lên tận tai. Mụ lầu bầu những gì ở trong miệng. Như là mụ nhai. Hay là mụ nói thầm. Từ hôm mẹ trở nên lẩn thẩn thì hai đứa con không dám mon men đến ngồi bên cạnh giường mẹ nữa. Chúng sợ. Chúng nhìn mẹ bằng những con mắt rất ngây ngô.

Quái, bác Hối nghe tiếng gì ú ớ trong giường vợ. Bác đương ngồi đầu hè hai tay xếp vòng lên đầu gối. Bác ngẩng đầu. Tiếng u ú oái oái như tiếng nghẹt thở của một cái cổ bị bóp. Bác vội nhào vào.

Gian buồng vẫn lặng ngắt. Ánh sáng loãng động mơ hồ trên các khe vách. Mụ Hối nằm yên, lù lù thành một đống dài ở giữa giường. Mụ nằm không nhúc nhích. Nhưng miệng mụ kêu u ú. Tiếng kêu thốt ra tự nhiên như tiếng thở của người ta. Bác Hối lay đầu vợ. Dường như vợ bác không biết nữa. Bác cúi xuống, gọi thực to:

– Nhà... nhà...

– Khừ... khừ...

– Bu thẳng Bang! Bu thẳng Bang!

Mụ Hối vùng thức. Nói là mụ vừa thoát một cơn mê thiếp thì đúng hơn. Mụ ngồi nhồm đậy. Ôi! Thực là người ta vừa dựng lên một cái que nửa tếp, buộc vào mấy lá cành rong khô để làm chân tay và

úp lên trên đầu mồm một cái nồi đất. Mụ ngồi chống hai tay xuống giường. Cái đầu lão đảo như đầu bà đồng. Coi bộ không được vững. Dáng là nó nặng quá. Người mụ Hối gầy đi nhiều rồi. Cái sọ trở nên nằm thèo đành rất không vững chãi, ở trên cái cổ ngẳng. Mụ nhón nhác nhìn chồng. Rồi mụ tốp tốp miệng. Bác Hối hỏi?

– Muốn ăn cháo hử?

Chợt mụ kêu và nói rồi lên:

– Ối! Ối! Nó làm gì tôi thế? Kia kia! Chúng nó kéo vào đây nhà. Lạy cụ ạ! Ối cha mẹ làng nước ôi, hi hi hi...

– U thằng Bang sao thế?

– Hi hi hi... Nó giết chết tôi rồi. Nó có con dao to quá.

– Nói nhảm nào. Có im đi không?

– Cha đẻ mẹ nó chứ. Bà vay mượn gì của chúng nó mà chúng nó lại nói xằng. Bà thì... hi hi hi...

– U thằng Bang!

Mụ trợn mắt nhìn chồng ngậy dại như là nhìn một cái gì lạ lẫm.

– Hay chữa!

Mụ cũng nhại lại:

– Hay chữa.

– U thằng Bang!

– U thằng Bang! Hè hè hè...

Và mụ cười khanh khách. Tiếng cười sắc và giòn tan. Nhưng chồng mụ đứng lạng. Con mắt bác nheo lại. Hai dòng nước mắt lác lóng bò từ từ qua những hố má gồ ghề của một khuôn mặt méo mó, xám xịt và già cỗi.

*

* *

Mấy hôm sau, người ta thấy thằng Bang và cái Hiệu chơi tha thẩn ở đầu ngõ. Chỗ ấy có bóng cây bưởi, mát lấm. Chúng chơi bày đình chùa. Mỗi đứa trên đầu, có quấn một vòng khăn trắng trắng, bởi

vì nó chỉ trắng nhờ nhờ. Đây là hai cái thắt lưng vải của mẹ chúng mà người ta đem xé ra làm khăn ngang.

Đầu của cu Bang to quá. Tóc nó trụi, nên trông nó vừa to, vừa dài lại vừa lồi lõm. Cái khăn ngang trắng quấn vào một cái đầu lạ kiểu như thế, rất là không chỉnh. Và nom rất không buồn cười. Ai hỏi nó:

– Bu mày đâu?

Nó đáp nhẹ nhõm:

– Bu tôi ra đồng.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 423, ngày 25-7-1942.

HẾT MỘT BUỔI CHIỀU

(Truyện ngắn)

Một tiếng động mạnh. Hình như tiếng đàn bà nói léo xéo gì ngoài cửa sổ. Tiếng gay, rúc lên, khiến gã bưng thức. Hai mắt gã mở bành, thao láo. Tiếng động kia chỉ làm cho gã thoát hẳn giấc ngủ chập chờn, thực ra gã không ngủ nữa, đã từ lâu. Cơ ngủ trưa hơi nặng. Gã thấy hai lồng ngực tức tức, ê ẩm. Những đầu xương, ống chân, ống tay mỗi dần dần, như nghe được có một tiếng mọt đục cọt cọt. Gã nghiêng má nhìn ra cửa sổ.

Cánh cửa hơi he hé, xổ ra một vệt trắng. Ánh nắng theo cái vệt trắng của một nền trời không có mây đó, chảy xuôi xuống, đọng ở trên nếp cửa. Cái thành cửa màu đỏ kèn ketch, nhuộm vào nắng, đỏ lồng lên. Gã nằm đấy, đoán mà cũng biết được rằng lát nữa, theo với chiều mặt trời nghiêng xuống, nắng sẽ xế dài vào phía trong. Nắng sẽ chảy lên trên mặt cái bàn viết của gã. Những chấm bụi li ti nhảy múa ở trong vạch nắng. Rồi thì những quyển sách, những lọ mực, những cái cán viết đều sáng rực cả lên.

Gã thấy trợn người. Những ý nghĩ vu vơ lẫn thẩn ấy vừa chạm vào những dụng cụ của mọi việc hàng ngày. Cái cán viết, cái lọ mực. Những thứ lồi thoi nó dựng được gã dậy và đem được gã ra khỏi cái ghế bố quyển rữ. Bởi vì gã cần viết cho xong một cái truyện ngắn mà gã vừa dựng được cốt. Ngay chiều nay để sáng mai gửi đi. Sáng mai gửi đi, nhanh lắm cũng phải mất ba hôm nữa, ở tòa soạn ngoài Hà Nội người ta mới nhận được bài. Người ta sẽ kêu lên rằng dạo này gã lười quá. Gã không dám lười. Gã sẽ viết bây giờ, ngay bây giờ mà.

Gã vươn vai, cử động chân tay mấy cái thực mạnh cho bao nhiêu những cái gì còn là uế oải, oằn oại trong mình, phải thoát ra hết. Gã nhìn đồng hồ. Đồng hồ nghỉ chạy. Hai cái kim dúm vào nhau, chết đứng ở trên con số mười hai đã từ lúc nào.

*
* *
*

Gã đã sửa soạn đủ cả. Bây giờ thì gã trịnh trọng ngồi vào bàn viết. Bàn tay xếp đặt qua loa cho mấy chồng sách trước mặt được gọn mắt. Rồi gã cầm bút, chấm vào lọ mực, cúi đầu xuống.

Bỗng gã thấy như cái cổ của gã mỏi quá. Dường như nó muốn trĩu nặng và muốn chìm cái đầu bù xuống mặt bàn. Hai bên ngực đau ran ran. Một bên khuỷu tay tỳ xuống khiến cái xương vai gồ lên. Có thể sai vẹo xương sườn đi được.

Gã tặc lưỡi nghĩ. À, xảy ra sự rắc rối này là do nơi cái bàn. Và gã thấy ngoẹo đầu, trĩu cổ, đau xương ngực, xương vai đã từ mấy bữa, chứ không phải từ vừa mới hôm nay. Cái đau đã thành lệ. Bây giờ vừa ngồi vào bàn, nó đã đau dần lên rồi.

Gã buông bút, đứng lên. Hai tay khoanh trước ngực, gã ngắm cái bàn. Cái bàn thấp lè tè, mà cái ghế thì cao lênh nghênh. Cặp vợ chồng chẳng đẹp đôi chút nào. Nếu ngồi hàng giờ ở một cái ghế như thế và tỳ tay lên một cái bàn như thế, để viết, người ta có thể lệch vai dễ như bỡn. Ấy là chưa kể đến bệnh đau ngực và bệnh ho lao. Gã đã dốt nát quá, mà nhẫn nại ngồi ở bộ bàn ghế lệch lạc đó được tới năm sáu bữa nay rồi.

Muốn tỏ ra rằng mình không đến nỗi dốt nát lắm, gã kỳ cục đi kê lại cái bàn. Chiếc ghế đã sẵn cao, bây giờ gã chỉ việc tìm cách làm cho cái bàn cũng được cao nốt lên. Ấy thế thì mấy đôi lứa xứng đôi. Khổ công lắm mới kiếm được ba viên gạch bằng nhau. Còn một hòn chẳng thể bới đâu ra được. Sau rốt, gã phải chịu khó lấy một con dao, đẽo một hòn gạch thật to cho nó bé vừa bằng ba viên kia. Kỳ cạch sửa xong được viên gạch, mồ hôi đã ra râm rấp trong lưng áo. Gã nheo mắt, bê từng cái chân bàn lên một, để đặt gạch.

Cái bàn đã được cao lên một chút. Trông thực nó cũng khang trang hơn. Và trông nó thực cũng như một anh có bốn chân cùng đi bốn cái cà kheo, gã cho thế là được. Công việc khó nhọc đến mướt mồ hôi trán, mướt mồ hôi lưng, sao lại không là được, cho nó hả tấm lòng. Rồi gã đi rửa tay, rửa mặt. Gã cởi cả áo ra, té nước và lau khắp mình mẩy. Gã xắn cao quần lên, dội nước từ bẹn trở xuống. Chỉ suýt nữa, thì gã biến cuộc rửa mặt ra một cuộc tắm. Vì mát quá. Vì ngon tay quá.

Chỉnh tề đầu đậy, gã trở vào, ngồi bàn viết. Chưa cầm bút vội, gã hãy thử rung cái bàn xem nó có được chắc chắn không. Thì hồi ôi, nó ngoẹo ngay đi và nó gục cả bốn chân xuống, giãy nảy lên như một người đàn bà dỗi hoặc làm nũng chồng. Gã xịu mặt lại. Thôi thế là hỏng. Gã không thèm kê lại nữa. Bởi giá có kê lại rồi nó cũng ngật ngưỡng mà lăn đùng ra như thường. Vứt cả bốn hòn gạch ra sau nhà, gã lại đứng khoanh hai tay, buồn rầu mà ngắm cái bàn chẳng được như ý. À, có lẽ gã cần chặt bốn cái chân ghế cho chúng thấp bớt xuống, vừa ngữ ngồi của cái bàn. Nhưng gã chỉ à uôm và nghĩ một câu dễ nghe như vậy, chứ không dám làm. Đầu có phải ghế của nhà gã. Nghĩ rằng đến ở trọ nhà người ta mà lại cầm con dao chặt cụt bốn cái chân ghế của người ta, coi nó bất tiện lắm.

Ở ngoài đường lớn, tiếng xe điện chạy, kêu tun tun rầm rầm. Gã nhìn ra. Chao! Kìa nắng, nắng đã khuất mất rồi. Ánh vàng chỉ còn bảng lảng phơ phất ở trên mấy ngọn cây dâu gia tây. Gã nhìn lộ mực, hơi hốt hoảng. Nhưng dần dần gã cũng định trí. Vì ở cái ngõ hẻm này, phía tây có nhiều lầu cao, bao giờ mặt trời cũng bị lặn sớm.

Gã lại ngồi vào bàn. Vẫn cứ cái bàn thấp và cái ghế cao, như cũ. Gã nghĩ rằng, có lẽ chịu khó ngồi khổ sở thế một chút, cũng không sao, cũng không hề gì. Người ta chẳng đã phải dễ dàng mỗi một chốc mà ốm, mà đau ngay được!

Cái quản bút lại được rơi vào lộ mực. Gã nhìn xuống tờ giấy trắng.

*

* *

Trên tờ giấy trắng đã có khởi mào mấy hàng chữ. Những dòng chữ gã đã ghi lên đó để đánh dấu câu chuyện và để tránh cái khó, khi bắt đầu đặt bút. Chữ đầu tiên viết chớm lên ở một trang giấy, bao giờ cũng nặng nhọc vô cùng.

Đó là một truyện ngắn, mang cái tên rất đẹp là *Áp Hồ*. Hai chữ *Áp Hồ*, gã dùng bút kẻ thành những chữ kiểu in rất xinh xắn. Truyện bắt đầu rằng:

ÁP HỒ

Từ làng Nghĩa Đô đi lên một thoi đường, ngược theo bờ sông Lịch, thì đến Áp Hồ. Cô Nguyệt là con gái Áp Hồ. Năm nay Nguyệt chừng...

Chừng bao nhiêu tuổi chi đó. Nhưng hôm qua gã chưa viết nốt. Gã để dành một nửa dòng để hôm nay có sẵn chữ mà viết tiếp theo cho được dễ dàng. Nào, gã viết tiếp theo.

Nhưng trước khi viết, gã hãy nghĩ phớt lại, như ôn trong tưởng tượng, câu chuyện mình sắp đem viết lên giấy cho thiên hạ bốn phương xem.

Gã ngả người ra thành ghế, lơ đãng nhìn ra cửa sổ. Nói là nhìn, nhưng gã có nhìn gì đâu. Gã đang nghe ở trong khoảng không, cái truyện ngắn của gã.

Đấy là một câu chuyện diễm tình thơ và suông hết sức. Đã lâu lắm, gã chưa nói một truyện kiểu như vậy. Bởi mỗi khi cầm bút lên mà kể chuyện một dòng nước, một cánh hoa hoặc một làn mây trắng, thì gã thấy như mình đang làm một việc trào phúng quá. Gã ngượng với bút. Gã ngượng với chính cái mặt gã soi thấy ở trong gương. Mạch sống của cuộc đời tấp nham này còn có gì đáng lồng vào một dòng nước, một nhánh hoa, một làn mây trắng! Trước bàn làm việc của gã, có treo một bản đồ năm châu. Bên cạnh gã là xóm lao động rách rưới vang râm lên những tiếng rên la, gâm rít. Những cái gì là trăng, là sao, là vàng mờ mịt ở trong đầu gã. Đầu gã chỉ cô đặc lại bởi những ý nghĩ rất buồn thảm. Vậy mà câu chuyện diễm tình kia cứ len lỏi, khi ẩn, khi hiện trong đầu gã. Gã không xua đi. Gã cười. Bởi gã vẫn cho rằng nếu mình nghĩ đến nó, cũng như là mình uống một cốc nước chanh quả giải khát vậy.

Chuyện chàng và chuyện nàng. Nàng tên là Nguyệt, đẹp như mặt trăng. Cô Nguyệt ở Ấp Hồ, nghe phời phời như gió lên. Hai người thường gặp nhau trong những cuộc hẹn hò ở những cánh đồng lúa chín vàng, những con đường viền cỏ xanh. Ngày tháng bấy giờ là ngày tháng của mùa thu rất dịu dàng. Người ta giao ước rằng thế nào cũng sẽ lấy nhau. Thế rồi, đột nhiên, chàng ra đi. Nàng ở lại nhà một mình một bóng. Mỗi chiều chiều đứng trông về một phương trời, lòng rầu rầu, đôi mắt rưng rưng. Ôi, buồn ơi, buồn quá.

Gã ngồi trong cửa sổ cũng buồn theo câu chuyện, vợ vẫn nghĩ trong đầu. Ở đời, còn có cuộc biệt ly nào là biệt ly không buồn. Hôm nay, chiều cũng buồn như là một chiều biệt ly. Đáng lẽ người ta phải nắm tay nhau mà khóc mới phải. Ấy thế là gã lại ngồi nhìn cái này, nhìn cái nọ, để tự hỏi xem tại làm sao ở đây lại có một buổi chiều ảm đạm như thế này.

Ở Sài Gòn, đây thực là buổi chiều hiếm có. Trời thấp, mờ một thứ mây nhạt như khói. Không gió. Nhưng mà trời đất mát như là không bao giờ biết có mặt trời. Những tiếng ồn ào của một cái thành phố đương lên cơn sốt vang vào đến trong ngõ hẻm, không còn đủ sức làm cho người ta mất bình tĩnh.

Buổi chiều như đứng lại. Gã vắng nghe đâu có tiếng đàn bà nói lao xao bên giếng. Lũ trẻ đi học về đi trên đường đê cao, chuyện léo xéo. Tiếng cánh chim đập trên ruộng lúa. Những người đi chợ xa về muộn đi trong cánh đồng. Này Ấp Hồ. Này con đường quanh co lát từng viên gạch nhỏ, lối đi vào xóm nhà cô Nguyệt.

Gã mơ rồi. Gã buồn quá, buồn như là có thể buồn ngủ ngay được. Thế là gục đầu xuống bàn, hai tay úp lên mắt, thiu thiu ngủ gà.

Khi gã tỉnh dậy, thì hình như những ngọn đèn ngoài đường phố cũng đã thức giấc và chúng đã mở cả mắt ra rồi. Cái ngõ tối hẻm giữa Sài Gòn như sẫm lại. Ánh điện hắt lên một chút trong lối đi.

Tức mình quá, gã thở dài. Gã mặc quần áo, gã đi giầy, gã khép cửa sổ, khóa ngõ, rồi gã đi ra đường. Gã lừng khừng đi. Trong thành phố, ít khi người ta nhìn thấy trời. Có lẽ vì người ta còn bận quá với những cảnh tíu tít dưới đất. Lúc này, gã cố ý nhìn lên trời. Trời bây giờ có từng ôm mây trắng phơn phớt màu hồng.

Gã mỉm cười để tự an ủi:

– Mai mình viết. Mai.

Tiểu thuyết thứ bảy,
số 444, ngày 19-12-1942.

ANH GÀ GÁY

(Truyện ngắn)

Không ai biết tên lão là gì. Đâu đã ngoài mười năm hai mươi năm nay, người ta vẫn gọi lão là lão Gà Gáy. Ông lão Gà Gáy. Khù khờ và ngớ ngẩn thay, cái tên! Ấy vậy mà nó đã đẻ ra được rất nhiều câu ví dụ quen thuộc, quen thuộc như những câu hát huê tình của anh hát xẩm trên bến đò ngang. Người ta hay nói:

– Đi cung cúc như lão Gà Gáy.

– Ăn chim chíp như lão Gà Gáy.

Và còn nhiều nữa. Toàn những (như... như) không được tốt.

Những buổi sớm mùa hè, bao giờ người ta cũng trông thấy lão Gà Gáy ở ngoài đầu làng từ lúc cánh đồng chưa tan hết hơi đêm. Lão co ro bên bờ ao, đứng mà như không phải là một người đứng. Đấy là một thằng bù nhìn đứng canh ruộng dưa. Lão trầm ngâm hàng giờ không thêm nhúc nhích, chỉ khi nào cần phải giơ tay ra để nhắc cái cần vó tôm lên là người lão mới hơi động đậy. Ngày xưa lão đã làm nhiều nghề, nhưng bây giờ lão chỉ còn có một nghề kéo vó tôm. Bắp chân lão nổi lên thành từng cục gân xám, những bắp thịt tay đã lẩn đi đâu, chỉ để lại cho lão có một làn da bóng, nhăn nheo bọc những đốt xương sậy.

Có ba cơ để người ta đoán cái biệt hiệu Gà Gáy của lão. Lão thích kéo vó tôm từ tang tảng sáng, lúc gà chuồng còn te te gáy.

Lão có cái mặt dài ngoẵng, đen thui thui và cái mồm nhọn chum chúm như cái mỏ gà. Khi lão ăn, hai môi lão bập bập vào nhau như con gà mổ hạt ngô.

Người ta thường nói rằng: ngày trước, mỗi khi đi kéo vó khuya, nếu muốn nghịch tinh làm cho mọi gà trong xóm gáy rộn lên, lão khiến được ngay. Lão cong người lại, một bàn tay vỗ đèn đẹt vào bẹn, giả tiếng gà vỗ cánh, một bàn tay lùa hai ngón vào mồm, gáy huyết

lên một hồi (Kéc ke ke... ke...). Chỉ không đầy một phút, các gà trong xóm nghe tiếng, đã ghen tức, thi nhau gáy rầm cả lên.

Cái tên Gà Gáy có thể thành do những đấy.

Lão mòn mỏi sống những ngày tàn một cách nặng nề quá. Lão có một cái lều ở dưới gốc cây muỗm, ngay đầu làng. Ban đêm, lão chỉ nghe có tiếng lá muỗm động rào rào và tiếng cú kêu khắc khoải.

Lão ở trơ trọi một mình. Có ai vào trần gian một mình bao giờ đâu? Ra trước lão cũng có một đôi người thân yêu. Nhưng bây giờ thì hết rồi. Bây giờ lão chỉ còn có cái vó tôm...

*
* *

Lão không phải người làng này. Khi mới lưu lạc tới đây, người ta còn gọi lão là bác, là anh, là thằng. Cái tên Gà Gáy cũng khởi từ ngày ấy. Anh Gà Gáy mưu sống bằng nghề quẩy nước mướn.

Làm ăn được mười năm, anh lấy một người vợ. Hai vợ chồng cùng theo một nghề. Xưa nhà có một đôi thùng và một cái đòn gánh. Bây giờ có hai đôi thùng và thêm một cái đòn gánh. Vợ anh đẻ được một thằng con trai. Người ta gọi anh là Gà Gáy thì anh đặt tên con là thằng Ke. Nguyễn Văn Ke. Cái gia đình nho nhỏ ấy đề huề sống yên vui.

Nhưng đến một mùa hè, nhân dịp lễ cầu mát, làng Thượng mời phường Nhâm về hát đám mấy đêm. Một tối, đi xem về, chị chàng bảo chồng rằng:

– Kép Nhâm hát hay quá. Hấn đóng ông Tống Dịch Thanh hệt như thật ấy, mình nhỉ?

Anh chồng khùng khỉnh:

– Hay gì mà hay. Tứ hát còn hay bằng mười.

Nói thế chứ có tối nào anh dám đi xem! Anh còn ở nhà, với cái dùi đục, với mấy vành tre, càn càn đánh đai thùng mãi tới khi tiếng trống tan tuồng vắng vắng trên đình đưa xuống, mới đi ngả lưng.

Chị vợ chép miệng: – Hừ, anh đồ chỉ nói xó bếp.

Vậy mà đêm sau anh cũng mò ra đình xem. Đêm ấy, phường Nhâm diễn trò Kiều Liên hợp phiến. Kép Nhâm thủ vai Tất Chánh.

Tất Chánh mặc áo the ba chỉ, chít khăn lượt vớ, mặt bôi phấn trắng, môi tô son đỏ hường, tay cầm quạt lông. Sau lưng một tiểu đồng cắp tráp. Cái khi Tất Chánh ở chùa mà tương tư cô Kiều Liên, chàng ta ngâm lên mấy câu sa mạc thì thật là náo nùng, tê tái. Chàng liếc rất nhanh và rất tình tứ. Nhưng chàng ta chỉ liếc nhiều về phía có đàn bà con gái. Đôi mắt lẳng lơ của chàng Tất Chánh mới đáng yêu làm sao!

Anh Gà Gáy cố nghển cổ lên để nhìn vào đám đàn bà đứng đằng góc cột cầu đằng kia. Miệng anh cứ há ra thôi. Mà nó cứ há hốc mãi, ít muốn đóng lại một tí nào. Bởi trong cái đám đàn bà con gái ấy có cả vợ anh. Vợ anh cười với thằng Tất Chánh. Vợ anh lại liếc liếc với thằng Tất Chánh.

Không chịu được và không đứng được nữa, anh cúi kính đi ra ngoài. Anh bần thần vào quán uống rượu. Anh uống cạn hai cút rượu trắng, nhắm hết một bánh đậu phụ và một xu chả trầu.

Đêm ấy, khi đã tan chèo làng, vợ chồng anh Gà Gáy cũng diễn một tấu chèo rất bi đát, không có khán giả xem. Anh ta đóng một vai anh quán dạy vợ nhưng không dạy bằng lời. Dạy bằng đòn gánh và gậy. Chị vợ tru lăn tru lộn như một con lợn bị trói. Mụ còn chửi vấy cả lên.

Ấy chỉ có thế mà mười hôm sau, mụ bỏ con, bỏ chồng ra đi. Dù sao, dù muôn đời, anh Gà Gáy vẫn là anh đàn ông khù khờ, cả thương. Anh hốt hốt hoảng hoảng đi hỏi thăm hết người nọ đến người kia. Không ai biết. Anh đuổi qua mấy làng để theo kịp phường Nhâm mà cũng không thấy vợ trong đám ấy. Vợ anh bỏ anh đi đâu? Có mà riêng trời biết với con mụ đàn bà ấy!

Thế là anh về, hai tay ôm mặt, khóc hu hu. Anh nghĩ rằng mình đã dại lắm. Làm sao bỗng dưng lại đấm, lại đánh vợ. Xưa nay anh có đánh vợ bao giờ đâu? Nếu khi nào tức giận điều gì, anh chỉ đập vờ đập vình mấy cái nôi đất đã vỡ sẵn hay quẳng ra sân mấy thanh củi cho nó hả mà thôi. Bây giờ; ra oai thần võ mới có một chuyến, đã đi đời nhà ma tất cả rồi.

Từ hôm chia duyên rẽ thúy, anh lẳng lẳng một mình sống với đứa con cô (mẹ nó dù còn dù mất, có nghĩa gì nữa!). Anh có ý định quá quyết làm lại cuộc đời. Luôn thể, anh cũng cả quyết rằng không bao giờ anh thềm lấy vợ nữa. Bố con làm lấy nuôi nhau. Anh lại lẻo đẻo một mình với đôi thùng gánh nước.

Muốn ra về đổi mới cái lều của anh, anh đi mua rạ lợp lại. Anh nghĩ: nhà anh dù chỉ là một cái lều ở đầu làng, nhưng anh muốn nó cũng phải là một cái lều đứng đắn. Anh muốn nó có một cái sân gạch ở trước cửa. Anh lại muốn ở trong cái sân ấy, có một cái bể đựng nước.

Muốn là anh ta làm liền.

Mỗi sớm, sang quấy nước bên xóm giếng, con đường phải đi qua mấy lớp lò gạch. Cứ mỗi buổi sáng, lúc về ăn cơm, anh mang về được một hòn gạch trong tay. Anh đem hòn gạch ấy cất vào gậm phản.

Ngót hai năm trời, gậm phản nhà anh đã bễ bộn, đầy tú ụ những gạch. Anh đi mua vôi và anh lên tận bãi Phú Gia lấy về mấy gánh cát nặng. Thế là anh có được một cái sân gạch nền nã, một cái bể nước vuông vắn. Buổi chiều, nhìn thằng Ke lon ton chạy ra thành bể, kiễng chân lên mức nước, trông cũng hay hay mắt.

Không biết tại vì đâu, trong thâm tâm anh vẫn mang cái tin tưởng rằng một ngày kia, thế nào con đàn bà bất nhân cũng trở lại. Bởi thế, anh càng phấn đấu dữ. Để cho, rồi “nó về”, nó choáng mắt. Nó sẽ hối hận mãi. Và tất nó phải phục vị xuống lạy ta, ta mới tha tội cho nó.

Còn biết đến bao giờ nó về! Chao ôi! Anh Gà Gáy ngây thơ và khờ khạo vẫn ngây thơ và khờ khạo, đã mở được mắt ra đâu!

Ngày tháng qua đều đặn. Tay làm thì hàm nhai, anh cũng chẳng thấy khấm khá lên được mấy. Có thể nói, anh vẫn tần tảo, làm bữa hôm, kiếm bữa mai như thường. Một năm kia, bỗng nhiên thằng Ke mắc bệnh lên sỏi. Anh phải nghỉ quấy nước để ở nhà săn sóc nó. Sự túng thiếu cũng theo bệnh thằng bé mà vào trong nhà. Chẳng bao lâu, chính gạo voi, chai nước mắm cạn, mà tiền thì hết. Bệnh của thằng bé lúc tăng, lúc bớt, y như là bệnh ma làm. Anh đi xem bói. Quả nhiên ông thầy bói bảo rằng đấy là bệnh ma. Anh mời thầy cúng về cúng chập cheng một đêm mà cũng chẳng ăn thua gì. Cái bể gạch, cái sân gạch, đem đến anh ngồi bóc, nạy ra từng hòn gạch một, rồi sáng sớm gánh lên tận vùng Bạc để bán. Bán hết nhẵn cả gạch sân, gạch bể rồi!

Một tối, không còn lấy một chữ, anh nhất định nghĩ rằng anh phải nên đi ăn trộm. Cái ý tưởng đó đến với anh rất ngon lành. Bởi dù đi ăn trộm, anh cũng định trộm có một vật nho nhỏ mà thôi. Chiều hôm nọ, đi qua vườn cau nhà ông cai Bạch thấy một cây cau có

một buồng quả vàng ối. Cái thứ cau lứa đang bói gốc. “Giá được buồng cau ấy đem lên chợ Hồ mà bán”. Anh ta đã lầm bầm nghĩ thế. Và như vậy, cái ý đi ăn trộm đã phát hiện rất rành rõ và rất lương thiện.

Chờ cho gà đã gáy rộn mấy canh, anh ta lò dò ra đi. Anh ra đứng ở ngoài cánh đồng một lát, để cho hả tất cả mùi người, chó sẽ không còn đánh được hơi, rồi mới đi lộn vào trong làng. Đường không xa mấy: cách có một xóm và hai khu vườn. Cái cây cau đó ở trê ngay bên góc trại. Đến nơi, anh xé rào, trèo tót ngay lên cây. Anh trèo nhanh lắm, bò có vài bước chân.

Nhưng dù chó không còn đánh được hơi anh Gà Gáy thì anh ta lại vô ý mà trèo nhanh quá, khiến cho cái ngọn cau nó rung *lạch xạch, lạch xạch*. Lũ chó giữ trại khôn đặc biệt. Chúng nghe tiếng. Một con, hai con, rồi ba, bốn, năm con chạy nhông nhông cả ra, vừa chạy vừa sủa nhặng xì. Chúng ngược mắt lên trời thì thấy ngay bóng anh Gà Gáy lù lù như cái bị ở trên thân cây cau. Ấy thế là chúng cứ việc chạy quanh cây, sủa vang từng hồi. Chúng làm nhộn lắm, hăng lắm, ra vẻ giận lắm, chỉ còn thiếu có cái không leo được lên cây thì chúng đành chịu.

Anh Gà Gáy chẳng biết rằng mình nên lên hay nên xuống! Nhảy xuống thì bất khả nhảy. Chó nó nhảy tan xác, mà lên thì cùng đường; tay anh đã rờ đến cái bẹ rồi. Anh bám chặt lấy cây cau, cong mãi lưng lên, mà hai tay hai chân cứ run bần bật.

Lũ chó động hiệu một lát đã có mấy bóng người vác đuốc và vác thùng lùng ra vườn. Chỉ mới trông thấy thế, anh Gà Gáy đã kêu choáng lên rằng: “Tôi đây. Tôi đây. Gà Gáy đây. Các ông đừng đâm tôi. Các ông đừng đâm tôi”. Người ta giơ đuốc lên. Và khi biết Gà Gáy thật thì họ ra lệnh cho anh phải tụt xuống.

Hai chân anh vừa chạm đất, người ta trói nghiêng hai tay anh lại và dẫn ra điếm, giao cho trương tuần để mai mang giải quan. Anh kêu vã bọt miệng, anh ứa nước mắt khóc với mọi người rằng con anh ở nhà ốm thập tử nhất sinh, nên anh mới phải làm liều làm linh... Mà nào anh đã lấy được gì đâu!

Chẳng ai buồn nghe. Bốn người tuần còn đang mải đi cắt tiết lợn để đánh chén ăn mừng... Bắt được kẻ trộm, sẽ được tiền thưởng của làng.

Trong đêm hôm đó, không hiểu thằng con anh Gà Gáy đã chết lúc nào. Sáng hôm sau có người tò mò chui vào lều của hắn để xem

hắn nói có đúng không thì thấy thằng bé con đã đi đời rồi. Da nó xám ngắt. Chân tay nó cong queo lên. Có lẽ lúc chết, thằng bé đã giãy giụa nhiều lắm. Bấy giờ anh Gà Gáy mới được cởi trói.

Từ đấy, Gà Gáy sống còm cõi một mình.

Ngày tháng đi như bay. Hai vai anh lồi bánh chè lên. Nếu khi nào quấy nặng quá, anh đã thấy nó tê tê, đau đau. Rồi thì anh già đi lúc nào cũng không biết. Anh chẳng còn nhớ ngày tháng là gì.

Anh chỉ nhớ đâu có một ngày, người ta gọi anh bằng lão.

Năm nay, lão Gà Gáy đã nhiều tuổi lắm. Có dư bảy mươi. Đầu tóc bạc phơ và mặt lão xum xoe những râu. Lão bán thùng đi từ lâu. Bấy giờ lão chỉ kéo vó tôm suốt ngày. Lão không còn sức khỏe để làm những việc mệt hơn thế nữa. Buổi chiều, khi đã đem tôm lên chợ bán, lão mua về nhà cùng với nửa bơ gạo, một xu rượu rượ. Lão vừa uống rượu, vừa hát hồng âm ỉ, loạn xạ cả đầu làng. Lão đập tay đôm đốp vào cái khung ngực rặt những xương mà hét lên rằng:

- Trời Nam trình vận rần. Bể Bắc hiện diêm rồng. Bốn phương đều thổi ngọn xuân phong. Ngàn năm đặng chúc mừng Tổ quốc. Mồ Bái Công là tước. Ta biểu tỵ Lưu Bang à! Lung tung beng... Lung tung tung beng... beng beng beng...

Lão chỉ còn nhớ để hát được có mỗi một câu ấy. Giọng lão đã khàn lắm. Lão vừa hát vừa chửi.

Không biết tại làm sao, mãi lão ta chả chết. Ốm có đến bốn năm chuyển kịch liệt, chỉ còn nằm ngửa, há mồm ra, không có một ai chăm nom, mà rồi lão cũng lại khỏi.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 445, ngày 26-12-1942.

KHÁCH NỢ

(Truyện ngắn)

Lái Khế béo tròn như quả mít. Đầu lão bịt một vành khăn tai chó, hai cái tai khăn vênh lên như đôi tai trâu. Trẻ con tưởng lão mọc hai cái sừng bò trên đầu. Lái Khế mặc một tấm áo nâu dài dày cộp, chó cắn có thể gãy được răng. Ngang lưng quấn một vòng thắt lưng điều cũ, rách xơ xác. Tay lão ta xách một cây hèo, lua tua mấy sợi tơ đỏ.

Sớm mai đó, lái Khế lên khỏi bậc đá cửa đình làng Nghĩa Đô, thì sương mới bắt đầu tan. Bữa nay, hai mươi chín tháng chạp: phiên chợ cuối năm. Con đường từ Bạc xuống quanh qua cánh đồng sau lưng làng tới tập những người xuống chợ.

Trong làng đã lác đác vài người đi chợ. Mấy đứa trẻ, mấy bà mặc váy, thắt lưng bó que; có cả một bác lôi chó đi chợ bán. Con chó nọ hết sức phản đối. Lưng nó không chùn lại. Nhưng cái xích ống đã đóng vào cổ chó, bác ta vẫn lôi tuồn tuột được nó. Vừa lôi, bác vừa bước tất tưởi. Chợt trông thấy lái Khế đi lững thững, nách kẹp cái hèo hoa, bác kéo con chó, co cẳng chạy miết.

Bác nói thật lớn, cả bọn đàn bà đi trước cũng nghe tiếng:

– Lái Khế đấy!

Một mục hỏi:

– Nó về nhà ai, nhẩy?

Bà nọ lối thông thạo đáp:

– Lại về nhà Hương Cay. Bỏ bu anh Hương Cay!

Khắp vùng này, ai nghe nói đến chữ lái Khế cũng khiếp như khi nghe tiếng cú rúc đầu nhà. Nhất là những người có nợ Bá Khoản trên Bạc. Bởi lái Khế là nặc nô đi đòi nợ cho nhà Bá Khoản. Gọi cho sang trọng thì gọi lão là ông khách nợ. Không hiểu tại sao, người ta lại trêu lão mà gọi là lái Khế. Thực lão chẳng buôn đường bán kẹo gì

bao giờ. Lão đi ở cho nhà Bá Khoản đã mấy chục năm nay. Ba mươi tết nào lão cũng được cụ Bá cho vắc hèo đi hoạch hợe đòi nợ và ăn va những nhà có nợ ở các làng.

Bây giờ lái Khế xăm xăm vào trong xóm. Rồi quả nhiên, tạt về phía ngõ bên nhà ông Hương Cay.

Nhà Hương Cay không có cửa mà cũng chẳng có một que hàng rào. Lái Khế nhòm khắp chỗ, chẳng thấy bóng ai. Lão nhòm cá xuống gầm phản. Chiếc phản đã một rùng, mỗi đùn dưới gậm từng đóng đất to xù xù. Cầm cái hèo, lão đi xét nhanh, gõ đóp đóp vào các bức vách. Từng tảng đất vách, trấu trắng phếch ngã xuống, lẩn lóc. Rồi lão ra sân. Mảnh sân những cây lá ké dại thấp lè tè, đóm hoa vàng sọng. Quanh năm dáng chẳng ai bước vào đây. Rõ cảnh bần hàn quá, nhà khó như nhà hoang. Bỗng lái Khế cong cổ lên, gọi thực to:

– Ới Hương Cay! Hương Cay ơi!...

Tiếng lão ồm ồm, ông ổng, nghe nhức tai. Lão gọi vu vợ. Chẳng thấy ông Hương Cay ở mô ở tê. Trong cái hàng rào dâm bụi đằng sau nhà, có đôi ba chiếc đầu trẻ con thò ra ngó lơ láo rồi lại thụt mất, theo với tiếng chân chạy huỳnh huých.

Lái Khế quay vào trong nhà, đặt chiếc hèo lên án thư. Lão ngồi lù lù trên tấm phản giữa. Lão ngáp rên mấy cái. Mới sáng ra lão đã ngáp. Đêm qua lão đánh chấn, thức khuya quá. Ai ngáp nghĩa là gọi cơn buồn ngủ tới. Cơn buồn ngủ đến đậu ngay hai bên mi mắt lão. Đôi mi nặng quá, cơ hồ lão phải trịu xuống. Lão ngấm quanh quất, ý muốn tìm cái chiếu... Nhưng không có. Lão liền ôm cả cái ổ rạ ở dưới đất lên, xếp lênh nghênh trên phản. Rồi lão chui người vào giữa ổ rạ, đầu và chân tay thò ra cong queo như một con bò thui. Một chốc, tiếng gáy đã vang rờn rờn...

Mỗi năm lão thường đến nhà Hương Cay đòi nợ một lần, vào ngày phiên chợ cuối năm. Món nợ hơn mười đồng bạc. Không phải ông Cay nợ Bá Khoản. Mà là bà mẹ đẻ ra ông Hương ngày trước đã nợ bố lão Bá Khoản. Khi bà cụ mất, trước mặt con và chủ nợ, bà cụ trối lại rằng: “Tôi không dám ăn cướp của ông bà đâu. Con tôi rồi nó phải chu tất. Con ơi! Mà nhớ lấy nhời mẹ...” Món nợ được viết văn tự miệng sang tên như thế. Nó thành một thứ nợ lưu cữu truyền kiếp. Cho nên, có năm Bá Khoản quên dặn lái Khế, mà lái Khế cũng sang đòi như lệ thường. Lão đi đã nhẩn ngõ, nhớ cả ngõ có mấy hòn gạch. Vợ Hương Cay sợ lão lắm. Sợ lão đánh, sợ lão “bình” các trò ma ra

nhà, ra cửa. Bởi thế bao giờ gần tết, thấy lão lù lù đi ngoài ngõ vào, bà ta phải đon đả ra, cười cười nói nói:

“Kìa ông đã sang. Mời ông vào chơi...” Rồi mụ xuýt soa như khẩn: “Năm nay hàng họ ế ảm lắm. Nhờ ông về nói với cụ Bá thư thư cho nhà cháu đến sang giêng ngày rộng tháng dài. Thôi gọi là...” Lão cúi cái đầu gáo dừa xuống nhìn hai hào bạc trắng nằm trong lòng bàn tay bà Hương. Lão giốn lấy, đút vào hầu bao, buộc thắt nút lại.

Sang năm, ngày rộng tháng dài, người con nợ có trả được nợ hay chưa, lão không cần biết.

II

Đến lúc lái Khế bùng thức dậy, mặt trời đã xé.

Ánh nắng nhạt luôn khe vách thủng, đọng từng miếng nhỏ lỗ chỗ trên nền trời đất tối, lão vươn vai mấy cái. Cùng với tay giơ lên, miệng lão kêu “Ồi trời ơi” râm rĩ. Cái thói của lái Khế bao giờ cũng vậy, vừa vươn vai vừa gọi trời.

Lão ngơ ngác ngó quanh nhà. Lão biết vợ chồng Hương Cay chưa về. Lão ngồi ngẩn, đôi mắt liu diu, bộ suy nghĩ ráo riết.

Lão nhớ rằng nhà này vốn không phải là nhà trây lười với khách nợ. Đã từng đi đòi nợ cho chủ hàng trăm cửa, lão thuộc từ con chó đá thôn đầu ngõ, đến cái bát ăn trong nhà. Thường người ta hay khoản đãi nặc nô cho trọng hậu. Nhà nào khá mà gân bướng keo cú, lão “đóng đô” cho mấy ngày liền. Tới khi phải lẽ sống mà dâng bạc, lão mới chịu đi. Ừ, đã đành là nhà này không thể làm gì có tiền trả nợ cụ Bá. Nhưng năm nào chẳng thế, lão vừa tới cửa, không để nói lời thôi, mụ vợ vẫn đưa biểu lão ít nhất cũng là hai hào. Khổ chủ đây không phải là một thứ khổ chủ quen lẩn khách nợ.

Nhưng năm nay, hẳn hoi là vợ chồng Hương Cay định trốn lão nặc nô này. Họ lẩn đi đâu từ sáng sớm. Đi chợ? Đi chợ tất cũng phải có lúc về. Đi xa? Ba mươi tết là hôm nay, ai còn đi khỏi nhà! Vậy thì vợ chồng nhà nó đi đâu? Mặt trời tròn bóng. Rồi mặt trời nghiêng ra phía trước cửa. Nhà vẫn vắng tanh. Cả cái xóm lẻ ấy cũng vắng tanh vắng ngắt. Ngoài bờ ao, có tiếng đàn bà nói léo xéo và tiếng cọ lá dong sần sạt. Xa xa, những hơi thở vang động của ngày phiên chợ miên man tới, mơ hồ như có như không.

Lái Khế đứng lên trên phản. Hai chiếc mễ già nua rên rĩ, cút kít dưới tấm ghế mọt lắc lư, chao đi chao lại như chiếc thuyền thúng. Tự nhiên, lão vén quần đá một bãi ra giữa nhà.

Thế rồi buổi chiều bắt đầu ngã xuống. Chiều hôm nay rét rướn căm căm, nhưng thiếu gió bắc, sương hôm đã lẫn lên. Tiếng nói cười của những người đàn bà vo gạo nếp và cọ lá dong muện ngoài bờ ao cũng không còn nữa. Nhưng thay vào đấy, vắng vắng tiếng cãi nhau đòi nợ, và đây đó, những tràng pháo nhỏ cúng tất niên lạch tạch vắng lên. Cái thanh vắng của một chiều hăm chín tết bắt làm ba mươi đó, nứt vỡ ra.

Lão không thể kiên tâm đợi thêm được. Ra vợ chồng nhà thằng này chí tình trốn khách nợ. Lái Khế, lái Khế phải giở thủ đoạn của mình để thị uy với những quân ôn vật này. Lão đứng phắt dậy. Tấm phản đổ sập xuống như một cái bẫy chuột. Cả chiếc án thư cụt chân cũng giật mình nghiêng ngả chuyển răng rắc.

Chợt lão trông ra ngoài sân, thấy ngói sau bụi ké, một con chó vàng, con chó gầy hốc hác, vêu bốn chiếc xương hông. Ngắm con chó thảm hại, lão lẩm bẩm:

– Con chó nhà nó cũng đói sùi bọt mép ra thế kia, mình còn hòng ăn cóc gì. Thôi, xéo.

Chiều đã muện. Lão lái còn phải về trình cụ Bá, rồi mới được về nhà ăn tết.

Lái Khế cố để ý lại một lần nữa xem có món gì khả dĩ có thể xách về được chẳng. Cái phản mọt, cái án thư gãy một chân. Giường thờ, lơ láo một cái bát hương nhỏ. Trên vách, một cái ống tre buộc lủng lẳng. Dáng là cái ống đựng quyển sổ biên ngày kỵ ông vải. Không một nén hương, một mẫu nến, một trăm vàng. Một mảnh tranh gà cho trẻ con chơi cũng không nốt. Tết, tết chẳng gọi một bóng vía ở nơi lạnh lẽo này. Nhưng lão nghĩ ra rồi. Lão xách chiếc bát hương xuống, đổ cát đi. Lão lấy chiếc ống đựng sổ. Rồi một tay cầm chiếc hèo hoa, kèm ống sổ, nách bên kia cắp cái bát hương lão đi ra ngõ. Tới đầu ngõ, Khế ghé bờ rào hàng xóm gọi với:

– Bác ấy ơi, bác ra cho tôi nhờ.

Một cái đầu đàn bà lấp ló.

– Nhà bác Hương Cay đi đâu thế bác?

– Chắc ông ấy đi chợ.

– Gớm hai vợ chồng cùng đi chợ mất mặt từ sáng.

Người đàn bà nhăn nhó, cười, pha trò nhạt:

– Bà ấy xuống ở âm ty tháng trước rồi, chỉ còn ông ấy ở một mình thôi...

Không ngạc nhiên, nhưng đứng tần ngần một tí, rồi lái Khế nói:

– À nhờ bác, lúc nào nhà bác Hương Cay về, bác bảo sang nhà lái Khế mà chuộc bát hương, bài vị nhé. Mai mồng một năm mới, không có nó thì ông vãi không về được đâu.

Rồi lão rảo bước ra đường. Bỗng khoạc một tiếng dưới chân. Vội ngoảnh lại: con chó vàng khặc khừ ban nãy chạy theo, đợp trộm lão một đợp vào bắp chân. Lông nó xù dựng lên, gớm chết. Bọt mép vẫn phòi rùng rùng. Và hai mắt nó đỏ ngầu tựa hai miếng tiết bò. Lái Khế thở xì một tiếng, giơ thẳng cái hèo hoa, phết vun vút xuống đầu con chó. Con chó chồm lên, ngoạm miếng nữa vào tay lão, rồi nhanh như biến, nó cúp xuống, lưỡi đỏ thè dài ra, hục hặc chạy đi mất.

Lái Khế cau có chửi con chó cắn trộm mấy câu. Lão cúi xuống xem vết chó cắn. Tay chỉ hơi sần da, còn chân thì may, nhờ cái quần nâu dày, bắp chân lão chỉ bị ngoạm một nanh nhỏ. Máu chảy rơm rớm. Trời lạnh lão hơi xon xớt. Nhưng chẳng hề chi, lái Khế vốn lành da.

III

Sẩm tối, ông Hương Cay mò về nhà.

Trên lưng, ông công thành Ớt. Từ độ mẹ chết, thằng bé quấy quá. Thực ra, lúc chiều đã có lần ông Hương lấp ló về đầu ngõ. Nhưng nghe tiếng lái Khế còn ho khoạc khoạc trong nhà, ông lại ù té chạy. Không có xu nào biếu nó, ông không dám về. Ông sợ nó đánh.

Bước chân vào nhà ông đánh hơi thấy một mùi hoẵng hoẵng. Ông bèn sang bên hàng xóm xin lửa, và nhân tiện lấy cái đèn. Sáng sớm, lúc đi trốn khách nợ, có cái đèn, cái vò gạo, và cái điều ăn thuốc, ông đã đem gửi bên này. Những việc hàng năm vẫn gửi ấy, đã thành kinh nghiệm và thói quen. Hàng xóm kể lại cho ông nghe những điều lái Khế nói lúc nãy. Ông Hương nức lên mấy tiếng mà không nói, hai tròng mắt đỏ hoe nước mắt.

Ông lật đật đi về, rồi ông lại sang nói chuyện với vợ chồng đi Hừ:

– Nó đái ỉa cả ra nhà tôi, lấy bát hương, bài vị nhà tôi đi, lại dất mất cả con chó vàng óm của tôi đi rồi.

– Hoài của.

Nhưng người vợ nói:

– Bây giờ tôi không thấy nó lòi con chó mà!

Anh chồng bảo:

– Chẳng nó thì còn ai vào đấy!

Ông Hương Cay thở dài:

– Thế là bố con tôi mất cái thịt tết.

IV

Hôm mừng bẩy hạ nêu, lái Khế uống một bữa rượu say. Lão quát con, chửi vợ rầm rầm. Rồi lão gục xuống chiếu, ngủ ngáy khò khò...

Ngủ được một giấc ngắn, lão tỉnh dậy ngay. Quái sao đầu lại nặng như mới đeo thêm cái cối xay. Khéo mình bị men rượu bốc lên đầu. Chống khuỷu tay, đứng dậy. Khuỷu tay lão quy gập xuống, lái Khế ngã lăn ngay ra. Một cơn sốt kéo đến hun đốt ruột gan, da thịt lão. Sốt đến nổi lão phải rên hu hú, và tuy trời lạnh buốt, mồ hôi trán cứ vã ra.

Vợ lão lấy gừng và rượu đánh gió cho lão. Nhưng mụ vừa mó tay vào chân, lão đã giãy nảy, đẩy ra. Da lão sần vẩy ốc lên. Lão sợ ai đụng vào người, sợ cả gió, cả cửa mở.

– Đóng hết cửa lại cho tao. Đóng lại. Gió lùa vào thì ông chết tươi ngay bây giờ đây này.

Dần dần càng sốt già. Lão sốt cuồng. Lão sốt, múa cả hai chân, hai tay lên. Vợ lão khiếp quá, cứ chạy quanh quần từ trong nhà ra ngoài sân, lại từ ngoài sân vào trong nhà. Mụ rụt rè không dám chạy đi gọi ai. Năm mới chưa động thổ, bà con anh em nào dám đến thăm người bệnh. Bây giờ cái mặt lão Khế đỏ xuống tận quanh cổ. Hai tay của lão cũng đỏ tía. Mắt lão trợn ngược lên, đục ngầu, thắm đòng đọc. Sốt lên quá. Lão cứ phải luôn há miệng. Cái lưỡi lão thè ra thê lê.

Lão lái Khế hết có cái dáng của con chó vàng ốm của nhà ông Hương Cay hôm nọ. Đúng lão giống một con chó dại.

Đến chiều, nóng ruột không thể đứng được, mẹ lái phải ra kể bệnh chồng cho ông lang trên đầu chợ nghe.

– Hồng! Hồng! Hồng!

Rồi tiếp:

– Lão nhà bị chó gió cắn. Mau mau về hỏi xem có phải không?

Lúc mẹ về đến nhà thì lão lái Khế đã không còn là lão lái Khế. Lão mê rồi. Quần áo, lão xé toang, không còn dính một mảnh vào người. Lão không biết rét. Mẹ vợ đi vào, lão chồm ngay lên. Mẹ chạy tụt ra. Vô trượt vợ, lão ta ngã lăn ra như một quả dưa rụng.

Hôm sau, lão lái Khế chết. Lão chết điên, cứ móc hai bàn tay vào họng. Vợ con đứng ngoài cửa nhòm vào. Tịnh không có một người dám tới thăm. Cụ Bá Khoản nghe tin lái Khế chết, đãi tiền mua cái áo quan gỗ tạp.

Đám ma lái Khế, bốn người khiêng cái hòm ra tha ma, sau làng. Theo sau quan tài, vợ lão khóc ti tỉ. Thằng con lếch thếch đi bên cạnh mẹ. Bố nó cao lớn thế mà nó gầy đét như chiếc tấm.

*Tiểu thuyết thứ bảy, số 447,
số xuân Quý Mùi, năm 1943.*

NHÀ NGHÈO

(Truyện ngắn)

Họ thường cãi nhau vì những cơ rất nhỏ nhen, không có nghĩa. Cái đó cũng thành một thói quen. Lúc nào ngứa miệng, muốn to tiếng, là to tiếng liền. Hàng xóm bốn bên bị nghe chán cả tai, không buồn nghe nữa.

Cũng như thế, hôm nay hai vợ chồng anh Duyệt lại cãi nhau âm lên. Đầu tiên, có gì đâu! Khốn nạn, câu chuyện rắc rối chỉ chớm như thế này:

Anh Duyệt thì nằm trong nhà, ghéch hai chân lên cột, ư ử mấy câu Kiều lấy: *"Trăm năm trong cõi người ta, Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau"*. Anh ngâm đương có hứng. Cái cột nhà rung lạch cách với hai bàn chân. Chị Duyệt ngồi đụp áo ngoài sân. Bỗng nhiên, không hiểu việc gì, chị muốn tìm cái Gái. Trong ngoài đầu ngõ không có. Chị gọi:

– Gái ơi!

Không có tiếng đáp. Chị réo:

– Ố ơi... Gái... Cha đẻ mẹ con chết giẫm, ngã xuống ao xuống chuôm nào rồi!

Đương ngâm vịnh, bị có người làm râm rĩ, hồng mất thú, Duyệt nói chớ ra:

– Làm cái gì mà nhặng lên thế! Có im đi không?

Chị không im. Chị nói thêm:

– Người ta gọi nó mà cũng cấm hả?

Chưa thôi, chị lại đay:

– Nằm chổng lên đấy, hát với hồng, được cái tích sự gì!

Cái chỗ này mới là cái tức. Ra ý mĩa anh không đi làm bữa nay, vô tích sự đấy. Này, trời! Thực con đàn bà kia ăn nói những điều phụ công phụ của quá đời. Cả năm anh đi làm quần quật. Họ có ngày

người ta hết việc, mới được nghỉ như hôm nay. Rồi rã thì anh nắm một tý chứ sao. Nó láo quá. Anh bèn mắng:

– Tao bảo cho con què biết rằng hai cái bàn tay này mà rời việc ra độ mười bữa thì mẹ con nhà chúng mày rã họng ra! Đừng có...

Anh cũng không biết “đừng có” thế nào nữa. Anh im. Chị Duyệt đáp:

– Người ta làm lắm thì người ta ăn nhiều chứ! Đây què thì đây cũng làm sao. Thử sờ lên gáy mà xem.

Thế là người ta nói cạnh nhau. Chị Duyệt vốn có tật ở chân bên phải từ thuở lọt lòng. Đã mang tật, lại con nhà nghèo, nên ba mươi tuổi chị mới lấy chồng. Mà chồng cũng chẳng ra hồn chồng. Anh Duyệt nguyên là người ở đâu đến ngụ cư ở đây. Ngụ cư đi làm mướn chứ cũng chẳng danh giá gì. Khi anh gặp chị, thì đôi bên đã là cảnh xế muộn chợ chiều cả rồi, cho nên cũng dễ dãi mà lấy nhau. Và họ sinh con đẻ cái cũng thực là dễ dãi. Hai năm một, ba năm đôi, thắm thoát mà đã riu rít được ba đứa. Con Gái, con bé đầu lòng. Rồi thằng Cẩng, thằng Chân. Ấy là bỏ mất hai đứa về sau, nếu không còn lít nhít nữa kia. Thêm ba miệng con ăn, cũng đã là khổ lắm. Nhiều khi hai vợ chồng cãi nhau om sòm cũng chỉ vì vấn đề mấy đứa trẻ nhãi ăn không ngồi rồi đó. Con Gái lớn đã biết, nhiều lần cha mẹ cãi nhau, nó ngồi khóc thút thít. Thằng Cẩng thì dất thằng Chân xúm lại xem.

Bữa nay, hai vợ chồng cãi nhau, thì lũ trẻ đi chơi vắng. Nhưng đến lúc cơn bão cãi nhau đương nổi hăng thì chúng ở đâu lù lù dẫn nhau về. Con Gái công thằng Chân. Thằng bé ngất ngưỡng ngủ, ngoẹo một bên đầu, dãi và nước mũi chảy lòng thòng. Thằng Cẩng chập chững đi sau lưng chị. Nó giả cách đương làm quan. Nó cầm cái roi lá phết đen dết vào cánh tay chị Gái và chửi rậm rĩ. Nhưng vào đến trong sân, nghe tiếng bố mẹ nói to, thì Gái đứng yên mà Cẩng thì tưng hửng. Chỉ có thằng Chân vẫn ngủ khò khè. Lúc ấy, cáu quá, anh Duyệt nói nặng vợ một câu.

Anh vừa nói xong, thì người vợ trông thấy lũ con dẫn nhau vào, chị lu loa:

– Ấy đấy, chúng mày về mà nghe bố chúng mày chửi tao.

Cáu anh Duyệt văng:

– Ủ, thì ông chửi cha con què đấy.

Lập tức, mẹ Duyên ôm mặt, khóc ti tỉ. Rồi mẹ kể lể. Nhưng không phải là kể lể với chồng, hay với ba đứa con, mà là kể lể nỉ non với cái bức vách trước mặt:

– Ồi thiên địa trời đất ơi! Ồi cha ơi! Ồi mẹ ơi! Tôi ăn ở với người ta chẳng gì cũng năm bảy mặt con, con sống có con chết có, mà nữ nào người ta réo ông réo cha tôi lên. Cái thân tôi cực nhục trăm đường. Tôi buộc bụng nuôi con... hu... hu...

– Mà y đẻ lắm thì mà y nuôi nhiều...

– Ồi ông cả bà nhớn ơi! A bấy lâu tôi nằm với... chó đấy a...

Anh Duyên dùng dùng chạy ra:

– Chó này!

Nhưng anh chưa thui, vợ anh đã ngã lăn kên, tay chân múa đành đạch, rên rĩ:

– Đánh chết tôi đi! Cứ đánh chết tôi đi!

Hai đứa con thấy bố làm dữ, sợ quá, ôm díu lấy nhau, khóc inh ỏi. Nằm trên vai chị, bị thức giấc, thằng Chân cũng bật khóc theo. Cả một góc xóm vắng bỗng vang tiếng khóc. Những con chó, nằm rồi chẳng biết chuyện gì cũng hóng mồm cắn sưng. Anh Duyên tức lắm rồi. Cơn nóng kéo đến đầu anh. Những chiếc gân xanh ở xung quanh trán và cổ nổi đũa lên. Giậm hai chân bạch bạch, anh quát:

– Ông giết chết cả lũ! Ông giết chết cả lũ chúng mày rồi ông đâm cổ ông sau. Những cửa nợ kia, ông nhất quyết sửa chúng mày trước, rồi đến con mẹ chúng mày.

Những cửa nợ ấy khiếp vía, bấu nhau, chạy miết. Chị Duyên cũng lật đật trở dậy, ôm váy lạch đạch ra ngõ. Duyên quay vào bếp tìm được con dao phay, hồng hộc ra, thì cái sân đã không còn ai. Anh quẳng con dao “choeng” một tiếng xuống đất.

– Từ giờ đến chiều, ông bắt được đứa nào thì ông giết chết tươi. Ồi trời ơi! Chúng mày làm khổ ông! Ông mà đến nỗi thân tàn ma dại thế này, cũng vì chúng mày. Chứ ông đâu đến nỗi.

Ngoài ngõ có tiếng nheo nhéo đáp vào:

– Nào tôi ăn tàn phá hại gì của ai? Nào tôi bòn rút của chím của nỏ gì ai? Một nhời nói một đọi máu, ăn nói còn có trời đất, có quỷ thần hai vai chứ!

Thế này thì Duyên uất đến chết được! Nó cứ núp ngoài kia mà

đôi vào từng tiếng. Anh đuổi, nó lại chạy. Anh uất run mười đầu ngón tay bần bật. Anh đập một cái gì cho đã. Trong nhà chẳng có thứ gì khả dĩ đập được. Cái giường, cái án thư, cái cột. Toàn những đồ đau tay. Có con dao, thì anh đã đập lên đập xuống nhiều bận rồi.

Ngoài cửa, mù lăm điều lại la trời, la đất. Trời ở đâu mà la. Đất thì giẫm dưới chân đó. Kêu lăm mỗi miệng. Nhưng mà nó nói như chọc dao vào trong óc anh. Vụt một ý, anh Duyệt bỗng kêu lớn:

– À, mày đã khỏe to họng, ông đốt nhà cho mà xem.

– Anh đốt nhà thì hàng xóm bắt vạ anh.

– Thì ông đi ngồi tù, cho chúng mày đi ăn mày cả lượt.

Mụ vợ đứng ngoài bờ rào, ngó thấy chồng hăm hở, hục hặc đi tìm lửa, vội kêu chóc:

– Ôi ông cả bà nhớn ơi! Nó đốt nhà... Thằng Duyệt nó đốt nhà... Nó...

Chẳng có ông cả bà nhớn nào chạy đến. Ai cũng đi làm chưa về, cửa ngõ đóng trở ra. Nhưng rồi loanh quanh mãi vẫn chưa thấy anh Duyệt đốt được nhà.

Thì ra, nhà không có một chút lửa. Mỗi bận thổi cơm, cái Gái vẫn phải ra tận đầu xóm xin lửa. Và tối thì mọi người trong nhà đi ngủ cùng với mặt trời không cần đèn. Biết vậy, chị Duyệt yên trí, lại sắp hờ trời hờ đất. Xong nào đã thôi.

– Mày tưởng ông sợ à? Ông đi xin lửa cho mà xem.

Có lẽ anh toan chạy đi xin lửa thực. Và chị vợ cũng sửa soạn kêu nũa. Nhưng trên không trung, từ ban nãy, ông trời bao la đương đau bụng, mặt ông xám xịt lại, bụng ông sôi ục ục, réo róc. Rồi bỗng nổi gió giạt, lạnh ngắt, sau cùng đổ xuống một trận mưa lớn.

*
* *

Bấy giờ là đầu mùa hè. Trời ít mưa. Nhưng đã có trận nào thì mưa rõ ra chuyện. Trận mưa đó thực to. Nước xối xuống rào rào, trắng xóa. Ở những vườn chuối, nước giội lưng bùng như đánh trống. Từng cơn gió chạy dài, rít lên, đập đùng đùng. Trên những mảnh sân thấp, nước ngập lưng thêm. Được độ một lúc lâu, mưa dần dần ngớt. Những đám mây nước tản mỏng bay nhanh như biển. Mặt trời lại ló

ra. Trời đất sáng ngời. Màu lá cây xanh mượt. Những con chim sáo sậu nhanh nhẩu linh tinh bay ra hót từng hồi véo von dài. Mưa tạnh.

Bấy giờ khắp làng bày ra một cảnh lạ mắt. Ở các ngõ lối nhỏ chạy từng đám người. Đàn ông thì cởi trần tròng trọc, đánh chiếc khố đơn. Đàn bà phong phanh cái yếm, đội sùm sụp chiếc nón.

Con trẻ con thì trần truồng như những viên đá cuội. Người ta chạy đổ xô đến các ngạch cổng, các bờ ruộng và các luống vườn. Tay mỗi người cầm một cái giỏ. Họ chen nhau, chạy, tới tấp. Họ đi đâu?

Vì trời vừa mưa xong. Ở những mặt sân đất, sôi bong bóng. Trong các lỗ ngập nước, giun quần quai tòi lên. Trong các bụi cây tối và ướt, từng đàn nhái và từng đàn châu nháy ra. Nhờ có trời mưa ngập nước, con giun con sâu nhoi lên, chúng ra kiếm ăn. Và người ta cũng kéo đi bắt nhái, bắt châu kiếm cái cho người ăn. Không hẹn mà cha, con, chồng, vợ nhà Duyệt cũng gặp nhau trong cái đám đông đi bắt nhái bắt châu này.

Mưa vừa tạnh, chị Duyệt chẳng biết trú ở đâu, đã xon xon chạy về lấy giỏ. Thì chị đã thấy khuyết hai cái giỏ treo trên đầu bếp. Anh Duyệt và cái Gái đã ra vườn rồi. Thành Chân và thành Cẩng đã được chị nó nhốt cẩn thận vào gậm phán, bốn bề chắn gỗ kín đáo. Hai đứa trẻ loanh quanh cứ bò lấp ló thò đầu ra như hai con chó con. Chị và bố chúng đi bắt nhái. Anh Duyệt đã hết giận vợ, để bụng nghĩ đến bữa cơm chiều nhiều hơn. Bữa cơm mà có cái thịt nhái nướng thơm phức, chấm với muối ớt, nhai giòn rau rầu, ngon tuyệt.

Chị Duyệt cũng vác giỏ chạy. Người ta đã đổ ra nhiều quá, không bắt mau, hết mất. Chị gặp chồng. Cái thành phải gió ấy cũng chịu khó vồ nhái ra dáng. Mặt nó không sưng sía lên nữa. Ấy vậy mà lúc nãy nó đã hùng hổ những giết con, giết vợ, đốt nhà!

Chị Duyệt gặp cái Gái. Nó giơ giỏ lên khoe với u. Cái giỏ đã được lưng lửng. Trong giỏ, nhái xô nhau oe óe. Con Gái nhe hai hàm răng cái mả đen xỉn, cười toét. Rồi nó lại lễ mễ vác giỏ xuống một vệt ao gần đấy. Trong khi mẹ nó tát tả ra miệt đầu đình.

Gái rón rén bước. Nó vạch xem từng ngọn cỏ. Những cây cỏ nước xanh om, vươn cao ngọn, lòa xòa cửa vào người, khiến nó ngứa ngáy khó chịu. Nhưng mỗi lần túm hoặc vồ được một chú nhái, nó bẻ gãy hai chân sau, bỏ tót vào giỏ, thì nó lại cười tùm tùm một mình. Nó lần theo vệt ao, khuất sau mấy rặng dứa dại lờm chớm. Đàn nhái nhảy lồm bồm xuống nước.

*
* *

Cuộc bắt nhái trời mưa đã vãn, ai nấy ra về. Anh Duyệt xách giỏ về trước. Thứ đến chị Duyệt. Thằng Chân và thằng Cẩng phải tù trong gằm phản, đương khóc be be. Chị Duyệt đưa cái giỏ nhái của mình cho chồng rồi chạy lại dỡ gạch, lôi hai đứa con trong gằm phản ra. Chị nựng con cho chúng nín. Anh Duyệt ngồi ngẩn ngơ nhìn hai giỏ nhái. Nét mặt anh đờ đẫn. Có lẽ anh đương tưởng tượng đến bữa nhắm thú vị chiều nay. Bỗng chị Duyệt nói:

– Này con Gái chưa về nhỉ? Nhà đi gọi nó xem...

Giọng chị ả dịu lại. Chính anh Duyệt cũng không còn tưởng rằng lúc nãy mình vừa cãi nhau kịch liệt với vợ. Anh đứng dậy, đi ra ngõ. Vừa đi, anh vừa lẩm bẩm: “Tiên nhân con ranh, đi đâu thì chết rấp ở đấy”. Rồi anh gọi:

– Ối Gái...!

Ở trong sân, vợ anh nói với ra:

– Nó đi về phía ao nhà ông Cả Tràng ấy. Để mẹ con ranh con.

Anh Duyệt đi về phía bờ ao nhà ông Cả Tràng, về phía có nhiều cây dứa dại, thì anh trông thấy cái Gái. Cái Gái nằm gục trên cỏ, hai tay ôm khư khư cái giỏ nhái. Lưng nó trần xám ngắt. Chân tay nó co queo lại. Người bố nhìn đứa con nằm chết, rú lên một tiếng quái gở. Tuy cống lắm, nhưng anh cũng còn nhìn thấy ở ngay bên vệ ao, trên lớp bùn phẳng mới nguyên có một lốt rấn bò dài như cái sào nứa còn hằn lại.

Duyệt cúi ẳm sát con. Anh chợt nghĩ rằng bấy lâu nó vào cửa vợ chồng anh, cực khổ trăm đường. Người nó bao nhiêu xương sườn giờ hết cả ra. Thương ơi! Bây giờ nó bỏ nó đi. Hai hàng nước mắt rỏ rờng rờng. Anh ghé vai, xốc con lên. Anh cõng cái xác con vẫn còn ấm nóng, chạy về.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 452, ngày 13-5-1943.

CỎ DẠI

(Hồi ký – Trích)

Tác giả kể lại một cách xúc động về “những ngày ấu thơ nó leo hoang trong đám cỏ bên lề đường đi. Cái giống cỏ dại, cỏ không tên, rườm rà, ken khít nhau bò ngẩn ngơ trong mấy khoảng đất rác rưởi”. Những ngày sống êm đềm ở quê ngoại với mẹ, với ông ngoại, trong căn nhà gạch cổ, với mảnh vườn bé tẹo sum suê cây quả mà chú bé Sen khéo tổ chức thành một “sở bách thú” hết sức hấp dẫn.

Hình ảnh của những người thân bên ngoại và bên nội lần lượt hiện về: người ông lặng lẽ, hay rượu; người mẹ hiền lành, đảm đang; đứa em gái lanh lợi, láu lỉnh, không may bị bệnh sốt chết sớm; người cha vì mất việc phải bỏ nhà, phiêu bạt vào Nam Kỳ kiếm ăn; bà Ba, bà cụ sinh ra “mẹ già” của tác giả sống hiu hắt như cái bóng nhưng hết lòng yêu quý đứa cháu hờ.

Tác giả kể lại những kỷ niệm khó quên của đời học sinh: những ngày đầu đi học ở trường làng thật khủng khiếp và buồn cười; hơn hai năm trời ra Hà Nội ở với người bạn thân của bố, tiếng là trọ học, nhưng cả ngày quần quật làm đủ thứ việc linh tinh của một cửa hàng tạp hóa: dọn hàng, đánh giấy, cọ chai, lau xe, phụ thổi cơm, rửa bát.

Thông qua những hồi ức sinh động, Tô Hoài đã ghi nhận cảnh đời bần hàn, lam lũ của người nông dân và cuộc sống quần quanh, mòn mỏi của lớp thị dân nghèo.

Dưới đây, chúng tôi trích tuyển phần đầu của tác phẩm (trang 29-67 theo bản in của Nhà xuất bản Hà Nội, 1944) kể lại những ngày cậu bé Sen còn nhỏ tí, sống trong tình thương yêu đùm bọc của những người thân ở quê ngoại Nghĩa Đô và quê ngoại Cát Động.

Khi mới sinh tôi, tôi được gọi ngay là thằng Cu – cái tên chung thông thường của những đứa trẻ khác trong vùng. Mấy năm sau, tôi đã biết bập bẹ đòi ăn quà bánh, cả nhà đặt cho tôi một cái biệt hiệu là thằng Bò Cầu. Hai chữ này cũng chẳng lạ. Nó là tên một thằng ăn mày, ai cũng đều biết. Bò Cầu là một tay ăn mày sống từ thuở thiếu niên cho tới khi già lão, rồi chết ở trong vùng tôi. Ngày còn trẻ,

Bòi Cầu làm nghề khuôn vác lật vạt. Về già, Bòi Cầu đứng lêu bêu ngoài đường và vào xin cơm từng bữa. Tôi chỉ còn nhớ mang máng Bòi Cầu. Lão thường đi vắn vợ trên đầu chợ. Quần áo rách lượm tượm. Cái bụng phình như cái chum có một hùm rốn sâu hoắm. Mặt lão chảy dài, lúc nào cũng nhăn nhó. Và đầu lão thì to như một cái chõ đồ xôi.

Tôi được cả nhà bầu cho cái hình dong hao hao giống Bòi Cầu. Bởi đầu tôi to quá. Cái đầu tôi đã to thô lỗ, lại méo mó gồ ghề như một quả mít. Tôi nghe bà tôi nói rằng trước đầu tôi cũng tròn trịa dễ coi. Năm lên ba, tôi đã thôi bú u và lên ngủ một giường với bà tôi. Tôi hiền như một cục đất, xa u mà đêm cũng không khóc. Lúc nào tôi thức giấc, có ự ự rục rịch hờn, bà tôi liền dọa: “Kia kia con kèng kẹc cắn chân... Nín đi, cháu!”. Tôi im ngay. Bà tôi cất tiếng ru ạ ời... Thế là tôi lại ngủ yên, đầu gối trên cánh tay bà. Đầu gối trên cánh tay bà mãi, đầu mới thành méo và lồi dài về phía sau.

Người tôi gầy kheo khư. Nước da trắng bủng, xanh xao. Chân tay quắt như mấy ống nứa. Cái cổ ngẳng, dài nghêu. Ấy vậy mà đầu tôi lại to. Cái đầu khổng lồ choán tất cả. Và ở cái thân thể yếu o ấy, thôi! Đủ các thứ bệnh tật. Những bệnh giun, bệnh tướt, bệnh đái dầm chẳng kể làm gì. Bởi chúng hằng ngày xoàng xĩnh quá. Riêng một mớ đầu phía sau gáy tôi cũng đã mang một cái nhọt liên miên hàng mấy năm trời. Nó biếu gồ như một nắm tay chắp thêm vào đầu. Mỗi năm, cứ đến mùa hè, nó lại sưng tấy lên một dạo rồi vỡ mủ. Còn thường, nó đẹp miệng, nhưng luôn luôn tiết ra một chất nước vàng nhầy nhựa, tanh vô cùng. Chữa bao nhiêu thứ thuốc cũng không khỏi dứt. Một hôm, xem xét cái đầu danh của tôi kỹ lắm, rồi ông tôi nói:

– Đích nó là cái thiên trạch mạch lươn. Đầu danh có ngòi ăn vào tận trong óc. Không chữa cẩn thận, có khi khốn. Cái này phải vào Sóng lấy thuốc cao thì mới khỏi được. Thuốc cao ông lang Sóng chuyên trị cái giống mạch lươn.

Tờ mờ sáng hôm sau, ông tôi đi vào Sóng. Từ nhà tôi vào đến miền Sóng, đường tắt qua cánh đồng dài ngót hai mươi cây số. Ông tôi mang đi năm hào bạc. Xế trưa, ông tôi đã về đến nhà. Mua hết ba hào thuốc cao. Còn lại đúng tất cả và đầy đủ hai hào, không tiêu hụt một đồng trinh. Nhưng cái thuốc cao Sóng danh tiếng ấy cũng chẳng chữa khỏi được đầu danh của tôi. Nó nổi thành cao vờ vờ, tun hút

một lỗ ở giữa. Cái lỗ chảy nước vàng thối để câu, nhử cho ruồi bu lại. Cho đến năm tôi đã biết lũng thũng ra đứng ngoài đầu ngõ, cái nhọt dần dần khỏi. Chẳng hiểu khỏi vì thuốc cao, thuốc đồ gì. Sau lần ông tôi vào Sóng ấy, ông tôi còn đi nhiều lần nữa. Vẫn cứ đi bộ qua các cánh đồng. Khát thì uống nước giếng, nước đìa. Không hề tiêu phí mất nửa xu. Sáng tinh sương đi, buổi trưa đã về.

Từ khi tôi bé, mới biết nhìn và trong ký ức chỉ còn nhớ được mang máng qua bao nhiêu năm này tháng khác, tôi đã thấy ông tôi già rồi. Bởi lúc nào tôi cũng thấy ông tôi *như thế*, đều đặn từ sự sống lật vạt hàng ngày đến những nét nhăn nheo trên mặt. Ông tôi tướng thấp, tròn người. Đầu ông tôi trọc hẳn, lơ thơ tóc bạc, ngó được cả làn da bóng đỏ. Cứ độ một tháng, ông tôi lại cầm một con dao bổ cau thực sắc, đưa lên đầu cạo lấy. Nhiều lần cạo mấp xuống da, máu chảy ròng ròng. Phía má bên trái ông tôi có một cái nốt ruồi. Ở vết nốt ruồi mọc ra mấy sợi râu dài bạc mờ như cước, quện lẫn vào cả chòm râu thưa bên mép. Đôi mắt lúc nào cũng lơ lơ. Tuy mắt không kém mấy nhưng có màng gợn trắng trắng và ướt xung quanh mi. Phía dưới mi gồ lên hai cái bóng. Những nếp nhăn chảy trên má giạt quanh xuống hai bên cằm. Rồi xuống thêm nữa, trên các bắp tay chân. Những bắp những thịt, da teo lại, tưởng có thể kéo chun ra được như những cái yếm cổ bò.

Mỗi buổi sáng, khi tôi bừng mắt dậy, nhìn sang bên ghé trường kỷ đã trông thấy đóm thuốc lá sáng phập phều. Ông tôi ngồi kiểu bó củi, bao giờ cũng một kiểu ấy, hút thuốc lá, nhìn ra sân. Suốt ngày, ông tôi ngồi đấy. Ngoài việc quét lá rụng trước sân, ông tôi không cất nhắc một việc gì khác nữa.

Ông tôi hút thuốc lá luôn miệng. Những điếu thuốc lá quấn lấy, ngắn và bẹp đuôi như những cái tổ sâu. Hút hết mỗi điếu, ông tôi lại dán cái đuôi lên một hóc cột. Những chiếc đuôi thuốc lá dán nối nhau nhiều khi dài liên tiếp đến hơn một sải tay, từng mấy hàng song song như vậy. Mà ở trong nhà, cột nào cũng có. Tôi đếm được có tới mấy chục hàng đuôi thuốc lá. Sau này, gia đình nhà tôi kém phong lưu, và nghèo dần mãi đi. Vào những ngày mưa gió sập sùi, ông tôi thường sai tôi trải một tờ giấy phên lớn xuống phản. Ông tôi bóc tất cả những đuôi thuốc lá trên cột để tụ thành một đống. Người xé bụng những mẩu giấy đuôi thừa ấy. Trong mỗi mẩu, rơi ra một dúm thuốc lá. Có bao nhiêu mẩu đuôi là có bấy nhiêu dúm

thuốc. Những dùm thuốc nhỏ ám khói đen bần trộn lại thành một đồng thuốc cũng khá to. Ông tôi chia, gói thành từng gói như những lạng thuốc nguyên mọi khi vẫn mua trên chợ. Rồi đem hút dần như hút thuốc mới. Giấy thuốc lá không phải mua, đã có những quyển sách chữ Nho rọc gọn ghẽ thành từng miếng nhỏ. Thỉnh thoảng, bà tôi có đi chợ mới phải mua thêm cho một bánh thuốc. Cái bánh thuốc ấy, ông tôi lại đem trộn với cái thuốc luân hồi kia mà hút, cứ hút đi hút lại. Những mỗi thuốc lá tàn đi, ông tôi lại dán cái đuôi lên trên cột, xếp thành từng dãy. Rồi những khi thông thả lại bóc xuống hút. Hút nữa. Hút mãi, hút mãi. Mùi thuốc khen khét ngửi đấng cả mũi. Mỗi buổi sớm, những đốm ánh sáng mỗi thuốc lập lờ. Ông tôi ngồi, hai tay xếp vòng, khoanh trên đầu gối, ngược ra sân. Suốt ngày, không nói một câu.

Buổi chiều ông tôi uống rượu. Ông tôi uống ngữ¹, mỗi chiều hết áng chừng một cút nhỡ bốn xu. Thức nhắm rất giản dị. Thường chỉ là một bánh đậu phụ chấm với mắm tôm. Ngoài ra, ông tôi ưa những thứ nhắm lật vặt, linh tinh. Ếch, lươn, tép, cá... Hoặc thịt chó, húng lìu thì thú lắm. Tôi thường được ngồi ăn cơm cùng một mâm rượu của ông tôi. Cả nhà ăn mâm khác. Bao giờ cũng vậy, khi cả nhà đã ăn xong, các dì tôi mới dọn rượu. Mâm đặt trên một cánh phản phía đầu nhà ngang, bên cạnh gốc cây ổi. Ông uống rượu nhắm nháp, cháu ăn cơm. Hai ông cháu ngồi gặt gù, đối nhau.

Tôi yêu ông tôi nhất, tôi ghét, sợ ông tôi nhất và tôi cũng biết rõ ông tôi nhất, dưới hai con mắt thơ dại của tôi, là những khi tôi ngồi bên mâm rượu của ông tôi đây. Tôi còn nhớ, chỉ đến lúc nào rượu vào hai ba chén cay, ông tôi mới nói. Ông tôi gây một chuyện cãi nhau với bà tôi. Trận cãi nhau chỉ loàng xoàng. Nhưng nhiều khi bà tôi cứ lải nhải đối đáp lại. Những lúc ấy, ông tôi ngồi rút cả hai chân lên phản. Hai bàn tay ông tôi nắm lại, đặt đầu xuống trước hai bàn chân, tựa lổnngiêng của ông ba mươi trong những bức tranh thờ. Ông tôi ngồi đợi bà tôi nói thêm một câu. Chỉ một câu thôi. Câu gì cũng được, miễn là nói lên nghe ngứa hai lỗ tai. Không bao giờ bà tôi im hết. Cái câu vu vơ mà ông tôi đợi, bà tôi đã nói. Thế là ông tôi vừa hét, vừa đập tất cả những thứ gì vô phúc để xung quanh mình. May, thường ông tôi không phá được mấy. Bởi cứ

1. Uống ngữ: uống có mức.

khi ông tôi sắp nổi nóng, các dì tôi đã cất ngay mâm rượu và dọn sạch bốn bên. Ông tôi chỉ quăng ra sân được mấy đôi đũa, một cái bát rách. Rồi ông tôi chạy ra góc nhà, vớ cái dôi cửa, đuổi theo bà tôi. Lúc bảy giờ bà tôi mới hết nói. Bà tôi huých huých chạy ra ngõ. Ông tôi đứng trong đầu tường, quát tháo thêm mấy câu, rồi cất gậy sang bên xó cửa. Rồi ông tôi lừ đừ quay vào, lên nhà trên. Chỉ một chốc, đã nghe tiếng thở và ngáy rên rên bay qua khe giại. Mỗi lần xảy ra những chuyện lộn xộn kinh khiếp như thế, tôi cứ thất đảm cả người. Tôi chạy đến búi lấy váy bà tôi, van bà tôi đừng nói. Nhưng bà tôi cứ nói toang toang. Đến lúc ông tôi vác gậy, tôi hốt hoảng, chạy nép vào khe tường, hai tay bưng mặt. Nhiều khi, cơn hãi đến, tôi nhột nhột mặt mũi, chân tay bủn rủn. Tôi cứ đứng ngơ ngẩn trong góc nhà, ai hỏi không nói ra hơi.

Nhưng cũng nhiều buổi chiều, ông tôi uống rượu rất hiền lành. Ông tôi kể cho tôi nghe biết bao nhiêu chuyện ngày xưa. Nhưng không phải là chuyện *Tám Cám*, chuyện *Anh Ngọc đi buôn voi, buôn bông, buôn quit*. Đây là những chuyện ngày xưa của ông tôi. Một thế giới cũ đã cổ lắm không thể còn nữa, mở ra trong câu chuyện. Tôi nhìn ông tôi, kính phục như là nhìn một ông thánh tướng tượng. Vậy thì tôi đã *thấy* ông tôi thế nào, khi ông tôi nói cho nghe những câu chuyện kỷ niệm qua từng ngụm rượu?

Ôi, ngày trước, khi ông tôi còn trẻ, ông tôi khiếp lắm, khiếp lắm. Ông tôi đã từng đi ăn trộm. Ông tôi đã từng đi ăn cướp. Ông tôi đánh kẻ trộm. Ông tôi lại dám đâm cả kẻ cướp. Ông tôi có đủ các thứ võ. Đấu nhau với ai, ông tôi cũng được. Ông tôi chống một chiếc gậy, giậm chân đánh thạch, vỗ đít đánh đẹt, nháy rún một cái, bay vụt qua nóc nhà, dễ như chơi, dễ như tôi bước từ trên hè xuống sân. Ông tôi giao du với toàn những tay võ danh tiếng trong vùng. Những *quận Vang*, *quận Tiền*, mấy tay chém đầu người ta như chém chuối. Có những ông, cứ buổi chiều tối, tụ họp nhau ngoài cánh đồng, bắc loa gọi vào trong làng: “Bớ ba quân thượng hạ... Bớ ba quân thượng hạ...” Làng nào, làng ấy sợ cúp hai tai. Rồi các ông chia tay nhau đi ăn cướp. Có những ông mang nhau lên rừng làm giặc. Những tay kéo cờ khởi nghĩa. Nhưng đi mà chẳng thấy bao giờ trở về. Đó toàn là các bạn của ông tôi. Những người đồng chí ấy không còn nữa. Họ chết cả. Chết ở phương trời, chết mòn bên lũy tre, chết rụng đầu ngoài bãi cỏ, bên tường thành.

Ông tôi thường nhắc lại tên từng người. Cũng như ông tôi thích nói chuyện ông Đề Thám, ông Đề Kiếu. Cũng như ông tôi hay kể chuyện đi lính ngày xưa, “thời quan ta”. Ồ, ngày xưa ông tôi cũng đi lính chứ. Ấc ê! Ấc ê! Không, không có cái ấy. Ngày xưa, lính không đội mũ, mặc áo vàng, đi giày kệt kệt như bây giờ đâu nhé. Đầu ông tôi đội chiếc nón sơn. Ông tôi mặc chiếc áo nâu dài, lòa xòa hai vạt, có dây lưng thắt bó que ngang bụng. Chân thì giẫm đất bạch bạch. Vai đeo khẩu súng hỏa mai. Cứ một bộ quần áo lướt lướt ấy, mặc mãi cho đến lúc nó ải, bạc phếch, rồi rách bươm ra, lại về nhà tảo một bộ khác. Có anh quần rách, xé dần dần, cụt lên đến khỏi khoeo. Một buổi kia, cơ lính kéo đến đóng ở một làng ven sông. Bác lính quần rách nợ, chiều tối đi chơi thơ thẩn trên đê. Chẳng biết dò dẫm mưu mẹo thế nào, bác ăn trộm được của một mụ hàng nước cái váy phơi ngoài bờ rào. Có người mách mụ. Phải con mụ lắm điều, sáng hôm sau, mụ ra trình ông Lãn, ông Đề rằng lính lấy trộm váy. Ông Lãn tức lắm. Ông bắt mấy trăm lính đứng sắp đều hai hàng cho mụ đi khám. Mụ đi nhìn mặt lính, khám suốt một hàng dài. Rồi mụ lòi ra trước ông Lãn một chú. Chú này mặc váy, bước lùng nhùng hai bước chân. Cái áo nâu của chú khá dài, nhưng cũng không che hết cái váy. Mụ nhận được đích ngay ra váy của mụ. Chú lính không chối được. Chú đành phải cởi váy trả mụ hàng nước, chịu quan mắng cho mấy câu mà vẫn đành mặc quần rách, thắt lưng bó que mà vác súng liên miên đi miền này, miền khác. Cứ đi đến đâu thì ăn, ở đấy. Nơi nào lắm lợn, ăn lợn. Nơi nào nhiều gà, chén gà. Có những vùng kém đói, lính cứ phải vác liền rêu rêu đi xin tương... Lính đi tiểu giặc. Giặc thì đã chạy đi đâu, chắc xa lắm. Nhưng lính cứ tiến loanh quanh. Rồi cơ binh đóng giữa một cánh đồng. Cánh đồng giêng hai, ngày mùa chỉ rặt một giống cà chua đỏ ối. Lính đành chỉ ăn cơm cà chua hàng tháng. Cái chú lính ăn trộm váy chết trong trận cà chua ấy. Chẳng hiểu sao – chừng chú chén cà chua nhiều quá – phù người lên rồi chết. Sau chuyến ăn cà chua hàng trăm bữa này, ông tôi sợ cái giống đó đến tận những ngày về già. Hễ ăn cơm, trong mâm có bát canh cà chua, y như thức, ông tôi không dám dúng dũa.

Còn bao nhiêu chuyện lính lật vạt vừa buồn cười vừa thảm thương và ghê gớm. Tôi không nhớ hết. Bởi trong những ngày xưa cũ kỳ dị mệnh mang của ông tôi còn đội lên một chuyện ghê gớm hơn nữa. Chuyện võ, xoàng. Chuyện đi lính, xoàng. Chuyện cà chua,

cũng thường thôi. Có câu chuyện này. Rượu đã tàng tàng. Dăm ba chén mềm môi chéng choáng, bấy giờ ông tôi mới kể đến câu chuyện ngày xưa ông tôi đi phu mộ vợ đường. Ngày xưa ngày xưa. Cái ngày mà làng này nghèo xác xơ. Cỏ mọc đầy đường cái. Hai bên vệ bùm tum những bụi găng gai góc. Một năm, đói kém quá. Những nhà khá giả ăn cơm rặt với sung muối. Còn nhà nghèo chỉ toàn ăn cám nấu với củ chuối. Bà tôi nuốt cám nấu, nghẹn tức trong cuống họng, mà đổ hai hàng nước mắt. Khi đó, người ta đương mộ nhiều phu vào miền Nam Trung Kỳ để làm đường. Nhưng thiên hạ cứ đồn là Nhà nước mộ phu sang Tân Thế Giới. Tân Thế Giới? Có sao! Đến xuống âm ti cũng đi, miễn cho có việc. Và miễn là được ngay mấy đồng bạc tiền thưởng trước để đem về cho vợ con ở nhà. Ông tôi cùng mấy mươi người trong làng rủ nhau ra đi. Một đàn mấy trăm con người đáp tàu hỏa xuống Hải Phòng. Rồi từ Hải Phòng đáp tàu thủy vào miền trong. Đâu đó bộ lên quăng Phan Rang, Phan Thiết gì đó. Con đường lớn mới phá được đến quăng này. Hàng nghìn phu tản vào rừng làm việc. Đốt rừng. Lấp hố. Phá truông. Đắp đường. Trong chốn rừng núi âm u có biết bao nhiêu là ma. Ma ở một xó vắng. Ma trong thân cây. Ma núp dưới chiếc lá. Ma nằm cả ở trong cục đất. Đâu đâu cũng có ma. Nói một câu nhảm, méo mồm ngay. Đi tiểu tiện vô ý, chỉ đái ra toàn máu tươi. Rừng núi thăm thẳm, uy nghiêm rùng rợn như trong địa ngục. Người ta lên những cơn bệnh rét, cuống cuống ôm lấy nhau, ôm lấy cây, ôm lấy mặt đất. Lác đác trong các góc rừng hoang, mọc những nấm mồ mới. Mỗi ngày ít ra cũng có một cái xác bó chiếu khiêng vào đấy với hai người vác xẻng đi theo. Ban đêm, không ai dám ngủ, cứ ngồi dúm với nhau như để đợi chết. Có kẻ khóc rưng rức. Có những người mưu trốn đi. Ở đây, ma thiêng nước độc quá.

Rồi một đêm, ông tôi và hai người nữa hẹn nhau, băng rừng, trốn. Đến sáng hôm sau, khi mặt trời lên chỉ còn có mỗi một ông tôi chạy lạc lõng. Hai người kia, một là không trốn đi thoát, hai là lạc đường nhau. Đành một mình ông tôi lủi thủi. Mấy hôm liêu lĩnh chạy trong rừng rậm, không dám lộ đầu ra, sợ đụng phải quăng đường đang phá, người ta lại tóm được. Đến khi ông tôi đoán chắc đã thoát khỏi chỗ làm rồi mới dám mon men tìm lần ra ngoài đường cái. Con đường lớn xuyên rừng mới đắp. Rồi từ đấy, hướng về phía Bắc, ông tôi cứ theo con đường ấy mà vượt đi. Biết nhắm

phương Bắc là phương quê nhà, nhưng đi là cứ đi thực mạng, chẳng rõ tới bao giờ được về tới cửa đình làng.

Bắt đầu một cuộc phiêu lưu hết sức nguy hiểm. Bởi vì nó không có một bờ bến hy vọng nào. Chân bước trên đường, chẳng cần biết đâu là ngày, đâu là đêm. Khi ngủ cầu, ngủ đấm. Khi ngủ trên cây giữa rừng. Có những ngày ông tôi lang thang hành khất từ vùng này sang vùng kia. Cứ bám lấy dọc đường mà leo dèo. Ông tôi còn nhớ lắm. Ông tôi nói đến những cửa Hải Vân, những đèo Cả, đèo Rù Rì ghê gớm. Bao nhiêu danh từ kỳ dị gợi nên muôn hình ảnh núi sông huyền ảo trong đầu tôi. Rồi thì có những chuyện linh tinh xảy ra trên đường cái. Và có một chuyện này rắc rối hơn hết.

Khi ấy ông tôi đã lần về được đến quăng Thanh Hóa, Ninh Bình chi đó. Một buổi kia, ông tôi đi tới một bến đò thì mặt trời vừa xế non tây, bóng chiều vàng bảng lảng. Có độ hơn một chục nhà chài ở gom thành một cái xóm lẻ bên sông. Bấy giờ ông tôi đi cả ngày, đã mệt lắm, muốn tìm cách nghỉ đỗ lại trong xóm. Quần áo lòi thối, bụi đường bám trắng xóa. Chiếc khăn gói đeo trên vai đã rách bươm một góc. Trong túi, chẳng có lấy nửa đồng gậy gọi là. Ông tôi bước thất thểu, ngó vào từng cửa ngõ. Trên bến, đàn bà trẻ con xúm xít. Buổi chiều người ta tụ họp đứng chơi, trước khi đi ngủ? Chưa hẳn phải thế, bởi hình như đằng kia có tiếng người kêu gào, thảm thiết. Ông tôi bèn nhắm chỗ đông mà đi tới, thấy mọi người xúm quanh một người đàn ông, một người đàn bà và một đứa trẻ con. Thằng bé chừng bảy tuổi, bị bỏng suốt từ bả vai xuống một cánh tay. Làn da chưa phồng, nhưng sờ tay, nghe đã rộm rộm. Người ta nói rằng nó vừa nghịch nhảy rốn, ngã chổng cánh tay vào một nồi nước sôi. Nó khóc ngằn ngặt. Ai mó vào nó, nó khóc giãy lên. Người mẹ sợ quá, khóc lớn. Người cha thì cúi xuống, cố ấm con lên.

Giữa khi này, ông tôi ló đầu vào đám đông. Chẳng hiểu sao, hoặc bởi bộ quần áo rách thếch và chiếc khăn gói trên vai mà người ta nhầm, có tiếng mấy người xì xào: “Ông này là ông lang đây”. Ồi người ta ngỡ ông tôi là một tay bên đạo che ô, xách bọc đi bán thuốc rong vào những mùa hè nực nội trong khắp các miền quê. Chắc vậy, và người mẹ đứa trẻ khốn nạn đương khóc mà cũng nghe tiếng người ta ào ào bên tai. Mụ ngẩng đầu lên. Trông thấy ông tôi, mụ xụp ngay xuống lạy. Mụ cứ rập đầu xuống đất mà kêu rằng: “Ồi ông ơi, ời ông ơi, ông cứu con tôi, ông cứu con tôi...” Ông tôi chưa biết phân

trần thế nào thì chồng mù cũng quay lại: “Ông lang đấy ư? Lay ông lay ông, ông cứu...” Thế là hai vợ chồng cứ hì hụi lay như hai cái cần giã gạo. Ông tôi càng lúnh quính hơn nữa. Nhưng ông tôi cũng trấn định tinh thần ngay. Ông tôi nghĩ nhé. Ông tôi nghĩ nhé. Người nghĩ ngay ra rằng: “Cái này là cái chết đây. Có hai đường: Một là ta lay giả người ta mà bước đi ngay. Hai là cứ liều nhận phết là lang. Rồi ta liệu sau. Đến đâu hay đấy”. Và ông tôi đã làm theo cái điều thứ hai. Ngài ra lệnh rất oai: “Được, để tôi chữa cho cháu bé. Bây giờ các bác hãy ẵm ngay cháu bé về nhà”. Cố nhiên, ông tôi cũng vác cái khăn gói gió đưa lủng lẳng mà theo về nhà người ta. Ông tôi bảo cha thằng nhỏ rằng: “Bác tìm đâu được độ vài chiếc trứng gà, bác đập ngay hai chiếc, cứ nguyên thế mà xoa lên khắp chỗ bỏng cho cháu. Xoa trước, rồi tôi sẽ tra thuốc sau”. Tài tình quá, trứng gà phiết vào cánh tay thằng bé được một lúc thì nó bớt kêu. Cái trứng gà vốn mát, bôi dịu da. Hai vợ chồng nhà chài mừng quính. Thế là cơm rượu ở đâu vác ra dùng dùng. Nhà chài ven sông, chẳng lúc nào thiếu cá. Ông tôi ăn và uống một bữa no say nhất đời. Từ ngày bước chân lên cái tàu thủy ra đi làm ăn, lại cũng từ khi lang thang trốn đến nay, chưa hề được bữa nào thống khoái như vậy. Rượu xong, người ta mắc màn cho ông tôi ngủ trên giường. Vợ chồng nhà chài ngủ ngoài hè. Đến nửa đêm, tỉnh rượu, lo quá. Bây giờ biết làm thế nào?

Ông tôi uống một ngụm rượu, nhắm một miếng đậu phụ, rồi ngồi yên. Tôi ngồi châu hấu, hóng lên miệng ông. Ông tôi mუმ mუმ nói:

– Chốc nữa, trời sáng bạch, lấy thuốc ở đâu mà tra cho thằng bé? tao lo quá. Phúc làm sao, tao nghĩ ra được một mẹo. Tao bèn nằm áp vào vách, cố lấy móng tay cạo một vốc mùn đất vách. Trên giường thờ nhà nó còn để hai quả trứng trong bát nước cúng. Tao nhót xuống một quả, đập vào lòng bàn tay, luyện với đất vách. Nó thành ra một thứ thuốc viên thâm thâm. Mới gà gáy, ta đã dựng vợ chồng nhà chủ dậy. Tao bảo thuốc này phải bôi cho trẻ lúc mặt trời chưa mọc thì mới nghiệm. Tao đem “cục” thuốc hòa với ít nước cho nó lỏng sền sệt. Tao bôi lên khắp cánh tay thằng bé. Thằng bé đau đớn, cựa quậy suốt đêm, bây giờ nó li bì như chết. “Thuốc” trát đen xin một cánh tay. Rồi tao từ tạ nhà chủ, xin đi ngay. Nói có việc cần lắm. Vợ chồng nhà nó chèo kéo mãi, cố nèo nhà thấy ở lại xơi cơm sáng. Tao nằng nặc quyết đi. Con vợ nó chạy theo ra tận đầu xóm, nần nì lòi trở lại. Tao phải giằng tay ra mà đi, nó mới chịu buông. Đi khuất đầu xóm, tao cắm cổ chạy

một mạch. Được đến mấy cây lô mét, trời mới hưng hửng sáng. Bấy giờ mới hơi hoàn hồn, yên trí là không thể ai đuổi kịp được nữa.

Rồi ông tôi lại đi, đi mãi. Cho đến một đêm kia, thì về được tới nhà. Chính ra ông tôi đã về từ trưa, nhưng người cứ nằm ngoài đồng. Bởi vì quần áo rách quá, Bung như xơ mướp. Ông tôi gọi cửa, bà tôi hốt hoảng ra mở. Trông thấy, bà tôi sợ quá, rú lên, tưởng hồn ma hiện về. Thì ra, khi ông tôi đi khỏi chừng một tháng, có tin về làng rằng các tàu đi “Tân Thế Giới” ấy ra đến giữa biển thì bị cá ông voi đánh đắm, chết ngộp cả mấy trăm con người. Đó là một tin đồn hão. Không có chuyện tàu đắm, nhưng làng này cũng chỉ có được một mình ông tôi về. Những người kia chết bỏ xác nơi rừng xanh cả. Ông tôi đã đi đất vượt hơn một nghìn cây lô mét mới về được đến nhà. Mất hơn ba tháng trời.

– Về nhà được mấy hôm, tao ốm một trận kịch liệt đến sáu tháng. Suýt chết.

Tôi băn khoăn hỏi ông:

– Rồi thằng bé con nó chết, ông nhỉ?

– Tao biết đâu với bố nó. Thằng Bồi Cầu chỉ được hay hỏi lẩn thẩn!

Tôi nín thít. Nhưng lần sau tôi chẳng dám hỏi cái câu “lẩn thẩn” ấy nữa. Câu chuyện “thuốc bỏng bằng đất” và “đi làm đường” cũng chỉ đến đây là hết. Cuộc rượu vừa tàn. Ông tôi hét tôi lấy cái trai xúc cơm.

Đã bao nhiêu buổi chiều, ông tôi kể câu chuyện này. Và cũng đã bao nhiêu buổi chiều khủng hoảng, mà tôi bung mặt khóc.

Ông tôi uống rượu xong, chỉ ăn độ một bát cơm nhỏ. Ông tôi chuệnh choạng đi lên nhà, uống một ngụm nước, rồi vào buồng ngủ ngay. Ông tôi gối đầu trên một mẩu gối gỗ đặt thật cao như cái bao diêm khổng lồ. Đầu giường, dựng một cái gậy gỗ. Cuối giường treo một cái gậy sắt. Trước giai, nằm gác ngang một chiếc thùng lụng, cán tre khoanh đốt, mũi bằng sắt nhọn. Đâm một cái tất thủng bụng. Đôi khi tò mò, tôi nhòm vào buồng ông tôi nằm. Tôi đứng ngoài hè, hai tay ôm cột, nhìn lé một mắt xem. Ông tôi ngủ. Sáng mai, tôi trở dậy từ lúc gà gáy. Khi tôi bừng mắt, ngó sang bên trường kỷ đã trông thấy đốm thuốc lá lập lòe. Ông tôi ngồi quặp hai chân, tay khoanh trên gối. Trong ký ức tôi, lúc nào cũng in cái dáng đặc biệt ấy.

*

* *

Thầy tôi không phải người vùng này. Thầy tôi vốn người trong miền gần núi chùa Hương. Cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu tại sao thầy tôi cũng vô vè viết cả chữ tây và viết rất tốt, cái lối chữ ngã, đủ cả phải móc, nét cắt đều đặn của mấy ông phán già. Bởi cứ bằng vào những mẩu chuyện vặt vãnh mà tôi đã nghe được mỗi khi thanh thản, u tôi nói – u tôi cũng chẳng biết đâu, lại do bà nội tôi kể cho nghe, – thì thưở bé thầy tôi chỉ học chữ Nho của ông nội tôi. Ông nội tôi là một ông Đồ giỏi chữ, từng đi ngồi dạy học nhiều nơi và có học trò khắp làng. Thầy tôi đã học dốt, lại lười và rất bướng. Thường phải đòn, nhẩy xuống ao lặn trốn suốt ngày. Có những lần thầy tôi bỏ nhà đi lang thang. Có khi mò mẫm xuống tận dưới Nam Định, ở nhà người bà con học chữa đồng hồ, hoặc khi vất vưởng lêu đêu ngoài Hà Nội. Lớn lên, ông bà tôi lấy một người con gái làng cho thầy tôi. Tôi không được biết gì về người vợ ấy của người. Sau này, mỗi khi nhắc tới, thầy u tôi bảo tôi gọi người là *mẹ già*. Tôi chắc *mẹ già* tôi cũng đẹp. Bởi *mẹ già* tôi cứ chê thầy tôi mặt mũi đen đũi như củ tam thất. Do đấy, thầy tôi lại càng tức mình và thường trốn nhà ra Kẻ Chợ.

Khi lấy u tôi thì thầy tôi đương làm cho một lò bánh tây lớn trong Thành phố Hà Nội. Và người vợ trước của thầy tôi đã mất được mấy năm ở trong quê nhà. U tôi không được rõ về chuyện ấy. Mãi cho tới khi lấy nhau rồi mới biết. Có thể nói rằng thầy tôi chỉ là một người khách lạ đối với miền u tôi. Thầy tôi không có ai họ hàng thân thuộc ở đất u tôi. Ngày ấy, làm việc ở kẻ Chợ, những ngày chủ nhật, thầy tôi thường cùng đám ba anh em đồng sự theo một người bạn trong sở về làng đây chơi. Chỉ có thể thôi. Có người mách, rồi đánh tiếng, rồi xem mặt, rồi hỏi và cười. Cho tới hôm thầy tôi đi xem mặt u tôi, u tôi cũng không hề biết thầy tôi là ai. Đến ngay cả ông bà tôi cũng rất mờ mịt về gia đình và thân thế thầy tôi. Vậy mà các cụ cứ gả.

Cái đó chẳng có gì là lạ. Nguyên miền này nghèo, không làm ruộng, sinh nhai bằng mấy thứ tiểu công nghệ tầm thường. Sự sống loanh quanh chỉ bó buộc vào mấy cái khung cử mọt. Trong làng, không hề đi ra đến ngoài. Bấy giờ, một chiếc xe đạp vèo qua trên đường cái, trẻ con cũng chạy à à đuổi theo xem. Những ngày tết nhất rồi rã, bố mang con lên bến xe điện đi tàu “keng âm” vào trong

thành phố, lấy làm lý thú lắm. Đàn bà, trẻ con, đưa vông kéo kẹt, hát các bài về ngậy ngô, ca tụng những bài văn minh của người phương Tây đưa đến. Đại khái như mấy câu rằng:

*Ông Tây ngồi nghĩ cũng tài,
Sinh ra đèn máy thấp hoài năm canh.
Ông Tây ngồi nghĩ cũng sành,
Sinh ra tàu điện chạy quanh phố phường!*

Thầy tôi đến làng u tôi với cái phong dạng của chàng Kim Trọng du xuân trong truyện cô Thúy Kiều. Người ăn vận chững như chưa bao giờ ở đây người ta ăn vận chững đến như thế. Đầu đội nón dứa, chóp bạc. Mắt đeo kính rợp. Tắm áo sa bóng nuột, nổi bóng cái thất lưng điều đỏ hoe, dài lờ xòe thò chấm vai áo trước. Cái quần là hộp, đôi giày Chí Long bóng nhoáng. Bên tay dắt chiếc xe đạp nhẹ nhàng. Cùng với y phục và bộ điệu trang nhã nhường ấy, thêm cái danh làm việc tây ngoài Kẻ Chợ, ôi thôi, ông bà tôi gả ngay u tôi cho thầy tôi. Cái đó không lấy gì làm lạ thực.

Ông bà ngoại tôi được sáu người con, đều là gái cả. Cũng có một lần, bà tôi sinh trai, vào nấc con thứ năm, nhưng cậu tôi chỉ sống được có ba tuổi, rồi bỏ mất. Ông tôi uống rượu nhiều và mắc nghiện rượu từ ngày cậu tôi chết. Về sau, một đôi khi ông tôi đã hoặc ráp ranh lấy vợ lẽ, nhưng không ai ở được với cái tính nóng nảy và lăm điều ghê gớm của bà tôi.

U tôi là con đầu lòng. Tôi biết nói những chi về u tôi trên những dòng chữ yếu đuối này. Phải, những nét chữ ẻo lả làm sao mà khênh nổi biết bao nhiêu hình ảnh vui cùng thương của dĩ vãng chìm sâu trong những ngày cũ buồn tênh. Tôi quay đầu trở lại. Tôi tìm những cái gì tôi nhớ về u tôi. Ký ức tôi mờ mịt một màu trắng sương. Những kỷ niệm vô vàn kỷ niệm chen lấn xô đẩy đến. Tôi không nhớ rõ ràng một cảnh gì, nhưng thực tôi đã nhớ biết bao nhiêu! Lúc tôi viết đến đây, đêm đã nghiêng về sáng, gà chuồng trong lối xóm vừa le te gáy trống canh đầu. U tôi đã đi ngủ từ lâu. Nhưng tôi buông bút, nhìn ra bốn bên, chỗ nào cũng thấy bóng u. Cái bóng đen đũi, hòa lẫn với bóng tối, vẽ nên một khuôn mặt trắng trắng với đôi mắt nhỏ, lòng đen nhuộm một màu nâu đồng. Cái bóng mơ hồ yêu dấu ấy đứng bên cạnh lớp lớp những ngày tháng ngậm ngùi đói khổ, những năm này năm khác qua đi trong cơn thấp thỏm đợi chờ dài dặc mang ngấn nước mắt và tiếng thở dài. Người ta, nhiều lúc nhàn, quây quần bên

cạnh mọi kẻ thân, nhưng không mấy khi lại tỉ mỉ vấn vơ mà nhìn ngắm những người yêu mến của ta. Cho nên, thỉnh thoảng, như sự nhớ, tôi chợt nhìn u, tôi bỗng giật mình. Tôi ngờ ngờ thấy như *người ngồi trước mặt tôi đây không phải là u tôi*. Có đâu u tôi lại thế kia. Tóc đường ngôi của u tôi lốm đốm, rụng, chỉ còn thưa thưa. Mới ngày năm nao, u tôi cứ thuê tôi nhổ một trình hai chiếc tóc sâu. Giá bây giờ mà nhổ tóc sâu trắng thì đến hết tiết tóc trên đầu mất. Lúc u tôi cười, nếp nhăn ở đuôi con mắt nheo lại, xếp lên nhau, đến khi hết cười cũng còn hằn những vết rạn khía quanh xuống hai bên gò má. Hàm răng trên của u tôi hểnh khuyết ba lỗ đã mấy năm nay. U tôi già đi từ bao giờ? U tôi đã già đi lúc nào? Tôi thực không hay. Khi tôi ngậm ngủi như thế, tôi lại ngẩn ngơ tưởng tượng rằng có một hôm tối trời nào đó, trong lúc tôi rùng rẻng tiền. Tôi sẽ đưa bà tôi, u tôi ra Kẻ Chợ đi dạo chơi phố phường. Rồi vào một hiệu cao lâu, ăn một bữa thực sang, có thịt gà rán, có cá song hấp. Ăn xong, khăn mặt ướp nước hoa lau tay. Lúc tính tiền, cho hẳn anh bồi hai hào bạc. Không hiểu bà tôi, u tôi sẽ nghĩ ngợi thế nào về tôi. Chưa bao giờ tôi dám nghĩ rành rọt cái đoạn kết ngạc nhiên, lý thú đó, mà tôi chỉ tưởng lơ xơ như đấy là một cử chỉ để rửa một cái gì hần hận. Cũng như chưa bao giờ tôi đã làm ngon lành được cái việc trẻ con đó. Tôi chưa có tiền dư. Và cũng chưa có đâu thì giờ của mình. Tiền nông tôi đưa u tôi chỉ là để đỡ dần. Nó mới có sức đập tan nổi những ngày túng nợ. Trong đôi mắt dịu hiền của u tôi, tôi mới có thể được là hy vọng của một tương lai mong đợi sáng sủa hơn cho gia đình. U ơi u *chị ơi chị, cháu* hiểu, không bao giờ chị biết đến những hàng chữ tắt mắt cháu đương chép đây. Cái thế giới tân kỳ mà cháu sống, chẳng bao giờ chị tìm biết. Chị e dè đứng bên *cháu*. Người mẹ kín đáo ngắm đứa con ngày một khác lạ, lạc mãi vào những đầu mối cuộc sống xa xôi nào. Mẹ nói gì, chỉ sợ con gắt, con không bằng lòng, thêm nghĩ ngợi cho con. Dần dà, mẹ chỉ nhích miệng, khi nào con hỏi. Mẹ âm thầm sống. Mẹ là cái bóng đi bên cạnh tháng ngày của con. *Chị ơi!* Chưa bao giờ chị dám muốn có một ý đổi thay mong ước. Cái yên phận nhỏ nhen này mà có chẳng qua cũng là bởi như cảnh bản hàn tri kỷ của nhà ta xưa nay. Từ ngày có *cháu* và từ ngày *chị* còn con gái nữa, cho đến bây giờ, cái nghề có một của *chị* vẫn là nghề làm giấy phèn đem bán rong, cho người ta gói hàng. Ngày xưa, có những đêm đông lạnh lẽo, bên ánh một ngọn đèn hoa kỳ hiu hắt, u tôi ngồi *xăm giấy*. Tôi nằm gọn lỏn trong lòng váy u tôi, mắt ngược lim him nhìn thoáng hai

cánh tay u tôi đưa đi đưa lại nhịp nhàng, tai nghe tiếng những chiếc *que dò* chạy lạt sạt, lẹt quẹt dưới lòng những tờ giấy dài nháng keo. Rồi tôi ngủ khuấy lúc nào không biết. Cho đến bây giờ, những đêm ngồi viết khuya, tôi trông ra ngoài đầu hè, vẫn thấy u tôi lặng lẽ ngồi *xăm giấy*, bóng đổ chập chờn trên vách. Đã bao nhiêu năm qua rồi. Lắm lúc tôi nghe lạt sạt *que dò* mà chẳng biết. Nó đã trở nên quen thuộc, không thể vắng như cái đồng hồ của những người đêm ngủ lạ nhà, thiếu tiếng tích tắc đều đặn gõ vào canh khuya. Nó quen như bạn thiết với sự nghèo khó, với màu nâu bạc théch, với đôi quang gánh loi thoi. Nghĩa là, u tôi, lúc nào cũng như lúc nào.

Thực vậy. Tôi còn nhớ năm nọ, có một buổi chiều, không biết u tôi đi đâu về. Ngoài ngõ tiếng chó sủa inh ỏi. Tôi chạy ra, thấy u tôi đương rới rít cuống queo xua con chó vện của nhà cứ lăn xả vào chân, rình cắn. Tôi quát thật to, dọa đánh, nó mới chịu lùi vào trong sân. Lập tức, con chó vện hoảng mất bị một trận đòn kịch liệt. Nhưng đánh xong con chó, tôi mới biết rằng chó bị đánh oan, oan quá. Thì ra, hôm đó, u tôi mặc một tấm áo cánh trắng. Một điều chẳng ai hề thấy. Từ thuở chó vện lọt lòng mẹ ở trong gậm phẩn ra, vện ta chưa bao giờ được thấy u tôi mặc áo cánh trắng. Người chỉ rặt dùng đồ nâu. Con chó trông mãi màu nâu thành quen mắt. Quen mắt đến đổi thành linh ngó u tôi mặc áo trắng, nó hoảng, không nhận biết là ai, vội sủa um sùm. Chưa bao giờ u tôi dám có một cái áo trắng. Bữa ấy, u tôi chỉ bận thử tấm áo vải gốc để sớm mai sẽ đem rấn nâu sớm. Cái mầu cố hữu mà người mạng trên lưng áo là mầu nâu tươi vỏ xó hoặc mầu nâu bùn đen sẫm. Ngày bé, tôi cũng có đôi áo vải nâu da bò dày kệp, hai ống tay bóng nhẩy quét mũi.

Khi thấy tôi lấy u tôi thì thấy tôi vẫn ở ngoài Kẻ Chợ. Rồi từ bấy, khi ở trên ông bà ngoại tôi, lúc u tôi theo thầy tôi xuống Kẻ Chợ thuê nhà. Nhưng đáng hẳn cái cảnh nhà thuê nước mướn loi thoi, nên không bao giờ u tôi ở lâu ngoài thành phố đến hàng năm. Tới khi sinh tôi, thì u tôi ở hẳn trên ông bà ngoại tôi và không bao giờ xê dịch ra ngoài Kẻ Chợ nữa.

Cho đến lúc này, lúc tôi đương chấm ngòi bút vào bình mực tây, tôi cũng chưa có về ăn một cái tết nguyên đán nào ở trong quê nội. Ông bà ngoại tôi hiếm hoi, nẻo thầy tôi ở rể. Khi tôi lớn ở đâu là quê đấy, không cần và không muốn biết nơi nào là nội, ngoại. Và tôi thực

không có dính dấp một chút gì với quê của thầy tôi. U tôi để tôi ra tại nếp nhà của ông bà ngoại tôi, rồi thì khai sinh, vào sổ làng cùng mua quan viên, đóng góp phần việc, nhất nhất mọi thứ nhiều khê đều ở làng ngoại. Tôi nghiêm nhiên là một quan viên làng chính chệ. Ngày còn nhỏ, trong những sách vở đi học, trên chữ tên tôi, tôi viết hai chữ *Lại Phú*. Họ Lại chả là họ u tôi. Tôi cùng một họ với u tôi, chớ sao? Tôi chẳng vẫn vác rổ đi lấy phần việc họ, có chững chạc lẽ bốn lẽ hai vái cẩn thận đó sao? Lớn một chút, hơi biết suy xét, tôi đổi chữ *Phú* ở chỗ đệm ra chữ *Nguyễn. Lại Nguyễn*. Tức là hòa cả hai họ làm một. Khéo quá. Khi lớn khôn hơn, thấy việc trộn hai chữ ngô nghê ấy là ngô nghê quá, tôi đành phải vứt bớt một chữ *Lại* đi. Mặc dầu tôi vẫn nhớ nó, tiếc nó và hận một mình rằng sao tên tôi chẳng được có cái chữ *Lại* yêu dấu kia đội ở trên. Dần dà, cuộc sống phức tạp và bề bộn ủa đến, đứng đắn và rộng rãi hơn, những ý tưởng non dại ấy dần dần lạt đi. Tôi không thích về quê. Tôi tưởng về làng nội như tôi bị ném về một nơi rất người xa lạ. Có mấy lần u tôi và ông tôi đem tôi về chơi quê rồi để tôi ở lại một mình trong đó vài ngày mà tôi sợ ngẩn ngơ cả người. Tôi bẻ gãy đôi cái que, thề độc với tôi rằng quyết không bao giờ về quê một mình như thế nữa. Đã ít về bên nội, thấy tôi lại đi vắng xa biệt hàng bao nhiêu năm, tôi yêu quê tôi sao được. Hơn nữa, khi nào ở làng ngoại về làng nội, thực u con tôi đã phải làm một công việc phiền phức lắm lắm.

Tôi thường về quê vào cuối mùa xuân khi làng vào đám hoặc đầu mùa đông, dịp đồng áng gặt hái. Đầu tôi mang cái mũ nâu đỏ. Chân tôi đi đôi giày tây có cổ. Tắm áo linh đen bóng trong lót vải hoa vàng. Cái áo tết ấy thực quý, bởi bà ngoại tôi hay nói pha rằng: “Áo này hàng sa tây, lót màu vàng anh Thượng Hải dệt hoa đại đóa. Bây giờ hết, không đâu có bán thứ hàng ấy nữa”. Tôi sung sướng đỏ hai tai mỗi khi được gượng nhẹ xỏ hai bàn tay ếch vào cánh áo lưng thụng, tự hãnh diện với cái giá trị ghê gớm của nó. Không hề hay rằng cái danh giá mặt ngoài của nó là cái danh giá của một mảnh vải linh lễ nhuộm thâm nhà dệt lấy và mặt trong nó, thứ vải hoa vàng hạng mềng, ba hào rưỡi một thước khổ lớn mua ở hiệu ông tây đen đội mũ lông oản ngoài Kẻ Chợ.

U tôi thì thất lung nhiều tam giang ra ngoài. Trên đầu kênh càng chiếc nón Kẻ Chuông tròn vành vạnh. Bên nách, cắp cái thúng to trong đựng mấy cái quần áo linh tinh và một gói trầu cau. U tôi dắt tôi đi từ lúc tờ mờ sáng, đạp một chuyến tàu điện ra ngoài Kẻ

Chợ. Đến Hà Nội, u tôi còn mua một vài thứ lặt vặt: một cân chè mạn vụn, đôi ba phong bánh khảo với một hộp dầu bạc hà, cái ve dài ngoẵng. Xong xuôi đâu đấy, u tôi mới mang tôi ra đứng chờ tàu điện trên bến xe đi Hà Đông. Con tàu độc lực kéo những mấy chiếc toa rít u u trên đường sắt, lôi nhau ra khỏi thành phố. Vào đến Hà Đông, lại đợi xe ô tô đường Vân Đình.

Chiếc ô tô hàng to kếp sù, như một con lợn khổng lồ màu vàng khè, hục hặc vượt qua các cầu xi măng, chạy ra khỏi tỉnh lỵ. Tôi ngồi nép trong bụng nó, sát bên cạnh u tôi, ngơ ngác ngó ra lỗ cửa sổ, – cái lỗ che một mảnh vải nâu, gió cứ đánh bay tốc lên phật phật. Gió lùa ù ù một bên tai, phả mát tê trên mặt. Hai mắt tôi nheo lại, nhưng vẫn ngoẹo cổ nhìn sang bên đường cái. Chẳng bao lâu, tôi đã quên những tiếng chuyển động xình xình của xương cốt cái xe cùng những người nhà quê ngồi chung quanh tôi. Tôi mê man nhìn các cảnh đường sá, ruộng nương cây cối mở ra, thay đổi liên tiếp ngoài khung cửa sổ. Đến Bông Đỏ, nhà cửa đã thưa thớt. Tới Ba La, đường cái chia ra hai nhánh: một bờ về chùa Trâm, một ngả sang nẻo chùa Hương. Xe tôi theo về phía này. Tôi ngoái cổ lại: xa xa rặng núi trâm đen sì đây về huyện bí. Lỡm nhỡm nhô lên. Rồi thì Xóm, với hai rặng tre tốt um rủ bóng lợp kín lối. Đường cái trắng xóa xẻ băng qua cánh đồng chỗ xanh, chỗ trắng. Làng Thạch Bích có cái nhà thờ hai tháp mốc trắng cao chót vót. Những quán cơm cầu Khâu, cái đui chó đen nhầy treo lủng lẳng trong chiếc tủ vuông. Lũy tre bọc đằng xa. Vạt cỏ viền hai bên lề. Con trâu gò cổ kéo cày. Có chỗ tùm tùm ba bốn người queo cổ kéo bừa thay trâu. Kia, đến cái cống lồi, hai thành cầu sắt quét vôi trắng tinh. Cột dây thép liên liên chạy đuổi nhau giạt theo đuôi con mắt lé ngang. Một... hai... ba... bốn... chín... mười một... tôi đếm không xuể! Những cái nùm trắng trên mồm cột bay vun vút. Toe... toe... toe..., sắp tới huyện Thanh Oai. Đàng chân trời, lờ mờ màu xanh của rặng núi đồng chiêm bên Hòa Bình. Đến huyện Thanh Oai rồi. Dọc đường cái, lác đác mấy chiếc xe sắt chống đuôi lên đõ nối nhau. Hai bên, hiện ra những căn nhà gạch so le, khắp khểnh. *Poste rurale, Ecole de Tha...* Mấy quán nước chè tươi... Hai hiệu khách trú bán thuốc lá và tạp hóa, ngoài cửa, tòn ten những đôi câu đối gỗ màu vàng đất thó. Trên hè, mấy người đàn ông đứng chấp hai tay ngoặt sau lưng ngơ ngẩn nhìn ra. Bụi đường bốc lên vù vù, cuốn ào sang hai bên. Lại ruộng. Lại cột dây thép. Một đàn cò nhíp nhàng bay ngang cánh đồng chiêm trắng nước.

Chim cà cưỡng đậu trên cành gạo hót riu ran. Đôi chốc, xe vụt qua những cụm tre nhỏ lá lướt, một quán hàng tiêu tụy. Toe... toe... toe... Cầu Nấy! Ông ơi, ông cho tôi xuống Cầu Nấy. Xe đỗ, u tôi bê cái thùng và bế tôi xuống đường. Chiếc xe khổng lồ chồm lên, lại găm gừ bon bon chạy, đem mọi người đi nữa. Con đường hút lòm, vút xa thẳm, chìm vào bóng tre với những cột dây thép nhấp nhô.

Bao giờ cũng vậy, hễ đặt chân xuống mặt đường và khi cái xe ô tô đỗ vừa xinh xịch đi khỏi, tôi chợt có một cảm giác lo lắng lạ thường. Tôi vừa ở Hà Nội náo nhiệt, tôi vừa ngồi tàu điện âm ỉ, tôi vừa đi ô tô ồn ào. Bây giờ xuống đây, sao mà hoang vắng. Không một tiếng cành cạch bay. Con đường lạnh lùng, cảm nín một vẻ ghê rợn. Gió dưới đồng sâu đưa lên vèo vèo. Những cột dây thép cứ rên rĩ, âm ù, hăm hi... Sự lo sợ lẻ loi cùng đến với nỗi buồn xa làng ngoại, sắp phải về một nơi lạ lờ. Ô, nếu không có u tôi đi cạnh tôi lúc này?

Chúng tôi bỏ đường lớn, rẽ vào trong cánh đồng. Làng tôi ở đằng cuối xa. Bên cạnh bờ tre rậm rịt là một vệt đê dài. Trên con đường gập ghềnh nho nhỏ băng qua cánh đồng mùa xuân, u tôi nói cho tôi biết tên những gò, đống, làng mạc nằm xung quanh. Ngay lối gần chúng tôi nhất là cầu Chim. Lối kia rẽ về Nga Mi, làng Nga Mi có cái chợ Mai hạp ven sông. Cứ noi thẳng lối này thì tới nhà. Con đường mù trắng những hoa cỏ may. Về nhà tha hồ mà được một bữa nhỏ mới, vì hoa may tua tủa bám vào ống quần. Cái gò gì mà đất cát lở tở nằm dài bên lề đường? À, gò ông Đống. Mỗi người qua lại ném vào lưng ông Đống một hòn đất, ông Đống sẽ phù hộ cho đi đường được dẻo chân, chóng đến nơi. Ngang trước mặt, lũy tre chạy tiếp ra đến đường cái tây, là làng Kim Bài. Sau lưng tôi, thực xa, mờ mờ bóng hai chiếc cột tam quan trắng, đây là tam quan làng Thanh Thần, làng nhà cô Hai, em thầy tôi lấy chồng khác làng. Con đường tôi đi sâu nghiêng mãi vào trong cánh đồng. Đến Cầu Ngồ, rồi Ba Cây, rồi đến Một Cây. Những gốc muỗm thực lão, cành lá sum suê. Tới Một Cây đã ngó được những mặt ao lấp lánh sáng. Cái tường đất dưới lũy tre hiện ra gọn gàng. Thế là đã trông thấy nhà bà Ba tôi. Sắp vào tới xóm. Tôi đã ngửi sẵn được các mùi hương hoa quen thuộc. Quen thuộc lắm, hễ ngửi thoáng là tôi biết sắp về tới quê. Ở, mà lạ. Không bao giờ tôi biết phân biệt rõ ràng cái hương vị phảng phất dị kỳ ấy. Nó thoang thoảng trong cánh đồng bao la hoặc vẫn vơ nơi rặng ô rô kín mít. Tưởng như đây là mùi cỏ khô, mùi đất mới, mùi khói rơm bếp... Không chắc đã phải. Thôi, đích nó là mùi lá muỗm nấu

lẫn với lá vôi, mùi rau nhậy, mùi lá trang, mùi lá cải, mùi cỏ bồ mùng, mùi mái rạ chuồng bò. Cơ chừng nó chẳng rõ ràng mùi gì. Nó là tất cả mùi vị, từ mùi tóc hôi trên đầu đứa trẻ cho tới mùi cái nơn cỏ gấu đấng mới nở, hộn lại, hòa với nhau, bốc cả lên khắp một miền quê. Mùi của hương đồng cỏ nội. Cái mùi quê đặc biệt, cứ mỗi khi về đến làng, là tôi thoáng biết. Cũng như đứng ngoài đường cái tây, trông mờ mờ thấy mảnh tường đất, tôi đã biết đấy là lũy tre bên cạnh nhà bà Ba tôi.

Cảnh nhà trong quê tôi thực là thanh bần, – nếu không muốn nói rằng cũng nghèo nàn. Từ khi ông nội tôi mất đi, nhà cứ sút dần xuống. Thấy tôi là con thứ hai của gia đình có năm người con, ba trai và hai gái. Khi có tôi, bác tôi, chú tôi cùng các cô tôi, mọi người đã yên phận. Tôi về cả nhà quý mến vô cùng. Tôi cứ bị điệu đi mọi nhà thân thuộc trong làng để bà con biết là “thằng cu Bưởi con ông Lý Quý về chơi”. Tôi coi cái việc đi trình diện ấy là khổ lắm. Tôi rất sợ những người lạ. Rồi tôi sợ lây cả đến cái nhà của bác tôi. Tôi thường lủi thủi ra ngoài nhà bà Ba.

Bà Ba tôi là bà cụ sinh ra mẹ già tôi. Người vợ trước của thầy tôi – mẹ già tôi – tuy đã mất rồi, nhưng bà Ba tôi vẫn quý mến thầy tôi yêu chúng tôi lắm. Về quê, bao giờ u tôi cũng mang tôi ra ngoài nhà bà. Trong những ngày về quê thuở ấy, tôi chỉ có thể tìm được một chút gì vui vui dịu dàng mỗi lần ra ngoài nhà bà Ba tôi. Ông Ba mất từ lâu. Thầy bảo rằng ông đi rừng về chết bởi con ma gà làm. Rồi đến mẹ già tôi, hình như cũng chết vì con ma gà rừng nốt. Bà Ba tôi chỉ có mỗi mình mẹ già tôi. Từ khi mẹ già tôi chết đi, bà ở quanh quẽ có một mình. Một mình trong một nếp nhà nhỏ, đằng trước có căn vườn xinh xinh. Lối ngõ vào, lưa thưa một hàng dâu xanh. Vào nhà bà tôi, cái gì cũng bé bỏng, cái gì cũng xinh xắn. Từ chiếc niêu đất thối cơm cũng bé tí nheo. Chỉ riêng có con lợn trong chuồng là to kênh, bụng như bụng chum, bốn cái chân ngắn cùn, cả ngày nằm ỉn ỉn mè nheo đòi xơi. Tôi còn nhớ rõ ràng hễ cái đầu trọc to thô lỗ của tôi thò vào ngõ thì tôi lại cầm gậy gõ cạch cạch trên tấm phên nứa. Con chó vàng xích tận đằng cuối cái cối xay. Tôi chẳng sợ nó. Bà Ba tôi chạy vội ngay ra. Bà cầm lấy tay tôi dắt vào. Và đến lúc bà ngồi xuống bậc cửa, thì tôi đã nằm gọn lỏn trong lòng bà. Váy của bà tôi là tấm váy nâu già, tuy chưa rách nhưng đã bạc mầu đất vườn cằn. Mảnh yếm lụa nâu nhờ, hai dải buộc quặt ra đằng sau. Tôi nắm luôn một tay ra nẻo lưng để trần của bà tôi. Xoa đi, xoa lại trên làn da dịu

lạnh, mắt ngược nhìn đôi khuyên bạc đánh lắc lơ trong hai lỗ tai, chảy thông. Thuở trẻ, hẳn bà tôi vạm vỡ, mặt vuông vắn. Bây giờ mà nước da bánh mật còn sần bóng đỏ hồng một màu hạt vãi già. Ở hai bên cánh tay, thịt teo lại, chảy giạt xuôi xuống một phía, mó vào mắt rọi. Tôi nằm ngoan ngoãn, him hai con mắt, nghe bà tôi nói. Bà tôi nói rằng bà nhớ tôi. Buổi chiều đi chợ về, bà hay đứng ngóng tôi ngoài đầu vườn. Có cái oản lộc chùa hôm thượng nguyên, bà cất dưới gầm mâm bông. Lại có bát chè kho tuần rằm bà vẫn dành cho tôi trong phần. Ấy bà cứ để dành đợi bóng tôi. Nghe chừng bao giờ oản và chè kho lên mốc xanh thì bà tôi lại khuôn ra ăn dần. Những bữa cơm ăn với bà Ba là những bữa cơm ngon trong đời tôi. Cơm thường có thịt gà, nhưng lắm khi chỉ có rau khoai. Rau khoai tím ngắt chấm và bát giấm mẻ cà chua đỏ ngòm lấm tấm điểm mấy lá hành xanh rờn. Vậy mà tôi ăn ngon miệng lạ. Nhưng chính cái để cho ngon miệng nhất là xung quanh mâm ăn có ít người. Chỉ có bà Ba với thêm u tôi. Tôi tha hồ gấp. Tôi làm tướng trong mâm. Không những chẳng ai gấp tranh tôi, mà bà tôi lại còn gấp thêm cho tôi là khác. U tôi thì ăn nhỏ nhẹ. Cơm nước xong, những buổi tối, u tôi và tôi thường ngủ lại ngoài bà tôi. Những buổi tối mùa đông giá lạnh, cái giường của bà Ba tôi mới êm ái và ấm áp làm sao. Nếp nhà bé bỏng như chiếc lồng chim, cửa liếp buông xuống kín bưng. Giường bằng tre, bốn chân choãi. Trên cái giát nửa cật trái mấy lượt lá chuối khô rất dày rồi phủ chiếu lên trên. Tôi nằm gọn giữa giường, mặt chiếu bông bênh sóng như mặt đệm bông. Buổi sáng, bà và u tôi đã dậy cả rồi, tôi còn nằm to vo, lé có một con mắt nhòm ánh sáng, chốc chốc lại thử thò một tí chân ra ngoài mép chăn xem có còn rét không? Mặt giường rập rình lún xuống tưởng như tôi đương nghịch trò nấp giữa hai gò cỏ cao. Tôi cứ nấn ná uần oẹo như thế cho tới lúc u tôi bung mâm lên và bà tôi vào gọi tôi dậy ăn cơm sáng. Cơm xong, bà tôi quấy gánh hàng đi chợ. Hai bồ thuốc Lào và mấy mẹt cau khô lồng vào đôi dây quang đen, bên cạnh gài lồng thông chiếc ghế cao chân. Bà Ba tôi bán cau khô và thuốc Lào ở các chợ quanh trong miền. Nhưng có tôi về chơi, ít khi bà tôi đi chợ. Những hôm ấy, đôi bồ sơn đen đặt chồng lên nhau. Cái đòn gánh đứng dựng trong một xó buồng hai bà cháu thủ thỉ trò chuyện suốt ngày.

Nhưng dù sung sướng thế, được yêu quý chiều chuộng quá đổi như vậy, tôi vẫn không thích nhà quê. Cứ ở ngoài bà Ba tôi độ hai hôm, tôi đã bâng khuâng buồn. Buổi chiều hôm thứ ba thì tôi ra đứng ngoài đầu vườn ngóng ra cánh đồng. Qua cánh đồng kia là con đường cái tay mờ

mịt trong vệt sương của một buổi chiều êm buồn rượi, vắng tiếng vòng bánh xe sắt lăn trên đá lạo xạo như tiếng rạn nứt của con đường cái hoàng hôn. Con đường cái chạy về nẻo tỉnh, có thể đưa tôi trở về nhà tôi. Tôi ngần ngừ nhìn hun hút vào vòm sương. Rồi tôi vào đứng trong gốc cây na, nước mắt tuôn ròng. Từ hôm sau, chiều nào tôi cũng nấp trong gốc na khóc hu hu, cho tới hôm lại được trở ra ngoài Bưởi. Thường thường, khi nào ở quê ra, bà Ba cũng cho tôi vài con gà con. Mấy chú gà nhỏ đứng trong một chiếc bu bé khóc liếp liếp. Thích lắm.

Cái thuở xa xôi ấy, không còn nữa. Bà Ba tôi mất đã sáu năm nay rồi. Khi bà tôi nhắm mắt, tôi không được ở gần. Mấy năm liền, tôi không về quê, tôi chẳng gặp bà. Nhớ nháo rồi, tôi đã quên bà tôi. Mà tôi còn nhớ, còn đầu óc đâu mà tưởng lại những kỷ niệm ấu thơ khi xung quanh tôi vương vít bao nhiêu đau buồn u ám. Gia đình tôi xa sút. Nỗi ngơ ngác trước vực tương lai đen thẫm. Tôi đã rời nhà luôn, khởi đầu những ngày long đong của một cuộc sống vất vưởng. Chính cái mùa đông năm ấy, mà bà Ba tôi mất, tôi đang rối ren vì sinh kế ở một tỉnh miền xuôi. Tôi hằng yên trí ở chốn quê mùa xa xôi kia, bà vẫn lặng lẽ sống những ngày tàn (những ngày tàn của tuổi già mà cái tưởng tượng tôi thơ dại nghĩ như chẳng bao giờ lụi hết!), những ngày tàn khòm khòm dưới chiếc đòn gánh kiu kịt. Sự thực lạnh lẽo đã xóa cái yên trí mơ hồ đó. Bệnh bà tôi khởi đầu vào mùa đông, thứ bệnh ho và đau xương thông thường của mọi người già, nhưng bệnh cứ liễm nặng dần cho tới lúc liệt giường. Bởi không có ai hầu hạ, bà tôi phải về nằm bệnh ở nhờ nhà một người cháu gọi bằng cô họ. Khốn nạn, ngày còn bà, tôi đâu biết người cháu đó là ai? Về nhà cháu được ít lâu, bà tôi mất. Mấy sào ruộng cùng nhà đất đều bán vào trận ốm và ma chay hết. Thế là mất bà Ba tôi.

Tôi càng nghĩ càng thấm thía trong lòng một niềm ân hận xót xa, mỗi khi nhớ đến bà Ba tôi. Còn bà, bà chỉ thương tôi. Bà thương thằng bé cháu hờ này biết ngần nào. U tôi có kể một chuyện rằng cái năm tôi lên hai, tết Nguyên đán ấy, bà Ba xách năm chiếc bánh chưng lên tận nhà ông bà ngoại tôi. Bà đi bộ một ngày đường để đem cho cháu bánh tết. Ôi bà ơi, cháu còn biết làm thế nào bây giờ. Cháu thương mong một chút mong nhỏ. Rằng giá có một ngày, cháu tậu lại được cái mảnh đất yêu quý của bà. Cháu sẽ làm lại nếp nhà nhỏ trên nền đất cũ. Cháu sẽ đan lại chiếc giàn trầu không, gậy lại hàng rào dâu xanh. Cháu sẽ có khi cháu về ở đấy. Cháu sẽ... Cháu sẽ..., ôi, nhiều

thứ lắm. Nhưng những ý nghĩ ngây thơ ấy chỉ như khói vờng. Cho đến bây giờ, tôi vẫn nghèo quá. Tôi vẫn chỉ băng khuâng mỗi khi chợt nhớ bà và ngậm ngùi mà hy vọng cái điều mơ ước nhỏ mọn ấy.

Từ ngày đó, tôi lại càng thưa trở về quê nội. Con đường càng ngại. Con đường càng xa. Sao con đường trở về quê lại quá thế? Trong đời, tôi đã qua những đoạn đường xa gấp trăm ngàn nó mà không hề nghĩ ngợi đến nỗi xa xôi như trước khi tôi bước trên đường về làng nội. Nó xa hơn hết và xa mãi mãi. Nó như dài thăm thẳm từ thuở tôi còn nhỏ, mỗi lần theo u về quê.

Cỏ dại, hồi ký,
Nhà xuất bản Hà Nội, 1944.

HƯỚNG MINH

(1912)

Hướng Minh tên thật là Phó Đức Vinh (bút danh khác: Dương Quân). Nguyên quán: làng Đa Ngưu, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Ông sinh năm 1912 tại thị xã Nam Định. Hướng Minh mồ côi cha mẹ từ nhỏ. Trước Cách mạng Tháng Tám, ông học một năm trường Luật, sau đó vừa làm viên chức vừa viết văn.

Hòa bình lập lại trên miền Bắc, ông công tác ở ngành Công chính, rồi chuyển sang công tác tại Nhà xuất bản Văn hóa, sau sát nhập thành Nhà xuất bản Văn học hiện nay, cho đến khi về hưu. Thời gian sau này, ông thường viết báo và dịch tiểu thuyết nước ngoài.

Tác phẩm của Hướng Minh chủ yếu đăng trên báo *Thanh nghị* từ khoảng 1940 đến 1945, bao gồm các thể tài: truyện ngắn, bút ký, tùy bút.

Bên cạnh những truyện, ký viết theo khuynh hướng lãng mạn, một số tác phẩm của Hướng Minh thể hiện một chủ nghĩa hiện thực trữ tình, hướng về số phận những người đàn bà tốt bụng, nhưng bất hạnh trong tầng lớp tiểu tư sản nghèo ngày trước: *Chú thím, Anh trưởng, Gia đình v.v...* Riêng *Thằng Bơ* viết về một đứa trẻ dân chài miền biển. Tác phẩm xinh xắn này có thể xếp vào loại những truyện ngắn hiện thực xuất sắc trong văn học Việt Nam từ 1940 đến 1945.

Những tác phẩm tuyển dưới đây đã được tác giả xem lại và sửa chữa đôi chút (chủ yếu về văn).

CHÚ THÍM

(Truyện ngắn)

Bình nhìn chị, hết sức thất vọng. Sáng mai chàng đã phải đi mà tiền vẫn chưa có đủ.

Kể cũng chẳng là bao. Chỉ có năm đồng mà chàng đã chia ra từng món chi li trong óc từ mấy hôm trước: ba đồng trả nửa năm thuê sách nhà trường, một đồng ô tô và một đồng tiêu cả tháng giêng. Các con số trong cái tính cộng giản dị ấy đã bị rút đến mực tối thiểu, không thể bớt thêm bề nào nữa.

Bình cũng biết chị không mấy khi có sẵn món tiền to thế, nên hôm mới về nghỉ, chàng đã bảo ngay để Chuyên liệu sớm. Rồi gần đến ngày, thỉnh thoảng chàng lại nhắc, nhưng lần nào Chuyên cũng nói là có rồi, chàng cứ yên tâm.

Nhưng cả ngày hôm nay không thấy đả động gì, Bình đâm nghi, vì đã nhiều bận đến lúc cuối cùng Chuyên mới thú rằng không lo được đủ. Buổi chiều chàng gạn hỏi thì quả nhiên lại thế. Nhưng Chuyên đã khéo bịa là tối sẽ có người đưa tiền trả nàng. Thực ra Chuyên đem cầm giấu một chiếc mâm đồng và một cái áo sa tanh, là thứ sang nhất còn lại cho nàng, mà cũng chỉ được còn ba đồng.

Mãi bây giờ nàng mới nói thật, làm Bình phát bần, cầu nài:

– Vậy mà sao chị cứ nói dối quanh mãi? Chín giờ tối rồi, còn dám ai ra tiền! Mai tôi lấy gì lên trường?

Chuyên ôn tồn:

– Chị biết lắm. Thôi em đừng rầy chị nữa. Chị lo mất mật mấy hôm nay mà không dám cho em biết, sợ em buồn. Bây giờ chỉ còn cách này...

Vẻ nhẵn nại đó khiến Bình hồi ngay sự cáu kỉnh của mình. Thoáng một giây, chàng hình dung những nỗi khổ tâm của Chuyên đã gắng làm tươi cho chàng vui trong mấy ngày nghỉ Tết. Chàng thấy mình ích kỷ và ác, giận vì một sự trái ý mà không nghĩ tới cái hy

sinh xiết bao âu yếm của chị trong việc đem cầm áo. Những nét cau có ở mặt chàng giãn ra, chàng dịu giọng:

– Chị bảo còn cách gì?

– Còn một cách... Nhưng em nên chịu khó hộ chị một tí.

– À, tôi biết rồi. Chị bảo tôi vào xin chú chứ gì? Không, tôi chịu thôi! Bình giãy nảy lên như đĩa phải vôi vì ý tưởng ấy gợi ngay những cái khó khăn phải cần đến nhân nại và tất cả can đảm của chàng.

Chàng không còn lạ gì tính bủn xỉn của ông Phán Ích, chú ruột chàng, và cái thảo lão hời hợt của thím chàng. Từ ngày cha mẹ mất, để gia tài lại trơ một cái nhà ở phố Hữu Môn tỉnh Hưng Yên, Chuyên phải tần tảo sớm hôm, nhịn ăn nhịn mặc, mới chu cấp nổi cho Bình theo học. Ấy là chàng đã có lương, sự ăn ở trong trường Bảo hộ và học phí Nhà nước đều cho cả. Mỗi tháng Chuyên chỉ phải gửi vài đồng cho chàng mua giấy bút, ăn quà, và một đôi khi may cái áo để chàng khỏi mặc rách quá. Như vậy cũng đủ chật vật rồi. Nàng cố bòn nhặt từng xu trong khi bán ống thông phong, những nón lá gôi, những mớ bồ kết, những chiếc lược gỗ, tất cả những thứ rẻ tiền bày làm ngôi hàng tạp hóa, gọi là ngôi hàng, nhưng thu lại chỉ bằng một gánh hàng xén con ngoài chợ.

Mỗi lần Bình ốm là nàng khổ, vì vừa lo vừa xoay xở cằng đáng mới có tiền thuốc. Thường thì cùng bước, nàng cầu đến chú. Nhưng túi ông không mấy khi mở dễ dàng, mà cũng không rộng rãi. Nếu không thể đừng, ít ra ông cũng nói cho biết ông không phải là “con bò vắt sữa” của nàng, ông cho vì lòng thương, nhưng đừng thấy tốt mà cứ quen mui quấy mãi. Rồi bà Phán cũng kết luận, nửa thương xót, nửa mai mỉa: “Thôi cho chị ấy. Hẳn là chị ấy phải lúc quẫn, chứ làm gì không biết liệu mà thu vén để khỏi phiền mình!”

Chuyên còn nhớ một lần Bình mắc bệnh sốt rét, nằm một tháng trong nhà bệnh ở trường không khỏi, sau nàng phải xin phép đưa em về uống thuốc ta. Khi mới nhận tin, nàng choáng váng cả người, phần bối rối vì quẫn bách, phần sợ em nhờ mệnh hệ nào thì không biết thân nàng, đời nàng sẽ ra sao.

Trong lúc hoảng hốt, nàng vội sang nhà chú, vừa khóc vừa kể, xin ông vài đồng đi Hà Nội đón em. Nàng nghẹn ngào nói những lo lắng và sự bần cùng của mình, tưởng sẽ được khuyên nhủ và an ủi.

Nhưng ông Phán chỉ nhú lông mày, mặt không tỏ vẻ gì khác là

khó chịu vì có việc bận mình. Ông không muốn ai gặp khó khăn, để bắt ông phải nghỉ. Nhất là ông không mong gì hơn Bình khỏe mạnh, Chuyên kiếm đủ tiêu, để khỏi lôi ông vào những việc phiền như thế.

Ông lẳng lặng nghe, đầu hơi nghiêng, má phính tần ngần, vẻ lưỡng lự, khó xử. Sau cùng ông bảo: “Việc gì mà lo, chị này gàn! Nó ốm rồi nó khỏi chứ làm sao! Thật dở hơi! Còn tiền thì tôi tiếc rằng không sẵn”.

Bao nhiêu túi cục đưa lên cuống họng, Chuyên đã tưởng khóc òa lên được. Song nàng cố cầm lại, chào chú thím, toan về ngay. Nhưng may bà Phán bảo chồng: “Thôi hay cậu lấy tạm chỗ tiền ông Hàn Ba gửi mà cho chị ấy hai đồng”. Ông Phán ngầy ngà: “Chỉ tiền! Tiền! Tiền tiền đâu mà lăm thế? Tiền của ông ấy, rồi ông ấy đi cho thì sao?”.

Bà Phán đưa hai tờ bạc cho Chuyên, nói vót vát: “Chị cầm lấy, mà buộc vào dải yếm cẩn thận, không có đi ô tô kẻ cắp nó lẩn mất. Nể chị lắm, chứ chú thím thực không có, chả giấu chị làm gì! Chị bảo anh Bình chú thím mong anh ấy về nghỉ cho chóng khỏi”.

Tuy biết chú thím vờ không có tiền (ông bà Phán vẫn cho vay lãi góp), Chuyên cũng thành thực cảm ơn và không kể cho Bình nghe việc ấy. Nàng hiểu Bình đã chán ngán về chú thím từ lâu và không bao giờ muốn phiền lụy.

Cho nên hôm nay, cùng bất đắc dĩ, nàng cũng đo đắn, lựa lời mãi, rồi mới bàn với em vào cầu cứu chú. Thấy Bình sôi nổi, đón ngay ý nàng mà gạt phắt, nàng lo ngại nhìn em, van nài:

– Em Bình, chị xin em! Em chịu khó một tí. Đáng lẽ chị vào, nhưng chị đã trót vay thím ba đồng, mà chú cũng biết, chú đòi mãi. Chị chưa trả được, nên sợ. Chú em thì chú nể, vì em không mấy khi xin chú.

Bình hậm hực:

– Không, tôi không đi! Chị muốn bảo tôi làm gì cũng được, chứ xin chú thì tôi không xin.

Chuyên năn nỉ:

– Chị lạy em đấy! Em đừng khăng khăng vậy nữa. Dù sao chú cũng là em thầy, chị em mình nghèo, dầu có xin chú trước mặt ai, người ta cũng không cười kia mà! Sao em lại cứ cho thế là nhục? Thôi, em Bình, chị cần cở van em, em đi hộ chị, em xin cho chị...

Bình thấy sự quả quyết của mình núng dãn. Những ý tưởng trái

ngược hiện rồi lại biến trong óc chàng, như chớp bể chiều hôm. Chàng không còn nhận ra thế nào là phải, lẽ nào là nên, lòng rối bởi những tình cảm phức tạp, bộn bề. Mỗi tình cảm ấy, lọc riêng ra, đủ là một nguồn đau đớn sâu sắc. Bình vừa thoáng tưởng thấy hình ảnh nghiêm trang, khảng khái của ông Tú, mà Chuyên vừa nhắc đến. Rồi chàng nghĩ tới mẹ, tới những đau khổ và cái chết của cả hai người trong cảnh nhà thanh bạch, hai con mắt khép lại lần chót trên môi hận chưa gây dựng được cho con. Chàng thở dài lạnh lùng đáp:

– Thôi được! Chị ở nhà gói quần áo sẵn cho tôi.

Chuyên mừng rỡ, bỗng đổi ngay vui, nhoẻn miệng cười:

– Có thể chứ? Chỗ chị em với nhau...! Ai lại bắt chị lạy mãi bao giờ! Vậy em cứ nói là vào chào chú để mai đi, rồi hãy ngó ý sau. Thế nào chú cũng cho... Chóng rồi ở nhà chị lược bách chưng đợi nhé!

Nàng đã hết lo, trở lại tin sự dễ dãi của chú và cũng không nhớ bánh chưng có còn không. Nàng chạy vào nhà trong mở nắp quả xem: May! Vẫn còn một chiếc! Trong khi ấy, Bình lẳng lẳng cầm mũ ra đường, đưa chân đi như cái máy. Mưa bụi lất phất, đùa với ánh sáng đèn dầu ở những nhà còn mở cửa hắt ra.

*

* *

Dưới ánh sáng xanh, ấm áp, của ngọn măng sông đặt trên tủ chè, hai vợ chồng ông Phán Ích, ông Giáo Đán, ông Hàn Ba và ông Tham Tôn đang đánh tổ tôm ở chiếc sập chân quỳ.

Cánh cửa rụt rè hé mở. Bình bước vào cúi chào mọi người. Ông giáo và ông Tham ngồi quay mặt ra cửa, trông thấy chàng trước nên khẽ gật đầu đáp, rồi nhìn xuống bài ngay, như biết người mới đến không đáng cho các ông quan tâm. Bà Phán ngẩng đầu lên:

– Kia anh Bình!

Ông Phán cũng quay lại:

– À, anh đã vào đấy à? Ngồi chơi đó!

Ông ném cây bài đang cầm trên tay xuống sập:

– Nhị văn! Cụ Hàn xơi quân ấy tốt nhé!

Bình yên lặng ngồi vào một chiếc ghế bên bàn pha nước, không

biết làm gì. Mỗi lần vào nhà chú, chàng lại có cảm tưởng mình đến không làm ai vui, giá không đến cũng không ai thấy thiếu, mà chàng chính thực là thừa. Duy có điều ông Phán sẽ trách hờ Chuyên, khi nào gặp mặt: “Thằng Bình về nghỉ mà không vào qua chơi, tệ thế!”.

Nhưng cảm tưởng ấy hôm nay còn pha thêm một chút bứt rứt. Hình như chàng đã thấy trong vẻ nhìn của ông bà Phán cái ngầm ý bảo nhau: “Không khéo lại xin tiền!”. Khốn nỗi điều phỏng đoán ấy lại đúng là sự thật!

Bình tự soi vào tấm gương lớn trên tường xem mặt mình có chi tổ cáo ý muốn đó không. Chàng chỉ thấy một vẻ ngượng ngùng vô hạn, khiến chàng lại hần học với mình.

Cái im lặng theo sau mấy câu hỏi khi chàng vào, Bình thấy là nặng nề. Chàng tưởng giá thử chàng đứng dậy đi thì có lẽ cả mấy người trong bàn tổ tôm sẽ cười lên khoái trá, như mừng được trở lại thành thoi. Sự thật ai nấy chỉ chuyên chú vào ván bài mà không lưu ý đến chàng. Nhưng có lẽ ông Phán chợt nhận ra sự lạt lẽo, vì ông quay lại vồn vã:

– À, thế nào? Bao giờ anh đi Hà Nội?

– Dạ, bẩm chú, sáng mai. Cháu vào để chào chú thím.

– Thế à? Ấy, cho tôi ăn quân tam sách đã! Cuối năm nay anh thi chưa nhỉ?

– Thưa chú, chưa. Cháu mới ở năm thứ ba.

Ông Hàn cười mũi, đùa giọng mỉa:

– Chuyện quan Phán chưa già đã lẫn! Cháu học ở lớp nào mà cũng quên mất được! Cả mấy ông cùng cười và ông Phán cười to nhất, hình như chính ông thưởng thức câu đùa hơn cả. Ông pha thêm, tưởng làm mạn chuyện:

– Ấy thế đấy! Cũng chả mấy chốc, tôi hỏi thăm đến hàng mục kính như cụ cho mà xem!

Ông hạ phu bài ăn với quân tam sách:

– Cả làng đã trông thấy cước sắc chưa? Vậy mà quan tham lại toan bốc, không cho tôi ăn.

Ba ông kia cùng ngả người nhìn. Ông Giáo sừng sốt:

– Chết rồi! Không khéo hấn bạch định, các ngài ạ!

– Ủ nhỉ? Phu dưới chiếu trắng toát.

Ông Phán nhại lại:

– Ủ nhỉ? Trắng toát đã sao? Không biết mèo nào cắn mỉu nào đây!

Ông đắc chí cười như sấm, Bình hiểu ông đã quên chàng. Chàng cầm một tờ báo trên bàn, giở xem chán nản.

Ba đứa con trai ông Phán, sần sần bằng nhau, từ tám đến mười tuổi, ở trong nhà trong chạy ra chơi đi trốn tìm. Thấy Bình, chúng reo: “A, anh Bình!”, rồi lại tiếp cuộc chơi, mỗi đứa kiếm một chỗ ẩn, nói riu rít như không có ai lạ. Có đứa lại đến nấp cả sau lưng ông Phán gọi: “Hú tim! Hú tim!”. Ông chỉ: “Hừ! Láo nào!”, nhưng cũng không đuổi.

Nhìn chúng và nghĩ chúng là em họ, Bình ngạc nhiên thấy lòng không thiết tha. Trái lại, chàng còn không ưa tính nết và sự hỗn hào của chúng. Chàng nhớ khi bằng ấy tuổi, chàng không như chúng – trước hết cảnh sung túc không cho chúng thấy những ý nghĩ hiếu thảo, thương cha mẹ nghèo – và chắc sau này lớn chúng cũng sẽ không giống chàng tí nào. Đời chúng và đời chàng đi theo những ngã khác nhau, không liên quan mật thiết. Vậy mà sẽ cứ là anh em, tỏ tình âu yếm, dù chỉ âu yếm ngoài bề mặt.

Bình tấm tức vì sự giả dối: “Nếu sau đây, một đứa phóng đàng hay làm chi hại gia phong thì ta có lỗi gì mà cũng phải xấu lây?”. Nhưng chữ gia phong lại nhắc tới bao nhiêu tập quán di truyền mà thâm tâm chàng vẫn không cam nhận, Bình gạt tờ báo, ra xem thàng nhỏ chia bài ở giường gần đấy, để cất ý nghĩ triền miên.

– Mà chia được mấy hội rồi?

– Ba rồi, cậu ạ.

– Mỗi hội được bao nhiêu?

– Một đồng, bằng tiền ván suông.

– Ô, các ông còn đánh, vậy chắc là tối nay mà có thể kiếm đến dăm bảy đồng nhỉ?

– Cậu bảo thế thắm gì! Có hôm con chia đến hàng chục đồng ấy chứ! Đánh cả ngày đêm cơ mà! Nhưng nhiều thì nhiều, con có được ăn đâu mà mừng.

– Sao lại không? Mà nói lạ. Công mà chia...

– Vâng, kể thì thế. Nhưng bao giờ xong, ông Phán cũng gọi con ra tính, rồi bắt đưa hết. Ông chỉ cho độ dăm hào là bét tí. Mà lại

phải chia với con sen nữa!

Bình nén một tiếng thở dài. Thành nhỏ bí mật thêm:

– Ông Phán vừa lấy hồ, vừa lấy tiền chia bài nên không mấy khi thua đâu, cậu ạ. Cậu không biết chứ...

Bình ngắt lời nó, hỏi chuyện khác để khỏi nghe những sự buồn hơn.

Bỗng bên bàn tổ tôm, ông Hàn reo:

– Thông thập hoàng tôm lèo! Nào các quan đã biết tôi chưa?

Cả mấy người xúm nhìn bài ông, mỗi người nói một câu làm gian phòng huyền não khác thường. Ông Phán Ích xem kỹ nhất. Ông bới từng phu bắt bẻ, nhưng sau mọi người nhận ông Hàn ù đúng phép, ông hậm hực lật nọc, rồi phân vua:

– Chó thế! Mình chờ chi chi từ đầu thì nó lại nằm ngay bên dưới. Bài đen đến vậy là cùng!

Ông đã mất ván bạch định tôm ban nãy và luôn mấy ván chờ ăn to không lên, nên ông bần tính, không vui như trước. Ông quăng hai đồng dam cước sắc, rồi đứng dậy, hần học:

– Phải lấy thêm tiền mới được! Ô, thế mà mình thua hai mươi nhăm đồng ngọt như không!

Bình nhìn đồng hồ đã hơn mười giờ, bèn nhân dịp ông vào nhà trong, vội theo chân, nói ngập ngừng:

– Thưa chú...

– Cái gì anh?

– Thưa chú... Mai cháu lên trường, cháu vào chào chú và...

– Ủ, thế anh đi học cho tốt nhé! Rồi thỉnh thoảng được nghỉ thì về chơi.

Ông định đi thẳng, để khỏi nghe nốt đoạn cuối câu nói của Bình, mà ông đoán chừng bất lợi cho ông. Nhưng Bình theo sát bước, quả quyết:

– Vâng, nhưng thưa chú, cháu còn muốn xin chú...

– Cái gì nữa?

Ông đứng lại, khó chịu. Bình vận hết can đảm, nói một mạch mấy câu nghĩ sẵn:

– Bẩm chú, cháu phải trả ngay nhà trường ba đồng thuê sách. Chị cháu đã chạy vạy mãi không được, nên bắt đắc dĩ cháu phải xin chú. Chú gia ơn cho, không thì cháu không có sách học.

Ông Phán cau mày:

– Những ba đồng? Chết chửa, tôi làm gì có mà cho anh những ba đồng! Tôi cũng túng chứ có tiền kho đâu mà đãi anh chừng ấy được!

Bình nuốt nước bọt, nài:

– Vâng, cháu hiếu, nhưng chị em cháu thật tình quần bách. Cháu xin, nhưng còn tùy lượng chú.

Ông Phán nghĩ một lát, rồi dịu giọng:

– Thôi được, tôi sẽ cho. Nhưng anh nên nói với thím một lời, không có rồi thím trách rằng chú cháu chỉ biết với nhau, không tiện. Đã hay rằng tiền của tôi, nhưng việc gì cũng thế, cần phải có vợ có chồng cho nó hợp lẽ, anh nghe ra chưa?

Ông bước ra sân, mặc cho Bình đứng tần ngần. Chàng đã mừng qua bước khó là nói được câu xin không ngượng lắm. Những tưởng vậy là xong, ngờ đâu còn một câu gian nan nữa.

Chàng có ý nghĩ mình là một tội nhân đang nóng lòng đợi tuyên án, thì nhận tin phiên tòa tạm hoãn. Sự nhấn nại của chàng còn phải thử thách nữa. Chàng còn phải nghe những lời không bao giờ đượm một chút yêu thương của thím chàng.

Bình đang phân vân, không biết nên dằn lòng ở lại hay nên bỏ cuộc như tên lính hèn, thì con sen vào báo nhỏ:

– Cậu ra cô Chuyên hỏi gì ấy. Tôi đi mua bánh cho em, thấy cô ngáp ghé ngoài cửa. Tôi mời nhưng cô ấy không vào, chỉ nhấn cậu ra một tí thôi.

Bình lẳng lặng đi qua bàn tổ tôm, lên ra đường. Bà Phán không để ý, vì đang mài khoe một nước bài cao với ông Giáo ngồi bên.

Ngoài hè, Chuyên hỏi dồn:

– Thế nào? Sao lâu thế em?

Bình lắc đầu. Chuyên lo sợ:

– Chú không cho à? Chú bảo thế nào?

– Chú nhận cho, nhưng bắt em nói với thím đã.

Mặt Chuyên tươi hẳn lên.

– Ừ thôi, em chịu khó tí nữa. Nói một câu có mất gì! À, em xin mấy đồng?

– Ba đồng. Nhưng không chắc chú cho đủ.

– Chú bảo vậy thì chú cho đủ đây! Em cứ vào nói đi. Mau còn về, kéo mười một giờ rồi còn gì! Chị đứng ngoài này đợi, cho em vững tâm nhé!

Bỗng nghe tiếng ông Phán hỏi trong nhà: “Bình về rồi à mợ?”, Chuyên vội hé cửa đẩy em vào, để chàng khỏi đổi ý.

Ông Phán nhìn Bình: “Thế nào?”. Chàng khẽ đáp:

– Thưa chú, cháu chưa nói.

– Thế nói đi! Rồi tôi đưa cho.

Bà Phán thấy hai người thì thâm, biết là có sự khác ý. Bà không hỏi chồng:

– Gì thế cậu?

Bình lo ngại nhìn chú, sợ ông nói việc chàng trước mặt người lạ. Nhưng may, ông chỉ thủ thủ trả lời:

– À, không. Anh Bình muốn hỏi gì mợ đó!

Bà Phán sa sầm mặt, lặng ngắt cầm bài lên tay. Cái nhìn của bà chỉ lướt qua mặt Bình, nhưng chàng cảm thấy như một mũi khoan đâm nhói vào da. Một luồng giá lạnh chạy khắp người chàng. Chàng đứng sững, bị hút bởi một sức mạnh ghê rợn. Bao nhiêu ý chí, bao nhiêu can đảm bỗng rời bỏ chàng, như một đàn chuột nhát. Một tiếng thì thầm ở đâu vắng đến: “Thôi, về đi!”.

Nhưng Bình ở lại.

*

* *

Bình phải đợi nửa giờ nữa, bà Phán mới chịu úp một ván bài xấu, vào nhà trong.

– Anh muốn hỏi gì tôi?

Bình ấp úng nói lại những điều đã kể với ông Phán. Chàng cúi mặt, nên không thấy vẻ vất vả của bà Phán, ngồi một chân buông thõng, một chân dựng trên giường, cánh tay duỗi dài qua đầu gối. Thực ra, chàng không dám nhìn mặt bà, một bộ mặt da ngăm bánh mật, có đôi môi quét trầu cắn chỉ, lúc nào cũng dính liền nhau, và mắt trắng thạch cao, nhìn sâu như đèn soi vào ruột gan người. Đợi Bình nói xong, bà cất tiếng chảnh hoảnh:

– Tôi lạ cho chị em anh, cứ nay hỏi tiên, mai lại hỏi tiên! Động

một tí là nã chúng tôi, làm như nợ Liễu Thăng không bằng! Vợ chồng tôi có phải là Thạch Sùng đâu mà có tiền như vỏ don ấy? Chị anh còn thiếu tôi ba đồng, đã trả đâu mà bây giờ lại sai anh vào xin nữa? Hết chị rồi đến em! Dễ thường nhà tôi không có vợ chồng con cái gì sất, chỉ việc treo mồm lên mà cung đón mọi người? Hừ!... Chị Chuyên chả khôn mà! Chị ấy không muốn nói chuyện với tôi, vì còn nợ, nên mới đẩy anh.

Bình nín thít. Da mặt chàng co lại. Cả người chàng nứt nẻ dưới cơn bão táp. Những lời của bà Phán trút lên đầu chàng như một trận mưa đá đổ mau. Hai chân chàng nhũn muốn chùng, khiến chàng bắm mạnh ngón chân trong giày để đứng cho vững.

Bà Phán buông tay đứng lên, vừa đi vừa vung văng:

– Thôi đấy! Anh hỏi chú anh mà lấy! Tôi không biết. Tiền của chú anh thì chú anh cho.

Bình bàng hoàng như chưa tỉnh một cơn mê dữ dội. Chàng tưởng tai nghe lầm, vì không ngờ bằng ấy danh nghiệp chua cay lại có thể đúc trong mấy câu nói bởi một giọng hầu thân nhiên như vậy. Ông Phán bước vào buồng lúc nào, chàng không biết. Ông đến bên, nhẹ dúi vào tay chàng một tờ giấy cuộn tròn, an ủi:

– Đấy, tôi bảo anh có sai đâu! Giá anh không nói, có phải là thím lại kỳ kèo tôi không? Đây, tôi cho anh đồng bạc và chúc anh đi đường bình an. Như biết số tiền ít ỏi và sợ Bình nài, ông quay gót ra ngay. Bình chưa kịp hé môi hay làm chi giữ cái thụ cảm tê liệt của mình, thì đã nghe ông nói ở nhà ngoài, giọng khoan khoái như vừa dàn xếp xong một việc phiền toái.

Ruột chàng thắt lại. Cuống họng chàng khô. Hai cánh mũi phập phồng, hơi thở dồn dập rất mau. Một cái gì nặng cuộn đưa lên cổ, làm tụ một giọt nước mắt ở mi. Bình mím chặt môi cho khỏi khóc, để bước đi.

Khi qua bàn tổ tôm, chỉ có ông Phán đáp lời chào của chàng là niềm nở. Chàng chưa bước ra khỏi cửa, ông đã reo:

– Tam văn! Trời ơi, Thánh thiên tử tam văn!

Tháng 5-1938

Báo *Thanh nghị*, số đặc biệt mùa
Xuân năm Giáp thân, 1-1944.

ANH TRƯỞNG

(Truyện ngắn)

23 tháng Chạp

Anh em nói, tôi mới nhớ ra là đã hai mươi ba tháng chạp, lễ ông Táo. Thì giờ lén trôi đi, tôi để ý gì đâu. Tôi vùi đầu vào sách vở, học và đọc nghiền ngấu tất cả những gì lọt đến tay: Paul Bourget, Pierre Benoit, Henry Bordeaux, Jules Payot, Charles Wagner, Marcel Pagnol, Sacha Guitry, và cả Paul Jagot, và Henri Durville nữa! Kể trộn lẫn bằng ấy tác giả với tư tưởng và văn loại khác nhau thì ít thông minh thật. Nhưng có hề chi! Vớ được sách nào bạn cho mượn là tôi xem mãi miết, ở phòng tự học, buồng ăn, gác ngủ, sân chơi, bồi hồi thương cảm hay say sưa phấn khích với những nhân vật, hình ảnh, lý tưởng gợi trên trang sách. Tôi hầu quên mọi sự đời, đắm mình trong một tâm trạng mê ly giả tạo để vượt trên những nỗi buồn cứ theo tôi như những bóng ma, ẩn đâu trong một hơi gió lạnh, một làn sương mờ, một vùng trời xám hay một buổi chiều đông yên tĩnh. Tôi hiểu nếu tôi để mình ngồi không thì chúng lại nổi lên như mây mù, tràn ngập lòng tôi, cho nên tôi phải đọc để át chúng đi.

Hai mươi ba tháng chạp! Bữa ăn sáng, anh em nói đến Tết, bánh chưng, rượu, thuốc lá thơm, chơi bát, đi lễ để gặp người yêu... anh nào cũng coi mười hai ngày nghỉ là quá ít.

Còn tôi?

Những dịp nghỉ Tết và nghỉ hè bao giờ cũng khiến tôi phân vân, không biết về đâu.

Tôi vẫn coi cái trường Bưởi này như chính thực là nhà mình. Ở đây ít ra tôi cũng cảm thấy mình được thanh thoi, thở một không khí tương đối trong lành. Tôi yêu từ góc sân đến bãi cỏ, từ ngăn sách đến cái giường gỗ mà mỗi đêm tôi nằm nghe gió thổi và sóng vỗ bên hồ. Tôi không muốn đi đâu. Ở đây, tôi là một con người có địa vị ghi rõ trên những mảnh giấy nhãn gài ở tủ sách, tủ áo, giường ngủ, sớm

chiều được các thầy giám thị gọi đến tên, và được hưởng mọi quyền lợi cùng các bạn lưu học sinh khác. Các bạn đó có thể yêu mến, cảm phục, hay không ưa, ganh ghét tôi nữa, dù sao tôi là một nhân vật được đếm kể. Tâm tình tôi, nếu không ai hay biết, thì đã có cây cối, ánh trăng, mặt hồ Tây, chăn gối và mọi vật trong khung cảnh thân mật hàng ngày chứng kiến. Tôi là một thực thể liên quan với các thứ đó. Hình như chúng được tạo nên để đáp ứng những đòi hỏi của tôi, và tôi cũng cần cho chúng như con chim tô điểm đất trời.

Vậy can chi tôi phải đi đâu? Tôi còn gia đình nào? Lê gì buộc tôi mỗi năm phải trở về Ninh Bình nhận lấy sự thờ ơ của các chú ruột? Để cúng ông bà tôi ư? Mỉa mai! Thầy mẹ tôi mất, tôi là đích tôn, đứng trưởng một phân chi họ! Tôi có gì giống những người trưởng họ khác? Trước hết, tôi không có nhà cửa, hương hỏa, từ đường gì. Chị tôi chui rúc trong một căn nhà rẻ tiền, thuê chung với gia đình một ông bán thịt quay. Chính ở gian nhà cũ kỹ và ẩm thấp ấy, mỗi năm tôi về cúng thầy mẹ tôi trên một cái bàn một lóng chông mà chị tôi, nghèo và bận con mọn, không bao giờ sửa sang được cho ra vẻ một cái bàn thờ.

Vậy năm nay tôi cũng lại sắp về nhìn sự tiêu tụy đó bên cảnh sống phong lưu của các chú, nghe các chú gọi mình là “anh trưởng” ư?...

Ngày 24

Buổi tối, trong giờ tự học, thầy giám thị phát giấy xin giảm nửa tiền xe lửa cho những ai về nghỉ Tết ở xa. Qua chỗ tôi, thầy hỏi:

– Anh Đạo có lấy không?

– Thưa thầy... thôi.

– Sao lại thôi? Anh không về à?

– Vậy... À có!... À tôi về bằng ô tô cũng được. Xin cảm ơn thầy. Các bạn cười rộ vì câu tôi trả lời lúng túng.

– Được! Tant pis pour vous ¹! Anh nào lấy nữa?

Thầy rời đi chỗ khác. Thái, ngồi bên tôi, đã viết xong giấy của mình xoa hai tay nói:

– Còn ba hôm nữa là đã chái đầu “hộp” ra tàu. Tuyệt quá! Tuyệt quá!

1. Mặc anh!

Ngày 25

Nghỉ Tết mà lại ở trường chỉ có hai lý do: một là “học gạo” hai là nhà xa quá. Xưa nay các bạn không xếp tôi vào loại trên, vì họ cũng biết tôi không đến nổi vì học mà bỏ qua những thú vui đích đáng. Còn nhà, thì rõ ràng nhà tôi không ở Vinh, Huế, hay Tourane, Quảng Ngãi như các bạn miền trong. Vậy nếu tôi không về, họ sẽ nghĩ thế nào?

Hắn là sẽ không ai nói gì. Ít ra trước mặt tôi. Nhưng sau lưng, có lẽ họ thì thảo. Mà nếu không thì lại tệ hơn: Họ sẽ nhìn tôi bằng một con mắt... biết nói sao về cái nhìn ấy? Nó chỉ nhẹ chớm lên người, như một hạt bụi, một sự vô tình. Nhưng ý nghĩa của nó là: “Hắn không có nhà ư?”. Có thể họ sẽ nghĩ đến thằng bé Rémy¹...

Nhưng không, không thể thế được! Nếu tôi có phần nào giống Rémy, ít nhất tôi cũng quyết định phải là một thanh niên có đủ can đảm sống một mình, không cần một gia đình nào nung niu ôm ấp như đứa trẻ ủ trong mền bông. Tôi lấy thế làm tự hào, không phàn nàn gì hết.

Ngày 26

Không đọc sách được nữa. Sách đã mất hết sức cảm dỗ. Lòng tôi dào dạt một nỗi buồn thấm thía.

Anh em sung sướng đợi ngày về thăm cha mẹ. Tôi có về chăng, cũng chỉ có thể vọng thăm thấy mẹ tôi ở nơi mộ địa.

Tuy vậy, mỗi lần ra đó khấn vái người, tôi cũng thấy đôi phần ấm áp, tưởng như người nghe được những lời thành kính của tôi và hiểu rõ tôi. Tôi có về Ninh Bình thì chỉ vì một chút hạnh phúc còn lại đó. Và có lẽ cũng vì chị tôi nữa. Nhưng chị còn đâu như xưa, chỉ có mình tôi để âu yếm chăm chút? Chị có chồng, có con, có nhiều lo nghĩ khác. Tôi không oán hận. Chị phải đi theo cuộc đời của chị.

Thực ra, tôi lãnh đạm với cái đất Ninh Bình lắm rồi, kể từ ngày tôi không còn một gia đình êm ấm ở đó nữa. Bây giờ về, tôi sẽ là người lạ. Từ phố xá, cỏ cây đến các người qua đường sẽ hờ hững thờ ơ với tôi. Có dấu hiệu chi là vui mừng, tỏ rằng cảnh ấy thiếu tôi? Mưa sẽ lạnh. Và gió hiu hắt.

1. Trong truyện *Không gia đình* (Sans famille) của Héc-tô Malô (Hector Malot).

Vậy mà cứ phải về cho các chú khỏi trách, tuy các chú thừa biết vắng tôi cũng chẳng can chi? Ở gia đình chú chắc chắn là sẽ chỉ có những nỗi âm thầm bực dọc cho tôi, từ lúc đến tới lúc đi. Bao nhiêu giờ dài vô hạn! Bao sự miễn cưỡng cực lòng! Nhưng sao thường người ta vẫn cứ phải làm những điều mình không muốn!

Buổi tối

Đành phải về.

Đi xe điện lại nhà một anh bạn ở phố Khâm Thiên, ngủ nhờ đêm nay để mai đi sớm. Xe dừng trước nhà ga, tôi nhìn dưới ánh đèn hai chiếc kim đen của cái đồng hồ lớn, như hai chân của thì giờ, bước đều đều, chăm chỉ, giục khách bốn phương hối hả cho khỏi lỡ tàu. Sao họ đông vậy? Họ đổ dồn từ các đường đến ngã ba trước nhà ga, gọi nhau, dất díu nhau, chen nhau ở trước bàn lấy vé. Tất tả, rộn rịp, ồn ào. Ai cũng xốn xang, hăm hở, bồn chồn khi chưa mua được vé.

Xe điện giật mình, từ từ đi khỏi nhà ga.

Tôi quay đầu vào, nhìn bóng tôi in mờ trên cửa kính.

Ngày 27

Nửa ngày ngồi ô tô, bị chen, bị ép, tay bó cứng, gối mỏi dừ.

Cái xe hàng cũ kỹ đem tôi đi như một kiện hàng, vì suốt dọc đường tôi không rời chỗ, không nói một lời, lạnh lùng, nhạt nhẽo, mắt không nhìn, tai không nghe. Lòng trống rỗng mênh mang như bãi sa mạc không một tiếng vang.

Xe cứ đi qua những chặng đường nào tôi không để ý. Tôi cần chi biết bao giờ đến? Vì thế tôi hầu như ngỡ ngàng khi tới Ninh Bình. Tự nhủ: “Thôi, can đảm lên nào!”, chuẩn bị cho giờ phút sắp nhìn thấy nét mặt thản nhiên của các chú.

Khéo thay! Cả hai chú cùng ở đó, khi tôi bước vào nhà. Chú Nam có một nụ cười định sẵn, hỏi tôi trước:

– Anh trưởng đã về đấy à? Chú Hoạt vừa đến chơi, ngồi nhà trong. Anh vào chào chú đi.

Còn chú Hoạt hỏi tôi những câu đại khái thế này:

– Anh Đạo đã về nghỉ rồi kia à?

- Sớm nhỉ? Được mấy hôm?
- Anh vẫn ở trong trường hay ra ở ngoài?
- Năm nay anh ở năm thứ hai tú tài, phải không?
- Cuối năm anh đã thi chưa?

Để chú khỏi moi óc tìm câu hỏi thêm, tôi xin phép đi chào thím Nam.

Đó là cảnh thứ nhất.

Cảnh thứ hai là cảnh gặp chị Lý. Vừa biết tin tôi về, chị vội vã đến tìm ngay. Chị em thấy nhau, nửa mừng nửa tủi, trong khi các chú nói sang chuyện khác.

Tôi đi theo về nhà chị. Anh Tân, anh rể tôi, bế thằng cháu bé niêm nở ra đón.

Bước vào nhà trong, tôi thấy chi? Giường long, chiếu rách. Một cái ghế gầy một chân, đứng dựa góc tường. Cái bàn vẫn dùng làm bàn thờ, bừa bộn trên mặt những mụn vải, giấy nát. Mà ảnh mẹ tôi cất đâu? Trên mặt đất ẩm, một đôi bồ đựng đồ vật, buộc thùng rất kỹ. Sao lại thế này? Rõ ràng trước mắt tôi là một cảnh tiêu điều, xơ xác như chưa bao giờ thấy, và nét mặt ủ ê của chị tôi với cái im lặng giá lạnh của cả hai người đều tỏ rằng không ai định đùa tôi cả.

Tôi quay lại chị Lý:

- Anh chị thu dọn đi đâu vậy?

Chị cố cười để trả lời tôi, nhưng cái cười lạc điệu như khi phải bao che một câu thú tội:

- Năm nay nghèo quá, em ạ. Chị phải sang ăn Tết nhờ bên nhà chú Nam. Anh Tân nói tiếp:

- Còn tôi thì về quê.

À thế! Tôi biết ngay rằng chị Lý không viết thư báo trước chỉ là vì sợ tôi buồn. Khi tôi không làm gì được, thà để lúc cuối cùng tôi biết cũng vậy thôi. Và đây là những điều chị thuật lại, trong khi anh Tân thu dọn nốt những thứ còn vương vãi.

Cửa hàng thuê của anh chị đổ ngụp vì ế ẩm. Trong năm, khách đặt hàng thưa dần, đến mấy tháng gần Tết lại càng hiếm. Một bức riềm màn, một lá cờ, đến một cái mặt gối cũng không ai hỏi tới. Công nợ tăng lên, đồ đạc cầm đi. Mấy cái tủ hàng đi nốt, vì người ta chia nhau đến lấy gạt nợ. Gian nhà này thôi không thuê nữa. Ra giêng, anh Tân sẽ đổi nghề, làm chi chưa biết. Có lẽ sang Lào, làm

mỏ với một người anh họ. Chị tôi có lẽ cũng đi theo, nhưng việc ấy bàn sau. Trong khi chờ chị hãy xin ở nhờ nhà chú Nam với thằng cháu bé ít lâu, còn hai đứa lớn theo anh về quê.

Tôi nghe chuyện mà choáng váng. Thôi, thế là tan đàn! Từ giờ Ninh Bình từ nay.

Từ giờ, tôi chẳng tiếc. Trái lại, tôi bằng lòng nhất. Đồng ý với anh chị tôi là nên đi tìm nơi khác kiếm sống. Đi, cho xa cảnh điêu tàn ở đây. Đi, cho thay không khí. Đi, cho khỏi thấy những cơ buồn day dứt. Đi, ừ, nhưng đi rồi cảnh ngộ sẽ ra sao? Tương lai mờ mịt như sương lạnh. Hai bàn tay trắng, một lũ con thơ. Anh chị tôi sẽ trông nhờ ở sự may mắn gì để sống? May mắn ít thấy, chỉ có cái khốn đốn là chịu đã quen. Những ngày sắp tới sẽ tươi đẹp hay lại là những ngày khốn đốn hơn? Bí hiểm của ngày mai.

Nhưng anh rể tôi hình như không nghĩ tới điều ấy. Hay anh không muốn nghĩ? Anh làm ra bộ vong tâm, lạc quan, vui như không xảy ra điều gì quan trọng. Vừa xếp thêm vào bồ những đồ dùng lật vật, còn sót lại thoát tay chủ nợ, anh vừa nói với tôi những hy vọng xa xôi. Thì ra, theo kiểu của anh, anh cũng là một nhà tiểu thuyết giàu tưởng tượng, hư cấu ra trò! Có điều buồn cười là anh cũng dễ mắc vào trò chơi của chính mình, cơ hồ tìm được một an ủi thực sự trong những điều mình mong ước. Đó là một điểm không thiếu phần cảm động khi nghĩ rằng cái tật “mơ mộng” của anh mang một dấu ấn ngây thơ khá kỳ cục, hầu khó hiểu. Từ ngày anh lấy chị Lý, mặc dầu anh hơn tôi đến một giáp, tôi vẫn không sao khắc phục được một ý coi thường ngầm đối với anh về mặt ấy, không bao giờ cho những ước vọng này nợ của anh là chuyện nghiêm túc. Hãy nhìn anh, khi anh kể những mưu tính tương lai. Mặt anh tươi, mắt anh sáng, má anh đỏ lên như đứa trẻ, và lời anh lưu loát như dòng suối để tả những cảnh còn nằm trong trí óc. Này nhé, anh sẽ sang Lào. Người anh họ của anh, một người có cổ phần làm mỏ kẽm ở bên đó, sẽ xin cho anh một chân đốc công. Rồi anh sẽ tìm ra những mạch mỏ mới. Bây giờ tuy anh chưa biết, nhưng có khó gì. Để tâm xem người ta làm ít lâu sẽ hiểu thôi. Chỉ cần một chút tinh ý và sốt sắng. Cái gì chứ sốt sắng thì anh có thừa!... Rồi anh cũng có cổ phần. Mà khi có cổ phần... Anh sẽ làm một vai chủ. Nhà cửa, vườn ao, đồn điền... Anh sẽ xây một biệt thự ở Vientiane. Rồi mỗi năm, nếu tôi học lên trường Cao đẳng, tôi sẽ về đó nghỉ hè.

Những mộng tưởng ấy, nếu không làm tôi vui, cũng khiến được chị tôi mỉm cười. Tuy không nhiệt thành tin lắm, chị cũng thể lượng cho chồng, vì, ngoài tính khuếch khoáng, được cái anh Tân còn là một người chịu khó, vất vả không từ, có thể thức suốt đêm làm một việc mình ham, hỏng không chán nản, nhất là thương vợ như không ai so sánh được. Điều sau này giúp anh nhiều để chuộc lại lòng tôi, vì trước kia tôi vẫn hẳn học, coi anh là kẻ phá hạnh phúc của tôi khi lấy chị Lý. Tôi không tha thứ được cho anh đã cắt của tôi mất một tấm tình yêu tha thiết duy nhất còn lại cho tôi.

Anh sắp phải chia rẽ với chị, dù tạm thời, hẳn là buồn khổ lắm, trái với vẻ ngoài tươi cười kia. Chị cũng biết, nên nhìn anh bằng một con mắt yêu thương, mà dù sao tôi cũng vẫn không khỏi thâm ghen.

Chị còn kể cho tôi nghe một chuyện nằm mơ. Hôm kia, khi đã định xong việc rời bỏ nhà này, chị đi ngủ và thấy con chó mực đứng lên hai chân sau, hai chân trước chắp lại mà lạy chị. Nó nói lên tiếng người: “Lạy bà, con nhờ bà nuôi sống bấy lâu; nay bà về quê, bà cho con theo với”. Chị cười sung sướng, bình luận về giấc mơ kỳ quái:

– Thì ra con chó có nghĩa, không muốn bỏ chị trong lúc khôn cùng. Hay nó sợ chị bán nó chăng?

Sự chất phác của vợ chồng chị trong một cảnh ảo não khiến tôi muốn bật cười qua nước mắt.

Chị còn nói nhiều. Chị thuật lại những cách đối xử của các chú thím khi chị bán cùng, những cái nhỏ nhặt mà đàn bà dễ nhớ, định “sống để dạ, chết đem đi”. Nào vay mượn không được, nào phải đem cầm cho thím thứ này, thứ nọ mới lấy được ít gạo, nào thờ ơ, khinh rẻ...

Nhưng thôi, thôi, thôi! Tôi không muốn nghe. Tôi biết rồi. Chỉ có sự trái lại mới làm tôi lạ. Có gì khác? Gỗ mực, nắm mực lên, đẹp, mỡ, phì nhiêu một cách sỗ sàng trên thân gỗ.

Tôi không phần ý về những điều chị kể. Chỉ buồn vì một ý nghĩ xoáy vào lòng tôi như một cái khoan, trong khi tôi yên lặng ngồi hai tay chống gối bên chị.

Tôi muốn có thể cứu giúp chị, khiến chị hãnh diện vì tôi, tỏ cho những người khinh chị biết rằng của cải không hơn được tấm lòng. Nhưng muốn thế cũng phải có tiền. Lời suông có làm được gì. Lẽ phải, không có tiền làm hậu thuẫn, được ai công nhận? Cái xã hội này đã đi đến chỗ như thế.

Vậy tiền đâu? Tương lai của tôi mờ mịt không kém gì tương lai chị. Ngay đến con đường học hành của tôi đã chắc đi trót lọt được ư?

Bỏ học, kiếm việc làm? Với cái bằng Cao đẳng tiêu học, khéo lắm được hai mươi lăm đồng lương tháng, trong một buồng giấy. Hai mươi lăm đồng! Nuôi cả gia đình chị và tôi!

Dù xoay xở làm một nghề gì khác hơn, tôi cũng không còn gì phải tiếc ư? Những hoài bão, những điều tự hứa hẹn, chưa hẳn rõ nhưng rạng rỡ như mây hồng, tất cả cái hăm hở của tuổi trẻ tìm lý tưởng cao hơn miếng cơm manh áo, tôi vứt bỏ đi đâu? Việc mưu sống lôi kéo tôi từ trên mây xuống thực tế. Thực tế là cái dạ dày trước hết.

Anh chị thấy tôi rầu nét mặt, cố làm ra vui, bảo tôi đừng nghĩ ngợi, rồi lại cười, nói, dự tính những hạnh phúc xa xôi. Nhưng chỉ trong thoáng mắt, tôi bắt gặp những cái nhìn lo lắng sau những câu nói thì thào ở góc buồng, những nụ cười giả tạo mà khi tôi vừa quay mặt đi đã vội se giá lại. Sao anh chị lại đóng kịch với tôi? Tưởng tôi không đoán hiểu, hoặc biết tôi hay suy nghĩ, muốn che đậy một phần những khốn cùng cho tôi đỡ khổ tâm?

Buổi tối, tôi ở lại với anh chị. Tối cuối cùng ở cái nhà này. Anh Tân thu dọn mãi đến khuya. Anh không cười nữa, không nói nữa. Có lẽ anh đã quên những hy vọng tốt đẹp bày ra buổi trưa. Nét mặt co thành một vẻ nhẩn nại ảm đạm, không thay đổi, anh đi lại trong gian buồng hẹp, xếp những quần áo cũ mang theo ngày mai.

Chán nhìn quang cảnh, tôi co cái chăn rách chị Lý đưa, cố ngủ cho quên. Giấc ngủ chỉ là sự mỗi mết chiếm đoạt lấy thân thể, sự quặn quại của tinh thần trong bất giác. Những hình ảnh kỳ dị, những cảnh mơ kinh hãi làm tôi giật mình luôn.

Rồi vào khoảng bốn giờ, một tiếng động làm tôi choàng thức dậy. Đó là đôi bồ mà anh Tân khuan bỏ ra xe. Thì ra anh vẫn thức. Cả chị tôi cũng vậy. Nhìn mắt đỏ hoe, tôi biết hai người đã khóc. Thấy chưa? Hy vọng ở trên mây có ngăn đâu được nước mắt. Có những cảnh ngộ mà nói đến hy vọng hầu trở thành một sự mỉa mai.

Hai người đã định lặng lẽ từ biệt nhau. Thấy tôi tỉnh giấc, cả hai đều bảo tôi ngủ lại. Nhưng tôi đã để chân xuống đất và bước thẳng ra đường.

Trời tối đen như mực. Mưa mau hột, rỏ giọt ở mái hiên. Gió lạnh cửa da làm tôi rét run bần bật. Bên hè đã sẵn đợi một chiếc xe cao su thuê ra ga, chất nặng đôi bồ chồng lên nhau ở sàn xe, chỉ còn đủ chỗ

để lách một chân cho người trèo lên ngòi thụt vào sau bờ.

Anh Tân bước xuống hè, một tay bế thằng cháu nhỏ, một tay dắt đứa lớn hơn. Chị tôi đứng trên hè, ôm trong lòng thằng Kim, bé nhất. Chị lau nước mắt. Anh dặn thêm chị, và bảo tôi những gì, tôi không để ý nghe. Mãi khi anh nói: “Tôn, con hôn cậu đi!”, tôi mới cúi xuống ôm thằng bé. Nó sụt sịt rồi khóc òa. Anh Tân dỗ nó, vội vã lên xe. Áo tôi khép lại. Hai chiếc còng nhấc lên. Xe đi.

Chị Lý và tôi còn đứng nhìn theo. Ngọn đèn xe tù mù lác lác trong mưa, in lên đường ướt một bóng sáng run rẩy, thu nhỏ dần rồi biến vào đêm tối.

Ngày 28

Tôi bảo chị Lý đưa cho tôi bức ảnh của mẹ, bức ảnh vẫn để tro mấy năm trên cái bàn bừa bọn gọi là bàn thờ.

Tôi lật cái bì sau, xén lại ảnh cho vuông vắn, rồi lấy giấy trắng bọc kỹ càng. Mẹ sẽ đi theo luôn tôi, dù tôi ở trường hay ở đâu.

Thầy tôi không có ảnh, nhưng chân dung thầy đã in trong trí nhớ tôi.

Từ nay bàn thờ sẽ đặt ở lòng tôi. Nỗi tưởng nhớ của đứa con linh đình sẽ thay hương khói. Khi bọc ảnh, tôi khấn thầm: “Lạy vong hồn mẹ. Chúng con bất hiếu đã không chút may mắn báo đáp, nay bàn thờ cũng phải dẹp đi. Mẹ khôn thiêng, xin hãy tha thứ cho chúng con”.

Khấn xong quay lại, thấy chị Lý đứng sau lưng. Hai chị em nhìn nhau không nói. Thằng Kim đang ôm cổ mẹ cười đùa. Chị lau một giọt nước mắt trên gò má, đặt nó xuống giường.

Đáng lẽ hôm nay chị sang ở nhà chú, như đã hẹn. Nhưng chị chưa muốn đi, phần lo con quấy, phần e nổi ở nhà chú thím, dù ý tứ đến đâu cũng khó tránh khỏi sự chướng mắt người. Vì thế cứ nấn ná, được phút nào hay phút ấy.

Buổi trưa, chị ăn cơm nguội, rồi lại cặm cụi vá quần áo cho tôi suốt đến tối.

Vợ chồng ông bán thịt quay ở chung nhà bàn nhau mời chị ăn bữa chiều. Hai người ấp úng ngỏ ý, xin lỗi phủ đầu, coi như hành động của mình là quá tự do. Chị vui vẻ nhận lời, khiến ông bà mừng ra mặt, tíu tít đi sắp dọn. Trong khi ăn, trở nên tin cẩn, gần gũi hơn,

họ than vãn cho số vận chị, hỏi chị sẽ đi đâu, họ có thể giúp đỡ chị việc gì, và muốn mời chị ở lại ăn Tết với họ cho vui. Chị tôi thành thực cảm ơn. Và đến lúc chia tay, hai vợ chồng ông cũng không cầm được nước mắt.

Ngày 29

Buổi trưa, theo hai chú ra nghĩa địa thăm mộ ông bà và thầy mẹ tôi. Chú Nam khẩn, thỉnh các vong hồn về phối hưởng lễ trong ngày Tết. Tôi không muốn nhắc lại những lời khẩn mẹ hôm qua, vì không tiện, nên chỉ vái.

Buổi chiều chẳng làm gì, cũng chẳng nói gì với chị Lý. Tôi chỉ muốn ngồi một mình, mong đừng ai hỏi đến tôi.

Buổi tối lại càng buồn. Và đã nghĩ đến đi.

Thì giờ sao mà chậm chạp. Giây phút kéo lê như những bánh xe không vằn đi được.

Lấy có nhúc đầu, tôi đi nằm sớm.

Nhà ngoài, nghe tiếng lao xao của những người mua vải, mặc cả với thím tôi. Những lời nài bớt của người chuộc đồ, cầm đồ.

Nhà giữa, tiếng dõng dạc, oang oang của chú tôi sai người nhà lau tủ chè, đánh đỉnh đồng.

Rồi đến khuya là tiếng lên gióng cửa, tiếng thu dọn ở dưới bếp trước khi hoàn toàn im lặng. Trần trọc mãi, tôi cứ nghĩ lan man, không sao ngủ được. Một mình trong căn buồng hẹp, tôi có cảm tưởng như nằm trong săng. Nhưng tôi không phải là một cái xác.

Cogito, ergo sum... "Tôi suy tư, vậy tôi tồn tại".

Thế là lại nghĩ sang Descartes! Mặc dầu ý nghĩ của tôi không hẳn hợp với câu danh ngôn của nhà triết học, nhưng Descartes, kỳ thay! Lại nhắc tôi nhớ đến mẹ. Và bức ảnh. Mẹ, ừ, mẹ chết rồi, chết thật rồi. Điều ấy không thể có triết lý nào ngờ vực được. Nhưng tại sao tư tưởng mẹ, linh hồn mẹ hình như vẫn quanh quẩn bên tôi? Nếu Descartes giảng được... Nhưng thôi, ngủ đi, ngủ đi! Xin mẹ cũng hãy lắng những nỗi lòng con xuống cho con ngủ.

Ngày 30

Từ ngày tôi vào học trường Bưởi, cách đối xử của các chú tôi dần

dần có đổi thay. Tuy vẫn riết róng về mặt tiền nong, mỗi khi chị tôi cần vay mượn để bù đắp thêm cho tôi ăn học, ngoài số nửa học bổng tôi vẫn được, nhưng tôi càng học, nhất là từ năm lên ban tú tài, các chú có phần coi trọng tôi hơn.

Ở nhà chú Nam, tôi không phải làm gì hết. Có lẽ coi tôi là đã lớn, chú không tiện sai bảo như trước nữa. Và chẳng, chú ưa làm lấy hơn, nên tôi động mớ tới đâu là chú nói ngay: “Anh để đấy tôi”. Chú thích làm, tính kỹ lưỡng, tỉ mỉ và kiên nhẫn. Và chú cũng hay nói chuyện.

Trong khi giở cái hòm sắc ra lau chùi (sắc Hàn lâm gì tôi không hiểu lắm, chú được từ ba năm trước, khi làm nghị viên dân biểu hàng tỉnh), chú nói đùa với tôi như với bạn, và kể cho tôi nghe những hy vọng mai sau. Tậu thêm mấy nếp nhà, vài chục mẫu ruộng, một chiếc ô tô; xin ông công sứ tư cho một khoảng đồn điền trên Phú Thọ trông chè. Và còn nữa, hy vọng sâu kín nhất, tha thiết nhất: chạy một chức huyện hàm. Đấy, làm giàu và mua hãnh diện. Một đời trưởng giả. Trông của cải mỗi ngày một tăng, chú sung sướng như có đàn ca trong bụng. Nhìn vào đâu cũng thấy phương sách kiếm ra tiền, chú xoa tay cười, không nghĩ gì hơn. Đừng nói triết lý gì với chú. Chú sẽ cười, cái cười của người từng trải, và quay lưng đi nói: “Sao có lắm kẻ điền thế?”.

Không, chú không điền. Chú nhìn đời bằng con mắt thực tế. Không ai lừa được chú, mà chú cũng chẳng phải lừa ai. Bí quyết là biết nắm lấy thời cơ. Về điều này, phải nói là không thông minh không dễ mà làm được. Nếu có phải đời là một tấn tuồng, thì chú đã chọn đóng một trong những vai giễu di nhất, nhưng chính vì giễu di mà cần phải trở nhiều tài nghệ mới lột được tinh thần.

Bao giờ nói chuyện với chú, tôi cũng băng khuâng như lạc vào một nơi kỳ lạ. Nhưng lần này tôi băng khuâng nhất. Hình như tất cả cái khôn ngoan, sắc sảo của chú, bày ra bằng những câu chặt chẽ, thép đanh, đã chẳng chung quanh tôi thành một cái lưới thắt vào trí tôi, ràng buộc tư tưởng tôi. Thác lời ấy tràn qua những quan niệm, tình cảm căn cốt của tôi làm tôi ngộp, tôi ngạt, ngoi ngóp lên không được. Và nỗi khó chịu lại vùn vào tôi, để tôi hần học một mình.

Làm sao không khí ở nhà chú tôi đối với tôi bỗng khác đi vậy? Không có chi thay đổi mà hình như tôi thấy nó nồng gắt hơn. Trước kia tôi cũng thờ nó, nhưng vẫn chịu được, tuy có cảm thấy là không hợp. Tôi đã thích ứng vào nó, như con các kè ăn màu da với thân cây.

Nhưng bây giờ hết, tôi không còn tính dễ dàng ấy nữa. Tôi đã thấy: Tôi là một kẻ cô đơn. Cho đến mãi mãi, tôi vẫn cứ là cô đơn ở nhà chú.

Giá các chú hành hạ, làm những việc tàn bạo, thô lỗ đối với tôi, có lẽ tôi sẽ đỡ khổ; ít ra tôi cũng có cơ mà than. Đằng này không. Các chú ngọt, các chú cười, các chú không làm chi tôi cả. Như thế lại khổ gấp mười. Vì qua những vẻ ngoài, những lời hời hợt, tôi biết chắc lòng các chú đối với tôi như một cái giếng khô.

Trời! Tôi chỉ muốn giữ những tư tưởng hắc ám. Tôi không mong ước gì hơn được nghĩ khác đi, tươi hơn, đẹp hơn.

Nhưng có phải tôi thiên lệch không? Hay một hơi độc đã ngấm vào óc tôi tự bao giờ ăn vào các nếp sâu theo thời gian và kinh nghiệm, khiến mỗi khi nói đến gia đình tôi chỉ có những lời buồn, không thay đổi?

Buổi tối

Tôi sẽ đi. Đi trước khi hết ngày nghỉ Tết. Ở đây làm gì? Khi biết mình là một người thừa, thì ngồi, đứng đâu hình như mình cũng làm bận cả mình.

Tôi sẽ đi ngày mồng ba. Không phải ngày ấy tốt lành gì hơn ngày khác, nhưng nó trung bình, không sớm quá để cho ai có thể nghi ngờ. Tôi sẽ tìm một lẽ thoái thác với chú thím, một việc cần giúp bạn, một buổi họp với anh em, bài vở ở nhà trường, thiếu gì cơ! Vả lại, chú thím sẽ tin ngay. Dù không, cũng không cần hỏi vặn, tôi biết thế.

Qua khung cửa sổ, tôi nhìn trời tối đen, không một vẩy sao. Lòng tôi cũng vậy. Tìm tứ phía một tia ánh sáng, đâu có thấy! Chung quanh tôi, tường im lặng như lắng nghe tiếng đập của thì giờ.

Tôi chúi đầu vào chần, nhắm mắt lại, thì lòng buồn như bãi tha ma, và tôi tưởng mình là một cái mả sống.

Giao thừa

Trở dậy. Gượng vui đi xếp dọn lăng xăng. Ra bàn thờ lên đèn hương với chú. Chú khẩn. Tôi cũng khẩn. Và bằng chữ nho. Những câu cổ nghìn xưa, đã thuộc và biết là chung chung, vô nghĩa. Tôi không muốn nói tâm sự tôi với người đã khuất. Ông bà tôi ở một thế hệ đã xa xôi, hẳn là có nhiều điều không quan niệm được. Còn thầy mẹ tôi, nếu người có ở đây và thấu suốt mọi việc trần thế như người ta tưởng, người sẽ buồn, không muốn tọa trên cái bàn thờ ghép

mượn. Vậy nếu cứ phải khẩn, tôi sẽ còn khẩn bằng chữ Nho, một ngôn ngữ cam dưới vẻ trang nghiêm trịnh trọng. Ngày mai cũng vậy, ngày kia cũng vậy.

Mười hai giờ rưỡi, tôi lại vào chăn. Pháo nổ khắp xa gần. Tiếng trẻ con súc sặc sục sể vang trên hè phố.

Pháo nổ đi! Trẻ con chúc tụng đi! Đưa cái vui, cái ấm và những mơ ước say sưa lại cho lòng người.

Còn tôi, xin để tôi yên.

MÔNG MỘT

Cả ngày lánh mặt.

Buổi sáng tôi ở lý trong buồng xem sách. Chị Lý cũng bế con vào đấy ngồi khâu vá – năm nay chị không chọn ngày khai kim nữa – để chỗ cho chú thím tiếp khách ở các phòng ngoài.

Khách đến đông. Các ông Tham, ông Phán, ông Giáo, ông Hàn, ông Nghị, ông Điền chủ, ông Thâu khoán và các bà ấy, bạn giao thiệp để lấy thanh thế hay con nợ hào nhoáng bề ngoài, đều tới mừng tuổi chú thím tôi, bọn nợ tiếp bọn kia không ngớt. Cái phòng khách, một bảo tàng những đồ cổ, kim lẩn lộn, uy nghi với bộ bát bửu tốt đồng sáng loáng, lẳng lơ với những tượng đá khóa thân sống sượng, và buồn cười một cách ngây thơ với những phỗng sứ béo của Tàu, hôm nay được dịp vang lên những lời xu nịnh, những câu nhún nhường giả dối, những tiếng cười âm ỹ mà trong đó tiếng chú tôi bao giờ cũng to hơn hết. Rượu nổ. Pháo nổ. Từng dịp cười nổ. Một bầu không khí hoan hỉ, thỏa thuê, trịnh trọng mà điên cuồng, tự nhiên mà vô lý.

Tôi đã đóng cửa để ngăn sự ồn ào đó, nhưng không được. Những mẩu chuyện tôi không muốn nghe vẫn cứ đến tai làm tôi không thể đọc suốt một trang mà không lãng trí. Đôi khi có người biết nhắc hỏi đến tôi, chú hãnh diện nhận lời tán tụng rằng, từ ngày thầy mẹ tôi mất, tôi được theo học là nhờ chú cứu mang. Chú không thấy cần nói rõ là chú chỉ nuôi tôi trong những tháng nghỉ hè và ngày Tết, còn những tiền chị tôi vay để gửi cho tôi và chưa trả được, chú vẫn ghi sổ, kể cả cước phí bưu phiếu. Xưa nay tôi vẫn im tiếng, xóa mình bên chú, để chú nhận thay phần sống, khoa trương những vẻ ngoài tốt đẹp mà người khác có thể tưởng lầm.

Không, tôi không oán hận. Thề có lương tâm. Tôi biết cảm nghĩ ấy hẹp hòi, không xứng với cái tâm thuật của tôi mong ước có. Nếu không thể như các vị thánh lấy ân trả oán, ít nhất tôi cũng nguyện cố sao về sau khỏi đem oán đền ân. Các chú có chi mà người ta gọi là những thông bệnh của người đời, sự ấy chỉ quan hệ cho phẩm cách của các chú. Tôi không xử đoán, không có quyền xử đoán. Tôi là cháu, bởi một sự ngẫu nhiên bí hiểm nào trong dòng họ, tôi chỉ có bốn phận nhận tình trạng ấy nếu không làm gì thay đổi được nó, và vẫn phải tôn kính xứng đáng những người em của thầy tôi. Nếu có điều gì được phép tha thứ, tôi đã ngầm tha thứ trong lòng. Và tình cảm êm ái ấy vội nhẹ cho tôi mọi phiền muộn. Từ xưa đến nay tôi vẫn làm như thế, tôi sẽ còn làm như thế về sau nữa. Thầy tôi, nếu người biết, hẳn cũng sẽ hài lòng, tán thành thái độ đó của tôi.

Vậy tôi không oán hận, tôi còn biết ơn các chú là khác. Ôn những cái tốt đẹp, tình cảm, công lao hay tiền của mà đôi khi các chú ban cho từ bé, đã đành. Nhưng còn ơn một bài học rành rọt, chu đáo, một bài học thực tiễn mà có lẽ các chú không ngờ đã dạy tôi. Không nói ra, các chú đã lấy hành vi mà bảo tôi một lẽ ở đời: không có gan thì đừng mong sống, hay nói dễ hiểu hơn, muốn sống phải có gan. Các chú đã khuyến khích tôi tìm đường tự lập, tập cho hồn cứng cõi để nhận những đấng cay không chùn dạ.

Đời tôi còn dài. Đến hôm nay, tôi vừa hai mươi mốt tuổi. Hai mươi mốt, nếu tính theo ngày sinh thì đã là tuổi thành nhân. Nhưng dù chưa đủ, tôi cũng coi như là đến rồi, mà ngày Tết này tức là ngày long trọng mang lại cho tôi cái vinh dự được có mọi quyền và nhận lấy trách nhiệm của mỗi tư tưởng, hành vi của mình, trước pháp luật và mọi người. Vậy tôi được tự chủ, được đếm kể trong xã hội, tóm lại được sống từ nay.

Tôi phải vui sướng mà đón tuổi ấy, vì nó mở cho tôi một khoảng trời mới mẻ, một con đường mà từ xưa tôi chỉ nghe nói một cách mập mờ: con đường đời. Phải, đối tượng của cái danh từ quen thuộc tôi đọc đã tới trăm lần trong sách. Tôi sắp biết con đường ấy một cách trực tiếp hơn, sắp để chân vào đó, sắp hưởng thú bất ngờ của những chạng phong quang, mát mẻ, và cũng sắp đem trí dũng ra đấu với tai ương bất trắc. Làm sao không kiêu hãnh? Ai cho xuân này không có ý nghĩ cùng tôi? Trời! Vậy mà suýt nữa tôi lầm! Mới hôm qua, tôi nghĩ rằng không có lẽ chi đáng mừng ngày Tết, nhưng mừng cái ngày

mang lại cho tôi một sự thoát ly cùng với hai mươi một tuổi, mừng cái sinh hoạt dồi dào của nhựa xuân trong cánh hoa tươi và cả trong những mạch sâu kín của lòng tôi.

Ngày xanh! Ngày xanh muôn thuở!

Hãy kêu to lời ấy trên các mái nhà. Hãy nghe tiếng dồn dập của máu trong tim hăng hái. Và bỏ cái âu sầu, thứ áo tang khắc khổ của tâm hồn đi, để đem tâm sự ra hong trước gió xuân!

Tôi sung sướng. Có lẽ từ hôm về, hôm nay tôi mới thấy vui. Một cái vui sâu sắc, không phô trương, không âm ỹ như cái vui của các chú tôi. Tôi thể tình cho các chú đã là nguyên nhân của cái vui ấy mà không biết.

Những dòng trên đây về các chú, nếu có điều thâm tâm tôi không định kể nhưng ngòi bút tôi lỡ đã bày ra, tôi muốn cho nó là một thiên trần tình minh bạch mà tôi có bốn phận phải làm trước lương tâm, để giải quyết một vấn đề eo óc rất phương hại cho sự yên tĩnh của tôi và để tìm một hướng định, một thái độ dứt khoát trong cách đối xử sau này. Làm như vậy, tôi đã bóc trần những vết đau của lòng tôi. Nhưng, đền bù lại, tôi được thấy cái kết quả tôi mong mỏi. Tôi đã bắc lên cân mọi nỗi phân vân, tôi đã gạt bỏ những điều tôi không muốn nhớ, tôi đã nâng niu phần tốt đẹp như hứng một chùm nho ngọt, để lọc riêng những lẽ mến yêu các chú và giữ lấy trước khi ra đi.

Tôi đã hết sức để cho tâm tình tôi trên dòng nào cũng thật. Tôi không dụng ý vẽ mờ tư cách của ai, cũng như không kỹ xảo che đậy những hèn dợn của tôi. Tôi cảm thế nào viết thế ấy, ô ạt, hồn độn, theo mức thăng trầm của lòng tôi thay đổi từng lớp sâu tùy thời gian và hoàn cảnh.

Những trang giấy nhem nhuốc là tập ảnh của tâm hồn tôi, một tập ảnh muôn kiểu, muôn mầu, muôn trạng thái. Chỉ có riêng tôi xem, và, liệu chừng bao giờ không giữ được liền theo, tôi sẽ đốt nó đi. Làm như thế, tôi không lo mất tờ mò nào đọc tới.

Vậy là ngày mồng một đã đem lại cho tôi những ý nghĩ êm đềm. Thật là một sự bất ngờ, một món quà quý báu và may mắn của đầu xuân.

MỒNG HAI

Thế là xong. Tôi đã nói chuyện xin đi, nhưng chú thím muốn giữ tôi lại ngày mồng ba để cúng hóa vàng “tiễn ông bà, ông vải” đã.

Được rồi, tôi xin làm nốt bốn phần đó. Mong bốn đi cũng không muộn. Và tôi sẽ không cần ai tiễn cả.

Nói đến tiễn, không phải xưa nay tôi được cái vinh dự có người tỏ tình quyến luyến bằng cách đưa chân, vẫy cái mùi soa lúc bước lên tàu hay bụi ngùi nhìn theo con đường xa tít. Những cảnh ấy tôi đã thấy mà không cảm, có lẽ tại tôi không phải là người trong cuộc. Dầu sao tôi cũng không mong, vì nếu người theo chân là một người yêu thì cuộc tiễn đưa chỉ kéo dài tình vương tiếc. Tôi ưa sự quả quyết hơn. Nó cắt đoạn ngay, không để thì giờ vào hòa với cái buồn ly biệt.

Tôi nghĩ lan man thế là bởi tôi có cảm giác rằng lần đi này có lẽ là quyết định. Hình như một sự chi quyết liệt sẽ thực hiện khi tôi rời tỉnh Ninh Bình. Hình như đi là bắt đầu một cuộc đời vô định, là vĩnh biệt những cái chi đã là nguồn gốc của tôi.

“*Tráng sĩ nhất khứ...*” Câu thơ cổ trở lại óc tôi, nửa chừng e ấp, như một tấm màn phong kéo dở.

Nhưng không, mọi sự sẽ phải ra như thế. Tôi chắc vậy. Cái nao nao, bập bồng ở tôi lúc này không phải là nhớ tiếc, không phải là lưỡng lự. Đó là âm hưởng trong lòng của một quyết định cho cả một đời.

Tôi sẽ đi. Ý tưởng ấy không có chi ghê gớm cả, vì non nước ở đây không còn cho tôi lấy một chút tình yêu. Tôi đã chào hết cả một lượt rồi.

Buổi chiều, lang thang từ góc nọ sang góc kia, tôi đã qua những nơi mà ngày nhỏ tôi thường lui tới. Ngọn Hối Hạc vang tiếng chim kêu mùa hạ, sông Vân Sàng nước chảy lờ đờ, núi Cánh Diều với ngôi chùa Đỏ – mà xưa kia mẹ tôi đi lễ tháng giêng – tất cả các chốn ấy, lạnh lùng trong làn mưa bụi, trơ trẽn như những dấu hoang vu, đối với tôi bỗng mất hết cảm tình. Qua Thúy Sơn, những cặp trai gái cười đùa đã khiến tôi quay gót xuống ngay. Nhưng tôi cũng nhìn dấu chân ông Từ Đạm và mỉm cười nghĩ: “Sao lại có người phí công lưu luyến hão huyền!”

Tôi đã đứng giờ lâu ở đầu cầu nhìn con đường sắt duỗi mình dưới trời bát ngát. Làn khói trắng của một đoàn xe lửa đã quện mang theo nhiều mảnh hồn tôi.

Sau cùng, tôi lại tới thăm nghĩa địa. Tôi đến mộ ông bà và thấy mẹ tôi, lặng nhìn không biết bao giây phút. Tôi không rỏ một giọt nước mắt nào lên đó và cũng không nói một lời. Duy tôi chỉ nghĩ bao giờ có thể, tôi sẽ trở lại đây một lần để xây đắp mộ phần.

Khi trở ra, lòng tôi êm ả lại. Tôi nhìn trời phẳng lỳ một màu trắng nhạt, phía tây có mây vẫn ử ánh tà dương như những tơ nồn bọc một khối hồng rực rỡ. Tôi chợt nghĩ tâm hồn tôi cũng vậy. Tôi mang một bí mật trong lòng, như ý tưởng thoát ly một nơi tù ngục và tôi cố giữ cái trong sáng tâm hồn dưới những vẻ ngoài bình thường, phù hợp. Tôi nhìn mọi người, không còn ác cảm vì tưởng họ lãnh đạm với mình. Bây giờ tôi cũng có thể lãnh đạm như họ. Tôi còn tự hào vì không ai đoán được lòng tôi.

Vậy là chỉ còn một ngày.

MÔNG BA

Nhớ lại truyện Rémy có một câu cảm động: "*Tiến lên, trên con đường cát bụi...*". Một câu giản dị, nhưng nghĩa thú thách với nắng mưa có hàm biết bao lòng quả cảm.

Ngày mai của tôi không trực tiếp gay gắt như đối với Rémy, vì tôi không phải lo ăn từng bữa rất gần. Nhưng cùng một cảnh mịt mù, vô sở định, tôi cũng muốn có cái can đảm vui nhẹ như kia.

"Tiến lên, trên con đường cát bụi..."

Đường tôi đi không cát bụi. Chỉ có mưa bay lát phát, những hạt mưa nhẹ nhàng mà thấm thía, thưa thớt mà chan hòa, lặng lẽ mà sâu sắc như những hạt buồn gieo vào lòng người. Đó là những hạt mưa xuân rải rắc trong trời đất, thấm lạnh vào tim những kẻ cô đơn.

Tiếng còi ở nhà ga lọt tới buồng tôi nằm.

Ngày mai, tôi sẽ lên một chuyến tàu. Chuyến tàu ấy đưa tôi trở về cảnh nghiêm khắc của nhà trường. Rồi tôi lại sống những ngày âm thầm, hiu quạnh giữa bạn học đông đúc, tôi lại tìm những sách của người xưa để trầm tư. Nhưng khi nào không ở trường được nữa, khi người xưa không thể đủ cho tôi sống, tôi sẽ đi đâu?

Đi đâu? Không phải về đây.

Số phận nào đợi chờ tôi?

Chính tôi phải quyết định và chịu trách nhiệm với mình về điều đó.

Tháng 12-1938

Bản thảo do chính tác giả cung cấp.

THẰNG BƠ

(Truyện ngắn)

Tại sao tên nó lại là Bơ? Thoạt nghe tên ấy, tôi nghĩ liền đến cái ống bơ và thấy là ngớ ngẩn. Nhưng có lẽ chính vì thế mà tôi thích, vì tôi coi đó là dấu hiệu sự chất phác và đơn giản của óc những người miền biển. Tôi càng thích hơn, khi tôi trông thấy thằng Bơ. Và tôi bắt đầu mến nó ngay.

Vậy mà thằng Bơ chẳng phải là một đứa trẻ đẹp đẽ gì. Trái lại, vẻ người nó còn cách xa cái mực để coi. Nó trạc độ mười lăm hay mười sáu tuổi, nhưng người nó nhỏ, như bị tóp lại vì dạn dày mưa nắng. Bụng nó tròn như bụng cóc, đầu nó lồm chồm những sợi tóc bần như cái chổi lúa cùn. Mặt nó ngắn, mũi nó huếch, gò má dô cao, đôi mắt ti hí, và cái mồm nguếch ngoác. Mà tất cả các thứ ấy, trời ơi, lem luốc không thể nào hơn được! Khắp người nó da đen thui thúi vì râm nắng và vì đất cát. Tuy nó sống liền ngay biển mà người ta có thể tưởng nó không tắm bao giờ. Sự thực, nó cũng có tắm một đôi khi, nhưng sau đó tôi vẫn không thấy người nó sạch hơn. Vì bạ chỗ nào nó cũng ngồi lê la được, nó lăn mình trên mặt đất như trên cái đệm thường của nó và một hôm, thấy tôi ngạc nhiên, nó lại cười khanh khách mà vốc cát xoa vào người, phủ lên mặt, làm tôi kinh dị. Hình như nó muốn bảo tôi: “Làm chi lăm kiểu cách thế? Hãy trông tôi đây: tôi sống tự nhiên. Tôi là con lợn thực đấy, nhưng con lợn sung sướng trên đồng rác không hẳn đã là đáng bỉ như người ta nói”.

Chính cái triết lý thực hành ấy và cái giòn giã của thằng Bơ đã đoạt hết mọi nỗi e dè của tôi. Tôi yêu nó vậy, và không thấy cần phải hỏi mình tại sao. Tôi phục vẻ hồn nhiên, cũng như tôi thêm cái vui sướng chân thật trong tiếng cười của nó, tiếng cười vô tư lự, không màu mè, nổi lên bất cứ bởi đâu, làm cho ai mới gặp cũng phải lưu ý rồi thấy nó là ngộ nghĩnh.

Tôi quen nó, vì hôm mới đến Sầm Sơn, tôi muốn có một cái ống bơ làm phao để mang ra biển tập bơi. Người ta bèn giới thiệu với

tôi thằng Bơ, là đứa trẻ có thể kiếm tất cả mọi thứ cho vừa lòng tất cả mọi người.

Mà thực, chỉ mấy ngày sau tôi đã có dịp nhận thấy lời giới thiệu ấy không phải là ngoa.

Tôi ở trọ nhà bác Cả Khuê, một cái nhà tranh rất tầm thường nhưng rộng rãi, mát mẻ, ở ngay đầu lối vào Rừng Thông. Khách trọ, trừ tôi, còn có nhiều người ở riêng từng buồng: ông Phán Thông, bà Chí Hòa, bà Lợi Thành với gia đình họ, và vài người học trò nữa. Ông Phán làm việc ở sở Kho Bạc Hà Nội; bà Chí Hòa buôn hàng tơ lụa và bà Lợi Thành, chủ một hiệu giày, cũng là người Hà Nội cả.

Ba người đều là khách quen của bác Cả Khuê, năm nào cũng có mặt ở Sầm Sơn, năm nào cũng ở nhà ấy năm nào cũng chiếm gian buồng ấy. Họ đi nghỉ mát với con trai hay con gái họ, mang theo cả dầy tở và chăn màn, hòm xiểng, đồ ăn, thức dùng, không thiếu thứ chi. Mỗi năm họ đến một hay hai tháng rồi họ lại đi với đủ những hành trang ấy, không bao giờ suy suyển, không bao giờ thay đổi, đến nỗi khắp người nhà bác Cả Khuê đều thuộc lòng thứ nào của ai, cũng như họ thuộc tính nết từng người để mà chiều chuộng. Vì sự cố cựu đó, nên họ nói to, gọi lớn, ra vào ung dung, đường bệ, và họ nhìn những người mới đến thoạt bằng một vẻ nghi kỵ, rồi sau đổi ra vẻ khoan dung hay che chở, vì họ tự coi mình như có nhiều quyền hơn người khác trong nhà trọ.

Ai nấy trong cái xã hội nhỏ ấy đều ưa thằng Bơ, và ai cũng sẵn lòng nói với nó một câu thân mật, khi cần đến nó. Tuy chỉ là cái thân mật xa vời của người sang trọng hạ cố tới kẻ nghèo hèn, như một thứ trang sức không mất tiền mua làm tôn phẩm giá, vì sự phản trái, của những người phong lưu giàu có, nhưng thằng Bơ cũng rất lấy làm sung sướng. Nó nói đến, như ta khoe những vinh quang cũ, những ngày năm trước – nó bảo là “năm xưa năm xưa”, bất luận việc qua đã lâu hay mới – mà nó được xách bình nước theo hầu bà Chí Hòa và cô Quý, con bà, lên chơi Trống Mái; hoặc một buổi nó mang cho bà Lợi Thành con cá song to “như thế này này”, mà nó chạy theo xe bà từ bãi Trường Lệ về nhà, thẳng một mạch, không cần nghỉ lấy “một leo một leo nào”. Ai nó cũng đến gần được, từ các ông bệ vệ, nghiêm trang, cho đến các cô, các cậu hay nô đùa, cười cợt. (Tôi, nó cũng gọi bằng cậu, và tôi rất lấy thế làm đắc ý). Nó có nhiều cách khiến người ta dung nó. Nó giúp việc khắp mọi người, ngoan ngoãn,

nhANH NHẪU, mà không bao giờ xin hay đòi chi hết, tùy ai cho cái gì hay không nó cũng bằng lòng. Ông Phán Thông thường bảo nó đánh giầy và bẻ khục chân cho ông. Bà Phán và bà Chí Hòa hay sai nó quạt cho các bà nghỉ trưa, những hôm nóng bức. Nó vừa quạt vừa kể những chuyện miền biển cho đến lúc các bà thiu thiu ngủ mới thôi, vì nó biết vô số chuyện. Thỉnh thoảng các bà họp đánh tổ tôm, thì nó lại giữ việc chia bài. Khi nào không ai sai bảo gì, nó đứng ôm một cái cột, nhẩn mặt làm trò hề cho cô Quý và các bạn cô cười hay nó theo những người đi chơi, làm một kẻ dẫn đường rất thạo.

- Bơ, rót cho tao chén nước.
- Bơ, bung cho tao cái điều.
- Bơ, đi mua cho tao quả dứa.
- Bơ, đi tìm cô Quý về cho tao bảo.

Thằng Bơ thật là một đứa ở không công của tất cả mọi người. Thấy nó luôn luôn quanh quẩn ở nhà trọ, một hôm tôi hỏi nó:

- Nhà may đâu, Bơ?
- Ở Rừng Thông.
- May không làm gì giúp thầy bu may ư?
- Không, bu tôi đi chợ đã có chị tôi theo. Còn tôi, bao giờ lớn tí nữa mới phải đi mảng với thầy tôi.

- Đi mảng là làm gì?
- Là đi nghề.
- Nhưng đi nghề là thế nào?

- Là đi đánh cá! Là chở mảng ra khơi ấy! Trời ơi! Cậu ở Hà Nội có khác, không biết đi nghề là gì! (Tôi chịu để cho nó giễu tôi, xong rồi nó kể). Đi xa lắm cơ cậu ạ. Ra mãi giữa khơi, xa tít, tít mù tấp, không trông thấy bờ mô nữa. Thế rồi đánh cá ở ngoài nớ, vì ở nớ mới có cá to. Cứ mỗi lần đi vài người, phải dậy từ lúc gà gáy nửa đêm, mang theo cả gạo nước để thổi cơm, vì có hôm đi hai ba hôm mới viên¹. Tôi đã mấy bận đi theo thầy tôi để học. Ra khơi thích lắm, cậu ạ. Có hôm biển cứ im tằm tấp, mà nước thì trong trong là! Y như nước giếng ấy! Hôm nào cậu muốn đi chơi một chuyến, cậu bảo thầy tôi chở cậu đi.

1. Viên: về.

Không đợi tôi trả lời, thằng Bơ nheo mắt nhìn chế nhạo rồi nói tiếp:

– Nhưng cậu thì dậy sớm thế quái nào, vì người Hà Nội bao giờ cũng ngủ đến lúc mặt trời lên cao vọi vọi rồi mới dậy cha!

*

* *

Một hôm, trời oi bức cả ngày, rồi đến chiều nổi lên một cơn giông dữ dội. Mây đen bồng dưng kéo tới, như ở đáy biển ùn lên chân trời mỗi lúc một dày thêm, rồi trong khoảng khắc tung ra thành một cái màn tro xám, trùm kín mặt biển mênh mông. Chớp loang loáng chạy dài, vẽ những đường lửa chói lọi, lằng nhằng, như những rễ treo của một cây đa lớn buông lơ lửng trên không hay có khi thả chùng xuống, ngấm vào nước biển. Rồi sấm đổ hội, ra hiệu cho gió làm cát bay mù mịt, rắc lên rừng cây và những núi xa một lớp bụi mờ trắng xóa. Biển nhào lộn những đợt sóng sùi bọt, dữ tợn, xô nhau cuộn cuộn vào bờ như những bức thành nước chuyển động, đè ngốn những người đi tắm. Xa xa, nước tóe lên thành một làn sương trắng đục, phảng phất như hơi, rải là là trên mặt biển đỏ ngầu. Mưa rơi bắt đầu lác đác, rồi đột ngột đổ mau, quất vào người như những ngọn roi.

Trong giây lát, mọi người lui ẩn hết để bãi biển vắng trơ, như trở lại hoang tàn với cảnh thiên nhiên hung hãn. Tôi cũng mãi miết chạy mau cho khỏi lạnh. Nước mưa làm mờ cả mắt, tôi cắm đầu rảo cẳng và thấy con đường về nhà bỗng trở nên dài vô hạn. Trên đầu tôi, sấm rung chuyển cả vòm trời và bên tai sóng gầm, gió hét, làm cho người cách xa hai thước gào to không nghe thấy tiếng nhau.

Khi gần đến Rừng Thông, tôi ngẩng mặt lên và thấy một cái bóng chạy trước tôi về cùng một phía. Tôi dụ mắt, nhận ra thằng Bơ. Nó để mình trần và vừa chạy vừa khum một bàn tay che mắt trông ra xa, như có ý tìm tòi một cái gì. Tôi gọi, nhưng nó không nghe tiếng. Nó trèo lên một cái thuyền không để cạn trên bãi cát, nhìn khắp mặt biển một lượt, rồi hít hải nháy xuống chạy biến vào trong mưa. Không muốn đi theo nó, tôi rẽ một con đường nhỏ về nhà.

Trời càng về tối, gió càng thổi mạnh và mưa càng rá rích. Trông

lên mồm núi Độc Cước thấy ngọn đèn báo bão lấp ló ở đầu cột, tôi ngao ngán vì mất một buổi tối dạo chơi bãi cát, đành giở một quyển sách ra xem cho qua thì giờ. Mọi người trong nhà trọ cũng ngồi nói chuyện gẫu, hay họp nhau đánh tổ tôm. Tôi nghe họ kháo nhau, giữa hai quân bài, rằng trước khi bão tới, tất cả các mảng của những người chài lưới đi nghề từ sáng, đều về kịp cả, duy có bác Thung, thầy thằng Bơ, là đến bây giờ vẫn biệt tăm hơi.

Tôi bỗng chợt dạ và thoáng trong một giây có cái linh cảm một sự không lành. Tôi nhớ ngay đến cử chỉ thằng Bơ ban chiều ngoài bãi biển. Thì ra vậy! Nó nhìn biển bấy giờ là để xem có thấy bóng cái mảng của thầy nó không. Tôi tưởng còn trông thấy nó chạy như một con chó điên ở trong mưa gió. Và đặt mình vào địa vị nó, tôi bỗng cảm thấy tất cả những mong mỏi và lo lắng của đứa con bất lực giương đôi mắt nhỏ bé hỏi cảnh tạo vật hải hùng xem tính mệnh bố có vẹn toàn không.

Những ý nghĩ lo ngại vợ vẫn đến óc tôi. Tôi tưởng tượng ra một cảnh nguy khốn: bác Thung ở giữa vùng biển cả với một tấm bè mỏng mảnh, một mình chống chọi với cơn bão táp. Những lớp sóng cao bằng mái nhà, đưa bác lên đỉnh rồi lại chìm bác xuống mười thước sâu. Mưa như trút nước, các bắp thịt của bác chùng lại, mắt bác hoa lên, một cái chèo đứt, một phần mảng băng. Một ngọn sóng hất bác xuống biển. Rồi một ngọn nữa tiếp theo và bác Thung biến mất.

Muốn xua cái ảo tưởng ấy, tôi ngồi dậy mà nhìn ra ngoài. Trời tối đen, không trông thấy gì hết. Mưa vẫn day dứt, liên miên, nhỏ giọt ở mái tranh đều đều như gặm nhấm lòng người.

Tiếng sóng vẫn ỳ ầm, rào rạt ở ngoài biển cả, và trên ngàn thông, gió rít hu hú từng hồi như kêu, như réo, rồi lại hạ xuống một điệu trầm trầm rên rĩ, như tiếng than vãn âm thầm của người cô phụ.

Tôi thao thức hoài vì những ý tưởng buồn rầu ấy và thương hại thằng Bơ. Tôi chắc cả nhà nó đêm nay lo sợ lắm, và biết đâu bây giờ nó không đang khóc với bà và mẹ nó?

Vì thế nên hôm sau tôi hết sức ngạc nhiên thấy nó đến nhà trọ vẫn tươi tỉnh như thường. Mọi người hỏi tin thầy nó. Nó trả lời: “Chưa viên!” với một giọng thản nhiên, như việc ấy không có chi quan trọng.

– Mà có lo không. Bơ?

- Việc chi mà lo?
- Thế nhớ thầy mày không về thì sao?
- Thầy tôi thế nào cũng viên.
- Nói khoác! Bao to thế này mà bây giờ chưa thấy người, lại còn có về!

- Rửa đó! Bao gấp mấy cũng chả làm gì. Thầy tôi sẽ viên!

Cũng như tôi, ai nấy đều yên trí sẽ thấy thằng Bơ buồn bã, ngần ngợ, nên vẻ bình tĩnh bất ngờ của nó hầu như làm mọi người phật ý. Người ta cho rằng nó giả bộ cứng cỏi, chứ thực trong lòng thì phân vân, khổ sở, vì quen thuộc đã lâu, ai cũng biết nó yêu thầy hơn là mẹ nó. Nhưng tại sao nó cần giấu vậy? Vì tự kiêu, nó không muốn để ai thấy sự thật trong lòng nó chăng? Xưa nay vẫn là đứa vô tâm, đùa với tất cả mọi người, nó sợ nếu nay đổi khác, người ta sẽ giễu nó chăng? Hay là thực tình nó tin ở tài thầy nó? Trông nó phô hàm răng trắng nhớn mà cười như mọi khi, tôi cũng nghi ngờ là chính mình hôm qua đã bắt gặp nó chạy hốt hoảng trên bãi cát.

Thành thử những người ở cái xã hội nhân nhả nọ thấy vậy hình như bất mãn, vì thái độ thằng Bơ dù gặp biến cố cũng không thay đổi! Họ muốn nó khóc lóc hay than vãn như mọi đứa khác trong trường hợp ấy, để cho họ chạnh lòng thương và có dịp phô bày cái tình trắc ẩn rộng rãi của họ bằng những lời khuyên nhủ đầy khôn ngoan, lịch duyệt, mà họ có rất sẵn sàng. Một thằng Bơ mỉm cười như ý không cần xin cái tình thương ấy, làm cho họ khó chịu gần như thấy nó hỗn hào. Và mỗi từ tâm không dùng đến cũng không còn thấy trong những câu đùa của họ.

- Ồ, Bơ này! Mày bảo thầy mày về, chắc là về cung ông Hà Bá chứ gì! Mọi người cười ngất vì câu nói hóm hỉnh của ông Phán Thông. Nhưng bà Chí Hòa vội chữa:

- Không phải đâu, ông Phán ạ. Thầy nó về bụng cá đấy!

Và bà Lợi Thành chêm vào:

- Ở bụng cá thì tha hồ chắc chắn, có thể chấp gió bão nhi?

Lại một dịp cười nữa làm thằng Bơ đỏ mặt cãi:

- Các ông các bà nói rửa, chứ thầy tôi không chết được mô!

Nói xong nó bỏ chạy để khỏi phải nghe thêm những lời giễu cợt.

... Bao cứ dây dưa mãi. Sầm Sơn chìm đắm trong mưa dầm. Lưng

trời mây trôi hoài, lạc lõng không biết về đâu. Gió vẫn uốn những cành cây nghiêng ngửa và sóng vẫn thêu bọt trắng trên mặt biển xám màu chì.

Cảnh vật thật là tiêu điều, tẻ ngắt. Ngôi nhà trông ra ngoài chỉ thấy suốt ngày mưa phẫn bất chéo trong khung cửa sổ, dầm dề, lướt lướt, như sẽ không bao giờ hết.

Ba hôm qua đi, nặng nề, chán nản, trong cái u ám của trời đất âu sầu.

Và người ta vẫn không thấy tin gì về bố thằng Bơ.

*
* *

Cùng với mặt trời, cái vui vẻ đã trở lại bãi biển sau những ngày mưa. Chiều chiều, những tiếng nô cười lại âm ì vang trên mặt sóng và những tấm thân thiếu nữ yêu kiều lại đua nhau thi vẻ nồn nà. Cuộc đời hời hợt, phô trương của những người gặp nhau một mùa, thân nhau một dạo, lại quần quanh trong sự tô chuốt bề ngoài, khoe màu lịch sự, hay là tìm bới những chuyện riêng, những chuyện nhặt trên bãi cát mà người ta sang tai nhau bằng một vẻ hiểu đời, bí mật, nhưng thực ra chẳng bí mật với ai.

Bác Thung mất tích đã tám hôm rồi, không ai để tâm đến nữa. Ở nơi nghỉ mát, người ta muốn thấy những việc mới lạ luôn luôn để làm đề câu chuyện cho những ngày dài nhàn rỗi. Người ta cần biết ông nó mới tậu một ngôi biệt thự, bà kia vì sao năm nay không ra biển với chồng, và cô “tiểu thư” mới đến hôm qua là con cái nhà ai mà nói cười nhiều thế. Rồi cũng như vết chân in trên cát ướt để cho nước biển dâng lên mỗi ngày xóa mất hẳn đi, những việc người ta nói đến hôm nay, ngày mai sẽ không còn ai để ý. Vậy ai hơi đâu nhớ làm chi việc bố thằng Bơ, chỉ can hệ cho đám dân chài lưới!

Vả lại từ hôm ấy, thằng Bơ cũng ít bèn mảng sang nhà trọ. Một đôi khi người ta thấy nó chạy miết qua như có việc gì vội lắm. Thỉnh thoảng bắt gặp, người ta hỏi, nó chỉ cười – nó vẫn cười! – và trả lời qua quýt cho xong rồi lại lảng ngay. Hình như nó muốn tránh những người mà ngày thường nó thích đến gần. Chính tôi mấy bận đi tìm nó cũng đều không gặp.

Thế rồi một buổi tối, Cả Khuê lên nói với mọi người:

– Thưa các cụ, bố Thung, đến hôm nay là mười ngày mà không thấy về, thì chắc là chết rồi. Nhà hấn nghèo lắm. Trừ vợ con, hấn còn để lại một mẹ già mù, tình cảnh thật là khốn đốn. Nay vợ hấn có ý muốn sang đây xin các cụ là người vẫn cho thằng Bơ lui tới hầu hạ xưa nay, quyên cho mỗi người ít nhiều để chị ta lấy vốn buôn bán, với lại cho thằng Bơ đi tập nghề cùng các bạn chài. Chị ta cũng vẫn biết các cụ rất sẵn hảo tâm, nhưng chị ta sợ, không dám ngỏ ý. Vậy nên chị ta nhờ nhà cháu lên thưa chuyện thế, nếu các cụ cho phép thì chị ta mới dám sang.

Các cụ thấy đều nín lặng sau những lời phân bày dài dòng của Cả Khuê. Ai cũng có vẻ nghĩ ngợi để nhường người ngồi bên lên tiếng trước, hình như ngại một lời nói hớ sẽ buộc trách nhiệm vào mình. Giây lâu, ông Phán Thông thấy cái im lặng kéo dài mới nhất định trả lời thay tất cả:

– Được, bác cứ xuống nhà. Việc ấy để đó rồi chúng tôi liệu sau.

Cả Khuê lui, mọi người lại nhìn nhau để dò ý tứ. Mới vài phút trước, họ bàn tán chuyện nọ, chuyện kia, nói cười vui vẻ, mà lúc này tự nhiên họ im như thóc. Những nét mặt tươi chùng lại, những con mắt tinh ranh sụp xuống, tưởng chừng như mấy lời của Cả Khuê đã có phép nhiệm mầu làm ngừng đọng lưng chừng những khối hoạt động kia. Một tư tưởng chung hiện thành một hình ảnh rõ rệt trong óc mọi người: tiền! Người ta cảm thấy cái ám ách, khó chịu mà vấn đề ấy gây nên. Các bà như muốn thu hình lại, giữ túi cho chặt chẽ. Sau cùng, dường như không nhịn được, bà Chí Hòa nói tung lên trước:

– Nhà Thung nó làm gì cho mình mà sang xin tiền?

Hiệu lệnh đã phát. Người ta có thể nói tự nhiên, không e ngại. Mấy miệng cùng đua một lúc:

– Ủ, nó làm gì cho mình?

– Vô lý! Chồng nó chết thì mặc nó chứ?

– Sao bọn chài lưới nó không cứu lẫn nhau mà lại đi quấy những người nghỉ mát?

– Cho chúng nó rồi sau thành lệ mát.

Ý chừng cho là mọi người đi hơi xa quá, ông Phán Thông nhìn ngang bà Phán mà nói rụt rè:

– Nhưng Cả Khuê nó đã nói vậy mà chẳng lẽ không cho?

Bà Phán lườm ông rất nhanh mà bẻ lại:

– Không cho thì ai bắt được mình? Ai ơn sâu nghĩa nặng gì nhà nó?

Bà Lợi Thành nhận rằng:

– Ra điều nó vẫn để thằng Bơ sang đây cho mình sai bảo...

– Sai bảo! Thằng nhãi ấy thì sai bảo được việc gì!

Dù có việc gì mà thằng nhãi ấy đã làm cho ai, bây giờ cũng không ai nhớ nữa. Nó bẩn, nó hôn, nó dám nhăn nhó cười với mọi người và lại hay nói chuyện leo. Ai bạn với nó? Cái giống con nhà bách tính vẫn thế, hễ người ta dung túng là y như chúng nó nhờn!

Câu chuyện không ngờ gay go kéo dài. Người ta bàn tán như tìm cách đề phòng một tai nạn lớn. Rồi sau tất cả những lời khôn ngoan, chí lý và đanh thép ấy, người ta bảo nhau, khi nào mẹ đi Thung sang, sẽ chỉ cho mỗi người dăm xu là đủ.

– Thế thôi! Không có rồi nó thấy bỏ lại quen mui tìm cách đào mình lượt khác. Quân chúng nó nhiều lắm!

Bà Chí Hòa kết luận vậy, và mọi người đồng ý với bà.

*

* *

Suốt cuộc bàn cãi ấy, tôi chỉ giữ địa vị một người dự thính. Tôi không phát biểu ý kiến gì và cũng không tìm lời chi biện hộ cho thằng Bơ, vì tôi biết trước là vô ích. Tôi đã rõ cái sức cương quyết lạ lùng, vững chãi cũng như người họ, mà những ông bà oai vệ kia có sẵn trong lòng để tin rằng lẽ phải của mình chắc như đinh đóng cột, cho nên tôi không muốn phí công làm việc ấy. Vả lại, vẻ quan trọng sừng sốt của họ và sự chân thật mà họ đem ra bóc trần lòng mình như tấm bánh, không dè giữ, không ngưng ngừng, có một cái chi cảm động mà nực cười khiến tôi khoái ý. Thật ít khi người ta tự nhiên đến thế! Tôi không có lẽ gì đáng hãnh học, khó chịu hơn là dễ dãi, thản nhiên. Ở địa vị bàng quan mà ngắm những nhân vật đó, tôi thấy vui thích như nhà nhiếp ảnh bỗng gặp ở giữa đường một cảnh linh hoạt, giàu ý nghĩa, đáng ghi lên phiến kính nhiệm mầu. Đó là cái vui của nghệ sĩ, một cái vui nhẹ nhàng, hoàn toàn thuộc về thẩm mỹ.

Tuy nó có phần ích kỷ, song tôi tưởng ở trường hợp này nó cũng không làm hại chi đến tình cảm của tôi đối với thằng Bơ.

Sáng hôm sau, tôi sang nhà bác Thung hỏi thăm rất sớm. Đi qua cái sân đất nhỏ rất quen mà ở đấy hai con chó vện gầy còm nằm yên dưới gốc cau, vẻ buồn rầu, lơ đãng, chỉ khe khẽ vẫy đuôi để tỏ ý mừng, trái với mọi lần mà chúng chạy xô ra đón và quẩn lấy chân tôi, tôi khe lách bức màn rách tả tơi và bước vào căn nhà lụp xụp, tối om. Tôi chỉ thấy bà lão mù, mẹ bác Thung, ngồi co ra ở một góc cái giường nan xộc xệch. Tôi hiểu ngay là mọi người đi vắng cả, ai theo việc nấy như thường, để một mình bà ở lại coi nhà. Vẻ trống trải, nghèo nàn trong căn nhà lá vẫn như mọi ngày và cũng như mọi ngày bà lão vẫn im lìm, khô héo như cái thây ma, ngồi đó để làm chứng cho thời gian và tang thương biến cải. Nếu không biết trước, tôi sẽ không thể nào ngờ rằng tai biến đã lên qua đây. Nhưng trong sự lặng lẽ ngày thường, vì đâu mà bỗng dưng tôi cảm thấy một cái chi lạnh lùng, u uất, như cái rùng rợn chạy lướt trên da khi ta bước vào một nơi cấm địa?

Tôi lên tiếng hỏi thằng Bơ đi đâu và có cảm giác như lời mình bị rơi vào quăng không, bật hết tiếng vang. Một tiếng nói run run, thều thào và chậm chạp, như vang lên từ một cõi mơ hồ, xa xôi nào, khe trả lời tôi:

– Thầy ký đấy ư? (Bà lão vẫn gọi tôi như thế). Thằng Thung nó chết rồi, thầy ơi! Nó chết để cho tôi sống làm chi, hả thầy? Ối Thung ơi! Con cướp công sinh thành của mẹ, con ơi!...

Tiếp liền theo là những tiếng hị hị, mà tôi ngạc nhiên tưởng là tiếng cười, vì nhìn đôi mắt kèm nhèm của bà lão, tôi vẫn thấy ráo hoảnh như không. Người mẹ già khốn khổ đó còn lọc đâu được ra nước mắt?

Cảnh tượng một cuộc đời tàn tiếc thương một cuộc đời đang tươi tốt, ở trong cái khung cảnh sâu nã âm thầm ấy, làm cho tôi bứt rứt, bản khoản tựa hồ như chính mình phải chịu một phần trách nhiệm vào đó. Tôi liệu chừng không thể biết gì hơn ở bà lão, bèn cố nói vài câu an ủi rồi lại lách mình ra khỏi căn nhà đen tối để đi tìm thằng Bơ.

Tôi gặp nó ở cuối Rừng Thông, chỗ cửa nhánh của con sông Mã. Từ xa, tôi nhận thấy nó ngồi trên một cây thông bị đổ, nằm thẳng đườn trên mặt đất như một cái xiên chả lớn. Hình nó in bật lên cát vàng trong ánh nắng của ban mai, như một bức tượng đồng đen. Quay

lưng về phía tôi, nó ngồi chống tay lên thân cây trong một dáng thừa nhân, tư lự. Vẻ lặng lẽ, trầm ngâm ấy khiến tôi ngạc nhiên cũng như cái tươi tỉnh của nó hôm nọ, sau đêm bão đầu tiên. Tôi đứng lại ngắm nó. Nó yên trí chỉ có một mình, thần thờ nhìn ra biển rộng.

Biển rộng mênh mông. Nước xanh như nhuộm và trời xanh như vẽ. Vài đám mây ửng nắng như những mảnh nhiều hồng, soi mình trên nước lặng. Xa xa, những cánh buồm nâu cắt quăng chân trời như những con bướm đậu im trên mặt biển. Cảnh đẹp một cách hỗn hào, say đắm, như cố ý điểm tô để làm ngây ngất lòng người. Trông vẻ xinh tươi hiền lành đó, ai dám ngờ mới vài hôm trước nước kia đã nổi cồn sóng mạnh và trời kia đã trút gió, tuôn mưa, bầy cuộc hỗn mang?

Thằng Bơ vẫn ngồi im, không cử động. Những ý nghĩ gì đang xoay vần trong óc nó? Không ai biết được, chỉ trừ có gió với mây. Tôi khẽ bước đến gần, đặt một bàn tay lên vai nó. Nó giật mình quay lại và vội mỉm cười, như xấu hổ vì bị bắt gặp trong khi bất ý. Rồi nó nói liền chuyện này đến chuyện nọ, như để ngăn những câu tôi sắp hỏi, mà nó đoán biết. Nhưng tôi đã có định ý. Tôi bắt đầu:

– Máy hôm nay mày đi đâu mà không sang nhà trọ?

– Tôi đi chơi.

– Vậy bây giờ mày ra đây làm gì?

– Ra chơi. Tôi ngồi ngắm biển. Cậu không đi tắm sáng à? Cậu có lên núi chơi không?

Không trả lời nó, tôi thông thả nói:

– Bơ ạ, tao đi tìm mày vì tao muốn cho mày cái này.

Thằng Bơ ngẩng mặt lên, yên lặng đợi. Tôi rút trong túi ra hai tờ giấy bạc năm đồng đã gấp sẵn từ trước và đặt vào lòng bàn tay nó. Nó mở ra xem liền, nghĩ ngợi một giây rồi ngược mắt lên, nhìn thẳng tôi:

– Tôi biết rồi.

– Mày biết gì?

– Tôi biết vì sao cậu cho tôi tiền cha!

Trước đôi mắt của nó long lanh một ánh sáng hỗn nhiên, tôi bỗng ngưng ngừng, như vừa trót lỡ một cử chỉ rất là thô bạo. Tôi muốn tìm một câu bào chữa, nhưng thằng Bơ nói luôn:

– Không, tôi già ơn cậu, nhưng tôi không lấy mô.

Nó nhét trả hai tờ giấy bạc vào tay tôi và, sợ tôi giận, nó nhoẻn miệng cười:

– Cậu tử tế lắm. Nhưng ai lại lấy tiền của cậu bao giờ!

Rồi không để cho tôi lường trước, nó vụt cầm đầu ù té chạy. Tôi gọi nó:

– Này Bơ! Hãy đứng lại cho tao bảo đã!

Nhưng thằng Bơ chỉ ngoảnh mặt cười và nói vọng lại:

– Không. Thầy tôi đã chết mô mà cậu cho tiền!

Rồi nó chạy biến vào giữa Rừng Thông.

*

* *

Thầy thằng Bơ không chết thật. Tôi biết tin ấy chiều hôm sau lúc đi tắm. Tôi chạy vội lại nhà nó và nghe nói bác Thung đã ra bãi cát. Tôi ra đấy, thấy bác đang đứng tựa vào một cái thuyền để cạn, phanh áo cộc nâu hóng mát và hút một điếu thuốc lá tổ sâu.

Người bác lằn những bắp thịt rắn chắc và rám nắng như da sành. Nét mặt gân guốc vì những vằn mạch máu nổi chằng trên trán, có một vẻ thần nhiên gần như lạnh lùng, bướng bỉnh, mà may được bộ râu mép đen làm giảm bớt đi, để cho ta thấy sự dễ dãi, chân thật.

Đáp lại những câu hỏi vội vàng của tôi, bác chỉ trả lời rất ung dung, thông thả. Hôm ấy, bác ra khơi xa hơn mọi lần. Khi xem trời biết cơn giông sắp tới, bác đã cho mảng quay về, nhưng không kịp. Bão sập đến, làm gãy cột buồm và đánh vỡ mảng. Bác bám chặt lấy một mảnh còn lại, mặc cho sóng trôi đi. Lênh đênh trên mặt nước hai hôm, bác bị giạt vào bãi Lạc Quần và được bạn chài ở đấy cứu. Khi bác trở lại mạnh như thường, họ cho bác lương thực để đi theo ven biển mà về. Vì thế nên mãi hôm nay bác mới tới nhà.

Bấy nhiêu việc, bác Thung kể lại bằng rất ít lời, với một giọng bình tĩnh, giản dị. Không có một chút gì tỏ rằng bác đã hốt hoảng, lo sợ. Tôi có cảm tưởng như nghe bác thuật một cuộc đi chơi, mà bác không còn để tâm đến nữa.

– Vậy bây giờ bác định thế nào?

– Định thế nào? Nghỉ vài bữa, rồi tôi lại đi nghề chứ không thì thầy bảo tôi mần chi?

– Nhưng mảng của bác đã vỡ?

– Tôi đi mảng của bạn. Rồi ít lâu lại đóng cái khác.

Nói xong, bác Thung nạy một tấm ván thuyền, lôi ở đáy ra một chai rượu trắng, mà bác để đó không biết tự bao giờ. Rồi chào tôi, bác xách chai lững thững đi về Rừng Thông.

Khi tôi trở lại nhà trọ, cái tin bố Thung đã về cũng vừa lan tới đấy. Một tin mừng, lẽ tất nhiên. Nhưng tôi không dám chắc mọi người đã nhận nó với cùng một loại cảm tưởng như tôi. Đó là một tấn đảo cục bất ngờ, khiến người ta hồi hộp. Nhưng sau cái xôn xao lúc đầu, người ta nghĩ ngay đến một sự thiết thực hơn: Thầy thàng Bơ không chết, thì việc quyên tiền không phải bàn tới nữa. Từ hôm Cả Khuê lên, nói chuyện, mọi người hình như vẫn chờ mẹ đi Thung sang. Mặc dầu ai nấy đã có ý định, và việc tuy chỉ là nhỏ nhặt, nhưng nó cũng làm người ta quan tâm như một sự ngãng trở trong cuộc đời bình tĩnh hằng ngày. Người ta thấy như lúc phải đợi ở phòng bác sĩ, để tiêm một ống thuốc trừ dịch, “cho nó xong đi”! Vì thế nên người ta hoan nghênh việc mới xảy ra, nó đem trả lại trật tự cũ, để mọi sự lại yên ổn, đâu hoàn nguyên đấy, không hại đến ai.

Ai nấy nghĩ trong lòng như vậy, nhưng không nói ra lời. Hình như người ta bỗng có một chút sượng sùng, để khỏi nhắc đến cuộc bàn cãi hôm nọ, và những ý nghĩ riết róng đã trót phô ra, mà bây giờ không cần thi hành nữa.

Duy có bà Lợi Thành phê bình một câu ngắn ngủi:

– Thôi thế cũng phúc cho nhà nó!

Tối hôm ấy, thàng Bơ lại lộ mặt sang nhà trọ. Nó lại phô hàm răng trắng nhớn cười với mọi người, và không ai thấy nó là đáng ghét.

Người ta lại sẵn lòng nói với nó một câu thân mật. Nó lại được đến gần ông Phán Thông, bà Chí Hòa, bà Lợi Thành, cô Quý, tất cả mọi người, mà không ai bắt bẻ.

Ông Phán Thông, tay vờ một điếu thuốc lào, lại gọi nó với một giọng khoan dung cao cả:

– Bơ! Bưng cho tao cái điếu!

Tháng 7-1940

Báo Thanh nghị, số 42, ngày 1-8-1943.

GIÀ ĐÌNH

(Truyện ngắn)

Bà ơi, bà tử tế quá, bà nâng giắc thuốc thang cho tôi, không kiêng kỵ gì. Bà thương tôi thật hơn tình ruột thịt, khiến tôi vô cùng cảm động.

Bà ngồi xuống đây. Bà cho tôi được nắm tay bà, được nói với bà đôi câu, cho hả lòng tôi, và cũng để tạ lòng bà.

Nhà tôi xưa nay không phải là nhà phú người bà ạ. Có bây giờ đến lượt tôi chẳng may mới thế, chứ trước kia, các anh các chị tôi sung sướng lắm.

Thầy me tôi sinh ra chúng tôi tất cả mười người, tuy đông con mà trai gái đều quý như nhau, không thiên vị. Chị lớn nhất chúng tôi mất khi tôi còn nhỏ. Chị thứ hai lấy chồng hiện nay buôn bán ở Cao Mên. Người thứ ba là anh cả tôi, trước làm giáo sư, chết năm ba mươi tuổi vì bệnh đau gan. Người thứ tư, chị Tần, cũng chết năm hai mươi bốn tuổi, vì đau tim, giữa khi sắp cưới. Mấy cái tang ấy làm cho thầy me tôi đau buồn: Bao công lao nuôi nấng, gây dựng cho con cái trưởng thành, bỗng chốc trai trưởng chết, một gái lớn nữa theo sau, trong vòng ba năm, thì lòng sắt đá nào không nao núng! Nhất là thầy me tôi đã dốc hết tâm lực, bao nhiêu vất vả cũng không từ, tiền của cũng không tiếc, để cố cứu anh tôi và chị Tần mà kết cục chỉ là thêm những nỗi đau cho tuổi già. Thầy tôi vì lâm bệnh rồi mất và, hai năm sau, me tôi, héo hắt quá, cũng đi theo nốt.

Thế là gia đình còn có chị Nghĩa, con thứ năm, anh Trí, thứ sáu, tôi thứ bảy, rồi Sáng, em trai, và hai em gái, Hiền với Hảo, vẫn đến đây thăm tôi mà bà biết đó.

Không nói bà cũng đoán biết từ ấy chúng tôi đau khổ thế nào. Mấy chị em những khóc với nhau những đêm khuya vắng và khi đi đứng, lúc ra vào, thấy đều như thấy bóng hình những người đã chết, khiến chúng tôi giật mình kinh sợ. Rồi ai nấy lại mỗi người một xó

ngồi gặt thấm nước mắt. Chúng tôi khóc trộm lẫn nhau. Vì nếu một người đã động đến vết thương chung, hoặc khóc trước mặt anh chị em, thì thế nào sự giá lạnh cũng trở về và ai nấy lại cùng khóc cả. Chúng tôi biết thế, nên gượng nhẹ lẫn nhau, người nào cũng cố làm tươi để khiến người kia quên lãng trong khi người nào, kỳ thực, cũng mang cái chết trong lòng. Ai có qua cảnh chúng tôi mới hiểu những nỗi thống khổ âm thầm ấy làm tiêu tước, khô héo con người đến bực nào.

Tuy vậy chúng tôi cũng có một niềm an ủi. Tai biến chồng chất khiến chúng tôi cảm thấy phải sát lại với nhau hơn, yêu thương nhau thay phần cha mẹ và cả những anh chị đã mất. Càng trở thành trợ trợ, lại càng phải nương tựa vào nhau cho lòng ấm áp. Vả lại không thể khóc mãi được. Người chết không sống lại vì thế. Không bao lâu chúng tôi nhận rõ sự thật giản dị ấy, và chúng tôi ra sức làm việc. Và khi thấy mẹ tôi nằm xuống, của cải đã gần hết. Trước kia nhà khá giả thực, nhưng trải qua bằng ấy vận hạn, liệu còn lại nổi cái chi? Vậy chúng tôi phải làm việc để sống, làm rất chăm chỉ, hăng hái. Thong thả tôi sẽ nói chúng tôi xoay xử cách nào.

Cửa hàng tơ lụa của nhà tôi ở phố Hàng Gai, xong tang ma mẹ tôi, xem ra chỉ có những mẫu bày mặt hàng, mà vốn thì còn vền vền mười hai đồng bạc. Mười hai đồng! Mà, trừ chị Nghĩa, chúng tôi còn đang đi học cả. Một mình chị nuôi chúng tôi chưa đủ, nói chi buôn với bán. Mẹ tôi biết tình thế ấy, nên lúc lâm chung nhắm mắt không đành, gọi chúng tôi đứng cả chung quanh, cầm tay chị Nghĩa khóc và dặn:

– Con thương lấy các em, gây dựng chúng nó thay mẹ. Các con phải vâng lời chị, ăn ở thuận hòa, đùm bọc lẫn nhau.

Chúng tôi đều lay và hứa xin vâng lời mẹ.

Bây giờ tôi đã mười lăm, là người lớn nhất sau anh Trí. Tôi đang học lớp nhì trường Hàng Cót, anh Trí ở lớp đệ nhất trường Sarraut. Cuối năm ấy anh mới thi phần thứ nhất tú tài. Sáng và Hiền, Hảo mới học ở những lớp ba, lớp tư.

Một buổi tối, mấy chị em bàn bạc. Tôi xin với chị Nghĩa cho tôi thôi học, ở nhà giúp chị. Chị phải bằng lòng, vì chỉ có tôi đáng hy sinh việc học hơn cả.

Chị Nghĩa đi hết những nơi quen thuộc vay mượn hay lấy chịu hàng về bán. Tôi được chị sai đi đây đi đó, mời ông họ, lấy hàng hóa. Ngoài ra, hai chị em còn làm mứt, bánh bèo, bánh quế, nặn con

giống, bỏ cau ướp chè, đan áo len, thôi thì bất cứ công việc gì lương thiện kiếm ra tiền. Chúng tôi thức khuya dậy sớm, ngày nào cũng như ngày nào, tần tảo và ăn nhịn để dành, hà tiện từng đồng xu. Nghĩ lại hồi ấy cũng gay go. Quả thật, có khi thiếu gạo, hai chị em nhịn từng bữa, hay chỉ ăn một chĩnh khoai, còn cơm nhường cho anh Trí và các em, nói là bận việc nên phải ăn trước trong khi mấy anh em đi học chưa về. Áo mặc, hai chị em có được một áo dài trắng, một áo dài thâm và một áo sa tanh đen, mặc thay đổi lẫn nhau trong bốn mùa. Những áo tơ lụa và nhung ngày trước, lấy cứ là có tang không mặc, chúng tôi đã bán lại cho chị em bạn cả rồi. Cho nên, khi nào đi đâu, phải mặc áo chị Nghĩa, tôi cứ thu thu hai cái tay chùng quá; mà thân áo dài gần chấm gót, thì tôi bảo là may lỗi tân thời.

Tần tiện đến thế mới đủ được cho các em, và nhất là anh Trí, học hành, may mặc, để ra ngoài không đến nỗi kém ai, cũng như ngày còn thầy mẹ tôi. Kể thì khổ cực thật, song được cái trong nhà chiều mến lẫn nhau, nhất là các em tôi, chúng rất ngoan, tuy còn nhỏ, chúng đã biết thương các chị vất vả. Thành Sáng, mới mười hai tuổi, có hôm trời rét, thấy chị Nghĩa với tôi bỏ cả bữa cơm đi chạy hàng đến chín mười giờ tối chưa về, nó lo, đi tìm khắp mọi nhà không thấy. Đến gặp chúng tôi ở giữa đường, nó mừng rỡ phát khóc, bảo chúng tôi:

– Các chị khó nhọc quá, em không đành dạ. Các chị sai cho em đi đỡ việc các chị.

Nó làm thế nào được việc buôn bán của chúng tôi! Hai chị em phì cười, nhưng cùng cảm động, gió lạnh mà lòng thấy ấm, tìm câu an ủi cho em bằng lòng.

Thấy nhà chúng tôi cha mẹ mất mà anh chị em hòa thuận, trên kính dưới nhường, mọi người đều khen ngợi, bảo nhà có phúc. Đó là cái phần thưởng làm nức lòng chúng tôi. Nhớ lời mẹ trời lại, thấy các em hiếu thảo, chúng tôi vui sướng, phấn khởi, có thêm can đảm chịu đựng mọi nỗi nhọc nhằn.

Chúng tôi gửi hết hy vọng vào anh Trí, không bao giờ để anh phải tởn bợn sự gì. Ngay đến những thiếu thốn riêng của hai chị em, anh cũng không biết, vì chúng tôi giấu. Như thế để anh yên lòng học tập, mai sau làm nên sẽ đỡ chúng tôi gây dựng các em, cho được như ý muốn của mẹ tôi. Nhờ giới, anh học thông minh, trôi chảy. Hai năm sau anh đỗ trọn tú tài, rồi ngay cuối năm ấy gặp kỳ thi tham tá,

anh thi và cũng đỡ luôn. Trời! Không gì so sánh được với cái vui sướng của cả nhà tôi hôm ấy. Giữa bữa cơm có người đến mách tin, mấy chị em mừng quá, chị Nghĩ khóc, tôi khóc, các em cũng khóc. Thật buồn cười! Khi buồn khóc, khi lo khóc, khi vui cũng khóc, có ai như thế không? Trong mấy năm chúng tôi đã rõ không biết bao nhiêu nước mắt, thương xót, cơ cực, tủi nhục, chỉ có những giọt nước mắt hôm ấy nhẹ nhàng, đầm ấm nhất. Thế là từ nay bớt một mối lo. Anh Trí đi làm, chúng tôi sẽ mát mặt đôi chút, và các em chắc cũng được sung sướng hơn.

Nhưng cái vui chẳng được lâu, cái buồn đã sẵn chờ trong bóng tối. Chị Nghĩ, người vốn yếu lại thêm bao nỗi lao tâm khổ tứ, vất vả năm sáu năm trời liền, sinh ra ốm đau luôn. Biết mình là người đứng mũi chịu sào, chị ốm mà không muốn để các em lo, nên cứ giấu quanh. Khi không thể gượng được, phải đi nằm, chị mới nói là nhức đầu hay cảm sốt qua loa. Riêng tôi, gần gũi chị hơn, thấy chị mỗi ngày một xanh xao vờ vàng, tôi bắt đầu lo ngại. Tôi ngầm mách anh Trí – quên chưa nói với bà là anh may mắn được bổ ở ngay Hà Nội, làm việc tại phủ Toàn quyền, là dinh ông Bảy ấy –, tôi bảo anh đi tìm bác sĩ chữa cho chị. Chị đoán biết, vì chị tinh lắm, nhất định không nghe, nói rằng tạng chị không chịu được thuốc Tây. Tôi thừa biết chị kiêu cố như vậy chỉ vì ngại chữa thuốc Tây tốn kém nhiều. Sau nói mãi, chị mới để cho mời một ông lang ta đến bắt mạch. Ông bảo chị chân huyết ráo với phế hư, uống độ hai chục thang thuốc ắt khỏi hẳn. Nhưng mới được ba thang chị đã thôi, và nài làm sao chị cũng khẳng khẳng không uống nữa. Chị nói người đã khỏe như thường, mà ông lang kia xem mạch lơ mơ, để thông thả có ai mách danh sự, chị sẽ uống thêm.

Anh Trí cũng tin, nên không để ý. Vả lại mới ra làm kiếm được đồng tiền, anh ấy có vẻ muốn đua đòi chúng bạn. Anh học nhảy đầm, học đánh mạt chược. Mới đầu có lần anh đưa cả bạn gái về nhà tập nhảy; nhưng chị Nghĩ phản đối, nhất định giữ nề nếp cũ, không muốn để các em, nhất là em gái, bị ảnh hưởng không tốt của sự ăn chơi, suông sã. Anh Trí đành chỉ còn mời bạn trai đến “xoá mặt giông” – anh gọi mạt chược bằng tên Tây như vậy. Để anh đỡ đi chơi ngoài, chị Nghĩ cũng phải nhân nhượng cho anh như thế. Nhưng không vì vậy mà không có hồi tối nào anh cũng đi chơi đến khuya. Chị Nghĩ thì tối nào cũng đợi anh về mới đi ngủ. Quen như khi anh

còn nhỏ, chị hỏi anh đi đâu, khuyên bảo anh đừng nên ham mê đại dột. Mới đầu, anh còn nể sợ, nói quanh co. Rồi một hôm, uống rượu ở đâu về, anh cãi lại chị:

– Tôi đi với bạn hữu thì làm sao chị cứ phải căn vặn tôi luôn? Tôi cặm cụi kiếm tiền nuôi cả nhà, chị cũng phải cho tôi chơi chứ! Tháng nào tôi cũng đưa chị gần hết cả lương, chị còn muốn gì hơn? Bạn bè giao thiệp, tôi cứ phải khai hết với chị? Người ta còn đua nhau chơi nhảy, ô tô, cá ngựa, hát xướng này khác, tôi đã có gì mà chị ngăn tôi? Cha mẹ ơi! Không biết anh nghĩ thế nào mà thốt ra những lời như vậy? Những lời làm cho tôi kinh ngạc và tê tái! Còn chị Nghĩa, thôi còn phải kể! Chị điếng hẳn người, như bị một tiếng sét ngang đầu. Chị không nói gì, lẳng lặng trở về buồng. Tôi theo vào, thấy chị nằm úp mặt trên gối, khóc như mưa như gió. Bấy giờ các em đã ngủ cả. Ngoài nhà chỉ có những tiếng bàn ghế bị anh tôi xô đẩy, tiếng giày Tây anh quẳng vào một góc nhà, như những tiếng cằm hờn đâm nhói vào tim chúng tôi. Trông chị Nghĩa, tôi uất ức như đứng trước một sự bất công to lớn, táo tợn. Tôi toan chạy ra van anh tôi, xin anh thôi đi – vì tuy chỉ kém anh ba tuổi mà tôi sợ anh, không bao giờ dám trái ý hay làm anh phiền cái chi. Đó là khuôn phép trong nhà quen như vậy; chúng tôi trước kia sợ thầy, sợ anh cả, bây giờ sợ anh hai, người tuy lớn lên, tâm trí đổi thay, nhưng lễ phép vẫn giữ. Thành ra anh em mà chẳng mấy khi gần, chỉ mấy chị em gái thủ thỉ với nhau, cuộc đời sống chung một nhà như hai dòng nước chảy song song, không trộn lẫn. Nhưng tôi kể tiếp bà nghe: chị Nghĩa thấy tôi định ra can anh Trí thì ngăn tôi lại. Chị bảo để mặc, không anh lại câu thêm. Chúng tôi lặng im nghe ngóng, thấy anh đánh diêm hút thuốc hồi lâu, sột soạt tờ báo, rồi trở dậy uống nước và sau cùng lên giường đi ngủ.

Đêm ấy, hai chị em không chợp mắt. Chị Nghĩa nhắc lại những lời anh Trí, than thở với tôi. Anh nói đưa gần hết tiền lương, sự ấy có thật. Lương anh mỗi tháng được sáu mươi hai đồng, vì tuy là tham tá, nhưng anh ra làm giữa hồi lương mới. Anh đưa chị Nghĩa chẵn năm chục để chi tiêu trong nhà. Năm chục để ăn tiêu cho một nhà sáu người với một người ở, anh xe, không kể còn ba em đi học, còn tiền thuốc men, may vá, đóng góp, thù tạc này khác... Vì từ khi anh Trí đi làm, những người họ hàng làng nước kéo đến luôn, để “nhờ vả ông tham” việc này việc nọ, hay chỉ “qua thăm vì lâu không

gặp”, ở chơi hàng tuần, nịnh nọt, phỉnh phờ rằng “phúc ấm nhà to, ông tham nhà trẻ” với thế này thế nọ, cứ bọn này bọn khác, tống tiền quanh năm, thật đến khổ! Ấy là chưa nói những xa xỉ anh bắt nhà phải chịu, quần áo, giày mũ. Khoản đãi bạn bè đến chơi mặt chược – riêng cái bàn và cỗ bài bằng xương trắng rất đẹp anh sắm cũng đã mất ngoài sáu chục, hơn một tháng lương. Ăn uống anh cũng không dễ dãi như ngày đi học nữa. Bữa nào kém những món xào nấu tốn tiền là anh dần dỗi, quát tháo, làm tình làm tội. Lại còn phải trả những nợ vay cào, vay cấu ngày trước cho anh mua sách học thi cử, may sắm và cả tậu xe nhà khi mới ra làm. Bằng ấy thứ, nói ra thành kể lể, nhưng không tháng nào tiêu kém một trăm, ấy là tằn tiện lắm; nếu chị Nghĩa với tôi không buôn bán kiếm thêm, bà bảo làm sao cho đủ? À cũng phải nói đến những món lợi khác của anh, những cái gọi là bổng ngoại, quà cáp hay tiền – có khi hàng trăm – của những người nhờ công việc tạ ơn anh. Những món đó, anh cho là do tài anh kiếm được, anh để tiêu riêng, ăn chơi, sắm sửa, chứ không bù đắp thêm gì cho gia đình. Vậy mà anh bảo “nuôi cả nhà”, thì ra anh không đếm kể đến công lao thu vén của chúng tôi ư? Công lao không nói làm gì, vì lẽ dĩ nhiên chúng tôi làm việc cho cả gia đình, chứ cũng không phải chỉ riêng cho anh. Chúng tôi còn nghĩ tới đàn em thơ dại, mai sau khôn lớn cũng phải nên người.

Nhưng tại sao anh đem chuyện tiền nong ra cãi lời chị Nghĩa? Chị đòi hỏi gì anh? Chị chỉ trách, mà cũng không trách, chỉ phàn nàn rằng anh đi khuya, khuyên anh đừng chơi bời, có thể thôi! Chị không hề rầy la, nhiếc mắng anh, nhất là không dả động gì đến chuyện tiền. Vậy mà anh đã buông mấy câu tệ hại không đáng nói ra kia, khác nào anh mang sẵn những ý nghĩ ấy trong lòng, chúng làm anh bực bõ, nói tung ra cho nó hả. Vậy chẳng hóa anh coi gia đình là cái gánh nặng, anh muốn phá nền nếp để sống tự do, thoải mái lấy một mình ư? Ý nghĩ chỉ biết có mình đến với anh từ bao giờ? Ảnh hưởng của sách vở, bạn bè, đời sống xã hội nói chung đã đổi thay, hướng về cá nhân, hay ảnh hưởng của tất cả những cái đó cộng lại? Nhìn cảnh nhiều gia đình cũ rời rã, những truyền thống tốt đẹp cũ bị coi là gò bó, cổ hủ, chúng tôi lo. Xem chừng anh Trí không đồng cảm về những gì chúng tôi nghĩ là thiêng liêng, gắn bó chúng tôi với gia đình, làm sức mạnh cho chúng tôi có thể xả thân

vì nó. Không những không đồng cảm, mà rõ ràng anh đã có thái độ chống đối qua những lời anh cãi lại chị Nghĩa. Đã đành anh nói trong lúc say, nhưng say đâu đến nỗi mất lương tri, vì sau đó anh còn trầm ngâm hút thuốc, chứ có ba hoa ầm ĩ gì. Mà trầm ngâm như thế thì phải suy nghĩ chứ? Anh suy nghĩ gì?

Chị Nghĩa và tôi trần trọc thâu đêm với những câu hỏi ấy. Hôm sau, anh Trí đi làm thật sớm, như muốn tránh nhìn chị Nghĩa. Đến bữa cơm trưa cũng không ai nói câu gì, người nào theo đuổi ý nghĩ riêng người ấy. Sự lạnh lẽo, im lìm ở một gia đình đông, giữa những đầu xanh quây quanh một chiếc bàn, sao mà nặng nề, u ám! Tôi có cảm tưởng cuộc họp mặt này là một cảnh vô hồn, vì cách biệt nhau, thu giấu mình như con sên trong vỏ cứng. Một linh cảm thao thức trong lòng, như báo cho tôi sự ly tán đang ngầm sửa soạn, khiến tôi đau gấp mấy mươi lần ngày thầy mẹ tôi chết. Những tang đó khiến chúng tôi khổ sở, nhưng không đánh ngã chúng tôi: chúng tôi dựa vào nhau thành một khối, chỉ một lòng một dạ đối chọi với tất cả mọi sự, mọi người. Có lẽ nào công trình của một nền nếp xây đắp bằng bao nhiêu tâm cơ, bao tình thương nghĩa trọng truyền đời như vậy, bỗng nhiên đổ nhào ư? Có lẽ nào chính lúc tưởng nên vui mừng, vì nó thêm chắc chắn, lại là lúc nó sắp rời rã, tan tành? Tôi cố xua đuổi những ý nghĩ buồn ấy, cố vui cười cho chị Nghĩa khuấy khỏa, cho nhà khỏi có vẻ ảm đạm như mưa dầm ảm ướt.

Đời sống trở lại bình thường. Anh Trí mấy hôm sau tìm cách làm lành. Phải chăng anh cũng hối hận cử chỉ của mình? Dù sao, chị Nghĩa đã bị xúc động mạnh, quá bất ngờ, nên vẫn không hết ngậm ngùi, tư lự.

Từ đấy, chị càng hay đau yếu, người mỗi ngày một gầy, sức mỗi ngày một sút. Tuy vậy, chị vẫn không uống thuốc và lại càng tận tụy, lo cưới vợ cho anh Trí. Chị bàn với tôi hỏi cho anh cô Dục, con ông Giáo Phụng ở Hàng Bút. Bà Giáo là bạn hàng của chị Nghĩa, ý rất muốn kết thân với gia đình chúng tôi. Từ ngày anh Trí còn đang học tú tài, bà đã nhiều lần nói với chị, nửa đùa nửa thật, và ngay cả trước mặt cô Dục, rằng bà rất yêu “cậu tú” và sẵn sàng “cho không cô làm em dâu chị đấy”. Rồi bà cùng cô gái luôn đi lại, ngày càng thân hơn, nhất là khi “cậu tú” đã thành “cậu tham”. Thôi thì nay quà mai cáp, đon đả, vồn vã, với chị Nghĩa, và cả với tôi và các em tôi, đón ý từng người, hứng nhận giúp đỡ việc này việc nọ

để chiều lòng mọi người. Cô Dục cũng hòa theo cung cách ấy. Cô người xăm xắn, khỏe mạnh, không đẹp lắm, nhưng cũng xinh, cái miệng tươi, ăn nói có vẻ nhẹ nhàng, ra dáng con nhà. Nhưng, về mặt buôn bán giao dịch, cô cũng tỏ ra không kém phần khôn ngoan, sắc sảo. Cô chị chị em em với chúng tôi, ân cần sẵn đón các em tôi, và đối với anh Trí, dần dần cũng tự nhiên như một người thân quyến. Anh thừa hiểu những ý tứ của bà Giáo và của cô. Anh lấy thế làm đặc ý và thường buông những lời đùa cợt mà cô không xua gạt đi, có khi còn đáp lại như có vẻ khuyến khích.

Chị Nghĩa bàn cũng phải. Tôi không có lẽ gì phản đối. Đồng ý rằng nhà mình thanh bạch và gia giáo, chỉ cần người đảm đang, hiền lành, trung hậu, thêm tay thu vén gia đình. Cốt nhất ăn ở trên thuận dưới hòa cho vui nhà vui cửa. Tiền của có làm gì; nhà nghèo, nhưng chúng tôi không muốn anh Trí đi “đào mỏ”, vả chăng nhà ông Giáo Phụng cũng không giàu. Số có ắt giờ cho sẽ có. Ví thử người ta có đem tiền của về nhà mình, không lý nào mình cũng đầu óc cũng chân tay mà lại trông vào người ta để sống, có phải không bà? Từ trước đến giờ, trải qua bao độ gian nan, chúng tôi cũng có chết đâu? Vậy không nói tới mặt ấy làm gì, cô Dục xem ra cũng có thể lấy được. Về tính nết và cách cư xử của cô ta, chúng tôi chỉ biết được những gì cô muốn cho chúng tôi tin, còn mình có sinh sống liền bên cô đâu mà biết rõ. Vả chăng, điều ấy cũng khó. Phải cần có thời gian, gần gũi hàng ngày và nhận xét tinh vi họa chăng mới hiểu được một con người, mà cũng chỉ đến một mức nào thôi. Song cứ trông mặt mà bắt hình dong, và căn cứ vào thái độ cử chỉ, vào vẻ ngoài gia đình ông Giáo, thì chắc cô cũng là người có giáo dục tốt. Vả lại tốt hay xấu, cái đó còn tùy ở phúc ảm nhà mình. Nhà tôi xưa nay ăn ở hiền lành, người ta về tất sẽ phải theo mình chứ! Anh Trí đã hai mươi năm, đến tuổi lập gia đình rồi. Cưới vợ cho anh sớm ngày nào, anh sẽ bớt chơi bời ngày ấy.

Hai chị em suy đi tính lại, rồi chị Nghĩa ngỏ ý với anh Trí. Anh nghĩ ngợi một lúc rồi đáp: “Tùy chị. Tôi không yêu nhưng cũng không chê cô ta điều gì. Trông cô ấy cũng tạm gọi là sạch nước cần. Nếu chị xem lấy được thì cứ hỏi”.

Thế là chị Nghĩa ngỏ lời với bà Giáo Phụng. Tất nhiên gia đình bà và cả cô Dục đều bằng lòng ngay.

Hai chị em lại đi xoay tiền, rồi cuối năm đó cưới luôn. Xe pháo, cỗ bàn, nghi lễ, linh đình lắm, không thiếu thứ gì. Tốn kém tất cả mất gần nghìn bạc. Chị Nghĩa và tôi được phen chạy như cờ lông công, từ việc to việc nhỏ, cái gì cũng đến tay. Cưới xong, chúng tôi mệt bã người, khản đặc cả tiếng, vì mời chào chúng bạn và họ hàng nhiều quá. Được cái may không ai chê trách điều gì; trái lại, ai cũng hỉ hả, khen lao rằng đâu đấy tươm tất lịch sự cả, và bảo chúng tôi là “hai cô gái đảm”. Thôi thế là yên tâm về anh Trí. Anh đi làm, có vợ, rồi có con, cuộc đời anh vậy có thể tạm coi là đã thành.

Chúng tôi chỉ còn lo không biết cô Dục – à, nhưng từ nay phải gọi cô là chị Trí chứ! – không biết chị ta đối với nhà mình có được như lòng mấy chị em mong muốn không. Chúng tôi đã để phòng trên gác cho vợ chồng anh sống riêng biệt, mấy chị em chia nhau ở cả tầng dưới. Ngay hôm đầu, chị Trí dậy rất sớm, xuống nhà thu dọn, làm các việc, có vẻ ngăn nắp, chăm chỉ. Mấy ngày sau cũng vậy, chị chịu khó vào bếp cùng tôi lo việc cơm nước. Xem ý chị không thạo việc này lắm, và sai bảo người nhà chị cũng có vẻ kiêu kỳ, đại khái gọi: “Xe ơi, múc thau nước để ông Tham rửa mặt”. Chúng tôi thì thường gọi tên anh xe và nói “cậu Trí” chứ không bao giờ dùng tiếng “Tham”, dù nói với ai cũng vậy. Song những cái vật ấy không đáng kể gì. Vả lại một hôm chị Nghĩa khê bảo thì chị ta thôi ngay. Cốt nhất là đường ăn ý ở trong nhà, tôi thấy chị Trí nói năng cũng ra chiều âu yếm; đối với chị Nghĩa là người đáng thay mặt mẹ chồng, chị ta cũng có điều kính nể. Không biết những vẻ ấy có do thực tâm không, và sau này liệu có được mãi vậy không, song bắt đầu như thế là khá lắm rồi và mấy chị em tôi cũng hơi yên dạ. Chị Nghĩa tuy vậy không có ý muốn giữ quyền quản lý gia đình nữa. Chị bảo ban chị Trí cho quen dần việc buôn bán và tề gia nội trợ, tôi sẽ giao trả tiền lương mỗi tháng của anh Trí đưa để mà tùy liệu. Chị căn dặn chúng tôi, nhất là những em nhỏ, phải giữ đạo làm em, tử tế, nhún nhường, không được đành hanh, xoi móc, bày cảnh chị dâu em chồng như nhiều nhà khác cho gia đình tan nát.

Được một tháng tạm gọi là vui vẻ, rồi chúng tôi lại thấy cái lo. Chị Nghĩa lại ốm, mà chuyến này nặng hơn trước nhiều. Chị cứ sốt chập chờn, khi tăng, khi giảm, hay mê sảng, gọi tên những anh chị đã mất, đến lúc tỉnh thì mồ hôi vã ra và kêu nhức đầu nặng. Trong vòng nửa tháng, mấy ông lang mời đều nói mỗi ông một phách, bốt

thuốc cho uống chẳng ăn thua gì. Sau một đêm bệnh chị có phần nguy kịch, anh Trí phải mời bác sĩ đến thăm. Ông nói sức lực chị đã suy yếu vì lao tâm lao lực nhiều, vậy phải đưa chị vào bệnh viện để ông xem xét kỹ, may ra mới có cơ cứu khỏi.

Anh Trí làm theo lời, và ngay hôm sau chúng tôi đưa chị Nghĩa đến bệnh viện riêng của bác sĩ ở phố Hàng Cỏ, sau khi đã hết lời khẩn khoản dõ dành chị, nói giảm giá tiền bệnh viện để chị đỡ bản khoản ấy nấy.

Từ đấy, để chị Trí quán xuyến việc cửa hàng và nhà cửa, tôi ở luôn bên chị Nghĩa trông nom săn sóc chị.

Trong tuần lễ đầu, bệnh chị không tăng nhưng cũng không giảm mấy. Tuy vậy, nhờ những thuốc tiêm và sự săn sóc tận tâm của bác sĩ, chị thường tỉnh táo và ngủ được, tuy vẫn không ngồi dậy được. Những lúc thức, chị nói chuyện với tôi – về các việc nhà – bao giờ chị cũng chỉ bản khoản có vậy – chị nhớ các em, hỏi xem chị Trí có chăm chút chúng như chị ở nhà không, việc buôn bán có bị ngừng trệ vì vắng chị không, và chị bắt đầu lo cho bản mệnh chị, như có tâm linh thăm báo thời hạn của chị ở với chúng tôi không còn được bao lâu. Một hôm chị bảo tôi:

– Em Ân ơi, chị mà chết thì còn có mình em: em cáng đáng sao nổi việc gia đình? Vả chẳng, em còn phải sống đời em chứ. Ít lâu nay chị đã rắp tâm nhắc hỏi ý em về việc bà Cử Hoài, bạn thân của mẹ ngày trước, định xin em cho cậu con thứ hai đang học năm thứ tư trường Bưởi. Mấy bận bà ở bên Bắc Ninh sang chơi, em nhớ không? Bà yêu nết em lắm. Bà cứ gấn bó, căn dặn chị dò ý em, hùa giúp cho nên, rồi xong việc cưới anh Trí bà sẽ lại sang tận nơi chính thức đưa lễ hỏi. Chị nghĩ như đời chị đã đành phận chị. Thấy mẹ mất, chị Hai từ ngày sang Cao Mên, xa xôi và bận con cái, đến cưới Trí cũng không về được, nên chỉ còn chị là lớn ở nhà. Bốn phận chị là phải hi sinh cho các em để làm trọn được lời mẹ căn dặn. Chị đã từ chối hết mối manh để suốt đời sống cho các em. Chị vui lòng vậy, nhất tâm như vậy, đó là số trời đã định cho chị. Nhưng em, em phải lấy chồng. Em đã biết bà Cử. Còn cậu Hai đã có lần đến với mẹ xem mặt em, em cũng có tình cảm tốt về cậu. Chị rất ưa nết ngoan ngoãn của cậu, nhất là nên nếp giáo dục nhà bà Cử. Chị mong muốn em ưng thuận. Em nhận đi cho chị vui lòng.

Chị lo không biết Trời có để cho chị sống thêm ít chút mà tác thành cho em nữa không, hay nữa chừng lại sớm bắt chị đi như các anh chị trước... Như vậy thì ai oán quá, vì chị chưa muốn chết bây giờ, chị chưa muốn chết, em ơi!...

Chị khóc, tôi phải hết lời an ủi. Tôi đau đớn nhận thấy lời chị như một câu nói gỡ, phù hợp với một ý lo thâm kín trong lòng tôi. Chị đã không nghĩ đến đời riêng mình tận tụy vì các em, xây dựng cho anh Trí xong rồi, giờ lại bàn đến hạnh phúc đời tôi vào lúc có lẽ chị không xa miệng huyết lắm mà không biết. Trời ơi! Chị nói sự ấy làm chi? Tôi còn bụng dạ nào nghĩ đến việc đó bây giờ! Mà quả thật tôi cũng chưa bao giờ thực sự nghĩ đến. Tôi hầu như cũng yên trí như chị rằng đời tôi sẽ sống mãi với anh và các chị em. Khi có ai nhắc đến lấy chồng, tôi cứ coi như chuyện đùa hay cho là việc còn xa xôi lắm, nên không chút bận tâm. Dù sao tôi cũng hứa qua loa cho chị Nghĩa vui lòng, theo chị khẩn cầu. Vỗ về cho chị ngủ yên, tôi ngồi đó một mình trông chị, hai hàng nước mắt, bấy giờ được buông thả, tuôn ròi lã chã như mưa.

Một buổi sáng chủ nhật, anh Trí vào bệnh viện thăm chị Nghĩa vừa lúc bác sĩ mới thăm bệnh chị xong. Ông bảo anh ra ngoài, cần nói chuyện. Tôi lén theo ra, nghe ông nói với anh:

– Bốn phận bắt buộc tôi nói sự thực...

Mới nghe đến đây, lòng tôi đã rối bời, kinh hoảng. Thoáng một giây, linh cảm đã báo cho tôi biết những sự không lành. Tôi giương to mắt ướm nhòa lệ không biết tự đâu mà rung lên chóng vậy, nhìn miệng hiền từ của bác sĩ, mong mỗi một cách tuyệt vọng rằng những lời ông sắp mang lại cho tôi một vài an ủi.

– Bệnh của chị ông trầm trọng lắm, tôi có thể nói hẳn là nguy ngập. Bà ấy bị lao ruột và thêm có một màng ngăn giữa buồng bên trái quả tim mềm yếu, không đủ đẩy khí để máu lưu thông điều hòa. Vì thế hay bị nhức đầu và sốt thất thường. Tất ấy không thể chữa được. Nó sinh ra có lẽ từ hồi mới lớn, vì cảm xúc nhiều và quá mạnh, như tôi đã nói với ông. Còn bệnh lao ruột thì đã tới thời kỳ cuối cùng.

Một tiếng khóc nức mà tôi không thể giữ nổi làm bác sĩ ngừng lời. Ông ngừng lên, thấy mặt anh Trí cũng chan hòa nước mắt –

không bao giờ tôi yêu quý anh tôi hơn lúc ấy! Ông dường như cũng mũi lòng, nói với chúng tôi bằng một giọng ngọt ngào đầy ái ngại:

– Tôi rất cảm động vì tình thân thiết của mấy chị em ông. Nhưng sức khoa học chỉ có chừng, mà trước những đau khổ tạo hóa gây cho nhân loại thì những tình cảm của ta thật bất lực. Tôi đã hết sức, nhưng được đến vậy thôi. Bây giờ hi vọng chỉ còn độ vài phần nghìn.

Anh Trí rút khăn lau nước mắt, cố trấn tĩnh nói:

– Nếu số phận bắt vậy, chúng tôi đành phải chịu. Dù sao cũng xin cảm tạ ông đã tận tâm cứu chữa chị tôi. Xin ông làm ơn cho biết liệu chị còn sống được bao lâu?

– Tôi không dám nói chắc. May ra được một hai tháng, cũng có thể vài tuần, hay vài ngày cũng không biết chừng... Dù sao, ông cũng nên lo liệu trước. Có lẽ tôi nên khuyên ông đưa bà chị về nhà, chiều nết những ý muốn cuối cùng của bà.

Nói xong, bác sĩ chào chúng tôi sang thăm buồng khác, để hai anh em đứng đó với tất cả những đau buồn ảo não.

Vừa lúc ấy, tôi nghe tiếng chị Nghĩa gọi trong phòng. Tôi vội lau nước mắt, bảo anh Trí làm theo và tươi nét mặt lên để cùng tôi trở vào.

Ngay khi chúng tôi vừa lách mình qua tấm cửa, chị Nghĩa đón chúng tôi bằng đôi mắt sáng bừng, nhìn trân trân với một vẻ hãi hùng kinh sợ, như soi vào mặt chúng tôi để dò xét từng nét đổi thay nhỏ nhặt. Hình như chị đoán hiểu hai anh em vừa nghe bác sĩ nói những lời quan trọng liên quan đến chị. Chị hỏi chúng tôi bằng một câu mà tình thế bấy giờ khiến chúng tôi cảm thấy như một nhát dao cửa mạnh vào giữa vết thương đau:

– Bác sĩ bảo chị không sống được mấy ngày nữa, phải không các em? Nói thật cho chị biết, đừng giấu nữa, vì chị hiểu rồi.

Tôi bủn rủn cả người, chỉ muốn chạy đến ôm chầm lấy chị khóc lên nức nở cho lòng đỡ khổ. Vậy mà không biết sao tôi giữ nổi can đảm mỉm cười, và nói bằng một giọng cố làm ra vui vẻ tự nhiên:

– Không, chị đoán lầm! Trái lại, ông bảo chị đã khá nhiều. Bệnh chị sẽ lui dần, nhưng phải khuyên chị yên tâm tĩnh dưỡng, đừng lo nghĩ thì mới mau khỏi.

Đời tôi chưa bao giờ nói dối bi thương đến thế. Tôi gượng cười trước mặt, gạt nước mắt sau lưng, để chị nuôi thêm được chút lòng tin tưởng. Không biết nên coi đó là một điều may mắn hay một sự thê thảm, nhưng lời tôi không bị nghi ngờ, và chị Nghĩa lại bắt đầu hy vọng.

Có việc này, tôi cũng cần phải kể với bà. Hai em Hiền, Hảo mách với tôi sau hôm ấy, khiến tôi càng buồn. Một việc nhỏ, nhưng quan trọng ở ý nghĩa, vì nó bày cho thấy cái tâm địa và sự giả dối trong cách ăn ở của chị dâu tôi. Trước hết tôi phải nói Hiền và Hảo xưa nay không phải là những trẻ tò mò thóc mách, và tôi tin rằng các em không bịa chuyện, vì các em thuật lại với nước mắt dân dân trên mi. Khi ở bệnh viện về anh Trí kể lại lời bác sĩ cho chị ấy nghe. Lời thứ nhất của chị nói ra là:

– Chết chữa! Đã đến thế mà đưa chị về nhà thì phục dịch làm sao được! Anh bận đi làm, tôi bận cửa hàng, lại việc nhà việc cửa. Mà biết chị còn kéo dài bao nhiêu lâu!

Bấy giờ Hiền và Hảo đang ở buồng thờ, gần chỗ hai người. Thấy Hảo muốn đi ra, Hiền vẫy nó lại, và hai em đứng im nghe nốt. Chị Trí tiếp: “Cứ để chị Nghĩa nằm luôn ở bệnh viện thôi, anh ạ. Tốn kém nằm ở đấy còn đỡ hơn ở nhà rồi ai mách bảo làm sao cũng lo chạy thuốc chạy thang, vì chẳng lẽ còn nước mà không tát? Bác sĩ đã bảo vậy thì ăn thua gì nữa!” Anh tôi đã trả lời thế nào? Anh có cử chỉ gì phản ứng lại sự vô tình lạnh lẽo trong những câu ấy không? Hay mới xúc động mạnh chịu cùng với tôi ở bệnh viện trước mặt bác sĩ, mới xúc động đã khiến anh khóc những giọt nước mắt trong trẻo, đầm ấm mà tôi ghi nhớ như một ơn lòng, nó đã làm anh buồn đến thành tê liệt, không muốn chống chọi lại sự gì nữa chẳng? Tôi không biết. Dù sao, tôi cũng để ý thấy những buổi chị Trí tới bệnh viện đã thưa lại càng thưa hơn, và anh Trí cũng không nói đến sự đưa chị Nghĩa về nhà.

Thành ra trước sau chỉ có tôi săn sóc chị đêm ngày, và ngoài những lúc các em vào thăm chị sau buổi học, cũng vẫn chỉ có riêng tôi bận khoản, buồn khổ, lo lắng cho số phận chị, cho tương lai mờ mịt của các em và tôi nữa. Tôi bắt đầu thấy sự chia ly, còn bi thảm gấp mấy mươi cái đau tử biệt, giữa một gia đình đã là nơi êm ấm xưa kia của những con côی ðùm bọc thương nhau. Đó là do ảnh hưởng của một người chị dâu, một người mà chị em tôi đã đặt hi

vọng vào quá nhiều, đã lắm chọn để gửi gắm hạnh phúc chung tất cả. Chúng tôi có thể làm chi đối lại người ấy, luôn luôn gần gũi anh tôi, miệng kề tay ấp? Nghĩ đến nỗi sẽ phải tranh giành anh với hấn, một người tự đâu len vào cuộc đời chúng tôi, tôi vừa ân hận vừa đau mà không dám hé răng để chị Nghĩa ngờ vực điều gì.

Chị ơi! Chị đã thở hơi cuối cùng một buổi chiều trên cánh tay em, mắt chị mờ những lệ tiếc thương, miệng chị cố gọi tên từng em, đến khi lưỡi cứng và tay đã lạnh chị cũng còn thoi thóp đợi chờ anh Trí ở sở làm về. Chị ra đi với cảnh thảm sầu ảo não của các em thốn thức kêu van in trong trí nhớ, với tất cả mối hận một đời chưa trọn vẹn, nhưng ít ra chị đã không mang theo những nỗi cay đắng âm thầm mà kẻ sống phải chịu đựng ê chề trên đời cô quạnh!...

Bà ơi! Bà làm ơn cho tôi xin bà một ngậm nước. Và bà hãy ngồi lại với tôi thêm chút nữa. Tôi chắc cũng không còn làm phiền bà lâu.

Không, tôi không muốn khóc. Bà đừng nhìn tôi một cách thê thảm thế kia. Bà hãy cầm lấy tay tôi, cho cái ấm áp thấm vào lòng tôi đôi chút. Và bà hãy lặng yên nghe tôi kể nốt.

Vài câu để bà biết rằng từ ngày chị Nghĩa vào nằm bệnh viện và tôi ở liền bên chị, mọi sự quán xuyến việc nhà đều do chị Trí. Chị Nghĩa mất, chị Trí bây giờ không còn ai phải e dè, kiêng nể, dần dần tỏ cho chúng tôi thấy tất cả cái ích kỷ sống sượng, cái thâm ác ngấm ngầm, ẩn sau gương mặt xinh xắn và cái miệng cười tươi tỉnh xưa kia đã khiến chị Nghĩa và tôi tưởng là dấu hiệu của tính hiền hòa. Đối với khách hàng, cái miệng ấy thường nói nhiều câu chảnh hoành, đong đưa, làm cho những người quen thuộc cũ đều ngậm ngùi nhớ tiếc chị tôi và không ai lui tới nữa. Đối với các em, gương mặt xinh không đượm một vẻ thật tình âu yếm bao giờ và lâu dần khiến chúng tôi kinh sợ vì, trước mặt anh tôi, sao nó khéo làm ra dáng điệu âu yếm vậy!

Tôi không muốn kể những sự nhỏ nhặt, những chi tiết đáng buồn xảy ra hàng ngày, những bữa cơm dần dần đơn bạc, chỉ cần một hai món ngon để riêng anh Trí ăn, những áo quần may vải xấu cho các em, những đồ dùng tốt đẹp để vợ chồng anh dùng, và trăm nghìn cái lán át khác, nói ra càng thêm não ruột.

Tôi cũng không muốn thuật lại những nông nỗi bởi đâu mà chị Nghĩa vừa mất được ba năm, em Hiền và Hảo là gái phải thôi học

đã đành, nhưng đến em Sáng mới mười tám tuổi cũng phải thu sách vở, đi tìm việc làm ở một hãng buôn. Cơ sự ấy, ai xui giục nên, hẳn bà đoán hiểu. Nó bày ra như để bắt chúng tôi phải nghĩ rằng miếng cơm manh áo chúng tôi được hưởng là những ơn, do lòng tốt của vợ chồng anh, chứ không phải sự đền trả lao động của chúng tôi đóng góp cùng với ý thức gìn giữ nề nếp một gia đình anh chị em quây quần nương tựa lẫn nhau.

Cũng thôi, không nói những tủi sầu của mấy chị em than thở cùng nhau ở góc sân, xó bếp – vì không được dự vào việc trông nom cửa hàng nữa, tôi lui vào đống cùng hai em Hiền, Hảo, ngày ngày giặt giũ, làm cơm nước và các việc vặt trong nhà.

Cuộc đời thay đổi cứ thế mà đi cho tới khi đến lượt tôi ốm. Lúc mới ho sốt, tôi vẫn gượng. Tôi không muốn phiền anh thuốc thang. Tôi cũng không muốn nghe những câu bóng gió của chị dâu, đại khái: “Có ăn thì phải có làm, chứ nằm dài sao tiện”. Đời tôi, kể từ khi bắt đầu lớn, chỉ những làm lụng để cùng chị Nghĩa thu vén cho anh và các em, tận tụy, không kể đến thân, khác nào một tôi tớ có nghĩa, vậy mà phải nghe lời ấy, liệu còn trời đất nào! Có hôm đang sốt tôi cũng vùng trở dậy ra sân quét dọn dưới mưa. Tôi nuốt hận nghĩ đến mẹ cha, đến tình thương yêu đầm ấm giữa mấy chị em xưa kia mà muốn liều hủy hoại thân, đi theo chị Nghĩa cho xong.

Rồi một buổi sáng, tôi ho ra máu. Trời! Máu đỏ tươi từ trong ngực đưa ra rất khiến tôi rùng mình, nhắm mắt lại cho khỏi nhìn thấy. Các em kinh sợ, ra nói với anh Trí. Anh vừa ngủ dậy, đang ngồi uống nước ở nhà ngoài. Anh gọi:

– Cái Ân đâu?

Tôi chạy ra. Anh nhìn tôi, nói gần như quát:

– Mà làm sao?

Xưa nay anh vẫn nói với các em và tôi như vậy, chứ không dùng tiếng “anh”, “em” bao giờ, quen như ngày chúng tôi còn nhỏ. Mọi khi tôi coi thế là tự nhiên, nhưng sao hôm ấy bỗng dưng tôi thấy tủi. Đó là tại tôi đang bàng hoàng vì vừa thổ huyết, hay tại giọng gắt gỏng của anh tỏ ý bực mình vì lại gặp một việc phải lo? Nước mắt tôi trào ra, và tôi cố ngậm miệng cho khỏi bật ra tiếng khóc.

Anh tôi quay lại, và lần này thì quát hẳn:

– Thì mày làm sao chứ? Nói lên cho tao tìm thuốc!

Vẻ cau kỉnh ấy khiến tôi càng tủi cực vì anh xa tôi quá, và trong thâm tâm tôi lúc ấy bỗng thấy giận anh hơn bao giờ hết. Tôi cứng cỏi trả lời:

– Thưa anh, em không sao cả.

– Thế sao chúng nó bảo mày ho ra máu?

– Đấy chỉ là em chảy máu cam.

Lời tôi giáo hoảnh, lạnh lùng. Anh trợn mắt nhìn, như muốn thịnh nộ, vì lần đầu anh thấy tôi gan góc, có vẻ kháng cự. Anh đánh tôi chằng? Tôi không cần. Tôi sẽ liều để anh đánh, cho nó bỏ. Nhưng anh kìm lại, vừa mặc áo đi làm vừa nói:

– Đã vậy tao mặc! Chúng bay có thân thì lo, tao không biết.

Anh tôi bảo tôi thế đấy. Trước kia, anh có tàn nhẫn như vậy đâu! Ảnh hưởng nào... nhưng thôi, nói làm chi?

Rồi ngày qua, tháng qua. Tôi ốm nặng hơn. Vài chai thuốc ho thỉnh thoảng mua ở những hiệu Đại Quang hay Nhị Thiên Đường không làm lui được bệnh, các em bèn xin với anh Trí đưa tôi xuống cống Vọng. Tôi nằm buồng hạng rẻ tiền nhất, chín đồng một tháng, anh tôi trả. Bác sĩ bảo tôi mắc bệnh lao. Thế là từ đấy, trừ hai em Hiền, Hảo, không ai tới thăm tôi nữa. Trong bốn tháng trời rờn rã, nào chiếu điện, ép phổi, thuốc tiêm, thuốc uống, các bác sĩ săn sóc đến tôi thật đã hết lòng khiến tôi vô cùng cảm động.

Nhưng cũng như chị Nghĩa, bệnh tôi đã đến thời kỳ nguy kịch. Người ta báo cho anh tôi biết để đưa tôi về nhà. Chị dâu tôi bàn với anh – cũng do các em thuật lại – thuê một gian nhà rẻ tiền ở ngoại ô, cho tôi nằm đấy mà chờ chết. Chị lên tận làng Thụy Khê này, tìm gặp bà, thương lượng cho tôi được ở và trông nom, rồi hai ngày một lần, em Hiền mang một thang thuốc bắc lên cho tôi uống, sự thể thế nào thì hơn một tuần nay tôi ở đây bà đã rõ.

Nhưng bà ơi, thuốc thang gì nữa! Cái chết của tôi đã dĩ nhiên, người ta không buồn giấu, tôi còn hi vọng chi trên cõi đời này? Bây giờ là lúc tôi tĩnh tâm xét mình. Tôi muốn thanh toán nợ đời, trước

khi ra đi. Mấy đêm vừa qua, tôi nghĩ nhiều, và những lời tôi nói với bà hôm nay là lời thổ lộ tự đáy lòng. Tôi đã lắng hết buồn tủi, oán hận, tất cả những cái chi u ám, nặng nề, để cho linh hồn tôi nổi lên thanh thoát, chờ lúc cao bay.

Đời tôi thật ngắn ngủi. Tôi mới hai mươi bốn tuổi đầu. Cũng bằng tuổi chị Tần tôi ngày trước. Nhưng chị Tần sống trong cảnh phong túc với tình thương của mẹ cha và chết khi sắp cưới. Tôi, tôi không vướng tình duyên và đã chịu rất nhiều đau khổ. Nghĩa là trong hai mươi bốn năm, tôi đã khóc nhiều, cười ít. Nhưng miễn là đã có cười, tôi vẫn coi đời là êm đẹp chừng nào còn ở trong tình anh chị em yêu thương đùm bọc lấy nhau. Tôi không thèm ước những vui sướng khác mà nhiều chúng bạn cùng lứa tuổi đã được hưởng. Mỗi người theo số phận có một đường đời riêng. Tôi đã đi trọn đường tôi.

Tôi đã góp công sức với chị Nghĩa hi sinh cho gia đình, chủ yếu là anh Trí, để gia đình đứng vững được trên nền tảng cũ. Anh đã làm trái mong ước của chúng tôi. Đó là tại chúng tôi không sớm hiểu anh, hay tại cái giáo dục đã ngăn cách anh với chúng tôi nhiều quá? Tôi không rõ lắm. Dù sao, cũng có thể nói rằng chúng tôi đã cố gắng thực hiện lời hứa với mẹ chúng tôi xưa.

Về phần anh Trí, phải nói rằng anh không hiểu được thấu đáo mọi nỗi thiết thòi chúng tôi đã quen im lặng chịu. Cả nhà xưa nay vẫn bảo anh là người "vô tâm", vì anh có một vẻ trông mà không nhìn, một tính lơ đãng khiến anh không bao giờ để ý sự gì lâu. Anh quen như thế có lẽ vì từ bé đến lớn, anh không phải bận tâm đến việc nhà, yên trí đã có cha mẹ, và sau này có chị và em lo. Ngày còn là học trò, anh thường đi bên mọi cơ cực của chúng tôi, không chia sẻ, vì không biết. Anh có thể vui cười hồn nhiên trên những lo âu âm thầm của chúng tôi, không đoán hiểu. Anh sống theo ý thích hiện tại, và, khi nó qua đi, anh không nhớ nữa. Tính ấy khiến anh có thể vô vấp thân thiết ngay với một người mới gặp, rồi ít lâu sau anh quên chuyện đó. Cuộc đời đối với anh phải là theo một trật tự có sẵn, không bao giờ khó khăn, không bao giờ mắc mứu. Anh coi sự đi làm cũng như một kỳ lên lớp, và từ cái ghế nhà trường đến cái ghế bàn giấy, dưới quyền các giáo sư hay một ông chủ sự, anh vẫn nguyên là người học trò mà các sự may mắn chưa bao giờ làm trái ý trên đường thi cử.

Nhưng dưới cái “vô tâm” ấy, có lẽ nên trách anh sự ích kỷ. Vì thấy mình là cái đích cho cả nhà chiều mến, thấy ý muốn của mình bao giờ cũng được toại dễ dàng, anh tưởng mình sinh ra chỉ để nhận sự săn sóc của mọi người mà không cần phải trả lại. Vì thế anh chỉ yêu mến gia đình chừng nào nó còn thỏa mãn những sở thích của anh. Đến khi nó bắt đầu là một gánh nặng với những bốn phận ràng buộc, nghĩa là khi nó bắt đầu đòi anh đáp lại những công ơn đã nhận, để cho lượt em sau được hưởng, thì anh khó chịu và tìm đường xa lánh. Những thú vui riêng ở ngoài gia đình, cái phóng tâm của anh đối với bệnh chị Nghĩa lúc mới bắt đầu, sự cău kính khi thấy tôi cũng lại ốm theo, thấy đều do tính tình ấy cả. Kể như vậy thì anh đáng chịu một phần lỗi về cái chết của chị Nghĩa ngày trước, và cái chết của tôi bây giờ.

Còn người vợ, chị ta cũng chỉ là người ích kỷ và chị khéo dò những nhược điểm của anh để nâng hứng, xui giục thêm vào. Chị lựa ý chiều anh, để anh được sống nguyên theo khuôn khổ của mình. Chị đỡ cho anh cái nặng nhọc phải lo tính việc nhà, những việc mà xưa nay anh không hề vướng bận. Nhưng đáng lẽ lo sự vui vầy, êm đẹp, thì chị như con dao bén khéo luôn lách cắt đứt những ràng buộc còn lại khá mỏng manh trong lòng anh Trí, thúc đẩy cho sự phân tách mau thực hiện và bày ra cảnh thảm thê, ly tán. Như thế lợi cho hai vợ chồng, nhưng gia đình to tan vỡ để nhường chỗ cho gia đình nhỏ.

Bà ạ, người ta bảo con chim khi sắp chết thì kêu thương. Nó tiếc đời, tiếc cảnh trời mây cao rộng, tiếc cái tổ ấm êm chẳng? Tôi, tôi không có chi để mà tiếc cả. Tôi sẽ buông xuôi tay nhẹ nhõm, không ân hận điều gì, vì tôi đã vẹn một kiếp hy sinh, cũng như chị Nghĩa. Tôi chỉ thương hại các em tôi. Đời chúng sẽ ra sao? Tôi bảo hai em gái nên liệu lấy thân, như lời anh Trí đã nói hôm nào để khỏi bị cái kết liễu buồn rầu như tôi đây nữa. Nhưng các em còn nhỏ dại, hiểu sao hết những niềm cay đắng ngụ trong lời tôi. Tôi chỉ hết sức cầu mong cho đời các em may mắn hơn đời các chị, mình có phần đóng góp cho người thì cũng sẽ được người đáp trả lại xứng đáng, và ai nấy đều sống để thương yêu nhau.

Giờ của tôi đã đến. Hôm nay là ngày thứ bảy, phải không bà? Tôi rét lắm. Ngoài trời có mưa không? Chiều hôm nay có thể anh Trí đang xoa mặt chước, chị Trí đang làm cơm thết bạn đến xoa. Các em

tôi chắc không đến thăm tôi vào giờ này đâu, còn anh chị Trí, có chăng thì cũng sẽ là sau khi biết tôi không còn nữa. Hẳn là tôi không chờ được. Bà cho tôi nắm tay bà nữa nào!... thế... tay bà truyền hơi nóng sang cho tôi... cảm ơn bà... cảm ơn bà đã nghe chuyện tôi, chuyện đời riêng, không có gì lạ lùng đặc biệt, của một cô gái sống tù hãm trong gia đình và chết làm nạn nhân của gia đình. Tôi đã được nói. Lòng tôi đã hả. Bây giờ tâm hồn tôi yên tĩnh. Tôi không ao ước chi hết. Người ta chôn cất tôi thế nào cũng được, tôi không quan tâm. Duy có điều này, tôi muốn nhờ bà: xin bà nói giúp tôi gửi lại tình thương cho các em tôi. Còn với anh Trí, tôi chỉ trối lại một câu, là: “Tôi tha thứ cho anh”.

Vâng, tôi tha thứ tất cả mọi điều cho anh. Và cho cả vợ anh. Linh hồn tôi sẽ không làm một bà cô tác quái. Không, nếu đã có lúc vì đau khổ mà tôi trót oán hận thì bây giờ đây, tôi xin trút bỏ hết những tình cảm thiêu đốt ấy. Tôi ra đi lòng thanh thản, như nét mặt tôi lúc này nói với bà những lời ân tình vĩnh biệt.

Rồi đây, mỗi khi ngồi một mình, bà thấy gió hiu hiu quanh quẩn, thì tức là tôi đấy. Xin bà đừng sợ. Bà đã biết tôi, thương tôi, tôi chỉ về để được gần bà, phù hộ, đền ơn bà...

Tháng mười năm 1940

Bản thảo do chính tác giả cung cấp.

LAN KHAI

Tên thật là Nguyễn Lan Khai, quê ở Tuyên Quang. Ông bắt đầu viết văn cho tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy* từ năm 1938 và là cây bút chủ chốt của nhà *Tân Dân*, từng làm Tổng thư ký biên tập báo *Tao đàn*. Ông mất năm 1946.

Tác phẩm đã xuất bản của Lan Khai (1906 – 1945):

- *Ai lên phố Cát*, Phổ thông bán nguyệt san (do Tân Dân – H, xuất bản) số 4.
- *Chiếc ngai vàng*, P.T.B.N.S số 9.
- *Cái hột mận*, P.T.B.N.S số 14.
- *Gái thời loạn*, P.T.B.N.S số 20.
- *Liếp li*, P.T.B.N.S số 24.
- *Tiếng gọi của rừng thẳm*, P.T.B.N.S số 45, 16-10-1939.
- *Bóng cờ trắng trong sương mù*, P.T.B.N.S số 50.
- *Hồng thâu*, P.T.B.N.S số 57.
- *Cưỡi đầu voi dữ*, P.T.B.N.S số 64.
- *Tiếng khóc trong sương*, P.T.B.N.S số 72.
- *Cánh bướm thoát tục*, P.T.B.N.S số 79.
- *Đỉnh non thần* (I và II), P.T.B.N.S số 91 và 92.
- *Theo lớp mây đưa*, P.T.B.N.S số 103.
- *Tình ngoài muôn dặm*, P.T.B.N.S số 112.
- *Cô Dung*, Nhà xuất bản Tân Dân, H, 1938.
- *Lâm than*, Nhà xuất bản Tân Dân, H, 1938.
- *Truyện đường rừng*, Nhà xuất bản Tân Dân, H, 1940.
- *Mực mài nước mắt*, Nhà xuất bản Đời mới, H, 1941.
- *Suối đàn*, Nhà xuất bản Cộng Lực, H, 1941.
- *Rỡn sóng Bạch Đằng* (viết chung với Nguyễn Văn Tố), Duy Tân thư xã, H, 1941.
- *Tội nhân hay nạn nhân*, Nhà xuất bản Kiến thiết, H, 1942.
- *Tội và thương*, Nhà xuất bản Hương Sơn, H, 1942.
- *Nàng*, Nhà xuất bản Hương Sơn, H, 1942.

Truyện dịch:

- *Bức thư của người không quen* (dịch của Xtêphan Xvaigơ), Editions Choisies, H, 1940.

Phê bình văn học:

- *Lê Văn Trương*, Nhà xuất bản Minh Phương, H, 1940.
- *Vũ Trọng Phụng*, Nhà xuất bản Minh Phương, H, 1941.

LÂM THAN

(Tiểu thuyết - Trích)

LAN KHAI

Lâm than do Tân Dân xuất bản, Hà Nội, 1938; là cuốn đầu tiên trong tủ sách *Những tác phẩm hay* của nhà xuất bản này.

Thuật là thợ mỏ ở Hồng Gai. Bố anh cũng là thợ mỏ lâu năm, thường rượu chè cờ bạc, còn mẹ anh sống thâm lặng nhẫn nhục. Cuộc sống cực nhọc tăm tối cứ thế trôi đi. Người thợ mỏ làm việc thật vất vả trong không khí ngột ngạt dưới hầm lò, luôn luôn bị những tai nạn hiểm nghèo đe dọa: hơi ghidu nổ, sụt lò, ngập lò... Khổ quá, họ chỉ biết lặn vào quán rượu, chiếu bạc, về nhà lại hành hạ vợ con. Tép là một nữ công nhân trẻ, xinh đẹp, mẹ ốm nặng nên phải đến vay tiền cai Tứ. Thằng cai thầu đều cái đã lập mưu bố trí cho chủ mỏ hãm hiếp cô. Từ đó, Tép bị mọi người ghét bỏ, khinh rẻ, nhưng Thuật rất thông cảm và thương cô. Bố anh cũng thương Tép, quyết định cưới cô cho con trai. Rồi ông ốm nặng phát điên và chết. Thuật và Tép lấy nhau. Họ sống nghèo túng nhưng khá hạnh phúc. Nhà họ thường là chỗ tụ họp của anh em thợ. Có lần, Dương - một thợ mỏ trước ở Vàng Xanh - kể chuyện cho mọi người nghe về cộng sản ở Vàng Xanh và giải thích cho họ về chủ nghĩa cộng sản. Chủ mỏ gặp Tép vẫn thèm muốn chiếm đoạt cô. Cai Tứ thực hiện âm mưu của chủ, hãm ban ơn cho Thuật. Hãm lại mời Thuật đến, khoản đãi sâm banh, thuốc phiện, rồi gạ anh hiến vợ cho chủ. Giận quá, Thuật đánh cai Tứ. Bỗng chủ bước vào đẩy Thuật ra, anh đánh cả chủ... Sáng hôm sau, cả bọn xông đến bắt Thuật. Trong khi Tép chạy theo kêu khóc thì anh em thợ và bà con kéo đến, rất cảm phần. Ít lâu sau, Thuật ra tòa. Anh bị khép vào tội vu khống, ăn cướp, hành hung, bị án tù. Thuật uất ức vô cùng. Tép ở nhà cũng đau đớn quá. Giữa lúc đó thì cai Tứ lại đến, dỗ dành chị lên với chủ. Không ngờ hãm có thể đến mức ấy. Tép trở nên "dữ dội phi thường". Chị giật phăng lấy tập giấy bạc và ném vào mặt cai Tứ:... - "Bước ngay đi, đồ chó!"

Lâm than là cuốn tiểu thuyết đầu tiên đã đi sâu miêu tả khá chân thực đời sống khổ cực tăm tối của công nhân mỏ, đồng thời vạch trần bộ mặt tàn ác, đều cái của bọn chủ mỏ và tay sai. Đặc biệt, tác giả đã thấy được bản chất lương thiện, trong trắng, tình cảm hữu ái giai cấp đẹp đẽ của người thợ mỏ, dù cho lắm khi họ sống thô lỗ cực cần, rượu chè, cờ bạc bê tha. Trong

Lâm than có thấp thoáng bóng dáng người cộng sản, nhưng tác giả chưa thật hiểu biết về cách mạng nên những lời lẽ nói về chủ nghĩa cộng sản còn nhiều tính chất sách vở và quá thô sơ; sự phản kháng của mấy nhân vật chính vẫn chỉ là tự phát, bấp bấp. Hình ảnh cuộc đấu tranh hùng tráng của công nhân mỏ vẫn chỉ nằm trong giấc mơ của nhân vật Tép. Ngòi bút miêu tả của tác giả nói chung chân thực nhưng có nhiều chỗ còn sơ lược hoặc sống sượng, tự nhiên chủ nghĩa.

Lâm than đánh dấu sự chuyển biến nhất thời của một cây bút lãng mạn thoát ly, do những ảnh hưởng tích cực của sách báo cộng sản và phong trào thời kỳ Mặt trận Dân chủ. Lâm than xứng đáng được coi là một tác phẩm hiện thực có giá trị đương thời.

Dưới đây trích các chương II, XII, XIII, XIV, XV.

II

Thuật ra tới cửa lò thì cai Tứ đã có đấy rồi, đang cất đặt công việc cho phu làm.

Nhận xẻng cuốc và đèn xong, Thuật cùng năm người phu khác làm chung một lò cùng đứng cả vào trong lò, một thứ thùng gỗ vuông bề cao chừng tám mươi phân tây và trên miệng có dây sắt buộc liền vào máy trục, nom y như dây quang vậy. Máy bắt đầu chạy, lò từ từ bị nhấc bổng rồi từ từ bị nhả sâu xuống lò. Tới đất, sáu người vác xẻng cuốc leo ra ngoài, đoạn vào một cái hầm vuông ăn vào trong lòng một ngọn gò đất sỏi. Chiều cao cái hầm độ thước tám, rộng chừng hai thước có nhiều khúc gỗ chống cho đất khỏi sụt.

Tuy mỗi người tay đều cầm một chiếc đèn mà thoát đầu Thuật cũng choáng váng, thấy mình vụt như bị mù cả hai mắt, không nhìn ra vật gì nữa. Thuật thoáng nhớ lại những truyện ghê gớm, thật là những tấn thảm kịch, mà anh ta đã nhiều lần nghe nói xảy ra ở trong lò. Nào là cái hơi ghidu¹ nổ dữ như trái phá. Nó không có một dấu hiệu gì báo trước cho người ta khả dĩ biết mà phòng bị. Nó là cái hơi bốc ở than ra và hề bắt lửa là nổ liền. Có một lần, chính Thuật đã được xem các người bị nạn, bọn phu mỏ đang cuốc than thì một tiếng nổ vụt bùng ra như sét, làm cho than, đá bắn vung lên... Tất cả bọn phu đều chết không những bởi các mảnh than vụn, đá vụn

1. Ghidu (grison): khí nổ trong hầm lò.

bắn vào người như mảnh trái phá mà còn bởi cái hơi ghidu thui chín như. Lúc người ta lòi được các nạn nhân ra thì anh nào anh nấy quần áo đã cháy hết, thân thể trương to lên, nứt toác ra và đen thui như lợn nhà cháy, không còn phép tiên nào chữa được nữa. Nào cái nạn sục lò. Những khúc gỗ chèn nếu không thay mới luôn thì thường bị mục nát, không đủ sức chống đỡ sự đè ép của ngọn gò ở trên thành thử cái nạn sục lò xảy ra, cũng ghê gớm chẳng kém gì cái nạn ghidu nổ. Nhiều bận, phu lò đang cuốc than thì đất sục, đè họ bẹp gí như chuột bị cạm hoặc sục ở phía ngoài, lấp hẳn lối ra khiến bọn phu phải ngạt thở. Nào cái nạn bị ngập lò. Ở dưới đất thường có những túi nước ngầm không ai biết. Phu mỏ cuốc than, nhờ cuốc phải túi nước thế là cả lò bị ngập trong nháy mắt, bọn người lao động chết đuối vì không ai chạy kịp.

Những tai nạn như thế không phải là chuyện hiếm và tuy cuộc đời họ chẳng có gì bảo đảm cho, bọn phu vẫn cứ phải lặn lưng vào mà làm. Loài người chẳng thường bị đối rét nó hãm vào một tình cảnh trái ngược: vào chỗ chết để giữ lấy sự sống đó ru?

Thuật sợ lắm, chỉ muốn lên ngay trên mặt đất, ra khỏi cái địa ngục tối om này, nhưng Thuật lại tự hỏi:

– Ra về rồi làm gì?

Những cảnh thiếu thốn, khổ sở trong gia đình, những nông nỗi mẹ, chàng ngấm ngấm lo sợ vì quanh năm suốt tháng luôn luôn cứ phải xoay xỏa với một số tiền lương chẳng bao giờ đủ lại hiện ra trước mắt Thuật với những nhời hạch sách, quát tháo, chửi bới của ông bố Thuật văng vẳng bên tai anh chàng. Thuật không dám nghĩ ngợi do dự nữa. Anh quả quyết theo bọn phu vào lò...

Lần theo ánh sáng lập lờ của chiếc đèn dầu sỡ, Thuật bước vào con đường ẩm ướt... Vừa vào được chừng độ mười thước tây, Thuật đã khó thở, cảm thấy trên ngực như có một vác nặng gì nó đè ép. Là vì không khí trong lò phần hâm hấp nóng và đầy những hơi nước, phần sặc sụa những mùi khói đèn, mùi phân của bọn cu li tưng bí phóng bừa cả ra hai bên lối đi. Ba bề bốn bề, thành lò đều gỉ ra một thứ nước đen tong tỏng, nhớp nháp, ghê tởm quá chừng. Sức lực đến như Thuật mà chỉ trong vòng mười lăm phút, toàn thân đã mệt mỏi rã rời, đầu nặng như đội cối đá, hơi thở nặng nhọc, hai chân tê buốt cóng hẳn đi... Thuật còn nhớ người ta nói rằng những người nào yếu vào lò thường ngất đi vì không thở được...

Đang lúc Thuật phân vân thì một tiếng còi bỗng như xé bầu không khí hôi thối ẩm ướt... Bọn phu lò nhảy giạt cả sang hai bên, ép mình vào thành lò như mấy con nhái bén. Thuật hoảng kinh, cũng làm theo chúng bạn nhưng vẫn chưa hiểu rõ đầu đuôi tại sao thì rầm rầm, rầm rầm, một chuỗi goòng sắt chạy lướt qua như bão táp... Thuật quáng mắt, váng đầu. Anh sợ nhủn người vì nếu chỉ chậm chân một phút nữa thì anh đã bị goòng đè gãy xương nát thịt rồi!...

Từ lúc ấy, Thuật luôn luôn để tai nghe ngóng. Hơi một tiếng động khác thường cũng làm cho Thuật hoảng hốt nhảy rạp vào bên đường. Chúng bạn khúc khích cười và chế giễu:

– Nhất như con gái ấy thì ở nhà mà nấu cơm gánh nước có hơn không?

Thuật thẹn cúi đầu không nói.

Đến chỗ làm. Ai nấy treo đèn rồi bắt đầu vào việc.

Người khỏe nhất và thạo nhất trong đám đứng lên trước, vừa cuốc vừa dò mạch than. Các người khác chia nhau từng khoảng, hện phải cố làm cho được việc.

Thuật ra sức cuốc, cố làm để được nhiều than vì cùng một công làm. Toàn thân anh ta nóng bừng lên, lại thêm không khí trong lò nóng sừng sực, khiến anh phải cởi bỏ cái áo mới chịu được.

Thấy Thuật làm khỏe, người minnơ¹ quay lại bảo một anh trong bọn:

– Anh Nhỡ đâu, xúc than vào goòng đi, để anh Thuật cuốc. Làm như thế thì ăn công nhì mới đáng chứ làm như gãi ngứa thì than đá nó buồn gì!

Nhỡ, một anh phu gầy còm, cử động lẩy bẩy, lẳng lẳng cầm xẻng xúc than đổ vào goòng. Anh ta không nói gì nhưng cứ cái liếc trộm của anh về phía người bạn mới. Thuật cũng đủ hiểu là anh ta không bằng lòng.

Thuật cảm thấy một sự buồn thương và ngượng nghịu. Anh đoán trước kia Nhỡ cũng đã khỏe mạnh lắm, ngực cũng nở như ngực anh; bắp chân bắp tay cũng to và rắn như bắp chân bắp tay của anh. Nhưng vì lâu ngày làm vất vả quá mà ăn uống không đủ, vì số lượng

1. Minnơ (mineur): thợ mỏ.

hằng tháng của anh còn phải dùng để nuôi cả gia đình anh nữa. Vì thế mà người anh mỗi ngày một gầy mòn, ốm yếu đi như thế. Thuật phàn nàn cho Nhỡ rồi lại vợ vẫn nghĩ đến mình. Ừ, một ngày kia, mà cái ngày ấy thì chắc chắn thế nào cũng tới. Thuật sẽ lại như Nhỡ bây giờ chứ không khỏi được. Người ta có phải là sắt đá đâu. Ngay đến sắt đá cũng mòn nữa là!

Thuật dừng tay bảo Nhỡ:

– Tôi cũng nghèo khổ như anh em mới phải đem thân đi làm vất vả thế này, chứ còn nước non gì mà bảo tranh hơn tranh kém.

Thuật nói thế là cốt để Nhỡ khỏi nghĩ kia khác. Thuật không muốn cùng một tụi với nhau lại còn có sự bất hòa. Nhưng, anh chàng Nhỡ, đang lúc bực mình, đâm ra hiểu lầm ý tốt của Thuật:

– Anh tranh thế dếch nào được! Việc anh, anh làm; việc tôi, tôi làm. Anh làm nhiều thì anh ăn nhiều; tôi làm ít thì tôi ăn ít. Tôi không thèm tranh đua với anh.

– Ô hay! Anh này mới nóng nảy chứ! Tôi nói thế không phải à?

Thấy hai bên có ý lời thôi, minnơ hét:

– Cãi nhau cái con khí! Không làm đi cho xong mà về à? Ông cho đến giờ mà không đủ than, cai nó lại không phạt cho bỏ mẹ ra ấy!...

Thuật nín lặng và lại cầm cuốc làm việc. Trong khi ấy, Nhỡ cũng xúc than vào goòng nhưng miệng vẫn lẩm bẩm nói những gì không rõ.

Goòng than đã đầy, Nhỡ và một người nữa đẩy ra ngoài cửa lò để máy trục lên mặt đất.

Người minnơ giục:

– Làm đi! Làm dấn đi, còn những sáu goòng nữa kia đấy! Thế nào cũng cố sức làm cho chóng xong để về chứ vùi đầu trong xó tối này khổ lắm!

Minnơ vừa dứt lời thì một anh trong bọn vội vàng vút cuốc chạy phá ra một chỗ như ma bắt.

– Thông! Đi đâu đấy?

Thông vừa chạy vừa đáp:

– Xin phép bác, em tự nhiên đau bụng quá!

Thế là mấy phút sau, không khí trong lò lại thêm nồng nặc một mùi ghê gớm.

Minh nhớ toẹt một bãi rồi lăm bâm chửi bâng quơ:

– Tiên sư khi!... Cứ đau bụng với đau bao mãi thì đến bố người ta cũng phải chết!

Thuật bật cười, tuy tình thế chẳng có gì đáng cười cả.

Minh phát cáu, quay lại hỏi vặn:

– Anh cười cái gì?

Thuật lúng túng:

– Tôi buồn cười anh chàng Nhỡ hay cáu...

– Cáu sằng thì làm đéch gì cái tính ấy! Làm đã chẳng được, thấy người ta làm lại đâm ghen hão!

– Anh ta trước hình như cũng sức lực lăm thì phải.

Minh vừa cuốc vừa trả lời:

– Phải, trước kia Nhỡ cũng sức vóc như anh. Nó làm ít ai theo kịp nhưng từ khi vợ nó bị goòng đê chết, nó buồn đâm ra rượu chè hút sách nên người nó mới gầy mòn đi như thế!...

Lặng im một phút, minh tiếp theo:

– Vợ nó lại đang chữa gần đến tháng đẻ mới thăm chứ!

– Chị ta nặng nề thế thì nghỉ nhà có hơn không?

– Hừ! Nghỉ nhà thì lấy gì mà ăn!

– Lương anh ta lại không đủ cho hai vợ chồng hay sao?

Minh chống cuốc.

– Anh làm như người ta ở lỗ nẻ chui lên không bằng! Còn cha còn mẹ ở nhà quê nữa chứ? Còn họ hàng làng nước, còn sủu thuế tạp dịch, dễ thường ỳ ra được đấy!

Thuật nín lặng. Vì chính những lẽ mà bác minh viện ra ấy nó cũng đương hành hạ anh và bó buộc anh phải đâm đầu vào cái hầm ảm thấp tối đen này.

Minh nhìn Thuật đoạn khẽ thở dài:

– Chẳng qua vợ Nhỡ số nó phải chết thảm hại như thế! Người ta rút đến số thì không nói mạnh được!

Cái ấy Thuật đã nghe thấy người ta nói nhiều lần và chính Thuật cũng nói đến nhiều lần. Nhưng có lẽ vì câu chuyện thương tâm kia nên Thuật lần này nghe minh nói đến số, anh ta không lấy làm thỏa, cảm thấy trong lòng tức tối, khó chịu thế nào ấy.

Thuật lăm bằm:

– Số hệ con chó gì mà lại số hệ như thế!

– Bác không tin à? Tôi thì tôi tin người ta hay dở đều do số hệ cả!

– Nhưng số gì lại phân ra kẻ giàu người nghèo? Kẻ giàu thì ăn không hết, tha hồ vung tay quá trán; kẻ nghèo thì thiếu cơm thiếu áo, suốt đời khổ cực...

– Đó tôi tưởng cũng do một lẽ tiền định. Và lại tôi thấy người ta nói rằng kẻ nào kiếp trước ăn ở phúc hậu thì kiếp này được sung sướng. Kẻ nào kiếp này ác nghiệt thì kiếp sau phải khổ sở. Điều ấy có thể tin được.

Thuật lác đầu:

– Nói thì vẫn thế nhưng câu chuyện nó vẫn mơ hồ thế nào ấy. Tôi chẳng thấy chán vạn đũa ác như hùm mà vẫn sung sướng đó ư? Tôi thì tôi cho rằng...

Thuật lúng túng không biết nói hết câu như thế nào vì các tư tưởng của anh ta đều lộn xộn không có chút hệ thống nào hết. Anh ta không nói được nhưng anh ta vẫn tím tím khó chịu vì một ý tưởng gì nó sạ sục trong đầu anh.

Một lão già nói chen một câu buông thông:

– Tôi thì tôi chẳng tin số lý gì hết. Tôi cho ở đời này kẻ thành nào khôn và khỏe là thằng ấy được, thằng nào khù khờ, hèn yếu là thằng ấy chết!

Minh hỏi đùa người phụ già:

– Thế cụ khôn hay dại?

– Chẳng dại, chẳng hèn lại phải rúc vào đây làm như con chuột cống ấy!

Cả bọn phá lên cười.

Chiếc xe goòng vào ra đã bốn lượt.

Minh đặc chí reo:

– Bốn goòng rồi! Còn ba goòng nữa là các bố ăn xu!... Mau lên anh em!...

Những nhất cuộc trở nên hăng hái; mảnh than bắn tung tành.

Giữa lúc ấy, cai Tứ xuống lò xem công việc.

Ai nấy dừng tay và cất tiếng chào:

– Lạy ông ạ!

Không đáp, Tứ hỏi:

– Được bao nhiêu rồi?

Minh sư đáp thay cho mọi người:

– Thưa ông, xe ra bốn goòng rồi. Còn chỗ này cũng được độ goòng rưỡi nữa.

– Còn goòng rưỡi nữa là xong công việc, giải đây!

– Thưa ông bây giờ độ mấy giờ?

– Lúc tôi xuống đây thì vừa đúng một giờ.

– Vậy chỉ ba giờ là chúng con xong việc.

– Phải, cũng chỉ độ thế. À, Thuật đâu?

– Dạ.

– Minh sư, Thuật làm khá không?

– Bẩm, anh ta cuộc khỏe và khéo lắm!

– Thế à? Thế thì cho Thuật ăn công nhé.

Thuật sung sướng:

– Cảm ơn ông.

Cai Tứ quay trở ra.

Minh sư lẩm bẩm:

– Thành công làm cho thành ngay ăn! Ăn thế mà nó có thí bỏ cho một chút mình đã phải cảm ơn cảm huê rồi rít!...

Lão phu già nói:

– Thế cho nên lão cho rằng chẳng có số lý cóc khô gì hết! Anh nào lấu cá là anh ấy được phần hơn.

Thuật lắng nghe. Tuy anh không thích hai tiếng lấu cá mà câu nói của lão già anh vẫn chịu có một phần đúng nó làm cho sự bức tức trong người anh như nhẹ được vài phần.

– Phải, cụ nói phải. Mình cũng biết thế đấy nhưng làm quái gì được!

Lão già khề thấp giọng xuống như người nói một chuyện gì bí mật, hai mắt liếc ra phía cửa lò:

– Bây giờ lão ta rích lắm! Tậu bao nhiêu ruộng ở nhà quê lại những bốn cô vợ!

XII

Ngày giờ đi vùn vụt, thấm thoát ông già Tị chết đã được ba năm. Mẹ Thuật và mẹ Tép cũng lần lượt kéo nhau sang thế giới khác cả.

Bây giờ Tép không đi làm nữa vì cô bận có đứa con thơ mới ngót ba tháng.

Sự ăn tiêu trong nhà không nặng nề lắm như trước nên Thuật càng đáng việc đi làm một mình còn để vợ ở nhà xem con và xem cơm nước.

Cảnh gia đình hai vợ chồng trẻ rất hòa thuận và trong cuộc đời lắm than, nhiều người đã bắt đầu nói đến cái cảnh vui vẻ của vợ chồng Thuật như nói đến một cảnh thiên đường.

Sáng sớm tinh sương, còi nhà máy rúc vang hồi thứ nhất thì Thuật trở dậy rửa mặt mặc áo. Tép đã sửa xong cơm nước cho chồng ăn.

Thuật ra lò rồi thì Tép lo giặt giũ áo, tã cho con, quét dọn nhà cửa, khâu vá hoặc nếu con ngủ thì cô đem thùng ra giếng quấy vôi lấy vài gánh nước.

Đến lúc Thuật ở lò về thì mọi việc đã xong đâu vào đấy. Thoạt vào tới cửa, anh đã được đón tiếp bằng cái nụ cười tươi như hoa của vợ anh. Anh sung sướng nhận thấy cửa nhà, đồ đạc ngăn nắp, sạch sẽ nó làm cho anh sống ở trong cảnh lều tranh vách đất mà vẫn được thở hút một thứ không khí dễ chịu.

Anh rửa ráy chân tay xong thì lên nhà đùa với con để cho vợ làm cơm tối.

Bọn Dương, Thông và lão già Mẫn cũng đến chơi nhà Thuật luôn. Anh em thường bày ra những cuộc rượu chè, hút sách để cùng nhau trò chuyện, lắm bận mãi khuya mới về.

Thuật hết sức làm cho bạn vui lòng nhưng riêng phần anh thì không say sưa bao giờ cả; còn đến thuốc phiện thì tuyệt không.

Thông vẫn thỉnh thoảng nói khích Thuật:

– Làm đàn ông mà không dám ngậm đến cái đầu dọc tẩu thì là hạng đàn ông tồi hoặc sợ vợ!

Thuật chỉ cười và đáp:

– Người ta có vợ để mà sợ chẳng hơn nhiều anh chẳng có vợ, đêm đêm nằm co tằm một mình trong ổ rơm ấy à?

Dương gật gù nói:

– Cái cảnh của chú nó thế mà sướng! Ở đời này chẳng gì bằng được khỏe mạnh để làm kiếm miếng ăn. Trong nhà thì vợ chồng hòa thuận nhau, không xảy ra những cảnh lòi thối cãi cọ. Thực, tôi thấy lắm cảnh vợ chồng mà sợ. Thành đàn ông đi làm cả ngày như con trâu cày thế mà hễ thò mặt về đến nhà thì con vợ miệng đã ngoạc đến mang tai, nói như thiên lôi bát sát! Lắm nhà được chị vợ nét na nhu mì thì lại phải anh chồng trái chứng trái thói, nghiện ngập, chè rượu, cờ bạc, trai gái đủ ngón, lại còn hay sinh sự chửi bới là khác nữa.

Tép cười, nói chớ:

– Anh biết thế mà anh còn cứ hút thuốc phiện mãi vào!

– À, tôi lại khác! Tôi đã nhất định không vợ con gì cả!

– Suốt đời anh cứ thế hay sao?

– Phải, suốt đời tôi cứ trơ thổ địa thế này thôi, chẳng vợ chẳng con gì hết!

– Có! Anh nói thế nghe vẫn dễ nhưng...

– Chẳng nhưng nhieć gì cả. Tôi nhất định thế là cứ thế. Tôi nghĩ kỹ rồi. Tôi không cùng một ý với mọi người.

Thuật hỏi:

– Anh nói thế nào, tôi không hiểu!

Dương nhìn Thuật, nửa như giễu cợt, nửa như thương hại:

– Chú hiểu anh thế nào được!

Thuật nhũn nhận đáp:

– Vâng, tôi thì thực thà lắm. Bởi thế nên mới cần anh giảng rõ cho tôi nghe xem ý anh nó ra làm sao.

– Ý tôi là cái ý một thằng chán đời. Tôi nghĩ rằng cha mẹ tôi đẻ ra tôi ra chẳng cho tôi được học hành gì cả, đến nỗi ngày nay tôi chỉ có thể là một thằng phu mỏ, một thằng phu mỏ suốt đời phải làm như một con súc vật, sống như một con súc vật. Tôi thấy lắm đứa ở làng tôi, ngày bé cũng đi chăn trâu chăn bò, đùa nghịch với tôi ở

ngoài đồng, trí khôn của chúng nó cũng chẳng hơn gì tôi thế mà chỉ vì cha mẹ chúng nó lăm tiền cho chúng nó ăn học, bây giờ làm nên cả. Thằng thì ông phán a. Thằng thì ông ký a. Lại có một thằng tên gọi là thằng Mốc, ngày bé thò lò mũi xanh, bản như chó thế mà không hiểu nó làm ăn ra thế nào nay đã đường hoàng một ông tuần phủ, về làng làm như hét ra lửa ấy!...

Ngửa cổ tợp một hơi rượu, Dương thờ dài, nói tiếp theo bằng một giọng đầy phân uất:

– Còn tôi? Phu mỏ mãi đời phu mỏ!... Tôi nghĩ cái số phận mình nó đã ra như thế thì còn thiết đêch gì vợ con nữa. Lấy vợ về để đôi rách với nhau một lũ ấy à? Để con ra để sau này lớn lên lại chui vào lò làm phu mỏ ấy à? Thôi, tôi xin kiếu!

Lão già Mẫn vỗ đùi ra dáng thú vị lắm.

– Chí phải! Bác Dương nói chí phải! Chính tớ cũng nghĩ như vậy!

Thuật giụi cái tàn đóm vào thành bát điếu, thùng thẳng nói:

– Tôi thì tôi cho rằng việc đời khó hiểu lắm! Mình sinh ra đời chẳng nhẽ không làm như người ta...

– Chẳng nhẽ! Ấy chỉ chết vì cái chẳng nhẽ đó thôi! Đã làm một việc gì mà chẳng nhẽ không làm thì tức là mình bó buộc mình. Tôi, tôi rất ghét sự bó buộc!

Tép nói giọng dàn hòa:

– Người ta sướng khổ là do số cả. Tôi chẳng thấy lắm con nhà nghèo mà cũng làm nên nhan nhản đầy thôi!

Dương cãi:

– Trong một nghìn đứa con nhà nghèo khổ dốt nát, cô thấy có mấy đứa làm nên? Một hay hai đứa? Bất quá một hay hai đứa là cùng! Còn bao nhiêu đều cứ cực khổ suốt đời như một đàn chó. Ở đời này chẳng có số hệ gì cả. Tôi...

Tép cũng không chịu:

– Không tại số thì anh bảo tại lẽ gì mới được chứ?

– Cô là đàn bà, tôi nói ra chưa chắc cô đã hiểu!

– Gớm, anh khinh đàn bà vừa vừa chứ! Anh thử cứ nói đi tôi nghe nào.

– Sở dĩ ở đời có kẻ giàu người nghèo là bởi loài người bóc lột

nhau để chiếm làm của riêng. Đứa nào xỏ lá, gian xảo thì thường thường cướp được nhiều lợi. Đứa nào ăn ngay ở thẳng thì dù có làm bỏ cha bỏ mẹ đi cũng vẫn cứ xác xơ. Tiền của đã hơn kém thì tự khắc sinh ra có kẻ làm thầy để đê nén, có kẻ phải làm đầy tớ để chịu đê nén và trăm nghìn sự không công bằng cũng do đấy mà ra. Hãy lấy ngay cái mỏ than này làm thí dụ. Tôi hỏi cô: Ai làm ra than? Chúng mình. Ai đúc nên máy? Chúng mình. Ai lau chùi giữ gìn những máy móc? Lại cũng chúng mình. Chúng mình làm ra hết cả. Chính bọn mình đã đem mồ hôi nước mắt mà xây dựng cái mỏ than này. Ấy thế mà cái mỏ này lại không phải là của mình mới tức chứ! Than làm ra bao nhiêu bán được lợi chủ đều thu cả, ăn ngập mày ngập mặt lên rồi còn thừa thối đồng nào mới đến phần bọn ta!

– Anh nói thế, tôi không chịu! Chủ người ta không bỏ vốn ra hết trăm ấy nghìn khác thì chúng mình làm trò gì được? Sao bọn phu mỏ không vào rừng hoang mà tự mình khai mỏ lấy than, kềm đem bán lấy tiền chia nhau có được không, việc gì còn phải đi làm thuê nữa!

Dương cười ha hả.

– Ủ, cô em cái khá đấy!...

Tép đỏ mặt.

– Khá hẳn chứ lại!

– Nhưng anh hãy hỏi cô nhé?

Tép tự đắc:

– Vâng, anh cứ hỏi.

– Tiền vốn kia ở đâu mà ra? Có phải là cái tiền chính bọn mình làm ra nhưng bọn chủ nó ăn cướp mất không?

– Anh làm chủ xem anh có ăn cướp như thế không?

– Ấy chính thế mới khốn nạn. Chính cái thói chiếm đoạt làm của riêng ấy nó là nguồn gốc của hết thảy mọi khổ não mà chúng ta hằng ngày thấy nhan nhản ở quanh mình.

– Đã thế thì làm thế nào được?

– Sao lại không! Bây giờ cứ đừng cho ai chiếm vật gì làm của riêng cả là tự khắc không có sự bóc lột, sự hà hiếp, sự bất công, và kẻ giàu người nghèo chênh lệch nhau nữa!

– Ai cấm được?

– Chúng mình chứ lại còn ai nữa!

Cả bọn phá lên cười và nói:

– Anh làm như chúng mình là vua quan hết cả!...

Dương phát gất:

– Các anh chớ cười. Tôi nói, các anh có nghe hết câu thì tôi mới nói và các anh cũng mới hiểu được! Chứ mới nghe nửa chừng đã vội pha trò cười thì đến mần đại cũng không mở mắt ra được mà cũng chẳng ai hoài hơi người ta thềm bảo cho mà hay!

Thông vớ cái điều đoạn vừa nạp thuốc vừa nói:

– Anh làm y như ông thầy học của cả bọn!...

– Thông! Mày ngu lắm. Tao có phải để ra đã biết những điều ấy đâu? Tao chẳng qua cũng nhờ có người khác giảng cho mới biết, nay lại đem nói lại cho anh em nghe vì là một câu chuyện có liên can đến cái đời của chúng mình, chứ tao thì làm thầy ai được. Nếu tao có thể làm thầy kẻ khác, tao đã không đến nổi đi làm phu mỏ!...

Dứt lời, Dương bó gối ngồi im với một vẻ bất mần rõ ràng trên gương mặt.

Tép sợ Dương dỗi, ngọt ngào khẽ bảo Dương:

– Anh Dương, anh nói nữa đi cho em nghe với. Tính anh Thông hay cười cợt, anh chấp làm gì!...

– Thôi, chả nói nữa!...

Lão già Mẫn cũng họa theo:

– Anh nên nghe chị Thuật nói nữa đi cho chúng tôi hiểu với.

Rồi, vợ chiếc xe điếu, lão gơ lên đe mọi người:

– Anh nào không nghe thì cứ hút thuốc phiện đi, hễ dâm ba chẻ củ là tở vụt.

Câu khôi hài ấy làm cho Dương cũng phải bật cười. Anh lại bắt đầu nói:

– Hồi ấy, tôi còn làm phu ở mỏ Vàng Xanh. Một hôm thấy trong bọn anh em có nhiều người lạ mặt. Họ nom cũng có vẻ sáng sủa thông minh lắm. Chính họ đã giảng giải cho chúng tôi nghe. Chính họ đã đưa ngấm những sách vở cho chúng tôi đọc. Câu chuyện của họ thoát đầu chúng tôi không hiểu và còn chưa thiết nghe. Sau, chúng tôi cứ rạng dần, rạng dần. Chúng tôi không cãi lý với họ,

chúng tôi chỉ lắng nghe và cố hiểu. Những câu họ nói làm cho chúng tôi kẻ thì đâm ra hờn giận một cách mờ tối, kẻ thì lo âu, có kẻ lại đâm ra hy vọng một sự gì mới lạ mà chính mình cũng không tự biết.

Thế rồi, một hôm, những người lạ mặt đó đều bị bắt vào nhà pha...

Ai nấy hốt hoảng nhìn nhau...

Dương mỉm một nụ cười đau đớn:

– Phải, họ cùng bị bắt vào nhà pha. Cảnh sát, mật thám ở đâu kéo về như bươm bướm. Họ khám nhà này, xét nhà khác, dò la, nghe ngóng làm cho cả mỏ nhao nhao lên một độ. Sau cùng, họ lại biến đi đâu hết. Cả những người bị bắt cũng bị họ dẫn đi. Nghe đâu về sau họ đều phải chết chém hoặc đi đày cả! Tình thế đã yên yên, chúng tôi bấy giờ mới khê hỏi nhau và mới biết rằng các người kia đều là những đảng viên Cộng sản...

Thuật hỏi Dương:

– Ủ, tôi cũng nghe mang máng đến Đảng Cộng sản mà thực ra vẫn chưa hiểu nó ra mà sao cả!

– Cộng sản là một chủ nghĩa do người nước Nga xướng lên...

– Nước Nga là nước gì?

– Cũng chẳng biết nữa. Hình như đó là một nước lớn ở gần nước Tây trắng thì phải. Vậy một người Nga xướng lên chủ nghĩa Cộng sản rồi nó cứ lan dần ra các nước vì ở đâu cũng có người theo.

Tép ngâm thơ:

– Tại sao ở đâu cũng có người theo?

– Tại ở nước nào cũng có kẻ giàu người nghèo, ở nước nào cũng có sự bất công, sự hà hiếp, sự bóc lột.

– Thế ra Cộng sản là một đảng của bọn nghèo?

– Chính thế! Chủ nghĩa Cộng sản là cái chủ nghĩa của bọn cùng dân như chúng ta. Ấy cũng bởi thế cho nên những người theo Đảng Cộng sản đều bị bọn giàu có, mà người ta gọi là bọn tư bản, nó bắt bớ, đày ải, chém giết.

– Tại sao thế?

– Tại họ sợ cho cái hâu bao của họ, cái hâu bao chứa đựng những của mà họ đã cướp được của bọn nghèo!

– Thế chủ nghĩa Cộng sản để làm gì?

– Là để chia đều của cải cho mọi người, cấm không ai được chiếm vật gì làm của riêng cả. Tiền của cũng chia đều nhau, ruộng đất cũng chia đều nhau, ai cũng như ai, không có ông cai Tứ chỉ ngồi mát ăn bát vàng cũng không có lão già Mẫn, cùn đời làm nổ đom đóm mắt mà vẫn không có đủ tiền đóng gạo!

Một dịp cười nổi lên làm cho câu chuyện Dương nói bớt vẻ nghiêm nghị.

Thông cười sằng sặc và nói:

– Thú nhỉ? Đã thế chắc không làm gì còn có những túp lều tối lụp xụp như tổ chuột ở liền ngay bên cạnh những tòa nhà tây hai ba tầng mà người ở không hết nữa!...

– Chính thế!...

Như chưa được chắc ở sự thực, Thông hỏi gặng:

– Nghĩa là chúng mình cũng có nhà gạch ở?...

– Phải!

Thông nhảy lên chồm chồm.

– Sướng quá! Sướng quá! Còn đợi gì mà anh Thuật không đỡ mẹ nó cái nhà lá này đi!...

Thuật phì cười:

– Cái anh này điên chắc?...

Dương cũng cự:

– Chuyện còn ở tận trời Nam bể Bắc nào chứ đã nước mẹ gì mà làm rối lên?

– Khốn nhưng mà từ bé tớ chưa được biết mùi ở nhà gạch nó ra làm sao cả, thì tớ không khao khát làm sao được?...

Lão già Mẫn đứng đĩnh nói như lão vẫn nói xưa nay:

– Còn là chờ mục xương mới có cái ngày ấy. Mà vị tất!... Từ nay đến ngày ấy thì còn vô số anh vào nhà pha, vô số anh đi đày, vô số anh phải chết chém!

Dương hăng hái:

– Thì cũng phải thế mới được chứ! Phải lấy cái chết mà chữa cái chết! Phải có hàng nghìn mạng chết đi mới mong làm sống lại ức triệu người chết dở...

Thuật hỏi dớ dẩn :

– Này, nhưng mà tại làm sao những người Cộng sản đỏ ở Vàng Xanh lại phải bắt cả?

Dương buồn rầu đáp:

– Nghe đâu vì mấy thằng trong bọn cu li nó báo chủ nên chủ nó mới xin mật thám về bắt.

– Lại tôi thế nữa!

– Ấy, ở đời bao giờ cũng sẵn có những quân khốn nạn ấy! Người ta mở mắt cho chúng, chúng không biết ơn thì chớ lại còn xoay ra phản bạn!

– Tại chúng nó sợ chứ gì?

– Ấy, hễ người ta mà còn sợ thì người ta còn phải mần kiếp làm than!...

Câu chuyện nhàn đàm không ngờ có một ảnh hưởng lớn trong tâm hồn Thuật. Mỗi bực tức vô căn cứ trong lòng anh hình như đã được thỏa vì có người vừa cắt nghĩa cho anh hiểu cái lý do những bất bình mà anh thấy nhan nhản ở quanh mình.

Nghĩ vợ nghĩ vẫn, Thuật lại sức nhớ đến câu Dương vừa nói: “Lấy vợ về để dúi rách với nhau một lũ ấy à? Để con ra để rồi khi lớn lên, đứa con ấy lại chui vào hầm mỏ để làm cu li suốt đời ấy à?”. Thuật thở dài, liếc nhìn trộm Tép và đứa con anh mà Tép đang bế gọn thon lỏn ở trong lòng.

Anh thở dài, vì anh cảm thấy một cái gì vừa như sự xót thương lại vừa như sự hối hận...

XIII

Cai Tứ đẩy cửa bước vào.

Thuật đứng dậy chào một cách vui vẻ:

– Kia ông cai, ông đi đâu đấy?

– À tôi lại thăm bác có chút việc.

– Rước ông ngồi chơi. Bu thằng Lẽ đâu đem nước uống.

Tép thấy cai Tứ thì có ý lẩn mặt. Cô khẽ thưa ở trong nhà:

– Vâng ạ, tôi đun đây.

Cai Tứ làm dáng xuề xòa:

– Thôi, nước niếc làm gì... tôi lại đây một lát rồi lại phải đi đằng này có chút việc.

– Ông ngồi chơi đã. Chẳng mấy khi ông lại nhà cháu...

Mà thực thế, cai Tứ có mấy khi thềm lui tới các nhà phu phen bao giờ. Hắn chỉ đi lại nhà chủ, nhà các ông thầu khoán, các bạn cai khác hoặc ra tỉnh để đi hát cô đầu. Bởi thế nên thấy hắn vào, Thuật đã biết ngay có việc gì lạ. Anh hơi xúc động, hơi lúng túng, cử chỉ không được tự nhiên.

Ngồi ghé xuống góc giường, cai Tứ cất tiếng gọi chuyện:

– Sáu anh em ở lò số 4 làm giỏi thực, bằng mười người. Hôm nào cũng về trước nhất. Giá lò nào cũng được như thế thì công việc của tôi chạy biết ngần nào!...

Cai Tứ ngừng một lát.

Thuật lắng tai nghe, phân vân không biết câu mở đầu dài dòng ấy sẽ đưa đến chuyện gì.

– Tôi bực nhất là bọn phu làm ở lò số 9. Gớm, phu mấy phen! Thế mà họ cũng vác mặt đi làm mỏ...

Thuật mỉm cười, tự nghĩ:

– Lão này coi nghề làm phu mỏ như nghề đi làm quan không bằng!

Thấy chàng mỉm cười, cai Tứ cũng cười, cất to thêm giọng nói như vua phán:

– Ai lại hôm nào cũng gần tối các bố ấy mới ì ạch được sáu, bảy goòng làm cho mình cứ phải loanh quanh chờ xem không thể về sớm được. Thực là mất thời giờ và bực mình quá đi mất!

Thuật có ý bênh vực bọn đồng nghề:

– Nhưng cũng tại lò số 9 vừa xa vừa ở sâu quá, than lại rắn hơn đá cuội thì ông bảo làm nhanh thế nào được? Vả lại, tôi thấy bọn anh em họ phàn nàn...

Cái Tứ chau mày:

– Phàn nàn? Họ phàn nàn cái gì?... Tôi còn lạ gì họ nữa!... Tôi thuê họ làm phu cho tôi chứ có thuê họ làm bố tôi đâu mà tôi

phải chiều họ? Và chiều làm sao cho vừa ý họ để họ khỏi phàn nàn được?

– Thực ra tôi cũng chẳng thấy họ đòi cái gì là quá đáng. Họ chỉ kêu rằng đáng nhẽ lò xa và khó làm như thế thì ông cho họ ăn thêm công mới phải. Các ông cai khác vẫn thuê như thế cả...

– Thêm! Của tôi có là của ông Bạch Thái Bưởi ngày xưa thì tôi mới nay thêm mai thêm cho các bố ấy được! Tôi chỉ có thể, anh nào làm được thì làm, không làm thì ra. Tôi có cần gì! Ở đường xuôi lụt lội, còn hàng vạn người xin làm công không chẳng ai thèm mướn đành chịu chết đói nhăn răng cả ra với nhau kia kìa!

Thuật nín lặng. Anh nghĩ lại những nhời Dương đã nói hôm nào. Thì ra bọn cai và chủ keo kiệt, độc ác thực. Họ chỉ cốt nhét cho đầy túi, ăn hà ăn hiệp ai được đồng nào hay đồng ấy còn ngoài ra ai chết mặc ai. Họ chắc vào chỗ bọn nghèo nếu khí khái hay bướng bỉnh thì sẽ bị chết đói ngay. Thế là họ không cần nữa. Họ thấy trời làm tai nạn lụt lội thì họ mừng nhân công sẽ rẻ như bèo nên họ tha hồ cay nghiệt, bọn phu có tức mấy cũng phải cắn răng mà chịu vì nếu thôi việc thì một bọn đói khát khác đã tới lạy để mà thế chân ngay.

Thuật buồn rầu về nỗi người xử tệ với người, anh lại càng uất ức vì ông trời cũng hình như vào phe với bọn giàu có mà bách hại kẻ nghèo kiệt.

Thấy Thuật im lặng quá lâu, cai Tứ cũng ngưng.

– Thực ở đời không biết ăn ở thế nào để cho tất cả cùng bằng lòng được. Anh thử xem, tôi đối đãi với anh em phu phen đến thế chứ còn thế nào nữa? Công tôi không lưu lại đồng nào. Ai làm được bao nhiêu tôi trả cho cả bấy nhiêu. Phạt tiền tôi không hay phạt. Ai túng nhờ, tôi cho vay mượn rất dễ, không lời lãi gì cả. Đến lúc cần phải trả nếu còn túng muốn hẹn lại tôi cũng vui lòng cho! Ấy thế mà còn có người phàn nàn thì tôi cũng đành chịu, không biết làm thế nào nữa!...

Những cái nhân nghĩa vờ của cai Tứ, Thuật không đại gì mà còn mắc, nhưng anh cũng mặc hấn nói cho sướng miệng.

Và, để ngắt câu chuyện lông bông, Thuật hỏi cai Tứ:

– Vừa rồi, ông bảo lại thăm cháu có chút việc, chẳng hay là việc gì ạ?

– À, có gì đâu, tôi lại để nói cho bác biết rằng từ ngày mai bác không làm với tôi nữa.

Choáng người, Thuật giương tròn hai mắt nhìn cai Tứ để xem hắn nói đùa hay nói thực.

– Tôi cũng lấy làm tiếc lắm, nhưng làm thế nào được, vì ông chủ muốn thế!...

Thuật tức quá.

– Nhưng cháu có lỗi gì mà tự nhiên ông chủ lại bắt cháu đang làm phải thôi?

Nói câu ấy, óc Thuật nghĩ ngay đến vợ.

Cai Tứ vớ điếu hút một hơi thuốc lào đoạn vừa thở khói vừa đáp:

– Không, bác chẳng có điều gì cả. Chỉ vì ông chủ muốn cho bác sang làm bên nhà máy.

Thuật thở dài như trút cái gánh nặng:

– Làm bên nhà máy? Khốn nỗi cháu không biết một tí gì...

– Ông chủ muốn cho bác látse¹ cái chân ông nhà trước vì nghĩ ông nhà bác có công với nó. Cái chân ấy làm rất tốt tiền lại nhàn lắm. Điều này, bác hẳn cũng biết như tôi.

Thuật vẫn chưa hiểu.

– Cháu không biết một tí gì về máy móc cả thì làm thế nào?

– Cái đó không ngại. Bác cũng biết rằng khi ông nhà bị mệt chủ có lấy một người vào thay. Nhưng, người ấy, chủ không thích vì tính hắn bướng bỉnh lắm. Thế nào rồi hắn cũng phải đuối. Ông chủ bèn nghĩ đến bác, muốn cho bác vào phụ người kia để học việc trong vài tháng rồi khi nào bác đã có thể thay được người kia, ông chủ sẽ cho hắn ra.

Thấy cai Tứ nói phô rằng chủ nghĩ đến bố mình nên muốn cho mình một công việc tốt, anh ta cũng muốn tin mà không hiểu sao trong lòng anh vẫn cứ ngờ vực. Anh không muốn lại gấn bọn quyền thế. Sự gấn gù ấy anh thấy có gai góc thế nào ấy. Thuật dẫn đo một lát đoạn hỏi cai Tứ:

– Cháu làm trong lò công việc đã quen nên không muốn đi nơi khác. Vả lại làm như thế, cháu e sẽ mang tiếng là cướp cơm của anh em... Hay là ông thưa với chủ họ?

1. Látse (remplacer): thay thế.

Cai Tứ nhìn Thuật bằng hai mắt ngạc nhiên, đoạn làm ra dáng thương hại và báo với Thuật rằng:

– Anh này mới lạ chứ! Nhan hạ sung sướng chàng muốn lại cứ thích chui đầu vào lò! Anh việc gì mà sơ tai tiếng? Công việc trong mỏ này là quyền ở ông chủ. Ông cho ai hay thì người ấy được hay, ông bắt ai dở thì người ấy phải dở. Chu cho anh sang nhà may là ý chủ, ai trách anh vào đầu được? Còn như anh nhờ tôi từ chối với chủ hộ anh thì điều ấy tôi chịu thôi. Người ta muốn làm ơn cho mình mà mình từ chối thì tức là mình tỏ ý không thêm chịu khuất người ta. Tôi chỉ e như thế ông chủ sẽ giận anh. Mà chu đã giận thì sau này dù anh có muốn yên thân ở trong lò cũng không thể được!

Những câu giảng giải ấy làm cho Thuật cứng lưỡi. Anh cúi đầu im lặng.

Cai Tứ đứng lên.

– Sáng mai anh bắt đầu sang nhà máy làm, biết chưa?

– Vâng.

Hách dịch, cai Tứ bước ra ngoài.

Thuật ngồi ngáy ra như một pho tượng, anh lay làm khó chịu quá. Sự thay đổi đột ngột kia, anh thấy như có ngu một ý gì đáng sợ. Nhưng, nghĩ quanh nghĩ quẩn, anh cũng chẳng biết tính toán ra làm sao. Từ chối không được, mà làm theo ý chủ thì anh thực tình không muốn. Anh không thích chịu ơn của người mà từ lâu anh vẫn hết sức muốn quên đi như quên một kẻ tình địch. Anh nghĩ đến Tép. Trong lòng anh bỗng xôn xao một mối tức giận vu vơ.

Tép ở dưới nhà xách ấm nước lên.

– Ở kia? Lao cai Tứ về rồi à?

Thuật chau mày nhìn vợ. Anh đang cân phai gặt bản nên nói một câu sáng giọng:

– Khách về từ tám hoánh mới đem nước ra để làm gì bây giờ?

– Khôn nhưng tôi không thích giấp mặt thẳng cha ấy.

Câu nói của Tép càng làm cho Thuật thêm cáu.

– Tại sao lại phải lẩn mặt hẩn? Mình không tà tâm thì việc gì mà xấu hổ.

Tép ngạc nhiên nhìn chồng, hai gò má đỏ ửng.

– Anh nói năng hay quá!

– Hay hẳn chứ lại! Mình ngay thẳng, dù có bị nó ăn hiếp cũng không việc gì mà xấu hổ kia mà! Sao lại phải lẩn mặt?

Tép cúi:

– Nói như anh thì vừa!...

Tép nói đoạn quay vào buồng vì đứa bé khóc. Cô bế con ra ngoài, nâng niu con một cách cảm động.

Thuật nhìn vợ, nhìn con, hối vì những nhời gắt gỏng vô lý của mình. Anh giảng hòa:

– Thực khó nghĩ quá!... Từ cũng chết mà nhận cũng phiền...

Tép ngẩng đầu hỏi chồng:

– Cái gì thế, hờ anh nó?

– Lão cai Tứ vừa đến đây bảo rằng từ mai tôi không đi làm nữa...

Tép giật mình lo sợ.

– Chết chửa! Sao lại thế?

Sự lo lắng của Tép cũng như sự lo lắng của anh lúc thoát nghe cai Tứ nói khiến Thuật đau khổ lạ. Lúc này, anh mới bắt đầu nhận thấy cái cảnh vợ con là bó buộc, là một cái lụy cho đời anh, tuy cái lụy đó nhiều khi cũng êm ái!... Anh thở dài, nghĩ đến câu Dương nói hôm nào. Anh lẩm bẩm nhắc lại câu nói ấy mà hiện giờ anh đã hiểu thấm thía cái đau đớn của nó: “Lấy vợ để rồi khổ với nhau suốt đời ư? Có con để sau này lớn lên nó lại chúi đầu vào lò than làm cu li suốt đời ư?”.

Không thấy chồng đáp, Tép nhắc lại câu hỏi:

– Tại sao thế, anh?

Thuật buồn rầu:

– Tại chủ nó muốn cho tôi sang bên nhà máy để rồi thay vào cái chân của bố trước.

Anh giảng giải để tự dối mình:

– Vì chủ nghĩ đến cái công lao của bố làm với mỏ trong hai mươi năm trời.

Rồi anh nhắc:

– Phải, vừa đúng hai mươi năm trời!

Tép hết lo. Cô mỉm miệng cười:

– Thế thì càng hay chứ sao?

Sự vui vẻ nhanh chóng của vợ khiến chồng khó chịu:

– Đã chắc đâu là hay hay dở?

– Làm thay chân của bố vừa nhàn vừa lấm tiền.

Tiền! Lần thứ nhất, Thuật khó chịu vì vợ anh đã nói đến tiền. Cái ám ảnh ấy nó theo dõi bọn dân nghèo như một bệnh hủi. Mỗi lần không thể quên được nó là một lần người ta khổ sở. Bởi thế nên nghe chính miệng vợ anh nói ra, anh lại càng cảm thấy như đau đớn vô cùng.

– Phải! Đã đành sẽ lấm tiền hơn, nhưng tôi thì tôi thích cứ làm ở trong lò...

Tép không hiểu ý Thuật:

– Ớ! Tại sao lại thế?

– Chẳng tại sao cả! Nhưng tôi không thích giây với tụi có quyền.

– Nhưng mình từ chối sợ nó lại thù oán lôi thôi.

– Thế mới khó nghì!

– Đành phải nhận chứ làm thế nào được!

Đến lượt Tép tự dối mình:

– Vả lại biết đâu chẳng vì lòng tốt của người ta nghĩ đến công lao của bố ngày trước nên muốn làm ơn cho mình.

– Ấy chính cái làm ơn ấy làm cho tôi sợ nhất. Khi nào một kẻ quyền thế làm ơn cho mình một việc thì mình phải biết ngay rằng họ muốn mình... trả ơn họ...

Thuật nín bặt. Cả hai vợ chồng cùng cúi đầu ngượng nghịu...

Tép chợt nhớ lại buổi sáng ngày lúc cô đi chợ có gặp ông chủ. Thấy cô, ông chủ ngắm nghía mãi đoạn cười mà bảo cô bằng tiếng An Nam: “Độ này, cô Tép trông đẹp hơn xưa nhiều lắm!”. Câu ấy và cái nhìn thèm ược của ông chủ khiến Tép nhớ lại mà gai cả thịt. Cô cảm thấy như nó xoáy vào thân thể cô chẳng khác những cái đinh ốc xoáy vào gỗ. Ngay lúc gặp ông chủ, bị ông ngắm nghía rồi khen ngợi, Tép đã có cái cảm tưởng như mình bị lột truồng ra ở trước mặt mọi người... Cô nhớ lại câu chuyện ngày xưa, câu chuyện tuy lâu ngày mà vẫn để trên da thịt cô một vết bỏng như dầu sắt nung đỏ vậy. Cô nóng bừng cả mặt và càng cúi gằm mặt xuống không dám nhìn chồng

trong khi Thuật cũng quay nhìn chỗ khác, vì anh sợ Tép nhận thấy những ý nghĩ ngấm ngấm nó đang dày vò hun đốt lòng anh.

Sự ghen tuông trong giây phút ấy đã làm cho đôi vợ chồng đương yêu nhau khăng khít trở nên xa cách hẳn nhau, hơn thế nữa, nó làm cho Thuật cảm thấy thù oán vợ.

Anh lẩm bẩm nói một câu, cũng chẳng rõ nghĩa nó làm sao:

– Hừ! Cuộc đời!... Chó lăm!...

XIV

Mấy tiếng kêu vỡ lở như sóng cồn lọt vào tận trong nhà máy làm cho Thuật lạnh người:

– Sập lò!... Sập lò!...

Anh hoảng kinh đâm bổ ra đường, chẳng kịp nghĩ gì đến trách nhiệm và công việc. Túm lấy một chị đàn bà vừa chạy vừa kêu như ma bắt, anh quát to:

– Cái gì thế? Sập lò à?

– Phải, sập lò số bốn!

Thuật tối mắt lại, trái tim anh như ngừng hẳn; một cái rùng mình lạnh buốt chạy xộc vào tâm hồn anh. Thuật buông người đàn bà ra, chạy đâm bổ về phía cửa lò số bốn. Trên đường, người ta lữ lượt cũng chạy cuồng cuống như anh. Ra tới chỗ tai nạn, Thuật thấy cai Tứ và cả chủ nữa đã có mặt tại đấy và đương đốc thúc phu xẻng cuốc bới nhanh để cứu những người bị nạn...

Thuật rùng mình nhìn mảng đất gò đỏ như dóm máu đã sứt lấp hẳn cửa lò, cái cửa mà mọi khi anh vẫn ngày hai buổi chui ra chui vào như một đàn chuột, cùng với năm người bạn.

Anh mừng thoát nạn bao nhiêu thì anh lại lo sợ cho tính mệnh năm người bạn thân của anh bấy nhiêu.

Nhìn quanh những người có mặt tại đấy, Thuật hỏi vu vơ:

– Tại sao thế các ông? Tại sao cửa lò tự nhiên lại sập được?

Không ai trả lời vì hết thấy còn rối rít kẻ cuốc người xúc đất để cứu bọn người bị nạn mà họ không biết sống chết ra làm sao.

Tiếng ông chủ quát:

– A lê, mau lên!

Cai Tứ cũng tiếp theo:

– Mau lên các anh! Mau lên không có họ chết ngạt mất!

Hai cái mệnh lệnh khẩn cấp ấy nhắc Thuật nhớ tới bốn phận mình. Anh giằng cái cuốc ở tay một người phu già rồi ra sức làm việc.

Thực là một cảnh tượng thê thảm! Những người nào cuốc và xúc đất cũng làm mãi miết, làm không kịp thở, làm như một bọn người máy bị điện truyền rất mạnh. Những người đứng ngoài thì lảng xảng bàn tán, hỏi nhau, bàn nhau, đoán phỏng, thở than làm cho cái cảm giác kinh khủng càng thêm nặng nề...

Chính ngay cai Tứ và ông chủ cũng tỏ ra vẻ lo lắng nghiêm nghị, mặc dầu cái tai nạn kia họ biết chẳng bao giờ lại có thể xảy ra cho bản thân họ được, mặc dầu cái mạng thằng cu li, họ vẫn quen coi bất quá như mạng con chó, con gà.

Ngót trăm người phu ra riết làm việc hơn một tiếng đồng hồ cửa lò mới thủng được một lỗ bằng miệng thúng. Một luồng khói đen lẫn cả than và bụi phụt ra như cái hơi thở từ mồm con quái vật. Bọn phu hoảng sợ nhảy tránh sang hai bên và kêu lớn:

– Ghidu!...

Ông chủ cau mặt hỏi cai Tứ:

– Grisou?

– Uầy mesù¹.

– C'est grave, alors!...²

Mặt ai nấy cùng tái nhợt vì một khi lò đã bị sập vì hơi ghi du nổ thì bọn người bị nạn kia không một ai sống được nữa. Họ chết cả rồi, mà chết một cách ghê gớm, thảm đạm.

Công việc cấp cứu tự nhiên cũng bớt gấp vì ai nấy đều biết rằng có làm vội cũng chẳng ích gì.

Tuy vậy, dưới ngót trăm cái mỏ cuốc cùng nhắc lên giáng xuống đều đặn, cửa lò đã dần dần mở rộng ra. Mấy người khỏe mạnh nhất,

1. Thưa ông, vâng!

2. Ô, nghiêm trọng đấy!

gan góc nhất mà chủ chỉ mặt, trong số đó có cả Thuật nữa cùng leo vào lôri. Máy chuyển... Lôri từ từ hạ xuống đáy giếng...

Đám đông hồi hộp chờ...

Độ mười phút sau, cái thây chết thứ nhất được đem lên ánh sáng. Rồi cứ lần lượt cái nọ tiếp cái kia bày sất cạnh nhau...

Không ai có thể nhận được xác nào là Dương, xác nào là của lão già Mẫn, cái nào là của Thông, của Lộc nữa. Vì, như một đàn lợn bị chết trong đám cháy nhà, tất cả sáu cái xác đều đen thui như than và trương nứt chín như cả ra, không còn lấy một mảy râu tóc, không còn lấy một manh áo quần nào nữa; chân tay thì co quắp lại; mặt mũi biến khác đi trông rất ghê sợ và thê thảm.

Trước tình cảnh ấy và nghĩ tình bè bạn, Thuật ứa nước mắt trong khi những tiếng khóc than não nùng của thân nhân các người bị nạn làm vang động một vùng. Không khí trở nên như nặng nề khó thở. Đám đông im lặng tựa hồ bị một cảm giác khủng khiếp làm tê dại đi...

Ông chủ bảo cai Tứ sai người đi mua sáu cỗ áo quan gỗ tạp để sửa soạn chôn cất cho nạn nhân, một mặt ông làm giấy trình các nhà chuyên trách đến khám nghiệm...

Mọi việc sắp đặt tới khoảng ba giờ thì xong. Người ta đem chôn sáu cái xác chết một cách lặng lẽ không kèn không trống, và sau khi đã an táng thi hài của sáu anh phu mỏ, ông chủ truyền gọi thân nhân họ lên giảng dụ và cho mỗi người hai mươi đồng.

Món tiền hai mươi đồng không phải có thể bù vào sự thiệt thòi về cả hai mặt tinh thần lẫn vật chất mà mỗi gia đình nạn nhân phải chịu. Nhưng đó còn là khá lắm, ông chủ này còn là nhân đức lắm, chứ lần xảy ra tai nạn trước, mỗi nhà chỉ được có năm đồng!

Công việc của pháp luật và của mỏ đối với nạn nhân thế là xong.

Nhưng, bọn phu phen thì trái lại bàn tán mãi về cái chết của sáu người anh em cùng số kiếp của họ, sáu người vui tính, ngay thẳng và tốt bụng mà ai cũng yêu mến.

Họ bàn nói mãi, xì xào ở trong xưởng máy cũng như ngoài đường, giữa lúc làm việc cũng như khi ngồi chơi suông:

– Mẹ kiếp, cái đời cu li mỏ thực chẳng bằng đời một con trâu cày!

– Sống thì sống nhục sống nhã, sống khổ sống sướng mà chết thì chết một cách thảm thê khốn nạn!...

– Biết thế đấy nhưng vẫn phải đâm đầu vào mà làm. Không làm thì đói cũng chết!

– Hai mươi đồng với một cỗ săng gạo!... Đấy, cái giá của mỗi thằng chúng ta.

– Còn là được giá đấy! Lúc hạ thì chỉ có một cỗ săng với năm đồng!...

Thuật lắng tai nghe... Anh không nói gì cả, nhưng không để sót một câu nào. Anh cúi đầu ngẫm nghĩ, mặt buồn rười rượi. Nhất là câu nói cuối cùng của một anh chàng trẻ tuổi làm cho Thuật càng cảm thấy xót xa.

– Dăm, mười đồng bạc một mạng người!...

Anh lẩm bẩm:

– Chẳng thà họ đừng cho đồng nào lại còn hơn!

Thực thế! Một cuộc đời mất đi là cả một mớ thương tiếc, nhớ nhung, đau đớn, sầu não gieo vào lòng những ai là kẻ thân thuộc của người chết. Nếu ta không có phép gì hồi sinh được cái mạng đó thì ta cứ yên lặng cho thân nhân người ta tiếc thương nhau.

Trong đời con người ta cái gì cũng đem đánh giá bằng tiền, cả những tình nghĩa thâm trọng cũng nhiễm hơi tiền, thế thì cái chết nên được thoát li đồng tiền là phải.

Tuy không hiểu và không nói ra được một cách rành mạch, Thuật rất đau đớn khi thấy người ta đánh giá bằng năm mười đồng bạc cả cái công phu hai, ba mươi năm trời của một người mẹ. Anh cho rằng tất cả cái tàn nhẫn của người đời, có cái ấy là tàn nhẫn hơn hết!

Hết giờ làm, Thuật buồn rầu trở về thấy vợ đón ở cửa anh cũng chẳng thềm cười nói gì cả.

Tép cũng biết nguyên do nỗi buồn của chồng, nên không oán trách gì. Cô đưa con cho Thuật.

– Anh bế con để em đi dọn cơm.

Tiếp lấy đứa bé, Thuật rùng mình ghê sợ. Anh cố cười lên một tiếng để lấp câu nói của người phu bạn mà không được. Anh cố xua đuổi nó đi nhưng nó càng văng vẳng, rõ rệt bên tai anh: “– Dăm, mười đồng bạc với một cỗ săng gạo! Đó, cái giá của mỗi thằng cu

li!”... Tiếp liền câu ấy là câu của Dương, lạnh lẽo như một nhời báo trước đưa lại từ cõi âm: “Để con ư? Để khi lớn lên, nó lại chui đầu vào hầm mỏ suốt đời ấy à?...”

Thuật ghì chặt đứa bé vào lòng, thở dài một tiếng nảo nuột. Đứa bé cựa quậy trong lòng anh làm cho anh càng không thể quên được những nhời thăm đăm mỗi lúc một gần lại, một rõ rệt, như mũi kim lạnh buốt đâm vào tim anh...

Tép bung mâm cơm lên, Thuật ngao ngán nhìn đĩa muối vừng, chén tương, đĩa rau luộc và một khúc cá bầy lỏng chỏng trên chiếc mâm gỗ.

– Nào, đưa con đây cho em mà đi ăn cơm!

Thuật điềm nhiên:

– Mua cho tôi mấy xu rượu.

Tép ngẩng mặt nhìn chồng hình như nghe nhãng.

Thuật nhắc lại, hơi gắt:

– Đi mua cho tôi mấy xu rượu!

Tép nín lặng tìm cái chai con, đoạn bước ra ngoài.

Thuật dặn với:

– Mua năm xu ấy!

Chẳng có gì nhắm mà Thuật cũng cứ khề khà ngồi uống. Anh còn nhớ một lần say rượu, anh mê man không nhớ gì nữa cả. Nay anh cần phải say, say để khỏi thương nhớ bạn, để khỏi phải nghĩ ngợi vấn vợ, và nhất là để khỏi phải ngậm ngùi cho cái số kiếp mình, số kiếp của vợ con anh mà anh không thể nào thay đổi khác được, mặc dầu anh rất muốn thay đổi.

Tép vừa ủ con vừa ăn, thỉnh thoảng lại nhìn trộm Thuật. Chồng chị vẫn khề khà uống, vẫn khề khà nhắm nháp, vẫn âm thầm bực dọc.

Một bầu không khí nặng bao phủ hai vợ chồng tuổi trẻ, mọi khi hễ gặp nhau là vui như hội, nói cười ríu rít như đôi chim xuân...

Tép khó chịu về sự im lặng kéo dài bèn cất tiếng nói:

– Tội nghiệp các anh ấy quá!

Thuật cúi đầu thở dài.

Tép lại tiếp theo, cố gợi chuyện:

– Vừa mới hôm nào uống rượu ở đây còn nói cười nheo nhéo thế mà nay đã thành ma!

– Ấy cái số kiếp những thằng nghèo là khốn nạn như thế cả!...

– Anh có được nom thấy tận nơi không?

– Thì chính tôi xuống lò để khuôn xác các anh ấy lên mà lại.

Tép sợ hãi:

– Ghê lắm đấy nhỉ?

– Lại chả ghê? Anh nào cũng cháy đen lại, trương nứt lên, ruột gan lòi cả ra như những cơn lợn chết cháy.

Tép nhăn mặt:

– Trời!...

Rồi cô nhìn chồng bằng một vẻ nửa mừng nửa sợ:

– Thế mà không lên nhà máy làm thì có chết không! Thực rõ phúc đức quá!...

Thuật cầm chén rượu uống để khỏi phải trả lời vợ.

– À, thế anh có nhận được mặt các anh ấy chứ?

– Nhận thế nào được nữa! Đã bảo nó cháy đen lại...

– Chết chữa! Thế người nhà làm thế nào mà nhận được để đánh dấu mồ mả về sau này?

– Lúc sống còn chẳng ra chó gì nữa là lúc chết!

– Thì cũng phải nhận lấy mồ mả chứ lại?

– Vẽ. Đất rừng, mấy năm cỏ tranh mọc rậm kín ngay đấy mà gì.

Thuật lại uống; mặt anh đỏ gay gắt, mắt anh nhìn trừng trừng, giọng anh nói như thấm đầy nước lệ...

– Hừ! anh Dương!... Nghĩ lại những nhời anh nói lại thương anh quá! Nhưng thôi, chết quách cả đi, đem mối hờn giận vùi xuống đất thế lại xong. Sống ngày nào chỉ kéo thêm khổ não ra ngày ấy chứ ích gì!

Thấy chồng nói những câu sâu muộn uất ức, Tép sợ lại gây ra sự bất hòa như mọi khi nên cô cứ lẳng lẳng mặc chồng.

Thuật nói nhiều lắm; giọng anh càng lâu càng ngùi ngùi như khóc tỏ ra trong lòng anh chứa chất nhiều phiền não ngấm ngầm.

Tép ăn xong, vô phép cơm chồng để đứng dậy. Thuật bảo:

– Minh vào buồng đặt cho em ngủ rồi ra mà dọn dẹp đi. Tôi không ăn cơm đâu. Đáng nhẽ tôi làm đỡ nhưng say quá...

Tép thở dài. Từ khi hai người lấy nhau, lần này là lần thứ nhất Thuật uống rượu đến say. Tép buồn rầu và lo rằng từ nay Thuật sẽ cứ say mãi mãi, vì Tép biết rằng chồng mình tuy là một người ít chữ nghĩa nhưng thực hay tư lự lắm. Mà, để khuây buồn, người đàn ông, nhất là khi người ấy lại chỉ là một anh phu mỗ nghèo hèn, còn có gì tiêu khiển ngoài mấy chén rượu còn nữa?...

Tép lo lắng và nghĩ vẩn vơ đến cái chết của ông già Tị. Cô cảm lờ mờ thấy rằng cuộc đời của người phu mỗ nào thì rồi cũng như nhau cả, cùng một kiểu mẫu, cùng một đường lối thế thôi.

Trong khi Tép vừa dọn dẹp vừa nghĩ ngợi như thế thì Thuật nằm lăn ra phản ngủ lúc nào không biết. Mắt anh giương lên, lơ lơ như mắt lợn luộc; miệng anh há hốc và tự trong đó bay ra một tiếng khò khò đều đặn và nồng nặc hơi men.

XV

Thuật đến nhà cai Tứ vào lúc hơn bảy giờ tối.

– Ông cai gọi cháu có việc gì vậy?

Cai Tứ cười một cách vui vẻ:

– Ngồi buồn chẳng biết làm gì thì gọi anh em lại chơi nói chuyện cho vui đấy chứ có chuyện gì.

Nói đoạn, cai Tứ mời Thuật cùng nằm lên ghế ngựa đã bày sẵn khay đèn, một ít bánh ngọt và một chai rượu tây.

– Lên đây, bác Thuật. Lên đây nói chuyện cho vui.

Nể lời, Thuật nằm ghé xuống một bên khay đèn.

– Chỗ bà con mình, tôi vì bận công việc không hay lại chơi chứ trong lòng thì lúc nào cũng nhớ đến ông cụ nhà ta khi trước.

– Cảm ơn ông có lòng nghĩ đến bố cháu.

– Thực thế! Ông cụ nhà khi xưa tính nết rất ngay thẳng và vui vẻ, tôi rất ưa. Tôi vẫn thường nói rằng bác cũng được cái tính quý hóa ấy.

Mở xong hộp thuốc, cai Tứ nằm xuống và cầm tiêm bắt đầu làm việc.

Mỗi thuốc giấy giữa trên ngọn đèn trong suốt, thỉnh thoảng xì khói ngào ngạt. Thuật tò mò nhìn các đồ dùng sang trọng và nảy ra những ý nghĩ vẩn vơ...

Điều thuốc thứ nhất xong.

Cai Tứ quay dọc tẩu về phía Thuật.

– Làm đi.

Thuật vội từ chối:

– Xin mời ông thôi, cháu không quen dùng cái này.

– Vẽ, làm anh con trai thì phải hút thuốc phiện mới được chứ? Kéo đi xem nào?

Nể lời, Thuật đành bắt lấy đầu dọc. Anh thở một hơi khói dài, về mặt bắt đầu hơi tơ mơ...

Cai Tứ rót cốc rượu.

– Uống đi. Thuốc phiện mà hãm sâm banh với hoa quả thì thần tiên.

Là con nhà nghèo, Thuật đã bao giờ được nếm mùi phú quý! Chàng nghe nói rượu sâm banh thì liền có một cảm giác lạ. Thuật tò mò vì xưa nay vẫn thấy người ta nhắc đến tên thứ rượu quý ấy mỗi khi có tiệc tùng hay biểu xén gì sang trọng. Bởi thế nên không để cai Tứ phải nhắc đến lần thứ hai, Thuật đã nhồm dậy, cầm cốc rượu đưa lên mũi khẽ hít cái hương thơm là lạ, đoạn nhấp một ngụm mà nghe ngóng xem cái vị nó thế nào.

– Thứ rượu này quý lắm, những bảy đồng một chai.

Thuật choáng người, nhìn cai Tứ để xem lão nói thực hay đùa.

Cai Tứ vẫn nghiêm trang:

– Ông chủ cho tôi đấy chứ. Những như mình thì bố thằng nào dám bỏ tiền ra một lúc ngót chục đồng bạc để mua chai rượu uống chơi bao giờ!

Thuật lẩm bẩm:

– Bảy đồng! Gần một tháng công của cháu!

Cai Tứ cười mũi:

– Hứ! Gần một tháng công hẳn chứ lại bõn.

– Giá vào tay mình thì bấy đồng mua được biết bao nhiêu là thứ!

– Cái ấy đã đành rồi!

Điều thuốc thứ nhì đã xong, Tứ lại quay dọc tàu về phía Thuật:

– Luôn đi.

– Ấy, xin rước ông. Cháu làm một điều thôi.

– Đừng có nói nhảm! Thuốc phiện một điều người ta không cười cho thối óc.

Trong lúc Thuật lấy hơi kéo điều thuốc tròn quít, cai Tứ cầm tiem khê gõ vào dọc tàu và ngâm nga theo giọng hát cô đầu:

– *Nhân sinh ư... ư... quý thích chí! Chẳng gì hơn... hú hí với Phù Dung ư... ư...*

Thuật thở phào một tiếng đoạn lẩm bầm:

– Chà!... Thuốc phiện hút vào nó tơ mơ đến lạ, y như người đi tàu bay...

Cai Tứ cười:

– Chính thế! À này, làm trên nhà máy thú đấy chứ?

– Vâng, công việc ở đấy thì bao giờ cũng nhẹ nhàng hơn!

– Và lại chắc chắn. Giá anh còn làm ở dưới lò thì phải biết!

Thuật nhớ đến cái tai nạn hôm nào.

– Vâng, cháu thực là chết hụt!

– Ấy thế mà lúc đầu tôi nói anh lại còn định chối từ kia đấy!...

Ngừng một lát, cai Tứ lại nói:

– Thế mới biết, các bác còn trẻ người non dạ bao giờ cũng hay khí khái hão.

– Không có phải là khí khái đâu! Nhưng mà...

– Bác phải biết rằng ở đời này không gì bằng đồng tiền. Có tiền mua tiên cũng được! Bác làm dưới lò, mỗi tháng bắt quá được hơn mười đồng chứ bao nhiêu. Số tiền ấy đủ làm sao cho hai vợ chồng lại một đứa con nữa, ấy là chưa kể khi ốm đau, khi xảy ra công kia việc nọ... Thế mà nhờ ơn ông chủ, bác nhất đán được vào làm trong nhà máy, mới học việc mà lương đã được mỗi tháng hai chục đồng, còn may mắn, sung sướng nào hơn nữa?

– Cháu cũng biết thế.

– Làm việc gì thì cũng phải cốt có chủ. Ông chủ là cái đầu. Mình phải làm thế nào cho chủ càng ngày càng yêu mến, càng tin cậy mình mới được. Chủ mà đã yêu mình thì tha hồ ngang dọc sung sướng. Anh xem như tôi, mỗi tháng làm ra hàng ba, bốn trăm bạc, tha hồ ăn tiêu lại tậu được vô số vườn ruộng ở nhà quê, lấy hai, ba vợ.

Hút một điếu thuốc, uống một hớp rượu xong, cai Tứ lại nói:

– *Tay mang túi bạc kè kè, nói quấy nói quá kẻ nghe râm râm...*
Người ta cứ hễ có tiền thì thói như cứt cũng có đứa lạy, mà nếu đã kiết thì vợ nó còn khinh đấy, chẳng nói ai xa nữa!...

Bài học sỗ sàng của cai Tứ khiến Thuật mơ màng, ngao ngán. Nó làm cho những điều tin tưởng tha thiết nhất của lòng anh phải lung lay.

– Tôi không phải nói khoe chứ tôi từng trải đã nhiều, hiểu biết sự đời đã nhiều rồi. Tôi đau đớn vì sự đời còn gấp trăm gấp nghìn anh. Bây giờ tôi không tin sự gì nữa mà chỉ tin độc một đồng tiền. Ông Tây ông ấy bỏ quê hương, sang nước mình để làm gì? Cũng chỉ để kiếm tiền. Mình sống ở đời chỉ nên làm cho ra tiền để bắt trăm nghìn kẻ khác phải cúi đầu chấp tay trước mắt mình, thế là sướng. Cho nên dù có phải vứt bỏ hết tất cả những cái gì yêu quý nhất để được đồng tiền tôi cũng không từ chối. Vì mất cái ấy, tôi đã có tiền để mua cái khác. Mà cái khác có lẽ lại còn tốt đẹp hơn...

Dứt lời, cai Tứ khẽ liếc nhìn Thuật để dò la ý tứ.

Thuật vươn vai, ngáp và than thở:

– Sự đời chán thật!

– Chán mà không chán. Thằng nào nghèo khổ thì chán là phải vì một khi đã không có tiền thì còn có đêch gì nữa. Còn như những người giàu tiền lắm của thì người ta vui như tết chứ chẳng đời nào lại thấy sự đời đáng chán hết. Người ta thường nói chuyện và khen những tay đạo sĩ có nhiều phép lạ. Tôi, tôi cho không có nhà đạo sĩ nào lắm phép thần thông bằng tiền. Một túp lều hôm nay còn lụp xụp, tối tăm như cái tổ chuột. Thế mà vung tiền ra một cái, ngày mai túp nhà đó đã biến thành một tòa lâu đài đồ sộ. Một thằng người hôm nay còn khố rách áo ôm, vợ con rẻ rúng, bạn hữu chê cười, ngày mai đã có thể trở nên một ông chúa tể, được hết thầy sùng phụng, nịnh hót và có quyền hét ra lửa như Thiên lôi...

Thuật cười:

– Cháu cũng biết nhưng còn cái cách làm ra tiền cho thực nhiều thì khó lắm!

– Chỉ những thằng ngu mới kêu khó! Anh mà nghe tôi thì tôi sẽ bảo anh một cách này...

– Thế thì còn nói gì nữa!

– Trước hết, anh phải làm thế nào cho chủ yếu đã. Chủ yếu tức là mình có quyền...

– Làm thế quý nào cho chủ yếu được bây giờ?

– Anh thử xem tôi! Nội trong cái mỏ than này, nhất thì chủ, nhì đến tôi, còn ai hơn được? Ngoài số bạc trăm tôi kiếm hằng tháng, tôi còn được chủ luôn luôn cho thứ này thứ khác. Tôi chỉ nói một câu tỏ ý thêm rượu là chủ cho ngay hai chai sâm banh kếp sù, đáng giá mười bốn đồng...

– Nhưng mà cả mỏ này chỉ một mình ông được thế chứ ai ai cũng có thể làm cho chủ yếu được hay sao!

– Cái ấy đã đành! Nhưng, riêng phần anh thì lại khác, anh có thể cũng làm được như tôi...

Ngừng lại để hút điếu sái nhất, cai Tứ rình vẻ mặt Thuật để dò xem ý anh ta như thế nào rồi lâu lâu mới nói:

– Như anh bây giờ đang được để ý đến. Đó là một sự may mắn hiếm có. Anh phải biết lợi dụng mới được. Tôi thấy anh là người tốt cũng muốn giúp anh nhưng chẳng biết anh có chịu nghe không?...

– Ông đã có lòng thế, bảo gì mà cháu không nghe.

Cai Tứ sung sướng như bắt được của.

– Tôi nói, anh nghe thì nghe, không nghe thì thôi, đừng có giận mới được.

– Khi nào cháu lại giận!

– Chẳng nói giấu gì anh: hôm nay tôi sở dĩ mời anh lại chơi cũng là vì ông chủ bảo thế...

Thuật giả cách ngạc nhiên để xem cai Tứ giở những trò gì.

– Ô! Lại thế nữa?

– Chính thế đấy! Chủ bảo tôi mời anh lại chơi vì chủ muốn cầu anh một việc...

– Ông chủ sai cháu làm gì mà cháu chẳng phải làm!...

– Việc này hơi khó. Nguyên khi trước, ông cũng đã... biết chị Thuật...

Anh chàng tái mặt... Nhưng vẫn lắng tai nghe.

– Giá ông chủ không có bà đầm ở đây thì chị ấy đã chẳng đến phân anh. Bây giờ, tuy anh chị đã lấy nhau mà ông chủ vẫn còn tư tưởng chị ấy lắm... Ông muốn bảo tôi nói với anh thỉnh thoảng để chị ấy lên chơi trên nhà chủ...

Thuật cố điềm tĩnh:

– Nhà cháu thì xấu xa vụng dại lắm, bằng sao được bà cai nhà ta, sao ông không nói với chủ...

– Ô! Anh này ăn nói mới lạ chứ?...

– Kìa! Thế ông giận à?... Ông mới nghe tôi nói thế mà đã giận, dễ thường tôi nghe ông nói, tôi không tức hay sao? Vợ ông, ông còn muốn giữ thì vợ tôi, tôi cũng tiếc chứ lại! Cớ sao ông lại đem cái điều chính ông không thích mà xui tôi làm?...

– Anh khác, ví với tôi làm sao được?

Thuật nhếch mép cười:

– Phải, tôi với ông thì có bao giờ lại giống nhau.

Cai Tứ ngồi nhóm dậy.

– Cái ấy đã hẳn. Một thằng khố rách như anh ví với tôi thế nào được!

– Một thằng khố rách nhưng nó là người thì không bao giờ lại ví được với giống mặt người da chó.

– À, thằng này giỏi! Mà dám láo với ông thì mày sẽ biết!

– Biết thì mày làm cái gì? Đáng nhẽ tao đập cái chai này vào mặt mày từ nãy nhưng vì tao sợ bẩn tay nên lại thôi.

– Ông thì tống cổ mày đi!

– Mày không tống thì tự tao tao cũng khắc đi. Tao không thể nào ở lẫn với một đàn chó được.

Thuật đứng dậy.

Trước khi bước ra, anh còn bảo cai Tứ:

– Mày liệu cái hồn mày đấy. Bây giờ thì tao không thèm nói gì nhưng sau này, hể mày còn dám vác cái mặt chó ra trước mặt tao thì mày đừng có trách!...

Máu uất đến lên đến cổ, cai Tứ vớ ngay cái chai ném thẳng vào mặt Thuật.

Né mình tránh khỏi, Thuật điên tiết nhảy sấn lại đè ngửa cai Tứ xuống giường, hai bàn tay bóp chặt lấy cổ lão và lắc rất mạnh.

Ngay lúc ấy, chủ mỏ than ở ngoài vào. Người Tây không kịp nói năng, chạy lại nắm tay Thuật du ra.

Đương cơn giận, Thuật đánh vong mạng, chẳng phân phải trái gì nữa, đoạn anh đập bung cánh cửa nhà cai Tứ rồi chạy ra đường.

Tép lúc ấy hầy còn thức để đợi chồng. Thấy Thuật ở ngoài xông xộc bước vào, mặt đỏ gay gắt, hai mắt sáng lóng lánh, chị ta giật mình đoán ngay có sự gì không thường đã xảy ra:

– Cái gì thế anh?

– Mẹ bố những quân chó má quá!... Hừ, đồ mặt người dạ thú! Ông thì quyết liều mạng với chúng bay phen này!....

– Nhưng mà cái gì mới được chứ?

– Cái gì! Lại còn cái gì!... Thằng cai Tứ nó gọi lên tướng bảo gì chẳng hóa ra nó tỉ tê bảo mình đưa vợ lên cho chủ...

Tép nóng ran cả người: mặt chị cũng đỏ bừng như gấc chín.

– Tiên sư đồ đểu!

– Tôi chửi cho nó mấy câu. Nó không biết xấu hổ lại còn vớ chai để chực đánh. Tôi bóp cổ cho một mẻ, tí chết. Cũng là phúc cho nó mà thằng chủ nó vào...

– Chủ cũng đến à?

– Phải, nó du tôi ra. Tức mình, tôi choảng cả đôi...

Tép hoảng hốt:

– Chết chữa!... Anh đánh thế thì nguy với chúng nó!...

– Sợ gì! Một mất một còn! Tôi không sợ gì cả. Chúng nó bỏ tù mình là cùng chứ gì! Thì mình cũng đã dạy cho chúng nó một bài học làm người rồi!...

Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1938.

LAN KHAI

MỤC MÀI NƯỚC MẮT

(Tiểu thuyết – Trích)

Tiểu thuyết ít nhiều có tính chất tự truyện.

Khải, một văn sĩ sống chết với nghề. Tuy đã lao động đến kiệt sức nhưng vì bị các ông chủ xuất bản bóc lột tàn tệ nên ngòi bút của anh không đủ để nuôi vợ và đàn con nhỏ. Gia đình nheo nhóc, công nợ ngập đầu. Thậm chí hàng năm Tết đến anh không có đủ tiền để đưa vợ con về Tuyên Quang thăm người cha già yếu. Anh ngày càng thấm thía một sự thực đau lòng: sống bằng nghề văn trong hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ là sống một cách khổ nhục. Nỗi cơ cực của sự sinh nhai thường ngày làm thui chột tất cả những hoài bão, ước mơ đẹp đẽ của anh.

Sau khi bán bản quyền một tập bản thảo tiểu thuyết với giá rẻ mạt cho một nhà xuất bản quen, Khải cùng vợ con trở về Tuyên Quang, sống với cha. Mua được một ngôi nhà lá, một mảnh vườn nhỏ, anh hy vọng tìm được trong cảnh sống mới sự bình tĩnh và niềm vui.

Dưới đây chúng tôi giới thiệu chương II và một phần chương III.

II

Hết tiền nhà đến tiền gạo, giờ lại tiền thịt, và còn tám năm thứ tiền khác nữa thế này thì tôi cũng đến chết mất, chả sống được! – Kim, không chờ mụ hàng thịt xuống khỏi cái thang gỗ khấp khểnh, lập tức quay ngay vào kể lể bằng một giọng sùng sục nước mắt. Khải ngẩng đầu; tay đặt dần cái quăn bút lên trang cuối cùng tập bản thảo chàng đang viết nốt:

– Khổ quá! Thì mợ cứ để mặc tôi có phải là nhẹ mình không... Sắc mặt Khải biến từ vàng xỉn sang màu tái nhợt. Chàng tì hai khuỷu tay xuống mép bàn; sau lần kính cận thị, cặp mắt chàng mở to nhìn thẳng vào Kim với một vẻ bực dọc và chán nản: mợ cứ mặc tôi van khát người ta thế nào yên chuyện thì thôi.

- Nếu mặc được thì nó đã ra một lẽ khác!
- Sao lại không? Ấy thà như thế còn hơn là cứ nay eo sèo mai eo sèo mãi, không ai chịu nổi...
- Giá những người có nợ họ chịu để tôi yên thì cứ gọi là cạy răng, tôi cũng chẳng nói lấy nửa câu.
- Đã thế, mợ cứ nói! Mợ nói thế nào cho nó nảy ra tiền được thì còn gì bằng!...
- Cứ chết quách ngay đi là rảnh chuyện. Kim dần dỗi quay mặt vào vách: Chết là thôi, chẳng còn điều nợ tiếng kia rắc rối nữa!
- Khải chua chát:
- Việc gì đến nỗi phải chết! Tôi có bắt ép mợ cứ sống mãi mãi với tôi để thua chị kém em đâu!
- Chẳng ai bắt ép được ai hết... Mà chẳng ép thì sự cũng đã muộn rồi.
- Nào tôi có ngờ đâu đến nỗi chỉ vì đồng tiền mà mợ đâm ra oán hận tôi như thế. Lấy chồng thì theo cảnh ngộ của chồng. Ở đời này, ai không muốn phẫn giồi mặt, nhưng cái đời tôi chẳng may đã như vậy, tôi còn biết làm thế nào? Đối với công việc bốn phần một người chủ gia đình, tôi tưởng cũng đã làm đầy đủ lắm thì phải. Mợ thử xem: ốm thở chẳng được thế này, tôi cũng cố ngồi dậy để viết... (Khải nhìn xuống trang bản thảo). Với lại, chỉ còn một đoạn cuối nữa là đã có tiền ngay, chứ phải chờ đợi lâu la gì cho cam...
- Đã chắc bán được ngay chưa! Hay là tết nhất đến nơi, các nhà xuất bản người ta còn để tiền chi món khác...
- Hãy thử xem; chẳng nhà này thì nhà kia, lo gì!
- Thế mới rõ đương yên đương lành đọc canh chịu tội! - Giọng Kim trở nên đay nghiến và chế giễu: Giá chịu khó viết cho nhà Nghệ thuật, có phải cứ giao sách ăn tiền, nhẹ mình bao nhiêu? Đâu đến nỗi phải chạy ngược chạy xuôi để chỗ này nó dìm giá chỗ kia nó bắt chẹt...
- Khải xô ghế đứng dậy; chàng không thể chịu được nữa những lời quá thiết thực mà Kim đại đi đại lại đã hàng trăm lượt về cái việc Khải đòi tăng tiền nhuận bút, nó đã khiến nhà Nghệ thuật tuyệt giao với chàng:
- Gớm, có mỗi cái việc tầm thường ấy mà mợ cứ làm như tôi

đã phạm một tội đại phản nghịch không bằng. Sự thực, ai đặt địa vị vào tôi, người ấy cũng phải tức. Tại sao những sách tôi đã viết bán cũng chạy tay như của mấy văn sĩ khác, mà số tiền nhuận bút của tôi lại chỉ bằng nửa của những người kia? Ấy chẳng qua lão Nghệ thuật, nhân thấy tôi vợ con một đàn một lũ, cho rằng dù bất chệt thế nào tôi cũng phải chịu. Người ta đã xử với mình theo lối con buôn, mình cũng phải biết cho người ta thấy rằng còn có quyền lợi của mình nữa chứ! Không làm thế, thiên hạ nó cũng cười cho là đồ ngốc...

– Ôi chào! Ở đời giả dại làm ngây, chứ khôn kia để bán dại này mà ăn! Biết thế nào cho cùng... Vả lại, cậu xoay xỏa lắm chỉ tổ mua thù chuốc oán vào mình, chứ đã được tích sự gì? Cứ lơ mờ như anh Ngọc thế mà lại hóa yên thân yên xác...

– Yên thân! Khải nhún vai và cười mũi: ra khổ, đàn bà muốn gì chẳng biết hãy yên thân cái đã! Và những thằng chồng chỉ nên cứ xấp mặt xuống, đừng kể gì là tức khí, là nhục nhã hết.

– Nhục nhã nào chưa biết, hãy biết cái nhục nhã gạo không có đổ vào mồm, với các đũa không bằng đầy tớ mình nó nói cho như chửi vào tận mặt mà vẫn phải chịu đấy..

– Ở đời, ai không nợ? Vả cái nghèo phải đâu là cái xấu...

– Ngồi mà cãi lý bây giờ thì ai theo kịp cậu được! Theo ý tôi, chẳng lôi thôi gì cả... Nếu người ta trả mình kém một chút, mình chịu khó viết ra thêm số trang thì đâu cũng vào đấy!...

– Chịu khó!... Mợ chẳng thấy vì chịu khó mà tôi thành ra đương vùi lấp cái tên tôi dưới một đồng giấy lộn đấy ư? Viết văn có phải như đóng đồ gỗ đâu mà bảo cố gắng để lấy thêm tiền.

– Nghề văn đã không nuôi sống mỗi người, cậu sao còn cứ đa mang nó mãi?

Khải giương to hai mắt nhìn vợ: chàng ngây ra chẳng khác một kẻ mộ đạo chột nghe ai xui hạ chính ngay cái thần tượng của mình xuống mà làm củi! Im lặng giây lâu, chàng mới thủng thủng nói bằng một giọng đầy xót xa:

– Thôi, tôi đã chót rồi, và mợ, tôi xin mợ đừng nói nữa...

Kim lảng:

– Cậu đừng tưởng cái việc đòi tiền nhuận bút đã được người ta khen đâu! Cậu không xem, bao nhiêu đũa nó xúm lại công kích cậu

mĩa mai rằng đã là văn sĩ mà còn yêu sách tiền nong là không xứng đáng, là bản thi, là vật chất, là...

– ... đề tiện nữa chứ gì? Khải toan nói tiếp: chẳng cứ những quân khốn nạn ấy, tôi dám chắc vợ cũng nghĩ vậy. Chàng thấy Kim đáng bỉ hơn bao giờ hết. Chàng cho Kim mới là kẻ thủ phạm đã gây nên tất cả mọi đau đớn vật chất và tinh thần của chàng. Một ý tưởng chạy vụt qua óc chàng: giá Kim chết! Giá chàng có thể giết được vợ! Khải rùng mình tự ghê tởm và càng oán ghét Kim. Chàng đứng sững lại, nói chõ vào mặt thiếu phụ, như khi người ta cảm thấy cần phải giảng cho vợ cái ngu ngốc của kẻ đàn độn: “Vợ phải biết: chính những đứa công kích tôi, nếu ở địa vị tôi, chúng cũng làm như tôi đã làm. Chúng sở dĩ đã nói trái với lương tâm chúng, ấy chẳng qua vì chúng muốn nịnh hót chủ để hòng có được thêm miếng thịt miếng xôi nào đó thôi. Stéfan Zweig đã bắt một hãng quay phim Mỹ phải trả bản quyền cuốn tiểu thuyết lịch sử *Marie Antoinette* của ông ta mười lăm triệu Mỹ kim, Léon Tolstoi đòi mỗi trang tiểu thuyết *Anna Karénine* ba ngàn roubles thì không sao, một văn sĩ của cái nước “ngàn năm văn hiến” này, trái lại, đã bị các bạn cùng nghề chửi là vật chất, và đã bị ngay vợ mình ngờ là hiếu sự, chỉ vì anh ta đã dám đòi những... tám hào một trang bản thảo gồm ba mươi ba dòng, mỗi dòng mười hai chữ! Bằng ở cái lý nào, tôi thử hỏi vợ, người ta cứ ép buộc nhà văn phải cao thượng, nghĩa là phải uống nước lã, để rồi người ta lại bĩ báng nhà văn là phường kiết xác? – Khải ngừng lại, tựa hồ để lắng nghe cả một quãng dê dài phần uất nó vỡ tung ra, trong lòng chàng:

“Người Việt Nam thực là một giống quái gở! Họ nhất định ép văn nhân phải cao thượng bằng cách chịu nghèo suốt đời, thế rồi họ bĩ thử chính ngay sự nghèo túng ấy, và cho văn nhân bất quá là một hạng bất mãn bởi thi không đỗ, một hạng dở ông dở thằng vô tích sự. Cùng một lúc, họ đã thờ phụng những Lý Thái Bạch, Tô Đông Pha, Hàn Dũ, Đỗ Phủ, và hiện đương hết sức tán tụng những Shakespeare, Goethe, Tolstoi, v.v...”

Khải xục xạo quanh trong gian gác, Kim gục xuống cánh tay và sụt sịt khóc, như bất cứ người đàn bà nào ở vào một cảnh ngộ như nàng: “Ai lại hăm mấy Tết rồi mà vẫn mẹ một nơi, con một nẻo. Trong nhà thì đồng xu không có... lấy gì mà trang trải công nợ, lấy gì mà mua sắm một tí gọi là đón tay cho trẻ lúc lên nhà!”.

Khải buồn quá. Chàng đã cố quên mà sự thực cứ được phô bày ra trước mắt chàng một cách sỗ sàng và tàn nhẫn. Khải ngồi bệt xuống chỗ cũ; mắt chàng vẫn vợ nhìn trang bản thảo trong khi trí chàng nghĩ băng khuâng đến cha già, con dại. “Tội nghiệp quá! Cả Kim nữa... Kim, dù sao, cũng chỉ là một người đàn bà ít học vấn và hiểu biết, thế thôi. Làm cách nào bây giờ? Chỉ còn đọc một kế là viết cho xong quyển tiểu thuyết này”. Khải cầm lấy bút. Trời, suốt đời chàng, Khải, có lẽ không mong gì còn có lúc thoát ly được cái khổ đánh đĩ ngồi bút chằng? Nếu vậy, thà đổi quách nghề, như Kim đã nói.

Một giờ sau, Khải ném tạch quản bút xuống mặt bàn. Chàng xoa tay: “Thử lại thằng cha Hàn Mặc xem nào. Hấn sản mình mãi, may ra hấn sẽ trả mình được một giá phải chằng...”

Khải tiến đến trước tấm gương dài mốc thủy. Chàng thất lại cái múi chiếc cravate màu huyết dụ đã hoen ố và sờn mép. Nhìn cái dung nhan gầy và xanh, phản chiếu trong làn gương, Khải chép miệng: “Coi chừng lại theo Vũ Trọng Phụng sớm!”. Và lòng chàng nao nao hấn lên, cũng chẳng rõ ấy là tình thương bạn hay thương thân. Chàng không muốn có thêm một đau đớn nữa, khi lòng chàng đã nhiều đau đớn; chàng mặc vội quần áo, với cầm tập bản thảo, đoạn quay ra đầu thang gác:

– Mợ ở nhà nhé! Tôi đi một lát xem thế nào rồi tôi về ngay.

Kim nín lặng...

Cái nó đến óc chàng trước hết, khi Khải xuống tới đường, ấy là một điều lo: chủ nhân Hàn Mặc thư xã vắng nhà thì sao? Lại nữa, hấn có thể có nhà, nhưng quyển văn của chàng lại cũng có thể không bán được, vì một lẽ gì đó – chẳng hạn, như Kim đã nói: “... Tết nhất đến nơi, các nhà xuất bản còn để tiền chi món khác”. Khải thở dài! Cái hy vọng cuối cùng, mà chàng cố níu lấy thế là tan mất, chẳng khác một bóng mây nhỏ dang chân trời, giữa khi đại hạn. Và, đã mất đến cả cái hy vọng sau cùng? Chàng cảm thấy nó trong hơi lạnh của cái nắng hanh vàng và trong như mật, trong cái tưng bưng của đám đông, của xe cộ, của các hàng rong, của tiếng còi xe hơi, chuông xe đạp, tiếng kêu gọi, tiếng cười đùa quanh mình nhất là trong cái thắm tươi, kiều diễm của các cô thiếu nữ. Khải cúi đầu, bước lủi thủi trên vỉa hè. Chàng ngạc nhiên sao, ngay giữa nhân loại, một người lại có thể lẻ loi được đến như chàng. Chàng nhắc đến tên bạn, nhất là các bạn đã được chàng cho nhờ vả, để có cớ mà oán trách.

Chàng có cảm tưởng như hết thấy đều tệ bạc với chàng và càng ôm ghì lấy cái buồn đơn chiếc, như người sắp tự tử vuốt ve khẩu súng lục. Ô, nhưng mà buồn đã vậy. Người ta có thể sống với trăm nghìn buồn khổ nó chứa chất trong tim; người ta không thể nào sống được mà lại không có lấy ít ra là một tia hy vọng. Khái cũng thế. Mặc dầu sự thất vọng, sự lo lắng, sự sầu muộn, Khái, rút lại vẫn cố tìm lấy cho lòng chàng một ước mong. Chàng ước mong lần thần giá có người vô ý bỏ rơi một ví tiền. (Khái liếc mắt tìm nhanh một chỗ kín đáo – một góc cây hay một khóm cỏ nào đó – để cho cái ví rơi có thể còn được đến lúc chính chàng nhìn thấy). Khái tưởng tượng cái cách khôn khéo chàng sẽ cúi xuống nhặt chiếc ví; chàng tự hỏi xem nên rẽ vào con đường nào vắng để có thể ung dung kiểm soát số tiền bắt được. Chấp chiếm của chẳng phải của mình, Khái cũng biết là một điều mà người ta không khen; nhưng... Ô, cần quái gì cái thứ luân lý đặt ra bởi những kẻ chưa từng bao giờ hiểu thế nào là đói, rét, nhất là chưa bao giờ hiểu nỗi đau đớn của một người cha khi thấy chính lũ con mình đói rét! Chàng lẩm bẩm đếm: “một, hai... ba... bốn... năm... năm tờ giấy hai chục... Một trăm đồng cả thảy!” Một trăm đồng, đủ chán! Khái có màng chi nghìn ấy, vạn khác; chàng chỉ cần một số tiền vừa vặn để dẹp tắt cho gia đình chàng những tiếng than khóc, những tiếng eo xèo. Khái thoát lên một chiếc xe tay và giục túi bụi anh phu xe chạy ba chân bốn cẳng về phố Hàng Bún. Chàng nháy bốn bậc thang một lên gác. Chàng ấn trăm bạc vào tay Kim, sau khi đã hôn như tươi lên trán, lên mắt, lên má nàng: “Thôi mình đừng khóc nữa... Tiền đây rồi... Tất cả một trăm bạc đây mình muốn tiêu gì tùy ý!” Khái phân vân, chẳng biết có nên làm như vậy chẳng hay là chàng sẽ quay về với một vẻ tuyệt vọng, và sẽ khoanh tay ngồi thừ ra trước bàn viết, sau khi đã ném tập bản thảo xuống mặt sàn gác và nguyên rủa một người bạn tưởng tượng nào đó đến hết nhờ. “Tấn kịch sẽ kéo dài cho đến lúc mẹ cu thật cuống, bấy giờ ta mới thủng thủng đứng lên và trình trọng như một tay phù thủy hợm mình, ta sẽ đọc một câu thần chú bố vờ, đoạn hô: một, hai, ba... biến!... Chị chàng cứ gọi là “lác mắt”, khi thấy bố cu dí vào tận mũi đủ trăm bạc!” Khái bật cười, làm cho mấy thằng bé nhặt lá bàng phải ngơ ngẩn. Nhưng chàng vẫn say sưa trong giấc mộng: “Thấy chồng không bán tiểu thuyết mà tự nhiên có nhiều tiền, chị chàng tất nhiên tò mò hỏi... Ta sẽ nói thực cái may mắn phi thường của ta, và sẽ giơ cho Kim cái cái ví...” (hình ảnh cái ví da màu đen lánh bày trong tủ kính nhà Gôđa

thoáng hiện trước mắt Khải). Chàng nắc nỏm: “Cái ví đẹp quá!...” và nghĩ to: “... Không biết nên giữ để dùng hay vứt bỏ?...”

III

Khi các món nợ đã trang trải xong đâu vào đấy, và các hành lý của chàng (một hòm quần áo với hai bồ to sách) đã được xếp cẩn thận trên nóc ô tô hàng rộng lớn, như cả một gian nhà. Khải ngạc nhiên nhận thấy rằng sự đổi chỗ ở, thực ra không có gì khó chịu, như chàng lắm tưởng. Trái lại thế! Khải nhìn Kim, và nói qua một nụ cười: “Những ngày cuối cùng ở Hà Nội thực là cả một ác mộng”. Ấy là một đoạn đời đã hết hẳn, đã qua đi mãi mãi – và lòng chàng tự nhiên lâng lâng khoan khoái, trong sự chờ đợi bâng quơ một cái gì mới mẻ nó sẽ bắt đầu cho chàng.

Hành khách lên đã đầy xe. Người cảnh sát thổi một tiếng còi. Chiếc ô tô từ từ ra cổng bến Nứa và rẽ lên cầu sông Cái. Vậy là thôi, vĩnh biệt Thăng Long, với những cái vinh cái nhục chàng đã sống ở đấy; vĩnh biệt Nghệ thuật tôn ông, cả chủ nhân Hàn Mặc thư xã nữa! Những ngón ranh ma trong sự lợi dụng và bắt chẹt của anh chàng văn sĩ nửa đời này cũng chẳng kém chi của bạn đồng nghiệp hẳn. Biết thóp cảnh nhà văn chạy Tết – cái cảnh chính hẳn, xưa kia, đã từng qua – hẳn đã vờ kêu tưng âm ỉ, khi Khải vừa mở miệng nói cái mục đích đến thăm của chàng: “Bực quá, tiên sinh ạ, ai lại Tết nhất đến nơi, mình phải trả nào tiền in, nào tiền giấy hàng trăm món, thế mà mấy thằng đại lý chó chết nhất định cứ ỳ ra, thì tiên sinh tính có tức đến phát điên lên được hay không?” Và hẳn vồn vã mời Khải lại bên khay đèn: “... Hãy làm mấy phát đã! Anh em lâu không gặp nhau, đi đâu mà vội... Câu chuyện tiền nong, rồi đâu tự khắc có đấy!” Nhưng, luôn mấy tiếng đồng hồ, hẳn chỉ nói những câu phiếm và chỉ kể lể những cái cái không mấy may quan thiết chi đến Khải. Chàng dậm nóng ruột: “Thế nào, ông anh có lấy giúp đệ quyển tiểu thuyết này chẳng?” Hẳn vẫn chờ câu hỏi ấy, tuy cứ làm ra dáng uể oải cầm lấy tập bản thảo giở xem (cứ theo thời giá tám hào một trang, quyển tiểu thuyết của Khải bán rẻ cũng phải một trăm hai mươi đồng). Hẳn thở dài: “Chẳng mấy khi đại huynh hỏi đến. – Ô, Khải bán chứ có vay đâu! – Đệ mà không có đưa đại huynh tiêu thì thực rất lấy làm ân hận; khốn nỗi, chính đệ cũng đương quần bách

hết sức...” Hấn ngừng lại để hút và, khi đã nhận rõ vẻ lo lắng thất vọng của Khải, hấn mới ngọt ngào bổ nhân nghĩa:

– Thôi, chẳng mua bán gì cả: đệ cố lo sáu chục đưa đại huynh tiêu; còn hơn thiệt chừng nào thì kể như đại huynh giúp đệ được chăng?

– Được, Khải hổ thẹn như một gái đi chưa quen nghề khi Khải nghe những câu mặc cả sống sượng: Cho xin một mẫu giấy trắng để tôi viết tờ nhượng quyền.

Nhận tiền xong, Khải lập tức đứng dậy ra về. Chàng nghĩ: Ấy là tiếc tài thàng người nào cũng đã biết rằng một ngày kia nó phải chết, và khi từ già cỗi đời thì vua Ngô ba mươi sáu tàn vàng, thác xuống âm phủ chẳng mang được gì, mà nó còn tham lam tàn nhẫn được đến thế đấy! Giá nó có thể sống mãi mãi thì không biết sẽ tệ như thế nào! Và chàng cảm thấy một nỗi buồn tuyệt vọng, trước cái cảnh loài người, để mưu sự sống riêng cho mình, cứ phải ác hại lẫn nhau.

.....

Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1941.

LAN KHAI

CÁI HỘT MẠN

(Tiểu thuyết lịch sử)

*Sum vậy mấy lúc tình cờ,
Chẳng qua bên gối một giờ mộng xuân,
Giận thiếp thân lại không bằng mộng
Thôi gần chàng bên Lũng Thành Quan
Khi mơ những tiệc khi tàn,
Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không!*

Nguyễn Thị Điểm

1

Trong vườn hoa dinh quan Thái sư chí sĩ Phạm Cự Lượng Tướng công khuất sau dải tường đá ong rêu phủ, không khí lúc nào cũng dịu dàng và sức nức hương thơm...

Những khóm liễu mơ màng, những gốc đào cổ kính, những cụm hải đường, tầm xuân, thực được in bóng dưới gương hồ.

Ngôi trên các đầu cột trụ hoặc đuối nhau trên các mái lầu cong, những cặp kỳ lân, những đôi phượng sứ phản chiếu nắng xuân thành những tia lửa cầu vòng chói lọi...

Đàn bướm ngũ sắc tung bay...

Con hoàng oanh, chiếc thoi vàng thấp thoáng trong tơ liễu biếc, véo von ca khúc *Xuân tình*. Tiếng hót của con chim, phẳng phất cái tiếng gọi thiết tha của một linh hồn lẻ bạn ấy, khiến nỗi lòng của Bội Ngọc càng náo nùng...

Nàng ngồi dựa bao lan hiên *Lâm Thúy* và im lặng hàng trống canh, ủ trong khóe hạnh cả một nỗi buồn sâu thẳm...

Chợt nghe oanh kêu, Bội Ngọc thở dài, nhìn lơ đãng cảnh

hoa viên đầy bóng râm và ánh nắng, đầy hương thơm và muôn tiếng mơ hồ của tịch tịch.

Bội Ngọc là con gái của một Phạm Thái sư.

Sinh trưởng ở một gia đình sang quý vào bậc nhất nhì trong nước. Bội Ngọc, từ nhỏ, chỉ biết những nâng niu chiều chuộng, những hương xạ ngọc ngà với tất cả sự thỏa thuê do địa vị.

Hơn thế nữa, Bội Ngọc còn có với nàng cả một áng thanh xuân đầy ước hẹn và một nhan sắc tuyệt trần gian.

Phải, ai còn không biết tiếng Bội Ngọc là hoa khôi của thời đại?

Mà, trên gương mặt thiếu nữ, cái nó khiến người ta chú ý nhất tức là cái màu da lộng lẫy, nõn nà, như màu cẩm thạch.

Gò má nàng hơi cao, cái cằm nàng hơi lẹm, cặp mắt nàng dịu dàng, trong lạng và làn môi thắm luôn luôn như ngậm nét buồn càng khiến cho dung mạo ấy có một vẻ trinh tĩn u nhàn.

Đối với dục vọng phàm trần, nhan sắc của thiếu nữ có khi bằng tuyết, xa xôi quá. Nhưng, đối với những mắt xanh lục loài trong thế tục, đó lại là một vẻ đẹp khó lòng quên, mặc dầu chỉ khi nó thoáng qua giây phút, như cái bóng mộng mong manh.

Nàng vận một áo gấm ngắn rộng tay màu hồ thủy, vạt lấn trong những nếp xiêm là riêm rúa, bó chèn lấy lưng ong bằng một sợi kim tuyến có tua dài.

Y phục nghệ thường ấy khiến nàng, mỗi khi cử động, chập chờn như con bướm lượn trong hoa.

Đối với một người như Bội Ngọc, cuộc đời phải là một bài thơ dệt bằng những ước vọng muôn màu.

Vậy mà, trái lại, nàng đã ủ trong khóe mắt cả một nỗi buồn sâu thẳm!...

Vậy mà, cùng buổi sớm xuân hôm ấy, nàng âm thầm, ủ rũ trong khi cả tạo vật tươi vui...

Thỉnh thoảng nàng, khẽ nâng mảnh khăn điều thắm cạn giọt châu đọng sau diềm mí mắt. Cử động ấy cho ta được thoáng trông bàn tay nàng, nó là cả một công trình mỹ thuật, với những ngón búp măng trắng nõn, với những móng thon thon kiểu hạt hạnh, bóng như những mảnh ngọc máu hồng.

Nhưng, vì sao Bội Ngọc buồn?

Là vì, đã sáu tháng nay, cuộc đời êm đẹp của nàng bỗng trở nên một khúc tương tư, rồi một bài ly hận.

... Đã sáu tháng nay, giữa hôm lễ thọ Phạm Tướng công...

Ngài vốn là đệ nhất công thần của Đại Hành Tiên đế nên, mặc dầu ngài đã về chí sĩ, vua quan trong triều vẫn một niềm trọng vọng. Hôm lễ thọ Phạm Thái sư, bởi thế, các vương hầu khanh tướng đều khắp mặt lại mừng.

Từ quá giờ Ngọ hôm ấy, bao nhiêu ngựa xe võng lọng mà Kinh thành Hoa Lư có thể có được đều dồn lại trước Hầu Môn, bao nhiêu trâm hốt hoa bào đều hẹn nhau khoe đẹp phô tươi với cỏ hoa trong tướng phủ, bao nhiêu nhạc khí cùng đồng thanh cử khúc sinh ca làm rộn rịp bầu không khí bình nhật êm đềm như của một nơi tĩnh thất.

Thế rồi, giữa khi ngoài khách đường diễn ra cái cảnh yến diên hoa lệ, Phạm Thái sư khẽ lảng vào tư thất và truyền gọi tiểu thư. Ngài âu yếm cầm tay con gái, dắt nàng lại sau bức rèm hoa đoạn trở một thiếu niên tân khách uy nghi như một vị thiên thần.

– Tú Tướng quân chế chỉ huy sứ Lý Công Uẩn kia sẽ là giai tể của lão!

Câu nói khiến Bội Ngọc thẹn thùng cúi mặt. Nàng thẹn. Nhưng, cũng từ lúc ấy, tấm lòng xuân thắc mắc vương tơ...

Nàng bắt đầu mất hết sự yên tĩnh của tâm hồn: Gương mặt Lý Công Uẩn luôn luôn theo dõi nàng như một ám ảnh...

Tình yêu, một khi có đủ thì giờ và sự nhàn rỗi, thường trở nên một sức mạnh tàn phá không ngờ.

Mỗi ngày, Bội Ngọc một ẻo lả đi chẳng khác cây non thiếu ánh sáng. Nàng cố vui mà chẳng thể vui. Các tiêu khiển hằng ngày không những không đem lại cho cặp môi phai cái nụ cười vô tư lự của tuổi trẻ mà càng khiến tấm lòng nàng đã héo hon vì khát vọng càng thêm nung nấu.

Tuy vậy, Bội Ngọc, mãi đến lúc này, chẳng qua bắt đầu nếm những kẹo kuột tuy hun đốt mà say sưa của ái tình.

Nàng thực đau khổ mới từ hôm đạo sắc chỉ tàn sát những người họ Lý ban hành.

Nguyên nhân sự chu lục hãi hùng ấy lại chỉ là một giấc mơ vô nghĩa lý:

Một đêm kia, vua Ngọa Triều mộng thấy mình ăn một quả lê mà, lạ thay! Cái hột bên trong lại là *cái hột mạn*.

Lẽ tất nhiên quan giải mộng được vờ vào bệ kiến. Rồi, chẳng rõ vì thù riêng hay cốt làm to chuyện để hót vua, quan lớn đoán ngay rằng, cứ theo điềm gỡ nọ, ngôi nhà Lê sẽ mất về họ Lý.

Ngọa Triều Hoàng đế nổi trận lôi đình và tức khắc giáng chỉ tru di quân bần nghịch, chẳng kể là oan hay không, bất luận kẻ bị thảm hình ở địa vị nào trong xã hội.

Đạo sắc chỉ viết bằng máu ấy, như một cơn bão, ném tung sự khủng bố xuống đầu lê dân đã ngất ngỏi dưới chính sự hung tàn.

Mà, riêng phần chàng, Công Uẩn chắc chắn sẽ phải chia cái số phận của biết bao kẻ hàm oan, bởi lẽ chàng cũng thuộc dòng họ Lý.

Bội Ngọc tê mê vì tuyệt vọng. Càng tuyệt vọng, thiếu nữ càng cảm thấy đời nàng chẳng thể nào toàn vẹn được một khi Công Uẩn sẽ không còn. Nàng đã liều cầu khẩn phụ thân để ngài cố vận động thử xem có cứu được chàng không. Phạm Thái sư chỉ thở dài gạt nước mắt: Ngài đã nhiều phen được hiểu rõ tấm lòng sắt đá của Ngọa Triều Hoàng đế.

Thế là, từ hôm ấy cuộc đời thiếu nữ trở nên một cực hình. Nàng tê mê đau khổ không bút nào tả xiết: mỗi hơi thở của nàng là một tiếng rên xé ruột; mỗi giọt nước mắt của nàng là một giọt máu đào; mỗi tiếng động của tim nàng là cả một khúc ca trường hận.

Cảnh vật xung quanh nàng tươi thắm bao nhiêu, lòng nàng ủ ê bấy nhiêu; muôn vật rộn rịp chừng nào, nàng thấy quạnh hiu chừng nấy.

Chiều đến, hễ trong nhà vừa đổ ánh đèn. Bội Ngọc đã lui vào phòng khuê và ních chặt cửa lại. Nàng chẳng kịp trút bỏ áo xiêm, nằm lăn ra trên nệm thúy: gương mặt vùi dưới mái tóc óng như mây.

Nàng yên lặng rất lâu, tựa hồ đã ngủ kỹ. Nếu, thỉnh thoảng những tiếng thỏn thức chẳng làm cho vai nàng rung động.

Bội Ngọc khóc suốt đêm, khóc ngấm ngấm trong tĩnh mịch, khóc mãi tới khi sự mệt nhọc về gần sáng khiến nàng thiếp đi.

Lúc này, mộng tưởng của nàng chắc cũng chẳng vui bởi những tiếng thở dài vẫn luôn luôn thoảng lọt qua mớ tóc thơm mùi xạ...

Bức rèm hoa sịch động: Vân Hương ở ngoài về.

– Kính bắm tiểu thư, vẫn chưa ai rõ âm hao gì về Lý Tướng quân hết. Chỉ có vừa rồi, lính phòng thành vác loa đi rao khắp phố rằng: đúng Ngọ hôm nay, đức Hoàng đế sẽ ngự thuyền ra xem trăm hà bọn tội phạm.

Bội Ngọc đứng phất dậy; sắc mặt nàng tái đi.

– Trâm hà?...

– Bắm vâng. Các tội nhân hiện đã phải đóng cũi!

Bội Ngọc rên ai oán:

– Trâm hà!..., Trời đất ơi!...

Nàng ngã ngồi xuống kỷ bạch đàn ngậy ra như người mất vía.

Ngoài vườn hoa, con oanh vàng vẫn véo von ca nốt khúc *Xuân tình*.

... Bỗng, một ý định làm cho Bội Ngọc như pho tượng vô hồn, hoạt động hẳn lên. Sắc mặt nàng đỏ bừng; hai mắt nàng sáng quắc.

– Vân Hương, giờ nào rồi?

– Bắm giờ Tị.

Thiếu nữ khẽ nói bằng một giọng mê sáng:

– Giờ Tị rồi!... Chỉ còn một giờ nữa. Vân Hương, ta muốn thấy chàng một lần nữa, trước giờ ly biệt cuối cùng.

A hoàn ngần ngơ nhìn thiếu nữ! Sự táo bạo của nàng thực phi thường. Nó toan lựa nhời can gián vì, ngoài những nguy hiểm mà sự liều lĩnh của Bội Ngọc có thể đem lại cho nàng được, nó e nàng không giữ nổi yên tĩnh trước cảnh tượng thương tâm.

– Ta bảo mày có nghe tiếng không mà đứng ÿ ra đấy?

Giọng gắt gỏng của Bội Ngọc khiến Vân Hương sợ hãi. Phục tùng, nó quỳ xuống và khẽ xâu đôi hài phượng vũ vào chân nàng, hai bàn chân nhỏ nhắn, gót thắm như son.

Nó sửa lại cho Bội Ngọc những nếp áo xiêm dăn; xoa lên hai gò má nàng một lớp bụi phấn hồng; vấn lại búi tóc mây lỏng lẻo...

Xong ngần ấy việc, Vân Hương vội chạy đi tìm bọn gia nhân để báo cho chúng biết cái ý định hải hùng của Bội Ngọc.

Dinh Phạm Thái sư ở kê ngay bên tả ngạn sông Nho Quan nên, chỉ một lát sau, Bội Ngọc đã từ trong rặng cổ tùng bước xuống chiếc thuyền hoa chực sẵn dưới mấy bậc đá xanh rêu...

Đất bằng bỗng rấp chông gai...

Ôn Như Hầu

2

Tin báo về cuộc trâm hà những người họ Lý như một tiếng sét, nổ tung giữa bầu trời yên lặng của kinh thành.

Trâm họ bàng hoàng náo loạn. Sau cùng, bị cuốn lôi bởi tính cách phi thường của cuộc tàn sát không tiền khoáng hậu. Dân gian ùa nhau đi xem, nhân tiện để được thấy rõ mặt ông vua, mà ai nấy khiếp hơn tất cả các ông hoàng dịch lệ.

Phố xá trong thành mỗi lúc một thưa vắng trong khi các đường chạy thẳng ra bến sông trở nên những thác người cuộn cuộn chảy... Lẫn trong đám thường dân đổ bộ, ngựa xe các nhà quyền quý nối nhau như những vật nổi lập lờ...

Một sự náo nhiệt không thể tả, cùng lúc ấy, diễn ra trên mặt sông Nho Quan: nghìn vạn chiếc thuyền đủ các hạng và các kiểu – từ những nan tre mỏng mảnh đến những chiến hạm hình thủy quái và những hoa thuyền rực rỡ – chen chúc nhau, khiến cho dòng nước, bị khuấy lộn, bị vỡ nát, sủi bọt trắng ngầu..

Bọn lái thuyền, vừa giữ díp cho đàn em bơi vừa hét chõ sang thuyền bên cạnh để cướp đường. Mỗi lần xảy ra sự đụng chạm tất nhiên không tránh được thì từng mớ bơi chèo lại dựng lên tua tủa, đập nhau chí chát và, đồng thời, những câu văng tục, những nhời chửi rủa nổi ồn ào như vỡ chợ...

Tuy vậy, chẳng ai thèm để ý đến việc lôi thôi có tính cách bình dân ấy. Đoàn thuyền vẫn cái xuôi cái ngược, tung tăng trên muôn lớp sóng lập lờ như dòng bạc chảy.

Ngồi trong khoang, giữa đám nệm nhung lam thêu chỉ bạc. Bội Ngọc hồi hộp nhìn qua bức rèm the...

Phong cảnh dọc hai bên sông là một cái khung rất thích hợp với sự huyền náo trâm màu trên sóng nước: phủ đệ các công khanh, cửa nhà của hàng phố kế tiếp nhau, ẩn hiện trong bóng mai, hạnh, liễu, tùng. Nhô cao hơn hết là những nóc điện đài nội phủ, nặng trĩu rồng leo. Lầu Ngọ Môn, uy nghi và hùng tráng, sừng sững dưới bóng là cờ đại sắc vàng. Tự đấy chiêm trống điểm giờ thỉnh thoảng khu vang, gieo xuống tâm hồn chúng một cảm giác hãi hùng vỡ vẩn... Tít tắp đằng chân mây; dải núi xa in nét thiên thành trên nền vàng nhạt.

Nhưng, Bội Ngọc, lúc ấy thờ ơ với cảnh vì tâm hồn nàng còn bận với ước vọng điên rồ: được thấy Công Uẩn và được thấy chàng... thoát nạn.

Nàng truyền thủy thủ tiến sát đến bên rặng thuyền chiến đóng ngang sông, nơi mà đức vua sẽ ngự xem các tội phạm phải chìm nước. Nhờ có hiệu cờ trong tướng phủ. Ý muốn của Bội Ngọc không đến nỗi bị ngăn cản; nàng sẽ được thấy rõ tấn bi kịch sắp diễn ra để thỏa sự giận hờn quái gở của bạo chúa.

– Vô lý thực! Dem sự tang tóc của bao nhiêu nhà, dem sinh mệnh của bao nhiêu người đổi lấy chút thỏa lòng của một kẻ hung ác...

Bỗng, nàng bỏ dở ý nghĩ: tiếng trống long phụng, vẳng lại từ phía thượng lưu sông, khiến Bội Ngọc xúc động, lắng tai nghe...

Bách tính xì xào:

– Đạo Ngự!... Đạo Ngự đã tới!...

Chẳng ai bảo ai, tự nhiên các thuyền bè dạt cả vào hai bên lợ nước, sự huyền ảo vụt tan đi. Một cảm giác bồi hồi, rơi nặng xuống đầu quần chúng.

Vân Hương run tay cuốn rèm...

Bội Ngọc, vươn hẳn mình ra ngoài bao lan thuyền, ngóng đợi...

Trống chiêng gằn mãi lại rồi cờ quạt hiện ra nhuộm đỏ khúc sông xanh.

Một cái rùng mình chạy lướt trên ức vạn linh hồn hoảng sợ.

Một mớ tiếng âm âm, để gào sự oán cừu hơn là để tỏ lòng kính mộ, làm rung rinh bầu không khí xuân tươi...

Đạo Ngự đã rất gần; ai nấy đã nhìn rõ:

Mở đầu là những cờ bát quái, cờ ngũ hành, cờ tuyết mao, cờ long hổ, pháp phới như đàn bướm;

Thứ nhì là các trống nhớn, trống con, bát bửu, lộ bộ, nom chói lòa, nghe rầm rộ, làm rạo rục cả tâm hồn.

Một đại đội Ngự lâm quân, dàn trên mấy hàng thuyền chữ nhất, sẵn sàng đối phó với mọi sự bất thường.

Tiếp theo đám này là các tù phạm đàn ông, đàn bà, cụ già, con trẻ, quan cả, dân hèn lẫn lộn. Những trai tráng khỏe mạnh đều nhất loạt bị đóng cũi; đàn bà phải xoắn tóc lại với nhau như từng mớ

củ cái một; trẻ con thì buộc từng xâu như xâu ếch. Hết thấy đều trần truồng. Những vết dao đâm, những lần roi quất, những dây chèo bằng nửa tươi lẩn vào da thịt làm cho thân thể họ rách nát và rướm máu. Tuy đau khổ, tuy đói khát, tuy đã mệt nhoài, tuy đã mất hết hy vọng bọn người oan uổng đó vẫn đập, vẫn giãy, vẫn khóc than, chửi rủa và lạy van.

Bọn đao phủ, sợ náo động tới đáng chí tôn, cầm giáo xiên vào ngực hoặc cầm mã tấu chặt đứt cuống họng tội nhân mà sự ồn ào vẫn không dẹp được. Họ đông lắm, có tới nghìn người và thấy mãi, thấy mãi như một lũ oan hồn trong mê sảng...

Trên bờ, bách tính hãi hùng nhắm mắt. Có người ôm riết lấy mẹ, cha, chồng vợ, hoặc bạn bè. Có người ngửa mặt trông trời. Có người ôm đầu khóc nức nở. Cũng có người ngất đi.

Đoàn tội nhân kéo hết thì tới bọn Ngự nhạc mặc những áo quần sắc sỡ và cầm những nhạc khí lạ lùng. Họ được lệnh cử những bài võ ca lừng lẫy để át mối khóc than. Là vì, ngay sau lưng họ con rồng gỗ thếp vàng đương lữ lữ vượt sóng, theo nhịp đều đặn của tám chục chiếc bơi chèo...

Ngọa Triều Hoàng đế ngự giữa lầu bằng che dưới bóng tàn thêu rực rỡ. Gần bên tả hữu ngự tọa, sáu tên cung nữ cùng trẻ đẹp như nhau và cùng sỗ sàng trong những nếp áo xiêm mỏng tựa cánh chuồn, đang khẽ vung vãng theo điệu múa những chiếc lư trầm nhỏ khói hoặc khẽ nhịp nhàng phe phẩy những chiếc quạt thiên nga.

Hoàng đế ngả mình trên chiếc ghế dài lưng dốc mà bốn chân tức là bốn con kỳ lân phủ phục vờn nhau. Ngai ngự thường phục bằng vóc da đồng; chân đi vắn hài màu cánh trả.

Da mặt Ngai mai mái như chẳng bao giờ nhuộm đỏ bởi màu phàm trần cũng như thân sắc Ngai không từng đổi thay với những xúc cảm đê hèn thường tục. Trong hai quầng thâm, cặp mắt lim dim tựa hồ trông thấy cái vô cùng.

Sự no nê về khoái lạc, sự buồn nản của một ý muốn luôn luôn được thỏa mãn, sự cô độc thánh thần giữa nhân loại, sự nhàm ngấy các vinh quang, từng ấy thứ đã rấn gương mặt vua Ngọa Triều lại, như của một pho tượng bằng sành.

... Cánh tiên phong và đội Ngự nhạc đã quay thành một

hình vuông trên mặt nước. Bọn tù tù bị dồn gọn vào trong bốn bức thành người lờm chờm những gương, đao.

Chiêng trống nổi ba hồi...

Thuyền Ngự từ từ vào vực xoáy...

Lặng lẽ...

Bồi hồi.

Chợt, ống lệnh nổ vang... Hàng trăm cái củi gỗ nhất thời bị lăn ùm xuống nước.

Nhã nhạc nổi tưng bừng...

Quan, dân, sĩ, tốt, mặt cắt không còn giọt máu...

Duy bạo chúa vẫn điềm nhiên.

Và, cố dẹp sự cảm thương bắt đầu xâm chiếm tấm lòng khô héo, bọn đao phủ hè nhau làm mau cho xong việc: chúng nghiêng răng, sùi bọt mép, mặc tiếng kêu gào, mặc sự giãy giụa, cứ lần lượt quăng từng tốp người khốn nạn xuống sông...

... Bọt sủi trắng ngần... Sóng còn dào giạt... những đầu người nhấp nhô, những bàn tay chới với: và trống chiêng, và đàn sáo, và những tiếng rú lạnh hồn...

Trăm họ trên bờ tê mê ngây ngất một cảm giác nghìn cân đè nặng xuống muôn tấm ngực phập phồng.

Vua Ngọ Triều, trái lại, vẫn lơ mơ như con mèo sưởi nắng.

Bội Ngọc vẫn níu lấy bao lan thuyền như ai níu lấy một ảo vọng cuối cùng. Nàng nhìn theo tấn kịch hãi hùng bằng cặp mắt của người hấp hối...

Bỗng, một cái lắc mạnh khiến Vân Hương giật mình trông lại: Bội Ngọc thờ hồn hển; sắc mặt nàng đương tái chợt đỏ bừng; hai mắt nàng long lanh như nẩy lửa; toàn thân nàng run lên...

... Tốp phạm nhân cuối cùng đã chìm lìm. Vua Ngọ Triều như sự tỉnh giấc mơ vĩ đại: Ngài khẽ phát tay áo long bào.

Đoàn Ngự lại chỉnh tề đội ngũ. Mặt nước sông Nho Quan lại hững hờ phản chiếu màu hoa sắc lá trên bờ...

– Vân Hương, mày có trông thấy gì không?... Kia kia!...

Tên a hoàn úp một bàn tay lên trên mắt, nhìn theo phía Bội Ngọc trở.

– A!... Lý...

Vừa kêu, Vân Hương vừa dụi mắt:

– Có lẽ nào như vậy được?... Có lẽ nào?...

– Đích rồi: viên tướng giáp vàng mũ trụ kia chẳng phải Lý Công Uẩn thì còn là ai?

Quay lại, Phạm tiểu thư truyền cho bộ hạ:

– Đuổi theo thuyền Ngự.

Bọn thủy thủ giật mình nhìn nhau ngơ ngác...

Bội Ngọc, điên cuồng vì vui sướng vội hét to:

– Bay đã điếc cả hay sao? Cứ vượt lên, tội vạ đâu, ta chịu!...

Một tiếng mõ nổi; hai chục thủy thủ rạp mình ra phía trước; hoa thuyền vùn vụt bay trên sóng như tên...

Lý Công Uẩn, chống kích đứng ở mũi thuyền rồng, lúc ấy, đang mãi theo một ý nghĩ...

Hoa thuyền lướt bên thuyền Ngự...

Bội Ngọc, nhận đích xác người yêu còn sống, kêu rú lên một tiếng rồi ngất đi.

Công Uẩn vô tình không để ý.

Nhưng, vua Ngọa Triều đã hơi nhú cặp lông mày. Sau diềm mí mắt lim dim. Cặp đồng tử hung hung khê chếch về phía thiếu nữ và một tia lửa thèm muốn vụt lòe ra...

Thái giám Đinh Thọ nhận thấy sự không thường.

Hắn khê nhếch cặp môi thâm, cười một nụ cười nham hiểm.

*

Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái.

Hoa để vàng bởi tại bóng dương

Hoa vàng, hoa rụng quanh tường

Trái xem hoa rụng đêm sương mấy lần?...

Nguyễn Thị Điểm

3

Dội đèn chong vẫn âm thầm cháy sáng, trên đầu con hạc gỗ thép vàng...

Cái vòng tròn trên sợi bắc mỗi lúc một lờ to, đỏ quạch! Ngọn lửa bùng lên, như cái tàn hồn của người hấp hối, nhuộm các vật xung quanh bằng một thứ sáng mơ hồ...

Các vang động ngoài cõi đời chẳng mấy khi lọt tới thâm cung; sự tĩnh mịch vì vậy càng sâu thẳm.

Bỗng, cửa cung hé mở rồi một cái đầu thập thò hiện trong mảnh gương đồng bạch treo xế lối ra vào: con Hải Đường, theo lệ, lên phòng hầu Ngự...

Lúc ấy, Dương Hậu ngủ đương say.

Hải Đường, dừng bước bên ngoài ngưỡng cửa lắng nghe tiếng nổ lách tách của sợi bắc khan dầu, cái tiếng động duy nhất trong cả gian phòng rộng và, sau cùng, nó rụt rè tiến lại bên chiếc kỷ trầm hương để gần con hạc gỗ. Liệu thuốc ngủ đã hết; trong lòng cái bát sứ cổ Giang Tây chỉ còn ít cặn lờ lờ.

Hải Đường hất chỗ cặn thuốc vào trong bình phóng; lau sạch cái bát bằng một mảnh khăn điều ướp xạ rồi lại để bát vào chỗ cũ.

Đoạn, vẫn rụt dè và kính cẩn, thị nữ tiến lại gần long sà...

Dương Hậu ngủ đương say nhưng, thỉnh thoảng, một tiếng thở dài vẫn buông chìm trong tĩnh mịch.

Hải Đường khê vén cánh màn hoa gài lên mắc phượng.

Dương Hậu lơ mơ hiện dưới ánh đèn tàn:

Quanh cái trán phẳng và thấp, mái tóc rối tung phủ xuống hai vai. Mí mắt thâm quầng hé mở; làn nhỡn quang ươn ướt như còn dờ theo một mộng ánh say sưa. Cặp môi phai mím chặt như ngậm muôn nỗi cay đắng bề bàng của tình yêu hắt hủi. Chiếc nụ tai bên hữu, phản chiếu ánh đèn, lướt tia sáng trên gò má phai hồng. Chuỗi bội hoàn theo dịp thở, sóng sánh trên ngực áo phập phồng như mấy giọt sương còn đọng trong lá sen tơ...

Mền chăn vóc vàng phủ kín ngang mình thiếu phụ; một cánh tay bỏ hở buông thông xuống bên giường. Quanh cổ tay, nõn nà...

một gióng ngọc, chiếc xuyên vàng hình rắn nạm kim cương ong ánh như một chùm sao...

Hải Đường không dám kinh động giấc ngủ để vương. Nó khê lúi ra phía cửa.

Vừa lúc ấy, sợi bắc nỏ một tiếng rào; ngọn lửa tắt phụt; cảnh thâm cung tối mù...

Con rồng vàng, để trên mặt án son, chợt thức giấc, rỏ đều đều mấy giọt nước xuống cái vạc liu li...

Mấy tiếng ho từ giường Ngự tung ra... Dương Hậu trở mình và lên tiếng gọi:

– Hải Đường!

– Tâu Hoàng hậu?

Thị nữ vừa thưa vừa luynh quynh mở tung hai cánh cửa sổ tròn: ánh sáng, tiếng chim kêu và gió mát ùa vào cung cấm.

– Thị nữ đâu?

Tiếng gọi hơi xãng. Hải Đường lo sợ vội quỳ xuống trước long sàng.

– Tâu Hoàng hậu.

– Việc ấy thế nào?

– Tâu Hoàng hậu, Thiên tử đã chuẩn y nhờ Hoàng hậu yên tĩnh.

Một vẻ sung sướng hiện ra trên gương mặt, Dương Hậu quần quai và mỉm cười.

– Ngai Ngự đã phán chắc chắn...

– Miễn tử hình cho Lý Tương quân và lại cho Lý Tương quân theo hộ giá...

– Người đã tâu làm sao và, khi ứng chuẩn, Hoàng đế đã phán những gì?

– Hạ thần nhắc lại nhờ đức bà rằng nếu Lý Công Uẩn phải chết cũng như một kẻ dân thường thì, từ nay hào kiệt trong thiên hạ ai còn dám đem thân để phù tá ngai vàng nữa!...

– Được!

– Vả lại, Công Uẩn không thuộc dòng họ Lý, Công Uẩn sở dĩ nhận họ của sư ông chùa Cổ Pháp, chẳng qua để báo cái ơn nuôi dạy mà thôi.

– Được lắm!

– Ngài Ngự gật đầu phán rằng: “- Không hiểu Công Uẩn có ân đức gì với Hoàng hậu mà y được che chở đến như thế!”

Dương Hậu ngồi nhòm dậy; sắc mặt nàng biến hẳn.

Mấy phút qua...

Lặng lẽ...

– Hải Đường, phải chăng là đức vua có ý ngờ?

– Tâu đức bà, ý trời cao xa, kẻ nô tỳ này, phận như sâu kiến, hiểu làm sao được!

Dương Hậu mơ màng nhìn ngọn lửa... Mãi lâu lâu, nàng bỗng thở dài.

– Ta liễu lĩnh quá!

Rồi, nhíu đôi mày liễu, Hậu dần từng tiếng:

– Chẳng hay chàng có thấu tình? Chẳng hay chàng có biết vì chàng mà ta xuýt mất đầu như bỡn nếu, đối với ta, quân vương chẳng nặng lòng sủng ái?...

Thực vậy, Ngọa Triều Hoàng đế nhiều phen đã yếu mềm trước những cử chỉ táo bạo của Dương Phi mặc dầu, đối với hết thảy, Ngài vẫn tỏ ra mình là một bạo chúa chưa từng biết có tình thương.

Dương Phi là con gái út riêng của Dương Thái hậu vợ cũ Đinh Tiên Hoàng, chánh cung Đại Hành Hoàng đế. Mẹ đẻ vua Ngọa Triều.

Khi Đinh Tiên Hoàng phải Đỗ Thích ám hại cùng một lúc với Nam Việt Vương Liên thì Dương Thái hậu, viện cố nước nhà bị quân Tống xâm lấn mà Vệ Vương Đinh Tuệ hãy còn nhỏ tuổi quá, bàn với đình thần tôn Thập Đạo Tướng quân Lê Hoàn lên làm vua. Nhà Đinh mất; nhà Tiền Lê lên trị vì, Lê Hoàn lấy hiệu là Đại Hành Hoàng đế và tiến nạp Dương Thái hậu làm Chánh Cung. Sau hai mươi bốn năm bình chính, vua Đại Hành bỗng thụ bạo chứng rồi băng. Hoàng tử Long Đĩnh giết anh và tự lập làm vua, tức Ngọa Triều. Dương Thái hậu gả ngay con gái út Đinh Tiên Hoàng cho Long Đĩnh, Dương Phi được sủng ái từ đấy.

Sự đặc thế của nàng tướng không có gì đáng lạ: Long Đĩnh; vốn là một thiếu niên hiếu sắc, đến nỗi mắc bệnh không ngồi lâu được, cứ phải nằm mà thị triều, lại gặp Dương Phi là gái phong tình và có rất

nhiều bí thuật gợi tình thì đôi bên, đôi với nhau khác gì cá gặp nước, rồng gặp mây?

Chỉ vì sau này vua Ngọa Triều luôn luôn ốm yếu, Dương Hậu mới buồn tình và tự coi mình như một kẻ góa bụa. Và, cũng bởi vậy, Công Uẩn đã trở nên sự khao khát của nàng. Không một phút nào bà chúa hoài xuân ấy không mơ tưởng chàng thanh niên võ tướng, không một phút nào những cảnh ái ân rô đại không ám ảnh nàng. Mỗi lần Dương Phi gặp Công Uẩn là một lần nàng nóng bừng cả thân thể, cặp mắt nàng sáng lên; hơi thở nàng đứt khúc; máu nàng bông như sồi...

Nhưng, nếu Dương Hậu đã say mê chàng đến cực điểm; Công Uẩn, trái lại, đã thờ ơ. Tình yêu, nhất là tình yêu của người đàn bà, có thể chịu được sự thù oán mà không sao tha thứ nỗi sự lãnh đạm.

Dương Hậu càng nghĩ càng đau. Hậu cố ôn lại tất cả những bề bàng, nhục nhã mà Công Uẩn đã gieo vào lòng Hậu từ một năm trước.

Nhiều phen, Hậu điên rồ quá, đã toan bỏ hết lễ nghi, ném hết phẩm giá, xéo lên nguy hiểm để được gần chàng, để quỳ xuống trước mặt chàng mà ai cầu lấy đôi nhời êm ái.

Lại cũng lắm lúc, Hậu quyết đày ải chàng cho bõ ghét. Nàng đã thử bày đặt ra những thứ hình phạt rõ ghê gớm để làm cho Công Uẩn phải thịt nát xương tan. Những cảnh khủng khiếp mà nàng cố bày ra bằng tưởng tượng ấy, rút lại chỉ khiến nàng thêm thương xót Công Uẩn rồi thốn thức khóc thầm. Nàng vẫn không thể sao thù ghét được chàng. Chứng cứ là nàng đã liều tính mệnh để cứu chàng khỏi chết.

Xa xa, tiếng ống lệnh chợt nổ vang trên kỳ đài tiếp đến tiếng chuông vàng khánh ngọc ngoài điện chính báo hiệu Đức Thiên tử đã hồi loan...

Dương Hậu lật đật sang *Thủy Tinh cung* để lo sửa soạn tiếp giá.

Hơn chục cung nữ hầu riêng về việc trang điểm, lúc ấy, đã túc chực sẵn sàng.

Như tên gọi, *Thủy Tinh cung* là một gian phòng rất rộng mà bốn vách lát toàn bằng gương sáng. Trước mỗi tấm gương, kê một chiếc bàn nhỏ bằng thau bóng lộn, trên bày các đồ dùng về sắc đẹp: nào

phấn trần châu để thoa mặt, nào than bạch đàn để vẽ lông mày, nào bột đậu Tầm Dương để tiết các đường dẫn trên má, nào son Thái Hằng để nhuộm thắm làn môi.

Trút bỏ áo xiêm, Dương Hậu bước vào một cái vạc đá xanh đựng sữa sơn dương mới vắt, màu sữa đã trắng, thân thể Hậu càng trắng ngợt, nom như một pho tượng bằng tuyết đông.

Hậu dìm mình đến tận cổ, tê mê trong hơi sữa ấm, Hải Đường cầm chiếc lược ngà khẽ chải mớ tóc thơm. Mẫu Đơn, một tên cung nữ khác, rón rén nâng chiếc bình liu li rỏ nước trăm hoa xuống đầu Dương Hậu, một giọt thơm cay vô tình rơi phải mắt nàng. Sấn mối hờn giận trong lòng, Dương Hậu giằng ngay chiếc thoa vàng nạm ngọc và xiên mạnh vào tay đứa a hoàn lơ dềnh.

– Giam cổ nó xuống lãnh cung cho ta!

Nàng nói xong, vung văng đứng dậy vươn vai đoạn bước ra ngoài bồn tắm, lũ cung nhân chục sẵn vội xúm lại quanh nàng; chúng dùng khăn bông nòn thấm khô những giọt sữa còn đọng trên da thịt nàng, đoạn dâng lên một bộ ngự phục bằng lụa mỏng như sương.

Hậu mặc áo rồi lại bên một chiếc bàn gần đấy; nàng bắt đầu trang điểm.

Chợt có tin báo thái giám Đình Thọ đang chờ ý chỉ ở ngoài hiên.

Nàng vội phán:

– Cho vào.

Khúm núm bước lên lầu phượng, thái giám vừa toan quỳ xuống thì Dương Hậu đã truyền miễn lễ.

– Thế nào? Cái việc ta phó thác cho khanh đã có kết quả hay chăng?

– Muôn tâu lệnh bà...

– Hấn từ chối?

– Lý Tướng quân nhất định từ chối. Ngài nói rằng: “Ân đức trời bể của lệnh bà, Ngài mẫn kiếp xin ghi lòng tạc dạ nhưng, mặc dầu thế, Ngài chẳng bao giờ lại dám loạn nghĩa chúa tôi...”

Dương Hậu cúi đầu: hai gò má nàng ửng đỏ...

Nàng thở dài.

– Sao lại có con người sắt đá như Công Uẩn?

Đình Thọ rụt rè tâu:

– Lý Tướng quân vị tất là người có trái tim sắt đá!

Dương Hậu tái mặt:

– Người nói vậy là nghĩa lý gì?

– Tâu lệnh bà, có lẽ quan Chỉ huy sứ đã dan díu cùng con gái quan Thái sư chí sĩ Phạm Cự Lượng.

Dương Hậu cau mày, quát:

– Nhà ngươi chớ nói nhảm!

Nàng mắng Đình Thọ nhưng toàn thân nàng đã lạnh ngắt và run lên bởi lo sợ, bởi ghen hờn.

– Ủ, có sao Công Uẩn lại không yêu Bội Ngọc? Con gái Phạm Cự Lượng chẳng đã nổi tiếng là hoa khôi của thời nay đó ru?

Lẽ phải bảo nàng như thế. Lòng tự ái của nàng, của một bà chúa biết mình cũng trẻ đẹp như ai, vội cướp lời:

– Chẳng lẽ nào như thế được? Nếu Công Uẩn cũng có một tấm lòng thì chàng phải đã yêu ta?...

Nàng im lặng hồi lâu mới hỏi thái giám bằng một giọng đầy lo lắng:

– Người thấy gì?

Đình Thọ vội kể hết những điều mắt thấy rồi kết luận:

– Tâu lệnh bà, hạ thần dám chắc rằng quan Chỉ huy sứ và tiểu thư Bội Ngọc đã nặng tình với nhau.

Trước sự thực tàn nhẫn và khó lòng thay đổi, Dương Hậu cảm thấy sự nhục nhằn của kẻ chiến bại.

Mấy phút nặng nề.

Dương Hậu cắn môi suy nghĩ. Mặt nàng luôn luôn biến cải, tỏ ra trong nàng đương có cả một trận phong ba...

Thốt nhiên, nàng ngẩng đầu..., tia mắt nàng vụt long lanh như ánh kiếm; một nụ cười lạnh nhường hơi chết thoáng nở trên cặp môi son.

– Được!... cho Khanh hãy lui... Ta sẽ xem chúng nó!

*

*Khi trăng ngọc, lúc rèm ngà,
Mảnh xuân y hây sờ sờ dẫu phong
Bây giờ đã ra lòng ruông rẫy,
Để thân này nước chảy hoa trôi!...*

Ôn Như Hầu

4

Đạo Ngự đã về tới trước ngọc môn...

Trong ánh sáng tàn của ngày xuân sắp mất, lâu đài cung điện sừng sững in lên nền mây rục rờ vàng.

Tự các khối vĩ đại màu thâm tím, – mà thời gian chỉ lướt qua, như nước chảy bên những ghềnh đá giữa dòng sông – tiết ra một ý niệm về cái uy quyền thiêng liêng tuyệt đối.

... Chiêng trống thì thùng vang động. Văn võ lưu kinh vội bài ban trước điện Thái Hòa. Ống lệnh trên kỳ đài bắt đầu nổ, chuông khánh nổi tung bừng...

Ngự lâm quân đã vào khỏi cổng, và tách làm hai, đứng thị lập ở tả hữu sân chầu sau những voi ngựa đá, những thống cổ trồng hoa, những giá tàn quạt, lộ bộ...

... Âm vang trong bốn bức thành cao vút, tiếng bát âm dội lên như một khúc nhạc không lồ.

Ngọc Liên tiến vào sân, qua trên lối đá chín rồng và đặt xuống trước thềm son chín bậc.

Hoàng đế từ từ bước lên chính điện.

Trăm quan phủ phục tung hô.

Chiêng trống âm âm vỡ lở...

Vua đi thẳng vào tấm thất; trên mặt rồng chẳng một vẻ gì tỏ ra Thiên tử đã nghe tiếng hoặc trông thấy sự thần phục của hàng trăm sinh mệnh đang quỳ mọp dưới gót long hài...

Cửa son mở rộng, hé ra trong giây phút cái bí mật sâu thẳm chốn cung vi.

Dương Hậu, như một đóa hải đường mơn mớn, khép nép cung nghênh thánh giá.

Hoàng đế lướt qua, theo sau là Lý Công Uân, lẫm liệt trong bộ giáp vàng.

Dùng tướng cúi đầu trước Dương Hậu, trong khi một vè căm hờn mà say đắm hiện trên gương mặt nàng...

Nhưng, cửa son đã sập lại; cái bí mật chôn cung vi lại khuất lấp mất phàm trần...

Vua Ngọ Triệu bước lên Ngự tọa đặt giữa cái bục son tam cấp sau chiếc long án bày đủ các văn phòng tứ bảo và một cái lư trầm. Gần bên hữu Ngự tọa là chiếc ngai chín phụng của Dương Phi.

Hàng trăm cột son rồng cuốn nâng đỡ một bức trần gỗ thếp vàng có đính những sao tròn bằng thủy soan. Cạnh mỗi đầu cột, treo một chiếc đèn lồng đỏ và, gần bên mỗi chân cột, bày một chậu hoa tươi.

Bọn nội giám chờ vua an vị xong mới bắt đầu dâng quán tầy: nào chậu vàng đựng nước hương ngũ vị, nào khăn mặt bông, nào mâm ngọc, lược ngà.

Rồi thị vệ dâng trà cống phẩm. Sau cùng, hai cung nữ trì hồ cúi dâng Ngự tửu.

Nhã nhạc nổi du dương...

Giờ Ngự thiện đã đến: đủ món sơn hào hải vị, đựng trong các đĩa bát cổ men vàng, bày la liệt trên mâm son, do một tên nô lệ Chiêm Thành quỳ đội gần bên Ngự tọa.

Hoàng đế nâng chén lưu li, khê nhấp một hớp rượu. Ngài cầm đũa; ném qua mấy thứ đoạn truyền bãi tiệc.

Dương Hậu vội quỳ xuống thỉnh an.

– Cảm ơn Hậu. Bữa nay Trâm không vui, phiền Hậu hãy lui về nội điện.

Hiểu rõ tính thất thường của bạo chúa. Dương Phi bái lạy rồi xuống thêm. Nàng khẽ liếc nhìn Công Uân đứng sau ngai. Vẻ điềm nhiên của chàng thực đau đớn cho Hậu chẳng khác kim đâm ruột...

Đức vua, lúc ấy, mới ngả mình xuống nệm gấm, vè mặt thần thờ...

Biết có sự lạ, không chừng là cả một cơn giông tố ngất trời, tả hữu nhìn nhau, khiếp đảm...

Nhã nhạc im dần.

Lặng lẽ và hồi hộp...

Thời khắc qua... Ngày dần tối...

Về phương Tây, mặt trời gần bị ngập trong vũng máu hồng. Bức màn the xám của hoàng hôn bắt đầu buông xuống cảnh vườn Ngự uyển... Những vệt bóng âm thầm bò lan dưới các chòm cây và ướng dần, ướng dần từng tia nắng sót còn vãn vương trên ngọn cỏ dài hoa... Mùi hương mỗi lúc một nồng nàn trong gió thoảng. Hơi sương càng lâu càng thấm lạnh tới linh hồn...

Bạo chúa rùng mình vội kéo tấm long bào che kín ngực và truyền cung nga dâng rượu.

Nội giám thấp đèn lồng...

Cảnh thâm cung đầy bóng tối phút chốc biến thành cả một thế giới ngân hà... Bị hơi men đốt nóng, hai mắt bạo chúa cũng sáng trưng lên. Ngài nhắc chiếc dùng ngà gõ nhẹ lên cái khánh ngọc.

Phía trong nội điện, bỗng có tiếng chuông rung, tiếng khóa động, rồi bao nhiêu cánh cửa mở toang ra, nhường lối cho ngót ba trăm mỹ nữ...

Họ chia ra hai hàng, lặng lẽ điểu qua bên tả hữu ngại rông...

Mặc những áo xiêm lông lầy, đeo những vàng ngọc rờ ràng, ướp những hoa thơm xạ ngát, bầy mỹ nữ thấp thoáng dưới ánh đèn hồng, lúc ấy, là cả một giấc mộng sắc hương.

Bạo chúa lạnh lùng nhìn những màu thanh vẻ lịch phô trương dưới cặp mắt điều hầu sáng quắc... Làm cái đích cho tất cả bấy nhiêu linh hồn đầy những rạo rục của tuổi trẻ. Vua Ngọa Triều không tỏ ý tự cao. Trái lại, Ngài luôn luôn soi bói từng cử chỉ để chờ dịp được ra cái uy sấm sét của một đấng Kiệt Trụ khát máu người...

Bầy mỹ nữ vẫn dập dìu quanh bảo tọa. Họ được lệnh phải khoanh tay, cúi đầu và nín lặng – Mỗi cử chỉ ra ngoài khuôn phép, dù nhỏ nhất bằng sợi tơ, cũng đủ làm cho họ nát thịt tan xương. Là vì bạo chúa rất sợ những tai nạn không ngờ. Ngài thường nói:

– Một nhát dao găm chỉ là cái công việc làm trong chớp mắt.

Bị coi như vị ác thần của hết thầy, vua Ngọa Triều chẳng dám tin ai. Ngay những lúc vui chơi với các phi tần, nhà vua cũng vẫn đóng cái vai mèo vờn chuột. Nụ cười của vương giả, vì vậy, thường

làm chảy biết bao nhiêu nước mắt. Nhiều khi, những giọt lệ còn pha lẫn máu đào!...

Từ trong nội điện, bảy cung nữ nối nhau bước xuống thêm rông ròi tản ra vườn Ngự uyển.

Bồng, Hoàng đế trở một thiếu nữ trẻ măng đi ở cuối hàng bên tả.

Thái giám Đinh Thọ vội khấu đầu:

- Tâu bệ hạ, đây là một đứa gái Mường...
- Một đứa gái Mường trong nội phủ của trẫm?
- Y đẹp và còn trẻ lắm lại đàn hát rất hay!...
- Khanh tuyển ở đâu vậy?
- Y là cống phẩm của chúa Mường.

Ngọ Triệu Hoàng đế khẽ nhếch mép cười và truyền lệnh cho sơn nữ:

- Lại gán đây!

Cô Mường, run như cây sậy giữa dòng suối lũ, rón rén tiến lên...

Lõa lồ trong bộ vũ y vàng mỏng, thân thể nàng là cả một bài thơ ca ngợi nhục dục; cặp mắt nàng trong suốt; thăm thẳm như hai vực trời khuya. Tự các cử chỉ của nàng tiết ra một phong thú ảo huyền bí mật...

- Nhà ngươi mấy tuổi?
- Tâu Thánh đế, hoa liệp li đã nở mười sáu bận, từ khi thiếp ra đời...
- Tên là gì?
- Cẩm Thị Dung.
- Ngươi là giống Mán Mường ăn cóc chết, nhưng đã về tới đây, ngươi phải tuân vương hóa!...

Ngẩng phắt đầu nhìn bạo chúa, thiếu nữ bất bình hỏi vặn:

- Tâu nhà vua, Mán Mường không có hào kiệt chăng?

Sự khiêu khích của thiếu nữ phi thường đến nỗi chính vua Ngọ Triệu cũng phải giương tròn hai mắt vọ. Ngài rít lên:

- Ái chà! Con rắn độc!... Con rắn độc còn cứng cổ, không biết thân sắp phải xéo nát dưới gót giày!...

Cẩm Thị Dung chợt tỉnh ngộ, nàng run bần bật. Nàng cúi đầu xuống trước ngực pháp phông...

Bạo chúa lại điềm nhiên:

– Mà biết hát chứ? Trẫm muốn nghe giọng hát đường rừng.

Sơn nữ rùng mình, cố mở miệng mà không được. Nàng ngã khụy trước ngai rồng, lặng đi một hồi lâu mới khè run run cất tiếng...

Giữa cái im lặng hãi hùng, giọng hát của thiếu nữ, trong như suối ngọc, vang lên thành một khúc nhớ rừng ảo nào.

– Mà sao ngâm khúc buồn quá thế?

– Bởi lòng tôi khổ sở.

– Trẫm muốn, ở đây, ai cũng phải vui cười, mà biết chưa?

Sơn nữ cúi đầu thốn thức.

Năm móng tay của bạo chúa bỗng đập mạnh xuống vai nàng, chẳng khác năm cái vuốt nhọn của con chim ưng.

Cầm Thị Dung khê rên một tiếng hốt hoảng:

– Nhà vua buông tôi ra!... Tôi đau lắm!

Thiếu nữ vừa dứt lời, một nắm tay đã dấm mạnh vào giữa mặt nàng khiến nàng ngã sóng xoài ra trên nền cẩm thạch. Nàng vùng dậy và chạy tuốt xuống vườn.

Sự kinh hoàng và khúc hát đã khiến nàng khô cháy cổ nên, khi qua một gốc cam đường sai trĩu trĩu, nàng vội bứt ngay một quả đoạn ngậy thơ đưa lên miệng nhai ngấu nghiến...

Nàng đã phạm phải cấm điều!

Bạo chúa gầm lên:

– Bớ đao phủ!...

Nhanh như cái cắt tự chín từng mây rơi xuống con gà nhép, đao phủ bế thốc ngay sơn nữ lên lòng... Bọn cung tần che mặt...

Mấy tiếng búa vang, tiếp liền những tiếng kêu xé ruột... Ai nấy xõn tóc, rùng mình...

Thờ ơ, bạo chúa nhìn bàn tay thiếu nữ bị danh đóng suốt vào một gốc tùng. Nàng giãy như đĩa phải vôi; những tiếng rên hỗn hển, những nức nở nghẹn ngào, những câu van nài đứt khúc của thiếu nữ khiến cho một con hổ phải động lòng...

Đằng sau ngai, Lý Công Uẩn nghiến răng nuốt một tiếng thốn thức.

Vua Ngọa Triều ung dung xuống lệnh:

– Dao phủ, hãy cắt đứt tiếng kêu gào:

... Tức khắc, một ánh gươm lóe trong bóng tối. Đầu thiếu nữ văng ra; máu tươi vọt lên, nhuộm đỏ khóm dạ hương vừa hé nụ.

Vốn đã biết cái thân câu trơ.

Cá no môi cũng khó dừ lên!

Ngán thay cái én ba nghìn.

Một cây cù mọc biết chen cành nào!

Ôn Như Hầu

5

Vườn ngự uyển trong cấm thành là cả một cánh rừng có những lối đi râm mát. Dưới nắng xuân, muôn hoa nở từng bùng. Những dòng nước, bắt tự núi xa về, chảy thành những con suối nhỏ róc rách qua các luống cây, giữ cho không khí lúc nào cũng mát mẻ...

Đó đây, những khối hoàn môn bằng đồng chói lọi; những hòn giả sơn đắp tỉ mỉ; những dịp cầu uốn cong cong bên rặng liễu buông mảnh...

Giữa vườn một nhà thủy tạ rực rỡ vàng sơn, lộn bóng dưới gương hồ trong biếc. Quanh bờ hồ, những luống hồng nhung thắm đỏ, những cụm nhài trắng nuột thoang thoang đưa hương. Trước thủy đình, gần bên đầu tả hữu dịp cầu bán nguyệt, hai cái lồng son lớn dựng đối nhau, một bên riu rít những họa mi, khướu, yểng, một bên âm thầm một con mãnh hổ, sắc lông vàng rực, hai mắt lờ đờ như ủ trong trái tim khát máu, giấc mộng nhớ rừng xưa...

Ngọa Triều Hoàng đế, nằm trên long ỷ đặt giữa thủy đình, đang lặng lẽ nhìn theo bầy cung nữ kéo nhau ra tắm...

Họ riu rít như đàn chim sẻ và nhất thời quên băng cái chết nó đang lờ vờ trên đầu họ.

Những áo xiêm ướp xạ nối nhau rơi mềm trên nệm cỏ; những tấm thán ngà ngọc nổi bật trên nền lá xanh tươi; những tiếng nô đùa lẫn trong tiếng người ì òm đem lại giữa cảnh nặng nề nghiêm chỉnh một cảm giác nhẹ nhõm của tuổi trẻ từng bùng...

Bạo chúa vẫn mơ màng lãnh đạm; cặp mắt vẫn yên lặng xa xăm...

Thái giám khép nép lại gần long ý, hấn đợi chờ một câu tâm sự.

Quả nhiên vua Ngọ Triệu khè phán:

– Trẫm buồn và chán lắm! Những trò tiêu khiển trong cung thì lâu ngày đã nhàm...

Hiểu ý vua, Thái giám tâu lờ lửng...

– Tâu Thánh thượng, hạ thần đã cho người theo dõi và biết rằng thiếu nữ trên sông bừa trước là con Phạm Thái sư.

Vua Ngọ Triệu nheo cặp mắt:

– Khanh thực là bầy tôi quý hóa của trẫm! Để đền sự trung thành ấy, trẫm sẽ cho khanh lên chức Tam công.

Đinh Thọ, sướng như mở cờ trong bụng nhưng vẫn điềm nhiên nói tiếp:

– Thánh thượng lưu tâm đến Phạm tiểu thư là phải: nàng thực không phụ cái thanh danh tuyệt thế giai nhân!

Vua Ngọ Triệu lấy làm khoái trí.

– Nếu phải đổi ngai vàng lấy người ấy, trẫm cũng chẳng tiếc gì.

– Tâu Thánh thượng, người muốn với Phạm tiểu thư tưởng cũng dễ...

– Đã đành như vậy nhưng...

– Cái mộng đẹp của giai nhân tự cổ há chẳng là được gang tấc mặt rồng?...

Một tiếng dặng hắng bỗng làm câu chuyện giữa hai người đứt quãng.

Dương Hậu từ sau cụm tử vi, rón rén bước lên lầu...

Suốt đêm qua, Dương Hậu không hề nhắm mắt: sự hững hờ của Công Uẩn và cái thói quen của vua Ngọ Triệu thường đái nàng như một tên cung nữ khiến nàng cảm thấy bẽ bàng, đơn độc. Tình yêu nồng như lửa cháy, bị hắt hủi, càng khiến trái tim nàng, đầy những khát khao, đầy những huyền tưởng, phải nấu nung. Cảnh phòng gấm rủ là dần dần trở nên sự mĩa mai cay độc.

Chiều ử dột, giấc mai trưa sớm,

Vẽ ôâng khuâng hôn bướm vẫn vơ.

Thâm khuê vắng ngắt như tờ,

Cửa châu gió lọt, rèm ngà sương treo.

Ngày nào cũng như ngày nào, Hậu chỉ những ra ngẩn vào ngơ, đợi chờ một hạnh phúc chẳng bao giờ tới... Rồi đêm đêm, lắng tiếng chuông chiều, tâm hồn nàng lại băng khuâng, man mác... lạnh lùng thay giấc cô miên!...

Sống những thời khắc kéo dài và suông nhạt ấy, nàng hãi hùng tưởng đến lúc xuân qua! Mắt nàng đã thấy bao nhiêu hương xạ phai tàn đành chờ chết trong sự thờ ơ và bóng tối... Nàng muốn kêu gào lên với số mệnh. Thì, giữa lúc ấy, tiếng chim rạo rục ngoài thềm bảo cho nàng biết rằng: trời đã sáng. Nàng chợt nhớ đến nhời dặn trước của Đinh Thọ, vội vàng trang điểm rồi ra chơi vườn hoa.

Nàng mặc cái áo dệt bằng kim tuyến, vạt lấn trong những bức xiêm màu tím nhạt. Một giải lụa bạch choàng qua vai, tha thướt dưới hai nách Hậu như đôi cánh bướm. Nàng đeo một chuỗi ngọc bích, sắc xanh tôn màu da cô trắng như mỡ động.

Sự xuất hiện rõ ràng ấy chẳng khiến nổi nhà vua tươi vẻ mặt. Ngài điềm nhiên hỏi:

– Ái khanh ra chơi vườn Ngự sớm nhỉ.

Sau một liếc nhìn Đinh Thọ, nàng quỳ gối và dịu dàng đáp:

– Tâu Thánh thượng, thần thiếp chẳng khi nào tự dung lại dám bận mắt cử tròng...

Bạo chúa ngạc nhiên:

– Thế ra ái khanh có điều muốn nói với trẫm.

– Tâu Thánh thượng một điều rất quan trọng!

– Gì thế? Giặc Tàu tràn sang...

– Không phải giặc Tàu, chính quân Chiêm Thành đã phạm tới bờ cõi nước Nam.

Như bị điện giật, vua Ngọa Triều đứng phắt lên, hai mắt nảy lửa:

– Thế nào? Lũ mọi rợ ấy lại dám phạm tới oai trời của trẫm? Hậu nghe tin này ở đâu?

Thái giám vội nói:

– Tâu Thánh thượng, cái tin giặc Chiêm Thành vào cướp phá biên cương, hạ thần biết rõ từ đêm qua nhưng vì đang lúc quân vương giải trí, hạ thần không dám làm mất vui thú ngàn vàng.

– Sao binh tướng của trẫm không giết cho hết lũ chuột ấy đi?

– Tâu Thánh thượng, chúng sớ di lãng loạn như thế, nghe đâu vì có Phạm Thái sư xúi giục...

Hất đổ chiếc long án làm cho những âm ngọc chén vàng rơi vỡ tan nát, bạo chúa gầm lên:

– Phạm Cự Lượng làm phản!... Có địch như vậy chẳng?

Đinh Thọ rụt rè:

– Hình như có thực vì, ít lâu nay, Thái sư tỏ ý mua chuộc Lý Công Uẩn và các võ tướng trong kinh thành.

– Chém!... Phải chém đầu những quân phản chủ ấy đi.

Bọn cung nữ thất đảm, vội mặc áo xiêm đoạn lúi vào các lối đi khuất khúc...

Một tên thị vệ chạy lên thêm:

– Tâu bệ hạ quan Ngự tiền hộ giá xin vào châu.

Bạo chúa thét:

– Vũ sĩ đâu! Hãy khám trong mình Lý Công Uẩn!...

Nhưng chàng tuổi trẻ đã quỳ xuống và tung hô vạn tuế.

– Nhà ngươi có việc gì dám kinh động tới trẫm?

– Giặc Chàm vào phá biên cương, hạ thần ngựa trông lượng thánh cho phép đi dẹp loạn.

Vua Ngọa Triều ngẩn ngơ nhìn Dương Hậu và thái giám.

Công Uẩn nhắc:

– Tình thế ngoài biên khẩn cấp lắm, xin Thánh thượng chuẩn y nhời thỉnh giặc của hạ thần.

Để rơi người xuống long ỷ, vua Ngọa Triều lặng yên suy nghĩ giây lâu mới cất giọng nghiêm khắc hỏi chàng họ Lý:

– Giặc ngoài biên chưa cần dẹp bằng lũ phản bội trong kinh thành. Công Uẩn, nhà ngươi có biết những tên nào đáng chết không?

Đến lượt Công Uẩn ngạc nhiên nhìn Dương Hậu và thái giám.

– Tâu Thánh thượng, làm gì có sự ấy?

Bạo chúa nghiêng răng trợn mắt:

– Nhà ngươi nhất định chối không?

– Hạ thần quả quyết như vậy.

Giọng thành thực của chàng khiến bạo chúa nguôi lòng. Rồi, chợt nảy ra một ý định, vua Ngọa Triều khẽ mỉm cười:

– Phải đấy! Cho Khanh vào Nam hỏi tội những quân bạo nghịch. Trẫm muốn trừng phạt chúng một cách thâm khốc để chúng nhớ mãi về sau này. Trẫm cần nhiều thủ cấp, rõ nhiều, Khanh nhớ lấy.

– Tâu Bệ hạ, tiểu thần xin đem về đủ số để treo khắp địch lâu.

– Tốt lắm! Khanh hãy về sửa soạn để mai sớm trẫm duyệt binh.

Công Uẩn vái tạ rồi lui ra. Trong lúc vội vàng. Công Uẩn không kịp thấy nở trên môi bạo chúa một nụ cười thâm độc.

Là một võ tướng nhiệt thành yêu nước. Công Uẩn lấy việc gìn giữ non sông làm một thiên chức thiêng liêng. Chàng đã nổi giận khi nghe tin báo quân Chiêm Thành sang lấn cõi. Chàng muốn đánh cho chúng tan tành để từ nay chúng khỏi coi nhờn người Nam Việt. Cái ý tưởng tranh hùng ấy đã làm cho Công Uẩn nhất thời quên được tất cả những hình ảnh hãi hùng hôm trước và tất cả những căm giận của chàng đối với sự tàn tác của hôn quân. Những câu hỏi vừa rồi của Ngọa Triều Hoàng đế bỗng lại khiến chàng suy nghĩ. Ở kinh thành có một bọn phản nghịch thật ư? Những ai vậy? Không có lẽ vua Ngọa Triều lại ngờ vực chàng. Tuy căm hờn bạo chúa, Công Uẩn thực ra chưa có những ý định ấy trong đầu. Thế thì cứ sao vua Ngọa Triều đã nói với chàng bằng một giọng gay gắt? Chàng hiểu rồi: chắc lại chỉ Dương Hậu gièm pha để chực báo thù chàng!...

Công Uẩn mỉm cười rồi kết luận:

– Dương Hậu là một bông hoa nở trong một bụi gai...

*

*Chí làm giai dậm nghìn da ngựa,
Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao
Giã nhà đeo bít chiến bào.
Thét roi cầu vị ào ào gió thu!...*

Ôn Như Hầu

6

Trên bãi đất mở ra trước Ngọ Môn, đoàn chiến sĩ chỉ còn chờ điểm duyệt nữa là theo chủ tướng xuống miền Nam, đạp phẳng cái giang sơn các vũ nữ mê hồn, có những tháp đá hoa cao vút.

Mặt trời mọc, tỏa hào quang xuống đám đông dân chúng lao xao quanh những đội quân nghiêm chỉnh.

Trống trận điểm thì thùng; ngựa chiến kêu the thé; cái bề người dào dạt như bị điện truyền. Hồn thượng vũ của chúng tộc lại một phen sôi nổi.

Người ta xì xào khen ngợi toán tượng binh: hơn trăm con vật khổng lồ đen trũi nối nhau thành như hai hàng đá tảng; mắt long lanh những tia sáng thông minh. Chúng cuộn vòi liếc lên những chiếc ngà nhọn hoắt. Sau tượng binh, hai nghìn kỵ mã, ngất ngểu trên những con ngựa ô lĩnh. Họ mặc nhung trang màu đen, tay trái cầm khiên mây hình bầu dục, tay phải cầm mã tấu sáng lòà...

Cuối cùng đến bộ binh, áo đỏ, nón xanh, cấp giáo trường có những ngù bông rực rỡ.

Tất cả im lìm như tượng đất, giữa mớ ồn ào của trống chiêng, của ngựa kêu, voi thét. Những vẻ mặt rắn danh, những tia mắt lạnh lẽo như ánh kiếm làm cho dân gian vừa khen ngợi vừa hãi hùng...

Bỗng, như cả một trận phong ba long trời lở đất bao nhiêu loa trống mõ chiêng cùng vang lên, vỡ lở...

Ngọa Triều Hoàng đế hiện ra trong bóng tàn vàng tán tía...

Tiếng hô của các võ tướng nổi dậy; binh sĩ giơ kiếm reo hò:

– Thánh thượng vạn tuế! Đại Nam quốc vạn tuế!...

Vua Ngọa Triều thản nhiên và lẫm liệt trong bộ áo long bào. Trên mặt rộng chẳng thớ thịt nào rung động: cặp mắt sắc như dao nhìn trừng trừng đoàn chiến sĩ đang sắp sửa lặn vào tên đạn để làm cho uy vũ nhà vua được nể trọng.

Theo hầu bên tả Hoàng đế, quan Thái sư họ Phạm, mình mặc áo gấm tía thêu rồng, năm chòm râu trắng nuột, đao mạo như một vị tiên ông trên thượng giới. Bên hữu Ngài, Đại tướng Lý Công Uẩn, giáp vàng chói lọi, khề mỉm cười với đám sĩ tốt thân yêu...

Chờ những tiếng hoan hô dứt hẳn, nhà vua quay lại dặn quan tướng mấy nhời sau cùng:

- Sĩ tốt không thiếu thốn gì chứ?
- Tâu Bệ hạ. Không!
- Chiến lược của khanh đã sẵn sàng?
- Tâu Bệ hạ đã!

- Dọc đường, nếu cần đến vật gì, khanh được phép bắt các địa phương cung ứng. Từ các công khanh xuống đến mặt tốt nếu ai trái lệnh, cho phép cứ việc chém đầu.

Vừa nói vua Ngọa Triều vừa quay sang phía Phạm Thái sư và cầm lấy lá cờ lệnh cùng thanh bảo kiếm Thượng Phương trao cho Công Uẩn.

- Đối với giặc Chàm, khanh phải hỏa tốc như cơn bão, và đánh như sấm sét mới được!

Công Uẩn vái tạ ơn vua đoạn xuống thành cùng một lúc quan Thái sư họ Phạm.

Chàng ghé tai dặn vị lão thần:

- Như nhời tiểu tướng đã nói: Hoàng đế xem chừng nghi kỵ bọn ta, bởi những nhời gièm của Dương Hậu. Tiểu tướng đi rồi, Tướng công nên thời thường vào bệ kiến và đừng cho văn võ lui tới hậu môn nhiều quá.

Phạm Thái sư, lo ngại, thở dài. Trước sự nghi ngờ đáng sợ của bạo chúa Ngài có thể điềm nhiên, nếu không cần phải giữ gìn tương lai, hạnh phúc và sinh mệnh của con gái thương yêu. Ngài cầm tay Công Uẩn và ân cần dặn:

- Tướng quân đi chuyến này, lão xin chúc Tướng quân kỳ khai đắc thắng, mã đáo thành công, mau mau trở về, kéo một mình lão ở nhà không ai nương tựa nhờ khi sóng gió đất bằng.

- Xin Tướng công chớ ngại: Tiểu tướng tuy đi xa mà tâm trí lúc nào cũng ở gần Tướng công và tiểu thư...

Hai người đã ra khỏi điều kiện, bạo chúa, thấy hai người nói nhỏ, sinh nghi nên vội vàng lên tiếng giục.

- Mau khởi hành thôi chứ! Sự hờn giận lũ mọi kia chứa ngòi. Trẫm thấy mỗi phút dài bằng mười năm...

Công Uẩn vái chào vua, chào bố vợ đoạn nhảy lên lưng bạch mã. Con ngựa long câu, đuôi dài như cả mớ tóc của đàn bà, hét lên một tiếng dữ dội, cất bồng hai vó trước, đoàn bắt đầu bậm kiệu lớn...

Dân chúng reo hò ầm ĩ nhảy lên như điên cuồng.

Kỵ binh chuyển động rồi tiếp theo sau chủ tướng. Những mao, đuôi bay phấp phới, những tiếng hí như găt gỏng, những móng gõ mặt đường lấm bụi.

Bộ binh dôn vào giữa; sau cùng voi trận đi đoạn hậu.

Đại đội từ từ ra khỏi kinh thành. Quân chúng mỗi lúc một say sưa náo nức, ồ ạt theo sau. Dòng thác người cuộn cuộn ấy pha lẫn hò reo với những tiếng chiêng trống vang lừng. Theo gió vụt những lá cờ đầu vùn vẫy như những khúc rồng chói lọi...

Nhưng lúc ấy, Công Uẩn đã không nghe, không thấy gì nữa... Sự hăng hái của tuổi trẻ, lòng quyết thắng của binh gia chẳng át nổi những thốn thức của khách chung tình. Là vì, trong thẳm cùng mộng tưởng, quanh cái hình ảnh rõ ràng của Bội Ngọc, chàng thấy chớm ra nhiều trận bão táp không thường...

Một khi, nghe Dương Hậu gièm pha, bạo chúa đã ngờ chàng, Phạm Thái sư tất sẽ bị coi như tông phạm. Nếu, giữa lúc chàng xa vắng, Thái sư bị búa rìu của hôn quân thì Bội Ngọc thoát sao khỏi con mắt thèm thường sắc dục.

Tương lai, đối với chàng, vì vậy, đầy những hãi hùng. Sự thảo phạt Chiêm Thành, mà chàng đã hết sức nài xin với bạo chúa, lúc này, trở nên một điều đáng ngại, chàng không muốn đi xa nữa vì chàng không muốn cha con nàng mất chỗ tựa nương, cuộc đời của hai người mất hết bảo đảm. Tiếc thay lệnh tiến binh đã phát, án nguyên nhưng chàng đã cầm, chàng không thể nào do dự được nữa. Chàng phải đi, đi trong tiếng hoan hô của quân chúng, đi trong ánh sáng của vầng hồng và lớp bụi vàng mờ mịt...

Sự rủi may chàng đành trông cậy ở cao xanh!...

Một đàn quạ vụt bay kêu trên đầu sĩ tốt...

Lý Công Uẩn rùng mình:

– Quạ kêu, phải chăng là một điềm gỡ?

Ý nghĩ ấy khiến chàng bất giác ngoảnh đầu trông lại:

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu,
Ngàn dâu xanh ngắt một màu:
Lòng chàng, ý thiếp, ai sầu hơn ai?...*

Kinh thành đã khuất lần... Đoàn binh kéo đã xa... Dân chúng đã dừng lại trên đường và đang hò reo để tiễn biệt.

Công Uẩn phóng ngựa lên một gò cao, vẫy gươm chào bách tính. Muôn tiếng hoan hô càng náo nức, càng trội như tiếng sóng cồn... Sự sùng bái say sưa lạ!...

Chàng cảm thấy mình hoàn toàn chiếm được sự yêu mến của lê dân. Chàng lại bắt đầu hi vọng...

*

*Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng.
Hàng cờ bay trông bóng phát phơ,
Dấu chàng theo lớp mây đưa,
Thiếp nhìn dáng núi ngấn ngơ nổi nhà.*

Ôn Như Hầu

7

Cuối xuân, trong các vườn, hoa đào, hoa mận rụng rơi theo gió... Mặt đất phủ đầy những cánh trắng, hồng... Bên các hồ ao, cuộc non đã bắt đầu kêu tha thiết và trong ánh nắng, từng đàn rìn bay tung như cát bụi...

Kinh thành Hoa Lư thức giấc, vui cười: ai nấy kéo nhau đi dự lễ Thanh minh.

Các phố trong thành, bởi vậy, trống không, vắng ngắt; từ các nhà quyền quý đến bọn dân thường đều tản về các vùng thôn quê tịch mịch. Trên nền cỏ xanh phủ kín mặt đồng, trên các dải đường đất cong queo, khúc khuỷu, lũ năm lũ ba ồn ào như nước chảy. Thực là một cảnh tượng vui mắt, tuy Thanh minh là ngày hội của các vong hồn. Những chiếc vông điều của các tiểu thư mỹ mạo, những áo màu lam của các thư sinh, văn sĩ đi tìm những gặp gỡ lạ lùng hoặc những

vân thơ say đắm chắm lên nền nâu mộc mạc của dân chúng những nét rõ ràng... Bầu không khí yên tĩnh nhất thời âm vang những tiếng gọi, những khúc đồng dao, những chuỗi cười trong trẻo. Từ những nắm đất vàng phủ đầy những thoi giấy trắng, khói hương bốc nghi ngút, tan trong không trung, hình như các linh hồn, gặp ngày xuân vui đẹp cũng hiện lên để chia với người sống cái say sưa của tuổi trẻ, của ánh sáng, của hoa nở, chim kêu...

Trên cao, vòm trời mênh mông, xanh biếc, giống như bức trần mui luyện của một ngôi chùa vĩ đại. Bể biếc dang xa, im sóng gió, khe lắng lơ tung bọt trắng lên rìa bãi cát vàng...

Bội Ngọc, khác với mọi người, không đi đâu hết. Nàng ra hiên Lâm Thúy, truyền thị nữ gầy đĩnh trâm rồi, yên lặng, nàng ngồi tựa bao lan, thả tâm hồn theo dõi chinh phu...

Quanh mình nàng, chim chóc vui đùa trong ánh nắng, hoa tươi trêu ghẹo gió rung cành, tất cả bài thơ ca ngợi ái tình và tuổi trẻ không khuấy nổi mối sầu xa vắng, mênh mông nó chiếm thâu hết tâm hồn thiếu nữ.

Nàng cố nhớ lại buổi sớm hôm qua mà Phạm Tướng công cho phép nàng được giáp mặt Công Uẩn, trước khi chàng lên yên ngựa ra bãi sa trường...

Giây phút ấy mới hồi hộp làm sao!...

Ngả đầu xuống lưng ghế, Bội Ngọc thử sống lại, không biết là lần thứ mấy, sự gần gũi say sưa đã mất.

Lúc ấy, trời vừa rạng đông, sương đêm còn ướt đầm mặt lá, Bội Ngọc đã ra chơi vườn hoa, mặc dầu đêm trước nàng đã thức gần suốt năm canh. Những đau khổ hãi hùng của mấy ngày qua đã tan đi như ác mộng. Nàng như người gần chết bỗng được cái tử hồi sinh.

Mặt trời hi vọng lại mọc, chiếu sáng cuộc đời nàng đầy những mộng đẹp của tình yêu.

Thì, ngay lúc Bội Ngọc đang mỉm cười tươi để chào đón một ngày rạng rỡ ấy, cửa vườn hoa bỗng sịch mở, nhường lối cho một võ tướng giáp vàng....

Trời! Nàng thực tỉnh hay mơ? Có thể như vậy được chăng?... Nàng luống cuống, sắc mặt đỏ bừng rồi, khi Công Uẩn đã rất gần, nàng cúi mặt như người quá nắng...

Hai người đã nói gì với nhau?... Có lẽ không thì phải. Hay hoặc chàng đã nói mà; vì trái tim nàng đập mạnh quá nàng chẳng nghe thấy gì hết! Nàng chỉ cúi đầu, tay vân vê tà áo lụa, mặc dầu, lúc ấy, cả tâm hồn nàng muốn kêu lên những tiếng thiết tha... Nàng không dám hé răng vì nàng tin chắc rằng câu nói đầu tiên của nàng sẽ là một tiếng thỏn thức. Mãi khi Công Uẩn cúi chào nàng để lui ra, Bội Ngọc mới khẽ nói với được một câu, giọng đầy nước mắt:

– Chàng đi mau chóng mà về!...

Thế rồi, nàng gục xuống bàn khóc nức nở. Thế rồi, nghĩ lan man đến với hiềm nghèo trên trận địa, nàng lấy làm hối hận rằng đã nói rất ít với chàng và tần ngần tiếc những phút êm đềm có lẽ chẳng bao giờ trở lại...

Đã nhiều phen, không thể cùng ai cởi mở nỗi lòng, Bội Ngọc toan biên thơ ra ngoài cửa ải để họa may chàng có thấu tình nhưng sau nàng lại đành gác bút: nàng không muốn bận trí anh hùng giữa khi chàng cần phải đem hết can đảm và nghị lực ra trả nợ non sông.

Nghĩ đến viết, Bội Ngọc bỗng thấy cảm hứng dạt dào trong tâm khảm. Nàng với tập thơ... Phải rồi, nàng sẽ viết, nàng sẽ phôi bày hết tâm sự lên mặt giấy. Nàng viết không phải để gửi cho chàng, điều ấy nàng đã nhất định, nhưng là để một ngày kia *chàng về đeo quả ấn vàng*, Công Uẩn.

*Sẽ rót voi lần lần từng chén,
Sẽ ca dân ren rén từng câu,
Câu vui lẫn với câu sầu.
Rượu khà cùng kẻ trước sau mọi lời.*

Bội Ngọc lần giở tập thơ; mắt nàng bỗng dừng lại trong một bài vịnh xuân mà nàng đã viết đầu năm ngoái, khi lòng nàng còn như một nụ hoa mới nhú chưa biết những cơn trớn của đông phong...

*Nắng ấm soi tán mộng khói sương,
Đào phô vẻ thắm dưới xuân quang...
Lan xông hương ngát, hồng cười nụ.
Oanh báo tin xuân, cúc bẽ bàng!...
Cây lộc nhỡ như mừng trẻ lại;
Suối trong khúc khúc giễu mơ màng.
Bên song thiếu nữ, sâu chưa biết,
Cười nhện đa tình khéo vấn vương.*

Hai câu sau cùng bỗng khiến Bội Ngọc thờ dài, Nàng nhắc bút đề:

*Năm xưa, em chưa biết sầu,
Ngày xuân hớn hở lên lầu điểm trang.
Bên màn, cười nhện vấn vương,
Tiếng cười trong vắt tựa làn suối trong:
Năm nay em đã biết sầu,
Ngày xuân, chàng vắng, lên lầu vời trông:
Liễu xanh tha thướt bên sông,
Tuyết mù nào thấy vân mòng chàng đâu?
Dở dang tiếc khúc bạch đầu,
Chàng ơi, tham án phong hầu làm chi!...*

– Thơ hay nhưng phải cái nhu nhược!

Bỗng nghe tiếng cha nói sau lưng, Bội Ngọc đứng phất dậy sắc mặt như hoa đào...

– Con chớ thẹn: tình trai gái yêu nhau là một lẽ tự nhiên của trời đất. Có điều con không nên để cho sự nhu nhược xâm chiếm được cõi lòng. Người ta, trên tình trường, phải nghĩ đến non sông đất nước. Chồng con, vì việc quân vương, hăng hái ra biên thù, con ở nhà chớ nên buồn thảm mà, trái lại còn nên tỏ ra xứng đáng với khách anh hùng đệ nhất của đời nay đấy.

Bội Ngọc cúi đầu, hối hận. Mấy nhời nghiêm huấn như ánh hào quang soi sáng cõi lòng u ám của thiếu nữ.

– Thưa cha, con thực có lỗi đối với cha và với chồng con lắm!

Phạm Thái sư cười.

– Con đã biết hối, thì sự nhậm lỗi của con đã có thể bỏ qua rồi. Con chỉ nên nhớ luôn rằng chí làm trai dặm nghìn da ngựa chứ phải đâu lần lửa chốn buồng the. Vừa rồi cha đã nói với con: Lý Công Uẩn là bậc anh hùng cái thế thời bấy giờ. Không những chỉ vậy mà thôi, chàng còn có khí tượng thiên tử nữa. Nhà Lê, hiện nay, ân đức đã tuyệt, lòng trời đã muốn chuyển vận. Cứ xem như vừa rồi, ở làng Cổ Pháp, là quê hương Lý Công Uẩn, một cây gạo, sống không biết đã mấy trăm năm, bị sét đánh tước lần vỏ ngoài, trên thân gỗ có một bài sấm bốn câu thì rõ...

– Cha có nhớ bốn câu sấm ấy chẳng?

– Có, sấm rằng:

*“Thụ căn liễu liễu,
Mộc biểu thanh thanh
Hòa đao mộc lạc
Thập bát tử thành”.*

Miệng đọc, tay viết, cụ đã lấy mấy chữ hòa, đao, mộc chấp lại thành ra chữ Lê, và thập, bát, tử chấp ra chữ Lý.

Cứ theo điềm này, cụ nói tiếp thì nhà Lê sắp mất, họ Lý sắp lên làm vua. Thiên hạ, nhiều người họ Lý nhưng xem ra thì không ai bằng Công Uẩn vì không những Công Uẩn có tài quán chúng, có dạ nhân từ mà thân thế chàng từ nhỏ rất khác thường.

Ông thân sinh Công Uẩn vốn xưa rất nghèo, phải đi làm ruộng thuê ở chùa Tiêu Sơn để mưu sống. Một sư nữ trong chùa, thấy tình cảnh bác nông phu đem lòng thương hại rồi hai người yêu nhau. Mãi sau, sự vụng trộm của hai người bị sư cụ biết.

Ngài, nổi giận, đuổi tất cả hai người đi nơi khác. Hai vợ chồng lạy tạ sư cụ rồi bước ra. Khi qua rừng Báng, hai vợ chồng dừng chân nghỉ, cho đỡ mệt. Chồng khát nước, tìm ra cái giếng gần đấy để uống nước. Vợ, ngồi chờ mãi không thấy chồng về, vội chạy ra giếng tìm thì mới đã đùn lấp thành một nắm mồ cao.

Chị chàng khóc thương thảm thiết đoạn vào xin ngủ nhờ trong chùa Ứng Tâm gần đấy.

Thì, đêm trước hôm sư nữ tới chùa Ứng Tâm, sư cụ nằm mộng thấy Long Thần bảo rằng “Ngày mai, ngươi phải dọn chùa cho sạch vì có Thiên tử giáng lâm”. Tỉnh dậy, sư cụ làm theo nhờ thần mộng nhưng ngồi đợi từ sớm tới chiều chỉ thấy một sư cô có mang vào xin ngủ nhờ.

Sư cụ lấy làm lạ, hỏi thì người đàn bà kể ngay chuyện mình cho sư cụ nghe. Sư cụ ưng để chị ta trọ ở tam quan chùa. Được vài tháng, một đêm kia, trời mưa to gió lớn, sư cụ trở dậy thì lạ quá! Hương dầu thơm ngào ngạt cả chùa. Nghi tình, sư cụ truyền bà hộ ra tam quan xem. Một lát sau, bà hộ bế vào trình sư cụ một đứa con trai mới đẻ và bạch rằng sư nữ, mẹ đứa bé, đã chết sau khi ở cũ. Sư cụ ngắm nghĩa đứa bé, thấy ở trong lòng hai bàn tay nó in rõ bốn chữ son: sơn hà xā tắc.

Ngài hiểu rằng nhờ thần mộng đã ứng rồi, bèn hết sức nuôi dạy

cậu nhỏ. Tháng, năm qua đứa bé vụt đã lên sáu tuổi. Một hôm, nhà sư truyền cậu bưng oản lên chùa cúng Phật, cậu ta tinh nghịch khoét hết lòng oản ăn trước.

Sớm hôm sau, sư cụ gọi chú nhỏ mà mắng rằng:

– Mày hỗn lắm, dám ăn vụng oản cúng.

Chú bé mồm mím cười:

– Ai mách mà cụ rõ?

– Đức Long Thần đã báo mộng cho ta.

Chú nhỏ tức lắm, định tâm báo thù người đã phản mình. Chờ lúc sư cụ ngủ rồi, chú nhỏ lẻn lên chùa, đánh vào cổ ông Long Thần ba cẳng tay đoạn lấy bút viết lên lưng pho tượng bốn chữ: *Lutu tam thiên lý*. Sáng sớm, nhà sư vừa thức giấc đã vội lên chùa xem, vì Long Thần có mộng cho nhà sư biết là có Thiên tử đày mình đi xa. Quả nhiên, sư cụ thấy chữ Công Uẩn viết trên lưng pho tượng. Sợ hãi, sư cụ lấy nước để rửa nhưng rửa thế nào cũng không sạch. Gọi Công Uẩn vào trách thì chú nhỏ lấy nước bọt lau sạch ngay.

Năm Công Uẩn tám, chín tuổi, sư cụ cho sang chùa Tiêu Sơn để học nhà sư Vạn Hạnh. Công Uẩn rất thông minh nhưng học rất lười. Một hôm, cụ cậu không thuộc bài, sư cụ bèn trối lại bất nằm ngủ suốt đêm ở mặt đất. Công Uẩn vẫn trơ tráo như không lại còn ngâm câu đối chơi là khác.

Bội Ngọc nghe cha nói đến đấy, vội cúi mặt để giấu một nụ cười.

Phạm Thái sư cũng cười.

– Anh học trò biếng nhác ấy thế mà hay chữ đáo để! Anh ta ngâm:

Canh khuya chẳng dám giang chân duỗi.

Vì ngại non sông xã tắc xiêu!...

Sư cụ Vạn Hạnh, đã nghe sư cụ chùa Ứng Tâm kể truyện Lý Công Uẩn, nay lại thấy chàng ngâm câu nọ, bỗng đem lòng kính sợ, vội nhảy xuống đất cõng trối tha cho chàng...:

Phạm Thái sư lặng im một lát đoạn bảo con:

– Thân thế và khí phách Công Uẩn như vậy nên nhiều người tin chắc chàng sẽ làm vua. Ngựa Triều Hoàng đế cũng ngờ vực Công Uẩn, nên mới sai chàng vào Nam, có ý mượn quân Chiêm Thành giết chàng. Bạo chúa lại cho rằng cha cũng đồng mưu với Công Uẩn...

Bội Ngọc giật mình nhìn cha; sắc mặt nàng biến hẳn...

Phạm Thái sư thở dài:

– Bạo chúa đã ngờ thì kẻ bị ngờ phải chết. Cha con ta đã tới lúc phải lìa tan rồi đây! Nhưng, cha dù chết cũng không ân hận gì. Cha chỉ lo cho con. Hiện giờ, Công Uẩn đi xa, cha thì không biết sẽ phải hạ ngục lúc nào...

– Cha ơi!...

– Cha định cho con lánh trước đi. Con hãy trốn về Cổ Pháp, vào chùa Tiêu Sơn nhờ sư cụ Vạn Hạnh che chở cho. Cha đã có thư cho sư cụ rồi.

Bội Ngọc run:

– Thưa cha, cả hai cha con cùng trốn đi có hơn không?

Thái sư lắc đầu:

– Không thể được! Cha đành cam chịu chết để trọn nghĩa với nhà Lê. Cha không muốn hậu thế ngờ cha là một kẻ bầy tôi bất trung. Còn như con, con phải tạm lánh đi để chờ ngày khác...

– Con lòng nào bỏ cha ở lại mà đi cho đành?...

Bội Ngọc vừa nói vừa khóc nức nở...

– Con không nên câu nệ quá. Vả lại, chính cha đây truyền lệnh cho con phải ra đi, con không được cưỡng lời. Con ra đi và nên tỏ ra là một người con xứng đáng của cha, người vợ xứng đáng của chồng con. Con hãy chờ lúc chàng về...

– Nhưng đã chắc đâu chàng thoát tay bạo chúa?...

– Điều ấy, con chớ ngại. Lòng trời đã định, người ta, dù là đấng vua chúa, không thể làm khác được. Lúc này, con nên tin ở trời.

– Cha ơi!...

– Con không được nói gì thêm nữa! Con phải đi ngay bây giờ. Con hãy cải trang làm một gã thư sinh. Trong khi ấy, cha bảo nó gióng ngựa và dặn dò tên lão bộc Trọng Tín để nó theo hầu con...

*Tường chàng trải nhiều bề nấng nỏ,
Ba thước gươm một cổ hung yên.
Xông pha gió bãi trắng ngàn,
Tên treo đầu ngựa, pháo ran mặt thành.*

8

Bỏ lại phía sau tất cả sự náo nhiệt của Kinh thành, sự sùng bái của quần chúng, sự nhớ nhung của một tấm lòng. Công Uẩn kéo quân thẳng xuống phương Nam, qua những cánh đồng đất sỏi, cây mọc thưa thưa và căn cỗi, những bãi dứa cao vút, gió đánh rì rào...

Dần dần, thảo mộc biến đâu hết cả, trơ ra những cồn cát mênh mông chạy tít đến chân trời.

Về tay trái, bể Nam hiện ra, xanh ngắt, với muôn làn sóng bạc kế tiếp nhau tung bọt lên những bờ đá lờm chờm... Xa xa về tay phải, dãy Trường Sơn, hùng vĩ như một mảnh thành còn sót lại của một thời đại hoang đường nào, hiện sừng sững trong lớp bụi sương hồng mờ ảo...

Hơi nóng, tự vòm mây ngàn ngút như lửa hun, gieo xuống, nặng nề, bức bối và gió bẻ, đẩy những bụi vàng lấp lánh và những khí vị lạ lùng nổi thành một tiếng vù vù sâu thẳm và liên tiếp không ngừng...

Gần xa tứ phía, chỗ nào cũng hiu quạnh, chỗ nào cũng buồn tênh, một nỗi buồn thoáng nhẹ mà người ta chỉ thấy ở trên cỏi đất Chiêm Thành, quê hương của ái tình, của máu và của những điệu hát rã rời, não nuột...

Mỗi khi gió tắt, bụi cát thôi bay không khí lại trong suốt như pha lê thì trên đường chân trời, người ta lại thấy một xóm mạc nhỏ ẩn dưới bóng dứa... Những tiếng lá rung như vò lũa, những tiếng suối chảy như reo cười vắng lại khiến cho voi ngựa đỏng tai, phổng mũi và người ta, dù là các chiến sĩ hung hăng, phải ao ước một vài phút nghỉ ngơi, mơ mộng.

Nhưng Công Uẩn nhất định gấp đường, vừa để cho quân thù không kịp phòng bị vừa nóng lòng trở lại Kinh thành, nơi mà bao nhiêu tai nạn đang lăm le xảy tới cho các người thân yêu của chàng, như bão táp...

Bởi thế nên, không rẽ ngang rẽ tắt vào đâu hết, Công Uẩn truyền ba quân thẳng trước mặt tiến lên, gặp tối thì ngủ tạm ngay bên đường, khát thì uống nước ở ngay các vũng nhỏ.

Chẳng bao lâu, những ngọn tháp đá thứ nhất đã lù lù hiện ra, in

hình gở lạ lên nền trời xanh trong vắt... Địa thế cũng mỗi ngày một thêm hiểm trở, những gò đá khô khan cháy nắng, những thung lũng quanh co đầy bóng tối liên tiếp nhau, nom có vẻ hoang vu đáng sợ, hình như dấu vết của một trận hỏa tai khổng lồ nào còn để lại.

Cảnh đìu hiu vắng ngắt dấu người; ấy thế mà thực ra, chính đó là sào huyệt của giặc.

Công Uẩn cho một số lính tản ra các nơi dò thám thì đều nhận được rất nhiều vết chân của bọn Chiêm Thành cùng những vật dùng hư hỏng mà chúng đã quăng bỏ...

Binh sĩ nước Nam cảm thấy rạo rức trong lòng: cuộc viễn chinh giờ đã tới đích: gươm đao sắp được mang ra thử. Mà, trong khoảng đất trời hiu quạnh ấy, những cuộc xung phong ghê gớm không biết chừng sẽ nổ bung ra lúc nào!...

Lúc này, quân Nam tiến một cách dè dặt...

Cõi đất Chiêm Thành đồi núi trùng điệp chạy tít tắp đến chân mây... Hết thấy đều một vẻ chói lòa, man dã: ánh nắng hoa mắt; cát trắng hoa mắt xào xạc dưới chân người và chân voi ngựa; cỏ cây cháy xém dưới mặt trời; vòm không vẫn những mây chì cau có...

Mấy nghìn linh hồn bị kích thích, giương mắt, dỏng tai, như một đàn dã thú rình mồi, lắng nghe những tiếng âm thầm vắng vắng...

Đó là những tiếng động thảm thê và ai oán hình như tự lòng đất thoát lên. Khách lữ hành không ai là không từng đã chú ý đến sự lạ lùng đó nên thường bảo nhau rằng: sứ Chiêm Thành là cõi đất của những oan hồn...

Rồi, một buổi kia, vừa qua một dải đồi lỏm chổm, Nam quân bất thần rơi xuống đoàn binh của giặc.

Đêm tối như mực, lại thêm gió bẽ gào thét liên miên khiến quân Chiêm Thành không hay không biết gì cả.

Mặt trăng hạ tuần đã mọc nhưng vẫn ồm ờ lẩn lút trong mây đen.

Công Uẩn mỉm cười:

– Thực là trời giúp ta!

Chàng ra lệnh cho kỵ binh và tượng binh bao vây tứ phía, không để một tên giặc nào chạy thoát rồi thân tự dẫn bộ quân lên vào giữa trại giặc...

Không ngờ sự xảy ra, lũ mọi Chiêm Thành yên trí ngủ lăn như chết. Nhưng tên quân canh cũng thu hình trong những tấm da dê, lim dim gập gương.

Binh sĩ nước Nam, im lặng như những cái bóng, bò dần vào. Mỗi người cầm một thanh đao cực sắc hoặc cầm một cái thuôn có ngạnh như lưỡi câu dùng để giựt ra từng mảnh thịt mỗi khi đã đâm trúng bất cứ một chỗ nào trong thân thể kẻ thù. Họ nín tiếng bò trong đêm tối, chẳng khác một đàn rắn độc.

Khi đã vào hẳn bên trong rồi, họ bất thần hò reo inh ỏi; những ánh binh khí lập lòe như muôn vàn ánh chớp cứ nhè ngực, cổ, gáy, bên địch mà cắm vào phạm pháp...

Một cảnh hỗn loạn ghê gớm diễn ra trong ánh trăng mờ...

Những tiếng thở rít qua những tấm ngực thủng, những tiếng rên hấp hối, những tiếng gào thét đã man, những tiếng sắt va nhau, những tiếng ngựa, dê, bò rống vỡ lở, toán loạn khiến cho đêm lạnh rùng mình!... Những luồng máu nóng dội ồng ộc trên các mảnh thân tan nát xông lên một mùi gậy gậy, nhạt nhẽo.

Bên trên cảnh chém giết tơi bời: gió bẻ vắn kêu gào thảm thiết, hình như đó là một linh hồn đang hoảng hốt chạy về phía những cha già, vợ góa, con thơ để nhấn họ:

– Khóc đi! Hãy khóc đi, khóc những chinh phụ, tử sĩ đang phơi thây trên mặt chiến trường!

*Hồn tử sĩ gió ù ù thổi;
Mặt chinh phu trăng dôi dôi soi,
Chinh phu, tử sĩ mấy người,
Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn?*

(Nguyễn Thị Diễm)

Hai bên đánh nhau suốt sáng. Dần dần, muôn tiếng sát phạt im vắng... Trong khoảng mơ hồ hiu quạnh chỉ còn nghe một tiếng vắng vắng oán than... Bình minh rụt rè như kinh hãi phải trông thấy cảnh đầu rơi thịt nát. Vàng chiều dương, bạo hơn, ngạo nghề soi nụ cười chói lọi trong những vũng máu đào...

Công Uẩn truyền gọi loa điểm lại sĩ tốt. Trừ vài chục tên bị thương xoàng, Nam quân không hao hụt mất người nào.

Về bên giặc, hết thấy đều nằm ngổn ngang trên mặt đất!

Tám mươi thủ cấp lăn trong cát bụi chứng tỏ sự toàn thắng của Lý Tướng quân. Chàng, áo bào nhuốm máu, đứng trước ba quân, oai dũng như một vị thần phá hoại.

Công Uẩn sai thu những thủ cấp giặc bỏ vào những chiếc túi da dê đem về kinh vì đó là món đồ giải trí sở thích của vua Ngọa Triều.

Chàng lại cho sục các hang đá xung quanh thì tóm ngay được vua Chiêm Thành cùng mấy viên quan hộ già.

Công Uẩn thoát đầu toan giết tất, nhưng sau chàng nghĩ lấy uy khiếp chúng sao bằng lấy đức phục nhân tâm. Bắt chước Gia Cát Lượng đời Tam Quốc thất cầm thất phóng Mạnh Hoạch, chàng gọi vua Chiêm lại gần mà bảo rằng:

– Hỡi Man Vương! Nước Nam tuy đủ binh hùng tướng dũng mà có bao giờ gây chuyện với lân bang? Là vì đức Hoàng đế ta nghĩ rằng binh đao là đại họa cho bách tính, thái bình mới là phúc lớn của quần sinh nên Ngài không nỡ đất bằng gây cuộc phong ba khiến cho đồng xương vô định những cao bằng đầu.

Thế mà nhà vua tự dưng bỏ lễ triều cống, mang lòng phản trắc khiến cho rút lại biết bao mạng sĩ tốt phải tan tành trong cát bụi, như thế có phải rằng nhà vua đã cố tình phạm tội bất nhân, bất tín chăng?

Hôm nay, ta, vâng mệnh Thiên tử, cầm quân tinh nhuệ ra đây, mới đánh một trận mà toán binh sĩ của nhà vua đã như ngôi tan trúc chẻ. Không những thế, thân ngàn vàng của nhà vua cũng sa vào cạm lưới nốt: cơ nghiệp bá vương từ nay chẳng qua một mớ tro tàn.

Nhưng, ta không nỡ để cho như thế. Người đời ai cũng có thể nhầm, miễn biết hối quá thì thôi. Ta đây không phải như Bạch Khởi. Hạng Vũ giết kẻ đã bại, đã hàng.

Và, trước cảnh diệt vong đã sờ sờ trước mắt, nhà vua hẳn lấy làm hối hận. Ta mong sao sự hối hận ấy sẽ là bước đầu sự hòa hảo chân thành giữa hai nước từ nay về sau. Ta vui lòng tha cho nhà vua về nước. Không những thế, ta còn sẵn sàng ủng hộ cho nhà vua giữ vững ngai vàng của tổ phụ mấy đời. Nhà vua nên mau mau dâng biểu sám hối lên Thiên tử, xin lại triều cống như mọi khi, dẹp hết lòng phản bội để cho bách tính được an cư lạc nghiệp.

Nhược bằng nhà vua, một khi được tha về, lại vẫn cậy thành cao hồ rộng, lương thực nhiều, binh lính giỏi, cứ gây cuộc binh đao thì chỉ

trong sớm tối ta sẽ kéo quân tới Chà Bàn hỏi tội. Lúc ấy, ngọc đá khôn phân, nhà vua có van nài cũng không ích gì nữa!

Nghe Công Uẩn nói, Man Vương chỉ cúi đầu nín lặng. Hai giọt nước tự hai khóe mắt hắt từ từ lăn xuống ngực chiến bào...

Công Uẩn vừa dứt lời, hấn vội thụp xuống đất lạy tạ:

– Tướng quân thực là người trời! Quả nhân biết mình tội lỗi đã nhiều, xin cam đoan từ nay dốc lòng cải quá, quy thuận Thiên triều để tạ cái ân đức tái sinh của Tướng quân. Quả nhân không bao giờ để cho xảy ra việc can qua nữa. Tướng quân có thể về kinh cho sĩ tốt nghỉ ngơi.

– Tôi xin tin ở lời hứa của nhà vua.

Ngập ngừng một lát, Man Vương khẽ nói:

– Nhưng, trước khi Tướng quân về, quả nhân muốn rước Tướng quân sang chơi Chà Bàn trong ít bữa để quả nhân được tỏ lòng kính mộ. Dám mong Tướng quân thể tình mà nhận cho.

Công Uẩn không chút hoài nghi:

– Vâng, nhà vua đã có lòng, tôi không dám trái mệnh. Xin nhà vua lên đường trước. Tôi chuẩn bị tam quân thủng thẳng tiến theo sau.

*Đóa lê ngon mắt Cửu Trùng,
Tuy mày điểm nhạt nhưng lòng cũng xiêu.
Vẻ vưu vật trăm chiều chải chuốt,
Lòng Quân Vương chỉ chút trên tay
Má hồng không thuốc mà say,
Nước kia muốn đổ, thành này muốn nghiêng...*

Ôn Như Hầu

9

Vua Ngọa Triều suốt ngày đêm mơ tưởng Bội Ngọc. Sự thềm thường của đấng vương giả, lần ấy là lần thứ nhất, không thực hiện được như lòng.

Ngài bực tức lắm, tuy trên mặt rộng vẻ thờ ơ vẫn y nhiên như pho tượng đá. Sự căm hờn lạnh lẽ đã khiến viên Cửu Môn đề đốc

phải rơi đầu vì tội đã bắt được Phạm Thái sư mà còn để Bội Ngọc trốn thoát. Ngài lại đã truyền lệnh tra tấn Phạm Thái sư bằng tất cả mọi thứ cực hình nhưng vị lão thần vẫn nhất định cắn răng.

Trước thái độ gan góc ấy, vua Ngọa Triều cảm thấy nổi mọt nhọc của những lớp sóng kinh không lay chuyển hòn đá tảng. Đã tức giận, nhà vua càng tức giận không biết chừng nào! Ô hay, sự ham muốn của ông vua độc đoán, như mũi tên do tay thiện xạ bắn ra, lại có thể không trúng đích được sao?...

Đó là điều mà bạo chúa không ngờ. Ngạc nhiên, vua Ngọa Triều lúc ấy cảm thấy mình cũng chỉ là một người.

Ngài âm thầm suốt ngày trong cung cấm, không nói, không rằng, cũng không cho phép ai được tấu đối sự gì cả. Một tên cung nữ, cậy mình được vua sủng ái nhất, khề mon men lại gần bên Ngự tọa. Nhưng, hấn vừa mở miệng thì cả một chiếc bình sứ cổ đã vỡ toang trên đầu hấn!... Đoàn thiếu nữ túc trực hai bên tả hữu đều kinh hồn nín thở. Chúng cảm như thóc, đứng rờ im, tự hồ muốn lẫn với các bức tượng đồng...

Rồi, đáng nhẽ cứ ngồi tốt trên ngai như vị thần thiêng muốn gì được nấy mà không phải nhọc lòng cử động, vua Ngọa Triều đứng phất dậy, đi quanh trong phòng: Ngài nóng lòng chờ tin của bọn nội giám sai đi lùng Bội Ngọc.

Vua qua chỗ nào, bọn thị vệ chỗ ấy lại một phen bỏ vĩa. Chúng dán mình vào vách, cố giữ mà toàn thân chúng vẫn như đám sậy gió rung...

Giữa lúc ấy, một tên nội giám ở ngoài chạy về để báo tin rằng Bội Ngọc có lẽ không còn có ở Kinh thành...

Vua Ngọa Triều vung chiếc dùi đồng cầm trong tay; tên nội giám lăn ra chết thảng.

Một lát sau, một tên khác chạy về. Trông thấy xác bạn, hấn run như rế...

– Bội Ngọc đâu?

Ngã khụy xuống trước mặt vua, tên nội giám cố nói:

– Tâu... Bệ hạ... thần chẳng thấy dấu vết Phạm tiểu thư đâu cả!...

Chiếu dùi đồng lại giáng xuống như sét đánh: tên nội giám ngã quay xuống gần bên mình bạn.

Tên thứ ba cũng lại như hai tên kia.

Và, sự tức giận càng như lửa cháy trong lòng, vua Ngọa Triều bước thẳng lên lầu Ngọ Môn...

... Mặt trời đã gần khuất sau dãy núi phương tây màu tím thẫm; ánh nắng vàng ngùn ngụt trên các chỏm cây to và các ngọn tường rêu phủ trong khi, ở các nơi khuất bóng, sương chiều đã rây xuống cảnh vật một lớp bụi phấn mơ hồ.

Đứng trơ như một tảng đá, vua Ngọa Triều nhìn cảnh tàn mà uất cho cái uy quyền không tuyệt đối của mình...

Trong lúc ấy, muôn vàn tinh tú kế tiếp nhau hiện ra trong thẳm mù khơi. Những cơn dơi đêm bay vùn vụt quanh đầu vua như những ý nghĩ đen tối chợt hiện ra rồi tan mất...

Vua thở dài thất vọng.

– Cả một đất nước mở ra dưới chân ta kia gồm có bao vạn sinh linh chưa thấy bóng ta đã vội gục đầu xuống cát bụi. Mỗi một câu ta nói là một cái mệnh lệnh thiên thần đối với chúng. Ta ngự qua chỗ nào là y như một cơn dịch lệ qua chỗ nấy. Một mũi tên của ta bắn ra đủ làm rung chuyển bốn phương trời. Ấy thế mà, đến nay, sự ao ước nhất của ta không được thỏa!

Ngài nghiêng răng ken két rồi truyền gọi Đinh Thọ.

Hoảng kinh như phải ra trước mắt tử thần. Đinh Thọ quỳ mọp xuống sân gạch, khễ bò dần lại bên vua. Hấn ngửa mặt trông lên, khễ cất giọng van nài tha thiết:

– Tâu Thánh thượng Ngài sinh phúc cho hạ thần: tiểu thư Bội Ngọc, con Phạm Thái sư, mà Thánh y đã muốn thu dụng, hạ thần dám chắc không trốn đâu thoát khỏi. Hạ thần đã dò biết rằng nàng mặc giả trai chạy sang vùng Đình Bảng xứ Kinh Bắc rồi. Thần sẽ tìm cho kỳ được tiểu thư Bội Ngọc về dâng Thánh thượng. Một khi đã vào tới Thâm Cung, thấy cuộc đời vương giả cực kỳ tôn quý, nàng sẽ tự mình vui vẻ nhận vào hàng cung nữ được châu chực mình rông.

– Nhà ngươi đã biết đích xác Bội Ngọc trốn vậy nhà ngươi còn đợi gì mà chưa bắt nàng về đây?

Đinh Thọ cúi đầu, run như cây sậy.

Vua Ngọa Triều nghĩ thầm: Bội Ngọc phải ẩn lánh ta như vậy có lẽ nàng đã dan díu cùng ai rồi chăng?... Hẳn lại chỉ Công Uẩn!...

Nghĩ vậy, Vua Ngọa Triều bỗng nghiêng hai hàm răng, sắc diện Ngài đỏ bừng như lửa, lần thứ nhất bao nhiêu máu trong mình Ngài dồn cả lên gương mặt thờ ơ... Nhưng, chỉ thoáng qua rồi màu da Ngài lại xanh tái, lông mày Ngài cau lại, mắt Ngài quắc lên, dữ tợn đến nỗi Đinh Thọ ngất đi...

Ngài đá mạnh vào người tên thái giám:

– Nhà ngươi mau mau đem quân Ngự lâm ra thành, tiến thẳng sang Kinh Bắc khám hết các dinh thự, các đền đài, các tư gia, cho đến lều tranh vách đất cũng không từ, đem cho được Bội Ngọc về đây, mặc dù nàng còn sống hay đã chết. Nếu không được thế, nhà ngươi sẽ phải đem thân làm mồi cho con mãnh hổ của trẫm!...

Đinh Thọ lạy năm lạy đoạn xuống cổng thành để thực hành đế mệnh.

Vụt chốc toàn thành nổi lên tiếng động long trời và, nếu vòm trời không xanh thẳm, cỏ cây không im lặng, người ta có lẽ ngỡ rằng nổi trận phong ba: đó là đoàn Ngự lâm quân, ngồi trên các chiến xa lớn sơn đen rậm rộ kéo ra thành...

*

*Nước doanh Hán, Việt đồng rửa sạch,
Khúc nhạc từ, giėjo giết lừng khen
Tài so Tần, Hoắc vẹn tuyên.
Tên ghi gác Khói, lạng truyền dài Lân.*

Nguyễn Thị Điểm

10

Qua một cõi mông mênh những núi đá, những cồn cát, những tháp dị hình, những làng mạc lẻ loi ẩn dưới bóng dừa, Công Uẩn và đoàn dũng sĩ tiến thẳng tới Kinh thành Đô Bàn, quê hương của các vũ nữ mà chàng vẫn nghe đồn như các tiên nga trong cổ tích.

Nhò lên từ các bí mật nên thơ của vườn Ngự Uyển và rực

rõ trong ánh sáng rực rỡ của mặt trời đội lên lóng lánh xuống muôn khóm hoa tươi mơn mớn trên nền lá bóng xanh như ngọc, những cung điện bằng cẩm thạch màu vàng màu tím, theo một lối kiến trúc lạ lùng, đột hiện trước mặt Lý Công Uẩn như một cảnh rõ ràng trong mộng ảo...

Chàng dừng ngựa, mở to cặp mắt ngắm mê man hàng trống canh, chẳng khác nhà thi sĩ đắm say một bài thơ đẹp.

Mãi sau, chàng mới truyền lệnh cho nhạc binh cử khúc quân thiêu để báo tin vào kinh thành. Quả nhiên cổng thành mở rộng, một đám đông sặc sỡ hiện ra với muôn tiếng ồn ào của nhã nhạc, của người reo, vật rống...

Vua Chiêm Thành ngự trên mình con voi trận thặng đủ bành khấu thêu vàng dát ngọc, tiến lên trước để mừng đón ân nhân, theo ngài là các võ tướng, giáp trụ đầy mình, cưỡi trên lưng những con ngựa tuyệt đẹp, sau cùng là cả một cái bể người ô ạt...

Khi chỉ còn cách Lý Công Uẩn độ chừng mười thước, vua Chiêm Thành ra hiệu để quân tượng bắt voi quỳ xuống đoạn nhà vua chấp tay bái Công Uẩn mà nói rằng:

– Hỡi Người, tôi xin kính chào Người, tôi để tay lên miệng và lên ngực tôi vì từ nay miệng tôi sẽ chỉ nói với Người những câu thành thực, lòng tôi sẽ chỉ rung động bởi sự biết ơn.

Dứt lời, nhà vua phát tay áo một cái.

Đoàn võ tướng, từ nãy im lặng như tượng đất, vụt phóng ngựa chạy vòng quanh trước mặt Công Uẩn và hò reo âm ĩ. Thực là một cảnh tượng phi thường, một cơn lốc ngũ sắc, trong đó, ánh gương lấp lánh dưới nắng chiều như muôn nghìn tia chớp điện...

Khung cảnh xung quanh tựa hồ giúp thêm vẻ tráng lệ cho cuộc biểu diễn oai hùng; mặt trời, giống hệt quả cầu bằng máu đang từ từ chìm mất, trong vũng lửa hoàng hôn. Những dải núi xa hiện trên nền da cam từng đám máu, thẫm tím vĩ đại. Một vài dải mây xám viền lửa đỏ, lơ lửng giữa vòm không trong biếc. Từng đám hơi nóng tự mặt đất bốc lên ngùn ngụt. Sương lam bắt đầu lan trên những đồng rộng mênh mông...

Lý Công Uẩn, sau khi tám tấc khen thăm bọn võ tướng Chiêm Thành, cũng muốn tỏ cho họ biết tài các tướng tá của mình. Chàng vẫy tay một cái, tức thì các tướng Nam, sóng nhau từng đôi

một, bắt đầu biểu diễn. Họ cắp chặt lấy yên, thúc cho ngựa phi sát đất, tay múa siêu đao loang loáng hoặc tung bông lên không rồi lại bắt lấy một cách dễ dàng.

Đám đông dân chúng Chiêm Thành vỗ tay khen ngợi và hoan hô như sấm.

Nhìn theo đoàn tướng tá của mình. Công Uẩn thích chí cười khanh khách. Máu trong người chàng sôi lên. Hồn thượng vũ rạo rục, chàng quát một tiếng to, con ngựa bạch nhảy chồm một cái đoạn lao thẳng xuống đồi như một mũi tên bắn. Công Uẩn đứng phất lên yên ngựa. Chiếc áo bào chàng mặc bay tung trước gió chẳng khác một lá cờ hồng...

– U ha!... U ha!...

Khán giả say sưa, cùng gào lên như bão rống...

Công Uẩn nhào đầu ra phía trước, chân quắp lấy cổ ngựa, treo ngược mình trước ức ngựa, chồm mũ chỉ cách mặt đất chừng một gang tay. Vụt cái, chàng lại ngồi thẳng trên yên, rẽ cương cho ngựa quay đầu lại rồi, như chớp loáng, chàng nhảy tới trước mặt vua Chăm. Bỗng, con ngựa chàng cưỡi choãi thẳng bốn chân, đứng sững lại rồi cả người cả ngựa im phăng phắc nom chẳng khác một pho tượng bằng đồng hun của một nhà điêu khắc đại tài.

Cả cái bể người âm âm nổi sóng...

Công Uẩn vẫn điềm nhiên, chàng thủng thỉnh cùng vua Chăm tiến thẳng vào cổng thành...

Trong nội điện, yến tiệc đã chục sẵn. Vua Chăm mời Công Uẩn ngồi vào ghế thượng tôn đoạn truyền cử nhạc. Tức thì những tiếng tơ đồng, tiếng sênh phách, tiếng tiêu quyển nổi lên, nhịp theo một điệu hát lạ lùng ngậy ngát...

Tiếng đàn tiếng hát mới buồn làm sao! Nó gợi ra trong lòng tráng sĩ tất cả nhớ nhung u ẩn, những sầu muộn mênh mông; nó đem cho cơ thể một nỗi chán chường tê tái...

Bọn vũ nữ, quỳ hai hàng trên những nệm thêu ngũ sắc và đương mơ màng xa vắng, bắt đầu rung động, thốn thức đoạn từ từ đứng dậy...

Một chiếc mũ đầu nầu nhọn hoắt bằng vàng đính ngọc che kín mái tóc mây, như cả một trời sao lấp lánh; những vòng vàng rung

rình trên ngực; bộ áo giáp ken bằng vẩy bạc chèn lấy cái mình dẻo như một đoạn song non; một đôi vòng nhạc đeo quanh hai cổ chân; y phục của bọn vũ nữ một loạt như nhau cả.

Bị ảnh hưởng của âm nhạc, họ bắt đầu uốn éo, ngả nghiêng, vặn mình như đàn rắn, quỳ xuống, đứng lên, chắp hai bàn tay về trước ngực hoặc dang thẳng ra hai bên, chờn vờn như đàn chim sắp cất cánh... Họ theo đúng từng nhịp của đàn hát, diễn ra một cảnh tượng huyền ảo, dưới ánh ngũ sắc huyền ảo của những chiếc đèn lồng...

Công Uẩn ngậy ra nhìn; chàng bâng khuâng tưởng đâu mình lạc tới một cuộc dạ hội thần tiên. Thực chưa bao giờ những thanh sắc trên thế gian đã nào nùng, xúc động lòng chàng đến thế. Bao nhiêu chí khí ngang tàng nhiệt liệt, bao nhiêu năng lực phấn đấu oai hùng của chàng đều đi đâu mất. Trong giây phút ấy chàng cảm thấy tâm hồn dào dạt như muốn tan ra thành muôn vạn nỗi nhớ niềm thương...

Chàng không phải là một chiến sĩ nữa, chàng cũng không phải là một thi nhân. Chàng đã trở nên một khách si tình, yêu vợ vẫn.

Mà không yêu sao được!

Quanh mình chàng, biết bao là gái đẹp lượn lờ trong một bầu ánh sáng của mộng寐, biết bao nhiêu làn sóng mắt làm đắm đuối tim chàng, biết bao nhiêu nụ cười đốt cháy da thịt chàng, biết bao nhiêu tấm thân mềm dẻo bỡn cợt chàng bằng những ước hẹn ngầm ngấm say sưa... Say sưa hơn nữa vì hết thấy những vẻ đẹp thấp thoáng quanh mình chàng lúc ấy đều thuộc về một thế giới khác, một thế giới gần như của tưởng tượng... Chàng thấy ở mỗi vũ nữ Chiêm Thành một bài thơ tuyệt diệu nhưng tối nghĩa mà chàng muốn hiểu!...

Vua Chiêm Thành cười ngất. Nâng chiếc chén ngọc. Ngài vui vẻ uống một hớp rượu thơm nồng đoạn bảo Công Uẩn:

– Tướng quân! Một người anh hùng như Tướng quân mà không được làm vua một nước, nghĩ thực cũng uổng một đời!

Công Uẩn giật mình ngồi thẳng dậy. Chàng vừa ở cung trăng rơi xuống cõi hồng trần. Bao nhiêu nghĩa vụ đối với nước nhà, bao nhiêu trách nhiệm của một viên chủ tướng cầm sinh mệnh toàn thể sĩ tốt trong tay vụt lại trở về với trí nhớ của chàng. Hình ảnh vua Ngọa Triều độc dữ, hình ảnh Phạm Thái sư già nua, hình ảnh Bội Ngọc buồn rầu kế tiếp nhau hiện ra trước chàng loang loáng...

Chàng vụt nhớ tới những nỗi lo sợ khi cầm quân ra đi, những tai vạ tầy đình treo lủng lẳng trên đầu những người mà chàng yêu dấu. Tấm lòng chàng đương ngây ngất, vụt trở nên hăng hái lạ thường. Chàng phải lo đương đầu với may, rủi, ngoảnh trông về tổ quốc xa xa. Công Uẩn bồn chồn; tim gan như lửa đốt. Chàng giận không có đôi cánh bay về cho nhanh.

Giữ áo đứng lên, Công Uẩn từ tạ:

– Nhà vua có lòng hậu đãi, bốn soái thực thâm cảm thịnh tình. Chỉ tiếc cuộc vui ngắn ngủi, đêm đã hồ tàn, vậy xin bái từ.

– Vâng, Tướng quân đã muốn nghỉ ngơi, trăm cũng không dám nài ép. Nhưng, trước khi Tướng quân lui về hổ trưởng, trăm xin Tướng quân hãy tin ở sự thành thực của trăm. Trăm xin thề trước Đức Thích Ca Mâu Ni Phật rằng nếu trăm có lòng nào phản bạn xin đức Phật ngài tuyệt diệt trăm, và cả hoàng tộc Chiêm Thành.

11

Vẫn chưa có tin gì về Bội Ngọc!... Trong cung cấm, vẫn một bầu không khí nặng nề những khủng khiếp và bức dọc... Vua Ngọa Triều vẫn ngồi không yên ổn đứng không vững vàng...

Bạo chúa là một vị quân chủ độc dữ ngang với Hoàng đế *Néron* nước La Mã hoặc Trụ Vương đời nhà Ân bên Trung Hoa. Tính nóng như lửa mỗi cơn lôi đình của nhà vua là cả một phong ba. Vả lại, chữ nghĩa ít, kiến thức nông nổi tuy tính rất kiêu ngạo. Nhà vua, bởi thế, thường tỏ ra là một người mê tín như đàn bà. Sự mê tín ngu dốt ấy càng khiến bạo chúa lăm khi coi rất rẻ mạng người, cái mạng của bất cứ kẻ nào mà bạo chúa ngờ có thể hại cho Ngài, hoặc chỉ vô ích cho Ngài.

Một nhân cách như thế thường biểu lộ ra trên nét mặt đầy sát khí; bạo chúa mang trong lòng biết bao nhiêu tội ác nó hiện rõ trong cặp mắt vô cùng nham hiểm. Ngài thực là hiện thân của thần Tam Bàn.

Tuy vậy, vua Ngọa Triều cũng run sợ cho tính mệnh của mình lắm.

Trong những phút hiểm hoi mà cái oai quyền tuyệt đối của nhà vua bị lung lay, trong những phút mà những cơn say máu người

đã nhạt, bạo chúa cũng ngầm hiểu rằng quanh mình Ngài, sự oán hờn như nước thủy triều càng ngày càng lên mạnh và có thể ngập lìm Ngài đi lúc nào không biết. Chính những lúc ấy bạo chúa tỏ ra mê tín nhất, hay cầu đảo thần linh, hay hỏi dò bói toán nhất, lại hay thi hành những hình phạt thảm thê nhất mục đích như đem máu người để làm ngọt những âm mưu tưởng tượng do trí Ngài sáng sốt, bày đặt ra.

Bây tôi của ngài, bị đè nén, đều cúi rạp mình dưới sự đe dọa của mã tấu.

Cái cực hình, mà hai tên cung nữ sủng ái vừa phải chịu khiến cho những kẻ tự đắc nhất cũng phải tiêu hồn. Hai kẻ khốn nạn ấy, bị tình nghi là đã dùng nhời bất kính để nguyên rủa quân vương. Bạo chúa nổi trận lôi đình, truyền gọi hai phạm nhân đến trước Ngự tọa rồi chính Ngài thân tự cầm bảo kiếm xả chúng ra làm muôn mảnh.

Ngài muốn rằng sự trừng phạt ấy sẽ làm cho kẻ khác muốn theo gương hai đứa bây tôi bất trung kia phải khiếp vía. Cái ý định ấy quả nhiên hiệu quả: những ai oán thù vua nhất cũng chỉ đành cắn răng chờ đợi cái phút mà phạm người ta ai cũng đều phải qua...

Sống giữa sự khủng khiếp và sự thâm thù. Nhà vua tuy vậy vẫn đường hoàng hưởng những khoái lạc dâm cuồng do ba nghìn mỹ nữ cung tần hiến hằng ngày.

Một người như thế, ai tưởng còn có thể yêu được nữa! Ấy thế mà vua Ngọa Triều đã yêu, yêu say đắm, yêu như một cậu thư sinh mười chín tuổi.

Mối tình đột ngột và thiết tha nung nấu ấy khiến vua Ngọa Triều đã chán chường nhục dục, bỗng như một cây cần cối gặp trận mưa xuân.

Thực thế, nhà vua từ lúc thoáng nom thiếu nữ trên sông, thấy mình như đổi mới, hơn nữa thấy mình trở nên một người khác hẳn, nhà vua cũng bắt đầu hy vọng điên rồ, cũng nhớ nhung vợ vắn, cũng ghen tuông một cách vô nghĩa lý như một anh chàng si chữa biết đời.

Mối tình khẩn thiết ấy, thêm có một oai quyền nhất thống, một tâm tính hiếu sát, càng trở nên mạnh mẽ và ghê gớm biết chừng nào!

Nó là cả một lớp sóng ngất trời bị cái thái độ kiêu hãnh,

của Phạm Thái sư và sự lẩn tránh gần như ngạo mạn của Bội Ngọc ngăn cản.

Làn sóng khi nào chịu lui trước khúc dê mỏng mảnh. Lẽ tất nhiên là khúc dê phải vỡ nát. Lẽ tất nhiên, vua Ngọa Triều phải làm cho cha con Phạm Thái sư đến cúi đầu khiếp phục mới nghe.

Buổi sáng ngày hôm ấy, bạo chúa cũng đang nóng lòng chờ tin của Thái giám Đinh Thọ như mọi khi thì bọn Ngự trù bung cơm lên.

Lính Ngự trù, ăn mặc sắc sỡ, rón rén đi lại quanh Ngự tọa. Chúng lẳng lẳng bày lên long án những món ăn mà vua thích.

Nhưng trong lúc ấy, cặp mắt cáo kính của nhà vua luôn luôn nhìn ra phía cửa.

Ngài chệnh mảng lắng nghe bọn Ngự nhạc cử những khúc tiến tửu tưng bừng...

Bọn lính hầu bày xong tiệc. Quan Ngự thiện dâng món chim sâm cầm xào nấm.

Bạo chúa, ngờ vực, truyền:

– Ném trước đi!

Không ngần ngại quan Ngự thiện khẽ múc một thìa nhỏ và vào miệng nhai và nuốt...

Bạo chúa rình xem một lát mới hỏi:

– Có ngon không?

– Tâu bệ hạ, tố hảo!

Nhà vua gấp mấy gấp, nhai uể ải...

Hai tên cung nữ, quỳ hai bên tả hữu Ngự tọa, cùng nâng một đoạn khăn là để che cho thức ăn khỏi rơi vãi xuống long bào. Chúng tỏ ý khiếp sợ lắm vì chúng hiểu rằng chúng chỉ vô ý một chút là đủ mất mạng như không.

Ăn nếm qua các thứ, uống vài hớp rượu xong, vua truyền triệt yến. Từ hôm Ngài tương tư Bội Ngọc, Ngọa Triều Hoàng đế coi các thứ cao lương mỹ vị bất quả như rơm khô.

Vừa lúc đó, có biểu của Đinh Thọ dâng về, trong đó, Thái giám thú thực vẫn chưa tìm thấy Bội Ngọc nhưng hấn lại đổ cho là tại sự cụ chùa Tiêu Sơn cố tình ẩn nặc.

Bạo chúa hất đổ chiếc kỷ bạch đàn làm vỡ tan cả bộ chén sứ. Ngài gọi tên sứ giả vào và quát hỏi:

– Bay sao không giải tên ác tăng ấy về đây cho Trẫm.

Tên lính vội quỳ tâu:

– Tâu Thánh thượng sư cụ chùa Tiêu Sơn hiện đã bị áp giải về đơi mệnh ở trước Ngọ Môn lâu.

– Dem nó vào!

Thị vệ tức khắc điệu nhà tu hành lên điện: một người đàn ông chừng sáu chục tuổi nhưng khỏe mạnh, vạm vỡ, cử chỉ rất chắc chắn tuy ăn mặc lò xoà. Khuôn mặt nhà sư vuông chữ điền; màu da tươi thắm; hai hàm răng đều, chưa khuyết; hai mắt thông minh; mái tóc mọc nửa vời đã trắng xóa như cước...

Thoạt trông nhà sư, Ngọ Triều Hoàng đế đã toan vung gươm lên để chém nhưng sau lại thôi. Trong cặp mắt Ngài thoáng lòe ra một tia lửa điện; trên làn môi Ngài thoáng nở một nụ cười... Vẫy tay ra hiệu cho lính hầu áp giải nhà sư lại gần Ngự tọa, bạo chúa khê rút con dao chuôi vàng và từ từ chống lên đầu nhà sư. Rồi, điềm nhiên, Ngài... róc mía!...

Con dao lập lòe lên xuống; vỏ mía tách rời lá tả trên vai kẻ thụ hình... Thỉnh thoảng, con dao trong tay nhà vua lại sườn lằn vỏ mía và bập mạnh xuống cái đầu trọc lóc. Một vết thương há toác ra, một dòng máu đỏ chảy luể loại xuống trán, xuống gáy, xuống mặt, nhuộm đỏ tấm áo cà sa đã cũ máu...

Tả hữu nhìn vua nghịch ác, hồi hộp nín thở, cũng không biết nên khóc hay hay nên cười... Nhà sư vẫn cúi đầu im lặng, không một nhời kêu van, không một tiếng xa xít. Bạo chúa cũng nghiêm trang làm cái trò chơi tai quái như ai làm một việc quan trọng, thiêng liêng. Dòng máu vẫn chảy luể loại đọng thành vũng nhỏ trên nền gạch vẽ rồng...

Róc xong tấm mía, vua Ngọ Triều vừa tiện rời từng khẩu đưa lên miệng nhai vừa dần từng tiếng hỏi:

– Nhà người giấu con gái Phạm Cự Lượng ở đâu?

Sư cụ nói buông xõng:

– Không biết?

Vua Ngọ Triều tái mặt.

– Phạm Cự Lượng, Lý Công Uẩn và người cùng nhau âm mưu làm phản tội đáng muốn chết mà nay người còn dám cứng cổ à?

– Đâu có việc ấy? Mà phỏng thử có thể nữa, chẳng qua bọn ta làm cái việc trừ ác cứu dân, sao gọi là phản nghịch được?

Vua Ngọa Triều hét lên một tiếng . Một làn chớp nhoáng lờ ra khiến mọi người quáng mắt. Đầu sư bay vọt xuống thêm, bỏ lại trên nền điện một vệt máu hồng...

Như điên lên vì hơi máu, bạo chúa gọi:

– Võ sĩ đâu, giải Phạm Cự Lượng và khiêng con mãnh hổ của trẫm lên đây!...

Thị vệ da ran đoạn chạy tấp xuống thêm.

Một lát sau, họ khiêng lên trước Ngự tọa một cái cũi sắt nan thưa trong nhốt một con hùm cực lớn. Cùng lúc ấy, Phạm Thái sư bước tới đàn trì. Ngài không lạy mà cũng không thay đổi thần sắc trước cái thây chết của khách tu hành tuy chính thân thể Ngài cũng đã sứt sỡ, võ vàng, xanh lợt....

Con mãnh hổ, ngửi thấy mùi máu, gầm lên và nhảy lồng lộn trong cũi sắt.

Trở ác thú, vua Ngọa Triều bảo Thái sư họ Phạm:

– Nếu người không nói thực cho trẫm biết chỗ ẩn mình của con gái người thì mãnh hổ đây sẽ vì trẫm mà xé thây người ra làm trăm mảnh:

– Ta chịu chết còn hơn chịu làm hại đời con gái yêu của ta.

Vua Ngọa Triều cười nhạt.

– Làm một vị Quốc trượng không muốn, nhà người lại muốn làm mồi cho cọp, thì lạy thực!

– Ta thà chết chứ không thềm cái ngói Quốc trượng. Con ta thà chết còn hơn là phải hiến cho hôn quân.

Bạo chúa nghiên răng:

– Võ sĩ! Trói nghịch tặc vào cột son và lấy sắt đỏ gi vào lưng hắn, mau!

Võ sĩ da vang rồi lò lửa bắt đầu cháy, rồi những thỏi sắt bắt đầu đỏ rực.

Chúng, sau khi đã lấy dây buộc chặt ngang lưng Phạm Thái sư vào cột, lần lượt cầm sắt đỏ ấn mạnh lên lưng Ngài.

Thịt cháy xèo xèo, mùi xông khét lẹt... Đau quá, Phạm Thái sư vừa cúi mình ra phía trước thì bị ngay mãnh hổ giương vuốt tát một cái bằng trời giáng. Quai hàm Thái sư treo hẳn đi, thịt má Ngài rách bươm, đỏ loang. Thái sư kêu rú lên và cố lật mình lại phía sau. Bọn võ sĩ lại cầm sắt đỏ gi vào vết bỏng trên lưng Ngài... Để tránh sự đau đớn, ông già khốn nạn vội xoay mình thì con mãnh hổ, sau một tiếng gầm rùng rợn, lại quào tay vồ lấy miếng mồi ngon. Và cứ như thế mãi cho cho tới khi vị công thần của Lê Đại Hành Hoàng đế, không chịu được thảm hình ấy nữa, gục đầu xuống ngực và thở hắt hơi thở cuối cùng!...

Vua Ngọa Triều, nhoẻn một nụ cười đắc chí:

– Cho thế mới đáng đời quân phản chúa! Võ sĩ bay, tháo xác chết của nghịch tặc ném vào lồng sắt cho mãnh hổ.

Bọn Thị vệ làm theo nhời phán. Tức khắc thi thể của Phạm Thái sư bị hùm cắn xé và nhai nát cả thịt, xương...

*Bóng kỳ sỹ già từ quan ải,
Tiếng khải ca trở lại Thân Kinh.
Đình non kia đá đề danh
Triều thiêng vào trước cung đình dâng công.*

Nguyễn Thị Điểm

12

Đoàn quân thắng trận về tới kinh thành vào giữa một buổi chiều cuối xuân chói lọi...

Mặt trời tà chìm trong một vũng hồng... Ánh nắng hấp hối nhuộm các chòm cây to và các nóc cung điện một màu vàng rực: không khí ngào ngạt những hương thơm; chim chóc hót vang trong gió ấm...

Ngay từ khi mới được tin báo tiếp ở ngoài biên gửi về, nhân dân kinh thành đã náo nức bảo nhau mở một cuộc đón rước cực kỳ long trọng đoàn chiến sĩ đã có công ghi thêm lá cờ Đại Cồ Việt một chiến tích vẻ vang.

Và, cũng bởi thế nên vừa nghe trống từ xa vẳng lại cùng với khúc

hát khải hoàn bách tính đã ồ nhau đi đón, tiếng reo mừng nổi lên như sóng cồn bão táp, vang động đến tận thâm cung.

Vua Ngọ Triều biến sắc; trước cử động sùng bái của dân chúng đối với Lý Công Uẩn, Ngài cảm giác mờ mờ rằng oai quyền của mình đã sắp tới ngày đổ vỡ. Ngài sợ hãi, nhớ lại giấc mộng ăn lê...

Trời! Cái ngai vàng của họ Lê có lẽ sắp phải nhường lại cho họ Lý thực chẳng?

Vuốt những giọt mồ hôi giá ngắt trên trán, bạo chúa đứng phắt dậy, đi đi lại lại trong cung, tỏ ý lo lắng. Hình ảnh khôi ngô của chàng thanh niên tuấn kiệt mỗi lúc một hiện ra trước mặt nhà vua, kiêu hãnh và mỉa mai... Bạo chúa nghiêng rặng, trợn mắt; Ngài giơ tay ra phía trước, miệng lẩm bẩm:

– Nghịch tặc! Mày dám quyến rũ bách tính của ta, mày dám đương đầu với ta thì rồi mày phải chết! Mày phải chết bằng cực hình!

Tiếp câu nói của vua Ngọ Triều tiếng hò reo ngoài phố càng bội lên như ngụ cái ý muốn đổi quyền thay chủ của cả một dân tộc mà sự chuyên chế đã làm cho phẫn uất đến cực điểm.

Rồi, thốt nhiên, toàn thành sáng rực như một cái bể lửa: nhân dân thấp đèn đốt đuốc để kéo nhau đi đón chào đội quân chiến thắng.

Từ xa, tiếng trống trận, tiếng vũ nhạc mỗi lúc một gần, trấn áp cả muôn tiếng reo hò của bách tính, như tiếng sấm sét nổ trên sóng cồn...

Thực là cả lớp sóng người gồm đủ các hạng và cùng điên cuồng lên bởi xúc cảm nhiệt liệt. Dưới ánh đèn ngũ sắc, người ta nhận thấy, sát cánh nhau, những vương hầu khanh tướng kiêu ngạo và rực rỡ, những nho sĩ, áo xanh, bọn dẫn lộ của quần chúng, những dân gian quần nâu áo vải...

Hết thấy đều hát to những khúc hùng hồn, reo hò vạn tuế và đốt những tràng pháo dài dằng dặc.

Sau đám ấy là những đàn bà con trẻ đi đón chồng, cha, anh. Họ cũng cười, cũng hát, cũng nhảy múa, kêu gào như một đoàn hóa dại.

Sự náo nhiệt mỗi lúc một tăng thêm một bội lên rồi đám đông vụt tách ra làm hai, nhường lối cho đoàn quân trẩy...

Lý Công Uẩn đi đầu. Cưỡi trên mình con bạch mã, áo giáp hoen đầy máu và cát bụi, chàng hiện ra, dưới bóng cờ đuôi nheo sắc đỏ, lẫm liệt như một vị tướng thần.

Kéo sau lưng chàng là bộ binh rồi kỵ binh và sau cùng, đoàn voi trận.

Mặt đất rung lên trong khi bầu không khí lẫm những bụi, vang những tiếng reo mừng và sáng trưng ánh lửa...

Toàn thể nhân dân tướng sĩ đều rạo rức cả tâm hồn. Người ta cảm thấy như có một luồng điện chạy.

Vừa thoát thấy Công Uẩn, bách tính mừng rỡ như thấy một vị phúc thần giáng thế. Tự nhiên, người ta so sánh chàng với bạo chúa, tự nhiên người ta khao khát một kỷ nguyên mới có thể đem lại cho dân chúng sự thái bình, cái hạnh phúc và những phút say đắm vinh quang...

Cái ước vọng ấy, nhân dân không thể giữ kín trong lòng được nữa. Họ phải hình dung ra bằng nét mặt và bằng nụ cười; người ta phải biểu lộ nó ra nhờ nói, ra những tiếng hoan hô có lẫn nước mắt.

Công Uẩn cũng nhận thấy lòng dân yêu mình tới cực điểm. Chàng rất cảm động và đã có ý tựa vào đó nếu, rồi đây, chàng phải kình địch với hôn quân. Chàng bồn chồn quá vì, từ khi đem quân đi chinh phạt Chiêm Thành, chàng không được tin tức gì của Phạm Thái sư và của Bội Ngọc hết. Tuy chưa nghe thấy xảy ra sự gì mà chàng vẫn lo canh cánh vì luôn luôn chàng thấy bóng thanh gươm lừng lờ trên tính mệnh gia đình họ Phạm. Trông thấy dân gian đi đón mình, chàng cũng toan hỏi thăm nhưng cái địa vị một ông tướng cầm nghiêm lệnh cho toàn quân bắt buộc chàng không được nói một lời.

Cố giữ vẻ nghiêm trang điềm tĩnh, Công Uẩn hết sức nén cơn phong vũ trong lòng mỗi lúc một thêm to.

Đoàn quân cứ trẩy, trẩy mãi trong ánh đèn ngũ sắc...

Trăm họ đi kèm hai bên không ngớt lời khen ngợi các anh hùng đã làm cho oai danh của chủng tộc như sấm dậy tới phương xa.

Khi quân trẩy gần tới cửa Nam Kinh thành, một vị võ tướng, vâng chiến mệnh của Thiên tử, đã chực sẵn với các thứ dê lợn trâu bò để khao quân. Theo chiếu chỉ của đức Hoàng đế thì toán quân

Nam chinh hãy đóng trại ở ngoài thành đêm ấy chờ sáng hôm sau hãy kéo vào thành để Quân Vương còn Ngự lãm.

Công Uẩn tiếp chiếu liền xuống lệnh đồn binh và cho phép sĩ tốt mở tiệc để thụ ân vũ lộ.

Còn chàng thì vào trướng tiếp Vương sứ Ngô Tử An.

Binh lính đóng bặt ngàn trên mấy cánh đồng lớn. Các doanh trại, trong giây phút, hiện ra như bát úp.

Đình liệu bắt đầu cháy như sao sa. Mấy nghìn chiến sĩ, sau những buổi nằm sương đạp cát, tắm máu, gọi tên, đều cởi bỏ áo giáp, gác đồ binh khí, cùng nhau nâng chén rượu vua ban và ca khúc thái bình...

Công Uẩn ngồi uống rượu với Ngô Tử An đã được vài tuần. Chàng đã phải đáp những câu hỏi chán ngắt của Tử An về việc đánh dẹp Chiêm Thành. Chàng định xoay câu chuyện ra phía khác để thử dò la tin tức của Phạm Thái sư cùng Bội Ngọc.

Chừng đoán biết ý ấy, Vương sứ nhìn Công Uẩn khẽ mỉm cười đoạn cầm bình ngự tửu rót ra chiếc chén vàng mà hắn đem theo:

– Xin Tướng quân hãy cạn mấy chén rượu vua ban này. Thêm vào ơn mưa móc, bản chức xin kính dâng nhời mừng Tướng quân đã quét thanh cường khấu, giữ vững bờ cõi giang sơn và làm cho mọi người phải khiếp phục. Làm trai ở đời, một khi đã lập nên công trạng hiển hách như thế, cũng nên bắt chước như Tào Mạnh Đức khi xưa mà ngâm câu đặc ý vậy.

Công Uẩn cười và tiếp lấy chén rượu.

Nhưng, khi chàng vừa uống khỏi cổ họng, Công Uẩn ngạc nhiên thấy khác. Một cảm giác không thường theo máu chạy khắp thân thể chàng khiến cho tứ chi chàng rời rã, cặp mắt chàng mờ đi, đầu chàng như có ai vừa úp lên cả một cái cối bằng thép nặng...

Công Uẩn giật mình, biết trúng mưu hại. Chàng gượng đứng lên và toan cất vấn Tử An, nhưng vụt cái chàng ngã dụi xuống đất như một bộ chiến bào rơi.

Tử An thét:

– Sĩ tốt đâu! Lý Tướng công bị ngộ cảm rồi!... Mau mau vục Ngài vào thành để bản chức đón quan Thái y điều trị.

Chớp mắt, một cái cẳng đã làm xong. Mấy tên thủ hạ của Tử

An vội khiêng ngay Công Uẩn vào trong thành. Quân lính xô xao lo sợ nhưng không ngờ đó là mưu sâu của bạo chúa, chúng yên trí rằng chủ tướng chỉ bị cảm xoàng, quan Thái y cho một liều thuốc là khỏi.

Sự vui vẻ tưng bừng trở lại với đám chiến sĩ ồn ào. Vô tư lự, chúng cùng nhau cứ chén tạc chén thù suốt sáng trong khi chủ sủy của chúng đã bị vua Ngọa Triều hạ ngục.

Bạo chúa, xoa tay, cười hớn hở:

– Rồi trăm sẽ phanh thây mi để xem lá gan mi lớn chừng nào!...

*

13

Công Uẩn mê man không biết là bao lâu. Khi chàng mở mắt nhìn, Công Uẩn chỉ thấy bóng tối dày đặc quanh mình. Chàng có cái cảm giác như bị rơi xuống một vực thẳm... Ô hay! Chàng mê hay tỉnh thế này? Quân lính của chàng đâu cả? Chàng đã về tới nước nhà hay còn ở đất Chiêm Thành? Mà sao đầu chàng nặng thế này? Sao chân tay chàng rời rạc thế? Và sao cổ họng chàng khô như vậy?

Vươn vai; dụi mắt; Công Uẩn cố nhìn... Mù mịt! Chàng cố lắng tai nghe... Im lặng!... Chàng thử gọi... Chẳng ai thưa!...

– Ngô Tử An!... À! Bạo chúa... bày mưu khao quân để... lừa ta!... Thôi, ta hiểu rồi! Đây hẳn là một gian trong nhà linh ngữ!... Ta là thằng tù chỉ còn đợi chết!

Cái ý tưởng là một tử tù của bạo chúa khiến Công Uẩn lạnh người. Không phải là chàng sợ chết nhưng vì chàng sức nghĩ đến cha con Phạm Thái sư, một khi chàng đã phải hạ ngục thì cha con Phạm Thái sư chắc cũng bị bắt giam và không chừng đã bị giết bị nhục rồi. Bội Ngọc, người yêu của chàng, đã bị nhục? Công Uẩn lờn lên với ý nghĩ ấy. Chàng đứng phắt dậy và sục sạo khắp gian phòng tối. Chàng chỉ vấp phải những vách đá sù sì ẩm lạnh! Chàng cố gắng, tưởng chừng có thể phát điên lên được. Nhưng, chàng biết làm thế nào? Thất vọng đến cực điểm, Công Uẩn gằm lên đoạn dùng hết sức lung lay cánh cửa gỗ lim. Ngay lúc ấy, bên ngoài vụt có tiếng người khê nói:

– Lý Tướng quân!... Nếu người đừng làm dữ và cho tôi được phép

trời người lại thì tôi sẽ để người ra ngoài này.

Một ý định thoáng lóe ra trong tâm trí náo loạn của Công Uẩn. Chàng nhận lời. Tức khắc cửa ngục hé mở, một tên nội giám lén vào...

Công Uẩn liếc nhìn qua tấm cửa lim hé mở: hàng trăm mũi giáo, lập lòe dưới ánh ngọn đèn lồng, đều trở thẳng vào cửa ngục.

– Bay đem ta đi hành hình?

– Không phải thế.

– Vậy bay trời ta làm gì?

– Để dẫn Tướng quân ra ngoài vì có người đang chờ Tướng quân để nói một câu chuyện quan hệ.

Công Uẩn ngạc nhiên quá. Chàng cố đoán mà không thể nào hiểu được. Trong khi ấy, tên nội giám đã cùm chặt hai cổ tay chàng lại. Ánh đèn lồng vụt tắt. Nội giám dẫn chàng đi...

Đêm ấy, trăng tuy vắng mà nền trời quang đãng, sao mọc từng vòm. Cảnh vật trên mặt đất mờ mờ, bí mật. Giun dế xôn xao trong cái tịch mịch sâu thẳm...

Theo tên nội giám, Công Uẩn đi trên những lối quanh co đầy những bóng cây rậm. Cả hai người cùng nín lặng. Công Uẩn nghi ngại lung lăm. Chàng thấy tính mệnh chàng, lúc ấy, đương phủ trong một cái màn bí mật ghê rợn...

Bỗng, nội giám khê ra hiệu cho Công Uẩn bước lên thêm đá một tòa cung điện. Hấn gõ nhẹ vào cánh cửa son mấy cái đoạn kính cẩn lắng tai chờ nghe. Chỉ giây phút, cửa cung hé mở; tên nội giám ấn Công Uẩn vào trong đoạn hấn khép ghì cửa lại...

Choáng váng như người vừa ra khỏi hang sâu chợt thấy ánh mặt trời, Công Uẩn đứng ngây ra có đến mấy phút trong gian phòng ấm áp, thơm tho và sáng rực. Chàng chớp mắt luôn luôn, chưa kịp nhìn nhận gì cả.

Mãi sau chàng mới thấy Dương Hậu, ngả mình trên một chiếc ghế dài, nhìn chàng với một nụ cười lẳng lơ và giễu cợt...

Dưới hai ngọn sáp vàng linh động, Dương Hậu hiện ra trước mắt Công Uẩn như một pho tượng của dục tình say đắm: Nàng ngả đầu xuống lưng ghế, gối lên búi tóc xô lệch như một chiếc gối mềm thơm. Cặp mắt nàng long lanh nhìn một cách khêu gợi. Trên

làn môi đầy thắm, đứng sững một nụ cười. Nàng chỉ mặc một cái áo lụa mỏng hở hai cánh tay và cái ngực nõn nà. Cặp đùi nàng tròn trĩnh vắt chéo lên nhau, hiện rõ dưới những nếp xiêm là. Nàng khẽ rung đùi khiến bàn chân xinh xắn, gót đỏ như son, lúc ẩn lúc hiện như dịp theo những thốn thức sôi nổi trong lòng...

Hai người nhìn nhau...

Dương Hậu bỗng cất giọng uể oải:

– Thị nữ đâu, nhắc cấm đôn mời Tướng quân ngồi!

Yên lặng.

Hậu khẽ gắt:

– Những quân này láo thực! Chúng nó lẩn đâu mất cả!...

Vừa nói, Hậu vừa trở chiếc đôn bọc gấm đặt cạnh chỗ nàng ngồi:

– Tướng quân tạm ngồi xuống đây vậy.

Công Uẩn từ nãy vẫn đứng im, lúc ấy, tự nhiên chàng làm theo ý nàng như một cái máy.

– Thế nào? Phong cảnh mà nhất là bọn vũ nữ Chiêm Thành hẳn đẹp mắt Tướng quân lắm đấy nhỉ?

– ...

– Mà ta cũng không dám trách Tướng quân: người, dù là một bậc danh tướng nữa, bao giờ cũng vẫn là... người...

– Tâu Hoàng...

Dương Hậu không để cho Công Uẩn kịp nói. Nàng đặt vội bàn tay thơm tho lên miệng Công Uẩn.

– Những lối xưng hô phức tạp ấy là để dùng ở chỗ đông người kia. Ở đây, chỉ có... Chúng ta... Chàng hà tất phải giữ lễ quá như thế!...

Sự đụng chạm êm ái ấy khiến Công Uẩn rùng mình. Tuy thế, chàng cũng nói:

– Tâu Hoàng hậu, dù ở đâu chẳng nữa, hạ thần cũng không quên cái thể thống quân thần!...

Sự thẹn thùng nhuộm hai gò má Dương Hậu một sắc hoa đào. Nàng khẽ cau lông mày hỏi Công Uẩn:

– Tướng quân không bao giờ quên thể thống quân thần nhưng liệu đức Hoàng đế Ngài có nhớ tình tôi chúa không? Tôi dám

quyết rằng không. Chúng cứ: Phạm Thái sư, nhạc phụ của Tướng quân, vừa bị đức Hoàng đế truyền lệnh quăng vào chuồng hổ...

Công Uẩn đứng phất dậy; mặt chàng nguội như tro.

– Phạm Thái sư đã bị giết rồi?...

Dương Hậu thở dài:

– Phải, Thái sư đã bị hùm xé xác rồi. Không những thế, Bội Ngọc lại cũng vừa bị bắt.

Công Uẩn ngã ngồi xuống ghế.

Một tia lửa ghen hờn thoáng qua trong cặp mắt Dương Hậu... Nhưng nàng lại tươi ngay và nói bằng giọng trách móc:

– Tướng quân chung tình quá nhỉ?

– Tâu Hoàng hậu, người đã bạc tình thì còn mặt mũi nào trông mảnh trăng thề? Vả lại...

– Sao?

– Bội Ngọc tiểu thư là một người đáng được chung tình lắm!

Dương Hậu giận đỏ mặt; nàng ngồi phất dậy, quắc mắt nhìn thẳng vào Công Uẩn:

– Chàng định nhục mạ ta?

– Tâu Hoàng hậu, kẻ hạ thân chỉ tâu thực nỗi lòng.

Dương Hậu toan truyền lệnh cho nội giám lại đem giam Công Uẩn xuống ngục nhưng, không hiểu tại sao, giữa lúc cảm hờn chàng nhất, Hậu càng yêu mến khát khao chàng. Nhìn hai cổ tay Công Uẩn bị kẹp chặt trong lỗ chiếc cùm gỗ hình chữ nhật, nàng có cảm giác bùi ngùi đau đớn. Nàng thở dài, đoạn nói nửa như với mình nửa như với Công Uẩn.

– Đàn ông thực là giống đáng giận! Họ bạc bẽo và mù cả!...

Câu oán trách thành thực ấy khiến Công Uẩn như hối hận tuy chàng không có điều gì đáng hối hận.

Dương Hậu vẫn lẩm bẩm nói tiếp:

– Ta yêu chàng, đã khổ sở vì chàng, đã liều chết để cứu chàng và hơn nữa, sẽ còn muốn cứu chàng một lần thứ hai, cứu cả người chàng yêu, kẻ tình địch ghê gớm của ta. Đáp lại sự tận tâm ấy, chàng đã thờ ơ, đã hất hủi, đã nhục mạ ta như đối với một con đàn bà mặt hạng!...

– Tâu Hoàng hậu, nếu mặt tướng đã vô tình phạm thượng, cúi xin Hoàng hậu tha thứ cho...

Giọng thiết tha, Dương Hậu đứng sát lại bên mình Công Uẩn:

– Tha thứ cho chàng?... Trời ơi! Chàng nói lạ!... Có chẳng chàng tha cho thiếp và đừng bắt thiếp phải đau khổ vì chàng nữa!...

Trong khi Dương Hậu nói, hai giọt nước dần dần đọng lại trong kheo mắt nàng đọng từ từ lăn xuống hai gò má đỏ hây hây... Hơi thở của nàng dồn dập thoáng lên mặt Công Uẩn như một thứ hương ngát say sưa...

Công Uẩn hơi ngượng, lùi lại phía sau một bước. Dương Hậu lưỡng lự tiến lên một bước và ôm ái cầm lấy tay chàng.

– Khốn nạn, hai bàn tay đã từng chống đỡ cả một chiếc ngai vàng mà giờ phải cùm kẹp đến thâm tím lại... Chàng đưa thiếp mở cùm cho nào.

Vừa nói, Dương Hậu vừa kéo sát Công Uẩn vào lòng. Nàng nhìn thẳng vào mắt chàng:

– Công Uẩn!... Thiếp yêu chàng lắm. Mối tình yêu ấy, phỏng chàng có thấu cho?... Thiếp không đành lòng thấy chàng phải chết mà, cứ theo ý định của Ngọa Triều Hoàng đế, chàng thế nào cũng chết. Thiếp muốn cứu tính mệnh chàng: Thiếp sẽ vui lòng cứu tính mệnh người yêu của chàng. Đáp lại, chàng chỉ cần ban cho thiếp một chút tình, nhờ âu yếm mà thiếp bấy lâu vẫn ước ao khao khát như ruộng nẻ chờ mưa...

Công Uẩn xúc động quá: trước tình yêu khẩn thiết và những lời van xin thành thực của bà Chúa si tình, chàng cảm thấy xót thương khôn tả. Nếu lòng chưa bận vì Bội Ngọc, chàng có thể hy sinh cả cuộc đời chàng cho người đàn bà mà chàng vẫn coi hầu như một con yêu tinh ấy. Là vì, con yêu tinh ấy đã yêu, đã khiến lòng tự ái của người đàn ông ở chàng được thỏa mãn... Chàng phân vân quá: yêu Dương Hậu, chàng tin rằng không thể nào yêu được nữa. Lòng chàng đã hoàn toàn thuộc về Bội Ngọc rồi. Mà từ chối nàng... Có lẽ Bội Ngọc sẽ không thoát chết được bởi lẽ chính thân chàng cũng khó lòng thoát chết. Nhưng chàng có nên vì thế mà, đánh lừa một người đàn bà chẳng? Chàng có nên đánh lừa Dương Hậu, đang sẵn lòng vì chàng mà phạm vào bất cứ một sự rồ dại nào chẳng?

Công Uẩn thấy rõ rằng chàng không có can đảm làm việc ấy.

Chàng thở dài, chẳng biết đáp lời Dương Hậu thế nào...

Riêng phần nàng, lầm tưởng Công Uẩn đã sắp thuận tình, lại càng trở nên tha thiết. Nàng ngả sát vào mình Công Uẩn. Cả tấm thân mềm mại rung động của nàng, lúc ấy, trở nên như một nhời hứa hẹn. Công Uẩn rùng mình, ngây ngất. Chàng từ từ cúi đầu, từ từ nhắm mắt, cố tránh sự cám dỗ mà chàng biết không thể sao tránh được... Nhưng, cùng một lúc chàng cúi đầu nhìn xuống, Dương Hậu cũng ngửa mặt trông lên... Hai mặt thành giáp nhau; bốn tia mắt thành pha lẫn vào nhau, đăm đối. Dương Hậu mỉm cười; cặp môi tươi sáng của nàng khẽ mấp máy một cách khêu gợi...

Bỗng, Công Uẩn nhũn người: Chàng cảm thấy hai cánh tay, mềm như hai khúc rắn, êm ái rít chặt lấy mình chàng...

– Lý lang quân!... Từ lâu, thiếp khổ sở vì chàng... từ lâu thiếp chỉ sống với cái hy vọng rồi đại là được chết ở trong cánh tay chàng...

Thế là xong!... Công Uẩn chỉ cưỡng được tới lúc ấy... Chàng đăm say đặt môi lên nụ cười thơm ngát... Hai tấm linh hồn như tiêu tan trong một giây phút điên cuồng. Dương Hậu từ từ nhắm mắt lại, tình yêu ích kỷ muốn cho ngoại vật nhòa đi...

*Ném chua cay tấm lòng mới tỏ,
Chua cay này há có vì ai!...
Vì chàng, lệ thiếp rỏ đôi,
Vì chàng, thân thiếp lẻ loi một bề.*

Nguyễn Thị Điểm

14

Sư cụ chùa Tiêu Sơn phải bắt lúc buổi sớm hôm mồng ba tháng tư thì chiều hôm mồng năm, Bội Ngọc, trốn vào một ngọn tháp cổ, lại cũng phải bọn Đình Thọ tìm thấy.

Biết rằng chẳng thể nào thoát khỏi tay bạo chúa, thiếu nữ quyết định sẽ giữ gìn danh dự cho tới cùng. Con gái Phạm Cự Lượng Tướng công có một trái tim cân quắc; tuy giàu tình cảm mà không hèn. Nàng nhất định bảo toàn tiết tháo vì nàng coi đó là vại cử động duy nhất để tỏ tình yêu đối với Lý Công Uẩn.

Vả lại, dù sao mặc dầu, nàng vẫn thấy ở trong cùng đáy tâm khảm nàng một tin cậy lạ lùng, bí mật. Nàng không hy vọng gì sẽ thoát tay bạo chúa mà thực ra, nàng vẫn tin một cách mơ hồ rằng trong bước đường cùng, thế nào cũng xảy ra một việc phi thường nó làm cho nàng được gặp mặt tình lang.

Nhờ vì tấm lòng tin lạ lùng ấy vả nàng đã có chủ định nên lúc Đinh Thọ đưa nàng ra xe để cùng hấn lên đường về Kinh, Bội Ngọc bình tĩnh lắm. Nàng giữ riết lấy con dao găm chuỗi vàng mà khi tiễn nàng ra cửa. Phạm Thái sư đã đưa cho nàng như có dặn ngầm con dù sao cũng đừng để nhục đến gia thanh.

Bốn con ngựa chiến, bị thúc giục, co vó phóng như bay; bánh xe lăn như gió lốc; các mảnh đồng kêu vang lên; trục xe nảy lửa. Hai bên dọc đường, phong cảnh nối nhau chạy giật lại phía sau, dưới cặp mắt thờ ơ của Bội Ngọc.

Ngây ra như pho tượng, thiếu nữ không nghe thấy gì nữa. Là vì cái ý định đương đầu với bạo chúa đã trở nên một sức ám thị mạnh đến nỗi cả tâm hồn nàng, lúc ấy, tựa hồ chỉ sống vì nó mà thôi.

Nàng cứ âm thầm với ý định trong khi đoàn ngựa chiến cứ từng trạm một thay đổi nhau đem tin đặc thắng về Kinh. Từ lúc ở Kinh Bắc ra đi tới lúc xe vượt điệu kiều vào Tử Cấm Thành, Bội Ngọc cũng chẳng nhớ rõ là đã trải qua mấy ngày nữa. Không ăn, không ngủ, nàng tuy đã mệt nhoài thân thể mà tâm hồn nàng, trái lại khang kiện hăng hái vô cùng.

Lúc ấy chừng cuối canh tư nhưng vua Ngọ Triều vẫn còn thức và đang độc ẩm.

Vừa thấy Đinh Thọ giải Bội Ngọc lên thêm, bạo chúa đã đứng phất dậy. Nổi mừng vô hạn và đột ngột khiến nhà vua không nói được câu gì. Ngài chỉ giương mắt nhìn như muốn nuốt sống ăn tươi ngay con người ngọc đã khiến Ngài bấy lâu mơ tưởng khát khao. Cứ trông sắc mặt Ngài biến đổi dữ dội đủ biết trong cõi lòng bạo chúa, sự sôi nổi mạnh là chừng nào.

Vua Ngọ Triều nhìn Bội Ngọc. Kiêu hãnh, nàng cũng trợn mắt nhìn vua. Bốn làn nhỡn quang như một cặp song kiếm của hai vũ sĩ đương nhau...

Vua Ngọ Triều bị thua trước. Ngài mỉm cười và trở một chiếc cằm đôn:

– Mời ái khanh ngồi. Dọc đường kẻ thù hạ có điều chi vô lễ, mong ái khanh cũng đừng chấp. Trẫm mong nhớ ái khanh quá nên phải triệu ái khanh bằng cách hơi đường đột. Trẫm thực tình ân hận không biết chừng nào.

Bội Ngọc đỏ bừng sắc mặt; hai mắt nàng sáng quắc lên như náy lửa... Sự giận hờn cực điểm khiến nàng, lúc ấy, càng đẹp như thần tiên đến nỗi vua Ngọa Triều, ngây ngất, nhìn nàng cơ hồ không nghe tiếng nàng quát:

– Hôn quân! Bao chúa!... Dâm tặc! Nhà ngươi tưởng có thể khuất phục, dưới dục vọng dê hèn của nhà ngươi, con gái Phạm Cự Lượng Tướng công, vị hôn thê của vị cái thế anh hùng Lý Công Uẩn đó chăng?

Rồi nàng bật tiếng cười ngạo nghễ:

– Nhảm rồi! Hôn quân nhảm to rồi!...

Hoàng đế Ngọa Triều luống cuống:

– Trẫm yêu ái khanh! Tình yêu bao giờ cũng hay dung thứ.

– Không! Tình yêu là một mối tình thần thánh, cao khiết; nhà ngươi đã làm bẩn nó như bùn nhờn làm vấy một tấm lá.

Bao chúa thở dài.

– Từ khi thấy ngọc nhan, Trẫm bắt đầu biết có tình yêu!... Trẫm đã hiểu thế nào là yêu rồi.

Vừa nói, vua Ngọa Triều vừa tiến sát lại bên mình Bội Ngọc và toan nắm lấy tay nàng, nhưng, tựa hồ bị bỏng, thiếu nữ, nhẩy sang một bên, tay phải luôn vào ngực áo, tấm ngực phập phồng như mặt biển sắp nổi cơn giông, rút phăng lưỡi dao găm sáng quắc và thét to lên rằng:

– Liệu hồn ngươi, hơi bao chúa! Lưỡi dao này sắc như nước và có tấm thuốc độc. Chỉ hơi lướt da chảy máu, nó đủ khiến kẻ nào phạm tới ta phải chết ngay tức khắc. Một bước nữa, nhà ngươi chỉ tiến thêm một bước nữa, nhà ngươi chỉ tiến thêm một bước nữa thôi thì rồi nhà ngươi chớ trách!... Ta sẽ giết ngươi như một loài vật nhơ bẩn rồi ta sẽ liều mạng sau.

Vua Ngọa Triều găm lên như con hổ. Ngài muốn nhẩy sấn lại mà vô lấy Bội Ngọc nhưng nàng dữ tợn quá, quyết liệt quá, khiến cho dưới cật mắt long lanh của nàng, sự hăng hái của hôn quân như mớ lửa rơm bị tưới nước.

– Được lắm! Mi liều chết cùng ta như thế kể cũng gan góc lắm. Mà, càng thế, sự ham muốn của ta càng thêm to. Xưa nay, những kẻ hèn như sâu kiến ta đã chán rồi.

Vua quay về Ngự tọa và truyền bọn quan hầu rót rượu. Bọn này run như một đám sậy bị gió lướt qua. Thực là một cảnh tượng, không ngờ. Từ khi Long Đĩnh lên làm vua, chúng chưa từng bao giờ thấy ai dám ngáng đầu trước cái oai sấm sét của bạo chúa. Thế mà nay, cha con Thái sư họ Phạm đã cả gan sỉ mạ hôn quân, không biết sợ chết là gì! Phạm Thái sư, một bậc lão tướng trải bao phen chiến trận, đã đành coi thường sự sống. Chứ như Bội Ngọc, một thiếu nữ ngây thơ kiều diễm, mà cũng dám gan góc như vậy ư? Không trách phương ngôn đã nói: “Con nhà tông chẳng giống lông cũng giống cánh”, thực không sai.

Nghĩ vậy, bọn thị vệ ngậm lấy làm sung sướng. Chúng coi cái cử động của Bội Ngọc tiểu thư là sự biểu lộ của không biết bao nhiêu oan khuất, bao nhiêu hận sâu, ai oán. Chúng hả hê thấy oai quyền bạo chúa bị lung lay và, cũng như bọn dân, chúng kéo đi chào đón Lý Công Uẩn, chúng cũng lơ mơ ao ước một sự đổi thay, một cuộc cải cách nó đem lại cho tất cả một kỷ nguyên đầy hạnh phúc.

Sau khi đã uống mấy chén rượu, vua Ngọa Triều hình như cũng nguôi nguôi. Bạo chúa nhìn thẳng vào mặt thiếu nữ hồi lâu đoạn khẽ hỏi nàng:

– Ái khanh cố sao cưỡng ý muốn của ta? Người đàn bà nào ở vào địa vị ái khanh mà lại chẳng lấy làm đắc chí?

– Nhà vua chỉ quen với những con đàn bà khốn nạn. Nhà vua chắc chưa bao giờ hiểu rõ rằng một người như ta, đối với kẻ lạm quyền ỷ thế, ta khinh ghét tới bực nào!

Vua Ngọa Triều giận sâu bọt mép nhưng vẫn không thể nào trừng phạt nổi cái miệng tươi như hoa, mặc dầu cái miệng ấy nhục mạ mình.

Mỉm cười, vua nói tiếp, giọng gằn như van nài:

– Ái khanh, Trẫm yêu ái khanh lắm. Từ hôm, trên mặt sông Nho Quan, ái khanh thoáng hiện trước mắt Trẫm, một mối tình lạ bắt đầu phát minh trong lòng, Trẫm, nung nấu vô cùng. Trẫm bắt đầu hiểu rằng Trẫm còn thiếu thốn nhiều lắm. Mãi đến ngày ấy, cái ngày mà Trẫm gặp ái khanh, Trẫm sống lẻ loi với cái oai quyền vô

thượng, giữa những cái bóng tự nhận là mỹ nhân mà thực ra chỉ là hạng bồ nhin. Sau các cuộc viễn chinh. Trầm đắc thắng trở về thường đem theo bao nhiêu gái đã nổi tiếng là đẹp: Trầm ném ụ chúng vào một đồng như đồng hoa giấy không hương vị gì. Trầm lấy làm chán nản quá. Lăm lức ngồi trên ngai vàng, Trầm cảm thấy cuộc đời Trầm suông nhạt chẳng khác chi cuộc đời của một pho bụi mốc trong xó chùa hoang. Kịp đến khi Trầm gặp ái khanh... Như một tia chớp lóe ra trong đêm tối, một mối tình lạ lùng bỗng phát sinh trong tâm Trầm. Trầm biết rằng ngoài Trầm ra, trên thế gian còn có một người có phép đủ khiến Trầm vui hay buồn, sướng hay khổ được. Trước kia, Trầm là một ông Hoàng đế, một đấng chí tôn, một vị thần thiêng bất khả xâm phạm. Ngày nay, ái khanh đã biến Trầm thành một người, một người như hết thảy mọi người...

Thực chưa bao giờ bạo chúa nói dài đến thế. Bình nhật, chỉ một cái liếc mắt, chỉ một cái vẫy tay là đủ cho vua tỏ ý mình. Bội Ngọc lặng nghe vua nói nhưng không những nàng không cảm động mà còn thêm tức giận là khác nữa. Nàng có cái cảm giác như mó phải một con bọ hung.

Thấy lời khẩn cầu của mình vô hiệu, Ngọa Triều không thể kiên nhẫn được nữa. Bản tính của nhà vua lại thức giấc:

– Ái khanh mà cứ trái mệnh Trầm thì Trầm sẽ truyền lệnh lấy sắt đở gí vào cặp mắt đã khiến Trầm phải xiêu lòng.

Bội Ngọc giơ dao nói:

– Hình khổ ấy thi hành thế nào được với ta! Con dao này đây nó sẽ giải thoát ta khỏi tay ngươi.

– Khốn nạn! Ngươi ỷ cái thế lực của ngươi?

– Nhưng Trầm sẽ xéo nát ngươi như xéo một con giun đất.

– Ta thách ngươi đấy! Lang quân ta sẽ báo thù cho ta!

Câu ấy là một tia lửa châm vào một thùng thuốc súng.

Vua Ngọa Triều, điên cuồng vì tức giận, hét to:

– Dao phủ!

Một tên lính nhảy lên thêm.

– Quạt cổ con yêu tinh này xuống cho Trầm.

Võ sĩ xông lại phía Bội Ngọc. Nàng bình tĩnh hoa dao lên chém. Nhưng, chẳng khác một làn chớp, võ sĩ đã quét chân một cái

khiến Bội Ngọc ngã lăn ra. Hấn nhảy lại, nắm chặt lấy cổ tay nàng và bóp thực mạnh. Bội Ngọc rên một tiếng, bỏ rời con dao sắc xuống thêm.

Vua Ngọa Triều rít lên:

– Lột trần nó ra đem tuốt nữa!...

*Cáo, kinh trước già bầu trời,
Doanh ngàn rửa mác, non đoài treo cung:
Khải ca lừng lẫy phu công,
Đã ngoài nanh vuốt lại trong cột giường,
Giơ đuốc ngọc, đặt âu vàng.
Cõi bờ mở rộng, mối đường dựng nên.*

Phan Trần

15

Mấy nghìn chiến sĩ nhao nhao lên vì cái tin Lý Công Uẩn bị hạ ngục. Đối với chủ tướng, các sĩ tốt đều sẵn một cảm tình thân thiết như con đối với cha nên sự lạm quyền của bạo chúa không được chúng coi là chánh đáng. Mọi người đều nổi giận, bàn tán kịch liệt về sự bất công và sự bạc bẽo của vua Lê Ngọa Triều. Họ không chịu được cái chính sự tàn ác nữa. Họ muốn sống dưới một ông vua khoan dung, đức độ và công bằng hơn.

Giữa khi ấy, giữa khi lòng người đang sôi nổi, đang sẵn sàng làm những việc bạo động, một viên đại tướng, Đào Cam Mộc, bỗng phi ngựa lại trước đám quân hùng hổ, bắc loa gọi chúng mà dụ rằng:

– Hỡi các anh hùng, dũng sĩ! Các người hãy lắng nghe ta bảo đây:

Trời đất ở với muôn vật, tuy có lúc sấm sét, giận dữ mà vẫn hàm có đức hiếu sinh, cha mẹ ở với các con, tuy có lúc roi vọt quở mắng song vẫn ngụ ý dạy dỗ. Ấy thế mà Lê bạo chúa, từ khi giết anh là Lê Trung Tôn, cướp lấy ngôi báu đến giờ, đã tỏ ra không có một chút lòng hiếu sinh, một chút tình thương xót nào đối với trăm họ con dân cả. Bạo chúa càng ngày càng hoang dâm, độc ác coi quyền vua như một thứ khí giới để giết người, coi trăm họ như cừu địch. Những

người họ Lý tội gì mà phải thân chìm đáy nước? Thái sư Phạm Cự Lượng tội gì mà phải mãnh hổ phanh thây? Lại chủ tướng các người, Lý Công Uẩn Tướng quân, một bậc trí, nhân, dũng kiêm toàn, hỏi có tội gì mà phải hạ ngục? Chẳng qua hôn quân ghen hiềm ghét giỏi, bạc nghĩa vong ân tệt hơn Kiệt, Trụ đó mà thôi. Chủ tướng các người; công đức trùm cả trời đất mà còn bị bắt giam, các người liệu rồi ra có thể yên sống mà vui hưởng hạnh phúc với cha mẹ vợ con các người được không? Ta nghĩ lo cho các người vô cùng. Ấy chính vì lo cho các người nên hôm nay ta muốn nói với các người một nhời:

Vương giả không ai cao bằng Châu Văn; bá giả không ai cao bằng Tề Hoàn đều phải là những bậc chân nhân cả. Cầm vận mệnh của trăm họ, nếu không có bậc Đế Vương minh chính thì kẻ hiền lương làm thế nào tiến thân được?

Ngọa Triều đã ác nghiệt bắt lương như thế, chi bằng người cùng ta đập phăng hấn xuống rồi chọn người đức tốt lên thay.

Người có đức độ siêu nhân lại có tài năng quán chúng ấy, ta xem không còn ai bằng chủ tướng các người nữa. Các người đợi gì không làm việc phế lập? Làm thế, các người có phải là loạn thần tặc tử đâu! Trái lại, các người biết thuận ý trời vì ý trời chẳng đã rõ rệt muốn diệt Lê, phù Lý đó sao?

Các người nên cùng ta vào thẳng cấm cung, đập đổ bạo chúa, tôn Lý Tướng quân lên ngôi, mục đích để cứu lấy ta, lấy các người, cứu lấy hết thảy trăm họ khỏi cái tình cảnh nước sôi lửa bỏng từ trước đến giờ. Tiến lên hỡi các anh hùng nghĩa sĩ!

Một tiếng reo vang trời chuyển đất, tiếp tiếng gọi của Tướng quân Đào Cam Mộc. Đoàn chiến sĩ, như lớp sóng cồn, tức khắc ủa nhau kéo thẳng về phía Ngọa Môn lâu. Dân gian cũng nhất tề hưởng ứng. Mặt đường lẫm lẫm lên một cơn lốc bụi, trong đó gươm đao lấp lánh như muôn nghìn tia chớp. Thực là một cái bể. Một cái bể phần ứt tới cực điểm, dâng lên, xô tới, ngập lụt Tử Cấm thành...

Đứng trên vọng lâu, viên Cửu Môn đề đốc trông thấy vậy, hiểu ngay rằng trước sự công phần của cả một dân tộc mạnh hơn bão táp, nếu ai dám kháng cự, người ấy sẽ nguy ngay. Bởi vậy, quan lớn vội mở toang cánh cửa Ngọa Môn cho cái thác cách mệnh chảy ủa vào...

Hoàng thành vang lên những tiếng sát phạt. Những bức tường đá ong rêu mốc vẫn gan lì cùng tuế nguyệt lúc ấy phải rùng mình.

Loạt quân kéo thẳng về phía nhà linh ngữ. Họ phá cửa lim, mời Lý Công Uẩn ra.

Thoạt thấy chàng, muôn trái tim cùng như nhảy lên, muôn cái miệng cùng há ra, một tiếng tung hô Vạn Tuế vang âm như sấm dậy.

Họ phù Lý Công Uẩn tiến vào cấm cung nhất định bắt cho được Ngọa Triều để trị tội.

Tiểu thư Bội Ngọc, trần truồng như một pho tượng bằng cẩm thạch, lúc ấy đã bị trói riết vào một bó nứa tươi đập rập dưng đứng giữa sân rộng. Dao phủ cầm một đầu sợi dây chèo buộc dòng từ ngang lưng Bội Ngọc và chỉ còn chờ lệnh vua truyền...

Ngọa Triều Hoàng đế nhìn thiếu nữ bằng tất cả sự đắc thắng của một tâm hồn độc địa. Ngài thưởng thức một cách say sưa nỗi khủng khiếp của nàng và của những kẻ tả hữu đang run cầm cập. Phải, chỉ còn một cái lờ mắt hoặc một cái vẩy tay nữa là cả một tấm thân tuyết đông ngọc đúc kia sẽ biến thành cái giẻ bùng nhùng dầm máu, sự hỗn xược của Bội Ngọc sẽ bị trừng phạt bằng thứ cực hình ghê gớm nhất; cái oai quyền bị xúc phạm của nhà vua lại một lần nữa sẽ được rửa sạch bằng máu đào...

Bỗng, vua Ngọa Triều biến sắc, lắng tai nghe, những kẻ tả hữu cũng bồi hồi nín thở...

Một tiếng vang động từ xa vẳng lại, như cả một trận phong ba, và chỉ trong nháy mắt đã kéo tới phía ngoài cung cấm làm cho lầu ngọc thêm son rung chuyển...

Đứng phất dậy, bạo chúa gọi:

– Võ sĩ đâu, ra xem cái gì như động đất vậy? Tên đao phủ buông đầu sợi dây, vừa chạy tới cửa vườn Ngự uyển thì một mũi lao đã cắm phập ngay vào ngực hắn. Dao phủ ngã lăn xuống đất, giãy như đĩa phải vôi. Cùng lúc ấy, Lý Công Uẩn hiện ra, theo sau là một đoàn tướng sĩ, hung tợn như hùm.

Mặt trắng nhợt, bạo chúa vội tuốt thanh bảo kiếm, chờ...

Giết xong đao phủ thủ, Lý Công Uẩn nhảy vọt lại gần bên bó nứa và cắt đứt dây thừng trói Bội Ngọc đoạn giật một lá cờ đại phủ cho nàng. Bội Ngọc lúc ấy ngất đi, không biết gì nữa. Công Uẩn đã bế nàng bước lên thêm cung cấm.

Vua Ngọa Triều thét:

– Nghịch tặc! Bay dám tự tiện đột nhập cung vi, không sợ mất đầu hay sao?

Công Uẩn cười nhạt:

– Hôn quân chết đến nơi rồi mà còn chưa biết thân!

– À, Lý tặc thần giỏi nhỉ, người định thoán nghịch hay sao?

– Ta vào đây để báo oán cho Phạm Tướng quốc, để rửa nhục hiền thê ta và để phục thù cho những kẻ đã bị chết oan uổng về tay mày.

Ngọa Triều nghiêng răng sùi bọt mép và hoa gươm nhảy lại chém Lý Công Uẩn. Đào Cam Mộc nhanh mắt đá một cái vào ngang sườn bạo chúa rồi tiện tay giật lấy thanh bảo kiếm Long Tuyên. Bạo chúa ngã quay xuống trước Ngự tọa. Đào Cam Mộc dậm một chân lên ngực bạo chúa đoạn phóng mạnh lưỡi gươm... Tướng quân vừa chúi thanh gươm vào chiếc áo vàng của vua mặc vừa nói qua một tiếng cười gằn:

– Đã bốn năm trời đằng đẳng, ta chờ đợi cái phút này...

Trong khi sĩ tốt kéo vào đây cung cấm, Công Uẩn đã êm ái đặt Bội Ngọc lên ngai vàng. Thiếu nữ dần dần tỉnh... Nàng ngóc đầu, mở mắt đoạn khẽ kêu lên một tiếng...

Công Uẩn vội hỏi:

– Bội Ngọc! Nàng đã tỉnh hẳn chưa?...

– Chàng... Chàng!... Ô!... Lạy trời đừng khiến cho việc này chỉ là một giấc mơ...

– Không! Sự thực cả nàng hãy trông...

– Lý lang quân! Thiếp có ngờ đâu còn được thấy chàng?...

Vừa nói, Bội Ngọc vừa nắm chặt lấy tay Công Uẩn...

– Đó cũng là lòng trời cả! Từ nay hai ta sẽ không còn sợ hãi gì nữa! Em hãy trông bạo chúa, hẳn chết rồi.

Bội Ngọc ngồi nhồm dậy, gương to cặp mắt hãy còn hoảng hốt nhìn thấy chết của Hoàng đế Ngọa Triều.

Binh sĩ thấy nàng đã tỉnh, vỗ tay hò reo:

– Tiểu thư vạn tuế... Tân Hoàng hậu vạn tuế!...

Giật mình, nàng ngẩng nhìn Công Uẩn. Chàng mỉm cười, khẽ nói:

– Lê bạo chúa bị giết rồi; Triều đình văn võ cùng một lòng tôn tôi lên làm Hoàng đế, cho nên mới có nhời reo mừng như vậy.

Sắc mặt thiếu nữ bừng đỏ như cả một cánh phù dung. Nàng hơi có vẻ thẹn thùng lúng túng vì các việc xảy ra đột ngột quá, nàng không thể sao không ngỡ được.

Dân gian lúc này theo kịp đoàn binh sĩ đã kéo vào đầy cả vườn Ngự uyển. Hết thấy lại tung hô:

– Vạn tuế! Đấng tân quân vạn tuế, đấng tân quân mẫu vạn tuế!...

Bội Ngọc cảm động quá, gục vào lòng Công Uẩn, nước mắt chứa chan.

Chàng giơ tay ra hiệu. Mọi người đều im lặng.

Giọng nói sang sảng như tiếng chuông vàng, Công Uẩn bắt đầu hiểu dụ:

– Hỡi các hiền sĩ, đạo phu, các văn thần, võ tướng cùng hết thấy trăm họ.

Ta nhờ các người, và cũng là ý trời mà ngày nay được bước lên Bảo Tọa mưu hạnh phúc cho sinh linh, cầm vận mệnh của cả nước, lòng ta mừng rỡ ngấn nào thì lo ngại chừng ấy. Ta lo vì tự biết rằng sức một người khó lòng tròn vẹn được những việc trọng đại thiêng liêng mà từ nay ta phải đảm nhận. Ta cần có sự giúp đỡ của tất cả mọi người. Vậy các hiền sĩ đại phu các văn thần võ tướng, các anh tài trong thiên hạ, các người nên hết lòng phù tá ngai vàng, mở ra cho nước Đại Cồ Việt ta một thời đại thái bình thịnh trị.

Quần chúng đồng thanh:

– Thiên tử vạn tuế! Đấng Minh quân sống muôn tuổi để mưu phúc cho trăm họ, và để mưu sự hùng cường cho nước Đại Cồ Việt nghìn đời!...

Octobre 1936 – Septembre 1937

LAN KHAI

AI LÊN PHỐ CÁT

(Tiểu thuyết lịch sử)

I

Nắng chiều khi ấy chỉ còn soi vớt những chòm cây to mọc rải rác quanh võ trường, một khu đất rộng bên tả ngạn sông Lô khuất dưới cánh rừng Bãi Phủ, cách xa về phía Nam Tuyên Quang hơn mười cây số.

Ngăn cách bờ sông với võ trường, một ngọn gò cao nổi đột ngột như ngón tay trở thẳng lên trời. Trên đỉnh gò, một lá cờ đại khi phong khi mở, thấp thoáng một chữ Vũ cực to, nét đen in giữa nền gấm đại hồng.

Dưới cờ, một viên tướng trẻ đứng yên lặng nhìn xuống bãi. Khổ người dong dỏng cao, hơi gầy, nhưng hai vai thực rộng, hai cánh tay gân guốc. Khuôn mặt chữ dẹt, nét rắn như gọt vào đá. Màu da ngăm đen vì đã dày dặn nắng sương. Lông mày nét mác chên chên trên hai mắt long lanh. Dưới cái mũi trái mặt, cặp môi đỏ thẫm như vết máu trên gươm sắt, khi cười có một vẻ đẹp oai nghiêm.

Thiếu tướng ăn vận một cách phải chăng, không xuênh xoàng quá, cũng không hoa mỹ quá: đầu quấn một vành khăn lam bỏ múi; mình mặc giáp chên hở tay, ngoài khoác thêm chiếc cẩm bào màu huyết dụ. Hai chân đi võ hời, ống lên gân gỏi. Một chiếc đai da hổ thắt quanh ngoài giáp, bỏ thông xuống cạnh đùi bên trái một thanh quát vỏ thau, chuỗi ngà.

Cách sau viên tướng mấy bước, sáu tên quân hầu đứng xúm quanh con ngựa bạch cạo lớn, thắt bộ yên cương bằng da gấu bắt chỉ vàng.

Hết thấy đều yên lặng, như chú hết tinh thần vào cái tiếng động

âm thầm, triền miên, ồ ạt, tựa hồ cả một cái bể lớn tự xa đang tràn lại... Rồi, đại đội binh mã tự trong rừng rậm kéo ra, diễu quanh võ trường một lượt, đoạn từ từ mất hút vào khúc đường phía Bắc...

Mở đầu là nhạc binh, khiêng những trống trận, chiêng đồng hoặc mang những tù và, loa sắt.

Tiếp theo đến quân bộ, ước chừng một vạn, phân ra làm nhiều đội ngang dọc mười người. Mỗi đội có một lá cờ đầu và một viên đội trưởng quản lĩnh.

Hai toán tiên phong ấy, đầu đội một loạt nón sơn, mình mặc áo chàm nẹp đỏ, lưng thắt dây vàng bỏ mũi, một tay cắp mộc, một tay vác giáo, mũi nhọn phản nắng chiều như trăm nghìn bó đuốc lập lòe. Họ kéo đi bước một, hàng lối rất nghiêm. Thực là một cái sức mạnh có tổ chức, cái sức mạnh vô địch.

Cuối cùng đến kỵ binh, cưỡi trên những con ngựa chiến rất hăng.

Đoàn quân này, nhưng phục khác hẳn hai toán trước. Mình, họ mặc áo giáp rút bằng mây; lưng thắt dao ngắn; tay cầm siêu. Cả chiếc nón trên đầu cũng thay bằng cái mũ đen bịt tóc.

Lòng quyết thắng làm cho những khuôn mặt thâm màu sần và phần nhiều đầy sẹo kia thêm hăng hái. Là vì chiến tranh, đối với họ, tức là cái phương tiện duy nhất để bảo toàn tự do, tính mệnh và tài sản của chính mình họ và của quyền thuộc họ.

Vừa ra khỏi rừng cây, ba quân theo nhịp trống chiêng hát bài võ ca. Muôn miệng một lời, khúc quân nhạc tung lên giữa khoảng tịch mịch, nghe như trời long đất sập, bão giựt sấm rền...

Trên đồi, Thiếu tướng mỉm cười, đắc chí.

Hồi lâu, khi toán binh sau cùng rời bỏ võ trường, quần quai như một con rắn thần biến trong lớp bụi bao quanh thì vắng tà ô cũng vừa khuất lẩn. Trên nền mây xanh biếc, lác đác mấy ngôi sao gieo bóng dưới lòng sông chảy êm đềm. Sương chiều rắc lên cảnh vật một lượt phấn trắng tờ mờ. Rừng, núi, đồi, cây mỗi lúc một lùi xa, một nhòa nhạt, mơ màng trong cái hiu quạnh hoàng hôn...

Bỗng, một tiếng hát cất lên, chìm bỗng ngập ngừng như tiếng vỗ cánh của con chim bị đạn:

*Ai lên phố Cát Đại Đồng,
Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa?...*

Thiếu tướng mỉm cười, nghĩ:

– Dò la tin tức vua Chiêu Tôn đấy! Ý tứ lắm. Nhưng, gọi anh em ta là hai gái chưa chồng ở phố Cát, cái danh hiệu ấy thực cũng ngộ nghĩnh, nực cười!

Rồi, như không ngăn nổi ngọn trào lãng mạn, Thiếu tướng thốt nhiên cũng cất tiếng cao ngâm:

*Có chồng năm ngoái năm xưa,
Năm nay chồng bỏ nên chưa có chồng!...*

Hát xong, Thiếu tướng đỏ bừng sắc mặt, thẹn vì trước bọn lính hầu, mình đã vụng về để lộ chân tướng của linh hồn. Chàng vội nghiêm truyền:

– Bây xem ai hát, bắt lên đây tra hỏi!

Trừ tên giữ ngựa, bọn lính hầu vâng lệnh chạy xuống gò. Chừng nhá giập miếng trầu, chúng áp dẫn hai người lạ mặt lên trình.

Người đi trước còn trẻ măng, tầm thước, tròn trĩnh, cử chỉ tự nhiên. Mình, người ấy vận chiếc áo nhung rộng tay, trước ngực đóng một hàng cúc bảo thạch sắc xanh. Hai ống quần đỏ sẫm lẫn trong đôi tất trắng. Chân đi giày bít gót bằng da. Thấp thoáng dưới vạt áo nhung, một con dao găm to bản cài trong chiếc vỏ đồng. Cũng như viên tướng trên gò, người lạ quần trên đầu một vành khăn nhiễu, sắc tam giang nổi hẳn màu da trắng mịn. Khuôn mặt thon thon hơi dài, vẻ hòa nhã mà uy nghi. Dưới cặp mày đen như tuyết nhung, hai mắt to nhìn thăm thẳm, mơ màng. Đầu mắt hơi trũng xuống làm cho sống mũi thẳng nổi cao lên. Nhân trung sâu, nét viền quanh môi rất rõ. Cái miệng tươi nhờ thế càng thêm ý nhị.

Theo sau người đẹp trai ấy, một tên lão bộc cao lớn, lực lưỡng, mặt vuông, râu rậm, quần áo nâu, một bên vai quấy gói hành lý treo vào đầu chiếc côn dài.

Chờ lũ khách lại gần, Thiếu tướng cất giọng đĩnh đạc hỏi:

– Người hát vừa rồi, phải chăng túc hạ?

Chàng tuổi trẻ nghiêng mình thi lễ xong, điềm nhiên trả lời:

– Bẩm chính tôi và... nghe đâu như ngài có đáp lại?

Thiếu tướng đỏ mặt nói:

– Hiện nay, quốc gia đại loạn, nhân tâm xao xuyến, túc hạ là người thế nào lại riêng mình nhàn tản, ngâm vịnh tự do như thế?

– Cái ngụ ý của tôi, nghe đâu ngài đã hiểu rõ thì phải. Và, thầy trò tôi đến đây là lần thứ nhất, nếu không có câu hát ấy, sao đã sớm được cái may mắn yết kiến ngài?

– Túc hạ cố ý gặp tôi, chắc có điều chi dạy bảo?

– Trước khi trả lời, chúng tôi dám hỏi ngài có phải là Biều Vương?

– Biều Vương là anh tôi.

– Vậy ra ngài tức là Tướng quân Vũ Mật! Bức tâm thư tôi đem theo đây chỉ có thể dâng nộp tận tay Biều Vương mà thôi.

– Nhưng ít nhất, túc hạ cũng cho tôi biết túc hạ từ đâu lại?

– Chúng tôi tự kinh thành lên đây, vâng lệnh cha đem thư dâng nộp Biều Vương về việc cơ mật và dò thám tin tức Chiêu Tôn Hoàng đế nhân thế.

– Lệnh tôn đường là ai?

– Cha tôi là Thượng tướng Thái Bạt. Tôi tên gọi Văn Trung.

Vũ Mật thoáng có vẻ ngờ:

– Tôi nghe Mạc Đăng Dung phái rất nhiều thám tử đi các nơi dò bắt vua Chiêu Tôn và dòm nom thực lực của những người kinh địch với hắn?

Văn Trung cười:

– Quả có như lời ngài dạy. Riêng phần tôi khi vào bái kiến Biều Vương, sẽ có vật chứng thực cho tấm lòng ngay.

Trước nụ cười chân thật, đầm ấm của Văn Trung, Vũ Mật không hề nghi gì nữa. Với lại, cái giọng nói du dương kia đã như gậy vào tâm linh chàng một khúc đàn.

Vũ Mật khen thầm:

– “Sao ở đời lại có người con trai xinh đẹp thế! Những bậc giai nhân khuynh quốc, dung mạo cũng chẳng hơn gì”.

Nghĩ đoạn, chàng vui vẻ bảo lũ khách theo mình về thành vì lúc đó nắng chiều đã tắt hẳn, bóng tối đã bắt đầu chìm đắm sự vật xung quanh!

Hai người đi cạnh nhau, không ai nói thêm câu gì nữa. Tuy vậy, Vũ Mật thỉnh thoảng vẫn liếc nhìn người lạ. Không phải chàng ngờ vực gì đâu, nhưng là do sự thóc mách tự nhiên. Chàng cười

thâm, tướng tượng khách là một vị cân quắc anh hùng. Cái ý nghĩ ấy, đối với chàng, không một chút gì trái ngược hết. Vốn có cái tâm hồn lãng mạn, lại sống một cuộc đời tự do giữa cỏ núi hoa ngàn, Vũ Mật tin rằng dù sự phi thường đến đâu cũng có thể xảy ra được.

Bọn lính hầu thấy chủ tướng im lặng cũng nín thinh. Trong khoảng nhá nhem, thành thử chỉ nghe tiếng chân đi trên mặt đất, tiếng trùng eo óc dưới cỏ rậm và tiếng vạc bỏ lửng ngang trời...

II

*Đào mônh có Vũ Uyên cường quật,
Đồng bào thêm Vũ Mật kiêm tề,
Tuyên Quang một cõi võ vè,
Biểu vâng chính sóc Triều Lê một niềm
Vận lương hướng giúp thêm binh dịch.
Giữ cô thành đóng mặt Thượng du,
Lấy lừng trong chốn hoang vu,
Gồm hai văn vũ, riêng gò Biều Vương.*

“Thiên Nam bảo lục diên ca”

Về anh em Biều Vương, lịch sử chép sơ lược có thể. Nhưng, nếu bằng ở lời khẩu truyền của dân gian thì câu chuyện lại tách bạch hơn và có lắm đoạn hoang đường.

Đối với thân thế danh nhân, nhất là danh nhân cổ thời, quần chúng hay vẽ vờ, bày đặt ra lắm sự quái dị. Làm như thế, chưa chắc vì quần chúng sẵn óc mê tín, biết đâu chẳng là một cách sùng bái tuy ngây ngô mà cảm động?

Cho nên, cốt sưu tầm nguyên sự thực, nhà làm sử gác bỏ những điều huyền hoặc đã đành. Nhà tiểu thuyết, trái lại, có thể tự do biên chép hết cả để thêm hứng thú cho câu chuyện mình định kể.

Vậy, cách đây hơn bốn trăm năm, ở xã Thúc Thủy, tổng Thường Túc (về địa hạt Tuyên Quang), có một bà góa sống heo hút với hai đứa con trai trong một túp lều hẻo lánh.

Túp lều ấy, mái lợp tranh lâu ngày đã mục nát, bốn bề

phên vách trống trải cỏ hoang trùm lấn cả vào bên trong. Tất cả chỉ có một gian chật hẹp. Ăn, ngủ, làm lụng đều ở cả đấy.

Giáp vách lưng, kê một cái giường tre có lót rơm thay nệm. Trên vách, những áo xống rách vắt lôi thoi, như những bức tranh tả chân cái cảnh cơ hàn.

Trước giường nằm là bếp, là lò sưởi. Mấy chiếc đầu rau ngập lụt dưới tro gượng mang cái ấm đất mẻ vung. Quanh bếp, nồi, rế, củi đước ném bừa bãi.

Người mẹ, tuổi đã già, tóc đã bạc. Trên khuôn mặt hốc hác xanh xao, những mưa nắng thất thường, những nỗi thiếu thốn, những niềm đau khổ đã rạch thành nhiều vết nhăn sâu. Tuy vậy, mỗi khi ngồi lặng trông con, khuôn mặt heo hắt ấy vẫn còn sót được những nụ cười êm ái, hoạt động, như những bông hoa nở muộn.

Bà lão vừa đỡ đẻ vừa hái bán các lá thuốc rừng. Hai đứa con thì chăn trâu mượn cho những nhà giàu trong xóm.

Đứa lớn, Vũ Uyên, năm ấy đã mười bảy tuổi; còn thằng em, Vũ Mật, thì mới lên mười.

Uyên và Mật không phải là hai đứa trẻ thất học từ nhỏ đâu. Uyên đã học qua Hán thư và Nam sử, Mật đã vỡ lòng hết Tam tự kinh. Từ khi mồ côi cha, sự học của hai anh em mới thành dở dang. Nhưng, nếu chẳng được học những sách của người làm, hai anh em đã có quyển sách lớn lao, đầy đủ của tạo vật thay vào.

Giữa lúc trẻ con khác bị giam hãm trong những gian buồng chật ních, thở hít một bầu không khí như nhớp, nhồi sọ hàng mớ tử văn và bị những thành kiến sai lầm, những lễ nghi phiền toái, những sự đe dọa vô lý làm cho bí đặc óc không, mờ ám sự phán đoán, mất hẳn khuynh hướng tự do, thì Uyên và Mật được vẫy vùng tùy ý ở nơi không khoáng, cảnh vật tươi cười.

Đã không phải trói buộc ở một nơi nào, không phải làm việc người ta định, không phải chiều theo ý ai khác hơn là ý mình, hai anh em cố nhiên là không buồn bực; chán nản, sợ sệt, giả trá, ép mình làm những cái máy thụ động vô hồn; cố nhiên là phải suy xét trước khi nói một lời, làm một việc. Thành ra, thân thể càng quen vận động chừng nào, trí tuệ càng thêm minh mẫn chừng nấy. Huống hồ những cảnh chim kêu hoa nở buổi sáng, những cảnh rực rỡ chiều

hôm, những tiếng thông reo suối chảy, những khúc đồng dao êm đềm còn giúp cho tình cảm Uyên và Mật thêm dồi dào, đầy đủ.

Mến tự do, yêu vẻ đẹp là nguồn gốc mọi điều thiện, hai anh em đã được hưởng thụ cái kết quả của nền giáo dục tự nhiên ấy, thì cái tinh thần nhân hiệp, thì những thủ đoạn anh hùng về sau này tất nhiên phải có, cũng như các dòng sông tất nhiên rồi chảy ra bể.

Uyên rất thích chuyện Đinh Tiên Hoàng, thường kể lại cho em nghe. Rồi, nhân sẵn trẻ chăn trâu, Uyên cũng chia ra làm từng bọn giả cách đóng đồn trên gò cao, bày trận đánh nhau.

Một buổi chiều kia, khi Uyên và Mật đang cùng bọn trẻ quần thảo trên cánh đồng vắng, thì một người Tàu đi qua, đứng lại nhìn.

Ông ta là khách lai, giỏi nghề địa lý từ Trung Quốc sang nước Nam tìm kiếm đất. Thấy anh em nhà nọ, tuy ăn vận rách rưới, nhưng gương mặt sáng sủa, cử chỉ hách dịch; lại có giọng nói như chuông, khiến cho mọi trẻ khác phải phục tùng, người lạ lấy làm ngạc nhiên và khen ngợi.

Mải nhìn, thầy địa lý quên cả thời giờ. Đến khi lữ mục đồng tản mát đánh trâu về, ông ta mới vội vàng vào trong xóm thì trời vừa nhá nhem.

Hỏi trọ luôn mấy nhà, lữ khách đều bị người ta xua đuổi. Đất lạ bơ vơ, lại gặp ngày tháng chạp, gió lạnh thấu xương, mưa bay ướt áo, nỗi buồn lo của ông thầy Tàu thực khó đem lời nói mà hình dung.

Đi mãi, sau đến túp lều đằng cuối xóm, ông thầy Tàu đánh liều vào hỏi cầu may một lần cuối cùng nữa.

Lúc ấy, ba mẹ con bà lão, vừa cơm nước xong; đang cùng nhau ngồi sưởi. Thấy lữ khách bước vào kể lễ nỗi gấp khúc, bà lão động lòng trắc ẩn, vui vẻ nhận lời cho khách trọ.

Đoán chừng khách đói, bà giục hai con bắc nồi thổi cơm. Nhà còn độc mái gà đẻ trứng, bà cũng bảo con làm thịt để khách ăn cho khỏi nhạt miệng.

Khi khách lạ no nê rồi, bà cụ nhường luôn giường để khách nghỉ. Còn ba mẹ con thì trải chiếu nằm bên bếp lửa.

Đối với những sự ân cần ấy, ông thầy Tàu xiết bao cảm động. Nhân thấy hai đứa trẻ kia là con bà già phúc đức nọ, khách nảy ra ý muốn đền ơn.

Sáng hôm sau, khách bảo chủ nhà:

– Tôi là thầy địa lý chính tông, đi chu du thiên hạ. Qua đây, gặp cụ là người phúc đức, lại thấy các cháu cũng có dáng thông minh, ý tôi muốn vì cụ dạy bảo cho chúng nên người, gọi là đền ơn bát cơm Siêu Mẫu, cụ tính thế nào?

Bà già cảm động, nói:

– Đa tạ người có lòng thương chúng tôi mẹ góa con cô. Ngặt vì chúng tôi nghèo khổ lắm, biết lấy gì cung phụng người trong khi các cháu...

Khách vội gạt:

– Xin chớ ngại. Cụ cứ nói với đàn anh trong dân để tôi thiết trường tại đây. Nếu họ bằng lòng cho con cháu lại học, ấy là tôi đã có kế sinh nhai không phiền đến cụ phải bận lòng.

Bà cụ vâng lời.

Đối với mọi kẻ khác, ông thầy Tàu dạy bảo như phần nhiều các ông đồ người ta thường gặp, không có gì lạ. Nhưng mỗi ngày, cứ ngoài hai buổi học, ông ta thường dắt Uyên và Mật đi đâu không biết.

Thì ra, thầy trò lén đem nhau đến những chỗ vắng để luyện võ. Hai anh em sẵn có sức khỏe, lại quen chạy nhảy leo trèo từ bé, nên sự truyền dạy của thầy cũng được dễ dàng.

Sau luôn mấy năm rèn giũa, nghệ thuật của Uyên và Mật đã đến chỗ tinh vi; ông thầy Tàu bèn đem những mẹo mực chiến trận, những phép lập trại đóng đồn, những sự lợi dụng hình thế của núi sông giảng dẫn cho hai anh em nghe.

Đã có được cái phương tiện chắc chắn để thực hành sở nguyện bình sinh, Uyên và Mật càng bội phần háng hái. Mà giữa khoảng núi sông tịch mịch, hồn thượng võ thường khi mượn câu thơ cổ bay bổng lưng trời:

*Ngọn giáo tung hoành trải mấy trâu,
Ba quân hùng khí át sao Ngâu,
Công danh nợ ấy chưa trang sạch,
Luống thẹn tai nghe chuyện Võ Hầu!*

Một hôm, nhân thường nghe thiên hạ xì xào bàn nói về những sự linh, dị xảy ra trong núi Hàm Rồng, ông thầy Tàu quyết chí lên

vào xem tận nơi.

Núi ấy thuộc địa phận xã Thúc Thủy ẩn trong một cánh rừng thâm u hoang vắng, bên trên thường có lam trướng mù mịt suốt ngày. Đường vào cực kỳ khó khăn vì những lau sậy mây hèo vẫn rậm rạp như hồi thái cổ. Đỉnh núi không cao nhưng đột ngột giữa tràn đất phẳng, nên trông có vẻ lạ lùng. Phía trước núi, một cái hang lớn há ra, giống hệt cái miệng thú đang ngáp. Hai bên cạnh hang, xé về phía trên, có hai cái giếng thần; một cái sắc nước như chàm, bên trong có hai con rắn xanh biếc, và một giếng nước như pha máu, trong có con rắn đỏ.

Ông thầy Tào biết ngay là huyết quý, lẳng lặng quay về hỏi bà cụ:

– Trên núi Hàm Rồng có huyết Đế vương, âu cũng là trời dành phần cho cụ. Vậy di hài cụ ông đâu, lấy về đây tôi táng giùm cho.

Rồi ông sắm sửa sẵn sàng, chờ ngày mồng tám tháng tư, khoảng giờ Ngọ, lên đem hài cốt bố đẻ Uyên và Mật vào núi, rình lúc đôi rắn thần đi vắng, ném xuống giếng đỏ rồi về.

Rắn thần, mất chỗ ở, phải trốn sang núi Dùm rồi chết ở đấy. Trời đất thốt nhiên tối sập xuống, đông tố nổi lên âm âm, mưa như trút vai, làm cho nước sông Lô đầy tràn.

Biết nước dâng to là cốt đem xác rắn về Thủy phủ, thầy địa lý liêu bần tin với dân trong xã rằng: nước lên, ngoài sông chắc sẽ có gỗ trôi về nhiều ai vớt được, thầy sẽ mua bằng một giá rất đắt.

Ham lợi, nhiều người bơi thuyền ra giữa dòng đón gỗ nhưng chỉ có hai cái xác rắn trôi vạt vờ, tới đám ghềnh đá ngang Bãi Phủ, tự nhiên xoay tròn ba bận rồi chìm. Ghềnh ấy, vì thế, gọi là ghềnh Ba Khuôn.

Ông thầy Tào biết chắc ngôi mộ nhà họ Vũ đã kết, nhưng lại sợ có kẻ hại ngầm, mới khuyên bà cụ dời nhà vào chân núi Hàm Rồng để tiện việc phòng giữ.

Nhờ câu chuyện thần bí ấy, Uyên và Mật được người ta chú ý một cách đặc biệt. Nhất là về sau, một ông chánh tổng cự phú gọi gả con gái cho Vũ Uyên, thì cái thế lực của hai anh em lại càng thêm to.

Giữa lúc ấy thì triều Lê suy nhược, họ Mạc chuyên quyền, Chiêu

Tôn Hoàng đế phải bỏ kinh thành chạy trốn.

Vua đi khỏi, Đãng Dung lập tức hạ lệnh nã tróc và sách lập hoàng đế Xuân lên thay. Trước sự lộng quyền trái phép ấy, bọn trung thần như Vũ Duệ, Ngô Hoán, Tuấn Mậu, Thuận Huy, Thái Bạt, Tự Cường ôn ào phản đối. Thậm chí có người lấy đá ném hoặc nhỏ vào mặt Đãng Dung, có người nhảy xuống sông hoặc uống thuốc độc tự tử.

Đãng Dung chẳng sờn lòng. Hắn cứ thẳng tay tru lục những người đối kháng, lại mọc thêm vây cánh, đem danh lợi làm mỗi câu thế lực, muốn nhân lúc triều Lê suy nhược, tự đặt mình lên cái địa vị tối cao.

Những kẻ hùa theo với Đãng Dung phần nhiều là những kẻ kiêu hãnh, vô sỉ. Một khi nắm được quyền chức trong tay, chúng giở ngay thói cáo mượn oai hùm, ức hiếp người vô tội để bóp nặn tiền của, chẳng kể gì đến pháp luật và thiện ác nữa.

Với những thủ đoạn tàn khốc của bọn sài lang đó, dân chúng thực sống dở chết dở, không còn biết kêu ca, trông cậy vào đâu.

Ở những miền rừng núi thì giặc giã tung hoành, mạng người rẻ hơn thân sâu kiến.

Giận quyền thần gây nội loạn, thương bách tính phải lầm than, Vũ Uyên nhân bàn với em rồi tức khắc xây thành trì, mộ dũng sĩ, lấy võ lực phản đối sự bạo hành của Mạc Đãng Dung và duy trì hạnh phúc cho nhân dân một vùng sông Lô non Lịch.

Cảm cái ân đức bảo hộ tính mệnh và tài sản cho mình, trong khi mọi nơi người khác phải khổ cực, mấy mươi vạn sinh linh thương du đều một lòng suy tôn Vũ Uyên làm Biều Vương tục gọi là Chúa Bầu.

III

Giữa gian phòng chữ nhật, bốn vách căng toàn thổ cẩm, một chiếc bục gỗ sơn đỏ kê sát vào cái bình thêu “Long Vân khánh hội”. Trên bục, để một cái ngai và một cái án rộng thếp vàng, tuy chạm sơ có mấy hàng triện, nhưng dáng khỏe và bền.

Cách xa bọc gỗ, một cái đặng sơn kê dọc trước án, theo kiểu chữ “đình”, hai bên kèm bốn chiếc ghế bàn sơn son trong lót nệm da báo.

Áp vách tả hữu, một đôi giá gỗ bày song song, cài những siêu, đao, kiếm, kích.

Lọt vào khoảng bọc gỗ va đặng sơn, hai ngọn sáp vàng gắn trên đầu hai con hạc đồng lung linh chiếu sáng.

Biều Vương Vũ Uyên lúc ấy đã chễm trện trên ngai vàng.

Trạc tuổi độ ngoài ba mươi, Vương là một người dưng mãnh, uy nghi. Đầu đội cái mũ lông sơn dương che khuất nửa trán, nhưng khuôn mặt nom vẫn dài màu da đỏ thẫm như gạch nung. Nhất là mỗi khi mạch máu giữa trán nổi lên, cặp môi mím lại, bộ ria tua tủa như lông nhím thì thực không mấy kẻ táo bạo dám nhìn. Dưới cặp mày chổi xể, hai mắt điều hâu nhìn như bất chấp cả mọi cái trở lực ở đời. Trên mình mặc áo vóc vàng rộng tay, mỗi khi vạt trước lật hở thì hai bên đùi lại lộ ra hai mảnh giáp bằng vẩy tê tê rất quý. Tay trái vịn lên cái chuỗi gươm cần, thỉnh thoảng vươn dài ra thì ở cổ tay lại sáng rực chiếc vòng vàng.

Đứng phía sau ngai, bọn thị vệ khoanh tay, yên lặng như những pho tượng gỗ.

Biều Vương xoắn xoe bộ ria đen, tỏ ý bứt rứt mong chờ...

Thì, ngay lúc ấy, cánh cửa ngoài bật mở, Vũ Mật dẫn Văn Trung vào.

Chàng lạ mặt khom lưng xá Biều Vương ba xá. Vương nhìn em, có ý hỏi, nhưng Vũ Mật đã nhanh miệng:

– Tâu vương huynh, người này tự xưng là Thượng tướng Thái Bạt, lại nói vâng lệnh cha đem mật thư trình vương huynh về việc gì đó.

Văn Trung thò tay vào trong ngực áo lấy ra một chiếc túi gấm đưa nhờ Vũ Mật chuyển đệ lên Biều Vương.

Túi gấm đựng một nửa đồng tiền điều lớn với một chiếc phong bì lá mạ.

Biều Vương nhận đích con sò và, khi đọc xong thư, bỗng cau mày nghi ngại...

Gian phòng yên lặng như tờ.

Hồi lâu, chùng đã có định ý, Biều Vương bảo Vũ Mật và Văn Trung ngồi xuống ghế, đoạn truyền cho thị vệ bày tiệc, vì bấy giờ là lúc Vương dùng cơm tối.

Thị vệ so đĩa ngà, bày những bát kiểu bịt vàng, nâng bình sứ rót rượu vào những cái cốc nhỏ tiện bằng sừng tê giác. Xong đâu đấy, chúng lại lui về chỗ cũ, khoanh tay chờ lệnh.

Đến lượt nhà bếp bung những món nai xào, gà lôi, nhím, lợn cỏ, đựng trong đĩa bằng đồng tụ, hoặc bằng sứ cổ đặt lên bàn.

Biều Vương nâng cốc mời. Văn Trung, Vũ Mật đứng lên bái mệnh xong mới cùng nhau cầm đũa...

Tiệc rượu vừa bắt đầu thì một bọn nữ nhạc từ cửa ngách tiến ra, mỗi người cầm một thứ nhạc khí lạ: người này, một cái đàn giống như cái tam; người kia một chiếc loa đồng nho nhỏ; có người ôm ống sáo ghép bằng những đoạn sậy rất dài hoặc ngâm một mảnh đồng mỏng như là lá lúa giữa cát thành lưỡi gà, thổi nghe giống hệt tiếng ve sầu.

Theo sau bọn nữ nhạc, đến bọn vũ nữ. Người nào cũng mảnh mượt, thướt tha mềm mại yêu kiều, màu son thắm trên môi càng lộ sắc trắng của những bộ răng ngà xinh đẹp.

Quầng mắt tô đen làm cho những cặp mắt cùng thăm thẳm như những ngôi sao lấp lánh trong cùng đáy không gian.

Trong các nếp áo lụa mỏng hơn the, nhuộm các sắc cầu vồng những cái lưng ong, những tấm ngực nở, những cánh tay tròn, tuy bị che kín mà vẫn phô phang được hết những nét đẹp thiên nhiên. Tay người nào cũng cầm một đoạn khăn là trắng. Mỗi khi họ rờn múa, nom như một đoàn tiên nữ thấp thoáng trong mây.

Nhưng chiều nay Biều Vương còn cần phải hỏi khách lạ nhiều việc quan trọng, nên chỉ một cái vẫy tay ngót hai chục gái đẹp thốt biến đi như một mớ bào ảnh.

– Thái công hỏi ta những tin về Chiêu Tôn Hoàng đế, nhưng chính ta cũng không biết một điều gì đích xác cả. Vậy dọc đường, công tử có nghe thiên hạ đồn đại gì chăng?

– Tâu Đại vương, những lời thiên hạ kháo nhau về việc bí mật ấy tuy rất nhiều nhưng nhảm nhí cả. Chỗ này, họ đoán chắc xa giá chạy sang Kinh Bắc; cũng có nơi họ cho rằng Hoàng đế vẫn ngự trong kinh thành!

– Thái công yêu cầu ta đem quân Cần vương về kinh hỏi tội Mạc thị. Nhưng ở dưới ấy, chẳng hay đã có đủ người để lâm thời nội ứng cha?

– Tâu Đại vương cha tôi hiện đã tổ chức được một đoàn quân trung dũng ước chừng hơn hai nghìn người.

– Số ấy tuy ít, song nếu cùng nhau một lòng quyết tử, lại do Thái công phát lạc thì cũng có thể coi là một cái sức mạnh quan trọng.

– Quả có thể, binh hay cốt ở sự chỉ huy phải phép, chứ cần gì đông.

– Binh lực của Đãng Dung thế nào?

– So với binh lực của Đại vương thì một bên tám lạng, một bên nửa cân.

– Công tử sao biết rõ binh lực của ta?

– Lúc ban chiều chúng tôi đã trộm phép ngó đoàn quân thao diễn ngoài võ trường. Đãng Dung mà gặp cái phản lực ấy, tưởng phải xanh mặt.

Biều Vương mỉm cười:

– Nghe lời đối đáp đủ biết công tử là người am tường binh pháp. Vậy theo ý công tử, phép luyện quân của ta có còn chỗ nào khuyết điểm chẳng?

– Tâu Đại vương, binh sĩ ở đây thao luyện đúng phép lắm. Nhưng...

– Công tử nên thành thực chỉ bảo cho. Ta là người rất phục thiện.

– ... Đại vương đã có cách gì để lâm thời đối phó với đoàn voi trận rất tinh luyện của Đãng Dung chưa?

– Chưa!... Công tử có cách gì chẳng?

– Tâu Đại vương, Phạm Ngũ Lão Tướng quân khi xưa, đã từng nghĩ ra một cách phá voi trận, kế thực giản dị mà kết quả rất nhiều. Nguyên đời nhà Trần, giặc Lào thường hay tràn sang cướp phá những miền biên cương nước ta. Mỗi khi quan quân ra đón đánh, chúng thúc voi xông trận, thu sự toàn thắng một cách dễ dàng. Trần hiền lo sợ, phải cử Phạm Tướng quân ra coi việc tiêu nã. Ngài bèn sai chặt thật nhiều gốc tre già, vạc nhọn chất sẵn thành từng đống ở hai bên đường, rồi kéo binh ra khiêu chiến. Giặc quen mùi lại thúc voi tràn

sang. Binh Trần cứ việc lấy những gốc nhọn đâm xĩa vào kê chân voi. Kết cục, bên giặc rối loạn, quan quân thừa thế chém giết và từ đấy giặc Lào thôi không dám quấy nhiễu nữa.

Biều Vương vỗ bàn cười lớn:

– Hay!... Hay lắm!... Nếu không có công tử nhắc bảo thì ta quên to rồi.

Trong lúc Văn Trung đối đáp với Biều Vương, Vũ Mật chỉ ngồi nhìn gương mặt đẹp dưới ánh sáp lung linh làn mắt sáng sánh như mặt hồ dưới ánh trăng rằm, nụ cười mơn mớn và giọng nói ấm áp kia làm cho Vũ Mật vẫn vợ bồi hồi...

Rượu đã ngà say, Biều Vương vuốt bộ ria đen, cười hỏi Văn Trung:

– Nghe nói Mạc Đăng Dung là một tay tướng tài. Công tử cũng là người tài, chẳng hay ý kiến về hắn ra sao?

– Tâu Đại vương, Đăng Dung quả nhiên là một bậc anh dũng.

– Công tử có thể cho ta biết đại khái lai lịch của Đăng Dung?

– Mạc Đăng Dung quê ở Hải Dương, lúc hàn vi vẫn sinh nhai bằng nghề chài lưới. Tuy lẩn khuất bụi hồng, nhưng Đăng Dung vốn có chí mạo hiểm giang hồ. Lại thấy Túc Tôn và Tương Dực, hai vua đều hoang dâm vô đạo, triều chính nát bét, các tướng sĩ kiêu căng hợm hĩnh, thường chia bè kéo đảng mưu khinh loát nhau, nhà Lê gần mất nước, thiên hạ sắp loạn to, định nhân cơ hội tìm cách tiến thân.

Y thôi nghề đánh cá, bán hết thuyền lưới, tìm thầy để học võ nghệ. Đến khi triều đình mở khoa võ thí, Đăng Dung ra ứng tuyển, liền đậu chức Đô lực sĩ. Vua thấy tài nghệ của Đăng Dung hơn người, trao cho kiêm quản Ngự lâm quân. Cờ đã đến tay, Đăng Dung liền tỏ cho thiên hạ biết mình là một kẻ đại gian hùng. Một đảng, y hết sức chiều nịnh ý vua; một đảng y tìm hết cách thu phục sĩ tốt, ngấm ngầm gây thế lực cho mình. Lại nhằm khi các loạn đảng áp bức kinh thành, Đăng Dung phụng mệnh vua ra đánh dẹp. Quân kéo đến đâu, thổ cáo nát gan lẫn bóng đến đấy, mà uy danh của Đăng Dung càng như sấm động một phương trời.

Kịp đến Chiêu Tôn lâm chánh. Ngài hiểu rõ cái nguy họ Mạc, bèn ra sức chấn chỉnh triều cương, chăm lo việc vũ công, văn trị và tìm cách thu dần thế lực của Đăng Dung lại.

Khốn thay! Quyền thần lúc ấy đã có cái địa vị như Tào Tháo, Vương Mãn rồi!

Vũ Mật nói:

– Đấng Dung thủ đoạn đáng phục đấy? Để y cầm quyền, chẳng hơn là mấy ông vua nhu nhược kia ru?

Biều Vương cau mày, gắt:

– Nói như em, chỉ đúng được một nửa. Ủ, nếu em bảo vua Lê đã không trị nổi nước, để cho Đấng Dung thay quyền là phải, nhưng thiên hạ biết đâu chẳng còn lắm người tài giỏi xứng đáng gấp mười Đấng Dung? Hấn thay vua còn được, thì những người kia thay vua há chẳng được sao? Đến lúc anh tài bốn phương tranh giành nhau chút quyền thế, nước nhà tất sinh nội loạn mà trăm họ tất khổ sở ê chề! Ta phò Lê cự Mạc đây, không vì gì mấy ông vua dâm dăng, cũng không ghét gì Đấng Dung. Ta chỉ muốn giữ gìn nền nhất thống của quốc gia và hạnh phúc của dân chúng vậy. Nếu Đấng Dung, trên cảnh tỉnh, giúp đỡ vua; dưới thương xót, vỗ về bách tính, coi tổ quốc làm trọng, lấy danh vị làm thường thì, ai không biết, chính ta đây sẽ dốc lòng tán trợ và vui theo mệnh lệnh của hấn ngay lập tức.

Biều Vương nói vừa dứt lời, thì trống lầu bỗng điểm canh ba, Vương không tiện lưu khách, truyền lệnh cho thị vệ đưa Văn Trung ra nghỉ ở phòng trọ.

Chàng trẻ tuổi vội nói:

– Tâu Đại vương, sớm mai chúng tôi muốn về phục mệnh gia nghiêm, dám xin Đại vương ban hồi thư cho.

Vũ Mật, sợ Biều Vương nhận lời cho Văn Trung về, đứng dậy gạt đi rằng:

– Chẳng mấy khi công tử lên đây, xin hãy thư thả vài ngày. Ý tôi muốn tâu với vương huynh tôi mở một cuộc đại thao diễn, nhờ công tử xem qua, ngộ có còn khuyết điểm gì chẳng. Vả lại, những cái bí mật trong việc hành quân của Mạc thị, chúng tôi cần phải biết, mà chỉ có công tử bảo cho biết được thôi.

Biều Vương tươi cười:

– Em ta nói phải lắm! Công tử nên coi là việc chung đừng ngại tổn giọng ngọc, lời vàng.

Văn Trung đỏ mặt, nhưng không lẽ chối từ, đành phải tuân lệnh.

Chờ cho Văn Trung ra khỏi, Vũ Mật quay lại hỏi anh:

– Vương huynh có biết tại sao em cố lưu Văn Trung không?

Trong cặp mắt long lanh của Biều Vương bỗng thoáng sự nghi ngờ:

– Không!... Tại sao?

– Vương huynh trông mặt Văn Trung không thấy có gì đáng chú ý hay sao?

Câu đôi mày, Biều Vương nhìn thẳng vào ngọn sáp như cố nhớ lại cái dung mạo chàng trẻ tuổi.

– Đáng chú ý?... Thì chỉ có vẻ khôi ngô tuấn tú...

Vũ Mật cười:

– Vương huynh nói là cái nhan sắc khuynh thành thì đúng hơn!

Biều Vương kinh ngạc:

– Chẳng lẽ em ngờ người ấy là gái?

– Em quả quyết thế rồi, chứ còn ngờ vực gì nữa!

– Đời nay, chẳng có sự lạ ấy đâu!

– Đời nào mà chẳng có sự lạ?

– Cho dẫu hấn là gái, cố lưu phỏng được ích gì?

– Ích lắm chứ! Một cuộc nhân duyên trời cho há để lỡ đi sao?

Biều Vương cũng cười ngất, đứng dậy vỗ vai Vũ Mật mà rằng:

– Em tôi lãng mạn như một nhà thi sĩ! Khéo nhé khéo lắm mà tên!...

IV

Mặt trời chưa mọc, Văn Trung đã khăn áo gọn ghẽ, mở cửa ra sân.

Gian phòng Văn Trung ngủ trọ đêm qua là một gian trong nhà tả vu, xây đối diện với nhà hữu vu và cách xa nhau bằng cả một cái sân lát rộng. Lui vào phía trong sân vương phủ, hướng về phía Nam sừng sững trên nền đá xanh cao đến hơn ba thước. Hai mái trông diềm vươn những đao guột lên nền trời. Vách tường đều xây bằng những tảng đá to như những chiếc tiểu sành.

Nấp sau dãy bao lan nối những cột gỗ tròn sơn đỏ, một cái hè rộng chạy quanh bốn phía, khiến cho người ta cứ đi trong hè cũng có thể nhìn xa cảnh vật bên ngoài

Trừ những đao guột trên nóc và đôi sư tử đá ngồi châu hai bên bậc lên xuống thì không có chạm trổ về vờ gì thêm nữa. Cái vẻ trơ trụi ấy chính là một vẻ riêng của một cách kiến trúc tuy sơ sài mà hùng tráng, rất hợp với tinh thần thượng võ. Trên mặt sân, năm hàng cau đứng thẳng dểng, lá xòe ra, yên lặng như những cái quạt khổng lồ.

Ngắm qua những lâu đài trước mặt xong, chàng trẻ tuổi lững thững trèo lên địch lâu chờ xem cảnh mặt trời mọc ở đường rừng.

Buổi sáng hôm ấy là một buổi sáng lộng lẫy. Phía Đông, nền mây như một bức trướng là tím phớt vén cao lộ ra một mảng trời vàng rực sắc đồng. Đỉnh núi xa màu lơ nhạt như cố vươn lên để tiếp lấy cái ơn huệ trước nhất của Thái dương. Dưới lòng thung, những cánh rừng xanh mướt, nhấp nhô trong khoảng sương mù, đang dần dần tỉnh thức. Những cánh đồng hoang ở gần như trải một tấm nhung óng ánh màu xanh dịu. Thỉnh thoảng một cái gò lau nổi lên giữa trền đất phẳng, lờm chờm như một con nhím cực to. Ngọn gió thoảng qua từng trận, ngào ngạt hương thơm. Tiếng chim kêu riu rít, rung động không khí một cách êm đềm.

Thực là một bức tranh vĩ đại, một bài thơ tuyệt bút của Thiên công. Văn Trung chưa từng thưởng thức bao giờ. Chàng lặng yên tiếp nhận những cảm giác dịu dàng thanh thú mà cảnh vật đem lại cho linh hồn.

Thốt nhiên, trái tim Văn Trung thấy xúc động. Thì ra, một câu ai hát bổng nương theo làn gió thơm bay đến, huyền bí như tiếng gọi của ái tình:

*Quê anh: phố Cát Đại Đông
Thấy em má đỏ hồng hồng mà yêu!*

Câu hỏi của Văn Trung bữa trước, ai tình nghịch đã thay đổi cả ý nghĩa đi như thế? Chàng thốt thức luống cuống, đang tìm xem tiếng hát từ đâu lại thì Vũ Mật đã hớn hở trèo lên thành:

– Ấy kìa! Công tử dậy sớm nhỉ?

Văn Trung cười gượng:

– Bẩm, đó cũng là thói quen.

– Sáng hôm nay trời đẹp lắm, tôi muốn mời công tử đi săn.

Văn Trung ngần ngại, nhưng sau quả quyết:

– Xin vâng!

Lúc ấy hơn hai chục lính hầu đã chực sẵn. Vũ Mật đưa cho Văn Trung một chiếc cung dẫu rất tốt, đoạn hai người cùng nhau xuống thành, nhảy lên yên ngựa, ra đi....

Khởi thành trì độ dăm trăm thước, đám đông rẽ vào một cánh rừng. Ánh sáng trong rừng chưa tỏ rõ lắm, không khí lạnh ngắt như mùa đông. Những giọt sương đọng trên cành cây nhỏ lộp độp như những giọt lệ thấm kín nặng nề cửa tịch mịch. Đường đi chật hẹp, gập ghềnh theo mặt đất mấp mô như sóng bể.

Thỉnh thoảng lại mở ra một cánh đồng, có những con suối chạy qua, nước trong nõ giỡn trên lòng sỏi trắng. Đó là xóm người ở, những nhà tranh vách nứa ẩn hiện giữa khoảng lá cây xanh. Những tiếng trẻ nõ cười, tiếng đàn bà hát ru con, tiếng cối nước giã gạo làm cho vẻ hoang vu bị đứt quãng, khách đi đường như vậy cũng đỡ buồn.

Nhưng sau, càng vào quá phía trong, xóm mạc cũng thưa lắm nơi chỉ lác đác một vài nóc nhà chênh vênh ngang sườn núi. Ở những chỗ này thì sức tràn lấn của loài người hình như đành chịu thua tạo hóa.

Đi từ sớm đến trưa, chẳng gặp con chim, con thú nào cả; những đối cảnh lạ mắt, Văn Trung vẫn tỏ ý vui vẻ. Chàng hỏi điều này, nói chuyện khác, tò mò như một đứa trẻ lên ba. Thấy Vũ Mật trở những nóc nhà hẻo lánh, nói là những nóc nhà của dân Thổ, Mán ở. Văn Trung náo nức muốn xem vì, về những dân đường rừng, chàng chỉ nghe thiên hạ nói, chứ chưa từng mắt thấy bao giờ.

Muốn chiều ý bạn, lại nhân đến bữa trưa, Vũ Mật kéo quân vào nghỉ trong một nhà trưởng động Mán. Thấy quý khách đến, chủ nhân tấp nập đem vợ con ra chào và sai đầy tớ thổi xôi, giết gà khoản đãi.

Thực là một thế giới lạ, một thế giới vui lấp giữa cái bí hiểm của rừng xanh.

Từ cái nhà sàn trên người ở, dưới chuồng trâu, đến những áo khăn sắc sỡ, những vẻ mặt ngơ ngác, những tiếng nói líu lo, mỗi

cái một khiến cho Văn Trung bỡ ngỡ ngạc nhiên. Chàng có cảm tưởng của người đứng trước một mớ nghi vấn phiền phức mà thú vị.

Chủ khách chuyện trò, cơm nước xong thì trời vừa đứng bóng. Vũ Mật cảm ơn vợ chồng viên trưởng đoạn cùng Văn Trung và quân lính trở ra.

Trước khi về, đám đông còn rẽ vào một tràn cỏ tranh, vì cứ theo lời người chúa Mán, ở đấy có thú dữ sẵn được.

Bọn lính hầu tản ra bốn phía dồn đuổi. Vũ Mật, Văn Trung gò cương đứng giữa mô đất rậm, chờ...

Dưới ánh nắng lộng lẫy, hai người thanh niên võ sĩ nom tương phản nhau một cách lạ. Chàng họ Vũ, oai nghi lẫm liệt như một vị thần núi; Văn Trung thì phong lưu cốt cách, ra một chàng công tử tài hoa.

Thốt nhiên, Vũ Mật nói:

– Sáng ngày nhân cao hứng, tôi đã lạm dụng câu hát của công tử, vậy đừng cười nhé?

Văn Trung thông thả quay lại, điềm nhiên trả lời:

– Những chuyện nhỏ nhặt ấy, Tướng quân lưu tâm làm gì!

– Tính tôi quen nghề ngao như thế. Tôi cho không gì bằng hát lên để khuấy khỏa những nỗi chán nản trong cái cảnh quanh hiu này.

– Cảnh này, tôi tưởng linh động, nên thơ lắm chứ?

– Đối với tôi, nó chỉ là một cảnh hoang vắng thê thảm!

Văn Trung không giấu nổi sự ngạc nhiên:

– Tướng quân có thể cho tôi biết vì lẽ gì chẳng?

Vũ Mật thở dài:

– Vì nó chỉ gợi cho lòng tôi những mối thương yêu không bao giờ được thỏa mãn.

– Thế một tấm lòng thương dân, Tướng quân chưa lấy làm đủ sao?

– Thương xót và bênh vực dân chúng chỉ là cái phận sự của người anh hùng. Nhưng, bên trong người anh hùng còn có một người, một người tâm thương như trăm vạn người khác, cần phải yêu và cần được yêu.

Văn Trung lặng im mơ mộng...

Vũ Mật lại nói:

– À, thế tôi hỏi không phải, công tử đã thành giai ngẫu chưa nhỉ?

Bật cười, Văn Trung đáp:

– Bẩm chưa...

– Hẳn công tử còn kén?

– Sự thực thì chưa bao giờ tôi nghĩ đến việc nhân duyên.

– Công tử lãnh đạm lắm nhỉ? Nhưng chẳng qua công tử chưa gặp người thanh khí đó thôi. Phỏng thử bây giờ có một người con gái, dung nhan cũng đẹp như công tử, tài chí lại siêu quần, một nàng Mộc Lan chẳng hạn, thì hẳn công tử phải...

Vũ Mật chưa dứt lời, một tiếng gầm bỗng kinh động cả rừng cây. Hai con ngựa vánh tai rúm vó, hoảng hốt toan đâm đầu chạy...

Trên ngọn đồi tranh xa xa đằng phía trước, một con hùm cực lớn sừng sững hiện giữa đám lau già.

Ánh nắng soi tỏ màu lông vàng rực chi chít những vằn đen. Ác thú vươn vai, ngáp, nhe bộ răng lởm chởm giữa cái miệng đỏ lòm. Hẳn ngơ ngác nhìn quanh mẩu đuôi như đoạn song to quật đen đét vào lá cỏ.

Một tiếng gầm dữ dội hơn tiếng trước, vọng vào hang sâu nghe rất rợn.

Rừng, núi, đồi, cây yên lặng; cái yên lặng thâm thúy của sự hãi hùng.

Vũ Mật, Văn Trung vội nhảy xuống đất, buộc ngựa vào gốc cây bừa gần đấy đoạn cùng rẽ cỏ sang đồi tranh.

Chúa sơn lâm vẫn đứng nguyên chỗ cũ. Một làn gió rung cây rào rào. Mãnh hổ vụt nép xuống, im phăng phắc như khối đá. Chừng hấn đã thoáng thấy hơi người, kẻ thù địch gớm ghê.

Đằng này, hai chàng trẻ tuổi vẫn mạnh bạo tiến nhanh.

Mãnh hổ quay đầu, hai mắt quắc lên như nẩy lửa rồi nhẹ nhàng biến vào trong bụi rậm.

Vũ Mật, Văn Trung vẫn tiến.

Bỗng... roạt!... Cái khối vàng đem hết sức nặng đè xuống

Văn Trung. Chàng ngã, cái mồm đầy răng nhọn há hốc, mười móng sắc vươn ra.

Cái phút cực kỳ nguy hiểm!

Vũ Mật nhảy lùi lại, gương hết sức cung bắn một mũi tên thuốc vào cổ con hùm. Rồi nhanh như chớp, chàng ném bỏ cung, tuốt gươm xông lại.

Trước sự phản công hăng hái ấy, con hùm nổi giận, bỏ ngay Văn Trung, chụp Vũ Mật.

Chàng đã tính trước, lánh mình sang một bên, vung gươm chém xuống. Mãnh hổ sặc một tiếng, cổ họng đứt lia. Cái mình to lớn vắn vèo giã giữa trên mặt cỏ, phun máu ra như ống thụt...

Vũ Mật tra gươm vào vỏ, chạy lại đỡ Văn Trung thì thấy chàng đã ngất đi.

Bọn quân hầu lúc ấy cũng kéo ùa đến. Vũ Mật truyền lệnh cho chúng khiêng xác mãnh hổ, còn mình thì vục Văn Trung lên đồi, nhảy ngựa về thành cấp cứu.

– Mai Hoa... nhanh!... Nhanh lên!...

Đáp lại tiếng thúc giục của chủ, con Mai Hoa hí rầm đoạn cong đuôi chạy miết.

... Bộ mao lướt bay... hai lỗ mũi thở hồng hộc... Bốn vó, cuộc xuống mặt đường, tung bụi...

– Mau!

Chân thúc, miệng quát, Vũ Mật như gắt với sự chậm chạp chẳng vừa lòng. Tuấn mã càng ra riết phóng, chớp nhoáng lưng trời!

Văn Trung bị ngất đi khá lâu. Sau chừng ngựa phi, gió lạnh, chàng dần dần tỉnh kêu lên một tiếng thẹn thùng...

Vũ Mật cúi xuống nhìn, cười nụ.

Thì ra, vai áo của Văn Trung rách sã để hở tấm ngực nõn nà với mảnh khăn điều quấn vú.

Lộ nguyên hình nhi nữ!...

Lộ nguyên hình dưới cặp mắt đắc thảng của chàng họ Vũ đa tình!

Văn Trung luống cuống...

Làm thế nào bây giờ? Một tay bại vì đau, một tay vít lấy đai lưng

Vũ Mật, nếu buông ra nốt, Văn Trung khỏi sao vắng mình xuống vó ngựa?

Trời ơi! Làm thế nào bây giờ?

Sắc mặt đỏ như nhuộm phẩm, Văn Trung quần quai...

– Này Tướng quân!

Vũ Mật, hiểu cái tiếng gọi của lòng trinh bạch, êm ái vỗ về:

– Em chớ ngại!

Rồi, hai vế quất chặt lấy yên ngựa, chàng xốc cánh tay đỡ Văn Trung lên. Hai ngực sát nhau, hai trái tim đập mạnh.

Văn Trung bỗng mở to hai mắt, sự kinh hoàng pha lẫn thú say sưa...

Vũ Mật rùng mình, như bị một luồng điện chạy khắp thân thể. Chàng cúi đầu:

– Em có còn đau lắm?

– Chỉ hơi bại cánh tay bên trái. Chàng dừng cho ngựa phi nhanh nữa.

Vũ Mật gò cương. Con Mai Hoa xùi bọt mép chạy đang dẻo cảng.

– Ý trời đã cho hai ta gặp gỡ, sao em còn cố giấu?

Văn Trung then.

– Tên thật của em là gì?

Một tiếng thỏn thức.

– Lan Anh.

– Trời ơi! Lan Anh yêu quý của ta!

– Vũ lang!

Từ cõi lòng u ẩn, ái tình lúc ấy mới xuất lộ toàn thắng.

Vũ Mật, Lan Anh yêu nhau.

Hai người yêu nhau ngay từ buổi đầu gặp gỡ, tự lúc bốn tia mắt cùng pha trộn lẫn đầu. Mối tình sinh xuất tự nhiên, như hoa đến mùa xuân lả nở, nên tuy đột ngột mà đắm thắm vô cùng. Một đấng cảm cái vẻ anh dũng phi thường, một đấng thâu phục cái chí khí siêu quần ẩn trong gương mặt tuyệt sắc.

– Em yêu anh?

– Vâng em yêu chàng lắm! Không phải yêu bằng mối tình

thường nhi nữ, mà yêu bằng sự mong ước cho chàng một sự nghiệp lẫy lừng. Từ nhỏ đến giờ, lòng em chưa biết yêu là gì. Con nhà vô tướng, sống trong cái không khí kiềm kìm, em chỉ ham mê cái thú đoạn của bà Trung, bà Triệu khi xưa. Chẳng ngờ lúc cùng chàng gặp gỡ, lòng em bỗng rung động lạ, và bấy giờ em mới nhận rõ cái bản chất đàn bà của em.

Hai khuôn mặt giáp nhau, hai cặp môi cùng chung một nụ cười sung sướng.

Ngựa đã ra đường lớn, đang vượt dốc lên thành.

Nép trong lòng Vũ Mật, Văn Trung ngoảnh nhìn phía trước, tòa thành đá ong nhuộm màu thẫm tím đột ngột in lên nền mây rực rỡ vàng.

V

Lan Anh mệt nhoài vì đau, sợ và cảm xúc quá mạnh, vội vàng lui về phòng trọ, vội vàng được biệt tịch một mình.

Gặp Trần Nghĩa đứng ở cửa phòng, vẻ mặt lo ngại, Lan Anh phải gượng cười, rồi lấy cớ mình cần được nghỉ ngơi, truyền cho lão bộc hãy xuống trại.

Khi then cửa đã cài, Lan Anh còn một mình trong gian phòng rộng thênh thang nọ thì lạ thay! Sự yên lặng nàng đang cố tìm lấy được, bỗng khiến cho nàng khó chịu.

Lan Anh ngồi phịch xuống chiếc ghế bành, bên cạnh án thư. Dưới ánh đèn xanh, mảnh gương đồng đặt trên án phản chiếu bóng nàng một cách lờ mờ...

Cái bóng xa xôi ấy, Lan Anh ngỡ ngỡ, coi như một bóng người lạ, hay chỉ là bóng một nàng Lan Anh ngày thơ giờ đã không còn.

Phải, Lan Anh ngày thơ giờ quả thực đã không còn nữa. Là vì nàng vừa qua một sự biến cải hoàn toàn rồi.

Sự thay đổi mới bồi hồi làm sao! Lan Anh nhớ lại cái phút mê ảo, cái phút mà tấm ngực nàng sát với ngực chàng họ Vũ. Hai người lúc ấy có thể ví như đôi thiên nga cùng chấp cánh bay bổng lưng trời...

Cái cảm giác mới mẻ lắm! Nó dịu dàng như một sự vỗ về, an

úi mà nàng vừa nhận ra là rất cần cho linh hồn mình.

Thốt nhiên Lan Anh hoảng hốt, giơ hai cánh tay như người muốn cầu cứu.

Nàng định giữ lại vẻ băng tuyết khi xưa, hay muốn vói lấy hình ảnh chàng họ Vũ?

Một tiếng thốn thức đưa lên cổ làm cho Lan Anh nghẹn ngào...

Thì ra, trên con đường rừng núi kia, từ lúc bị ép vào lòng người yêu, thiếu nữ đã bắt đầu biết dục tình!

Lan Anh náo nức. Trong tâm hồn, tưởng đâu có rất nhiều tiếng chim đua hát từng bừng.

Vẻ mặt nàng trở nên êm ái; tia mắt như chìm đắm trong cõi mơ màng...

Cũng có lúc Lan Anh then vì những nỗi say sưa nọ, cố khuây đi, nhưng cái hình dung Vũ Mật vẫn lảng nhảng theo hoài...

Nàng vùng đứng dậy, rón rén mở cửa sổ nhìn ra ngoài. Không khí mát lạnh tẩm gội khắp mình nàng. Những hương thơm lạ từ rừng cây thoảng đến thì như cái hơi thở của một sinh vật mơn man hai má nóng bừng.

Lan Anh đứng lặng giờ lâu, tự nhiên rơi lệ, không phải vì buồn mà khóc, nhưng chỉ vì một mối cảm động bàng khuâng.

Dưới khung trời lác đác những sao thưa, những lâu đài trước mặt nàng hiện thành những vệt đen thăm thẳm, trong đó tưởng tượng nàng bị chìm đắm đi như những viên cuội nhỏ ném xuống giếng khơi.

Lan Anh bồi hồi mong đợi một sự phi thường nào không biết, mà có lẽ chẳng bao giờ xảy đến. Sự đợi mong ấy vốn u ẩn trong thâm tâm nàng đã từ lâu, lâu lắm, vẫn theo năm, tháng mà lớn dần lên cho đến ngày nay thì xuất hiện.

Cảnh tịch mịch lúc ấy đã đầy những tiếng thì ào bí hiểm: tiếng sương rỏ nặng nề, tiếng suối tuôn thánh thót, tiếng chim kêu vắng vắng, tiếng gió chạy trên cây, mỗi tiếng làm cho Lan Anh thêm man mác...

Mặt trăng mọc, rồi lên cao. Ngoài cảnh vật không còn vẻ tối tăm, hiểm trở nữa, hết thấy đầm ìa trong cái ánh sáng yên lặng tờ mờ.

Lan Anh thở dài, nghĩ:

– Kỳ thay cho sự ngẫu nhiên! Không ngờ nó đã đưa ta đến chỗ này, lại không ngờ tới đây mà ta biết có ái tình!

Rồi, cả buổi sơ đầu của đời nàng lại hiện ra trong trí nhớ.

Song thân Lan Anh hiếm hoi, muộn sinh được nàng là gái, nhưng, ông bà rất yêu chuộng con. Qua sáu bảy năm, Lan Anh càng lớn nhan sắc càng đẹp.

Song, Lan Anh chỉ thích ăn vận con trai và thích được người ta gọi mình là công tử. Ông bà Thái công đón thầy dạy nàng học. Nhưng Lan Anh ưa chạy nhảy, đùa nghịch hơn là nghiên ngấu những bài nữ tắc chán phè và những tập cổ văn rỗng tuếch.

Một hôm, – năm ấy nàng đã mười lăm tuổi – nhân lúc cha mẹ đi vắng, Lan Anh ra công đường chơi, thấy trên giá có thanh gương báu rất đẹp. Nàng thích lắm, lấy ngay xuống, rồi theo lối cha thường tập diễn, cũng vung múa tơ bời.

Thái công chợt về, cười mà rằng:

– À, con nhà tướng có khác! Đã muốn theo nghề thì cha sẽ dạy cho!

Từ đấy, Thái công chăm chỉ bảo con, mà Lan Anh cũng nức lòng thụ giáo. Không đầy hai năm, kiếm thuật của nàng đã khá lắm. Hai cha con đua tài, Thái công thường chịu.

Đến năm mười tám tuổi, Lan Anh thực là một vẻ đẹp lừng tiếng ở kinh thành. Nhưng gương mặt nàng diễm lệ bao nhiêu, thì tâm hồn nàng cứng cáp, khẳng khái bấy nhiêu, mà tài nghệ của nàng càng sắc sảo. Hai bàn tay mềm mại, nỡn nà kỳ thực sử kiếm, gương cung ít kẻ sánh kịp. Nàng rất ghét trang điểm. Không bao giờ ai thấy Lan Anh đánh phấn, thoa son, hoặc vơ vẩn trước đài gương. Những việc thêu thùa, nấu nướng, Lan Anh tuy khéo, song ít khi chịu để mất thì giờ. Ngoài con ngựa hay, thanh gương báu và tên thị mã Trần Nghĩa, Lan Anh không yêu quý gì khác nữa. Nàng để tư tưởng lên một mục đích quá cao, nên sao nhãng hẳn việc thường.

Đến sự nhân duyên thì Lan Anh thực chưa từng lấy làm bận lòng. Đối với bọn vương tôn, công tử, gấm vóc, sa hoa, Lan Anh tự nhiên đem lòng rẻ rúng, coi bất quá như những giá áo túi cơm mà thôi.

Huống hồ quốc gia đang lúc biến loạn, những việc xảy ra hằng ngày ở trong triều và những sự hành động bí mật của Thái công cùng các đảng viên phản Mạc luôn luôn kích thích vào tâm trí nàng, khiến cho Lan Anh không thiết gì đến những việc khác nữa.

Nàng lưu tâm đến thời cục một cách ham mê. Và, đối với Mạc Đăng Dung, với cái lòng tham vô độ cùng những sự đắc thắng sực đời của hắn, Lan Anh căm giận không biết chừng nào, làm một kẻ thù vô danh của Mạc thị, Lan Anh không lúc nào không chú ý đến những sự hành động của quyền thần và sự lộng hành của gian đảng. Lắm lúc nàng muốn đón đường ám sát Đăng Dung, vì theo ý nàng trừ bỏ được hắn, tức là trừ bỏ được hết mọi sự thống khổ, bất bình đầy dẫy dưới mắt nàng.

Thấy Lan Anh có tư cách, có nhiệt tâm và thủ đoạn như thế, các tướng tá trong đảng phản Mạc đều một lòng kính nể, khâm phục, thường chỉ gọi nàng bằng hai tiếng “Cô nương” trân trọng.

Chợt xảy ra việc Thiên Tôn chạy trốn, Đăng Dung muốn thoán ngôi. Đảng phái Mạc định cử sự. Thái công, nhớ đến sự ước định với chúa Biều, kịp sai Lan Anh lên phố Cát Đại Đồng.

Nói là Thái công sai nàng đi, e không đúng hẳn với sự thực. Chính Lan Anh đã nài xin cáng đáng việc ấy. Ý nàng muốn xem xét tận nơi các cơ lực của Biều Vương, một vị sơn lâm, hào kiệt, lừng lẫy tiếng tăm và nhân thể ngao du sơn thủy một chuyến. Cái cảnh trung châu phẳng lờ mà buồn tẻ, Lan Anh nhìn mãi đã ngấy, cần được thấy những hình sắc mới lạ, những cảm giác tân kỳ.

Chuyến đi ấy, kết cục đã đưa Lan Anh đến sự gặp gỡ đầy thi vị và đã phát kiến cho nàng mối tình yêu.

Mối tình đột ngột, mạnh mẽ xiết bao! Đến nỗi Lan Anh không thể tự chủ được tấm lòng nàng, một người xưa nay rất tự chủ.

Đối với nàng, Vũ Mật chính là hiện thân cái lý tưởng ngấm ngấm của nàng.

Gặp Vũ Mật, Lan Anh như người mù chợt thấy ánh sáng. Nàng yêu ngay, không phải do sự xúc cảm của người thiếu nữ khi đứng trước một trang nam tử mỹ mạo mà thôi, chính vì những thủ đoạn oanh liệt mà nàng chắc Vũ Mật sẽ làm nổi sau này.

Thốt nhiên Lan Anh giật mình, chú ý. Nàng thoạt tưởng mình lầm sau nhận rõ tiếng chân người. Dưới ánh trăng tà, một cái

bóng đèn hiện ra. Trái tim Lan Anh thổn thức. Nhưng, chợt nhớ tới sự chênh mảng trong khăn áo, nàng bỗng thẹn thùng, khe khẽ đóng cửa sổ lại quay vào.

Trong lầu đã điểm canh tư. Ngọn đèn cạn dầu, lụi hẳn ánh sáng. Lan Anh toan đi nghỉ, thì bên ngoài bỗng có tiếng đấm cửa rất gấp.

Nàng không hiểu chuyện gì, vội vàng mặc áo quần khăn, ra mở cửa.

Một tên thị vệ chấp tay bẩm:

– Đại vương có lệnh triệu công tử lên ngay.

VI

Gần huyện Thọ Xương, trên một bãi đất hoang lồi lõm những mô vô chủ, những ao bùn, giếng cạn, chùa Lý Quốc Sư ẩn hiện dưới bóng cổ thụ rườm rà. Trong sân chùa và bên ngoài bức tường long lở, cỏ lau, gai góc mọc đầy. Thường giữa ban ngày, đứng xa nom lại, chỉ thấy là một cảnh bẽ bộn, rậm rạp như một mảnh rừng hoang. Có chằng về góc sân bên tả, ngọn tháp ba tầng xây tự đời Lý Thánh Tôn, năm 1069, vượt lên trên ngọn cây cao, mái đồng phản chiếu ánh nắng sớm hôm, rực rỡ như một bó đuốc khổng lồ.

Chùa Quốc Sư và tháp Bảo Thiên, đó là những thắng tích ở kinh thành, một nơi gặp gỡ quan trọng của thập phương mộ đạo. Nhưng, từ khi sét đánh đổ tháp đồng chùa đó dần dần bỏ vắng. Và lại, từ khi Mạc Đăng Dung lộng quyền, trong sáu bảy năm trời, luôn luôn có những sự biến cố xảy ra, dân gian chẳng mấy ai rảnh nghĩ đến việc lễ bái, nên cũng không sửa sang gì cả.

Đại phàm những nơi trước kia sầm uất sau bỗng trở nên tiêu điều, bao giờ vẫn là những nơi sinh xuất lắm chuyện dị đoan. Như đồn trong chùa Quốc Sư thường cứ đêm đến có rất nhiều ma quỷ hiện hình. Những kẻ lạc đường, những đàn bà con gái về chợ tối qua đây xưng xưng lên rằng chính mắt họ thấy ánh đèn lửa thấp thoáng trong tam bảo, lại quả quyết có nghe những tiếng than khóc và những tiếng xiềng xích kéo lê trên gạch lát.

Cũng có một số đông tỏ ra thái độ hoài nghi hoặc chế giễu thì trái lại, những người có văn tài, có học thức, những lão thần nhà Lê

đều công nhận những sự quái dị kia là có thể được. Họ cho rằng đấy chính là những bậc trung nghĩa khảng khái bị thác oan về tay Đặng Dung bây giờ hiện hồn lên mưu tính việc báo thù.

Lời nói sau này có lẽ đúng chẳng, nên một đêm kia, đang lúc nổi cơn dông bão, mây kéo khắp trời, thì ở trên con đường lầy lội tự Trường Thi lại có ba cái bóng đen vùn vụt tiến vào trong chùa. Khỏi tam quan, ba cái bóng đen lẩn qua cái sân cỏ rậm, rồi bước lên thêm gạch. Ba tiếng gõ mạnh vào cánh cửa sơn mộc, cách quãng nhau rất đều, vang vào phía trong rõ mồn một.

Rồi, vụt chốc, hết thấy lại yên lặng.

Trời vẫn tối đen như mực, gió vẫn gào thét trong những cành cây; mỗi khi một làn khói xanh ù bật sáng, tiếng con cu ẩn mình đâu đó lại xào xạc kêu buồn.

Mấy phút sau, trong tam bảo hình như có ai rón rén tiến lại gần cửa. Ba tiếng gõ mạnh tức khắc nổi lên như ban nãy, nổi lên rồi lại im bặt.

– Ai gõ?

Bên ngoài, cái bóng đen đứng gần cửa nhất, trả lời:

– Người đưa tin phố Cát.

– Phù Lê?...

– Cự Mạc!

– À, vâng! Thế mời các ngài vào.

Cánh cửa gỗ từ từ mở. Ba bóng đen biến vào trong chùa. Cửa lại đóng sập lại như trước.

Tiếng đá lửa đập vào nhau, rồi chiếc bụi nhùi bắt cháy.

– À, Lan Anh tiểu thư! Cự lớn hiện đang chờ.

– Có ai nữa không?

– Bẩm, các tướng lĩnh phản Mạc đang họp đủ cả.

– Nếu vậy càng hay. Giờ người đưa mỗi lửa cho ta, còn người thì ra ngoài, canh gác cho cẩn mật.

Lan Anh cầm đoạn bụi nhùi, tiến lên trước dẫn đường. Vũ Mật và Trần Nghĩa lẳng lặng theo sau, dưới ánh sáng nháy nhót, mập mờ, những cặp voi đất, hổ đất, những con rồng, con phượng đắp trên tường, những ông Hộ pháp, những cảnh thập điện Diêm la kế tiếp nhau nổi bật lên rồi lặn vào bóng tối.

Đến cửa nách bên hữu, Lan Anh lấy tay khê đẩy hai cánh cửa sơn son ám khói hương đen nghịt, đoạn cả ba cùng lúi vào hậu cung. Bỗng nhiên, Lan Anh đứng sững lại trước pho tượng Di Lặc, vung đóm cho lửa cháy to lên. Trần Nghĩa thì vén tay áo, lấy sức du mạnh pho tượng sang một bên. Một cái cửa hầm, mỗi bề chừng hai thước, lờ mờ hiện thành một hố vuông sáng trên mặt nền tam hợp. Lan Anh trao đóm lửa cho Trần Nghĩa, ra hiệu bảo Vũ Mật theo mình. Khi hai người đã xuống khỏi cửa hầm, Trần Nghĩa lại dịch pho tượng Di Lặc lại chỗ cũ rồi tắt phụt mỗi lửa đi.

Trong chùa im lặng, tối tăm...

Dưới hầm, mười hai người đang xì xào bàn tán quanh một chiếc bàn gỗ thấp. Thật là một cuộc tụ họp lạ lùng. Những khuôn mặt nghiêm khắc, lo lắng in lên nền tranh tối tranh sáng những vết lay động màu đất gốm. Những cặp mắt sáng quắc như những tia chớp lập lòe.

Lan Anh, Vũ Mật bước vào, hết thấy mọi người đều ngoảnh lại nhìn. Thái công, một ông già đầu bạc, mặt vuông, râu rậm, ngồi ở đầu bàn phía trong, vội cất tiếng hỏi:

– Con về lúc nào?

Lan Anh đáp:

– Thưa cha, con vừa tới kinh thành lúc chập tối.

– Sao con biết cha ở đây?

Đi đường, con nghe thiên hạ đồn thổi về việc Đãng Dung đến khám nhà ta, lại nói rằng cha và mẫu thân con may trốn thoát được. Vì vậy con đi thẳng lại đây, tin chắc rằng cha con sẽ gặp mặt nhau.

Thái công đăm xuống bàn, nghiêng răng nói:

– Thằng giặc Đãng Dung dụ mãi cha không được, nên muốn hại nốt để tha hồ tự do. Nhưng, lòng trời chưa nỡ tuyệt mình.

– Thưa cha, chẳng hay mẫu thân con đâu?

– Mẹ con, cha đã cho người hộ tống về bên quê ngoại rồi. Giờ, con hãy nói chuyện Biều Vương cha nghe đã.

– Thưa cha, Biều Vương quả thực là một vị anh hùng cái thế. Việc khuông phủ nhà Lê có thể hy vọng ở Biều Vương được một nửa. Ngài đã vui lòng nhận lời cha và hiện có ủy Vương đệ Vũ Mật đem thư về đây.

Vũ Mật lúc ấy mới tiến ra giữa phòng, nghiêng mình thi lễ, Thái công và mọi người vội đứng dậy đáp chào.

Vũ Mật đưa thư. Thái công tiếp nhận giở ra xem, bỗng cười lớn:

– Hay! Lòng trời quả nhiên chưa nỡ dứt nhà Lê! Đây nhé, các ngài hãy nghe thủ thư của vị anh hùng phố Cát.

Trong hầm im lặng như tờ.

Thái công cất tiếng đọc:

“Huynh ông nhũ giám,

Việc cát quân Cần Vương về kinh, đệ xin lĩnh mệnh huynh ông, vì đó là cái bản ý của đệ từ khi tuyên bố phản Mạc. Trách nhiệm của chúng ta há chẳng là duy trì lấy chính thống, mưu cuộc bình an cho trăm họ đó ru? Trên này, đệ đã sẵn sàng, chỉ còn chờ mệnh lệnh của huynh ông, và của các đấng tướng...

Thái công ngừng lại một lát, đưa mắt nhìn Vũ Mật, vuốt râu, hoan hỉ nói rằng:

– Đoạn cuối thư, Biểu Vương có yêu cầu tôi một việc. Tuy là một việc tư tình, song cũng xin đọc để các ngài đây chứng quả và mừng cho...

Lan Anh đỏ mặt, liếc nhìn Vũ Mật, có dáng thẹn thùng luống cuống.

Thái công đọc to:

... Luôn sáu bảy năm cách mặt, tôi lắm khi băn khoăn tưởng nhớ bạn hiền thì hôm vừa đây, một người đem thư của huynh ông lên, tự xưng là lệnh công tử. Tôi đã mừng thầm cho huynh ông có đại phúc, sinh được con quý. Đến sau, vì một cuộc săn hổ, vị công tử tuấn tú kia suýt bị nguy, may có xá đệ Vũ Mật cứu thoát và bấy giờ mới rõ Văn Trung chỉ là cái tên giả của một vị cân quốc phi thường. Nỗi mừng của tôi khi mới thấy Văn Trung có trăm phần, lúc ấy gấp lên nghìn phần. Mà, cũng vì thế, tôi cho Vũ Mật về yết kiến huynh ông, hy vọng thiết tha rằng cái thân tình của hai họ sẽ nhờ có đôi anh dưng, anh thư ấy mà trở nên khăng khít bền lâu...”

Mọi người đều cười và đồng thanh khen ngợi cái kỳ duyên Lan Anh, Vũ Mật.

Ngay lúc ấy, cửa hầm xịch mở, rồi sau những tiếng xô xát bên trên, một người hoảng hốt nhảy xuống. Kinh ngạc, hết thấy

cùng đứng dậy nhìn, thì thấy một tên ăn mày ghẻ lở, rách rưới ghé
tỏm lạ. Tên ấy sấn đến trước mặt Thái công, lớn tiếng nói rằng:

– Chiêu Tôn Hoàng đế bị nghịch đảng bắt giải về kinh rồi!

Thái công thất sắc, hỏi:

– Anh thấy thế nào?

– Ngài bị nhốt vào cũi son, nom gầy lảm. Và, nghe đâu nội đêm
nay, Đấng Dưng sẽ hạ lệnh thí quân.

– Trời ơi! Nghịch thần làm như vậy thì còn có trời đất nào nữa!

Lan Anh, mày liễu dựng ngược, mắt phượng sáng quắc, cất tiếng
nói:

– Để con vào thành cứu giá!

Giọng nàng run lên vì tức giận, nghe rất oai nghiêm.

Thái công nhìn con, chưa kịp đáp, thì Vũ Mật cũng tiến lên:

– Tôi xin cùng Trần Nghĩa theo giúp Lan Anh tiểu thư.

Thái công ứa nước mắt, bảo chàng:

– Tướng quân đã sẵn lòng mạo hiểm như thế, già này không
còn lo nữa.

VII

Ra khỏi tam quan chùa, ba người lẩn vào bóng tối. Trần Nghĩa đi
trước, vì lão hiểu rõ đường lối vào thành.

Qua mấy dãy phố vắng ngắt, lối đi dần dần nhỏ hẹp rồi
chạy qua một đám cây cối rậm rạp. Bóng đen dày quá. Ba người
phải nắm lấy vạt áo nhau cho khỏi lạc. Thỉnh thoảng, một cành
cây, một lá sậy còn đọng nước mưa phất vào mặt, làm cho ai nấy
lạnh lẽo rùng mình.

Vũ Mật có cái cảm giác như những đêm lặn lội trong rừng.
Nhưng sau, cây cỏ dần thưa, lối đi dần phẳng, không mấy lúc ba
người nhô ra một bãi đất hoang.

Ánh trăng lọt qua kẽ mây đen, tỏa xuống như một tia sáng mờ
của ngọn đèn xa đã cạn dầu.

Vũ Mật để ý nhìn quanh cảnh vật đìu hiu thê thảm lạ.

Chấn ngang trước mặt chàng, góc thành phía Bắc ẩn hiện trong khoảng lá cây. Ngăn cách bãi đất hoang, chỗ ba người đứng với chân thành, một đoạn hào rộng, mặt nước lờ mờ, lặng ngắt. Trên mặt bãi, đó đây một vài bụi cây thu bóng cù rù. Dọc theo bờ hào, những cây si, cành lá rườm rà, rễ phụ tha thướt nom như những ma quái đang xù tóc soi hình dưới làn nước vẫn. Tuy gan góc cả mà ba người lúc đó cũng không khỏi sồn lòng. Nghe ngóng một lúc khá lâu, Trần Nghĩa không thấy gì khác ý, bèn chạy đến một góc si, vớ lấy chiếc rễ phụ, đánh đu nhẩy vọt qua mặt hào sang phía chân thành.

Vũ Mật cũng bắt chước, sau cùng đến Lan Anh. Qua hào rồi, cả ba người tức khắc vùi những khóm cây mọc trong kẽ đá ong, leo lên mặt thành. Vừa vào được phía trong, ba người vẳng nghe trống lầu điểm dứt canh hai. Mặt trăng khuất lẩn, cảnh vật lại tan vào đêm tối.

Theo sau Trần Nghĩa, Lan Anh, Vũ Mật rón rén tiến về phía ngục thất. Đi một quãng khá dài thì thấy hiện ra một tòa nhà thấp, bên trong chẳng có đèn đuốc gì cả.

Thốt nhiên, Trần Nghĩa nhẩy xổ vào một bụi cây rậm. Vũ Mật, Lan Anh như chớp nhoáng, cũng nhẩy theo vào. Thì vừa ngay lúc ấy, một tốp lính canh chiếu đèn lồng tự phía Nam đi lại. Vũ Mật thích cánh Lan Anh, ra hiệu đề phòng. May làm sao, tốp lính qua trước mặt ba người mà không ngờ vực gì cả. Chúng vào ngục thất giờ lâu lại ung dung cầm đèn trở lại. Chờ cho bọn ấy xa rồi, ba người vùng đứng dậy chạy nhanh. Tới nơi, Trần Nghĩa thối môi lửa soi, thì thấy cửa ngục mở toang cả hai cánh. Ba người hiểu ngay, toát mồ hôi giá ngắt, nhất tề xông vào trong ngục. Ánh lửa vừa tỏ rõ, Lan Anh thốt kêu lên một tiếng kinh hoàng. Ở góc nhà phía trong, một cái thây người treo lủng lẳng vào một đầu dây tự xà nhà buông xuống.

Trần Nghĩa thở dài:

– Chúng ta đến chậm mất rồi!

Vũ Mật hỏi dồn:

– Sao?... Cái xác chết là...

– ... thi thể Chiêu Tôn Hoàng đế!

Lan Anh giậm chân xuống đất, nói:

– Gian tặc bạo thiên nghịch địa đến thế là cùng!

Như đáp lời Lan Anh, một tiếng cười bỗng cất lên ở ngoài cửa, mỉa mai, giễu cợt.

Ba người giương mắt nhìn nhau.

Trần Nghĩa nói:

– Nguy to rồi! Chúng nó biết!

Bên ngoài, một tiếng quát:

– Quân bây chớ để kẻ gian chạy thoát mà chúa công lấy đầu!

Vũ Mật nóng tiết nhảy vọt ra ngoài, Lan Anh, Trần Nghĩa cũng hăng hái chạy theo. Một tiếng hiệu lệnh, hàng trăm bó đuốc cháy bùng lên. Binh lính đông bạt ngàn, hò reo xông lại. Không chút sợ hãi, Vũ Mật nhảy bừa vào đánh, chém giết tơi bời. Chẳng ngờ một tên dũng sĩ lén tung một cái lưới lên đầu Vũ Mật. Chàng chưa kịp tránh thì lưới đã úp chụp lấy người. Lan Anh hoảng kinh, toan chạy lại cứu, cũng bị ngay mấy vòng dây quấn chặt lấy ngang mình và bị giật ngã xuống đất. Trần Nghĩa thì bị quân xúm lại dồn ra một góc xa.

Tình thế ba người lúc ấy cực kỳ nguy hiểm. May làm sao, Vũ Mật còn có đoản đao. Chàng dùng cái khí giới cuối cùng ấy rạch phẳng lằn lưới rồi, như con hùm thoát cạm chàng quắc mắt nhìn quanh, vừa thấy Lan Anh ngã và bị quân Mạc khiêng chạy. Vũ Mật quát lên một tiếng, múa đao đuổi theo. Thấy vậy một tên quân địch bèn đứng dừng lại, giương cung đặt tên, ngắm rõ đích xác bắn. Những tên kia thì cứ việc cầm đầu khiêng Lan Anh chạy trốn.

Vũ Mật thấy tên nọ giương cung, vội nhún mình nhảy tới, chém mạnh một đao. Tên cung thủ bị đứt lìa một cánh tay, loạng choạng ngã gục xuống. Vũ Mật nắm ngay lấy hai chân hắn, nhấc bổng cả người lên, quay tít một vòng đoạn ném thia lìa về phía trước. Mấy tên lính khiêng Lan Anh, bị ném trúng ngã lăn xuống. Lan Anh nhân cơ hội ấy đứng vùng dậy được. Vũ Mật mừng rỡ, chạy sấn lại cắt dây trói cho nàng và cướp lấy khí giới đuổi đánh.

Cả góc thành lúc ấy chuyển động âm âm. Thì ra, nghe tiếng sát phạt dữ dội, Mạc Đăng Dung vội dẫn quân ra xem. Đèn đuốc như sao sa, gươm giáo như rừng rậm vây kín ba bề bốn bên, chẳng khác một bức thành.

Vũ Mật, Lan Anh không dám ham đánh phải chạy lộn trở ra.

Tiếng reo hò vỡ lở, ba quân đuổi theo gần kịp hai người, đến nỗi một ngọn giáo đã đâm đến sau lưng Lan Anh. Vũ Mật nhanh mắt, cầm đoản đao phóng lại. Tên lính ngã, Lan Anh thoát chết lần thứ hai. Vũ Mật nắm tay nàng, cố níu chạy cho nhanh. Đến tường thành, chàng bế xốc Lan Anh nâng lên. Nàng bấu lấy những khóm cây nhỏ vượt ra ngoài được. Vũ Mật mừng quá cũng bấu cây trèo qua tường. Chẳng ngờ cung nỏ bắt đầu bắn ra như mưa bão. Vũ Mật trúng tên, kêu một tiếng, ngã lộn vào phía trong. Lan Anh biến sắc, định trèo vào thành cứu Vũ Mật, dù chết cũng liều. Nhưng Trần Nghĩa lúc này ở đâu vừa đến, nắm lấy vạt áo Lan Anh can rằng:

– Tiểu thư không nên mạo hiểm một cách vô ích như thế. Hãy chạy mau không có nguy bây giờ.

Lan Anh ứa nước mắt khóc:

– Vũ Tướng quân bị khốn, ta lòng nào cầu lấy thoát một mình! Cho người cứ trốn đi, để mặc ta!

– Trời ơi, tiểu thư nghĩ kỹ đã nào! Liều với cái chết phỏng có ích gì? Chi bằng tạm lui, tìm cách khác về sau.

– Đợi tìm được cách khác thì còn đâu là Vũ lang của ta!

– Không, tiểu thư cứ nghe con. Đấng Dũng chắc không hại Vũ tướng quân ngay đâu. Chắc nó còn giữ để tra hỏi, vì những lời nó mong Vũ tướng quân nói sẽ có quan hệ vô cùng.

Trần Nghĩa vừa dứt lời đã thấy xa xa có bóng đuốc sáng rực. Ba quân được lệnh bắt đầu ra thành đuổi gấp.

Lan Anh không biết tính sao, đành phải gạt nước mắt, nhảy qua hào, cùng Trần Nghĩa chạy trốn.

VIII

Vũ Mật chỉ còn hơi đau ở vai bên trái. Chàng nhồm dậy và lấy làm ngạc nhiên vì thấy mình nằm trên một cái giường, chân gối đều bằng gấm thêu, đặt dưới bức màn the phớt đỏ.

Chàng ngạc nhiên hơn nữa là chẳng biết ai đã khoác cho chàng một cái cẩm bào xanh, cái hàng trăm màu hoa sặc sỡ.

Vũ Mật ngỡ ngẩn, tự hỏi mình tỉnh hay mê. Gian phòng, trong đó chàng nằm, là một gian phòng rộng lát thuần bằng gạch Bát

Tràng. Trước giường, một cái kỷ chè đặt vào khoảng giữa hai đôi ghế sơn son. Giáp với đầu kỷ chè, về phía ngoài, một cái đỉnh đồng, bày trên chiếc đôn gỗ, âm thầm tuôn làn khói mảnh như sợi tơ xanh. Mặt tường hầu hết khuất sau những câu đối sơn thếp lộng lẫy hoặc những bức trướng thêu long phụng.

Vũ Mật đưa cặp mắt vợ vẫn nhìn, như ghi lấy từng li từng tí những vật quanh mình. Rồi dần dần, những việc đã xảy ra lần lượt hiện trong trí nhớ chàng như một cuốn phim quay chậm. Sự nghi ngại trong lòng chàng, lúc ấy bắt đầu biến thành sự lo âu, chàng nhảy xuống đất, xâu chân vào đôi vắn hài để sẵn đấy, đi bách bộ trong phòng, lắng tai nghe xem có tiếng ai thì gọi hỏi. Tình cờ, Vũ Mật tìm ra một cái cửa hẹp, lần sau một bức thêu “anh hùng tương ngộ”, hai cánh bằng lim dây đóng ghệt mà then thì cài ở phía ngoài. Vũ Mật tìm thêm, mới hay rằng cả gian phòng nọ, chẳng còn có cửa lớn, cửa sổ nào khác nữa. Không khí và ánh sáng là do tự dây con song trên đầu vách đằng trước lọt xuống, và cũng vì vậy, toàn cảnh bên trong mới lờ mờ.

Vũ Mật nghĩ thầm:

– Rõ ràng lúc ấy mình trúng tên ngã lộn xuống, bị quân Mạc bắt được. Thế thì cứ sao giờ mình lại ở đây và đây là đâu mới được chứ? Ở trong dinh Mạc? Chẳng lẽ Đặng Dung đã bắt được ta lại không giam cùm chắc chắn, còn để cho ở chỗ sang trọng này hay sao? Lan Anh đã cứu được ta? Thì ở dưới xó hầm chùa, chẳng lẽ có được cái cảnh đàng hoàng phú quý nhường này! Lạ hơn nữa là sao chẳng thấy có một tên quân nào túc trực quanh đây cả!

Bấy nhiêu nghi vấn cứ thi nhau tranh cướp ý nghĩ của chàng. Vũ Mật bứt rứt lắm, lồng lộn lên như một con hùm vừa bị sập cạm. Mãi sau chàng bỗng nghe phía ngoài có tiếng rút then, rồi hai cánh cửa gỗ từ từ hé mở, rồi một tên lính hầu bưng khay nước, vén màn bước vào. Vũ Mật thấy trong mình như cất được một cái vác nặng. Chàng vội hỏi:

– Đây là đâu?

Nhưng tên nọ, chẳng biết cầm hay điếc, cứ thản nhiên như không nghe tiếng gì cả. Hắn để khay ám chén lên bàn xong, kê mở nắp đỉnh đồng cho thêm vào một thỏi trầm nữa.

– Thế nào? Ta hỏi, mà có nghe tiếng không?

Tên lính vẫn điềm nhiên. Hắn vái dài Vũ Mật một cái, đoạn lùi lui đi ra. Hai cánh lim sập lại, then sắt róc rách cài.

Xung tiết, Vũ Mật nhảy vọt lại phía cửa. Chậm rồi!... Mối ngờ của chàng lúc này đã rõ: chàng là một tên tù giam lỏng của Đặng Dung!...

Vũ Mật cúi quá, dùng hết sức khỏe lay hai cánh cửa lim. Phí công vô ích! Chàng thử quát tháo rầm rĩ. Xung quanh vẫn im lặng như tờ...

Sau cùng, vì mệt và thất vọng quá, Vũ Mật đành lại giường nằm. Chàng quay mặt vào phía trong, vừa nghĩ vừa thở. Kịp khi xoay mình lại, chàng bỗng ngồi nhồm dậy như người bị máy giật: Trong gian phòng lặng lẽ, nào phải chỉ có một mình chàng!

Trên một chiếc ghế bành sơn để cạnh kỹ chèo, một người đàn ông đứng tuổi đã ngồi chồm chện tự lúc nào.

Người lạ mặt áo vóc tía, rồng vàng, đầu đội một cái mũ võ đỉnh những ngũ năm sắc. Khuôn mặt người ấy vuông chữ điền, nom kiêu căng, gan góc, nhưng không phải là không có một vẻ đẹp khác thường. Màu da bánh mật. Hai mắt lòng thau xéch ngược, sắc như dao. Mũi sư tử đè nặng trên hàng ria mép thưa thưa đỏ quạch.

Miệng rộng, luôn luôn điểm một nụ cười, có ý muốn làm ra dáng hòa nhã, dễ dãi mà vẫn không sao giấu được vẻ gượng gạo.

Yên lặng như một pho tượng, hai tay đặt trên hai tay ghế, người lạ thân nhiên nhìn Vũ Mật. Trước thái độ lạ lùng, chàng trẻ tuổi không khỏi hơi bối rối, song cũng mừng là nhân dịp ấy chàng sẽ có thể biết rõ số phận mình.

Người lạ bắt đầu nói trước, giọng rất ôn tồn:

– Thế nào? Quý khách đang yên nghỉ, có sao bỗng thảng thốt như vậy?

Vũ Mật nhảy xuống đất, cúi chào và nói:

– Thưa tiên sinh, phải chăng đây là Mạc phủ?

– Chính thị.

– À, nếu vậy tiên sinh hẳn là Mạc Nguyên soái?

– Quý khách tài đoán thực!

Vũ Mật choáng người:

– Ô!...

Đặng Dung cười một cách ý tứ, chặn lời:

– Quý khách hãy ngồi chơi xơi trà. Cái ghế bành này dù sao cũng vẫn còn êm ái hơn cái sàn lim trong ngục thất. Quý khách hãy ngồi, vì quý khách chắc có lắm điều muốn hỏi; mà mình tôi, tôi cũng có mấy việc mong quý khách thuyết minh cho.

Giọng Đặng Dung nói, chẳng có chi là khiêu khích, cách cử chỉ cũng rất dịu dàng.

Vũ Mật đáp:

– Phải, tôi thực có lắm điều muốn thỉnh giáo cùng Nguyên soái. Điều thứ nhất là cứ sao tôi đã bị bắt lại không bị giam vào ngục thất, mà còn được ở đây?

– Ô hay! Quý khách chẳng là bậc thượng tân của tôi đó ru? Bản tính tôi rất chuộng người anh hùng. Mà anh hùng ở đời này thì chỉ có anh em Biều Vương và tôi, vậy biết đâu còn có người anh hùng ẩn dật.

– Đại soái biết tôi là em Biều Vương?

Đặng Dung cười một cách tinh quái:

– Anh hùng dù đi đến đâu cũng vẫn lộ bản sắc, giấu làm sao được! Chỉ tiếc thay, túc hạ làm việc còn khinh xuất quá, nếu không, sao đến nỗi!

Vũ Mật đỏ bừng sắc mặt, nhưng cũng chẳng chịu kém lời:

– Ô, hổ một con sao bằng cáo đàn. Đại soái bắt được tôi lần này, tưởng chẳng có gì đáng tự đắc!

Đặng Dung vẫn điềm nhiên:

– Không những khinh xuất, túc hạ còn tỏ ra là người bạo nghịch nữa!

Vũ Mật nổi nóng, quát:

– Cứu vua nếu là bạo nghịch, vậy giết vua nên gọi là gì? Ông, thân làm kẻ bề tôi mà dám công nhiên thí Thiên tử, tự mua lấy tiếng loạn thần, đã không biết thẹn, còn mắng ai bạo nghịch?

Đặng Dung châm điếu thuốc đuôi mối hút, thủng thẳng nói:

– Này túc hạ! Người có biết lễ phép sao ăn nói như vậy mà nghe được?

– Ông nhạo tôi? Một kẻ tôi vô lễ, vô sỉ còn dám dạy lễ phép cho Vũ Mật hay sao?

– Thôi, bắt tất phải cãi nhau về nghĩa chữ. Túc hạ cứ ngồi xuống đây xơi nước đã. Thứ chè này ngon lắm, uống vào có thể thanh sáng được tinh thần. Đối với những lời tôi sắp nói đây, túc hạ cần bình tĩnh lắm mới thấu triệt được.

Đặng Dung nói một cách quả quyết và uyển chuyển lạ. Vũ Mật đành ngồi xuống ghế, gương mặt nhìn địch thủ một cách kinh dị. Chàng thấy Đặng Dung vững vàng, đạo mạo đến nỗi chàng tự nhiên cảm thấy sự kính nể, coi Đặng Dung như một kẻ kinh địch có những thủ đoạn chàng không sao lường được.

Đặng Dung thông thả tiếp:

– Túc hạ bảo tôi là phản thần ư? Thì lấy gì làm chứng cứ? Chính tôi đã ủng hộ quyền vua khi một mình ra dẹp các loạn đảng. Người có công, vua ban cho quyền chức là lẽ tất nhiên. Chẳng ngờ sau khi tiên đế băng hà rồi, Chiêu Tôn đối với tôi đem lòng ngờ ghét, tự nhiên bỏ cả tôn miếu xã tắc, mà bôn tẩu nơi xa. Nước không thể một ngày vắng vua, tôi bất đắc dĩ phải lập vua mới lên thay, cũng là trong tôn tộc nhà Lê cả. Vậy sao gọi là phản nghịch được?

– Đã đành rằng thế, song cái tội ám sát Chiêu Tôn Hoàng đế thì ông trả lời sao?

– Trời không lẽ có hai vầng nhật. Nước không lẽ có hai vua. Chiêu Tôn đã tự bỏ kinh thành, khiến cho thiên hạ xôn xao, ngôi báu rung chuyển, thế là có tội. Đến nay, Chiêu Tôn bị bắt, tân quân xuống chỉ cho tự sát, tướng cũng đáng lắm. Còn tôi, tôi chỉ là một kẻ thừa hành chiếu mệnh Thiên tử.

Vũ Mật cười nhạt, đáp:

– Cớ sao ông chẳng tự nhận ngay là một kẻ ném đá giấu tay, có phải thực thà biết chừng nào?

– Ấy đấy, túc hạ lại khiếm nhã rồi! Những câu tầm thường ấy tưởng chỉ nên để cho kẻ tầm thường dùng. Túc hạ nên nhớ rằng chúng mình kinh địch nhau đây, chẳng qua vì ý tưởng khác nhau mà thôi.

Vũ Mật lặng im một lát, hỏi:

– Thế giờ, đối với tôi, ông định ra sao?

– Điều ấy, tôi chưa có thể trả lời được.

Vũ Mật rất hung hăng:

– Có gì mà không trả lời ngay được. Một là ông giết tôi đi, vì lúc này ông có đủ thế giết được. Hai là nếu ông quả thực tài giỏi, xin hãy thả tôi ra, bấy giờ đường đường chính chính, chúng ta sẽ dùng những khí giới tương đương mà cùng nhau so tài cao thấp...

Đặng Dung nhìn Vũ Mật, một nụ cười thâm hiểm bỗng lướt qua trên cặp môi dày:

– Túc hạ nên nhớ rằng lúc này chính tôi mới thực là chủ. Tôi có quyền giết túc hạ hoặc cứ để túc hạ sống, chỉ là cho sự kiêu căng của túc hạ phải chìm sâu xuống đất đen, nghĩa là bắt túc hạ phải khuất phục dưới ý định của tôi.

– Ông định khuất phục tôi? Khuất phục Vũ Mật? Thôi đi ông!.

Vừa nói, Vũ Mật vùng đứng dậy, xông đến trước mặt Đặng Dung. Nhanh như chớp, Đặng Dung nháy qua lưng ghé, vỗ tay một cái. Tức thời, bức thêu lật tung, hai tên võ sĩ cầm lăm lăm hai thanh mã tấu sáng loáng sấn vào, ngăn đường Vũ Mật. Đặng Dung mở cửa lù ra, cười một cách chế nhạo:

– Túc hạ xem, Đặng Dung là người biết tiên liệu lắm đấy chứ!?

IX

Những đoàn quân bộ sắp phải thao diễn, lúc đó xếp hàng mười đứng suốt theo chiều dài bên tả võ trường, một khu đất rộng phẳng ở về phía Tây Nam thành Thăng Long. Đối diện với bộ binh tức là đại đội kỵ mã và voi trận. Đằng đầu phía Nam võ trường, giữa mô đất cao, một chiếc ngai chạm tứ quý thế vàng đặt trên cái bục gỗ thấp hình chữ nhật. Quanh bốn góc bục, bốn chiếc tàn thêu do bốn tên thị vệ đứng che. Phía trước ngai càn, những giá cài siêu, đao, dùi đồng, phủ việt và những cờ long hổ cắm san sát.

Võ trường lúc ấy trống không, đợi sự giày đạp của đoàn dũng sĩ và những cặp voi nặng nề. Hàng vạn mũi giáo chỉ hơi nhấp nhoáng dưới ánh mặt trời, nom bạt ngàn như một bãi hoa lau trong mùa một chạp. Chốc chốc, cơn gió thoảng qua, rung động những ngù

bông trên mũ, phấp phới những tàn quạt trước ngai. Những chỉ giây lát thoi, rồi cái yên lạng lại hùng tráng vô cùng.

Tùy theo sắc phục của từng đội khác nhau, ba quân phô ra muôn nghìn màu tương phản, rõ ràng. Trước những bức thành người ấy, các viên quân đội đi đi lại lại, chờ.

Dân chúng thì xúm xít mãi đằng xa, nhấp nhô, dào dạt như những làn sóng bể.

... Bỗng, một tiếng loa thét, báo hiệu chủ soái gần tới nơi. Những tiếng rì rào tắt hẳn. Quân, dân, tướng tá im bật, cảnh vô trường trở nên như một bãi không người. Rồi trống, chiêng gióng lên. Mấy mươi vạn lính hồn cùng rung động. Tự xa xa tiến lại, một đám đông rục rờ, chẳng kém chi đạo ngự khi Hoàng đế ra thành. Mở đầu là năm lá cờ. Thứ đến chiêng trống dẹp đường. Sau bọn tiên hô, các hàng thượng tướng, giáp trụ đầy mình, gươm đao sáng quắc. Đằng sau thì năm trăm quân Ngự lâm, nón sơn, áo nâu, cầm đại đao, sắp hàng đi hậu tập.

Nổi lên ở giữa đám, một con bạch tượng, lưng thẳng lầu son, hai lá bành thêu bông rủ những chân chỉ hạt bột xuống hai bên sườn tả hữu. Cưỡi ngang cổ voi, quân tượng, nai nịt gọn ghẽ, tay cầm lăm lăm cái búa đồng. Sau lầu son, một tên thị vệ đứng che chiếc tàn vóc đỏ. Mạc Đăng Dung ngồi chễm chệ trong lầu, uy nghi lẫm liệt như một vị thiên thần.

Trống, chiêng rầm rĩ. Bao nhiêu lá cờ đầu ngả xuống hết. Bao nhiêu gươm giáo đều giơ lên. Những tiếng hô rần rỏi chạy từ đội này sang đội khác. Những câu “Đại Nguyên soái” vạn tuế nối nhau rung chuyển bầu không khí giòn tan.

Chủ soái đã vào tới giảng đường. Con bạch tượng phủ phục trước ngai vàng. Đăng Dung lẹ làng nhảy xuống đất, liếc nhìn khắp ba quân đoạn bệ vệ lên ngai.

Ba hồi trống chiêng rung lên, chuyển trời dậy đất, cái hiệu lệnh sửa soạn cuối cùng trước khi bắt đầu thao diễn.

Cảnh tượng lạ lùng ấy không phải là một cảnh tượng của loài người nữa. Thực là cái cảnh tượng kỳ ảo, vĩ đại, một cảnh phỏng chép cái uy quyền thần thánh nào khiến cho hết thấy đều như bị thôi miên.

Loa lại thét rầm trời. Đoàn bộ quân dạ như sấm nổ, đoạn rục rịch tiến vào giảng đường. Cuộc thao diễn bắt đầu. Theo hiệu

lệnh cờ nào đội ấy, khi tiến khi lui, đâm bên tả, chém bên hữu, đứng dậy, vượt lên, phục xuống, nhịp nhàng nhất trí như một bộ máy tài tình. Bọn cờ đầu thì vung múa, những lá cờ đại mọc đầy những lưỡi câu, tiếng xô chạm nghe rất rộn.

Một tiếng trống. Máy vạn quân thốt im lặng, hàng ngũ lại đều rậm rạp, điều quanh một lượt rồi lui về chỗ đứng.

Trên võ trường chưa dứt ồn ào thì muôn vàn tiếng hò reo lại tiếp tục phát lên. Đoàn kỵ binh, sẵn sàng biểu diễn, bắt đầu dứt ra từng khúc lần lượt tràn vào bãi. Cuộc khởi hành rất lộng lẫy. Ngựa thảng toàn yên trận, người thì một loạt mũ võ sắc đen, áo nâu đỏ, thắt lưng xanh bỏ múi, ủng da đen. Cùng ra roi một lúc họ cho ngựa chạy thành từng đoàn chữ nhất thẳng băng. Sát vế nhau, chạm kiềnh nhau, họ ngồi thẳng trên yên, miệng hò reo tay múa kiếm, xa nom như những khúc rồng đỏ bay vùn vụt giữa muôn làn chớp lập lòe...

Thoạt đầu, họ bon kiệu lớn, rồi buông cương phi nước đại, vụt chốc đứng sững lại, hàng ngũ không mảy may xô lệch. Cứ đứng rồi đi, đi rồi chạy như thế. Mỗi lần qua trước mặt chủ tướng thì hết thảy lại tung hô rầm rĩ. Bụi đất lăm lên, không khí nồng nàn như giữa chiến trường. Người ta, ai nấy đều như say sưa vì tốc độ, vì những màu chói lọi, những tiếng diều võ dương oai.

Một hồi chiêng. Máy nghìn người ngựa quay về chỗ cũ. Giảng trường vụt trống không. Cả cái cảnh sôi nổi tan đi như một giấc mộng.

Bọn phu dịch lúc ấy khệ nệ khiêng những tấm phen to bọc cốt bày thành ba hàng ở giữa bãi, mỗi hàng chừng vài trăm thước cách xa nhau. Trước mỗi tấm phen, họ đặt một lớp bù nhìn rơm, quét phẩm xanh đỏ giả làm quân địch. Sau lưng phen, họ chất củi khô, nhóm thành những đống lửa khổng lồ.

Bày đặt xong, bọn phu chia nhau kẻ cầm loa, người dùi trống, vô chiêng hoặc pháo cối chực sẵn.

Đặng Dung truyền lệnh nổi hiệu.

Voi trận lừ lừ tiến đến trước chủ tướng do một con tréo ngà dẫn lối.

Một tiếng trống đồng.

Đàn voi phủ phục lĩnh mệnh.

Một tiếng trống nữa.

Những khối đen nặng nề đứng lên và quay đầu ra bãi.

Tự đám đông xung quanh nổi lên một cơn sấm dữ dội.

Những thốt voi bắt đầu chuyển động, trước còn chậm, dần nhanh hơn, sau cùng thì huỳnh huých chạy như những tảng đá to lăn trên sườn núi dốc.

Đất rung lên như địa chấn. Những tiếng pháo, loa chiêng, trống và những tiếng hò reo âm âm, thảm đạm như một cảnh phong vũ ba đào.

Rồi cứ thế, hết hàng cót thứ nhất sang hàng cót thứ hai, thứ ba, lăn bừa cả vào những đồng lửa ngùn ngụt cháy, diễn ra một cảnh tượng lạ lùng mọi rợ, khủng khiếp phi thường. Cái oai của thần Chiến tranh hình như lúc đó mới thực hoàn toàn xuất lộ.

Một hồi chiêng gióng giả.

Những con vật điên cuồng lại hiền lành, chậm chạp như trước khi thao diễn. Tai ve vẩy, đuôi ve vẩy, vòi rung rinh, hai mắt lừ lừ, điềm nhiên và có lẽ đã quên hết những việc hung bạo chúng vừa làm.

Mạc Đăng Dung xuống ngai, tươi cười hỉ hả vì đã chắc cầm cái thế vô địch trong tay.

Quản tượng dẫn voi trắng vào, bắt phủ phục trước bực gỗ. Đăng Dung sấm nắm vừa toan trèo lên lầu son thì một người vận toàn đồ thâm tự ngoài đám đông chạy sấn đến, liền tay phóng ra một làn chớp nhỏ. Đăng Dung ngã gục xuống. Một tiếng kêu khủng khiếp tự miệng binh sĩ, tướng tá cất lên. Một cảnh tượng hỗn độn phi thường diễn ra trong nháy mắt.

Các võ tướng thét ngựa lâm bắt lấy hung thủ, đoạn xúm lại chực nâng chủ soái dậy nhưng, lạ thay! Đăng Dung đã cười nói như không và điềm nhiên quay lại phía sau, trở vào tên lính che tàn, bị mũi dao găm đâm trúng ngực, đang giẫy chết giữa một vũng máu đào.

– Không may cho tên lính này quá! Nhưng được! Bọn soái sẽ trả thù cho hắn một cách xứng đáng mới nghe.

Dứt lời, Đăng Dung truyền lệnh triệt binh. Trống giông, cờ mở, quân tướng rầm rộ về thành.

Con đường lớn chạy thẳng vào cửa Tây Nam lúc ấy ví như một dòng suối lũ...

X

Cái nụ cười nham hiểm, mỉa mai của Đấng Dung khi đứng giữa hai tên võ sĩ cầm mã tấu, khiến cho Vũ Mật không còn ngờ vực gì nữa, chàng là tù nhân của một kẻ địch thủ gớm ghê. Mà, nếu muốn ra khỏi cái bước đường khó khăn này, Vũ Mật biết rằng không thể dùng võ lực hoặc cái thái độ khinh bỉ suông mà đủ được. Nhưng làm thế nào bây giờ?...

Thêm vào với vấn đề khó giải quyết ấy. Vũ Mật lại còn một mối phân vân khác nữa: Lan Anh chẳng hay có khỏi bị bắt chăng? Nếu nàng cũng bị bắt thì hiện trạng của nàng ra sao?

Trong lúc Vũ Mật loanh quanh với những sự khó khăn ấy, thời khắc cứ đi qua. Mỗi ngày, trừ hai buổi tên lính hầu lạng lẽ bưng cơm nước vào, chẳng có ai hay việc gì xảy ra cả. Vũ Mật vì vậy, thấy như có một cái vác nặng đè xuống ngực, khiến chàng khó thở. Lắm khi chàng hoảng hốt vì cảm giác rằng sự điên rồ đã lớn vờn quanh trí não mình. Thảm hơn nữa là sau mỗi trận kinh hoàng ghê gớm ấy, tâm trí chàng bị chìm sâu vào một sự ngây độn lạ lùng.

Cũng có lần Vũ Mật định dò hỏi, hoặc đem tài lợi mua chuộc tên lính hầu ít nói nọ, nhưng rốt cuộc chàng chỉ là công cốc.

Buổi chiều thứ năm, kể từ hôm chàng bị bắt, Vũ Mật buồn rầu, lại nhận thấy trên tường có chiếc kèn lau, tần mần lấy xuống thối một bài ảo não, hy vọng điên rồ rằng tâm sự mình sẽ theo những thanh âm kia bay ra ngoài phòng giam chật hẹp, thấu tới Lan Anh. Đang lúc ấy, tự nhiên Vũ Mật ngoảnh đầu nhìn lại sau lưng thì Đấng Dung ở đâu đã khoanh tay đứng sững giữa phòng. Đấng Dung mỉm cười, nói như nói với một người bạn thân:

– Túc hạ quả nhiên là một võ trang thi sĩ. Nhưng mấy bữa nay, dung nhan của túc hạ xem ra tiêu tụy, cần phải có một cuộc tiêu khiển nào thực đích đáng mới được.

Vũ Mật lặng yên, kinh dị.

Đấng Dung thì tự nhiên như không:

– Luôn mấy ngày nay, công việc bề bộn quá, thành ra tôi không thời thường viếng thăm túc hạ được. Đó cũng là một điều bất lịch sự của tôi. Làm thế nào được! Đấng phản Mạc chỉ lăm le gây loạn ở kinh thành. Các phe nghịch các nơi thì lung tung xuẩn động.

Mà lưng lầy nhất có Nguyễn Kim phò Chúa Chỗm tự Lào về, quân kéo đã tới Thanh Hóa. Tôi ngẫu nhiên bị hãm vào cái thế tứ diện thụ địch! Rõ quyền rom vạ đá, công danh thêm bận vào mình!

Nghe những câu kể lể dài dòng ấy, Vũ Mật tự hỏi không biết Đặng Dung định kết luận ra sao. Chàng cau mặt, tỏ ý khó chịu.

Đặng Dung vờ như không biết, lải nhải hoài:

– Muốn đối phó với những việc khó khăn có thể xảy ra trong sớm tối, chiều qua đành phải mở cuộc thao diễn ở võ trường. Đó cũng là cái chính sách thị uy để trấn nhậm tâm vậy. Cuộc thao diễn rất được mỹ mãn. Chỉ lúc xong, tôi vừa toan cưỡi voi về thành, bỗng có một tên thích khách xông đến toan làm dữ. May nhờ hồng phúc, tôi thoát nạn mà hung thủ thì bị bắt, nhận ra mới biết hắn là một trong hai người cùng túc hạ vượt thành vào cướp tù đêm hôm nọ...

Đặng Dung chưa hết lời, Vũ Mật đã đứng phắt dậy, hỏi dồn:

– Người ấy nay ở đâu và ông đã làm gì người ta rồi?

– Chưa làm gì cả?

– Hình dung thế nào?

Đặng Dung cười:

– Lát nữa, túc hạ thấy mặt hắn ta, sẽ rõ.

Vũ Mật náo nức:

– Tôi sẽ giáp mặt người ấy?

– Phải... nhưng... nhưng túc hạ phải cam đoan rằng khi ở trước mặt người ấy, túc hạ không được nói một câu gì xúc phạm đến tôi, cũng không được lộ tình ý riêng gì hoặc một câu nào ngoài những câu tôi sẽ dặn trước. Tóm lại, túc hạ phải làm thế nào cho kẻ kia yên trí rằng chúng mình rất thân thiện và đồng ý với nhau...

– Đồng ý về việc gì mới được chứ?

– Rồi túc hạ sẽ rõ. Tôi mong rằng túc hạ sẽ không trái lời tôi căn dặn, vì nếu...

Đến đây, giọng nói của Đặng Dung bỗng cứng cỏi:

– ... Túc hạ hoặc vô tình hoặc cố ý để lỡ mưu cơ của tôi thì kẻ kia sẽ bị chết một cách thảm độc ngay.

– Ông gian xảo độc ác quá lắm!

– Nhưng túc hạ có bằng lòng được thấy mặt đồng đảng không nào?

– Chắc ông muốn lợi dụng...

– Chẳng nói giấu gì túc hạ: Thái Bạt bấy lâu nếu dám hung hăng phản đối, là vì y trông cậy ở Biều Vương giúp đỡ. Nay làm thế nào cho Thái Bạt mất cái hy vọng ấy đi, tự nhiên hẳn phải quy phục ngay, đảng phản Mạc sẽ giải tán mà tôi sẽ bớt được một sự bận lòng. Vậy lát nữa, tôi đưa tên thích khách kia vào, phiên túc hạ giao cho nó một phong thư để nó cầm về cho chủ nó. Ấy tôi chỉ sợ cậy túc hạ có thể, mong rằng túc hạ nghĩ tình chủ khách bấy lâu mà chẳng nỡ chối từ.

– Phong thư nào?

– Phong thư mà túc hạ sắp viết, đại ý bảo Thái Bạt rằng từ khi vào đây, túc hạ xem xét kỹ những việc tôi làm, quả nhiên, danh chính ngôn thuận cả. Không những túc hạ không phản đối lại còn trình lên Biều Vương biết để Biều Vương tán thành cho. Rồi, nhân vậy, túc hạ khuyên Thái Bạt nên quy thuận tôi...

Vũ Mật giận lắm, quát to vào giữa mặt Đặng Dung:

– Sao ông cứ lừa dối thiên hạ thế! Người ta phản đối ông thì ông lấy võ lực mà giết người ta đi, như thế có phải đường hoàng biết chừng nào? Vả chẳng võ lực, tôi tưởng ông có thừa rồi, việc gì còn cần đến những mưu mẹo đê hèn ấy?

– Đem võ lực diệt kinh địch vẫn là cái thủ đoạn thường của tôi. Ngặt vì Thái Bạt lẩn lút rất tài, các đồng đảng của hắn khi tụ khi tan, không thể sao lường trước được. Sách có chữ “*bình bất yếm trá*”, kẻ kia đã bày mưu quỷ, cứ sao tôi chẳng dụng *chước thân*.

– Ông dụng *chước thân* nhưng tôi không theo thì ông bảo sao?

– Túc hạ không theo? Thì hung thủ là bạn của túc hạ kia sẽ bị phanh phôi bằng trăm nghìn mũi dao oan nghiệt.

– Ông thực là một người tối nguy hiểm!...

– Tôi chỉ nguy hiểm với kẻ nào không biết điều mà thôi!

Vừa nói, Đặng Dung vừa lấy trong tay áo ra một bức hoa tiên để lên mặt kỷ chè.

– Giấy đây, lúc nào viết xong, túc hạ cứ gọi, tôi sẽ đến ngay.

Dứt lời, Đặng Dung cùng hai tên hầu cận lui ra. Cửa đóng, then cài.

Vũ Mật đứng lại giữa phòng trơ trơ như một pho tượng. Mãi sau, tâm trí chàng mới dần dần bình tĩnh. Cứ kể cái tình thế của chàng

lúc ấy khó nghĩ thực. Nhưng chàng biết làm thế nào? Vũ Mật thở dài, cúi đầu, đi bước một trong phòng. Thốt nhiên, một nụ cười nở trên cặp môi đầy đỏ thắm, một vẻ đắc thắng hiện trên cái dung nhan của chàng đương tẻ ngắt như một ngày mùa đông. Chàng bước lại gần cái bể đá, bày trên chiếc đôn gỗ, trong đựng mấy củ thủy tiên rừng.

Nhắc lấy một củ, khê lấy ra một nhánh con đem lại kỹ chèn, Vũ Mật ngồi xuống ghế, trải tờ hoa tiên ra trước mặt, vắt nhánh thủy tiên lấy nhựa đắp vào ngọn bút và đề mấy dòng chữ lên đầu giấy. Chờ một lát nhựa khô, chàng mài mực ung dung tả cho Thái công theo đúng như lời Mạc Đăng Dung đã dặn.

Viết xong, Vũ Mật lại giấu nhánh thủy tiên vào bể đá, vỗ tay ra hiệu gọi. Tên lính hầu yên lặng tiến vào.

– Bay mời Mạc soái tới đây, ta nói chuyện.

Lính hầu lui ra.

Vũ Mật bỗng chau mày, lẩm bẩm:

– Chẳng hay khi xem thư, Lan Anh có nhận thấy tâm sự của ta? Nếu Lan Anh lăm, cho ta là con người phản trắc...

Cái nghi vấn ấy còn đang làm cho Vũ Mật bồi hồi, đau đớn thì Đăng Dung đã vào tới nơi, đon đả:

– Thế nào? Thư tả xong rồi kia à?

– Ông tàn nhẫn lắm! Nữ ép nhau làm những việc trái lương tâm!

Đăng Dung không nghe tiếng câu trách móc, cầm lấy mảnh hoa tiên ngắm nghía và đọc kỹ hai, ba lượt.

– Túc hạ biết điều như thế này, tôi rất thỏa lòng.

Vũ Mật để ý dò la vẻ mặt của Đăng Dung, nghe hắn nói thế, chàng nhẹ hẫng tấm lòng, vội yêu cầu:

– Thế giờ ông cho dẫn người bị bắt vào đây.

– Thông thả. Ngồi mãi trong gian phòng tối tăm này, khỏi sao bứt rứt, túc hạ hãy cùng tôi sang nhà khách uống rượu chơi, khi ấy cho gọi tên kia đến cũng không muộn.

Nói đoạn, Đăng Dung bảo Vũ Mật theo mình.

Như đã hẹn trước, hai cánh cửa lim bặt mở ra, một dãy hành lang ngoắt ngoéo, chạy giữa hai hàng cột sơn son. Cứ sát mỗi

chân cột lại có một tên dũng sĩ cấp gươm trần đứng thị lập, tỏ cho Vũ Mật biết rằng Đãng Dung đã hết sức đề phòng.

Qua mấy lớp cửa son, hai người tới một sảnh đường rộng rãi, trang hoàng cực kỳ hoa mỹ. Tuy giữa ban ngày mà lửa nến sáng rực. Những chân kính, những vàng son nhờ vậy càng lộng lẫy bội phần. Giữa sảnh đường, trên cái sập vuông chạm, một mâm thịnh soạn chỉ còn chờ người thưởng thức. Đãng Dung mời Vũ Mật cùng ngồi. Thị vệ bắt đầu rót rượu. Uống được vài tuần, Đãng Dung đặt cốc, hỏi:

– Thế nào, túc hạ đã thực hành ý muốn của tôi được một nửa. Còn nửa nữa, chẳng hay túc hạ có vui lòng giúp nốt cho không?

– Thì tôi đã chịu để ông lừa rồi mà!

– Túc hạ sao hay nặng lời thế? Ấy là tôi nhờ túc hạ cộng tác với tôi, giúp cho quyền vua được tôn trọng, nước nhà được bình an, chứ bản tâm có định lừa dối túc hạ làm gì! Khổ tâm lo việc lớn mà không kể hiếu mình, khách anh hùng xưa nay vẫn thường phải ân hận về điều đó.

Sau khi đã tợp một hơi rượu để chiêu sự phần uất giả vờ, Đãng Dung gọi to:

– Võ sĩ đâu, giải thích khách vào!

Một tiếng dạ ở ngoài thêm rồi sáu tên lính nai nịt gọn ghẽ, tay cầm dao sắc, áp dẫn Trần Nghĩa vào.

Thoạt thấy Vũ Mật ngồi trên chiếu, lão bộc kêu lên một tiếng kinh ngạc. Nhưng trước khi hai người kịp trao đổi một lời. Đãng Dung đã chặn:

– Tên kia xem đấy! Vũ Tướng quân là người thông minh trác tuyệt, đã hiểu rõ công việc ta làm, lại vui lòng phù trợ rồi. Có đâu như chủ mày, u mê ám chướng, toàn những việc châu chấu đá xe, tự mua vạ vào thân mà không biết đó sao?

Nghe câu nói như khêu gan chọc ruột, Vũ Mật dằn mạnh cốc xuống thành mâm. Nhưng chỉ một cái liếc mắt sắc như dao của Đãng Dung là đủ cho chàng nhớ tới cái chết thảm thê của Trần Nghĩa, nếu chàng không cố giữ vẻ mặt thực điềm nhiên.

Đãng Dung đã chặn họng được Vũ Mật, quay lại nhìn Trần Nghĩa một cách đắc thắng:

– Vì chủ mày cũng dựa vào hàng lão thần danh vọng của triều đình, lại nể lời Vũ tướng quân đây khẩn khoản xin cho nên ta chưa nỡ dùng võ lực sửa trị vậy.

Nay hãy tha chết cho mày để mày cầm bức thủ thư của Vũ tướng quân về cho lão già Thái Bạt và bảo hấn khôn hồn thì mau mau quy thuận, ta không thêm chấp đâu.

Đặng Dung vẫy tay một cái, bọn võ sĩ tức khắc lôi bừa Trần Nghĩa ra ngoài.

Không thể lột cái mặt nạ của Đặng Dung trước mặt Trần Nghĩa, lại cũng không thể tỏ cho lão bộc rõ lòng mình, Vũ Mật tức quá, găm lên một tiếng hất cả mâm rượu vào mặt Đặng Dung và mắng rằng:

– Quân cầu trệ! Ta chưa giết được mày, chưa hả được oán cừ!

Chàng toan làm dữ, nhưng tên lính đứng sau lưng Đặng Dung bỗng lắc đầu ra hiệu, như bảo chàng nên nhẫn nhục. Vũ Mật ngạc nhiên, tưởng mình hoa mắt. Đồng thời, nghe tiếng mâm bát đổ loảng xoảng, quân sĩ tức trực bên ngoài vội kéo ô vào. Đặng Dung sát khí đầy mặt, thét lên:

– Bay đem giam cổ thằng Mán này lại cho ta!

XI

Đêm, một đêm mưa gió...

Ngồi trước giường bệnh, Lan Anh lo ngại, nhìn cha nằm thẳng đờ dưới những nếp chăn cứng quế thì lại vợ vẫn băng khuâng. Trong gian buồng cửa đóng kín mít ấy, không khí, trái hẳn với cảnh giao động bên ngoài, tựa hồ đọng lại. Dưới ánh ngọn lửa nện lạnh lùng, thẳng tắp, Lan Anh chỉ hơi lơ mờ hiện trên nền tối, âm thầm, lạng lẽ như pho tượng đau thương.

Thời khắc qua. Canh tư gần mãn. Đêm hôm khuya khoắt, thỉnh thoảng mới nghe người bệnh ho ngắn hay thở rít lên một cách nặng nề.

Trước sự đe dọa của tử thần, Lan Anh thấy nghị lực mình tiêu tán cả. Trái tim nàng nặng trĩu khổ tình.

Trời ơi, phụ thân nàng nếu chẳng may nguy vì bệnh giữa lúc gia đình nàng tan nát, mẫu thân nàng lẩn lút phương xa, không hay không biết gì cả, thì suốt đời nàng, mối hận có lẽ không bao giờ tan được. Ừ, chẳng thà Thái công chết cho nghĩa vụ, chết ngay trên trường phấn đấu, cái chết xứng đáng của người nam nhi. Nhưng không! Nội đêm nay, phụ thân nàng chắc sẽ không qua khỏi, chắc sẽ chết vì cái chết chung của hết thảy muôn loài, nó tầm thường thê thảm và thất vọng vô cùng.

Lan Anh thở dài:

– Sao những lúc này, chàng không có tại đây?...

Câu nói tự nhiên ở đáy lòng thốt ra khiến cho Lan Anh chua xót.

... “Sao chàng không có tại đây?”... Việc Vũ Mật trúng tên bị bắt lại thêm cho lòng nàng một mối nguy bách não nùng.

Cùng chàng gặp gỡ và yêu nhau chưa được mấy ngày thì nay chàng lâm nạn. Chàng lâm nạn vì đã liều chết cứu Lan Anh. Thế mà Lan Anh gặp khi cha ốm nặng, không thể chia mình lo tính việc đôi nơi. Điều ấy, tuy bất đắc dĩ, nhưng Lan Anh vẫn coi như một sự tệ bạc với tình.

Thời khắc qua.

Lan Anh vẫn lặng yên với nỗi đoạn trường. Trong trí tưởng tượng của nàng, một bên là cái hình ảnh cha già mỗi lúc một tụt sâu xuống đáy mả, một bên là Vũ Mật trọng thương đang rên rỉ, giãy giụa với xiềng xích ở trong xó u tù...

Thái công, từ nãy nằm yên, bỗng ho một cơn dài. Tiếng ho nặng nề, khó nhọc như rút hết hơi tàn của người hấp hối. Lan Anh bàng hoàng lo sợ, vội cúi xuống nhìn cha.

– Cha ơi!... Cha!... Sao tự nhiên cha ho nhiều thế?

Thái công rên:

– Chết!... Chết mất!... Cha đành chết đêm nay, con ạ!...

Lan Anh ứa nước mắt, nói:

– Cha ơi, có lẽ nào?...

– Ừ, có lẽ nào!... Cha thực không ngờ trời bắt tội cha giữa lúc này!...

Thái công ngừng lại, ồm ngực thở, vì đờm dãi kéo lên cổ nhiều quá. Lan Anh sờ trán cha, thấy lạnh toát và đầm mồ hôi. Nàng cuống quýt lay gọi:

– Cha ôi!... Cha làm sao thế?... Con biết tính sao bây giờ!...

Thái công trừng trừng nhìn Lan Anh, dáng uất ức. Hồi lâu, ông hỏi:

– Trần... Nghĩa đâu?

– Hấn đi từ chiều hôm kia, nào đã thấy về. Con nghe tin đồn thì hấn đã bị bắt vì đã định ám sát Đặng Dung ở võ trường.

– Rõ khổ chưa!... Thế Vũ Mật?

– Con cũng chưa rõ âm hao của chàng ra sao cả!

– Chàng cũng chưa về? Chàng không có đây thì cha nhắm mắt làm sao!

– Biết có bao giờ về được hay chàng đã bị hại rồi.

– Ừ, cha cũng lo như thế... Vũ lang tính vốn cương cường... Nhưng, nếu vậy thì đời con sau này chẳng chơ vợ lắm ru?...

Một tiếng thốn thức đưa lên nghẹn cổ. Lan Anh ôm mặt khóc như một người con gái tầm thường.

Giữa lúc ấy thì Trần Nghĩa đẩy cửa bước vào. Lan Anh kêu một tiếng ngạc nhiên:

– A kìa, Trần Nghĩa! Sao về được vậy?

Trần Nghĩa đứng sững giữa phòng, vừa thở vừa nhìn Thái công một cách lo ngại. Ánh nến lơ mờ chiếu lên khuôn mặt lão tái xanh.

Lão buồn rầu, đáp:

– Câu chuyện dài dòng và quan trọng lắm! Để rồi con sẽ thuật rõ tiểu thư nghe. Giờ xin tiểu thư hãy cho biết bệnh tình cụ lớn sao đã.

Lan Anh nhìn Thái công, lúc ấy, lại thêm thiếp nằm yên, lắc đầu, khẽ nói:

– Cụ lớn nguy lắm! Không biết có qua được đêm nay chẳng!

Trần Nghĩa chán nản, cầm phong thư ném lên chiếc bàn con.

Lan Anh vội hỏi:

– Thư nào vậy?

– Thư của Vũ tướng quân.

– Ô, Vũ lang gửi thư cho ta? Lão đã giáp mặt chàng? Chẳng biết chàng mạnh hay yếu và có bị Đặng Dung hành hạ lắm không?

Lan Anh hỏi sẵn đón Trần Nghĩa về tin tức Vũ Mật, giọng nàng run lên một cách cảm động, thiết tha. Trần Nghĩa thương tình, nhắm nghiền hai mắt, cố giữ lại những giọt lệ chạy quanh.

Lan Anh, không đợi Trần Nghĩa trả lời, run tay mở thư ra đọc:

“Thái công kỹ hạ,

Đêm hôm cùng Lan Anh tiểu thư vào thành cứu giá, tôi không ngờ trúng tên bị bắt. May được Mạc soái là người có lượng, nên tôi không đến nỗi bị bạc đãi. Không những thế, Mạc soái còn cho tôi được tạm biết những công việc to mà Ngài đang cố sức tiến hành, tuyền theo mục đích ủng hộ quyền vua, trị an trăm họ, đáng cho người trí thức tán thành, khâm phục. Tôi nhân vậy kính dâng mấy dòng này để minh công xét rõ, mong minh công sẽ đừng hiểu lầm Mạc soái, vui lòng thuận theo cơ trời để bách tính thoát khỏi cái vạ nội tranh thì phúc cho nước nhà biết chừng nào. Vả lại, vì lòng kính trọng minh công là bậc lão thành trung nghĩa, Mạc soái đã hứa sẽ quên hết hiềm khích cũ, sẵn sàng cùng minh công nói lại thân tình. Cái chứng cứ thứ nhất của lòng thành thực ấy tức là việc Trần Nghĩa được tha vậy. Hiện trong này, chúng tôi đang ngày đêm mong mỗi tin lành của minh công.

Vũ Mật bái thư”

Đọc bức thư, Lan Anh dần dần biến sắc. Trái tim nàng ngừng lại, hơi thở nàng nghẹn ngào, chân tay nàng bủn rủn, hai mắt nàng mờ quáng. Trời ơi, nếu chỉ là một giấc chiêm bao!...

Yên lặng. Lan Anh bỗng rên rĩ:

-- Có ngờ đâu lại như thế được!

Trần Nghĩa cũng thông thiết kêu:

– Phải, ngờ đâu lại như thế được!

Càng yên lặng. Đôi ba lượt, Lan Anh toan hỏi Trần Nghĩa, hỏi cho rõ ngành ngọn câu chuyện không ngờ. Nhưng, cũng như người đau mắt sợ ánh sáng, nàng thấy mình thiếu can đảm nhìn sự thực, nên ngập ngừng mãi lại thôi.

Sau, không thể gượng được nữa, Lan Anh đánh bạo:

– Trần Nghĩa ơi, lão thấy thế nào?

Trần Nghĩa thở dài, đáp:

– Khó hiểu lắm, tiểu thư ạ. Nguyên chiều hôm ấy, con lên vào võ trường đứng xem, thấy Đấng Dung vênh vác, tự đắc quá, con tức mình nhảy lại, phóng một mũi dao. Khen cho hấn cũng giỏi thực. Con làm đã nhanh mà hấn lại nhanh hơn. Hấn ngồi thụp xuống, mũi dao lướt qua chỏm mũi, trúng giữa ngực một tên lính che tàn. Con tức khắc bị bắt. Không rõ làm sao Đấng Dung biết con, lại biết rành mạch rằng con đã có dự vào việc cứu giá đêm hôm nọ. Hấn truyền giam con vào một chỗ, không thềm hỏi han, đánh đập gì cả. Rồi, đến buổi trưa hôm nay, con bị dẫn lên giữa sảnh đường, ở đây, Đấng Dung đang cùng Vũ tướng quân... uống rượu.

Lan Anh choáng váng:

– Vũ lang cùng ngồi uống rượu với Đấng Dung? Lão trông không lầm chứ?

– Giữa ban ngày ban mặt, tiểu thư bảo con trông lầm sao được!

Lan Anh uất ức:

– Có lý nào!

Trần Nghĩa bèn thuật rõ những lời Đấng Dung, và nói lão sở dĩ được tha chắc chỉ vì phong thư mà Vũ Mật, đã theo ý Đấng Dung, viết về dụ Thái công.

– Vô liêm sỉ! Vũ Mật như thế thì vô liêm sỉ thực!

Lan Anh thét lên một tiếng, đoạn ngã ngồi xuống ghế.

Cực lòng!

Nàng rũ liệt đi, cảm giác như trong tâm hồn có cả một cái gì vừa sụp đổ, tan tành. Mắt nàng lơ đãng, nhìn vật gì cũng đầy những vẻ ử ê, ngao ngán.

Trần Nghĩa cúi đầu.

Lặng lẽ.

Lan Anh thốt vùng đứng dậy, hai mắt đỏ ngầu, vẻ mặt cứng cõi. Nàng tuốt đao lưng nói:

– Thế mà ta đã yêu Vũ Mật! Chính tấm lòng ta đã lừa dối ta, còn để làm gì!

Dứt lời, nàng phóng mạnh đao vào giữa ngực. Trần Nghĩa hoảng kinh, nhảy sấn lại nắm lấy tay Lan Anh kêu:

– Trời ơi, sao tiểu thư làm thế!

– Lão để mặc ta! Giương mắt nhìn trò đời lắm chỉ thêm đau lòng!

Trần Nghĩa van nài:

– Xin tiểu thư hãy nghĩ lại đã nào! Đối với cụ lớn bệnh tình đang nguy kịch, đối với cụ bà lưu lạc chơ vơ, đối với công việc của đảng hiện thiếu người đảm lĩnh, tiểu thư há có quyền được tự hủy tính mệnh đi sao?

Lan Anh như ngây như dại, nhắc lời Trần Nghĩa:

– Chưa có quyền được chết!... Chưa có quyền!...

Giọng nàng đến đây bỗng tan theo tiếng nước nở:

– Ôi, Vũ lang!...

Nàng bỏ thông hai tay, cái dáng của người bại trận cam chịu đầu hàng.

Ngọn nến mờ, đêm đã tàn canh. Ánh sáng ban mai dần dần rõ rệt.

Thái công bắt đầu hấp hối. Trần Nghĩa cuống quýt lo.

Lan Anh chẳng nghe, chẳng thấy gì nữa. Nàng ngồi ngây ra, đang cố sống lại trong trí tưởng, cái phút thân tiên mê ảo trên con đường núi cheo leo.

XII

Bọn dưng sĩ quăng Vũ Mật vào trong một gian phòng ảm thấp tối tăm, trái hẳn với chỗ giam chàng từ trước. Lần này thì đích thực rồi, đích thực chàng là một tên tù chính thức nhất trong cái ngục chính thức, có lẽ chỉ mở cửa một lần thứ hai nữa để đưa chàng ra nghĩa địa. Cái tương lai u ám ấy khiến cho Vũ Mật buồn rầu. Chàng ngồi xuống sàn lim, ôm đầu nghĩ ngợi.

Cách nhau mới có mười ngày mà cuộc đời chàng thay đổi biết chừng nào, như đã trải qua đằng đẵng mấy năm trường.

Trước kia, mỗi thời khắc qua đều có một ý nghĩa, một phong vị riêng. Tâm trí của chàng, vừa trẻ trung vừa giàu mạnh, luôn luôn biến hóa không ngừng. Chàng tha hồ tưởng tượng cuộc đời chàng, cũng như người thợ tự do thêu dệt bức gấm trăm màu. Nào những

đoạn tình duyên diễm lệ, những đêm mát dịu cùng giai nhân tình tự dưới trăng thanh, nào những cuộc chiến thắng lẫy lừng, những thủ đoạn nghiêng trời lệch đất, những lúc đắc chí hào hùng, nhưng khi Tào Tháo say rượu, ngang giáo đứng trên thuyền chiến, trông theo bóng qua trong sương, ngâm câu tuyệt diệu. Tự do biết chừng nào!

Giờ thì thôi rồi! Chàng đã ra thân tù tội; chàng đã bị giam vào trong ngục với một ý nghĩ gớm ghê, vấy máu! Chàng chỉ còn một sự yên chí, một sự tin chắc, một sự đợi chờ là cái chết mà thôi.

Chết, Vũ Mật không sợ. Nhưng sự khác nhau giữa hai cái chết của một người võ tướng với của một tên tù rạc vẩn khiến cho chàng phải thất vọng náo nùng. Huống hồ, phải chết mà chưa chắc người yêu đã thấu rõ tấm lòng ngay!

Vũ Mật thở dài, ngẩng đầu nhìn vợ vẩn. Thốt nhiên chàng rùng mình. Thì ra, khi đã quen với bóng tối, mắt chàng nhận thấy ở giữa phòng lù lù một cái sáng gỗ tạp và một sợi dây thòng lọng tự xà ngang buông xuống cạnh quan tài.

Vũ Mật tức giận:

– Thằng giặc Đãng Dung nham hiểm thực! Nó đưa mình tới bước đường cùng, định mượn chính tay mình giết mình đây!...

Chàng hung hăng đứng dậy, muốn găm lên, muốn đập phá tan tành, muốn làm sôi nổi cả vũ trụ một phen cho hả giận.

Vô ích cả! Chàng chẳng thể làm gì được nữa! Trong bốn bức tường ẩm lạnh, trong bầu không khí thanh tao ấy, chàng đã làm một vật hy sinh đặt trên bàn cúng ông Thần Chết. Quanh mình thì đàn muỗi lao xao như đua nhau mĩa mai, giễu cợt sự thất thế của anh hùng!...

Vũ Mật nằm lăn ra sàn lim, nhắm nghiền hai mắt, cố gắng quên đi, quên hiện tại, quên ký vãng, quên hết. Nhưng, càng muốn quên, chàng càng không thể sao quên được, niềm kia nổi nọ càng như mây trời sóng bể giữa trận phong ba.

Nhất là cái hình ảnh của Lan Anh mỗi lúc một thêm rõ rệt, mỗi lúc một như đăm đăm nhìn chàng, vừa lo sợ, mong chờ, thương nhớ, lại vừa oán hận, xót xa...

Vũ Mật đau lòng:

Những lời Lan Anh thổn thức trong khi nép vào ngực chàng trên con đường núi vẫn còn văng vẳng bên tai chàng như tiếng tơ thừa của khúc đàn vừa dứt: *“Vâng, em yêu chàng lắm! Không phải yêu chàng bằng mối tình thường nhi nữ, mà yêu bằng sự mong ước cho chàng cái sự nghiệp lừng lẫy mai sau”*.

Một nụ cười cay đắng thoáng nở trên môi, chàng lẩm bẫm:

– Cái sự nghiệp lừng lẫy ấy có ngờ đâu là cái săng gồ tạp với đoạn dây thòng lọng này.

Thế là cái ý nghĩa về sự chết lại ám ảnh chàng. Vũ Mật cảm giác như bị một con bạch tuộc rất lớn nó ôm chập lấy mình vào trong mớ chân dài lạnh ngắt. Trái tim thất lại, hơi thở nghẹn ngào, Vũ Mật không thể sao giũ bỏ được cái thất vọng nặng nề trong tâm trí. Đến nông nổi ấy thì tuổi trẻ và cái khí lực sung mãn lại chính là hai mối thống khổ nhất của chàng. Cũng có lần Vũ Mật toan đập vỡ quan tài, dứt phăng dây thòng lọng để tỏ cho Đăng Dung biết rằng ý định nham hiểm của y là thừa, rằng không bao giờ chàng cam tâm để y đắc thắng một cách dễ dàng như y đã tưởng và, nếu y định giết chàng, ít ra bàn tay y cũng vấy máu, chàng mới nghe.

Tuy vậy, rồi Vũ Mật cũng phải chịu rằng sự phản kháng của mình vô công hiệu. Một người như Đăng Dung có bao giờ kém cạnh ai. Thôi thì chàng đành chết; chàng không chết cũng là hèn. Vũ Mật nghĩ:

– Tự tử là một việc tối vô nghĩa, nhưng lúc này ta cần phải tự tử. Mấy lời tâm sự ta đặt trên đầu mảnh hoa tiên, Lan Anh vị tất đã nhận ra. Trong khi ấy thì những câu ta đã ép lòng viết theo ý Đăng Dung để cứu Trần Nghĩa và những cái mắt thấy tai nghe, mà Trần Nghĩa sẽ kể lại kia, khỏi sao làm cho Lan Anh ngờ ta, khinh ghét ta, đau đớn, thất vọng vì ta! Nay, nếu ta tự sát thì cái chết của ta sẽ là cái chứng cứ hiển nhiên rằng lòng ta ngay thẳng, mà bức thư kia chẳng qua là một kế quyền nghi.

Cái ý định tự diệt của Vũ Mật trở nên mạnh mẽ lạ thường, đã thành ra cái sức thôi miên vô địch, đã như một phiến tử thạch hút hết ý chí của chàng.

Vũ Mật trừng trừng nhìn sợi dây, nhìn cái chết xấu xa, lặng lẽ đã nắm mười phần thắng thế.

– Ủ, nếu Thái công và Lan Anh bị lừa về bức thư nọ?

Câu hỏi ấy làm cho Vũ Mật lạnh người. Chàng tưởng tượng thấy sự nguy hiểm đang chờ đợi Thái công, sự thất bại của đảng phản Mạc và sự đắc chí của Đặng Dung.

Chàng đứng phắt dậy, nghiêng răng.

– Phải quả quyết mới được! Thái công và Lan Anh tình ngộ sớm được lúc nào hay lúc ấy.

Chàng sấn lại giữa phòng, bước lên chiếc ghế con chui đầu vào thòng lọng. Chỉ còn thắt chặt mỗi dây, đập đổ chiếc ghế nữa là xong.

Bỗng cửa ngục mở rồi khép lại. Tên lính hầu bí mật khi đứng sau Đặng Dung, đã lắc đầu ám hiệu với chàng, ở ngoài háp tấp chạy vào. Hấn xua tay bảo Vũ Mật hãy tháo dây, hình như hấn có chuyện gì muốn nói mà câu chuyện quan hệ ấy chắc sẽ thay đổi tình thế của chàng một cách không ngờ.

Hy vọng đã như ngọn đèn gần tắt lại sáng bùng lên, Vũ Mật run tay tháo nút dây quàng cổ, nhảy xuống đất, nắm lấy tên lính nọ, hỏi dồn:

– Người muốn gì? Hay người có lòng tốt định cứu ta?

Hoảng hốt, tên lính vội để ngón tay trở lên môi.

Vũ Mật cảm động, sẽ thì thào vào tai tên lính mà chàng đã coi như một vị cứu tinh:

– Thế nào?

– Xin Tướng quân chớ vội ngã lòng. Tướng quân là bậc trung dũng, Tướng quân lại đã cứu sống được ân nhân của con, vì thế con định liều chết giúp Tướng quân thoát sự giam cầm này.

– Người nói, ta không hiểu. Chẳng hay ai là ân nhân của người mà ta đã cứu được và cứu từ hồi nào?

– Bẩm, ân nhân của con là ông Trần.

– Trần Nghĩa?

– Dạ.

Vũ Mật tò mò:

– Người có thể cho ta biết đầu đuôi câu chuyện được chăng?

Chưa kịp trả lời, tên lính tự nhiên biến sắc chạy vụt ra ngoài đóng cửa lại. Mấy tiếng động khẽ rồi một cái cửa sổ, Vũ Mật không ngờ là có, mở toang ra. Vẻ trơ trụi của gian phòng, cái săng gô mở nắp và đoạn dây to trần trần nom càng thảm đạm, số sàng.

Đặng Dung ngó vào trong, có dáng ngờ vực, đoạn hấn cất tiếng cười vang:

– Ô! Bồn soái không ngờ còn được thấy Tướng quân khương kiện như thế này!

Vũ Mật nổi giận, sỉ mạ Đặng Dung:

– Người thực là một giống sài lang bỉ tiện, không đáng cho bản mắt ta nhìn thấy chút nào!

Đặng Dung cũng mỉa mai:

– Cái nghề lươn ngắn thường hay chê trạch dài. Tướng quân khinh ta như một loài lang cầu, biết đâu chính Tướng quân cũng thiếu hẳn sự khảng khái của người anh hùng!

– Người ngờ ta nhát sợ?

– Còn ngờ gì nữa! Có sẵn những cái để chết, vậy mà Tướng quân vẫn sống, vẫn sống làm một thằng tù!...

– Người muốn cho ta chết, nhưng lại muốn tránh tiếng với đời, nên cố ý khích ta tự sát đó chứ gì? Chết ta đâu sợ! Chết để lòng gian của người được thỏa thì, trái lại, ta đây nhất định không. Nếu muốn giết ta, cứ sao người chẳng chặt phăng đầu ta đi? Dịch địa ta là người, ít ra ta cũng cho người cái chết xứng đáng với một kẻ ta coi là đối thủ vậy.

Đặng Dung đánh trống lảng:

– Tôi bực mình quá, Tướng quân ạ. Bức thư của chúng mình gửi cho Thái Bạt bữa qua, tôi chờ mãi chẳng thấy hồi âm. Thì vừa đây lại được tin chắc chắn rằng lão già ấy chết rồi!...

Như nghe tiếng sét đánh, Vũ Mật hoảng hốt:

– Thái công chết rồi! Vì sao mà chết?

– Nghe nói hấn ta vì lao tâm tổn trí quá nên vừa lâm bệnh đã nguy ngay...

Vũ Mật thương xót, ngờ ngẩn hồi lâu bỗng ứa hai hàng lệ:

– Thái công mất rồi! Trời ơi! Nếu ngài mất mà chưa hiểu rõ lòng ta...

Rồi nghiêng răng, trợn mắt, chàng quát mắng:

– Nghịch tặc Đặng Dung! Những cảnh oan trái ấy chỉ tự mày gây ra cả!

Đặng Dung không hề động nhan, cứ thủng thỉnh nói giống một:

– Lão già ấy chết, tôi tướng may mà hóa không may. Hãn chết, nhưng đảng phản Mạc chưa tan và chắc sẽ bầu thủ lĩnh khác. Không biết cái kẻ đương đầu cùng tôi sẽ là ai, thủ đoạn nhường nào?

– Người đã biết tin Thái công tạ thế thì những sự hành động của đảng phản Mạc, thì những nơi tụ họp của đảng ấy người tất phải biết chứ?

– Chúng nó thực là một lũ yêu quái, biến hiện không lường. Tướng quân tính nếu tôi biết những điều ấy thì còn nói gì!

Trước thái độ của Đãng Dung, Vũ Mật bỡ ngỡ, tự hỏi Đãng Dung có phải là người như mọi người, hay y chỉ là một cái máy bằng sắt.

Chàng chán nản, ngồi xuống mặt sàn, yên lặng. Đãng Dung cũng yên lặng nhìn Vũ Mật hồi lâu, đoạn khẽ mép ra chiều đắc ý. Rồi, trước khi bỏ đi, hãn còn dặn với một câu:

– Tướng quân an nghỉ nhé. Thẳng hoặc lúc nào nghĩ ra và có nhất định chết, Tướng quân chớ quên cho bốn soái được mục kích cái thủ đoạn phi thường.

Đãng Dung nói xong, cười khúc khích lui ra. Vũ Mật chẳng nghe tiếng gì cả, vì tâm trí lúc ấy đã rời bời...

XIII

– Cái gì thế, Trần Nghĩa... ở đâu về mà thở chẳng ra hơi như vậy?

Trần Nghĩa hốt hển đáp:

– Thưa tiểu thư, tôi cố sức chạy nhanh để... báo cho tiểu thư hay rằng... Mạc Đãng Dung sắp cướp ngôi. Hãn đã dự bị sẵn sàng cả, chỉ còn độ ba hôm nữa thì cử sự.

Nghe Trần Nghĩa nói, Lan Anh không hề tỏ ý ngạc nhiên. Nhưng đang ngồi cạnh chiếc bàn con, dăm dăm nhìn lại bức thư của Vũ Mật, nàng đứng phắt dậy, ngực phập phồng, hai bàn tay nắm chặt.

– Ủ, sao nữa?

Trần Nghĩa khẽ đáp:

– Lại còn bọn thám tử...

Cặp môi mím lại, hai mắt cau có, nàng lắng nghe.

Trần Nghĩa thuật:

– Chính mục hàng nước ở cầu Thê Húc nói cho tôi hay điều đó!... Cứ lời mục thì một tên thám tử của Đặng Dung nhân say rượu, có khoác lác rằng chỉ một vài hôm nữa bao nhiêu đảng viên phản Mạc sẽ sa vào lưới tuốt...

Giọng thấp xuống, lão nói thêm:

– ... Hình như chúng nó biết rõ tung tích mình!

Lan Anh lắc đầu:

– Vị tất nó đã biết. Mà cho nó có biết nữa thì sợ gì!

Trần Nghĩa lo ngại:

– Tuy vậy, ta cũng nên thận trọng. Vả, đối với hai việc trên, tiểu thư cần phải mưu đối phó cách nào bây giờ?

Lan Anh cúi đầu không đáp, hai mắt lim dim. Lão bộc cũng nín hơi. Thời khắc lạnh lùng qua.

Bên ngoài, tiếng gió lạnh xa xa từ phương Bắc thổi tới làm cho những góc ngò đồng càng thêm trơ trụi. Vẳng tanh không một tiếng chim kêu. Chẳng rõ trận cuồng phong nào đã thổi bạt chúng đi xa.

Trần Nghĩa vẫn yên lặng nhìn Lan Anh.

Mãi sau, nàng mới ngẩng lên, trong khóe hạnh long lanh một ý định dữ dội.

– Lão đi ngay, mời hết các thủ lĩnh... mời hết, nghe chưa... đến họp ở chùa Quốc Sư... Nếu hỏi việc gì, lão cứ trả lời rằng Lan Anh tiểu thư có điều khẩn cấp muốn bàn. Xế chiều rồi, lão mau chân lên nhé!

Trần Nghĩa cúi đầu lui ra.

Cửa mở. Giông tố thốc vào.

Đứng trơ lại một mình, Lan Anh bỗng nắm tay giơ lên như đe dọa vật vô hình. Nhưng, có lẽ trong trí nàng thoáng có sự thất vọng nào đó, nên cánh tay nàng lại từ từ bỏ thông xuống, vẻ mặt cực kỳ thảm đạm.

Nàng lẩm bẩm:

– Đặng Dung thoán ngôi!... Hấn dám coi thường thiên hạ giữa lúc đảng ta hoạt động, Chúa Chỗm về Thanh và...

Nàng bỗng rít lên:

– Chung quy chỉ tại Vũ Mật hai lòng!... Đấng Dung có chắc ở sự trung lập của Biều Vương mới dám ngang nhiên thế chứ gì!

Trời sấm tối. Những trận gió lùa vào kèo nứa, khe cửa nghe như những tiếng rên rĩ của oan hồn. Ngoài sân lá rụng ào.

... Sau lớp mi dài của Lan Anh, hai giọt lệ âm thầm đọng lại và lăn xuống hai gò má. Sau, nàng giẫm mạnh gót giày xuống đất, hăng hái nói:

– Không... Không nên... phải phẫn chấn mới được! Ta là dòng dõi tướng môn mà!

Rồi, Lan Anh gọi:

– Bay đâu!

Một tên thị mã chạy vào, kính cẩn.

Lan Anh truyền:

– Thắng con Điện Quang cho ta và chực sẵn ở cửa, nghe!

Thị mã vội vàng tuân lệnh.

Lan Anh nói một mình:

– Cái việc trừ tính bấy lâu, nay phải khẩn cấp thi hành mới được. Hai hôm nữa, Đấng Dung tiếm ngôi... Đêm thứ ba, ở kinh thành chắc thế nào cũng có dạ hội. Vậy thì đêm ấy... ta sẽ cho thành giặc biết tay!

Thị mã đóng xong ngựa, lên tiếng ở ngoài thêm. Lan Anh thất gươm, choàng áo khoác lên vai, mở cửa ra hè. Thị mã trao cương. Nàng nhảy lên yên, ra roi, chạy vụt vào bóng tối...

Phong vũ vẫn không ngớt. Những cây cối, phần nhiều trụi lá, như những con quỷ gầy guộc vươn lên nền trời ảm đạm, những cánh tay ngẳng nghiu. Lá rụng trên mặt đất rào rào như sóng vỗ...

Lan Anh cảm tạ gió mưa át hộ nàng những tiếng ngựa phi trên đường vắng.

Đến cổng chùa, nàng nhảy xuống yên. Một cái bóng người tự xó tối nhô ra, mấy tiếng thì thầm.

– Con chờ tiểu thư đã lâu... Mời tiểu thư vào!

Lan Anh ném cương cho Trần Nghĩa, rảo bước lên thêm.

Trong hầm các thủ lĩnh phản Mạc đông đủ cả, trừ những ai

bị cắt ra chỉ huy bọn canh gác bên ngoài. Các thám tử của Đặng Dung chắc đâu không bắt thần ủa đến.

Thấy Lan Anh, ai nấy vội đứng lên, vồn vã:

– Kính chào cô nương. Chẳng hay việc gì quan trọng thế?

– Quan trọng lắm, các ngài ạ! Trước hết là cái tin Đặng Dung sắp thoán nghịch.

Tiếng phản kháng nhao nhao. Những cặp mắt quắc lên, nảy lửa. Những bộ mặt rần danh càng dữ tợn.

– ... Lại nghe Đặng Dung mong manh biết tung tích của bọn mình.

Cử tọa xao xác.

Lan Anh vội tiếp theo:

– Điều này, tuy thế, không đáng quan tâm mấy. Thực ra thì nơi tụ họp của ta chẳng bao giờ nhất định, cách hành động lại cực kỳ bí mật, Đặng Dung dù có mong manh chẳng qua chỉ bắt bóng dè chừng. Duy có việc khẩn cấp, ta phải định liệu ngay...

Mọi người im phăng phắc.

Đứng vào khoảng giữa hai ngọn nến, Lan Anh tựa hồ trấn áp cả đám đông. Dưới ánh sáng lung lay, dung mạo nàng diễm lệ và uy nghi như một vị hùng vũ nữ thần.

– ... Cha tôi không may sớm mất, đảng phản Mạc thành ra khuyết người đầu mục. Con thuyền gãy lái e rồi không chống lại với phong vũ bất thường.

Hết thấy những bộ mặt hăng hái đều hướng về Lan Anh. Hết thấy những bàn tay gân guốc đều giơ lên như phát thệ. Hết thấy mọi người đều một lời:

– Trọng trách ấy, xin cô nương đảm nhận cho!

Lan Anh nghiêng mình tạ:

– Các ngài chẳng kỳ quản phận hèn nhi nữ, giao cho việc lớn. Lan Anh này thề sẽ hy sinh tính mệnh để đáp lại tấm lòng tin ấy.

– Còn chúng tôi cũng xin thề sẽ phục tòng mệnh lệnh của cô nương và tận trung với đảng.

Lan Anh bỗng chau mày nghĩ ngợi, sau nàng thở dài hỏi mọi người:

– Đấng Dung sở dĩ ngang ngược không coi ai ra gì, các ngài có rõ tại sao chăng?

– Chỉ tại lòng tham vô độ xui hấn làm liều...

– Tham lam đã đành rồi, nhưng chính vì có Vũ Mật a dua vậy!

Một tiếng kêu sừng sốt:

– Vũ tướng quân a dua với nghịch tặc?

Lan Anh đau đớn:

– Vâng, có ai học đến chữ ngờ!

Vừa nói, nàng vừa giở bức thư của Vũ Mật và đọc to lên để ai nấy đều nghe.

– Các ngài xem! Vì đã mua chuộc được Vũ Mật; Đấng Dung không lo gì về phương diện Biểu Vương nữa. Còn như đối phó với đảng ta và bọn Nguyễn Kim thì mấy mươi vạn tinh binh, voi trận kia. Đấng Dung chắc đã đủ dùng.

Nghe nàng kết luận, nhiều người hoặc vùng đứng dậy, hoặc mím môi, đấm tay xuống mặt bàn tỏ ý tức giận. Cũng có người ngao ngán cho nhân tình thế thái, lại cũng có người cảm động đến rân rấn nước mắt vì ngùi thương cho nỗi đau khổ của Lan Anh.

Vẻ tĩnh túc trong hầm lúc ấy biến thành một cảnh sôi nổi bất bình.

Lan Anh chống hai tay xuống bàn, cúi đầu suy nghĩ. Lửa lòng vừa dập tắt lại ngùn ngụt bùng lên.

Mọi người dần dần nín lặng.

Chỉ thỉnh thoảng, ngoài đêm tối, sấm sét rung trời chuyển đất. Trái tim Lan Anh càng đập mạnh, những tiếng thậm thịch như khua động cái tích mịch xung quanh. Nàng ngừng đầu, để một bàn tay lên ngực, lăm bắm:

– Thực không ai học đến chữ ngờ!

Một viên tướng già, ái ngại, toan kiếm lời an ủi thì tiếng ngựa phóng xa xa bỗng đâu lọt xuống hầm.

Mấy câu nói nhỏ:

– Bọn thám tử!

Tức khắc, mọi người đứng dậy, vây bọc lấy Lan Anh. Bao nhiêu mắt trừng trợn nhìn cả về phía cửa hầm. Bao nhiêu thanh kiếm tuốt ra, sáng loáng.

Ngựa phi mỗi lúc một gần. Lắng tai nghe, Lan Anh nhận:

– Chỉ có một!...

Viên tướng già kinh ngạc:

– Quái, bọn tuần tiêu đâu cả?

Ngựa lúc ấy, chừng đã vào tam quan, bốn vó nện xuống sân gạch Bát Tràng nghe rất rõ. Rồi, ngoài tiếng gió mưa bẽ bộn, cảnh đêm vụt chốc lại lặng ngắt như tờ. Người vừa đến chắc đã xuống yên.

Lan Anh đứng sững giữa hầm, dữ tợn. Trước mặt nàng: các đảng viên phản Mạc, như một bức thành, cùng nhau quả quyết đương với hết thảy mọi sự không ngờ.

Cửa hầm mở toang, Trần Nghĩa tụt xuống:

– Sứ giả của Biều Vương xin vào ra mắt tiểu thư.

– A! Thế hấn nói đúng khẩu hiệu chứ?

– Đúng.

– Cho hấn vào.

Trần Nghĩa thoát nháy ra ngoài, rồi một lát sau, lại trở lại, dẫn vào một người cứ nhìn quần áo và cái vẻ mặt thực thà ngớ ngẩn cũng rõ ngay là hấn sinh trưởng trên rừng.

Hấn tiến lại giữa hầm, tuyệt nhiên không có vẻ nhát sợ. Nhìn khắp các viên thủ lĩnh một lượt, hấn yên lặng chờ.

Lan Anh cất tiếng hỏi:

– Ai sai người đến đây?

– Người sai tôi có dặn nếu ai hỏi tôi câu ấy thì trả lời rằng tôi là sứ giả của rừng xanh.

– Người chỉ đem lời nói hay đem cả mật thư?

– Lời nói cũng có mà thư cũng có. Cô nương hỏi đến đâu, tôi sẽ đáp, trước khi đưa trình cô nương bức thư của chủ tôi.

– Được lắm, giờ ta hỏi người: quân Phố Cát sẽ dùng vào việc gì?

– Phù Lê diệt Mạc.

Lan Anh quát mắt, hỏi sẵng:

– Có thực thế hay sẽ giúp thêm vây cánh cho nghịch tặc?

– Cô nương ngờ thế tức là khinh mạn Đại vương tôi!

– Không phải ta dám khinh mạn Biều Vương, nhưng việc Vũ

Mật đầu hàng Đặng Dung, chắc người đã biết đấy.

– Sự đó quyết không thể sao tin được. Chắc cô nương bị lừa.

– Thì chính tay Vũ Mật viết thư dụ cha ta mà lại! Trần Nghĩa còn thấy đích hấn ngồi uống rượu với Đặng Dung.

– Ở đời, có lắm việc cứ trông bề ngoài thì ai cũng yên trí như thế này thế nọ mà kỳ trung lại trái ngược hẳn. Vũ tướng quân đã cùng Đặng Dung uống rượu. Vũ tướng quân đã viết thư về dụ Thái công nhưng ai dám chắc rằng đó không phải là một kế quyền nghi để cứu lấy tính mệnh của Trần Nghĩa?

Cử tọa gật đầu, khen phải,

Lan Anh tiếp:

– Người bảo có thư của Biều Vương, thư đâu?

Sứ giả, thò tay vào ngực áo, lấy chiếc phong bì màu vàng nhạt đưa cho Lan Anh.

Nàng mở thư, đọc:

Lan Anh tiểu thư.

Tôi rất đau lòng khi được tin Thái công tạ thế. Chao ôi! Thời ư? Mệnh ư? Thời, mệnh cơ sao khe khát với anh hùng, khiến cho nửa chừng sự nghiệp, chí cả đành vùi sâu dưới nắm đất vàng!

Thái công cùng tôi, tưởng còn có ngày hội kiến, nào ngờ giây phút đã cùng nhau vĩnh biệt!

Nhưng, nghìn thu công lệ, giai nhân danh tướng có hẹn cho ai thấu bạc đầu? Chí lớn tuy chưa thành mà gương trung liệt đủ cho đời soi chung, thì cái chết của bậc lão tướng cũng không phải là cái chết uổng.

Có phàn nàn là phàn nàn cho đảng phản Mạc rồi đây lấy ai đảm nhiệm công việc chủ trương. Có đau đớn là đau đớn cho tiểu thư không được thấy cái ngày thành công của người cha yêu quý vậy!

Lan Anh ngừng đọc. Nàng cảm xúc quá, cổ họng nghẹn ngào, hai giọt lệ long lanh tràn xuống má như hai giọt sương lướt trên đài lá sen.

Lặng lẽ. Cái lặng lẽ ngấm ngấm những thương, đau, tiếc, hận...

Nhưng, chỉ phút chốc rồi Lan Anh lại trấn tĩnh như thường. Nàng cất tiếng đồng dục, đọc nốt bức tâm thư:

... Tuy nhiên, chẳng phải Mạc nếu mất người đầu lĩnh giỏi mà vẫn còn người cộng tác trung thành; Lan Anh tiểu thư nếu mất người cha yêu kính mà vẫn còn người bạn già ngay thẳng thì tương lai phải đâu đã đáng ngả lòng? Các ngài và tiểu thư nên tin ở Uyên này. Ngờ vực nhau để lỡ mất việc lớn, đó mới là một sự tai hại.

Còn như việc Vũ Mật về bề với Đặng Dung, tôi dám cam đoan rằng đó chỉ là mưu gian của Mạc thị. Mà, phỏng thử em tôi có thay lòng đổi dạ chẳng nữa, thì chính tôi đây là người thứ nhất tố cáo và trị tội hẳn. Tôi xin viện thần minh chứng giám cho tấm lòng thành.

Đặng Dung bạo nghịch. Đối với thủ đoạn ấy của tặc thân, ta nên khẩn cấp hưng binh vấn tội. Tiểu thư và các ngài có ý kiến gì xin cho tôi biết ngay. Tôi hiện đang chờ hiệu xuất quân, dù có phải hy sinh em tôi, tôi cũng cam lòng. Danh dự nhà tôi còn bị mờ ám thì cái sống của anh em tôi chỉ là sống nhục.

Mong đợi hồi âm

Biều Vương thủ bút!

Bức thư của Biều Vương phát sinh trong tâm trí cử tọa một cái hiệu lực tốt. Ai nấy thở dài, cảm thấy như vừa cất được một cái vác nặng. Không những Lan Anh rất cảm kích mà hết thảy đều lấy sự ngay thẳng của Biều Vương làm cảm kích. Rồi, một mối hy vọng thiết tha đau đớn bỗng nảy ra, thay sự ngờ vực của Vũ Mật chỉ là một sự hiểu lầm nhau, một cơn ác mộng sẽ tan đi.

Nhất là Lan Anh lại cùng cố vói lấy cái hy vọng ấy, cũng như một người gần chết đuối cố vói lấy đoạn nứa trôi sông.

Nàng nghĩ thầm:

– Nếu bức thư và cái thái độ bất thường của Vũ lang chỉ là một mẹo quyền nghi để cứu Trần Nghĩa như lời tên sứ giả nọ!

Rồi, Lan Anh nhớ lại hình dung của Vũ Mật, cái vẻ uy nghi, lẫm liệt, cặp mắt chàng nhìn ngay thẳng và sáng như ánh nắng buổi trưa mùa hè, cái miệng chàng cười tươi như phô bày cả tâm sự nó làm cho khi mới gặp nhau, Lan Anh đã luyến mộ chàng một cách nồng nàn. Con người như thế lẽ nào tráo trở được! Nếu không thì nhân loại chẳng là một giống vật ghê gớm lắm sao?

Một tiếng dặng hắng của tên sứ giả nhắc Lan Anh nhớ đến thực tại.

Nàng ngẩng nhìn, bảo hẳn:

– Giờ cho người hãy ra ngoài cơm nước, nghỉ ngơi rồi mai đi sớm.

– Đa tạ cô nương. Chủ tôi đang mỏi mắt chờ, xin cô nương và các tướng lĩnh để tôi đi ngay mới kịp. Con nhà võ ăn ngủ trên lưng ngựa là sự thường.

Nói đoạn, sứ giả cúi chào và toan lui gót.

Lan Anh gọi với:

– Hãy khoan. Người về Phố Cát, nhớ trình với Đại vương rằng: “Chỉ mấy hôm nữa Đãng Dung sẽ cướp ngôi nhà Lê. Đại vương nên tức khắc đem quân về kinh ứng viện cho bản đảng, thì việc lớn mới mong thành được. Hiện quan Thái tử Nguyễn Kim phò Hoàng tử Duy Ninh về hỏi tội nghịch thần, binh kéo đã khỏi Thanh Hóa rồi. Dịp may hiếm có, Đại vương chớ để lỡ”.

Các tướng lĩnh nghe nói lấy làm hăm hở, đồng thanh:

– Ba mặt đồn lại, Đãng Dung có tài thánh cũng không sao đương nổi!

Lan Anh tiếp;

– Người nhớ nhé. Lúc này thì ta giữ người nhưng giờ chính ta khuyên người “đi ngay”.

Sứ giả cúi chào lần nữa đoạn cùng Trần Nghĩa ra khỏi cửa hầm.

Phút chốc, Lan Anh và các tướng lĩnh lại nghe tiếng ngựa phi nhanh trên mặt đất, mỗi lúc một xa.

XIV

Xưa nay, các hung tin truyền đi thường nhanh chóng một cách bí mật. Hình như có cái ma lực gì đó nó cuốn những lời đồn thổi vào trong một cơn lốc điện, đưa đi khắp nơi để gieo rắc sự hãi hùng.

Việc dự định của đảng phản Mạc kín đáo là thế, những cách hành động của Biều Vương và Nguyễn Kim xa xôi là thế, vậy mà, không hiểu sao, nhân dân kinh thành đã biết rõ cả.

Những tin đồn cứ như nước bể dâng lên, tràn ra trong nháy mắt rồi biến thành những chuyện ghê gớm, vô nghĩa lý. Gặp những

trường hợp ấy, sự thực bao giờ cũng bị mất tăm dưới những câu bịa đặt ngu xuẩn mơ hồ, khiến cho dân tâm càng xao xuyến lạ thường.

Như nói Nguyễn Kim, ở Lào về, chỉ còn cách xa kinh thành độ hai ngày đường nữa thì tới, đem theo hàng nghìn voi trận, sĩ tốt dùng thuẫn tên độc, giết người một cách khốc liệt chưa ai từng thấy.

Lại nói Biều Vương cũng đã kéo quân ra khỏi Hùng Quan, mưu sĩ phần nhiều là những tay thầy Mương, thầy Mán, pháp thuật cao cường.

Ngay về các đảng viên phản Mạc ở kinh thành, gần gũi với họ nhất, dân chúng cũng huyền truyền lắm âu phàm người hơi có suy xét chẳng ai tin được.

Nhưng, sự khủng khiếp có suy xét bao giờ!

Dân kinh thành nhao lên, mắt luôn luôn nhìn bốn góc trời, nơm nớp như bất kỳ lúc nào cũng có thể xảy ra được những tai nạn phi thường.

Chính Mạc Đăng Dung cũng phải bồn chồn. Những lời thiên hạ nói không đủ làm cho Đăng Dung tin cả, nhưng y vẫn có cái cảm giác chắc chắn rằng một sự gì quan trọng đang ngấm ngấm dự bị trong bóng tối và sẽ bất thời tung ra như sét đánh.

Bọn thám tử, y sai đi các nơi, chưa một tên nào về. Sự chậm trễ ấy càng khiến Đăng Dung lo ngại bản khoản. Tình thế đã gay go lắm, không thể chờ đợi được nữa, tất nhiên là phải tìm hết cách để tránh cơn phong vũ nọ.

Khốn thay, kinh thành là nơi rất trung với nhà Lê. Vây cánh của Đăng Dung tuy nắm hết quyền binh trong tay mà kỳ thực vẫn là số ít. Đăng Dung thừa biết rằng nếu cơ hội đến, dân chúng sẽ lật phăng cái mặt nạ ngày thường, chẳng ngần ngại gì để cho kẻ quyền gian thấy rõ chân tướng.

Nội tình như thế. Thêm ba mặt quân thù kéo đến Đăng Dung chỉ hở cơ một tí là nguy ngay. Binh lực của y mạnh thực nhưng không sao đủ ứng phó với các nơi, chưa nói lâm thời đàn áp nhân dân là khác.

Đăng Dung tức khắc cho vời các bè đảng vào tướng phủ bàn việc. Vì, lâm sự, hấn bao giờ cũng tỏ ra người quyết đoán, biết rõ cái bí thuật của sự thành công là phải mạnh bạo thực hành và đi thẳng tới mục đích vậy.

Khi văn võ các quan ai nấy ngồi yên, Đãng Dung nói ngay rằng:

– Hiện tình mỗi lúc một nghiêm trọng, việc binh qua không chừng xảy ra trong sớm tối. Các ngài nếu không hết lòng cùng tôi lo kế vện toàn e rằng giậu đổ bìm leo, tôi mà bị khuynh phúc, các ngài tất không giúp vực người đã làm cho quyền chức mình tôn trọng, thân gia mình vẻ vang, việc ấy tôi tưởng là nghĩa vụ chung của các ngài thì phải.

Trước cái lý danh thép ấy, mọi người đồng thanh:

– Kẻ làm tôi ăn lộc chủ, lẽ phải hết lòng thờ chủ. Nguyên soái có điều sai khiến, chúng tôi dù nhấn mình vào nước sôi lửa bỏng cũng không dám từ.

Đãng Dung gật đầu:

– Ủ, các ngài biết như thế, bọn soái rất lấy làm vui lòng. Nhưng, đối với sự khó khăn lúc này, các ngài có phương sách gì hay chăng?

Nguyễn Kính đứng lên, nói:

– Cứ như ý ngu tôi thì cái mưu diệt họ Lê, Nguyên soái nên thực hành ngay, như đã cùng nhau bàn định. Những kẻ kinh địch của ta sở dĩ dám nho nhoe là đưa vào cái danh nghĩa phù Lê. Nay nhà Lê bị đứt họ Mạc chính thức làm chủ thiên hạ, bọn chúng còn mong nổi gì?

Hoàng Duy Nhạc, bộ tướng cũ của Trần Trân, cũng đứng lên họa theo:

Nguyễn quân nói chí phải. Thiên hạ không là của riêng ai. Người nào có đức lớn thì được. Con cháu nhà Lê, từ Uy Mục trở xuống, đều tham tàn dâm dật, khiến cho lòng người oán giận, ngôi báu mất tôn, để ngày nào thêm loạn ngày ấy mà thôi. Chi bằng Nguyên soái trước hết hãy chính vị Thiên tử, mở ra một thời đại mới cho trăm họ cùng được chịu ân sâu. Các loạn đảng khi ấy, dù không đánh dẹp, tự khắc phải tan.

Đãng Dung lắc đầu, cười:

– Các ngài tính thế không xong rồi. Người ta sở dĩ ghen ghét chỉ vì thấy tôi quyền khuynh thiên hạ. Nếu giữa lúc này tôi lại lên làm vua, cái lý của bọn phản đối chẳng thêm cứng lắm sao? Việc phế lập, các ngài đã định, thế nào cũng phải tạm hoãn.

Nguyễn Kính đáp:

– Nguyên soái chiếm ngôi nhà Lê, những kẻ ghen ghét có

chỗ nói đã dành. Nay, phỏng thử vua Lê tự nhường thiên hạ cho Nguyên soái, tôi tưởng chẳng ai còn dị nghị được.

– Ông nói thế nào, tôi không hiểu.

– Nghĩa là việc phế lập sẽ không do tự Nguyên soái ép uổng vua Lê.

Đặng Dung càng ngạc nhiên:

– Chẳng lẽ vua Lê vui lòng nhường ngọc tử cho ta.

– Vui lòng hay không, sự đó không quan hệ. Chỉ biết rằng ngày mai, trước mặt trăm quan, vua Lê thế nào cũng mời Nguyên soái ngồi lên ngai vàng.

– Ô!...

– Nguyên soái là bậc thông minh trác tuyệt, lý nào không hiểu rõ điều ấy? Ta cứ thảo phăng tờ chiếu nhường vị đem vào cung, ép vua Lê chuẩn y rồi ban bố cho thiên hạ rõ. Bây giờ mới gần hết Thìn, sang Ngọ, việc của ta đã xong được một nửa. Còn một nửa dành đến buổi chầu sớm mai.

– Đại ý tờ chiếu ấy...

– Để tôi thảo ngay, trình Nguyên soái xem trước.

– Ừ, ông thử viết tôi coi.

Nguyễn Kính sai đem giấy bút lại rồi, chỉ giây lát, hấn đã làm xong bản án vua Lê tự diệt nhà Lê và đọc to để Đặng Dung nghe:

Hoàng đế là người vâng mệnh Trời coi trị muôn dân. Ngôi rồng là của thiên liêng rất quan hệ đến sự nguỡng chiêm trong bốn bể.

Vậy mà từ khi cầm quyền, Trẫm tự xét mình đức bạc, tài hèn, khiến cho thiên hạ loạn lạc, dân chúng lâm than, thực không xứng với trọng trách. Trẫm hổ thẹn vô cùng.

Hoàng thái hậu lại cũng chẳng đáng bậc mẫu nghi của nước. Trong khi lâm triều dự chánh, vì Thái hậu làm lẫn mà công việc thêm rối bời để dư luận phải hoài nghi.

Mẹ con Trẫm, xem vậy, lỗi với giang sơn xã tắc biết chừng nào!

May thay! Còn có Nguyên soái Mạc Đặng Dung tài đức rõ rệt, cử chỉ nghiêm trang, từ khi giúp Trẫm, đã từng nhiều phen bát loạn an dân, lời khen tiếng tốt vang khắp mọi nơi, thực là người đáng nối ngôi tôn, thay Trẫm làm vua.

Vậy Trẫm nhất định nhường trọng trách cho Mạc soái để thỏa lòng ngưỡng vọng trong ngoài.

Giữa lúc thời thế nhiễu nhương, sinh linh đồ thán này, cần phải có một ông vua tài năng, minh chính và quả quyết ngỗ hầu mới giữ nước nhà được bình trị trăm họ được yên vui sung sướng. Ông vua hoàn toàn ấy, Trẫm tin chắc rằng Mạc soái có thể làm được.

Tờ chiếu này, khi đã ban bố ra rồi, ai tuân theo ấy là kẻ trung vua yêu nước; ai không tuân sẽ bị liệt vào hạng nghịch mệnh Thiên tử, tội đáng tru di. Còn những kẻ mượn tiếng phù Lê tự gây ra việc binh tranh, ấy tự Trẫm cũng coi là thù địch vậy.

Than ôi, can qua lưu huyết, đó là cái thảm họa của loài người. Quyền vua mà phải dựa vào việc thất đức ấy mới được tôn trọng thì dù có, Trẫm cũng chẳng lấy làm hả lòng.

Con dân khá vui theo ý Trẫm!

Đặng Dung gật đầu, khen ngợi:

– Văn chương danh thép lắm! Mà làm như thế chắc không ai còn nói vào đâu được nữa. Tuy vậy, Nguyễn Kim ở Thanh Hóa đến, Vũ Uyên tự Phố Cát về, đồng đảng của Thái Bạt thì chỉ đợi thời gây loạn các việc ấy ta cần phải ứng phó một cách chắc chắn đã.

Duy Nhạc nói:

– Đối với Nguyễn Kim, tiểu tướng đã có ý định.

Đặng Dung vội hỏi:

– Thế nào?

– Bẩm, chỉ một khố nhục kế của Hoàng Cái đời Tam quốc bên Tàu là đủ.

– Ừ, hay! Nhưng ai vì ta chịu lấy sự đau đớn bây giờ?

Dương Chấp Nhất đứng lên.

– Tôi! Ngày mai, giữa triều đình, tôi xin đứng ra phản đối việc phế lập. Khi ấy, Nguyễn soái giả dạng bất bình, sai vật cổ tôi xuống đánh cho thực đau và đuổi ra. Tôi sẽ vào Thanh đầu hàng với Nguyễn Kim. Nếu hấn tin dùng thì, chỉ một liều thuốc độc, tôi sẽ vì Nguyễn soái trừ một kẻ phản đối khả kình.

Đặng Dung cảm động:

– Tướng quân có lòng như thế, Đặng Dung này lấy gì báo đáp cho phu?

– Nguyên soái chớ nên do dự để hỏng việc; sau này, chúa tôi hội ngộ còn nhiều.

Duy Nhạc lại nói:

– Giờ đến lượt Vũ Uyên.

– Phải đấy, ông có diệu kế chưa?

– Bẩm đã.

– Ông nói tôi nghe.

– Vũ Mật hiện ở trong tay ta, anh nó dù muốn cũng chưa dám cùng ta sinh sự. Nhân cơ hội này, Nguyên soái nên viết thư giảng hòa với Vũ Uyên. Thế nào thằng Mán ấy cũng phải nhận. Về mặt Phố Cát thế là không lo gì nữa.

Đặng Dung cười:

– Bấy giờ đem toàn lực tiêu trừ bọn Thái Bạt, nhờ cho tiết cái mầm loạn bên mình đi. Hay! Hay lắm! Đã có những mưu sĩ như Trương Lương, ta lo gì chẳng làm xong cái sự nghiệp Hán Cao Tổ!

Dứt lời, Đặng Dung bỗng trở nên mơ mộng, tia mắt buông chìm vào không gian như đuổi theo một cảnh tượng rõ ràng.

Hồi lâu, nhìn lại Nguyễn Kính, Đặng Dung hỏi:

– Giờ nào rồi?

Nguyễn Kính đáp:

– Đã gần đứng bóng rồi, chừng cuối giờ Ty.

– Vậy phiền ông vào cung cho.

Nguyễn Kính vâng lệnh, trở ra.

Đặng Dung, quay lại bảo Duy Nhạc:

– Muốn đề phòng những sự biến cố có thể xảy ra khi chiếu nhượng vị ban hành, Tướng quân nên cầm cờ lệnh ra ngoài truyền cho các tướng tá phải nhất khắc động binh. Bao nhiêu voi trận phải túc trực ở Ngọ môn. Kỵ binh phải dàn theo hai bên con đường từ Ngọ môn về tướng phủ. Bộ quân thì bày ra trấn khắp bốn mặt thành. Trên là hàng thượng tướng, dưới là tên mạt tốt, hết thảy đều phải đem theo lương thực khí giới như khi đi trận xa, vì từ giờ Ngọ hôm nay tới khi có lệnh mới, không được bỏ chỗ đứng.

Riêng phần Tướng quân nên lĩnh một đạo du kích, tuần tiễu khắp các nơi, tra xét kẻ qua lại để giữ trật tự trong kinh thành.

XV

Nửa đêm hôm ấy, trời tối như mực. Dọc hai bên con đường vắng tanh, lặng ngắt chạy từ soái phủ đến Ngọ môn, hàng hà sa số đèn lồng xanh đỏ, lấp loáng trong những đám lá cây, như từng chuỗi minh châu dính trên nền nhung đen sẫm.

Trên Ngọ môn, ánh lửa càng nhiều. Giữa muôn nghìn hạt dạ quang ấy, một bức hoành sáng rực bốn chữ “*Thụ Thiên Vĩnh Mệnh*” treo lơ lửng, xa xôi như một cái dấu hiệu thiêng liêng của Thượng đế.

Dưới ánh sáng lờ mờ ngũ sắc, sĩ tốt dàn ra hai bên đường, sát cánh nhau, làm thành hai bức rào kín mít. Các tướng tá vận toàn đai nhung trang; những đai, mũ, gươm, giáp lập lòe, vị nào cũng uy phong lẫm liệt, tưởng đâu các thiên thần vẫn tung mây thét gió, giờ có lệnh phải đứng im. Về tĩnh túc ấy càng làm cho cái cảnh tượng kỳ dị kia thêm huyền bí.

Xa xa, lấp trong bóng tối, dân chúng, tuy vẫn e sợ, cũng cố chờ xem. Sự đợi chờ lặng lẽ mà kỳ trung đầy thốc mách say sưa đối với việc phi thường sắp xảy ra và rất quan hệ tới lịch sử.

Thì đây, người cầm đầu thời cục có lẽ sắp hiện ra. Các tướng sĩ đang tĩnh tịch bỗng ào ào dạt như đàn dê thoảng thấy hơi hùm. Rồi, chiêm trống âm âm nổi dậy. Rồi, cổng phủ mở rộng.

Một bọn lính, nón sơn áo nâu, cầm cờ tuyết mao, cờ ngũ hành, cờ tứ linh, cờ bát quái ra trước. Theo sau, bọn chấp kích đem những võ khí như: gươm trường, bát cữu, dùi đồng, phủ việt, biển *tĩnh túc*, biển *hổ tị* và ở giữa đám, một cái biển lớn hình bầu dục đề mấy chữ *Chính Đại Quang Minh*. Ban nhạc cử khúc quân thiều. Tiếng gọi hùng tráng ấy làm cho hồn thượng võ binh gia nao nao rung động.

Mạc Nguyên soái ra sau cùng, ngồi trên mình con bạch tượng lớn. Hai bên, những tàn vàng, tán tía và chùng hai chục thị vệ, đi kèm, mỗi tên cầm một chiếc đèn lồng đỏ.

Đấy! Người sắp làm chúa tể thiên hạ! Uy nghiêm thay! Hùng vĩ thay!

Trong phủ, ngoài đường, ức vạn bó đuốc nhất thời bùng cháy. Quân sĩ cúi rạp, tung hô: “Nguyên soái vạn tuế!”

Đám rước cứ thẳng đường tới Ngọ môn. Dưới ánh hồng lấp loáng qua những trận bão hoan hô ...

Tới cổng Hoàng thành, Đãng Dung vẫn được cổ võ nhiệt liệt như ở dọc đường. Hấn ngẩng mặt, lắc đầu. Tiếng reo “Nguyên soái vạn tuế” chùng hấn chưa lấy làm đủ thích như “Hoàng đế vạn tuế” vậy.

Ổng lệnh nổ. Trống chiêng gióng ba hồi chín tiếng. Voi trắng quỳ, Đãng Dung nhẩy xuống. Hoàng môn quan phủ phục tiếp nghênh.

Mấy mươi vạn tinh binh lúc ấy đã khéo đến sắp hàng trước Ngọ môn. Các tướng tá cũng xúm lấy chủ soái, tỏ ý trung thành hộ vệ.

Đãng Dung truyền cho ai nấy lắng tai nghe, đoạn cất tiếng nói:

Binh sĩ các người,

Đức Hoàng đế vừa giáng chiếu nhường ngôi báu cho ta.

Nghĩ mình cô lậu, ta đã tam thứ khước từ không được, vậy phải vâng theo đế mệnh, cũng mong sẽ tạo phúc cho nhân dân.

Mấy năm nay, chính sự trong nước rối bời, số phận bách tính cực kỳ nguy khổ? Khi ta lên ngôi rồi, trăm họ sẽ có thể hy vọng vào ta được. Là vì những nỗi đau đớn kia ta đã hiểu rõ lắm.

Nhưng, muốn đạt mục đích cao thực hành công cuộc lớn ta cần phải có nhiều người giúp đỡ trung thành.

Hỡi các binh sĩ! Ta làm vua, nhưng thực ra, đối với các người, ta vẫn là một vị chủ soái công minh; các người nên hết lòng phù trợ một cách cương nghị, tận tín như các người vẫn giúp ta từ trước đến giờ.

Phàm kẻ nào muốn ngăn trở việc trị an và sự hưng thịnh chung, các người phải coi là tử thù, thề trừ khử cho đến tiệt.

Chiến thắng, hợp nhất, thái bình, ba tiếng ấy tức là khẩu hiệu của ta và của hết thảy các người, vì nó sẽ đưa nòi giống Việt Nam đến bờ hạnh phúc cũng như nó sẽ đưa Tổ quốc Việt Nam lên cõi vinh quang.

Đãng Dung vừa nói dứt lời, binh sĩ đồng thanh reo mừng như sấm. Những lời hiểu dụ ấy chính là lời tuyên chiến với hết thảy kẻ nào đi ngược quyền lợi của dân. Mà, đối với lời tuyên chiến, binh gia có bao giờ không náo nức hoan nghênh vậy.

Bỏ mặc quân lính với sự ồn ào, Đãng Dung dẫn các tướng tá vào triều.

Trước những cái cử động hùng hồ ấy, trăm quan đều ngơ ngác nhìn nhau. Cung hoàng lại càng sợ hãi lắm, vừa thấy bóng họ Mạc đã vội xuống ngai đón rước:

– Khanh chẳng để Trẫm phải chờ đợi, thực là người biết tôn trọng mệnh vua. Tờ chiếu nhượng vị Trẫm vừa ban hành buổi trưa hôm nay, đã nói rõ hết ý Trẫm. Vậy Nguyên soái nên coi giang sơn xã tắc làm trọng, thay Trẫm trị vì, có đem tài năng thi thố, mở cho muôn dân một thời đại thái bình hưng vượng hơn ngày nay.

Đặng Dung giả cách khiêm tốn, chối từ một lượt cuối cùng nữa. Nhưng, Cung hoàng đã cởi long bào khoác lên mình hấn, đem ấn ngọc trao cho và dất hấn ngồi lên bảo tọa.

Nhã nhạc nổi. Đặng Dung chính vị Thiên tử, đổi hiệu là Minh Đức và sắc trăm quan xuống thêm lay mừng.

Bỗng một vị đại thần lớn tiếng nói rằng:

– Thằng giặc Đặng Dung kia, mày dám bạo thiên nghịch địa thì ta đây cũng có gan giết mày để trừ vạ lớn cho quốc gia!

Vừa nói, vị đại thần vừa cầm hốt sấn lên đánh Đặng Dung. Hấn cả giận, thét võ sĩ bắt, mới hay là quan Ngự sử Lại Kim Bằng.

Đặng Dung căm giận:

– Ta lên ngôi ngôi báu chính vì phải tuân theo chiếu chỉ. Mày là đứa nào mà dám công nhiên nghịch mệnh trời, làm nhục đấng tân quân? Dao phủ đâu? Chém cổ thằng già đi cho Trẫm!

Võ sĩ dạ ran rồi, một lát sau, đầu Kim Bằng đã lăn lông lốc giữa sân rồng.

Đặng Dung bảo các quan:

– Ai dám phản đối sẽ phải giết chết như Kim Bằng.

Văn võ thất sắc, đã tưởng không người nào dám thở câu gì nữa thì Dương Cháp Nhất đã vừa nháy ra:

– Hoàng thượng tuy có sự lỗi lầm, nhưng ơn đức của nhà Lê còn thấm nhuần tới trăm họ. Đặng Dung bỗng chốc tiếm vị xưng hiệu, muốn theo gương Thảo, Mãng chăng?

Đặng Dung vỗ tay xuống long án:

– À Dương Cháp Nhất cứng cổ! Mày muốn thử xem gươm ta có sắc đó chăng? Ta nghĩ thương mày là một võ tướng có công, chưa nỡ giết, nhưng hãy cho mày trăm trượng để từ sau chừa nói càn.

Trước thềm rồng, dưới cặp mắt hoảng hốt của trăm quan. Dương Chấp Nhất luôn mồm chửi bới Mạc Đăng Dung mà kỳ thực vẫn mừng cho khổ nhục kế.

XVI

Các dinh thự, các tư gia trong thành được lệnh phải treo đèn kết hoa để giúp thêm vẻ long trọng cho lễ đăng quang hôm ấy. Những trò vui như chọi gà, hát hội, trống quân, cờ bỏi bày ra rất nhiều, dân chúng, dễ oán mà cũng dễ quên, thấy hội hè náo nhiệt, ùa nhau đi xem như nước lũ. Những xe cộ chạy ngược chạy xuôi, những vồng giá ghênh ngang giữa đám đông, cười nói, cảnh tưng bừng làm cho ai nấy quên bẵng những sự nguy biến có thể thành linh xảy đến. Binh lính cũng được lệnh ra chơi phố, trừ bọn nào phải canh gác bốn mặt thành. Là vì từ lúc chiếu nhượng vị ban bố cho tới khi Minh Đức Hoàng đế thay ngôi nhà Lê, tình hình yên lắm. Trừ sự phản kháng lẻ loi của mấy vị lão thần, không đâu thấy xao xuyên cả. Sự đắc thắng dễ dàng ấy khiến vua tôi nhà Mạc tự cao tự đại mà việc phòng bị dần dần lỏng lẻo.

Vào khoảng gần nửa đêm, giữa lúc trời nổi cơn gió lớn, ai nấy bỗng giật mình, vì thấy về phía kho lương có ngọn lửa bốc cao. Thoạt tiên, người ta cho là ai sơ y để lửa bén lên mái nhà đó thôi; nhưng, một lát sau, lửa cháy càng to, lại lan ra nhiều chỗ như bình khố và các dinh thự lớn. Khói tàn cuộn cuộn bốc lên cao như những dòng thác lửa cháy dồn vào một cái vực vô biên vô tận. Rồi trong chốc lát, kinh thành biến ra một cái bể lửa. Ai nấy biết là có biến vội xô nhau chạy, tiếng kêu gào, tiếng quát tháo nổi lên như sóng cồn. Hoàng Duy Nhạc dẫn quân tuần tiễu chạy gấp vào cung. Ngang đường, thấy một đám đang kéo nhau tiến về phía cổng thành Nam. Hấn vội gọi:

– Hãy thông thả!

Tức khắc đám kia đứng lại. Duy Nhạc hỏi viên tướng đi đầu:

– Đã có ai vào cung cáo biến chưa?

Nhạc vừa dứt lời, một lưới gươm lòe sáng đã chém hấn ngã quay xuống đất. Bọn quân tuần tiễu hoảng kinh, bỏ chạy tán loạn, nhưng sau cũng bị đám đông kia bổ vây giết sạch.

Viên tướng vừa chém xong Duy Nhạc cất tiếng nói to:

– Anh em, mau phá công thành cho các đồng chí.

Lửa trong thành vừa bốc ở bãi đất hoang chung quanh chùa Lý Quốc Sư, trong đám sậy rậm rạp, một tiếng còi bỗng lạnh lạnh, kế đến tiếng lá động sột sạt, tiếng gươm va nhau, phục binh mọc lên như ma quái hiện hình. Tiếng hô:

– Ông Trần đã chiếm được cổng Nam, ta kíp vào thành trợ lực!

Phục binh hò reo chạy ùa lên. Trần Nghĩa từ trên chòi gác nhảy xuống, dẫn đường cho đồ đảng.

Nhưng, lúc tới Ngọ môn thì lệnh tụ tướng của Đặng Dung đã phát ra rồi. Binh sĩ đã sẵn sàng ứng chiến; dùng tên nổ bắn ra như mưa. Quân cần vương phần thiếu đất dàn trận, phần bị thương tích rất nhiều ai nấy chỉ còn một ý nghĩ là mau mau chạy lộn ra ngoài.

Chẳng ngờ, những tiếng: “Giết! Giết cho hết loạn đảng” bỗng âm âm nổi lên ở phía sau. Một đại đội kỵ binh từ góc Tây sấn lại như bão táp, chặt đứt lối ra của các đảng viên phản Mạc.

Cuộc xung đột trở nên khốc liệt phi thường như những trận huyết chiến gớm ghê tận đời cổ mà dân gian còn khẩu truyền lại. Sự phần nộ của hai bên đều tới cực điểm. Tướng, sĩ như say vì hơi máu, vì những tiếng gươm đao xô sát cứ chém giết bừa đi, chém giết nhau một cách sượng khoái như đàn ác thú, càng thấy kẻ thù ngã càng thêm hăng, càng thấy xác chết ngổn ngang trên mặt đất, sự thù oán nhau càng vô hạn lượng.

Quân phản Mạc hết đường tháo lui, mà cự địch thì không thể sao cự địch nổi với số đông. Giữa thời khắc cuối cùng đó, giữa lúc cái công cuộc phản kháng Đặng Dung hầu bị vùi lấp dưới đám thây chết bẽ bộn nọ thì quân Mạc tự tách ra làm hai như quả lựu chín, láo nháo kinh hoàng.

Theo con đường máu, Lan Anh, phần bị thất vọng, phần căm giận, hăng hái xông vào trong vòng vây, kéo theo một toán giáp binh tinh nhuệ. Tiếng hoan hô vị nữ tướng oanh liệt, đã phải dẫm lên thây chết để mở đường sống cho cảnh bại quân nổi lên âm âm. Lan Anh quát to, át cả tiếng sát phạt.

– Hỡi các dũng sĩ! Quân thù bố vây tứ phía, bọn ta như hùm thiêng mắc cạn rồi! Nhưng, các dũng sĩ hãy nên tỏ cho quân thù biết mình là thế nào. Hãy mau theo ta. Tiến! Tiến

Lan Anh thúc ngựa lăn xả vào đám quân Mạc. Các dũng sĩ phấn chấn ùa theo.

Đặng Dung đứng trên địch lâu quan chiếu, thấy Lan Anh xông xáo như vào chỗ không người, vội quay lại hỏi tả hữu:

– Tướng nào mà giỏi thế?

Có người biết, tâu rằng:

– Tâu bệ hạ, tướng đó là con gái Thái Bạt, tên gọi Lan Anh.

Đặng Dung ngạc nhiên.

– Con gái mà như vậy ư? Thái Bạt, có con tài giỏi thực không uống công sinh dưỡng. Chỉ thẹn riêng cho tướng sĩ của Trẫm không bằng một kẻ nữ nhi!

Nói xong, Đặng Dung hạ lệnh điều khiển tượng binh.

Mấy thớt voi trận, từ lúc đầu vẫn chực sẵn một chỗ khuất, vội kéo ùa ra. Thân người bị tung bổng lên như những hình nhân giấy. Xương gãy nghe răng rắc, thịt máu rơi bời. Cuộc xung phong càng bội phần thảm khốc.

Tám lần, cố phá vòng vây, tám lần bọn dũng sĩ bị xô trở lại.

Lan Anh, Trần Nghĩa và các đầu lĩnh phản Mạc tuy táo bạo phi thường mà công phấn đấu rút lại vẫn là công uống. Binh sĩ ngã lòng, không muốn đánh nhau một cách vô ích làm gì.

Mặc dầu, Lan Anh vẫn còn liều gắng một phen cùng tận nữa. Tập hợp những người kiên quyết nhất. Lan Anh tổ chức thành một đoàn cảm tử rồi cứ nhè chỗ nào quân Mạc xúm đông là lăn vào, tránh tên đạn và voi trận.

Ngạc nhiên vì sự phản công bất ngờ đó, quân Mạc giạt ra.

Cái ý định của Lan Anh có thể thay đổi hẳn kết liễu của trận tranh hùng. Các đầu lĩnh thấy cơ đối thua làm được, đến lúc lòng muốn lợi dụng sự thắng thế hợp thời và vô vọng ấy. Khốn thay! Quân sĩ đã mất hết nhuệ khí, không thể giúp cho sự cố gắng thù tư của những người cầm đầu. Thành ra quân Mạc có đủ thời giờ tổ chức lại. Hồ thẹn vì đang thắng hóa bại, càng hổ thẹn vì, trước mặt chủ tướng, đã bị một người con gái khinh thường, mọi người bất thần liều chết nhảy vào đánh giết, và sau một trận giáp lá cà kinh khủng, họ dồn được bọn Lan Anh vào một thế tối nguy.

Mạc Đăng Dung Thái tử, đã tạm dẹp xong những đám cháy dữ nhất bấy giờ, cũng đem quân lại trợ chiến!

Lúc này bọn Lan Anh thực không đường sống. Nàng tính chỉ còn một cách là dù không thắng nữa thì ít ra cũng phải làm cho kẻ thù một phen liếng xiếng mới nghe.

Quanh nàng và các đồng chí, đối phương như một bức thành kiên cố. Bức thành ấy, Lan Anh quyết đập cho kỳ đổ.

Thiếu nữ tìm chỗ vắng voi, xông vào giữa địch quân, hai thanh gươm tung hoành, nhấp nhánh tựa tuyết sa.

Bên địch quả nhiên phải giạt ra cho nàng chạy.

Đăng Dung cảm tức, hét:

– Bắt cho kỳ được con yêu quái cho ta!

Một viên tướng Mạc, chừng muốn khoe tài, vội cản đường Lan Anh.

Nàng quát to:

– Thát phu muốn bỏ đời!

Một nhát gươm lia. Đầu tướng Mạc vệt nửa.

Dưới ánh sáng đỏ rực của những đám cháy sót lại, qua các con đường lờ mờ, một cuộc đuổi nhau tán loạn.

Lan Anh lo sợ vì nghe trống hiệu đóng cửa thành gấp lắm. Nàng đang ra sức chạy, bỗng tái hấn sắc mặt, buột miệng kêu:

– Vũ lang!... À quân phản bạn!

Thế rồi nàng ngã lăn xuống đất, một vết thương đâm suốt ngang lưng...

Cuộc truy nã kéo dài cho đến sáng. Sáu trăm dũng sĩ bị bắt sống! Hơn một nghìn chết giữa trận tiền.

Trên biểu vinh quang, Đăng Dung được ghi thêm một sự đặc thắng lẫy lừng.

Đăng phản Mạc từ đây không còn hy vọng tập hợp được nữa.

XVI

Từ sau lúc Đăng Dung trở ra, Vũ Mật chỉ còn một ý nghĩ: nhờ tên lính bí mật kia mà thoát khỏi chỗ lao tù.

Tâm hồn chàng như một cái hang sâu được chút ánh dương lọt tới. Chàng tưởng tượng thấy mở ra trước mặt một con đường rộng rãi, sáng sủa, con đường lát trăm nghìn thứ hoa tươi đẹp, con đường chạy thẳng về cõi tự do.

Hy vọng của chàng như mảnh than hồng gần vạc, bỗng được luồng gió thổi bùng lên. Qua một phen thất vọng, chàng thấy cuộc đời càng tốt đẹp vô cùng. Chàng chỉ sống với sự mong chờ: Ra khỏi nơi giam tỏa. Sự mong chờ hện cho chàng những cái vui sướng đến nỗi giá lúc ấy chàng được toại chí, thì dù đối với kẻ thù thứ nhất của chàng là Đăng Dung, chàng có lẽ cũng không oán giận chút nào. Chàng tưởng có thể vơ cả vạn vật vào lòng mà âu yếm, nâng niu. Rồi, cái cảnh quê nhà thăm thẳm, những cỏ hoa, chim thú, làn suối trong xanh, bóng cây mát rượi, mỗi vật gợi cho lòng chàng một sự tiếc nhớ nấu nung. Ánh sáng mặt trời rực rỡ khi xưa, chàng nhận thấy rằng không thể nào thiếu được, nếu không thì linh hồn chàng sẽ thành ra một khối băng lạnh.

Ròng tự cửa sổ xuống, cái quang cheo nhỏ dựng năm cơn hăm với khúc cá kho chạm phải vai chàng. Vũ Mật giật mình tỉnh mộng. Liếc mắt nhìn quanh, chàng thở dài, than:

– Loài người tự phụ là một giống thông minh, mà vì danh, vì lợi, nữ tàn hại lẫn nhau, lại tệ hơn loài ác thú!

Tưởng tượng của chàng như một con dơi đang loăng quăng bay nhộn, bỗng đụng phải bức tường, văng đầu rơi xuống. Bị ném trả lại với sự thực, Vũ Mật càng ngao ngán xót xa. Chàng bắt đầu ngờ. Ngờ tên lính bí mật kia chỉ là một nhân vật trong mộng hay một tay sai của Đăng Dung được lệnh đến bỡn chọc chàng.

Ừ, chắc thế! Nếu không, sao hiện giờ hấn biến mất không lại nữa. Đăng Dung thâm độc thật. Nó cố đẩy chàng vào cõi chết để rửa hờn.

Vũ Mật buồn. Ôm đầu, nhắm mắt, chàng ngồi yên như một khối đá tro tro giữa dòng nước thời gian tuôn tuột chảy.

Những tiếng cười hát từ các đám hội bên ngoài văng vẳng lọt vào tai chàng, biến thành những tiếng mỉa mai cay đắng.

Cái vui của loài người, cái vui ngay cạnh vách những kẻ đồng loại đang giãy giụa cùng đau khổ, chàng nhận ra là dã man, ngu xuẩn vô cùng.

Mãi sau Vũ Mật cũng chẳng biết đích thời khắc nào, một tia sáng đỏ rực bỗng lọt vào trong ngực. Cùng lúc ấy, binh lính bên ngoài tự nhiên xao xuyến, nhộn nhịp. Những hiệu lệnh khẩn cấp, những tiếng chân người chạy vội, những tiếng kêu hoảng hốt kế tiếp nhau nổi lên như phong ba.

Vũ Mật bồi hồi. Chàng đoán chắc có sự gì ghê gớm, không chừng là một trận binh lửa ngất trời. Rồi hai câu hỏi nhanh như chớp, hiện trong trí nghĩ chàng: “Biều Vương kéo binh về cứu em?” hay “Lan Anh cùng đồng đảng nổi lên giết giặc?”.

Ánh lửa mỗi lúc một rõ. Cơn phong ba mỗi lúc một trội. Vũ Mật lồng lên với sự bất lực của mình. Trời ơi! Bốn bức tường giam ảm lạnh, ai ngờ đủ gác tấc thân ngang tàng vũ trụ ra ngoài cuộc đời.

Cái ý nghĩ chán nản ấy thốt bị tiếng xô xát dữ dội và tiếng chém khóa sắt làm cho đứt đoạn, Vũ Mật lắng nghe, trái tim như thôi đập. Thì, quả nhiên, cửa ngực mở toang, tên lính hầu bí mật chạy sấn vào gọi.

– Vũ tướng quân! Vũ tướng quân đâu rồi?

Vũ Mật lặng yên một lát, bỗng rú lên:

– Đây, tôi đây!

– Tướng quân ra mau! Lan Anh tiểu thư cùng các thủ lĩnh phản Mạc đang đốt phá kinh thành...

Chàng sung sướng như cuồng, reo to:

– Thế à? Ta phải mau mau ra giúp sức nàng mới được.

Rồi không đợi tên lính nọ kịp đưa, chàng cướp lấy thanh gươm sắc, chạy ra phố.

Vừa đến khúc đường qua Binh bộ thì Vũ Mật gặp Lan Anh.

Tám lòng đầy phần uất, Lan Anh ngờ Vũ Mật đón bắt mình.

Nghiến răng trợn mắt, cố nén sự đau đớn, nàng toan liều chết

xông vào đánh Vũ Mật, thì mũi giáo của tướng Mạc vừa đâm trúng sau lưng. Lan Anh thét lên một tiếng, ngã lăn xuống đất.

Vũ Mật hoảng kinh, nhảy xổ lại cứu. Khoa gươm chém xong tướng Mạc, chàng vội bế Lan Anh lên lòng, cưỡi ngựa chạy thẳng về cửa Bắc.

Quân thù rầm rộ theo sau, hò reo chuyển đất. Nhờ bọn đồng đảng của tên lính tận tâm nọ, Vũ Mật ra thoát được cổng thành. Chẳng nghĩ ngợi gì cả, chàng cứ theo đường cái quất ngựa phóng tràn...

Gió to lúc ấy đã biến thành cơn bão lớn. Mây đen tỏa khắp trời, che khuất các vì sao. Dọc hai bên đường, cỏ cây vật vờ như nổi cơn điên. Xa xa về phía chân trời, những tiếng ầm ì mỗi lúc một gần, một rõ. Cứ sau mỗi trận cuồng phong, tạo vật lại yên lặng giây lát, cái yên lặng ghê người chờ đợi những cơn phần nộ muôn phần mãnh liệt hơn...

Không mấy may ánh sáng nào sót lại nữa. Bóng tối dựng đứng lên ở trước mặt như một bức thành. Con đường dài biến hẳn. Bị thúc giục, ngựa cắm cổ chạy liều, lăm phen vấp mạnh, tưởng văng mình vào bụi rậm.

Một tiếng gầm từ trên cao tung xuống, tiếp theo một tiếng rền rĩ trong cỏ cây; cái dấu hiệu thảm thê của sự đảo điên vũ trụ.

Phong vũ cứ lần lượt bội lên dẹp xuống, tắt dần đi như một tiếng oán thán xa lắc, rồi trở lại đột ngột, ráo riết, tươi bời.

Thực là một trận xung đột của trời với đất, một cuộc xung đột mà cái mãnh lực bên trên bao giờ cũng thắng thế, hầm hè như tiếng bực tức của con ác thú sắp há miệng nhả nanh. Sau cùng, một làn chớp như lưỡi gươm sắc rạch ngang trời, lòa sáng những cội xa thăm thẳm. Sét nổ, khúc đê trên không vỡ, nước đổ xuống âm âm...

Quấp chặt lấy lưng ngựa. Vũ Mật nghiêng rặng, ôm sát Lan Anh vào lòng, muốn đem thân mình che chở, muốn đem nhiệt độ của lòng mình ủ ấp cho nàng.

Vết thương phạm quá, máu chảy rất nhiều, Lan Anh lịm đi không biết gì nữa.

Trong khoảng gió mưa, tiếng quân đuổi nghe đã xa nhưng vẫn còn

rõ lắm. Vũ Mật vì vậy không dám đứng lại, đành chờ những khi chớp, cúi xuống nhìn thoáng người yêu. Mỗi lần thấy sắc mặt nàng thâm nhạt, mỗi lần nghe hơi thở của nàng thêm nặng nề bức bối, Vũ Mật càng thấy tấm lòng đau, thương, lo, sợ không biết chừng nào.

Ngựa vẫn ra riết chạy. Những làn chớp vẫn lập lòe, nền trời vẫn xé toang rồi chấp lại; đằng xa, những khối mây vẫn buông xuống như những bức màn đen.

Trong cảnh bộn bề nhiễu loạn ấy. Vũ Mật, Lan Anh thực là hai mối đau khổ, trái ngược hẳn nhau mà cùng chung một lưng ngựa.

Sau cùng, tiếng sấm dần xa, hậm hực như còn tiếc chưa phá tan được trái đất. Gió cũng dịu mà mưa cũng bắt đầu thưa. Tiếng đuổi theo, trái lại, đã bật hẳn từ lâu rồi.

Vũ Mật gò cương, bế Lan Anh ngồi xuống bên đường. Quần áo chàng ướt đầm, dán vào người, bó chặt lấy lưng, lấy ngực, lấy chân tay, thấm thía vào da thịt làm cho chàng rùng mình. Hơi thở của chàng lúc ấy cũng chỉ còn là những tiếng nấc vì run.

Bị đau, nàng chợt tỉnh, từ từ mở mắt nhìn. Một làn chớp xa khiến nàng trông rõ mặt chàng. Rùng mình, Lan Anh kêu một tiếng ai oán:

– Trời ơi!... Ai ngờ đâu!...

Vũ Mật đau đớn, nhưng thấy nàng lại lịm dần, vội vàng lay gọi:

– Lan Anh!... Lan Anh! ... Em tỉnh lại... em cố tỉnh lại cho anh được tỏ nỗi lòng!...

Vừa gọi, Vũ Mật vừa cúi nhìn sát mặt nàng. Lan Anh mở to hai mắt, trừng trừng nhìn Vũ Mật. Tuy trời tối mà chàng cũng nhận thấy sự oán giận náo nùng. Ruột gan như xé, Vũ Mật thổn thức nói:

– Lan Anh!... Tấm lòng tôi ai ngờ em không hiểu!... Bức thư kia, tôi chỉ vì Trần Nghĩa nên phải ép lòng... vả lại...

Chàng đang nói thì Lan Anh thốt nấc lên mấy tiếng mạnh, cặp mắt lơ đờ, đăm lẹ, nàng mê rồi!...

Vũ Mật ôm nàng lên ngực, cố gọi to:

– Lan Anh! Trời ơi, em nữ nào vội chết!... Em nữ nào chết trước khi...

Nhưng, sau một tiếng thở cuối cùng, Lan Anh lả đầu xuống, hai mắt từ từ nhắm lại, máu trong miệng trào ra, một cái rùng mình chạy khắp thân thể, rồi thôi.

Lan Anh đã chết. Đem theo một mối hận nghìn đời...

Mười hôm sau, kéo quân về kinh báo oán Mạc Đăng Dung, khi qua chỗ ấy, Vũ Mật nuốt hai hàng lệ thốn thức ngâm mấy câu thương nhớ người yêu. Đến nay – cách hơn bốn trăm năm – tiếng oán than ấy vẫn còn văng vẳng trong vùng phố Cát Đại Đồng:

*Kéo quân ra cửa Hùng Quan
Chim muôn tiếng hát, hoa ngàn hương đưa
Nhớ ai ra ngấn vào ngơ;
Nhớ ai, ai nhớ? Bây giờ nhớ ai?*

CHU THIÊN

(1913 - ?)

Tên thật là Hoàng Minh Giám, quê ở xã Yên Thành, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, con một gia đình Nho học có tiếng. Chu Thiên khi còn nhỏ học chữ Hán với cụ thân sinh. Lớn lên học tiểu học ở Nam Định, học trung học ở Hà Nội.

Năm 1933 bắt đầu bước vào nghề viết. Ông là nhà Nho, giỏi kiến thức lịch sử. Từ năm 1949 trở đi chuyển sang ngành giáo dục, dạy học ở các trường trung học, rồi dạy tại khoa Sử Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (từ 1955 trở đi).

Những tác phẩm đầu tay của ông là tiểu thuyết lịch sử như *Lê Thái Tổ* (1941), *Bà quận Mỹ* (1942), *Lê Thánh Tông* (1943), *Văn Thiên Tường* (1944), *Tuyết Giang phu tử* (1945). Đặc biệt, bạn đọc chú ý tới hai tiểu thuyết của ông là *Nhà Nho* (1943) và *Bút nghiên* (1942).

Sau Cách mạng, ông hăng hái theo kháng chiến. Hòa bình lập lại (1954), ông trở thành nhà giáo gắn bó với các thế hệ học sinh. Ông đã công bố được nhiều công trình khoa học Sử học như *Khí tiết* (1946), *Giá trị cách mạng Phan Bội Châu* (1946), *Chống quân Nguyên* (1957). Bộ tiểu thuyết lịch sử *Bóng nước hồ Gươm* (2 tập - Văn học xuất bản, 1970) khá nổi tiếng và có vị trí trong kho tàng di sản văn học hiện đại Việt Nam.

Chúng tôi xin giới thiệu một tác phẩm của ông:

- Nhà Nho (tiểu thuyết).

NHÀ NHO

(Tiểu thuyết)

PHẦN THỨ NHẤT

CHƯƠNG I

– Nào! Chúng bây học đi!

Tân, một tên học trò lớn nhưt nghinh ngang ngồi xếp bằng giữa phả, cầm chiếc roi khê đập ra hiệu vào sách của những trò bé và bảo:

– Học đi: *Tam Hoàng, Ngũ Đế chi thư* là có anh nhớ vợ ngồi thừ mặt ra!...

.....

– Ủ ừ! Học thế xấu xấu là, tôi không học!...

Thằng Bính về bè Tân, quát mắt bảo lũ trẻ:

– Thầy đồ đi vắng, thầy dặn anh Tân dạy chúng bây học, chúng bây không nghe, về, anh ấy thưa thầy cho là chết đòn!

Trong lũ trò bé, có đứa sợ cất tiếng học:

– Ủ...a... *Tam Hoàng Ngũ Đế chi thư*...

Được thế, Tân dạy tiếp.

.....

Mấy đứa trò bé lại ngừng học, nhao nhao cãi:

– Ủ ừ... Xấu lắm! Thèm vác, không học! Học thế, về, thầy đánh cho đấy!

– Ủ! Cái gì lại là học cái nhớ vợ ấy!

– Tôi! Không học!...

– Học câu *nhớ vợ*, thầy về lại như đòn!

Bọn Tân, Bính cố nghiêm trang mắng:

– Ai bảo chúng bây thế? Ai bảo chúng bây thế! Thầy đồ đã có vợ đâu nào. Giá thầy có vợ rồi, thầy nhớ, thì chúng mình mới phải kiêng chớ. Học đi! Mau lên!

Một đứa bé không chịu, vênh cổ lên cãi lại dần từng tiếng:

– Nhưng mà xấu lắm, chúng tôi không học.

Tân, tức mình giơ roi lên toan vọt và dọa:

– À! Mây ương à? Tao bảo mây không nghe phải? Không học lại còn gân cổ lên mà cãi. Cãi này!...!

Tân vờ hung hăng giận dữ giơ cao roi vọt xuống, đứa bé chống hai tay ra đằng sau, né mình lúi đánh phát một cái, đầu roi vừa đúng vọt đánh chát xuống chỗ nó ngồi. Cả lũ thích chí cười âm lên, Tân rập roi chực vọt nữa, nhưng Bính đã vội gạt đi và nói to lên rằng:

– Thôi, Tân ơi, kệ chúng nó. Chúng nó không chịu học, để về thưa thầy đánh cho chúng nó một trận không roi nào xuống đất, cho chúng nó biết thân!

Đợi bọn trẻ im hẳn quay đôn cả chú ý nghe lời mình nói, Bính mới lại thông thả đĩnh đạc nói:

– Kệ xác chúng nó! Hơi đâu đến mình, rồi chúng nó oán. Vứt đấy! Đi chơi, “*Hồ, xách khố, Cốc, đấm lưng*” đã, Tân ạ.

Tân vội vứt roi xuống phẫn, giơ cao hai tay lên reo to:

– Ủ! Nào chơi! A!

Lời nói ấy vang như một lệnh truyền nên cả bọn trẻ bỗng cùng vui vẻ reo tiếp:

– Ủ phải! Chơi đi!

Tức thì những đứa biết chữ đều ùa ra ngồi đặc cả phẫn, cứ hai đứa một, ngồi quay đầu vào nhau, một quyển sách học mở ra đặt giữa. Những đứa chưa thuộc mặt chữ thì ngồi ghé vào bên những đứa kia, chen nhau ngóng xem. Tân thấy mọi trẻ ồn ào tranh nhau chỗ ngồi, vội quát ra oai:

– Có im đi không! Ông lại vọt cho mỗi đứa mấy roi bi giờ. Chơi thì im mà chơi, ồn lên, thầy về lại chết đòn!

Rồi hẩn ngồi quay mặt lại với thằng Bính, mở quyển sách ra,

đập bàn tay mạnh xuống cho giã giấy và cao giọng nói như truyền bảo tất cả:

– Này giao hẹn trước nhé: *Hồ*, xách khố; *cố*, đâm lưng; *nhĩ*, bẹo tai; *tu*, bẹo cằm; *tâm*, bẹo bụng; *mục*, bẹo mắt; *tị*, bẹo mũi; *khẩu*, bẹo mồm; nghe chưa! Nào chơi đi!

Cuộc chơi liền bắt đầu. Đứa nào cũng vội đưa mắt nhanh như cắt lướt qua trang giấy của mình – tức là trang liền phía mình, xem có những chữ kể trên kia không, rồi liền trông ngay sang trang bên địch, vớ được chữ nào là tức khắc đả liền: chữ *hồ*, thì cầm mũi dây lưng giựt lấy giựt để, chữ *cố*, thì cứ việc giơ tay đâm vào lưng thùm thụp: chữ *nhĩ*, thì bẹo tai lôi thật mạnh...

Cứ theo ca mà làm việc gay gắt cho bên địch rối trí khó tìm thấy ngay những chữ bị. Hễ người ta chỉ vào đúng những chữ ấy, thì cuộc tấn công lại phải thôi ngay. Trang ấy hết chữ thì mở lật sang trang khác. Và việc chơi lại cứ thế tiếp tục mãi. Có khi cả hai bên đều bị giựt, bị đâm bị bẹo rồi rít cả lên, hoa cả mắt, sụn cả lưng và đau cả bụng cuống quít tìm mãi mới chỉ đúng vào những chữ đó. Có đứa bị giựt khố kéo nhảy thích mãi lên tuột cả quần, có đứa bị xách đồ tay, có đứa bị lôi xéch miệng. Những trẻ ngoại cuộc vỗ tay reo cười lấy làm thích chí lắm. Tiếng đâm lưng, tiếng giựt khố với tiếng cười, tiếng kêu, tiếng giấy sách mở đều đều, hòa trộn lại thành một điệu nhạc rộn rập, lúc mau lúc khoan, lúc cao, lúc thấp...

Đang bẹo tai Bính, Tân bỗng buông ra và gấp tọt sách lại, nói to lên rằng:

– Thôi! Chơi cái này chán lắm, ta đi *thi đôi ăn đấm* đi chúng bây nào!

Bính còn ngần ngừ, một đứa đã tiếp:

– Ừ! Chả mấy khi được thầy đồ đi vắng, ta chơi cho đủ lối. Mau lên kéo thầy về thì nguội! Một thằng nữa, không hiểu hỏi?

– *Thi đôi ăn đấm* là thế nào?

Tân cười khinh bỉ nói:

– Mày ngu lắm! *Thi đôi* là cứ tìm đôi, đứa nào được nhiều đôi thì được đấm. Tính theo cái lệ: *Chi* năm, *dã* mười, *hồ* mười lăm, *bát* hai mươi, *giã* hăm lăm, *kỳ* năm mươi, *nhĩ* một trăm, nghe chưa?

Lũ trẻ con nghe hay hay vội đua nhau giục:

– Ủ phải đấy, các anh thi đôi đi cho chúng tôi xem.

Tân liền mở sách ra và bảo Bính:

– Nào! Tao tìm ở trang của tao, mày tìm ở trang của mày có bao nhiêu đôi tính ra đấm, bên nào có nhiều hơn thì được đấm.

Tân lại quay ra bảo các bạn cũng đã mở sách ra rồi:

– Chúng bây cũng cứ tìm đôi để mà ăn đấm!

Rồi hắn cúi xuống trang giấy tìm những đôi chữ ở hai dòng, đứng song song liền ngang nhau. Hắn lẩm bẩm tính:

– Tao có một đôi *kỳ*, năm mươi, hai đôi *chi*, mười vị *chi* là sáu mươi.

Ngẩng lên nhìn sang chàng Bính hắn tính tiếp:

– Mày có hai đôi *dã*, hai mươi, một đôi *hồ*, mười lăm, tất cả là ba mươi lăm... A ha! Còn kém tao mười lăm!

Tân ngồi xổm ngay lên, nắm cánh tay Bính kéo gần lại, vừa cười khanh khách, vừa đồng dục nói:

– Đưa lưng đây nhận lấy mười lăm đấm của mỡ về làm mắm nhé!

Thụp! thụp! thụp!...

Tân mím môi giơ thẳng cánh tay đấm rất mạnh.

– Một, hai, ba, bốn... Ái trời ơi! Mày đấm thế thì bỏ đời nhà tao!

Bính hẳn học nói vậy và vùng vằng né lưng lúi ra, Tân cười đầu diu nói:

– Thôi thôi tao đấm nhẹ vậy, nào: năm, sáu, bảy...

Bính hẳn còn tức nói:

– Được rồi! Đến lượt mày rồi mày sẽ biết tay ông!

Cả bọn đều phá ra cười vì câu dọa nạt ấy. Rồi cuộc chơi lại kế tiếp vui vẻ hơn. Tiếng đếm đôi tính đấm rì rầm từ mọi cặp, tiếng đấm liên tiếp nhau cùng nổi dậy, tiếng cãi nhau chí chóc vì gian lận, hòa với tiếng cười reo của bọn trẻ đứng ngoài xem, làm cho quang cảnh nơi phản học vui vẻ và rộn rập, y hệt như nơi làm giò trong nhà đấm.

Một lúc lâu, sau, những nhịp đấm tạm nghỉ và những chặp cười vừa ngớt, thằng Bính gấp luôn sách lại và bò choài ra gấp cả những sách của các cặp khác, vừa hấp tấp nói:

– Thôi, đừng chơi cái trò này nữa không vui, mà lắm thằng đều đấm đau đau là ấy. Đi học, đi viết đi, không có thầy sắp về đấy!

Tân đẩy mạnh Bính ra và gắt:

– Mày không chơi, chúng tao chơi! Ai mượn mặt mày.

Nhưng trong bọn đã nhiều đứa chán, ùa theo Bính, cùng lên tiếng:

– Ủ, chơi đấm chán lắm, chỉ tổ đau mỗi tay, chẳng được tích sự gì!

– Không chơi nữa!

– Phải đấy, anh Bính bảo phải đấy!

Tân thấy các bạn không theo mình, liền đổi ý:

– À, hay là ta đi chơi *đố chữ* vậy! Cứ đố chữ, thầy có bắt gặp cũng không nỡ mắng.

Mọi trẻ đều đồng thanh tán thành:

– Ủ. Chơi đố chữ lý thú hơn!

Thằng Bính cũng tươi cười họa theo:

– Để tao đố trước, chúng bây giảng.

Tân chĩa môi nói mỉa:

– Sao ông không giận nữa đi mà lại còn đòi đố trước?

Bính nói dối:

– Đấy thì phần mấy đố, ai thiết!

Tân đầu dụi:

– Tôi, nói đùa đấy, Bính đố đi cho nó vui!

Bính cũng tiếp:

– Xin nhường anh Tân đố trước, tôi còn phải nghĩ.

Tân liền vui vẻ đố:

– Đố “*hai chú thập rập chú Việt, chú Nguyệt đứng trông*” 朝 là chữ gì?

Mọi người đều nhắm lại câu đố, ngẫm nghĩ, rồi đua nhau giảng:

– Chữ *Hồ*.

– Không phải!

Bính cười khinh bỉ rồi gắt:

– Chúng bây ngu thế! Chữ *Triệu* mà cũng không biết! Chữ *Triệu*

chả một chữ *thập* trên, một chữ *thập* dưới, ép lấy chữ *viết* ở giữa, một bên có chữ *nguyệt*, rành rành ra đấy là gì!

Tân mắng Bính:

– Ai chả biết ông giỏi, xin ông để yên cho chúng nó giảng mới vui chớ.

Tân lại đỡ:

– *Chèo bẻo vắt vẻo cành tre, thập trên, tứ dưới nhứt đè chữ tâm,*
德 là chữ gì?

– Chữ Đức!

Tân nhìn đứa vừa giảng chữ ấy và khen:

– Giỏi!

Vừa lúc ấy, một đứa khác đỡ bọn trẻ ngoài cùng phản:

– *Hột thóc hột thóc, phẩy đuôi trê thập trên nhứt dưới bẻ què lê,*
法 là chữ gì?

Tân và Bính lóng tai nghe, rồi nhảy xô cả lại, giục đứa kia:

– Mày đỡ lại xem nào?

Mọi đứa đều im lặng nghe lại câu đố và suy nghĩ.

– Chữ *thế*.

– Không phải!

– Chữ *vô*.

– Không phải!

– Chữ *vi*.

– Cũng không phải!

Bính ngồi lặng từ nãy, bỗng vỗ tay reo lên:

– À phải rồi! Tao nghĩ ra rồi!

Mọi đứa đều quay đôn cả vào Bính và giục.

– Giảng đi!

Bính tươi cười nói:

– Chữ *Pháp*! 法 Này nhé: cái *chấm thủy* bên là hột thóc, hột thóc, phẩy đuôi trê, còn chữ *Khứ* bên này là thập trên nhứt dưới bẻ què lê, chớ gì?

– Đúng!

Được thế, Bính vênh váo nói tiếp:

– Những cái ngoặc ở dưới mà mây bảo là què lê, thì đến có ông trời hiểu. Láo, đố láo!

Mọi đứa đều thi nhau khen Bính và giục

– Thôi, cũng được! giờ đến lượt anh Bính đố đi.

– Ủ, này tôi đố, tôi đố thì đúng luật, chứ không đố láo đâu. Đố biết “*Cắm sào cho liễu nó leo, tả trên, nhục dưới, vắn quai chèo*” là chữ gì?

Mọi người đều ngẫm nghĩ một lúc, tiếp đến tiếng nói:

– Đọc lại!

– Đọc lại!

– Ủ! thằng Bính phải đọc lại!

Bính mỉm cười ung dung chịu ý các bạn. Rồi lại một hồi im lặng, ai nấy đều mãi suy nghĩ để tìm ra chữ giảng.

– Chịu!

Kế đến:

– Chịu đấy!

– Đây cũng chịu!

– Tôi xin chịu nốt!

Bính quay lại hỏi Tân:

– Còn anh Tân nữa, giảng đi!

– Chữ *âm*.

– Không phải!

– Thế mõ cũng đành chịu vậy. Mây giảng đi!

Bính cười đáp:

– Tớ cũng không biết nốt!

Tân giục:

– Không, mây đố mây phải biết, giảng đi!...

Bính còn chùng chình chưa vội giảng, thì một thằng bé bỗng ở ngoài hấp tấp chạy vào vớ lấy quyển sách và nói hốt hoảng:

– Thầy đã về đấy!

Tức thì mọi đứa vội cầm lấy sách, lặng lẽ ngồi tản ra thành hàng ở hai bên mép phản. Tân để gọn nghiên son, ống bút lại, đặt cái roi nằm thẳng ở bên ống bút, rồi cũng cầm lấy sách ra ngồi ở mãi ngoài cùng phản, ngoái cổ ra cửa sổ ngó ra sân. Quay vào, hấn khê hát hàm hỏi thẳng bé lúc nãy.

Đứa bé chỉ tay về phía liệt bản khê nói:

– Thầy đứng đầu nhà ấy!

Vừa lúc ấy thì thầy đồ đã đi lướt qua cửa sổ vòng ra cửa giữa, mới bước qua ngưỡng vào. Học trò đang nghiêm chỉnh trên phản đứng phất xuống đất, cùng chấp tay chào:

– Bẩm thầy đã về!

– Bẩm thầy đã về!

– Lạy thầy đã về!

Thầy đồ gật đầu lia lịa và bước ngồi lên giường kê liền ngay phản học. Học trò lại ngồi đều cả xuống. Thầy hỏi ngay:

– Chúng bây làm gì mà ồn lên thế?

Tân vội đáp:

– Bẩm thầy không ạ!

– Không! Thật không phải? Thế chúng bây làm gì mà ngồi tùm tùm lại trên phản cười nói huyên thuyên? Kẻ tiểu nhân ngồi rồi làm xằng, người ta đã trông rõ ruột gan còn giấu diếm...

Mọi trẻ, đứa nào đứa nấy, sợ xanh mặt, ngồi im thin thít. Thì ra cái nhà học, cách biệt với nhà dưới, rất lợi cho học trò nô đùa, không làm ồn ào bận rộn đến ai, lại rất hại, là khi thầy đồ về tắt lối nào cũng không biết. Đứa nào cũng nơm nớp lo sợ tưởng thầy về đã lâu mà cứ đứng nán lại đầu nhà xem xét.

– Thầy biết tất cả rồi!

Mối lo nghi ấy miên man xâm chiếm tất cả mọi đứa, đem đến sự im lặng nặng nề cơ hồ kéo dài ra mãi. Thầy đồ liền hỏi gắt:

– Tân! làm gì mà ngồi tùm tùm trên phản thế?

Tân run sợ thưa:

– Dạ! bẩm thầy chúng con đố chữ.

– Hừ! Học không học, đi đố chữ! Hễ vắng chủ nhà là gà mọc đuôi tôm!

Quay lại học trò bé, thầy đồ hỏi:

– Những thằng kia, có học không, hay vắng tao thì chỉ mãi nghịch thôi?

Tân bộp chộp thưa ngay để chực che lỗi mình:

– Bẩm thầy, con bảo các cậu ấy học, các cậu ấy không nghe, chỉ chơi thôi ạ!

Một thằng bé tức tối cãi:

– Bẩm thầy, các anh ấy bảo *con học nhớ vợ...*

Nó im bật, vì thằng Bính đương trừng trừng nhìn nó, và giơ quả đấm ra cạnh sườn để dọa. Thầy đồ cũng không hỏi gặng nữa; thầy nghiêm nghị bảo:

– Từ rày, tao đi vắng, cũng như tao ở nhà, viết xong rồi học. Không được nô nghịch. Bận sau mà còn thế thì như xương, nghe không!

Mọi đứa đều thở ra nhẹ nhõm, và cùng một loạt vui sướng thốt ra tiếng:

– Bẩm thầy vâng!

Quay lại những học trò lớn, thầy mắng:

– Còn những thằng này, lớn đầu đứng làm nêu cho trẻ con nó bắt chước. Đi học chớ đi chơi à? Đương buổi học thì giở ra đối với đáp!

Rồi dịu giọng lại, thầy hỏi:

– Chúng bay đổ những gì?

Bính và mọi đứa đều quay trông Tân như giục. Tân vội thưa:

– Bẩm thầy, chúng con mới đổ được chữ *Triệu*, chữ *Đức*, chữ *Pháp*. Còn một chữ nữa anh Bính đổ chúng con không trả lời được, mà anh ấy chưa kịp bảo, thầy đã về.

– Chữ gì khó thế, Bính?

– Dạ, bẩm thầy, “cắm sào cho liễu nó leo tả trên nhục dưới, vắn quay chèo” ạ.

– Thế mà chúng bay không biết, dốt thật. Cả thằng Tân cũng dốt thế kia. Đấy là chữ *Tùy* 隨 chớ chữ gì: *Liễu leo, tả trên, nhục dưới rồi quai sước*.

Rồi vui vẻ, thầy nói tiếp:

– Đố chữ, người ta dùng nghĩa nó mà đố thì mới khó chớ. Đây tao đố chúng bây một câu đố này, hề đứa nào giảng được tao cho là giỏi.

Bính lấu tấu nói:

– Vâng xin thầy đọc ạ!

Tân bīu môi mĩa:

– Nghĩ ta đây giỏi lắm đấy, có ăn hại!

Thầy đồ nói:

– Im nghe đây này:

*Có vàng, thiếu thốn gì đâu!
Ba người cỡi một con trâu không sừng.
Ai ơi! ăn nói dè chừng,
Có mồm có miệng xin đừng chua ngoa!
Hai người ngồi gốc cây đa,
Giăng đi kéo lại hóa ra ba người!*

Hai câu trên là hai chữ. Rồi cứ hai câu một chữ. Vậy có bảy chữ đố tất cả. Chúng bây nghĩ đi, rồi giảng xem nào!

Học trò ngồi ngẩn người ra nghĩ tìm chữ đố mãi không được, phải lạng lẽ nhìn nhau và mắt nháy nhau giục hỏi. Tân ngập ngừng ngẩng đầu lên cúi xuống mấy lần, rồi mới áp úng thưa:

– Bẩm thầy khó lắm, chúng con chịu, xin thầy giảng cho chúng con biết.

Thầy đồ vui vẻ rung đùi thông thả nói:

– Có vàng thiếu thốn gì đâu là chữ *Khâm*, nhé: chữ *khâm* 欵 một bên có chữ *kim* là vàng, một chữ *khiếm* là thiếu, chả đúng với câu ấy là gì. “Ba người cỡi một con trâu không sừng” là chữ *phụng* 奉 trên có chữ *tam* hơn là ba người, dưới có chữ *ngưu*, thiếu nét phẩy là con trâu không sừng. “Ai ơi ăn nói dè chừng, có mồm có miệng, xin đừng chua ngoa”, là chữ *như* 如 một bên là chữ *nữ* là con gái, một bên *khẩu* là miệng, ý nói người con gái lắm mồm hay nói. “Hai người ngồi gốc cây đa, giăng đi kéo lại, hóa ra ba người” là chữ *lai* 來. Chữ *lai* có một chữ *mộc* là cây ở giữa, hai chữ *nhân* ở hai bên là hai người. Ở chữ *mộc* còn có một chữ *nhân* nữa là thành ba người. Vả lại chữ *lai* lại nghĩa là *lại*... Đấy chúng bây hiểu rõ chưa!

Mấy đứa đều vui vẻ thưa:

– Dạ! Bẩm thầy, chúng con đã nhớ cả rồi ạ, hay quá, xin thầy dạy con mấy câu nữa.

–Ừ, tao đố câu dễ hơn cho chúng bây cố nghĩ mà giảng ra chớ. *Cô kia đội nón chờ ai là chữ gì nào?*

Tân vui vẻ nói ngay:

– Bẩm thầy chữ *an* ạ!

Thầy đồ khen:

– Giỏi đấy. Phải, chữ *an* cái giăng đầu ở trên giống cái nón che cho chữ *nữ* là con gái. *Có trí mà chẳng có tài, cầm ngang ngọn giáo đâm ngoài đít dê, chữ gì?*

Học trò lại ngồi thừ ra ngẫm nghĩ hồi lâu không suy ra được chữ gì, liền cùng thưa:

– Bẩm thầy chịu ạ.

– Chữ *Hy* tên vua Phục Hy ấy.

Ông đồ ngừng lại, Bính vội thưa:

– Bẩm thầy, hay quá, thầy dạy chúng con mấy câu nữa.

Thầy tươi cười lại gật gù đó:

Đất này là đất bùn ao:

Ai cắm cây sào mà cắm chẳng ngay!

Con ai lại đứng ở đây?

Đứng thì không vững, vịn ngay vào sào!

Là chữ gì?

Học trò lặp lại câu đố và có đưa gật gù khe khẽ ngẫm để tìm chữ giảng. Thầy đồ thấy đứa nào cũng hăm hở ra công tìm kiếm, cũng thêm vui thích và ôn tồn bảo:

– Cứ thông thả mà nghĩ, tìm ra riêng từng chữ một, rồi ghép dồn lại thành chữ giảng.

Chợt lúc ấy ở ngoài sân tiến vào một người đàn ông cũ kỹ đã đứng tuổi, một tay bưng khay trầu một tay cầm gậy dọa chó. Học trò đều quay mặt cả ra sân, và nói:

– Chú Mới¹ đi mời thầy đồ mai tế Tư văn.

Người đàn ông đã bước vào nhà chào:

1. Nhiều nơi gọi thàng mô là Mới.

– Bẩm cậu ạ!

Rồi người ấy đặt miếng trầu ra đĩa để xuống giường nói:

– Bẩm cậu, buổi mai mời cậu ra Văn chỉ tế Tư văn.

Thầy đồ nói:

– Phải! Chú có biết những ai được cử vào tế không?

Dạ, bẩm cậu, năm nay quan Hoàng giáp và quan Huân đi vắng. Ông Tú Chính vào nhiếp tế, còn các chân khác, mai đông đủ các quan viên sẽ cắt, có lẽ cậu cũng phải vào tế.

– Năm nay nhà ai đương cai?

– Bẩm, ông Hai Tín ạ! Thôi, bẩm cậu nghỉ ạ. Con còn phải chạy mời hết coi trầu này.

– Phải, chú đi mau kéo tối.

Chú Mới ra khỏi rồi, Bính liền hỏi ngay:

– Bẩm thầy câu đố khó lắm, chúng con nghĩ không ra, thầy bảo cho.

Ông đồ đương mãi nghĩ đến tế Tư văn nghiêm nghị nói:

– Chử Hiếu, Thố trên là đất, nét phẩy là cái sào cắm nghiêng, chữ tử là con, rõ ràng ra đây còn gì nữa. Thế mà cũng đòi đối với giảng. Thôi đi học đi. Gần tối rồi!

Học trò tui nghĩ tuân lệnh đều răm rắp mở sách ra học vang lên, ồn ào như buổi chợ đang họp. Thầy đồ ngồi xếp bằng tề chỉnh rung đùi, tay trái để lên đùi, tay phải nắm lại gờ đấm đều lên mắt cá chân, mắt đăm đăm nhìn thẳng, băng khuâng nghĩ đến cuộc tế Tư văn ngày mai ở ngoài Văn chỉ, mơ màng tưởng đến danh vọng mai sau.

*

* *

CHƯƠNG II

Hôm nay là ngày *thu tế* Tư vấn của dân làng Thịnh Hậu. Ngoài Văn chỉ đã quét tước trang hoàng rất rực rỡ. Làng Thịnh Hậu vốn là một làng trọng học xưa nay. Lại nhất là từ khi ông Nghè Nguyễn Đức Tâm mà người ta vẫn gọi tôn là quan Hoàng giáp Nguyễn, đỗ khai khoa cho làng, và cả vùng cả hạt ấy nữa, lòng mộ đạo lại càng tràn ngập thấm thía tất cả mọi người từ cao đến thấp, từ già đến trẻ. Nên Văn chỉ rất được mọi người tôn kính, và việc sửa sang, tế lễ ở đây, ai ai cũng tự coi như là một bổn phận thiêng liêng. Trước kia, nơi Văn chỉ này chỉ có mấy bệ thờ sơ sài. Nhưng từ ngày làng Thịnh Hậu được kiêu hãnh với thiên hạ có một vị đại khoa lừng lẫy, thì đồng dân đã nức lòng thỏa thuận vâng theo ý muốn quan Hoàng giáp mà xây dựng, tô điểm cho Văn chỉ có một cảnh tượng nguy nga bề thế như ngày nay. Khách phương xa đến trông thấy cảnh trí u nhã và trang nghiêm của nơi tôn thờ Nho đạo, tất biết ngay dân làng này là một dân hiếu học. Trên một khu đồi đất rộng ở giữa cánh đồng, cách xa làng, dưới một dãy những cây đa, cây bàng, cây gạo, cây đề bao chung quanh hiện ra thấp thoáng tường vôi trắng xóa làm nổi hẳn màu xanh biếc của lá cây, để phá cảnh bao la bát ngát trên trời, dưới ruộng, mà giữ lấy một vẻ độc tôn nơi Văn chỉ.

Một bức tường gạch xây kín bốn bên, trừ ra ba cửa ở đằng trước. Cửa chính giữa có hai cột trụ đội một ngòai bút son và một ngòai bút mực, trên khắc đôi câu đối nổi. Hai bên là hai cái cửa tò vò. Qua cửa, ta vào đến Văn chỉ. Chung quanh giáp tường, và xen vào khoảng trong giữa những bệ thờ, những cây đơn, cây hồng, cây trúc, cây hòe, cây thông, cố thi nhau găng gượng theo đòi những cây lớn bên ngoài phô khoe hoa, lá. Màu hoa đơn đỏ thắm, hoa hồng tươi nhạt chen với lá trúc nghìn chân xanh biếc, lá hòe lẫn tăn, lá thông từng chòm như tóc thần phát phơ reo trước gió, tất cả đều ăn nhịp nhau, tầng bậc nhau, tô điểm nhau làm tăng vẻ đẹp hoang vu nơi khoảng già, khiến ta có cảm giác như đây là cõi thánh, hàng vạn hoa thơm cỏ lạ mặc sức phô sắc khoe hương. Bên những cây cỏ xanh tươi thế, và cách

tường độ một ngũ, là hai dãy đối nhau mỗi bên năm bệ thờ xây cao kiểu ghế bành, mỗi bệ một bát hương đá thờ *Thập Triết*. Đứng trước hai dãy ấy, bốn bệ thờ *Tứ Phối*, cao hơn bành tựa kiểu tam sơn, hai cánh gà đắp hình phượng múa. Mỗi bệ cũng có một bát hương bằng đá. Ở giữa bốn bệ xây một cái án thực cao và rộng. Thành ra thoáng trông, ta tưởng tượng ngay đến bốn cái kỹ vuông bày quanh một cái bàn chữ nhật. Bên trong lại một án thực nữa, cao hơn và đẹp hơn, có chạy chỉ viền hắc hoi, xây ngang trước bệ đức Thánh Khổng. Bệ thờ này to hơn nhiều và cao vượt hẳn lên, bành tam sơn đắp nổi bật con rồng uốn khúc quay đầu vào chính giữa nhìn ra ngoài, những vẩy rồng ghép bằng mảnh sứ vỡ trông rất đẹp. Hai cánh gà là hai con rồng bò từ tam sơn ra đến mép ngoài, rồi nghển cổ giương râu châu lại. Trên bệ để một bát hương thờ tròn bằng đá rất to chạm *lưỡng long triều nguyệt*, ở ngoài, trước bệ *Tứ Phối*, có một cái hương án công đồng to và cao hơn tất cả, trên đặt một bát hương tròn bằng sành đắp mặt hổ phù, ở ngoài cùng tất cả, chế thẳng hai lối vào hai bên dựng hai cái kỹ, hẹp bằng một gang nhưng dài và cao. Ở dưới đất, các thứ cỏ được tha hồ đua mọc hoành hành như ở nơi hoang dại vậy. Bên đông Văn chỉ, cũng trên thửa đất ấy, dưới gốc cây đa cổ thụ, có một cái quán ngói ba gian, để khi tế lễ, các quan viên hội họp ở đấy và ngày thường, người làm lụng nghỉ chân hay nghỉ trưa ở đấy.

Cái phong cảnh tươi đẹp ấy, mỗi lần đến kỳ tế Tư văn, lại được sửa sang chải chuốt thêm. Tường quét vôi lại trắng toát, những đường chỉ xanh đỏ trên thân rồng, ở bệ thờ, ở hương án, án thực, đều tô lại kỹ càng. Trên cây những cành khô lá úa được lấy xuống hết. Nền cỏ cũng cắt phẳng đi. Người ta cố đem nhân công điếm tuyết vào cảnh thiên nhiên để mong xứng đáng được đón vị Thánh chí tôn trong dịp vọng tưởng đến ngài. Theo lệ, mỗi năm có hai kỳ tế vọng: Xuân tế về tháng hai và Thu tế về tháng tám cử hành vào một ngày *Đinh* tốt đẹp đã chọn trước. Kỳ Thu tế năm nay định vào hôm nay, ngày *Đinh Dậu*, trước tết Trung thu ba hôm. Nên nơi Văn chỉ đã sửa gọn sạch sẽ, trang hoàng rực rỡ rồi. Chung quanh cờ ngũ hành cắm san sát bay cuồn cuộn phát phơ trước gió đem thi những màu sắc sỡ với màu êm dịu của thiên nhiên. Chú Mối đã đem chiếu tế trải trước hương án công đồng và trước án thờ đức Thánh. Ở ngoài các người có chân trong hội Tư văn, nghĩa là tất cả dân làng, đã lục tục kéo ra, từng bọn một, lối nhỏ trên thảm ruộng xanh rì. Họ đi từ các ngã, theo các bờ để vào quán. Họ tụ tập tất cả ở đấy. Nhà đương cai đã đem đủ

chiếu ra họ ngồi, đủ trâu cau, nước chè để họ dùng vào đầu câu chuyện. Họ họp bàn cất người vào tế. Ông đồ Hải người nhiều tuổi hơn cả, nằm viết xong tên những người được cử, liền ngồi dậy, sửa lại cặp kính, ngẩng lên trông mọi người và nói:

– Đây tôi xướng tên để các cụ, quan viên biết những ai vào việc gì.

Rồi ông cúi xuống, ề lấy giọng đọc:

Nhiếp tế: Ông Tú Chinh;

Bồi tế: Ông chỉ Tấn, tôi, ông nhì Thịnh;

Đông xướng: Ông Nhiêu Bật; *Tây xướng*: Ông Khóa Tôn;

Đọc chúc: Bác đồ Cân; *Phân chúc*: Bác Khóa Bích.

Hiến lễ lên đức Thánh: Ông nhứt Thân, ông Lý Bái.

Hiến lễ Tứ Phối và Thập Triết: các ông Nhân, Xích, Lợi, Hiệc, Triết, Đỗ, Lũy, bác Cầu, bác Kiên, chú Hưu, chú Sáng, chú Tài, bác Hạnh, anh Tuấn... Tất cả hai mươi bốn người phải sắp áo mũ chỉnh tề vào tế Thánh.

Mọi người đều im, lắng tai nghe ông đồ Hải đọc xong lại ồn ào lên bàn tán. Ông Tú Chinh lên tiếng hỏi trống không:

– Các cụ đến đủ chưa?

Một tên đàn em thưa:

– Bẩm ông, còn thiếu mấy ông nữa ạ.

– Đánh một hồi chín tiếng trống gọi giục đi cho các ông ấy ra mau tế kéo trưa rồi.

Tên kia vâng lời ra đánh hồi trống rất to và rất dài. Mấy ông đến muộn vội vàng hấp tấp chạy vào quán. Ông Tú quay ra hỏi đương cai:

– Sửa xong lễ chưa ông Hai?

Ông Hai Tìn lễ phép thưa:

– Dạ! bẩm các cụ, xong cả rồi, đèn hương trên bệ lên rồi. Lễ đang gánh tới kia ạ!

Ông Tú liền bảo mọi người:

– Vậy các quan viên sắp sửa mặc áo đi thôi chớ!

Trong bọn có người nói:

– Bẩm còn thiếu cậu Khóa Tuấn.

Ông Tú chép miệng:

– Chắc chắc! Cái thằng lại tiếc rề dạy cả buổi học hôm nay nên mới muộn thế.

Ông đồ Hải tiếp:

– Tôi đã bảo anh ấy nghỉ ngày hôm nay mà anh ấy không nghe.

Ông Tú trông ra gọi một tên trai tráng:

– Điền! Bảo thằng Mới chạy đi gọi anh Tuấn mau lên. Dặn nó bảo anh ấy chạy hỏa tốc ra các cụ đương chờ.

Điền chạy đi khỏi, một người đứng ngoài cửa quán trông về đầu làng vội nói:

– Kia rồi! anh ấy ra kia rồi!

Mọi người đều trông theo, thấy Tuấn đang mải miết theo bọn gánh lễ ra Văn chỉ. Tuấn quặt rề vào quán, chấp tay vái chào:

– Bẩm lạy các cụ quan viên ạ.

Ông nhứt Thân hỏi ngay:

– Sao cậu ra chậm thế?

Tuấn lễ phép đáp:

– Thưa ông, cháu bảo trẻ học vội lên một lúc, mà ra cũng muộn, thật đắc tội quá!

Ông Tú tươi cười nói:

– Tôi đã biết mà! anh chỉ mải dạy trẻ thôi, mau lên sắp sửa vào tế. Các cụ cử anh vào hiến lễ đấy.

Tuấn rụt rề phân trần:

– Bẩm trên các cụ, cháu ít tuổi, chưa hiểu lễ nghi, xin nhường để các cụ cử người khác.

Ông đồ Hải cười:

– Ít tuổi! Mười bảy rồi còn ít tuổi! Giá lấy vợ thì bà Cả nhà ta đã có cháu bé rồi đấy. Các cụ đã cắt đến phải làm, không nên tìm cớ mà trốn.

Ông Tú cũng bảo:

– Các cụ có trọng anh thì mới cử anh. Con nhà Nho được vào lễ thánh ở Văn chỉ là vinh hạnh lắm. Anh không nên cáo, nó sai!

Ông khóa Tân nói:

– Phải, ông Tú dạy phải. Người ta còn cầu cạnh chả được nữa là. Cậu cứ việc vào tế, cậu ạ!

Tuấn đành phải ấp úng nói:

Nhưng bấm các cụ, cháu không có áo!

Ông Nhiêu Bật lấu tấu nói ngay:

– Đây tôi có áo đây, cậu ạ. Tôi mang cả rương áo của chú Lý nó nhà tôi ra, phòng ai không có thì cho mượn. Cậu mặc thì vừa lắm. Chú nó cũng bé người như cậu.

Tuấn vui vẻ tỏ lời cảm tạ:

– Quý hóa quá! Ông cho cháu mượn, cháu xin đội ơn ông và ông Lý nhà ta lắm.

Ông Nhiêu liền giở áo mũ ra đưa cho Tuấn mượn, Tuấn đỡ lấy mặc. Mọi người đều xúm lại, kẻ cài giải áo cho chàng, người đội mũ lên đầu giúp, kẻ nắn ngay mép mũ vượt đôi dải mũ cho thẳng xuống sống lưng. Tuấn sung sướng cảm động quá hiện lên sắc mặt. Mà chàng sung sướng là phải. Chàng vốn biết cả dân làng vốn sẵn có thiện cảm với chàng. Còn ít tuổi, mà nhờ có học giỏi đỗ kỳ khảo khóa ở một dân làng trọng học, chàng đã được mời vào hội Tư văn từ mấy năm trước. Đến kỳ tế này chàng nghe rục rịch nói các cụ sẽ cử chàng vào dự tế, chàng hồi hộp lắm, nên hôm qua khi ở nhà học, lúc tên mõ đến mời, chàng đã bâng khuâng phác họa ra cái cảnh tượng cuộc tế linh đình hôm nay. Tuy nhiên chàng còn nhút nhát rụt rè, sáng hôm nay cố ý ở nhà dạy học trò để ra mượn, mong tránh khỏi cuộc tế. Nhưng khi đến nơi lại được người ta xúm xít vào sửa soạn hộ chàng. Chàng còn quay đi ngoảnh lại ngắm cái áo thụng lam xúng xính, thì ông Hai Tín đã sang nói với ông Tú:

– Thưa ông, lễ sắp xong cả rồi, mời các cụ sang tế.

Ông Tú mời mọi người:

– Nào mời các ông sang!

Mọi người dự tế đều thứ tự kéo nhau sang Văn chỉ. Những người làng đàn bà, con gái đứng đặc kín ở ngoài tường đợi xem. Các người tế chia làm hai đoàn tiến vào hai cổng; đứng hai bên, sau hai cái kỷ độ, trên mỗi cái bày tám cái dài. Liền mỗi kỷ độ, kê một cái giá *quán tẩy* để chậu quán tẩy, trên buộc cái khăn *thuế cân* một vuông vải đỏ tươi để lau tay. Trên hương án bày đôi cây nến to và cao ngọn cháy rung rinh có một mâm thịt lợn và một mâm xôi đầy với hai bình rượu để liền nhau. Ở án thực trong cùng, bày cả một mâm thịt gà, một mâm thủ lợn lòng chay, một mâm thịt dê tái, với hai bình

rượu. Trên các bệ đầy những đĩa hoa quả, trầu cau. Ở bệ đức Thánh lại có thêm ba cái đài nước. Những bát hương đã thấp cả đều cuộn cuộn khói bốc vụt lên tỏa lan ra mùi thơm lừng ngát... phảng phất như đón rước linh hồn các bậc Tiên Thánh, Tiên Hiền. Mọi người đều im lặng, kính cẩn... Hai ông Đông, Tây xướng đã đứng ra sau hai kỷ độc. Ông Nhiêu Bật, Đông xướng trình trọng chấp tay giơ lên ngang trán, xướng:

– *Khởi chinh cổ!*

Chiêng trống ngân nga thông thả liên tiếp nhau buông thũng ba hồi ba tiếng vừa dứt, ông Đông xướng lại lên tiếng:

– *Nhạc sanh tấu nhạc!*

Trống con, chũm chọe, beng beng và bát âm đồng thời nổi lên vang lừng luôn ba dịp cùng với chiêng trống rồi ngừng bật, ông Nhiêu lại xướng:

– *Cử soát tế vật!*

Trống lại rung nhịp nhàng, một viên chấp sự cầm đuốc theo viên chủ tế, đi khắp tất cả bệ cử soát lễ tế.

– *Ê mao huyết!*

Một người đem ít lông dê và tiết ra phía ngoài Văn chỉ đài chôn xuống đất. Ở trong này, ông Nhiêu xướng tiếp:

– *Chấp sự giả các tư kỳ sự!*

Các quan viên dự tế đều đứng ngay ngắn, người nào cũng sắp sửa làm việc.

– *Tế quan dữ Chấp sự quan, các nghệ quán tấu sở!*

Viên chủ tế cùng các viên dự tế đều đứng túm lại quanh hai giá chậu hai bên.

– *Quán tấu!*

– *Thuế cân!*

Mọi người đều nhúng mấy ngón tay vào chậu rồi lau lên khăn. Trống con trống cái vẫn nhịp nhàng nổi lên và im bật, theo tiếng xướng:

– *Bồi tế quan tộ vị!*

Ba ông bồi tế trình trọng bước vào chiếu ngoài cùng đứng thẳng hàng chữ nhất.

– *Tế quan tộ vị!*

Ông Tú Chinh nghiêm trang, nhẹ nhàng đặt hĩa lên chiếu trên, đứng ngay ngắn vào giữa.

– *Thượng hương!*

Mỗi bên, một viên chấp sự lấy hương, một viên bưng cây đèn ở kỷ độ vào chỗ viên quan chủ tế. Viên này cầm lấy hương, thấp cháy, giơ lên trán vái, rồi đưa cho hai viên chấp sự, đi dần từng bước đem đèn lên hương án và cắm hương lên bát.

– *Nghinh thần súc cung bái!*

Ông chủ tế thông thả chấp tay giơ lên quá trán khom lưng vái xuống, quỳ hai gối, dập đầu lạy. Ông khóa Tôn, Tây xướng, đứng buồn suốt từ nãy đến giờ, chưa phải làm gì, mãi những nói chuyện với người đứng xem, không biết, người ngoài vội giục:

– Kìa ông Khóa!

Ông khóa giật nảy mình, vội:

– ... À quên... *Hương!*

Những người ngồi đầy đều bưng miệng cười. May ông đồ Viết, người đứng coi cuộc tế thấy ai tế lỗi thì gài thẻ vào áo để rồi bắt khoán, lúc ấy lại đứng ở đằng kia, không nghe thấy.

– *Bái!*

– *Hưng!*

Theo xướng, viên chủ tế phải lễ bốn lượt.

– *Bình thân, hành sơ hiến lễ.*

Ông Tú Chinh đứng ngay người, chấp tay trước ngực, đợi dâng lễ lần thứ nhất.

– *Nghệ tửu tôn sở!*

Mỗi bên tám ông Hiến lễ đều đến đứng bên kỷ độ.

– *Tư tôn giả cử mịch!*

Mỗi người cầm lấy một cái dài rượu trên để cái chén con.

– *Chước tửu!*

Ai nấy đều rót rượu vào chén, trừ có một người đi đầu để chén không và một người cầm nhạo rượu lên để viên *chủ tế* rót vào chén.

– *Nghệ Đại thành Chí thánh Văn Tuyên Vương vị tiên!*

Viên chủ tế thông thả từ chiếu thứ ba hoành ra bên trái mép

chiếu, đi thẳng lên chiếu thứ nhất, ngoặt vào chính giữa. Hai ông hiến lễ bưng đài và nhạo cũng đi lên đứng hai bên viên chủ tế.

– *Quì, tiến tước!*

Ba người cùng quì. Ông Tú Chinh cầm nhạo rượu rót ra chén ở trên đài, rồi cầm đài rượu giơ lên trán vái đưa đổi sang cho người bên này.

– *Hiến tước!*

Hai người đều đứng dang khuỳnh tay giơ lên ngang trán bưng rượu đệ lên bàn thờ. Ở ngoài mỗi bên sáu ông kia cũng đứng thẳng hàng, người nọ sau người kia khuỳnh tay bưng đài rượu, đi nhịp nhàng đàng đối nhau, nối theo với hai người kia. Tuấn thấp hơn cả đứng sau cùng hàng bên đông, cứ ghé đầu trông hàng mình, rồi lại quay mặt trông hàng bên kia. Trống vẫn cứ đổ dập lên xuống đều đều theo điệu bước. Cứ mỗi dập trống xuống là một lượt bước. Tuấn xăm xăm chân chỉ chục bước, nhưng người đi trước vẫn cứ đứng yên, đợi người trên đi rồi mới nhẹ nhàng đưa chân. Tuấn trông hàng bên kia, người ta đã bước đều đặn gần hết cả rồi, sốt ruột quá, đến lúc người trước vừa bước đi, chàng đưa dài chân bước đánh phất một cái, thành ra quá đà, vượt cao hơn người cuối hàng kia, chàng phải vội vàng lui lại một bước ngắn. Ông Nhiều Bật, đứng Đông xướng gần đấy, liền bảo:

– Cậu Tuấn cứ trông người bên kia mà đi, đừng bước mau quá chậm quá, sai hàng bị bắt đấy, cậu ạ!

Ông đồ Viết cũng chạy lại gần chàng, khẽ bảo:

– Bận sau, còn như thế, cậu được thẻ đấy cậu ạ!

Tuấn sợ toát mồ hôi, tiêu tán cả nỗi vui mừng ban nãy, chỉ lấm lét trông người cuối hàng bên kia mà theo nhịp. Trống vẫn lên xuống, người vẫn đều bước. Đến gần bệ Tứ Phối, mỗi bên ba người đầu đi quanh ngang vào. Còn năm người sau cứ theo lối thẳng đến trước những bệ Thập Triết. Hai người đi đầu trước, vào mãi đến bệ Thánh để dâng nhạo rượu và đài rượu ông chủ tế vừa rót. Bốn người kia thì ra dâng ở bệ Tứ Phối. Họ đi rất đều và rất đúng, mỗi người đến trước mỗi bệ cùng một lúc và cùng đặt rượu lên một loạt, vừa lúc trống hạ xuống và ngừng bật. Ngoài kia, ông Đông xướng lại lên giọng:

– *Phủ phục!*

– *Hưng!*

– *Bình thân, phục vị!*

Viên chủ tế đứng ngay người vái, rồi đi lượn trở về chiếu thứ ba đứng.

– *Đọc chúc!*

– *Nghệ đọc chúc vị!*

Viên chủ tế lại đi lên chiếu thứ nhất, có hai ông đọc chúc và chuyển chúc đứng hai bên.

– *Giai quì!*

– Ba ông trên chiếu nhất và cả ba ông bồi tế ở đằng sau đều quì xuống.

– *Chuyển chúc!*

Ông chuyển chúc ở bên phải hai tay nâng giá chúc đưa cho chủ tế vái rồi đưa chuyển sang cho ông đọc chúc.

– *Đọc chúc!*

Trống rung một dịp nữa rồi im bật, ai nấy im hít lắng nghe. Ông đọc chúc hai tay nâng giá chúc đưa lên mặt ề ừ lên giọng, đọc rất ngân nga:

– Duy Đại Nam quốc, Tự Đức...

Chợt mấy người ngoài tường thì thầm:

– Kìa cô Tuyết đã ra!

– Chị Tuyết mới về, đã ra lấy phần đấy! Tuấn cũng vội trông với ra: chính cô Tuyết mặc áo vải dài tứ thân, thắt múi đằng trước, đang nhẹ nhàng rẽ vào Văn chỉ, trong lòng chàng tự nhiên vui sướng bội phần, chàng hồi hộp lắm, cứ lăm lét trông theo Tuyết. Ông Hai Tín, ở trong Văn chỉ ra gặp Tuyết dòn dĩa mời:

– Rước cô sang quán xơi trâu ạ!

Ông đứng che khuất mắt cô. Tuấn bực mình quay vào cố lắng tai nghe, thấy người ta đọc tiếp:

... Chủ tế, Bính Tý khoa Hoàng giáp, linh Hải Dương Án sát sứ, Nguyễn Đức Tâm, Nhiếp tế, Tú tài Nguyễn Văn Chính, đồng hội văn nhân thượng hạ đẳng, cẩn dĩ...

Chợt nghe thấy tiếng nói trong trẻo êm như đàn của cô Tuyết gần sát đầu đấy. Tuấn vội quay nhìn tìm kiếm, chàng mừng quá, đương mong mỏi cô Tuyết rẽ vào đây xem chàng tế, thì đây, cô đã

lách qua bọn gái làng đến giáp tường, gần chỗ chàng đứng. Chàng nhìn Tuyết đương mỉm cười với mấy bạn gái. Chàng được thỏa sức say sưa ngắm nghía khuôn mặt bầu bầu da trắng mịn, má phơn phớt hồng của con người ngọc, mà chưa bao giờ chàng dám nhìn lâu thế.

Bỗng chàng giật mình quay lại, trống chiêng âm nhạc vừa đồng thời nổi giục lên mấy tiếng, thì ra người ta đọc đến duệ hiệu đức Thánh:

– ... *Đại Thánh Chí Thành Văn Tuyên Vương Tiên sư Khổng Tử, vi tiên.*

Rồi trống cứ nổi liên tiếp khi người ta đọc đến danh hiệu các vị Tứ Phối, Thập Triết, và các vị danh Nho được phối hưởng. Tuấn yên chí lại ngoảnh ra nhìn trộm Tuyết. Lần này bất gặp cặp mắt đen lánh trong suốt của nàng trông lên, chàng bẽn lẽn cúi xuống nhìn lảng ra, và khẽ chào:

– Thưa chị ra chơi!

Nhưng hình như Tuyết không nghe thấy hỏi át đi:

– Anh Tuấn cũng vào tế kia à?

Tuấn cảm động đáp:

– Vâng, các cụ hàng hội cất phải vào!

Chàng sung sướng quá, miên man tư tưởng đến cô Tuyết, cho mãi đến khi ông đồ Cân ở trên đọc chữ: “*Thượng Hương*”, chiêng trống đồng thời lại nổi vang rất nhịp nhàng, chàng mới vội lo bốn phận, dậm chân tự bắt nghi vào việc tế. Ông đọc chúc đã đưa giá chúc cho ông chuyển chúc mang để lên hương án, rồi hai ông cùng vái lui ra.

Ông Đông xướng lên tiếng:

– *Phủ phục!*

Ông Chính tế và ba ông Bồi tế đều lạy.

– *Hưng!*

– *Bái!*

– *Hưng!*

– *Bình thân, phục vị!*

Ông chủ tế lại trở về chiếu thứ ba.

– *Hành á hiến lễ!* (Dâng lễ lần thứ hai).

Lại như lần trước các ông hiến lễ, rót rượu, bưng rượu, ông Chính

tế dẫn bước lên chiếu thứ nhất quỳ rót rượu dâng lên, Tuấn lượt này đã quen rồi, cố đi rất đều và rất đẹp để khoe với Tuyết, đang đứng ở ngoài, tươi cười nhìn chàng dẫn rượu.

Xong đâu đấy, viên chủ tế lại trở về chiếu thứ ba.

– *Hành chung hiến lễ!* (Dâng lễ lần chót).

Lần này cũng như hai lần trước, mọi người đều phải theo lời xướng mà làm đúng.

Viên chủ tế đã về chiếu thứ ba rồi, ông Đông xướng lại tiếp.

– *Âm phúc!* (Uống rượu bạn)

Nghệ âm phúc vị!

Viên chủ tế đi lên chiếu giữa (chiếu thứ nhì)

– *Quỳ!*

– *Âm phúc!*

– *Thụ tộ!*

Viên chủ tế quỳ xuống. Một người bưng ở trên hương án xuống một chén rượu đưa cho. Viên ấy nhận lấy, vái tạ một cái rồi uống. Lại bưng đĩa lộc xuống cho, viên ấy nhận lấy vái tạ rồi đưa ra.

– *Phủ phục!*

Viên chủ tế lễ hai lễ rồi, về chiếu cũ ở chiếu dưới.

– *Lễ tứ cúc cung bái!*

Tất cả chủ tế và bồi tế đều lễ bốn lễ!

– *Bình thân!*

– *Phân chúc!*

Ông phân chúc lên hương án lột lấy tờ chúc cuộn tròn châm vào lửa đốt cho cháy đều, rồi để lên giữa bàn tay giơ lên, đợi cháy gần đến bàn tay, tung hất lên cho tàn bay tỏa tản mát ra chung quanh. Đoạn ông chấp tay vái, rồi đi xuống.

– *Lễ tất!*

Chuông trống rung dịp một hồi, rồi gõ vào tang “cắc” một tiếng chấm hết.

Ông Chính tế và ba ông bồi tế lui ra, cởi mũ áo. Các ông dự tế lần lượt vào lễ tạ. Tám người một lượt, đứng đều làm hai hàng chiếu trên và chiếu dưới, lễ bốn lễ, bốn vái. Phường trống lại rung, trống lễ rất

nhịp nhàng, liên thỉnh không ngắt. Sau các người tề, tiếp đến các kỳ lý, huynh thứ có chân trong hội và có mặt ở đây. Thành ra cuộc lễ kéo dài mãi mới xong. Tuấn lễ xong cởi áo mũ, gấp lại tử tế, đưa trả ông Nhiêu Bật, rồi vội sang bên quán để mong gặp cô Tuyết. Nhưng các cụ quan viên cũng đã kéo ra cả. Người nào cũng vồn vã chào hỏi cô:

– Chào cô ra chơi ạ!

– Chào cô! mời cô vào xơi trầu!

– Kìa! chào chị!

– Kính cô ạ! Đạo này, cô mới ở ngoài tỉnh Đông về? quan lớn nhà vẫn được vinh an?

Cô Tuyết tươi cười nhũn nhận đáp lời từng người. Vì cô là con gái út quan Hoàng giáp Tâm nên ai cũng kính nể, sẵn đón chào hỏi, Tuấn không dám hỏi chen vào.

Ông Hai Tín bưng cối trầu ra mời Tuyết:

– Xin rước cô mời khẩu trầu lộc thánh.

Cô tươi cười từ chối:

– Rước các cụ ạ, cháu không biết ăn trầu.

Ông đồ Hải liền nói:

– Thưa cô, cô chê trầu của chúng tôi, thì xin cô vui lòng xơi miếng trầu phần của quan lớn nhà vậy.

– Dạ! Thưa cụ, cháu chả dám ạ!

Ông đồ Viết nói thêm:

– Thì cô cứ ăn một miếng xem nó có tươi không nào? trầu này cũng là trầu văn học đấy chứ!

Bất đắc dĩ cô phải thò tay vào đĩa lấy miếng trầu và mời:

– Xin rước các cụ, các ông, các bác, mời trầu ạ!

Mọi người đều nói:

“Tôi, không dám ạ, xin mời cô!”

Ông Hai Tín vào thì thầm hỏi nhỏ ông Tú và các hàn nhất rồi ra nói với cô Tuyết:

– Thưa cô, phần quan lớn, quan Huấn và cậu Hai, chúng tôi đã sắp cả ra đây rồi, xin rước cô về để cho trẻ mang lễ biếu quan lớn, vào hầu bà lớn luôn cả một thể.

Tuyết đáp:

– Chết! Thưa ông, cháu không dám phiền ông quá thế, về chị¹ cháu mừng.

– Không việc gì ạ, các cụ đây bảo thế, tôi phải tuân, xin cô cứ về, tôi cho nó đội theo. Bà lớn mừng tôi chịu ạ. Rồi quay lại, ông sai một tên tráng:

– Đây, cái thủ này, đĩa lòng chay, đĩa tái, đĩa xôi, và nhạo rượu, cơm trầu này là lễ biếu quan Hoàng giáp. Còn đây là ba phần của nhà quan lớn, chú đem vào bày ra nói biếu bà lớn tử tế nhé. Thôi đi đi. Để đây, kệ chúng tôi.

Tên tráng đội quả đi rồi. Tuyết cũng chào mọi người, rồi ra về. Bước ra cửa quán, trông thấy Tuấn nàng vội chào trước:

– Chào anh Tuấn về sau nhé. Tôi chực ra lấy phần, mà các cụ không khiến.

Tuấn tươi cười bảo:

– Thế là các cụ bảo chị không phải là con trai không dự văn thân, nên các cụ không mượn

Tuyết cười đáp:

– Anh thì chỉ được cái thế! Thôi chào anh!

– Tôi không dám. Lạy chị lại nhà!

Tuấn bâng khuâng nhìn theo Tuyết thoăn thoắt bước đều qua đồng lúa xanh rì, xa xa dần...

Những trai làng tinh ý, trông chàng, hóm hỉnh cùng nhau khúc khích cười như mả mai chế giễu...

1. Tuyết là con bà hai, nên gọi mẹ đẻ bằng chị.

CHƯƠNG III

Tuấn quen biết cô Tuyết đã ba năm nay, từ khi quan Hoàng giáp Tâm chịu tang cụ cố ông, cáo quan về nhà dạy học. Khi ấy quan Hoàng đang giữ chức Đốc học tỉnh Hà Nội, danh vọng lẫy lừng cả đất Bắc Kỳ. Nên được tin ngài thiết trường ở nhà, tất cả con em trong làng, và khắp gần xa phục tài mến tiếng ngài, đều đua nhau kéo đến học tập rất đông. Học trò lớp ấy thành đạt cũng nhiều. Tuấn là người làng cũng bắt đầu học ngài từ đấy. Còn ít tuổi mà đã học giỏi, chàng được quan yêu quý lắm. Ngài thường giữ chàng ở lại để sai bảo việc vặt ở nhà học. Có việc gì giao thiệp với các bạn văn thân, là ngài phái chàng đi. Ngài thường bảo với bà vợ:

—Thằng Tuấn nó khá đấy. Tính khí nó nhẹ nhàu, ứng đối hoạt bát, sai đi đâu cũng được việc, mà lại còn làm vẻ vang cho mình là đằng khác. Mấy ai có được đứa học trò trẻ tuổi, mà khôi ngô lanh lợi lại hay chữ như thế.

Nghĩa là quan Nghè nói ý cho hai bà biết, phải đối đãi với Tuấn tử tế, không nên thấy chàng nghèo hèn mà khinh rẻ. Nhưng hai bà lại vẫn quý trọng chịu chuồng chàng từ trước, có việc gì cần vẫn mượn đến chàng giúp, và có thức ăn gì quý vẫn để phần chàng. Vì thế chàng được coi như người nhà và được quen thân cô Tuyết. Nhưng bao giờ chàng dám mơ tưởng đến cô, dầu mơ tưởng thầm kín nén trong đáy lòng cũng vậy. Con nhà nghèo, lại mồ côi cha từ nhỏ, chàng chỉ mong mỗi làm lên danh giá, báo đáp mẹ già, cho hết đạo làm con. Được quan Hoàng yêu quý và hết sức dạy bảo, chàng chỉ dốc một lòng học tập và nhứt nhứt tuân theo lời chỉ giáo của ngài, mong cho chóng thành tài. Ngoài ra, chàng không nghĩ đến gì hết. Được gần gũi cô Tuyết, biết rõ tính tình cô, nghe luôn tiếng cười giọng nói của cô, chàng càng thấy địa vị cô cao quý, mà phận mình, so lại, càng thêm thấp hèn nên đối với cô, lúc nào chàng cũng tỏ ra phận bề dưới, ngoan ngoãn và dễ bảo.

“Con gái yêu của quan Hoàng giáp danh tiếng vang lừng, một

anh đã đỡ cử nhân bố Huấn đạo, một anh, văn chương cũng lão đảo trường ốc, hai chị đều lấy chồng hay chữ, con quan Hướng lô, Đốc học. Cô lại đảm đang nhan sắc hơn, phải lấy vào nơi Thượng thư, Tổng đốc, Bằng nhân, Thám hoa mới đáng”.

Tuấn thường thành thực mong cầu cho cô như vậy.

Nhưng tâm trạng con người ta thường đột nhiên quay chiều rất mãnh liệt, khi ngoại cảnh thuận tiện tự nhiên rội vào mấy tia hy vọng chói lòa. Tuấn bây giờ cũng vậy. Lòng chàng đang phẳng lặng như mặt nước hồ thu, thế mà bỗng dưng bật lên rung động, nhân một hôm...

Hôm ấy, quan Hoàng giáp nhận được chỉ triệu bổ ngài làm Án sát tỉnh Hải Dương, bạn bè rủ nhau đến mừng rất đông. Vui câu chuyện, họ có nhắc đến việc gầy dựng cho cô Tuyết, ngài liền vui vẻ trịnh trọng nói:

– Con bé này, tôi lại nghĩ khác. Tôi đã bảo bà nó nhà tôi với chị Hai rằng hai đứa lớn đã gả lấy chồng xa cả, còn con bé này thì để nó gần gũi ở nhà, quây quần có nhau vui... *Có con mà gả chồng gần Có bát canh cần nó cũng đem cho...* Các ông tính có phải? Chúng tôi định xem trong làng hay ra ngoài hàng tổng, hàng huyện quanh đây, có ai học hành khá giả, trong nhà hòa thuận, trên kính dưới nhường, không cứ giàu nghèo, tôi cũng cho con về làm dâu.

Một ông tán dương:

– Bẩm vâng, Quan lớn định thế là rất phải, bẩm hai cô kia lấy chồng xa quá rồi. Còn cô này quan lớn nên cho ở gần. Bẩm xin quan lớn đại xá cho, chớ:

*Có con mà gả chồng xa,
Trước là mất giỗ, sau là mất con!*

Ông Nghè cười tiếp:

– Vâng tôi cũng nghĩ thế. Nên tôi xem hễ đám nào ưng ý là tôi cho không. Ăn uống lễ nghĩa, đã có hai con chị nó. Đến con này, rắm ghém qua loa cũng được.

Bao nhiêu những lời nói ấy đều lọt vào tai Tuấn cả. Tự nhiên chàng thấy xao xuyến trong lòng. Bấy giờ chàng mới dám mơ ước đến Tuyết, chàng bâng khuâng tự nghĩ:

– Biết đâu cái người may mắn lại chả là ta!

Rồi chàng tưởng tượng cận kề từng ly từng tí đến dáng điệu yêu

kiêu và vẻ đẹp kín đáo của cô Tuyết. Chàng mơ ước đến tận thân tròn trĩnh mềm mại, đến nước da mịn màng, bàn tay trắng muốt với những ngón búp măng thanh thanh, bàn chân nhỏ, gót bồ câu, bước rất nhẹ nhàng... chàng mê mết cái khuôn mặt bầu bầu, đôi má phơn phớt hồng, đôi môi đỏ thắm trên cái miệng tươi như hoa, cười hé đôi hàm răng rất đều, nhỏ tăn tăn và đen lanh lảnh. Cái mũi dọc dừa, hơi hớn hót với hai vành mỏng và mỡ, làm cho nét mặt càng thêm tươi và lúc nào cũng giữ được nét vui vẻ... Hai con mắt lá răm trong sáng dịu dàng, dưới đôi mày dài lá liễu cong cong xanh mượt, nhìn ai là như tỏa hết mọi vẻ hiền từ cảm hóa người ta. Trên cái trán hơi dô, là một làn tóc mây đen óng ả vấn gọn trong cái vành khăn nhiễu tam giang tím thắm, để buông cái đuôi gà óng mượt chấm ngang vai, thật là cả một bài thơ hay đầy đủ vẻ. Cái vẻ đẹp thiên nhiên ấy hòa với vẻ đẹp trong tính tình đã thừa sức quyến rũ anh chàng Tuấn trẻ hiền lành và ngoan ngoãn. Chàng đã dám mê man nghĩ đến tất mọi lạc thú thanh cao và thông thường của một đôi vợ chồng trẻ. Chàng tưởng tượng đến cả ôm bế nàng vào lòng. Chàng chỉ còn không có gan như anh chàng Trương Viên trong tích hát, nhà nghèo *muốt* mừng tơi mà dám bắt mẹ mang trâu vào hỏi con quan Thừa tướng. Tuấn cũng nghĩ vậy, mỉm cười tự nhủ:

– Mình thật không có gan như anh chàng họ Trương! Có lẽ mình hèn hơn họ!

Từ đấy hễ trông thấy Tuyết là chàng bẽn lẽn cúi mặt hay quay trông đi chỗ khác, không dám nhìn thẳng vào mặt nàng như trước nữa. Chàng lại hay ngắm trộm dung nhan cô. Trái lại cô Tuyết vẫn thản nhiên như không, vẫn sai bảo chàng như thường. Cô cũng biết, ý định của cha mẹ, và học trò quanh vùng này, cô cũng thấy Tuấn ít tuổi và học giỏi hơn cả, cô vẫn tỏ ý quý trọng và phưởng phất có chút lòng kính mến. Nhưng tâm hồn còn trong trắng ngây thơ và tiêm nhiễm đạo lý của gia giáo, cô chưa hề để cho trong lòng vẫn đục mơ màng, phó mặc việc chồng con cha mẹ định. Nên đối với Tuấn, cô vẫn coi như người nhà... Tuấn lại càng thêm luống cuống thần thờ.

Rồi quan Hoàng đi nhậm chức. Không có việc gì, Tuấn không được ra vào luôn nhà ngài nữa. Kể đến cô Tuyết cũng theo quan ra tỉnh Đông, giúp đỡ việc nhà, ít khi được thấy thấp thoáng bóng hồng ở nơi thôn xóm. Chỉ khổ cho anh chàng Tuấn thôi, lòng cứ hoang mang mơ tưởng hoài! Mà khổ hơn nữa là ý định của quan lớn đã lan

ra khắp cả, ai ai cũng biết, bọn trai làng đem lòng mơ tưởng mỹ nhân, cố ra công học tập, vẫn tỏ ra ghen tị với Tuấn được ra vào thân mật nơi nhà quan. Chúng vẫn bóng gió châm biếm chàng, chàng phải nhiều lần phân trần giữ tiếng.

Cho đến hôm nay cũng vậy, lúc ở ngoài Văn chỉ, chàng nhìn trộm cô Tuyết bọn trai biết cả. Và đến khi cô Tuyết chào chàng đi về, bọn chúng ranh mãnh cười, và đợi cho cô đi xa hẳn rồi, chúng mới xúm lại khê bảo Tuấn:

– Thế nào chả về tay anh!

Chàng ngỡ ngác hỏi:

– Các anh bảo cái gì kia ạ!

Một tên cười tiếp:

– Anh lại còn khéo vờ lăm. Anh quên lời nói của quan Hoàng giáp rồi à?

Tuấn vội sợ sệt đáp:

– Ấy chết! các anh không nên nghĩ thế. Đối với chị Tuyết, tôi là bề dưới, kẻ hầu, người hạ, ai có kể đến.

Chàng tức giận bọn kia lắm, và lại càng nhớ tưởng đến Tuyết gấp bội. Mang phần tư văn về cho mẹ, thái ăn qua loa mấy miếng thịt, một ít xôi, rồi chàng đi nằm. Bà mẹ thương con dịu dàng hỏi:

– Sao con ăn ít thế?

– Thưa mẹ, con uống rượu lễ ở ngoài Văn chỉ say và ăn no rồi. Kỳ này con có cả phần biểu tế kia đấy.

Nói thế rồi chàng nằm miên man nghĩ đến cô Tuyết, chàng cố tránh tiếng không đến nhà quan, nhưng chàng vẫn mong mỗi có dịp gặp mặt cô, nói chuyện với cô, Chàng đương thả luồng tư tưởng theo giấc mộng xa vời thì ở ngoài cổng có người gọi đánh chó. Chàng ngẩng cổ lên xem: Bà cụ đã ra đến cổng và văng vẳng có tiếng nói:

– Bà lớn bảo cậu Tuấn vào bà lớn hỏi gì ấy!

Bà cụ nói:

– Vâng chú về thưa với bà lớn rằng, cháu nó chạy đâu ấy, để tôi bảo cháu nó vào hầu bà lớn sau.

Nghe thấy thế, chàng mừng ít lo nhiều, lo có điều tiếng gì đến tai bà lớn nên người cho gọi vào để quở trách, chàng liền cúi đầu xuống

nằm im. Bà cụ ở ngoài đi vào, khè để tay lên rờ đầu chàng thấy động đây, bà hỏi:

– Con đã tỉnh rượu chưa? Trong bà lớn vừa cho người ra gọi con đấy. Ít tuổi, ai bảo uống rượu vào nào, mấy rày cũng hư đốn ra đấy!

Tuấn ngồi dậy, tươi cười nói nũng với mẹ:

– Con có say rượu đâu! Con phải vào tể, mệt đấy chớ! Bà lớn cho gọi con việc gì thế?

– Ai biết được! Bà lớn cho gọi, mẹ bảo con đi vắng, sẽ vào sau. Tỉnh rồi thì vào đi kéo bà lớn lại nhắc.

– Vâng, thế để con đi!

Tuấn mặc vội cái áo dài vào, rồi đi. Đến nơi thấy bà Nghè ở dưới bếp, chàng ngoặt xuống, bước lên hè và chào:

– Bẩm bà lớn ạ!

Bà Nghè đáp:

– Không dám! anh!

Thấy Tuyết đang đun bếp, chàng vội chào:

– Thưa chị ạ!

Cô ngoảnh ra cười chào lại!

– À anh Tuấn!

Bà lớn nói:

– Thầy gửi bức thư về, bảo nhờ anh việc gì ấy. Để tôi lấy anh xem... Cái thư tao để đâu ấy Tuyết nhỉ?

– Thưa chị, chị để ở đâu trong tráp trên án sách ấy mà.

Bà lớn đứng lên đi lấy thư. Tuấn sung sướng được ngồi lại một mình với Tuyết, bâng khuâng chưa biết gợi chuyện thế nào, thì cô đã tươi cười hỏi:

– Anh Tuấn dạo này có đông học trò không?

Tuấn vui mừng quá sức ngập ngừng đáp:

– Thưa chị được ba chục đứa ạ!

– Đã có đứa nào học theo “Tiểu tập” chưa?

– Thưa chị, cũng có mười đứa ạ!

– Ô, thế thì khá! Dễ trường anh đông nhất đấy nhỉ?

– Còn kém trường ông đồ Viết.

- Anh ngồi đây, ông Phó Chu nuôi cơm, hay cả học trò bồ nhau nuôi.
- Thưa chị, nhà chủ nuôi cơm, còn học trò ngoài tính công.
- Thôi thế cũng được. Còn hơn đi ra ngoài. *Minh*¹ còn luyện thêm, vả được gần gũi mẹ già!

Tuấn sung sướng nghe lời bàn hơn thiệt ấy thêm phần khởi trong lòng. Bà lớn đã cầm bức thơ xuống đưa cho chàng và nói:

- Đây, thầy viết thơ cho tôi, bảo anh ra đi việc gì giúp thầy mấy hôm. Anh đọc mà xem.

Tuấn hai tay đỡ lấy tờ giấy hoa tiên gấp tư. Chàng khẽ mở ra, trên tờ giấy màu hồng in con chim sẻ đậu cành trúc thắm hơn, múa mang những dòng chữ tươi như hoa, đều như gấm, chàng lẩm bẩm đọc:

“Gió thu mát, nước thu trong, trăng thu đẹp, đối cảnh Thu, ta ở ngoài ngàn dặm chạnh nhớ đến hiền thiếp nơi quê một mình gánh vác bao công việc. Ở ngoài này, chốn cầm đường² tuy bận việc, mà nhà linh ngữ³ vẫn vắng không. Đây là điều ta hằng mong mỏi. Trên mẹ già ơn trời vẫn khỏe mạnh vui tươi, dưới con cái, nhờ đất cũng chuyên cần hiếu nghĩa. Cả nhà đông đủ, mỗi bữa cơm lại nhớ đến hiền thiếp. Thằng trẻ Ân đã khỏe rồi, chị bá Tiết vẫn còn ở lại. Ta và chị cả vẫn an khang như trước. Giấy ngắn tình dài, khôn nói hết nỗi niềm thắm thía. Ý giàu lời ít, để ghi đây một kính tin. Nhân cho trẻ Tuyết về vui dưới gối, nên có chút quà thường gọi là *Quý vị Tể quân*⁴”.

“Sau nữa nhờ hiền thiếp bảo anh Tuấn bớt ít ngày ra ngoài này, ta cậy chút việc. Ra sớm được càng hay. *Du bất tuyền*⁵”.

Tuấn đọc xong, còn ngấm nghĩa tờ giấy, bà lớn liền bảo:

- Đạo này, thầy bận việc quan, mà cậu Hai lại đau, nên thầy muốn mượn anh ra, cho anh đi chơi mấy hôm. Anh liệu xem có cho học trò nghỉ được mười hôm mà đi hộ thầy, thì lại đây tôi đưa tiền cho mà đi. Cho nghỉ lâu thế có được, hay họ kêu?

Tuấn đang phân vân nghi ngại thấy hỏi liền thưa:

-
1. Chữ mình đây không có nghĩa thân mật như ngày nay.
 2. Công đường.
 3. Nhà giam.
 4. Gửi lễ về cho vợ. Tể quân là vợ.
 5. Thưa không nói nữa.

– Vâng, được ạ! Để con bảo ông Phó Chu.

– Ừ, bảo họ xem sao, rồi lại đây tôi sắp sửa cho mà đi. Ngày mai, mười ba, *tam nương*, ngày kia, *nguyệt kỵ*, thôi, để đến rằm đi sớm, rằm vừa vào ngày chúng nó nghỉ việc làng trù thu luôn thể.

– Vâng... Thưa bà lớn, quan lớn con gửi thư ai về thế?

Tuấn cũng thừa biết rồi, nhưng cứ hỏi cho có chuyện.

– Ấy chị Tuyết mới về hôm qua!

Tuấn đưa đà sang câu hỏi khác, để mong Tuyết trả lời:

– Bẩm bà lớn, ra tỉnh Đông đi lối tắt nào gần ạ?

Quả nhiên, Tuyết lạnh chanh đáp:

– Đây là Cầu Không, rồi sang Xuôi, Hới thẳng Bân, Sặt là đến.

Bà án vừa tằm trâu xong mấy miếng trâu bửa trái cau ra bỏ vào đĩa, rồi đặt giữa giường bảo Tuấn:

– Anh, ăn trâu anh!

– Bẩm vâng xin rước bà lớn mời trâu, mời chị Tuyết mời trâu.

Tuyết đáp:

– Mời anh!

Bà án đứng dậy lên nhà, Tuyết cũng vừa bắc nồi rau ra vớt. Hai cái đĩa cả vớt rau lên rồi, hơi khói ngùn ngụt bốc lên, làm cô phải lim dim đôi mắt nghiêng né ra một bên. Nước da mặt hồng tươi bằng bằng vì hơi lửa nóng, làn tóc mai lửa tỏa vương đọng bụi tro, với dáng điệu tự nhiên, một tay cầm rổ, một tay mềm mại đưa đĩa cả vớt ở nồi ra thoăn thoắt, cô Tuyết lúc ấy mới lại càng tăng thêm mọi vẻ đẹp bộc lộ linh động. Bên làn khói hơi đục tỏa mờ, cô phảng phất như một vị tiên. Tuấn ngồi một mình, say sưa nhìn ngắm. Mãi đến lúc cô vớt hết rau, cầm đĩa cả bới giải rau ra rổ cho ráo nước, rồi ngẩng lên, bắt gặp cặp mắt đăm đúi ấy, chàng mới bẽn lẽn quay nhìn ra sân, và nói đánh lảng:

– Thưa chị, không có việc gì nữa, em xin phép về ạ.

Tuyết vui vẻ nói:

– Anh ở đây ăn cơm đã.

– Thưa chị em ăn cơm rồi về, còn phải ra trường cho chúng nó học, và nói cho ông Phó Chu biết.

Tuyết cười giòn tiếp:

– À phải rồi. Hôm nay anh đi uống rượu tể, còn thiết gì ăn cơm rau muống chấm tương với cà nữa mà mời.

Tuấn nghiêm nghị nói:

– Chị cứ dạy thế chứ! Em ăn cơm thật rồi. Không có, chị không bảo, em cũng cứ ở em ăn!

Bà lớn ở trên nhà xuống, mắng Tuyết:

– Anh ấy ăn rồi thì kệ anh ấy cho anh ấy về.

Quay lại Tuấn, bà dặn:

– Thế chiều mười bốn anh lại nhé.

– Bẩm bà lớn vâng ạ! Lạy bà lớn ạ. Lạy chị ạ!

Tuấn chào, rồi vui vẻ đi ra, sung sướng đã được dịp giúp việc cho nhà quan và gần Tuyết. Chàng triển miên mơ ước đến một ngày kia công thành danh toại, và được ăn đời ở kiếp với người mà chàng dốc một lòng kính yêu.

*

* *

CHƯƠNG IV

Tuấn đến Hải Dương vừa lúc sẩm tối. Tên lính cơ canh ngoài cổng Ty niết¹ hỏi qua loa, rồi vội vàng dắt chàng đi qua sân đình, vòng nhà công đường, rẽ ngoặt vào tư thất. Đến cửa một tòa nhà bề thế to như cái đình, hắn dừng lại khê gọi:

– Anh Cai! Anh Cai! Có người ở trong quê cụ lớn ra, xin vào hầu.

Một người tầm thước nhưng lạnh lẽ, ở trên hiên chạy xuống. Tuấn cất tiếng chào:

– Kính ông ạ!

– Tôi không dám, chào cậu! Cậu ở trong quê ra hầu quan?

– Vâng!

Người lính cơ ngoắt trở ra. Tuấn theo người Cai lệ nhẹ nhàng, bước ba bậc đá lên hiên. Trong nhà đã lên đèn sáng rực, chàng chực thuận bước tiến luôn vào nhà, nhưng Cai lệ vội chặn tay ngang ngực chàng can lại, và khê ghé tai nói:

– Cậu đứng yên đây! Để tôi vào bẩm quan đã.

Rồi người ấy rón rén đi vào, một lúc sau tiếp đến tiếng nói sang sảng quen quen:

– Cho người ta vào.

Tên Cai lệ lại rón rén đi ra hiên vẩy, dẫn chàng vào. Bước qua ngưỡng cửa lim nhẩn bóng, chàng rụt rè rón rén tiến đến trước quan Hoàng giáp đang ngồi nghiêm chỉnh trên cái sập gụ, sau một cái án sách chông chất những công văn. Chàng chưa kịp lễ và cất tiếng lạy chào, thì ngài đã hỏi giật:

– À! Anh Tuấn! Anh ở nhà đi từ hôm nào? Có thư của cô gửi ra không?

Tuấn đành đứng sững người, chấp tay, đáp:

1. Dinh Án sát.

Dạ! bẩm quan lớn có ạ!

– Đâu?

Tuấn liền giơ cong tay phải lên, đưa tay trái luôn qua ngực lấy ở túi áo vạt con ra một phong giấy vuông niêm phong tứ tế, trên có đề chữ thảo nét tươi như vẽ. Hai tay bung phong thư kính cẩn để lên án, rồi chàng rón rén đứng lui ra một bên. Lật đi, lật lại phong thư, nhìn qua nét chữ, quan Án xé phong lấy ra một tờ giấy hoa tiên, cầm giơ lên gần đĩa đèn để đọc. Bức thư dài, gằn kín cả hai trang giấy. Đọc xong ngài gấp thư lại, mở tráp bỏ vào, rồi tươi cười, ngồi ung dung rung đùi hỏi Tuấn:

– Cô Tuyết về hôm nào?

Tuấn lễ phép thưa:

– Dạ! Bẩm quan lớn, chị con về hôm mười một ạ.

– Anh ở nhà đi từ hôm nào?

– Bẩm sáng hôm nay con mới đi.

– Giá anh sớm một tý vào độ hôm qua, hôm kia...

– Dạ! Bẩm quan lớn, chị con về hôm mười một, mười hai làng tế tư văn, đến chiều bà lớn mới bảo con, bà lớn lại kiêng mười ba *tam nương*, mười tư *nguyệt kỵ*, nên hôm nay bà lớn mới cho đi.

– Ừ, thôi cũng được. Tế tư văn năm nay ở làng có được đủ nghi lễ không? Hay lại cào quấy sơ xuất thì phải tội chết! Ai vào mạnh bái?

– Dạ! Bẩm, ông Tú Chinh nhiếp tế. Năm nay trời đẹp tế có phần long trọng lắm ạ.

Không thấy quan Án nói gì, chàng liền mạnh bạo hỏi:

– Bẩm quan lớn, con xin phép vào chào cố và bà lớn cùng hỏi thăm cậu Hai con ạ!

– Ừ! Anh Cai đâu?... Đưa anh Tuấn này vào chào cố, rồi dẫn anh ấy xuống nhà trình bà.

Nhìn chàng, ngài truyền thêm:

– Đi đi, rồi rửa chân tay, về bày cỗ trông trăng, hẵng ăn cơm một thể.

– Bẩm quan lớn vâng ạ!

Tuấn nhẹ nhàng theo Cai lệ bước ra ngoài hiên, thẳng lại phòng phía tây. Trong phòng này, đèn cũng đã thấp sáng: ánh sáng yếu ớt

chiều lờ mờ một bà cụ già tóc bạc phơ, đang lần tràng hạt, miệng lầm bầm tụng kinh. Ấy là cụ cố thân sinh ra quan Hoàng giáp, mới được phong vào hàng mạng phụ là *Cận Chính thực nhân*. Hai người bước vào phòng, cùng cất tiếng chào:

– Bẩm lạy cố ạ!

Bà cụ bỏ tràng hạt xuống giường, ngẩng đầu lên nhìn thấy một người đang lễ ở dưới đất, liền hỏi:

– Ai đấy?

Cai lệ đứng gần lại giường chấp tay, thưa to:

– Bẩm lạy cố, người trong quê ra, vào trình cố đấy ạ!

Cụ lại hỏi:

– Ai?

Tuấn vừa lễ xong hai lễ, đứng lên thưa:

– Bẩm lạy cố, con đây ạ!

– Con là ai? ...À...phải rồi... Tuấn phải không?

– Bẩm lạy cố vâng ạ, con ở trong quê vừa ra đến đây, vội đem đầu vào lạy cố, bái chúc cố phúc lộc đầy dẫy...

– Sao con đến tối thế? giờ mới đến đây à?

– Dạ. Bẩm lạy cố, con đi từ sáng kia đấy ạ!

– Trong quê ta có bình yên không?

– Bẩm lạy cố, nhờ Trời, nhờ Phật, nhờ cảnh hổ, hàng xã ta vẫn bình yên như thường.

– Thế là quý. Lúa má có tốt không?

– Bẩm cố, nhờ Trời mưa thuận, lúa tốt lắm ạ.

Giữa lúc ấy, cánh cửa vách ở góc phòng thông ra đằng sau hé mở đưa hai người đàn bà tiến vào. Tuấn đương đứng bên giường, vội lùi ra, luống cuống, chấp tay cúi đầu chào.

– Bẩm lạy bà lớn ạ... Bẩm lạy bà Bá ạ!

– À! Anh Tuấn. Anh cứ đứng yên anh ạ! anh vừa ra đá?

Bà đi trước, tức bà Án nói vậy, thì bà Bá, chị quan Án, vội hỏi:

– Anh vừa mới ra?

– Bẩm bà vâng ạ, con vừa ra đến đây, mới kịp vào trình quan lớn và chào cố.

– Trong làng ta bình yên đấy chứ?

– Bẩm vâng. Thưa bà mới ra chơi ngoài này?

– Tôi ra đã hơn hai tháng nay, cấy xong là tôi đi ngay. Đi chơi lâu quá, sốt ruột ông con nhà nó ở nhà, mà đòi về, thì ông lớn bà lớn cứ giữ, không cho về.

Cai lệ thấy mình đứng đấy, không được việc gì, liền chấp tay, nói cớ lời, xin phép:

– Bẩm lạy cố ngài nghỉ, thưa bà lớn và bà Bá con xin phép ra ngoài ạ.

Bà cụ gật đầu:

– Ừ!

Bà Án gọi giục:

– Hôm nay anh ở trong này nhé. Đừng về nhà nữa, ở đây ăn tết.

– Bẩm bà lớn vâng ạ!

Quay vào bà hỏi Tuấn:

– Cái Tuyết về đến nhà rồi chứ?

– Bẩm bà lớn vâng ạ. Chị con về từ hôm mười một kia ạ!

Bà Bá nói:

– Chóng nhỉ, chúng nó đi không đầy một ngày.

Bà Án tiếp:

– Cho nó về mà tôi vẫn cứ lo, con bé nó còn dại dột lắm.

Bà Bá nói tiếp:

– Tôi chắc ở bác xã Đan, nên tôi mới dám bảo nó về.

Bà cụ cố cười tiếp:

– Hừ! Con Tuyết đừng có lên trời, họa chẳng nó mới biết sợ. Con gái đâu mà can trường thế không biết. Nó tha bắt nạt người ta là tốt.

Bà Án đứng im một lúc, sực nghĩ ra vội nói:

– Thưa mẹ, chị em con rủ nhau lên đây có câu chuyện chính lại quên mất. Thưa mẹ, cỗ trông trăng chúng nó bày đẹp quá, chúng con lên mời mẹ xuống xem, để rồi cùng phá cỗ với trẻ cho vui.

Bà cụ hỏi:

– Đứa nào bày?

– Thưa mẹ, thằng Hai nhà con, con cháu Hải nhà chị Bá, với bọn lính cơ ạ.

– Cậu Hai vừa mới khỏi đã ra đây, lại gió máy vào thôi!

– Thưa mẹ, nó ra xem qua một lúc, con lại bắt nó vào rồi. Xin mẹ xuống ạ.

– Bảo cả ông Án nữa chứ.

– Vâng, thưa mẹ, rồi nhà con cũng xuống ạ.

Quay lại Tuấn bà Án bảo:

Anh xuống trước, đi lối này mà xuống. Có cậu Hai ở đây.

Tuấn ngoan ngoãn đi rón rén theo cửa sau bước xuống dãy hiên nhà dưới, đi ra sân xem cỏ trông trăng.

Đêm hôm ấy, Tuấn ngủ ở ghế ngựa kê gần giường quan Án, trên nhà khách. Đi đường xa mệt, lại được vui vẻ dự cuộc phá cỗ rằm tháng tám, được nghe mấy bài tuyệt tác của quan Án vịnh Nguyệt trung thu, nên chàng ngủ ngon lành lắm. Sáng hôm sau tỉnh dậy trời vừa tang tảng sáng. Kể hầu người hạ trong dinh đã dậy cả rồi. Một tên gia nhân khẽ đẩy cánh cửa giữa ra đưa một cái hỏa lò than đỏ hồng. Chàng vội chạy ra đỡ lấy, và bảo người kia:

– Bác để đây tôi. Bác đổ đầy siêu nước lã đem vào đây nhé.

– Không! Quan dùng nước mưa kia. Nước mưa ở chum đầu hiên này, để tôi lấy.

Người ấy nói rồi đi ra một lúc xách siêu nước vào. Tuấn đỡ lấy đặt lên hỏa lò than mà chàng vừa quạt cháy đỏ lên rần rập. Chàng để ngay ngấn siêu nước lại, rồi đi lau bàn ghế, án thư và giường sập. Quan Án cũng vừa dậy. Ngài gọi lấy nước nóng súc miệng, lấy chậu nước rửa mặt, xong, ngài bảo Tuấn:

– Anh bưng đổ thau nước này tưới cho mấy cây hồng trước cửa nhé. Mở to cả mấy chuồng cửa ra, rồi vào mời bà Bá ra uống nước.

– Bẩm quan vâng ạ.

Chàng khẽ đi rón rén bưng chậu nước ra vườn. Đến lúc trở vào thì quan Án đã chít xong cái khăn nhiễu, mặc xong cái áo lương dài. Ngài ngồi xếp bằng ngay ngấn ở trên giường đang rung đùi khe khẽ ngâm thơ. Siêu nước vẫn chưa sôi, chàng đi mở to các cửa, rồi bưng khay ấm chén và bao chè ra toan pha, nhưng quan Án đã quay lại bảo:

– Anh để đấy tôi pha. Đi vào mời các bà ra. Dem cả khay chén hỏa lò lại đây.

Chàng tuân lời. Nhưng vừa ra đến cửa thì hai bà đã lên, bà nào cũng mặc áo dài gọn ghẽ. Chàng đứng nép ra bên, chấp tay vái chào. Bà Bá bước vào trước. Quan Án đương ngồi trên giường vội đứng xuống đất, cúi đầu chấp tay chào:

– Thưa chị ạ! Bẩm đêm, chị ngủ được yên giấc?

Bà Bá tươi cười đáp:

– Cậu!... Tôi nhờ Trời được cái ngủ cũng khá.

– Thưa chị, em chờ chị và nhà em lên để cùng sang thăm mẹ.

– Có, mợ ấy cũng lên kia, thằng cháu Hai cứ đòi lên quạt nước cho cậu, nhưng tôi không cho lên. Tôi bảo nó đau chưa khỏi mà bắt hơi lửa vào, phải lại thì oan gia!

– Vâng, phải để cho nó khỏi hẳn...

Lúc ấy bà Án mới vào:

– Ông ạ! Thưa ông ngủ được ngon giấc?

– Vâng, tôi vẫn như thường. Bà mấy hôm qua thế nào? Có trần trọc không?

– Dạ! Tôi nhờ Trời dun, Phật độ, vẫn còn ăn được ngủ được như sấm.

Bà Bá cười:

– Ấy thế là tốt. Người ta chỉ mong được vậy.

Quan Án vui vẻ nói:

– Để tôi ngó xem mẹ dậy chưa, chúng ta vào thăm.

Ngài khẽ đi lại cửa buồng thông ra nhà ngoài, thò đầu vào. Cô Hải, con gái út bà Bá, đang quét dọn trong buồng, trông thấy, liền nói:

– Thưa cậu, bà đã dậy rồi đấy ạ!

Tiếng bà cụ ở trong màn hỏi ra:

– Ai?

– Thưa mẹ, con đây ạ!

Nói rồi, ngài quay ra, bảo hai bà cùng vào.

Ngài bưng ấm chè vừa pha, bà Bá bưng chén chè nóng vừa rót đang bốc khói lên ngùn ngụt, còn bà Án hai tay bưng chậu thau nước đầy mà một tên gia đình vừa đưa lên. Ba người bước vào phòng. Cô

Hải đã mở to cửa bên và cửa sổ. Trong phòng sáng sủa. Cỗ màn đều vắt lên. Bà cụ cố, ngồi ở trong cũi hỏi:

– Các con đã dậy cả rồi kia à? Hôm qua thức khuya sao không ngủ trưa một chút cho khỏe?

Quan Ân nói:

– Chúng con vừa dậy, vội rủ nhau vào thăm mẹ, xem hôm qua mẹ ngủ có ngon giấc không. Rước mẹ lấy nước súc miệng rồi rửa mặt ạ.

Quan Ân đỡ lấy chén nước ở tay bà Bá để xuống giường. Cụ cố cầm lấy chén nhấp một ít súc miệng rồi nhổ ra cuối giường; lúc quay lại trông thấy bà Ân còn bung chậu nước, cụ vội nói:

– Chết! Con để vào giường này cho mẹ. Đã bảo để trẻ nó lấy cho, không thì tôi xuống nhà tôi rửa cũng được nó phiền phiền thì thôi, các anh các chị cứ về ra.

Bà Ân vội thưa:

– Dạ! Thưa mẹ, chúng con chỉ mong được hầu mẹ mãi như thế này. Mẹ già rồi, đi lại lẩm cẩm, thì bốn phận chúng con phải cơm bưng nước rót. Thưa mẹ, đêm qua mẹ ngủ được nhiều không ạ?

– Tôi chệnh choáng chén rượu vào, thành ra ngủ mệt quá, một mạch đến giờ mới dậy, chỉ lo các mợ và cậu Ân bận việc ngủ ít thôi!

Ba người cùng thưa:

– Dạ! Chúng con ngủ nhiều lắm ạ!

Cụ cố đang rửa mặt, bỗng ngừng tay lại hỏi:

– Thằng cháu Hai nó dậy chưa nhỉ?

Bà Ân vội thưa:

– Thưa mẹ, nó còn ngủ ạ!

– Ừ, nó ốm, đừng khua nó dậy sớm.

– Thưa vâng ạ!

Bà cụ rửa xong, bà Ân bung thau nước, nhưng Hải vội đỡ lấy và nói:

– Thưa mợ để con ạ!

Bà Bá hất chén nước thừa đi, rót nước nóng vào mời:

– Thưa mẹ mời nước chè nóng.

Bà cụ uống nước rồi hỏi qua mấy câu chuyện vặt trong nhà. Mỗi người đáp một câu cho vui ý bà cụ. Làn không khí đầm ấm thân mật như tràn ngập cả trong phòng. Sau cùng bà Ân hỏi bà cụ:

– Thưa mẹ, hôm nay mẹ thích ăn thức gì, mẹ bảo để chúng con kiếm!

Bà cụ vội chối:

– Thôi! thôi, tôi xin các mợ, không vờ vờ gì cả, tôi ăn thế nào cũng được, đừng lôi thôi. Cơm vàng mắm mặn đủ no là được rồi.

Quan Án nói:

– Thưa mẹ, mẹ một tuổi một già phải có miếng ngọt, miếng ngon, để mẹ ăn được nhiều cơm mới sống lâu được chứ, mẹ chịu kham khổ mãi rồi!

– Chẳng ngon ngọt thì đừng, đã chết ngay đấy mà sợ!

Bà Án cũng tươi cười nói:

– Nhưng, thưa mẹ, chúng con mong tìm thức ngon ngọt mẹ xơi, còn thừa chúng con kiếm miếng chứ.

Mọi người đều cười. Bà cụ nói tiếp:

– Mợ Án chỉ được cái khéo nói thôi. Mợ làm thế nào kệ mợ. Bất tôi ăn sang, là tôi về đấy, tôi không ở đâu. Tôi về tôi ở với con Tuyết. Vắng con bé là mình nhớ nhớ là thế này.

Quan Án liền nói:

– Vâng, mẹ dạy thế chúng con xin vâng!

Quay lại, nói với hai bà:

– Thôi, chúng ta xin phép mẹ đi ra. Ở đây nói trái ý mẹ, mẹ lại đòi về thì chết.

Bà Án rót chén nước nóng nữa, rồi chấp tay nói:

– Thưa mẹ nằm nghỉ, con xin phép xuống bảo chúng nó đi chợ. Chị Bá ở đây với mẹ.

– Thôi các chị xuống cả đi, tôi cũng xuống làm lụng gì, chớ ngồi đây buồn chết, ăn rồi lại ngồi, có núi cũng lở! Ông Án ra đi sắp sửa mà ra công đường. Hai chị cũng đi đi!

Ba người liền cùng thưa:

– Thưa mẹ nghỉ ạ!

– Ừ! Các con ra!

Ba người cùng rón rén bước ra. Tuấn từ nãy vẫn núp bên cửa sổ nghe trộm, vội chạy tọt ra quạt hỏa lò. Ba người ra đến giường. Quan Án nói:

– Rước chị ngồi uống chén nước đã; bà mày uống nước.

Rồi ngài bỏ thêm chè vào ấm, pha nước sôi vào rót ra ba chén, mời:

– Nào chị mời nước, bà mày uống nước đi!

– Mời cậu mợ! Anh Tuấn uống nước!

Tuấn vội đáp:

– Xin rước cụ, quan lớn, bà lớn mời nước!

Bà Án mời:

– Rước chị mời nước! Ông mời nước! Uống nước, anh Tuấn.

Tuấn phải lễ phép đáp lần nữa.

Ba người cùng uống cạn, để chén xuống. Quan Án rót một lần nữa. Nhưng bà Bá và bà Án đã đứng lên, bà Bá nói:

– Thôi, cậu mời nước, chúng tôi phải xuống cắt việc cho chúng nó...

– Chị mời chén nước đã. Để mình nhà em nó xuống trước.

– Thôi, sáng, cậu mời nước, chúng tôi cũng không hay uống nước. Cậu ngồi chơi, chúng tôi xuống.

Bà Án liền hỏi chồng:

– Ông có dặn gì không?

– Bà liệu bảo chúng nó làm lụng gọn ghẽ, bắt thằng Ân nó uống thuốc và kiêng khem, đừng cho nó chạy ra gió vào nghe không.

– Thưa vâng ạ!

– Thôi bà xuống.

– Vâng!

Hai bà đi ra hiên, vòng ra chái xuống nhà. Quan Án ngồi kê khà uống cạn cả ba chén nước, rồi pha thêm nước vào để ngâm một lúc, rót ra hai chén. Ngài cầm một chén ra gọi Tuấn.

– Anh Tuấn!

– Dạ.

– Uống chén nước này. Nước chè thơm uống nó thanh tâm. Cái chè “*nhứt phẩm liên tâm*” của chú khách ngoài phố biểu đấy.

Tuấn vội chạy lại đỡ lấy chén, đi lùi ra mấy bước, rồi đứng uống. Uống xong, chàng khẽ cúi mình để chén vào khay.

– Uống nữa không?

– Dạ, bẩm quan, con đủ rồi ạ.

Quan Ân uống cạn chén nước, rồi đưa khay ấm chén cho Tuấn và dặn:

– Anh rửa lau khay chén này rồi cất lên án thư kia cho tôi... Tôi định mượn anh ra nhờ anh đi xuống Thanh Miện có chút việc. Anh có mỗi chân thì nghỉ để mai đi sớm. Hôm nay ở đây mà chơi xem qua phong cảnh vùng này.

– Dạ, bẩm quan, việc có cần, con xin đi được con chưa mỗi chân.

– Việc cũng không cần. Giá anh ra sớm đi được vào ngày hôm qua thì hay lắm. Vì là đi điều mẹ ông đồ Tạo ở Từ Ô. Ông ta là một người cao khiết và khó tính. Tôi bận không đi được, nên phải mượn anh, chớ không dám cho bọn lại ở đây đi.

– Bẩm từ đây đến đấy đi có lâu không ạ?

– Đi cách thì nửa buổi non trưa, mà đi bộ thì độ quá trưa một tí là đến nơi!

– Bẩm quan, thế để con đi ngay cũng được ạ.

– Thôi để đến mai vậy, giờ muộn rồi. Và để còn mua vải viết câu đối, và tôi còn viết bức thư tạ lỗi với ông ta nữa chứ... Mà ông ta cẩn thận lắm. Anh đến phải liệu lời mà nói kia đấy.

Vừa lúc ấy, một tên gia nhân bưng mâm cơm lên đặt vào giường rồi đứng chấp tay nói.

– Bẩm rước quan lớn đi mời cơm!

Quan Ân hỏi:

– Cơm cố đã có chưa?

– Bẩm quan lớn, cố con ăn cơm với bà con ở dưới nhà rồi ạ! Rước quan xơi cơm ạ!

Quay lại Tuấn, người ấy gật đầu ra hiệu và nói:

– Cậu xuống nhà ăn cơm!

Quan Ân cũng bảo:

– Ừ anh xuống nhà ăn cơm! Mai hãy đi!

Tuấn vui vẻ xin phép, theo tên gia đình xuống nhà. Xong bữa cơm một lúc, thì người ngoài chòi nổi một hồi trống hầu. Các viên đô lại đã đến công đường làm việc.

Tuấn lướt qua công đường, quanh ra trại lính cơ, trại lính lệ, rồi đi chơi phố thăm phong cảnh thành Đông.

CHƯƠNG V

Buổi chiều hôm ấy, mua được hai vuông nhiễu trắng về, quan An sai Tuấn mài mực rõ đặc. Rồi ngài cầm bút đại tự viết lên trên hai vuông vóc trắng một đôi câu đối:

Thi lễ cửu tri Từ huấn dụ.

*Mộc phong rao vị Hiếu tình lân!*¹

Ở giữa, dưới niên hiệu, ngài để lạc khoản rằng:

“Tử chấp² Bản tỉnh An sát sứ Nguyễn Đức Tâm bài văn”

Rồi để mặc Tuấn đương nhẹ nhấc câu đối ấy lên đem phơi cho khô mực, ngài lại bên án thơ, lấy tờ giấy trắng để tì lên chồng công văn, viết bức thơ rằng:

“Kính trình,

Tôn từ trăm tuổi tiên du, đệ ở nơi xa, không được biết để mà thân về đi sau xe Liễu, tiễn đưa Người về nước Phật, thật là đắc tội muôn vàn. Nay mới hay tin thì đã muộn. Lại gặp lúc công vụ phiên tạp, nên không kịp đem đầu xuống bái phụng tôn từ, phân ưu cùng nhân huynh, vậy nên đệ mạn phép ủy tên học trò tâm phúc này đem chút điện nghi³ bạc lễ đến bái tạ tiên linh sau là để chia buồn và tạ lỗi cùng nhân huynh, xin nhân huynh vui lòng chiếu cố cho, đệ được yên tâm mến tưởng.

Hoàng triều...

Đệ. Hải Dương Niết. Nguyễn Đức Tâm hai lạy dâng.

“Thanh Miện Từ Ô, Trần Nhân huynh kỷ tiên tâm chiếu”

Viết xong, ngài đọc lại, rồi gấp bỏ vào phong giấy trắng, niêm phong rồi đề chữ lên trên cẩn thận. Ngài lại mở tủ chè lấy ra hai gói

1. Thi lễ, vốn biết từ lâu lời dạy của mẹ hiền. -- Gió, cây xa vì thương lòng con hiếu. (Cây, gió lấy nghĩa ở câu cây, muốn lặng gió chẳng muốn dừng, con muốn nuôi mà cha mẹ chẳng còn sống).

2. Bạn với con.

3. Điện nghi: lễ viếng.

chè, một chai rượu cúc và một nén bạc gói kỹ lưỡng. Ngài bày cả ra án thư rồi bảo Tuấn rằng:

– Một chai rượu, hai gói chè này và câu đối là lễ viếng. Còn nén bạc này, ta muốn nhân lúc đại sự, giúp ông ta. Ông ta nghèo lắm, nhưng rất thanh cao, không phiền lụy ai bao giờ và lại ghét những điều ám muội. Anh phải lễ phép và khôn khéo, không thì ông ta trả lại đấy. Tôi đã nói trong thư này rồi, anh liệu liệu nói sao cho dễ nghe là được.

Tuấn vội hỏi:

– Bấm nén bạc để riêng, hay để chung vào lễ?

– Để chung vào lễ chứ. Anh gói cả lại một gói rồi mai đi sớm. Anh ra đi cáng cho nó chóng.

*

* *

Hôm sau, cả dinh quan Án đều dậy sớm. Sau bữa nước để thăm hỏi nhau như hôm trước, đến bữa cơm một mình. Tuấn vội vàng cho chóng xong, rồi xách khăn gói theo một tên lính ra phố thuê cáng đi thẳng về Từ Ô.

Mới già nửa buổi, bọn phu cáng đã đưa chàng đến làng Từ Ô. Chàng xách khăn gói đi thong thả, để gặp người hỏi thăm lối vào nhà ông đồ Tạo. Một cậu bé thấy chàng là khách lạ, liền tình nguyện dẫn chàng đi và hỏi:

– Thầy về viếng bà cụ để ra thầy đồ phải không?

– Ừ, sao em biết?

– Tôi thấy ai về đây, hỏi thăm vào nhà thầy đồ cũng vào viếng cả.

– Thế à? Có nhiều không em?

– Nhiều. Từ hôm bà cụ mất đến nay, thường, thường ngày nào cũng có.

– Hôm nay, thầy đồ có nhà không?

– Có ạ!

Đến một cái cổng tre chổng ra giữa đường, thằng bé dừng lại, và giơ tay chỉ:

– Nhà thầy đồ Tạo đây! Thầy đi thẳng vào.

Tuấn cầm tay thằng bé kéo dõ:

– Em cùng vào với anh nhé.

– Không, con sợ thầy đồ lắm, con không vào.

Chàng chưa vào ngay, còn đứng thập thò ngoài cổng nhìn qua quang cảnh để ước đoán chủ nhân. Vắng vẻ quá, như không có ai ở nhà. Trên nhà, một cái nhà ba gian, hai chuồng cửa bướm và một cửa sổ đều đóng im ỉm. Nhà dưới bằng tre ăn thông với chuồng lợn cũng vắng tanh vắng ngắt. Một cái nong che kín cửa. Ngoài sân rộng độ ba bốn thước, mấy cây cau cao lênh khênh đứng trơ trọi nhìn sang hàng xóm.

Một người làng đi qua cổng thấy Tuấn đứng nấp nom đấy liền bảo:

– Cậu cứ vào. Ông đồ có nhà đấy!

Chàng liền thông thả đi vào. Đến giữa sân. Một con chó vàng con, nằm ở đầu nhà trên khuất bếp, bây giờ mới trông thấy người lạ, vội chạy ùa ra sủa, chàng phải giơ khăn gói ra khua dõ. Có tiếng người ở nhà dưới nói ra:

– Tiến ra xem ai mà chó cắn thế?

Cái nong che lăn đi một vòng, để hở cửa, một cậu bé độ mười mười hai tuổi ở trong chạy ra mắng chó. Trông thấy người lạ cậu liền chấp tay chào.

– Lạy ông ạ?

Tôi không dám, chào cậu! Thưa cậu cụ đồ có nhà không?

– Bẩm ông... có...

Rồi cậu chạy tọt vào nhà, và nói nhỏ, nhưng đứng ngoài cũng nghe thấy:

– Thầy ơi có khách.

– Ai?

– Thưa thầy khách lạ!

Ở trong liền đi ra một người đàn ông chạc ngót sáu mươi tuổi, mặc áo sô, thắt lưng dây chuỗi. Tuấn liền chấp tay vái chào:

– Bẩm lạy cụ ạ!

Người kia cũng chấp tay cúi rạp xuống đất chào lại.

– Tôi chả dám, lạy thầy ạ! Bẩm tôi hỏi khí không phải, xin thầy đại xá cho, thầy quý quán ở đâu?

– Bẩm lạy cụ, chúng cháu ở trong Thịnh Hậu về Nam Định kia ạ. Đến cửa cụ đường đột thế này thật là đắc tội!

– Dạ! Thầy dạy quá vậy, chúng tôi quê mùa đâu dám! Xin rước thầy vào chơi.

Quay lại, ông đồ gọi vào nhà:

– Tiến! Mở cửa trên nhà! Rồi đi đặt ấm nước.

– Bẩm vâng ạ!

Ông đồ lại nói với Tuấn:

– Thế ra, thầy cùng làng với quan Hoàng giáp Nguyễn hiện lãnh Án sát tỉnh tôi.

– Bẩm vâng ạ! Chúng cháu được hân hạnh bái tiếp tôn nhan, cũng là quan Án chúng cháu cử xuống. Quan Án chúng cháu bận việc quan chưa kịp thân xuống...

– À... Xin rước thầy vào chơi nhà.

Cửa nhà trên đã mở rộng. Tuấn theo ông đồ bước vào nhà. Giữa nhà để bàn thờ, chung quanh che kín những câu đối và trướng. Gian bên là một cái giường và một bộ ghế trường kỷ bằng tre.

Ông đồ mời chàng ngồi. Nhưng chàng chưa ngồi, vẫn đứng nói:

– Bẩm cụ, tôn từ nhà hai năm mươi về cõi Phật, quan Án cháu không được biết tin để thân đến tống biệt tôn từ, trong lòng rất lấy làm áy náy. Nay mới được tin, vội cho cháu xuống trước để kính viếng tôn từ và ngỏ lời tạ lỗi với cụ.

– Ấy chết, thầy dạy quá thế, thật là buộc tội thêm cho chúng tôi. Bẩm, việc là việc gia đình, việc nhỏ, chúng tôi giấu diếm cả, không dám biển báo trong Sĩ lâm, sợ rằng chúng tôi quê mùa hèn mọn lại quá lạm dụng lòng bao dung của các ngài cao minh. Nay quan Án và thầy lại quá thương thế vậy, thật là chúng tôi càng thêm hổ thẹn, đối với quan Án và thầy, chúng tôi mang tiếng sơ tình, mà lại đắc tội bất hiếu với gia từ...

– Dạ! Cụ cứ dạy thế chớ, cùng trong Nho đạo với nhau, bác mẹ là bác mẹ chung. Các người khuất núi, không biết thì thôi, biết ra tất phải chạy đến.

Vừa nói, Tuấn vừa đi ra án thờ trước bàn thờ, lấy cái mâm gỗ con đem ra giường, cởi khăn gói lấy lễ vật ra bày lên mâm, để phong thờ lên chót. Rồi chàng đứng chấp tay lễ phép nói:

– Bẩm thưa cụ, nhân dịp buồn rầu tôn từ tạ thế, quan Án chúng cháu nhớ đức tôn từ, mến nghĩa tâm giao, gọi là có chút lễ mọn lòng

thành xuống trình bày với cụ, xin cụ xem thơ, rồi cho phép cháu được vào bái tạ vong linh tôn từ.

– Vâng, được... Thong thả, thầy ở chơi đã.

Ông đồ cầm lấy phong thư xé, mở ra đọc, xong lại gấp như cũ để lên án thư và quay ra mời Tuấn:

– Rước thầy ngồi chơi!

– Bẩm vâng, cụ mặc chúng cháu ạ. Xin cụ cho phép...

– À vâng!... Tiến ơi! đốt đèn lên đây đi!... Nhà neo người thầy tha lỗi...

– Thưa cụ, chúng cháu chẳng dám ạ!

Ông đồ nhẹ nhàng ra vắt bức trướng làm màn che trước bàn thờ lên, đặt đĩa đèn lên cây, rồi lấy hương châm lửa cắm lên bát. Tuấn nhìn theo cử chỉ kính cẩn của ông mà trong lòng vui sướng, chắc ông đã ưng ý nhận lễ phúng, giúp chàng đi được việc. Khi ông khúm núm lùi ra, chàng liền bưng mâm lễ để lên bàn thờ. Cậu bé đã lấy chiếc chiếu trải xuống đất để khách lễ. Ông đồ đứng ra bên bàn thờ, đội cái mũ nùn vành quăn bằng xơ chuối, tay cầm cái gậy vông. Tuấn liền tiến lại trước mặt ông, giữ lấy gậy và nói:

– Thưa cụ, xin cụ tha cho, các cụ là bậc phụ chấp, chúng cháu thiếu niên, bề dưới con các cụ, đâu dám thế.

Ông đồ khẽ gạt tay chàng ra và nói:

– Thầy nghĩ lầm rồi. Thầy ít tuổi thật. Nhưng thầy đại diện quan Án đời gót ngọc đến tề xá, chúng tôi phải đủ lễ đối với thầy chớ. Thầy cố tình bắt ép chúng tôi thì chúng tôi cũng không dám phiền thầy nữa. Xin gửi lại...

– Dạ! Cụ dạy vậy, chúng con hậu sinh thêm sợ!

– Dạ! Đúng lễ phải vậy!

Tuấn đứng ngẩn ngừ nghĩ một lúc, rồi đành chấp tay vái:

– Cháu xin phép cụ!

Rồi bước vào chiếu, chàng nghiêm trang lễ bốn lễ trước bàn thờ. Ông đồ chống gậy, khom lưng đứng ngoài đất, ở bên phải, lễ đáp lại hai lễ. Chàng vái trước bàn thờ rồi quay lại vái một vái tạ ông đồ, lúc ấy ông quay đầu vào bàn thờ để tránh. Chàng nhẹ nhàng đi lùi ra ngoài. Ông đồ vẫn khom lưng đi vào vách, tựa gậy, và nhắc mũ chuối để lên bàn thờ, rồi đi vòng ra.

– Mời thầy ngồi chơi!

– Chúng cháu xuống viếng tôn từ và thăm cụ rồi, xin phép cụ cho cháu về.

– Không, chả mấy khi, vì gia từ về già, mà quan Án và thầy thương đến chúng tôi, thầy lại quá bộ đến đây, rước thầy ở chơi đây cho chúng tôi được hầu bữa cơm thường. Nó cũng *thích ngộ* rồi. Tôi đã cho trẻ đi gọi nội tướng về làm bữa.

– Bẩm cụ, cụ bà nhà đi chơi vắng?

– Vâng, nội tướng đi làm cỏ mấy sào ruộng ở ngay đầu làng ấy thôi ạ!

– Bẩm cụ cũng có cày cấy?

– Được non mẫu ruộng công điền *khẩu phần* của hai bố con, cũng phải cấy để mà nuôi tôi chớ.

– Dạ, bẩm cụ cứ dạy thế chớ, danh cụ vang lừng khắp cả, người ta mong cầu khẩn mà nuôi cụ cũng chả được nữa là. Cụ được mấy các ông các bà?

– Thưa thầy, tôi cũng hiếm lắm ạ. Hai cháu gái lớn, chúng đi lấy chồng cả rồi. Thằng cả nó võ vẽ dùm chữ cho nó đi ngồi nó kiếm miếng ăn. Còn thằng bé út này ở nhà ngờ nghệt lắm.

Ngồi nói chuyện một lúc lâu, đã thấy mâm cỗ bung lên, một người đàn ông đứng tuổi khăn áo chỉnh tề, một tay cầm ba cái chén, một tay cầm nhạo rượu, bước vào chào hai người rồi để nhạo vào mâm. Ông đồ liền đứng dậy mời:

– Xin rước thầy, thầy đã có lòng thương đến chúng tôi mà đến đây, xin mời thầy xơi lưng cơm dưa muối. Mời thầy ngồi lên...

Quay lại người đàn ông vừa vào, ông đồ nói:

– Bác Lý làm ơn ngồi tiếp thầy giúp tôi nhé.

– Thưa vâng ạ!

Tuấn cũng đứng lên chấp tay nói:

– Bẩm xin rước cụ...

Ông đồ chấp tay vội nói:

– Xin thầy xét cho, có tang cha mẹ, không được ngồi giường cao, ăn mâm đầy, dùng đĩa sơn bát sứ, mà tha phép cho chúng tôi. Nhân *thích ngộ*, gọi là có bữa cơm xoàng, xin thầy chiếu cố.

Tuấn cũng cúi đầu vái lại:

– Cụ đã ban thưởng cho, tiểu sinh xin bái lĩnh... Xin phép cụ cho cháu xuống trình cụ bà...

– Thôi, xin thầy tha cho, nội tướng đã lên đấy ạ. Mời thầy ngồi lên... Mời bác Lý, bác Lý so đĩa rót rượu ra đi.

Bà đồ cũng vừa ở dưới bếp chạy lên mời khách, Tuấn đáp lại, rồi cùng ông Lý ngồi vào mâm mời nhau ăn cỗ.

Ăn uống xong. Tuấn xin phép ra về, thì ông đồ hạ lễ viếng xuống, lấy khăn gói, bỏ hai gói chè, nén bạc, và chai rượu, gói chặt lại để lên cái bàn ở trường kỷ mà nói với chàng rằng:

– Quan Án đã có lòng nghĩ đến tình cố cựu mà cho lễ vật đến viếng gia từ rồi. Giờ xin gửi lại tạ quan Án, xin thầy về nói hộ cho.

Tuấn đứng lặng người từ nãy, giờ mới cố nói khéo với ông đồ, viện mọi lý lẽ về lễ nghi và về cách tiếp vật ở đời. Nhưng ông đồ ung dung nói lại:

– Đã hay rằng thế. Nhưng, thưa thầy, thực tình chè và rượu gia từ tôi không quen dùng. Và, thấy tính, tôi, nước lọ cơm niêu, ở nơi ngõ hẹp này, thì còn uống chè sao được. Vậy cái chè tôi không đáng dùng, xin biểu lại quan Án. Còn tiền thì tôi thiết nghĩ, bạn hữu ra làm quan, những mong cho bạn thanh liêm. Đã thanh liêm thì nuôi gia đình cũng chưa xong, làm gì có dư dật. Nay nhận tiền của quan Án tức là vô tình xui ngài lấy của bá gia thiên hạ mà giúp anh em. Tức là bảo ngài đừng thanh liêm nữa. Tôi không muốn thế. Thầy xét rõ lòng tôi và về thưa với quan Án giùm tôi... À thầy đã nói thế, thì tôi xin lấy chai rượu cúc vậy. Trong khi đại tang, tửu sắc là điều tối kỵ. Nhưng nể lời thầy, tôi xin giữ lấy để phòng khi có khách.

Ông đồ ngừng lại, cởi khăn gói lấy chai rượu rồi lại gói chặt chẽ đưa cho Tuấn và nói tiếp:

– Thầy cứ mang về, thầy nói thế giúp tôi. Quan Án ngài có trách, trách tôi chứ không khi nào trách thầy, tôi xin chịu hết tội lỗi.

Tuấn không biết nói thế nào được nữa đành xách khăn gói, từ tạ ông đồ, bà đồ và ông Lý ra về.

Chiều tối hôm ấy chàng về đến dinh, quan Án trông thấy khăn gói, hất hàm hỏi ngay:

– Thế nào? không đắt à?

Chàng cứ thật tình thuật lại. Ngài nghe xong mỉm cười nói:

– Tôi đã biết mà. Ông ta gàn lắm. Có một việc giúp ông ta mà cũng khó lòng mới xong... Ông ta có xem câu đối không?

– Dạ! ông ấy có giở ra xem qua, rồi lại gấp lại để lên bàn thờ, dưới gầm bài vị.

– Chớ không treo?

– Bẩm quan vâng, chưa treo, có lẽ ông ấy chưa tìm được que suốt.

– Có lắm trướng đối không?

– Bẩm có hai bức trướng của học trò ông ta, và mấy đôi câu đối của mấy ông Tú, ông Cử. À bẩm có cả câu đối của quan Nghè Thượng Cốc.

– Có thấy câu đối của ông Bảng Vũ Xuyên không?

– Bẩm không ạ! Bẩm quan lớn, chắc ông đồ ấy cũng là bậc hay chữ lắm. Trướng đối ở đây con thấy bài nào, câu nào cũng hay chói.

– Ông ta hay chữ và khí khái lắm. Tay học trò bậc nhất của quan Nghè Phạm Xá kia đấy. Thi mấy khoa không đỗ ông ta bỏ về nhà dạy học và làm ruộng, *lạc đạo vong bản*¹. Để mai ta phải xuống thăm ông ta mới được.

– Bẩm mai, con có phải đi nữa không ạ?

– Có chứ.

Tuấn vui mừng được theo quan Án đến thăm ông đồ mà chàng vừa kính, vừa sợ, vừa lạ kia một lần nữa.

*

* * *

1. Vui đạo quên nghèo.

CHƯƠNG VI

Sáng hôm sau, quan Ân thân hành xuống Từ Ô. Tuấn và một tên lính theo hầu. Ngài đi võng, còn hai người kia đi bộ. Đến nơi, hương lý làng Từ Ô đã biết tin quan Ân về đều đem cờ lọng ra đón và đứng túc trực cả ở làng. Ngài xuống võng, vui vẻ chào lại dân làng và bắt cuộn cờ cụp lọng mang về trước. Lý trưởng biết ngài về thăm ông đồ Tạo, nên đã sai tuần tráng chạy vào báo trước cho ông biết. Ngài vừa vào đến giữa làng, gần đến nhà ông đồ thì tên tráng hốt hãi chạy ra, vái chào mọi người và run run khẽ nói với lý trưởng rằng:

– Bẩm thầy, cụ đồ ấy đóng cổng không cho ai vào tất ạ!

Quan Ân liền hỏi:

– Ông ấy có nhà không?

– Bẩm lạy cụ lớn, ông ấy có nhà ạ. Nhưng cổng đóng.

Lý trưởng nói:

– Bẩm lạy cụ lớn, cái ông ấy vô lễ thật. Hạ dân xin phép cụ lớn cho tuần phá cổng ra ạ!

– Ấy chớ! Thế là đúng lẽ đấy. Phàm người có đại tang, không bao giờ được tiếp các bậc quan trưởng nên đương làm quan có tang phải cáo quan về. Ông ấy đã xử đúng lẽ mà mình không biết lẽ, rồi ông ấy mắng cho đấy. Thôi các thầy về cả đi, để kệ mình thầy trò tôi lại nhà ông ta.

Lịnh quan đã truyền, ai nấy đều ngùi ngùi cúi đầu, chấp tay vái chào Ngài xin phép lui chân. Quay lại trông thấy tên lính, Ngài ngần ngừ một lúc mới bảo:

– Anh ra ngoài hàng trông võng đợi, mình ta với Tuấn vào thôi. Anh cầm cả đôi giấy của ta ra nữa này.

Rồi ngài và Tuấn đi chân không rảo bước tiến lại đàng ông đồ. Cổng đóng. Cửa nhà cũng đóng, vắng vẻ. Hai người lại yên lặng, nghe ngóng. Cả xóm ấy mấy nhà đều lặng lẽ như tờ. Quan Ân sốt ruột hỏi:

- Hay là ông ta đi vắng thật?
- Bấm quan để con gọi xem, gọi tên con ông ta.
- Ừ, gọi đi xem nào?
- Cậu Tiến ơi! Cậu Tiến!

Con chó vàng con chạy ra sủa. Kế đến một cậu bé ở trong bếp chạy ra hỏi:

- Ai đấy?
- Tôi đây. Cậu mở cổng cho tôi vào tí. Cụ có nhà?

Cậu bé không kịp nói, chạy tọt vào bếp nói thì thầm. Ông đồ ở trong sê hé cái nong nhìn ra thấy quan Án như người thường, đi chân không liền lăn cái nong đi một vòng ra bên, thong thả bước ra hỏi:

Ai mà chó cắn ngậu lên vậy?

- Thưa cụ, cháu đây ạ!
- À chết, thầy! chúng tôi sợ ý...

Rồi nhìn ra thấy quan Án, ông đồ vội vái rạp xuống nói:

- Lạy chào tôn huynh, đệ mê muội xin tôn huynh đại xá cho.

Quan Án cũng chấp tay vái chào lại:

- Lạy chào nhân huynh, chính đệ mới là người có tội, đến xin nhân huynh tha thứ.

Ông đồ vội ra mở cổng, cúi đầu, giơ tay phải chỉ về phía sân.

Xin rước tôn huynh và mời thầy vào chơi!

Rồi quay vào, ông gọi con:

Mở cửa nhà trên, Tiến ơi!

Trong nhà có tiếng:

- Thưa thầy vâng ạ!

Quan Án theo ông đồ vào, vừa đi vừa nói:

- Hôm qua, đệ bận việc công quá, phải ủy gia sinh xuống thăm nhân huynh, được nhân huynh ban lời quở trách, nên hôm nay việc gì cũng bỏ đấy, phải thân xuống, trước là lạy viếng tôn từ, sau để tạ lỗi cùng nhân huynh!

- Đệ đâu dám, tôn huynh nghĩ lầm đấy chứ.

Quay lại Tuấn ông đồ tiếp:

- Thầy về thầy thêm bớt ra thế nào, để phiên quan lớn, ngài đến đây ngài trách tôi.

Tuấn sợ quá không biết đáp thế nào, chỉ áp ứng:

- Dạ, thưa cụ, con có dám nói gì đâu ạ!

Ba người đã bước lên cả hè vào nhà, ông đồ mời:

– Rước tôn huynh ngồi chơi!

Quan Ân nói:

– Xin nhân huynh cho phép đệ đem đầu vào lễ tôn từ cho phải phép.

– Tôn huynh thông thả đã, vả lễ viếng rồi kia mà!

– Nhưng hôm nay đệ mới thân hành đến lạy.

Sau một lúc lưỡng lự, ông đồ đành phải lên đèn hương để quan Ân vào lễ. Đáp lễ xong, để gậy vào vách, ông đồ thân đi lấy nước mời khách. Uống xong chén nước. Quan Ân mới vào đề câu chuyện:

– Thưa tôn huynh, đệ thiết nghĩ, người quân tử chu cấp nhau là thường. Vả đời người ta có lúc kinh, có lúc quyền, có lúc biến, có lúc thông. Như tôn huynh nay hiện đương ở vào lúc biến, thế tất phải tòng quyền. Xin lỗi nhân huynh cho đệ được nói thực. Tôn từ vui chơi cõi Phật, nhân huynh ba năm ở nhà chịu tang cho trọn đạo hiếu, như thế lòng đã buồn lại lâm vào cảnh quẫn, cũng có điều túng thiếu...

– Dạ, thưa tôn huynh, thầy *Nhan tử*, một giỏ cơm một bầu nước, ở trong cái ngõ hẻm, mà suốt đời còn vui, nữa là đệ bây giờ còn được sang trọng hơn nhiều...

– Đã hay rằng thế. Nhưng thời thầy *Nhan tử* khác thời bây giờ khác. Thế đạo biến thiên, mỗi lúc một đổi. Nhân huynh lâm vào cảnh cùng, nhìn đói không được, mà làm điều trái đạo thánh, không bao giờ màng tới. Thế tất có khi phải đi vay mượn. Vay mượn những anh em bà con, những người không cùng đạo, đệ trộm nghĩ là một sự vạ bất đắc dĩ. Nay đệ với nhân huynh là chỗ thâm giao nghĩa nặng *chi lan*, tình hơn cốt nhục, nhân huynh buồn, là đệ buồn, nhân huynh lo là đệ lo, nhân huynh khổ là đệ khổ. Biết cảnh huống nhân huynh, đệ có chút *hiến can*¹ đưa đến, mà nhân huynh lại *phản bích*², thật là khinh đệ quá, đệ nghĩ cứ tử thẹn! Nhân huynh cũng tệ, tôn từ lâm bệnh, rồi *quy ẩn*, chẳng cho đệ biết lấy nửa điều...

– Thưa tôn huynh, việc mượn trong gia đình, đệ không dám phiền đến các bạn hữu xa gần. Đệ thiết tưởng thánh nhân ưu đạo bất ưu bản, đệ cũng mong mỗi theo gương đức Thánh. Thời bây giờ, anh em mình mà không đứng lên duy trì đạo Thánh, thì còn trông vào ai

1. Lễ biếu (lời tự nhún).

2. Trả lại lễ biếu.

được. Đệ vẫn hằng mong tôn huynh cứ chính giữ làm sao cho được rất mực thanh liêm, chính trực, để giúp dân giúp nước. Đã thanh liêm, tất tôn huynh cũng nghèo, lại còn thờ phụng giao thiệp. Như thế mà còn nhận tiền của tôn huynh tức là xui tôn huynh tham nhũng, đệ không muốn. Cho nên đệ phải hoàn lại số tiền, chớ không dám khinh hoặc chê gì cả. Tôn huynh nói làm đệ rất đau lòng!...

– Nhân huynh nghĩ thế mới phải có một lẽ. Đệ xin cam đoan với nhân huynh rằng số tiền này là của vợ chồng đệ cày cấy sinh sôi nảy nở ra. Nay nhân huynh túng thiếu tức cũng như là chính đệ túng thiếu vậy. Gởi nhân huynh tiêu, biết đâu một ngày kia nhân huynh lại chả giúp đệ gấp mười gấp trăm như thế.

*Lục kế liêm vi thủ, tam ngôn thanh thị tiên*¹ lời châm của Hoàng thượng dạy lúc nào đệ cũng nhớ, đạo Thánh có lúc nào đệ dám sai đâu, nay lại nhân huynh ban bảo lời hơn lẽ thiệt, đệ xin ghi tạc dạ. Nhưng đệ đã hết lời bày giải tấm lòng thành, mà nhân huynh còn cứ mực chối từ thì thực tình đệ xấu hổ lắm, lần sau đệ không dám vác mặt đến hầu nhân huynh nữa...

– Tôn huynh cứ dạy quá lời chớ, chính đệ đây mới khao khát được gặp tôn huynh.

– Vâng, nhân huynh nói thế nào cũng được. Nhưng chèn nhân huynh không lấy thì thôi còn số tiền này nhân huynh phải nhận cho, đệ mới được yên lòng.

Vừa nói, quan Án vừa để nén bạc lên đĩa, trước mặt ông đồ. Ông đồ ngần ngừ nói:

– Tôn huynh đã chặn mồm bắt ép đệ, thì vâng, đệ xin nhận... và không biết lấy gì cảm tạ lại nhân huynh...

Quan Án cười đáp:

– Nhân huynh đã đạt lý như vậy mà lại còn... khách sáo!

– Dạ!...

Hai người cùng cười to. Tuấn cũng tủm tỉm không dám cười to. Ông đồ lưu khách lại ăn cơm. Nể bạn, quan Án phải ở lại. Trong khi ấy dân làng sợ quan Án và kính nể ông đồ không ai dám bén mảng đến đấy. Chỉ có mấy người bà con ông đồ ở quanh xóm sang hầu hạ, một cách im lặng kính cẩn, không dám nói to, cười cợt. Cơm nước

1. Lời châm của vua Tự Đức khuyên các quan.

xong, quan Ân cáo từ ra về. Ông đồ tiên ra đến cổng vái chào rồi trở lại. Ra đến giữa làng, đã thấy tên lính đứng đón với đông đủ kỳ lý và các bậc văn học trong làng. Ai nấy đều cúi rạp đầu vái chào quan Ân. Một người đã đứng tuổi, trông vẻ mặt tuấn tú dáng đi rất lịch thiệp tiến lên vái rồi cúi đầu nói:

– Bẩm cụ lớn, vạn niên nhưt kiến, nhân cụ lớn quá bộ về đây chơi thăm thầy đồ Trần, hạ dân mạn phép đường đột cúi mời cụ lớn bỏ chút thì giờ, dời gót ngọc lại qua tề xá. Hạ dân mới dựng được một cái nhà mới, cúi mong cụ lớn chiếu cố cho lấy khước, cả gia đình hạ dân được đội nhờ hồng phúc của cụ lớn.

Quan Ân cười hỏi lại:

– Quý danh thầy là...?

– Dạ! Bẩm cụ lớn, hạ dân tên là Nguyễn Quang Tài.

Lý trưởng đứng ngoài thưa thêm:

– Bẩm cụ lớn, cậu ấm út con quan Bố làng chúng con đấy ạ.

Quan Ân vui vẻ nói:

– À! Thầy là con quan Bố chánh Bắc Ninh trước.

– Bẩm lạy cụ lớn vâng ạ.

– Thế, nào ta đi. Bây giờ thầy làm gì?

Cả bọn đứng nép ra bên đường nhường quan Ân đi trước, cậu ấm Tài theo sau đáp:

– Bẩm cụ lớn, hạ dân buôn bán và nuôi tằm.

– Trước thầy có đi thi không?

– Bẩm cụ lớn có, hạ dân thi ba khoa, đỗ hai kỳ Tú tài, rồi sau bỏ đi buôn bán.

– Thế tốt. *Sĩ khả bách vi*¹ kia mà, làm gì mà chả được nhỉ? Thầy Cả, thầy Hai cũng ở nhà chớ?

– Bẩm cụ lớn, anh Cả hạ dân đỗ cử nhân khoa Ngọ, bây giờ làm Giáo thụ Thuận thành, còn anh Hai đi ngời học...

– À ông giáo thụ Thuận Thành Nguyễn Quang Xước là con quan Bố đấy à? Bây giờ tôi mới biết đấy...

– Vâng...

1. Học trò có thể làm trăm nghề.

Chợt đến cổng, cậu Ấm khom lưng cúi đi vượt lên trước quan Ân, vừa nói:

– Hạ dân xin phép cụ lớn, đi trước hướng dẫn ạ!

– Vâng được, tiền chủ hậu khách kia mà!

Qua một cái cổng ngói cao và to, có hai cánh lim chắc chắn, trong lũy tre xanh rậm rạp, con chim sẻ chui không lọt, quan khách đi lên cái đường ngõ lót đá xanh hai bên bờ trồng cỏ tóc tiên. Qua một cái vườn cau chi chít, vào một cái cổng nữa, đến tường hoa xây cuốn hoa thị, là đặt chân lên cái sân gạch bát tràng rộng thênh thang. Ba bề sân là nhà, nhà ngang dãy dọc, toàn bằng ngói cả, mái liền nhau san sát.

Cậu Ấm đưa quan khách lên cái nhà khách mới làm. Trong nhà đã quét tước sạch sẽ và trang hoàng lịch sự. Câu đối, hoành phi treo kín cả cột và sà. Cậu Ấm mời quan Ân ngồi lên cái sập gụ đánh bóng trải chiếu cạp điều, kê ở gian giữa. Ông Cai Tổng và một ông Tú ở làng ngồi ở bộ trường kỷ gụ trước giường quan. Các kỳ lý và chức sắc ngồi rải rác ở bốn gian bên. Cậu Ấm và Lý trưởng đi lại xun xoe ở ngoài hầu hạ. Cậu thân pha nước và tự tay bưng vào mời quan Ân. Ngài uống nước ăn trầu và vui vẻ nói chuyện với mọi người. Ông Cai tổng và ông Tú hết sức ca tụng tài học lỗi lạc và chính sách khoan nhân của quan Ân, rồi họ ngợi khen đến công đức quan Bố trước và tài năng của cậu Ấm ngày nay. Họ khen quan Bố thanh liêm, tiết kiệm, giữ Ty phiên¹ Bắc Ninh luôn sáu bảy năm trời mà khi hồi hưu vẫn chỉ có năm sào vườn và một cái nhà gỗ năm gian. Họ cho là âm công ấy để dành cho bây giờ cậu Ấm kinh doanh buôn bán mười mười hai năm trời mà làm nên nhà ngói san sát như bát úp, trong hào ngoài lũy, kiên cố như thành.

Cậu Ấm nhân đứng bên giường chấp tay thưa:

– Bẩm lay cụ lớn, hạ dân cũng tự biết lạm xây dựng cơ nghiệp như thế này là đắc tội với danh giáo. Nhưng không kín cổng cao tường thì cũng hại. Từ khi hạ dân “phá ngang” đi làm cái mặt nghề này, ơn Trời, nhờ Phật, nhờ phúc ấm nhà, cũng có được tiền dư thóc thừa, nên cũng có lắm kẻ dòm ngó, hạ dân bất đắc dĩ phải hoang phí như vậy.

Quan Ân vui vẻ nói:

1. Ty coi về việc hộ, mọi việc sưu thuế, đình, điền cai trị vân vân.

– Có hề gì, người ta *phú nhuận ốc* là thường. Nhưng thầy làm thế nào mà được giàu có như ngày nay?

– Dạ! Bẩm cụ lớn, hạ dân trộm nghĩ mình tài hèn học dốt, nợ bút nghiên đã trả không xong, mà muốn làm nên công trạng gì, cần phải kiếm ra tiền; không có tiền, tráng sĩ cũng phải khoanh tay huống nữa là hạng ngu hèn như hạ dân, nên hạ dân liền cố chí làm giàu. Nhân lúc còn sinh thời gia nghiêm hạ dân nhờ thần thế có quen một chú khách, bây giờ là một tay phú thương ở Hà Nội. Chú ấy khuyên hạ dân ra buôn, rồi giúp các hàng hóa đem về bán trước, khi nào bán hết mới trả tiền sau. Hạ dân liền mở một cửa hàng con ở phủ Lạng bán hàng vật và thuốc bắc, và nhân tiện hơn đong kém bán, may gặp mấy năm mất mùa liền, thóc bán được cao, hạ dân thâu được món vốn lớn, quay mở thêm một cửa hàng tơ lụa ở tỉnh Bắc. Tơ lụa bán chạy lắm, mà phần nhiều là hàng của Tàu mang sang cả, hạ dân cố nghĩ cách tìm tài học hỏi để tự dệt ra lấy hàng mà bán, mới mong có lợi to. Thế rồi, năm sáu năm, luồn lọt mọi công nghệ của cả khách lẫn ta, hạ dân hiểu rõ được nghề, liền về quê bỏ tiền tậu ruộng trồng dâu nuôi tằm. Tơ của mình, mình lại dệt lấy, tuy có xấu hơn hàng ngoài đôi chút, nhưng hạ dân bán rẻ hơn, nên được bà con mua dùng nhiều lắm. Hiện giờ hạ dân có cả ngôi hàng ở Hà Nội nữa. Chú khách quen trước thấy hạ dân công nghệ có phần khá, vừa mới nghĩ mừng ba chữ hoành "*Cư kỳ hóa*". Bẩm cụ lớn nghe có được không ạ?

– Được lắm! "*Cư kỳ hóa*" là lấy câu "*kỳ hóa khả cư*"¹, cũng hợp với cảnh thầy lắm. À ra người ta thường nói "*phi thương bất phú*", không buôn bán, không làm công nghệ to tát thì chả tài nào giàu to và chóng được như thế này. Thầy nên kinh doanh thật to ra nữa, khuyên bảo nhiều người noi theo cái chí hướng của mình làm cho nền công nghệ ngày càng tấn phát lên, thì thật là giúp ích cho nhà nước vô cùng.

Cậu Ấm cung kính đáp:

– Dạ! Bẩm cụ lớn, hạ dân đâu dám nghĩ đến chuyện to tát ích nước lợi dân như vậy.

– Không! Làm ăn lương thiện tức là giúp nước đấy.

Mọi người thấy quan Án ngợi khen cậu ấm, lại đua nhau mỗi

1. Cửa lạ khá ở, ý nói dễ sinh nhai.

người một câu tâng bốc cậu, nịnh cậu có tài giao thiệp, ví cậu với thầy Tử Lộ, có một chữ “tin” đủ cảm phục người. Cậu Ấm lui ra một lúc, trở vào có một tên gia nhân, khăn áo chỉnh tề, bưng một mâm lễ vật theo sau. Đến gần giường, cậu Ấm đỡ lấy mâm để xuống giường, trước mặt quan Ân, chấp tay nói:

– Bẩm lạy cụ lớn, thật là đại phúc cho hạ dân, được cụ lớn thương tình để chân đến tộ xá.

Bấy lâu hạ dân những nghe đại bút cụ lớn, nét thảo tài tình sánh với Chương, Vương¹, nên xin cụ lớn ban cho mấy chữ đại tự của Khách để chiêm ngưỡng và chấn trạch nữa.

Quan Ân nhìn qua mâm lễ thấy có ba nén bạc một tấm lụa bạch, một tấm vóc đỏ, một cây gấm thất thế, ngài cười nói đùa rằng:

– Một chữ Thánh một gánh vàng, thầy cho thế chưa đủ.

Cậu Ấm khoanh tay gãi tai thưa:

– Bẩm cụ lớn, cụ lớn dạy cho, hạ dân xin tuân.

Quan Ân tươi cười nói tiếp:

– Nhưng thôi, thầy bảo mang giấy bút mực đây tôi viết trước, còn cái lễ ấy bàn sau.

Cậu Ấm tuân lời, đem giấy mực đã sắp sẵn lên.

Quan Ân cầm bút đại tự chấm vào bát mực rồi ngoe nguẩy viết ba chữ “Cư kỳ hòa” lối đá thảo trên ba tờ giấy hồng điều to tướng. Viết xong ngài đặt bút xuống nói:

– Nhân tiện tôi cũng mừng thầy đôi câu đối.

– Dạ lạy cụ lớn, thật là đại phúc mong ân cụ lớn đã cho, xin cụ lớn viết thành để hạ dân khắc.

– Ừ! đem giấy đây, mỗi vế mười hai chữ đấy.

Cậu Ấm lại chạy lật đật đi lấy giấy ra cho quan Ân viết. Ngài sắp đủ giấy rồi mới cầm bút viết lên mỗi tờ một chữ:

“Tiên tướng công vô địa khởi lâu đài, thị chân năng kiệm!”

“Quý công tử, vi gia trị viên ốc, diêu dị dĩ an”. (Tướng công trước, không có đất làm lâu đài, thực là biết tiết kiệm² Công tử út làm nhà

1. Chương Lục, Vương Hi Chi là những bậc viết chữ đẹp ngày trước.

2. Lấy ở tích ông Khấu Chuẩn đời Tống làm Tể tướng mà không có đất làm nhà, đời sau khen là kiệm. Đời sau khen là kiệm.

xây tường nóc¹ cũng mong lấy yên).

Chỗ lạc khoản, ngài đề: *Bính tý ân khoa, đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, Hàn lâm viện thị giảng học sĩ lĩnh Hải dương Ân sát sứ Nguyễn... thư hạ.*

Viết xong, quan Ân ngồi ngay ngắn lại, rửa tay nhìn mọi người như thăm hỏi ý kiến họ đối với câu đối ấy thế nào. Mọi người đều lần lượt đọc câu đối, rồi cùng tán dương văn tài quan Ân, vế trên đã nói rõ quan Bố trước cần kiệm, không tậu đất làm nhà, vế dưới lại nói rõ được cái cảnh cậu Ấm giàu sang phải làm cung tường kiên cố để ở được yên thân khỏi lo trộm cướp. Mọi người còn dương mãi nhỏ to khen ngợi, thì cậu Ấm đã sai người nhà bưng thêm hai mươi nén bạc nữa làm lễ, và đứng khép nép nói:

– Bẩm lay cụ lớn văn chương vô giá, hạ dân không dám ngông cuồng độ của với Công môn chỉ gọi là chút lễ mọn lòng thành lay dâng cụ lớn chiếu cố cho...

Quan Ân cười:

– Vẫn còn ít!

– Dạ ít.

– ... Hi! Nhưng thôi, nói thế cho vui, chứ chữ Thánh là chữ chung, quý giá vô ngần, người ta không thể đem tiền bạc mà đánh giá được. Vậy thầy cho cất những cái lễ vật này đi.

Cậu Ấm cố xin. Quan Ân lại càng vui vẻ nói tiếp:

– Không. Ai lại thế. Vậy ra nhà nho chỉ đi học, để rồi nhờ địa vị của mình mà xoay tiền thôi à? Không! Không được! Làm thế còn gì là giá trị đạo Nho!

Cậu Ấm vẫn cố xin, lại nhờ cả các bậc thân hào ngồi đấy xin hộ vào, mong quan Ân vui lòng nhận lễ vật cho. Mãi sau ngài mới nhận một cây gắm để yên lòng chủ nhân rồi ngài đứng dậy ra về. Cậu Ấm, thân hào, hương lý đều kính cẩn đưa chân ngài ra đến cổng làng, đợi ngài lên võng rồi cùng chấp tay vái chào rất lễ phép, ai nấy trong lòng đều chan chứa một mối cảm phục quan Ân thanh liêm và giản dị, giữ đúng phong độ nhà Nho.

Quan Ân ra về gần đến tỉnh, võng ngài bỗng phải dừng lại ở giữa đường cái trên cánh đồng rộng thình thình vắng vẻ, lúa tốt xanh bát

1. Theo tích Tiêu Hà làm cung Vị ương.

ngát, vì ở trên đường có hai con trâu đánh húc nhau cản mất lối. Tên lính với hai người phu hiệp lực cùng bọn trẻ mới đánh gỡ được hai con vật đuổi chạy xuống bãi cỏ. Một con bị toạc sườn chảy máu ra be bét. Quan Án trông thấy vậy cũng động lòng thương, nhân bấm đốt ngón tay tính một quẻ. Tuấn đứng bên xun xoe định gởi chuyện thì ngài hỏi:

– Giờ đã quá Thân chưa nhỉ?

– Dạ, bẩm còn sớm lắm, chưa quá giờ Thân. Bẩm quan bẩm độn quẻ gì ạ?

Ngài nói rất thông thả như tính từng tiếng.

– Diêm lạ lắm. Hôm nay ngày *Quý mùi* mà giờ *Thân* thuộc *tháng tám năm Ngọ* tôi bấm *nhâm* lên quẻ *Trùng thâm* *Thoái cách* *nhứ*, ba hào quan quĩ cả, động *Bạch Hổ* *hàm ngư*, *Thái âm* *thủ khuê*. *Đằng sà nhập huyết*. Sao lại lạ thế nhỉ? Cứ như quẻ này, tất sẽ có một vụ án oan, dính dáng đến đàn bà. Ta sẽ xét rõ được vụ án cứu người oan, nhưng nếu thế thì ít lâu sau có thể ta sẽ vì thế mà bị lạc chức. Vì *Bạch Hổ* *hàm ngư*, con bạch hổ gây hại, song nó đang ăn trâu, còn no, đợi ít lâu đói rồi nó mới hại. Lạ quá! Sao lại có thể thế được! Vô lý!

Ngài quay lại bảo phu:

– Thôi, ta đi về. Đứng đây nghĩ vấn mãi vô ích!

CHƯƠNG VII

Về đến dinh, quan Ân chưa vào tư thất vội, ngài lên ngay công đường. Lúc ấy còn một viên đô lại vẫn ngồi đợi, trông thấy, ngài hỏi ngay:

– Hôm nay có việc gì không?

– Bẩm cụ lớn vừa có một tập án và hai phạm nhân ở Tứ Kỳ đệ lên, trời tối và cụ lớn chưa về, con đã cho giam phạm nhân xuống ngục.

– Được cứ giam người ta đấy, đưa tập hồ sơ và tờ bẩm đây tôi xem.

Viên đô lại chạy ra án thư lấy một tập giấy lại, hai tay cầm đưa cho quan Ân:

– Bẩm cụ lớn đây ạ!

Quan Ân cầm lấy rồi bảo:

– Thôi cho thầy về, sáng mai vào sớm nhé!

– Bẩm cụ lớn vâng ạ!

Viên đô lại lui ra, quan Ân quay trở vào nhà trong, đi thăm bà cụ cố, thăm chị, vợ và con, rồi mới lên thư phòng, cởi áo ngoài, ngồi chễm chệ lên giường, khêu to ngọn đèn dầu, mở tờ bẩm của quan phủ Tứ Kỳ ra đọc trước. Chữ nhỏ đèn mờ, ngài phải đeo cặp kính sáu mươi mới đọc rõ, đại ý rằng:

“Quan Tri phủ phủ Tứ Kỳ, kiêm thẩm phán quan là Nguyễn Đình Bảo lạy bẩm việc án! Nhân vì ở bản nha hôm mùng bảy vừa rồi, có đơn của tên Lê Liên, phó tổng ở xã Tiên Túc thưa tên Trần Văn Thiện thông dâm với vợ y là Nguyễn Thị Tũn, hiện bắt được quả tang. Cứ đơn dẫn trình của y xà lý trưởng Lê Công Miện, công nhận việc điểm nhục luân lý ấy xảy ra vào khoảng cuối giờ Dậu đầu giờ Tuất, và theo những lời khẩu cung của hai bên nguyên bị cùng mọi chứng tá mà ty chức đã thân lấy ở bản nha, thì tên Trần Văn Thiện quả cố ý phạm tội. Xét ra, tên ấy có theo đòi văn tự, đã ba phen đi thi, vào được đến nhị trường mà lại giữ chức gia sư nhà người ta, mà đã tâm làm việc đốn mặt như vậy, thật là làm nhục cho cả nho

phong. Chiếu theo hình luật của Quốc triều, ty chức nghi, phạt tên ấy đánh năm mươi trượng, làm công dịch mười lăm ngày và cấm luôn sáu khoa không được ứng thí. Nhưng trộm nghi việc có quan hệ đến phong hóa và Nho đạo, ty chức không dám tự chuyên, nên bẩm cả hồ sơ lên:

Quan Án sát sứ bản tỉnh, mong ngài minh xét xử định thế nào để chính lòng người, dẹp phong tục. Vạn vong, nay bái bẩm...

“Hoàng hiệu...”

“Đô lại Nguyễn Hiên phụng thảo”

Xem xong ngài bỏ xuống án tự nghi:

– Nếu quả vậy, phạt thế hãy còn nhẹ!

Rồi ngài coi tiếp cái đơn bên nguyên Lê Liên, trong đơn nói đại khái, ngày hôm ấy hấn đi vắng hẹn hai hôm mới về, nhưng lúc chập tối, hấn có việc phải về thấy trẻ con vắng cả, thầy đồ và vợ hấn cũng vắng, đâm nghi, hấn liền chạy lại gian buồng, cửa đóng, mà trong lại có tiếng trai gái cãi cọ rầm rầm, hấn liền đập cửa bắt mở, ở trong vợ hấn kêu ra:

“– Ai đấy phá ra mà vào, tôi sốt, chồng tôi đi vắng, ông ấy vào hiếp tôi!”

Hấn liền gọi người nhà và hàng xóm sang làm chứng phá cửa vào bắt trói thầy đồ Thiện và tường lý trưởng làm đơn dẫn trình.

Ngài vất tờ nguyên đơn xuống, nhìn sơ qua đến tờ dẫn trình của lý trưởng, đại khái cũng chỉ nói hồi cuối giờ Dậu đầu giờ Tuất thấy thầy Phó tổng Lê Liên tường ở nhà thầy xảy ra việc đâm ô, y thân đến, thấy thầy đồ Thiện bị trói ở chân giường, mà vợ thầy còn nằm úp mặt trên giường, hai người đều quần áo xóc xếch. Hỏi các lân bang đều nhận thấy như thế. Thiết nghĩ việc này quan hệ đến phong tục nên phải vội phi trình lên Bản Phủ. Tri phủ đương quan xét.

Ngài lại lấy tập khẩu cung, lục tờ cung của tên Trần Thiện xem trước. Ngài đọc ngay đến câu *vấn* (hỏi) và câu *cung* (khai).

“Vấn – Mày đến ngôi nhà Phó tổng đã mấy năm?”

Cung – Bẩm quan lớn, con ngôi ở nhà thầy Phó đã hai năm nay.

V. – Ngày thường làm gì?

C. – Dạy học và trông coi cửa hàng thuốc, cắt thuốc.

V. – Đã được tin dùng như thế, sao lại đến đây đến lần mò với cô chủ?

C. – Bẩm quan lớn, quả con oan, hôm ấy thầy Phó tổng đi vắng, ở nhà chị ấy đau bụng kêu rôi rít gọi con vào cứu. Con là người biết thuốc chẳng lẽ không chữa, con đành phải tòng quyền mà vào. Nhưng vào đến nơi thì chị ấy giữ ghì lấy...

V. – Thế ai đóng cửa?

C. – Bẩm con không biết! Trong lúc cuống quít con không rõ là ai, chứ thực lúc con vào buồng, cửa vẫn để ngỏ.

V. – Mà chối! Thế mà ngờ cho ai đóng?

C. – Bẩm quan lớn. Thầy phó, thầy ấy định vu khống cho con, nên lập tâm làm như vậy, chứ thực tình con oan!

V. – Phó tổng nó không tử tế với mà sao mà còn cứ ở đây? Mà cố ở chỉ vì mà đã chực cưỡng dâm con Thị Tũn ba bốn bận rồi?

C. – Bẩm quả không ạ! Con ở đây là vì thầy Phó vẫn đối xử tử tế với con, chỉ có tiền công và tiền chia lãi hiệu thuốc mà con trông coi và xem bệnh, thì chưa có, nay con hỏi thì thầy ấy lập tâm ra để võ nợ con.

V. – Thế nợ có giấy tờ giao ước gì không?

C. – Bẩm không, con tin thầy ấy nên không làm giấy, nay thầy ấy lập tâm lật con.

V. – Thôi thế là chính mà gian rồi, chỉ viện cớ cãi quanh. Có muốn xin thêm gì nữa?

C. – Bẩm lạy quan lớn, đèn trời soi xét quả con oan, vợ chồng nhà nọ lập tâm vu cho con.”

Quan Phủ phê thêm vào cuối tờ cung rằng:

“Thủ ấn vĩ dương, gian tình dĩ hiện, tiền hậu bất phù, thủ án dĩ biện!”. (Dấu đầu hở đuôi, tình gian đã rõ; trước sau không hợp. Án này xét xong).

Quan Án đọc tiếp đến tờ khẩu cung của Thị Tũn.

V. – Thị kia lấy chồng đã được mấy năm?

C. – Bẩm lạy quan lớn, con lấy nhà con đã mười sáu năm, từ năm con mười bốn tuổi.

V. – Được mấy con?

C. – Bẩm con sinh bốn bận, chết một, còn hai trai một gái. Đứa con trai đầu lòng, năm nay mười ba đương học thầy đồ.

V. – Vợ chồng có bất hòa cãi cộ nhau không?

C. – Bẩm quan lớn tuyệt không ạ!

V. – Thế sao lại phụ chồng mà đi dan díu với thầy đồ? Tội mày đáng voi giày ngựa xé!

C. – Bẩm quan lớn, con oan ạ, con sốt mê sốt mệt, chẳng còn biết trời đất gì cả, thầy ấy vào buồng con, đóng cửa lại, rồi ép con, vì thầy ấy không có vợ.

V. – Sao nó bảo mày đuổi trẻ con đi chơi, rồi giả đồ đau, gọi nó vào, giữ lấy nó?

C. – Bẩm nó lập tâm hiếp con đấy chứ. Nó đã trêu gheo con ba bạn, một bạn ở sau nhà, một bạn ở nhà học, một bạn ở vườn dâu, có bà xã Mật ở bên hàng xóm biết. Con nể nó tiếng tăm ông đồ, con không nói sao, nó tưởng con bằng lòng, nhân biết chồng con đi vắng, nó làm vậy?

V. – Sao mày không hô hoán ngay lên?

C. – Bẩm con ốm, con ôn tồn bảo nó trước xem nó có nghe không, vả ngay lúc ấy thì chồng về!

V. – Giá chồng không về thì cũng thôi đấy; mày chỉ được cái gái đi già mồm. Mày còn muốn kêu gì nữa? cho kêu.

C. – Bẩm lạy quan lớn, xin quan lớn minh xét phạt tên Trần Văn Thiện, cho con giữ trọn lòng trinh bạch, khỏi mang tiếng với chồng con và làng nước”.

Ngài đọc tiếp đến tờ cung của ba người làm chứng, đều là người hàng xóm cả. Một người đàn ông và một bà già đều nói tương tự như lời trình của lý trưởng. Chỉ có bà xã Mật tức Lê Thị Gái thêm một câu hỏi nữa, phải cung là một hôm có trông thấy hai người ở ngoài vườn dâu, nhưng không biết họ làm gì cả.

Ngài xem xong tất cả, rồi xếp gọn lại để cái ống bút sứ dè lên tróc, ngồi chống tay lên trán suy nghĩ. Ngài tự nhủ:

– Có lẽ tên Thiện oan thật, chúng nó khẩu đồng từ cùng ra định buộc chết thằng kia đây. Cứ xem quả nhâm buổi chiều hôm nay thì ta tất rồi khám phá ra vụ án oan ức. Chưa biết chừng là đám này đây. Ta phải hết sức minh xét cho ra, rồi có vì đây mà thoái quan cũng không hối... Mà mình vô lý thật, việc này khám ra thì việc gì mà thoái quan...

Ngài cúi đầu một lúc, đến khi ngẩng lên trông thấy Tuấn đứng ở gian bên kia, ngài gọi:

– Tuấn quạt cho thầy siêu nước sôi pha chè. Và bảo dưới nhà, tối nay khuya thầy mới ăn cơm. Rồi hãy dọn.

Tuấn tuân lời đi ra, ngài liền nằm dài xuống giường duỗi thẳng hai chân và ngang hai tay mắt nhắm lim dim ra về hả hê lắm.

*
* *

Sáng hôm sau, quan Ân ra công đường sớm hơn thường lệ. Viên đô lại già đã có ở đấy rồi, ngài liền truyền cho đòi phạm nhân lên. Một lúc sau, hai tên lính giải một người cổ đeo gông lên đến sân. Trạc ngoại ba mươi, mặc áo vải nâu *năm mình cài giải*, và một cái quần vải trắng ngà ngà *bỏ lá tọa* lên trên vòng giầy lưng sồi gốc nhuộm màu hoa lý, người ấy co ro, run lẩy bẩy bước những bước ngại ngừng cuống quýt trên sân rộng, giữa hai người lính lực lưỡng và oai vệ! Trông nét mặt xanh xao hốc hác lúc nào cũng cúi xuống đất như thẹn thùng lo sợ, không dám nhìn ai, và nhẫn nhục chịu lép một bề theo số phận, khách ngoài vòng sẽ động lòng thương hấn hơn là giận hấn, nếu hấn quả có phạm tội. Con người ấy sao mà lại mắc vào vòng tội ấy...? Quan Ân trông thấy liền bảo viên đô lại:

– Tháo gông cho nó rồi truyền nó lên đây! Mà người ta chưa thành án sao đã gông cổ thế?

– Bẩm Cự lớn. Từ phủ giải lên đã phải gông như vậy. Họ sợ nó trốn!

– Nhào! Chúng chỉ vẽ. Ra bảo nó lên.

Viên đô lại tuân lời chạy ra bảo lính tháo gông rồi dẫn phạm nhân vào. Người ấy run sợ phủ phục lễ kêu van:

– Bẩm lạy cự lớn, tội nhân này quả tình oan ức, phận hèn núp dưới bóng cao, cúi mong cự lớn công minh, xét thấu cho rõ được phần nào, tội nhân này đội nhờ ơn đức phần ấy.

Quan Ân cười nói:

– Anh đã đi học đi thi phải không?

– Dạ, bẩm lạy cự lớn vâng ạ!

– Anh đã theo đòi nhà nho, mà sao anh ăn nói lãng nhăng lẫn thẩn thế? Anh có biết rằng đã là người có học mà làm điểm nhục danh giáo còn nặng gấp mấy người ngu không?

– Dạ! Bẩm cụ lớn có ạ!

– Thế sao anh còn phạm tội, khẩu cung, văn án đã rõ ràng ra đây, anh còn kêu ca gì nữa?

– Dạ! Trăm lạy cụ lớn đèn trời soi xét tội nhân này quả tình là oan ạ, tội nhân thì vô tình không biết, mà bên thầy Phó tổng thì cố ý lập tâm mãi bấy giờ tội nhân mới nghĩ ra, họ định vu tội lập thành án thế để cướp không vốn liếng của tội nhân chung vào cửa hàng bán thuốc...

– Vốn anh chung vào độ bao nhiêu?

– Dạ! bẩm cụ lớn, năm ngoái dạy học được tám chục quan, tội nhân góp vào bảy chục buôn chung, tội nhân trông coi cửa hàng, hẹn lãi chia đôi. Đến nay tội nhân nói với ông ấy chia thì sanh ra như vậy.

– Thế còn nuôi cơm anh ăn thì là gì?

– Bẩm cụ lớn, cơm tính vào công nuôi dạy trẻ.

– Vốn liếng cửa hàng bây giờ ước được bao nhiêu?

– Bẩm cụ lớn, cuối năm ngoái, nguyên thuốc đã có đến tám trăm quan. Từ đấy lại buôn thêm tạp hóa thành bây giờ đến linh vài nghìn. Cửa hàng sở dĩ phát đạt thế là tự tội nhân trông coi và cất thuốc chạy tay.

– Nguyên mình Phó tổng bỏ ra bao nhiêu vốn?

– Bẩm cụ lớn, đầu năm ngoái ông ta bỏ ra hai trăm nữa là ba trăm!

– Có thể thôi? Thế hai bên có biên giấy tờ gì tính toán với nhau biết không?

– Bẩm cụ lớn, có tính biên mấy cọc đại cương ra cho ông ta biết, rồi ông ta giữ lấy giấy.

– Anh nghĩ xem anh có giáp ở đâu để tìm ra làm bằng không?

Phạm nhân đứng ngẩn ra một lúc nghĩ ngợi rồi mới đáp, mắt sáng lờ một tia hy vọng:

– Bẩm cụ lớn có, tội nhân có giáp vào đầu một quyển sổ *vãng lai* lấy thuốc của hiệu Khách, còn để trên nóc tủ thuốc, nhưng không biết có còn không?

Quan Ân ngồi im một lúc lâu, rồi lại hỏi:

– Sao những điều anh vừa khai ở đây không thấy khai với quan Phủ.

Bấm lạy cụ lớn, tội nhân cũng chực khai, nhưng quan Phủ ngại cứ hỏi át đi, nên lại không dám.

Quay lại viên đô lại, quan Ân truyền:

– Giao cho lính hãy giam nó lại đợi đấy.

Phạm nhân vội sụp xuống lễ kêu:

– Cẩn rơm cẩn cỏ xin cụ lớn sinh phúc minh xét cho tội nhân. Ra tay tế độ cứu một người vô tội, để phúc lại muôn đời...

Viên đô lại nắm lấy tay lôi hầy ra sân và gát:

– Đi ra! Quan còn xét chớ! Lù dù như anh thì còn oan mãi ấy!

Tống tên kia đi ra khỏi rồi, quan Ân mới hỏi đô lại:

– Bên nguyên chúng nó có lên?

– Dạ, bẩm cụ lớn, có, chúng nó vừa vào đợi ở dưới trại.

– Cho vào hầu!

Lịnh đưa ra, một lúc sau, lính dẫn lên hai vợ chồng Phó tổng Lê Liên: chồng, người dong dỏng cao, khoảng bốn lăm bốn sáu, da ngăm ngăm đen, hai gò má cao làm cho hai cái mắt đã sâu lại sâu thêm, cái vành khăn lượt chữ như trên đầu trề hẳn xuống để chừa cái búi tóc củ hành cài chiếc lược ngà. Chị vợ, người xương xương, nước da trắng, hai con mắt sắc và ướt, đôi môi mỏng dính... Chị mặc cặp áo mớ hai, và cái váy nái dài quét đất.

Hai người còn đứng thập thò ngoài sân, sau người lính dẫn. Quan Ân cho đòi tên Phó tổng vào trước. Hấn lễ chào, ngài hỏi ngay?

– Anh kiện tên Thiện cưỡng dâm vợ anh, nhưng nay nó lại khai là anh định võ công nợ nó, nên lập tâm làm vậy, có không?

– Dạ! Bẩm lạy cụ lớn, cụ cầm cân nảy mực, cụ lớn xét rõ cho con có phần đội ơn cụ lớn, chớ tên Thiện là một kẻ cùng dân kiết xác, mấy năm trước mẹ chết không có tiền chôn, con đã phải bỏ ra ba chục quan cho nó để nó lo liệu tống táng. Con lại thương tình nó rước về ngồi dạy trẻ. Không ngờ ngày nay nó no cơm đấm đốn lại còn đổ liều, xin cụ lớn minh xét cho con khỏi mắc tiếng oan!

– Nhưng nó bảo anh định võ tiền nó góp vào và tiền lãi về việc buôn chung kia mà?

– Bẩm lạy cụ lớn, nó còn làm gì có tiền mà chung. Đi dạy học mấy thằng trẻ ranh, tiền công tiêu cũng không đủ, bẩm cụ lớn, cuối năm vẫn còn phải tạm thêm đấy ạ. Lại còn khao vọng, hiếu, hỉ, động hễ người ta mời là con lại phải bỏ tiền ra cho nó đi.

– Thế những món tiền anh giúp nó, anh có biên à?

– Bẩm lạy cụ lớn, con nghĩ chỗ tình sư chủ, một lời nói với nhau là đủ, đối với nhau, nên chín bỏ làm mười, nên con không biên.

– Như việc xảy ra thế này, anh có ngờ gì vợ anh không?

– Bẩm lạy cụ lớn không ạ, nó trêu gheo vợ con ba bận vợ con đều mách con cả, song con đều gạt đi, nói ra xấu người hổ ta, con không dám nói. Nay quá quắt lắm, con sợ hại đến gia phong nhà con và làm điểm nhục đến Nho đạo, nên con phải đem đến trước cửa cụ lớn...

– Thật vậy chớ?

– Bẩm lạy cụ lớn vâng ạ, con nói sai, con xin chết học máu tươi trước cửa cụ lớn.

– Thôi được, để ta xét.

Quay lại Cai lệ, ngài truyền:

– Đưa tên này xuống trại lệ giữ lại đợi. Và bảo cho Lê Thị Tũn vào.

Cai lệ đưa Phó tổng Lê Liên ra khỏi thì một tên lính giải vợ hấn vào. Thị trông thấy quan Ân liền ngồi sụp xuống chấp tay lễ lấy lễ để và kêu liên thoáng:

– Trăm lạy cụ lớn, nghìn lạy cụ lớn con phận đàn bà ngu dại, bị thầy đồ cường hiếp, phải đem thân đến cửa cụ lớn, cần rơm cần cỏ đập đầu lạy cụ lớn minh xét cho con khỏi mang tiếng xấu với bà con làng nước, con xin tưởng nhớ đến ơn đức cụ lớn đời đời.

Quan Ân nghiêm nét mặt, trừng mắt nhìn, hỏi:

– Sao đã đau lại để con cái người nhà đi vắng cả?

– Bẩm lạy cụ lớn, con bị đau bụng dật, nên không kịp gọi được ai. Người nhà lúc ấy đi làm ngoài đồng chưa về.

– Các con mầy đâu?

– Bẩm lạy cụ lớn, đứa bé út đi chơi, còn hai đứa lớn, không biết thầy đồ xui chúng nó hay là chúng nó tự đi đâu vắng, lúc ấy con gọi không thấy.

– Sao ở phủ mầy lại cung là thầy đồ xui chúng nó đi?

Thị Tũn run run thưa:

– Bẩm lạy cụ lớn vâng, sau con hỏi chúng nó, chúng nó bảo thầy đồ sai.

– Ra con này gian, vợ chồng mày lập tâm làm hại thằng Thiện đây mà, tao biết!

– Bẩm lạy cụ lớn không ạ, quả tình chúng con ngay lành không biết gì cả, thầy ấy đại đột, chồng con tức, chồng con mới đem kiện lên quan phủ rồi đến cửa cụ lớn. Giá như con thì...

Thị ngập ngừng không dám nói nữa. Một viên đô lại đứng hầu bên quan Án buột mồm hỏi:

– Giá như chị, chị cũng thôi?

– Bẩm vâng ạ, giá như con thì, thầy ấy nhận lỗi rồi, con cũng thôi!

Quan Án quắc mắt nhìn hỏi:

– Mày tử tế quá thế! Được, đem giam nó xuống ngục! Giam riêng ra, đợi đấy.

Đoạn ngài sai thảo trát về làng tên Phó tổng kia, bắt lý trưởng làng ấy thân dẫn hai con của Thị Tũn lên dinh. Ngài lại phái một viên đô lại cùng đi với tên lính cơ mang trát bắt lý trưởng thân dẫn đến cửa hàng nhà Phó tổng khám thâu lấy tất cả các sổ lấy hàng để đem về dinh xét bằng cứ.

Viên đô lại và tên lính ra đi đến mãi sáng sớm hôm sau mới về kịp dinh, dẫn lý trưởng và hai đứa bé vào trình. Lý trưởng lễ chào và dâng trình những quyển sổ lấy hàng. Quan Án lần mở từng quyển một, vừa nói:

– Hãy tạm cho thầy ra ngoài! Dẫn hai đứa trẻ vào đây!

Hai đứa vào trông thấy quan, sợ luống cuống lễ ngã khụy xuống đất. Ngài truyền:

– Cho đứa bé sang gian bên, để ta hỏi riêng thằng này đã.

Một viên đô lại dẫn đứa bé ra, quan Án liền nghiêm nghị hỏi thằng lớn:

– Sao hôm nọ, thầy mày đi vắng, mẹ mày ốm, mà mày lại bỏ đi đâu vắng?

– Bẩm lạy cụ lớn, thầy đồ sai con đi chơi và dặn lên quá trên chùa làng Thượng xin hoa.

Quan Án liền nổi nóng đập tay xuống án quát:

– À thằng ranh con này dám nói dối à, đem vô, kim, cặp, hỏa lò ra đây, tra thằng này cho nó nói thật nào.

Lính dạ ran, rồi đem mọi thứ hình cụ ấy ra bày lên cái án quay ngang ở cạnh gian. Đứa trẻ trông thấy sợ hoảng kêu rú lên rồi sụt sùi khóc. Viên đô lại kêu xin quan Án hãy tạm tha cho nó một lần, rồi viên ấy dỗ ngọt nó nên nói thật. Quan Án lại dịu giọng nói:

– Con mẹ mày đã khai ở đây rằng sai mày đi đâu kia mà. Mày lại còn nói dối! Mày chối tức là mày để mẹ mày chịu tù một gông! Mày muốn cứu mẹ mày thì có thể nào khai thật.

– Bẩm... bẩm... Bẩm lạy... lạy cụ lớn, mẹ con sai... sai con đấy ạ!

– Nhưng mà sai đi đâu?

– Bẩm... bẩm cụ lớn, mẹ con sai con ra đồng làng Thượng... hễ... hễ thấy thầy con thì bảo thầy con về...

– Mày lại chối! Thầy mày đi vắng kia mà?

– Bẩm... lạy cụ lớn, con không dám chối, con thấy mẹ con bảo vậy, con xin khai thật.

– Thật chớ? Nhớ nhá, chút nữa tao hỏi lại mà nói sai là tao vằm xác ra nghe không?

– Lạy... lạy lạy cụ lớn, vâng ạ!

– Thôi cho thằng này tạm ra, dẫn đứa bé vào đây.

Đứa bé này mới độ lên sáu, còn ngây ngô lắm. Trông thấy Quan Án, nó luống cuống cứ cúi gằm mặt xuống, miệng bấu sệu chực khóc mà không dám bước. Quan Án vui vẻ ngọt ngào hỏi:

– Hôm trời thầy đồ, em bé ở nhà hay đi đâu? Nói thật rồi quan cho bánh.

– Bẩm... bẩm... quan lớn, cháu... cháu đi đón thầy cháu.

– Ai bảo em bé đi?

– Anh... anh cháu ạ!

– Tại sao thầy em lại trời thầy đồ?

– Bẩm... bẩm... cháu không biết, cháu về... thì thấy trời...

– Em có thấy thầy mẹ em bàn nhau gì về thầy đồ không?

Đứa bé đứng một lúc rồi mới nói:

– Có... thầy mẹ cháu bảo thầy đồ ngờ nghệt.

Quan Án cười quay bảo đồ lại:

– Thầy biên cả khẩu cung đây chứ!

– Bẩm cụ lớn, vâng.

– Đăng đường cho tất cả lên đối chất!

Viên đồ lại đi ra. Một lúc sau, ở chính gian giữa nhà công đường đã bày xếp lại rất oai nghiêm. Quan Án ngồi ở chính giữa, hai dãy án hai bên quay lại, là chỗ ngồi của các viên đồ lại. Ngoài sân, gươm giáo mác tuốt trần sáng loáng. Bên trong hàng gươm giáo ấy là một cái bàn bày ngôn ngang các hình cụ làm ghê rợn cả người. Một hồi ba tiếng công vừa dứt, quan Án yên vị, nguyên bị đều có mặt, ngài cho đọc lại hết mọi bản khẩu cung. Đến hai bản của hai đứa nhỏ, ngài lại cẩn thận bắt hỏi lại cho trẻ đáp lại. Vợ chồng Phó tổng nghe các con nói, cuống lên chỉ chực chạy xô ra giữ con lại nhưng đều bị lính canh ngăn cản. Đọc hết các bản khẩu cung, quan Án cầm một quyển sổ hàng mở ra giơ lên và nói:

– Xét lời cung lúng túng của Thị Tũn, theo lời cung của hai đứa bé, và theo bằng chứng hiển nhiên là sổ tiền chung vốn của hai bên đã ghi rõ vào một trang quyển sổ này, tên Lê Liên thông mưu với vợ là Thị Tũn lập tâm vu oan giá họa để võ món nợ tức là sổ tiền phải chia cho tên Trần Văn Thiện. Vậy tên Liên có chịu không hay còn muốn chối?

Phó Tổng Lê Liên quỳ ở giữa hai người lính thưa:

– Bẩm lạy cụ lớn, đây là anh ấy mới mượn mạo ra đây ạ.

Một viên đồ lại quát mắt mắng:

– Thằng này láo! Mày bảo ai mạo!

Nhưng quan Án vẫn ôn tồn nói:

– Khốn nhưng đây, nó lại là cả chữ của Phó tổng Lê Liên thành ra không mạo được. Đây thầy có xem?

Quan Án đưa quyển sổ ra cho viên đồ lại cầm ra cho hấn, nhưng hấn cúi mặt xuống không xem. Ngài liền đồng dục tuyên án:

– Lập tâm vu oan giá họa người để võ công chiếu luật Hình quốc triều, tên Lê Liên phải phạt vãng lên thượng du đầu quân thực tội, bằng phó tổng thâu hồi thiêu hóa¹: Tên Thị Tũn gian ngoan xảo

1. Thâu về đốt đi.

quyết, đồng mưu với chồng để hại người cũng phải đánh năm mươi roi, rồi cho về nhà nuôi con. Còn tên Trần Văn Thiện, tuy vô tội, nhưng đã là con nhà Nho mà không biết theo thánh như *phòng vi đồ tiệm*¹, để đến nỗi thân mang nhục cũng phải phạt mười lăm roi cho tỉnh kỳ thâm và làm gương cho những kẻ khác.

Xử xong, hình phạt thi hành luôn. Quan Án lại phái một viên đô lại và mấy người lính thân về làng Lê Liên chia cửa cho Trần Văn Thiện. Ngài lại cho sao mấy bản khẩu cung ở trên dinh gửi kèm với tờ sức báo cho quan Phủ Tứ Kỳ biết. Bên tờ sức ngày phê thêm rằng:

“Thử án quả phi dâm!

“Mưu thâm họa tất thâm!

“Nhược bất minh uẩn khúc!

“Hà dĩ chính nhân tâm?”

(Án ấy không phải dâm! Mưu sâu tất phải chịu vạ sâu, ví bằng không rõ chỗ ngoằn ngoèo, làm sao chính được lòng người?)

Tuấn được xem xử án, lại xem trộm mấy câu trên này, càng thêm phục quan Án sát tài trí hơn người và văn chương danh thép, lại có tài quyết đoán như thần. Chàng càng luôn luôn băng khuâng mẩn tưởng đến ngài.

*

* *

1. Phòng từ cái nhỏ nhất, ngăn lấp từ cái dần lớn.

PHẦN THỨ HAI

CHƯƠNG I

Cái dinh cơ quan Hoàng giáp làng Thịnh Hậu cũng không lấy gì làm to cho lắm. Ở giữa cái vườn cau đằng sau, bên trong lũy tre rậm rạp có từ đời cụ Đội Tích, là một cái từ đường bằng ngói, kiểu *lộn thêm* để trừ hiên rộng đủ trải chiếu lễ. Bên ngoài là cái nhà đại tế năm gian, nhà ngói gỗ lim, rất bề thế chắc chắn, làm tự khi quan Hoàng giáp mới đỗ. Đi song song tiếp hai bên tường nhà đại tế, đối nhau, kiểu chữ Môn, là hai dãy nhà gỗ chạy dài năm sáu gian. Nhà bên tay phải là một cái nhà đã cổ có đến bảy gian, ba gian giữa là nhà ngoài, còn mỗi đầu hai gian làm buồng, một buồng cửa cụ cố còn một buồng dành riêng cho bà lớn cả. Đằng sau cái nhà này, lại có một cái nhà ngang ba gian, hai chái, là nhà của bà lớn hai. Rồi mới đến một dãy nhà bảy tám gian chạy dọc với cái nhà trước, là nhà chứa thóc, chuồng trâu, chuồng lợn. Quay lưng ra lũy tre, đứng giữa cái dãy nhà này với dãy nhà bảy gian hai buồng bên kia, – nhưng không liền nhau, – để đóng kín lấy cái sân gạch vuông, ở giữa không trống bề nào – ấy là cái nhà bếp xây gạch lợp ngói, có cửa đầu này để thông với nhà trên và có cả cửa đầu kia đi ra chuồng trâu, chuồng lợn. Bên ngoài nhà kho, là vườn chè cành lá chen chi chít. Rồi đến cái hào sâu thăm thẳm, rộng bằng cái chiếu! Rồi đến lũy tre xanh tốt.

Trước cửa nhà đại tế và hai dãy nhà có một cái sân rất rộng lát gạch bát, ngoài cùng bao tường hoa, đắp những cột trụ rất đẹp. Ở giữa tường hoa chính chỗ hai cột cao nhất, có xây một cái bể cạn rất to có thể đựng đến hàng trăm gánh nước. Bên ngoài tường hoa là cái vườn hoa và cây có quả: có giàn thiên lý, có hoa cúc, có hoa lan, hoa huệ, hoa hồng; có cây cam, cây quít, cây lê, cây đào... Ngoài cùng là

một cái ao bán nguyệt rộng độ bốn thước, nước sâu trong vắt, thả sen. Qua cái lối giữa vườn hoa và ao, ta đi thẳng về phía trái nhà đại tể là ra đến cái cổng ngói xây cao kiểu chòi; qua cổng ấy là để chân lên đường làng, bên ngoài lũy tre của nhà quan Hoàng giáp. Bên trong cổng, chạy sâu vào theo lũy tre có một cái nhà tre ba gian cho người làm ở nhờ, để đêm hôm có ai ra vào mở cửa cho tiện. Còn cái dãy nhà bên tay trái mới làm có phần đẹp đẽ gọn ghẽ hơn cả các nhà kia. Ấy chính là nơi quan Hoàng giáp dùng làm nhà học để đón nhận những sĩ tử gần xa đến nghe giảng và bình văn. Cái nhà ấy cũng bảy gian, hai gian trong cùng là phòng ngủ riêng của quan Hoàng giáp, là nơi tiếp đãi bạn bè trong làng nhỏ. Ở đầu ngoài nhà có một cái cửa sổ trông ra vườn hoa và ao sen, ngồi đây có thể trông cả ra cổng, ai ra vào cũng biết. Nhưng muốn vào nhà lại phải theo một lối ngang qua vườn hoa vào sân rồi bước lên hè. Đằng sau cái nhà dài ấy là một cái vườn rộng có cau, chè, nhãn, mít, bưởi, ổi, và mọi thứ trái cây nữa. Cái vườn ấy chạy giáp đến chân rào dưới của hàng xóm. Trong vườn ở mỗi gốc cau có một cái chum hứng nước mưa...

Cả một khu cơ nghiệp ấy ở vào một khoảng đất độ non một mẫu, mở mang đã từ mấy đời nay, mỗi đời thêm vào một ít. Đời cụ tổ làm Thập lý hầu, đã có đến năm sào đất ở rồi. Đến cụ Đội Tích giàu có lại tậu thêm ít nữa. Cụ cố sinh ra quan Hoàng giáp lại mở rộng thêm được mấy sào mà bao thành hào lũy kín ba mặt và khai thêm cái ao bán nguyệt thông vào hào. Còn khu nhà và vườn ở phía tay trái, là của ông anh cụ cố bác ruột quan Hoàng giáp, mới bán lại cho từ khi quan mới xuất chính. Lúc ấy ông cụ bác thường nói với ông cụ cố:

– Cái lòng tôi vẫn mong mỗi từ trước: cháu nó đỗ cử nhân, ăn thủ lợn làng nay là tôi hả. Thế mà nay, cháu lại đỗ to, làm nên quan cao, thế là nhà ta có phúc lắm, chú ạ. Tôi xin để lại cho chú khu đất ở này để chú mở mang sửa thêm cho đẹp đẽ, cho xứng với danh ông Hoàng giáp, Tổng đốc, Thượng Thư nay mai. Tôi vào quá trong xóm ở cũng được...

Cụ cố không muốn, nói...

– Con cháu làm nên bác mừng cho là quý, còn em thiết tưởng ở như thế này cũng là đủ rồi, em muốn anh cứ ở đây, anh em gần nhau, sợ khi tắt lửa tối đèn...

Nhưng ông anh đã cãi:

– Nhào! cái chú này chỉ nghĩ lẫn thẩn, mình phải nghĩ về sau

cho chúng nó chớ. Nó làm nên quan to, còn thiên hạ quan chiêm nữa chớ, mình tôi với chú à, mà bảo thế nào cũng được. Chú không nghe, tôi cũng bắt phải nghe. Để tôi bảo thím ấy.

Thế là ông cụ cố phải nhận lấy cả phần đất của ông anh, sửa sang thành một cái khu rộng và đẹp như thế. Cái cơ nghiệp ấy kể thực ra là tự tiền nhân và cụ cố gây dựng nên cả, quan Hoàng giáp không phải mất tâm cơ mưu tính gì. Mà cái cơ nghiệp ấy có to tát, có căn cơ thực, nhưng không lấy gì làm lộng lẫy nguy nga. Thế mà quan Hoàng giáp vẫn thường tự lấy làm then là quá sang trọng. Ngài thường bảo với học trò:

– Nho gia thanh bạch! Con nhà đọc sách chỉ quý hồ ăn đủ no, mặc đủ ấm, nhà đủ ở, còn để tâm mà lo đạo. Nay tôi ở nhà to tát sang trọng như thế này, nhà ngang dãy dọc liên chi, vườn cau ao cá đề huề, kể thật là trái đạo thường của nhà nho. Nhưng nghiệp di đã có thế này chẳng lẽ lại không ở. Ở kể cũng quá lạm.

Cho nên trong nhà, ngài không bày biện những thứ quý vật gì cả. Nhứt là từ khi ngài đương làm Tuần phủ Hưng Yên phải *tại ngoại hậu cữu*, ngài lại càng giản dị lắm. Trên nhà học, ngài bỏ hết cả hoành phi, câu đối, trướng, của học trò, văn thân, và các quan mừng ngài từ trước đến giờ. Ở gian giữa, ngài chỉ còn để một bức hoành sơn then chữ vàng để bốn chữ đại tự “*Chù Tứ Văn Chương*”¹ của một anh học trò trường Hà Nội đỗ Đình nguyên tạ ngài, khi ngài còn ngồi Đốc học tỉnh ấy. Dưới bức hoành ấy treo đôi câu đối của cả hàng huyện mừng khi cậu hai Ân, con ngài, đỗ Hội nguyên, Tam giáp tiến sĩ đồng xuất thân, khoa mới rồi:

*“Vọng tộc nhứt môn song hội bảng
Hùng văn tam thí lưỡng khôi nguyên”*
(Họ to một nhà hai bảng Hội,
Văn mạnh, ba lần thi, hai đỗ đầu!)

Ngài để treo yên câu ấy, là vì ngài thích nó bao hàm đủ ý mừng cả ngài và con ngài cùng đỗ hai lần khôi nguyên. Ngài truyền đạt ý nghĩ ấy sang cả mọi học trò:

– Câu này hay lắm, mừng con mà mừng được cả bố! Tôi cũng hai

1. Văn chương sông Chù sông Tứ, nói văn chương chính Nho đạo đức Khổng Tử. Chù, Tứ là hai sông ở nước Lô, quê đức thánh Khổng.

lần khôi nguyên đấng chức, kỳ thi đình tôi thi, ông Đào tiến Tường hơn tôi trên mười tuổi, nên được gọi trước, chứ thực ra văn lý có hơn được tôi chút nào đâu!

Hai bức đồ ngang hai bên, treo hai bức trướng thêu nền nỉ đỏ, chữ chỉ xanh, và kim tuyến. Một bức của cả các quan lại và văn thân mấy phủ huyện toàn tỉnh Hải Dương, mừng *thọ thất tuần* cụ cố bà, khi ngài còn giữ chức Án sát tỉnh ấy. Còn một bức là của một học trò tiến sĩ, cử nhân, tú tài, sĩ thứ, sắc mục chung nhau mừng ngài hồi đầu năm nay ngài tới *côi thọ lục tuần*.

– Ngoài ra không còn một câu, một chữ nào nữa. Những cột, những sà trước kia được câu đối hoành phi che kín và trang điểm cho, bây giờ đều phải trơ trẽn mà phô cả thân hình loang lổ và nứt nẻ. Chủ nhơn ông không cần gì cả.

Hôm nay đã bắt đầu sang đông rồi. Trời mới trở từ đêm. Mây mù đục kéo đầy trời. Gió may thổi tuy không to lắm, nhưng cũng từng cơn kéo giật rung đập lũy tre tung lá khô bay xào xạc, tản mát xuống khắp sân, khắp ngõ đi lối lại. Trẻ con trong xóm tranh nhau đi quét lá khô để về đun, hay là để gom lại thành đống hể im gió là đốt cháy bốc khói lên vút ngọn tre cho vui...

Cảnh trời buồn như nhắc quan Hoàng giáp cũng buồn, nhớ tưởng đến chuyện đã qua. Cũng ngày này năm kia, khi mùa đông vừa chớm tới, ngài từ Hải Dương thẳng về giữ chức Tuần phủ tỉnh Hưng Yên... Ngày rày năm ngoái, ngài bị kiện cáo lời thôi, phải triệt hồi hậu cứu... cho đến ngày rày năm nay ngài lại điềm nhiên ngồi đây mà an nhàn tuế nguyệt... Ba mùa đông qua, mà ba lần thay sắc đổi màu... Ngài hơi buồn, không phải là buồn vì thân thế hay đường công danh lận đận. Đời dẫu thế nào chẳng nữa, ngài cũng không bao giờ buồn và chán nản vì mình. Ngài buồn là buồn cho người khác, ngán cho lòng dạ kẻ tiểu nhân. Bây giờ ngài mới nhớ rõ ra thì sự đã qua rồi. Âu cũng là tự mạng trời bắt ngài phải gặp bước trắc trở như vậy! Ngài chỉ ngao ngán sao trong làng Nho đều là người có học sách thánh hiền, có đỗ đạt được Triều đình tin cậy, mà lại còn nảy ra hạng người tiểu nhân đến thế, bạc ác đến thế, diên đảo đến thế! Ngài hăm hăm tự gắt một mình:

– Thật là nhục cho nhà nho! Nhục cho nhà nho!... Thế cũng đòi đọc sách thánh hiền! Thế cũng đòi đọc sách thánh hiền! Đồ khuyến nho Nguyễn Đình Bảo! Đồ khuyến nho!

Thì ra mãi đến gần đây, ngài mới biết ngài bị về quan vì vụ kiện củ nâu chính do tên tri phủ Tứ Kỳ trước Nguyễn Đình Bảo lập tâm báo thù, thủ mưu bày đặt ra cho ngài mắc nạn. Con người nham hiểm ti tiện đến thế là cùng. Nguyễn chỉ vì hồi bà bốn năm trước, nhân vụ án vụ dâm, Nguyễn Đình Bảo xét xử không minh, quan Hoàng giáp khám phá ra xong, dâng cả về Bộ, các quan trong Bộ, thấy viên Tri phủ không chịu để tâm tra xét và buộc tội hồ đồ, liền tâu xin Hoàng thượng giáng ý xuống hai cấp và tư Bộ Lại bổ đi nơi khác. Không ngờ Đình Bảo vẫn để bụng trả thù quan Hoàng giáp, hấn dò theo riết ngài từng việc một. Nhưng vốn ngay thẳng, ngài không làm việc gì ngoại pháp, khắp dân một lòng ái mộ báai phục, hấn không còn dả động vào lối nào được, đành bó tay đợi thời, chớ thù kia hấn có quên đâu, mà lỗi mình hấn nào có nhận. Kịp đến khi, quan Hoàng thẳng Tuần phủ Hưng Yên, hấn hiện giữ chức Tri phủ Thường Tín, liền nghĩ ngay ra một kế, đem bàn với người bạn tâm giao là Lê Chí Thọ, lúc ấy đương buôn gỗ đi ngược về xuôi trên dòng sông Nhị Hà. Trong bữa rượu thân mật ở tư thất quan phủ, hai người thì thầm nói chuyện tâm đầu ý hiệp lắm. Sau cùng Chí Thọ gật gù vỗ đùi nói lớn:

– Thế nào đệ cũng xin giúp huynh ông được việc ấy... Chén đưa, nhớ bữa hôm nay!... Chén mừng, chầy lắm, ngày rày sang năm!... Hả! Hả! Hả có phải không huynh ông?

Tri phủ Nguyễn Đình Bảo cười nói khích:

– Chậm thế à? Như thế thì hèn lắm! Có giỏi thì ngay ngày này tháng sau mới tài chớ!

– Thôi..., thôi tôi xin ông ba bốn tháng sau là sớm, có ngỡ việc trò trẻ mà mau thế!

Rồi một hôm vào đầu tháng bảy, một thuyền đình lớn toàn củ nâu, đậu lại bến Phố Hiến chờ quan Tuần phủ khám xét, vì quan Tuần phủ Hưng Yên bây giờ giữ cả công việc ty Bố chánh nghĩa là thu thuế, phát lương, khám xét và đánh thuế các hàng hóa qua lại. Một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, rồi đến bảy tám chín ngày thuyền vẫn thấy đậu ở đấy không ai để ý gì đến. Đùng một cái, có tin tên chủ thuyền buôn là Lê Chí Thọ kiện quan Tuần phủ đòi ăn lễ, giữ thuyền lại không cho đi làm thúai củ nâu, lỗi cả mùa buôn bán. Dân gian ai nấy đều xôn xao lên... Nhứt là hôm quan Tổng đốc Hà Ninh được đi Khâm sai về khám, bát giờ nâu ra thì thấy thúai gần một nửa ở dưới đáy thuyền. Hỏi đến quan Tuần và tư tào, đều nói tên lái buôn

Lê Chí Thọ, có vào xin đỗ lại ở bến mấy ngày, chứ không ai giữ lại.

Nhưng ba tháng sau, quan Tuần phủ nhận được giấy về quan. Ngài yên chí là cái tai bay vạ gió cản trở bước đường tiến đạt của ngài. Ngài vô tình có ngờ đâu chính một kẻ thâm thù đã hại mình. Mãi đến năm nay, một người học trò ngài mới khám phá ra mảnh khốe của bọn kia, về thuật cho ngài rõ. Ngài trước hết còn ngạc nhiên, sau tức giận, rồi sau cùng sinh ra buồn nản.

Cho đến hôm nay, nhân gió may nhắc nhở lại chuyện qua, ngài liên miên bực tức. Ngài tự nghĩ:

– À phải rồi. Ra nó ăn tiền của thằng Phó tổng kia, nên mới buộc tội như vậy, rồi bị mình xét ra thế khác, nó bị giáng nhị cấp, nó cố ý báo thù mãi. Thế mà mình không biết, thì ra mình cũng ngu thật. Âu cũng là tự mạng trời.

Rồi không biết nghĩ làm sao, ngài sai lấy giấy hồng điều ra viết bốn chữ đại tự rất to: “*Đắc Tội Vu Thiên*”. Viết xong để cho ráo mực, ngài bảo người nhà lấy cái khung đại tự đã có sẵn đem dán vào rồi treo ở gian giữa, ngay trên chót chuồng cửa, trông quay vào trong, đối với bức hoành sơn thên chữ vàng.

Hôm sau các học trò trông thấy bức hoành mới, đều lấy làm lạ, thì thầm bàn tán và đưa đẩy nhau lên hỏi thầy. Quan Hoàng giáp biết ý liền ôn tồn nói:

– Các anh chắc lấy làm lạ về bốn chữ tôi mới viết đấy phải? Chữ sách Luận ngữ mà các anh còn lạ à! Đức thánh dạy rằng: “*Đắc tội vu thiên, vô sở đảo giả*”. Được tội với trời, không còn cầu xin được nữa. Đã không cầu đảo được, thì chỉ còn có một cách là tự mình tránh sao cho khỏi tội với trời thôi. Chính ngay như ta đây, lúc bé đi thi, chỉ vì một nét phẩy mà hỏng tuột cử nhân, ngày nay chỉ vì xử án gây ra một mối thù với một kẻ đồng liêu mà đến phải về quan... Như thế là đều tại tự ta, ta có lỗi mà không biết tránh, nên mới được tội. Giá cứ phòng từ cái nhỏ nhặt, trấn át từ cái dần dà, thì làm gì mà nên tội. Chính ta đây đã đánh tên đồ Thiện vì hấn không biết *phòng vi đồ tiệt*, mà nay xét ra, mình cũng mắc vào bịnh như nó...

Học trò hỏi:

– Thưa thầy, thế thì làm thế nào mà biết là mắc tội trời? và tránh cho khỏi tội?

– Ấy, Thánh nhân đã dạy: “*Nhân tâm duy nguy: đạo tâm duy vi;*

Lê Chí Thọ, có vào xin đỗ lại ở bên mấy ngày, chứ không ai giữ lại.

Nhưng ba tháng sau, quan Tuần phủ nhận được giấy về quan. Ngài yên chí là cái tai bay vạ gió cản trở bước đường tiến đạt của ngài. Ngài vô tình có ngờ đâu chính một kẻ thâm thù đã hại mình. Mãi đến năm nay, một người học trò ngài mới khám phá ra mách khốe của bọn kia, về thuật cho ngài rõ. Ngài trước hết còn ngạc nhiên, sau tức giận, rồi sau cùng sinh ra buồn nản.

Cho đến hôm nay, nhân gió may nhắc nhở lại chuyện qua, ngài liên miên bực tức. Ngài tự nghĩ:

– À phải rồi. Ra nó ăn tiền của thằng Phó tổng kia, nên mới buộc tội như vậy, rồi bị mình xét ra thế khác, nó bị giáng nhị cấp, nó cố ý báo thù mãi. Thế mà mình không biết, thì ra mình cũng ngu thật. Âu cũng là tự mạng trời.

Rồi không biết nghĩ làm sao, ngài sai lấy giấy hồng điều ra viết bốn chữ đại tự rất to: “*Đặc Tội Vu Thiên*”. Viết xong để cho ráo mực, ngài bảo người nhà lấy cái khung đại tự đã có sẵn đem dán vào rồi treo ở gian giữa, ngay trên chót chuồng cửa, trông quay vào trong, đối với bức hoành sơn then chữ vàng.

Hôm sau các học trò trông thấy bức hoành mới, đều lấy làm lạ, thì thầm bàn tán và đưa đẩy nhau lên hỏi thầy. Quan Hoàng giáp biết ý liền ôn tồn nói:

– Các anh chắc lấy làm lạ về bốn chữ tôi mới viết đấy phải? Chữ sách Luận ngữ mà các anh còn lạ à! Đức thánh dạy rằng: “*Đặc tội vu thiên, vô sở đảo giả*”. Được tội với trời, không còn cầu xin được nữa. Đã không cầu đảo được, thì chỉ còn có một cách là tự mình tránh sao cho khỏi tội với trời thôi. Chính ngay như ta đây, lúc bé đi thi, chỉ vì một nét phẩy mà hỏng tuột cử nhân, ngày nay chỉ vì xử án gây ra một mối thù với một kẻ đồng liêu mà đến phải về quan... Như thế là đều tại tự ta, ta có lỗi mà không biết tránh, nên mới được tội. Giá cứ phòng từ cái nhỏ nhặt, trấn át từ cái dần dà, thì làm gì mà nên tội. Chính ta đây đã đánh tên đồ Thiện vì hấn không biết *phòng vi đồ tiệm*, mà nay xét ra, mình cũng mắc vào bịnh như nó...

Học trò hỏi:

– Thưa thầy, thế thì làm thế nào mà biết là mắc tội trời? và tránh cho khỏi tội?

– Ấy, Thánh nhân đã dạy: “*Nhân tâm duy nguy: đạo tâm duy vi*;

CHƯƠNG II

Một con chim khách ở lũy tre bay vào đậu ngọn cây cau trước cửa nhà học, kêu què quẹt một tiếng rồi bay đi. Anh Tuấn đương dè phời một đôi câu đối, viết hộ người làng, thấy vậy liền đứng dậy bước vào nhà thưa với quan Hoàng giáp:

– Bẩm thầy, chắc có khách ạ! Quẹt kêu một tiếng khách xa, ba tiếng khách gần. Đây nó ở đâu bay đến đỗ cây cau kêu một tiếng rồi bay đi. Con chắc hôm nay có khách...

Quan Hoàng cũng vui vẻ nói:

– Ta cũng nghĩ thế. Sáng hôm nay ta máy mắt bắm một quẻ nhâm thấy động *quý nhân*, có bạn ở xa lại. Bây giờ lại quẹt kêu thì chắc là có khách. Lại bạn nhà nho nào đây. Anh xuống hỏi cô xem có gì nhắm rượu không? Rồi anh ở đây, đừng về nữa.

– Bẩm thầy vâng ạ!

Tuấn trở ra đi qua sân gạch sang dãy nhà bên kia. Quả nhiên, có khách thật. Tuấn còn đương ngồi ở nhà dưới thì đã có người xuống báo với bà lớn là trên nhà có khách: quan Huấn đạo làng Vũ Xuyên vào chơi với quan Hoàng giáp. Bà lớn liền tằm trầu cho Tuấn bung lên, rồi cũng theo lên chào quan Huấn hỏi thăm sức khỏe bà lớn và cả gia đình cùng là việc làm ăn cày cấy thế nào. Bà lớn cả cũng hỏi thăm tin tức nhà quan Huấn và mọi ông bà văn thân bên Vũ Xuyên, rồi xin phép lui gót xuống nhà, để nhường hai ông nói chuyện văn chương chữ nghĩa. Tuấn được cử đứng luôn ở nhà học để hầu hạ, pha nước, đốt đóm, tằm trầu, hầu rượu vân vân... Quan Huấn Vũ Xuyên, cũng trạc tuổi quan Hoàng giáp, nhưng người bé nhỏ hơn, là một nhà nho hay chữ cáo quan về nhà đã lâu, vì tánh ngài rất phóng khoáng, không chịu được khuôn khổ trong quan trường. Ngài lại là nhà nho cao khiết, nên quan Hoàng giáp thường kính nể lắm. Đã lâu hai người không gặp nhau, nay lại được dịp gặp mặt, trong lúc đôi bên đều rỗi rãi thì thật là vui thú tuyệt vời, rượu uống say cho đổ cả non sông vũ trụ mà thơ văn tràn ra đến ngập cả hoa cỏ chim muông...

Quan Huấn thấy trong nhà thưa thớt có một đôi câu đối, hai bức trướng, và một bức hoành, ngài thích trí lắm. Ngài rất ghét những nơi bẽ bộn câu đối hoành phi. Rượu ngà ngà say, ngài đưa mắt nhìn bức trướng mừng thọ quan Hoàng giáp và hỏi:

– Đứa nào làm?

– Học trò!

– Ai chả biết là học trò, nhưng đứa nào làm?

– ... Học trò!

Tức mình quan Huấn không hỏi nữa, ngài cao tiếng bìnhhh ngay từ giữa quăng, từ chỗ ngài xem dờ:

“... Nhị Tiên sinh hành canh dĩ chu lạc giáp, Thiên hạ đạt tam tôn, Tiên sinh kiêm nhi hữu chi. Thị chân khả hạ dã! Nhân thỉnh chú tiên sinh. Tiên sinh vị nhiên viết: “Khá hồ tai! Dư lạm đăng khoa giáp, nhi hoan hải ba đào, lữ mộng trác truất tiến đại ký bất như nhân, hựu bất năng bôn tấu ư vương sự dĩ báo đáp thâm ân, thứ phó sĩ lâm chi kỳ vọng, kim chú tử hựu xưng tràng mi thọ, dĩ ích dư quá, khả hồi tai!” Chú sinh hàm tiểu viết: “Tiên sinh dĩ vi bất khả, lang miếu tâm dã! Đệ tử dĩ vi khả, sư đệ tình dã! Sinh đẳng tông du ư Tiên sinh chi môn, đắc văn Tiên sinh Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân thu chi giáo hữu nhật hỹ. Dịch viết: Thường trình; Thơ ngôn; Bình cách; Thi ca: Chúc đầu; Lễ thuật: Gia đầu; Xuân thu: cử giáng nhân thỉnh. Các tụng sở nghiệp dĩ vi tiên sinh thọ, bất cảm xa!” Tiên sinh phủ thính yên, Nhân thơ vu trướng dĩ hạ”.

¹ ... Mà nay Tiên sinh tuổi đã đúng sáu mươi. Thiên hạ đạt ba tôn, Tiên sinh gồm có cả. Thật là đáng mừng! Nhân xin với Tiên sinh, Tiên sinh ngài dạy bảo rằng: “Nên a? Ta lạm đăng khoa giáp, mà đường làm quan sóng gió, lắm phen được đội ơn, cất lên bãi xuống, tiến đạt đã không được bằng người. Mà nay lại không ra bôn tấu về việc nhà Vua để báo đáp ơn sâu, và cho thỏa tấm lòng sĩ lâm mong mỏi. Nay các anh lại nâng chén mừng thọ càng thêm lỗi cho ta, phỏng có nên chăng?” Mọi học trò đều mỉm cười thưa rằng: “Tiên sinh cho là không nên, đó là cái lòng nghĩ đến lãng miếu vậy! Lũ đệ tử cho là nên, đó là cái tình thầy trò vậy! Lũ chúng con, theo chơi ở cửa Tiên sinh, được nghe Tiên sinh giảng dạy về kinh Thi, kinh Thư,

1. Nửa trên kể qua ý nghĩa cuộc mừng và sự nghiệp đại khái.

kinh Lễ, kinh Xuân thu đã lâu ngày rồi. Kinh Dịch rằng: Thường trịnh; kinh Thư rằng: Bình cách; kinh Thi ca: Chúc đầu, kinh Lễ thuật: Giá đầu, kinh Xuân thu cất người đất Giàng xin. Đều tụng điều đã học để mừng thọ Tiên sinh, không dám xa xỉ!” Tiên sinh cúi nghe lặng yên. Nhân viết vào trướng để mừng.”

Quan Huấn Vũ Xuyên bình xong, hạ giọng nói:

– Được đấy! Cũng đừng được! Đứa nào làm khá đấy?

Quan Hoàng giáp vui cười tiếp:

– Học trò nó làm ra cái quái gì! Anh có thêm đọc cả đâu? Anh đọc lỗi giữa quăng!

– Vâng, tôi vẫn biết học trò ông giỏi, đều là Tiến sĩ, Phó bảng, Cử nhân cả!

Quan Hoàng phải nói dịu:

– Xin anh chớ phát khùng làm giận, nói đùa cho vui đấy thôi ạ! Bài này đầu của cậu Huấn: Bình Mô làm, cậu Nghè Tân Đại Cốc nhuận lại.

Quan Huấn cũng cười:

– Tôi thích thứ văn thành thật và tự nhiên thế này. Ông anh thực đã khéo luyện cho con em thành những chân tài...

– Ông anh quá dạy.

– Không, đệ nói thật đấy!

Quan Huấn nói vậy, lại cao giọng bình bài trướng mừng thọ cụ cố của toàn hạt Hải Hương:

Mỹ tai thọ hồ quý ư Thiên hạ cứu hỹ. Tử sự thân, hạ sự thượng, vãng vãng vinh kỳ ngộ, nhi chí khánh, tình dã, diệc nghĩa chi dương nhiên dã! Phụng kim cung trị:

Tỉnh đường An sát sứ Nguyễn Tướng công Tôn từ thất tuần chi thọ, các phủ huyện quan lại văn thân đẳng giai tiên bái khánh. Công viết: “Thị ngô tâm dã, chư quân hà dĩ tri chi? Thả phương quốc gia đa sự nhi hựu vi sở sinh thụ hạ, như lễ hà?”. Nhân tiến viết: “Tướng công nhứt ngôn, di tác sở hệ. Duy thân thượng chi tình, phi dân kim nhật. Tướng công há xa dĩ lai, dĩ hiếu hữu thi vu chính, khứ tham lại nhi tiến thiện lương, chánh dân phong nhi cần khuyến khóa. Hoa lạc tụng đình nhàn, thảo sinh linh ngữ tĩnh, vị cập nhứt chu, phàm sở dĩ vi lại dân kế hậu hỹ. Tướng công năng lạc dân chi lạc, nhi bất đắc

*khánh tướng công chi khánh, tình khả dĩ hồ? Cung duy Tôn thái tử
trâm anh lệnh phiệt, lan cử phương hình. Nghi vu gia; tắc sắt, cầm
chung, cổ chi hòa, trinh kỳ lý, tắc cư, vũ, hành, hoàng chi tiết, môn
khởi huyền ca, gia khai khoa giáp. Thị Đức cố nghi thị phúc, bát
thiên xuân sơ thất dật chi chu. Đạt hiệu thuộc vu đạt nhân, thiên lý
ngoại, diệp nhứt đường chi khánh Vu thị do quận thành nhi kinh
quốc, lịch Tử mạch nhi du hương, kiến chi giả, tất viết: hậu tai kỳ
bắc chi phong dã! Quân tử hữu tri niên chi hĩ, bất ngôn, nhi thả tri
khánh chi. Triều đình hóa chi dư? Tướng công hiệu hữu dĩ cảm chi
dư? Phù ái kỳ thân, nhi dân diệp tri ái, hiên chi thịnh dã. Tuyên kỳ
hóa nhi dân diệp thức hóa, trung chi thuộc dã! Nhứt chi khánh nhi vi
hiếu tử, vi trung thân, bắc đường ý vọng chi tâm diệp ủy hỹ. Bất tất
thượng Nam Sơn chi đỉnh, nhi gia hữu hiếu tử, dĩ như thân khước lão
chi đan: bất tất khuynh bắc... đẩu chí tôn, nhi môn hữu trung thân,
dĩ như bột vong ưu chi thảo. Túy nhiên, thử diệp nhứt sơ chí khánh
nhi. Phục kiến Thánh triều dĩ hiếu trị thiên hạ, tam phẩm dĩ thượng
hữu tặng sắc bách tuế dĩ thượng, hữu tinh biển, kỳ sở dĩ vi thân tử
khuyến giả chi hĩ. Kim tướng công phủng ngọc chương nhi diệp cảm,
dĩ hiên ư Lão Lai y chi vũ ban. Kế hựu huyền kim biển dĩ thừa hoan,
đa thắng ư Vương mẫu đào chi hiến quả Thử hựu tướng công hiển
thân chi chí vu ngã thuộc hạ sở nguyện vọng yên.*

Dịch: Tốt thay, thiên hạ xưa nay bao giờ cũng quý tuổi thọ. Con thờ cha mẹ, dưới thờ trên, thường thường vinh được gặp mà ghi mừng. Tình vậy, cũng là nghĩa đương nhiên vậy. Nhân nay gặp kỳ thọ thất tuần của Tôn tử sanh ra quan Án sát sứ tỉnh đường Nguyễn tướng công, quan lại và văn thân các phủ huyện trong tỉnh Hải Dương đến trước thêm bái khánh. Tướng công nói rằng. “Đó là sự vui mừng trong lòng ta, các ông làm sao mà biết. Vả đương lúc nước nhà nhiều việc, mà lại vì mẹ đẻ chịu mừng thì đối với lễ chẳng trái lắm sao?” Nhon tiến rằng: “Tướng công nói một lời, phép tắc đều hệ. Duy cái tình thân thượng, không những ngày này mới có. Từ khi Tướng công xuống xe ¹ đến giờ, lấy hiếu hữu gia vào chánh trị, trừ tham lại mà tiến thiện lương, chính dân phong mà chăm dạy dỗ. Hoa rụng chốn tụng đình vắng vẻ, cỏ mọc nơi lao ngục bỏ không. ² Chưa đầy một năm mà đã lợi cho lại dân hậu lắm. Tướng công

1. Xuống xe là tới nhậm chức.

2. Lấy ở câu đối mừng Hà Dịch Vu đời Đường làm quan lệnh ở Ích Xương rất có liêm chính.

hay vui cái vui của dân, mà nay chúng dân tôi không mừng cái mừng của tướng công, tính sao cho phải?

Kính nghĩ Tôn thái tử, dòng dõi trâm anh, nét người lan cử¹ đi về nhà chồng thi cầm sắt chuông trống hòa vui; giữ gìn gương mẫu, thời cư vū, hành, hoàng² đưa sáng nhà rộn đàn ca, cửa liền khoa giáp. Đức ấy cho nên phúc ấy; tám ngàn xuân mới bắt đầu tròn bảy chục. Đạt hiếu ở kẻ đạt nhân, ngàn dặm ngoài cũng là mừng thọ một nhà. Rồi từ quận thành mà đến cả nước, từ Tử mạch đến chốn Du hương ai thấy đều phải nói rằng: Hậu thay: phong tục Kỳ Bắc người quân tử biết tuổi cha mẹ mừng không nói ra, mà người ta còn biết mừng thay. Nhà vương hóa của Triều đình chẳng? Hay là nhờ cái đức hiền của tướng công mà được vậy chăng? Ôi yêu bề thân, mà đâu cũng biết yêu: thịnh hiếu vậy. Dạy hóa mà đàn cũng bắt chức hóa, cũng là trung vậy. Gặp một lần mừng mà vui mừng, ấy là còn hiếu tôi trung. Cái lòng bề thân đứng nhà bắc dựa trông cũng được thỏa vậy. Bất tất lên trên đỉnh núi Nam Sơn mà nhà có con hiếu, cũng đã như uống *đơn khước lão*. Bất tất nghiêng chén Bắc Đẩu mà cửa có tôi trung, cũng đã như *đeo cổ quên lo*! Tuy nhiên đây cũng mới là một lần đầu vui mừng vậy. Núp thấy Thánh triều lấy đạo hiếu trị thiên hạ. Ba phẩm trở lên có tặng sắc, trăm tuổi trở lên, có biển nêu. Đó là cách vì thân tử mà khuyến hiếu cũng đã rất mực vậy. Nay Tướng công đã bưng ngọc chương mà mua soi gương, thật đẹp hơn vẻ múa của áo Lão Lai, kể đến rồi treo biển vàng mà mua vui, còn hơn hẳn sự dâng quả đào của bà Vương mẫu. Ấy là điều của Tướng công làm cho bề thân vẻ vang hết sức rất vui mừng, mà là cũng là chỗ bọn thuộc hạ chúng tôi mong mỏi vậy”.

Quan Huấn bình xong lại hỏi:

- Bài này ai làm mà câu kỳ dài dòng thế? Nhứt là đoạn dưới.
- Sao ông anh không bỏ quăng hay yứt quách nó đi một nửa có phải đỡ dài dòng không? Cứ kể thì ý cũng được đây chớ?
- Ý thì hay. Nhưng tôi ghét cái văn câu kỳ lồi thối! Của ai thế?

1. Thứ cỏ thơm lấy ở câu “Lan cử nhi độc hương” trong Sơ từ nghĩa là cây lan cử ở chỗ u tối vẫn thơm một mình, ý nói đức hạnh người đàn bà cũng vững vàng như vậy.

2. Bốn thứ ngọc sáng đẹp đeo làm đồ trang sức, đây nói tiết tháo người đàn bà trong trắng tốt đẹp như ngọc sáng vậy.

– Tôi cũng không biết ai làm. Chẳng biết phủ, huyện họ làm lấy hay là họ xin ai...

Hai ngài đương mãi nói chuyện thì ở ngoài có một người tiến vào sân, theo sau có một đứa bé đội quả. Người ấy dừng ở hè nói với Tuấn xin cho vào hầu quan, nhưng Tuấn không nghe, bắt đứng đợi đấy đã, quan Hoàng giáp nghe thấy liền hỏi:

– Ai đấy? Cứ cho người ta vào.

Người kia nghe tiếng liền bước sấn vào quỳ chào.

– Lạy cụ lớn ạ, lạy cụ ạ!

Quan Hoàng điềm nhiên hỏi:

– Việc gì vậy?

Người kia ra bưng cái quả rổ để vào giường, mở nắp trong có một buồng cau, một chai rượu và một chục quan tiền. Người ấy chấp tay nói:

– Bẩm lạy cụ lớn, cụ đồ Đạo ở Đài Lĩnh vừa mất, môn sinh cụ cử con đem đầu sang bầm với cụ lớn, xin cụ lớn ra ơn làm cho một bài trướng.

– À, ông đồ Đài Lĩnh chết rồi à? Hình như bà cụ để ra ông ấy mới chết xong?

– Bẩm cụ lớn vâng, cụ bà mới mất được một tháng hai ngày.

– Ông đồ ốm thế nào mà mất chóng thế?

– Bẩm cụ lớn cũng cảm xoàng thôi, rồi không ăn cơm, cứ lịm lẩn đi không đầy hai ngày.

– Thế đây là trướng của cả học trò nội ngoại phải không? Bao giờ lấy?

– Bẩm vâng. Bẩm cụ lớn sáng mai chúng con đến, xin cụ lớn ban cho.

– Được! thế anh cứ về.

Người kia cất lễ ra giường, cầm lấy quả ra đưa cho đầy tớ, rồi lạy tạ ra về. Hấn đi khỏi, quan Huấn cười bảo bạn:

– Nhà nho lại phát tài rồi!

Quan Hoàng giáp vui vẻ tiếp:

– Bẩm đây là duyên may của nhân huynh, xin nhân huynh hạ bút cho.

– Không, người ta xin nhân huynh phải làm, nhờ người khác làm

nó sái đi là một, hai nữa làm thế ra để khen nhân huynh phát tài để mà vợ lấy à. Không được!

– Thì hai anh em cùng làm rồi ta cùng uống rượu chung vậy!

– Thế dễ để không làm, huynh ông không cho uống rượu đấy phải?

– Dạ không phải thế ạ. Để nói chúng ta cùng làm cùng uống rượu cho vui. Chớ có đâu dám thế!

Câu chuyện đương dở, thì lại có một người khách lạ nữa xin vào hầu. Tuấn cho vào. Người kia chào. Quan Hoàng hỏi ngay:

– Việc gì?

Người ấy để hai phong chè lên khay trầu rồi chấp tay nói:

– Bẩm cụ lớn, ông đội Đại ở chúng cháu mất, bà Hai cho cháu lên bẩm với cụ lớn làm cho bài trưởng bà ấy khóc ông Đội.

– Ông Đội ấy tôi cũng có hơi biết, có phải ông ấy trước đi lính, rồi sau về nhà làm giàu, có nhà ngói cây mít, hào trong, lũy ngoài, ao trước, ao sau, phải không?

– Bẩm lạy cụ lớn vâng ạ!

– Bà cả chết ông ấy mới lấy bà hai được mấy con?

– Bẩm cụ lớn, bà cả có một trai một gái, và bà hai mới có một gái lên ba và bây giờ...

– Bây giờ sao?

– Bẩm cụ lớn, bây giờ đương chữa!

– Hay lắm. Có chỗ ấy kể vào mới hay thế mà anh lại ngậm ngừng chực thôi!

– Dạ!

Giữa lúc ấy ở ngoài lại bước vào một người nữa quỳ lạy:

– Gì vậy?

Người trước lùi ra cho người sau lên, bưng một buồng cau để trên cái mâm, vào để lên giường chấp tay nói:

– Bẩm cụ lớn, con đến xin cụ lớn giáng phúc cho một bài trưởng con dâu khóc mẹ chồng bằng nôm.

– Ừ, nhưng cái cảnh nhà người ta thế nào chớ?

– Bẩm, cụ lớn, con dâu, chồng chết rồi, có hai con trai, bố chồng còn. Nhà cũng khá giả.

– Được, thế bao giờ lấy?

– Bấm cụ lớn sáng mai, con mang vải đến nhờ cụ lớn viết cả một thẻ?

– Ừ, cũng được. Còn ông gì ngoài kia? Bao giờ lấy?

– Bấm cụ lớn cũng sáng mai ạ.

– Được rồi thế là mai lấy tất. Nhà nho hôm nay đắt hàng quá.
Hai người kia đi khỏi rồi, quan Hoàng giáp vui cười bảo bạn:

– Tại ông anh đày nhé, bảo làm hộ cứ dấy nấy lên. Ở đâu nó lại đến cho ngay hai bài nữa. Ông anh có chối, tôi cũng bắt phải làm cho bằng được. Mà cũng nhờ có duyên may của ông anh nên mới đắt hàng như vậy.

– Nhưng những ba bài, tôi làm một, quan anh phải làm hai.

– Cũng được. Nhưng muốn cho công bình thì bài nôm anh em ta làm chung...

– Không được... Đệ không bằng lòng.

– À, phải rồi. Bài nôm tôi bảo anh Tuấn làm. Để tôi lập một cuộc cho vui. Thắp một nén hương sạ, hễ cháy hết là phải làm xong bài. Còn anh Tuấn ta cho hai nén. Xin rước ông anh chọn lấy bài trước.

– Nhường quan anh chọn trước. Vì ngài dựng cuộc kia mà!

– À vâng, phải đấy. Thế thì tôi nhận làm bài khóc thầy. Vì tôi yêu cái cảnh ngộ cùng tánh tình ông này lắm. Còn ông anh tánh khoáng đạt thì cố nhiên phải khóc thay cô vợ kế rồi. Ông anh khóc thì mới tuyệt. Đá cũng phải rơi nước mắt! Đã nhớ cảnh tình người ta kể chưa?

– Nhớ rồi.

– Thế được. Anh Tuấn xuống nhà bảo lấy mấy nén hương đem lên đây. Gọi cả người lên bưng mâm, rồi lên ngay ta bảo.

Tuấn vâng lời xuống nhà một lúc cầm hương lên. Quan Hoàng bảo:

– Anh ngồi đây nghĩ hộ bài trưởng nôm này: con dâu góa chồng, khóc mẹ chồng, bố chồng còn, nhà lại khá giả, người con dâu có hai con trai... Làm được chớ?

– Bấm thầy vâng ạ!

– Làm ngay đi. Tôi với bác Huấn hạn nhau có một nén hương, tôi gia cho anh hai nén.

Ông bạn nói xen vào:

– Cậu ạ! ông ấy khôn thật lực đấy. Định ra cuộc mà lại vợ ngay lấy cái bài bỏ nhứt là có sẵn mười quan tiền bỏ túi. Còn chúng mình thì chưa thấy mầu mỡ gì.

Quan Ân nói:

– Được, cứ làm. Rồi tối nay ta uống rượu cùng vui để nghe bình cả ba bài. Đây tôi thắp hương nhé.

– Vâng. Xin tuân.

Nén hương cắm vào ống bút sứ để trên án đã cuộn cuộn bay khói lên rồi là là lan tỏa một mùi hương ngan ngát, ai nấy đều im lặng cầm bút vừa nghĩ vừa viết. Nén hương vừa cháy hết hai phần ba, thì hai quan đã cùng bỏ bút xuống ngồi dậy, cùng nói:

– Xong rồi!

– Xong rồi!

Rồi hai quan mỉm cười tự khen nhau:

– Thật là kỳ phùng địch thủ!

– Thật là kỳ phùng địch thủ! Đưa đây xem nào hay lại bôi ra đấy!

– Nhưng cấm bình đấy. Phải đợi đến chiều tối có rượu mới được lên tiếng.

Hai quan đưa lẫn bài cho nhau xem. Quan Hoàng còn quay lại dặn Tuấn:

– Anh cứ bình tĩnh mà làm cho hay nhé! Đừng vội. Chớ bắt chước chúng tôi. Già hay háu tấu!

Nhưng Tuấn cũng làm xong trước hạn, nén hương sau mới cháy hết có một nửa. Hai quan đỡ lấy bài chàng xem, rồi gật đầu khen. Quan Huấn khen:

– Cậu này mẫn tiệp lắm. Khoa này may ra đỗ được đấy. Có đi thi đấy chớ?

Tuấn lễ phép đáp:

– Bẩm quan lớn có ạ!

– Thật ra cái học có khuôn sáo vẫn hay thật. Đã là học trò quan anh thì người nào văn cũng tự nhiên, nhẹ nhàng và thành thực, hay hơn thiên hạ.

Buổi chiều hôm ấy, một bữa rượu to, đủ rượu ngon nhắm tốt, hai quan cho phép cả Tuấn ngồi hầu, uống rượu và nghe bình ba bài trướng. Quan Huấn tốt tiếng nên quan Hoàng nhường cho bình cả. Ngài uống một chén rượu, rồi cầm lấy bài của quan Hoàng toan bình, nhưng nghĩ sao, lại bỏ xuống bảo Tuấn:

– Cậu xuống mời bà chủ lên mà nghe chúng tôi khóc đi.

Tuấn đứng lên nhưng không dám đi, đưa mắt nhìn trộm quan Hoàng. Ngài biết ý liền bảo:

– Cứ xuống mời xem bà có lên.

Tuấn đi, một lúc sau, có cả hai bà vợ quan Hoàng cùng lên. Quan Huấn trông thấy liền cười nói:

– Có thể chứ! Hai bác phải lên mà nghe chúng tôi khóc trước, kéo người khác nghe nó tủi cho anh em chúng tôi...

Bà lớn cả liền cười nói:

– Ô hay kìa! Rượu chưa uống mà đã say sao quan bác lại khóc!

– Ấy khóc mướn ấy mà! Đây trình một bác trai, hai bác gái, đệ xin khóc hộ bác trai đây ạ, vì bác ấy làm bài khóc thầy đồ... hộ.

Rồi ngài bình to lên:

“Ô hô! Đài Sơn đông trī, Hoàng thủy tây bàn, áp vu kỳ gian già, thế hũu Nho lưu xuất yên. Ngô phu tử diệc bầm sơn xuyên chi anh, bão phong vân chi chí, văn chương khả trí, dương hiển hà nan. Nhi vô kỳ bất nhiên dã. Thu bảng vị đề, linh thung dĩ tạ, thế trị đa gian; thời văn hốt biến. Phu tử vô tâm ứng cử, thỉnh ư Thái từ thích quán thụ đồ vị thiện dương kế, Thúc tu túc dĩ cung cam chí, vũ thái khả dĩ đại trâm bào. Tôn từ lạc yên, Phu tử ủy yên, Tông du môn sĩ, mạc bất hân hân nhiên dĩ vi nhứt nhứt tam tông, tích văn kỳ ngữ nhi kim thân thân kiến chi hĩ. Thiên giá chi niên. Thái từ nguyên kỳ thọ, Phu tử toại kỳ hiếu. Bộ xu chi hạ đắc di phi thức cố chiêm Nhi hà hạnh như chi, kim tuế; mạnh thu, Thái từ cự pho giao trì hội. Phu tử dị suy niên đương đại sự, táng tế lễ hoàn, thân hôn niệm thiết, tài duyệt nguyệt gian, hốt hựu cập truyền tương kiến hĩ. Ô hô! hống tai! Ta hô! Thiên chi khốn Phu tử chi ngộ, sở dĩ thành Phu tử chi mộ. Thiên chi sắc. Phu tử chi thọ, sở dĩ giải Phu tử chi cụ. Thời da, mạng da! Khởi vi Phu tử bịnh da? Tử sinh cảm đại, sư đệ tình thâm, nhứt biệt thiên cổ, du du ngã tâm! Hà tướng âm dung nghi phạm, do bồi hồi ư Đài Sơn, Hoàng thủy chi đông tây gian giải! Ô hô! Y hi!”

(Dịch: Than ôi! Núi Đài Sơn sừng ở bên đông, sông Hoàng thủy quanh ở bên tây, ở vào khoảng giữa ấy, đời đời có dòng nhà nho phát sinh ra vậy. Phu tử ta cũng bầm anh khí của núi sông, ôm chí lớn gió mây, văn chương đã giỏi, dương hiển khó gì? Mà đời lại không được

như thế. Thu bẵng chưa đê, cây linh thông đã héo! ¹ Đời gặp nhiều việc khó văn chương vụt biến đổi. Phu tử không nghĩ đến thi cử nữa, xin với Thái tử về nhà dạy học, làm kế khéo nuôi; tiền công đủ lấy cung ngon ngọt, múa vạt áo để thay trâm bào. Tôn tử vui vậy, Phu tử yên vậy. Môn sĩ theo học, ai cũng chẳng hơn hờ vậy lấy làm một ngày ba công, trước nghe nói đến, mà nay mình được thân thấy vậy. Trời để cho năm, Thái tử thêm tuổi thọ, Phu tử được thỏa lòng hiếu, bước rảo qua sân, được đoái xem mà mẹn phục, còn may nào bằng. Năm nay tháng mạnh thu, Thái tử bèn tới hội Giao trì. Phụ tử lấy tuổi già gánh việc lớn. Táng tế xong lễ, vẫn nghĩ đến đạo thân hôn. Vừa đầy tháng, đã vụt lại xuống tuổi vàng cùng tìm thấy mẹ. Than ôi! đau lòng thay! Hỡi ôi! Trời khiến cái đường gặp gỡ của Phu tử, sở dĩ để làm thành cái điều Phu tử, vẫn mẹn thích! Trời làm ngắn tuổi thọ của Phu tử, sở dĩ để giải cái điều Phu tử lo sợ! Là thời? hay là mạng? Ta há lại vì Phu tử lo ạ! Sống chết cảm sâu, thầy trò tình thiết, một biệt ngàn năm, lòng ta dằng dặc! Xa xa tưởng đến âm dung, khuôn phép, còn bồi hồi ở khoảng bên tây núi Đài Sơn sông Hoàng thủy vậy. Than ôi!

Bình xong, quan Huấn bỏ giấy xuống hỏi:

– Có hay không? Hai bà chị?

Bà lớn cả đáp:

– Cũng được! Cái nhà ông ấy có phúc nhỉ. Làm ma mẹ xong rồi mới chết...

– Đây nhá, quan bà khen văn quan ông hay rồi đấy. Khóc mướn đáng tiền rồi đấy.

Quan Hoàng giáp vội nói:

– Các bà đợi nghe ông Huấn khóc mới lâm ly tình tiết... đáng thưởng... Thôi bình nốt bài văn của ông đi! Vợ kế khóc chồng!

Quan Huấn cười đáp:

– Vâng! xin đọc:

“Ô hô! Thu phong dao động văn thiệp hưởng dĩ thân thương kiều lộ nan điền, vọng ngư quang nhi lệ lạc. Kim tịch hà tịch? Hà tư vi tư? Thống duy lương nhân: Mạt tích tự thân, thiếu sự hung hàng, xích tâm mưu quốc; văn quy nông phố, bạch thủ thành gia. Mỹ hoán

1. Con chưa đỗ, cha đã chết.

mỹ luân, ốc trùng tu nhi tãng nhuận; nhĩ điền, nhĩ trạch, tử dĩ tráng dĩ kham truyền. Vô lại trung niêm bất hạnh, tiên thất vân vong; khái trung quý chi cửu hư, dĩ thiên phòng nhi đại pháp. Loan giao ký tục, tửu hứng phương nồng. Chi khả bốc ư khô thô dương, châu nghi sinh ư lão bạng. Khởi ý tam niên dương tịch, nhứt nữ do hài, phục trung chi cơ ngẫu vi phân, đường thượng chi thanh âm sạ tịch, tử hề, tử hề như thử lương nhân hà? Ta hô! phù thiên già, sở thiên lại thử, Dương ngưỡng vọng dĩ chung thân, trạch địa nhi xu, hốt u minh chi dị lộ. Kim dạ túy miên hà xứ? Ninh phi tiên bạn chi giao? Dương niên hải thệ do tôn, cụ đoạn Sở vân chi mộng? Tư tắc liễu xa ký giá, tức viễn hữu kỳ, tổng quân giả thiếp, tổng thiếp giả thù? Vũ kim tư tịch, vân hồ bất bi! Duy nguyện bội di chúc, vũ di chúc, vũ di cô, hạnh lục giáp nhi sinh nam, thử bách niên chi hữu thác, Tử ký thành danh, thiếp bất giá. Lương nhân minh mục tuyên đài hạ; thử tình nan dĩ đối nhân ngôn, khóc bất thành thanh, hòa lệ tả. Ô hô! Thống tai!”;

(Dịch: Than ôi! Gió thu lay động, nghe tiếng vang mà buồn đau. Cầu đường khó lấp, trông ánh sáng sao Ngâu mà lệ nhỏ. Hôm nay hôm gì? Sao thế trái thế? Đau lòng nghĩ đến lương nhân, tài giỏi tự mình, nhỏ đi việc lính, lòng son giúp nước, sau về làm ruộng, tay trắng nên nhà. Cao thay! Rộng thay! Nhà càng sửa càng thêm nhuận. Ruộng ấy nhà ấy, con đã lớn mà kham truyền. Không may giữa tuổi, tiên thất¹ mất đi! Nhớ trung quý để lâu không, lấy phòng bên² mà thay thiếu. Keo loan đã nổi, hứng rượu dương nồng. Cành khá bói ở cây khô, châu thể sinh ở trai giá! Ai ngờ, ba năm như một buổi, một con gái nhỏ, trong bụng trai gái chưa rõ, mà trên nhà tiếng tăm đã vắng! Con ơi con! con ơi! Như thế đối với lương nhân sao? Than ôi! Trời vậy! Có trời ở đây! Toan nương nhờ lấy trọn đời, chọn đất mà qua, vụt u minh sang đường khác. Đêm nay say ngủ ở đâu? Hay là các tiên bạn đón đi! Hay năm xưa chí bề còn mong, kịp cố theo Sở vân mơ tưởng? Thôi thì xe liễu đã đi, tới xa có hẹn: đưa anh là thiếp, đưa thiếp ấy ai? Ngẫm nay nhớ trước, bảo sao không đau sót lòng này? Chỉ nguyện giữ lời di chúc nuôi con con sót lại, may mà lục giáp sinh trai, ngô hầu trăm năm có nơi nương tựa. Con đã nên danh, thiếp không lấy chồng nữa. Lương nhân được yên nghỉ dưới suối vàng. Tình này khó thể cùng người nói, khóc không ra tiếng, hòa nước mắt viết! Than ôi đau lòng thay!)

1. Vợ cả, 2. Vợ kế.

Quan Huấn vừa đọc xong hai bà vôi khen!

– Hay quá! bác khóc hộ hay thật! giá ông Đội kia có khôn thiêng cũng phải chảy nước mắt mà thương cho cô vợ, cả nửa cơ nghiệp!

Quan Hoàng giáp để thêm vào:

– Đấy nhé, quan bác khóc chẳng đáng tiền là gì?

Quan Huấn vôi xua im và nói:

– Còn nữa, còn bài con dâu khóc mẹ chồng của cậu gì đây này, bài này thế mà lại hay trội!

Tôi xin bình:

“Thương ôi! Trời thu nước biếc! Sao vụ bóng lòa, nào hay một cuộc bể dâu, cơ tạo hóa xây vắn là thế ấy! Xiết kể mấy cơn sóng gió, tình dâu con đau đớn biết dường bao! Nhớ mẹ xưa: tính khí hiền hòa, nét na thuận cần, thức khuya dậy sớm, gầy dựng nền nhân, ăn ngay ở lành, vun trồng cây đức. Gương ty tuyết sáng lồng đôi bóng, tóc bạc da mồi. Thêm quế lan chồi nảy mấy hàng, hoa cười nhi nở! Tưởng phúc trời đem lại tiệc thọ, duyên dài chuốc chén giao tri! Nào ngờ cảnh Phật vui đi thuyền, từ phiệt phúc đạo miền Nhược thủy! Ôi! xe tiên gió thổi, lều bạc mây lồng: Trông vời nước thăm non xa, bóng từ khốn là đà dâu lá! Nghe lọt cây dung sóng vỗ, tiếng vi âm mang máng nơi nao? Trên nhà phơ phát mái sương buồn gõ khúc bồn ca khi sớm vắng. Dưới gôi ngậm ngùi phận bạc, khổ mang tình đắng khóa lúc canh khuya! Thôi thời thôi! Kể chẳng hết lời, nói càng thêm tủi! Chết liễu tấm thân chênh lệch, chữ hiếu tình gánh nặng bên vai! Sân hòe đôi chút thơ ngây, việc gia thất xếp đây trong dạ! Trên núi thăm thấu hay chẳng nhẽ? Dưới suối vàng họa có biết cho. Thương thay bách thả giữa dòng, nước chảy mà phiền chẳng tả! Ngán nhẽ thung già dưới gốc, cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây! Chứa giọt thu ba! Đau lòng xuân thảo!”

Bà lớn cả nói ngay:

– Kể thì cũng hay, đủ lẽ lối thôi! Xuất sắc thì lấy gì làm xuất sắc. Nhưng anh Tuấn làm được thế cũng là giỏi lắm đấy. Kém gì hai ông nào! Có điều tôi hơi lo là không biết cái ông cụ còn sống có biết gõ khúc bồn ca là cái gì?

Quan Hoàng giáp liền nói:

– Ông ấy không biết cũng không cần. Ở đời này ai có trướng cũng cần phải hiểu cả, thì tôi tưởng không còn ai dám có trướng nữa.

Quan Huấn nói tiếp:

– Mà nhà nho chúng mình cũng không còn đất hàng như ngày hôm nay nữa.

– Ấy thế lại hóa hay! Chớ cứ thế này, hơi một tí họ quấy mình mừng hộ khóc mướn cũng là cái thân tội!

Quan Huấn cười:

– Mà hôm nay, mới ông anh tôi được chực quan chứ anh em tôi đã có gì đâu! Ấy cũng kể là khóc mướn đấy.

Hai bà cười đỡ lời:

– Thì mai thế nào chả được cái thủ lợn hay cả một đùi trâu, đèo mấy chai rượu một ván xôi! Ông ấy nhà tôi vẫn nhận được thế luôn. Thôi thế cũng đủ chán. Làm văn lạo thảo như vậy, được thế cũng là ăn tiền đất rồi đấy.

– Hứ! Các bà chị nói thế không được! Văn chương vô giá chứ! Nói đến khóc ăn tiền tôi lại nhớ đến đôi câu đối của ông Huyện gì trên tỉnh Đoài năm trước. Ông ta nghèo lắm. Mẹ chết, về quan, lên chào quan Tổng đốc, ông Tổng đốc này lại trọng học, làm câu đối viếng tử tế rồi mới nói với ông Huyện rằng:

“Ngài làm một câu đối khóc Tôn từ, hễ hay, mỗi chữ ngu nhân xin tặng hai nén bạc để ngài làm lộ phí về nhà!

“Quan Huyện liền hỏi:

– “Bẩm dài ngắn thế nào?

– “Tùy đấy, không hạn, miễn hay thì thôi, dở không được.

Ông Huyện nghĩ một lúc rồi đọc:

“Vi nhân tử nan đắc sự thân, đấu thặng như khả đại cao dương, tức Lư gia phủng hịch diệc vi hoan, hưởng lương tai hựu ngộ minh tai, thập tam tuyên cam chỉ phụng thân hôn, thánh ân doãn đáp từ ân, khoáng thiên cổ di du thành hân kiến!”

“Tàng quốc sự bất hoàng tương mẫu, hoàn vũ tủng phi lâm khách địa, tức Lương công vọng vân do hữu cảm, thân cấu chỉ hựu kỳ kiến chỉ, thiên vạn lý thanh ôn tài chỉ xích, thân đạo cánh kiêm tử đạo nhưt triều ly diệc nan kham!”

Dịch: Làm người con khó được thờ thân, đấu thặng¹ mà kịp nuôi được cha mẹ, tức như người Lư Giang² bưng hịch cũng là vui, hưởng

1. Lương bổng. 2. Mạo Nghĩa đời Hán người đất Lư Giang thờ mẹ rất hiếu, được tờ hịch cử đi làm Thái thú An Dương bưng hịch vui mừng hơn hở, sau mẹ chết, từ quan về.

đã được quan lành lại gặp vua sáng mười ba Tuyên¹, đem ngon ngọt vâng sớm hôm, ơn vua đủ đáp ơn mẹ suốt nghìn đời sung sướng thật ít thấy vậy.

Đi việc nước không kịp rước mẹ, cao sang (như ngọc Hoàng, ngọc Vũ) ví chẳng lâm vào đất khách, tức như ông Lương công² trông mây còn có cảm, phương chi đã gặp rồi lại đã thấy, nghìn muôn dặm, ấm mát gần thước, đạo tôi lại gồm cả đạo con, một sớm ly biệt cũng khá kham thay!

“Hai vế câu đối thành một trăm linh hai chữ rất hay và rất chọi...”

– Quan Tổng đốc phải bỏ hai trăm linh bốn nén bạc thưởng chớ?

– Vâng phải giữ đúng lời hứa chớ, quân tử nhứt ngôn. Thành ra ông huyện được món tiền to về nhà, nằm khàn ăn tiêu, chịu tang mẹ. Khóc ăn tiền thế cũng hiếm có.

Quan Hoàng giáp liền nói:

– Nhưng đây ông huyện khóc thực, còn đây chúng mình khóc mướn kia mà, bì thế nào được!

1. 13 tỉnh, ý nói làm quan suốt 13 tỉnh.

2. Dịch Nhân Kiệt đời Đường được phong Lương quốc công, khi làm quan ở Tinh Châu, cha mẹ ở cả Hà dương, Lương công trèo lên núi Thái Hàng trông ngóng, thấy đám mây trắng bay xa, bảo tả hữu rằng: “Cha mẹ ta ở dưới đám mây ấy”. Trông rất lâu, mây tan mới xuống.

CHƯƠNG III

Hôm nay mừng ba Tết.

Mông một thì ở nhà cha,

Mông hai nhà vợ, mông ba nhà thầy!

Ngày hôm nay là ngày riêng của thầy trò mừng nhau, hay nói cho đúng hơn là ngày riêng của học trò, đến bái chúc thầy học. Cho nên ngày hôm ấy, những ông đại danh sư thường không tiếp kiến ai ngoài học trò. Người ta chỉ mãi vui thú đầm ấm với học trò là những đứa con tinh thần của người ta. *Đệ tử giai kỳ tử*, học trò cũng là con kia mà! Cho nên, cái ngày hôm ấy không ai dám đến chơi nhà những bậc thầy có tiếng, không ai dám phạm đến cái không khí nghiêm trang mà đầm ấm giữa tình thầy trò thân mật buổi đầu xuân!

Năm nào cũng vậy, trừ những năm tại chức ở nơi xa, quan Hoàng giáp Thịnh Hậu cũng tiếp đãi học trò trong ngày đầu xuân này rất vui vẻ. Năm nào cũng định một cuộc vui chung khác nhau. Tùy cảnh hứng, có khi ngài ra một bài thơ để họa vần, có khi ngài bắt mỗi người vịnh một thứ hoa để bói chí, có khi ngài bày ra cuộc xướng họa, có khi ngài lại ra câu đối để thử tài. Thường thường ngài chỉ cho uống chè tầu, ăn bánh, và ăn cơm, còn ít khi ngài cho uống rượu lăm.

Tết năm nay, nhân vừa sau khoa thi, thêm có mấy ông cử tân khoa học trò ngài, ngài rộng lượng hay sao ấy, nên bày ra trên bàn cả mấy chai rượu hảo hạng. Trong số ấy có cả hai chai rượu cúc nữa. Mà hôm nay ngài vui vẻ thỏa thích lắm. Độ nửa buổi, vào khoảng giờ ty, tất cả học trò làng và các nơi hẹn nhau đều lục tục kéo đến cùng một lúc.

– Năm mới, lạy thầy ạ!

– Năm mới, lạy thầy ạ! Mừng thầy trăm tuổi!

– Bẩm lạy thầy ạ!

Từng bọn một, đem những quả lễ cam, rượu, chè, cau, đặt lên trình quan Hoàng giáp, rồi xin phép đem bên lễ tiên tổ. Cậu nghề

Hai mới ở kinh về ăn tết, dẫn từng bọn lên nhà thờ lễ tổ. Bọn này ra thì bọn kia vào. Hết lượt, tất cả lại trở xuống nhà học xin phép quan Hoàng giáp đem trầu xuống chúc thọ cụ cố. Cậu nghè Hai lại thân dẫn đi. Đến nhà bên kia, thấy cụ cố đương ngồi trên giường, học trò bước ùa cả vào quỳ xuống lạy hai lạy và cùng nói:

– Học trò chúng con, năm mới gọi là đem đầu sang làm lễ chúc mừng cố sống lâu trăm tuổi, con cháu mỗi ngày một nhiều!

Cụ cố cười đáp:

– Quý hóa quá, lão cảm tạ các thầy, lão cũng xin chúc các thầy văn hay chữ tốt, đỗ cao và làm quan to.

– Dạ!

– ... Lão già lắm cảm chả biết các thầy là ai cả.

Cậu Nghè liền nói:

– Thưa bà, học trò làng ta và học trò quanh vùng này cả đấy ạ. Thưa bà có cả mấy ông cử mới đỗ vừa rồi, và cả thầy cử Tỉnh con ông xã Thanh bên thôn Trug nữa ạ!

– À cả cử Tỉnh nữa á?

– Bẩm lạy cố vâng ạ, con đây ạ!

– Quý hóa quá nhỉ. Thôi cũng bỏ công con chăm học và thầy con khó nhọc nuôi con đi học. Đấy trời có đóng cửa ai đâu, các thầy ạ. Lão chúc cho anh cử Tỉnh và các thầy đều chóng tấn phát cả.

– Chúng con xin bái tạ cố!

Rồi tất cả đều xin phép lui ra trở về nhà học. Ở đây bây giờ mới chính thức có lễ mừng tuổi quan Hoàng giáp. Tất cả học trò đều đứng liền lại thành ba hàng trên dưới, rồi cùng quỳ cả xuống. Quan Hoàng giáp ngồi trên giường nói:

– Thầy miễn lễ cho các anh.

Lúc ấy học trò vẫn quỳ, một người ở hàng đầu lên tiếng nói:

– Thưa thầy, năm nay con ngựa ký đưa xuân lại, ánh thiều quang sáng rực với trăm hồng ngàn tia đua tươi, anh em chúng con, nhân lúc cảnh đẹp xuân vui, đem đầu lại bái chúc thầy, tuổi thọ càng thêm cao, tinh thần càng thêm sáng, văn chương càng thêm chói, đạo đức càng thêm thịnh, để dắt dìu chúng con theo Thánh đạo! Và thầy mãi mãi như núi Thái Sơn, sao Bắc Đẩu đời đời không mất!

Quan Hoàng giáp ôn tồn đáp:

– Năm mới Xuân tươi, ta cũng chúc tất cả các anh ai cũng giữ được cái chí và cái đức. Người đỗ rồi phải biết làm sáng đạo Thánh và chính lòng người. Kẻ chưa có duyên với trường ốc phải biết phấn chí học hành và cố noi giữ lấy đạo tu, tề, trị, bình... Tóm lại, ai ai cũng phải giữ khí tiết nhà nho, đừng làm mấy may điều gì trái đạo, nhục cả cho sĩ lâm... Thế là thầy mừng.

Ngài ngừng, học trò đều đứng dậy và xin phép xuống mừng tuổi hai cô. Quan Hoàng ngần ngừ một lúc rồi cũng phải cho đi. Mọi người theo cậu Hai qua sân xuống nhà dưới. Hai bà thấy học trò đến liền vội vàng ra đứng ở ngoài cửa chào lại và nói:

– Năm mới chào các anh, các anh không phải lễ lạy gì cả. Các anh đến mừng tuổi thầy là đủ...

Một người vội nói đỡ:

– Bẩm lạy hai cô, năm mới, chúng con đem đầu vào làm lễ mừng tuổi hai cô, cho phải đạo học trò...

Bà lớn cả liền nói:

– Vâng, chị em tôi xin đa tạ các anh, mời các anh lên chơi trên nhà ăn bánh với thầy.

Trong khi ấy thì bà lớn hai đã bưng một cối trầu đầy ra đưa mỗi người một miếng và tươi cười nói:

– Năm mới xin mời mỗi anh một miếng trầu tươi lấy may và mừng các anh vận đỏ như son tàu vậy!

Mọi người đều cảm tạ và cung kính đỡ lấy trầu. Những anh trai trẻ quá vui, lại nói khê thêm.

– Trầu cánh phượng đẹp quá, chắc chị Tuyết tằm?

Không ngờ tiếng ấy lọt đến tai bà hai, bà tươi cười đáp:

– Không, bà lớn, tằm đấy. Thôi xin rước các anh lên nhà học... với thầy.

Học trò đều vui vẻ chào hai bà, rồi đi vòng theo cậu hai Ân qua vườn hoa trở về nhà học.

Về đây, quan Hoàng giáp chỉ chỗ cho mỗi người ngồi thứ tự rồi, lúc ấy, ngài mới thân pha nước đưa cho cậu Hai đi mời mọi người uống. Một tên người nhà đứng quạt luôn hỏa lò, Tuấn phải luôn luôn đưa lên pha cho kịp bao nhiêu người uống, kể cả qua tuần chè, thu

gọn chén đĩa lại rồi, bây giờ ngài mới vui vẻ nói, trong khi mọi người đều cố lắng tai nghe:

– Tết năm nay vui, các anh đều đông đủ cả một lúc thế này, thầy mừng lắm, lại nhân có mấy anh cử mới, nhất là có anh cử Tĩnh bên Trung, nghèo mà có chí, sớm thành danh phận nên thầy muốn gặp tiết xuân vui này, có chén rượu thưởng mừng anh ấy và đông tất cả các anh...

Quan Hoàng giáp ngừng lại sai cậu nghè Hai xuống gọi bưng cô lên. Ai nấy đều vui vẻ. Riêng Tuấn lúc ấy thờ thẫn cả người, chàng thấy quan Hoàng khen và mừng riêng cử Tĩnh, chàng chợt dạ nghĩ đến lời nói của ngài khi mọi bạn bè nhắc đến việc gầy dựng cho cô Tuyết, con gái út mà lại là con gái yêu của ngài. Ngài để dành cô con gái yêu ấy cho cậu thơ sinh nào nghèo, chịu khó mà có chí lớn. Nghèo, chịu khó, tính nết tốt, có chí... chàng tưởng ngoài chàng ra không còn ai nữa. Và chàng vẫn tin là quan Hoàng giáp nói ra thế để từ chối mọi đám muốn cầu cạnh kết thân với ngài, và để xa xôi hứa hẹn với chàng và khuyến khích chàng. Từ bấy đến nay chàng thậm nuôi một mối mơ ước kín đáo sẽ được làm khách giường đông nhà quan lớn. Được quan Hoàng giáp tin yêu, cả gia đình ngài quý mến, lại tất cả bạn bè đồng môn nể về nết, trọng về tài, chàng hằng định ninh trong đám nho sinh khắp vùng không còn ai có thể đối địch lại với chàng. Nên chàng chỉ có hy vọng chứ không hề nghĩ đến một ngày kia thất vọng! Ngờ đâu, hôm nay, giữa ngày xuân mới, lần thứ nhất, quan Hoàng giáp trịnh trọng đối với học trò lại là để khen ngợi và đặt thưởng anh cử Tĩnh, một người học trò may mắn nhất đã được ngài biệt đãi nhất từ trước đến giờ. Tất cả mọi học trò đều nhận thấy như vậy và cùng một ý nghĩ, mừng thầm cho anh cử Tĩnh thì ít, mà ghen với anh thì nhiều. Tuấn cứ luôn luôn hằn học nhìn trộm Tĩnh, thấy anh chàng mặt đỏ gay lên, hai mắt long lanh, hai tai bằng bằng, sung sướng vì cảm động. Tuấn càng bội phần tức tối! Giá có thể bóp chết anh ta lúc bấy giờ, chàng cũng nhắm mắt làm liều, không nghĩ ngợi. Lòng ghen tuông vì danh vọng hòa với lòng ghen tuông vì một cô con gái đẹp đã đưa chàng đến địa vực của tội ác, làm chàng mất hết cả lý trí, mất hết cả tinh thần. Chàng không còn biết suy nghĩ nữa. Trước mặt chàng bây giờ không còn có ai nữa, ngoài cử Tĩnh và cô Tuyết! Những ý nghĩ ở chàng lúc ấy liên miên lạnh như chớp nhoáng:

“– Cái thằng cử Tĩnh này, nghèo thì nghèo hơn mình thật, nhưng còn bố mẹ hết sức chăm nuôi cho học, một điều không bằng mình; chịu khó và có chí, nhưng ở trường, văn bài không có gì xuất sắc để các bạn phải phục tài, hai điều kém mình; tâm địa lại không quảng bác, hoài bão không cao xa, bạn bè phục ít mà khinh nhiều, ba điều kém mình... Thế mà nay may mắn hơn mình đi thi chiếm bảng, nhứt tự cách trùg, được thầy đặc biệt khen thưởng như vậy, khác hẳn tất cả mọi anh học trò khác thành đạt từ trước đến giờ, tất nhiên là thầy ưng thuận lắm. Mà thầy đã ưng thuận, rồi thầy tất sẽ gả chị Tuyết cho anh ta!... Nhưng mà chị Tuyết khi nào bằng lòng lấy một anh chàng hiền lành, lù đù như vậy. Cái anh chàng ấy, văn có chín mà không hay, học có rộng mà không giỏi, tâm hẹp mà tài thường, sánh thế nào được với chị Tuyết tài hoa mà hoạt bát, chí khí mà nhân từ, nhan sắc mà oai nghiêm! Khốn nỗi trong nhà gia giáo rất nghiêm, thầy đã bằng lòng vừa ý, đặt đâu, chị Tuyết tất phải ngồi đấy, không thể nào kêu ca, suy bì hơn kém được, dầu có không xứng đôi vừa lứa đi nữa, chị tất cũng phải một mực tuân theo. Thế chả hóa ra thầy bất công à? Không nghĩ gì đến sự thiệt thòi cho con trẻ à?”

Chàng Tuấn đang tức tối chạy theo luồng nghĩ ngợi miên man, chợt tiếng quan Hoàng giáp nói, làm chàng giật mình, ngừng lại:

– Các anh ngồi ra lấy chỗ để mâm. Ngày xuân, đến nhà thầy, thầy cho phép được tùy tiện như ở nhà.

Thì ra mâm đã bung lên đặt thẳng hàng ở ba dãy phản bên phải nhà học. Theo lệnh quan Hoàng, ai nấy đều rậm rạp ngồi vào, cứ sáu người một cỗ, trông rất đều và vui mắt. Quan Hoàng đứng lên thân cầm chai rượu cúc, tự tay rót đầy vào chén của cử Tĩnh trước tiên, rồi đưa cho cậu nghè Hai đi rót vào các chén khác, và ngài ngồi lại vào giường trịnh trọng nói:

– Rượu này là thứ rượu cúc hảo hạng thầy thường cất riêng gia dụng. Nay nhân tết vui, xuân đẹp, có đông các anh đến mừng thầy, thầy vui lắm nên thầy lấy chén rượu quý này mừng anh cử Tĩnh và tất cả các anh cùng vui, sau nữa thầy cũng nhân lúc vui này có một câu chuyện muốn kể lại với các anh. Nào ta uống đi đã, thầy cũng uống say...

Quan Hoàng ngừng lại, mở một chai rượu cúc khác, rót ra chén rồi cầm lên miệng uống một hớp nhỏ, đoạn đặt chén xuống, thấy học trò chưa ai cầm đũa, quan Hoàng vội giục:

– Kia các anh uống đi chứ, cứ tùy tiện mới vui. Lúc ấy mọi người mới cầm chén lên và đồng thanh nói:

– Bẩm thầy, chúng con xin dâng chén rượu này kính chúc thầy sống lâu trăm tuổi. Chúng con xin phép thầy ạ!

Quan Hoàng cười:

– Ủ, uống đi, các anh chỉ khéo vẽ!

Lúc ấy ai nấy đều uống vui vẻ, và đặt chén xuống, mỗi người một ý nghĩ, đều quay lại nhìn cử Tĩnh đang e thẹn cúi đầu. Riêng chỉ có Tuấn là cũng cúi mặt nhìn xuống chén rượu và bút rút nghĩ ngợi, mình tự bảo mình:

– “Câu chuyện muốn nói đích là chuyện ấy rồi! Không còn sai lầm chi nữa! Thôi thế là chị Tuyết về tay cử Tĩnh rồi. Rõ hoài cho chim cú được đậu cành mai! Chị Tuyết ơi! chị có tiếc cho tám thân bằng tuyết cao quý kia lại phải để cho một kẻ tầm thường được vượt ve ôm áp! Chị có biết cho kẻ vô duyên này từ mấy năm nay đã nặng một mối tình thâm yêu trộm nhớ...”

Quan Hoàng giáp ngồi rung đùi vui vẻ nói tiếp cắt đứt nỗi nghĩ ngợi băn khoăn bút rút ở Tuấn, chàng chăm chú nghe:

– Các anh ạ, nhân chén rượu chúc vui này, thầy muốn nhắc lại chuyện cũ, hai chai rượu chúc của thầy anh cử Tĩnh tết năm kia...

Ngài nhìn anh cử Tĩnh, chàng ta bẽn lẽn cúi gầm mặt xuống, tay mân mê đầu cuống chiếu, như một chú rể lần đầu tiên đến trước đông đủ họ nhà gái. Tuấn thấy vậy mỉm cười khinh bỉ, nghĩ thầm:

– “Anh ta làm ra vẻ như ta đây là chú rể vậy! Ai chả biết anh ta tốt phúc!”

Quan Hoàng nhấp một tí rượu, rồi lại thông thả nói tiếp:

– Trong các anh đây, chắc có nhiều anh đến mừng tuổi thầy, tết năm kia, tất còn nhớ anh cử Tĩnh đem tết thầy hai chai rượu chúc. Anh Tĩnh nghèo, biết yên phận nghèo, chí thú chăm học, tánh tình lại không phóng khoáng, nên các anh em trong trường có điều khinh anh ấy. Tĩnh anh lại lẩn thẩn, mấy năm trước, đến mừng thầy không có gì anh ấy cũng bẽ thế nào ấy, nên tết năm ấy anh đem những hai chai rượu chúc đến, và anh cũng biết tôi ưa thứ rượu chúc nhất, ngày xuân chuếch choáng mấy chén rượu chúc cũng vui, nó vừa thanh tâm minh mục nữa. Mấy anh hiếu sự thấy một anh học trò nghèo kiết

như vậy mà mua được những hai chai rượu cúc quý đến tết thầy, khác hẳn mấy năm trước, đều có ý khen một cách mỉa mai. Anh này reo:

– “Gớm anh Tĩnh năm nay có những hai chai rượu cúc đến mừng thầy kia à?”

Anh kia hỏi hóm hỉnh:

– “Rượu cúc mua đâu vậy? Hay là... ?”

Thầy khó chịu vì thái độ của mấy anh ấy, liền vội khen anh Tĩnh, định đưa anh em cùng uống để giữ lấy hòa khí trong ngày xuân mới và luôn thể dạy các anh em về nghĩa tương giao. Nhưng vừa mở nút ra, thầy đổi ý ngay, lấy cớ là hai chai rượu ngon và quý liền cất đi, và đem rượu thường ra cho anh em uống. Các anh có biết thứ rượu ấy quý thế nào không? Nó chỉ là hai chai nước lã. Nhà nghèo không có gì ăn tết, nhưng anh Tĩnh nghĩ lẩn thẩn, sợ mang tiếng với anh em, bần khoản mãi mới nghĩ được kế ấy, định bụng đến thưa với thầy trước, để che mặt anh em, không may anh lại đến sau, mới sinh có chuyện. Thấy lanh ý giữ ngay lấy hai chai rượu ném trước. Thầy hiểu nỗi khổ tâm của anh cử lắm, và nay anh đã thành đạt rồi, thầy nhắc lại chuyện cũ, không phải để khinh anh mà chính là để khen và nhân thể dạy các anh biết cách xử sự ở đời cần nhất là phải *thành*. Thầy đây trọng anh cử chí thành đem hai chai nước lã đến tết thầy, hơn những kẻ cậy mình giàu có hợm hĩnh đem nhiều lễ vật đáng tiền đến cốt để khoe khoang. Thấy khinh những con người ấy thiếu lòng chân thật, chỉ chăm trọng cái vẻ bề ngoài, rất một tuồng thị phú khinh bần! Nhân câu chuyện này, ta sẽ nhận thấy rằng nghèo hèn nhỏ nhen không phải là đáng khinh, mà đáng khinh nhất lại là những kẻ không có chí hướng, không có hoài vọng, thiếu lòng chí thành đối với bất cứ việc gì...

Quan Hoàng giáp ngừng lại cầm chén rượu giơ cao lên cười bảo học trò:

– Nào các anh, uống đi, nhắm đi chớ! Ta vừa uống vừa nói chuyện mới vui!

Mọi học trò đều “bẩm thầy vâng!” một lượt, rồi cùng thắm thía vì câu chuyện thầy vừa nói, ai nấy đều vui vẻ cảm phục thầy có lượng cao cả và khéo dạy người nhân từng việc, sau nữa ai nấy cũng vì đấy mà thêm thiện cảm với cử Tĩnh, ai nấy đều tỏ vẻ thương hại anh ta thuở trước và mừng rỡ anh ta được sớm thành đạt như vậy. Thật trời đã không phụ cử Tĩnh mà đền công đền sách khó nhọc. Riêng Tuấn

không thấy quan Hoàng giáp nhắc nhở gì đến chuyện hôn nhân của cử Tĩnh thì khắp khởi mừng thầm. Nhưng, chàng vẫn thắc thỏm lo hoài. Chàng lo rằng quan Hoàng giáp đã khen cử Tĩnh từ việc nhỏ mọn ấy, biết đâu ngài lại chả yêu vì lòng chí thành của anh ta mà thuận gả con gái yêu cho. Chàng mong mỗi có một người nào vui chuyện đứng ra hỏi ngài về việc ấy cho chàng được rõ nguồn cơn, khỏi phải phấp phỏng mong chờ... Nhưng nào ai dám hỏi, anh học trò nào, dầu tinh ranh đến đâu, cũng không dại gì mà động chạm đến gia đình nhà thầy, một ông thầy đầy danh vọng và nổi tiếng là nghiêm nghị. Cho nên lòng mong mỏi của chàng thành vô hiệu, và chàng vẫn còn phải thắc mắc lo hoài, ăn uống không còn biết ngon nữa.

Song quan Hoàng giáp vẫn tươi cười gọi vui cho mọi học trò và nói:

– Hôm nay nhân câu chuyện cũ ấy, và trời xuân lại trong đẹp, quang quẻ như thế này, thầy lấy đây làm vế câu đối ra cho các anh mỗi người đối thử để thầy xem chí khí và ý nguyện các anh năm nay thế nào. Cũng là một cuộc bói xuân cho vui, các anh nghĩ sao?

Mọi người đồng thanh thưa:

– Dạ! Thầy đã dạy, chúng con xin tuân.

Quan Hoàng thông thả tiếp:

– Vế câu đối này: “*Xuân thiên tú sắc thanh như thủy* ¹”. Anh cử Tĩnh là chủ động hôm nay, vậy anh phải đối trước và đối ngay, rồi lần lượt, thầy chỉ ai người ấy phải ứng khẩu đọc vế đối liền. Nào anh Tĩnh đối đi!

Cử Tĩnh từ nãy đến giờ, luôn từ mê then nọ tiếp đến mê then kia, mặt cứ đỏ gay lên, thấy quan Hoàng giáp gọi đến, luống cuống đứng lên đối ngay, không kịp nghĩ ngợi.

– Dạ! bẩm thầy con xin đối là: “*Quân tử giao tình đạm nhược vân!*”.

Quan Hoàng giáp gật đầu nói:

– Cũng chính! Nhưng mà ép, người ta thường nói “*quân tử chi giao đạm nhược thủy*”, cái tình giao du của người quân tử nhạt như nước lã chớ có mấy ai nói nhạt như mây đâu! Song cứ xem vế đối ấy, ta cũng đủ thấy rõ cái chí của anh và bước đường hậu tiến của anh. Anh lòng thành đến tột thấy bằng hai chai nước lã, lại ứng khẩu đối

1. Trời xuân sắc đẹp trong như nước.

cái giao tình quân tử lạt lẽo như mây, như vậy thì rồi đời anh công danh sự nghiệp, tài sản nó cũng lạt lẽo như nước lã và mây chiều mà thôi! Anh không giàu, mà cũng không làm nên quan to, có xuất chính cũng chỉ làm đến Huấn đạo, Giáo thụ, Tri huyện chi gian, và lần hồi giạt gấu vá vai cũng đủ túc dụng một đời. Nhưng dầu nghèo to nhỏ có làm gì, cốt sao cứ giữ được cái khí tiết vẫn trong như nước, sáng như gương và lạt lẽo như mây thế mãi là được, là đáng quý. Cái chí của anh đã biểu lộ ra hành vi, ra khẩu khí như thế, thầy mừng cho đời anh rồi cũng do cái chí ấy mà sẽ trong sạch thanh đạm, tuy anh không có tài làm sáng tỏ đạo nho, nhưng anh cũng không đến nỗi làm nhơ tiết tháo nhà nho. Thầy khen anh trước và mừng cho anh...

Quan Hoàng giáp ngừng lại. Mọi trò đang lắng tai chăm chú nghe, ngửa mặt nhìn tất cả về phía ngài, chú ý đến nỗi ngậy người há miệng như nuốt lấy những lời ngài nói, bỗng cùng giạt mình cúi đầu xuống lẩm nhẩm câu mình định đối. Đoán chắc quan Hoàng đủ rõ thân thế cử Tĩnh như vậy tất ngài sẽ không gả cô Tuyết cho anh ta nào, chàng Tuấn lại còn nhiều hy vọng nét mặt dầu dầu tươi hẳn lên, lại vui vẻ nghĩ kỹ về đối của mình cho thật chọi, trong khi vẫn hoạt bát tươi cười bàn bạc với các bạn và lắng nghe thầy phê đoán rất xác về những vế đối của lần lượt từng anh một.

CHƯƠNG IV

Một buổi chiều xuân, mấy anh học trò và Tuấn còn ở lại nhà học hầu chuyện quan Hoàng giáp, chợt có một người đàn ông đã đứng tuổi vào lạy chào ngài và chào mọi người rồi khúm núm đặt ba chục cau tươi và năm quan tiền lên cái khay chén của ngài, đứng chấp tay kính cẩn nói:

– Bẩm quan lớn, xin quan lớn gia ơn ban cho hạ dân một đôi câu đối mừng...

Ngài hỏi ngay:

– Câu đối mừng ai? Việc gì?

– Bẩm quan lớn mừng thầy chánh tổng Mai, tổng Vân Trung chúng con được sắc khảo chánh tổng một thể.

– Ông bố thầy chánh Mai cũng làm chánh tổng hay sao ấy nhỉ?

– Bẩm cụ lớn, bố thầy ấy làm phó tổng được đặc cách làm chánh tổng. Ông thầy ta làm lý trưởng cũng được sắc.

– Thôi được, xin chữ rồi đem về nhà viết chớ!

– Bẩm cụ lớn vâng ạ!

Quan Hoàng gọi Tuấn:

– Anh lấy giấy biên cho bác ta, tôi đọc.

Tuấn xé một tờ giấy ở vở ra, lấy bút thấm dấm mực, cầm ngang ngòi bút quẹt theo mép gấp, rồi đặt bút xuống, hai tay xé tờ giấy ra làm đôi, thẳng theo đường mực ướt. Đoạn, chàng lại gấp thẳng cái mép xé sần lúc trước, lại quẹt mực xé như vậy, xong chàng vuốt thẳng tờ giấy để lên trên vở, cầm lấy bút và nói:

– Xin thầy đọc ạ!

Quan Hoàng giáp đọc:

*“Thập lý giang sơn hoàn cố chủ,
Cửu thiên võ lộ hỷ tân chiêm!”¹*

1. Non sông mười làng (tổng) về chủ cũ, mưa móc chín Trời (nhà vua) mừng mới nhàn.

Tuấn viết xong đệ lên, ngài đọc lại rồi đưa cho người kia và nói:

– Đây bác mang về mà viết, còn số tiền này xin hoàn lại, chỗ hàng huyện gần gũi đây, tôi xin nhận coi trâu này cũng là quá lạm.

Người kia cố nói, nhưng ngài nhứt định từ chối, người ấy đành hờn hờ mang tiền và câu đối về. Khách ra khỏi rồi, ngài vui vẻ bảo học trò:

– Cái nghề đi cười khóc mướn thật là không có thú vị gì, nên cứ phiên phiến tạm tạm được là thôi, tội gì mà gò gẫm hay ho cho lắm.

Một anh nói:

– Nhưng, bầm thầy, tạm tạm của thầy cũng còn hay hơn của chúng con nghĩ nát óc.

Quan, cười tiếp:

– Ấy, nghĩ lắm, nhiều khi câu văn lại thành ra nệ và ép...

Tuấn liệu dịp thưa:

– Bầm thầy, nhân thầy nói đến câu đối, con mới nghĩ một đôi mừng anh đồ Tuất bên Phú Động cũng là học trò thầy năm trước, vừa mới cưới vợ lẽ, con với anh ấy là chỗ đi lại thân tình, nên phải có câu đối mừng cho phải phép bạn văn tự xin thầy phủ chính cho.

– Ủ, anh đọc lên xem nào.

– Bầm thầy, con làm câu đối nôm ạ!

– Nôm mà khéo thì càng hay chớ sao, đàn bà con trẻ ai cũng hiểu được.

– Vâng, bầm thầy con xin đọc:

“Con gái lạ lòng thay, ham về cái bút cái nghiên, nửa chiếu¹ còn hơn nơi chính thất!

“Nhà nho hoang hủy quá, dẫu chữa ông nghề ông cống, trong làng đã nổi tiếng ông lệnh².”

– Được đấy! Hay! Nhưng chữ *chính thất* rõ quá, nên đối là *nơi đất dốt* thì hơn. Lấy làm lẽ người biết chữ còn thích hơn là làm vợ cả những nơi dốt nát, như thế vừa kín đáo và ý nhị hơn nhiều, có phải không?

Mọi người đều nói:

1. Vợ lẽ.

2. Lấy ý ở câu: lệnh kên như ông kên hai vợ.

– Bẩm vâng, chữ *đất dốt* đất hơn nhiều!

– ... Mà cứ xem như câu này, anh Tuấn chưa đỗ là phải anh chưa đỗ nên anh mới nói xói người ta chừa ông nghè ông cống, giá đỗ rồi, có lẽ anh lại nghĩ thế khác...

Mấy anh em đều cười, làm Tuấn thẹn đỏ mặt cúi đầu xuống cũng cười theo.

Quan Hoàng giáp cũng cười đổi sang chuyện khác:

– Các anh có nhớ anh Toàn người Phủ Từ vào học đây khoa thìn trước không? Anh ta là con bác Kép Kim, cháu bác Huyện Yên Phong. Bác Kép mất sớm, bác Huyện nuôi anh ta, gửi cho theo học tôi mấy năm. Năm kia anh ta đi thi võ đỗ võ cử nhưng gặp tang ông chú ruột, không kịp khai hạ. Sang xuân năm nay mới làm lễ tạ thần khao dân, bác Huyện có viết thiệp vào mời tôi và anh em bạn học của Toàn. Tôi mới nhận được giấy hôm qua, quên chưa bảo các anh biết. Giờ nhân nói chuyện đến câu đối nôm, tôi cũng mới nghĩ một câu nôm mừng anh ấy, còn các anh có định mừng anh ta cái gì và cất cử ai đi thì họp bàn nhau đi, độ mai ngày kia đi là vừa.

Một anh nói:

– Bẩm thầy, trên ông Huyện và anh Toàn đã có lòng biến báo đến anh em chúng con, thì lẽ vật gì đi nữa, chỗ bạn vẫn tự với nhau, thế nào cũng nên có một đôi câu đối. Vậy xin thầy phóng bút cho một câu. Còn việc cất cử người đi thế tất chúng con phải nhờ đến anh Tuấn đây, đi lại nhiều, thông thạo đường lối và quen bề giao tiếp...

Tuấn vội cướp lời:

– Bẩm hãy xin thầy cho chúng con được nghe câu của thầy cho anh Toàn đã, chúng con chưa mấy khi được biết nôm của thầy...

Quan Hoàng giáp chép miệng mỉm cười đáp:

– Nôm của tôi cũng không có gì xuất sắc, nhất là câu này lại càng kém lắm, chỉ ngụ được một ý khen đùa mà thôi:

“Ấy mới hay, bảo một đấng thỉnh một nẻo,

“Thôi cũng được, phi đấng nọ, tặc đấng kia!

Một anh học trò liền vội nói cướp lời Tuấn:

– Bẩm thầy hay lắm ạ, thế là đủ cả mọi ý rõ ra lời thầy bảo, ý thầy dạy mong cho đỗ cử nhân tấn sĩ, thế mà anh ấy lại không theo, bỏ đi thi võ, nhưng thôi cũng được, chẳng vấn thì võ anh cũng đỗ cử

nhân võ, cũng còn khá, thầy cũng mừng. Hay tuyệt. Thưa thầy thế còn câu của chúng con nữa, thầy định cho thế nào ạ.

– Nhà anh ta vốn dòng nho gia đỗ đạt nhiều đến nay mới có anh ta đỗ võ cử, nên tôi định viết hộ các anh đôi này thường mà đủ ý:

“Thiên tích thông minh văn kể thế!

Thánh phù công dụng võ khai khoa! ¹

Ngài vừa đọc dứt, Tuấn vội khen:

– Bẩm thầy rõ lắm ạ, dùng những chữ thường mà đặc vị như thế mới tuyệt hảo; Hay lắm, bẩm câu này đáng khảm vào gỗ hay cùng ra nữa cũng thêu vào nỉ đỏ mới phải. Nhưng nay kíp mà anh em lại nghèo, xin phép thầy viết cho vào vóc đỏ có được không ạ.

– Phiên phiên thế nào xong thì thôi, ta không nên cầu kỳ cho lắm. Nơi người ta đã biết quý chữ thì mình viết vào một mảnh giấy hồng điều, người ta cũng quý, cứ gì phải nỉ thêu hay vóc đỏ. Vậy các anh tùy liệu bảo nhau đấy, sắm sửa cái gì, rồi ngày kia, ta cất anh Tuấn phải đi giúp. Tôi không ra được mừng bác Huyện, anh Tuấn phải thay tôi và anh em cả trường ra đối đáp với người ta cho chu đáo. Nhân thế, tôi nhờ anh về qua Thụy Lôì đưa thơ thăm anh em bác Huấn Quỳnh. Một công đôi việc như thế đỡ mất ngày mất buổi.

– Học trò đều tuân lời ngài. Hôm sau họp tất cả các bạn bàn bạc cùng ưng thuận góp một số tiền mua câu đối và để một ít làm lễ đèn ² mừng để anh Toàn sắm võ khí. Tuấn được quan Hoàng giáp và cả trường giao cho sứ mạng đem hai câu đối và hai nén bạc đi chúc hạ. Chàng được bên ông tân khoa võ cử tiếp đón rất mực tử tế. Chàng lưu lại nhà đám một hôm, nhân danh là người nhà quan Hoàng giáp Thịnh Hậu, chàng ứng đối rất lưu loát với mọi bậc danh nho, danh sĩ trong vùng sẵn đón hỏi thăm đến ngài. Ai nấy đều vui vẻ chuyện trò với chàng và giữ chàng vào cuộc đàm đạo văn chương đến mãi quá trưa hôm sau mới tìm cơ cáo từ lui gót được. Chàng đi thẳng lên Thụy Lôì, vừa đi vừa hỏi thăm nên mãi đến quá chiều mới đến đầu hàng. Thấy một ông cụ trạc gần sáu mươi, đầu quấn khăn *thủ diu*, mặc áo cộc nâu *năm thân* cài giải, quần sấn cao gần đầu gối, đang đứng đỉnh dong con trâu về, chàng liền đi vượt lên đứng quay lại kính cẩn vái chào và hỏi:

1. Trời cho thông sáng văn nối tiếp. Thánh giúp công dùng võ mở khoa.

2. Lễ bằng tiền.

– Thưa cụ, cháu hỏi thăm cụ vào nhà quan Huấn Thụy Lôi?

Ông già tươi cười đáp:

– Thầy hỏi quan Huấn nào chứ? Làng tôi có những hai ông Huấn.

– Bẩm cụ cháu muốn vào hầu quan Huấn Quỳnh.

Ông già cười:

– À, quan Huấn Quỳnh ở cạnh nhà tôi, thầy cứ đi với tôi.

Ông già cầm đuôi thùng vọt vào mông con trâu cho nó rảo bước rồi vừa đi vừa hỏi:

– Thầy trông ra vẻ học trò, chắc muốn vào nhập môn ông Huấn phải? Nhưng hình như ông ấy lại đi vắng.

– Bẩm cụ không ạ, cháu vào hầu quan Huấn dung một bức thơ.

– À, thế thầy ở đâu đến?

– Bẩm cụ cháu ở Thịnh Hậu...

– Thịnh Hậu quê quan Hoàng giáp Nguyễn?

– Bẩm cụ vâng ạ, quan Hoàng giáp có thơ ra kính thăm anh em quan Huấn. Thưa cụ ông Kép em quan Huấn có ở nhà không ạ?

– Có, thầy ạ!...

Vừa đúng đến cổng nhà quan Huấn, ông già chỉ cho Tuấn rồi đánh trâu rẽ sang bên phải. Chàng chào tạ cụ rồi bước vào. Quan Huấn và các con ngài đều vắng cả, chỉ có một mình bà Huấn đang quét sân, thấy chó cắn vội chạy ra đón chào khách lạ. Bà Huấn chừng ngoài sáu mươi rồi, đầu tóc đã bạc, nhưng mà còn mạnh khỏe lanh lẹ lắm. Nghe chàng nói là người nhà quan Hoàng giáp Thịnh Hậu, bà cụ vui vẻ mời chàng lên nhà khách. Nhà khách đây là cái nhà gỗ năm gian, lợp rạ, hai cửa sổ ở gian hai bên, và ba chuồng cửa giữa liền nhau đóng bằng cửa bướm. Cái nhà ấy lại vừa là nhà thờ, và nhà học... Bà Huấn mời Tuấn vào nhà, rồi chạy xuống nhà dưới bảo con đi đun nước, và lấy trâu lên tằm. Tuấn để phong thơ lên đĩa và đứng lên lễ phép nói:

– Bẩm bà lớn, quan Hoàng giáp cháu cho cháu ra đệ lên quan lớn bức thư này...

Bà Huấn tươi cười nói:

– Dạ, quý hóa quá, cụ lớn trong ấy lại có lòng cho thầy quá bộ lại chơi với ông cháu, thật là tình sâu nghĩa trọng. Ông cháu lại vừa đi

vắng. Xin rước thầy ở chơi đây mấy hôm, thế nào ngày kia ông cháu cũng về.

– Bẩm bà lớn, xin bái tạ bà lớn, ngày mai cháu xin bà lớn cho phép cháu về, vì đương thời kỳ học tập, không dám đi đâu lâu.

– Không, thầy phải ở lại hai ngày nữa đợi ông cháu về đã, có chậm mấy ngày đi nữa, mất một bài văn sách hay kinh nghĩa là cùng, đi đâu mà vội...

– Bẩm bà lớn, ông Kép cháu có ở nhà không ạ?

– Có, chú cháu nhà ở gần đây, để tôi cho trẻ sang tìm.

Vừa lúc ấy thấy có tiếng chó mừng quẩn quít ngoài sân bà Huấn trông ra vội reo:

– A chú đã sang đây rồi. Tôi đương tính bảo đi tìm chú.

Có tiếng đáp lại:

– Em thấy nhà có khách em vội sang.

– Vâng, có người nhà quan Hoàng giáp Thịnh Hậu ra chơi!

Tuấn quay đầu chăm chú trông theo mãi mới thấy ông Kép bước lên hè. Chàng giựt mình nhận ra ông Kép là ông già lúc nãy, bây giờ y phục đã chỉnh tề hơn, đầu chít khăn nhiễu chữ nhân, mặc áo thâm dài, quần buông gấu tới gót, chân lê nhẹ nhàng đôi dép da buộc quai chữ đại. Chàng vội đứng lên tiến nhanh ra cửa chấp tay vái dài quỳ cúi rạp đầu xuống chào:

– Bẩm lạy cụ ạ, cháu phúc đức được gặp trước mà không biết, thật là đắc tội muôn vàn, xin cụ đại xá cho.

Ông Kép vội đỡ chàng dậy, đẩy chàng ngồi vào giường ung dung nói:

– Rước thầy ngồi chơi, chính tôi đây mới là thất lễ với thầy, nên vội phải sang trần ạ.

– Dạ, trên cụ cứ dạy thế, cháu sợ hãi vô cùng. Bà Huấn thấy hai người nói như vậy liền hỏi:

– Chú đã gặp thầy ấy rồi?

Ông Kép đáp:

– Thưa chị vâng, em gặp thầy ấy từ đầu làng về đến đây, nhưng vì vừa dất trâu ở đồng lên, ăn mặc lôi thôi cộc cằn lấm láp, nên không dám nhận đưa thầy ấy vào đây. Phải vội về thay quần áo mới dám sang chào.

Bà Huấn đổi luôn chiêu câu chuyện:

– Quan Hoàng giáp có thơ ra cho anh, chú thử bóc ra xem quan lớn dạy gì.

– Thưa chị vâng ạ...

Rồi ông Kép bóc phong thơ lấy ra hai tờ giấy hoa tiên lật đi lật lại đọc lướt qua một lượt, để hai tờ giấy xuống, quay lại nói với bà Huấn:

– Quan Hoàng giáp lâu không ra chơi được mượn bút thay lời hỏi thăm anh chị và mong mỗi có ngày lại cùng nhau chơi thuyền uống rượu, ngâm thơ, đàm đạo về thế sự... Ngài hỏi thăm cả đến em nữa...

– Cụ lớn hậu tình đối với nhà ta quá, ơn sâu nghĩa nặng, mình càng nghĩ đến càng thêm thẹn, nhà ta đức mỏng biết có xứng với hậu ý của ngài.

Tuấn vội đỡ:

– Bẩm bà lớn, quan lớn và cụ Kép đây với quan Hoàng giáp cháu là chỗ tri giao, tuy xa ngoài nghìn dặm vẫn như trong gang tấc, lâu không gặp, lòng những khát khao; nên có thơ đến vấn an để tỏ tình phục tài mến đức, chứ bẩm có dám đâu như thế.

Ông Kép liền nói:

– Vâng, thầy nói khí khách tình quá, anh em chúng tôi thì chả có tài đức gì. Quan Hoàng giáp có lòng mến chúng tôi cũng chỉ vì chúng tôi chất phác thật thà. Mà chúng tôi cũng nhắc nhở đến ngài...

Bà Huấn bỗng cướp lời:

– Thầy nói cũng khéo, mà chú Kép nói cũng khéo như thế mất cả lòng thực, tôi thì sờ đầu gối nói chân thật, quan Hoàng giáp ngài tử tế lắm, tài cao như núi mà lòng ngài rộng như bể ngài hay chữ như trời đất; văn chương ngài thâm thúy mà lại rõ ràng, đàn bà con trẻ cũng biết cái hay. Chú đọc to bức thơ cho tôi nghe nhờ xem tôi có hiểu không nào?

Ông Kép hỏi Tuấn:

– Thầy đã được đọc bức thơ của quan nhà chưa?

– Dạ, bẩm cụ, quan Hoàng cháu viết xong niêm phong ngay, giao cho cháu, cháu không dám xem ạ.

– Đây, thế thầy xem mà đọc cho bà chị tôi nghe nhờ một thể. Thơ quan lớn viết lưu loát đẹp như bài văn vậy...

Tuấn liền vui vẻ đáp:

– Bẩm cụ đã truyền, cháu xin phép tuân mạng.

Rồi chàng cầm hai tờ giấy đọc:

*“Kính trình Thụy Lô tôn huynh, nguyên Thạch thất huyện Bác¹
Trần đại nhân.*

“Đệ từ khi mộng ân bãi chức đến nay, lui về vườn ruộng, chưa được gặp tôn huynh để cùng đàm đạo, trong lòng vẫn khao khát lắm, hằng mong lại có dịp cùng tôn huynh, buông thuyền theo dòng sông Đại Hà², trông trăng uống rượu cùng xướng họa, hoặc leo lên đỉnh núi Sài Sơn hái lá tìm hoa cùng nhau hoài niệm cổ nhân!... Nhưng núi sông kia, trời như dành riêng cho người đại đức, ngu đệ phận bạc, đức kém, nên việc thường trái với lòng! Nay nhân tiết xuân êm đẹp, trăm tia nghìn hồng đua sắc, càng thêm khêu giục ngu đệ trông ngóng phương trời vọng tưởng, nên vội có mấy hàng tạm khuấy mong nhớ, đệ lên bái chúc tôn huynh và tôn tẩu danh, đức, sĩ, đều xán lạn vang xa, trước thêm lan quế³ đưa tươi đưa hương ngào ngạt. Mực thước trong gia đình, tiêu biểu ngoài làng xóm, gương mẫu cho nước nhà, phép tắc cho đời sau, ngu đệ hằng kỳ vọng ở tôn huynh vậy.

“Lại nghe lệnh đệ, nhị khoa Tú tài, Trần quý thay, bỏ sách về ruộng, chăm việc nông tang, tay trắng làm nên cơ nghiệp lớn, lòng son khéo giữ nét na cao, quý thay đã giàu đức lại thêm giàu của, non xanh nước biếc, đức cho người hiền! Mừng thay! mừng thay! Vui nhỉ! Vui nhỉ! Trời còn để sống nhau đây, ngu đệ còn được thấy sự tiến phát của hai tôn huynh không bờ bến. Gió xuân về, hoa lan đã bốc tỏa đầy vườn, đối cảnh, lòng càng thêm nhớ bạn. Nghiên mực cạn, bút thân dù múa đặc từng trương, nghĩ đức, chữ khôn nói hết. Cho nên tạm ngưng tay, để đợi ngày hội ngộ!

“Dương lục Hoàng hiệu...

“Đệ Nhị Giáp Nguyễn Đức Tâm bái thơ”.

Nghe Tuấn đọc hết, bà Huấn cười nói:

– Ngài quá khen anh em ông cháu, chữ danh, tài, đức, ông cháu và chú Kép bì thế nào kịp ngài được.

1. Bác là do chữ Bác sĩ chỉ tất cả các chức dạy học.

2. Đây là sông Luộc.

3. Chỉ con cái.

Ông Kép cũng nói:

– Được ngài quá khen anh em chúng tôi, để có dịp may mắn được hầu ngài, tôi sẽ nói.

Bà Huấn hỏi:

– Chú nói gì?

– Thưa chị, em sẽ nói ngài bốn chúng tôi.

Tuấn vội nói cướp:

– Bẩm quan Hoàng giúp chúng cháu rất thành thật, lời viết phát tự đáy lòng, sao cụ lại bảo là bốn được.

– Không, tôi nói là nói ngài bốn chúng tôi và mong chúng tôi được như thế.

– Bẩm cụ còn phải mong gì nữa. Danh quan Huấn và cụ đây có rồi, của cũng lắm, đức lại cao, đúng như lời quan Hoàng cháu nói trong thơ...

Bà Huấn rót nước bung vào liền nói:

– Vâng đúng, cũng được, xin rước chú với thầy uống nước đã rồi ăn trầu.

Ông Kép cũng nói:

– Thầy mời nước, mời trầu, rồi thầy sang chơi tôi.

Quay lại ông nói với bà Huấn:

– Xin phép chị cho em mời thầy cả sang chơi nhà em, ăn cơm và nghỉ ở bên ấy.

– Vâng, cũng được!

Bà Huấn liền nói với Tuấn:

– Chả mấy khi thầy quá bộ ra chơi đây với chúng tôi, đáng lẽ phải giữ thầy ở bên này mới phải, nhưng ông cháu và các cháu đi vắng cả sợ tiếp đãi có điều gì sơ xuất chẳng, nên chú Kép cháu đã có lời mời, xin rước thầy sang chơi bên ấy, lát nữa tôi cũng xin sang hầu.

Tuấn vội đáp:

– Dạ! Cháu không dám, cháu là phận tôi tớ bà lớn và cụ Kép truyền thế nào cháu cũng tuân.

Ông Kép liền đứng lên nói:

– Vâng, thế thầy uống nước ăn trầu rồi sang tôi.

Tuấn mời hai người, cầm lấy miếng trầu, rồi cũng đứng dậy xin phép bà Huấn, đi theo ông Kép. Ông dẫn chàng vòng qua nhà dưới ra đằng sau, đi qua cái ngõ ngang giữa bờ rào dưới sang đến vườn nhà ông, cái vườn rộng toàn cau, chè, cam, quýt, bưởi và mỗi góc cau có một cái chum hứng nước mưa. Đi tắt ngang hết vườn đến cái đồng rơm to như cái núi, qua cái chuồng trâu còn ngõ giống, mấy con chó hằm hừ rồi chạy theo múa đuôi mừng. Đi rẽ qua đầu cái nhà bếp liền đấy, bước xuống cái sân gạch rộng phơi lúa, lại qua cái vườn nhỏ đầy chậu hoa, chậu cảnh, bể đựng núi thả cá vàng, mới lên đến nhà khách, một cái nhà gỗ lim, tường gạch lợp ngói to rộng như cái đình, chạm trổ rất công phu. Trong nhà những phương kỷ, trường kỷ sập chân quỳ mặt hồ phù, đều bằng gỗ đánh bóng. Những hoành phi câu đối treo trên sà dưới cột thi nhau khoe chữ vàng, chữ khảm, màu đen, màu đỏ, trông lóa cả mắt.

Ông Kép mời Tuấn ngồi vào một phương kỷ. Ngay lúc ấy đã thấy một tên gia nhân bưng bộ bàn trà vào, kính cẩn chào chàng, rồi để lên án. Ông Kép thân lau ấm chén và lấy chè ra pha lấy. Ông vừa làm việc vừa nói chuyện vui vẻ với Tuấn. Chàng hết sức ngợi khen chí khí của ông và vui chuyện hỏi thăm đến cách thức ông làm giàu. Ông chế nước sôi vào ấm chuyên, rồi nhẹ nhàng rót nước chè ra chén tống, hương chè bốc hơi lên thơm ngát, càn pha đượm mùi thân mật cho câu chuyện đang vui. Ông rót nước ra chén, đưa tay mời chàng rồi tươi cười nói tiếp:

– ... Tôi đi thi năm bận, đỗ hai khoa tú tài. Rồi chỉ nghĩ tức vì câu "*Học trò dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm*" mà bỏ về làm ruộng, định hễ khá giả rồi mới lại ứng thí. Đi ngồi mấy năm gom góp được ít vốn cứ gửi về cho vợ làm hàng xay, hàng sáo và lấy ruộng cấy thêm. Khẩu phần công điền làng tôi có bảy sào rưỡi, xong vụ nào nhà tôi cũng lấy cố ít nhiều cấy thêm. Đến năm số ruộng cấy trong nhà đã lên tới bốn năm mẫu, tôi không đi ngồi nữa, bỏ về nhà chồng cày, vợ cấy. Chúng tôi làm rất chăm chỉ, hai sương một nắng, không chịu thua bạn điền, nên số thu hoạch cũng không đến nỗi kém. Tháng ba ngày tám rồi dãi, tôi lại dạy mấy đứa trẻ bà con và mấy đứa trẻ nghèo trong làng. Những đứa ấy nhiều đứa bây giờ là đầy tớ chân tay của tôi. Tôi ngẫm cổ nhân bảo "*Tiểu phú do cần đại phú do thiên*" mà đúng. Chúng tôi cặm cùi làm lụng như thế, lưng vốn đã kha khá

thì trời lại chịu, năm Thìn trước đây, vụ chiêm tiêu khô đại hạn, bao nhiêu ruộng làng cố về tay tôi gần hết, nhà tôi hai trâu mà còn phải thuê ngoài cày bừa nữa, năm ấy mùa lại bội thu, thóc lúa tôi để bừa bãi cả sang hàng xóm. Mà rồi cả hàng huyện đổ xô đến vay...

Ngừng lại uống nước nhấp giọng và mời Tuấn uống, rồi mới tiếp:

– Thầy ạ, tư cơ đã vững rồi, mà vận đương lên làm gì cũng gặp, tôi làm nhà mua được gỗ rẻ mà thừa tôi bán lại đất, ruộng tư không muốn tậu, thì người ta lạy mà bán. Tôi càng tiêu thì của vẫn càng lên. Tôi bắc cầu, xây quán cho làng, tôi lập một cái kho *nghĩa thường* ở đầu đình, năm đầu tôi cúng cả một kho thóc đầy để lúc đói kém cho dân vay. Thế mà của tôi cũng không sút đi, ở hiền hay gặp may, mấy năm nay, chiêm mùa cứ được bội thu liền, lúa thóc thừa thãi để cả ra vườn ra ngõ.

Tuấn hỏi:

– Bẩm cụ, về sau giàu rồi cụ còn có ý đi thi nữa không?

– Không, lúc đầu thì nghĩ thế. Nhưng đến lúc tôi có lưng vốn to rồi, tôi lại nghĩ khác, nên tôi không thi nữa, giá thi nữa, cử nhân chả chắc, chớ cái tiếng “*mền đup*”¹ thì cầm hẵn.

– Bẩm, sao cụ lại đổi ý thế ạ?

– Tôi nghĩ “*Nông giã thiên hạ chi đại bản*”, mình đã nắm được cái gốc lớn ấy mà không biết giữ chắt chiu à? Ngày xưa nho sĩ đều tự cấy lấy mà ăn, chín người cấy nuôi mười người ăn. Ngày nay một người cấy nuôi mười người ngồi ăn, kẻ sĩ chỉ mãi nghĩ ngâm thơ phú và mong trị nước dạy dân cả, nên thế gian mới có câu chệ “*Nhứt sĩ nhì nông, hết gạo chạy rong, nhứt nông nhì sĩ*”. Tôi cũng là nho sĩ, nhà tôi anh em đều là kẻ sĩ cả. Tôi phá cách cho người thường biết “*sĩ khả bách vi*”, làm thầy làm thợ đều được cả. Vả lại cái nghề làm ruộng, cần phải tự mình thức khuya dậy sớm, theo thợ ra đồng, thì bọn lười biếng mới chịu làm việc, không thì họ lêu lổng chơi hết ngày, làm chẳng ra sao cả... Kia thầy mời nước đi kéo ngụa. Uống nước chè phải uống nóng mới hưởng được đủ mùi hương.

– Bẩm vâng ạ, thưa cụ, cụ được mấy các ông các bà? làm gì?

– Tôi được ba cháu trai, hai cháu gái. Các cháu gái đều đã ra ở riêng hầu hạ vào nơi vắng tự cả. Các cháu trai thì thằng Cả hiền lành

1. Đố ba khoa tú tài trở lên gọi là mền, hai khoa gọi là kếp.

nổi chí tôi làm ruộng, nó đã có vợ con ở riêng đằng đầu làng đằng kia, thằng Hai quay sang hào mới được bổ thụ Cai tổng, nó lại đi lên tỉnh vắng. Còn thằng thứ ba theo bác Huấn nó học tập đã đỗ được tú tài thiên thủ, cũng mới đi chơi với bác cháu.

– Thưa cụ thật quý hóa quá, cụ thật được đủ phú, quý, thọ đa nam tử, cả sĩ lâm và nhân thế đều phải mến phục. Thưa cụ, xin cho phép cháu đi chào cụ bà và nhân thế được chiêm ngưỡng cái quy mô căn cứ của cụ.

– Vâng được, bà cháu đi coi đồng chưa về, thầy bất tất phải quá giữ lễ. Còn thầy có lòng muốn xem cái cơ nghiệp tầm thường của tôi, tôi xin dẫn ạ.

Tuấn liền nhanh nhẹn đứng lên theo ông Kép vui vẻ dẫn chàng đi thăm mọi nơi. Ở nhà khách ra, quanh ra bên đông là nhà ở của ông Kép, một cái nhà gỗ bảy gian rất chắc chắn, làm cao ráo và có ngăn nắp, cái nhà ấy ông Kép làm trước tiên từ khi ông mới khá. Đằng sau nhà ấy là một dãy nhà ngang, cho người làm ở, và dựng đồ làm. Trước cửa nhà ấy là một cái sân rộng, lát gạch, xây tường ở phía ngoài. Ở bên đông một cái huân ngói chạy dài mười hai gian bao tường kín, để chứa thóc quanh năm. Cách huân, một cái hào sâu đến lũy tre rậm bọc ngoài kín mít, gai góc đầy dẫy. Vòng sau huân, đến sau dãy nhà ngang, có hai đồng rơm to cao hơn đồng rơm buộc trâu đằng kia, lại có cột gỗ giữ chung quanh rất kiên cố. Tuấn lấy làm lạ hỏi:

– Sao cụ để dành nhiều rơm thế? Đống làm ba đống kia à?

Ông Kép cười:

– Không, hai đống này là đụn thóc đấy. Ngoài bọc rơm, trên phủ rơm, trong đựng toàn thóc cả. Kho lắm dẫy cả, phải chứa ra thành đụn như thế, mới để được lâu.

Hai người lại đi. Quanh đằng sau cái nhà thờ ở bên trong nhà khách, đến một cái huân ngói dựng thóc nữa, ăn thông xuống nhà bếp, rồi đến chuồng gà và chuồng lợn. Chuồng gà xây bằng gạch, ở trên cùng ngăn riêng ra cho chim bồ câu, có thể nuôi được đến mười đôi. Tầng giữa và tầng dưới là chuồng gà, lúc ấy đang tíu tít nhảy lên chuồng, tranh nhau chen vào rất là huyên náo. Cạnh chuồng gà lại xây thêm thìa lia ra một ngăn để nuôi vịt, mấy con vịt đã vào chuồng rồi còn đang kêu cạc cạc. Gần đấy, giáp với bờ rào dưới bên nhà ông

Huấn, một cái nhà tranh ba gian chát vách kín, mặt bắc giáp với hào sâu là chuồng lợn. Bốn mặt tường xây sâu xuống đến ba thước ngăn đôi ra, một bên có bốn con lợn xúc béo nịch, còn một bên hai mẹ lợn xề nuôi nhung nhúc mười mười hai con lợn con. Ông Kép chỉ xem qua hết các súc vật, rồi rề ràng nói chuyện cho chàng nghe:

– Đây là tôi nuôi chơi mấy con cho nó vui đấy thôi, chớ cái nghề chăn nuôi súc vật này, khéo trông nom chuyên chú ra, lợi lắm. Đạo trước tôi còn ấy ít, tôi nuôi rất nhiều gà, chăn thêm nhiều vịt và nuôi toàn lợn nái, mỗi năm bán bảy tám lứa, kiếm được tiền cũng đã nhiều. Các thầy chớ khinh cái nghề luôn luôn dọn phân chuồng này. Ngày xưa ông Ý Đốn là một anh học trò kiết xác nước Lỗ, chẳng ai thèm nhìn, nghe đồn ông Đào Chu Công¹ khéo làm giàu, liền lần mò đến hỏi, ông Đào bảo muốn chóng có tiền, chỉ nên nuôi gia súc, ông Ý Đốn vâng theo về chăn nuôi, mười năm giàu ngang với Vương, Hầu...

Hai người lại qua vườn cau chè, ra đồng rơm buộc trâu, rề lối ra cái cổng ngói đưa ra đường, xuống bậc ao rửa chân, rồi mới trở về nhà khách. Hai người chia ngôi chủ khách ngôi vào phương kỷ trò chuyện vui vẻ. Tuấn ngợi khen ông Kép và ví ông như ông Đào Chu Công ngày trước. Ông Kép nhã nhận chối:

– Thấy dạy quá, tôi đâu dám sánh với Đào Công. Nhiều khi tôi vẫn phải theo trong sách “*Chí Phú*” của ông đấy.

Nói đoạn, ông xin lỗi xuống nhà dưới giục làm cơm đãi Tuấn. Hôm sau, ông còn cố giữ chàng ở lại chơi, nhưng chàng nhất mực xin phép ra về. Ông Kép đành chịu ý, viết một bức thư về bái tạ quan Hoàng giáp thay anh. Tuấn mang thư ra về trong lòng sung sướng đã làm trọn công việc ủy thác và thấm thía cảm phục chí khí tài năng của ông già làm ruộng.

1. Đào công, tức là Phạm Lãi tên chữ là Thiệu Ba làm tướng nước Việt, giúp Việt Vương Câu Tiễn, ngài làm lợi đến nghìn vàng, thu của báu thiên hạ chứa ở kinh đô nước Việt, đồng, sắt, kẽm, chì, chứa chất cao như núi, hoặc giấu xuống giếng xuống hang gọi là giếng bác hang lạ. Sau bỏ nước Việt, phóng thuyền đi chơi Ngũ Hồ biển họ đổi tên, đến nước Tề gọi là Chi-di tử, sau đến nước Đào, đổi tên là Đào Chu, cha con trị nghiệp, giàu thiên ức vạn tài, thiên hạ tôn là Đào Chu Công. Ngày sau thấy ai giàu có phú gia địch quốc, thiên hạ đều ví là Đào Chu. Ý Đốn Đào Công có làm ra một quyển sách dạy làm giàu tên là Đào Công chí phú.

CHƯƠNG V

– Bảo thằng Thứ có đi theo ông xem tế *Đề chủ* thì mặc áo gọn ghẽ, đợi họ đến thì đi.

Quan Hoàng giáp sai gia nhân xuống nhà dưới bảo thằng cháu Thứ. Thứ là con trai đầu lòng cậu Nghè Hai, mới lên sáu tuổi, mà học rất thông minh quan Hoàng yêu lắm, đi đâu cũng cho theo. Một lúc sau, bà lớn dắt Thứ lên, mặc cái áo dài vóc tím, may phồng lớn dài gần chấm gót, cái quần lụa mới ngà ngà, đi đôi giầy da thừa gót ra đến nửa đất. Bà lớn cười trách chồng:

– Ông chữa đi đã nói cho nó biết trước, làm nó cứ nằng nặc đòi mẹ nó mặc quần, mặc áo từ sớm đến giờ. Chỉ chịu nó đi đâu cũng cho đi, rồi hư thân không ai dạy được.

Bà mà biết. Cháu tôi ngoan lắm chớ. Cho nó đi học khôn, bằng mấy dạy ấy. Bà cho gọi thằng Tuấn lại đây, cho cả nó đi cho vui và nó coi thằng Thứ.

Vừa lúc ấy, người nhà đưa một người đàn ông khăn áo chỉnh tề vào. Người này lại chào rồi đứng chấp tay lễ phép thưa:

– Bẩm cụ lớn, quan Huyện Thực bên Thanh Nê cho con sang rước cụ lớn sang đề chủ cho thân phụ quan Huyện.

Quan Hoàng giáp nói:

– Thầy ngồi chơi, thầy đến sớm nhỉ. Đám cụ cố bên ấy đưa hôm nay hay đưa mai?

– Bẩm cụ lớn, sáng mai vào độ đầu giờ Dần.

– Từ nhà ra huyệt có xa không?

– Bẩm cụ lớn, ở ngay cánh đồng làng không xa mấy. Nhưng lệ làng con đi chậm lắm, lại còn nhiều tế lễ ở giữa đường, bẩm cũng đến độ chiều mới đến nơi.

– Thế để mai tôi hăng sang, có hơn không vừa tiện cả đôi bên.

– Bẩm cụ lớn, cụ lớn vạn xá cho, đường xá xa xôi để đến ngày mai, sợ hấp tấp cho cụ lớn, và tang chủ đang bối rối sợ có điều gì sơ sót.

– Tôi thế nào cũng được, các ông ấy nệ quá!

Thấy người kia vẫn còn đứng, ngài nói tiếp:

– Kia! Thầy ngồi. Đứng mãi thế mỏi chân, tôi không bằng lòng đâu.

Người kia, một tay khoanh ngang ngực, một tay giơ lên gãi tai, áp úng thưa:

– Bẩm cụ lớn, chúng con đã đem phu 2 đến đủ đây rồi, xin rước cụ lớn lên đường kéo muện.

– Vâng, thầy ngồi đây mời trà, mời nước, đợi anh học trò tôi một tí, hấn cùng đi.

– Bẩm cụ lớn vâng ạ!

Tuấn ăn mặc gọn ghẽ đến. Ngài bảo chàng mấy câu, rồi đứng dậy truyền:

– Nào ta đi! Anh Tuấn gọi cháu Thứ.

Tuấn chạy xuống nhà bé Thứ lên, cậu lẩn xuống nhà với bà lớn, từ lúc quan mãi nói chuyện. Người đến mời cũng vội chạy ra ngoài, dẫn hai người khiêng cái võng đào vào trước cửa nhà học. Quan Hoàng giáp vén vạt áo sau lên, bước xuống võng, để xóa vạt sau lên thân võng, ngồi ngay ngắn rồi vẫy Thứ bảo:

– Cho cháu ngồi cả lên đây với ông! Anh Tuấn đi sau với các thầy ấy.

Tuấn đáp:

– Vâng ạ!

Hai người phu đã để đón võng lên vai, đứng dè chân, đợi lệnh là cất bước. Người đến mời chấp tay lễ phép hỏi:

– Bẩm cụ lớn, xin cụ lớn cho phép đi ạ.

– Ừ! đi thôi chớ!

Người kia liền rảo cẳng bước lên trước, bảo người phu lọng cầm cái lọng xanh mở sẵn, các nụ bông lủng lẳng như hoa treo, vào che cho quan lớn, và truyền năm tên phu cầm cờ ngũ sắc dàn thẳng hàng đi trước ra ngoài đường; một người đàn ông mặc áo dài cầm trống tiểu cổ đi trước võng, thỉnh thoảng điểm những nhịp một, nhịp đôi rất oai vệ. Người đến mời quay lại chào bà lớn và mọi người rồi mới chạy theo Tuấn đi theo võng. Cái đoàn người ấy đi rất đều hàng, nghiêm trang đều đều cất bước qua những đồng ruộng kẻ làm lung, người qua lại, đều đứng lại nhìn theo đám rước giản dị

mà trịnh trọng. Bọn phu rước vui vẻ và tự lấy làm kiêu hãnh, nói chuyện với nhau nho nhỏ rì rì... như quên cả đường dài... Đến gần tối, đám rước quan Đề chủ về đến làng Thanh Nê, các bậc văn nhân trong làng và thân thuộc với tang gia đều đứng chực cả ở đầu làng đón rước. Họ đưa quan về thẳng nhà một người khá giả trong họ tang gia. Ở đây cất cử đủ một toán người hầu hạ rất mực chu đáo. Nghỉ ngơi một lúc, ăn trầu, uống nước rồi, quan Hoàng giáp, viết một đôi câu đối lên tờ giấy trắng, rồi tỏ ý muốn sang viếng người quá cố và hỏi thăm tang chủ. Một vị hầu chuyện đẩy liền về báo với ông Huyện và gọi phường trống sang rước. Trống con, beng beng, bát âm hàng đôi đi trước, đều nổi lên nhịp nhàng theo điệu bước. Câu đối của quan Đề chủ để trong một cái quả đỏ do một người đội đi sau phường trống, rồi đến quan Hoàng giáp đi dưới lọng xanh và một lũ các vị tai mắt trong làng theo sau. Đi vòng ra đường làng, qua mấy cái ngõ xóm vào đến nhà hiếu chủ. Cả đoàn đi thông thả lại và rời rạc lộn xộn. Lễ đặt lên bàn thờ, trống hạ nhịp xuống rồi im hẳn, quan Hoàng giáp từ từ đi vào chỗ màn sô che tang chủ. Một người cúi khom khom đưa tay nhẹ kéo cái màn lên. Ông Huyện Thực và em là ông Kép Hậu, đầu đội mũ chuối mặc áo sô, thắt ngoài một cái dây chuối khô vắn, đang ngồi phệt ở dưới đất trông thấy ngài vội quỳ lên lạy chào và cúi đầu nghe ngài hỏi thăm. Ngài nói xong, hai người lạy lại tạ, và xin ngài miễn cho lễ viếng, lấy lễ rằng ngài là bậc cao cả hơn kẻ quá cố nhiều. Nhưng ngài không nghe, cứ giữ lễ với người chết mà vào bái diếu. Hai người con đành chống gậy theo ra đứng bên bàn thờ. Trống cái, trống con, kèn, bát âm đồng thời nổi điệu lễ, nhịp nhàng lên xuống rất đều. Quan Hoàng giáp thông thả bước vào chiếu lễ, trước bàn thờ và linh cửu cúi xuống khoanh tay bưng miệng kêu “Ô hô... hô!” ba lượt rồi lễ¹ hai lễ xá ba xá. Trong khi ấy thì hai người con hiếu kia khóc và lễ đáp lại ngài. Ngài đứng lùi ra một bước quay lại phía hai người xá đáp, thì hai người kia lại khóc, chống gậy quay đầu vào bàn thờ, để tránh không dám nhận. Ở ngoài, trống đổ hồi và im bật. Quan Hoàng giáp bước ra ngoài chiếu lễ, lại được các ngài tùy tùng lúc này rước về bên nhà riêng khi trước, ăn uống và nghỉ ngơi.

Sáng hôm sau, quan Hoàng giáp dậy uống nước ăn cơm xong, thì đám ma đã đưa ra gần đến huyệt rồi. Lúc ấy người ta mới đem võng

1. Khi linh cửu còn ở trong nhà, thì lễ hai lễ.

vào rước ngài ra, đi qua ngã ba đường đầu làng, còn thấy cái nhà tạm dọc đường vắng vẻ trơ mấy câu đối dán ở cột rường:

Xúc cảnh hữu hoài lưu vũ lệ:

Phiên xa vô kế vấn vân trình!

(Đối cảnh thêm buồn trôi mưa lệ!

Vịn xe không kế kéo đường mây!)

Phong giao đan triệu, hoa hàm lệ!

Vận ừng linh xa liễu đới sâu!

(Gió lay lụa đỏ, hoa rung khóc.

Mây phủ linh xa, liễu rũ sâu!)

Ra đến nơi, thấy quan tài đã hạ huyết rồi, mới phủ đất một ít, còn đang đợi làm lễ thân Hậu thổ. Bàn thờ Hậu thổ ở bên tay trái mộ, có dựng một đôi câu đối rằng:

Lễ tòng giản ước do trung kính,

Địa hữu thân minh tại thượng lâm!

(Lễ theo giản ước tự lòng kính,

Đất có thân minh ở trên vè)

Tế Hậu thổ cũng đủ lễ vật, có *quán tẩy thiếu cân*, đèn hương án, rót rượu, dâng rượu, lạy tạ, đọc chúc, đốt chúc v.v... Tế xong *Hậu thổ*, người ta kéo nhau sang bên nhà tạm *Đề Thân chủ*. Tạm này làm ở bên tây mộ vừa cao vừa rộng, mái lợp lá cót, bốn cột cái bằng bương, có dán hai đôi câu đối đỏ rằng:

1.- *Nhứt điểm ký thành tăng hoán diệu*

Bách niên như tại vĩnh bàng y.

(Một điểm đã thành đêm sáng tỏ,

Trăm năm như ở, mãi nương nhờ)

2.- *Tòng tân mặc úy thân tâm định,*

Phụng lễ thâm tâm tử đạo khuy!

(Từ nay lạng ổn lòng thân định,

Vâng lễ, càng thẹn thiếu đạo con)

Ở trong nhà tạm, chính giữa đặt linh tọa (bàn thờ). Trước linh tọa bày hương án. Ở ngoài kê một cái bàn con để lúc làm lễ đặt chủ

vào đây. Một cái bàn con nữa, kê liền ngay bên trái, phủ lụa trắng mới nguyên, trên để ống bút sứ, hộp nghiên, thoi mực tàu và năm vuông vóc đỏ chữ thợ gấp vuông, để lót lạy, các thứ ấy toàn là của mới sắm, chưa hề dùng qua. Đây là bàn của quan Đề chủ, đằng sau có cái phương kỷ. Ra ngoài nữa ở tay trái, một cái ghế bàn để bình rượu lò hương và chậu quán tẩy đặt liền đây. Bên tay phải, một cái bàn, để giá, chúc, hộp hương và bình chè.

Quan Hoàng giáp đến nơi, mọi người rước ngài vào ngồi ở phương kỷ. Ở ngoài, người ta rộn rịp sắp sửa vào tế Đề chủ. Phương trống đã đứng xếp hàng ở phía nam ngoài nhà tạm. Hai ông chấp sự, đông xướng, tây xướng, đã mặc áo thụng trắng, đứng sau ở mỗi bên cái bàn ngoài cùng. Trống tế bắt đầu rung, viên chấp sự đông xướng dẫn tang chủ vào trước bàn giữa và đứng ra chỗ cũ xướng:

– *Quán tẩy!*

Quan Đề chủ và hai người *phụng chủ*, *độc chúc* đều ra chỗ chậu nước nhúng tay vào sắp nước xoa xoa.

– *Thuế cân!*

Ba người lần lượt chùi tay vào khăn buộc trên giá. Chấp sự xướng tiếp:

– *Xuất chủ!*

Viên phụng chủ đến bàn thờ mở cái hòm chủ sơn đỏ vẽ vàng hình chữ nhật, lấy miếng gỗ chủ ra đem để ra cái bàn trước hương án. Miếng gỗ ấy hình cái bia là hai mảnh gỗ ghép đè lên nhau lượt ngoài bôi phấn trắng, cắm lên cái đế gỗ vuông.

– *Đề chủ!*

Viên phụng chủ tháo rời hai mảnh gỗ ra, để sang bàn quan Đề chủ. Mực đã mài sẵn, bút rút thấp ra rồi. Viên độc chúc tì né bên bàn viết lên mảnh gỗ trong, giữa cái lòng khoi trung thẳng: quan chức, họ, tên húy, tên chữ của người quá cố thuộc hàng mấy, rồi đến chữ “*Thân chủ*”, chữ chủ bỏ trống nét chấm. Ở mép bên phải viết một dòng, nói để năm tháng ngày giờ nào, hưởng thọ bao nhiêu tuổi, mép bên trái viết một dòng mất vào năm tháng ngày giờ nào. Mảnh ngoài trên mặt phấn, viết chữ “*Hiển Khảo*” (cha) rồi đến quan tước họ, tên chữ và cuối cùng cũng có chữ *thân chủ* bỏ trống nét chấm. Ở góc dưới bên tay trái viết thêm mấy chữ “*Hiếu tử Thực phụng tự*” (con hiếu là Thực vâng tế). Viết xong tất cả mới để cả hai mảnh gỗ ra trước mặt

quan Đề chủ. Ngài nghiêm trang cầm bút lấy mực sê từ từ chấm hai nét chấm tròn như hạt chanh lên hai chữ chủ ở hai miếng gỗ. Ngài vừa để bút xuống thì ở ngoài phường trống cũng hạ nhịp trống, rồi im để người ta xướng:

– *Phụng chủ chí linh tọa!* (đem chủ để lên bàn thờ)!

Viên phụng chủ lắp hai miếng gỗ làm một cắm vào đế rồi giơ hai tay bung để lên bàn thờ.

Chấp sự lại xướng:

– *Thu hôn bạch!*

Hôn bạch là cái thâu lấy hơi thở cuối cùng kết kiểu hình nhọn, để thờ ở trên bàn thờ sau bát hương. Lúc ấy, viên độc chúc theo lời xướng đi lên nhắc cái hôn bạch ấy ra bỏ giấu vào hòm chủ.

Ngài xướng tiếp:

– *Nghệ linh tọa tiên phân hương!* (đến trước bàn thờ đốt hương).

– *Quy tước tửu!* (quỳ rót rượu).

– *Hiển tửu!* (dưng rượu).

– *Kiến soạn!* (dưng cơm)!

Mấy ông chấp sự cứ lần lượt làm theo lời xướng. Tiếp đến:

– *Dĩ hạ giai quỳ!* (giở xuống đều quỳ).

Tang chủ quỳ ở giữa, ông độc chúc quỳ ở bên phải, ông phụng chủ lúc này giữ việc chuyển chúc quỳ ở bên trái.

– *Độc chúc!*

Trống ngừng, mọi người đều im lặng nghe đọc chúc. Đọc xong, ông độc chúc đưa chúc văn cho ông phụng chủ đem để lên bàn thờ. Tờ chúc ấy đợi về nhà làm lễ “*Phản khốc*” rồi mới đốt.

Hai người đều đứng dậy đi ra cả rồi, ở ngoài lại xướng:

– *Phủ phục!*

Hiếu chủ lễ bò soài xuống như con ếch.

Bên tây xướng vội nói:

– *Hương!*

– *Bình thân phục vị* (đứng ngay xá lui xuống).

– *Cử cử cúc cung bái!* (Vừa khốc vừa khom lưng lạy).

– *Hương!*

– Bái!

– Hương!

Lễ bốn lượt, đến:

– *Bình thân ai chi!* (Đứng yên lại, thôi khóc).

– *Tạ Đề chủ quan nhị bái, bái!* (Lễ tạ quan Đề chủ hai lạy, lạy xuống).

– Hương!

– Bái!

– Hương!

Trong khi ấy, quan Hoàng giáp đứng lên xá đáp lại hiếu chủ.

Ở ngoài đồ hồi trống ngừng lại. Thế là xong lễ *Đề chủ*.

Lúc ấy, người ta mới lấp đất vào mộ đầy lên và đắp cao gọn ghẽ ra hình chữ nhật, đắp núp ở giữa cấm hương, rồi làm lễ *Thành phân*. Lại tế nữa, lại đọc văn nữa. Nhưng quan Hoàng giáp xong việc rồi, nhà tang chủ đã kính cẩn đưa vông vào rước ngài về nhà đám.

Họ gói cẩn thận cả lụ trái bần, vóc kê tay, ống bút nghiên mực và bút mực đem theo về. Đến nhà, mâm cỗ đã sẵn bày, mấy vị văn thân trong làng lại mời ngài ăn uống. Xong bữa rượu trời còn sớm, ngài tỏ ý muốn từ biệt nhà đám, để sang thăm ông đồ Chấn ở làng Vàm Xuyên gần đấy. Họ khẩn khoản xin lưu ngài lại đến hôm sau, nhưng thấy ý ngài đã nhất quyết, không dám trái, liền giục phu vông sắp sửa đưa ngài đi. Một cụ già đứng ra lễ phép hỏi:

– Bẩm cụ lớn, cho phép mang theo cả gói lụ vóc nghiên bút này?

Cái lệ thông thường, khi đề chủ xong, thì mọi thứ quan Đề chủ đã dùng đến đều thuộc quyền sở hữu của ngài, ngài muốn lấy hay cho tùy ý. Quan Hoàng giáp thấy hỏi, nhìn qua gói đồ vật ấy và nói:

– Được, lúc nào rồi các ông cho người nhà mang sang bên nhà tôi cũng được, giờ đem đi nó kênh càng.

Một ông già đứng bên liền nói đỡ:

– Bẩm cụ lớn vâng. Bẩm cụ lớn, để mai chúng con có người sang bên nhà, lễ tạ cụ lớn, mang sang một thể.

Quan Hoàng giáp liền nói:

– Thôi, chào các ông. Tôi có lời gởi các ông chào lại ông Huyện và ông Kép hộ.

– Bẩm cụ lớn, vâng ạ.

Rồi mọi người đi theo võng ngài ra mãi đến đầu làng ai nấy đều vái chào rất kính cẩn, đứng chờ cho võng ngài đi khỏi mới quay gót trở về. Lúc này chỉ có hai người phu võng khiêng và một người đàn ông khăn áo chỉnh tề tiễn. Cậu Thứ vẫn được ngồi trên võng với ông. Tuấn đi sau chuyện trò vui vẻ với người đi tiễn. Mặt trời gác núi nhuộm vàng cả một mảnh trời tây, võng ngài mới tới cổng nhà ông đồ Chấn. Nghe tiếng chó sủa ông đồ vội chạy ra, trông thấy bạn, hết sức mừng rỡ, vái chào nói tíu tít.

– Thảo nào, hôm nay quẹt kê dũ lắm. Mà tối hôm qua đệ lại mơ thấy một tiên ông cỡi hạc hạ cánh xuống sân, đệ đoán hôm nay thế nào cũng có quý nhơn, nên có ý ngóng chờ suốt từ sáng đến giờ. May quá, đệ lại vừa có người biểu con ba ba to lắm, để ta ngả ra đánh chén.

Quan Hoàng giáp cũng đã xuống võng, hớn hử hỏi thăm ông đồ. Ông vui vẻ đáp lại và nhanh nhẹn đưa ngài vào chơi nhà khách, rồi ông lại chạy vội ra giục người nhà đun nước, và chạy đi giữ bọn người tiễn ở lại, nhưng họ cố từ, cuộn võng vác lên vai chạy... Ông đồ trở vào nhà khách tươi cười hỏi ngay:

– Có phải bác đi đề chủ đám bố Huyện Thực Thanh Nê không?

– Vâng, sao bác biết?

– Tôi thấy người làng tôi đi xem về đồn đám ma to lắm, có vô số tạt.

– Tôi sang đấy, đề chủ xong họ cứ giữ ở lại, tôi cố từ để sang chơi bên này với bác. Đã lâu lắm anh em mới gặp nhau. Hồi bác làm khảo thượng thọ, có cho mời tôi, nhưng lại đau không sang được, tiếc quá!

– Mong mãi. Hồi ấy chỉ thiếu có bác, còn học trò thầy lớp ấy đến đủ cả. Thế nào? Giỗ thầy, bác vẫn đến chớ. Khi bác đi làm quan thì năm nào giỗ thầy tôi cũng có mặt. Máy năm nay, chân đau không đi được, thành chịu thất hiếu với thầy, và đối với các bác mang tiếng là bội bạc.

– Không, bác cứ dạy thế, chớ ai dám trách. Thế bất đắc dĩ, bác mới chịu vắng chớ. Chúng tôi vẫn thường hỏi thăm đến bác đều rõ cả.

Ông đồ và quan Hoàng giáp vốn là đôi bạn *đề chỏm* cùng học trò cụ cử Trí Mỹ lý hồi nhỏ. Đôi bạn ấy lúc bé mãi ganh tị nhau từng ly từng tý, nhưng càng lớn lên càng thân nhau quý nhau. Cụ cử Trí mất sớm, đôi bạn đồng môn ấy về đưa thầy gặp nhau luôn mấy ngày đình đám, lại càng thêm trọng nhau về nét cư xử, yêu nhau vì lòng trung

hậu, cho đến bây giờ, xa cách luôn mấy năm trời, đôi bạn già gặp nhau cùng vui mừng hồi hộp, nhớ lại mọi việc lúc còn đi học và cùng hoài tưởng đến vị thầy cao quý suốt đời tận tâm dạy dỗ răn bảo học trò. Đôi bạn bỗng trở lại trẻ trung như hồi còn đi học, nói cười vui vẻ phóng khoáng như trẻ con vậy. Cười vang một lúc, rồi ông đồ hỏi thăm đến con thầy:

– Bác mền Dũng dạo này thấy thế nào có khá không?

Quan Hoàng nhấp ngụm nước, rồi trả lời:

– Chú ấy độ cuối năm ngoái cũng lươn khươn mãi, sang xuân này đã khá, ăn uống được và đi lại thấy dễ chịu.

– Anh Tú nó năm nay ngồi đâu?

– Chú ấy yếu, nên anh nó ngồi ở nhà từ tháng sáu năm ngoái, cũng đông học trò, *tuế bổng* đủ nuôi cha mẹ, mà lại được cái lợi trông nom cấy cấy thêm vào.

– Thế lại hóa hay. Giỗ cô vào đầu mười hai tháng bảy ấy nhỉ?

– Vâng, cô chết năm ấy giữa năm đạn hạn bác còn nhớ chúng ta đi họp *đồng môn* và đến đám, đều đi tắt cánh đồng và ngang qua cả sông, lòng sông khô như trên đường vậy.

– Phải, tôi còn nhớ cái đêm hôm mười ba, tôi ở bên bác chỉ Tuy bên Tử Lưu, nửa đêm vội về để kịp đưa đám cô, đi tắt sông như là đi trên sàl vậy. Thế nào tháng bảy này tôi cũng cố lần vào ăn giỗ cô và chơi thăm bác Dũng, tiện thể tôi thẳng xuống bác nữa. Mình bây giờ chữa già cũng gọi là già, còn ngày nào, đi được, thì cố mà cật công ra đi chơi với nhau. Chưa biết chừng trời bắt đi theo các cụ lúc nào cũng nên...

Quan Hoàng giấp cười giơ ngón tay chỉ bức hoành treo trên sà giữa nhà và nói:

– Bác chỉ nói đại, ba chữ "*Thọ duy kỳ*" kia là gì? Bác còn sống lâu đến bảy tám chín mười mười, khao thọ ít ra là ba lần nữa kia, chúng tôi còn sắp mồm ra ăn đây. Bác định vỗ sao?

Ông đồ cười:

– Tôi cũng mong như thế. Nhưng biết có được. Ba chữ kia của học trò nó ước vọng cho tôi. Và cả mọi người đều một lòng chúc tụng mong mỗi như thế cả. Chỉ thiếu có bác. Bác còn nợ đấy.

– Vâng, để tôi xin trả, nhưng hoành phi rồi, câu đối rồi, trưởng

rồi, thơ rồi, tứ bình rồi, tôi muốn mừng bác cái gì khác kia... mà chưa nghĩ ra.

Ông đồ cười:

– Cái ông này rõ khéo giống cái anh nhà giàu đầy tiền đầy bạc, đầy cao lương mỹ vị, lại muốn đi ăn cơm ngô, cơm khoai cho nó ngon kia.

Quan Hoàng giáp cũng cười hỏi:

– Thế bác thích cái gì, tôi xin mừng cái ấy.

– Tùy bác đấy chứ. Tự lòng bác, bác cho cái gì hay thì mới quý chứ. Tự tôi thì ra tôi đòi à?

– Đã vậy tôi mừng bài ca nhé.

– Vâng, tốt lắm, bác cho, bác cho bài ca để lúc nào rồi hay buồn, hát lên cho nó vui. Thú vị quá. Bác viết đi, để rượu vào, ta hát ngay bây giờ, cũng ăn mừng, mừng tôi được bài hát và mừng bác làm ra bài hát. Thế có phải vui chung không? Vậy bác làm đi, giấy bút đây!

– Vâng, tôi xin tuân mạng.

Ông đồ xin phép lùi xuống nhà dưới một lát. Quan Hoàng giáp liền nằm chống khuỷu tay xuống giường viết giáp bài hát. Lúc ông đồ lên ngài đưa cho ông xem, ông đọc nhanh một lượt rồi tấm tắc khen:

– Hay lắm! Hay lắm! Văn nôm bác cũng già dặn lắm.

Vừa lúc ấy, mâm cỗ thịnh soạn đã bung lên đặt giữa giường. Ông đồ mời quan Hoàng ngồi sang sập đặt cỗ, và xin phép cho cả Tuấn và cậu Thứ cùng ngồi vào mâm cho vui. Đây là chỗ bạn bè thân mật, nên ngài cũng ưng thuận ngồi thế. Bà đồ và các con ông đồ cũng lên chào và mời khách uống rượu. Ông cầm nắm rót rượu ra chén, vừa quay lại bảo vợ và các con:

– Bà và hai con đợi cả kia, tôi bảo, Quan Hoàng giáp đây là bực cao sang mà ngài lại có lòng đến thăm ta nghèo hèn thế này, bà và các con đã biết cái lượng rộng rãi của ngài chưa? Thật là quý hóa, phúc đức cho nhà ta. Nay may ta có rượu ngon có nhắm tốt, lại gặp được bạn hiền, rõ vui đủ vẻ, thế mà lại thêm bài hát của ông bạn quý này mừng nữa, tôi sung sướng vô chừng, trẻ thêm lại được đến vài mươi tuổi. Tôi cho bà và các con ngồi đợi nghe bài hát ấy.

Quan Hoàng giáp nói pha vui:

– Bác gái ạ, bác ấy đã trẻ lại vài mươi tuổi tất phải cưới cho bác ấy một cô hầu non. Bác ấy giữ bác lại giao hẹn trước mặt tôi, có thể đấy thôi mà!

Ông đồ cười tiếp:

– Vâng, rồi cũng phải cười chứ. Nhưng mời bác uống chén rượu này đã. Uống đi rồi phải hát cái bài ca ấy lên. Làm được là phải hát được. Tôi xin gõ nhịp. Rồi tôi cũng hát. Anh Tuấn cũng hát. Bà ta cùng hát, có thế mới vui. Nào uống đi!

Quan Hoàng giáp nâng chén rượu, mời ông đồ bà đồ, và các cậu con, rồi từ từ để vào môi, nhấp uống. Để chén xuống, ngài gật đầu rung đùi khen:

– Cái rượu ngon thật!

Ông đồ nói:

– Vâng, có rượu ngon để mong quan anh hát!

Hơi rượu bốc nóng trong đầu, quan Hoàng giáp ngồi ngay người lên rung đùi, giơ tay vỗ mạnh vào đầu gối và nói đồng dục:

– Vâng! tôi hát chớ!

Rồi ngài lên giọng ngân nga, trầm bổng hát:

– “Văn giang thẳng hữu,

An lạc Tiên sinh,

Vốn dòng nhà cửa Khổng sân Trình,

Tu thân lấy an bản lạc đạo,

Đã mấy phen khoa trường lão đảo

Chán trở về tụng độc thi thơ,

Tiến vi quan, đạt vi sư,

Cái buổi bây giờ nên thế nhỉ?

“Thiên hạ đạt tôn, nhứt viết sĩ”¹

Chữ Thánh hiền há chỉ một mình ai?

Tuyết đông mai vừa chợt sáu mươi!²

Ngất ngưỡng giở một vài bài hiển thọ.

Trong môn đệ dưng đại thư ba chữ:

“Thọ duy kỳ” sáng tỏ như gương.

Hai bên treo câu đối thép vàng.

1. Nhứt là rằng chỉ về thọ.

2. Tiệc thọ về cuối tháng theo sinh nhật ông đồ.

Để nhàn hạ lúc thảnh thơi ngâm vịnh.

Đối rằng:

“Đình thảo xuân thâm di thọ kính”

“Môn phong khách diên nhạ thơ hương”

Trời đã cho rằng thọ rằng Khang,

Trong hai chữ “Thơ hương” càng Khánh viên.

Tuy bất dự long môn chi tuyến,

Nhiên diệp cao nguyệt đán chi bình!

Ai bằng An lạc tiên sinh!

Quan Hoàng giáp hát xong, ông đồ vỗ đùi khen hay, rồi cất cao giọng hát theo, hai tay vẫn đều đều, cầm xe điều gõ nhịp. Hết bài, ông cười khanh khách và nói oang oang:

– Bài hát đã hay, giọng tôi hát cũng hay đấy chứ. Giờ đến lượt anh gì? À anh... Tuấn hát đi!

Tuấn thẹn thùng cũng phải miễn cưỡng hát theo. Ông đồ vẫn gõ nhịp và gật gù khen, Tuấn ngừng tiếng, ông cũng bỏ xe điều xuống nói:

– Vui quá. Để tôi phải thuê thuê bài ca này mới được.

CHƯƠNG VI

Quan Hoàng giáp Thịnh Hậu về nghỉ ở nhà đã được hơn ba năm, hơn ba năm trời yên phận, không nghĩ gì đến việc quan, việc nước, chỉ để tâm đến việc dạy học, truyền rộng đạo Thánh. Sáu mươi hai tuổi bạc phơ trên mái tóc, ngài cũng tự thấy hết nghĩa vụ phải bôn tẩu trong quan trường, tuy ngài vẫn dốc một lòng sùng bái nhà Vua. Nhưng, ở lâu càng rõ lòng người, thấy danh vọng và tiết tháo của ngài tràn lan khắp cả trong Triều ngoài Nội, – Phần nhiều các quan cao đều là các môn đệ ngài, – Đức Hoàng thượng và các quan Triều xét thấy nỗi oan của ngài, liền hạ chế ban khen và úy lạo, phục tước hàm cho ngài, và lại triệu ngài, vào kinh lãnh chức “Hữu tham tri” bộ lại. Ngài lạy tiếp chế chỉ cũng rất thản nhiên như không, không tỏ vẻ gì mừng rỡ cho lắm. Ngài chỉ tươi cười bảo những bạn bè và học trò đến mừng ngài:

– Nhà vua còn đoái thương đến mà giao công việc cho, có đâu dám kể đến tuổi già!

Ngài cũng không nghĩ đến báo thù viên Tri phủ Nguyễn Đình Bảo trước. Ngài lại thương hại ông ta, khi ấy đã làm đến Thị lang bộ Hộ, vì một việc gian lận hay nhầm lẫn, vỡ ra cùng lúc xét lại oan của ngài, bị cách chức bắt đi *tòng quân hiệu lực*. Ngài ngậm ngùi thay và lấy làm gương bảo với con cháu và học trò:

– *Ác giả ác báo!* Chử Thánh hiền dạy vậy mà anh ta không theo, chỉ nghĩ đến tư lợi nhứt thời cho nên chết!

Ngài đương sửa soạn hành lý và thu xếp mọi việc để tiến kinh, thì cụ cố bà lâm bệnh. Tuổi già sức yếu, nhốm bệnh là cụ mệt li bì ngay, ít ăn, ít uống lại nhiều lần mê sảng. Nghĩ đạo làm con cần nhứt phải phụng dưỡng cha mẹ lúc yếu đau, ngài liền làm biểu tạ ân dâng lên và cáo quan ở nhà nuôi mẹ, trong lúc kinh, đành lòng lấy hiếu làm trung. Ngài cùng với hai vợ, suốt ngày đêm sỉ lượt nhau, đứng bên cạnh giường mẹ, săn sóc thuốc thang, cho ăn uống, hầu hạ rất là chu đáo. Thuốc tự tay vợ chồng ngài sắc lấy, không dám để cho

kẻ hầu người hạ, hay con cháu, trẻ người non dạ thường làm ăn cầu thả. Nuôi nấng nâng giắc non một tháng trời, đợi đến một buổi bình minh tươi đẹp, mặt trời vừa ló ra làm tan tỏa màn sương đục, cụ cố nằm im lặng từ trần, theo tiếng chim ca hát tung bừng đưa hồn ngài về lạc quốc.

Tin ấy đưa ra, tất cả sĩ lâm và nhân dân toàn tỉnh đều thương tiếc và có đối xứng đến phúng viếng. Học trò các trường và các nơi, từ vị quan cao đến kẻ thường dân, theo lệnh trưởng tràng, đều về họp mặt, đóng tiền đồng môn và đi đưa đám. Đám này giản dị mà đông đúc rất cảm động. Có hai cái nhà tạm, thì một cái ở đầu làng đức cao sang làm gương mẫu cho cả làng. Còn cái nhà tạm ở nơi phần mộ là của học trò dựng lên. Kể có đến hàng ngàn người đi theo linh cửu. Câu đối, trưởng đi liền nhau san sát một thoi dài làm trắng xóa cả một khoảng đồng điền, thật không thể kể hết của những ai và so sánh được bức nào hay hơn bức nào. Ta chỉ xem một câu đối của hàng huyện viếng; đủ biết vẻ trang trọng to tát của đám ma ấy, và văn chương đem phô bày ra đấy giá trị là thế nào:

Thái Từ bát dật toàn quy, thị kỳ đình giai ưu long, liệt hồ chi văn, thuyết giải đường dĩ ca đại khóc.

“Tướng công, tam niên hữu hoạn, phi sở lạc hồ ta trúc mậu làm chi cảnh, tương dĩ hiếu vi trung!”

(Thái Từ tám chục tuổi về già, trông ở sân thấy toàn những văn rượt rông, bại hồ, có người nói nên lấy hát thay khóc! – Tướng công ba năm nghỉ quan chịu tang không phải cái cảnh sửa tre, tốt rừng, than ôi! phải đem hiếu làm trung!)

Lo ma chay xong, quan Hoàng giáp chịu tang mẹ ở nhà, không giao thiệp với ai nữa trừ ra mấy người bạn chí thân năng đi lại chia buồn với ngài. Ngài nghỉ cả dạy học, chỉ có mấy người làng và con cháu họ hàng thỉnh thoảng đến hỏi nghĩa và nghe giảng cùng là nhờ chấm bài. Ngày ấy qua tháng khác, ngài vẫn nằm rơm gối cỏ để tưởng nhớ đến mẹ già, không hề đi đâu cả. Có việc gì dính dáng đến ngài, bất cứ to nhỏ ngài đều giao anh Tuấn đi thay.

Ngày buồn cứ lặng lẽ qua. Những cơ hội họp văn chương, những ngày đình đám vui vẻ, những lối quen quen trong hàng tổng, hàng huyện, hàng tỉnh, đều âm thầm thấy vắng mặt vị văn khôi chói lọi mà ai ai cũng kính trọng, tôn thờ. Người đã tưởng suốt ba năm cư tang,

ngài sẽ không rời ra khỏi làng một bước, dầu cho có việc gì trọng đại đến đâu cũng không thể làm sai được cái lòng hiếu của ngài...

Thế mà có một bận, ngài đã phải dằn lòng trái kinh theo quyền vậy.

Một hôm, trời đã gần tối, anh Cử Tốn, người làng và là học trò ngài, đưa vào hầu ngài một người đàn bà trạc ngoài ba mươi ngót bốn mươi. Ngài đương ngồi hè báo cậu Thứ học, thấy Cử Tốn vào lạy chào, ngài hỏi ngay:

– Anh Cử vào chơi có hỏi thầy gì không?

Cử Tốn vội thưa:

– Bẩm lạy thầy, con dẫn chị Nghè Tiến bên Đồng Phú vào hầu thầy. Chị ấy sợ không dám vào nhờ con đưa.

Người đàn bà lúc ấy mới dám tiến lên ngồi thụp xuống lạy chào.

Ngài hỏi:

– Chị là vợ anh Nghè Tiến à? Chị ngồi chơi lên chõng này. Chị đến chơi, hay đến hỏi việc gì?

Cử Tốn nhanh miệng đáp hộ:

– Bẩm thầy, anh ấy ốm, mà có người ở xa đến xin trướng, anh ấy sai chị này sang nói nhờ thầy làm hộ.

Ngài trông chị Nghè và hỏi:

– Người ta xin trướng gì? Anh ấy có viết giấy đấy không?

Chị Nghè liền run sợ thưa:

– Bẩm lạy cụ lớn, con đem đầu sang kêu cửa cụ lớn, không phải thế, xin cụ lớn đại xá rộng phép cho con nói.

Cử Tốn hơi cau mày quay nhìn chị Nghè hỏi:

– Sao lúc nãy, chị bảo tôi là đi xin trướng.

Thấy vẻ người chị Nghè lúng túng ngượng ngập, quan Hoàng giáp liền nói lấp đi:

– Anh để im chị ấy nói!

Quay lại, ngài hôn hậu bảo chị Nghè:

– Muốn điều gì, chị cứ nói thực!

Chị Nghè ngập ngừng thưa bằng một giọng nhỏ:

– Bẩm lạy cụ lớn, cụ lớn đại xá rộng phép cho con xin thưa: Con

nghĩ con tủi lắm. Con lấy nhà con từ năm mười lăm tuổi đầu, thất lưng buộc bụng làm lụng nuôi cho nhà con ăn học, đến ngày nay thành tài. Bây giờ đổ tẩn sĩ anh ấy danh giá, anh ấy lại phụ tình con, anh ấy chực bỏ con để lấy con gái ông Thượng nào ấy... Con lạy van, anh ấy cũng không tha, anh ấy cứ đánh đuổi con, con cực thân lắm... không lẽ chết được... Con thấy cụ lớn đạo cao đức rộng, ai ai cũng đều phải sợ, nên con đem đầu đến cửa cụ lớn, trăm lạy cụ lớn xin cứu con với.

Hai người ngồi nghe, đến sững sốt lấy làm lạ sao Nghè Tiến lại có cái thái độ vũ phu như vậy. Nghe đến đấy, quan Hoàng giáp nói:

– Cái thằng thế thì lão quá. Chị cứ về để tôi viết giấy tôi bảo.

Chị Nghè sợ hãi thưa to:

– Bẩm lạy cụ lớn, con về bây giờ thì nhà con đánh con chết, lại đánh đuổi đi chớ không cho về.

– Được, thế tôi cho Cử Tồn đưa chị về.

– Bẩm lạy cụ lớn, bác Cử đưa con về nhà con, biết con sang kêu với cụ lớn, lại lấy cố hành hạ con thêm, mà đi với bác Cử, nhà con lại nghi...

Cử Tồn nghe nói thế cũng hơi tức liền nói:

– Bẩm thầy, con không đi được ạ, con bận mẹ con ươn mình.

Quan Hoàng giáp ngẫm nghĩ một lát rồi hỏi:

– Hay cũng tại chị lằng loàn nên nó mới khinh.

Chị Nghè luống cuống thưa:

– Bẩm lạy cụ lớn, không ạ. Con chỉ có biết ăn biết làm, không có to tiếng nói năng gì cả. Ông già bà cả trong làng và hàng xóm láng giềng đều biết cả. Cả các bạn học nhà con, học trò cụ lớn đây cũng biết, chớ con không dám nói dối.

– Sao không nói với các ông chú bà bác bảo nó?

– Bẩm lạy cụ lớn, nhà con xưa nay vốn hiền hậu, biết trên kính dưới nhường. Ngay khoa năm nọ đỗ cử nhân về cũng vậy, rất là hòa nhã vui vẻ. Thế mà không biết năm nay đi thi về phải bùa phải bả hay mê muội thế nào ấy, đánh đuổi vợ và cãi lại các chú các bác, không coi ai ra gì cả. Các chú con mới bảo con sang kêu với cụ lớn. Xin cụ lớn rủ lòng thương mà truyền bảo cho nhà con nghe ra.

Quan Hoàng giáp ngồi trầm ngâm một lúc rồi lại nói.

– Thế bây giờ chị không dám về? Chị chờ tôi bảo anh ấy nghe ra rồi mới dám về à?

– Dạ!

– Ngộ tôi bảo nó cũng không nghe thì sao?

– Dạ! Bấm lạy cụ lớn, con trông mong ở lượng cụ lớn thương thì con được nhờ. Cụ lớn chẳng thương thì con cũng đành chịu ngậm oan!

Ngài lại im lặng lâu lâu mới nói:

– Thôi được! Để mai tôi thân đưa chị về. Bây giờ chị xuống nhà chơi với hai bà. Có cả mợ hai ở đấy. Xuống mà nói chuyện cho khuây. Đợi mai, mai tôi sang sửa cho anh ấy một trận cho anh ấy tỉnh thân ra!

Quay lại ngài nói với Cử Tốn:

– Anh Cử đưa chị Nghè này xuống trình bà và bảo thổi cơm cho chị ấy ăn nhé. Rồi mai, anh cũng phải đi đấy. Sáng ra, cơm nước rồi lại đây.

Cử Tốn vâng dạ, đứng lên đưa chị Nghè xuống nhà dưới. Đi tắt ngang hết sân, bước lên đầu nhà dưới, Cử Tốn tỏ vẻ khó chịu lắm bầm bảo vợ bạn:

– Chị chỉ lôi thôi làm khổ chúng tôi, mà rồi anh ấy lại trách. Mà sao chị không bảo tôi trước?

– Thưa bác, em sợ nói rõ ra bác lại gạt đi thì hỏng việc.

– Hông mới lại chả hông, chị làm tôi hốp tốp nói ngay, thành ra lại mang tiếng là nói dối. May hôm nay thầy hiền đấy. Chớ hôm khác đã phải một mẻ mắng vuốt mặt không kịp! Chị tưởng thương lắm đấy.

– Thôi, em xin bác bỏ quá đi cho. Em ruột đang như diên như đại, không kịp suy nghĩ... bác tha...

Gặp bà lớn ở trong nhà ra, Cử Tốn lạy chào và dẫn trình chị Nghè giới thiệu với bà. Bà lớn liền mời chị Nghè vào nhà và gọi mợ Nghè Hai ra tiếp chuyện. Còn Cử Tốn vội vã cáo từ ra về.

Sáng hôm sau, cơm nước xong, quan Hoàng giáp giục người nhà sắp võng che màn kín và sai gọi Cử Tốn, cả Tuấn cùng đi theo cụ đưa chị Nghè Tiến về nhà. Đi qua làng An Bài, ngài dừng lại, cho Tuấn vào gọi Bằng Tuấn và Kép Nghĩa. Tuấn đã chạy đi ngài còn gọi lại dặn:

– Cứ bảo họ ra ngay thầy bảo thôi nhé! Đừng nói gì cả.

Ngài cười bảo Cử Tốn:

– Để bắt họ cùng đi cho vui!

Đợi một lúc, hai anh học trò đã khấn áo chỉnh tề theo Tuấn ra đến nơi, trông thấy thầy học đều cúi rạp đầu xuống đất vái dài và thưa:

– Bẩm thầy ạ! Thầy đi chơi đâu? xin rước thầy quá bộ ghé vào chơi tẻ xá cho chúng con được hầu tiếp.

– Không, tôi muốn nhờ các anh một việc.

– Dạ, Thưa thầy dạy gì?

– Các anh đi đằng này với tôi.

– Thưa thầy đi đâu ạ?

– Đi với thầy sang chơi bên Nghè Tiến!

Thấy thầy đi đột ngột như vậy, giữa khi cư tang, lại thấy cả vợ Nghè Tiến theo sau, hai người học trò rất thông minh kia đã thừa đoán được mọi việc xảy ra, và họ thấy ngay bốn phận phải theo thầy đi duy trì chính đạo, liền lễ phép đáp ngay:

– Bẩm thầy vâng ạ!

Quan Hoàng giáp lại hỏi:

– Đi ngay lại cùng đáp:

Hai người lại cùng đáp:

– Bẩm thầy vâng!

Ngài liền truyền:

– Vậy ta đi!

Ngài cho bốn anh học trò đi trước, còn chị Nghè đi theo vồng ngài. Cả bọn đi đều đều và nói chuyện nho nhỏ. Thỉnh thoảng có anh nào được ngài truyền hỏi câu gì, lại đứng lùi lại và đáp to. Ngoài ra những giọng nói thì thầm như hơi thở. Đi được một thôi đường dài rồi, Tuấn thấy vui vui liền buột mồm nói to:

– Đám cưới, đưa dâu chị Nghè về nhà chồng đây!

Quan Hoàng giáp gắt mắng:

– Cái thằng Tuấn! Be bé cái mồm!

Cả bọn đều sợ hãi im thin thít, lặng lẽ đi mãi miết, không ai dám nói một câu gì nữa. Đến nơi, vào nhà, không thấy Nghè Tiến

dâu. Nhưng các ông cụ trong họ và anh em thân thuộc, thấy ngài đến đều chạy sang vái chào, đứng hầu và mời mấy ông tùy tùng ngồi chơi. Quan Hoàng giáp đương tức vì Nghè Tiến lẩn mặt, liền hỏi ngay:

– Các ông có biết Nghè Tiến đi đâu?

Một ông bác già đầu đã trắng như bông co tay lên gãi tai, thưa giọng cũng run run:

– Bẩm lạy cụ lớn chúng con cũng không biết anh ấy đâu. Lúc buổi, con hãy còn thấy anh ấy ở nhà.

– Có phải nó tình phụ cái con vợ nó. Nó đánh đập chực đuổi đi?

– Bẩm cụ lớn vâng. Anh ấy mê mẩn thế nào ấy. Chúng con có bảo, nhưng anh ấy cũng không nghe.

– Tại sao lại hành hạ vợ nó? Có tại vợ nó không?

– Bẩm cụ lớn không ạ, chị ấy vẫn đảm đang tử tế. Đâu chỉ tại chị ấy xấu mà dần, nên anh ấy muốn lấy con gái quan Thượng nào ấy...

Quan Hoàng tức lắm, không để cho người kia nói dứt, đồng dục truyền, với một vẻ bực tức:

– Ông nào đi tìm ngay nó về đây hộ tôi, chắc nó trốn đâu đấy. Chứ chẳng đi đâu đâu!

Mấy người vâng dạ, đứng lên đi, ngài lại gọi giật bảo:

– Này! các ông bảo nó hễ không về mai tôi gọi tất cả học trò bắt lôi đem ra Văn miếu đánh cho một trận, rồi thu lấy áo mũ cờ biển tiến sĩ dâng trả nhà vua. Đánh cho chết đi chứ để làm gì cái hạng người bất hiếu, bất mục, bất nghĩa ấy!

Những người ấy đi khỏi rồi, ngài ngồi chờ, càng tức, càng giận, mặt hầm hầm, đôi mày nhíu lại, đôi mắt sắc lên, hai chòm râu mép bạc phơ cứ luôn luôn mấp máy... ai nấy đều sợ hãi, im thít không nói năng gì cả. Đợi một lúc không thấy tin gì, ngài sốt ruột quát:

– Thằng này phải cho nó một trận nó mới biết thân! Anh Tuấn, anh Tồn hai anh đi chặt cho thầy hai cái roi! Anh Bảng Tuân chạy ra xem có gặp nó bảo nó về!

Lệnh ấy truyền ra, chưa kịp thi hành, thì Nghè Tiến đã cùng mấy người đi tìm tất tả chạy về. Trông thấy quan Hoàng giáp, anh vội bước đến trước mặt ngài phủ phục lạy. Ngài hỏi ngay:

– Anh đã biết tội anh chưa?

– Dạ! Bẩm lạy thầy, con vừa chạy vào xóm trong, không biết thầy đến...

Ngài quát:

– Anh còn nói lảng à! Anh có biết tội anh không hay để thầy phải bảo?

Anh Nghè run bần bật vẫn nằm phủ phục ở dưới đất thưa:

– Bẩm lạy thầy có ạ, con trót dại có hành hạ vợ con.

Ngài càng quát dữ:

– Anh có biết anh nên danh phận ngày nay là nhờ ai không?

– Bẩm lạy thầy có ạ! Nhờ công thầy dạy bảo tác thành cho, con mới...

– Không có vợ con nó nuôi cho anh ăn học, thì công thầy cũng vất đi! Vợ chịu khó đầu tắt mặt tối, hai sương một nắng, nhịn đói nhịn khát, để nuôi chồng đi học, ngày nay mở ngày mở mặt lại chực phụ nó... Con ông trời mà bây giờ người ta mới gán cho anh thì cũng là đồ bỏ đi. Anh có biết chuyện Tống Hoằng không?

– Dạ! Bẩm thầy có ạ!

– Ông Tống Hoằng¹ làm đến Tể tướng, vua định gả em gái cho, mà còn biết nói: “*Tào khang chi thê bất khả hạ đường*”². Những người hiếu nghĩa như thế mới mong làm nên sự nghiệp, lưu danh về sau. Đằng này mới mát mặt được một tí đã chực giở trò bất nghĩa, trái lời ông chú bà bác, bỏ cả chữ thánh hiền. Cái ngữ này anh cũng chỉ ăn hại cơm trời uống hại nước sông, làm bần lây đến cả chữ nghĩa, chứ cũng chẳng ra trò trống gì đâu!

Nghè Tiến sợ mướt mồ hôi, vẫn nằm phục ở đất, không dám kêu một nửa lời. Ngừng một lúc, ngài dịu giọng lại nói:

– Anh đã biết tội, thì phải xin lỗi vợ anh đi và cam đoan ăn ở với nhau hòa thuận, thầy sẽ tha cho.

– Dạ!

Ngài ngẩng lên trông ra phía ngoài bảo Cử Tốn:

– Anh chạy xuống gọi chị Nghè lên đây!

1. Tống Hoằng làm quan đời Quan Vũ nhà Hán. Bà công chúa em vua thấy ông đẹp muốn lấy, nhờ vua nói hộ. Vua hỏi ướm ý thì thấy ông trả lời trung thành với vợ cả, liền không bàn đến việc gả công chúa nữa.

2. Vợ tấm cám (khó nhọc) không thể bỏ dưới thềm.

Tổn vâng lời chạy xuống, chị Nghè thấy nói vội tắt tả lên. Ngài liền chỉ tay vào cái ghế đầu bảo.

– Chị ngồi đây, để anh ấy phải xin lỗi chị.

Chị Nghè còn rụt rè, ngài quắc mắt giục:

– Tôi đã bảo chị ngồi xuống!

Chị Nghè run sợ phải ngồi. Quan Hoàng giáp đã bớt giận, dịu lời nói:

– Anh Tiến...

– Dạ!

– Đạo vợ chồng tình nặng nghĩa dày, nhứt là chị ấy đây lại là con người hiền đức, thế mà anh thân danh đồ tể sĩ, chỉ còn phạm tội bất nghĩa với vợ không trị anh thì còn mong dạy ai nữa.

Nay đã biết lỗi thì trước mặt tôi đây, anh phải đứng lên lễ tạ chị ấy hai lạy và xin cam đoan từ rày phải ăn ở với nhau hòa thuận.

– Bẩm thầy vâng ạ!

Bị dẫn vào bước đường cùng, và hối lỗi, Nghè Tiến đứng lại trước mặt vợ lảm bảm nói, toan lễ, thì chị Nghè đã vội đứng dậy tránh ra, tựa vào bức vách. Quan Hoàng giáp tức mình liền đứng lên chạy ra cầm tay lôi vào bất ngồi xuống ghế và nói:

– Chị cứ ngồi xuống đây! Hay chị không ngồi thì bận sau đừng đến kêu tôi nữa nhé!

Vừa sợ chồng, vừa sợ quan Hoàng, chị Nghè cuống cuống ngồi xuống, run lấy bầy, mắt nàng hoa lên, tai nàng ù lên, không trông, không nghe không thấy chồng lễ và nói gì cả. Nghè Tiến lễ vợ xong, quan Hoàng lại bảo:

– Anh trái lời hỗn láo với các ông các bà trong họ, nhân đông các ông và mời thêm đủ các bà nữa, anh phải lạy tạ xin lỗi mới được.

Một ông cụ đứng xin hộ.

– Bẩm lạy cụ lớn, anh ấy đã biết lỗi thế là chúng con mừng, xin cụ lớn tha cho...

– Không, các ông cứ rộng rãi thế, chẳng trách nó lờn được. Bắt nó thế nó mới biết thân!

Quay lại ngài giục anh Nghè:

– Anh Tiến, anh còn đợi tôi mời nữa à?

Tiến sợ hãi vội chạy ra quỳ lạy mấy ông chú bác. Ai nấy đều đứng cả dậy, trông anh ta lạy và an ủi khuyên mấy câu và bảo, anh Nghè lạy tạ thầy nhưng ngài đã nghiêm nghị bảo:

– Tôi không lấy lạy của anh đâu. Tôi chỉ bảo cho anh biết mà chưa cái thần xác anh đấy, mà còn lồi thối làm hại đến phong thể nhà nho nữa, thì đừng trách. Cả sĩ lâm Bắc Hà này sẽ sửa tội cho anh không muộn. Bây giờ...

Ngài quay gọi Bảng Tuân, nói tiếp:

– Anh Bảng Tuân đâu, anh lấy danh nghĩa nhà nho nọc anh Tiến ra tạm đánh cho tôi ba roi: Roi thứ nhất bảo anh ấy nhớ đạo Thánh hiền, roi thứ nhì gỡ lại thanh danh cho trường ta. Roi thứ ba: rửa nhục cho khoa giáp. Xong việc ta về!

Đúng như lời ngài nói, Bảng Tuân thi hành mạng lệnh xong rồi, ngài liền đứng dậy cùng học trò ra về, cả họ nhà Nghè Tiến, lạy lục khẩn khoản cố lưu ngài lại mà không được. Ra đến giữa đồng ngài vui vẻ nói:

– Chúng ta dặt nhau cả vào chơi anh Bảng An Bài đi.

Bảng Tuân nghe thấy mừng hơn hở như được hưởng một ơn huệ đặc biệt, liền rới rít thưa:

– Vâng, bẩm lạy thầy vâng, hân hạnh quá, xin rước thầy và mời các anh quá bộ tạt vào nhà con nghỉ chân... chơi.

PHẦN THỨ BA

CHƯƠNG I

Xong ba năm, hai mươi bảy tháng tang cụ cố bà, xong cả ba tháng *Đờm* rồi. Theo đúng như trong sách *Thọ Mai gia lễ*, quan Hoàng giáp Thịnh Hậu, đã được uống rượu, ăn thịt và nằm giường cao chiếu sạch mà không còn sợ ai chê cười là trái đạo hiếu nữa. Ngài thương nhớ mẹ già lắm, nỗi buồn còn thấm thía mãi trong lòng, biết thừa nào khuây, chớ nên những nghi thức bề ngoài để đánh dấu lấy lòng hiếu ở kẻ làm con mà cổ nhân đã định lệ ra, ngài đều theo giữ được cả và có khi vượt cả mọi lễ thói ấy về sự kham khổ, bó buộc, về sự cẩn thận chặt chẽ với mình. Cái lòng hiếu nén nín ở thâm tâm hòa với cái vẻ hiếu buồn nản bộc lộ ở ngoài để làm cho thế nhân thành thật cảm phục, đã mến ngài lại càng mến thêm, đã sợ ngài rồi còn phải sợ nữa. Họ sợ ở lòng trung trực hiếu nghĩa của ngài, càng rực rỡ sáng tỏ như muôn đạo hào quang. Thật là bất cứ lúc nào, ở vào địa vị nào, tình thế nào, hoàn cảnh nào, ngài cũng vẫn là cái nêu thẳng tắp, cái gương chói lợi cho mọi người. Thật là chí hiếu động đến trời, như người ta thường nói, và hơn nữa, cảm sâu xa được lòng người. Người phục, trời yêu...

Và có lẽ, cũng bởi trời yêu, hay vì tuổi già ở tang, lo toan việc lớn và giữ gìn đạo hiếu quá hay sao, nên vừa xong tang được mấy ngày, thì đến lượt ngài lâm bệnh! Ngài đau! trước còn nhẹ, mấy hôm sau nặng nặng, và mấy hôm sau nữa, thêm kịch liệt, đau li bì, nằm mê man! Nhưng chỉ những lúc cơn kịch bệnh đến hành hạ thôi. Ngoài ra, ngài lại dần dần tỉnh táo, hỏi han mọi người đứng chực quanh đấy. Có lúc ngài vui cười bảo:

– Ta qua khỏi thì chớ, bằng có bề nào thì ta còn có phúc hơn lão đồ Đại năm nọ, mẹ chết mới được một tháng đã chết theo. Đàng này, ta xong tang mẹ rồi kia!

Bà lớn Cả ngồi cuối giường đang đắp lại cái chăn cho kín chơn ngài, liền nói:

– Ông nói mới khôn nhỉ? Ông định bỏ chị em chúng tôi với các con à?

Ngài nhắm mắt cười khanh khách và nói:

– Ấy hẳn nói phòng xa vậy!

Nhưng, dù sao, thấy quan Hoàng đã nói gở như vậy, bà lớn cũng lo lắng lắm, liền đi tìm bà lớn Hai để cùng chia sẻ nỗi áy náy trong lòng. Hai bà thì thâm với nhau hồi lâu, rồi bà Cả lại tất tả chạy lên, sau khi nói to ra như tiếng thở dài:

– Để tôi lên tôi thử hỏi xem sao!

Bà lớn Hai cũng buồn rầu nói theo:

– Vâng, chị lên xem thế nào, rồi bảo em!

Bà Cả âm thầm nghĩ ngợi đi vào đến giường ngập ngừng mới dám hỏi:

– Ông ạ?

Quan Hoàng đang mơ màng chợt tỉnh hỏi:

– Cái gì? Hả bà?

– ...Ông đã nói gở ra thế, ngộ ông có mạng hệ nào, thì ông cũng phải định liệu cho con Tuyết ra sao đã chứ? Con gái lớn rồi, xong tang bà rồi...

Bà chưa nói hết, ngài đã ngắt phũ phàng:

– Bà mong cho tôi chết phải? Tôi có chết ngay ra đấy, thì cũng phải đợi đông đủ chúng nó về đã nào? Tôi có chết nữa, thì bà gả chồng cho nó không được hay sao? Chỉ khéo lôi thôi!

Bà Cả sợ, nói chữa:

– Thì tôi cũng nhắc ông thế, ông không bằng lòng thì thôi chứ việc gì ông phải gắt!

– Gắt với chả gắt! Nhắc với chả nhắc! Con tôi có ế nữa, thì bà gả nó cho thằng cu bố đi nào đấy cũng được. Bà tổng nó đi lúc nào chả được mà bà lại phải mong cho tôi chết!...

Bà lớn càng luống cuống sợ hãi, vừa buồn rầu lo thấy quan ông đã biến tính, gắt gỏng khác thường, và vừa tức ngài nói sỗ sàng vô lý thế trước mặt mấy tên gia nhân hầu hạ, bà liền cố giữ nét mặt và dịu dàng nói:

- Ông nói thế còn trời đất nào nữa! Nói không sợ tội với mồm!

Rồi bà lẳng lặng đi ra, thâm gạt nước mắt đang ràn rụa. Bà khóc, vì bà cảm thấy cái gia đình êm ấm này tất có ngày gần đây sẽ gặp phải một cơn đại biến: quan ông đã đốc chúng ra như thế, đã nói gở lại gắt gỏng như vậy, tất cái cơn bệnh này khó lòng qua khỏi. Suốt đời ngài từ khi lớn lên đến giờ, không lần nào ngài ốm đau phải uống thuốc mà đến ngày nay ngài đã đau nằm liệt vị, ngài đã uống thuốc nhiều mà bệnh vẫn chưa giảm, ngài lại nói gở, ngài lại đốc chết ra như thế, người thân thuộc chung quanh ai mà chả lo, ai mà chả tin đây là cơn bệnh cuối cùng đến rước linh hồn một vị văn tinh chói lọi, huống nữa là bà! Bà khóc vì bà lo đến gia đình này mất mất người chủ trương, mất mất cái cột trụ, mất mất nơi nương tựa. Bà khóc, bà nhớ đến câu người đời thường mỉa mai nhau:

Còn cha gót đỏ như son!

Chết cha gót mẹ gót con thâm sì

Bà càng nghĩ bà càng thấy thương con Tuyết, con bé út ít, lại giỏi giang ngoan ngoãn lanh lẹ, lém lỉnh, được đủ mọi vẻ nét na! Bà nghĩ bụng:

“Con bé nhẹ nhõm thế, bố vẫn bảo số nó ngày sau khá, chả cần gả chồng vội, thành thử khó nhọc mãi ở nhà với bố với mẹ. Nay dùng một cái mà bố chết, con không kịp lấy chồng, thì thật dở dang quá số. Con bé thế mà vất vả...!”

Bà thơ thẩn xuống nhà dưới truyền nỗi lo lắng của mình sang với bà Hai. Hai bà cùng ngồi ngẩn ra ngậm ngùi... Thì ở ngoài cô Tuyết đi chợ đã quảy một gánh nặng về, đặt gánh xuống hè, và đon đả chạy vào trước hai bà hỏi vội:

- Thưa mẹ, thầy con hôm nay có đỡ nhiều à?

Tiếng bà Cả cố êm dịu nhỏ:

- Thầy tỉnh, nhưng mới đỡ ít thôi.

Nàng liến thoáng tiếp:

- Để con vào thăm thầy con, con mang cam vào xem thầy có ăn được.

Bà Cả gắt:

- Không, thầy không ăn được cam đâu kiêng!

- Thế con vào thăm không vậy!

Tuyết đi rồi, bà Cả thở dài bảo bà Hai:

- Khốn nạn, con bé nó chưa biết gì cả, lúc nào nó cũng lem lém như thực ăn trắng vậy!

Bà Hai cũng thở dài:

- Nó còn dai lắm, chị ạ! Chẳng biết lo lắng gì cả.

Tuy các bà nói vậy, nhưng các bà cũng thừa biết Tuyết bản khoản về bệnh tình cha lắm, Tuyết ngóng từ ngày này qua ngày khác. Đi đâu về là nàng vội hỏi thăm ngay đến thầy. Và mỗi lần ở phòng bệnh ra, thấy mẹ già hay mẹ đẻ, nàng cũng nói ngay:

- Thầy làm sao ấy, mà mãi các anh con chưa thấy về. Anh Phủ con ở xa về chậm đã đành, anh Nghè gần mà mãi cũng chưa về là sao?

Bà Hai dịu dàng nói:

- Nay mai là cùng cả các anh các chị con về cả đấy. Mẹ đã cho đi tìm cả rồi.

- Cái chú nhiều Sáu chậm chậm chết đi ấy. Đi từ hôm kia mà chưa thấy về. Giá có anh Tuấn ở nhà thì đã đi được mấy nơi rồi đấy!

Bà Hai thông thả nói vẻ buồn buồn:

- Mẹ cũng bảo nhắc cả anh Tuấn về rồi. Có anh ấy ở đây cũng được nhiều việc.

- Sao hôm nay thầy hay gắt gỏng quá làm con sợ. Nhà lại vắng vẻ, con sốt cả ruột.

- Việc gì mà sốt ruột. Thầy đau rồi thầy khỏi chớ sao! Chỉ nay mai là các anh, các chị về tất, và học trò các nơi biết tin thầy đau, tấp nập kéo nhau đến thăm, thì nhà đông chán. Chỉ còn lo cầu Trời khấn Phật cho thầy chóng khỏi.

Quả vậy, buổi chiều hôm ấy, vợ chồng con cái ông Phủ Tư, con trai cả quan Hoàng giáp, đã dắt díu nhau về; hôm sau, ông Nghè Hai, hiện quyền chức Đốc học tỉnh Thanh Hóa, cũng lật đật đem cả gia quyến về thăm.

Các con rể con gái cũng lần lượt biết tin đều vội vàng về.

Các con cháu nội ngoại đều đủ mặt.

Những học trò các nơi cũng lục tục đến, kế tiếp nhau vào quỳ bên giường bệnh, dâng lời vấn an và nghe ngóng bệnh tình. Vì trường nào cũng đã nhận được tờ đạt của anh Phó Trưởng tràng tức là Phó Bảng Tuấn, thấy anh Trưởng tràng là Đình nguyên Nguyễn Tiến Hải

đang lãnh chức Hàn lâm viện thi giảng học sĩ ở trong kinh. Tô dát
bất anh Trường tràng từng trường riêng phải vội vàng hấp tấp đi tìm
kháp anh em đồng học trong trường, hoặc đưa cho từng người hoặc
hội họp lại, để mà xem chung mà đọc cùng nghe. Rồi mới người lại
bản khoản đọc lại.

*Đề nhị giáp Tân sĩ quan Nguyễn-môn Trường-môn, Phó bảng
Trần Cảnh Tuân vì dát từ sú, duyên Tiên sinh hốt nhiên làm bênh.
Su đề chi tình, khởi nghi khiết nhúc, vị thủ từ dát cấp môn nội
ngoại trường chu tri, cung hành văn an, di tròng su đạo Tu dát từ.*

(Gia từ dát... trường Trường tràng... chuyên bảo trường nội tri chiếu).

Trường môn trường Nhị giáp Tân sĩ Nguyễn. Tiên sinh là Phó
bảng Trần Cảnh Tuân, vì dát lời duyên vì Tiên sinh hốt nhiên mắc
bênh, cái tình thấy tro, há không lo sao, vì vậy dát lời này đến cả
nội ngoài trường đều biết, để cùng đến văn an, lấy tròng dào thấy.
Nên dát lời.

(Tô này dát đến Trường tràng... trường... chuyên bảo cả trong
trường biết).

Đọc tờ rồi, hôm sau, học trò đều bỏ hết công việc, dầu tròng dài
thê nào mặc, để cùng nhau làng lê kinh cần đem mọi thứ thuốc bỏ
đến dâng thấy và hỏi rõ bênh tràng thấy.

Vì vậy ngày nào nhà quan Hoàng giáp cũng tập họp những người
là người, nhưng mà lúc nào cũng làng lê, phảng phất một lan không
khi kinh cần thiêng liêng.

Vì vậy, tiếng quan Hoàng giáp dau nằng hàng tuần rồi đã lan
truyền khắp cả vùng. Đó đây, người ta đều thì thăm ban tán đến
ngài, người ta cũng lo làng sợ ngài vì con bênh này mà từ trần thì
thật mất danh giá tiếng tăm cho cả vùng. Ai ai cũng một lo tiếc
như nhau, nên hề thấy ai ở trong nhà củ lớn ra, hay cùng ra nũa, ở
làng Thinh Hậu về làng người ta đến hỏi thăm tin tức về ngài, rồi
người ta lại đi truyền tin cho nhau và cùng mong mỏi, cùng ai ngài
nhân đây người ta lại nghi lan rộng đến cả các con ngài. Ông Phú
thê này, ông Nghê thê nò, bà Đốc thê kia, bà Cử thê vậy. Người ta
không quen cả con dau ngài, các cháu ngài... Nhưng người ta nói
chuyên nhiều nhất về cô Tuyết, con gái út của ngài. Nào:

- Quan còn ken...

- Quan chịu cô lắm, quan để tự ý cô kén chọn lấy người hay chứ...
- Nói lạ? đời nào quan lại để cho cô tự kén, chẳng qua thiếu niên bây giờ tầm thường chưa có ai xứng làm khách giường đông, nên quan còn đợi...
- Sao bảo ngài định gả cho cậu nào nghèo thôi!
- Ấy thế mới khó chứ. Nghèo nhưng mà giỏi, tài trí tâm địa đều phải hơn người, thì quanh đây nào có được ai?
- Thế có phải là già kén kẹn hom không? Bây giờ ngộ quan lớn chết, cô vẫn chưa chồng đến lúc xong tang thì tuổi đã luống, lại giảm bớt giá trị, chả hoài à?
- Cần gì! Ngọc lành để lâu vẫn còn giá, có như con cái nhà mình mới sợ.
- Nghe đâu như quan bà cũng sợ vậy, nên muốn gả chồng chạy cho cô trước đi.
- Đời nào cô ấy nghe!
- Cùng ra mà lớn rồi thì tất ấy!

Những câu bàn tán ở ngoài nhón nhàng lên về cô Tuyết đều như thế cả nhưng ở trong gia đình nhà quan vẫn im như không, không ai dám hé môi bàn bạc hay ướm hỏi vào lấy nửa lời, vì từ này quan ông gắt với quan bà, thì ai có nghĩ đến cô Tuyết hay vì cô Tuyết ra nữa, cũng đều im lặng xếp ở trong lòng thôi.

Cũng vì sự ồn ào ở ngoài và sự im lặng ở trong như vậy, nên ông chánh tổng Bá hộ Trần Kim Cúc, tổng Phú lão cai tổng của làng Thịnh Hậu, thấy dễ dàng và tự xét, nhà mình giàu có mình lại quyền thế, con mình cũng không đến nỗi dốt nát, có thể là môn đăng hộ đối với nhà quan lớn, liền nhờ mối manh ướm hỏi bà lớn. Bà lớn đương bối rối trong lòng, thấy có người hỏi con gái, không dám chối từ và cũng không dám ưng thuận, chỉ trả lời gọn lỏn:

- Việc trăm năm con trẻ là việc quan hệ, tôi không dám quyết, cái ấy tùy ở ông cháu.

Bà mỗi cố viện lý lẽ là quan ông đương mệt, thì con cái lớn tất thuộc quyền quan bà gây dựng, nhưng bà lớn vẫn một mực như vậy, bà mỗi cũng hí hửng vui mừng được một nửa phần trở về thưa chuyện lại với ông Bá. Ông này ngẫm nghĩ kỹ càng lắm rồi tự bảo:

- Có lẽ họ muốn gả, nên họ mới nói lưỡng lự như vậy, bà để

quyền cho ông, rồi tất ông lại để quyền cho bà. Để mai ta biện cái lễ lên hỏi thăm, rồi nhân thể hỏi thẳng quan ông xem sao!

Ngày hôm sau, ông Bá Cúc nhứt định cho một tên người nhà đội một quả lễ vật cùng đi với mụ mối lên chơi nhà quan Hoàng giáp. Ông lấy danh nghĩa là kẻ làm việc quan trong tổng, được tin ngài quý thể vi hòa, liền vội vàng có ít quả lành lễ mọn đến hỏi thăm cho phải đạo và để giải lòng bái phục. Nhưng kỳ thực ông đến là cốt ý để cầu thân. Ông tới nơi giữa lúc quan lớn đang thiêm thiếp, nên người nhà không dám cho vào thăm, mời ông lên ngay phòng khách. Ông Phủ và ông Nghè tiếp đãi ông rất là chu đáo và hợp lễ. Nhân lúc bà lớn lên chào, có đông đủ cả nhà, ông Bá liền gợi đến câu chuyện mà mụ mối đã nói hôm qua, bà lớn đưa đẩy để cho các con trả lời, Bà nói:

– Ông Bá đã có lòng yêu muốn xin em con, đấy các anh nghĩ thế nào?

Hai cậu con đều đáp:

– Bẩm trên có ông Bá tha lỗi, thừa mẹ việc hôn nhân hệ trọng cả một đời, chúng con còn ít tuổi, không dám lạm bàn, thấy mẹ bảo sao nên vậy!

Ông Bá chắc có vẻ bất mãn về câu ấy, nên vội nói:

– Bẩm vâng, việc cưới gả vẫn là quyền ở cụ lớn ông, cụ lớn bà. Nhưng các quan cũng nên nói xem ý các quan có bằng lòng không, thì cụ lớn mới quyết chớ.

Ông Phủ vội đáp:

– Dạ, bẩm thưa ông, quyền trên cha mẹ bảo thế nào mà chúng tôi chả vâng ạ! Nhất là đối với bên ông, chỗ quen thuộc trong hàng tổng, chúng tôi bằng lòng lắm.

Ông Bá vui cười quay lại bà lớn hỏi:

– Thế bẩm thưa cụ bà, cụ lớn dạy thế nào ạ?

Tiếng bà lớn đáp êm mà nhỏ:

– Dạ thưa ông, tôi thì tôi nghĩ cháu nó được về hầu hạ bên ông bà dưới ấy thì thật là tốt số, ông bà hiền lành phúc hậu, các cô các cậu lại tử tế. Nhưng để còn xem ý ông cháu thế nào. Ông cháu mà bằng lòng ra, chúng tôi xin để ông bà lo ngay, vì nói gần nói xa, chẳng qua nói thật, cháu đã lớn tuổi mà ông cháu lại đau nặng...

Bà lớn ngừng lại vì cảm động quá cũng có, hay vì đã nói lỡ lời cũng có, ông Bá liền đỡ lời ngay:

- Trên các cụ lớn và các quan đã rộng lượng thương đoái đến nhà hạ dân ti tiện, như thế thật là đại phúc...

Nhưng bà lớn đã không để cho ông Bá nói hết câu tâng bốc, bà nói:

- Dạ, thưa ông, mẹ con tôi nghĩ vậy, nhưng còn quyền ở ông cháu, ông cháu bảo sao nên vậy, chớ mẹ con chúng tôi cũng biết vâng theo thôi! Để tí nữa ông cháu tỉnh dậy, ông vào hỏi thẳng xem sao. Thôi ông ngồi chơi đây, tôi xin phép ông...

Ông Bá lễ phép thưa:

- Dạ không dám, xin lạy cụ lớn ạ!

Quay trông sang ông Phủ, bà lớn dặn:

- Anh Cả rồi xem đưa ông Bá vào thăm thầy nhé.

- Thưa mẹ vâng ạ!

Nhưng ông Phủ cũng để ông Bá uống rượu ăn cơm rồi mới đưa ông vào thăm cụ lớn. Thật là một phút long trọng! Các học trò cụ lớn, toàn những bậc khoa giáp danh vọng cả đều đứng nép tựa vào tường hay né ra bên cửa kính cẩn cúi đầu chấp tay chào vị dân quan¹. Ông Bá cảm động lắm, đầu lia lịa gật chào lại mọi người, và chân rón rén nhẹ nhàng cất bước theo ông Phủ. Ông rờn rợn như đi vào nơi chánh điện của một vị thần tối linh! Ông nín thở rụt rè. Vào đến giường bệnh, mấy người thân cận, trong số ấy có cả Tuấn đều đứng giã ra, để ông Phủ ghé vào cạnh giường khề trình với quan Hoàng giáp, ông Bá cũng rón rén đứng sát vào ông Phủ. Ông Phủ trình xong đứng lùi xuống phía cuối giường. Quan Hoàng trông ra thấy ông Bá đang vái liền mỉm cười lợt lạt và nói thông thả, cố gượng từng tiếng:

- Đa tạ ông đã có lòng đến chơi... Ông ngồi tạm...

Ông Phủ vội mời ông Bá ngồi xuống cái chông tre kê ngang đấy. Ông Bá nói:

- Dạ! Bẩm cụ lớn kệ hạ dân ạ!

Ông Bá ngồi xuống, thấy cụ lớn tươi cười tinh tảo như vậy, trong lòng khắp khởi mừng thầm liền dần dà lựa câu đưa đến câu chuyện chánh. Ông đang mong đợi ngài đáp lại một câu:

“Được ông cho cậu ấy sang đây tôi xem người thế nào”.

1. Chánh tổng.

Hay ngài lưỡng lự chưa quyết, thì ít ra cũng được câu:

“Tôi đau nằm đây thì thế nào cũng xong, cái đó tùy mẹ và các anh các chị nó”.

Cùng ra nữa, ngài từ chối thì ngài cũng nhã nhặn đáp:

“Vâng ông cứ về để tôi nghĩ xem”!

Nhưng không, đằng này, cụ lớn nằm im một giây rồi ùng ùng nổi giận gất lát gừng và vấp:

– Con tôi!... con tôi à?... Ông tưởng... Ế phải? Có ế gả cho thằng khố rách... áo ôm chớ không... phí con mà gả... cho nhà ông...

Nhọc quá, ngài ngừng lại, ông Bá tức tối toan nói dài:

– Bấm cụ lớn...

Thì ngài lại nói, nhanh hơn:

– ... Ông tưởng tôi gần chết, ông đến ông nói hót thế nào cũng được à? Con tôi, tôi gả chồng rồi, tôi không mượn hỏi thăm thế? Đồ chó!...

Ông Phủ thấy quan Hoàng nói quá, liền đứng lại mời ông Bá ra ngoài và ân cần xin lỗi:

– Xin rước ông ra chơi ngoài nhà, xin ông đại xá đi cho, thấy tôi bây giờ đâm mê và hay gất gổng...

Quan Hoàng nghe thấy gất theo:

– Đồ con bất hiếu! Con bảo bố mê! Tao có mê đâu!

Ông Bá đã đứng lên theo lời ông Phủ ra ngoài. Máy ông học trò cũng đi quây lấy ông mà nói chữa thẹn cho ông ta:

– ... Ông cũng bỏ qua đi cho, thầy chúng tôi mệt, sạ tỉnh sạ mê¹ luôn luôn nói cũng có nhiều câu lầm lẫn...

Chỉ có Tuấn là mừng riêng trong bụng, không thèm sun soe chạy theo ông Bá. Chàng lấy làm thích chí thấy ông Bá bị một mẻ xấu hổ, quá điều chàng ao ước. Lúc này đây, đi qua nhà khách, nghe lỏm được đầu đuôi câu chuyện của ông Bá, chàng hơi buồn, nhân lúc quan Hoàng tỉnh, hỏi đến khách nào, chàng liền cứ thực khai ra, lại thêm

1. Lúc tỉnh lúc mê.

vào mấy điều cho ngài nóng tiết. Bây giờ ông Bá bị chối ê chề, chàng càng mừng cô Tuyết vẫn còn y nguyên trinh trắng, bề trên chưa hề hện trao gởi vào ai. Chàng vẫn còn có quyền mơ ước. Chàng lại khinh hãn ông Bá kia, lên mặt là tay hào phú đem danh đem của mà chực cầu cạnh gần gũi với nhà Nho cao khiết sao được! Cho thế mới đáng kiếp chơi trò!

“Sao các anh kia phải vô vậ chạy theo lão phân trần làm gì không biết? Lão đại thì lão chết. Lão muốn khỏi thẹn lão phải nói lảng mà ra chớ mình sợ gì? Để yên lão lại chả nói bô bô ngay bây giờ đấy à?”

Giữa lúc ấy thì ông Bá đã ra đến nhà ngoài đang cố nói to cho mọi người nghe thấy:

– Vâng... Tôi không dám... tôi biết cụ lớn dễ nói mê lắm. Chân thận hư quá, hỏa bốc ra ngoài hết, nên ngài đương tỉnh đấy, ngài lại gất ngay được... Không, chúng tôi đâu dám giận. Ngài cao xa như là cha mẹ ấy, bảo ban thế nào mà chả được. Có điều ngu ý thiếu nghĩ, bệnh cụ lớn bây giờ giá có quế tốt dẫn hỏa quý nguyên cho uống thì công hiệu lắm. Các quan nghĩ có phải. Thôi tôi xin phép các quan cho lui gót, mai kia tôi lại xin phép sang kính thăm cụ lớn và hầu các quan...

Mọi người đều cúi đầu chào ông Bá, ông Phủ và ông Nghè thân đưa chân ông ta mãi ra đến đường cái để lấy lòng ông ta. Tuy vậy ông ta về, vẫn còn có vẻ căm tức!

Nhìn thấy cái vẻ mặt ấy và nghe rõ câu hãn nói trên, có người tinh đoán đã vội thì thầm với nhau:

– Cái mặt sạm lại là lão tức lắm đấy, và câu nói kia là nó dọa ý đấy. Quân tiểu nhân đặc chí nó làm thật đấy chả chơi đâu!

Tuấn nghe thấy mắng át đi:

– Cái hạng ấy tức mà làm gì được! Có tức dấm ngực mà chết!

Chàng lại mỉm cười nghĩ thầm:

– Anh tức thì tức, cô Tuyết còn ở nhà là được rồi!

Mà cô Tuyết vẫn còn ở nhà mãi. Ông Chánh tổng Bá hộ kia đã bị khinh miệt ra mặt, thì còn ai dám mon mon đả động đến chuyện ấy nữa. Cả từ bà lớn, cả từ ông Phủ, cả từ ông Nghè, cho đến các chị

gái, cho đến các học trò, nội trường, ngoại trường, cho đến cả Tuyết nữa, cũng không dám nghĩ, dám bàn đến nữa. Chỉ còn có Tuấn, có mỗi mình Tuấn là dám mơ màng và luôn luôn nghĩ đến việc Tuyết lấy chồng. Chàng vẫn lo lắng, nghe ngóng trông chờ, và mong mỗi nữa, hễ ít người nhắc đến Tuyết, ít người chực rắp danh hỏi Tuyết và không có ai dám hỏi Tuyết là chàng mừng, chàng mừng lắm.

Thì ra nỗi mong và nỗi mừng thành thực ở chàng đã thấu đến trời hay đã thấu đến quan Hoàng giáp hay sao ấy, cho nên một chiều kia lặng lẽ nghiêm trang, sau cái buổi gay gắt lộn xộn kia ba hôm, chàng được ngài gọi giật vào ngay hầu bên giường bệnh mà chàng mới rời ra một lúc để chạy về qua nhà. Thấy gọi, chàng hốt hoảng chạy lại, tưởng có việc gì nguy biến. Nhưng đến nơi, gặp một người vừa ở trên nhà bệnh ra, chàng không dám hỏi ra tiếng, chỉ hất hàm trưng mắt nhìn ra hiệu. Người kia thản nhiên đáp:

– Thầy gọi anh!

Sự vội vàng nóng ruột đã phát tiếng:

– Gọi có việc gì chớ?

Người kia vẫn thản nhiên:

– Không biết!

Chàng liền sấp ngửa ba chân bốn cẳng chạy lên nhà, tiến thẳng vào nơi phòng bệnh. Ở trong có người reo:

– A! Anh Tuấn đây rồi, thầy đang gọi. Mau lên!

Chàng vào mừng rỡ thấy quan Hoàng vẫn nằm ngay ngắn, nét mặt tươi tỉnh, đôi mắt mở to rất dịu dàng. Ngài thong thả bảo chàng:

– Anh đứng gần vào đây!

Chàng ngoan ngoãn theo lời:

Ngài đưa mắt nhìn ông Phủ và bảo:

– Con Tuyết ngồi sát lại đầu giường thầy bảo... Hai bà ngồi xuống giường này...

Ngài ho... Mọi người đều im lặng, cảm động thổn thức, như cùng cảm thấy ngài sắp sửa trời trắng lại ít lời trước khi từ già cõi trần, lia bỏ mọi người thân yêu! Ai nấy đều chú mục nhìn ngài, hết sức yên lặng, chỉ nghĩ đến ngài, không kịp tưởng đến mình nữa, kể cả Tuấn

cũng vậy. Một sự im lặng thiêng liêng tiếp sau cơn ho của ngài. Ngài nằm yên một lúc âu yếm nhìn mọi người, rồi mới lại thông thả nói:

– Xưa thầy Tăng Tử bảo: “*Điều chi tương tử, kỳ minh già ai, hơn chi tương tử, kỳ ngôn già thiện,*”¹ Thầy cũng sắp chết, lời thầy nói đây cũng lành... và thành thực. Thầy muốn bàn về chuyện con Tuyết... Tuyết, ngồi gấn lại đây con... Thầy bảo phải nghe... Thầy biết con thông minh tài trí hơn các chị con... Con có đởm lược, biết quyền biến, biết tháo vát... thầy mừng và thầy yêu lắm. Nên thầy muốn để cho con được thi thố hết tài năng... Thầy để con muợn chồng... Thầy định bụng sẽ gả con cho một anh hàn sĩ nhà nghèo mà có tư cách. Thầy còn muốn để lâu nữa... Nhưng nay, trời không để thầy sống nữa, thầy đã đến ngày tận số... nên thầy...

Ngài lại ho. Mọi người đều cảm động ứa nước mắt nhưng vẫn im lặng không ai dám khóc, không ai dám nói lên một tiếng, lòng thương xót nổi buồn rầu đã làm nghẹn thở ở họ. Rồi lại đến ngài cất tiếng phá bầu im lặng:

– ... Nên thầy... định cho con kết duyên với anh Tuấn gấn gũi đây... Con bằng lòng không?

Tuyết im thít phân vân chưa biết trả lời thế nào. Nàng không chê Tuấn, nhưng nàng chưa lúc nào nghĩ kỹ về chuyện chồng con và nàng còn đương mãi nghĩ đến thương cha già. Xưa nay nàng vẫn quên mình mà lo đến người khác như thế là thường. Trong khi ấy, thì ngồi ở đầu ngoài chông, Tuấn hồi hộp quá, run người, chàng ngồi ngay, quên tất cả, quên mọi người ngồi đấy, chàng chỉ hau háu đợi nghe tiếng ai kia đáp lại. Nhưng vẫn không. Quan Hoàng điềm tĩnh lại hỏi:

– Con bằng lòng hay chê?

Bỗng như tỉnh giấc mơ, Tuyết đáp:

– Bẩm con là phận gái thầy mẹ đặt đâu con ngồi đấy!

Không để cho Tuấn đủ thì giờ mà mừng rơn, Ngài nói tiếp ngay:

– Ủ! Tốt lắm. Thế mới đúng là con thầy!

Nhìn về phía hai bà vợ, ngài nói:

– Các bà cũng bằng lòng chứ?... Biết con gái không ai bằng mẹ,

1. Con chim gấn chết tiếng kêu thắm thiết, người ta gấn chết, lời nói lành.

các bà đã đẻ, đã nuôi con Tuyết, tất tính nết chí khí nó các bà đã biết rõ hơn cả tôi... Mà biết con trai không ai bằng thầy học... Tôi biết anh Tuấn là người khá, có chí lớn, nên tôi muốn cho hai trẻ nó hiệp nhau, cũng là xứng đôi vừa lứa... các bà nghĩ có nên?... hay là...

Ngài lại ngừng chực ho. Hai bà vội đỡ lời:

– Việc trăm năm của con trẻ ông dạy thế nào nên thế. Vả anh Tuấn cũng là người tốt, xưa nay chúng tôi vẫn quý trọng... Con Tuyết lấy anh ấy cũng nên lắm...

Hình như không để ý nghe lời hai bà, ngài nín khỏi cơn ho, lại nói ngay, bảo Tuấn:

– Thầy biết anh là người khá, có trí... bền gan... chịu nhẫn nhục đợi ngày thành công. Thầy đã thử anh nhiều... Việc người anh cũng không ngại khó nhọc, mà làm cho kỳ được... Anh lại thành thực nữa, vốn thầy yêu quý anh lắm... Thầy kỳ vọng ở anh, vậy thầy gả con Tuyết cho anh để nó về làm lưng lo đỡ anh... cho anh rảnh trí tu tập... anh ưng không? Hay là lại chê là thầy gọi gả...

Tuấn vui sướng mê man, nghe thấy thầy hỏi vội vàng thưa:

– Dạ! Bẩm thầy con là phận hèn mọn, không dám trông cao, trên thầy và các cô cùng các anh và chị Tuyết có lòng thương đến, con thiết nghĩ phúc nhà con tu mấy đời mới được vậy, chỉ sợ tài hèn không xứng đáng với diễm phúc ấy...

Ở trong phòng bệnh im lặng, bỗng vắng ở ngoài đưa vào tiếng khúc khích cười và một câu nói khê:

– Rõ cái anh lẩn thẩn! Đã được vợ rồi lại còn gọi là chị!

Thì ra ở ngoài có anh học trò nào đấy tò mò nghe trộm thích chí lắm, liền thốt ra câu giễu ấy lọt vào tai Tuấn. Chàng đang vui thích như mở cờ trong bụng, liền phải cúi mặt xuống để giấu một mím cười và nét mặt tươi hơn hớn!

Mọi người vẫn im. Quan Hoàng giáp với tay lấy bình tích nước, ngậm vôi, uống một tí nhấp giọng, rồi gọi cả Tuấn lẫn Tuyết ngồi sát lại giường và nói:

– Thế là thầy mẹ ưng thuận, các anh con cũng ưng thuận... Mà các con bằng lòng lấy nhau... Tuyết ạ. Thầy vẫn định ngày rộng tháng dài sẽ làm lễ cưới cho con linh đình... Nhưng nay, thầy chết đến nơi rồi, bịnh

thầy, hỏa kiếp khí thoát, mà Can khung, Phụ tử, uống vào không chịu, thế là chết, nội đêm nay không sang sáng ngày mai là cùng. Thầy biết lắm... Chết tỉnh thế là may, con đừng khóc!... Nên còn thầy đây, cho các con làm lễ thành thân... Tuấn, các con nghĩ thế nào?...

Tuấn đang mơ màng nghĩ đến hạnh phúc riêng, thầy hỏi, vội giật mình nói:

– Dạ!

Rồi chàng không dám nói sao, ngẩng mặt nhìn thẳng vào Tuyết như dò ý kiến. Nàng cũng dương cặp mắt đắm lệ nhìn lại và không nói năng gì. Im lặng lại hoàn im lặng! Ngài lại hỏi:

– Sao? Các con nghĩ sao?

Tuấn run run đáp:

– Dạ!

Rồi lại im lặng, chàng nhìn Tuyết, không biết để lo nghĩ về việc cưới, hay mãi say sưa ngắm vẻ đẹp mơn mớn đượm buồn của ai đang thổn thức bên mình. Bà lớn thấy Tuấn cứ ngập ngừng mãi liền nói:

– Thầy đã bảo thế, anh nghĩ thế nào thì cứ nói hay anh sợ lễ lạt, không lo được? Điều đó không ngại, anh ạ. Anh đã có bụng yêu thương đến em, thì chúng tôi cũng xin cố giúp cho tròn mọi sự.

Tuấn cảm động quá ấp úng thưa:

– Bẩm thầy và các cô thương con như thế là đủ trăm chiều. Nhưng con thiết nghĩ, lúc này thầy đương mệt nặng, chưa biết mạng hệ thế nào, trên cha mẹ, dưới các anh các chị đều đương buồn rầu lo ngại cả, mà chúng con lại nở lòng vui một mình thư thế thực là trái đạo hiếu. Vậy con xin để ngày rộng tháng dài, khi thầy lành mạnh, và bằng có thể nào chẳng nữa, thì đợi đến khi trên đầu sạch bụi, chúng con sẽ cùng nhau xum họp, cũng chẳng muộn. Đạo vợ chồng cần có tin nhau và thuận nhau là đủ. Ấy bẩm con ngập ngừng vì nghĩ như vậy, chớ không dám ngại về lễ lạt chi cả...

Quan Hoàng giáp cố nở một nụ cười trên cái môi nhạt thong thả nói:

– Thầy biết con tâm địa tốt lắm. Con biết đủ đường hiếu nghĩa... Nhưng lúc này... là lúc quyền... thầy muốn con nên cưới chạy...

– Bẩm thầy, như vậy xin thầy hỏi ý chị... à cô Tuyết.

Chàng Tuấn nói vậy với cả một ý suy nghĩ vững chắc. Ở gần Tuyết, chàng biết cô thẳng thắn cao thượng và vốn là con người hiếu nghĩa, nên chàng nhường cô Tuyết định trong việc quan trọng này. Bà lớn liền trông con gái hỏi đỡ chồng:

– Kìa Tuyết, anh Tuấn bảo hỏi ý mày thì mày nghĩ sao?

Tuyết vẫn đôi mắt mờ lệ đáp thốn thức:

– Thưa thầy mẹ, lượng trên thầy mẹ dạy thế nào, con cũng xin vâng, nhưng con cũng nghĩ như anh Tuấn, lúc này chúng con không thể nào vui lấy một mình được. Tuổi còn ít, chúng con nán đợi ngày quang quẻ hẳn về cùng nhau xum họp cũng chưa muộn. Vậy con xin thầy hãy cho con ở nhà hầu thầy mẹ hết đạo làm con. Và con xin phép thầy mẹ có lời trình với anh Tuấn đây...

Rồi nàng quay lại nói với anh Tuấn rằng:

– Một lời thầy mẹ em đã nói ra, tức là em đã được duyên ưa phận đẹp với anh rồi. Đương lúc bối rối này, em xin cảm phục anh cùng nghĩ như em, cùng gác nỗi vui riêng để lo sẻ nỗi buồn chung. Tuy còn ở nhà mà là vợ anh, em xin lúc nào cũng giữ tròn chữ *trinh* và chữ thuận cùng là chữ *tín*.

Quan Hoàng giáp mở to mắt nhìn Tuấn và Tuyết, rồi gọi hai người đứng lại sát giường, liền cạnh ngài, cố gượng cầm tay hai người để nắm vào nhau, rồi mỉm một nụ cười ra vẻ sung sướng nói:

– Hai con ạ, thầy mừng lắm... Hai con vừa biết theo lời thầy... lại vừa theo được đạo nghĩa. Tuyết ạ! Các anh chị con đã thành danh phận rồi, thầy có chết đi là thầy chỉ lo cho con, nên thầy bán khoán mãi. Nay các con đã bằng lòng lấy nhau... mà còn giữ được lễ như thế thì thầy... chết cũng yên tâm...

Ngài ngừng lại, tay bịt miệng cố nín cơn ho. Tuấn và Tuyết, hồi hộp cảm động cùng trông ngài cùng từ từ quỳ xuống bên giường. Ngài lại bỏ tay ra mỉm cười tiếp:

– Thầy sung sướng lắm... cầu cho chúng con... làm nên sự nghiệp, sáng đạo Thánh... giúp ích cho đời... thầy mừng... thầy...

Ngài bỗng nhắm mắt, líu lười lại không nói được nữa, chân tay rời ra... mọi người đều hốt hoảng xúm lại, bà Cả lay đầu gọi, bà Hai

sờ nắm chân tay xem nóng lạnh. Ông Phủ bắt mạch, sai ông Nghè đổ quế vào cho ngài. Tuấn vội chạy đi lấy gừng giã với rượu để xoa cho nóng lấy hỏa vào người. Những người ở gian ngoài thấy nguy cấp cũng tràn cả vào chực góp kinh nghiệm... Nhưng một lúc sau, ngài lại tỉnh ngay và nói:

– Chúng bây làm gì ồn lên... Ra ngay!... Hai bà đâu?... Tư, Ân đâu?... Tuấn đâu? Tuyết đâu con?...

Người ngoài đều lui ra hết. Sáu người thân ở lại nghe tiếng gọi đều thưa! Ngài mở to mắt nhìn cả mọi người rồi cười nói:

– Thầy chết cũng vui! Cả nhà đều biết nghĩa lý cả!... Hai bà phải yêu thương vợ chồng con Tuyết... Hai anh phải quý trọng vợ chồng con... Tuyết... Thầy mừng... Chết vui!..

Bà lớn Cả ôn tồn dịu dàng nói:

– Vâng! Nhưng ông hãy nằm im nghỉ uống thuốc? Cả nhà ai chả quý vợ chồng con Tuyết! Sao ông nói nhảm thế?

– Thầy mừng!... Chết vui!... vui... vui!...

Bà lớn vẫn nói theo. Ông Phủ, ông Nghè cuống lên soạn thuốc, mài quế, pha sâm để đưa ngài uống. Bà lớn Hai, bình tĩnh hơn, xoa gừng rượu vào khắp chân tay sống lưng và bả vai... Còn Tuyết và Tuấn không làm gì, cùng lặng lẽ quỳ xuống bên giường, cặp mắt đỏ hoe...

CHƯƠNG II

Giữa lúc ấy ở ngoài đã kéo đến đông đủ các môn sinh nội ngoại¹. Họ đứng chật cả nhà, Cử nhân, Tiến sĩ, Huấn đạo, Giáo thụ, Tri huyện, Tri phủ, Tú tài, Sĩ nhân, Hào mục, tất cả mọi kẻ tại gia cũng như tại chức, nhận được tờ đạt thứ hai của Bảng Tuân, đều vội vã bỏ công việc theo mạng về họp ở nhà ông Tú Chính trước khi đến đây, trừ ra những người đi làm quan xa không về kịp. Ông Tú Chính là một học trò nội trường cao tuổi và có danh vọng được toàn thể môn sinh kính trọng, vả nhà lại khá giả, rộng rãi, nên trưởng tràng hẹn họp các anh em ở đấy bàn về việc *đồng môn* rồi cùng vào thăm thầy một thể.

Hầu hết các môn sinh đã đến họp ở nhà ông Tú Chính, họ ngồi đặc cả nhà rất nghiêm trang lễ độ. Sau một tuần trầu nước, Bảng Tuân nhắc lại chủ định cuộc hội họp này đã nói rõ trong tờ đạt và yêu cầu anh em quyết định về món tiền đồng môn và mọi lễ nghi cần phải có đối với thầy trong khi tống táng. Kẻ nói thế này, người nói thế nọ nhao lên nhưng vẫn trong bầu không khí thân mật nghiêm chỉnh. Sau một ông nhìn cả mọi người nói rất dõng dạc:

– Các ông anh nói thế không được!

Rồi quay lại Bảng Tuân, ông ấy nói:

– Bác Bảng ạ, thầy đã cử ra Chánh Phó trưởng môn để liên lạc anh em và làm việc cho Bản môn². Nay bác Nghè Hải làm quan xa, công việc về tay bác, bác cứ ra lệnh là chúng tôi xin theo răm rắp, kim chỉ phải có đầu, chớ cứ để bá nhân bá khẩu không được. Và trong tờ đạt, bác có nói: “*Tiên sinh bệnh đốc, tương tâm thuộc khoáng chi ưu*”³ như thế lúc này bác lại càng nên tự quyết lẫm.

1. Nội trường, trường trong, tức là học trò làng và họ hàng nhà thầy học. Ngoại trường là các học trò ở ngoài.

2. Trưởng ta.

3. Thầy đau nặng lo sắp phải đặt bông. Thuộc khoáng là để bông vào lỗ mũi để

Bảng Tuân nói:

– Nhưng việc là việc chúng tôi muốn anh em cùng thỏa thuận....

Mấy người ùa tiếp theo:

– Phải quyền ở bác, bác cứ nói.

Ý thầy muốn giản dị, không thích lời thôi phiền phức. Nhưng theo thiên ý, chúng ta cũng phải đối xử với thầy hết mực chu đáo, để trọng sư đạo và giữ thể thống nhà nho. Nên tôi định thầy có mệnh hệ nào, chúng ta phải nhận lấy việc đưa thầy ra phần mộ và lập một cái nhà tạm đề chủ. Còn tiền đồng môn, tôi chia làm ba hạng:

Hạng nhất: Cử nhân trở lên: mỗi người mười quan.

Hạng nhì: Tú tài, Sĩ nhân, Sắc mục: sáu quan.

Hạng ba: Thường dân: ba quan.

Số tiền thu được, lấy một nửa để lo thuốc thang cho thầy. Từ trước đến giờ, những thứ thuốc quý và quà cáp chỉ là của riêng từng người. Nay mới là của chung cả môn sinh. Bằng chẳng may, thầy trăm tuổi, thì món tiền còn lại ta lấy ba phần dâng cô làm ma cho thầy, còn một phần, ta làm một bức trướng cho cả nội ngoại trường và một lễ tam sinh một bò, một dê, một heo, ta tế thầy một tuần...

Ông Bảng nói một mạch rồi ngừng lại, nhìn cả mọi người một lượt, như dò hỏi. Mọi người đứng lên nghiêm trang nói:

– Bác Bảng truyền thế là chí phải. Đàn em chỉ xin thưa góp một điều, nên thì trên bác Bảng với anh em để, không nên thì anh em bỏ!

Mọi người cười vui vẻ đỡ:

– Được bác Cử Mai động cứ nói:

– Về cái khoản tiền đồng môn ấy, những hạng trên được cả, chỉ hạng ba các người thường khi nặng, tôi muốn nói với anh em bớt xuống làm hai quan.

Những tiếng biểu đồng tình ùa nhau tiếp lên:

– Phải, bác Cử Mai bàn phải!

– Ta nên bớt xuống hai quan!

– Ủ, phần nhiều anh em nghèo cả!

Đợi cho họ im im, Bảng Tuân mới lại dõng dạc hỏi:

đợi hết hơi, nghĩa là sắp chết.

– Anh em còn bàn gì nữa không?... Thôi chớ, để tôi biên vào tờ đạt ngay cho mỗ trường¹ chạy đi luôn. Rồi chúng ta còn vào thăm thầy.

Mọi người đều đồng thanh nói:

– Vâng, bác cho viết đi rồi, chúng ta cùng vào thăm thầy.

Viết xong năm sáu tờ đạt, giao cho mỗ trường rồi cả bọn cùng vào nhà thầy, giữa lúc ngài đang nói mê lắm nhảm. Họ đứng đặc cả nhà, chen chúc nhau, người ta phải lách mình mới qua lại được. Nhưng rất im lặng, im lặng hoàn toàn, không một tiếng nói, không một tiếng ho! Ai nấy đều nghiêm kính lặng lẽ như đứng trong miếu đường hay trong nơi chính cung của một ngôi đền tối linh. Người đến sau chỉ dám hất hàm đưa mắt hỏi những người đến trước. Những người này lắc đầu đáp lại. Rồi cặp mắt đăm đăm, nét mặt buồn buồn kính cẩn ai nấy đều lặng lẽ chờ đợi, ai cũng trông ngóng phía cửa phòng bệnh, thỉnh thoảng nghe thấy tiếng quan Hoàng giáp nói nhỏ song vẫn rõ ràng. Một lúc sau ông Nghè Hai ở trong tất tả đi ra, mọi người đều gật đầu chào, ông lia lịa gật đáp lại. Bảng Tuân đứng gần lấy ông, khẽ thì thầm hỏi, ông khẽ đáp, rồi vội chạy xuống nhà dưới. Mọi người đưa mắt hỏi Tuân, chỉ thấy chàng lắc đầu hoài, lại cùng nhau lặng lẽ đứng chờ. Ông Nghè Hai trở vào, quan Hoàng giáp đã tỉnh táo hẳn, đang khuyên bảo các con. Nhìn thấy ông Nghè, ngài hỏi ngay:

– Có ai ngoài ấy không?

– Dạ, bẩm thầy, tất cả các môn sinh đều đứng đợi ở nhà ngoài, muốn xin vào hầu.

Ngài quay bảo vợ và con:

– Thôi xong việc rồi, hai bà và các con lui ra, anh Tư ra dẫn họ vào đây thầy dặn!

Hai bà, ông Nghè, Tuấn, Tuyết đều ngoan ngoãn vâng lời đi ra cửa nách, để ông Phủ ra mời anh em môn sinh vào. Họ đi, lặng lẽ thông thả, từng bọn mười mười hai người một, tiến vào phòng, đến gần giường, rồi cùng quỳ xuống, một loạt, Bảng Tuân ở hàng đầu thay mặt anh em một tay khoanh trước ngực, một tay co lên gãi tai dĩnh đạc nói:

– Thưa thầy, hôm nay anh em chúng con đông đủ cả nội ngoại trường cùng hội họp đến lạy dâng lời thăm hỏi bệnh trạng trong quý

1. Mỗ trường là những học trò nghèo được người trên cử ra để sai phái.

thể, và cầu Trời Đất quý thân phù hộ thầy mau khỏi, để chỉ dẫn chúng con theo gương mẫu thánh hiền.

Ngài mỉm cười, nói, giọng đã thào thào:

– Các anh ạ! Thầy chết!... mà thầy mừng thấy các anh ra người cả. Thầy mong và thầy chúc cho các anh... kẻ xuất cũng như kẻ xử¹... sẽ giữ tròn tiết tháo... làm sáng đạo Thánh và rạng rỡ cho nhà Nho...

Ngài ngừng, nghỉ để lấy hơi. Bảng Tuân vội tiếp:

– Bẩm lạy thầy, xin thầy cố vui vẻ dùng thuốc, cho chóng lành mạnh sống làm tiêu biểu cho chúng con, cho cả sĩ lâm và Triều quận...

Ngài lại nói:

– Không! Thầy biết mạng thầy lắm... Năm năm nơm nớp, giữ mình từng ly từng tí... thế mà nay thầy thấy không có thể cưỡng được mạng trời... Thầy chết nội ngày hôm nay không sáng mai là cùng... Các anh cũng đừng tống đồng môn đồng khoai gì cả, nó lôi thôi phiền phức ra... mà chả lợi gì cho thầy cả... Thôi cho các anh ra... Còn ai nữa cho vào... thầy trông lần cuối cùng...

Ai nấy đều buồn rầu sa nước mắt lạy tạ rồi lui ra. Bảng Tuân ở lại cùng với ông Phủ Tư dẫn các môn sinh vào thăm. Lại cũng từng bọn mười mười lăm người vào quỳ lạy và một người nho nhỏ dâng lời vấn an. Nhưng quan Hoàng giáp không còn nói ra lời được nữa. Ngài nằm im giương mắt nhìn mọi người. Bảng Tuân khẽ nhắc lại những lời ngài vừa nói trước, rồi bảo anh em lui ra để thầy nằm nghỉ. Bọn ấy ra, bọn khác vào lần lượt và nhanh chóng hơn. Sau cùng, ông Phủ Tư đưa anh em môn sinh ra ngoài và nói giọng bịn rịn như nén khóc, nghe rất cảm động:

– Các anh đã có lòng đến thăm thầy, chúng tôi rất lấy làm cảm tạ, chỉ buồn nỗi, chúng tôi không kịp thì giờ hầu tiếp. Các anh em cũng xét tình bỏ qua đi cho...

Ông Cử Mai động đứng gần đấy liền thay anh em đỡ lời:

– Thưa anh, đáng lẽ bốn phận chúng em phải luôn luôn ở đây hầu hạ thuốc thang thầy mới phải. Thấy anh và các anh các chị căng đáng cho hết mọi công việc, chúng em hôm nay mới có mặt đến thăm, thật là trái đạo và đắc tội với thầy lắm. Anh tha trách cho là

1. Xuất ra làm quan, Xử là ở nhà.

tốt. Xin anh cho phép chúng em về để yên tĩnh cho thầy nghỉ. Mai chúng em xin sang.

Ông Phủ chưa kịp nói gì, cả bọn đã khẽ khẽ chào, rồi thứ tự đi ra rất nhẹ nhàng im lặng như không vậy. Ông Phủ trở vào phòng, ông Nghè vội chạy ra đón hốt hải nói:

– Anh ạ, thầy làm sao đấy, thầy trần trọc có vẻ buồn bực, và thầy lại đòi thay áo!

Ông Phủ thở dài, hấp tấp chạy vào, khẽ chống tay xuống giường nhìn cha khẽ hỏi:

– Thưa thầy dạy gì? Thầy uống tí sâm cho tỉnh...

Ngài giương mắt nhìn, không nói, khẽ xua tay và để cả hai tay vuốt lên áo ra hiệu.

Ông Phủ thở dài, đứng ngay người, quay đầu lại bảo em:

– Em xuống lấy bộ quần áo vóc đỏ mới may và cả áo cộc, khăn đầu, khăn lưng lên đây!... Bảo Tuấn hay con Tuyết đun nóng cái nước ngũ vị, và lấy cái vuông khăn lụa mới đem cả lên...

Ông Nghè Hai kéo vạt áo lau nước mắt, rồi tất tả chạy xuống. Một lúc sau, cả hai cụ bà và Tuấn, Tuyết đều lên mang đủ khăn áo và nước ngũ vị. Ai nấy đều cuống quýt mà lặng lẽ đứng lối nhỏ ở trước giường sụt sùi, lau nước mắt. Không nén được mãi nỗi thổn thức, bà lớn Cả bỗng buột ra tiếng khóc...

– Ối ông ơi! Ông bỏ chúng tôi à?... Ông vui thú đi đâu?...

Ở cái miệng khô héo như dán trên khuôn mặt nhăn nheo hóp lại, trong chòm râu ria bạc trắng, cũng phào phào phát ra tiếng:

– Xuống... xuống cả... Chứa chết!...

Ông Phủ đang soạn những quần áo để ra giường quay lại van vỉ nói với mẹ:

– Con xin mẹ, mẹ đừng khóc nó ồn lên. Thầy con mới đòi mặc áo cho đẹp đấy chứ.

Bà lớn kéo vạt áo lau mắt, cố ừng ực nuốt nỗi đau đớn để nín hản, mũi vẫn còn sụt sịt, rồi cùng với các con đỡ chồng thay áo cũ ra. Ông Phủ ngồi lên giường, cầm vuông khăn lụa nhẹ nhàng lau mặt, cổ, mình, hai tay cha, rồi nhẹ nhàng xỏ tay áo bên phải, luồn áo qua lưng đưa sang cho ông Nghè Hai đỡ lấy xỏ vào tay trái. Đoạn, ông vuốt thẳng áo và cài giải. Mặc áo cộc xong, mặc đến áo dài, rồi cởi quần cũ ra, lau qua

hai chân, và mặc quần mới, thắt khăn lưng ba múi tử tế. Thế là xong việc thay quần áo. Bà lớn Cả liền bảo ông Phủ:

– Kia anh cả, đặt tên cho thầy!

Ông Phủ vâng một tiếng rồi khom lưng xuống và đi lại bên giường quỳ trước mặt cha và cung kính nói:

Thưa thầy tên hiệu là *Cung thận Tiên sinh*, có được không ạ!

Quan Hoàng giáp khẽ gật đầu ra vẻ ưng thuận. Mọi người đều đứng im lặng cúi đầu sục sùi, thần thờ lồi vạt áo hay đưa tay lên lau nước mắt! Ngài gương mặt lắc đầu nhìn mọi người và khẽ giơ tay vẫy đi, ra hiệu đuổi xuống. Cố nán đứng lại, bà lớn Cả đuổi bà Hai, Tuấn và Tuyết ra. Hai ông con trai đứng túc trực bên giường bệnh, mắt đăm đăm nhìn cha như đợi chờ mạng lệnh, và để xem có biến trạng gì. Ngài vẫn thở đều đều, cái lồng ngực vẫn nhịp nhàng lên xuống. Trong bầu yên tĩnh thiêng liêng, vạn vật như đều lắng cả xuống, đọng lại để mà nhận rõ hơi thở phào phào nhẹ nhẹ của vị văn tinh xa lìa trần thế. Hồi lâu, ngài mới cự dậy, mở mắt lơ lơ, mấp máy đôi môi xám nhạt, ném ra giữa yên tĩnh mấy tiếng thào thào êm nhẹ như làn khói.

– Chết!... Chết đến chân rồi!... Nhẹ nhàng!... Phúc!...

Cụ bà, ông Phủ, ông Nghè đồng thời giật hẳn mình lên, cùng hấp tấp đặt tay lên chân ngài thấy lạnh ngắt như rờ vào quan tiền kẽm, một buổi sáng mùa đông cực rét. Ai nấy lại giật vội tay ra, cuống quýt hốt hoảng xun xoe đi lại, thở dài, như cố đem thông minh tài trí của con người ra địch với Thiên công để giữ sanh mạng của người thân mình cho khỏi lọt qua tay Tử thần! Nhưng trong một phút, thấy mình bất lực, và cái người nằm trên giường kia sẽ dần dần lạnh toát cả mình, thì ai cùng mê muội cả người và buột lên tiếng khóc nghẹn ngào ức ức. Bà lớn không nén được vội kêu lên:

– Ối ông ôi! Ông bỏ mẹ con tôi ông đi đâu ông ơi!!!

Ông Phủ lau nước mắt, hỉ mũi rồi bảo mẹ:

– Con xin mẹ, đợi *Chiêu hô*¹ rồi hãy khóc, bây giờ nước mắt rỏ vào đây thành lòa đấy, mà thầy con khó đi!

1. Chiêu hô, là khi chết rồi, thì một người lên mái nhà trông xuống, hay đứng đầu giường gọi hồn người chết ba lần.

Bà cụ nín, ông liền quỳ xuống sát giường, khẽ gọi cha, giọng run run nuốt nước mắt:

– Thầy bỏ chúng con thật à? Thầy có dặn gì không?

Quan Hoàng hơi quay đầu nói thào thào:

– Đến bưng!... Hiền lành... đạo Thánh... đạo Trời!...

Ông Phủ phải sát tai lại gần mới nghe rõ. Trong khi ấy ở ngoài, bà Hai, Tuyết, Tuấn, vợ ông Phủ, ông Nghè, các con gái, con rể, các cháu vừa đến, nghe tiếng bà lớn Cả khóc đều chạy ùa cả lên sấn cả vào, mếu máo hỏi:

– Thầy ơi! Thầy bỏ con, thầy không dặn con điều gì à?

– Thầy ơi!...

– Ông chết, ông không thương cháu, ông không ở lại dạy bảo cháu! Ông ơi!

– Ông phủ đứng lên dang những người kia ra giơ tay xua, nói to như truyền lệnh:

– Im đi! Lui ra! Cấm khóc! Thầy dặn ai cũng phải ăn ở hiền lành, làm sáng đạo Thánh, hợp đạo Trời!...

Trong phòng lại im bật. Bao nhiêu cặp mắt đăm lẹ đổ dồn cả về mặt người hấp hối. Lúc ấy đã gần tối, một ngọn đèn quang, dầu thầu dầu, le lói không đủ chiếu rõ gian phòng, nhưng cũng không ai nghĩ đến thắp thêm lửa. Bên ngoài những bậc già cả và bà con họ hàng trong làng đều đã đến đông. Một ông cụ ngó vào thấy phòng tối liền nói đồng dục:

– Thắp thêm nến lên chớ! Có lụa trắng để thắt hồn bạch cho quan lớn chưa?

Có tiếng nói ra:

– Bẩm bác có đây rồi ạ!

Ông cụ lại nói vọng vào:

– Đàn bà trẻ con ra cả đi! Chưa phải lúc khóc!

Nhưng không ai ra cả. Chỉ có Tuấn chạy đi lấy nến và Nghè Ân trở ra lấy lụa. Ba ngọn nến đã cháy rung rinh hai bên giường, chiếu rõ quan Hoàng giáp nằm ngay ngắn nghiêm trang, hai mắt còn mở lờ đờ, ngực còn thoi thóp thở! Ông cụ lúc nãy cũng đã vào phòng, và khẽ nói với ông Nghè:

– Chú bảo chú Phủ nhớ để bông lên mũi quan lớn, để biết mà thất hồn bạch!

Không đợi em phải nhắc, ông Phủ đã để đoạn lụa trắng dài độ bảy thước lên trên lồng ngực và một búng bông nòn lên trên mũi ngài. Lặng lẽ, mọi người đều lặng lẽ, nhưng thốn thức sục sùi, cố kềm nén tiếng khóc để đợi. Quan Hoàng giáp đã cứng đờ mắt không linh động nữa, giữa ngực chỉ còn hơi phập phồng, bối bông trên mũi vẫn rung rinh nhịp nhàng mãi mãi. Đợi lâu lắm bối bông im hẳn, ông Phủ đưa tay sẽ nắn mắt ngài cho nhắm nghiền hẳn lại, lấy chiếc dũa để ngang miệng để đợi *phan hàm* rồi phủ tờ giấy trắng lên mặt. Trong khi ấy ông Nghè Hai cầm lấy tấm *lụa kết hồn bạch* thành hình một đầu hai tay và hai đầu múi xuống thành hai chân. Bọn đàn bà con trẻ không thể nén được nỗi đau buồn buột òa lên khóc. Người ta phải dẹp cấm mãi mới im, và xua đuổi dần họ xuống. Ông Phủ liền trái chiếu xuống đất, rồi hai anh em khẽ khiêng ngài để xuống chiếu một phút, rồi lại rước lên giường. Hai bà âm ỷ khóc rất buồn thảm. Ở ngoài, những người thân trong họ lúc ấy mới lặng lẽ đi vào cúi đầu viếng người chết và chia buồn với hai bà lớn và anh em ông Phủ và họ bàn đến cái giờ quan lớn từ trần:

– Bẩm quan Phủ, giờ Tuất có phải? Chính tôi quờ được mười một cái dũa mà!

– Không, có lẽ chưa đến Tuất! Bảy giờ mới độ Dậu thôi, vừa mới tối xong.

– Tối cũng đã lâu rồi đấy chứ. Vả cuối xuân sắp sang hè rồi ngày dài, sang Tuất là phải.

Mỗi người nói một cách, mãi đến lúc tang chủ buồn rầu nói là đã bấm đúng giờ Tuất họ mới im. Những họ hàng thân thích vào thăm ra hết, bọn môn sinh Bảng Tuân, Cử Mai động, Nghè Tiến, Tú Chính, năm sáu người vừa được anh em cất ở lại hầu thầy, thấy tin cũng vội vào xin phép tang gia mở giấy phủ mặt ra nhìn rồi cùng đứng làm hai hàng từ từ quỳ xuống lễ hai lễ và gạt nước mắt, xong rồi đứng lên lại ra nhà ngoài đứng nép một bên nghe ngóng các cụ trong họ bàn về việc tống chung thầy học mình. Ông cụ lúc này đang nói:

– Tháng này tháng ba ngày mai *Đinh Dậu* được ngày hành phục, ta bàn với tang gia *nhập quan* và *tế thành phục ngay*, đợi đến ngày hăm lăm này là ngày *Canh tí* được ngày an táng rất tốt.

Một ông nữa nói:

– Vâng, thế ông nói với quan bà và anh em ông Phủ xem sao?

Người nữa thêm:

– Cứ cốt chọn được ngày còn quần áo, lợn gạo quan bà đã sắm cả rồi, không sợ vôi vàng đâu!

Ông cụ trước thêm:

– Vâng, bác đồ Viết vào mời quan Phủ ra đây ta bàn xem nào!

Ông Phủ theo ông đồ Viết ra. Người ta liền nói cho ông biết ý định họ vừa bàn, ông thông thả đáp:

– Vâng, cháu cũng định mai nhập quan thành phục rồi đến hăm lăm an táng.

Một người khác đỡ lời ngay:

– Quan Phủ ạ. Chẳng may cụ lớn quy ẩn tổ tiên, đang lúc bối rối buồn rầu này, mọi việc anh em chúng tôi chỗ trong họ ngoài làng, xin chu tất cả, chỉ xin cụ lớn bà và các quan truyền bảo là được đâu vào đấy tất.

Một người nữa nói:

– Quan định mời vị nào đề chủ, xin bảo để chúng tôi đi mời.

Ông Phủ chưa kịp trả lời, thì ông cụ mời ra lúc trước, đã nói cướp:

– Nhà quan làm mấy tạm mặc, không biết, cả xã Thịnh Hậu này ba thôn Thượng, Trung, Hạ, đồng dân thượng hạ xin dựng một nhà tạm ở đầu làng gọi là tiễn biệt quan Hoàng giáp, Tiên chỉ hàng xã cho phải đạo, có phải không ông Bá Cấn nhỉ?

Ông Bá Cấn là một vị đàn anh cao tuổi, đứng đầu hàng hào, ngồi ở mãi bên giường phía tây nói vọng sang:

– Bẩm vâng ạ, ông Chỉ dạy phải. Nghĩa tử là nghĩa tận, quan Hoàng giáp có công đức nhiều với dân ta, ngài qui ẩn, trẻ già lớn bé đều mến tiếc như cha mẹ, nên thành kính xin dựng nhà tạm, và đến hăm lăm này đồng dân xin đến đưa ngài về phần mộ.

Ông Phủ vội nói chối từ:

– Bẩm thưa các cụ quan viên, *lễ quý hồ giản*¹ các cụ hàng xã ta tha cho đừng làm nhà tạm ở đầu làng nữa.

1. Lễ quý giản dị.

Ông Chỉ và ông Bá đều cãi:

– Không! quan nghi thế lắm. Còn thiên hạ quan chiêm nữa chớ. Dân chúng tôi xin phép cụ lớn bà và các quan dân chúng tôi dựng tạm đấy ạ!

Giữa lúc ấy, Bảng Tuân trình trọng đứng lại gần ông Phủ, chắp tay thẳng xuống và hơi cúi đầu nói với ông Phủ và cả đông đủ các cụ trong làng rằng:

– Bẩm các cụ, chúng con là môn đệ nội ngoại của Nguyễn môn, xin phép trên các cụ, để trình với anh Phủ chúng con đây. Nghĩa sư đệ rất trọng, ngày xưa thầy Tử Cống làm nhà ở bên mộ đức Khổng Tử để tang ba năm. Ngày nay anh em chúng tôi chịu ơn thầy đã lắm mà báo đáp chưa có gì, không dám mong làm được như thầy Tử Cống, chỉ xin phép hai cô và các anh cho chúng tôi lập một cái tạm đề chủ ở gần mộ, và cho anh em ghé vai đưa thầy ra đến mộ cho trọng sư đạo.

Ông Phủ chưa kịp đáp, ông cụ Chỉ đã cướp lời:

– Quan Bảng Đồng Phú nói thế, chề xã chúng tôi không có người, không có ai ghé vai đưa quan lớn chúng tôi ra đồng sao?

Bảng Tuân lễ phép co tay gãi tai nói:

– Bẩm các cụ dạy thế oan con ạ, con đâu dám vậy, con chỉ thiếu nghi, đạo thầy trò rất trọng, nay thầy chúng con trăm tuổi, mà lũ môn sinh chúng con đông đến ba bốn trăm nên nói xin với hai cô và các anh để chúng con đưa thầy cho phải đạo!

Ông Bá cũng nói:

– Các thầy đưa phải đạo cho các thầy, thì dân làng chúng tôi đưa cũng phải đạo cho chúng tôi.

Ông Phủ tiếp:

– Để các anh đưa thầy, thế ra các con không báo hiếu gì cả à?

Bảng Tuân cung kính phân trần đáp cả hai bên:

– Dạ, bẩm nói báo hiếu và giữ đạo thì vô cùng mà bên nào cũng tị lấy phần được cả thì bàn mãi cũng không hết. Nhưng nay tôi xin thưa với thế huynh¹ và đông các cụ rằng: Đệ tử cũng là con, lũ đệ tử cùng với con thầy đi đưa thầy không phải là tranh mất phần hiếu.

1. Học trò gọi con thầy là thế huynh.

Mà dân làng có lòng đông đủ theo sau linh cữu và lại tế lễ mấy tuần nữa, cũng vẫn là hết đạo với người quá cố...

Tú Chính, môn sinh, nhưng vừa là tay danh vọng trong làng, cũng nói đỡ vào:

– Ông Bá và ông Chỉ ạ! Dân ta nên để học trò đưa là phải. Như thế vừa tỏ ra làng ta trọng phong thể nhà nho và vừa có vẻ mỹ quan đối với người hàng xóm người ta chiêm ngưỡng: Này nhé, lũ học trò chúng tôi cùng một loạt bằng nhau, lại cùng mặc áo trắng, khăn trắng cả, rồi dân làng ta lũ lượt theo sau, trông có phải đẹp mắt, mà lại ra vẻ kính trọng hơn không?

Ông Chỉ ngẫm nghĩ rồi đáp:

– Vâng, thế thì cái sự đó còn tùy nhà hiếu chủ! quan Phủ định thế nào?

Ông Phủ thông thả nói:

– Cứ ý chúng tôi thì không muốn phiền anh em môn sinh. Nhưng bác Bảng và các bác đây đã nói cạn lẽ và cũng vì trọng đạo nho, nên chúng tôi xin ưng thuận. Song còn để hỏi qua ý mẹ chúng tôi xem thế nào đã!

Ông cụ Bá liền nói vội như sợ ai cướp mất:

– Ấy phải, phải, quan Bảng Đồng Phú nên vào hỏi thẳng ngay ý cụ lớn bà xem sao, để rồi còn quyết định chớ.

– Bẩm cụ vâng ạ.

Bảng Tuân đáp rồi theo ông Phủ vào trong gian phòng tang, trình với cụ lớn bà. Cụ bà nghe rõ ý định, cũng bằng lòng. Bảng Tuân đi ra, các cụ hỏi ngay:

– Thế nào? Được chớ!

– Bẩm các cụ vâng ạ.

Ông cụ Chỉ nói:

– Trong nho đạo cả, nên chúng tôi xin nhường các thầy, chớ trong họ ngoài làng chúng tôi, hàng xóm, hàng thôn hàng xã thiếu gì người, muốn ăn mặc đều cũng có, mà muốn đều một loạt người cũng được. Thôi, đừng xá thì để làng chúng tôi dọn cho, còn hăm bốn các thầy phải đến tập đôn đây.

– Bẩm các cụ vâng ạ!

Mấy cụ trong làng ra về, còn một ít người ở lại giúp nhà hiếu chủ. Bảng Tuân và cả bọn anh em cũng theo mấy cụ kia đi ra trở về nhà Tú Chính. Chàng lấy ngay giấy bút thảo tờ đạt thứ tư gửi đi cho khắp các trường. Tờ đạt rành rẽ như sau này:

“Đệ Nhị Cấp Tấn sĩ nguyên Hưng Yên Tuân phủ Trí sĩ, Nguyễn môn, Trưởng môn Trần Cảnh Tuân vì đạt từ sự, duyên ư bản nguyệt nhị thập nhật, tuất khắc, tiên sinh thọ chung chính tám, đính dĩ bản nguyệt, nhị thập ngũ nhật, dân khắc, hành an táng lễ. Thiết niệm sư đệ tình thâm, tử sinh nghĩa đại, vị thử từ đạt cập chư nội ngoại trường môn sinh, kỳ dĩ bản nguyệt nhị thập tứ nhật tỵ khắc, các cụ tổ phục, tận chí hội tại Tú tài Nguyễn Văn Chính chi gia, tu lễ vật, sĩ công lệnh, đãi minh nhật cung tang lễ, dĩ trọng sư đạo! dĩ kính hiếu tâm! Từ đạt từ”!

(Dịch): Trưởng môn trưởng quan Nhị giáp Tấn sĩ nguyên Hưng Yên Tuân phủ Nguyễn, là Trần Cảnh Tuân, vì đạt giấy, nguyên giờ Tuất ngày hai mươi tháng này. Tiên sinh đã mạng chung, định đến giờ Dần ngày hai mươi lăm, sẽ làm lễ an táng. Thiết nghĩ thầy trò tình sâu, sống chết nghĩa lớn, vì vậy phải đạt giấy cho khắp môn sinh nội ngoại trường, hẹn đến ngày hăm mươi tư tháng này đều phải đủ khăn áo trắng, đến họp đủ mặt ở nhà Tú tài Nguyễn Văn Chính, sửa lễ vật, đợi lệnh chung, để hôm sau thân vào đưa đám, lấy trọng đạo thầy, lấy kính lòng hiếu! Nay đạt lời.

CHƯƠNG III

Buổi sáng ngày hai mươi bốn, học trò các nơi đã tấp nập kéo đến. Họ đi từng bọn nhan nhan đặc cả đường làng Thịnh Hậu. Họ kéo nhau vào họp ở nhà ông Tú Chính đến ngót bốn trăm người. Quan Hoàng giáp lúc sinh thời đã tác thành cho độ non ngàn sĩ tử hầu khắp Bắc Hà và cả miền Bắc tả Trục Kỳ nữa. Nhưng các môn sinh nơi xa quá đường sá cách trở, chưa hiểu báo kịp, hôm nay chỉ học trò của tám trường ngoại về họp với học trò nội trường mà thôi. Trong tám trường ấy thì có ba trường chính thức, học trò học cùng với nhau một thời, khi vị danh sư kia còn là một bậc thơ sinh thường, ấy là trường Vân Trung, trường Đại Lễ, trường Mai Động. Còn về sau, ngài thành đạt rồi, thiết trường ở nhà, các học trò các nơi đến học kẻ trước người sau, cách nhau hàng trên dưới mười năm cũng có, thì cứ dồn những người ấy cùng một vùng vào làm một trường, lấy tên tổng tên huyện hay tên tỉnh mà gọi, như trường Bình Lục, trường Vụ Bản, trường Hưng Yên, v.v...

Môn sinh chín trường kia đã đông đủ ở nhà ông Tú Chính; họ ngồi đặc cả nhà trên nhà dưới. Họ nói chuyện nho nhỏ đủ nghe, không làm huyền não để tám vị Trưởng tràng cùng với ông Trưởng môn họp bàn mọi việc. Trong lúc buồn rầu vì tang thầy, họ cũng để lộ được một phần vui thích vì được gặp nhau đông đủ. Ở bàn giữa trên nhà, Bảng Tuân đang đình đặc bảo tám anh Trưởng tràng:

– Đạo thầy cao như núi, mà nghĩa tử là nghĩa tận, nên mấy anh em chúng tôi hôm nọ phải nói hết lời mới tranh được với dân làng... Nay các anh em đến đông đủ thế này, việc tiên nong hăng để đấy. Ta cất đặt việc đi đưa thầy trước, các anh em nghĩ có phải?

Mấy người kia đồng thanh đáp:

– Vâng, quyền ở anh là Trưởng môn, xin anh cứ cắt.

Bảng Tuân cười tiếp:

– Kể ra không phải quyền ở tôi, ở cả...

Nghè Tiến ngắt:

Thì anh Đình nguyên Hải đi vắng, quyền chả ở anh thì còn ở ai!

Bảng Tuân nói:

– ... Ở cả các anh nữa chớ! Tôi xin với anh em tôi định thế này: chúng ta đến đây là con thầy cả, không phân biệt sang hèn, nên tôi cắt việc theo tuổi. Từ ba mươi đến bốn mươi, các anh Trưởng tràng chọn lấy hai mươi hai người vào nội cứu bốn người linh xa, tám người hương án án thực, bốn người khiêng kiệu mũ áo. Từ bốn một đến bốn lăm, lấy hai người phương tướng, hai người cầm cờ biển, hai người cầm đàn triệu, hai người minh tình, một người cầm trống tiêu cổ, hai người đánh trống cái, một người đánh chiêng. Dưới ba mươi, lấy sáu người cầm lọng, bốn người cầm đồ minh khí. Thế vị chi là sáu mươi người phải kén chọn. Còn phụ khiêng chiêng, khiêng trống, cầm câu đối, cầm cột màn trắng, khiêng trướng thì ai cáng đáng cũng được, mỗi trường tùy tiện chia nhau mà nhận, lâm cơ bắt buộc phải xong. Vậy bốn một chia làm tám, mỗi trường phải bảy người. Nguyên trường tôi, tôi xin cử chín anh, còn các anh chọn người lên giấy luôn, để cho thử luôn có hồng còn đối.

Một người hỏi:

Thế còn trống con?

– Trống con, bát âm đã có hội của làng! Học trò không phải trở tài.

Cử Tĩnh hỏi:

– Thế còn nội trường sao?

Bảng Tuân mở sổ biên tên ra đếm và hỏi:

– Nội trường có những một trăm linh tám người nhưng phần nhiều là họ nhà thầy. Tôi đã bàn với bác Tú Chính và mấy bác Trưởng tràng đây là không nên cắt vào việc, chỉ để cho họ trị huyết¹ là một, trông nom cơm nước cho anh em là hai...

Cử Mai Động nói:

– Đây là công việc của bác Tú đây. Như thế cũng đủ nhược các bác rồi còn gì. Không được, ta phải cử thêm một bọn đầu bếp nữa thay vào.

Phủ Toàn, Tri phủ Lý Nhân đỡ lời:

– Cũng phải, nhưng xin anh em hãy bàn xong việc đưa đã. Bảng Đồng Phú quên chưa cắt ai vào *chấp hiệu* à?

1. Đào huyết để chôn.

Một người ngồi tít mãi cùng gian phía tây nói đế vào:

– Chấp hiệu tất phải giao cho Trưởng môn chứ.

Bảng Tuân liền nói:

– Không ạ! Tôi định rồi, nhưng quên chưa nói với anh em đó ạ. Công việc ấy xin nhường bác Huấn Bình Phú trưởng Ninh Bình ạ.

Ông Huấn Bình Phú đang ngồi ngoài ngưỡng cửa liền đứng lên chối:

– Xin bác Bảng và các bác tha cho. Tôi không đáng...

Bảng Tuân nghiêm nghị nói:

– Bác không nên chối, bác nhiều tuổi và có vẻ oai vệ, nhận công việc ấy là phải lắm.

Huấn Bình Phú im lặng ngồi xuống. Bảng Tuân ngồi thẳng lưng quay nhìn cả mọi người và đồng dục nói:

– Thế là xong việc đi đưa, bây giờ ta chia đến công việc vặt trong ngày đám. Việc dựng nhà tạm chúng tôi đã nhờ anh em nội trường mua nửa tre tranh dựng thành rồi. Còn giờ ta phải cắt một bọn đầu bếp, một bọn tiếp khách. Bọn đầu bếp can hệ hơn cả, vì họ phải làm bữa nuôi ta, vừa phải soạn cỗ bàn giúp nhà đám, vừa phải trông coi sửa lễ tam sinh để lễ thầy...

Cử Mai Động đỡ lời:

– Bọn ấy phải đến bốn mươi người...

Huấn Bình Phú ngắt:

– Độ hai mươi người thôi, giúp vào với anh em nội trường và gia nhân nhà đám, chớ có phải mình làm cả đâu.

Bảng Tuân tiếp:

– Vâng, ý tôi định cử hai mươi bốn người mỗi trường ba người. Công việc ấy ta phải nhờ anh em hàng hào sành sỏi hơn, chớ anh em khoa bảng, xin thú thực, lắm người mỗ con cá cũng lóng ngóng, hướng nữa là làm cỗ làm bàn. Bên khoa cử chỉ có bác Cử Tĩnh là biết công biết việc hơn cả. Tôi xin cử anh đứng đầu bọn ấy!

Nghè Tiến pha trò:

– Vậy anh em ta đỏi là cứ tìm bác Cử Tĩnh là có ăn đấy.

Một người nữa tiếp:

– Chứ còn gì nữa, một tay nắm quyền phân phát đấy.

Bảng Tuân nói tiếp:

– Còn bọn tiếp khách, tôi xin cử bốn người: Bác Phủ Toàn, bác Huấn Bình Phú, bác cử Mai Động, bác Nghè Tiến...

Thấy không ai phản đối gì nữa, Bảng Tuân cúi xuống bảo tám anh Trưởng tràng:

– Các bác kê những người vào việc ra, để chiều cứ theo đấy mà cho họ thử. Chiều nay hãy thử rước nguyên đòn vậy...

Mấy người kia nằm xuống lấy giấy bút viết. Phủ Toàn ngồi ngẫm nghĩ rồi hỏi:

– Lễ viếng ta đưa vào hôm nay, hay hôm nào tể đưa vào một thể?

Bảng Tuân đang lấy móng tay cầm tước vỏ ở miếng cau để ăn trầu, liền ngẩng lên đáp hấp tấp:

– Hôm nay chớ! Trưởng, hương nến, tiền, tôi sắp đủ cả rồi, gởi bác Tú đây... Giờ xong rồi ta vào chớ. Đợi đến lượt ta tể thì lâu lắm. Sáng hôm nay, tôi có ở trong đám, thấy các cụ nói, ngày mai đưa đám về xong, họ tể *Sơ ngu*, đến hăm sáu Tân Sửu, thuộc ngày nhu, làng tể *Tái ngu*, hôm sau ngày Canh, thuộc ngày Cương, hàng xã tể *Tam ngu*. Học trò mãi đến sáng ngày thứ tư mới được tể trước, để đến chiều hàng tổng, hôm sau nữa hàng huyện và văn thân hàng tỉnh...

Bảng Tuân vừa ngừng lại, một anh môn sinh mới độ ngót hai mươi tuổi cũng vừa ở nhà dưới lên, chấp tay lễ phép nói:

– Bẩm thưa các huynh trưởng, có bác Ân Trạch vừa đến muộn quá, không dám lên, nhờ đàn em lên xin phép các huynh trưởng có cho lên hầu không ạ?

Một người hỏi:

– Bác Ân Trạch ở đâu nhỉ?

Huấn Bình Phú đáp:

– À bác Trạch người Ân Thi Hưng Yên, hiện linh chức Ân sát tỉnh tôi.

Bảng Tuân truyền:

– Vậy bảo bác ấy cứ lên đây!

Anh học trò kia xuống, bảo ông Ân. Ông lên đến nơi, rụt rè đứng tựa bệ cửa, chấp tay lễ phép thưa:

– Bẩm trên bác Bảng và đông các bác, đệ đến chậm, xin chịu luật đồng môn quở phạt...

Bảng Tuân cười đáp:

– Mời bác vào chơi đây, công việc chúng tôi bàn xong cả rồi. Giá vào người khác kia, chúng tôi phạt thật đấy. Nhưng đây bác còn bận việc quân vương đến kịp được thế này là quý lắm. Học trò thầy hiện nay tông chình¹ cũng nhiều, như bác Tham tri Khải, bác Thượng Trực, bác Hàn Hải ở Kinh, bác Đốc Xuân ở Thanh, bác Lãnh Toàn trên tỉnh Đoài, chúng tôi đều để ra ngoại ngạch, có bác gần đây, chúng tôi nhân tiện báo qua, bác về kịp thế này là may.

Ấn Trạch lễ phép thưa:

– Bẩm các bác, ơn nghĩa thầy như trời cao biển rộng, chưa chút báo tạ, nay được tin thầy quyên trần, mà bây giờ mới về đến đây thật là đắc tội!

Bảng Tuân nói át đi:

– Thôi được, thế là xong. Ta đem lễ vào viếng thầy đã. Rồi chiều ra tập “dòn” thử một lúc. Mai đưa, ngày kia ta mới lại xét đến số tiền đồng môn. Các bác xem ai thiếu bảo họ cho họ chạy.

Thế rồi tất cả mọi người đều đứng dậy. Ông Tú Chính đã sắp hương nến, cau, rượu và trướng để cả vào một cái quả đen cho một anh học trò ít tuổi đội. Một người nữa đội cái quả đen đựng mười nén bạc. Hai cái quả ấy dẫn đi trước, hơn ba trăm con người khăn trắng áo trắng một loạt đi vào nhà quan Hoàng giáp kìn kìn mãi mới hết. Họ đứng đặc cả cái sân rộng, có rạp cót che kín. Trên nhà đại tể, đã thiết linh tọa rồi. Chiếc thọ đường sơn son thiếp vàng, phủ cái khăn lụa hồng đã đặt giữa nhà đầu quay ra cửa. Bên đông cửa, đặt bàn thờ, trên bày đủ bài vị, từ khí, khăn gối như lúc sống vậy. Ngoài bàn thờ cấm cờ biển và áo mũ vua ban. Rồi đến cái án thực có mâm bông bày hoa quả. Ngoài cùng là cái hương án, trên nến thấp rung rinh và hương bốc khói lên nghi ngút!

Tú Chính và Cử Tĩnh đỡ lấy hai quả đem lễ vật để trên án thực, rồi lui xuống sân. Bảng Tuân, Huấn Bình Phú; Cử Mai Động, Nghè Tiến, Phủ Toàn, năm người thay mặt anh em đi lại tìm hai cô để dâng mấy lời chia buồn, rồi đến bên cửa phân ưu với ông Phủ Tư và

1. Làm quan.

xin phép ra lạy tạ trước linh cữu thầy học. Đoạn năm người đi ra bảo anh em đứng thẳng hàng trên dưới đặc cả sân, thẳng tắp như ruộng lúa vừa cấy. Các môn sinh đứng nghiêm chỉnh ngay ngắn, lặng lẽ trông theo năm người hàng trên. Phường trống rung trống lễ nhịp nhàng. Hơn ba trăm người đều tằm tắp cùng cúi xuống khoanh hai tay bụng mồm kêu hai lượt “*Ô hô! Tiên sinh!*”, vang lên thành một nhịp kêu dài, rồi đều tằm tắp lễ rạp rạp trán xuống sân hai lễ, lại cùng đứng lên im lặng một lúc, cúi đầu, chấp tay vái ba vái. Trống hạ hồi ngừng bật, từng hàng một lần lượt lui ra đi lên ngồi chơi trên nhà học ăn trầu uống nước. Ông Ân Trạch lúc nãy đứng lẫn vào hàng, bây giờ mới lên thêm vào nhà nói với ông Phủ và trình cụ lớn bà để dâng lễ viếng riêng. Phần nhiều các học sinh danh vọng đều có viếng riêng như thế từ mấy hôm trước.

Buổi chiều cả bọn môn sinh đều kéo nhau ra ngã tư để tập đưa ma thử. Đường sá đã giầy sửa lại tử tế, chỗ đất gò bặt đi, chỗ đất trũng lấp thêm lên. Những khoảng đường đất đã đắp nối lại. Những ngọn tre cành cây vướng ra đường đều đã phạt đi... Chính ra thì chỉ có hai mươi hai người vào chân dịch phu nội cữu là phải ra tập để ghé vai khiêng đòn đi xem có đều không, ai cao ai thấp phải thay người khác. Nhưng những người kia rồi rãi cũng ra giúp việc với họ cho đỡ buồn. Kẻ khuân đòn ra, kẻ lau, người rửa, kẻ xếp, người chằng, chỉ trong chốc lát, cỗ đòn song hành, sơn then chạy chỉ đỏ, trên đặt cái nhà táng mũi luyến, bốn bên che rèm sơn xanh, đã chông thành, trông dài và cao lênh khênh. Hai mươi hai dịch phu chỉ việc ghé vai vào khiêng lên đi thông thả rảo qua đường ra đến cánh đồng. Hai mươi hai người cao bằng nhau mà sức ngang nhau, đi rất đều, rất đẹp, đàn bà con trẻ và các người làng đứng xem đều tấm tắc khen họ đi khéo, làm vẻ vang thêm cho cả bọn môn sinh theo sau. Bọn này đi dự mang theo cu liêm, dao rựa, cù lèo để dọn lại đường, chặt thêm mấy ngọn tre, đả thêm mấy cành cây cho quang quẻ. Đi ra đến đường cái ngoài làng, bọn họ hạ đòn xuống tháo ra, mỗi người vác một thanh đem lại điểm xếp lại như cũ. Thế là xong cuộc tập!

Hôm sau, mới mờ sáng, các môn sinh đã khấn áo chỉnh tề đến đứng chực ở đây sân nhà thầy. Còn sớm lắm. Miền đông mới đỏ hồng tươi rạng rặc. Trên đỉnh trời trong vắt màu cẩm thạch đã cao trông lại càng cao thêm... gió cuối xuân nhẹ nhẹ thổi rung cành lá là đà, làm bay phấp phới những câu đối và trướng đã đem ra dựa khắp

tường, và thối mát rượi vào mặt những người đang đứng thì thềm hay lạng lẽ ở dưới sân... Trống tế *Thiên cữu*¹ vừa dứt, ông Huân Bình Phú, giữ việc chấp hiệu, khăn trắng chít trùm cả lên đầu, áo trắng, thắt ngang ngoài một cái dây lưng xanh, bỏ mối sang hông bên phải, vội quay gọi anh em:

– Nào ai việc nào vào việc ấy! Mười bác vào chuyển cữu lên đi!

Mười người kia nhúng tay vào rượu rồi, cùng bước lên thềm vào nhà, chia làm hai hàng đứng hai bên linh cữu. Chấp hiệu đứng đầu cữu cầm hai mảnh tre nhẵn gõ lại với nhau một hồi vừa xướng:

– Một hồi này bỏ đi này! Nghe một tiếng này đều quỳ xuống kính diếu này!

Sau một tiếng cách gọn mà vang, mười người đều quỳ và bưng mồm ô hô!

Chấp hiệu lại tiếp:

– Nghe tiếng này thì để tay vào!

Cả mười người đều để một tay đỡ cổ quan, một tay giữ lấy mép ván thiên nâng lên!

– Từ từ mà lên!

Linh cữu đã cùng với mười người từ từ đứng lên mà lên cao, theo nhịp gõ của chấp hiệu. Chấp hiệu đi giật lùi xướng:

– Từ từ mà đi này!

Mỗi tiếng cách, là một cất bước, rồi từ đáy cữu cứ từ từ tiến qua cửa, ra sân, ra cổng, theo tiếng gõ của chấp hiệu. Ra đến nhà sanh sự dựng ở ngoài cổng, vào chính giữa, chấp hiệu gõ một hồi và hô:

– Từ từ mà xuống này!

Cỗ thọ đường đã để xuống rồi. Máy ông dẫn tống vào tế đưa linh cữu lên đòn. Ngoài đường, đối trống, minh tinh, hương án, linh xa, án thực mọi thứ đã dàn thẳng hàng, người đứng đông như kiến cỏ. Tế xong, mười người nội cữu khác vào thay phiên, theo tiếng gõ của chấp hiệu, khiêng chuyển cữu từ từ đặt vào cỗ đòn, bày ngay ở bên đường cái, trước nhà sanh sự. Đặt cữu vào ngay ngắn rồi chằng buộc chặt chẽ vừa xong, phường trống lại đổ trống tế. Trước cỗ đại dư (cỗ đòn) đã bày một cái bàn đủ lễ vật. Các ông dẫn tống lại vào tế. Đây là tế

1. Dời cữu ra ngoài.

thần trên đờn. Cũng xướng lễ, cũng dâng rượu, cũng đọc rồi phân chúc. Rồi một viên chấp sự ra quỳ trước đờn cáo từ rằng:

– *Linh như ký giá, vãng tức u trạch, thỉnh nghinh linh bạch tiến hành, cẩn cáo!* (Xe tang đã mắc, đưa tới nhà tối¹ xin rước linh hồn tiến đi. Cẩn cáo).

Huấn Bình Phú lại đứng gơ tay gõ hiệu nói:

– Một hồi này bỏ đi này! Nghe một tiếng thì mó tay vào!

– Từ từ mà lên này!

Hai mươi hai người đứng hai bên cùng đưa tay đỡ vào đờn, cùng khiêng lên từ từ theo tiếng gõ, để lên khuỷu tay rồi nâng lên vai đều tằm tấp.

– Trông cho thẳng! Từ từ mà đi này!

Chấp hiệu vừa đi giật lùi vừa gõ nhịp. Mỗi tiếng gõ là một lượt cất bước. Những đàn bà con trẻ đứng ở các ngõ nhìn ra xem thì thâm:

– Toàn học trò đưa cả! Những ông Tú, ông Cử, ông Huyện đều phải ghé vai khiêng đờn cả kia kìa!

Người khác nói chen vào:

– Chuyện, ông trời ra nữa đến đây cũng phải lép, học trò đến nhà thầy mà lị!

Đám ma vẫn cứ từ từ đi. Câu đối, trướng thẳng một hàng dài, đã đi ra khỏi làng đến tận giữa đồng kế đến mười lá cờ của làng, đi trước cái trống tiền. Liền đấy là hai người *phương tướng*, đeo mặt nạ bốn mắt, vác đờn, cầm mộc đi hai bên, rồi đến hai người cầm cái *dan triệu* viết chữ “*Trung*” “*Tín*”. Sau đây là hương án trên bày bộ thất sự, đỉnh thấp trầm, và đôi song bình cắm hoa tươi thơm ngát. Cờ, biển Tiến sĩ, kiệu mũ áo đi nối theo, đều có lọng vàng che. Cách cái án thực đầy hoa quả, và xôi thịt, đến cái *minh tinh* bằng lụa mỏng nhuộm hồng trên viết bằng chữ phấn, dài chín thước treo lên đầu cái cán tre dài gió thổi bay phất phơ quăn quại như con rắn uốn khúc. Sau đấy là cái linh xa sơn son thiếp vàng bốn người khiêng, trên đặt bài vị thờ và bát hương, hai bên hai lọng che. Một người cầm trống tiêu cổ đi giật lùi trước linh xa thỉnh thoảng đánh mấy tiếng bon bon! Phường bát âm và phường trống con đi sau cử nhạc vang lừng. Hai

1. Mộ.

cây kèn đi hai bên thổi mấy bài than thảm thiết! Nói vào đấy là bốn cái đèn giấy hình tứ linh đi làm hai hàng trước đại dư. Đằng sau cỗ đò đồ sộ ấy là một cái màn trắng căng trên bốn cột do bốn người cầm, che cho các đàn bà con gái trong ngũ phục đi đưa. (Các con trai khóc đi theo bên đò). Sau cùng là những người đi đưa đặc cả đường mà kéo dài đến ba bốn mươi trượng. Một cái trống hậu đi chen vào giữa.

Đám ma từ từ thông thả theo cỗ đại dư chậm chạp chuyển nhích đi với tiếng gõ của chấp hiệu. Ra khỏi làng, đến trước nhà tạm, chấp hiệu gõ một hồi que và hét!

– Một hồi này bỏ đi! Nghe một tiếng thì đứng cả lại!

– Từ từ mà xuống này!

Chấp hiệu gõ nhịp đều đều giữ cho hai mươi hai người cùng hạ xuống đều tay, cho cỗ đò vẫn thẳng như thường, không nghiêng lệch gì cả! Mọi người đều đứng nghỉ ăn trâu, uống nước của nhà đám đem theo mời. Người ta rước linh xa vào nhà tạm để dân làng tế *Chu Điện*¹. Cuộc tế này long trọng và lâu hơn mấy cuộc tế trước, mà hiếu chủ chỉ phải đứng về phía đông dự lễ thôi, chứ không phải chủ lễ. Cuộc này gồm đủ nghi thức như một tuần *Sơ hiến* trong đại lễ, đủ cả hiến soạn, hiến trà, độc chúc, phần chúc... Tế xong, lại rước linh xa ra, hai mươi hai người dịch phu lại theo nhịp chấp hiệu từ từ khiêng cỗ đại dư lên vai và từ từ cất bước. Lúc ấy mặt trời đã lên cao, nhưng ánh nắng vẫn còn dịu dàng. Gió hiu hiu nhẹ nhẹ. Trên trời nắng cũng điểm trang mấy hàng mây trắng xóa như bông. Ở dưới này, giữa cánh đồng lúa đã ngả màu xanh hoa lý, đương nổi bật lên bức tường dài chuyển động kết bằng toàn màu trắng đang từ từ tiến và từ từ cuộn bởi đằng đầu lại. Đám ma đã gần đến nơi phân mộ, các câu đối, trướng đứng rải rác vây lấy chung quanh. Linh cữu đến nơi, trống đồ luôn hồi xuống, phường tương cầm mộc mác khua bốn góc huyệt rồi dịch phu quay hoành ngang để hạ quan xuống, xong rồi, người ta tế *Hậu thổ* ở bên trái mộ, tế *Đề chủ* ở tạm bên tây do môn sinh dựng, rồi đến tế *thành phần*. Đến mãi độ cuối giờ *mùi*, mới rước vong về nhà. Chiều hôm ấy, tang gia mời riêng các anh em môn sinh ngồi vào hai nhà liền nhau, cùng ăn uống với nhau cho tiện và để nhà chủ có lời cảm tạ chung anh em đã tận tâm cất cử công việc rất chu đáo, đi đứng rất trật tự, khiến cho thiên hạ quan chiêm phải thán phục

1. Nghỉ giữa đường.

đám ma đi rất đều và rất đẹp, từ trước đến nay, chưa có đám nào cảm động bằng.

Buổi trưa hôm sau, làng tế tái ngu xong, nhân lúc vắng khách Bảng Tuân liền chiêu tập anh em họp ngay ở dãy nhà ngang, bên sân sau. Có độ một nửa môn sinh ở lại đều tới dự. Bảng Tuân ngồi giữa giường mặt bằng bằng tay mở sổ mắt nhìn thẳng vào mặt mọi người nghiêm nghị nói:

– Tống táng thầy mô yên mả đẹp xong rồi, hôm nay anh em ta mới hỏi đến những anh khiếm khuyết... nguyện vong linh thầy đây, hễ ai đến nay mà còn thiếu, tôi cứ thẳng tay bắt tội, không còn nhu nơ nữa!

Cử Mai Động hỏi:

– Vâng. Thế nhưng còn các môn sinh ở xa họ không phải về đưa thầy mà tiền đồng môn họ cũng chưa có, bác định thế nào?

Bảng Tuân mở cái tráp để gần đui lấy ra một tờ giấy đưa cho Cử Mai Động xem và quay nói cả với mọi người:

– Điều ấy, tôi đã nghĩ rồi, anh em không ngại, họ ở xa không về kịp không phải là lỗi tại họ, nên tôi đã kê thêm mỗi người phải đóng hơn ta hai quan nữa, để thêm vào lấy tiền mua đồ thờ, thờ thầy. Các anh em nghĩ có phải?

Huấn Bình Phú đáp:

– Bất họ chịu thêm như thế, thành ra kẻ nhiều người ít, bất công...

Nghè Tiến cãi:

– Bất công là thế nào? Tôi cho thế hẳn còn là ít ấy! Họ đã không đến thăm thầy lúc nằm bệnh, lại không phải khó nhọc trong mấy ngày đám, hỏi hai quan của họ đã đáng bù cái lỗi ấy chưa?

Một người nữa nói xen vào:

– Nhưng mà họ ở xa!

Bảng Tuân phải xua tay để giữ lấy quyền nói.

– Vâng, phải. Nhưng đây tôi có giấy má phân minh nói rõ vì có gì lại thâu thêm lên thế, và lấy món tiền ấy để làm gì. Lúc nào họ có kêu ca hãy hay, bây giờ bất tất nói đến vội.

Thấy mọi người ngồi im rồi, ông dõng dạc tiếp:

– Ta bàn đến công việc của chúng ta bây giờ... Trường Vân Trung có sáu mươi người, phải đóng thành tiền cả ba hạng là hai trăm tám mươi quan, mà mới đưa được hai trăm sáu mươi quan, còn thiếu hai mươi quan nữa. Có chưa?

Trưởng tràng Vân Trung lại gằn, đưa ra một nén bạc và bốn quan tiền và nói nhanh nhẹn:

– Bẩm bác đủ đây rồi ạ!

Bảng Tuân nhận lấy tiền bỏ vào tráp, rồi mở lần những trang trên sổ vừa nói:

Trường Mai Động đủ rồi... trường Ninh Bình đủ rồi... trường Thơ Trì rồi... trường Thanh Bình rồi... À Trường Đại Lễ. Bác Kép Đại Lễ đâu?

Bảng Tuân ngẩng mặt lên nhìn. Kép Đại Lễ ngồi ở ngoài cùng, gằn cửa vào, run sợ thưa:

– Bẩm bác đây ạ!

– Bác là Trưởng tràng. Thế có nhớ tất cả bao nhiêu người?

– Bẩm năm mươi sáu người!

– Còn thiếu bao nhiêu?

– Bẩm còn thiếu sáu chục...

– Không phải, sáu mươi tám quan kia, trừ cho trưởng tràng năm quan công khó nhọc, còn sáu mươi ba quan chớ... Có chưa?

Giọng bác Kép hơi run run thưa:

– Bẩm có ít người đi vắng để không thu được nên có lời nói xin bác và anh em... từ...

– Vắng mấy người?

– Bẩm bẩm, sáu... à... bảy người ạ!

Bảng Tuân quay hỏi Phủ Toàn ngồi ở giường bên cạnh:

– Hôm qua, lúc đưa thầy, bác điểm trường Đại Lễ mấy người.

Phủ Toàn móc túi ở vạt áo con, lấy một mảnh giấy giở ra xem, rồi ngẩng lên nói:

– Bẩm, cả Trưởng tràng là năm mươi một ạ, giấy còn đây, chớ tôi không nói sai.

Bảng Tuân mặt đỏ bừng bừng, đập mạnh tay xuống giường quát mắng Kép Đại Lễ:

– Như thế là bác gian dối cả với thầy, với bạn. Lấy danh nghĩa đồng môn, phải phạt bác.

Rồi Bảng Tuân cao tiếng gọi:

– Trai tráng trường Vân Trung, trường Mai Động đâu?

Ở ngoài, năm sáu người dạ rân lên và tiến lên trước cửa.

Bảng Tuân nghiêm nghị truyền:

– Lôi Kép Đại Lễ trói ra cột rập!

Huấn Bình Phú đứng ra xin hộ:

– Thôi xin bác dạy làm phép vậy, cho bác ấy biết tội, rồi xin bác tha cho để bác ấy về chạy sau.

Một người không nghe nói ngắt ngay:

– Không tha được. Tha để bác ấy đánh sóc đĩa tổ tôm thêm ít nữa à?

Bảng Tuân cũng nghiêm nghị nói:

– Cứ trói ra cột rập đã. Rồi xét sau! Thương anh tôi để trong lòng. Việc công xin cứ phép công mà làm!

Ba người trai trẻ đã lôi Kép Đại Lễ đang mếu máo, mắt đỏ hoe ra ngoài. Bảng Tuân mở lần sang tờ khác trong sổ và nói:

– Trường Đông Phú tôi cũng đủ rồi này. Còn trường Phú Nghĩa nữa còn thiếu bao nhiêu?

Ông Cử La Ngạn, Trưởng tràng liền thưa:

– Bẩm còn thiếu ba chục quan nữa, cho người về lấy chiều tối nay tất lên đến nơi. Ngày mai mà không có xin cam chịu tội.

– Thật nhé!

Đương nói chuyện, thì ông Phủ Tư được tin Kép Đại Lễ bị trói liền tất tả chạy sang tìm Bảng Tuân báo:

– Bác Bảng ạ. Tha cho bác Kép. Làm thế mang tiếng cho chúng tôi. Người ngoài không biết lại bảo vì thầy chúng tôi mất, để các bác phải bỏ bán lôi thôi: Nó mất cả phong thể nhà nho đi. Thôi tha cho bác ấy.

Bảng Tuân mới kịp đáp:

– Thưa bác vâng ạ!

Thì ông Phủ đi ra thân cởi trói cho ông Kép đi nào. Bảng Tuân lại quay vào bàn việc.

– Xong việc tiền đồng môn rồi, ta bàn sang việc tế ngày kia. Lễ tam sinh, nhờ bác Bá Tảo đã mua cho cả rồi. Dê đã đem về để ở nhà bác Tú Chính. Còn bò lợn thì mai đi bắt...

Ở ngoài có người hỏi ít lời ông Trưởng ở môn:

– Ngày kia tế sớm hay tế muộn?

Tuân đáp:

– Sớm, sáng ra tế ngay, để chiều còn hàng tổng tế. Vậy anh em có ai về hay đi đâu, thì chiều mai cũng đã phải có mặt ở đây rồi. Vật bò, vật dê, đã có nhà đám ở đây làm giúp, ta chỉ phải đến mà trông coi thêm vào, và sắp sửa lấy lễ cho đẹp đẽ thôi... À mà mỗi trường phải cắt lấy hai người vào tế phải có đủ áo thụng trắng đấy.

Hai ba người hỏi dồn:

– Sao mà đông thế?

Bảng Tuân vui cười thỏa mãn đáp:

– Ấy đông thế mới đẹp chứ và còn phải bình tướng nữa. Đáng lẽ họ bắt anh em ta phải bình tất cả ba mươi bài tướng viêng. Nhưng tôi nhút nhát không nghe, chỉ xin bình bài tướng của môn sinh ta thôi.

Cử Mai Động tiếp:

– Phải ba mươi bài tướng thì bình hết ngày à? Phải bình chia ra chứ.

Bảng Tuân nói:

– Họ cũng chia đấy chứ. Mỗi kỳ tế bình mấy bài. Những bài nào được bình thì treo ra...

Gấp vở sổ lại bỏ vào tráp, khóa lại, Bảng Tuân đứng lên, bảo anh em:

– Thôi giải tán!

Mọi người đều rậm rạp đứng dậy, ồn ào giải tán.

*

* *

Sáng sớm hôm thứ tư, môn sinh đã đông đủ cả để cử hành đại tế. Lễ vật đã bày lên rồi: trên nội án, trước linh tọa, đặt mâm thịt dê và xôi rượu, thịt lợn để ở án thực giữa ngoài hương án, kê trên hiên.

Còn mâm thịt bò thì bày ở ngoài án kê ngoài rạp. Trên hai cái án đông tây, bày lò hương: đài rượu, bình chè. Mười sáu người được cử vào tế đã khăn trắng, áo thụng trắng chỉnh tề đứng túm cả vào một bên, để cắt cử người vào chủ tế. Nhưng nhìn nhau mãi, sau ai nấy đều bắt buộc Bảng Tuân là Trưởng môn phải thay anh em vào lạy tạ thầy, không thể chối từ được nữa. Ở ngoài phường trống đã rung trống tế. Những môn sinh không phải vào tế đứng thành hàng hai bên rất nghiêm chỉnh, lạng lẽ như các quan vào hầu trong điện nhà vua. Dân làng thấy nói là học trò tế cũng đua nhau đến xem đứng đặc cả vòng trong vòng ngoài. Vị đông xướng lên tiếng bắt đầu cuộc tế. Các viên dự tế sau khi quán tẩy làm phép đã đứng chỉnh tề vào nơi của mình, sẵn sàng đợi làm việc. Kỳ tế này không giống như những buổi tế *ngu* mấy hôm trước. Nghi thức theo như tế thân. Các con cái được đứng bên linh sàng để dự tế, con trai bên trái, con gái bên phải. Xong tuần *sơ hiến* đến đọc chúc. Viên chủ tế, ba viên *bồi tế*, và viên chuyển chúc và đọc chúc đều quỳ. Trống ngừng đánh, chung quanh im phăng phắc, ai nấy đều nín lặng để nghe cái giọng ngân nga thanh thót mà buồn thảm của bác Phủ Toàn đang đọc bài văn tế thầy của anh em môn sinh tự làm ra. Đọc đến tên và hiệu vong, con cái khóc lên vài tiếng, rồi lại im. Đọc xong văn tế, ở ngoài xướng tiếp:

– *Bình trưởng!*

Trống rung lên một nhịp rồi lại im. Một vị chấp sự trịnh trọng đi lên mấy bước, trông vào linh tọa vái một vái, rồi đứng quay mặt về bức trướng treo ngang trên rạp, chấp tay lên ngực, ề một tiếng lấy giọng, rồi ngâm nga bình, giữa một im lặng thiêng liêng, mà chỉ mỗi khi đọc đến tên hiệu mới lại rội giạt lên mấy tiếng trống, mấy tiếng khóc:

“Dân sinh hữu tam trọng, sư đệ chi nghĩa. Thiên hạ cổ kim sở công nhận dã! Cầm thơ lại vong, âm vấn hốt sơ, chỉ hồ nghĩa, nhi phát hồ tình, an đắc bất cảm khái hệ chi. Kính duy: Ngã Tiên sinh Điện thí Ân khoa, đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, nguyên Hưng Yên Tuân phủ, Nguyễn Tường công, gia học uyên nguyên, anh thanh đảng viên, phương kim Kỳ Bắc Giang - sơn chi tiêu biểu, vi tiên sinh thù quy! Tiên sinh chi học dã như, tiên sinh chi đức dã tòng, nhi tiên sinh chi danh dã hiển! Tại văn chương tắc Đế gia kỳ từ, vu chính sự tắc dân thọ kỳ, đức. Nhi Đốc học, nhi Ân sát, nhi Tuân phủ, bình chức tuy hữu thù, nhi đào tạo, tác thành chi tâm tắc nhứt. Cố kỳ môn tế tế đã xuất hiện lương chi sĩ, kiến trọng ư Triều giã! Trình môn cụu thanh giá

tưởng trùng kiên ư kim nhứt hỹ! Tiên sinh nguy nhiên mô phạm, học giả ngưỡng như Đẩu, Sơn Hô nhiên nhi, thảo địa phương du trâm kha mạc khởi. Thiên Thai chi dược tài tâm, ngọc lâu chi triệu dĩ xúc. Ô hô thống tai! Sinh đẳng tuyết lập đa niên, vũ chiêm hữu nhựt. Hốt vãn duệ trượng chi ca, tãng cảm điện doanh chi mộng! Thê thê phương thảo, nhiễm nhiễm liễu xa! Vãn sinh ư tình, cần thơ dĩ vãn!”

(Dịch: Dân sinh có ba điều trọng. Cái nghĩa Sư đệ, tự cổ chí kim thiên hạ đều công nhận vậy. Cần thơ còn đấy, tiếng hỏi bỗng xa! Ngưng vào nghĩa, mà phát ra tình, bảo sao không cảm khái! Kính nhớ thầy ta: Điện thí ân khoa nhị giáp xuất thân, nguyên Hưng Yên Tuần phủ, Nguyễn Tường công, học mà sâu rộng, tiếng tăm lừng xa. Đương nay làm tiêu biểu cho non sông Kỳ Bắc, không có tiên sinh, còn biết theo ai! Tiên sinh học càng giàu, đức tiên sinh càng thịnh, mà danh tiên sinh càng rực rỡ! Văn chương thì vua khen lời. Chính sự, thời dân mến đức. Làm Đốc học, làm Án sát, làm Tuần phủ, giữ chức tuy có khác, mà cái lòng đào tạo, tác thành đều là một. Cho nên ở cửa đã nhan nhản những bậc hiền lương, nổi danh trong Triều ngoài Nội! Cái thanh giá cũ của Trình Tử tưởng lại thấy ở ngày nay vậy. Tiên sinh vôi vôi mô phạm, học giả coi như sao Bắc Đẩu núi Thái Sơn. Sao mà đất cỏ đương chơi ¹ bịnh nặng không dậy? Thuốc Thiên Thai vừa tìm. Lâu Ngọc mời đã vôi. Than ôi! Đau lòng vậy thay! Lũ học trò chúng con, tuyết đứng ² nhiều năm, mưa thấm đã lâu, vụt nghe bài ca *duệ trượng* ³ thêm cảm cái mộng điện doanh ⁴. Dầu dầu cỏ thơm, sờ sờ xe liễu. Vãn sinh tự tình, cần chép để viếng).

Bình xong trướng, tế tiếp đến hai tuần *Á hiến* và *Chung hiến*. Rồi trống đổ hồi xong cuộc tế, chuyển sang rung trống lễ tạ. Các ông dự tế chấp sự vào lễ. Kế đến tất cả môn sinh lần lượt đứng làm bốn lễ và vái ba vái. Trống vẫn rung đều người vẫn lễ đều, cho đến lúc nào không còn một anh học trò nào thiếu sót mới thôi.

1. Mùa xuân, lấy nghĩa ở câu “Xuân du phường thảo địa”

2. *Tuyết đứng*: học trò ông Trình Tử đứng đợi thầy học đạo, tuyết phủ kín chân mà cũng vui lòng đợi.

3. *Ca kéo gậy*: lúc đức Khổng Tử đau sắp chết, ông Tử Cống kéo cái gậy mà hát một bài than cái đức của ngài.

4. *Điện doanh*: tế cột: đức Khổng Tử trước khi lâm bệnh, mơ thấy người ta tế ngài ở vào khoảng giữa hai cái cột nhà. Tỉnh dậy ngài bảo mọi người rằng: “Ồ đời này có ai biết tôn ta đâu, nay lại thấy tế ta như thế có lẽ ta chết mất”.

Quả mấy ngày sau, ngài mắc bệnh mà mất.

CHƯƠNG VI

Quan Hoàng giáp đã mất được năm tháng. Quá trăm ngày rồi, không còn nhiều quan khách đến viếng thăm nữa. Dân làng Thịnh Hậu không còn được thấy những bậc cao sang, danh to chức lớn đi trên đường làng nữa, để rồi họ bàn tán khen ngợi, và để tự kiêu với thiên hạ! Họ không còn thấy từng bọn những người phương phi đẹp như những người vẽ trong tranh, nghiêm trang lặng lẽ đi về cổng nhà cụ lớn. Hoặ những vị quan mặt hồng hào nghiêm như long thần trên chùa, giấu bài ngà vào trong áo từ đầu làng, cởi giầy ra giao cho đầy tớ, thất thế hỏi thăm lối vào nhà ông Phủ. Lại có cả những cụ đầu râu tóc bạc như bông, mà quần nâu áo vải, nón lá quạt nan trông như tiên ông cởi hạc, dắt theo một tên tiểu đồng khoác khăn gói, một thầy một trò nghênh ngang vào nhà quan. Còn nhiều nữa... nhưng nay đã quá trăm ngày rồi, chắc không ai sơ xuất lại để đến bây giờ mới đi viếng. Cho nên đường làng Thịnh Hậu lại chỉ có dân làng Thịnh Hậu đi. Mà dân làng Thịnh Hậu lại mãi miết làm ăn, không còn tưởng đến chạy theo thập trò xem người xa lạ. Làng Thịnh Hậu đã trở lại phẳng lặng và kín đáo như xưa.

Cho đến hôm nay, dân làng Thịnh Hậu lại rộn rịp lên. Họ cấm cờ một dãy ở đầu làng. Họ bày cả giáo gươm, dao, mác ở cổng làng. Họ đặt án thư, bày lọ hoa, che lọng. Họ sửa soạn đón quan đồng Tri phủ mới đổi về trọng nhậm huyện nhà được mấy tháng nay. Họ bàn tán với nhau:

- Chắc là quan Đồng lên viếng cụ lớn ta.
- Không đâu! quan Đồng đi khám đê Tam tổng đấy!
- Chả phải, ngài lên xét việc điền bên thôn Hạ, ông Chỉ An kiện.

Nhưng họ đều đoán sai cả. Nửa buổi hôm ấy, quan Đồng cởi ngựa lên tới nơi, kỳ lý đứng thẳng hai bên vái chào, và mời ngài vào chơi chốn đình trung. Ngài chỉ cúi đầu chào lại và quay bảo Lý trưởng:

- Ta lên xem cái quãng đầu sông lấp thuộc địa phận làng này, vì theo ý ta, ta muốn khai lại con sông ấy.

Ông Tú Chính cũng ra đón, nói ngay.

– Bẩm ông lớn, khai lại thì hại dân lắm ạ.

Quan Đồng thân nhiên đáp:

– Được, thầy Lý cứ dẫn ta xem!

Lý trưởng liền tất tả chạy trước dẫn đường. Bọn kỳ lý chạy theo sau. Có mấy ông chán lẩn về dân. Hai ba anh tuần đi vượt lên trước để dẹp đường. Ra đến nơi, quan Đồng xuống ngựa, đi sang bờ *đổi* lần vào bờ ruộng chỗ sông lấp. Lúa tốt phẳng và đầy như mâm xôi tràn kín cả bờ, Lý trưởng phải thân cúi xuống gạt lối cho quan đi. Ngài đi vòng cả đám ruộng, ngắm nghía một lúc rồi quay bảo Lý trưởng:

– Thầy có biết cái quăng sông này lấp tự bao giờ?

Lý trưởng quay lại phía quan vừa chỉ vừa nói:

– Bẩm ông lớn, trước kia còn quăng sông này thì ruộng làng con cứ chiêm tiêu khô, mùa úng thủy, vì nó như cái lòng chảo, mùa nước thì đọng lấy nước mà mùa cạn thì bao nhiêu nước dồn về đầy cả tát lên thật khó khăn. Các cụ làng con trước đã kêu quan trên mãi, đến khi quan Hoàng giáp chúng con mới đô khai khoa, xin với quan Thượng mới lấp được...

– Từ bấy ruộng tốt chớ?

– Bẩm ông lớn vâng, từ bấy đến nay nhờ trời chiêm mùa đều thuận cả, mà ruộng chỗ lấp này mùa nào cũng tốt... Bây giờ mà lại khai ra thì hại lắm.

– Được hẳn biết vậy, ta thấy Chánh tổng kêu lấp con sông này cả hàng tổng hại, nên ta phải thân lên xem sao... Thôi trở về, thầy đưa lối ta sang Liên Cầu.

Quan Đồng vòng ra lên ngựa, lại quay về làng. Ngài vào qua đình xem đình miếu và ăn trầu rồi chào mọi người, lại ra lên ngựa theo Lý trưởng dẫn đường đưa sang Liên Cầu. Các kỳ lý trong làng cũng theo sau tiễn chân ngài hết địa phận làng. Vừa đi qua khỏi cổng nhà quan Hoàng giáp, thì nghe thấy tiếng quát tháo om sòm:

– ... Thế mà cũng đòi có học!... Làm cha mẹ... Như thế là lẽ à?... Lẽ gì nó?...

Quan Đồng chùng cương, đi thong thả, lắng tai nghe câu được câu chẳng, quay lại hỏi bọn theo sau:

– Cái gì vậy?

Khóa Tấn lạnh miệng thưa:

– Bẩm ông lớn, cậu Nghè rúc đấy ạ!

– Sao?

– Bẩm ông lớn, cậu Nghè thấy ông lớn qua trước cửa nhà thờ quan Hoàng giáp mà không xuống ngựa, nên cậu rúc lác là vô lễ!

Quan Đồng tri mặt đỏ bừng, cố gượng cười đáp:

– Sao các thầy không bảo ta?

Ông khóa Tấn tiếp:

– Bẩm ông lớn, tại thầy Lý dẫn đi mau quá.

Quan Đồng tri lại mỉm cười nói:

– Được!

Những người theo sau đều rớn sợ thấy giọng quả quyết của quan nói ra như người dọa, mà không biết lời dọa ấy sẽ ám chỉ vào ai. Đi hết địa phận làng Thịnh Hậu, vào điểm làng Liên Cầu, các người theo tiễn đưa đã lạy chào ra về, quan Đồng tri liền sai tuần tráng Liên Cầu nọc Lý trưởng Thịnh Hậu ra đánh cho mười roi và bảo:

– Từ rày phải biết trình trước nhé. Làm dân một làng văn học mà không biết lễ nghĩa gì cả!

Tin Lý trưởng Thịnh Hậu bị đòn đòn về đến làng, ai ai cũng biết. Hôm sau các kỳ lý đi tiễn về ngồi chơi nói với nhau:

– Tôi biết ngay mà! Ông ta mỉm cười nói dọa như thế, là có thằng chết đấy!

– Tôi cũng biết ý, nhưng tưởng ông ta dọa ai kia chớ!

Người khác tiếp đổi chiều:

– Kể đánh thầy Lý như thế cũng khi quá! Vô tình ai biết!

Ông thứ tư thêm:

– Chuyện, quyền quan cha mẹ bắt thế nào mà chả được. Và cũng tại cậu Nghè ta!

Ông Khóa Tấn để cho mọi người nói chán, mới lên tiếng ra vẻ hiểu biết hơn cả:

– Đếch phải. Các ông có mà biết. Tự *mỗ* đấy! Cái thằng Lý mới, cho nó một mẻ thế, nó mới biết thân nông nông nghênh nghênh, ta đây kẻ giờ, làm như ông trời con ấy. Mình không có điều gì xích mích với nó, nhưng khuyên bảo nó mãi, nó không nghe, ghét mặt ấy quan đánh chơi!

Một ông kỳ mục bĩu môi nói:

– Thôi đi! Bác làm như bác là bố quan ấy!

Một ông nữa đế vào mĩa mai:

– Không, bác ấy khinh quan như là con *khuyển*, đấy chớ, bác muốn ấy thế nào thì ấy!

Khóa Tấn vẫn vui cười thẳng thắn nói:

– Thật đấy mà lị. Người ta ấy phải có kế chớ ấy đại, ông ấy đánh ngay vào thân mình ấy chớ!

– Phải... Kế?... kế của ông thế nào?

– Này nhé: Mỗ thấy Lý mới dẫn đường cho quan Đồng qua cổng đông, thế nào cũng phải đi trước cửa nhà quan Phủ, mỗ bảo ngay đồ Đạo chạy lối tắt về báo quan Phủ rằng quan Đồng bạch sao làng này có những ông văn học phẩm tước lại không ra đón, thật vô lễ quá. Quan Phủ mà tức khí gắt, quan Đồng nghe thấy chột dạ có hỏi là mỗ đây cứ việc ấy, thế nào Lý mới cũng phải đòn. Mỗ đã biết quan Đồng mới này hay đánh lăm. Ấy thế mà định sao được vậy, quả như lời...

– Thật hay bịa đấy?

Khóa Tấn ngoái cổ lại sau, trông người hỏi câu ấy, rồi quay lại điềm đậm nói:

– Không tin hỏi đồ Đạo đang ra kia kìa!

Mọi người trông theo thấy đồ Đạo đang thất thểu đi về phía quán. Máy ông hiếu sự chạy ra vẫy ông đồ đi mau lên vào quán họp chuyện. Ông đến nơi, một người nói ngay:

– Đắc lực nhỉ? Thế nào kể cho anh em nghe với nào!

Đồ đạo cười hỏi:

– Chuyện gì kia chứ?

– Lại còn khéo màu mè lắm. Bác vào xui bầy quan thế nào mà cừ thế?

Đồ đạo càng làm ra vẻ ngạc nhiên hỏi:

– Ờ kìa! Cái gì?

Khóa Tấn phải nghiêm nét mặt lại bảo đồ Đạo:

– Đừng giấu nữa, mỗ đây đã nói toạc ra rồi. Bác mình cừ lắm, đi sứ thật bất nhục quân mạng!¹ Bác mình làm thế nào mà được

1. Không nhục mạng vua.

việc lanh chóng về vang như vậy. Xin cứ việc kể cho bản quốc đồng nhân nghe.

Đồ Đạo tươi nét mặt lại, ngồi xuống xếp bằng, đảo đầu lắc lư như người lên đồng, cười há hốc hắc mồm ra rồi mới nói:

– Có gì đâu! Tôi vừa vào đến nơi, cậu Nghè Hai hỏi ngay:

– “Anh không đi đón quan Đồng à?”

– “Tôi nhìn trước nhìn sau không thấy bóng quan Phủ đâu, tôi liền khêu tức ngay cậu Nghè:

– “Bẩm cậu có, nhưng tôi tức lắm, tôi bỏ về trước.

“Cậu hỏi:

– Tức sao?

“Tôi đáp:

“Quan Đồng khinh miệt làng ta quá. Tôi tức...”

“Cậu hỏi hấp tấp ngay:

“Khinh sao? À quân lão nhỉ!

“Được thể, tôi đưa luôn:

– “Ông ấy bảo làng văn học, khoa bảng mà không thấy mặt thàng nào ra đón tiếp, để cho một lũ nhãi ranh ra vướng đường...”

“Cậu nóng mặt lên, tức tối hỏi:

– “Có thật nó nói vậy?”

“Biết lửa đã bén dầu rồi, tôi vội để thêm:

– “Bẩm vâng, chính ông ta nói vậy. Tôi tức quá toan cãi, nhưng nghĩ phận hèn sợ vạ, nên tôi liền bỏ về...”

“Không đợi tôi nói hết câu, cậu gắt toáng lên, rúc lác làm tôi cũng phát hoảng”.

Một ông thích khen:

– Giới! Cho là giỏi. Thế cậu ấy rúc lác những gì, bác có nhớ không?

– Cậu cho là chính ông Đồng vô lễ ấy, ngu không biết hai anh em cậu đương cư tang à? Cậu nói: “Thế cũng đòi đi học!... Thế cũng đòi làm cha mẹ dân!... Thế mà là lễ à?... Đồ ngu hèn... Lễ gì nó!...” Cậu gắt nhiều lắm. Mình dâm sợ ngồi im thin thít, rồi mãi mới dám lẩn trộm ra về, thấy nói Lý mới phải đòn, mình càng phục lẩn phục lóc diệu kế của bố Khóa Tấn...

Mọi người đua nhau khen:

– Phải, phải! Thật là lão ta đa mưu đa kế!

– Chúng tôi cũng đến chịu hai bố khéo ăn ý với nhau để thi hành diệu kế!

– Chả kém mưu thần chước quỷ!

Lại lăm người ùa vào chỉ trích:

– Thần quỷ gì cái trò khôn vặt ấy!

– Lại tổ gây thù với Lý trưởng!

– Giỏi giang gì cái thứ ném đá giấu tay! Rồi lại chả có phen đánh nhau chí mạng à!

Đồ Đạo tức mình căi:

– Mỗ có sợ đây này! Đứa nào thù cứ việc thù. Làm cóc gì nhau cho tốt!

Một người nữa đế thêm vào:

– Phải, sợ gì! Anh Lý mới làng ta phải cho ném mấy bận thế mới kỳ thân, thuần tính lại.

Ông Khóa Tấn đang kéo gân cổ lên chực căi lấy bè, thì một tên gia nô trong nhà quan Phủ Tư vừa chạy ra đến nơi, chấp tay chào và lên tiếng nói át cả:

– Bẩm chào các ông ạ. Thưa ông Khóa, ông Đồ, quan lớn tôi bảo ra mời hai ông vào chơi, quan lớn tôi hỏi có tí việc.

Khóa Tấn đọt ngay mặt ra, hỏi lại:

– Việc gì thế anh?

– Bẩm ông, cháu cũng không biết.

Một người tinh ý chẹn ngay.

– Có lại chuyện thầy Lý làng ta hôm qua đấy chứ gì?

Một người nữa tiếp:

– Chắc vậy!

Rồi quay hỏi tên gia nô:

– Thầy Lý mới có ở trong nhà quan lớn không?

– Bẩm có ạ!

Mọi người đều vỗ tay reo:

– A ha! Đích rồi! Mưu thâm, họa thâm! Đích rồi!

– A ha! Mưu thần chước quỷ nữa thôi!

Đồ Đạo giả thình như không nghe thấy gì quay hỏi tên gia nô quan Phủ:

- Cậu Nghè có nhà không?

- Bẩm có... ạ!

- Cậu đang làm gì?

- Bẩm, quan lớn với quan Nghè cùng vào thư phòng nói chuyện thì thăm với nhau. Lúc thầy Lý đến, mới có mình quan lớn ra, còn quan Nghè chưa ra!

- Anh có biết Lý mới đến nói gì không?

- Bẩm không, quan lớn tôi bảo ra tìm hai ông vào ngay.

Một ông cố giữ vẻ nghiêm trang bảo hai người bị tìm:

- Thôi đi đi mà chịu tội! Cậu Nghè em quan, quan còn chả nề nữa là cái ngữ các cậu. Quan nhốt cậu Nghè vào buồng quan răn đấy, anh em trong nhà đóng cửa bảo nhau... Còn các bác liệu hồn đấy!

Người nữa tiếp:

- Vào đi các ông ạ! Cần gì, ta đã có kỳ mưu dị kế, ai làm gì ta cho tốt!

Khóa Tấn cười mắng át đi:

- Đừng nói láo!

Đồ Đạo đứng lên cũng nói:

- Ta cứ đi, chớ ngại gì! Nào bác Khóa!

Một người đứng ngoài cửa tiền bằng một câu:

- Ta đi chớ sợ gì. Quan Phủ có giận cũng chỉ mắng là cùng! Nỡ nào làm cho to chuyện!

Quả vậy, hai người vào đến nhà quan được yên ổn như thường, không gặp phải nét mặt bưng bưng nộ khí hay tiếng gắt giận dữ của quan lớn như hai người đã ước đoán. Ngài mời hai người ngồi, và từ tốn ngài hỏi đồ Đạo, cả Lý trưởng ngồi đấy.

- Ông Đồng ông ấy có nói gì đầu mà sao anh lại vào đây anh xui đại thằng Hai nhà tôi cho nó gắt rinh lên thế?

Đồ Đạo sợ hãi vội vàng thưa:

- Bẩm quan, tôi thấy bác Khóa Tấn bảo vậy, nên tôi hấp tấp vội về định thưa với quan. Nhưng quan đi vắng. Tôi phải thưa với cậu Nghè.

Quan Phủ vẫn từ tốn:

- Thế là anh ngu, và cả anh Khóa kia nữa, thật là già mà còn đại! Ông Đồng có nói thế không mà anh bịa chuyện như vậy. Rồi anh

lại bịa là đi qua cửa nhà thờ thầy tôi không xuống ngựa, nên em tôi rúc lác, để cho anh Lý đây phải đòn. Anh Lý phải đòn thì các anh được ích gì? Anh có biết rằng như thế là đánh vào mặt các anh và cả anh em tôi không? Em tôi, tôi trị tội rồi! Còn các anh, các anh làm nhục cho cả làng, tội các anh còn nặng hơn!...

Mặt ông Phủ đỏ lên, tiếng nói rắn mà nghiêm, làm cho hai người sợ hết hồn đi, ngồi cúi đầu lặng lẽ nghe, không dám cãi, không dám nói.

Tiếng ông Phủ nhanh dần và to thêm, mạnh như từng nhát búa giáng:

—... Đồ ngu! Nghĩ hay lắm đấy! Rước voi về dày mỗ, tưởng ta đây giỏi giang lắm! Rồi gây thù chuốc oán cũng chỉ tại các anh! Thế cũng đòi ta đi học, biết nghĩa lý! Ông Đồng ông ấy bảo làm dân một làng văn học mà không biết lễ nghĩa là gì, là ông ấy bảo các anh đấy, chớ không phải bảo riêng gì Lý trưởng!... Như thế là người ta ám chỉ cả vào hàng đầu sỏ là chúng tôi này, nghe không?... Đồ khốn nạn, không biết gì cả!... Đầu đã hai thứ tóc rồi, còn ngu như bò ấy!... Cút ngay đi! Đứng ở đây làm bẩn mắt ông nữa!

Hai người sợ quá, đang mấp máy chân chực lẩn đi, thấy nói vậy, liền chào rồi ù té chạy. Ông Phủ cũng ngừng nói. Ngài cố kềm cơn tức giận đang nung cháy trong lòng. Giá lúc thường không phải *đại trở*¹ như thế này, ngài sẽ họp cả làng, trị tội hai kẻ láo lếu kia cho ra việc, để rửa nhục cho làng và làm gương cho con em. Nhưng nghĩ đến cái khăn xô trên đầu, ngài cố nén đi nhiều lắm, chỉ mắng qua loa vậy rửa mặt cho Lý trưởng. Rồi hai người chạy biến mất, ngài cũng thôi, nét mặt dần dần trở lại với vẻ buồn thảm đậm của người con hiếu chịu tang cha!

1. *Đại trở*: tang cha mẹ.

CHƯƠNG VII

Tin hai anh em ông Phủ và ông Nghè, con quan Hoàng giáp Thịnh Hậu bị bắt giam đã đồn vang khắp cả vùng, không còn ai là không biết. Ai nấy đều lấy làm ngạc nhiên kinh hãi, cố nửa tin nửa ngờ, mong mỗi thành tin đồn sai. Nhưng nào có thế, ngày lại ngày, cái sự thực hiển nhiên thêm rõ rệt: Anh em ông Phủ bị bắt giam tình nghi về tội âm mưu dị chí chống với Triều đình! Thật là cái tin dữ dội làm cho cả sĩ lâm hoảng sợ! Hoảng sợ nhất có Tuấn. Khi nhận được tin ấy ở nơi dạy học, trong một làng hẻo lánh cách xa nhà non nửa ngày đường, chàng giật mình, tái mặt lại, mê mẩn như người mất hồn, mãi một lúc mới bình tĩnh lại, rồi hấp tấp ra về. Đến nơi chàng không về thẳng nhà, chàng quặt rẽ ngay vào thăm cụ lớn bà. Vừa trông thấy chàng, cụ reo hỏi ngay trước:

- A kìa, anh Tuấn!

Rồi cụ ngồi im ngay, như nén kín nỗi buồn khổ. Chàng lạy chào và nhẹ nhàng gợi chuyện. Bà cụ nói bằng một giọng nhỏ nhẹ đều đều:

- Nó cũng là vận áo xám xui nên, chớ cả nhà chẳng ai biết gì cả. Cả hai anh ấy cũng vậy!

- Thế, bẩm có ai đến bắt không ạ?

- Nào có ai bắt bớ gì đâu. Ông Bá Cúc với một người lệ huyện vào chơi, mang giấy quan Đồng mời hai anh xuống huyện. Đến tối, thấy nhẵn người về bảo hai anh ra tỉnh quan Thượng đòi... Thế rồi một hai ngày chẳng thấy về, các chị ấy nóng ruột, cho người đi thăm tin, thì té ra như vậy, người ta đồn rinh cả lên... Thôi thì cũng đối phúc cùng trời!

- Thưa cô, thế nhà ta đã đi hỏi thăm xem bị giam vì tội gì chưa?

- Có! Ngay hôm biết tin, chị Phủ đã dậm bỏ ra tỉnh rồi, mới biết các anh bị bắt về tội âm mưu phiến loạn... Còn trời đất nào nữa!

- Bẩm cô và các chị, có định kêu cầu gì?

- Có chớ. Nhưng còn đợi anh Bảng Đồng Phú đạt cả Văn thân

bàn xem, để rồi vào kêu thẳng với quan Thượng, và nhờ các anh ấy ở trong kinh xin diện tấu với đức Hoàng đế xem sao. Anh Bảng cũng mới ở đây hôm qua.

- Bẩm được thế thì hay lắm. Bẩm, cô Hai và các chị con có ở nhà không ạ?...

- Bà Hai về chơi Thanh Oai, còn chị Phủ và Nghè cũng cuống cuồng chạy mỗi đứa mỗi nơi cả. Bỏ bê cả công việc làm ăn!

Tuấn ngập ngừng, rồi khẽ đáp ứng:

- Bẩm chị Tuyết...

Bà cụ biết ý liền nói ngay:

- Còn mình con Tuyết ở nhà phải trăm việc... Con ở đi cấy cả, nó vừa phải chạy đi cắt ít cỏ về để tối cho trâu nó ăn...

Tuấn đã biết rõ tin tức rồi, liền tìm cơ lui:

- Biết hung tin, con vội về thăm. Giờ con xin phép có về qua nhà, rồi con lại bàn với cô và các chị con, để mai con ra tỉnh xem sự thế thế nào?

- Anh định ra tỉnh à? Ừ có ra thì sang hỏi qua anh Bảng Đồng Phú xem.

- Bẩm vâng. Thôi, lạy cô con về ạ!

- Ừ anh về!

Nhưng chàng chưa về vội. Chàng chạy lên nhà chấp tay lâm thâm khấn quan Hoàng giáp, rồi lấy một thẻ hương đi ra. Sang nhà hàng xóm chàng xin rơm vụn cái nùn, đem vào bếp xin lửa. Rồi cầm hương và *nùn* chạy thẳng ra ngoài đồng. Trời đã về chiều. Bầu trời quang đượm phát một màu vàng nhạt lọc qua làn sa mù mỏng là là trên mặt đất làm cho cái buổi chiều giữa đồng đã ấm áp lại ấm áp thêm... Cây lặng lẽ, im lìm để cho chim chóc tha hồ mà nhảy nhót, đưa tiếng ca hót vang lừng tan ra trong cõi bao la, mênh mông xa rộng... vui mừng một buổi chiều hãn hữu. Vẻ vui tươi lan tràn ra khắp cả. Dưới cánh đồng những người và những vật cùng thấm thía một nguồn vui bao quát ấy cố gắng bừa thêm một lượt nữa, thêm vài đường nữa, nhổ thêm mấy chục mạ nữa, tát thêm một thôi nước nữa... Đâu đấy đều vui vẻ, đâu đấy đều hoạt động. Hoạt động đầy lạc thú thấm thía tự lòng người mà tản mác lên hòa cả với vũ trụ... Trời quang tinh vô cùng, phong cảnh đẹp vô cùng, người người đều cảm thấy, nhận thấy

như vậy. Chỉ riêng anh chàng Tuấn không thấy gì cả. Chàng cắm đầu chạy một mạch đến ngôi mộ vừa táng quan Hoàng giáp. Chàng mãi chạy quên cả đáp những người chào hỏi. Đến bên mộ, thần thờ nhìn quanh quẩn một lúc, nhận thấy bóng Tuyết thấp thoáng mãi đằng phía Văn chỉ, chàng yên tâm đứng thối lửa thấp hương cắm lên trên núm cái mộ mới. Trông làn khói thơm vút lên rồi lan tỏa biến vào không trung, chàng tưởng tượng như linh hồn quan Hoàng giáp đã được cảm thông với tấm lòng chí thành của chàng, chàng chấp tay vái lia lịa, và thiết tha cầu khẩn ngài sống trung nghĩa chết linh thiêng, xin rủ lòng thương hai con vô tội, mà đừng vâng giá võ về phù hộ độ trì cứu các con mau qua cầu thoát nạn! Chàng khấn rồi lại vái, vái xong lại khấn, những kẻ tò mò nhìn trộm thấy vẻ thành kính ở chàng rõ rệt quá, mãnh liệt quá, đều phải sợ, thấy mình vô ý thức, cúi đầu lảng đi chỗ khác. Khấn vái xong, chàng cầm thẻ hương và nùn đi tắt cánh đồng lên Văn chỉ đứng nhìn xuống cánh bãi cỏ xem Tuyết đang ngồi xổm, một chân soãi đưa đà, tay phải cầm liềm thoăn thoắt vặc cỏ. Bỗng nàng ngừng tay, trông lên thấy chàng đứng trên kia đang đăm đúi nhìn mình, nàng lại vội cúi xuống làm việc, sợ máy cô bạn biết ý chê cười. Tuấn tin rằng Tuyết đã trông thấy mình rồi, mừng quá đứng ngậy người ra một lúc nhìn cái thân hình thon thon đang từ từ rung chuyển theo đà cái liềm cong bán nguyệt lên xuống đều đều, chàng liên tưởng nhớ một cung phi ngày trước, lúc hàn vi cũng đi cắt cỏ thế kia, đã hát lên rằng:

*“Tay cầm bán nguyệt xinh xang,
Một trắm ngọn cỏ lại hàng tay ta!”*

Chàng mỉm cười tự nhủ:

– Thật chẳng kém gì cung phi Hoàng hậu!

Nhìn chán, như sực nhớ ra điều gì, chàng quay trở vào thối lửa, thấp tất cả những nén hương còn lại ở trong thẻ, đem ba nén cắm vào bát hương bệ chính thờ Đức thánh, ba nén vào bệ công đồng còn thừa bao nhiêu đem cắm chia ra khắp bát hương các bệ khác. Rồi chàng quay về đứng trước bệ công đồng, vái vái, khấn khấn. Chàng khấn từ đức Đại Thành Chí Thánh đến các vị tiên Thánh, tiên hiền, đến các vị tiên nho ở nước ta, các vị có công đức với văn học ở trong vùng, kêu gọi các ngài đem dạ công minh, phép thiêng liêng về phù hộ cứu giúp hai kẻ tìn đồ nhà nho đang bị nạn oan uổng. Đăm đăm nhìn những làn khói hương bốc lên nghi ngút, chàng chấp tay vừa vái

vừa khấn mãi mãi. Xong chàng lại đi ra sau Văn chỉ nhìn xuống bãi. Trời đã gần tối. Mặt trời gác núi không chói và cũng không phát ra tia sáng nữa. Chỉ còn tròn vành ảnh và đỏ rực trông như cái bánh gấc vậy. Ngoài đồng, người làm đã về gần hết. Đồn điền vắng như không. Trên đường về làng, đông chật liên nối nhau những người và vật. Thấy Tuyết còn mãi cát nữa, Tuấn khẽ mắng một mình:

– Gớm sao mà mãi thế, gan thế!

Rồi chàng lại tự nghĩ:

– Dễ thường họ đợi cho mình về trước chăng? Khi nào mình chịu!...

Chàng lại trở vào Văn chỉ. Thần thơ đi từng bước một, vòng quanh Văn chỉ, qua đằng sau lối các bệ thờ, chân vẫn bước, mắt vẫn nhìn, mà chàng không thấy gì cả, tim óc chàng còn đang mê mẩn nghĩ đến Tuyết. Bây giờ đây, chàng quên hết cả. Chàng chỉ còn nhớ có nàng. Chàng phác họa ra một cảnh đoàn viên đầy lạc thú, cực kỳ êm đẹp, đến thần tiên cũng phải ghen! Chàng sẽ là một tay văn chương lỗi lạc, thiên hạ lừng danh, đem tài kinh luân ra giúp vua trị nước, võ về trăm họ, đem yên vui lại cho lê dân, kém gì Y doãn, Chu công, Ngụy Trưng, Bùi Độ... Tuyết sẽ là một bậc tuyệt thế giai nhân, phi thường khuê tú, vững dạ kiên trinh giàu lòng đởm được, lấy đức hạnh giữ gìn đạo vợ, đem tài năng giúp đỡ chồng con, đáng làm nghi tắc cho cả thiên hạ, nào có thua gì Thái Nhâm, Thái Tự. Hai vợ chồng ở trên lầu Ngũ Phượng trong một vườn hoa đầy trăm sắc nghìn hương. Lúc nhàn rồi, hai vợ chồng cùng dạo quanh ngắm cảnh, cùng tin nhau, cùng hiểu nhau, cùng bàn bạc nhau, cùng giúp đỡ nhau để làm nên sự nghiệp. Thiên hạ thế nhân đều phải phục khen:

“Chồng ấy phải có vợ ấy!” Chàng bỗng thốt ra tiếng:

– Chồng nào vợ ấy!

Bỗng cái cành khô rơi bộp xuống vai chàng. Chàng giật mình ngẩng lên, thấy con chim vạc đang nhảy dõ trên cành cây ở góc Văn chỉ mà không biết. Sợ điềm gỡ, chàng cầm cái que ném lại con chim, nhưng nó vẫn đậu im không bay! Chàng liền bỏ mặc nó, quay nhìn ra phía bãi cỏ thấy Tuyết và một cô bạn nữa đang xếp cỏ vào gánh sắp sửa ra về. Chàng mỉm cười nghĩ bụng:

“Nào xem có phải về không nào! Gan mãi được à?”

Chàng liền trèo lên tường ngồi đợi. Tuyết và cô bạn đã quảy hai gánh cỏ lên vai, bước thoăn thoắt về lối Văn chỉ. Hai bên cỏ tròn và

cao múp bằng đầu người, như hai cái chum, chàng tưởng tượng như nàng tiên nhẹ nhàng thướt tha quảy hai bồ vàng bạc xuống phân phát cho bàn dân thiên hạ khỏi đói rét. Nàng tiên đến dần, bồ vàng to dần... Rồi kìa nàng tiên đã đến nơi. Vạn vật mờ đi cả. Vũ trụ chỉ còn là một bầu trời sáng. Và nàng tiên đang đặt bồ xuống, sắp ném tung nguồn sống dồi dào vào vũ trụ tươi sáng. Nàng tiên sắp nói. Bỗng có tiếng nói làm chàng tỉnh cơn mê tưởng:

- Chị về sau nhé. Em xa...

- Đợi tôi về với. Tôi đổi vai...

Chàng mừng quýnh, thấy Tuyết đã đến đấy, trước mặt chàng. Chàng vội nhảy xuống, đứng bên trong tường, nhìn ra gọi:

- Tuyết!

Nàng ngẩng lên tươi cười chào:

- Anh Tuấn!

Rồi nàng quay gánh cổ, ấn gọn lại, trông theo thấy cô bạn đã ra quá ngoài Văn chỉ rồi, nàng mới đứng ngay người lại, chống đòn gánh, nhìn Tuấn hỏi:

- Anh về bao giờ thế?

Nhưng Tuấn không nói gì cả. Chàng cứ trân trân gương cặp mắt đắm đuối nhìn nàng. Nàng không ngượng, cũng ngây người ra nhìn lại. Bên đứng trong Văn chỉ, bên đứng ngoài, cách nhau một bức tường chớm rêu, hai người cùng say sưa nhìn nhau không chớp. Lần đầu tiên, hai người dám nhìn nhau lâu như thế, như đem hết sức mắt ra thu ngón lấy hình ảnh của người thân yêu! Không ngượng nghịu, không e lệ, giữa cảnh bao la cao cả, họ thậm lặng mà hưởng lấy mấy phút thiêng liêng của tình yêu cao quý! Trong giây phút thần tiên ấy, họ bỗng quên tất cả, quên cả thời khắc và không trung. Một lúc lâu. Một cơn gió nhẹ thoảng qua, lạnh. Tuyết rùng mình tỉnh trước, nhắc lại câu hỏi:

- Anh về bao giờ thế?

Tuấn cũng giật mình nhớ ra công việc của mình, hơi xấu hổ, cũng cố gượng cười đáp âu yếm:

- Anh vừa về. Anh ở trong nhà ra... đợi em...

- Anh vừa ở dưới mộ thầy?

- Anh thấp hương kêu khấn thầy phù hộ cho các anh.

Tuyết trông những chân hương mới ở Văn chỉ, và có nén hăng còn nghi ngút cháy, hỏi:

- Anh có lòng và có công quá, anh ra cả đấy lễ kia à?

Tuấn cười:

- Phải, anh kêu cầu thần linh, các tiên thánh tiên hiền cao minh chính trực dâng vâng giá vũ về độ trì các anh nhà ta. Chớ anh tức lắm, mình có làm gì mà họ bảo là dị chí!

- Anh có biết cơ sự vì đâu à?

- Không. Chắc Thượng ti ngờ oan!

- Em thì em cho có kẻ nó ghét nó vu cho như vậy. Cũng là nhà mình gặp vận áo xám!

Thầy và các anh đều ăn ở hiền lành, làm ơn làm phúc cho mọi người, có thù oán gì ai mà họ ghét!

- Em ngờ cho ông Đồng dưới huyện, và lão Bá Cúc, nó cùng ghét nhà ta cả, nó vu oan ra vậy báo thù chơi!

- Ông Đồng mới này làm gì mà thù nhà ta?

- Anh không nhớ à? Hôm ông ấy đi qua đây lão đồ Đạo vào xui xiểm anh Hai thế nào, anh ấy chửi toáng lên. Ông Đồng ông ấy bẻ mặt chớ. Họ giận là phải. Chỉ tại anh Nghè nông nổi. Còn lão Bá Cúc ghét nhà ta, anh có biết vì sao không?

Tuấn mỉm cười, nhìn Tuyết không đáp:

Tuyết thông thả cứ nói tiếp:

- Vì đạo lão ta đến hỏi em cho con lão, đâu thấy máng lão tệ quá... Bình thường ra thì họ chả làm gì được nhà mình. Nhưng bây giờ thầy mất đi rồi, lại gặp phải lão Đồng này không trọng gì nhà Nho cho lắm, nên lão Bá Cúc mới dễ ho hoe! Dậu đổ bìm leo, quân tiểu nhân đắc chí, xưa nay thế thường. Chỉ nhà mình đã quần lại quần thêm. Hai anh là đàn ông thì bị bắt cả!

Tuấn an ủi

- Anh thấy tin dữ, anh cũng nghĩ vậy nên vội về để bàn với em mai anh ra ngoài ấy xem sự thế thế nào rồi ta liệu kế kêu cầu...

- Chị Phủ cũng ra rồi, nhưng xin vào thăm anh ấy cũng không được.

Các chị ấy là đàn bà, giỏi cũng không lại được với đàn ông. Anh ra, anh quen nhiều, anh luồn lọt, anh mới biết được đích xác là vì đâu mà bị bắt... Cho nên anh cần phải gặp em trước...

– Đa tạ anh có lòng nghĩ đến gia đình nhà em như vậy. Thôi em về đây, kéo tối mịt mù đến nơi rồi!

– Việc là việc nhà cả em ạ. Chưa tối đâu, đợi anh cùng về một thể. Nói chuyện nữa...

Tuyết không nói, tra đòn gánh vào quang đem cổ quang ra móc vào mấu đòn gánh, rồi ghé vai gánh lên, nhúng nhúng chực bước đi và nói:

– Em về trước nhé!

Tuấn van nài:

– Anh cùng về với!

Rồi chàng đã để tay lên thành tường vô tường định nhảy ra đi sát bên Tuyết, nói chuyện cho thêm ấm áp. Nhưng không biết nghĩ sao, chàng lại đứng yên lại bên trong, rồi ngấp ngừng trông Tuyết đang ngại ngần cất bước, cứ ngoảnh lại chờ chàng. Không do dự nữa, chàng liền rảo bước đuổi kịp Tuyết và hai bên vừa đi vừa nói chuyện, mà vẫn kẻ trong, người ngoài tường Văn chỉ! Tuyết hỏi trước:

– Thế anh cho học trò nghỉ à?

– Phải cho nghỉ, nếu bận, nghỉ luôn đến Tết cũng được. Cuối trung tuần tháng một rồi còn gì!

– Nhưng nghỉ nhiều quá họ kêu, lợi lộc họ tết mình không được mấy, bà cụ nhà ta lại kỳ kèo!

– Mẹ chả dám nói sao đâu! Cần nghỉ thì mình mới nghỉ đấy chứ, có nghỉ đi chơi bởi lêu lổng đâu mà sợ. Vả cũng là việc nhà cả kia mà!

– Anh định mai ra tỉnh thật à?

– Ừ mai, nhưng mẹ còn bảo sang hỏi anh Bằng Tuân. Ý anh, anh muốn ra ngoài ấy xem thế nào, rồi hẵng về bàn với anh Bằng.

– Đừng! Anh ạ, anh nên sang hỏi anh Bằng Tuân trước. Chẳng gì anh ấy cũng có nhiều danh vọng và nhiều tuổi đời hơn mình...

– Ừ thế để mai anh sang sớm, rồi anh đi thẳng lối ấy ra tỉnh cũng được...

– Anh có công quá.

– Cũng chả xứng với tấm lòng của em yêu quý!

– Anh chỉ nói!

– Thật đấy!

Tuấn cười tình, Tuyết cũng vui theo, tươi cười nói:

– Em chả biết yêu quý là gì!

– Yêu quý hay bằng lòng cũng vậy!...

– Anh giảng nghĩa hay nhỉ?

– Không hay bằng em nói... Tiếng em êm như đàn, mà miệng em tươi như hoa...

– Còn anh?

Hai người còn đang chực nói thêm nhiều câu thân mật nữa, nhưng vừa vòng hết tường Văn chỉ Tuấn đã bước chân ra khỏi cổng gần giáp mặt Tuyết, thì nàng trở vai gánh đánh phát một cái, bước nhanh lên và còn ngoảnh lại bảo Tuấn:

– Anh để em về trước, kéo dân làng người ta cười cho ấy.

Tuấn toan cãi lại: “Cười gì”? Nhưng thấy con mắt của nàng đang diu hiền, nay đã trở nên nghiêm nghị, mà giọng nói thêm vẻ danh thép, chàng đành im lặng đứng lại, thân thờ đưa tầm mắt dõi theo bóng dáng nàng đang thoăn thoắt đều đều tiến trên con đường về làng. Chàng trông theo mãi mãi, cho đến lúc cả người và hai bên cỏ đã hòa làm một và lòa đi thành một khối đen mờ mịt. Màn đen tối về giữa mùa đông đến rất từ dờ chậm chạp, bao lớp cảnh vật dần dà rồi mới xóa hết, mà lúc này cũng đã che phủ gần mất hẳn cái khối đen mờ kia rồi! Chỉ còn có cặp mắt thân yêu mới nhìn rõ thấy cái hình ảnh thân yêu ấy! Cho nên chàng còn đứng trông mãi, và thả lỏng luồng suy nghĩ bay theo con người mà chàng quý mến... Đợi tới hẳn, chung quanh đen ngòm tất cả, không còn trông thấy gì nữa, chàng mới rảo bước ra về...

*

* *

Sáng hôm sau chàng đi sớm. Rồi một, hai, ba, bốn ngày cũng không thấy chàng về. Cả nhà đều nóng ruột mong đợi. Nhất là Tuyết càng bối rối lo sợ, không làm được việc gì cả. Nàng mượn người xuống nơi Tuấn ngồi, xem chàng có về qua đấy. Nhưng cũng không thấy. Nàng càng bối phần lo lắng. Nàng tưởng tượng ra bao nhiêu cảnh rùng rợn mà lo ngại cho thân phận chàng, thân phận một kẻ thư sinh không lấy gì cương cường cho lắm. Chàng bị quân hung đồ

đánh? Chàng bị bắt cóc? Chàng ốm ở nhà trọ? Bao nhiêu cảnh sợ hãi dồn dập vào óc nàng khiến ruột nàng bối rối lại càng bối rối hơn tư vò, ngày không buồn ăn, đêm không ngủ được. Chẳng lẽ nàng lại bỏ nhà đang rối quẩn như thế này, mà xông pha đi tìm chồng! Nàng nghĩ vậy, nên cố nén lòng đợi, mỗi ngày qua là cả một hòn núi Thái Sơn đè lên nghẹt thở. May sao đến ngày thứ bảy, có người nhà quan Đốc học ở tỉnh về báo tin chàng Tuấn cũng bị bắt giam, nàng bớt sợ hãi, bình tĩnh mà lo lắng công việc. Nàng xin phép mẹ sang bên Đồng Phú nói cho Bảng Tuân biết và hỏi thăm tin tức. Bảng Tuân thấy nàng kể rõ đầu đuôi, liền hỏi:

– Có! tôi cũng mới được tin anh Tuấn cũng bị bắt. Liên can vào việc anh Phủ anh Nghè cả đấy mà! Tôi đã đạt được cả giấy cho các môn sinh thầy rồi. Ngày mai chúng tôi họp rồi bàn cùng với các Văn thân hàng tỉnh vào hỏi thẳng quan Tổng đốc, xem các anh bị tội gì và duyên cớ thế nào. Chớ văn kỳ thanh, bất kiến kỳ hình, chưa lấy gì làm chắc.

– Thế bao lâu nữa thì các anh vào hỏi quan Thượng?

Chầy lắm là năm hôm nữa thôi, có thế nào tôi xin về ngay bên ấy thưa chuyện. Chị chớ ngại. Thế nào rồi cũng được tha. Nhưng phải từ đồ mới được. Ta chớ nên nóng nảy. Chị về nói lại với hai cô và các chị ấy như thế hộ tôi. Tôi cũng viết giấy cho người vào Kinh báo cho các anh ở trong ấy biết và liệu bề tâu giúp hai anh.

Tuyệt ngập ngừng mãi mới lại dám hỏi:

– Thưa anh, hôm anh Tuấn ra tỉnh, anh ấy có đi qua đây không?

Bảng Tuân lắc đầu:

– Không chị ạ! Sao?

– Em bảo anh ấy sang đây bàn với anh đã rồi hẵng đi. Thế ra anh ấy vội đi thẳng lối kia, không rẽ sang đây...

– Giá anh ấy sang, tôi bảo anh ấy, đừng ra vội, vô ích!

– Anh ấy dại, hay hấp tấp, chưa nghĩ được sâu xa như anh.

Rồi Tuyệt xin phép ra về. Vừa đi nàng vừa tức Tuấn, lắm bầm khế mắng:

– Bảo có nghe đâu kia chớ! Rõ vận áo xám, cái đen nó cứ đuổi mãi.

Tin Tuấn bị bắt giam làm cho bà cụ thân sinh ra chàng lo quá thành ốm nặng. Bà cụ chỉ có mình Tuấn và hai người con gái lớn đều đã lấy chồng cả rồi. Bà cụ ở nhà một mình. Khi ốm đau chỉ có cháu

bên hàng xóm chạy đi chạy lại hầu hạ. Và thỉnh thoảng người con gái lấy chồng ở làng chạy đến giặt dĩa và, năm thì mười họa, có cần thì sắc thuốc nấu cháo, trước khi đợi Tuấn về. Ấy là mọi bận trước kia. Nay Tuấn bị bắt, bà cụ lại đau, tình cảnh thật là mười phần khốn bách, Tuyết lảng qua xem thấy vậy nghĩ thương tình người yêu, cảm thương mẹ già, liền về nói với hai mẹ, xin tòng quyền mà chạy đi chạy về, đến hầu hạ thuốc thang cơm nước cho bà cụ chóng mạnh. Hai bà mừng thầm thấy con hiếu nghĩa liền cho đong ít gạo tám và cho đem ít sâm, quế cùng đưa Tuyết lại nhà Tuấn, hỏi thăm bà cụ và nói cho nàng ở lại hầu hạ, trong khi anh Tuấn bị giam cầm. Bà cụ còn đương tìm những lời tâng bốc để từ tạ hai bà lớn và để thoái thác không dám nhận Tuyết ở hầu, thì nàng đã chạy xuống bếp lấy ấm đun nước sôi pha sâm, và xin nước giải mài quế cho bà cụ uống. Hai bà đứng dậy ra về gọi nàng dặn:

– Con mài quế và pha sâm cho bà uống. Người uống những cái này nó lại sức, rồi mai mời ông lang Nhất vào xem mạch cho bà và cắt thuốc sau.

Hai bà về rồi Tuyết mang sâm và quế vào cho bà cụ. Nàng dịu dàng nói:

– Thưa bà mời ít nước quế con vừa mài đặc lắm đây ạ! Uống quế trước rồi uống sâm sau, cho sâm nó ngấm ạ!

Bà cụ trở mình lại cố gượng nói:

– Đa tạ cô quá. Bà lớn có lòng tốt đoái thương đến cho sâm, cho quế, cho gạo, thế là quý hóa lắm rồi, cô có lòng lại hỏi thăm là quý tôi không dám phiền cô... tôi không đáng để cô thương quý như vậy. Xin cô để mặc tôi... người ta cười...

Tuyết nói thông thả và nho nhỏ đủ nghe:

– Dạ, thưa bà không nên nghĩ thế ạ! Anh Cả đây với trong nhà con là chỗ đi lại thân tình ai mà chả biết. Nay anh chẳng may đi vắng, bà lại ươn mình, nhà thì vắng vẻ, nên bốn phận con phải chạy lại đây, thay anh Cả mà trông nom thuốc thang hầu hạ bà. Xin bà chớ ngại, cứ vui vẻ cơm ăn thuốc uống, cho chóng khỏe mạnh. Người ta nghĩ đến nhau trong lúc đau yếu mới là yêu quý, huống chi thấy con lúc hấp hối đã bảo anh Cả thế nào, mọi người đều biết, chắc là cũng còn nhớ, thế thì dù sao con cũng sẽ là vợ anh Cả mà là con dâu bà. Vậy xin bà đừng nề hà gì, con cũng như con cái trong nhà, muốn cái gì, bà cứ bảo.

Bà cụ cười tiếp:

– Đã hay rằng vậy. Nhưng cô là bậc cao quý ở nơi khuê các, đối với nhà tôi nghèo hèn nhà tranh vách nát, một vực một trời. Dù có lời cụ lớn dạy cho như vậy, nhưng em nó định liệu chưa xong bề nào, tôi càng ngượng và sợ...

– Thưa bà, đã yêu nhau hai nhà như một, đâu dám quản thế ạ. Xin bà cứ vui vẻ uống thuốc cho ạ! Bà không uống tức là bà không thương con, mà bà không thương con thì rồi con không dám lấy anh Cả nữa.

Bà cụ cũng phải bật phì cười, rồi uống quế uống sâm. Nàng lại hỏi bà muốn ăn thứ gì để nàng nấu. Bà cụ cũng vừa vui mừng sẽ được con dâu hiếu thảo đảm đang, sẽ được thông gia với bà lớn lại vừa được chăm nom, thuốc thang tử tế, nên bệnh bớt hẳn đi, mười phần, chỉ còn độ hai ba phần. Bà gượng dậy, chạy loăng quăng trong nhà và chực giở ra cả ngoài sân ngoài ngõ. Nhưng hề có Tuyết ở đấy thì nàng không cho bà chạy ra gió. Nàng bắt bà kiêng cho khỏi hẳn. Nhưng nàng lúc ở đấy, lúc về nhà, luôn không nhất định. Vắng nàng, bà lại lò dò ra sân chơi. Bà con hàng xóm trông thấy liền bảo:

– Kìa bà, chị Cả chị ấy cầm ra gió kia mà!

Bà trợn mắt vênh mặt lên nói lấp bắp:

– Ấy chết! Các bà chớ nói. Vắng cô ấy, tôi trốn ra một tí!

Một bà bảo:

– Cần gì nhỉ. Có ốm nó lại nuôi! Cửa ấy dễ muốn ốm nữa, để ăn cơm tám thịt rim!

Bà cụ cãi:

– Chỉ đại nào!

Một bà khác nói:

– Rõ sướng nhé! Chứa mất tiền cheo gạo cưới mà đã có con dâu về hầu. Mà con dâu có thương đâu, con gái cụ lớn, em các quan. Thật là bà tu từ bảy kiếp trước nên mới được như vậy! Thế mà chị ấy bảo uống thuốc còn làm nũng: “Sao nó đáng là ấy!” Rõ chả trách được!

Bà cụ nói:

– Chuyện, cũng phải giữ giá một tí chứ!

– Giờ giá bố Cả nó đi vắng hàng năm cũng chả cần nhỉ? Động một tí gì đã có chị Tuyết... chị Tuyết con quan Hoàng giáp kia mà lị!

*

* *

CHƯƠNG VIII

Chín tháng sau, hai anh em ông Phủ, ông Nghè và Tuấn mới được tha về. Chín tháng trời giam cầm đàng đẵng, nay được lấy lại tự do trở về với những người thân yêu mong đợi, ai nấy đều vui mừng hơn hở. Và tất cả sĩ lâm đất Bắc được tin đều cũng vui mừng hơn hở, mừng cho bạn làng Nho vô cơ bị buộc vào tội tầy đình, mười mười tưởng là đưa đến côi chết, mà nay đã lại được về, thanh thỏa mọi sự, giữ nguyên được danh vọng cao quý với thiên hạ. Họ kéo nhau đến chơi thăm rất đông gần đủ mặt hết các bạn văn thân trong vùng và các bạn môn sinh cụ Hoàng giáp. Bên khói thuốc hương chè, câu chuyện hàn huyên nở giong theo miếng trầu đơm giọng. Nhân nhắc đến duyên do tội vạ, ông Phủ mới vui vẻ kể lại cận kê:

– Có gì đâu, nguyên trên phủ Quảng Oai tôi ngồi dạo trước, có bọn giặc cỏ nổi lên phá phách, thế lực đâu cũng mạnh, vây phá phủ thành, ông Phủ bỏ chạy. Ông Đồng ta đây, vốn sẵn lòng hiềm với anh em tôi, được tin ấy, liền mưu với Chánh Cúc làm đơn trình tình nghi cho anh em tôi làm minh chủ cho bọn kia. Ông Đồng này đâu chơi thân với ông Phủ trên ấy, nên chính sự của tôi, họ biết cả. Gia di lão Bá Cúc ở ta thông tỏ ngô đường vạch hết ra cho nó. Mình vô tình không biết, nó lập tâm buộc tội mình, thì mình làm gì mà chả mắc...

Một người hỏi:

– Chúng nó vu khống thế, mà quan Thượng ta không biết à?

Bảng Tuấn lạnh chanh đáp thay ông Phủ đang mãi hút dở điếu thuốc:

– Cũng biết chớ, nhưng tình ngay lý gian, không thể nhất đán tha ngay được. Cho nên cái hôm chúng tôi vào yết kiến ngài, ngài cũng nói là ngài biết hai ông anh đây oan. Nhưng phải từ đồ đợi lâu lâu một tí mới được...

Ông Phủ tiếp:

– Phải! quan Thượng cũng có dặn ngục quan và ngục tốt đối đãi

với chúng tôi tử tế. Còn việc quan đã có giấy tờ, thiên vị thế nào được. Bọn họ đã khôn lại ngoan, đâu họ có cả đơn trình tình nghi lên quan Tổng đốc Tam Tuyên nữa. Quan Thượng ta nhận được tờ tri của quan Thượng Tam Tuyên, nên ngài càng cẩn thận lắm. Giá không, chúng tôi được về sớm hơn nhiều.

Bảng Tuân tiếp vào:

– Ủ, nghe quan Thượng nói với chúng tôi hôm ấy, tôi cứ tưởng thế nào hai ông anh cũng về sớm. Có lẽ hôm ấy ngài chưa nhận được tờ tư của quan Tổng đốc Tam Tuyên...

Ông Phủ ngắt:

– Ấy cũng nhờ có anh em văn thân khéo binh vực kêu giúp, quan Thượng đây cũng là người trọng học, hết lòng che chở, lại được các anh em trong Bộ minh oan cho, chớ không anh em tôi khó lòng mà gỡ tội với lão Đồng ở ta. Chúng tôi xin nhớ ơn bác Bảng và khắp mặt anh em mãi mãi.

Bảng Tuân đỡ lời:

– Đây là bốn phận của anh em phải thế chớ có gì mà ơn với huệ. Họ làm thế, tức là họ khinh cả sĩ lâm rồi còn gì.

Ông Phủ hỏi:

– Ông Đồng ta rồi sao mà đổi?

Một ông cao tuổi đáp:

– Ấy ông ta làm lắm cái trái khoáy, nên cả Văn thân hàng huyện chúng tôi nắm được mấy việc, lên thẳng quan Thượng kêu xin trả ông ấy lại Triều đình. Quan Thượng ngài độ lượng, khuyên xin chúng tôi, rồi ít lâu sau mới tâu giáng ông ta xuống làm tri huyện, bổ trả về đường trong¹ rồi.

Một người nữa tiếp:

– Làm quan như lão ấy đến hay bởi việc, đổi thế đáng lắm. Ta đây còn thuận chớ. Vào đường trong thì đừng có ho hoe!

Giữa lúc ấy, Tuấn ở nhà được người vào tìm, mới ra đến nơi. Mọi người đều vui vẻ đứng dậy chào, và vui vẻ hỏi han rồi rít. Tuấn rất cảm động tươi cười, đáp lại những câu vồn vã. Ai nấy lại ngồi yên về chỗ cũ rồi, một người mới kịp nhớ ra hỏi:

1. Từ Thanh Hóa trở vào.

- À! còn anh Tuấn làm sao mà bị bắt nhỉ?

Ông Phủ cười giòn đáp:

- Ấy cái ông ấy mới nực cười chớ. Đương tự nhiên nhảy vào tròng cho họ tóm. Tôi thấy quan Đốc học vào thăm tôi nói mới có đơn tặc, trình tình nghi anh ấy mấy hôm trước, thì anh ấy đã lại dẫn xác ra cho họ bắt.

Một người hỏi:

- Anh ấy thì có làm gì mà tình nghi nhỉ?

Ông Phủ thông thả đáp:

- Ấy lại cũng do cái ông Chánh tổng tổng ta đấy. Ông ấy tức anh Tuấn được thầy tôi gọi gả con Tuyết cho, mà ông ấy lên hỏi thì thầy tôi lại gắt cho ê chề!

Bảng Tuân quay ra bảo Tuấn:

- Hôm ấy giá anh sang qua tôi, tôi bàn không cho anh đi, có phải anh khỏi bị bắt giam không?

Người khác tiếp:

- Nhưng lão Bá Cúc nó đã thù, thì không bắt trước cũng bắt sau.

Một người nữa hùng hổ nói:

- Cái thằng tiểu nhân bạc ác ấy, anh em ta phải trị cho nó một mẻ, cho nó biết thân!

Người thứ ba tiếp vào:

- Phải làm cho nó mất chánh tổng, tù tội mới cam, chớ để thế này tức lắm...

Ông Phủ ôn tồn nói giải cả:

- Thôi các anh em ạ, tha cho nó làm phúc, làm ra mang tiếng mình nhỏ nhen cũng như nó. Người cùng vùng cả, đi về trông thấy nhau, làm cạn tàu ráo máng chỉ thêm gây oán mà thôi. Cốt anh em tôi được về vui vẻ thế này, các anh đến mừng cho là quý.

- Vâng, bác Phủ dạy thế là phải lắm. Anh em nhà nho chúng ta không nên chấp nhặt quá. Đức Thánh đã dạy "*Trung Thứ*", ta quên à. Sinh sự, sự sinh, càng bới ra rồi lại càng tổ bực mình. Thôi, anh em ta cũng nên chín bỏ làm mười, tỏ ra độ lượng quân tử không tiểu nhân như bọn hàng hào chúng nó!

Nghe những lời có lý của hai ông đàn anh, ai nấy đều ngóai cơn

tức, và trở lại nói chuyện vui vẻ. Họ hỏi Tuấn về ý định đi thi khoa Hương thí sắp tới.

Tuấn cười đáp:

– Suốt một năm trời, chẳng nhìn đến sách còn thi với cử gì.

Một người nói:

– Anh thì còn cần gì phải học. Kinh sử đã lâu thông rồi.

Người nữa:

– Nhưng quyển đã nộp chưa!

Bằng Tuấn đỡ ngay:

– Nộp rồi. Tôi bảo chị Tuyết ở nhà đóng quyển đưa tôi vào nói với quan Đốc nộp hộ rồi!

Mấy người khác thì nhau nói:

– Thế là may đấy, lại được về trước ngày thi một ít lâu mà sửa soạn.

– Chưa biết chừng anh ấy lại đỗ kia đấy.

Mấy người nhiều tuổi hơn nói:

– Thôi, anh em ta đến chơi mừng hai anh thế là đủ, anh em ta xin phép ra về đi.

Ông Phủ cố lưu lại. Họ tiếp:

– Đáng lẽ hôm nay là ngày vui lắm, nhưng ông anh đương đại tang thầy, anh em chúng tôi ở đây mà “*tửu nhập ngôn sơn sơn*”, thì không được, vậy xin ông anh tha cho để khi khác. Kỳ *dại tường*¹ thầy, chúng tôi lại xin đến.

Ông Phủ phải bằng lòng để cho họ về.

*

* *

Đúng ngày hai mươi tháng ba năm sau, tất cả các môn sinh danh vọng tiếp được tờ đạt của trưởng môn đều chỉnh tề khăn áo đến nhà ông Phủ Tư để sửa soạn tế thầy học một tuần nữa, nhân ngày đại tường của quan Hoàng giáp. Lần này, chính ông Trưởng môn thực thụ là Đình nguyên Nguyễn Tiến Hải, mới ra giữ chức Hà Ninh Tổng đốc, đứng lên đạt mời anh em, nên họ kéo đến cũng đông, trừ những ai

1. Đại tường là giỗ hai năm hết tang.

ốm đau hay bận rộn việc gì nguy nan lắm mới chịu vắng mặt. Họ lại giúp tiền để sửa lễ tế thầy và đưa thêm tiền để thế huynh đèn hương thầy. Họ họp nhau, bàn bạc mọi việc, rồi dự xem nhà sự chủ tế yết rước vong linh cụ Hoàng giáp về chứng giám cho tấm lòng hiếu thành của con cái và học trò. Ngày hôm sau là ngày chánh giỗ, các môn sinh vào cử hành *chính tế*, nghi vệ cực kỳ oai nghiêm. Quan Đình nguyên Tổng đốc đứng chủ tế, các viên bồi tế và chấp sự đều là những bậc khoa bảng và quan cao chức trọng cả. Chuông trống và đàn địch vang lừng... Cuộc đại tế diễn ra rất nghiêm, rất đều và rất đẹp. Những người đứng xem đều phải im lặng kính cẩn, và cảm động nghĩ đến đạo Thầy trò thiêng liêng dường ấy, và càng thêm thán phục phong thể nhà Nho.

Tế xong ba tuần dâng rượu, các học trò lục tục kéo nhau vào lễ tạ, từng hàng, từng lượt rất đều và có thứ tự, trông rất đẹp mắt. Trống vẫn cứ đều đều rung rất nhịp nhàng như ăn nhịp với bao bộ gói đang lên xuống đều tấp một loạt, người đứng xem tưởng chừng như mình đang đứng trước một đội quân thao diễn...

Sau cuộc lễ tạ, các môn sinh sang ngồi hai dãy nhà ngang, ăn uống ngon lành và im thắm như không.

Cơm nước xong, họ ngồi dồn lại một nhà ăn trâu uống nước và cùng bàn đến công việc đồng môn một lần nữa. Ai nấy đều ngồi yên chỗ cả rồi và im lặng đợi lệnh trên bàn bạc, ông Đình nguyên Hải mới lên tiếng:

– Hôm nọ ta bàn việc bản môn như thế cũng đã hòm hòm rồi. Bây giờ ta chỉ còn cần hỏi xem cô và bác Phủ định *cải cát*¹ cho thầy vào đạo nào, để ta biết mà liệu trước. Có phải không? Các bác?

Mấy người cùng đáp:

– Vâng ạ!

– Vậy bác nào chạy sang bên nhà đại tế mời bác Phủ sang chơi bên này.

Một người chạy đi rồi. Ông Trưởng môn lại vui vẻ tiếp.

– Số tiền chúng ta cứ nhưt định như vậy chớ. Đóng ra một lần thôi, tiêu hết bao nhiêu còn thừa để làm công bản² gửi bác Phủ đây, sau khỏi phải bỏ bán lôi thôi. Có được không hay là nặng quá?

Một người đáp:

1. Cải cát hay cải táng là bốc mả lên chôn lại.

2. Vốn chung.

- Bốn quan cũng chả lấy gì làm nặng. Còn ai là thường dân mà nghèo quá, tôi xin anh em châm chước đi cho họ ít nhiều.

Mọi người nhao nhao lên:

- Không được! Làm thế không công!

- Không thế, khốn nặng cho anh em nghèo.

- Biết những ai nghèo mà châm chước, ai đi đến mà khám được!

- Sao lại chả biết, ai người ta thêm gian. Báo đáp thầy chả vẻ thay!

Trưởng môn phải xòe bàn tay xua cho mọi người im, rồi mới nói:

- Tôi xin thưa với anh em thế này: Một cây còn có cành bông cành lá, một nhà còn có anh giàu, anh khó, hướng chi là thầy ta đây tác thành cho kẻ có hàng ngàn anh em chúng mình, tất có anh khá, cũng có lắm anh túng. Vậy tôi xin bàn thế này là ổn thỏa: Tôi chia ra một hạng bốn quan, một hạng hai quan, người nào sức theo được hạng nào thì đóng hạng ấy. Không nên bắt buộc. Anh em chỉ nên nhớ rằng, việc này là báo đáp công đức thầy, chúng ta không nên tiếc rẻ. Có phải không?

Mọi người đều đáp:

- Vâng, bác Trưởng môn dạy rất phải!

Có người lại khen thêm:

- Làm quan lâu có khác, ăn nói rành mạch!

Vừa lúc ấy ông Phủ sang tới nơi, mọi người đều đứng dậy cúi đầu chào. Ông Phủ tươi tỉnh đáp lại, và nhã nhặn hỏi:

- Các bác có lệnh gọi gì nhà em đấy ạ?

Bảng Tuân cười giòn đở lời:

- Dạ! Nhà vua sắp có lệnh gọi bác, chớ anh em chúng tôi đâu dám!

Trưởng môn liền nói tiếp ngay:

- Anh em chúng tôi cần mời bác sang để hỏi xem bác định bao giờ cải cát cho thầy?

Ông Phủ ngẫm nghĩ một lát rồi mới nói:

- Chúng tôi định đến cuối năm nay ạ!

Trưởng môn tiếp:

- Được rồi! Định vào ngày nào, bác phải cho chúng tôi biết trước một tháng đấy!

- Vâng! Nhưng chúng tôi không dám phiền anh em...

- Chẳng phiền gì cả. Chúng tôi định thế này, xin trình với bác trước. Đó là cái lòng thành của anh em chúng tôi, gọi là nhớ ơn thầy trong muôn một, xin bác rộng phép cho...

– Bác cứ nói.

– ... Nhà thờ thì bác xây rồi, và đồ thờ tự sắm thế cũng tiệm đủ, vì tính thầy ưa giản dị lắm... nên anh em chúng tôi định xây hầu thầy một ngôi mộ, và dựng một cây bia ở nhà thờ để ghi nhớ ơn thầy mãi về trăm nghìn đời sau.

Ông Phủ ngần ngừ:

– Về việc dựng bia, chúng tôi xin chịu ý anh em. Còn việc xây mộ, xin anh em chước đi, để chúng tôi xây, vì chắc các anh cũng rõ, theo tục, tôi muốn tìm đất đẹp táng cho thầy...

Bảng Tuân hỏi ngay:

– ... Thì chưa nhất định hẳn ở chỗ nào mà xây ngay được.

Ông Phủ hơi cười:

– Vâng, chính thế!

Đình nguyên Hải tiếp ngay:

– Thế thì lúc nào nhất định hẳn ở chỗ nào, chúng tôi hăng xây cũng được. Lòng thành chúng tôi như vậy, xin bác ưng chuẩn cho.

Ông Phủ ngẫm nghĩ một lúc mới tỏ ý bằng lòng:

– Vâng được!

Rồi ông quay về bên nhà, để cho anh em tự do bàn bạc. Trưởng môn liền vui vẻ nói:

– Mọi việc đều như ý cả. Anh em có bàn gì nữa không?

Cử Mai Động nói:

– Tôi xin bàn mỗi năm anh em chúng ta nên về họp mặt một ngày vào kỳ giỗ thầy.

Mọi người đều đồng ý:

– Phải! Phải, cứ nhớ đúng ngày hai mươi mà về, không phải *đạt điếc* gì sốt!

Trưởng môn sực nhớ ra bài văn bia mới làm, liền móc ở bọc đưa ra một tờ giấy giáp chữ chằng chịt cho mọi người xem và nói:

– Đây là văn bia ghi công đức thầy, tôi mới giáp thử, nhờ các anh xem rồi chữa giúp.

Một người nói:

– Văn quan Đình nguyên thì được hẳn đi rồi, ai còn chữa.

Người khác nói:

– Thì cứ đọc lên xem nào!

Bảng Tuân cầm lấy tờ giấy đọc:

Phú sơn chi nam, Thành giang chi bắc, hữu đường tại yên. Tích vi ngô Quản am tiên sinh huyền tụng chi địa, nhi kim vi trở đậu chi phụng dã Tiên sinh dĩ Tân hợi, tam nguyệt, nhị thập nhứt, thọ chung chính tẩm, thực táng ư bốn xã Cối đồng xứ; ký tam niên tang tất, môn sinh tương dữ miu ư tự tử Tri phủ Đức Tư, Tấn sĩ Đức-Ân, tu tự khi dĩ phụng sự, hựu vu bản xá Văn chỉ chi nam chí, tự điền tứ mẫu lục cao, dĩ phụng tư thành.

Dân sinh hữu tam, sự chi như nhứt, thị dụng thọ chi vu thạch, dĩ chỉ cao sơn cảnh hành chi cảm vân.

Sơ tiên sinh đăng Bính tý ân khoa Nhị giáp Tấn sĩ, lịch quan quận thú, đốc học, niết sứ; trung niên dĩ Hưng Yên Tuân phủ tứ quy. Ký nhi hựu mônng đặc trức Lại bộ Tham tri, vị lâm triệu nhi tốt.

Phù thế tri đa gian, nhi tiên sinh thủy chung tặc nhứt, tiến dĩ lễ, thối dĩ nghĩa, nhược chung yên nhi bất cải kỳ lạc; sở vị bất cấp cấp phú quý, bất thích thích bản tiện, tiên sinh hữu yên! Công vụ chi dư, thân hôn chi hạ, hựu tư tư yên dĩ dẫn tấn hậu học vi sư; ngật kim số thập niên, các hữu sở thành tự; Tiên sinh tác nhân chi trạch, đạm đà ư hồ quang minh nguyệt gian giả, do y nhiên dã.

Ô hô! tiên sinh bất hủ kỳ!

Minh viết;

Hồ hữu thời nhi lục, thạch hữu thời nhi tặc bất vong giả kỳ quân tử chi trạch hồ. Cung duy: Tiên sinh, thuần hồ đạo lý, hoặc xuất, hoặc xử, hoặc ngữ, hoặc mặc, nghĩa chi dữ tử di phong dự vận, do tôn bách thế, Ư thị hữu đường, dĩ hưởng dĩ tự, ô vạn tư niên, vĩnh thị hậu thế.

(Dịch: Bên nam núi Phú, trên bắc sông Thanh có một ngôi nhà, ấy trước là nơi thầy ta, Quản Am Tiên sinh đàn tụng¹, mà nay là chỗ phụng thờ vậy. Tiên sinh mất năm Tân hợi, tháng ba, ngày hai mươi, táng ở xứ Cối đồng làng Thịnh Hậu. Ba năm xong tang, lũ học trò cùng bàn với con nối của Thầy là hai ông Tri phủ Đức Tư, và Tiến sĩ Đức Ân, sắm sửa đồ thờ để phụng thờ, lại lấy bốn mẫu ruộng sáu sào, ở phía nam Văn chỉ làng Thịnh Hậu, đặt ruộng tư điền để làm xôi tế.

1. Đàn tụng chỗ đánh đờn dạy học.

Dân sinh có ba bậc đều thờ như một, nên khắc vào bia, truyền lâu dài, để rõ, nổi cảm “Cao Sơn cảnh hành” vậy ¹. Xưa tiên sinh đỗ nhị giáp Tiến sĩ khoa ân khoa Bính tí, lần lượt làm quan Phủ huyện. Đốc học, Án sát, sau giữ chức Tuần phủ Hưng Yên được về nghỉ. Rồi lại được đặc cách cất lên chức Tham tri Bộ Lại, chưa kịp vào Triều đã mất.

Ôi! đời gặp lúc nhiều vất vả, mà tiên sinh trước sau vẫn một lòng vậy, tiến theo lễ, thối theo nghĩa, dầu đến chết cũng không đổi cái vui. Rõ là không ngong ngóng ham giàu sang, không ngay ngáy lo nghèo hèn, Tiên sinh có như thế vậy. Ngoài lúc việc công, sau khi sớm hôm hầu hạ ² rồi, rồi rãi, tiên sinh lại chăm chăm đến việc dẫn dạy đàn sau, đã vài mươi năm nay, thành tựu cũng nhiều. Cái ơn tiên sinh tác thành cho người, thật đậm đà lan thấm đầy dẫy khoảng trăng sáng gương hồ, còn y nhiên vậy. Than ôi! danh tiên sinh thật là bất hủ.

Nên làm bài minh rằng:

“Hồ có lúc cạn, đá có lúc mòn mà cái ơn của người quân tử không khi nào quên được. Kính nhớ: Tiên sinh đầy dẫy đạo lý, lúc ra, lúc ở, lúc nói, lúc im, đều ví theo nghĩa, thói cũ, vận thừa còn truyền trăm đời. Như vậy có nhà thờ này, để hưởng, để tế, truyền đến muôn năm, dạy bảo con cháu sau này”

Đọc xong, Bảng Tuân để tờ giấy xuống hỏi:

– Các bác nghĩ sao?

Mọi người bảo:

– Hay và đủ nghĩa lắm, cứ thế là khắc được rồi.

– Không cần chữa gì cả.

– Thuê khắc ngay đi thôi, để đến khi về cái cát ta dựng bia một thể.

– Phải đấy. Nhưng phải giao cho người trông coi, không thợ đá nó làm sai cả!

– Việc ấy thì cả trường xin giao cho bác Bảng Đồng Phú là tiện. Bác vừa là Phó Trưởng tràng, mà lại rồi... ở nhà.

– Phải! Phải! Xin nhờ bác Bảng cả.

Bảng Tuân đành phải nhận lấy công việc ấy và hỏi lại, có vẻ ngớ ngẩn:

– Khắc y như thế này nhỉ?

Cử Mai Động nói:

1. Chữ kinh Thi nói đạo thầy như núi cao đạo lớn.

2. Sớm hầu hạ cha mẹ.

- Phải, bác không xem bia bao giờ à? Lòng bia khắc đúng như vậy. Rồi đến niên hiệu và cả quan tước tên tuổi hai anh Chánh, Phó Trưởng tràng nữa?

- Thật à?

- Phải, phải đúng như vậy, hề thiếu là chúng tôi bắt đền đấy.

Giữa lúc ấy, Tuyết đem trầu sang chia mời các anh em môn sinh ăn. Thấy nàng, họ liền thi nhau hỏi:

- À chị Tuyết, xong tang thầy rồi, bao giờ cho chúng tôi uống rượu nhỉ?

- Chúng tôi đợi mãi?

- Chị Tuấn chớ! Chị Cử Trần Đình Tuấn kia mà!

- À! Kỳ này vắng anh Tuấn? Anh ấy đâu nhỉ chị nhỉ?

- Anh ấy vào thi Đình kia mà!

Họ hỏi tíu tít lên, làm nàng không biết đâu mà trả lời. Mãi sau đến lượt anh Trưởng môn tươi cười hỏi:

- Bao giờ chị cho chúng tôi uống rượu nào?

Nàng mới vui vẻ đáp lại:

- Gớm! Các anh nhao nhao lên, như ăn cướp ấy! Còn lâu kia!

Bảng Tuân đáp:

- Chị ấy nói dối đấy! Anh Cử Tuấn khoa Xuân thi này, thể nào chả đỗ Tiến sĩ, về vừa đúng xong Đờm thầy, là chị ấy cho cưới ngay đấy!

Mấy người khác nói theo:

- Thế ra chị ấy chực giấu, không cho anh em chúng mình uống rượu...

- Không phải, chị ấy đợi anh ấy *lưỡng đại đăng khoa*, rồi mới cho anh ấy *tiểu đăng khoa*¹. Chị Tuyết khôn thật! Chúng em xin có lời mừng chị trước, chị nhớ cho chúng em uống rượu với nhé.

Viết xong cuối đông Nhâm Ngọ

Sửa xong ngày 6-2 Quý Mùi

14 - 3 - 1943

HẾT

1. Đại đăng khoa là đỗ - Tiểu đăng khoa là lấy vợ.

PHẦN THỨ HAI

CÁT BỤI

(Tiểu thuyết – Trích)

THIỆT CAN

Lâm là một thanh niên tiểu tư sản trí thức nghèo. Anh học hành dở dang, phải xoay ra kiếm ăn bằng nghề kế toán cho các hiệu buôn hoặc dạy vỡ lòng. Anh cảm thấy cuộc đời vô vị. Một buổi tối thứ bảy đi chơi sông quanh hồ Hoàn Kiếm. Anh gặp Cúc, một gái mãi dâm. Cúc vốn là một cô gái quê, mồ côi mẹ, không sống nổi với dì ghẻ, phải ra thành phố kiếm ăn rồi sa vào tay một mụ buôn thịt bán người tên là Tư Kế.

Lâm hiểu Cúc và thương Cúc, nhưng vì nghèo cho nên không thể cứu được Cúc. Một đêm mưa rét, Cúc chạy đến nhà Lâm để cầu cứu: cô bị mụ Tư Kế đánh đập tàn nhẫn vì không chịu tiếp một thằng lính lê dương Tây đen. Lâm kiếm cho Cúc một việc khâu thuê cho một cửa hiệu may. Nhân phẩm, tình yêu và hạnh phúc đến với họ. Lâm quyết định lấy Cúc.

Nhưng một đêm mụ Tư Kế cho du côn đến buộc Lâm phải trả lại Cúc. Cúc đành trở về với cuộc đời mãi dâm vì không thể cưỡng lại được số mệnh. Mụ Tư Kế còn bắt Cúc phải đòi Lâm năm hào – tiền ngủ đêm với cô – khi từ biệt anh. Tác giả kết luận: “Cát bụi, mi lại trở về cát bụi” (*Kinh thánh*).

Chúng tôi trích hai chương IV và V.

IV

Lâm đang nằm đọc sách dưới ánh sáng cây đèn dầu đặt ở đầu giường. Bên ngoài, cơn gió lồng lộn như chó dữ chỉ chực cửa mở là chồm vào, chốc chốc lại rít lên từng hồi vu vu. Nằm trong chiếc chăn bông ủ kín từ chân lên tới cổ mà Lâm mỗi khi nghe thấy tiếng gió rít bên ngoài lại thấy lạnh cả mình.

Chàng tự cho mình là sung sướng được nằm trong đồng chăn ấm và thương thay cho những kẻ nào giờ này còn lạc lõng ở ngoài đường.

Tư tưởng ấy thoáng qua trong óc, chỉ có một lượt không trở lại. Rồi chàng không nghĩ ngợi gì nữa, chăm chú để mắt vào trong sách.

Bỗng, cánh cửa lung lay. Chàng ngẩng đầu nhìn ra, và lắng tai nghe “Dễ thường tại gió”, chàng nghĩ.

Nhưng không, cánh cửa lại lung lay một lần nữa. Không phải gió; quả là có một bàn tay người ấn nó. Tiếp theo một tiếng gọi: “Anh Lâm! Anh Lâm!”. Đúng rồi.

Tuy gió làm lạc tiếng nói ấy. Lâm không nhận rõ là tiếng ai, song tâm linh đã bảo chàng: đó là tiếng Cúc.

Chàng vội vàng tung chăn đứng dậy, ra rút then cửa. Cánh cửa vừa hé: phải, chính Cúc. Nàng vào. Gió cũng theo bèn gót nàng vào.

– Anh đóng cửa lại mau. Rét quá.

– Chàng làm theo lời. Xong, quay vào, đứng trước mặt nàng. Không đợi chàng hỏi, Cúc nói ngay:

– Em đến ngủ nhờ anh một đêm nay được không?

Và, chẳng kịp để Lâm trả lời, nàng tiếp:

– Em bỏ nhà con mẹ Tư Kế rồi anh ạ. Kể từ đêm nay.

– Sao? Em trốn đi à?

– Vâng, em trốn đi.

Trước hết, nàng đưa ngón tay chỉ vào chỗ gò má bên phải, gần sát mắt. Chỗ đó tím bầm và sưng lên làm cho con mắt thụt sâu xuống và nhỏ lại. Và nàng trật áo, chia lưng ra. Trên lưng nổi bật lên những lần đỏ, ngón ngang, quần quai như một lư lơng bò.

– Anh coi.

Đó là những tang chứng, những tang chứng rõ rệt nó đã xui giục nàng bỏ nhà mẹ Tư Kế trốn đi.

Lâm hiểu ngay.

Cúc muốn cho chàng hiểu rõ hơn, nàng kể...

Nguyên do câu chuyện như thế này:

Lúc tối mẹ chủ bắt nàng tiếp một anh lính say rượu. Anh lính say rượu ấy lại chính là một anh Tây đen. Vốn nàng vẫn sợ những ông lính Tây say. Và nàng sợ Tây đen thứ nhất. Họ đã thô bỉ mà còn làm cho nàng đau đớn về thể xác nhiều. Nàng từ chối nhất định từ chối, không chịu tiếp. Mẹ chủ nổi giận. Mẹ chủ chửi nàng và đánh nàng. Nàng chịu đòn mà khóc. Rồi thừa cơ mẹ chủ đi đâu vắng, nàng cất lên ra đi. Nàng đến đây.

Kể xong, Cúc nói thêm:

– Anh cũng biết em muốn trốn đã lâu nhưng em chưa dám. Bây giờ xảy ra chuyện này, em biết thân không thể ở được với mẹ nữa. Ở lại chắc có phen đến chết oan về thanh củi tạ mất. Em nghĩ đành liều trốn đi.

Lâm đưa vào một lời an ủi:

– Em trốn đi là phải.

Cúc thở dài:

– Ở cũng chết, đi cũng chết: hai đằng cùng chết cả. Ở thì chết đòn, mà đi thì chết đói. Anh bảo em biết làm gì ăn bây giờ? Chắc là em không thể đi đánh đi được nữa rồi.

– Cái ấy đã hẳn...

– Anh thì cũng túng, hẳn là không bao bọc được em. Thế tất em phải chết đói chứ còn gì.

– Đến đâu hay đó. Lo gì!... Trước khi lo ngày mai chết đói, hãy lo bây giờ chết rét đã. Mặc phong phanh thế kia mà em không biết rét à? Có cởi áo ra mau nằm vào chăn kia không?

Thấy Lâm nhắc, nàng mới thấy rét. Sự lo xa về ngày mai đã khiến nàng quên hết, quên cả đau, quên cả khổ vì rét.

Nàng co ro rúc vào đồng chăn như một con mèo sợ lạnh.

Lâm lại hỏi:

– Quên, em có đói không?

– Chiều em đã ăn rồi, nhưng bị trận đòn tiêu hết cả. Giá bây giờ có gì ăn cũng hay.

– Được lắm. Em sẽ có cà phê và bánh tây, ba tê ăn ngay bây giờ. Cứ nằm yên đấy nhé!

Thế là, trong lúc nàng nằm không cựa quậy, thân được áp ủ trong đồng chăn êm ấm, trong khi bên ngoài gió vẫn thổi nhau và gầm lên từng hồi giận dữ, trong khi ấy, Lâm đã mở cửa ra đường để gọi hàng cà phê.

Mười phút sau. Lâm về. Một hàng cà phê theo sau.

Bằng một giọng thân mật xưa nay vẫn dùng đối với người bán hàng quen thuộc, chàng đồng dặc truyền:

– Hai bánh tây ba tê và hai cà phê sữa. Làm mau lên! Đói lắm rồi!

Rồi chàng nhìn Cúc cười.

Nàng, nàng không cười. Nàng cũng không nói. Song đôi mắt của nàng nói nhiều. Đôi mắt nàng thẳng thắn nhìn chàng như muốn nói một nghìn tiếng, một vạn tiếng “Cám ơn! Cám ơn!...”

Lâm và Cúc mỗi người đã ăn hết hai chiếc bánh tây và uống hết hai cốc cà phê sữa.

– Hôm nọ bao nhiêu rồi? Lâm hỏi người bán hàng.

– Thưa cậu, hai hào một.

– Hôm nay ba hào sáu nửa là năm hào bảy nhé.

– Vâng.

Sau khi người kia gánh đi khỏi, Cúc hỏi Lâm:

– Anh vẫn ăn hàng chịu à?

Chàng tặc lưỡi:

– Ấy, không có tiền thì ăn chịu, lúc nào có lại trả. Chẳng cứ một hàng bánh tây, hàng xôi, hàng bún, hàng bánh đúc, hàng gì anh cũng ăn chịu được cả. Em xem có tài không?... Thôi, ăn no rồi, bây giờ ta đi “ngơi”.

Cúc nhận thấy hôm nay Lâm hay cười và nói những câu pha trò cổ làm cho mình vui. Cúc hiểu cái ý tốt ấy lại càng cảm ơn chàng lắm.

Và đêm nay là đêm thứ nhất nằm bên Cúc chày tịnh như nằm bên một bạn trai.

Chàng nằm ngủ không yên, vì trong óc còn bận phác họa một chương trình tạo lập cuộc đời mới cho Cúc.

Nàng sẽ ở lại đây, chia giường nằm với chàng. Ăn nhiều, chứ ở là mấy. Về vấn đề ăn, chàng sẽ bảo bác Cả Mơ bán cơm hàng ở đầu ngõ ngoài kia thối cho nàng ăn như bác ấy đã thối cho chàng vậy. Hãy tạm bợ như thế độ dăm bữa, một tuần trở lại. Trong khi ấy chàng sẽ xuống phố, đến mấy nhà người quen mở hiệu thợ may kiếm cho nàng một việc làm. Theo lời nàng, nàng khâu vá giỏi kia mà. Cái gì chứ một chân khâu như vậy làm gì chẳng có. Không cần lương, hãy được cơm nuôi không thôi cũng tốt. Lúc đầu tạm thế vậy, rồi sau sẽ liệu. Miễn là nàng có ăn, khỏi phải làm cái nghề khốn nạn kia nữa.

Cứ thế, cái mộng cứu vớt một linh hồn trụy lạc ra khỏi cái vũng bùn và dất nó vào con đường ngay thẳng mà chàng mơ tưởng từ khi biết Cúc, đã đến ngày thực hành được như ý muốn.

Chàng chỉ nhắm được mắt ngủ yên một khi phác họa xong cái chương trình hành động ấy. Chàng ngủ, bình tĩnh, yên trí rằng ngày mai thế nào cũng sẽ thực hành được chương trình đó.

Ngày mai, sau khi điều đình với bác Cả Mơ lấy chỗ cho Cúc ăn ngày hai bữa và sau khi dặn nàng ở nhà cho ngoan ngoãn, đừng có đi đâu, Lâm xuống phố.

Chẳng khó khăn gì, chàng được ngay một hiệu may ở phố Nhà Thờ nhận lời lấy Cúc vào giúp việc. Cơm nuôi, và ba đồng mỗi tháng; số tiền ấy – người chủ nói – gọi là để cô ấy đi xe chứ không phải là lương. Nếu làm ăn được, ba tháng sau sẽ định hẳn số lương, ít nhất cũng là 6 đồng.

– Ông có thể dẫn cô ta đến nhận việc từ ngày mai.

Lâm mừng rơn. Cơm nuôi và 3 đồng!... Chàng không ngờ được đến thế. Và lại bắt đầu mai đến nhận việc!... Tức thì, chàng phung phí sáu xu gọi ngay cái xe để đi về cho chóng.

Cúc biết tin còn vui mừng hơn chàng. Thế là trước mặt nàng tương lai đã mở rộng hai cánh cửa chờ đón nàng rồi đó.

Ngày mai!...

Ngày mai sẽ bắt đầu một cuộc đời lương thiện, cuộc đời tốt đẹp mà nàng tưởng không bao giờ nàng có thể đặt chân vào. Tưởng rằng một khi chân đã giẫm vào đồng sa lầy thì cứ tụt dần, tụt dần cho đến khi ngập mắt cá, ngập đầu gối, ngập bụng, ngập cổ rồi ngập đến đầu, rồi chết, chứ dễ gì nói chuyện rút chân ra đấy! Ngày mai! Sự lạ lùng!

Ngày mai, nàng sẽ không còn là con đĩ!

Ôi! Sung sướng! Sung sướng!

Mở mắt hay là chiêm bao đây?

– Thật chứ anh? Ngày mai em sẽ đi làm? Anh không nói đùa đấy chứ?

– Thật đấy. Anh không nói đùa đâu. Ai lại đi nói đùa những chuyện ấy. Mai em sẽ đi làm, em sẽ đi khâu cho một hiệu may phố Nhà Thờ.

– Anh nói thật mà em vẫn nghi nghi thế nào ấy. Em không dám tin rằng em có thể bỏ được cái nghề cũ một cách dễ dàng đến thế.

– Bây giờ thì em phải tin, vì đó là sự thật.

Con mắt nàng long lanh. Nàng sắp khóc vì sung sướng. Nàng nắm lấy tay Lâm.

– Anh Lâm, nhờ có anh... Suốt đời em không dám quên ơn...

Nghẹn ngào, nàng nói chẳng nên lời.

Lâm cũng cảm động lắm. Song, không muốn cho Cúc phí nước mắt

– Những phút sung sướng thế này, người ta không có quyền được khóc.

Chàng cười một cách tinh quái mà hỏi nàng:

– Em bảo suốt đời em không quên ơn anh phải không?

Cúc gật đầu để khỏi phải trả lời.

– Thế mà ngay bây giờ anh đã thấy em quên ơn anh đấy.

Nàng ngơ ngác không hiểu chàng định nói gì.

Lâm tiếp:

– Nghĩa là... em đã quên không cảm ơn anh... bằng một cái hôn.

– Ô, tưởng gì!

Nàng vội vã quăng mình vào hai cánh tay Lâm. Hai cánh tay chàng ôm riết lấy mình nàng. Hai cái mặt áp nhau. Bốn cái môi dính liền...

Lần đầu tiên, đó là một cái hôn Lâm không mất tiền mua, một cái hôn mà Cúc không bán.

V

Sáng. Cúc ra đi từ sáu rưỡi; đến 7 giờ tối nàng mới về. Trưa, nàng ở lại trên hiệu, vì xa quá không thể về được.

Cả ngày hai người xa nhau: tối về lại được gặp mặt nhau là một sự vui vẻ không thể giữ kín được. Nó biểu lộ ra bằng những câu nói, tiếng cười, bằng những cái hôn hít nữa có khi.

Cúc kể những công việc ban ngày nàng làm ở hiệu, hay thuật lại những chuyện tai nghe mắt thấy. Bà chủ xem chừng cũng không nghiệt ngã gì cho lắm. Bà ân cần chỉ bảo nàng cách viên một chiếc áo tân thời... Những chị em cùng làm đều tử tế cả... Một bà khách trạc ngoại tứ tuần đến may một chiếc áo kiểu mới đúng như chiếc áo của cô con gái bà, mười sáu tuổi. Trông lối tinh tề!

Chẳng hạn những chuyện như thế.

Lần đầu bước chân vào cuộc đời mới, bắt tay vào một nghề mới, một nghề lương thiện, nàng thấy cái gì cũng là lạ lùng...

Chuyện vãn chán, hai người còn chưa chịu đi ngủ ngay. Cây đèn để giữa bàn, mỗi người ngồi một bên, mặt đối mặt. Chàng đọc sách, nàng vá chiếc áo hay mạng đôi bít tất rách.

Bức tranh một cảnh gia đình đầm ấm.

Gió rét bên ngoài cứ việc thổi. Ở đây, người ta không thấy lạnh. Lòng người ta cũng không lạnh.

Ngừng xem sách, Lâm ngẩng đầu lên. Dưới ánh sáng vàng của cây đèn dầu, trước mắt chàng, hình ảnh người đàn bà hiền hậu chăm chỉ hiện sờ sờ ra đấy.

Chàng nghĩ thầm: “Một người vợ con nhà tử tế thì cũng đến thế thôi chứ gì?”.

Chàng tự đặt một câu hỏi: “Mà tại sao người con gái này không thể là một người vợ tử tế được?”

Và chàng quả quyết trả lời: “Ta sẽ nhận nàng là vợ. Ta sẽ nhận nàng là vợ”.

Chàng sẽ có can đảm làm việc đó: lấy đi làm vợ, mà không khi nào đổ mặt.

Chàng nghĩ: “Đời này người ta lấy đi làm vợ, thiếu gì. Người ta lại còn để vợ đi làm đi nữa, cái đó cũng không phải sự hiếm. Ta, nếu ta cần phải lấy đi làm vợ, ta sẽ không quản ngại; còn để vợ làm đi như ông kia, ông nọ, thì không đời nào! Không đời nào...”

Một lúc, tư tưởng lấy Cúc làm vợ không rời khỏi óc chàng. Nó vấn vương, vương vấn như làn khói quyện của điếu thuốc lá trên môi.

Chàng mỉm cười, nói thầm:

– Ô! Nếu thế chẳng là đẹp quá!

Nhưng, rồi chàng xem, rồi Lâm xem việc đó không bao giờ có thể thành tựu được. Bởi vì nó đẹp quá. Những mộng đẹp có bao giờ lại thực hiện. Lâm đã tính việc không nghĩ đến có Trời.

Hỡi người! Người đã quên Trời. Còn có Trời, còn có một ông Trời cay nghiệt như một người dì ghẻ, độc ác như một vị bạo chúa, không khi nào ông để cho người chiếm được hạnh phúc một cách dễ dàng như vậy đâu.

Cho nên mới có chuyện sau này:

Ngày thứ ba kể từ bữa Cúc đến nhà Lâm, một đêm cũng như mọi đêm, gió vẫn rít ngoài đường, nhưng trong gian nhà nhỏ, hai người vẫn không thấy lạnh và thấy bớt đau khổ, vì rằng có đôi.

Lúc ấy vào khoảng mười giờ. Cúc và Lâm hai người đã nằm trong chăn, nằm sát nhau như đôi vợ chồng chính thức. Cúc đã ngủ say; Lâm còn thức, đang coi dở tờ báo. Cây đèn khêu nhỏ đặt trên chiếc ghế mây áp vào giường. Một tiếng đập cửa khẽ, tiếp đến một tiếng gọi:

– Lâm!

– Ai?

– “Moa”

– “Moa” là ai?

– Mở cửa mau. Hỏi mãi.

Lâm tưởng là một người bạn nào đến chơi. Chàng dậy. Cửa mở. Một người lạ mặt tiến vào. Một người lạ mặt nữa tiến vào. Cả hai đều là đàn ông. Người thứ ba nữa tiến vào. Người này là đàn bà. Lâm nhận ra: Mụ Tư Kế. Mụ vào sau cùng.

Người đàn ông vào trước tiên quay lại bảo mụ:

– Đóng cửa lại.

Và, không đôi hỏi, hát hàm hỏi Lâm:

– Ông biết tôi là ai không?

Đó là một anh chàng lực lưỡng; một cái sẹo ở má làm cho mặt hắn ta thêm dữ tợn. Hắn đưa tay lên hát chiếc mũ cát kết đội trên đầu để lộ ra một cái trán ngắn ngủn vừa bằng hai đốt ngón tay.

Lâm hiểu.

Nhưng chàng không đáp. Chàng lắc đầu.

Người kia nắm tay thành quả đấm, đấm vào ngực mình và nói:

– Tôi là Năm Sẹo. Ông đã nghe thấy tiếng Năm Sẹo bao giờ chưa?

Đã có lần Lâm nghe thấy người ta nói đến tên ấy. Đó là tên một thằng du côn có tiếng ở vùng này.

Chàng đáp:

– Tôi biết ông rồi.

Và hỏi:

– Ông muốn gì?

Người đàn ông vào sau Năm Sẹo, gầy và xanh, rõ ra một anh nghiện – Lâm đoán là chồng mẹ Tư Kế – cướp lời Năm Sẹo nói:

– Chúng tôi đến tìm con Cúc.

Mẹ Tư Kế không bỏ mắt thì giờ, đã đi đến bên giường, lật tung đồng chăn. Cúc mở bừng mắt, chưa kịp hiểu đầu đuôi ra sao, đã bị ngay mẹ nắm tóc lôi dậy. Mẹ vả vào mặt nàng hai cái liền, và mắng như té như tát:

– À, con dĩ này, mày giỏi!... Mày làm bà đi tìm hết hơi... Này trốn này! (Bốp) này trốn này!... (Bốp...) Gọi là mày trốn lên trời, đây bà cũng co cổ mày xuống, mày trốn xuống âm phủ, bà cũng kéo cổ mày lên. Liệu trốn có thoát không, con?

Mẹ vừa tính lôi Cúc từ trên giường xuống đất đánh “tan xác nó ra” cho hả giận, thì Năm Sẹo đã giơ tay ngăn:

– Không được làm ồn lên ở đây. Có gì để về nhà.

Và hát hàm bảo Cúc:

– Đứng lên đi về.

Nàng ngồi lỳ trên giường, bàng hoàng tưởng đâu như mình đang sống trong một giấc mơ dữ dội:

Năm Sẹo nhắc lại một lần nữa:

– Đứng lên.

Khi người ta là du côn, người ta có quyền bất kể yếu phải vâng lời. Nếu không, đã có nắm tay thay cho lời nói.

Hình như Cúc cũng biết vậy, nên sau tiếng “đứng lên” thứ hai, nàng không dám cưỡng. Nàng lẳng lặng đứng lên. Tóc rối tung xõa xuống mặt, nàng tiến lại gần bàn, lấy chiếc lược thưa.

Lẳng lặng, nàng đứng gỡ tóc. Nàng hiểu rồi, hiểu rằng mình chỉ là một vật thuộc quyền sở hữu của người ta. Mình như một con mèo. Con mèo trốn đi thì chủ nó bắt về...

“Về bây giờ ta sẽ lại bị đánh, bị chửi, và buộc theo đuổi mãi cái nghề khốn nạn. Mà ta không chịu về cũng không xong với chúng: Chúng sẽ giết chết ta ngay tại đây cũng nên... Trời cao đất dày! Sao cái thân tôi khổ thế này?”

Nàng muốn cắn lưỡi hay đập đầu vào vách chết ngay ở đây cho rồi đời, nhưng thiếu can đảm.

Nàng tự nhủ:

– Thôi quả kiếp đã vậy thì chịu vậy.

Nghĩ thế, nàng đành lòng, nhẫn nhục, mặc cho người ta muốn làm gì mình thì làm.

Con gà Trời sinh ra để mà bị vật lông, con lợn bị cắt tiết, con bò bị đóng ách vào cổ: còn nàng, người đàn bà, Trời sinh ra có phải là để làm cái nghề “sống làm vợ khắp người ta” hay chăng?

Trời muốn vậy?

Hay là người bắt vậy?

Nàng trách trời, và oán cả người.

Năm Sọ giục:

– Mau lên... dềnh dàng mãi...

Và thêm:

– Mau lên, về để ông đây đi ngủ chứ. Làm phiền ông quá.

Hắn nhìn vào Lâm mà nói. Và dằng chùng để khỏi sốt ruột trong khi chờ, hắn tự tiện rút một điếu thuốc lá trong bao để trên bàn, châm vào đèn hút.

Cúc gỡ tóc chậm chậm, cố ý kéo dài thì giờ ra. Nhanh mà làm gì? Nàng đã biết trước cái số phận chẳng ra gì đang chờ nàng. Nàng giống như phạm nhân trước giờ lên máy chém hút điếu thuốc lá cuối cùng còn muốn cho nó lâu hết.

Nhưng, rồi đến lúc mái tóc gỡ mãi, chải mãi, cũng phải xong. Nó đã kết thành một vòng trên đầu.

– Mặc áo vào, Năm Sọ truyền.

Nàng mặc áo.

Nàng nhìn lại gian phòng một lần cuối cùng, với những ý nghĩ mền tiếc. Đây là nơi thiên đường trên nhân thế, là nơi nàng đã yêu, đã hy vọng và đã mơ tưởng đến hạnh phúc. Bây giờ thì hết rồi. Lát nữa, bước chân ra khỏi đây là tan hết những mộng đẹp. Nàng liếc nhìn Lâm lần cuối cùng.

Chàng vẫn nhìn nàng chậm chậm, xét nét từng cử chỉ của nàng. Chàng thần thờ như một người mất trí, như người thất vọng đến cực điểm. Thì chính chàng là người mất trí, là người thất vọng rồi còn gì!

Đến khi thấy Cúc cúi đầu, riu riu theo bọn Năm Sọ đi ra, chàng

mới đứng dậy, nhảy bổ ra, nắm lấy cánh tay nàng và bảo Năm Sẹo:

– Ông không có quyền bắt người con gái này đi...

– Có phải ông định gây sự với tôi thì bảo?

Thấy Lâm không trả lời, hấn hạ giọng tiếp:

– Người nhà tôi trốn đi, tôi bắt về, ông bảo tôi không có quyền à? Ông phải biết rằng tôi đã cố ý tránh không muốn làm cho to chuyện. Ông coi cách chúng tôi cư xử từ lúc vào đây đến giờ thì đủ biết. Bởi vì tôi thấy ông cũng là một người tử tế, không phải ông có ý quấy rầy con Cúc, chẳng qua ông có lòng tốt, ông cho nó ở nhờ đây mà thôi, nên tôi mới đối cách hòa nhã như thế, chứ nếu ông là kẻ bướng, lại giở lý sự có quyền với không có quyền thì đây tôi sẵn lòng đối ngay thế khác cho ông xem. Hấn quay ra, truyền lệnh cho bọn hấn:

– Đi.

Thằng chồng mù Tư Kế đi ra trước. Rồi lần lượt đến mù Tư Kế, đến Cúc, cuối cùng là Năm Sẹo đi đoạn hậu.

Lâm trông theo.

Cả bọn đi khỏi rồi. Họ biến cả vào trong đêm tối. Cánh cửa khép lại.

Cúc đi rồi. Nàng trở lại cái địa ngục, nơi mà nàng thoát ra được ba ngày tưởng là đã trốn khỏi, không bao giờ trở lại.

Nàng trở lại đây; cúi đầu, lẳng lặng trở lại, bởi vì ở xã hội này bao giờ nhân đạo cũng bị cường quyền bịt miệng, bởi vì những kẻ chuyên nghề bóc lột người, đè nén người, và chỉ trông ở nghề ấy mà kiếm sống đều chết hết lương tâm, không còn biết lòng thương là gì nữa; bởi vì những con đi từ đời nào đến giờ vẫn chỉ là những con vật hiền lành, dễ bảo, chịu để yên cho người ta dắt như dắt con bò, con lợn ra lò mổ.

Và cũng bởi vì ở đời này còn có một hạng đàn ông có lòng tốt khá, song phải cái nghèo quá, nghèo đến hóa ra hèn nhất.

Cúc bị bắt đi rồi. Cánh cửa phòng đã khép lại. Lúc ấy Lâm mới nhận thấy mình chỉ là một kẻ hèn nhất.

Chàng hối hận, và giận mình vô cùng.

Chàng gục đầu xuống giường, khóc.

Một hương vị của tóc và của da thịt đàn bà còn thoang thoảng trong đồng chăn.

*
* *

Một tiếng động cửa khiến Lâm ngẩng đầu lên. “Gì nữa đây?”.

Chàng ngạc nhiên thấy Cúc trở lại, mà trở lại có một mình.

Bốn con mắt lóa vì nước mắt nhìn nhau, buồn thắm.

Lâm cũng chẳng buồn thắm cho ráo ngấn nước mắt, giấu cái nhược điểm của mình. Vào lúc khác, phải, có lẽ chàng đã chẳng để Cúc biết mình khóc như một người đàn bà, nhưng, lúc này chàng không cần giấu giếm nữa, lúc này là lúc không cần phải giả dối nữa, là lúc phanh phui ruột gan cho nhau xem mà không lấy làm xấu hổ. Nếu có thể ôm nhau mà khóc! Nếu có thể rí tai nhau những lời an ủi “Anh thương em lắm, Cúc ơi!...”, nếu có thể làm vậy được, Lâm đã chẳng ngần ngại.

Nhưng, chàng đã không làm vậy, sao thế kia, Cúc cứ đứng sừng sững như trồng cây ở giữa nhà, mặt cúi gằm, nước mắt nhỏ giọt, và chẳng nói chẳng rằng.

Lâm tự hỏi: “Cúc trở lại có việc gì?”

Chàng hỏi to:

– Em còn bỏ quên gì?

Cúc chỉ lắc đầu không trả lời.

Lâm càng ngạc nhiên:

– Em không bỏ quên gì, thế trở lại đây làm gì?

Cúc khóc nức lên. Tiếng khóc làm nghẹn lời, nàng không nói được ngay. Một lúc sau, Lâm mới nghe rõ một câu ngập ngừng và ngượng nghịu:

– Người ta... bắt em... lại... đòi... tiền anh.

Lâm ngạc nhiên và tức giận:

– Tiền gì?

– Năm hào... Tiền một tối em đi khách.

Lâm thở ra một hơi nã ruột: “À!!!”

Loài người tệ đến thế là cùng!

Tiền! Không lúc nào họ quên đồng tiền!

Lâm ngao ngán, mở ví, moi tiền đặt vào lòng bàn tay Cúc.

Nàng, cử động như người máy, quay ra, chậm chạp, ủ rũ như thể một người sắp đi vào cõi chết.

Bước đến cửa, nàng thu hết can đảm nhìn lại một lần cuối cùng gian phòng âm u, nhìn lại một lần cuối cùng Lâm, rồi đưa cánh tay lên ngang mắt như để che cho mắt khỏi trông thấy người và vật thân yêu, rồi nàng ù té chạy. Cánh cửa, vì Cúc buông tay ra, xoay trên bản lề kêu ken két. Lâm đứng lên, ra cài then lại.

Lần này, cửa đã đóng kín.

Lần này, Cúc đã đi, đi hẳn, không bao giờ còn trở lại.

Vì, cát bụi, nàng đã lại trở về cát bụi.

... Mãi mãi.

Hà Nội, 1940.

DỌN NHÀ

(Truyện ngắn)

VĂN CAO

Thường vén quần cao, đi vào ngõ. Đường lộn quẹo. Thêm mùi nước cống khai và mùi rác ẩm đổ cạnh chân tường. Ngõ tối vì không có đèn, Thường phải cẩn thận bước. Đôi giày trắng xem chừng đã lép nhép đầy bùn. Cái quần ống “hộp” lại bị bẩn! Ngày mai vận bằng gì? Chính quần này cũng không phải của Thường, anh chàng đi mượn của một người bạn.

Một thứ ánh sáng vàng khè ở một gian nhà trong ngõ hắt ra. Nhờ đấy, Thường bước đỡ chập choạng.

Hôm nào, cũng vào chập này, anh mới về. Anh đi, rất đúng giờ. Thật ra anh chả làm sớ nào hết. Buổi sáng, anh cấp một tờ báo hay một cuốn truyện cũ đi. Anh đã đọc thuộc lòng cả những quảng cáo ở báo hay nhớ hết từng đoạn văn trong cuốn truyện mang đi. Người ta bảo anh thất nghiệp. Có người lại bay bướm hơn bảo anh làm sớ lục lộ. Riêng anh, anh hay khoe với người khác rằng anh là nhân viên sớ...’ bóc lịch. Cuộc sống hằng ngày của anh là đi từ nhà người bạn này sang nhà người bạn khác ra về một người hết sức nhàn rỗi. Các bạn thường đi chơi với anh cũng là những... hạng như anh cả. Những cuộc đi “giang hồ” như thế kéo dài năm sáu tháng trời. Thường không còn hy vọng gì xin làm ở đâu nữa. Sớ nào cũng chỉ muốn giãn bớt ra, chứ ai muốn mượn thêm nữa. Có sớ ra một chân nào thì hàng năm sáu chục cái giấy xin việc chất đầy ở bàn giấy chủ rồi. Còn hy vọng gì nữa. Anh chỉ đợi sự may mắn đến cuộc đời anh cho dễ thở một chút.

Ngoài anh, còn bao nhiêu kẻ muốn đi làm mà không có nghề. Họ đòi được ít chữ, họ cho rằng đấy là cần câu cơm rồi. Họ chờ một chân thư ký, thừa phái nào đó để xin làm. Trong những ngày thất nghiệp, họ chỉ biết diện sang thật đúng thời trang để đi dạo phố. Cái mũ vành to, ống quần hẹp, giày da lớn tướng nào phải đâu là họ có đủ. Chưa biết chừng cái áo của người bạn, cái quần của người anh, cái

mũ của một kẻ khác nữa. Trông vẻ mặt vô tư của họ, ai mà không thèm thuồng. Họ sống nhờ quen rồi.

Thường không muốn như họ, ngày nào cũng đi chơi. Ở nhà, anh không chịu được nổi cạnh khốe của những người ở chung. Chỗ anh trọ là một gian gác ba chủ, quá chật chội và bẩn thỉu. Quanh năm, khói bếp nhà dưới đưa thốc vào gác hun như hun chuột. Ở đấy, cả mấy gia đình, nhà nào cũng có người đau mắt nặng. Thêm nữa, dưới nhà lại là một tiệm hút nên khói ken bếp được chỗ thoát lên. Thường không muốn trông thấy ông bố vợ nhăn nhó vì thiếu thuốc. Đã có lần ông bán phẳng cả quần áo tây của anh đi, và cả quần áo của vợ để lấy tiền hút. Anh không muốn thấy mặt người vợ rầu rầu vì thiếu gạo, thiếu thức ăn. Chị phải xách rá đi vay từng lẻ gạo quanh mấy gia đình không giàu hơn nhà chị, Thường lại còn sợ sự cạnh khốe của vợ ám chỉ vào sự ăn không, ngồi rồi của anh mà chửi con gái, con trai. Còn biết bao nhiêu cái khó chịu khác nữa!

Người thất nghiệp lê bước trên những dải đường râm mát. Anh làm quen với những khu vườn hoa riêng cho trẻ con chơi, những đường sỏi viền cỏ xanh non. Đã nhiều lúc, anh ngồi im lặng ngắm mấy con cóc đá vô tư phun nước, hay trông mấy đứa trẻ kháu khỉnh nô đùa. Anh thả lòng ra đón cơn vui nhẹ nhõm. Một ít cỏ sém vàng vì nắng hôm trước quá gay gắt, một ít sương đọng long lanh của một bữa mai nào đó sương mù và mát. Anh biết hết cả sự thay đổi của khí trời. Thường hay đến ngồi trên những chiếc ghế đá dầm sương về buổi sớm, đợi mấy giờ sau bọn trẻ trốn học cũng ra đây để bầu bạn cùng anh. Có những chiều đẹp trời, anh để ý nhận xét từng cô gái coi trẻ con. Họ làm dáng một cách vụng về. Anh lấy làm thú vị mỗi khi được các cô mỉm cười hay liếc mắt trả lại. Ấu cũng là một thú tiêu khiển cho những giờ không biết làm gì của anh.

Nhiều khi, xin được của bạn một dúm chè mạn, Thường cũng mang về cho bố vợ hãm sau bữa thuốc. Anh bằng lòng khi cặp môi tím ngắt kia nở một nụ cười khoan khoái. Nhìn ông lão cuộn tròn mình ngủ, gầy còm và ốm yếu, anh thấy thương hại cho ông, nếu có kiếm được hào nào, anh cũng đãi ông để lấy tiền mua thuốc. Hôm nay, Thường xuống nhà người trong họ chơi, anh giật được ba hào chỉ. Chốc nữa đây, chắc mọi người sẽ được vui vẻ vì không phải lo bữa sáng mai...

Qua mấy gian, tới cầu thang. Anh nhìn cái cầu thang không cánh

cửa mà bật cười. Vì thiếu mấy tháng tiền nhà nên chủ nhà đã cho người đến khênh cánh cửa về.

– Đồ đạc có quái gì mà sợ họ ăn trộm mất. Toàn những thứ không đáng dăm ba xu cả, có vớt đường, vớt chợ cũng không ai thèm nhặt.

Thường nhớ đến nét mặt vênh vác của người thu tiền nhà, nhớ đến lời đe dọa của hắn.

– Các anh không thu xếp xong tiền thì tôi vớt đồ đạc đi đấy!

Hắn dọa thế một lần. Đến lần thứ hai, Thường tức quá. Anh chống nạnh hai tay vào cạnh sườn thách:

– Anh gọi người đến đây mà khuôn đồ của tôi xem nào! Anh là ông gì mà lên mặt lên mũi? Tôi bảo cho anh biết, chứ anh có chịu nổi những quả tống của tôi không mà to mồm?

Bài học về sức khỏe, Thường dùng lần thứ hai được hiệu nghiệm. Và anh chàng thu tiền nhà đánh... bài lùi. Lần đầu tiên vào độ mới dọn đến, chủ tiệm dưới nhà cho người lên gây sự với anh về tội đi lên cầu thang mạnh quá, không cho khách họ trầm ngâm. Chúng kéo lên một tụi tới năm sáu đứa. Thường nhờ tài nhanh nhẹn và sức khỏe mà đánh ngã được cả mấy thằng. Từ đấy họ im thin thít, mặc dầu Thường nhiều khi khiêu khích giáng chân xuống thang gác thành thịch.

Nhưng gã thu tiền chưa chịu. Hắn cho mấy tên phu nữ tới dậm dọa một hồi rồi bê cánh cửa gác đi, để bao giờ trả mới lắp dền. Vì ông bố vợ Thường cho hai gia đình thuê lại nên họ rầy ông đến tội.

– Tiền chúng tôi đều trả ông đủ, thế mà ông không trả người ta để nhà cửa thông thống ra thế thì ở làm sao được.

Họ không trả bằng tiền nhưng đã trả bằng gạo, nay dăm ống, mai dăm ống, nên tiền mặt không có lấy đâu trả nổi hơn năm đồng. Lẽ ra có năm đồng thôi, nhưng vì chủ nhà là một mụ nhà giàu bủn xỉn nên tính thêm ba hào tiền rác nữa. Nhà Thường phải chịu lại hai tháng rồi. Nếu tháng tới này không có thì tất cả phải dọn đi. Xảy ra cuộc cãi lộn giữa bố vợ Thường và mấy người ở chung.

– Chúng tôi không dọn đi đâu cả. Chúng tôi trả cả rồi. Ông không đuổi được chúng tôi.

Họ để cho bọn đàn bà gây sự. Vợ Thường chửi lại. Kết quả bằng trận ục nhau bằng tay bằng chân. Kể vài ba vết thương không làm gì, nhưng quần áo bị rách oan làm cho chủ nó đau xót gấp bội. Thường

biết chuyện phải nói tử tế với mấy người cho họ vui lòng dọn đi. Từ khi xảy ra chuyện đánh nhau ấy, mấy nhà bên kia không bao giờ cho vay gạo nữa.

Ông bố vợ của Thường lại tìm cách thúc tiền nhà tháng này, nhưng họ không chịu trả. Người thuê gác phía bên trong mới dọn đi hôm trước, sáng ngày nhà ở giữa đã rục rịch dọn dẹp rồi. Những đồ bụi bặm kinh niên, rỗ rách chổi cùn đã được mang ra trưng bày ở khoảng gác trống của người ở cũ. Thường nghĩ thầm.

– Thôi cho khuất mắt cái con mẹ ấy đi.

Mụ ta ngồi bán hoa ở vườn hoa chéo cho khách đến lễ ở đấy. Chồng mụ không làm gì hết, chỉ chuyên nghề xóc cái ban đêm ở các tư gia nào muốn chứa giá. Công việc làm ăn này phải chung với một tên hồ lý. Nhà chủ được bao nhiêu tiền hồ phải chia cho người đi gọi làng một nửa để chúng chia nhau. Kiếm ăn như thế chắc chắn hơn là kiếm ăn ở sòng. Thường thấy nét mặt khả ố của gã mà khó chịu. Ngày ngày, gã ngồi luyện cách nghe bạc. Gã xóc một hồi, lắng tai nghe bốn đồng cát bằng vỏ diêm múa lộn trong lòng chiếc bát sắt lọc xọc. Gã nói tiếng nào cũng trúng. Thường thường gặp được những khách nóng mặt hay mở, thế nào gã cũng kiếm ra tiền. Nhưng ở lỗ hà nó ra lỗ hồng, lắm lúc hấn cũng xác như vờ, trơ như nhộng.

Thường chậm chạp lên thang. Chiếc thang gỗ ọp ẹp vang lên tiếng kêu nặng nề trong đêm tối. Nhìn lên phía trên gác, chỉ lờ mờ một ánh sáng đục của hai ngọn đèn hoa kỳ vắn nhỏ bấc.

Thường bước hẳn lên gác. Anh không nhìn thẳng về phía nhà kia, đi thẳng vào phía trong. Ở đấy, gia đình nhà vợ đang ăn cơm. Bữa cơm muộn, chắc vì tới giờ mới có gạo thổi. Năm người ngồi quây lấy một chiếc mâm gỗ, trên để lỏng chỏng một bát nước mắm và một niêu cơm gạo đỏ. Người vợ ngẩng lên hỏi chồng:

– Anh bây giờ mới về à? Có gặp chị ấy không?

– Có thì mới ở đến giờ chứ!

Hai vợ chồng ông già hình như có chuyện gì giận nhau nên ngồi im không nói. Thường vút mũ lên bàn rồi quay bảo bố mẹ vợ:

– Con vay chị ấy được ba hào đây. U cầm lấy hai hào đong gạo, còn để thầy một hào mua thuốc.

Ông già ngược cặp mắt long lanh nhìn con rể như thăm cảm ơn. Bàn tay ông xòe một cách run run, đỡ lấy đồng hào nhỏ. Mấy ngón

tay cái ghét nắm chặt lấy nó như sợ rơi mất. Người vợ lườm chồng:

– Thôi để cả hào ấy đong gạo bữa mai!

Ông già không nói, dứt nghiêng đồng hào vào túi trong, lẳng lặng và cơm. Bà già tức, đặt bát cơm đánh thình một cái xuống mâm:

– Ông chẳng thèm nghĩ gì đến các con ông cả. Chỉ một mình ông no nê thuốc sai thì ông bằng lòng thôi. Rồi bữa mai, bữa kia, gạo không có mà thổi cơm, đừng có gọi là có nồi cháo mà ăn nữa. Ông bán hết cái này, cái khác, thậm chí cả cái quần tôi mới may độ tết, mới xỏ được hai bận ông cũng không từ. Cứ xoen xoét rằng mượn con hàng nước dưới kia hai hào để ăn thuốc, thì ra rờ đến cái áo thay cho con lại mất rồi.

– Tôi lại thèm nói dối bà hay sao?

– Tôi còn lạ gì nữa. Ông thì có ai tin được đâu. Tôi cũng khổ vì ông nhiều lắm rồi. Đã biết rằng phải cần có thuốc, có cơm thì ông phải chịu khó làm chứ việc gì xin thôi để đến nỗi nhà năm miệng ăn phải trông vào số lương của tôi hay sao! Tám chín đồng bạc, tiền nhà, tiền cửa cũng không đủ trả nữa là ăn với thuốc, lại còn công nợ nữa?

– Thế sao tháng này bà không mang về được đồng xu nào?

– Ấy, đánh vỡ của nó cái lọ hoa, nó cúp lương đấy! Có tám đồng mất bốn, còn bao nhiêu ăn tới hôm nay, có nhục nhã không? Ông không tìm được chỗ nào làm nữa hay sao? “Li-vê” của ông cũng tốt mà ông chỉ chực nằm ườn ra suốt ngày à? Hôm nọ ở trên kia có chân bếp Tây, tôi bảo ông mà ông có chịu bò đi đâu?

– Người ta đến thì nó đã có người rồi.

– Ông để tôi thúc năm lần bảy lượt mới chịu đi thì ai người ta đợi ông được. Ít nữa, tôi phải đi Sa Pa với chủ, rồi ở nhà xoay sở thế nào thì xoay. Tôi cứ phó mặc ráo cho ông biết thân. Ông xem con gái đang có việc lại bị đuổi, con trai còn nhỏ, con rể thất nghiệp, ông cũng vậy rồi sống bằng gì? Một năm trời nay tôi khổ sở vì ông, vì con nhiều lắm rồi, tôi cật sức ra để đi làm mà ông có hiểu cho đâu.

Những câu nói đó xói nặng vào lòng Thường. Thật là nhục nhã. Anh đã sống nhờ bố mẹ vợ, vì đã yêu quý vợ mà phải bị mẹ từ. Cha Thường làm bếp cho một người Tây hiện giờ ở bên xứ người, chưa biết tin tức ra sao. Thường cũng được học đến lớp nhất, rồi trượt bằng cơ thủy, anh về quê ở và lấy vợ sau đấy một năm. Bị cha mẹ ép uống, anh không bằng lòng. Cuộc chung chạ miễn cưỡng với người vợ

ngu dân ấy không đem lại cho anh một hạnh phúc gì hết. Anh ra tỉnh làm việc cho một hãng buôn kia và kiếm đủ ăn. Trong thời kỳ đó, anh dan díu với một người con gái làm nghề khâu đằm. Cuộc tình duyên kéo dài được ít lâu thì anh hay tin người đó đã có mang với anh. Bỏ thì bất nhân mà lấy thì mẹ anh không chịu. Thường không nỡ lừa dối một người con gái vô tội, anh đánh bạo đến nhà bố mẹ vợ thú tội. Đám cưới không có gì. Một buổi sáng, anh cho xe kéo chiếc rương quần áo của anh và ở hẳn tại nhà bố mẹ vợ. Được ít lâu, anh mất việc.

Bà mẹ vợ còn nói nhiều nữa, nhưng ông lão không cãi lại nữa. Ngồi lặng im cho bà nói chán rồi thôi. Có giận vợ, giận con, ông chỉ lên giường đắp chăn nằm ngủ thẳng. Ai nói mặc ai!

Thường móc trong túi ra một cái gói, để vào mâm:

– Đây, có ít lạc luộc để các em ăn.

Thằng Nhớn đã thò tay định tranh lấy trước thì thằng bé nhanh tay hơn vồ lấy. Cha chúng quắc mắt lên;

– Để cả đấy! Cơm không có gì ăn để lạc giảm nước mắm.

Ông lão nói xong, thực hành ngay liệu lệnh. Ông nhặt từng củ một bóp nhân, bỏ vào bát nước mắm đã gần cạn. Hai đứa con ông cùng làm theo bố...

Thường nhìn xuống mâm rồi nhìn vợ. Trong khi ấy, người vợ cũng nhìn anh, mắt long lanh có ngấn nước. Người đàn bà ấy, trong tâm can đã sẵn một sự tủi hờn. Chị buồn vì gia đình chị nghèo quá để xảy ra lắm chuyện rắc rối. Từ khi đứa con đầu lòng chết, chị không thiết gì nữa. Cái chết của nó đã gây ra sự nghèo túng khốc hại. Không có tiền chữa chạy khi nó ốm, chị phải đi giật từng hào để mua thuốc nhắm thuốc nhí cho con uống. Đứa bé không thể nào chữa được dù tay mẹ nó cố ôm ấp vuốt ve để giữ cho nó sống. Chết cũng phải khai phải báo chứ: Mà khai báo với đồn cũng tới bảy tám đồng. Thường chạy ngược chạy xuôi không đâu cho giật được mười đồng. Người bố đi vay chủ tiền nhưng chủ không cho. Tức mình, ông thôi thẳng. Lòng tức của ông cũng do tình thương cháu. Vì là cuối tháng, nên chủ bắt ông phải làm cho xong tháng mới trả lương.

May, người mẹ vay được hơn ba đồng bạc nên đứa bé cũng được đưa đi chôn. Nó không được may như mấy đứa trẻ khác được nằm trên chiếc đôn sơn trắng đẹp đẽ, do mấy người khiêng. Nó phải nằm

gọn ghẽ trong lòng một người chuyên nghiệp chôn thuê những trẻ chết không giấy phép. Đòn đưa là chiếc xe kéo bỏ mui và áo tơi chạy về ngã nghia địa thành phố. Hôm đó vào một buổi sáng chủ nhật. Vợ chồng Thường không biết con được vùi dập chỗ nào. Liệu nó có được một cỗ áo quan bằng mấy mảnh gỗ cái ghép không, hay lại nằm chết trong một mảnh chiếu rách chôn vùi trong cái hố?

Con chết rồi, hạnh phúc gia đình của người đàn bà là cố sao cho chồng khỏi về nhà với vợ cả. Chị đã từng sống chung đụng với người đàn bà quê mùa, ngu độn một thời gian khá dài. Hai người không ai chịu ai. Người nào cũng muốn làm chị nhau. Riêng bà mẹ chồng thì phải trên ra trên, dưới ra dưới. Bà chăm chỉ và tần tảo như các người đàn bà khác. Trước kia còn ở với chồng ở tỉnh, sự an nhàn không làm cho bà quên nghề cũ, nên về đây sống, bà lại mua tơ, dệt lụa, dạy bảo thêm cho người con dâu cả làm lụng. Vì thế, trong nhà cũng kiếm được dư đồng tiền. Hai con dâu ghen tị nhau, lẽ tất nhiên bà phải bênh con dâu cả – người bà đã cưới và hiếu tính nết. Bà ghét cay ghét đắng cái đồ “đươi ngay lưng” kia.

Kể người vợ hai cũng muốn an phận, vì thương chồng, chị cố luyện tập làm ăn theo lối quê, song không sao chịu nổi. Một lần đánh nhau với vợ cả, chị ra tỉnh ngay và về ở với bố mẹ đẻ. Độ ấy, Thường bị giữ rịt ở nhà quê mấy tháng. Ít lâu, anh cũng bỏ nhà ra ở với vợ hai.

Bà mẹ vợ thì luôn luôn rầy la con gái. Bà chỉ mắng con những lúc con về đi vắng mà thôi:

– Tao tưởng mày lấy vương lấy tướng gì. Ai ngờ vợ phải của nợ. Rõ đồ vô phúc. Mày bêu riếu chúng tao đủ thứ nhé.

Câu đó nếu có lọt đến tai chàng, chị lại phải lấy nước mắt năn nỉ:

– Dù mẹ tôi có nói thế nào, anh cũng đừng để ý. Tôi chỉ buồn vì không có tiền để hai vợ chồng ở riêng cho đỡ khổ.

Chính điều đó, lẽ ra Thường phải nghĩ đến. Anh muốn sống như thế lắm mà không sao được. Chỉ còn một cách là về ở nhà mẹ đẻ, nhưng vợ hai lại không bằng lòng.

– Chả nhẽ anh về để sung sướng nhàn hạ lấy một mình anh thôi à? Còn bao nhiêu người khổ sở nữa, rồi làm thế nào?

– Thì mình cứ sống lần hồi, chứ có tôi vào lại thêm một gánh nặng. Tôi về kiếm ít tiền lại ra ngay.

– Anh mà về thì chẳng mấy khi có ra nữa. Nhà cũng sắp phải dọn đi rồi. Minh anh là khỏe, lấy ai giúp đỡ.

Còn ai muốn nghĩ đến yêu đương khi lòng bận về sinh kế. Từ khi lấy chồng đến giờ, đời người đàn bà ấy thật chỉ thấy toàn cay đắng là cay đắng.

*

* *

Bọn trẻ gấp lạp ăn dè như cắn một miếng thịt. Rất ngon lành và lạ miệng. Mỗi lần gấp, chúng đưa mắt nhìn cha lăm la lăm lét như sợ người bảo chúng ăn mặn. Hai đứa bé ghen ăn lẫn nhau, thỉnh thoảng đứa nọ chèn đứa kia.

Họ ăn xong bữa cơm chả có gì. Không ai nói với ai một lời. Chỉ có tiếng đĩa gõ vào mâm vào bát. Im lặng. Trong gian gác âm thầm, có một tiếng thở dài vang lên không biết của ai mà não ruột vô cùng.

Lòng Thường se lại, anh cũng thở ra nhẹ nhẹ như trút hết mọi điều lo lắng, nhục nhã bấy lâu.

... Mấy hôm sau, trên một con đường chạy về phía ngoại ô, một chiếc xe ba gác chất đầy các thứ tấp nham: giường bẹp, bàn ghế gãy nát và hòm rương...

Bóng chiều xuống dần, xuống dần. Trong ánh hoàng hôn mờ bụi, mấy người lúi lũi đi sau, ử rữ như đang đưa một đám ma. Họ bước chậm chạp và yên lặng mà rời cái thành phố của chúng ta.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 472, ngày 31-7-1943.

TRƯA THA HƯƠNG

(Tùy bút)

TRẦN CU

Có một buổi trưa lung linh nắng làm cho tôi nhớ quê hương vô hạn. Một buổi trưa ở Chúp (ấy là tên một đồn điền cao su lớn trong những đồn điền bát ngát của Công ty trồng trọt Đất Đỏ Cao Miên).

Nguyên hôm đó là một ngày nghỉ. Tôi đạp xe sang thăm Chúp ở bên kia bờ Cửu Long Giang. Tôi nghỉ chân ở một gia đình người bạn Nam Kỳ. Sau bữa cơm trưa, ai nấy đều sửa soạn đi nghỉ. Bạn tôi ném cho tôi một cái gối lớn để tôi nằm trên một cái ghế tràng kỷ trong phòng khách, và sau khi đã khép bớt cửa sổ cho đỡ chói, anh mỉm cười nhìn tôi có ý chúc ngủ ngon, rồi sang phòng bên cạnh.

Trong phòng bấy giờ tối mát. Tôi nằm luôn hai tay dưới gáy, miệng còn ngậm tăm, vẫn mơ đợi giấc ngủ đến. Giờ phút ấy là giờ phút mà người ta thấy tâm hồn thanh thoi, trống rỗng, không biết nghĩ cái gì.

Tôi lắng nghe tiếng động ban trưa. Dưới bếp, chị ba hình như còn rửa bát: vòi nước chảy sè sè trong chậu, đĩa “nhôm” và bát sứ chạm vào nhau thành một thứ tiếng rất thanh và băng khuâng trong buổi trưa tĩnh mịch. Rồi nước lại sè sè hình như một lần cuối để tráng trên rổ bát, nghe như sóc ốc. Rồi vòi nước tắt. Một thứ im lặng ập đến mông mênh.

Bây giờ đến tiếng nước chảy từ trên bàn rửa xuống cống, lúc róc rách như một dòng suối nhỏ, khi tí tách tí tê như giọt tranh. Có lẽ rãnh nước chảy ngang hiên sau nhà. Tuy không nhìn thấy nó, nhưng nằm đây nhìn ra hiên, tôi cũng biết rằng nó đang chảy, ánh nắng chiếu vào rãnh nước hắt lên mảnh tường ngang bên hiên, in những lớp sóng ánh sáng chập chờn, hiu hiu.

Một cánh cửa sổ nhà bếp còn mở. Ngoài vườn nắng đẹp vô ngần. Khung cửa sổ đen xanh cắt lên vườn chuối một bức tranh mùa hạ nên thơ. Nắng sượt trên tàu chuối non, chỗ xanh trong, chỗ loáng bóng như mạ bạc, phản chiếu lên trần bếp một thứ ánh sáng rất dịu, xanh mướt

và thái bình. Một con chim nào hót lạnh lạnh trong rừng cao su, xa xa... rồi lại im lặng. Mọi vật, dưới nắng, thiu thiu sắp chìm trong một giấc ngủ nặng nề. Thỉnh thoảng có hơi gió nhẹ lay động tàu chuối ngoài cửa sổ làm biến đổi, chập chờn cái màu xanh dịu trên rèm cửa.

*
* *

Bỗng nhiên, ở bên trái, ngoài hiên rộng, nổi lên tiếng võng đưa. Tiếng dây thừng căng thẳng cọ vào guốc võng nghe kéo kẹt, buồn nản lạ. Bên ngoài, nắng lung linh. Tiếng võng đưa kéo kẹt nghe như nạo vào hồn. Tôi nằm không yên, phải nghiêng mình áp má lên gối vì xúc động. Một cảm giác gì rất quen thuộc, rất xưa xâm chiếm hồn tôi, hình như bao lâu chưa gặp.

Rồi một giọng ru em nổi lên – một giọng người Bắc.

*Cái cò lặn lội bờ ao,
Ăn sung thì chát, ăn đào thì chua...
Ngày ngày ra đứng cửa chùa,
Trông lên Hà Nội thấy vua đúc tiền...
A ơi ơi... A ời ời...*

Tiếng hát ngừng ru.

Trong im lặng, nắng như rung rinh vì vang tiếng võng đưa kéo kẹt.

Tự nhiên tôi nhớ nhà. Phải chăng tôi đã gặp linh hồn của đất nước. Hình như xa lắm, đã lâu rồi, ở mãi tíu phương Bắc, trong gia đình tôi cũng có những buổi trưa oi ả với tiếng võng đều đều... Khi cha tôi cầm tờ báo vào buồng để nghỉ trưa, mẹ tôi bảo vú em:

– Ru em ngủ, đừng để nó khóc cho ông nghỉ trưa.

Thế rồi vú em ẵm em tôi lên võng.

Thế rồi tiếng kéo kẹt nổi lên cùng với tiếng ru em não nề, trong khi mẹ tôi ra sân phơi nốt mấy cái quần áo của người nhà mới giặt. Màu trắng của vải ướt ngoài nắng cũng sáng chói lên và hắt vào buồng học của tôi như cái dòng ánh sáng gợn gợn, rung rinh chảy trên mảnh tường xa xôi là bến Chúp này.

Tôi bỗng nhớ nhà như một đứa trẻ. Và ngạc nhiên sao lại nằm ở đây, ở chốn rừng rú này. Thì ra tôi đã phải đi mất hàng ngàn cây số mới nhận thấy ở giữa gia đình người cái hạnh phúc hằng ngày vẫn có

ở chính trong gia đình tôi: một cuộc đời ngắn nấp nhịp nhàng, điều độ quá, bình dị quá thành ra tôi cho là buồn tẻ. Hạnh phúc không phải là một thứ gì cầu kỳ, khó hiểu. Nó là sự ưng chịu, sự nhận lấy cuộc đời hàng ngày với tất cả cái vụn vặt vừa ý eo vừa nên thơ của nó. Bức gấm đẹp đẽ kia phải chăng đã dệt bằng những sợi tơ mỏng mảnh? Nếu đem cắt đứt những sợi tơ ràng buộc tâm hồn mình với mọi vật, có khi ta làm linh hồn chảy máu.

Tiếng ru em lại nổi lên, chậm hơn và dài:

*Ruộng tư điền không ai cày cấy
Liệu cô mình ở vậy được chăng?
Mười hai cửa bể anh đã cấm dăng.
Cửa nào lấm cá anh quăng chài vào...
A ơi ơi... A ời ời...*

Tiếng hát đều đều, hòa với tiếng võng kéo kệt có một cái gì đặc biệt Việt Nam – nhất là một buổi trưa ở chốn xa xôi, nghe một câu hát của quê hương mình, thấm thía và buồn mang mang quá!

Qua bao thế kỷ, tâm hồn người nhà quê Việt Nam vẫn còn nguyên vẹn trong câu hát ru em. Cứ nằm đây, không cần nhìn mặt người đang hát kia, tôi cũng biết đó cũng là cả hình ảnh người đàn bà nhà quê Bắc Kỳ chen chúc trên những miếng đất đã hết màu và chật hẹp vùng Thái Bình, Nam Định... Rồi thì đất ít và hết nữa, mà người thì cứ thêm lên... Cho đến một buổi sáng kia, người nhà quê ra thăm ruộng, thấy lúa xác xơ mới nhìn lên đám mây trắng ở chân trời bát ngát...

Đi xa!...

Người ta đồn ở phương Nam người thưa mà đất rộng.

Nhưng, để phút chốc người ta lại “tự nhỏ được rể của mình”? Cái ý tưởng “tha phương cầu thực” chua xót quá. Lũy tre kia, mảnh vườn này, và bàn thờ ông bà ông vải, mồ mả tổ tiên, bao nhiêu kỷ niệm! Bao nhiêu ràng buộc!

Mặc dầu...

Thế rồi, có một đội binh đói rách kéo xuống phương Nam, đến những vùng đất đỏ. Trong ấy, có cả người đang đánh võng kia.

*

* *

Trưa hôm nay, ôm con người, chắc lòng quê xúc động, người ấy cất tiếng hát ru:

*Cò về nuôi cái cùng con,
Để em đi trẩy nước non Cao Bằng.
Cao Bằng xa lắm... anh ơi!*

Rồi một lúc lâu, lại tiếp giọng thiết tha và nhấn nhục, man mác một niềm nhớ tiếc:

*Khi đi trúc mới mọc măng.
Khi về trúc đã cao bằng ngọn tre...*

Tôi bỗng thấy linh hồn bớt cô đơn hơn một chút. Bởi vì ở chốn xa lạ này, bên vách kia còn có một linh hồn cô đơn hơn, lạnh lùng hơn, nhưng âm thầm tâm tối hơn, cho nên tha hương hơn nữa...

Có tiếng đứa nhỏ tựa mình khóc.

Tức thì tiếng võng kéo kẹt đưa nhanh hơn, và tiếng ru lại nổi lên vồn vã:

*A ơi ơi... A ơi ơi...
Đâu năm ăn quả thanh yên,
Cuối năm ăn bưởi cho nên đèo bông,
Vì cam cho quýt đèo bông,
Vì em nhan sắc cho lòng anh mê...*

Lạ chưa!

Thì ra, cô thôn nữ vui vẻ, nhí nhảnh ưa hát ví vẫn còn sống trong lòng người đánh võng.

Rồi xứ Bắc, với những làng tre xanh trên ruộng lúa, với các cô thôn nữ khăn mỏ quạ, những đêm trăng trai gái hát trống quân, những đêm chèo ngày vào đám, tất cả cuộc sống nhịp nhàng, đơn sơ đầy thi vị ngoài đồng ruộng, trong thôn xóm, tất cả những cái gì rất đẹp của quê hương đều lần lượt hiện về lòng tôi vì câu hát...

Thì ra: dù cho có đi quanh thế giới này đi nữa, trong khi trái đất mang ta, ta cũng mang trong lòng cả một thế giới.

Dù qua không gian, qua thời gian, ta vẫn còn một chút gì riêng biệt của ta. Tiếng nói có trọ trẹ, giọng có pha, tâm hồn vẫn vậy. Du lịch chỉ là một cách “đi trốn qua không gian mà cũng không tránh khỏi thấy thời gian trôi chảy” (P. Morand). Tôi nhớ đến câu trong kinh thánh: I, Imitation de Jésus Christ “Người sẽ đổi thay và người cũng chẳng hơn”.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 470, ngày 17-7-1943.

TRÊN LÁI THÁN

(Tùy bút)

TRẦN CỬ

MONCAY – HAIPHONG

Ngày 2-9-1942

(19g30) – Chiếc xe quạt mãi chưa hồng; mấy chú “ét” vừa phục dịch, vừa rửa, hết quạt xè xè như dỗi lại quay ma-ni-ven ùng ùng như phá. Chiếc xe cứ... ỳ ra.

Nhưng rồi hòn than cũng rực lên, chiếu đỏ cả một góc đường.

Lòng lữ khách cũng nóng như lửa đốt.

Một hồi “ma-ni-yen” nữa. Chiếc xe lồng lên, rên hừ hừ rồi máy nổ vang, rung cả vỏ sắt. Tất cả hành khách đều trút một tiếng thở dài lớn như nói: “À, có thế chứ!” Và lăm le tranh nhau lên xe trước.

Hãy khoan! Ra trại lấy lính bồng súng đi hộ vệ đã. Con đường qua Trà Cổ ban đêm hỗn lăm. Có một lần, nửa đường, giữa cánh đồng vắng, vài chú “xạ phang” vẫy xe lại đáp nhờ. Xe ngừng. Thế là rút súng ra bóc lột, rồi trút sang Tàu mất. Hết tìm.

*

* *

Đêm nay, đêm thượng tuần. Xe chạy tới bãi tàu bay thì trăng tỏ. Ngồi trong xe, nom rõ vành trăng vàng vọt chơ vơ trên cánh đồng hiu quạnh. Con đường gồ ghề, khúc khuỷu, lờ mờ lấp lánh trong đêm. Đường xấu. Xe xóc, long lên xòeng xọc, tưởng bao nhiêu mũ ốc, đánh vít, sắp tung hết cả ra như một chiếc xe trong phim hoạt họa.

Bến đò Trà Cổ. Hai bên bờ sông, hai kè đá sừng sững như hai vết hoang tàn của chiếc cầu lớn.

Mặt trăng xế mãi phương đông, chiếu xuống lòng sông hơi gợn

sóng một dải vàng lung linh như nắm tơ vàng ngâm lũng lơ giữa dòng khuya. Xe ngừng lại, đỗ lù lù trên cánh đồng vắng, đợi con đò chập choạng bơi sang.

Bốn bề yên lặng. Chỉ nghe tiếng ánh trăng lơ dờ trôi dưới sông khuya và tiếng mái chèo vỗ nước của con đò lẻ. Đò sang đến giữa dòng thì mặt trăng còn cách chân trời chừng hơn một thước, chiếu dài thành một vệt rực lên như vàng cháy, phẳng phất giống một chữ I, run rẩy chết đuối giữa dòng sông đang chơi vơi cố ngoi lên với lấy dấu chấm vàng là mảnh trăng treo lạnh lũng ở chân trời. Con đò lừ lừ nhập vào cái vùng ánh sáng vàng rực ấy. Bóng đen người lái đò đang cúi xuống chống chiếc sào loáng ánh vàng nổi bật lên vùng ánh sáng kỳ ảo...

Rồi lại lẩn vào đêm tối.

Xe sửa soạn xuống phà. Phải nghe thấy tiếng ướt và lạnh lẽo của xích sắt vừa vớt dưới sông lên bị kéo lê trên bờ đá khua lẫn với tiếng máy chạy đều đều như người buồn ngủ, tiếng “phanh” rít lúc xuống dốc phà; phải trông thấy những bóng đen hành khách vội vàng, hoạt động lấp lánh trong cái vùng ánh sáng vàng vọt của chiếc đèn pha “ô tô” chiếu yếu ớt trên mặt sông; phải hưởng tất cả những thi vị ấy mới biết cái buồn của chuyến đò đêm, cái vội vã của kiếp sông hồ lận đận.

Người lái khách đợi cho bọn đồng hành xuống hết cả, nán lại sau để nhìn một lần cuối cùng ra bốn phía trời khuya, nhìn vầng trăng tà, nhìn đám sương mù bốc lên ở đầu sông, rồi xốc cổ áo lủi thủi theo xe xuống đò như đi theo một định mệnh.

Chiếc phà lại buông ra giữa dòng. Người tài xế cần kiệm tắt máy đi, thành ra chuyến sang ngang âm thầm quá. Chỉ nghe thấy tiếng cây sào lớn chọc bì bõm xuống lòng sông, đẩy chiếc phà lặng lẽ lướt đi... và ghé vào một bến đá có một ngọn đèn còn thức leo lét trong túp lều canh.

Lại lịch kịch lên bộ.

Mọi người lên xe đã đủ. Cuộc hành trình tiếp tục. Xe chạy giữa cánh đồng hiu quạnh. Và lắc. Và xóc. Và bon bon chạy, tưởng lẻo đẻo không bao giờ ngừng. Đôi khi gặp một khoảng ruộng có nước phản chiếu bóng trăng, điểm vài vệt sáng lấp lánh ở chân trời.

Xóm làng thưa thớt. Ấy là một vùng gần biển, nghèo đói, đất cát mặn mòi có những căn nhà lá đứng bơ vơ thành một khối đen in lên nền trời đục lờ điểm vài ngôi sao thưa thớt.

Ngồi trong xe, bỗng có cảm tưởng con đường bắt đầu lên dốc. Phong cảnh như thu hẹp lại. Rồi thấy bóng một ngọn núi – Núi Ngọc – lù lù ở trước mặt. Xe đi sát vào chân đồi, lượn trên con đường cắt vệt vào lưng núi ngoằn ngoèo như ruột mèo. Người khách lạ ngồi trong xe, cảm giác bị bọn gian bắt cóc mình đi đến một sào huyết nào hẻo lánh. Xe quặt, nghiêng cả về một bên, qua đầu chân núi, qua một cái lô cốt đứng gác trên đèo. Không gian bỗng mở rộng, chiếc xe đi vòng hết chân núi và thoát ra khỏi bóng đen của trái núi định đè lấy mình.

Và có lẽ đây là biển rồi. Vì trước mặt: một vùng đen mông mênh, bao nhiêu là sao hơn hử.

Gió mạnh hơn và mặn mà. Có tiếng sóng xa nghe phới phới dào dạt như khúc nhạc của viễn thu.

*
* *

(10 giờ đêm)

Tàu thư chưa tới. Có lẽ đến nửa đêm. Mà đây là một vịnh nhỏ, mực nước thấp, tàu không ghé bờ được. Du khách phải đi lái thán mà đáp lên tàu đậu mãi ngoài xa.

Xe ô tô ngừng ở núi Ngọc.

Hành khách lơ thơ xuống: một người lính kênh còng với cái súng của mình, một chú khách với chiếc va li và mấy cái giỏ mây, hai bà già và tôi.

Người lính khoác túi dết lên vai, xốc lại quần áo, sửa lại cái thắt lưng da, làm ngọn lưởi lê đâm vào đùi kê lách cách trong đêm khuya; hai bà già dắt díu nhau mò mẫm tìm bậc thang xe, lóng cồng bước xuống đường, dưới ánh lửa đỏ của hòm hơi than.

Nhân viên nhà đoàn đến khám hành lý và giấy thông hành. Ánh đèn “pin” lấp loáng soi vào cái va li mở tung làm sáng những bộ quần áo trắng, hay chiếu nhằm phải bộ mặt nhăn nhó vì chói mắt của một hành khách.

Trong bóng tối, tiếng người lính gay gắt hỏi.

Người Hoa kiều xì xồ giảng giải và người lính đoàn thông ngôn hách dịch. Tay y cầm đèn “pin” vung lên. Vệt ánh sáng lướt qua đầu

mấy cái mũ trắng của bọn “ét” rồi vọt lên trời chiếu rõ mấy cành tre bên đường đang ngả nghiêng trước gió, hay chúc xuống đất thoáng soi một hòn đá lớn nằm lù lù ở giữa bụi đường. Tất cả hiện ra một cảnh khảm xét đặc biệt nơi biên thù. Khách đi xa châm điếu thuốc lá đợi, nửa bâng khuâng niềm lữ thứ, nửa sung sướng thấy mình đang sống cái kiếp sông hồ.

*
* *

Đêm 2-9-1943

TRÊN LÁI THÁN

Thuyền chưa nhổ sào, còn đợi con nước.

Thế là đêm nay mình lại nằm trên biển như ngày nào qua Khoái Tử Long. Trăng hạ tuần ủ dột và vàng vọt như một nét mày đã úa đang rớt xuống phương đoàn chiếu vàng cả mảnh trời sau núi Ngọc.

Thế là lại được nghe nước róc rách bên mạn thuyền, trong đêm khuya, nghe tiếng sóng lần lượt nối tiếp nhau dạt dào trên bờ cát, nghe con thuyền bồng bênh kéo kẹt như thì thầm ôn lại bài ca của đại dương nghe cái cột buồm lắc lư nhẹ nhàng bắt đầu say hơi gió ngàn trùng.

Trên bờ vắng, sóng tóe lân tinh như lăn những hạt kim cương trên cát. Hay là các nàng sao đêm khuya rủ nhau xuống tắm? Bóng đen cao lớn của người lái thuyền in dài trên cát. Vai hấn vác những hành lý xuống thuyền. Hấp lợi xuống biển. Đôi bắp chân đen, đẹp, cứng cáp, lùa xuống nước bắn tóe lên những ngôi sao.

Khi tất cả hành lý đã xếp đàu đó trong khoang cùng với bao thư của nhà Bưu điện, thuyền nhổ sào.

Người lái đò và bọn chài chèo nhẹ nhàng ra khơi. Mỗi lần cái mái chèo dúng xuống nước lại khoáng lên một mớ sao, một mớ ngọc hay một mớ kim cương. Nằm trong khoang, thò đầu ra mạn thuyền mà cho tay xuống vớt những chòm sao rụng trên mái chèo đằng mũi, mình cũng tưởng tay mình phun ra ngọc hay khoáng vào một chậu kim cương. Đẹp quá! Thủy soạn kêu lách cách quanh thuyền. Cái trò chơi ấy có một vẻ đẹp thần tiên. Có lẽ xác thần Vichnou hóa làm rắn, cùng chư thần xáo trộn “Biển sữa” để lấy nước tràn sinh cũng chỉ thần bí điểm ảo như ta, đêm nay, thò bàn tay xuống đại dương mà khuấy lên những vì sao rụng.

Con thuyền rập rình lướt trên biển lặng.

Chiếc cột buồm lão đảo đến hay, trông như một gã trẻ tuổi phiêu lưu, say rượu, chệnh choáng, đang lang thang trên hè phố vắng nơi đất khách, một đêm tha hương.

*
* *

Gió thổi mạnh. Kéo buồm ra khơi thôi, anh em. Buồm vừa mở một nửa, gió đã ập vào, phồng lên như một lồng ngực vạm vỡ căng đầy gió, làm nghiêng hẳn thuyền về một bên.

Tiếng dây thừng căng thẳng trước gió reo lên như sợi dây trâm của một chiếc vĩ lớn. Dây đay siết vào vòng gỗ kêu kin kít, nghe rạo rục, lũng lộn như tiếng rít của con thú sắp được sổ lồng: con thuyền khát gió bốc trời.

Thôi bây giờ để mặc gió thổi đưa đi, tay nường, tay lái, tay cầm dây lèo (cái cương buộc vào ngựa gió), trông sao mà đi.

Hay là nằm trên mũi thuyền nhìn lên trời cao, nghe cái cột buồm lão đảo chỉ trở vắn vơ các vì sao, kể cho nghe câu chuyện hải hồ cũng thú.

*
* *

Kia kia, ngang trời bắt nguồn từ chỗ vô cùng trôi về nơi vô tận, dòng Ngân bàng bạc như một con sông mù sương. Tòa Thần Nông, đai vàng mũ ngọc, như trong một đại lễ, đang cúi xuống bên doanh Vân Hán và gieo những hạt ngọc cho muôn đời. Đằng sau vua Thần Nông, “con vịt” đang vẫy vùng trên sông Ngân, bàn chân vĩ đại thò cả lên bờ và chống mái phao câu lên trời để vục đầu vào trong dòng ánh sáng mờ một ngôi sao. “Con vịt” chống phao câu cao thế kia lại hạn hán mất thôi. Nhưng sao lại “Con Vịt”? Óc người nông phu đất Việt giản dị quá. Chính ra trông giống con cò hay con dăng – ở con dăng của La Fontaine tiên sinh – thì có lẽ đúng hơn. Này nhé: rõ ràng chân lêu nghêu, cổ mỏ dài vươn. Nhất là cái mỏ. Đôi mắt của nó lấp lánh ra chiều hóm hỉnh. Nó đi mò sao mà ăn. Cái mỏ dài đang ngậm một giọt sao còn ướt tươi nguyên.

Phương Bắc, tòa Bắc Đẩu bỏ không chẳng có ai ngồi. Mà có ngôi lên thứ ghế tựa lưng thì khúc khuỷu mà chân ghế lại khập khiễng thế kia, thì cũng đến lặn tòm xuống biển! Thế mà người phương Tây nhìn cái ghế ấy ra hình con gấu thì lạ thật!

Đại Hùng tỉnh mà nằm xuống lại hóa ra cái “xoong” bạc sáng choang. Người Tàu nhìn đúng. Xế về tây bắc, chòm *Cassiopee*¹ sáng rực như cái thước gấp bằng ngọc của Thủy thần vừa đo mực thủy triều, lơ dăng vút ở bên trời.

Chính tây, hai ngôi sao lạ ở chân trời cũng đang dăng lên song song như đôi mắt người yêu.

Không hiểu sao tự nhiên tôi nghĩ đến cái đôi mắt sáng ngời của đứa bé trong bức tranh quảng cáo sữa đang nhô lên mặt bàn để với hộp sữa? Tôi mừng tượng có đôi bàn tay vĩ đại đang vùi vào bên kia chân trời mà nhô cái mặt mông mênh với đôi mắt sáng rực lên khỏi đại dương, đôi mắt hau háu như của con yêu có đôi hia bảy dặm, mà rình con thuyền đi qua, con thuyền bé nhỏ của một cậu bé Tý Hon giang hồ...

Xế ngang đầu, chòm Tua Rua ríu rít như một chùm hoa trước gió.

Và xa nữa, sáng ngời một góc, một vì sao lớn đang cúi mình xuống uống nước, làm dáng như anh chàng Nácxiơ (Narcisse)² ngàn xưa... Chưa biết chừng! Đợi chút nữa không khéo, mê say cái bóng đẹp đẽ của mình, anh chàng sao ấy lại không nhào xuống biển mà hôn hình ảnh của mình!

– Ấy đấy! Sao rụng! Không, không! Đâu đó một vì sao sang hỏi thăm một vì sao!

Thuyền trôi đến một vùng rộng lớn. Sóng cả. Thảo nào, cả một trời sao rung rinh. Cánh buồm lớn cứ căng gió mà đi, phồng lên như ngực một anh chàng làm phách, ngược lên, nhiều lúc lằm trời sao là mảnh buồm thủng nhiều chỗ; và chỗ buồm thủng nhiều chỗ lại ngỡ là một mảnh trời sao treo lác lư trên cột buồm.

Đêm tà... Mặt biển nguội dần. Sương mù bốc lên cao ngất làm mờ cả ngàn sao.

Đến canh ba thì sao lợt. Gió hiu hiu nổi lên... Thuyền như trôi

1. Một chòm sao xếp thành hình thước gấp bốn khúc.
2. Một nhân vật đẹp trai trong thần thoại Hy Lạp.

vào một xứ mông lung vô biên giới.

*

* *

Sáng sớm 3-9-1943

NGOÀI KHƠI

Tiếng nói léo xéo của bác lái đò làm tôi tỉnh dậy. Trời sáng. Nhưng mới có năm giờ. Bình minh ở ngoài biển bao giờ cũng sớm hơn và rực rỡ hơn.

Mặt trời nổi lên khỏi mặt biển độ tám tấc, đỏ chói như viên ngọc lớn mới rửa, ướt ngời.

Chân trời không một gợn mây. Biển thì xanh rờn, mặt trời thì đỏ chói và thắm tươi trên một nền trời hồng phớt.

Không gian như đầy sức khỏe, trong xanh và tươi mát. Gió như mới có lần đầu, thơm tho mặn mà và thắm thía.

Hòn núi Ngọc phản chiếu ánh sáng bỗng hóa ra vàng. Rồi dãy núi xa hiện rõ dần lên, trắng đục rồi phơn phớt xanh, rồi biếc hẫ hẫ ở chân trời.

Xa nữa, dưới chân núi xanh, bãi cát (hình như bãi Trà Cổ), trắng ngần dưới ánh mặt trời, cắt một vệt sáng chạy dài suốt dải núi...

Rồi không hiểu từ đâu hiện ra những cánh buồm nâu phơ phới, lướt trên mặt biển như đi giang hồ không mục đích.

Rồi mây cũng ở đâu kéo về, đoàn viên lại như những lũ khách rủ nhau kết lại thành đoàn để băng qua ngàn dặm, làm một cuộc du lịch lớn.

*

* *

Sáng hôm nay khác với mọi sáng, mặt biển có một vệt dài bọt hoa vàng, trôi dạt lênh đênh quanh co như dải “đăng ten” uốn éo hàng cây số. Phải chăng là những bọt sóng đêm qua ai xáo trộn “Biển Sữa” mò sao, hay là những cánh hoa tàn trong tiệc rượu trên những chiếc thuyền hoa mở dạ yến thời xưa? Phải rồi, truyện cổ tích chẳng đã chép rằng xưa có những chiếc thuyền ma, đêm đêm giương buồm hiện lên ở chân trời, đèn nến sáng choang, đàn ca réo rắt, lạng

lẽ lướt đi.

Những người lái đò lại bảo đó là chỗ hai luồng nước giao nhau. Có lẽ bọt vàng từ ngoài khơi thổi lại giạt vào chân núi, nhất là ở chân dãy núi nào vòng thành vịnh. Thế thì chỉ có thể là dấu vết của nhiều luồng gió gặp nhau trên mặt biển rộng giao hòa rồi nhập thành bọt mà đi. Và muốn cho những ngọn gió sau biết lối giang hồ, bèn bắt chước nàng My Châu xưa, rắc trên mặt biển xanh những điểm bọt hoa vàng. Rồi biết đâu, có những con trai hớp những bọt ấy ngậm vào thành ngọc, bị sóng đánh dạt vào chân núi (có lẽ vì thế nên gọi là núi Ngọc) để cho người ta vớt lên làm đồ giải khát cho những khách sông hồ!

*
* *

Mặt trời đã vượt khỏi núi Ngọc, ngồi trên thuyền mà nhìn xuống biển thấy rõ ánh sáng vàng chiếu vào nước biển xanh. Trông xanh thế mà trong vô cùng.

Ánh sáng xuyên qua trông rõ như những vệt gân vàng một phiến ngọc xanh. Nếu cắt một khối nước biển ấy lên ta sẽ thấy giống như miếng nước đá xanh lớn có thớ bọt trắng trong suốt.

Hay vớt một miếng cơm nắm xuống biển trông rõ nó rơi, rồi lắng, lắng xuống vời vời... sâu thăm thẳm... như một câu hát, rất trong và rất êm...

Bồng mặt biển có tiếng quấy mạnh và tiếng thở phì. Trông ra phương Bắc, có tia nước phun lên, rồi ba con cá he song song rẽ sóng bơi đi. Chừng một gia đình đi dạo sớm mai: “Cậu, Mợ” và “em bé” có vẻ thong dong lắm. Nhìn theo vệt sóng, lại thấy cứ độ năm sáu thước, cả ba đều ngoi lên thở phì ra hơi nước và ba cái lưng có vẩy nhọn sáng như bạc lại hiện lên, rẽ sóng như một lưỡi dao... Rồi lại ngụp xuống lại ngoi lên, thở phì. Cứ thế mà phới ra khơi.

Chạnh nghĩ đến lúc sắp sửa lên tàu lớn mà về Cảng, lại buồn. Tàu có rộng, nhưng hơi ối! Đó là một cái nhà tù nổi, trôi đi có giờ, ngừng lại có hạn, nào được tự do lênh đênh phiêu bạt như cánh bướm kia.

Alain Gerbault ¹ ! Anh sướng nhất đời!

Một cánh buồm trắng, bốn biển là nhà, anh đem dạo khắp bốn đại dương cả một tâm hồn rộng lớn và kiêu hãnh, đi một mình, không bè bạn. Không hiểu những khi chiếc "Firecrest" trôi lơ lửng giữa hai cái vô tận đều xanh ngần ngật, anh đã nghĩ được những gì?

Phải chăng anh thấy rằng một mình mình lại với mình để mà tư tưởng cũng đủ choán chật cả cái mệnh mông?

Lại đem một tủ sách quý. Trời ơi! Một trang sách hay đọc trước một vùng trời biển lồng lộng hẳn khác với trang sách giở trên bàn viết, trong một thư viện bụi bặm. Tôi đâm nghi ngờ cái người nào xưa, đóng cửa ba năm đọc sách, chưa chắc đã thú bằng.

Lại thêm, cuốn nào dở là vứt luôn xuống biển... Đẹp thay và ngạo nghệ thay cái dáng quẳng cả cuốn sách xuống vực sóng muôn trùng...

Sướng tay biết mấy!

Tiểu thuyết thứ bảy

(Nguyệt san). Số 7, tháng 12-1944.

1. Một nhà du lịch người Pháp, người đầu tiên vượt Đại Tây Dương bằng thuyền buồm một mình. "Firecrest" là tên chiếc thuyền của anh. Sau chuyến đi có viết một cuốn sách mang tên: *Một mình vượt Đại Tây Dương*.

NỖI OAN KHỔ CỦA CHỊ TÔI

(Truyện ngắn)

NGUYỄN VĂN HAI

Tôi không còn nhớ rõ năm ấy tôi bao nhiêu tuổi. Tôi chỉ biết tôi là một đứa trẻ, một đứa trẻ như những đứa trẻ khác không hiểu biết gì cả, nếu không kể hai thứ “ăn” và “nghịch”. Nhưng trẻ nhỏ có nhiều hạng: đứa này thì dãn và ngốc lảm, người ta thường dùng ba chữ “ngu như lợn” để gọi mấy đứa ấy; đứa kia thì mềm như một cục bột, cả ngày không thốt ra một tiếng nói; đứa khác thì tinh ranh, quỷ quyết, chẳng thua gì ma quỷ.

Tôi là một đứa trẻ thuộc về hạng vừa kể chót, nhưng cũng vì thế, mà ngày nay mới có những dòng này.

Chúng tôi là hai chị em. Chị tôi lớn hơn tôi năm tuổi và cũng vì năm tuổi trội hơn ấy, mà chị tôi không được má tôi cưng yêu bằng tôi. Nhà tuy không phải không có kẻ ở, nhưng chị tôi phải quét nhà, rửa chén, tóm lại, tất cả phận sự của một người đàn bà (Tôi muốn nói người đàn bà kiểu mẫu). Má tôi không phải ghét bỏ gì chị tôi, chính má tôi muốn tạo ở chị tôi một linh hồn người vợ và người mẹ sau này.

Nhưng ngoài phận sự ấy, chị tôi còn phải có một bổn phận riêng: bổn phận một người chị. Chị tôi phải chăm nom, săn sóc tôi, từ cái xác thịt bề ngoài đến tâm hồn bên trong. Nói ngay rằng: chị tôi phải gánh vác đảm đương tất cả những việc gì mà trong năm tuổi nữa tôi mới có thể làm được. Hừ, thế mới biết rằng ở đời có bao nhiêu chuyện đáng cười: cũng như ở đây, chỉ cái sự chào đời trước sau năm tuổi mà chị tôi và tôi khác hẳn nhau. Tôi là một đứa nhỏ, sống trong sự ăn no, mặc ấm, dưới sự che chở, đầy lời dịu ngọt, âu yếm của một người mẹ hiền. Chị tôi, trái lại, là một con hầu, mà mỗi cử chỉ nhỏ nhen nào cũng bị cặp mắt nghiêm khắc của má tôi kiểm soát.

– Tao không muốn thấy mày mặc áo màu hường ấy.

– Mày đi đôi guốc gì mà gót cao thế? Mày muốn bắt chước các “mẹ đầm” ư?

Sự nghiêm khắc của má tôi đối với chị tôi đã đi vào chỗ vô lý. Đã có một lần má tôi bảo chị tôi:

– Tao không muốn trong phòng mày có hoa, bất kỳ là thứ hoa nào, dầu hoa cỏ đi nữa.

Dưới chế độ ấy, chị tôi đã già đi nhiều, già với từng ấy tuổi, với mười mấy cái xuân xanh ấy. Ra đường, người ta không ngờ chúng tôi là hai chị em vì cách ăn mặc như một ông hoàng con của tôi và cách lam lũ như một con thị nữ của chị tôi.

Nhưng sự lớn hơn năm tuổi, đó là một lẽ. Một lẽ khác, chị tôi là con gái, tôi là con trai, lại là con trai út của má tôi. Đây là một lẽ chắc chắn để cắt nghĩa rõ sự chênh lệch giữa chị tôi và tôi. Tôi không hiểu tại sao phần đông những người mẹ đều không công bình đối với con, luôn luôn bênh vực đứa con trai để đè ép đứa con gái. Nhưng người ta xem sự không công bình ấy rất tự nhiên. Chị tôi có lẽ cũng hiểu như thế, nên không có ý ghen tuông gì cùng tôi cả, chỉ một mực lo làm tròn phận sự một người con và một người chị.

Tôi thấy má tôi tung tiu tôi như thế, thì tôi lại càng lên mặt cùng tất cả mọi người trong nhà, nhất là với chị tôi. Tôi bảo gì thì phải làm ngay, tôi sai đâu phải đi ngay. Tôi có tất cả oai quyền của một ông tướng soái cầm binh ra trận. Sai ý tôi một chút là tôi cứ quát lên, nếu quát không được thì tôi lại rít, rít lên để má tôi nghe, và để má tôi mắng chị tôi. Những lúc như thế thì tôi như một kẻ thắng trận, vênh cái mặt đắc chí ra để lườm chị tôi bằng cặp mắt ngạo nghễ. Người trong nhà đều sợ tôi và luôn luôn tìm đường trốn tránh tôi như trốn tránh một tai nạn ghê gớm. Thấy thế tôi lại càng đắc chí và tìm đủ cách để hại chúng và hại chị tôi. Sự tinh nghịch hung dữ lớn với tuổi tôi mãi cho tới một ngày.

Một ngày nọ, ngồi trong lòng má tôi, tôi nhõng nhẽo nói bằng một giọng kéo nhựa như những đứa trẻ được mẹ chiều:

– Má bảo chị ba mua canh bí con ăn.

Canh bí là món canh tôi thích nhất, tôi đã có ăn nhiều lần, nhưng chưa chán, tôi vẫn còn thèm, và còn đòi, đòi cho được.

Thế là buổi cơm sáng ấy có một ô canh bí, màu đỏ hồng, rất béo, rất thơm. Tôi ăn đã no tới họng, nhưng canh bí còn, tôi bảo phải để

dành vào buổi chiều cho tôi. Má tôi lại phải một lần căn dặn chị tôi, dậy ô canh cho kỹ, để dành cho đứa con cưng. Nhưng buổi trưa hôm ấy, tôi thấy đói, tôi sực nhớ đến ô canh bí. Tôi muốn bảo chị tôi đem ngay ra cho tôi ăn, nhưng tôi sợ người ta cười tôi là một đứa ham ăn. Suy tính mãi, tôi chỉ còn một cách là đi ăn lén, ăn vụng. Thế đã nhất định, tôi thừa lúc mọi người không để ý đến, tôi lén vào nhà bếp. Muốn cho mọi sự được dễ dàng chắc chắn, tôi bỏ tấm màn cửa xuống, để cho không ai được thấy tôi cả, và để tôi được tự do cùng ô canh bí. Lúc ấy, tôi có những cử chỉ của một kẻ trộm lành nghề. Tôi đi bằng mười đầu ngón chân, tôi vén tay áo lên để khỏi vướng đổ, vì... một tiếng động thì tôi sẽ ôm nhục suốt đời. Nhưng tôi ăn không được ngon như buổi sáng, tôi không nếm được mùi vị của canh bí nữa, vì miệng tuy ăn nhưng trí óc cứ để mãi về phía nhà trên... Nhưng... ô canh bí, từng thìa, từng thìa nó cạn dần, cạn dần. Rồi một ý nghĩ làm tôi giật nảy mình. Ai đã vào đây tát cạn ô canh? Một câu hỏi, đó là một câu hỏi chốc nữa người nhà sẽ rối rít lên. Còn ai? Phải, ngoài tôi còn ai? Rồi người ta sẽ thấu hiểu hết, rồi người ta sẽ cười tôi. Người ta...

Giữa lúc bối rối như thế thì con chó mực từ đâu chạy vào, đứng dưới chân tôi, nhìn tôi bằng cặp mắt thèm thuồng. Một ý nghĩ rất hay ho nhảy vào óc tôi. (Tôi đã bảo tôi là một đứa trẻ tinh ranh, yêu quái, quý quýệt). Tôi mau mắn lấy nước canh rắc xuống đất. Tôi làm việc ấy rất cẩn thận, rất ý nghĩa, dầu một nhà trinh sát cũng phải lằm. Sau rốt, tôi để con chó gặm ô canh, nấp vung thì tôi cầm ở tay. Và... tôi đánh bốp cái nắp vung xuống dưới đất. Liền đó, tôi lại la lớn lên, tôi la như một kẻ bắt trộm (chính tôi là trộm). Tiếng la hót hải và gấp rút:

– Chó! Chó! Chó ăn vụng, nó đập cả nắp vung rồi má ạ. Mau, mau xuống xem đây.

Lúc ấy, tôi có cả tinh thần của một tài tử diễn kịch, tôi làm ra vẻ tức giận, tôi làm cho tiếng la của tôi được chất chứa, tôi... tôi đương thủ một vai tuồng, một vai tuồng cảm động nhưng ghê rợn.

Nghe tiếng động và tiếng la, má và chị tôi ở nhà trên chạy xuống. Chị vú đang giặt đồ cũng bỏ dở để chạy vào, tay còn đầy bọt xà phòng.

Thì kìa, rõ ràng trước mắt mọi người, con chó mực đứng đấy, mắt ngó dáo dác, lưỡi đưa qua đưa lại để liếm hai bên mép còn đầy những bí và dưới chân nó những mẻ vỡ rải rác cùng khắp đất.

Trước cảnh tượng ấy, má tôi giận đến đứng lạng người. Chị tôi tái xanh cả mặt, và chị vú già, bộ mặt càng ngờ ngạc cũng đứng thừ

ra ở đó. Đã thủ vai lỗ, tôi phải đóng luôn bài kịch. Tôi khóc, tôi mếu, tôi làm cho ra nước mắt:

– Con bắt đền má đấy... Má làm sao có canh bí chiều nay cho con má... má đền cho con!

Tôi khóc, tôi giãy giụa. Những cử chỉ ấy tôi đều biểu lộ một cách rất tự nhiên, không một chút gì là ngượng ngùng. Giá lúc ấy có ai quay phim thì tôi dám chắc rằng nghệ thuật tôi chẳng kém gì nghệ thật của cô bé “Shirley Temple” vậy.

Tiếng la khóc của tôi làm cho má tôi tức giận thêm, rồi như không còn chỗ chứa, sự tức giận ấy trào ra như bọt rượu sâm banh. Vút! Má tôi rút cái roi mây ở vách ra, và như một cái máy, má tôi thẳng tay vút vào lưng con chó mực:

– Đồ ăn vụng, tao cho mày vụng nhé... Hừ! Cái thứ ăn vụng thì bao giờ cũng vụng!

Tôi không dám nhìn ai nữa, tôi đỏ cả mặt, đỏ cả lòng trắng con mắt. Tôi gằm đầu xuống để nghe má tôi mắng chó, mắng những thứ ăn vụng. Tôi biết rằng má tôi vô tình mắng như thế. Trời ơi! Nếu mà má tôi biết!

Tội nghiệp con chó, dưới trận mưa roi, nó chỉ nằm quy xuống, rên la như van lơn, cầu cứu. Nó không hiểu rằng nó đã tội tình gì, nó chỉ biết có liếm mép đầy canh bí, mà chính tay tôi đã đổ lúc nãy. Làm sao bào chữa? Làm sao minh oan? Nếu nó biết tiếng người! Sau cùng không chịu nổi sự đau đớn, nó vụt chạy, chạy thật xa như một kẻ ăn mày bị đuổi. Nhưng chưa đã cơn giận, và sẵn roi tay, má tôi lại vút vào lưng chị tôi, lúc bấy giờ đang đứng cạnh, mặt tái mét:

– Thứ gái hư, đồ gái hư! Rồi mày coi tao nhé, tao đánh cho mà xem, đánh để bỏ cái thói ăn sọ làm sịa đấy nhé. Thứ gái đầu mà hư thế, đã căn dặn đầy nấp cho kỹ, kéo chó mèo.

Chị tôi đã biết trước từ nãy giờ, và đoán trước giờ phút này, chị tôi sẽ bị trận mắng và một trận đòn, vì mỗi lần có chuyện như thế thì má tôi đổ cả lỗi về chị tôi. Má tôi cứ vút là vút. Chị tôi cứ đứng lặng im, rướm rướm nước mắt, chị không dám chạy, cũng không dám khóc, chỉ mím môi, yên lặng, hứng những làn roi thấm thịch.

Giữa lúc ấy. tôi run cả người lên, tôi đã ăn năn, đã hối hận. Phải dẫu sao tôi cũng còn một chút lương tâm. Tôi muốn chạy lại đỡ lấy những làn roi và quỳ dưới chân má tôi để thú thật, để nhận hết cả

tội lỗi. Nhưng không, tôi chỉ là một đứa con nít, tôi hèn yếu lắm, tôi không can đảm như thế được.

Rồi tôi cầm đầu chạy trước sự đe dọa của một vị thần hung dữ. Tôi chạy, nhưng vẫn còn nghe phía sau lưng má tôi quát chị tôi:

– Rồi chiều nay canh bí đậu cho thằng Hảo ăn. Rồi chiều nay mày cạo đầu mày để nhường phần nó...

Tôi không can đảm nghe nữa, tôi chạy...

Vào tới buồng, tôi sập âm cửa lại và mặc cả quần áo lem lố, tôi nhảy lên giường ngủ, úp mặt xuống nệm. Tôi trùm cả mền, cả chăn, cả gối.

Tôi sợ hãi. Một vị thần hiện trước mặt tôi và nói:

– Mày là đứa trẻ hung dữ, Chúa sẽ phạt mày.

Rồi buổi chiều hôm ấy, tôi bị sốt, sốt trọn cả đêm, cả đêm tôi lảm nhảm luôn mồm. Má và chị tôi một phen lo sợ, chạy thuốc và khăn vái đủ điều.

Nhưng vài hôm sau tôi lại khỏi, và như một con chim, tôi bay tôi nhảy, nhảy bay còn hơn khi nào. Rồi có phen tôi định quỳ trước chân chị tôi để kể rõ tất cả, để thú thật tất cả. Nhưng không, tôi vẫn hèn yếu, tôi không can đảm và tôi cứ giữ mãi tội lỗi ấy nơi lòng, giữ mãi cho đến ngày hôm nay... Ngày hôm nay với ngày hôm ấy là một thời gian đằng đẵng, nhưng đối với tôi dường như hôm ấy là hôm nay, hôm nay là hôm ấy. Tôi chắc chắn rằng chị tôi đã quên và quên hẳn nó đi như quên tất cả những ngày khác đã qua.

Bây giờ chị tôi đã có chồng, tận một nơi xa. Chị tôi đã có một gia đình nho nhỏ, chị tôi đang yên vui cùng nó, chị tôi còn đâu thì giờ để nhớ chuyện thuở xưa.

Con chó mực, nó lại càng quên hẳn, vì nó đã chết hai năm sau ngày hôm ấy.

Thế cho nên hôm nay đây, tôi không sợ gì để viết, để thú thật.

Nhưng chị ơi! Nếu chẳng may những dòng chữ này lọt vào mắt chị thì chị cũng nên tha thứ cho đứa em dại của chị, nó đã ăn năn hối hận nhiều rồi.

Và Mực ơi! Nếu linh hồn mày linh thiêng, mày cũng nên tha lỗi cho ta, vì trước kia, ta chỉ là một đứa con nít, mà những đứa con nít thì bao giờ cũng hung dữ và táo bạo.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 340, ngày 21-12-1940.

GIẬN ĐỜI

(Truyện ngắn)

ĐÌNH HIẾU

Chưa kịp đặt đôi quang thúng xuống thêm, cụ Hai đã réo rất gột: “Ba... ầy... ơi... ơi!”. Một tiếng “ạ” lạnh lạnh từ bếp đưa ra.

Cô Bảy miệng nói, tay cầm chiếc khăn thấm phủ bụi tro ở đầu, hai vai và sau lưng áo. Mặt cô đỏ bừng. Hai má phình phính. Trên trán lấm tấm những giọt mồ hôi làm dính những sợi tóc thành đường đen dài. Đôi mắt đen láy, hấp háy chớp vì khói bếp. Năm nay, cô mười chín. Cứ kể con gái xóm Muối và cả làng Đình Sấn, thật chưa ai ăn đứt, vì cô có duyên.

– Ô hay kia, cất quang gánh đi cho tao rồi sắp sửa cơm cho thợ, chứ đứng làm phỗng à?

– Bà đón được mấy người? Công xá thế nào? Có hời không?

– Năm người, ba con trai, một bà già và hai con mọn. Đàn ông ba hào một gạo (một bát gạo), đàn bà bằng đàn ông, miệng gạo (miệng bát), con mọn hai hào rưỡi, cũng miệng gạo.

Bỗng chó sủa vang. Mấy tiếng người từ ngõ bay qua làn bụi rơm, thóc dưới nắng hanh.

– Cụ mắng chó chúng cháu mà... ầy... ầy!

– Đã bảo mà! Mau lên. Mời các ông vào trong nhà. Thôi, xuống nhà ngang, để mặc tao.

Cụ chạy ra sân đón lũ thợ từ cổng đi vào.

Bọn thợ đến hiên. Đàn ông, người nào người nấy dựa đòn càn, cài liềm vào giai. Bà cụ thợ già và hai người con mọn, bộ dạng lóng ngóng vì không biết để mấy cái thúng và tay nải quần áo vào đâu. Biết ý, cụ Hai chạy lại: “Nào, đưa tôi cất vào trong buồng cho cẩn thận, các ông và cụ còn ở đây làm cho tôi mười buổi kia mà”. Bọn đàn ông ngồi vào phán. Bọn đàn bà ngồi xếp ngay xuống thêm, tay

phải vuốt những sợi tóc xòa trên má, tay trái cầm cái nón quạt thành phạch. Nhạc thấy bóng cô Bảy dưới nhà ngang, bà cụ thợ già cất tiếng:

– Cháu hỏi hơi không phải, cụ đây được mấy các cô, các cậu?

Từ buồng đi ra cụ Hai chép miệng;

– Cám ơn cụ, tôi làm bạn với ông cháu từ thừa để chỏm, trai có, gái có, tất cả bảy bạn, đến giờ trời thí cho được mụn cháu gái út đó, lắm lúc tôi nghĩ tủi quá cụ ạ.

– Cụ còn khá đấy, chứ làng cháu có người sinh tất cả mười hai bạn, đứa nào cũng đã dựng vợ gả chồng lại lăn đùng ra chết mà cũng phải chịu. Cụ cũng chả nên phiền.

Đó là một thói quen của đàn bà nhà quê. Vào một nhà, trước hết họ tìm cách hỏi xem con cái nhà chủ ra sao đã.

– Ấy chết, cụ và hai bà vào trong nhà. Ai lại ngồi đây.

– Cụ mặc chúng cháu, ngồi đây cho mát.

Trên chiếc chõng tre, cụ Hai vừa tằm trầu thông thả “Cụ và các bà còn làm ở đây mới rõ nhà tôi đây khác. Lắm nhà rẻ “kẻ ăn người làm” hơn đất bùn”.

Cụ còn kể lể, mãi tới lúc cô Bảy ngồi xuống ăn cơm.

Từ lúc vào, bọn thợ đàn ông kẻ mãi ngắm chiếc án thư sơn son thiếp vàng, người khen chiếc lọ cổ. Riêng bác Năm từ nãy, đôi mắt không rời khỏi nhà ngang.

*

* *

– Bu ơi! Xong rồi. Bu mời các bác ấy xuống ăn cơm kéo nguội.

Bọn thợ theo cụ Hai xuống nhà ngang. Cô Bảy ló đầu ra cạnh giai nhìn bọn thợ. Có tiếng rơm xoàn xoạt. Bác Đĩ Ngải, một người thợ cày của cụ Hai, đi cùng ba người đàn bà nữa vào sân.

– Kìa anh Đĩ và cụ Nhiều vào trong này ăn cơm với các ông thợ rồi còn ra đồng chứ.

– Không dám, cô cứ gọi chúng tôi là bác vì chúng tôi còn ít tuổi cả, chưa ai đáng ông mà.

Bác Năm trả lời với nụ cười nửa pha trò, nửa nghiêm trang. Cả bọn thợ đồng thanh:

– Phải, cô cứ nghe bác Năm mà gọi chúng tôi là bác cho tiện.

Được thế Năm liền thoáng:

– Thế chứ lì, ai lại gọi bằng ông thợ gặt. Phải không cụ?

Không đợi cụ trả lời, họ tiếp:

– Chúng cháu chỉ bằng trạc tuổi cô ấy, chúng cháu đã gọi cô ấy là cô – hẳn cố ý nói to tiếng cô – thế mà cô ấy cứ gọi chúng cháu bằng bác, coi sao tiện, phải không cụ?

Cả bọn cùng cười. Năm cười theo, nhưng mắt chăm chú nhìn cô Bảy đang múc thêm bát canh vào mâm dưới, đổ mặt vì mấy câu khôi hài của Năm. Mặt cúi gầm, cô Bảy cố đưa hai mắt về phía Năm xem hẳn làm gì.

Nhác thấy cái nhìn đầy chế nhạo của Đĩ Ngải. Năm vờ so lại đôi đũa. Bị lộ chân tướng, Năm ngồi ăn như người khách lạ. Suốt bữa cơm, hẳn không nói nửa lời. Đĩ Đán đoán già: “Đích rồi, cu cậu lại muốn bắt chim đây. Nhưng thôi, có mọc thêm năm môm, bảy miệng, họa chăng...”. Thỉnh thoảng Đĩ Ngải lại nhìn Năm miệng chum chím cười. Những bát canh đã cạn. Trên mâm, dưới chiếu, cơm rơi bừa bãi. Những giọt nước canh và tương làm thành vệt dài đen hơn màu mâm gỗ.

Cất xong mâm bát, cô Bảy đặt vào mỗi chiếu bốn chiếc bát đản và một ấm chè tươi nóng. Bọn thợ uống nước, xỉa răng, dáng điệu vội vàng như sắp bắt tay làm một công việc quan trọng lắm. Trên mặt mỗi người hiện ra “bộ dạng thợ gặt cơm no sắp ra đồng”. Bằng tất cả “sự cầu thả của người phu quét đường”, bác Đán đưa chiếc tấm tre trên hai hàm răng “cải má” làm bật ra tiếng lách tách. Trong lúc ấy, góc chiếu bên kia, Đĩ Ngải phồng má, giấu môi ra, rồi chụm lại làm thành những tiếng sùng sục từ hai lỗ mũi đưa ra. Một tiếng ực, bác nuốt hợp nước trong miệng. Cầm bát nước bác uống thêm hợp nữa.

– Mời các ông xơi trầu đi. Năm nay cau tươi đất. May quá, dạo tháng tám tôi bỏ phơi được hai nong, không có thời bây giờ nhịn.

Đoạn, cụ Hai để chiếc mẹt con trong có mấy miếng cau khô và ít lá trầu không vào giữa chiếu. Từ nãy, Năm vẫn ngồi im. Bác đang nghĩ câu để nói. Từ lúc thấy cô Bảy hơi thẹn vì câu nói của mình, Năm vui. Bác đơn đả:

– Cụ chả lo, cái gì chứ cau thì mai kia cụ lại không chia khắp làng!
Đĩ Ngải đưa nhanh mắt về phía Năm, miệng mỉm cười. Cụ Hai hạ giọng:

– Ấy đã có mấy món đánh tiếng mà nó chẳng thuận đâu cả, chẳng biết duyên số ra sao?

– Bây giờ cắt cái “vố voi” và cái “sào năm” bên xứ Đồng Thung hả cụ. Đĩ Ngải ngắt chuyện.

– Phải đó, bố đi đưa các bác ấy ra đồng rồi còn về chút rơm.

– Thế cô Bảy không ra đồng à?

– Tôi còn ở nhà làm nốt ít tộp (thóc lép).

Bác Năm hơi tiếc. Bác hy vọng “Chẳng chiều nay thì mai. Ta còn làm những mười hôm nữa. Thế nào mà chẳng đi gặt cùng”.

*

* *

Bọn thợ cầm cúi cắt. Tay trái cầm ngang cây lúa, tay phải móc lưỡi liềm, họ giựt mạnh, mỗi tiếng soạt là một túm lúa đứt. Bác Năm tìm cách làm thân cụ Nhiêu. Bác Năm đã để ý, trong bọn người làng chỉ có cụ Nhiêu là thật thà, kín đáo hơn cả, còn đĩ Đán hay cợt nhả. Hai cái bác con mọn kia lại xoi mói, chỉ tìm câu để “xa xôi bóng bẩy” bác Năm. Bác ghét bọn trên tựa “đào đất đổ đi”. Bác tránh xa bọn này hơn những khi bác gặp “ô tô tây”. Cứ ba người ấy gặt đầu ruộng này, bác rủ cụ Nhiêu sang góc ruộng kia. Bác nói chuyện với cụ Nhiêu cả buổi chiều. Bác không bỏ lỡ nửa dịp may để dò la thân thế cô Bảy.

*

* *

Mặt trăng lưỡi liềm đã lên khỏi ngọn tre. Bọn thợ đàn ông vừa đập lúa vừa nói chuyện. Như bị một cái gì vui vui thúc giục, Năm cất giọng trống quân:

*Cơm cha áo mẹ đã từng,
Anh đi làm mướn kiếm lưng cơm người.*

Hai bạn Năm cùng đồng thanh bằng điệu “vỡ nước” (nhiều người hát cùng một câu bằng một giọng) hát theo... “*lưng cơm người*”.

Như phấn khởi, bác Năm dẫn mạnh lượm lúa xuống phiến đá, vươn cao người lấy giọng:

*Trách người thực nữ vô tình,
Có gương mà để cạnh mình chẳng soi.*

Họ tiếp:

... Cạnh mình chẳng soi.

Chờ bọn kia dứt, Năm lại tiếp, giọng tha thiết:

*Gần chùa chẳng được ăn xôi.
Gần nàng chẳng được sánh đôi cùng nàng.*

Tuy miệng hát tay đập, nhưng hai mắt bác Năm không rời khỏi cái cửa bếp có ánh lửa đỏ rực. Trong bếp, bên cạnh cụ Nhiêu, cô Bảy đang đun nồi cơm.

– Ai xướng (hát) thế, già? Cô hỏi.

– Bác Năm đó.

Vừa nói, cụ vừa đưa cặp mắt kèm nhèm dò ý tứ.

– Bác ấy xướng hay đó nọ.

Cô ngậy thơ và ngay thẳng khen. Cụ Nhiêu hết nghi ngờ. Cụ thương hại bác Năm.

Sáng hôm sau, mới ra đến bờ, chưa kịp cầm liềm xuống ruộng, cụ Nhiêu đã đến bên cạnh bác Năm thì thầm: “Tối qua, bác xướng hay đó. Cô Bảy cô ấy khen mãi”. Cụ thật thà kháo với bác. Hai mắt bác Năm gương to lên vì vui sướng suốt buổi hôm ấy, bác làm không nghỉ tay. Máy lần Đì Ngải và bọn bạn nghỉ ăn thuốc, bác cũng mặc. Đến trưa, lúc bó lúa gánh về, bọn kia thấy bác bó mỗi bên hơn sáu chục đơn lúa lấy làm lạ, hỏi:

– Sao bác gánh nhiều thế đi sao nổi?

Bác thản nhiên trả lời:

– Ăn cây nào rào cây ấy, làm cho người ta, cơm ăn, tiền lấy thì phải làm cho chạy việc, chứ còn làm sao?

Tưởng là chuyện thường, cả bọn cùng cất gánh quẩy về. Riêng cụ Nhiêu hiểu rõ tâm sự bác Năm. Buổi trưa, lúc sắp ăn cơm, cụ chạy ra góc mít thì thảo với cụ Hai gì không rõ. Sau cùng cụ Hai chép miệng nói:

– Rõ tội nghiệp!

Rồi hai bà lão cùng cười. Hết ngày này sang ngày khác, bác Năm ra sức làm. Cho đến buổi chót, bác cũng vẫn cố. Cái tin nhà cụ Hai mượn được bác thợ gánh khỏe đồn ra khắp làng. Bác lại thu từng cái rơm, nhặt từng hạt thóc cho cụ Hai. Chưa bao giờ bác Năm chịu khó và cẩn thận như những hôm ở nhà cụ Hai.

Một buổi chiều, cả bọn thợ ra cầu ao rửa chân tay. Đĩ Ngải nửa bỡn nửa thật:

– Này bác Năm, bác chịu khó rồi cụ tôi gả cô Bảy cho mà ở rể.

Năm đỏ mặt.

– Chỉ hót. Đừng ai nghe bác ấy!

Đĩ Ngải làm già:

– Thích chết đi lại còn... giá phải tay tứ, tứ ký cả hai tay, anh em ạ.

Câu nói đùa của Đĩ Ngải vô tình đã làm cho bác Năm hy vọng thêm: “Phải, người ở xét công, vợ chồng xét nghĩa”. Bác Năm nghĩ bụng, đứng tần ngần.

*

* *

Cụ Hai gặt xong. Bọn thợ ra về. Trên con đường từ làng Đình Sấn chạy qua những thửa ruộng chỉ còn trơ gốc rạ, về làng Đồng Lạng Đoài, bọn thợ vui vẻ trở về. Lòng buồn rười, dưới vành nón lá, hai mắt bác Năm dán xuống đường như đếm từng bước đi. Thấy bác lầm lầm cất bước, một người hỏi bác, bác chỉ “ừ” hay “phải”. Ai hỏi thêm, bác trả lời xẵng ngay: “Thôi đi đi, mau lên”.

*

* *

Về đến nhà, bà cụ Lệnh – Mẹ bác Năm – chạy ra sẵn đón hỏi công việc làm ăn ra sao. Bác chán nản đáp:

– Thì cũng như ở nhà chứ gì mà u phải hỏi rồi.

Mấy đứa em gái nhỏ, thấy tiếng anh, từ vườn sau nhà xô nhau chạy về riu rít.

– A, anh Năm đã về. Cho chúng em quà với!

– Quà cái gì? Đi gặt thì làm gì có quà! Cút cả ngay không?

Nghe tiếng quát, chúng bỗng bế nhau lủi ra sân. Kéo chiếc điều lại gần, bác đưa mắt tìm xe. Không thấy xe đâu mà điều thì tụt nỗ tự bao giờ, bác gắt om sòm: “Đứa nào lấy xe điều đây, lại nghịch hỏng cả nỗ?” Bác choàng dậy, bước dài đến chỗ con bé lớn, tát nó đánh bốp. “Ở nhà, chỉ mày nghịch chứ còn ai vào đây nữa”. Bà Lệnh đang cho lợn ăn, nghe tiếng khóc thét, chạy vào. Bà lấy làm lạ. Từ ngày bác Năm lớn, bà Lệnh chưa hề thấy bác gắt gỏng như hôm nay.

*

* *

Có mấy người đi chợ Dầu về kháo với bác người làng Đình Sấn nói cái cô gì sắp lấy chồng làng bên. Bác nghe “văn kỳ thanh”, bực lắm. Bây giờ bác rõ và bực hơn hôm qua – lúc đi bán gạo, bác về cùng với một người làng Đình Sấn – phải, cái bà gì bán muối ấy mà! Bà ấy chẳng nói rành mạch với bác rằng chồng cô Bảy, con cụ tổng gì bên chợ Tam, làm giáo học, người trẻ, trắng trắng là, lại mặc quần áo “xi vin” nữa.

Bác chưa tin. Đến đầu làng Đình Sấn, bác vào uống nước ở quán “Ba Cây”. Bà cụ hàng kể với bác:

– Đám cưới này to lắm, nghe đầu hôm “đưa dâu đón rể” đi những mười lăm xe tay. Lão quản Te thế nào chẳng được dăm đồng tiền “chăng dây”! Tha hồ rượu “Thả cửa”! Cũng thì kiếp người, sao cô ấy sung sướng thế.

Quả họ đồn không sai. Bác giận lắm. Về nhà, bác ghét cả cụ Lệnh chỉ biết “ngồi lê đôi mách”, mấy đứa em ăn rồi lại ra vườn nghịch, chẳng ai biết đến cái “bực mình”, cái “giận” của bác. Bác càng bực thêm. Bây giờ bác không dám ước được ở rể nhà cụ Hai như trước nữa. Bác Năm chỉ quanh quẩn ở nhà. Bác buồn. Trước bác có hay hút thuốc lào đầu. Ngày chỉ hai ba điếu, hoặc có hôm nhà không sẵn lửa, và mãi làm, bác nhịn phăng. Đạo này bác chẳng đi đâu, cả ngày hết nằm lại dậy, ra xó cửa, chằm môi ăn thuốc. Có hôm bác ăn hết năm xu thuốc.

Thấy bác bơ phờ thế, cụ Lệnh đoán hay là...

Rồi ngay tối hôm sau, chờ đến không nom rõ mặt người, cụ vào buồng lấy trong thạp ra hơn hai chục trái cau rồi sai bác đi tìm gậy cho cụ. Bác Năm ngạc nhiên hỏi:

– Bu sắp sửa đi đâu lại có cả cau?

Cụ Lệnh túm túm cười, lại bên bác rỉ tai:

– Hôm nợ tao nhờ cụ Trùm Đồi ướm Đĩ Sung nhà bà xã Mai, ông bà và con bé đều bằng lòng cả. Bây giờ tao đem cau đến đặng cụ Trùm, nhờ cụ đi dạm hộ, may quá, tao cứ tưởng ông bà ấy không gả. Con bé chỉ phải cái hơi đen nhưng hay làm lắm.

Bác Năm giận tái người, bác đứng phất dậy, chạy ra sân vùng vằng:

– Đấy, bu lấy, tôi cứ thềm vào cái của nợ ấy.

Cụ Lệnh hốt hoảng chạy theo nín áo bác, giọng run run, thì thào:

– Ấy chết! Người ta nghe thấy thì khốn, sao lại ăn nói thế?

– Mặc kệ. Mai tôi đi lính!

Trung bắc chủ nhật, số 186, ngày 5-12-1943.

BỞI... XA XÔI MẶT

(Truyện ngắn)

NGỌC HOÀN

Từ độ sang đầu tháng bảy, mưa dầm rả rích luôn năm sáu ngày.

Từng đám mây xám bệch, giống những tảng đá, theo nhau vùn vụt trong một vòm trời nặng trĩch.

Khắp vùng hồ Tây, mưa như nặng nề hơn, những lớp màn mưa trắng mờ tựa hơi khói giăng khắp mặt nước cồn sóng.

Thi ra đứng bờ hồ, ngược mắt nhìn thình không có dáng hỏi han thình không u ám chẳng cho Thi trông thấy một tia hy vọng. Anh quay vào thở dài bảo vợ:

– Trời bắm ra nước thế này, còn lâu mới tạnh được.

Chị Thi ngồi ôm con ở một góc giường cũng chán ngán đáp lời chồng:

– Mưa mãi thế này thì làm thế nào được.

Rồi chị tha thiết khẩn trời:

– Lạy ông, ông tạnh đi cho thì vợ chồng con cái nhà tôi mới có gạo ăn!

Nghe đến tiếng “gạo”. Thi như sực nhớ... Anh lo lắng bảo vợ:

– Gạo chỉ đủ bữa chiều nay! Mai thường phải đi vay rồi...

Chị Thi lo lắng hơn:

– Vay ai được?

– Ừ, mà vay ai được, trong cái nơi thôn xóm chỉ có lều tèo mấy nóc nhà này?... Cũng như vợ chồng anh, các gia đình trong xóm phần đông sống với mặt nước hồ Tây. Họ không làm nghề chài lưới, nhưng đời của họ cũng dật bằng những ngày tháng chẳng kém gian lao nguy hiểm. Mỗi nhà có một chiếc thuyền nan. Những ngày tạnh ráo, họ chở thuyền sang mãi tận làng Nhật Tân bên kia hồ, lấy dây thuyền

rồi lại lật đặt chèo qua làn nước rộng đem về bán khoán cho mấy thầy cai chuyên việc trưng thầu với nhà máy gạch.

Nhờ trời, những ngày gió lặng nước yên, họ kiếm đủ ăn một cách dễ dãi. Nhưng chẳng may gặp hôm mưa bão, công việc đành ngừng trệ lại. Và nếu chẳng may hơn nữa, mưa gió kéo dài, cảnh đói kém sẽ đến với họ ngay. Đã có vài người, muốn tránh nỗi đau khổ cho gia đình, giữa ngày giông tố, dong thuyền ra khơi. Lướt đi trôi chảy. Song lướt về, thuyền đất nặng không thể được hưởng sự nâng niu của sóng nước, nên chỉ muốn lật ụp. Họ đành vút hết đất xuống hồ, chèo thuyền về không. Cho khỏi nguy đến tính mệnh.

Anh Thi không biết trả lời vợ ra sao. Nhưng cũng cố làm vẻ can đảm:

– Ối chào, được bữa nào hay bữa ấy... Biết đâu ngày mai trời lại không hét ra lửa?

Có tiếng giày đi ngoài phía cổng. Một giọng nói rề rề như căng nút sự no ấm, hỏi vào:

– Anh Thi có nhà không đấy?

Thi nhận ra tiếng cụ Bá Khản, một người giàu có trong thôn. Anh chạy ra:

– Thưa cụ có ạ!

Cụ Bá đẩy cổng tiến vào mảnh sân rêu. Cụ vừa thận trọng từng bước giày vừa làm bộ thân mật hỏi Thi:

– Trời cứ sục sùi thế này anh không đi lấy đất được nhỉ?

– Bẩm cụ vâng.

– Ừ, tôi cũng biết thế, nên tôi định đem đến cho anh việc này để anh kiếm lợi.

– Thưa cụ, việc gì kiếm ăn được cháu cũng xin làm.

Cụ ghé sát tai Thi, nói nhỏ mấy câu. Nghe xong, Thi tần ngần. Cụ tiếp luôn:

– Chỉ đi khỏi đồn điền Yên Thái là có người đón ngay. Không việc gì mà sợ. Mọi bận tôi vẫn sai thằng Đích, nhưng mấy hôm trước, nó tham chở chuyển đất giữa trưa nắng, nên hãy còn bị cảm, chưa đi được. Tôi nghĩ chỉ có anh là nhanh nhẹn thực thà, nên tôi muốn giao việc cho anh. Trong mấy tiếng đồng hồ kiếm được chục bạc, lại không hơn đi chở đất hàng tháng à?...

Thi biết người ta định dùng tiền để sai khiến mình làm việc bất trắc. Anh toan từ chối thì cái cảnh tượng vợ nhả con khóc vì thiếu cơm bỗng hiện ra trong trí não anh. Anh chấp thua với cụ Bá:

– Vâng, cụ có lòng thương con, con xin hết sức hầu cụ...

Cụ Bá muốn anh không thay đổi ý định, chia cho anh ba tờ giấy bạc:

– Đây, tôi đưa trước anh chỗ này. Còn, khi xong việc, anh lấy nốt.

Thi như được trông thấy mấy thúng gạo đầy. Xẩm tối hôm ấy, trước khi khoác áo tơ ra đi, anh đưa số tiền cho vợ.

Vợ anh trở mặt, ngạc nhiên:

– Ở đâu vậy?

– Của tôi, thôi cứ cầm lấy.

– Nhưng mình đi đâu đấy?

– Thi đáp bằng những lời bí mật:

– Đi hộ cụ Bá việc này.

Anh đi rồi, chị ở nhà nóng lòng sốt ruột chờ. Tâm linh như báo trước cho chị một điều không hay mà quả thật. Chị đã phải ôm con ngồi thức thâu canh, vẫn không thấy chồng về.

*

* *

Qua lỗ cửa sổ mắt bò của gian đề lao chật hẹp. Thi ngược mắt nhìn vòm trời đen tối thưa thớt mấy chấm sao mờ.

Bên ngoài, từng luồng gió bắc ào ạt chạy qua rặng cây bồ hòn làm rung động những chòm lá, Thi nghe rõ từng loạt nước rơi lộp bộp mặt đất. Anh nhớ lại cái đêm hôm mưa gió trên con đường từ Thụy Khuê xuống đồn Yên Thái cách đây dăm tháng. Con đường bóng loáng nước mưa, lấp lánh tựa thân con rắn dài. Tay cắp một gói nặng, anh thu mình trong chiếc áo tơ, đi như chạy...

Phía trước mặt, anh nhận thấy mấy lùm cây lù mù đen, đen hơn bóng tối. Anh đoán biết đó là ngôi đền “ông bảo” và anh rùng mình nghĩ đến sự tích của cái tên ấy. Anh tưởng chừng vắng thấy tiếng dọa nạt của quân trộm cướp ở một thời nhiều nhưng đưa đến tai anh:

– Cứ đi qua chỗ này rồi “ông bảo”!...

Tóc gáy anh dựng ngược, da anh sần gai ốc. Anh chùn chân, đứng dừng lại đưa mắt nhìn quanh...

Có gì đâu? Hiu quanh vẫn chìm trong hiu quanh. Cái tiếng anh vừa nghe thấy đó, có lẽ chỉ là tiếng ếch nhái kêu nơi ven đường hay một vài tiếng gió rống ở những làng mạc xa kia...

Mưa chỉ còn lăn phăn những hạt nhỏ. Gió cũng bớt mạnh rồi!

Cố lê! Còn giập bã trầu nữa là xong việc. Là được về lấy nốt ở cụ Bá bảy đồng. Món tiền to! Thi rảo bước hơn. Lúc qua ngôi đền “ông bảo”, đề phòng gian phi, anh cặp chặt cái bọc vào nách và đi rất nhẹ nhàng. Anh nghe im lặng vang lên quanh mình. Anh càng đi nhanh, cốt chóng ra khỏi nơi âm u, bí mật.

Bỗng một tia điện sáng lòe lên, chiếu thẳng vào anh. Hoảng hồn, anh vút cái bọc xuống và ù té chạy. Nhưng không kịp. Chỉ doãn chân ra vài bước, mấy người lính đoan, gọn gàng trong bộ quần áo chèn, đã nắm được vai anh lôi giật lại.

Đêm ấy anh nằm ở nhà giam đồn Yên Thái. Sáng hôm sau, anh bị giải vào tỉnh. Rồi anh bị tòa án kết tội một năm tù về tội mang thuốc phiện lậu. Anh đã thực thà khai trước pháp luật rằng anh chỉ là người vâng theo mệnh lệnh của cụ Bá làng anh để lấy tiền công hòng nuôi vợ con trong chuỗi ngày túng nhỡ. Nhưng không ai coi trọng lời khai chân thật của anh.

Từ đêm hôm bị bắt đến nay, đã hơn tháng qua rồi. Trong khoảng thời gian ấy, không lúc nào anh thôi nghĩ đến vợ con, ban ngày giữa khi làm lụng ngoài mưa nắng, cũng như ban đêm những lúc trần trọc với muỗi dệp trên tấm gỗ lim...

Vợ anh. Người vợ trẻ tuổi ấy mới làm với anh được ngót hai năm. Cuộc nhân duyên tốt đẹp thật do trời đưa lại: hồi ấy Thi hầy còn là người phu xe đất cho nhà máy gạch. Sáng chiều anh cùng bạn hữu cặm cũi đẩy những chiếc xe nhỏ đầy đất từ bờ Hồ Tây – chỗ cập bến của những thuyền đi từ làng Nhật Tân về vào đến nơi xưởng làm gạch.

Vừa đẩy xe, anh vừa cất tiếng hát những câu hát buồn cười, ngộ nghĩnh. Giọng anh trong trẻo nhẹ nhàng, khiến anh làm quen được với một cô phu hồ xinh trẻ, cô Vi. Mỗi khi cô Vi quấy gánh vôi, gánh cát, qua chỗ anh làm, anh lại cất tiếng hát:

*Muốn ăn cơm trắng với giò
Lại đây mà kéo xe bò với tôi. Cô Vi ơi ơi!*

Câu hát rất thường, nên giọng anh hát rất êm nên Vi không những không oán trách anh, đôi khi lại còn thưởng cho anh một nụ cười tình tứ, để lộ hàm răng hạt huyền...

Dần dần sự quen thuộc ấy đưa Thi và Vi đến chỗ thân mật. Thân mật lại đưa đôi bạn đến chỗ thương yêu. Ở những tâm hồn chất phác, cũng như tâm hồn phức tạp, bao giờ chẳng thế. Điều ấy hầu như đã thành một công lệ giữa những bạn trai gái thân nhau.

Gian nhà ở ở đầu làng Thụy Khuê ngay sát ven Hồ Tây, nơi trú mưa nắng của Thi khi anh còn cô độc, giờ đã biến thành một tổ ấm để ấp ủ hai người.

Sau mấy tháng cùng nhau chung sống, hai vợ chồng Thi chịu khó tần tặn, mua được chiếc thuyền nan. Từ đó, anh chị bắt đầu một cuộc sống phóng khoáng hơn, không bị kiềm tỏa dưới nanh vuốt của mấy bác cai nghiệt ngã. Rồi, tháng sáu năm nay, chị ở cũ sinh đứa con trai. Chỉ còn có mình anh đi làm. Nhưng tình yêu vợ, tình thương con, khiến anh vui lòng gắng sức: buổi sáng anh đi làm sớm hơn một chút, buổi chiều anh về muộn hơn một chút, số kiếm được vì thế không hao hụt và vẫn đủ nuôi vợ con.

Cho đến độ tháng bảy mưa dầm, công việc của anh ngừng trệ. Vẫn vì mục đích muốn tránh sự đói khổ cho vợ con, anh nhận việc tải thuốc phiện lậu cho ông Bá Khả. Luật pháp kết tội anh.

Mấy tháng qua rồi. Phải, bây giờ đã tháng một rồi còn gì?

Trong chốn ngục tù từ bấy đến nay, anh chịu thiếu thốn đã đành.

Nhưng còn vợ con anh?

Vợ anh, khi anh “ra đi”, vừa sinh nở song hây còn yếu ớt chẳng có biết làm công việc gì để nuôi con không?

Con anh, thường mà mới lọt lòng mẹ ra đã phải thiếu sữa, thiếu áo rồi cũng nên.

Bỗng có tiếng mở lạch cạch mở khóa phía ngoài. Anh trở mắt nhìn ra. Các bạn “đồng liêu” với anh cũng nhòm dậy.

Cửa mở. Người cai ngục, chiếc đèn dầu lúc lắc dưới cánh tay, dẫn vào một người nhà quê lực lưỡng. Hắn giơ cao chiếc đèn, soi khắp gian nhà rồi đẩy mạnh tội nhân vào phía trong.

– Đây! Ở đây, liệu xác! Đừng có giở trò mà không thoát khỏi tay bố già mày đâu!

Nhờ ánh đèn, Thi nhận rõ mặt người bạn mới. Cánh cửa lim đóng sầm. Tiếng khóa sập mạnh. Gian nhà lại đầy đặc bóng đen. Thi cất tiếng gọi qua bóng tối:

– Bác Dích ơi!

Dích – tội nhân mới – giọng ngạc nhiên hỏi khẽ:

– Ai? Ai gọi tôi đấy?

– Tôi! Thi đây mà! Bác lại đây nằm với tôi. Tôi ở đầu ghế đằng này.

Dích men theo tám ghế lim dài, lần đến với Thi. Thi quờ quạng nắm được tay người bạn cùng xóm:

– Sao bác lại phải vào đây?

Dích nói như khóc.

– Tôi cũng như bác. Tôi mang thuốc phiện cho Bá Khản.

– Tội nghiệp. Sao dạo trước Bá Khản bảo tôi, bác tải cái “số ấy” quen lắm rồi kia mà!

– Ấy quen thế mới chết! Đi đêm cũng phải có ngày gặp ma!

Thi kéo Dích ngồi xuống:

– Bác bị bắt từ bao giờ?

– Tối hôm qua ở chỗ đèn “ông bảo”.

Thi bùi ngùi nhớ tới kỷ niệm đau thương:

– Tôi cũng bị ở nơi ấy đấy!

Rồi sực nhớ ra, anh vội vàng hỏi thăm Dích về tin tức vợ con mình:

– Nhà tôi và cháu bây giờ ra sao, hả bác?

Dích tưởng trong cảnh lao tù thì không ai có thể thân mật với ai, nên khi thấy những người nằm bên hầy còn cựa quậy, liền bảo Thi:

– Như thường cả. Nhưng bác để tôi nghỉ một tí, lát nữa sẽ chuyện nhiều.

Một lát sau. Hơn hai chục tù nhân đã ngáy đều dưới mền chăn mỏng. Suốt ngày làm lụng, tuy sức chần không đủ sức chống rét, họ vẫn ngủ say sưa như thường. Riêng Thi và Dích còn thức. Thi hỏi:

– Thằng bé nhà tôi “biết làm gì rồi”?

Dích ái ngại nằm sát vào người Thi:

– Cháu mất rồi, còn đâu! Cháu mất sau khi bác bị bắt độ mươi hôm, vì cơn sài uốn ván...

Thi òa lên khóc. Đích thấy nước mắt bạn chan hòa rơi xuống phần. Anh đã toan giấu không cho biết nốt sự thực, song anh thấy cái sự thực này cần phải cho bạn rõ, dù nó làm bạn đau lòng. Anh bịt miệng Thi:

– Anh đừng khóc thế. Họ dậy cả bây giờ, không tiện kể nốt chuyện.

Thi gơ cánh tay áo quệt ngang nước mắt:

– Chuyện gì nữa, bác nói nốt đi! Còn nhà tôi thì sao?

– Đích ngập ngừng:

– Chị ấy à? Chị ấy không ở nhà anh nữa...

– Sao? Nhà tôi đi đâu?

– Chị ấy theo bác Cai Nhu lên Quảng Bá rồi!

– Cai Nhu vẫn mua khoán đất ấy à?

– Thì làm gì có hai Cai Nhu.

Thi đập mạnh nắm tay xuống phần, rít lên:

– Quân khốn nạn!

Rồi anh lại rên rĩ khóc, khóc như kẻ đang ngồi bên cỗ quan tài của một người thân thích:

– Tôi sợ dĩ bị vào nhà đá cũng bởi vì tôi muốn cho vợ con được no đủ. Ngờ đâu con tôi bỏ tôi, vợ tôi cũng lại phụ tôi! Con đàn bà bội bạc! Tôi quyết giết nó!

– Anh làm gì mà như điên thế! Kể thì cũng vạn bất đắc dĩ! Đích giảng giải:

– Sau khi cháu mất, chị ấy vừa lo nghĩ, vừa buồn phiền, lại vừa phải thiếu thốn đủ đường nên mắc bệnh hậu sản, người xanh như tàu lá! Nhưng chị chỉ nghỉ ngơi được sáu ngày rồi lại gượng dậy, đi làm.

Thi ngắt lời Đích:

– Rồi không chịu được cảnh cô đơn, “nó” đi theo Cai Nhu...

– Anh để tôi nói đã nào. Chị đem thuyền sang Nhật Tân lấy đất, được đâu một chuyến. Về đến bến chùa Quan Thánh, chị ấy lẻ người đi. Cai Nhu thấy vậy, đem lòng thương hại, cho chị vay một món tiền và khuyên chị hãy nên tĩnh dưỡng ít ngày. Từ đó Cai Nhu thường vẫn đi lại thăm chị và thỉnh thoảng vẫn chu cấp cho.

– Rồi “nó” bỏ nhà tôi, nó theo thằng Cai Nhu chứ gì? Thế mà anh gọi là bất đắc dĩ!

– Chứ không ư? Chắc vì nhờ Cai Nhu nhiều quá nên... chị ấy phải nể lời hắn. Thực ra tôi chắc chị ấy không quên anh đâu. Còn lẽ nữa chị ấy không được tin tức gì về anh và cũng không biết bao giờ được tha về!

Thi hỏi vặn bạn:

– Sao anh lại cứ “bệnh” nó thế?

Thực tâm Đích chỉ muốn Thi không phải đau khổ về sự thấy mình bị lừa dối nên đã tìm những lý lẽ để tỏ bày rằng cảnh ngộ khát khe đã bắt vợ bạn phải sử sự như vậy. Bị vặn hỏi, anh luống cuống:

– Tôi thấy sự thế thế, tôi kể lại cho anh rõ đó thôi, chứ tôi có bệnh ai đâu...

Vẻ luống cuống của Đích lại làm cho Thi tin chắc lòng bội bạc của vợ và cử chỉ dê hèn của Cai Nhu. Anh nhóm dậy, dấm mạnh nắm tay vào bóng tối, nói quả quyết như một lời thề nguyện thiêng liêng:

– Tôi phải tìm về giết cho kỳ được thằng gian phu với con dâm phụ. Rồi chết cũng cam lòng.

Đằng xa từ phía chòi gác, tiếng kiếng cầm canh nhẹ gieo vào không gian, thông thả, mơ hồ như phát thanh từ cõi u linh.

Đích thêm thiếp. Thi vẫn còn trần trọc, lòng rối bời, tâm thần rối loạn. Anh không ngờ trong một quãng thời gian ngắn ngủi, gia đình nhà anh đã đến nỗi tan tác như mấy cánh bèo trong cơn bão táp.

Sáng hôm sau, trong lúc quét đường tại một phố vắng, nhân khi người lính coi vô ý, Thi lẻn vào một ngõ hẻm gần đấy, rồi cứ thế chạy thẳng ra lối cánh đồng. Lúa má vừa gặt xong, lại thêm mưa phùn gió lạnh, nên cánh đồng hình như rộng thêm ra trong cảnh vắng vẻ, đìu hiu. Anh chạy miết cho tới lúc ngoảnh lại không thấy có người đuổi theo. Đoán biết người ta đã vô tình không tìm kiếm anh ở lối này, anh ngồi thụp xuống sau một quả gò. Anh bỏ tấm chăn mà anh thường khoác khi đi làm đường cho đỡ rét và cởi manh áo vải đang mặc.

Anh ghé răng cắn đứt sợi chỉ dính cái số tù vào thân áo. Sau khi đã xé tan xé nát cái mảnh vải có mang con số oan nghiệt, anh lại cẩn thận xé cho chiếc áo cộc rách thêm vài chỗ. Anh buộc ngắn cái quai nón lại, cốt khi đội, hai bên vành nón sẽ cúp thấp xuống che bớt cái đầu trọc lóc.

Đoạn anh nhô người lên, nhìn về phía tỉnh. Khoảng đồng trống trải không in hình bóng một người. Anh yên tâm lắm, anh xoa hai tay vào nhau, tự phụ:

– Phen này xem con Vi và thằng Nhu có sống được với tao không?...

Lính gác báo cho anh biết người ta đang sục tìm anh ở những nơi ngoại ô thành phố, những chỗ bến tàu, bến ô tô và trên những con đường nhựa đi xa. Nên anh không lên đường cái chính vội. Anh cứ xuyên qua cánh đồng mà đi mãi, đi mãi...

Gió rét căm căm, từng hồi mạnh quét qua những mảnh ruộng còn trơ gốc rạ xám và rít lên trong lũy tre xơ xác ở nơi ven làng mạc.

Thi so sánh đêm hôm tháng bảy mưa dầm mang đồ “quốc cấm” với buổi hôm nay trốn nhà pha để mưu cầu một cuộc trả thù gay gắt. Hai đảng tội lỗi cũng phải lén lút, sợ sệt ngang nhau, nhưng anh thấy lần này khí huyết phương cương hơn nhiều và nghị lực cũng mạnh mẽ gấp bội.

Lúc gần đến ngã tư Cầu Giấy, trời đã sẩm chiều, anh bỏ cánh đồng, theo con đường nhựa, rấp tâm tiến về lối chợ Bưởi. Đến đó, anh sẽ liệu tìm cách trốn tránh nơi đồn khố xanh Yên Thái, rồi rẽ đường quanh Hồ Tây về làng Quảng Bá.

Anh sẽ tìm đến nhà Cai Nhu và trong đêm tối giữa tiếng sóng ào ạt của Tây Hồ, thế nào cũng có cuộc lưu huyết xảy ra. Rồi có bị xử tử hay tù chung thân, anh cũng cam tâm kia mà.

Anh đương lo mưu tính kế, sắp đặt một chương trình hành động thật quy củ, thì tới chỗ ngã tư.

Anh điêm nhiên đi, đi như trăm nghìn người vô tội. Nhưng trong ngôi quán nước bên đường bỗng có tiếng gọi giật:

– Đứng lại.

Hai người lính khố xanh xông ra:

– Xem thẻ?

Thi tái xanh mặt, đầu gối rung rung như hai thân cây yếu bị gió lay. Anh đương bối rối, một người lính giục:

– Thẻ đâu! Ngơ ngác mãi!

Thi ấp úng:

– Thưa thầy, con để quên nhà...

– Hừ, quên! Nhà đâu?

– Nhà con ở... Quảng Bá.

Người lính trẻ kéo cái nón của Thi xuống. Tảng dầu trọc lộ ra. Người lính già có vẻ từng trải bảo bạn:

– Thường mà đúng nó đây rồi!

Người trẻ lại giật tấm nền chặn. Cái áo nhà pha hiện trước mặt hai người. Dầu nó đã mất mảnh vải đeo số, dầu nó có bị Thi làm biến hình đi, nhờ kinh nghiệm và thói quen, hai thầy quyền cũng nhận ngay ra cái “màu đề lao” đặc biệt.

– Tên mày là Thi, quán ở Thụy Khuê phải không?

Thi choáng hồn. Thì ra người ta đã thông tin đi các ngã để đón bắt anh. Tuy nhiên, anh cố làm bộ ngỡ ngẩn:

– Thưa hai thầy, tên con là... Nhu và quê con ở Quảng Bá ạ.

– Ôn con, khéo vờ!

Người lính già đưa ra cái xích sắt. Họ trói chặt hai cổ tay Thi và lôi anh đi tuồn tuột, dù anh hết sức... thân oan...

Bấy giờ các làng quán ở ngã tư Cầu Giấy đã lác đác lên đèn...

Tiểu thuyết thứ bảy, số 430, ngày 12-9-1942.

CHỜ LƯƠNG TẾT

(Truyện ngắn)

NGUYỄN VĂN NHÀN

Ăn cơm xong, ông giáo Phúc ngó ra sân rồi quay lại hỏi Nam:

– Chúng mình làm gì bây giờ, bác giáo? Chẳng lẽ tối hăm bảy Tết lại nằm khàn ở nhà. Hay là ta đi chơi đi?

Nam mỉm cười nhìn bà giáo:

– Bà có chuẩn lời chúng tôi không? Tôi thì không sao, không vợ con, xa nhà cửa, ngã vào đâu cũng được và chẳng ma nào nó còn giữ lúc sắp hết năm này.

Chợt thấy mình lỡ lời với bà chủ trọ. Nam vội chữa:

– Còn ông giáo đây mới đáng lo. Cứ quá chân xuống bến đò phố Hộ là thôi, ở nhà mất tin.

Bà giáo Phúc cười lấy lòng người khách trọ và lấy giọng điềm tĩnh:

– Được thế thì còn gì bằng ạ. Tôi chỉ e các cô ấy chê già không giữ, lại thả cho về thì thêm tội cho tôi.

Cả ba cùng cười rộ. Được dịp tốt, ông giáo Phúc lách cửa, dìu Nam ra đường. Trong này có tiếng bà giáo dặn với:

– Các ông về sớm sớm đấy.

– Bà không ngại. Chúng tôi đi không xa quá đâu bởi đã có lương lậu gì đâu.

Ánh đèn thu nhỏ dần, đôi cánh cửa từ từ khép lại. Hai người loạng choạng trong bóng tối. Tiếng sỏi cát xô động dưới chân gằn như át đi trong tiếng thông vụn gió ở hai rìa đường. Nhà ông giáo Phúc ở cuối phố huyện nên hai người lần mò một quãng xa mới tới chỗ có ánh sáng đèn. Đây là trung tâm phố huyện. Những gian nhà ngói cổ nhô ra ngoài đường tuy bề thế chắc chắn nhưng cũng không mỹ thuật hơn gì những căn nhà lụp xụp kề bên. Chủ nhân phần đông

là bọn khách trú. Họ đến lập nghiệp ở khắp nơi, họ nắm hết lợi quyền trong tay. Buôn bán, mở tiệm, hút, gá bạc... không một món hời nào lọt được ra ngoài, đến nỗi dân hàng huyện yên trí rằng cạnh tranh với họ là một việc điên cuồng.

Lúc hai nhà giáo bước vào vòng sáng xanh của những ngọn đèn đất hắt ra, các cửa hàng đã đông nghịt những khách hàng, hầu hết là các bà tổng lý các làng xa lên huyện sắm tết. Họ cười nói ồn ào. Thỉnh thoảng có người chạy đến bậc cửa phóng ra ngoài đường một tia quét trầu đen kịt. Không bảo nhau, Nam và ông giáo Phúc cùng lánh sang rặng thông cao bên trái, vừa tránh những tia nước ướp tạt, vừa để lắng những câu thăm hỏi mỗi miệng, tốn thì giờ.

Chợt có tiếng gọi trên khung cửa sổ hiệu sách Bảo An:

– Ông giáo!

Hai người ngẩng đầu nhìn lên. Bóng người minh hương to béo sừng sững như một ông hộ pháp chiếm hẳn ba phần tư khung cửa nhỏ bên trong đang rào rào những tiếng quân xương “mà chược” chạm nhau. Y giơ tay vẫy rồi rít ròi nói vọng xuống bằng một giọng Việt Nam thuần túy:

– Ta lên làm vài “tẩy” tất niên chứ?

Y cười khà khà khoát tay ra phía trước ngụ ý rằng những mặt quen đã họp hội đồng ở quanh chiếc bàn vuông rồi. Ông giáo Phúc quen chân quay sang phía ấy. Đi được vài bước, chợt nghĩ ra điều gì, ông xoay người nhằm lối cũ tiến thẳng, sau khi nói trôi được một câu vội vàng:

– Mai kia “lớ”. Tối nay “ngộ” còn bận chút việc.

Nam ngoan ngoãn theo ông, lòng vương vương tiếc. Nam về đây một năm chưa có dịp nào đi thăm những sòng bạc trong phố huyện. Nam tò mò muốn biết họ tổ chức như thế nào và bọn công chức, thân hào các tổng sát phạt nhau dữ dội ra sao. Ngày thường, nhiều lần đi sòng bạc với các bạn đồng sự, thấy họ dẫn nhau lên gác, Nam rất muốn len vào giữa bọn, theo lên. Lần nào cũng chỉ lên đến bậc cửa là Nam lại lùi về phía sau rồi hấp tấp đi nhanh sang đường khác như một kẻ giận hờn. Nam bực bội với chính mình. Nam không đủ đảm lược đặt chân vào cái chốn giữ tiếng mà các bà nội trợ đảm đang thù ghét cay độc. Tối nay, trong lúc lòng trống trải, Nam đã dám khời

hài trước mặt bà giáo Phúc, thì rất có thể là Nam lên được đến gác hiệu Bảo An. Vậy mà ông giáo Phúc đã đang tâm làm nhụt bước đầu của Nam đi!

Những ý nghĩ trách móc sắp đi trong óc Nam lúc bật ra khỏi đôi môi lại thành một câu đạo đức:

– Ông từ chối cũng phải. Dân mình đại quá làm lợi cho họ đủ mọi đường. Ừ, buôn bán bảo rằng mình kém mêm mông, nhẩn nại, thua họ đã đành. Đến những cái có thể tránh mà cũng tự tay mình mang đến cung phụng họ. Những cặp má bóng nhẫy kia bóng vì tiền buôn bán thì ít mà bóng vì tiền hồ “mà chược” thì nhiều.

– Bác hiểu lòng tôi hơn cả tôi. Xin cảm tạ lòng người tri kỷ.

Ông giáo Phúc chìa tay cho Nam, và trong bóng tối, miệng ông nở nụ cười tinh quái. Thần hai vai sẽ hiểu ý nghĩa nụ cười đó! Ông ử tay vào cặp quần cho đỡ lạnh. Vô tình tay ông chạm nhẹ vào chiếc ví da lép kẹp nằm lỏng lẻo ở một đáy túi áo trong. Ông liếc mắt sang Nam, sợ hãi tưởng như Nam bắt chợt cử chỉ mình. Nam vẫn thản nhiên đi bên. Ông thở phào, khoan khoái. Ông cũng e lệ như Nam, nhưng trong một phạm vi khác. Ở huyện, ông đã có tiếng là người hào phóng và tuy nhà đông con cái, lương lậu là bao, lúc nào trong túi ông cũng có đủ tiền ngồi tiếp anh em vài canh bạc rền. Con mắt người ngoài đã uốn cong lương năng ông. Thường thường là ông phải tự dối mình, dối người. Ông thuộc hạng người có thể nhịn đói vài ba ngày nhưng không thể một lúc rời chiếc áo the thâm, đôi giày da bóng ra được.

– Ta đi đâu bây giờ?

Nam dừng lại. Đã đến ngã tư Diêm Điền, một lối đi Mai Điền, một lối xuống Quang Lang và một lối xuống bến đò Phố Hộ có bến ô tô và xóm hồng lâu. Ông giáo Phúc quả quyết:

– Cứ thẳng đường ta tiến đi.

Ông thêm luôn:

– Nhân tiện ra cả cụ giáo Lâm. Chắc bây giờ cụ ấy cũng chưa xuống Mai Điền đâu.

– Ông cho chúng tôi xuống bến đò thật ư?

– Xưa nay nào tôi đã chưa nói thực bao giờ?

Ông đáp một giọng thản nhiên. Ông nhớ rằng đã mời cụ giá

một châu gần đây. Châu tất niên này hẳn cụ giáo không quên phận sự mình. Ở một huyện nhỏ, người ta có ăn, có trả rất đỗi phân minh.

Đến nơi, quả nhiên cụ giáo Lâm hầy còn nằm ở nhà ra chiều tư lự. Thấy khách đến, cụ nhóm dậy chưa kịp chào hỏi đã phải trả lời câu hỏi của ông giáo Phúc:

– Thế nào, cụ còn chờ gì mới đi Mai Diên. Năm hết, tết đến, chắc “nó” phải “cho chơi”, cụ nhỉ. Một canh thôi.

– Tôi cũng nghĩ thế đấy. Nhưng còn phải đợi ông Thông. Không biết ông ấy làm gì mãi trên tỉnh. Hay là...

– Cũng “ngập” rồi, thì thực khốn khổ cho mình!

Ông giáo Phúc thấy nóng hai tai. Một phút bông bột đã khiến ông lộ chân tướng trước mắt hai bạn. Ông lăm lét nhìn sang trái, sang phải... nhưng may cho ông, không ai chú ý, và ngay lúc ấy Nam reo to:

– Ông ấy hẹn tối nay ông ấy về đây. Các ông quên rồi sao?

– Ừ nhỉ. Ta đi đón ô tô đi!

Cụ giáo quàng vội chiếc áo bông lên vai và kéo tuột hai bạn ra đường. Gió bắc thổi vèo vèo. Rặng phi lao ven bờ sông Diêm Hộ hòa một bản nhạc quá khổ, dài, lạnh và lê thê. Ba người đều không lạnh. Họ quên hẳn châu hát. Đi qua xóm chị em, già cũng như trẻ, không một ai đá mắt nhìn vào, tuy những ánh đèn lọt qua khe cửa rải trên đường có đập mạnh vào thị giác họ. Khi mặt sông đen sì lác đác mười ngọn lửa chài hiện ra trước mắt, lòng họ tràn ngập thứ cảm giác khi xưa, hồi các con chiên lần đầu tiên bước chân lên Đất Thánh.

Tên phu dò gặp khách quen, ghé sát thuyền vào bờ, đơn đả:

– Các cụ đi đón ô tô?

– Phải. Đã về chưa bác?

– Thưa chưa. Hồi này vắng trăng, đường gập ghềnh, lại thêm đông khách, xe nặng bánh kém... các cụ còn phải đợi chán chê!

Thuyền ra giữa sông, trông lên hai bên bờ sương trải mịt mờ. Lửa chài le lói. Mạn thượng lưu gần cửa biển, sóng vỗ đều hiu. Thi tứ dâng lên với sóng triều làm cho ai nấy tạm quên tình cảnh của mình hiện thời. Cụ giáo Lâm cao giọng ngân bài cổ thi có quạ kêu, sương phủ, trắng rơi. Nam ngoảnh nhìn dãy thông gió sau những cồn cát trập trùng. Nam nghĩ đến cảnh đời cô tịch của vị quan thất lộc kia,

qua tết ấy đến tết khác, mãi mãi dày thân ở nơi đất trịch, gần chốn cát lằm. Hướng về mặt phía Đồ Sơn, Nam như nhìn rõ gia đình mình, giờ này đang quây quần bên đèn và đợi kẻ tha hương. Nam thở dài. Nam cũng đang chờ đợi, nóng lòng chờ đợi. Chưa biết chắc hôm nào Nam mới về tới nhà. Lênh đênh trên mặt biển khơi, ăn một cái tết tha hương với bọn dân chài, rồi chừng mông ba mông bốn mới về xông nhà cha mẹ... kể thì cũng hay hay. Nhưng mà buồn!

– Bác nghĩ gì vậy?

Nam chưa kịp trả lời, ông giáo Phúc đã tiếp:

– Cụ và bác giáo nhìn sông này, tưởng lại hôm chúng mình tiễn chân bác Thông Sự đi tỉnh, có nhớ đến cảnh Thái tử Đan và ba ngàn tân khách đưa tiễn Kinh Kha trên sông Dịch không?

Cụ giáo Lâm mỉm cười:

– Bác này đến hay. Một người đi lĩnh lương lại có thể ví với một người đi hành thích được!

Thuyền vào đến bờ. Ông giáo Phúc im bật. Ông cũng chỉ ám ảnh, ông chỉ thềm thốt ra những câu diễn đúng ý nghĩ trong thâm tâm.

Nam thông thả nói:

– Riêng tôi, tôi thấy ông giáo ví đúng. Khi xưa dân nước Yên đặt hết hy vọng vào Kinh Kha, thì chúng ta bây giờ đi trông mong vào ông Thông Sự. Có lẽ ông ấy cũng đi mãi không về như Kinh Kha chăng?

Ý nghĩ này đến lớn vồn trong óc ba người, ai cũng ước ao nó chỉ là ý nghĩ. Sự thực mong rằng phải khác đi. Không ai nói lời Nam. Và Nam nữa, Nam không dám nghĩ xa hơn. Những tai nạn bất ngờ xảy đến cho một chuyến xe tết, những sự rủi ro ông Thông có thể gặp ở trên tỉnh... ba người đều thực tâm gạt xa ra ngoài tưởng tượng. Có lẽ xưa nay chưa ai nghĩ hay, nghĩ tốt, thành thực đảm bảo cho đời sống của ông Thông bằng ba người lúc này.

Đến gần nửa đêm, ánh đèn ô tô vàng khè ló sau lũy tre dày xã Bình Đoài. Ba người cùng vụt đứng dậy, hồi hộp. Chiếc xe nhỏ bé bò chậm chậm như một chiếc hồ lô lăn đường. Xe đỗ, hành khách xô nhau bước xuống, dũng mạnh như khi họ ganh nhau bước lên. Hàng hóa trút đầy đường. Tiếng gọi nhau, tiếng chửi rủa vang lên trên bến nước ù u. Ba nhà giáo trở mắt diễu binh một lượt những hành khách hỗn tạp gần đủ hạng người. Một tiếng thở dài nào ruột lép đi trong hai tiếng khác dài hơn và nào ruột hơn. Ông giáo Phúc giục hai bạn:

– Ta về đi thôi.

Cụ giáo chán nản:

– Chắc lại “ngập” thực rồi.

Không giấu nổi cảm động, Nam nói giọng run run như qua tiếng nấc:

– Thật khổ cho tôi. Mai tôi về làm sao được hở trời.

– Bác có cần cho kịp ngày thì cứ về. Chỗ anh em cả, có ngại gì!

Nam trả lời thực thà:

– Không những tiền cơm, tôi còn hết cả tiền về nữa mới tội. Ông đã vậy, còn bà giáo ở nhà, sao tiện.

Ông giáo Phúc cười lớn. Ông làm bộ sờ vào ví tiền:

– Bác cần tiền, cầm tạm một ít. Tết ra bác đưa cả một thẻ cho tròn...

Nam vội xua tay, rồi rít cảm ơn và nắm chặt tay ông. Chính ông mới phải cảm ơn Nam.

*

* *

Buổi tối hôm hăm chín, cánh cửa nhà ông giáo Phúc hé mở. Một cái bóng thoát nhanh ra đường. Như tối trước, ông giáo loạng choạng mất một lúc lâu trong bóng đêm dày đặc. Đến giữa phố, ông cố đi áp vào rặng thông mong sao bóng mình hòa với bóng cây. Sự cẩn thận không lợi gì. Trên khung cửa hiệu Bảo An, người khách lại đứng canh cửa ải, đã trông thấy và đã hô lớn như thường lệ:

– Ông giáo! Cục chẳng đã, ông giáo Phúc đành ngẩng đầu lên, cười trừ và nhắc nguyên văn câu hôm qua. Rồi ông rảo bước về phía đò.

Gió có phần buốt hơn như lòng ông tối nay nóng thêm một độ. Ông xốc đứng cổ áo, thu tay vào bọc. Bàn tay phải đụng vào vật gì khô rần, một tiếng khô khan tắt ngấm trong tiếng gió quất vào tà áo ngoài. Ông rùng mình.

Gần đến bến đò, ông nhận thấy ở rìa đường một bóng đen to sù tách ra khỏi rặng thông. Bóng đó tiến lại phía ông. Một nhịp cười giòn giã, tiếp luôn câu rất quen:

– Bác giáo đấy phải không?

Nhìn lại thì là cụ giáo Lâm. Cụ nói:

– Lão đợi đây đã lâu. Biết rồi thế nào bác cũng qua đây. Chúng ta sang dò đi thôi.

Ông giáo Phúc gượng cười, phân trần:

– Mình định đi “ăn mảnh” mà không xong, ra ngõ gặp gái có khác.

Ông nhìn sang phía có ánh đèn:

– Nào, chúng ta cùng vào.

Cụ giáo Lâm đủ sáng suốt nhớ rằng mình còn nợ ông bạn một chân. Cụ tìm đủ cơ chối từ. Về phần ông giáo Phúc, ông cũng viện đủ lẽ chứng thực rằng ông xuống đây không ngoài ý giải buồn. Mỗi người cố sức giấu ý chính của mình, và sau cùng cả hai đều đồng ý đi chơi Mai Diêm. Cả hai đều tự nhủ:

– Cứ “mở chạc” một cái chơi.

Nghĩ vậy, nhưng không ai dám thú thực với người đi bên. Họ cùng phải vịn vào nhau cho khỏi ngã. Trên đê, gió thổi mạnh vô cùng. Những hạt mưa sắc nhọn quật vào mặt họ tới tấp như đòn thù. Cụ giáo Lâm đã bắt đầu ho. Ông giáo Phúc quàng tay ngang lưng cụ. Họ thất thểu dẫn mình trong đêm sâu, lòng ấm áp bởi cái cuồng vọng lát nữa vợ tiên trong chiếu bạc.

Cụ giáo thủ thỉ với bạn:

– Bác Thông chậm trễ tai hại cho mình. Bên bác không biết thế nào, chứ dưới tôi – nói bác đừng cười – thực chưa có gì là Tết cả, trừ vài thức học trò nó biếu.

Nhà ông giáo Phúc cũng tương tự, nhưng ông hờ hững trả lời:

– Thế nào rồi cũng xong, cụ chớ lo.

Cụ giáo thoáng nhớ đến Nam liền hỏi:

– Bác Nam đâu. Hôm nay sao không cùng đi với bác?

– Hấn về rồi.

Ông nghĩ cần giảng rõ thêm:

– Hấn lên tỉnh mong gặp được bác Thông trên hiệu Phú Nguyên. Lĩnh lương trên ấy rồi đáp ô tô xuôi Phòng.

– Ngộ không gặp thì sao?

– Thế nào chả gặp. Bác Thông xưa nay lĩnh tiền ở kho bạc ra là đến đấy, ăn, ngủ, hát, đôi khi làm vài “tẩy” rồi mới về.

Cụ giáo ngẫm nghĩ:

– Sao bác ấy không về bằng thuyền lối Đồ Sơn có tiện không. Bây giờ có ít chạt chội, sức vóc bác ấy thì chen làm sao được.

– Hấn định thế đấy. Nhưng đợi ở đây lâu chừng “ngài” nóng ruột.

Ông vừa ho một thôi dài để cụ giáo khởi tò mò hỏi thêm. Sự thực thì Nam phải lên tỉnh là một việc bất đắc dĩ. Mấy hôm nằm khàn ở nhà đợi lương, Nam nghe những lời bà giáo Phúc nói ra nói vào đã rác tai. Bà than phiền về nổi học trò bạc bẽo học ngày này tháng khác mà đến cuối năm khéo lắm mới độ một phần tư lớp nghi đến tình nghĩa thầy trò. Làm như chính bà phải rất cổ bồng hòng vậy! Nói học trò chán, bà quay ra mắng con cái, nói cạnh ông chồng. Bà so sánh cảnh bà với cảnh các bà Phán Đoan, bà chủ dây thép, bà Thông, bà Lục... Ở những nhà này, người ta sắm Tết từ đầu tháng chạp. Đồ ăn thức nấu, thịt thà bánh trái hoa quả... xếp chạt nhà. Gia nhân đi lại dồn dập, các bà nội chợ đi lại mắng mỏ quát tháo vang từng góc phố. Nhà người ta thì huyên náo vậy, trông lại nhà bà mới chán làm sao. Vắng tanh vắng ngắt, lũ trẻ con không buồn xua ruồi và ông chồng quý hóa thì biệt tâm cả đêm lẫn ngày! Nam biết lượt mình không thoát. Hết chuyện chồng con hẳn phải đến là chuyện người khách trọ. Một người khách trọ cũng khá kỳ khôi. Còn vài hôm nữa hết năm mà vẫn chưa đi cho, xem chừng lại còn muốn nằm vạ ở đây đến hôm cuối cùng. Bà chưa nói rõ thế, nhưng hẳn là bà nghĩ thế. Muốn tránh cho bà cái tiếng xấu bụng, độc miệng, Nam vội vàng đi giặt lửa một ít tiền rồi xách va ly đi tỉnh. Nam để giấy lại, nói riêng với ông giáo rằng Nam sẽ gửi tiền cơm trọ ông Thông mang về, trước khi Nam xuôi Phòng.

– Bác ấy chắc về đến nơi rồi đấy nhỉ?

Nãy giờ cụ giáo vẫn không quên nghĩ đến Nam. Lần thứ hai ông giáo Phúc lắng chuyện bằng một tiếng đèm:

– Có lẽ.

Ông chỉ ngọn đèn sáu phía trước:

– Điểm Mai Diêm kia. Ta đến rồi phải không ạ?

– Còn một quăng nữa thôi.

Hai người đi qua điểm. Bọn phu tuần quen mặt gật đầu chào khề rồi dẫn khách vào nhà chánh tổng cựa. Tất cả tinh hoa của huyện đã tề tựu tại nơi này. Vài người chừng đã nhả tiền, lúi ra hút thuốc nhường chỗ cho hai con bạc mới mà họ tưởng là màu mỡ lắm.

Trời cũng thương hay tựa những kẻ liều. Canh ấy cụ giáo lọt mấy cái chấn đòn và ông giáo Phúc không phải chạm đến vốn nhà, tuy cái vốn nhỏ không đủ ứng một nước bạc. Cụ giáo Lâm luôn luôn liếc sang phía ông. Không thấp thỏm lo cho bạn, có lẽ cụ đã phát to cũng nên. Lúc bước ra về, người nọ đập lẩn của người kia, họ còn có rùng rinh trong túi mỗi người năm đồng.

Gần sáng, ông giáo Phúc mới về tới nhà. Nghe bên trong có tiếng ho, ông mừng thầm sẽ không phải đợi lâu. Nhưng ông cũng phải gõ cửa đến mười lần, đứng đợi chôn chân và mưa dột ướt mình, đôi cánh cửa mới chịu hé mở. Bà giáo quay phắt về giường, mặc ông lần mò gài cửa lấy. Ông ngồi xuống ghế thong thả bỏ áo, cởi giày. Bà giáo mát mẻ nói từ trong màn:

– Thế mới sung sướng nhỉ!

– Ai làm sao?

Bà rít lên:

– Không làm sao à? Tết nhất đến nơi rồi, chẳng chịu lo liệu gì. Đêm nào cũng đi đến ba bốn giờ sáng.

Ông cười khẩy:

– Ở nhà không được tích sự gì thì tôi đi chơi chứ sao.

– Đi chơi. Trời ơi! Vợ con thì lo thất ruột thất gan, mà người ta vững lòng vững dạ, mà người ta lại còn đủ đởn với...

– Bậy nào! Ai bảo bà thế.

– Không xuống đây thì còn đi đâu? Hai tối nay tôi đến Bảo An hỏi đều không thấy. Nó bảo không vào mà đi thẳng xuống Phố Hộ.

Ông cười sặc sụa:

– Thế ra bà chưa biết rằng tôi đã “tẩy chay” bọn khách trú ở đây?

Ông cười to hơn, rồi nhích lại gần giường bà, ông mở màn nói rất nhỏ, sợ như có Nam hoặc cụ giáo Lâm nghe tiếng:

– Tôi đi đón ô tô đấy chứ. Mấy lần nhưng bác ấy chưa về.

Bà giáo đã dịu giọng:

– Sao bảo bác ấy xuôi luôn?

– Bà định nói ai?

– Bác Nam.

– Nam thì kệ xác hắn. Tôi bảo bác Thông kia chứ.

Hai vợ chồng cười vang, thẳng thắn, họ làm lành với nhau trong một ý nghĩ chung tích đầy hy vọng.

Buổi tối hôm sau, cụ giáo Lâm thân hành đến tận nơi đón ông giáo Phúc xuống Mai Diêm. Thần tài đã đến thăm họ đêm qua, thì hẳn sẽ giúp họ đắc lộc đêm nay. Cụ nói qua với bà giáo một tiếng rồi dặt tay bạn bước vội ra đường. Cử chỉ hấp tấp khiến bà giáo bật cười:

– Chúc hai ngài đại thắng. Làm thế nào ông cụ Mai Diêm ông ấy lĩnh lương giúp hai ngài thì mới thật là vui.

– Bà cứ tin ở chúng tôi.

Ông giáo tiếp lời:

– Tôi thì cần gì lương. Bà nhắc mãi chướng tai lắm

Họ bước xuống thêm không chập chững nữa như mấy hôm nào. Lần này có cụ giáo giương ô che kín nên ông Phúc không bị chú khách réo lên như lần trước. Y vẫn đứng trấn cửa ai, đường bệ oai phong, che lấp gần hết khung cửa nhỏ. Ông giáo liếc qua lần ô mỏng, thấy đôi mắt y sắc quắc, đang lục lợi khắp các ngã đường. Ông nghĩ bụng: “Ra giêng ta lên xông nhà hẳn cũng chưa muộn”. Quả thực, ông vẫn còn quyen luyến gian phòng ấm áp trong đó ông đã sống những phút hồi hộp nhất trong đời ông.

Hai người đến ngã ba Diêm Điền thì thấy phía trước tiên lại một chiếc xe cao su buồng mui, có một người lực lưỡng đẩy đằng sau. Cụ giáo bảo bạn:

– Lúc này ông cố đạo còn đi đâu thế nhỉ?

– Cụ nói có lẽ. Xe này thì chỉ là xe ông Cố thôi. Nhưng ông ta đi đâu khuya khoắt thế này?

Ông cười lớn:

– Hay “cụ” cũng đi Mai Diêm về.

– Chiếc xe đã đến gần. Người đẩy xe quát to:

– Tránh, tránh ra bên!

Cụ giáo nghe giọng ngờ ngờ. Cụ gọi giật lại:

– Này, có phải bác tuần Ngoại Trình đấy không? Xe ai thế bác?

– Xe cụ Thông đây!

– Thế dừng lại! Dừng lại!

Hai người cuống quýt rượt theo chiếc xe được đà xuống dốc đang

chạy bon bon. Đến nơi, hai người níu lấy hai thành xe. Nỗi mừng của họ, thêm sự bất ngờ không còn biết dùng thứ chữ gì định nghĩa được. Ông Thông Sự ló đầu ra ngoài cánh gà. Nhận ra hai bạn, ông liền bảo người phu tuần:

– Thôi cho mày về!

Ông thở mạnh, nói với bạn:

– Về đến đây mới biết là còn được ăn Tết đây các bác ạ. Buổi chiều ô tô bị liệt máy, tôi phải thuê xe từ Thái Ninh về. Qua những quãng Hạ Đồng, Vô Hối chỉ lo các tướng ấy phục bên đường tặng mình vài cái bơi bèo. Hay chúng có nhân đức thả cho mình về, cũng chết dở. Lỡ tiền của các bác, liệu các bác có buông tha tôi không? Chắc các bác mong lắm đấy nhỉ?

Ông cười lớn kể tiếp:

– Từ công Trà Linh trở đi, thuộc huyện mình rồi, tôi mới chắc dạ. Qua mỗi điểm canh, tôi lấy một tên phu tuần đẩy xe. Chọn toàn những đứa khỏe mạnh, vừa hộ vệ mình.

Ông quên bẵng rằng hai bên tả hữu ông, hiện giờ cũng có hai người giúp việc đắc lực. Họ bám vào xe, vừa chạy vừa nghe ông kể cuộc hành trình. Ông Thông dẻo miệng nói hết những việc ông đã làm trên tỉnh. Sở dĩ ông về chậm là vì trên Tòa bận việc túi bụi. Ông không vào đánh máy giúp mấy viên thư ký trẻ thì có lẽ mừng ba Tết mới về đến nhà.

– Đã xong đâu. Còn phải vào hầu “mà chược” quan Tham đầu tòa. Tôi thức hai đêm liền. Tiếc quá, các bác ạ. Vận mình đỏ “mùn cun” luôn. Nhưng “đệ” không dám ở lại. Phải nghĩ đến anh em ở nhà chứ!

Cụ giáo Lâm hỏi:

– Thế bác không trọ ở Phú Nguyên?

– Không!

Hai nhà giáo cùng kêu:

-- Chết rồi! Bác Nam lên đón bác ở đấy. Không biết về xoay xử ra sao?

– Lo gì! Không tìm thấy tôi thì hẳn phải về đây chứ.

Ba người về nhà ông Thông chưa uống xong một tuần trà, thì có tiếng còi xe chạm bậc cửa. Nam mặt tái nhợt, xách va ly bước vào.

Ba ông cùng cười:

– Kia rồi! Nói có sai đâu.

Nam nhăn nhó trách ông Thông:

– Ông tệ thật. Bao nhiêu người đợi một người, mà ông bền gan bền dạ ở lý trên ấy được! Giá không vào hỏi tận Tòa thì tôi cứ nằm chờ mãi. Tiền xe từ tỉnh về cũng chưa có mà trả kia kia.

Ông cười trừ:

– Tôi biết đâu đấy. Lỗi có phải tại tôi đâu, bác lộn lên Tòa mà trách họ.

Rồi ông gật gù nói đùa:

– Công chức các giới trong huyện không ai thôi thúc tôi cả, trừ cánh giáo giới các ông.

Nam giận bưng bưng. Ở những trường hợp nghiêm trọng, những lời bông lơn mất hết tính cách bông lơn. Nam chỉ nhận thấy phần mỉa mai của câu nói. Nam uất người đáp lại bằng một câu mỉa mai hơn:

– Phải rồi! Chúng tôi còn biết “nhằm nhò” vào đâu nữa, mà chả phải trông vào lương Tết.

Đó là tiếng súng đầu tiên mở đầu một cuộc chiến tranh ác liệt, một cuộc cãi lộn gay go không phải giữa hai cá nhân, nhưng là giữa đại biểu hai phái cự thù trong huyện: chính giới và giáo giới. Như mọi lần, chính giới miệng lưỡi giáo hoạt hơn, chiếm phần thắng lợi. Nam bị dồn vào mặt lộ, quay lại cầu cứu hai ông bạn.

Hai ông này rất lãnh đạm với cuộc đấu khẩu, vì mỗi người đã có một việc làm, đầu từ lúc khởi chiến tranh. Ông giáo Phúc cúi gằm xuống chồng giấy lộn, đọc tên các công chức cho cụ giáo Lâm biên vào sổ lương tháng này. Trông hai ông có dáng thành thạo của những người “nho già” trong huyện nhà.

Viết xong, cụ giáo Lâm đẩy quyển sổ lương lại trước mặt, và ông Phúc ấn bút vào tay Nam giục giã:

– Thôi ký đi. Mau mau lên, may ra còn kịp chuyển đồ mười giờ đêm đây.

Nam vâng theo như chiếc máy. Nam thoáng nhận thấy lương mình to gấp rưỡi ngày thường. Lần đầu tiên trong đời, Nam được nhận một số tiền hơn trăm bạc. Tay Nam run lên và Nam ký mãi không thành chữ, ngòi bút chúc xuống xé rách một mảnh giấy to.

Trong khi ấy, ông Thông Sự mở hầu bao lấy tiền. Ông ném mạnh xuống bàn những tập giấy loang lổ vết dính ghim. Ông liếc sang ba nhà giáo. Họ giống nhau như cùng đúc ở một khuôn ra. Người họ dờ dẫm như người thiếu hồn, và mặt họ như phồng lên trong khoái cam

Ông nghĩ bụng: “Lúc này vũ trụ có sụp đổ xuống cũng không còn có nghĩa lý gì, nghĩa là vé ngạo mạn khiêu khích của mình”.

Bất giác ông phá lên cười ha ha.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 8, tháng 1-1945.

TRUYỀN LẠI CHO EM

(Truyện ngắn)

TRẦN MAI NINH

Hơn hai năm trời! Xa nhà lâu như vậy trở về, Quang không hỏi hộp cảm động sao được? Bước vào nhà cha mẹ, Quang thấy quanh mình đứng dậy bao nhiêu kỷ niệm và ở trong lòng chàng, chan chứa bao nhiêu cảm tình? Ghế dựa, bàn chạm, trường kỷ cho đến cả những bức tường, đều kêu gọi chàng nhớ lại chúng nó, nhớ lại trò chơi và việc làm có đụng đến chúng nó.

Nhưng tâm hồn Quang không như xưa nữa. Ngày nay chàng quen tìm hăm cảm tình, chàng bắt tim mình phải nhường bước cho óc. Và, trong mớ kỷ niệm xưa, chàng lọc bỏ những phần tử không cần đoái hoài đến mất thì giờ. Tất nhiên các đồ dùng, các địa điểm mặc dầu có nhiều kỷ niệm dán chung quanh đều bị loại ngay từ đầu. Những thứ ấy chỉ là các đồ vật, liên quan đến chàng, nhưng không phải là vật liệu linh hoạt có địa vị trong lý tưởng mà Quang nuôi trong óc. Vào một nhà, không phải Quang tìm bàn, tìm ghế, tìm tường. Vào nhà, chàng có mục đích tìm người, điều ấy đã thành định luật của Quang. Thế cho nên, dầu bước vào nhà cha mẹ, Quang vẫn giữ đôi mắt tìm người, và lại các đồ dùng dầu đây là những vật thân thiết của Quang ngày trước, dầu tim Quang nao nức hỏi hộp, muốn chào chúng nó.

Quang chú ý nhất đến hai đứa em chàng. Chàng biết rằng đây là những mầm non của ngày mai. Hôm nay thế hệ chàng là rường cột của xứ sở, đây là những sức hoạt động và kiến thiết, đây là những năng lực chính. Những ngày mai là ở trong tay thế hệ những em chàng, Quang lẩm nhẩm đọc..., enfance, notre plus doux espoir..., trẻ thơ hy vọng dịu dàng nhất của chúng ta...

Quang nhìn các em: hai năm trời, chúng nó lớn lên nhiều, không ngây dại như xưa nữa, Quang mừng rằng có các em đã có thể

suy xét ngẫm nghĩ, thu nhận những điều hay. Đó là thứ đất sét đã nhuyễn, nặn được rồi, uốn hình nào cũng theo và giữ được. Quang rùng mình, tưởng tượng cái khối óc non kia bị những bàn tay độc sờ vào. Thời kỳ các em chàng đang trải qua là một trong những thời kỳ nó cấu tạo nên con người. Hoặc nó sẽ xấu xa, đê tiện, hóm hỉnh, man trá, hoặc nó sẽ tươi tốt, lành mạnh, khiêm nhường, thành thực, tùy ở người hướng đạo. Quang cười tự đắc: chàng sẽ đào tạo hai em chàng thành những người xứng đáng. Quang thấy mình đã đủ điều kiện dẫn đường cho các em.

Quang gọi hai em lại, mỗi tay ôm chặt lấy một thân hình bé nhỏ, ấm áp, và non như ruộng mạ. Chàng cười rất thành thực. Cái cười ấy nhiều nghĩa lắm: Quang sung sướng được đào tạo; Quang tự hào, vì mình đã vững vàng về trí não, và đã chín về tính tình. Quang náo nức và tưởng tượng thấy hai em mạnh dạn bước lên đời, đầu cao và mắt sáng như chàng.

Hơn một tuần, miệng Quang ít nói, nhưng mắt chàng mở ra rất to, và tai chàng vểnh lên nghe thật kỹ. Có thể nói, Quang là một thám. Mục đích của chàng là xem tình hình của các em, hiểu chúng nó cho sâu xa, thấu đáo. Làm việc này Quang trải qua nhiều phút vui sướng, và cũng nhiều đợt buồn lòng.

Quang nhận rằng em chàng ưa hoạt động, thông minh và có một kho cười không cạn được, nghĩa là như phần nhiều trẻ con khác. Trẻ là những con chim vàng mỏ, hay vỗ cánh bay; trẻ là những con vượn con, ít tuổi nhưng ranh mãnh và khôn ngoan; trẻ lại là những hoa xuân mới, dưới mưa hay dưới ánh nắng vẫn cười...

Nhưng Quang thấy hai em có những người độc rất đáng sợ: chúng nó ôm một tấm lòng tự ái không lường được, và chúng nó giả dối vô cùng. Hai thói xấu ấy, hai em chàng san sẻ rất đều. Chàng thử, thì cả hai anh em đều để lộ rõ thứ bệnh ghê tởm ấy của linh hồn son trẻ. Có lỗi là bị mắng, lập tức những mẫu người ấy, thẳng căng ra, mặt phụng phịu, và giận hãn không ai dỗ nổi. Phạm lỗi mà chắc rằng không ai biết, lập tức những trẻ kia tỏ ra có tài biện thuyết và chống chế, hơn cả những người đã bạc đầu râu.

Thấy hai em có những thói xấu, Quang không lạ. Chàng biết rằng sống giữa những người lớn ít tính hay mà nhiều tính dở, trẻ con không thể thoát khỏi những ảnh hưởng tai hại. Quang nhớ chàng đã

từng gặp những trẻ tính toán, keo kiệt, không khác gì người xung quanh, nó đương vật lộn, quay cuồng, bóp chết nhau để mà sống. Quang đã thấy những trẻ trụy lạc, vú chưa mọc đã lộ mỗi đêm, hay đầu còn cạo trọc mà đã quen đuổi gái. Quang cũng được biết những trẻ ăn cắp và điêu ngoa; những trẻ hợm hình, kiêu căng, coi người như súc vật, bởi vì nó là dòng giống “thượng lưu”; những trẻ khinh đời, khinh người, bởi vì ông cha nó là “trí thức”. Quang hiểu lắm: không khí và thủy thổ bao trùm quanh đứa bé đã tạo nên tính tình của nó. Xã hội còn nhiều phương diện xấu xa, như còn nhiều hắc lòi và mụn nhọt, thì trẻ con chưa thể trong như suối và tinh khiết như thiên thần được.

Không khí bao phủ quanh hai em chàng, không trụy lạc và quá nhơ nhớp như nhiều nơi chàng biết. Nhưng nó cũng đủ tạo nên hai thói xấu: tự ái quá nhiều, và quen giả dối, man trá. Mọi người xung quanh hai đứa trẻ, không phải không biết tính tình của chúng. Nhưng không hiểu vì bất lực, không sửa chữa được hai mầm non kia hay là vì hiểu lắm, họ gọi đó là hai đức tính quý báu; lòng tự ái ngông cuồng, sai lạc, họ bảo đó là khăng khải, đó là tự trọng; còn thói giả dối, man trá, họ cho là một đặc tài, tài của người khéo xoay xở, khéo biện thuyết, rất đáng hoan nghênh.

Quang thở dài, như nhớ đến kinh nghiệm đau đớn của chàng.

Chàng thấy rõ trước mắt tấn kịch xảy ra năm ngoái: tất cả anh em trong tờ báo “Tiến hóa” đứng trong tòa soạn, vây quanh cái bàn gỗ tạp, chăm chú nhìn số báo Tết. Chàng nhớ kỹ Lan mặc chiếc “tăng quát” (trench-coat) có chiếc dây cao su quấn bụng, đùi kẹp lấy hai bàn tay dán chặt vào nhau. Liên tóc dựng đứng rồi lòng thông đến tận gót chân; Huấn, môi lạnh tím, co ro đứng, đầu cúi xuống. Môi cắn nhau như nghĩ ngợi... Tất cả anh em thân yêu của chàng thẳng thắn chỉ trích lối xếp bài sai lạc của Quang. Họ không rụt rè chút nào, họ công kích lối làm việc độc đoán của Quang, không chịu theo quyết nghị của anh em mà lại dõ chứng làm trái quyết nghị, như một con dê đã có đường vạch thẳng trước mặt mà cứ nhảy chồm chồm vào những rãnh, những đồi, những khóm hoa, bụi cỏ bên đường. Hồi ấy, Quang còn đầy tự ái, chàng bị chỉ trích, liền nóng máu lên, vênh mặt, vươn cao ngực, hát đổ một chiếc ghế dài, và thình lình chạy xuống thang gác, không thèm ngoảnh đầu lại... Hai hôm luôn, chàng lang thang đi ăn phở ở dọc đường, ngủ với

nhà thổ, và nhất quyết không trở lại với anh em nữa. Mãi cho đến khi, theo nhịp chân chàng bước, óc chàng nghĩ ngợi liên miên và nhận thấy lỗi to lớn của mình, thấy sự hành động điên rồ chàng đã phạm vào và nổi trống trải đau đớn trong lòng chàng. Quang nhận rõ rằng: bước xa anh em, chàng không thể sống được, chàng sẽ không biết đem trí tuệ và năng lực của chàng hiến cho điều gì; không có điều gì đáng hiến trí tuệ ấy tài năng ấy ngoài con đường mà chàng đã may mắn dẫn chân vào.

Nghĩ lại việc ấy, Quang rùng mình! Chàng lẩm nhẩm. Trời ôi! Tự ái tức là tự hủy diệt, tức là chính tay mình cắt đứt đường lối cứu thân mình. Hai cậu bé đứng trước mặt Quang là hình ảnh Quang ngày trước. Bây giờ còn nhỏ như vậy mà đã nuôi một bầu hương nhụy độc, quá to lớn, quá nặng nề. Nếu không có người mạnh mẽ trừ khử những uế khí, những quái tượng ấy, mai sau em chàng sẽ tự hào, tự phụ đến đâu? Mai sau, chúng nó tất nhiên không thể làm gì được...

Quang lại còn một kỷ niệm nữa. Lần ấy Quang hứa giúp mấy người thợ thất nghiệp một ít tiền. Quang đang trí không chú ý làm theo lời đã hứa. Đến ngày hẹn, mấy người thợ đến thăm Quang. Không hiểu sao Quang không dám nhận rằng mình quên bốn phần, chàng tìm nhiều lẽ chống chế và bào chữa cho mình. Mấy người kia không giận, không trách Quang. Nhưng từ đó, sự tín nhiệm của chàng bớt đi, và với những anh em ấy, chàng làm việc không dễ dàng nhanh chóng như trước nữa. Quang hiểu rõ rằng: chống chế, biện thuyết, có thể cứu vớt cái "tiếng" của mình; nhưng thực ra, chính vì sự hèn nhát như vậy, mà ảnh hưởng và công cuộc của mình phải kém dần đi. Trong các công việc, "tiếng" không có nghĩa lý gì; nếu lại man trá để giữ "tiếng" thì càng dễ hỏng việc hơn nữa. Phải có lòng thành thực, phải tránh hết lối man trá; có lỗi, thẳng thắn nhận; trong khi làm việc, không cần bào chữa vớt lấy hư danh; đây là những định luật, nhờ kinh nghiệm, Quang đã rút tía được. Chàng nhất định làm cho hai em nhỏ cũng nhận những điều như thế.

Hơn hai tuần, Quang nói mãi, Quang dùng những lời lẽ dễ hiểu và những cử chỉ rất thân mật, đáng mến để làm cho hai em nhận những ý kiến của chàng.

Vô ích! Hai cậu bé, đã lâu, quen coi thường những lời nói, không chịu thu nhận một lời khuyên răn nào, nếu những lời khuyên chỉ tươi cười mà nói. Từ lâu, lối huấn luyện trong gia đình Quang chỉ là roi vọt và nạt nộ. Chính Quang, hồi chưa bước chân ra vùng trời rộng, cũng đã phải qua những cầu như vậy...

Quang thở dài. Vì chàng thấy phải dùng phương pháp của chàng. Lối bảo “ngọt”, hôm nay chưa công hiệu đối với hai em Quang. Tạm thời chàng phải cầm lòng vọt xuống vài roi, mặc dầu Quang không muốn, mặc dầu Quang cho phương pháp ấy là tàn bạo. Chàng nhắc lại với mình: muốn đạt mục đích, nhiều khi phải đè mạnh lên quả tim, và bóp chết những cái rùng mình.

Hôm nay Liêu, em lớn của Quang, đã phạm luôn hai lỗi, càng chứng rõ những thói xấu nuôi trong lòng.

Quang đứng lên, với chiếc roi trên kệ, lại gần em. Chàng hỏi luôn một lần nữa, muốn cho Liêu nhận lỗi của mình. Nhưng Liêu càng chối hơn nữa, mắt nó nháy nháy không dám mở hẳn, và tránh đi nơi khác, không nhìn Quang. Khổ chưa! Cặp mắt trong xanh và đẹp đẽ của trẻ chính là hình ảnh của linh hồn ngây thơ, tinh khiết của chúng. Độc thay một khí hậu, một thủy thổ, một hoàn cảnh, đã hủy hoại tấm gương trong sáng ấy. Đứng trước một đứa trẻ có tấm linh hồn trụy lạc, đáng buồn hơn là đứng trước một người trưởng thành hư hỏng.

Nghĩ như vậy. Quang uất giận lạ thường. Mối uất giận ấy. Ở ngọn nguồn của nó, không phải là Liêu, nhưng chính là cả làn không khí quanh người Quang, làn không khí Quang mới bước vào non một tháng, nhưng đã thấy rõ những tính chất bại hoại của nó.

Song, trước mặt Quang, chỉ có em nhỏ của chàng. Và chính nó phải nhận sự hình phạt; Quang giơ cao tay, và quát mạnh xuống, ngọn roi kêu vút như gió rít trong lòng rừng thông.

Liêu quần người như chiếc khăn mặt bị hai bàn tay nắm chặt vắt hết nước. Và, đồng thời nó hét lên một tiếng rung chuyển cả nhà.

Không ai ngờ những việc mà tiếng hét ấy gây nên.

Trước nét mặt đau đớn của Liêu, trước cặp mắt trào hai giọt lệ to và nặng, trước sự quần quại của thân hình bé nhỏ, nhất là nghe tiếng kêu thảm thiết của Liêu, Quang bỗng bưng đở cả người, mắt chàng

lạc tinh thần phải nhắm lại, và, trong ngực chàng, quả tim bỗng hình như thắt chặt nặng hơn lên, không biết nó va mạnh vào phổi hay vào lồng ngực, làm Quang thấy khó thở, như ngạt hẳn trong một giây, tay chàng rơi xuống, toàn thân chàng như rời rạc không thành một khối nữa. Một lúc, Quang thấy đầu óc chàng xốn xang, mắt không nhìn thấy gì nữa Quang muốn ngã xuống vì chân Quang yếu ớt, run rẩy không đứng vững.

Trái tim đau, bị mỗi xúc cảm mạnh mẽ, ác nghiệt quá, cũng đau đớn, cũng lâm bệnh, càng mất sự điều hòa của nó. Lần này, có lẽ tim Quang đau nặng gấp trăm phần. Bệnh tình của nó chỉ trong giây phút ấy, có lẽ tăng mạnh bằng cả mười năm sinh hoạt bình thường.

Quang nghĩ hết những ý kiến ấy. Nhanh lắm, chàng cắn chặt môi, lấy lại định trí; và bởi đã quen không bao giờ dừng nghĩ, trí não Quang lại mạnh mẽ tràn lên. Chàng nhận rằng, nếu còn tiếp tục đánh Liêu, chàng sẽ càng phải nhìn cái thân hình Liêu quần quai như sợi tóc lơ trên ngọn lửa, càng phải nhìn cặp mắt mọng nước, nhất là càng phải chịu đựng tiếng hét thảm thiết của đứa bé em chàng. Nếu thế, tim chàng sẽ dồn dập thắt chặt, mặt mũi chàng còn phải nhiều lần xây xẩm, và bệnh đau tim của chàng ai biết sẽ tăng cao lên đến bậc nào? Mà ai biết được, tim em chàng – trong trận đòn và mối nợ – lại không có thể lâm bệnh được hay sao? Song Quang nghĩ và lo nhiều nhất về quả tim đã yếu của chàng.

Nhưng óc Quang còn một trào ý kiến khác: Nếu không tiếp tục sự trừng phạt, nếu không làm cho em chàng phải chú ý mãi mãi tới ngày hôm nay, ngày sửa lỗi cho nó, – khổ thay, một lối kỷ niệm bằng roi vọt; buồn thay, cho lối huấn luyện bằng đòn –; nếu không gợi sự nghĩ ngợi chu đáo đối với những lời chàng sẽ bảo sau sự trừng phạt, rồi đây Liêu cứ noi theo đường cũ, không chịu nhận lỗi, mà cứ quen bào chữa cho thói xấu của mình. Nếu như vậy, thật là một điều Quang không kham được, chàng không thể nhìn những thanh niên của ngày mai đầy lòng tự ái và luôn đeo mặt nạ và nhận đó là em mình!

Không hiểu trí não con người có đức tính gì cho phép chúng ta, chỉ trong giây lát, mà có thể dồn dập, xô đẩy nhào trộn rất nhiều ý kiến. Chính lúc ấy óc Quang có năng lực như thế đó. Chàng nghĩ, chàng so sánh, chàng nhận ý, rồi chàng làm.

Chàng nhắc lại cho Liêu những lỗi nó đã phạm, và chàng giơ roi quất xuống lần nữa. Roi trước đã làm đau đốn đùi bên trái của Liêu, roi này cũng rơi vào chỗ ấy, vì thế nó nặng nề, nó trói buốt “bội phần”. Em chàng ngồi xếp xuống, mắt nó mở căng ra, nhìn chàng vừa sợ sệt vừa kêu xin, vừa ức giận, hai bàn tay nhỏ bé, xòe ra như chân nhái bén, cũng nhỏ, yếu và gầy như chân nhái bén, hai tay ấy chập chờn muốn xoa lên vết đau, vì muốn giơ lên đỡ lấy ngọn roi thứ ba... Miệng nhỏ bé của Liêu bỗng há to ra, để lộ hai hàm răng trắng và xinh xắn vô cùng; lưỡi và họng Liêu đỏ đẹp như lưỡi mèo con. Nhưng ở cái miệng đẹp đẽ ấy, không những không thốt ra những tiếng hót của chim sơn ca, trong trẻo và ngân dài, làm dịu lòng Quang; trái lại, từ đó, vang lên một tiếng hét như xé trái tim Quang.

Mắt Quang là mắt phân tích, lòng Quang là tấm lòng yêu đương; chính vì thế mà hình ảnh đứa bé quần quai trước đầu roi, âm thanh náo ruột của tiếng kêu đau đốn, càng làm cho Quang xúc cảm bội phần. Lần này Quang ngạt thở quá, chàng vội đưa tay lên cởi chiếc khuy cổ, mong sẽ thoát sự bực ngạt nguy hiểm. Mắt chàng bỗng dựng đầy nước; lệ trào lên, tự nhiên, mạnh mẽ, không làm sao cản ngăn cho được. Sợ em chàng nhìn thấy, Quang giả vờ như bị bụi vào mắt, và đưa vạt áo lên chùi...

Sau đó, chàng bắt Liêu đứng yên một chỗ, nói cho Liêu nghe:

– Liêu nín chưa? Em nín rồi phải không? Liêu giận anh lắm? Liêu phải biết rằng anh Quang không bao giờ muốn đánh em, không bao giờ muốn lấy roi để khuyên bảo Liêu. Nhưng Liêu có nhớ không. Đã bao nhiêu lần anh bảo em không được giận dỗi khi nào em có lỗi phải mắng, không được chối cãi nhảm nhí khi nào em làm điều trái...

Quang nói mãi mãi, nói mãi, chàng ôm lấy em, chàng vuốt ve em, chàng nói mãi. Chắc chắn hôm ấy là buổi thắng lợi đầu của chàng trong sự sửa tính nết cho em.

Tối hôm ấy, Quang khó ngủ quá. Tim chàng đập rất thất thường; thỉnh thoảng nó đau chói, và cả máu chàng khó chuyển, và cả phổi chàng khó hô hấp. Chưa bao giờ, Quang cảm thấy những sự đau đốn ở trong người, chói lợi và dai dẳng như thế.

Quang biết thừa rằng bệnh chàng, vì chuyện buổi sáng, mà nay

tăng cao hơn trước nhiều. Nhưng chàng chỉ biết cắn chặt lấy môi dưới, tay nắm khít lại và chàng lẩm bẩm mãi: “Lòng tự ái đã làm tai hại cho ta nhiều rồi, điều đó ta phải truyền lại cho em ta, và cho khắp cả mọi người. Tim ta đau? Đó là một chuyện khác!”

Nhưng Quang không khỏi cái giận lối huấn luyện cha truyền con nối trong nhà chàng: phải lấy roi để mà khuyên bảo!

Nhà xuất bản Tân Việt, 1940.

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM TẬP 32

	Trang
Khải luận	7

PHẦN THỨ NHẤT

NAM CAO

* Tiểu sử và mục lục tác phẩm	57
– Những cánh hoa tàn	62
– Chí Phèo	66
– Dì Hảo	92
– Những chuyện không muốn viết	99
– Trăng sáng	104
– Trẻ con không được ăn thịt chó	112
– Từ ngày mẹ chết	122
– Tư cách mõ	130
– Chuyện buồn giữa đêm vui	136
– Điếu văn	142
– Cười	150
– Một bữa no	157
– Lão Hạc	165
– Nước mắt	173
– Đời thừa	183
– Lang Rận	193
– Một đám cưới	203
– Sống mòn	215
– Truyện người hàng xóm (trích)	401

BÙI HIỂN

* Tiểu sử và mục lục tác phẩm	439
– Năm vạ	442

- Thăng Xin	450
- Ma đậu	456
- Nhà xác	463
- Cái đồng hồ	467
- Hai anh học trò có vợ	473
- Chiều sương	482
- Chuyện ông ba bị dân chài	491
TÔ HOÀI	
* Tiểu sử và mục lục tác phẩm	498
- Con dế mèn	500
- O chuột	518
- Truyện gã chuột bạch	525
- Đôi gi đá	531
- Vợ chồng trẻ con	540
- Mẹ già	545
- Quê người (trích)	550
- Ông Cúm bà Co	570
- Hết một buổi chiều	578
- Anh gà gáy	583
- Khách nợ	589
- Nhà nghèo	596
- Cỏ dại (trích)	602
HƯỚNG MINH	
* Tiểu sử và mục lục tác phẩm	623
- Chú thím	624
- Anh trưởng	634
- Thăng Bơ	651
- Gia đình	664
LAN KHAI	
* Tiểu sử và mục lục tác phẩm	683
- Lầm than	684
- Mục mài nước mắt	719
- Cái hột mận	727
- Ai lên phố cát	798
CHU THIÊN	
* Tiểu sử và mục lục tác phẩm	881
- Nhà Nho	882

PHẦN THỨ HAI

- Cát bụi (trích)	THIỆT CAN	1095
- Dọn nhà	VĂN CAO	1108
- Trưa tha hương	TRẦN CỬ	1116
- Trên lái thán	TRẦN CỬ	1120
- Nỗi oan khổ của chị tôi	NGUYỄN VĂN HAI	1129
- Giận đời	ĐÌNH HIẾU	1134
- Bối... xa xôi mặt	NGỌC HOÀN	1142
- Chờ lương tết	NGUYỄN VĂN NHÀN	1152
- Truyền lại cho em	TRẦN MAI NINH	1165

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

*Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung*

TẬP 32

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Biên tập :

BAN BIÊN TẬP

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Biên tập kỹ thuật :

NGUYỄN CỬ - ĐÀO TRỌNG CƯỜNG

Sửa bản in :

NGUYỄN ĐỨC BÌNH - PHẠM VĂN TÌNH

Trình bày bìa :

ĐỖ DUY NGỌC

In 300 cuốn khổ 16x24 cm tại Công ty in Trần Phú – TP. Hồ Chí Minh
Số đăng ký kế hoạch xuất bản : 143 – 02/CXB do Cục xuất bản ký ngày
4 tháng 1 năm 2000. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2000.

TỔNG TẬP
VĂN HỌC
VIỆT NAM
TRỌN BỘ 42 TẬP

